LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 197

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

SỐ 1628
(QUYỂN 34 →66)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2122

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

Tây Minh tự- Sa-môn Thích Đạo Thế soạn.

QUYỂN 34

Thiên thứ 28: NHIẾP NIỆM

Thiên này có hai Phần: Thuật Ý và Dẫn chứng.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Nghĩ rằng, phàm tình khó ngăn cản, ví như vượn khỉ giữa núi rừng, thường thuận theo ngoại cảnh, tương tự cùng voi điên, ba nghiệp luôn dấy động, duyên tạo thàng rõ ràng, cho nên đức Phật thiết lập giáo pháp để luôn luôn chế ngự tâm tình. Vì vậy kinh nói: "Nên làm thầy cho tâm-không để tâm làm thầy, ba nghiệp thân khẩu ý không kết giao với ác, thân giới-tâm tuệ không lay chuyển như núi cao". Kinh lại nói": Buộc tâm vào một chổ không việc gì không thành". Nhưng mà tâm tánh điên đảo mê hoặc do Ngã Kiến làm đầu, phiền não nghi hoặc khó thâu nhiếp khiến thường làm rối loạn, ở trong tất cả mọi lúc luôn luôn cất cao mà làm cho khuất phục, đương nhiên không nhờ vào nơi tịnh lặng thì làm sao phá tan buộc ba độc phải hàng phục? Thân không rong ruổi lang thang-miệng ngậm kín không nói năng, ngủ ít thức nhiều thường ngồi cảnh tỉnh trong thọ dụng ăn uống, suy nghĩ chánh pháp biết rõ chẳng phải có-không, thân ngay ý thẳng buộc chặt niệm ngay trước mắt. Những giáo pháp như vậy, đều gọi là nhiếp niệm.

***Thứ hai*- PHẦN DẪN CHỨNG**

Như kinh Tăng Nhất A hàm nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các Tỳ-kheo: Nên tu hành mười pháp thì sẽ thành tựu thần thông, loại trừ mọi loạn tưởng cuối cùng đến Niết-bàn. Một là niệm Phật, hai là niệm Pháp, ba là niệm chúng, bốn là niệm Giới, năm là niệm Thí, sáu là niệm Thiên, bảy là niệm Hưu tức, tám là niệm An-ban, chín là niệm Thân phi Thường, mười là niệm Tử. Hãy cố gắng tu hành!

Niệm đến Phật-pháp và Thánh Chúng,
Niệm đến Giới-Thí và chư Thiên,
Niệm đến Hưu tức và An-ban, sau cùng niệm đến thân này chết.

Thứ nhất niệm Phật: là tinh chuyên nghĩ đến hình tướng chư Phật Như lai, công đức đầy đủ-thân Trí không giới hạn, qua lại khắp cả đều biết rõ ràng . Tu hành một pháp tự dẫn đến Niết-bàn, không rời niệm Phật thì đạt được công đức. Đây gọi là niệm Phật.

Thứ hai niệm Pháp: là tinh chuyên nghĩ đến pháp loại trừ các dục ái không còn có trần lao, tâm cạn khô nguồn ái vĩnh viễn không tuôn trào trở lại. Đối với dục không còn dục xa lìa các căn bệnh của phiền não ràng buộc che lấp, giống như trạng thái của các loại hương, không còn tỳ vết của ý niệm loạn tưởng, thì thành tựu thần thông tự đạt đến Niết-bàn, tư duy không xa rời thì đạt được công đức. Đây gọi là niệm pháp.

Thứ ba niệm chúng: là tinh chuyên nghĩ đến Thánh chúng của Như lai, thành tựu chất trực không có tà vạy quanh co, trên dưới hoà thuận, Thánh chúng của Như lai, có bốn đôi tám lớp nên cung kính thừa sự, loại trừ mọi loạn tưởng tự đạt đến Niết-bàn, không xa rời ý niệm về Tăng thì đạt được công đức. Đây gọi là niệm Tăng.

Thứ tư niệm Giới: vốn gọi là Giới ấy là ngăn lại các điều ác. Giới có năng lực để thành tựu đạo khiến cho người hoan hỷ. Giới vốn là ngọc anh lạc trang nghiêm cho thân hiện tại được tốt đẹp. Giống như chiếc bình bát Cát Tường mọi nguyện ước sẽ được như ý, loại trừ mọi loạn tưởng tự đạt đến Niết-bàn, không xa rời ý niệm về Giới thì đạt được công đức. Đây gọi là niệm Giới.

Thứ năm niệm Thí: là tinh chuyên nghĩ đến sự bố thí, trong những sự bố thí vĩnh viễn không có tâm niệm hối tiếc, không nghĩ rằng sẽ đền đáp lại, vui sướng được lợi ích tốt lành. Nếu như người ta mắng chưởi hủy nhục cùng dùng dao gậy làm tổn thương thì nên phát khởi tâm Từ không nên dấy lên sân giận. Những gì mình đã bố thí thì ý niệm bố thí không tận cùng. Loại trừ mọi loạn tưởng tự đạt đến Niết-bàn, không xa

rời ý niệm bố thí thì đạt được công đức. Đây gọi là niệm Thí.

Thứ sáu niệm Thiên: là tinh chuyên nghĩ đến chư Thiên thân khẩu ý thanh tịnh không tạo ra việc làm dơ bẩn, giới hạnh thành tựu thân, thân tỏa ra ánh sáng rạng ngời không có gì không chiếu rọi được. Thành tựu thân chư Thiên ấy nhờ vào quả báo của thiện nghiệp, thành tựu thân chư Thiên ấy, nhờ vào các hạnh đầy đủ. Loại trừ mọi loạn tưởng tự đạt đến Niết-bàn, không xa rời ý niệm về chư Thiên thì đạt được công đức. Đây gọi là niệm Thiên.

Thứ bảy niệm Hưu Tức: đó là tâm ý tưởng chấm dứt, chí hướng và tánh tình rõ ràng chân thật cũng không có gì đột ngột kết thúc. Nên chuyên nhất tâm ý vui với đời sống thanh nhàn, thường cầu tìm phương tiện đi vào thiền định tam muội, thường nghĩ đến không tham lam cảnh vật tốt đẹp thường mong ước. Loại trừ mọi loạn tưởng tự đạt đến Niết-bàn, không xa rời ý niệm về Hưu Tức thì đạt được công đức. Đây gọi là niệm Hưu Tức.

Thứ tám niệm An ban: gọi là tinh chuyên nghĩ đến An ban, gọi là tinh chuyên nghĩ đến An ban, nếu như lúc hơi thở dài quán xét biết mình đang thở hơi lạnh-hơi nóng. Phân biệt hơi thở ra vào, đếm biết hơi thở dài ngắn, loại trừ mọi loạn tưởng tự đạt đến Niết-bàn, không xa rời ý niệm về An ban thì đạt được công đức. Đây gọi là niệm An ban.

Thứ chín niệm Thân: đó là tinh chuyên nghĩ đến thân thể, từ lông, tóc, móng, răng, da thịt gân xương, tim, gan, phổi, thận, lá lách, dạ dày, ruột già, ruột non, tủy não, máu mủ-cứt đái bàng quang, nước mũi, nước miếng, nước mắt, đàm giải, tất cả các vật có trong thân thể này, thì vật gì là thân? Bốn đại chủng là đất là nước gió lửa gió này, đều là tạo thành do cha mẹ, từ nơi nào mà đến-là ai đã tạo ra? Sáu căn này ở trong thân thể, vào lúc thân này kết thúc rồi sẽ sanh về nơi đâu? Loại trừ mọi loạn tưởng tự đạt đến Niết-bàn, không xa rời ý niệm về thân thì đạt được công đức. Đây gọi là niệm Thân.

Thứ mười niệm tử: đó là tinh chuyên nghĩ đến cái chết, nơi này chết đi liền sanh vào nơi kia, qua lại trong các nẻo, mạng chết không ngừng, các căn hủy hoại rời rã giống như cây khô mục nát, mạng căn đoạt tuyệt dòng họ phân ly, không còn hình bóng âm thanh cũng không có tướng mạo. Loại trừ mọi loạn tưởng tự đạt đến Niết-bàn, không xa rời ý niệm về cái chết thì đạt được công đức. Đây gọi là niệm Tử.

Bấy giờ Đức Thế tôn thuyết kệ rằng:

“Niệm đến Phật-pháp và Thánh chúng,
Cho đến cuối cùng niệm cái chết,

Tuy cùng với trước gọi như nhau,
Mà ý nghĩa đó đều sai khác".

Còn trong luận Phân Biệt Công Đức nói:

"Thứ nhất niệm Phật, sự việc thế nào? Thân Phật là thân Kim cang không có các lậu hoặc. Nếu lúc đi lại thì bàn chân cách mặt đất bốn tấc, đường nét của tướng Thiên Phúc Luân hiện rõ ở mặt đất, các loài sâu bọ dưới bàn chân được yên ổn bảy ngày, nếu các loài ấy mạng chung thì đều được sanh lên cõi Trời. Xưa có một Tỳ-kheo ác độc, vốn là ngoại đạo, mượn y phục để phỉ báng và đi theo Như lai, tự giết sâu bướm đặt vào nơi dấu chân đức Phật, nói là đức Phật đạp chết. Nhưng sâu bướm tuy chết mà được nằm nơi dấu chân đức Phật thì lát sau được sống trở lại. Nếu khi đức Phật đi vào thành ấp chân đạp trên ngạch cửa, thì Trời đất chấn động dữ dội, trăm loại âm nhạc không đánh mà tự vang tiếng, những người bị đui điếc câm ngọng và trăm loại bệnh tự nhiên không còn. Người nhìn thấy tướng tốt của đức Phật đi theo ngài liền được cứu độ. Công đức đã cứu độ không thể tính đếm được. Nói tóm lại là vận dụng chuyển tải vạn hạnh làm đầu tiên, đó gọi là niệm Phật. Nghĩa lý sự việc ấy như vậy.

Thứ hai niệm pháp, pháp là đạo vô lậu-vô vi-vô dục. Phật là vị giáo chủ của các pháp, pháp là chủ của kết sử. Pháp sinh ra chư Phật, pháp sinh ra Phật đạo. Nếu như vậy thì tại sao không niệm pháp trước-niệm Phật sau? Đáp: Pháp tuy vi diệu nhưng không có người nào có thể biết được, hãy còn như che kín mà không nơi nào không có, cần phải dựa vào người thông suốt để nêu ra nơi chốn, mới có thể tự nhiên cứu giúp nghèo khó. Pháp cũng như vậy, lý tuy huyền diệu nhưng không có Như lai thì không thông suốt, vì vậy niệm Phật ở trước tiên, xưng gọi pháp là sau Phật.

Thứ ba niệm Tăng, đó là bốn cặp tám lớp mười hai bậc Hiền sĩ, xả bỏ tham lam tranh giành của thế gian mà giảng giải khuyên bảo hàng Trời người, chính là phước điền giúp đỡ tốt lành cho mọi chúng sinh. Xưa có Tỳ-kheo ít phước, tên là Phạm Ma Đạt (trong Luật gọi là La Tuần dụ cho Tỳ-kheo vậy), ở trong chúng một ngàn hai trăm năm mươi người, khiến cho chúng Tăng không được ăn uống, nhưng chẳng ai biết là lỗi do người nào. Đức Phật khiến phân thành hai phần, một phần được ăn một phần không được ăn. Lại phân phần không được ăn thành hai nhóm, một nhóm được ăn, một nhóm không được ăn. Như vậy lần lượt cho đến lức còn lại hai người, một người được ăn, một người không được ăn. Lúc ấy mới biết người vô phước tuy được thức ăn mà đến bình

bát thì tự nhiên tiêu hết không còn. Đức Phật thương xót cho Tỳ-kheo khốn khổ ấy nên tự tay trao cho thức ăn đang còn trong bình bát, được thần lực chế ngự cho nên không thể hóa mất. Đức Phật muốn làm cho thân hiện tại được phước thiện, vì vậy khiến hai Tỳ-kheo diệt tận lấy thức ăn này ăn no, lập tức được phước thiện. Lúc ấy vua Ba-tư-nặc nghe vị Tỳ-kheo ít phước này được đức Phật thương xót ban cho thức ăn, nay mình cũng nên vì Tỳ-kheo ấy tạo phước thiện, liền để lại hạt gạo quý. Lúc ấy có một con quạ bay đến ngậm hạt gạo bay đi, sai người trách mắng rằng: Nhà vua vì Phạm Ma Đạt mà tạo phước thiện, tại sao ngươi lấy đi vậy? Con quạ liền mang trả lại chổ cũ. Vì sao như vậy? Bởi vì Tỳ-kheo nhờ phước lực của Tăng, cho nên chim thú không thể nào xâm hại được. Dùng điều này để chứng minh biết là phước điền tốt lành, đã tự độ mình và độ cho người đến Tam Thừa Đạo, pháp niệm chúng Tăng có ý nghĩa như vậy.

Thứ tư niệm Giới, bắt đầu từ năm giới-mười giới, hai trăm năm mươi giới đến năm trăm Giới đều là cấm chế thân khẩu trói chặt những tà vạy sai trái, ràng buộc chế ngự sáu tình-đoạn trừ các dục niệm trong ngoài thanh tịnh mới thích hợp với giới tánh. Xưa có hai Tỳ-kheo, cùng nhau đến nơi Phật. Đường đi qua hồ rộng nhưng mệt nhọc bởi thiếu nước uống. Lúc ấy có hồ nhỏ đầy nước, trong nước nhiều côn trùng sinh sống. Một Tỳ-kheo suy nghĩ sâu sắc về luật cấm, lấy không phạm làm đầu tiên, nếu uống nước này thì giết hại rất nhiều sinh vật, thà rằng mất mạng mà giữ trọn giới, thế là mạng chung liền sanh lên cõi Trời. Một Tỳ-kheo tự nghĩ rằng: Uống nước bảo toàn thân mạng thì có thể đến được nơi đức Phật, đâu biết sau khi chết sẽ sanh đến nơi nào? Bèn uống nước có côn trùng nên đã làm hại rất nhiều, tuy được thấy Phật nhưng cách Ngài rất xa, khóc tấm tức hướng về Phật tự thưa rằng: Bạn cùng đi đã mạng chung. Đức Phật chỉ vào một vị Trời nói rằng: Ông biết vị Trời này không? Đây chính là bạn cùng đi với ông, bởi vì công đức giữ trọn giới cho nên liền sanh lên cõi Trời; nay đến tại đây, tuy ông thấy ta mà cách Ta rất xa, Tỳ-kheo kia tuy mất mạng nhưng luôn luôn ở chổ Ta, nay ông thấy Ta mà chính là nhìn thấy hình tướng thân xác của Ta, lẽ nào biết được giới pháp chân thật hay sao? Vì vậy kinh nói: "Ba la đề mộc xoa là đại sư của các ông, nếu có thể trì giới lần lượt thực hành, thì chính là pháp thân của Như lai thường trú bất diệt". Nói đến giới thì có ba loại:

1: Tục giới, 2- Đạo giới, 3- Định giới. Năm giới, tám giới, mười giới, cụ túc giới đều là Tục giới, vô lậu Tứ đế là Đạo giới, Tam muội

Thiền sư là Định giới. Dùng Tuệ chế ngự giới khiến cho thành tựu vô lậu, chính là phù hợp với Đạo giới. Giới của hàng Thanh văn dụ như hoa nơi đầu gối, động chuyển thì giải tán; đại sĩ trì giới dụ như hoa cài trên đầu, đi lại cử động vẫn không biến chuyển. Tiểu thừa chọn lấy hình tướng hễ lay động là vượt quá oai nghi, Đại Sĩ dẫn dắt tâm tánh không trói buộc quỹ phạm bên ngoài. Quỹ phạm của Đại-Tiểu khác nhau, cho nên dùng hình tướng và tâm tánh làm sai biệt, trong ngoài tuy sai biệt mà cùng đến Niết-bàn, cho nên nói là niệm Giới vậy".

Lại trong kinh Phật Bát Nê Hoàn nói: "Vả lại muốn gần đạo nên có bốn tâm hoan hỷ thích hợp để thực hành thiện niệm: 1- Niệm Phật tâm ý hoan hỷ không xa lìa, 2- Niệm pháp tâm ý hoan hỷ không xa lìa, 3- Niệm chúng tâm ý hoan hỷ không xa lìa, 4- Niệm giới tâm ý hoan hỷ không xa lìa. Nghĩ đến bốn tâm hoan hỷ này nhất định khiến cho đầy đủ, mà tự mình nhìn thấy rõ ràng, nên hướng về chánh độ, cầu mong giải thoát thân, có thể đoạn trừ đường khổ của địa ngục ngạ quỷ súc sanh, tuy di chuyển qua lại giữa cõi người và trên cõi Trời nhưng bảy lần sanh tự đạt đến bến bờ khổ đau".

Còn trong Tam Thiên Oai Nghi nói: "Nên nghĩ đến có năm sự việc: 1- Nên nghĩ đến công đức của Phật, 2- Nên nghĩ đến kinh giới của Phật, 3- Nên nghĩ đến trí tuệ của Phật, 4- Nên nghĩ đến công đức to lớn khó báo đáp của Phật, 5- Nên nghĩ đến hạnh tinh tiến cho đến Niết-bàn của Phật. Lại có năm sự việc: 1- Nên nghĩ đến Tỳ-kheo Tăng, 2- Nên nghĩ đến ân đức của Sư, 3- Nên nghĩ đến ân đức của cha mẹ, 4- Nên nghĩ đến ân tình của bạn đồng học, 5- Nên nghĩ đến tất cả mọi người đều khiến cho giải thoát xa lìa tất cả mọi nỗi khổ đau".

Lại trong kinh Xứ Xứ nói: "Ví như cát trong biển lớn không thể nào tính đếm biết được, như người đã làm thiện-ác hoạ-phước, trước sau đã làm không thể nào tính biết, cần phải vào lúc mạng sống kết thúc, làm ác thì gặp nơi ác, làm thiện thì gặp nơi thiện, hoạ phước đều có nơi dành sẵn, cũng có trước cha mẹ anh em vợ con quyến thuộc cùng chung con đường thì dừng lại. Nếu như không cùng chung con đường thì không đoạn tuyệt. Đức Phật bảo với Tỳ-kheo: Nên nghĩ đến tự thân vô thường! Có một Tỳ-kheo liền trả lời đức Phật rằng: Con nghĩ đến chẳng phải Thường, như người ở thế gian, cao nhất có thể đến năm mươi tuổi. Đức Phật bảo rằng: đừng nói lời như vậy! Lại có một Tỳ-kheo thưa: Có thể ba mươi tuổi. Đức Phật bảo rằng: Đừng nói lời như vậy! Lại có một Tỳ-kheo thưa: Có thể mười tuổi. Đức Phật bảo rằng: Đừng nói lời như vậy! Lại có một Tỳ-kheo thưa: Có thể 1 tuổi. Đức Phật bảo rằng: đừng

nói lời như vậy! Lại có một Tỳ-kheo thưa: Có thể một tháng. Đức Phật bảo rằng: Đừng nói lời như vậy! Lại có một Tỳ-kheo thưa: Có thể một ngày: Đức Phật bảo rằng: Đừng nói lời như vậy! Lại có một Tỳ-kheo thưa: Có thể một giờ. Đức Phật bảo rằng: Đừng nói lời như vậy! Lại có một Tỳ-kheo thưa: Có thể trong một hơi thở. Đức Phật bảo rằng: Đúng vậy! Đức Phật dạy rằng: Hơi thở ra không trở vào lại thì thuộc về đời sau, mạng người vút nhanh ở trong một hơi thở".

Còn trong kinh Tỳ-ni Mẫu nói: Nếu lúc thuyết pháp thì Tỳ-kheo lại cần phải luôn luôn nghĩ nhớ, quán xét thân là khổ-không-vô thường-vô ngã-bất tịnh, đừng làm cho cách tuyệt. Tại vì sao? Bởi vì sẽ đạt được 12 ý niệm thành tựu Thánh pháp. Những gì là mười hai ý niệm? Đó là: 1- Ý niệm thành tựu thân của mình, 2- Ý niệm thành tựu cho người khác, 3- Ý niệm nguyện có được thân người, 4- Ý niệm sanh vào nhà có dóng dõi tôn quý; 5- Ý niệm ở trong Phật pháp được phát sinh tín tâm, 6- Ý niệm nơi được sanh ra không thêm nhiều công phu mà được giác ngộ giáo pháp, 7- Ý niệm nơi được sanh ra có đầy đủ các căn, 8- Ý niệm được gặp chư Phật Thế tôn xuất hiện ở thế gian, 9- ý niệm nơi đã sanh ra luôn luôn được thuyết giảng chánh pháp, 10- Ý niệm nguyện cầu pháp đã thuyết giảng luôn luôn được thường trú, 11- Ý niệm nguyện cầu pháp thường trú được tuỳ thuận tu hành, 12- ý niệm thường có được tâm thương xót các chúng sinh. Có được 12 ý niệm này đầy đủ thì chất chắn đạt được Thánh pháp".

Lại trong kinh Tạp A hàm nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các Tỳ-kheo: Vào thời quá khứ có lùm cỏ giữa sông, có con rùa sống ở trong đó, lúc ấy có con Dã can đói bụng đi kiếm ăn, từ xa trông thấy con rùa nên bơi nhanh đến bắt lấy, con rùa thấy con Dã can xuất hiện thì liền rụt đầu giấu chân. Con Dã can đi theo chờ đợi hy vọng con rùa thò đầu và chân ra, muốn có được để ăn thịt. Canh giữ con rùa rất lâu, nhưng con rùa vẫn không thò đầu cũng không thò chân ra, con Dã can đói thiếu nên tức giận mà bỏ đi. Này các Tỳ-kheo! Các ông hôm nay cũng lại như vậy, biết ma Ba tuần luôn luôn rình rập các ông, hy vọng mắt các ông đắm vào sắc, tai nghe Thanh, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân đắm xúc, ý nhớ pháp, muốn làm cho sanh ra nhiễm trước sáu cảnh. Vì vậy cho nên các Tỳ-kheo, hôm nay các ông luôn luôn phải giữ gìn con mắt trú trong luật nghi, giữ gìn nhãn căn luật nghi, thì ác ma không giành được dịp thuận tiện, tùy duyên mà xuất hiện; tai mũi lưỡi thân ý cũng lại như vậy, đối với sáu căn ấy như xuất hiện như duyên theo không giành được dịp thuận tiện của mình. Giống như con mắt rùa thì

con Dã can không giành được dịp thuận tiện của nó. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn liền thuyết kệ rằng:

Con rùa sợ hãi con Dã can,
Rụt đầu giấu chân vào trong mai,
Tỳ-kheo khéo thâu nhiếp tâm niệm,
Giấu kín mọi ý tưởng cảm giác,
Không theo không sợ hãi ma kia,
Che kín tâm niệm chớ nói năng!

Bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các Tỳ-kheo: Ví như bậc Sĩ phu đi lại trong ngôi nhà vắng tanh bắt được sáu loại chúng sinh, đầu tiên bắt được con chó thì nắm con chó ấy buộc vào một chổ, tiếp đến bắt được con chim, tiếp đến bắt được con rắn độc, tiếp đến bắt được con Dã can, tiếp đến bắt được loài Thất thâu Ma la, tiếp đến bắt được con khỉ, những chúng sinh này bị bắt đều đem trói lại một chổ. Con chó ấy ham vui muốn đi vào thôn xóm, con chim ấy luôn luôn muốn bay lượn giữa bầu Trời, con rắn ấy luôn luôn muốn chui vào hang ổ, con Dã can ấy thích hướng về trong mồ mả, loài Thất Thâu Ma La thì luôn luôn muốn đi vào biển cả, con khỉ thì muốn đi vào núi rừng. Sáu chúng sinh này đều bị trói vào một chổ, tất cả đều thèm khát đến nơi yên lành của mình, đều không thích cùng với kẻ lạ ở một chổ mà còn bị trói chặt, loài nào cũng dùng sức lực của mình hướng đến nơi mình thích mà không thể nào thoát được. Như vậy các loại cảnh giới của sáu căn, tất cả đều tự mong cầu cảnh giới mà mình thích, không thích với cảnh giới khác. Mắt thường mong cầu cái Sắc đáng yêu, Sắc không hợp ý thì sanh ra chán ghét; tai mũi lưỡi thân ý cũng lại như vậy, các loại hành xứ của sáu loại căn này, mỗi một căn đều không mong cầu cảnh giới của căn khác, người có năng lực thì có thể luôn luôn tự tại tùy thuận cảm nhận cảnh giới, như bậc Sĩ phu kia trói giữ 6 loại chúng sinh, vì vậy nên chịu khó tu tập quán niệm về thân!

Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các Tỳ-kheo: Ví như có bốn con rắn hung dữ hơi độc phun ra hừng hực cùng nhốt trong một cái hòm nhỏ. Lúc ấy có bậc Sĩ phu thông minh cầu vui chán khổ-cầu sanh ngán tử, bấy giờ có một Sĩ phu nói với Sĩ phu thông minh rằng: Nay ông lấy hòm rắn này vuốt ve tắm rửa, ân tình thân thiết nuôi giữ ăn uống, mà vào lúc thả lỏng bên trong, nếu như có bốn con rắn độc thoát ra thì ắt sinh chuyện khổ não, hoặc là có thể cắn chết ông- hoặc là khiến cho tiếp cận cái chết, ông nên phòng ngừa cẩn thận! Lúc ấy Sĩ phu thông minh sợ hãi bốn con rắn độc, và năm kẻ thù rút dao xua đuổi nên bỏ

chạy. Người kia lại nói rằng: bên trong Sĩ phu có 6 tên giặc, đuổi theo rình rập ông, gặp dịp thuận tiện sẽ giết ông, ông nên đề phòng cẩn thận! Lúc ấy Sĩ phu thông minh sợ hãi bốn con rắn độc-năm kẻ thù rút dao và sáu tên giặc trong, vì sợ quá nên chạy nhanh vào trong một thôn xóm vắng vẻ, trông thấy ngôi nhà trống rỗng kia mục nát hư hoại rất nguy hiểm, có những đồ vật xấu xa nhưng đều bị tổn hại không có gì kiên cố. Người kia lại nói: Sĩ phu ơi đây là nơi thôn xóm vắng vẻ, sẽ có sáu tên giặc đến chắc chắn làm hại ông đó! Bấy giờ Sĩ phu thông minh sợ hãi bốn con rắn độ-năm kẻ thù rút dao-sáu tên giặc bên trong và sáu tên giặc nơi thôn xóm vắng vẻ, nên lại chạy trốn. Bỗng nhiên con đường dẫn đến đứng trước một dòng sông lớn, nước sông lại chảy xiết, nhưng thấy bờ bên này có những nỗi sợ hãi, mà thấy bờ bên kia yên ổn vui sướng lại thanh tịnh không có gì đáng sợ, chỉ có điều là không có cầu thuyền có thể vượt qua đến được bờ bên kia! Bèn dấy lên tư duy rằng: Mình lấy cỏ cây buộc nhau lại làm thành chiếc bè, tay chân tìm cách vượt qua đến bờ bên kia! Dấy lên ý nghĩ này rồi, liền thu nhặt cỏ cây dựa vào bên bờ sông, buộc nhau lại làm thành chiếc bè, tận dụng tay chân tìm cách cắt dòng chảy vượt ngang qua. Như vậy Sĩ phu thông minh tránh khỏi bốn con rắn độc-năm kẻ thù rút dao-sáu tên giặc bên trong, lại được thoát khỏi bọn giặc nơi yên ổn vui sướng ở bên kia. Ta nói ví dụ này, nên hiểu ý nghĩa đó! Này các Tỳ-kheo! Cái hòm nhỏ là dụ cho bốn Đại thô thiển của sắc thân này, bốn đại đã tạo ra từ thể chất của tinh huyết, nuôi lớn bằng thức ăn dơ bẩn, bảo vệ bằng áo quần tắm rửa, đều là pháp của sự vô thường-biến hoại không yên ổn. Rắn độc là dụ như bốn Đại, đó là bốn Đại chủng đất nước lửa gió. Đại chủng của đất nếu như tranh chấp thì có thể làm cho thân chết hoặc là tiếp cận cái chết; nước lửa gió tranh chấp cũng lại như vậy, 5 kẻ thù rút dao là ví dụ cho năm Thọ ấm, sáu tên giặc bên trong ví dụ cho sáu ái-hỷ, thôn xóm vắng vẻ là ví dụ cho sáu nhập bên trong. Quán sát đi vào nơi ánh mắt, là pháp của sự vô thường-biến hoại không chân thật; tai mũi lưỡi thân ý cũng lại như vậy. Bọn giặc nơi thân xóm vắng vẻ là ví dụ cho sáu nhập-Xứ bên ngoài ánh mắt đã bị sắc vừa ý và sắc không vừa ý làm hại, mũi ngửi hương, tai nghe thanh, lưỡi nếm vị, thân tiếp xúc, Ý nghĩ pháp cũng lại như vậy. Vượt qua dòng chảy là ví như bốn Lưu, Dục lưu-Hữu lưu-Kiến lưu và vô minh lưu. Dòng sông ví như Ba ái, Dục ái-sắc ái và Vô sắc ái. Bờ này nhiều nỗi sợ hãi là ví như có thân, bờ kia mát mẻ yên vui là ví như Vô dư Niết-bàn. Chiếc bè là ví như Tám chánh đạo, vận dụng tay chân tìm cách cắt dòng chảy vượt ngang qua, là ví như tinh tiến

dũng mãnh đến được bờ kia. Trú xứ của Bà-la-môn là ví như bậc Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác",

Lại trong kinh Lộc Hoạn Tử nói: "Lúc ấy có vị vua tên là Ba Lưu Ly, trong đất nước gặp hoạn nạn, thưa với đức Phật rằng: Đất nước con ở vùng biên giới nhỏ bé nhiều năm bị giặc xâm chiếm cướp bóc thóc lúa hoa màu đất đỏ, dịch bệnh phát ra khắp nơi làm cho nhân dân khốn khổ vô cùng, con luôn luôn cảm thấy lo lắng, không làm sao tu hành pháp tạng sâu rộng được, chỉ nguyện cầu rủ lòng thương xót cho con có được pháp chủ yếu! Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Nếu muốn diệt trừ phiền não chướng ngại, thì nên xâu thành một chuỗi hạt gỗ có 108 hạt, thường dùng để tùy theo chí tâm không phân tán, xưng danh Nam mô Phật Đà, Nam mô Đạt ma, Nam Mô Tăng già, mới lần qua một hạt gỗ. Như vậy theo thứ tự vượt qua hết xâu chuỗi hạt gỗ, hoặc là mười, hai mươi chuỗi, hoặc là trăm-ngàn chuỗi, cho đến trăm ngàn vạn chuỗi, nếu có thể đủ hai mươi vạn lần, thì thân tâm không bị rối loạn xa lìa mọi hành vi không hợp đạo lý do người ta gây ra, khi xả thọ mạng được sanh lên cõi Trời Diệm Ma thứ ba, cơm áo tự nhiên thường thực hành yên vui. Nếu lại có thể niệm đủ một trăm vạn lần thì sẽ đoạn trừ một trăm lẻ tám kiếp nghiệp đạt được quả vị Vô thượng. Nhà vua nghe rồi hoan hỷ thưa rằng: Con sẽ vâng mạng thực hành! Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Có Tỳ-kheo Sa Thăng, tụng kinh Tam bảo Danh trải qua mười năm, được thành tựu quả vị Tư-đà-hàm, theo thứ tự tu hành, nay ở thế giới Phổ Hương làm vị Bích-chi-Phật. Nhà vua nghe lời này rồi tiếp tục tu hành càng tinh tiến gấp bội".

Còn trong kinh Hiền Ngu nói: "Trong nước Ba-la-nại có Cư Sĩ, tên gọi Cúc Đề. Người này có con trai tên là Ưu Ba Cúc Đề, sau đó tuổi trưởng thành nhà nghèo xác xơ, người cha giao cho tài vật ở nơi cửa tiệm buôn bán. Có vị A-la-hán tên Gia Thế Kỳ, đi đến bên cửa tiệm, mà thuyết pháp cho người con dạy cách thâu nhiếp ý niệm, lấy những viên đá nhỏ trắng đen, dùng làm vật tính toán, niệm thiện dùng màu trắng, niệm ác dùng màu đen. Ưu Ba Cúc Đề vâng lời tiếp nhận phương pháp ấy, niệm thiện ác dấy lên thì bỏ vào một viên đá. Ban đầu đá đen lại rất nhiều mà đá trắng rất ít. Dần dần tu tập thì đen trắng đều bằng nhau. Không ngừng thâu nhiếp ý niệm, lại không còn đá đen, chỉ có đá trắng hoàn toàn, niệm thiện đã tràn đầy thì lúc ấy đạt đến Sơ quả".

Lại trong kinh Thí Dụ nói: "Xưa có người không hề tín kính, người vợ lại rất tin thờ đức Phật. Người vợ bày tỏ với chồng rằng: Mạng người là vô thường nên tu tạo phước đức. Người chồng vô tâm lười biếng,

người vợ sợ rằng tương lai sẽ vào trong địa ngục, bèn tiếp tục bày tỏ với chồng là muốn treo một cái chuông nhỏ đặt ở trước cửa, lúc chàng ra vào lắc chuông phát ra tiếng, xưng niệm Nam Mô Phật. Người chồng nói: Rất hay! Như vậy qua một thế gian dài, người chồng mạng chung, ngục tối bắt lấy ném vào trong vạc nước sôi. Cái chĩa ba chạm vào vạc đồng phát ra tiếng, nói đó là tiếng vang của chuông, liền xưng niệm Nam Mô Phật. Ngục quan nghe thấy, nghĩ rằng người này tin thờ đức Phật nên khiến tha cho ra ngoài, được sanh trong loài người".

Còn trong kinh Tạp Thí Dụ nói: "Xưa có năm trăm người buôn giong thuyền đi vào biển, gặp con cá Ma Kiệt, nhô đầu há miệng muốn ăn thịt chúng sinh. Ngày hôm ấy ít gió mà thuyền đi như tên bắn, chủ buôn tên là Tát-bạc nói với mọi người rằng: Thuyền đi quá nhanh có thể hạ buồm! Như lời nói liền hạ buồm xuống, thuyền tiếp tục di chuyển băng băng không thể nào dừng lại được. Chủ buôn Tát-bạc hỏi người trên lầu cao rằng: Ông thấy những gì? Người ấy nói: Tôi trông thấy phía trên có hai mặt Trời xuất hiện, phía dưới có dãy núi màu trắng, ở giữa có núi màu đen. Chủ buôn Tát-bạc kinh hãi nói: Đây là con cá lớn, nên làm thế nào đây! Tôi và mọi người nay đang gặp phải hoàn cảnh khốn đốn, vào bụng con cá này không cách nào còn sống được, mọi người cùng thuận theo sự cố xảy ra dốc lòng cầu nguyện! Thế là mọi người đều thuận theo niềm tin của mình, dốc lòng quy mạng cầu mong thoát được tai ách này. Sự cầu nguyện càng chân thành thì con thuyền đi cành nhanh, chốc lát không dừng lại sẽ trôi vào miệng cá. Thế là chủ buôn Tát-bạc nói với mọi người rằng: Tôi có đấng thần long vĩ đại, danh hiệu là Phật, mọi người đều xả bỏ niềm tin của mình vâng theo đấng thần linh vĩ đại hết lòng để xưng niệm! Lúc ấy năm trăm người cùng phát ra âm thanh lớn xưng niệm Nam mô Phật. Con các nghe danh hiệu Phật tự nhiên tư duy rằng: Hôm nay ở thế gian lại nghe có Phật, mình làm sao đành lòng làm thương tổn đến chúng sinh. Lập tức ngậm miệng nên dòng nước chảy ngược lại, chuyển con thuyền cách xa miệng cá, năm trăm người buôn lập tức phát sinh tâm thiện, đều được giải thoát".

Lại trong kinh Đại tập nói: "Ví như Sa-môn tự nhiên có đầu tóc mọc ra nhưng không thể tự mình biết được là dài mấy phân. Như vậy tội lỗi của Bồ-tát phát sinh mà không thể nào tự biết, nói là mình không tội lỗi gì".

Còn trong kinh Tạp A hàm nói: "Bấy giờ Đức Thế tôn thuyết kệ rằng:

Cố gắng giữ gìn thân khẩu ý,

Và đối với tất cả các nghiệp,
Tàm quý mà tự mình phòng ngừa,
Thì gọi là khéo léo bảo vệ.

Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các Tỳ-kheo: Có hai pháp thanh tịnh có năng lực bảo vệ thế gian. Thế nào là hai pháp? Đó gọi là tàm và quý. Giả sử thế gian không có hai pháp thanh tịnh này, thì thế gian cũng không biết là có cha mẹ-anh em trai-chị em gái-vợ con, không có trật tự của họ hàng thân thích-thầy trò bạn bè, điên đảo hỗn loạn như loài súc sanh. Liền thuyết kệ rằng:

Thế gian nếu như không còn có,
Hai pháp thanh tịnh là tàm quý,
Thì càng xa cách đạo thanh tịnh,
Hướng về với sanh lão bệnh tử.
Thế gian nếu như được thành tựu,
Hai pháp thanh tịnh tàm-quý ấy,
Thì đạo thanh tịnh được Tăng trưởng,
Vĩnh viễn khép lại cửa sanh tử".

Lại trong kinh Duy Vô Tam Muội nói: "Đức Phật bảo với A nan; Nay người thiện nam! Người cầu đạo an thiền trước tiên nên đoạn trừ ý niệm; con người sống ở thế gian sở dĩ không đạt được tạo, bởi vì chỉ ngồi suy nghĩ tưởng nhớ đến nhiều ý niệm không đáng, một niệm đến một niệm đi, một ngày một đêm có tám ức bốn ngàn vạn niệm, niệm niệm không ngừng dấy khởi. Một niệm thiện dấy khởi cũng có được quả báo báo thiện, một niệm ác phát sinh cũng gặt lấy quả báo ác. Như tiếng vang ứng với âm thanh, như bóng đi theo hình, vì vậy cho nên thiện ác tội phước đều khác nhau. Tụng rằng:

Lặng yên suy nghĩ quên buồn lo,
Còn buồn lo chẳng phải là lý,
Cảnh xuất hiện đưa vào hư không,
Hư không nào đáng để nuối tiếc?
Dựa vào ấm dạo trong sâu xa,
Sâu xa mất dấu tích không còn,
Bốn quả đều vui mừng cầu đạt,
Riêng Nhất Thừa phai mờ khó hiểu".

Thiên thứ 29: PHÁT NGUYỆN

Thiên này có hai phần: Thuật ý và Dẫn chứng.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Nói đến Phật quả thì xa vời vô song nhưng có tầng bậc bước lên, mây pháp (Pháp vân địa) cao lớn vô cùng mà có thứ tự đạt đến. Vì vậy bắt đầu gợi mở lòng thành bao la, thì phước sâu xa tạo ra Quả vị cao nhất; đầu tiên thành lập lời thề rộng lớn, thì nguyện tuyệt vời che phủ thời gian vị lai. Một ý niệm phát khởi thực hành, lập tức cảm đóa hoa tốt đẹp của vô lượng đời kiếp; một khoảng khắc cung kính khom mình, đã có được hạt sương ngọt ngào của Đại Thiên thế giới. Đây chính là nền móng của Đại thừa, lộ trình của Chủng Trí.

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh A-di-đà nói: "Đức Phật nói với A nan; Lúc đức Phật A-di-đà là Bồ-tát, thường phụng hành hai mươi bốn lời nguyện này, hết sức trân trọng và yêu quý-giữ gìn luôn kính cẩn thuận theo. Như thế nào là hai mươi bốn nguyện?

Nguyện thứ nhất: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho trong nước tôi không có chủng loại địa ngục ngạ quỷ súc sanh cho đến loài bò bay máy cựa. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thề không làm Phật.

Nguyện thứ hai: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho trong nước tôi không có phụ nữ, người nữ sắp sanh đến trong nước tôi lập tức chuyển làm thân nam, vô ương số chư Thiên nhân dân và loài bò bay máy cựa, sanh đến nước tôi, đều hóa sanh trong hoa sen ở hồ nước bằng bảy báu, trưởng thành đều làm Bồ-tát-A-la-hán, cũng vô ương số. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thề không làm Phật.

Nguyện thứ ba: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho nước tôi đất đai tự nhiên toàn bảy báu, dọc ngang rất rộng lớn, thoáng đãng vô cùng tận, mềm mại đẹp đẽ tự nhiên, nhà cửa cư trú-y phục ăn uống cũng đều tự nhiên, giống như nơi cư trú của Thiên vương cõi Trời thứ sáu. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thề không làm Phật.

Nguyện thứ tư: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho tên gọi của tôi khắp vô ương số cõi Phật trong mười phương đều nghe đến, đều khiến cho tất cả chư Phật ở giữa Tỳ-kheo Tăng trên pháp tòa cao lớn, thuyết

về quốc độ tốt lành và công đức của tôi; chư Thiên nhân dân và loài bò bay máy cựa, nghe đến tên gọi của tôi không loài nào không phát Từ tâm vui mừng hớn hở, đều khiến cho sanh đến nước tôi. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thề không làm Phật.

Nguyện thứ năm: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho vô ương số chư Thiên nhân dân khắp mươi phương, cho đến loài bò bay máy cựa, nếu đời trước làm đều ác nghe đến tên gọi của tôi, muốn sanh đến nước tôi, lập tức trở về với chính nghĩa tự mình hối hận về sai lầm của mình, vì đạo làm điều thiện luôn luôn giữ gìn kinh giới, nguyện mong sanh đến nước tôi không đoạn tuyệt, thọ mạng chấm dứt đều làm cho không trở lại địa ngục ngạ quỷ súc sanh, lập tức sanh đến nước tôi bởi tâm đã nguyện Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thề không làm Phật.

Nguyện thứ sáu: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho chư Thiên nhân dân trong vô ương số cõi Phật khắp mười phương, nếu người thiện nam-người thiện nữ nào, muốn sanh đến nước tôi, vì tôi cho đến làm nhiều điều thiện, như bố thí cúng dường thắp hương nhiễu tháp, rải hoa thắp đèn treo phan kết lọng rực rỡ, xây tháp làm chùa cúng dường Sa-môn, đoạn trừ ái dục trai giới thanh tịnh, nhất tâm niệm danh hiệu tôi, một ngày một đêm không hề đoạn tuyệt, đều khiến cho sanh đến nước tôi làm Bồ-tát. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thề không làm Phật.

Nguyện thứ bảy: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho chư Thiên nhân dân trong vô ương số cõi Phật khắp mười phương, nếu người thiện nam-người thiện nữ nào, có làm Bồ-tát đạo phụng hành sáu Ba-la-mật, hoặc làm Sa-môn không hủy hoại kinh-giới, đoạn trừ ái dục trai giới thanh tịnh, nhất tâm niệm danh hiệu tôi, muốn sanh đến nước tôi ngày đêm không hề đoạn tuyệt, nếu lúc người ấy thọ mạng sắp chấm dứt, tôi liền cùng với các Bồ-tát-A-la-hán, cùng bay đi đón tiếp, lập tức sanh đến nước tôi, sẽ làm vị Bồ-tát A Duy Việt Trí có trí tuệ dũng mãnh. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thề không làm Phật.

Nguyện thứ tám: Giả sử lúc tôi thành Phật, khiến cho các Bồ-tát trong nước tôi muốn sanh đến cõi Phật ở phương khác, đều khiến cho không trải qua địa ngục ngạ quỷ súc sanh, đều khiến cho thành tựu Phật đạo. Đạt được nguyện này mới làm Phật, La-hầu-la đạt được nguyện này thề không làm Phật.

Nguyện thứ chín: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho các Bồ-tát-A-la-hán trong nước tôi có diện mạo đều đoan chánh trong sáng đẹp đẽ tuyệt vời, tất cả cùng một sắc chất-cùng một chủng loại, giống như người cõi Trời thứ sáu. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thề không làm Phật.

Nguyện thứ mười: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho các Bồ-tát-A-la-hán trong nước tôi, đều cùng một tâm niệm đã nghĩ đến-muốn nói ra thì luôn biết trước ý nhau. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thề không làm Phật

Nguyện thứ mười một: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho các Bồ-tát-A-la-hán trong nước tôi, đều không còn tâm niệm phóng túng, hoàn toàn không có ý nghĩ đến phụ nữ, hoàn toàn không có sân hận ngu si. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thề không làm Phật.

Nguyện thứ mười hai: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho các Bồ-tát-A-la-hán trong nước tôi, đều khiến tâm kính mến lẫn nhau, hoàn toàn không có tâm niệm ganh ghét lẫn nhau. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thề không làm Phật.

Nguyện thứ mười ba: Giả Sử lúc làm Phật, khiến cho các Bồ-tát trong nước tôi muốn cùng nhau cúng dường vô ương số chư Phật khắp mười phương, đều tự nhiên hiện ở trước mặt lấy mang đi cúng dường chư Phật khắp nơi thảy đều đầy đủ, sau đó lúc mặt Trời chưa xuất hiện, liền bay về lại trong nước tôi. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thề không làm Phật.

Nguyện thứ mười bốn: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho các Bồ-tát-A-la-hán trong nước tôi, đến lúc ăn uống thì đều tự nhiên, trong bình bát bằng bảy báu có đầy đủ các món ăn tự nhiên ở trước mặt, dùng xong tự nhiên biến hóa sạch sẽ. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thề không làm Phật.

Nguyện thứ mười lăm: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho các Bồ-tát trong nước tôi, thân thể đều có màu sắc vàng tía sáng ngời, ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp đều khiến cho giống như đức Phật. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thề không làm Phật.

Nguyện thứ mười sáu: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho các Bồ-tát-A-la-hán trong nước tôi, cất tiếng nói giống như âm thanh của ba trăm tiếng chuông, thuyết kinh-hành đạo đều như đức Phật. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thề không làm

Phật.

Nguyện thứ mười bảy: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho tôi nhìn thấy thấu suốt, nghe đến tận cùng-bay đi tự tại, thù thắng gấp mười lần so với chư Phật. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thề không làm Phật.

Nguyện thứ mười tám: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho tôi có trí tuệ thuyết kinh-hành đạo gấp mười lần so với chư Phật đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thề không làm Phật.

Nguyện thứ mười chín: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho chư Thiên nhân dân và loài bò bay máy cựa trong vô ương số cõi Phật khắp mười phương, đều khiến cho được đi vào đạo, đều làm Bích-chi-Phật, A-la-hán, đều nhất tâm tọa thiền, cùng nhau muốn tính đếm biết tuổi thọ của tôi là mấy ngàn ức vạn kiếp số năm, đều khiến cho không có ai có năng lực biết được tận cùng tuổi thọ ấy. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thề không làm Phật.

Nguyện thứ hai mươi: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho chư Thiên nhân dân và loài bò bay máy cựa trong tất cả ngàn ức cõi Phật khắp mười phương, đều khiến cho trở thành Bích-chi-Phật-A-la-hán, đều nhất tâm tọa thiền, cùng nhau muốn tính đếm số lượng các vị Bồ-tát, A-la-hán trong nước tôi để biết có mấy ngàn ức vạn người, đều khiến cho không có ai có năng lực biết được số ấy. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thề không làm Phật.

Nguyện thứ hai mươi mốt: Giả sử tôi làm Phật, khiến cho các Bồ-tát, A-la-hán trong nước tôi có thọ mạng vô ương số kiếp. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thề không làm Phật.

Nguyện thứ hai mươi hai: Giả sử tôi làm Phật, khiến cho các Bồ-tát-A-la-hán trong nước tôi, đều có trí tuệ dũng mãnh, tự biết ức vạn kiếp đời trước của mình, túc mạng đã làm mọi điều thiện ác, lại biết đến vô cùng tận, tất cả đều nhìn thấy thấu suốt, biết rõ sự việc quá khứ-hiện tại-vị lai khắp trong mười phương. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thề không làm Phật.

Nguyện thứ hai mươi ba: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho các Bồ-tát-A-la-hán trong nước tôi, đều có trí tuệ dũng mãnh, giữa đỉnh đầy đều có ánh sáng. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thề không làm Phật.

Nguyện thứ hai mươi bốn: Giả sử lúc tôi làm Phật, khiến cho ánh sáng giữa đỉnh đầu tôi rực rỡ tuyệt vời, hơn hẳn ánh sáng của mặt

trăng-mặt Trời gấp trăm ngàn ức vạn lần, tuyệt vời hơn hẳn ánh sáng soi chiếu rạng ngời của chư Phật, chiếu rọi đến vô ương số thế giới, nơi tối tăm sâu xa khắp thiên hạ đều được sáng tỏ cùng tận, chư Thiên nhân dân và loài bò bay máy cựa, thấy ánh sáng của tôi thì không có loài nào không khởi Từ tâm làm điều thiện, đều khiến cho sanh đến nước tôi. Đạt được nguyện này mới làm Phật, không đạt được nguyện này thề không làm Phật.

Đức Phật bảo với A nan: Lúc đức Phật A-di-đà làm vị Bồ-tát, lúc ấy phụng hành hai mươi bốn lời nguyện này, không phạm vào đạo pháp-đoạn tuyệt mọi tài sắc, dốc tâm ý nguyện cầu, tích luỹ nhiều công đức, qua vô ương số kiếp, nay trở thành đức Phật, nguyện ước đều thành tựu, công lao Ngài không mất”.

Lại trong kinh Phật thuyết Diệt Thập Phương Minh nói: “Lúc ấy có Đồng tử họ Thích, tên gọi Thiện Duyệt, đến thưa với đức Phật rằng: Thưa Đấng Thiên Tôn giữa các Trời! Nay cha mẹ của con thân thể không được an lành, bất ngờ bị người sai trái làm cho gặp phải những điều phiền nhiễu, ngày đêm thức ngủ không được yên ổn, ra vào đi lại cũng gặp điều bức não, hoặc gặp phải loài phi nhân yêu quái mê hoặc gian trá tà vạy, không có cách nào phòng ngừa bảo vệ, xin nguyện Đức Thế tôn, chỉ bày cho con phương pháp, để kịp thời cứu giúp khiến không còn quấy nhiễu làm hại! Đức Phật bảo với Diện Thiện Duyệt: Ta sẽ nói cho con phương pháp của sự giúp đỡ bảo vệ.

Đức Phật dạy: Về phương Đông cách đây hơn tám ngàn na thuật cõi Phật, có thế giới tên là Bạt Chúng Trần Lao, đức Phật cõi ấy danh hiệu đẳng Hành Như lai, hiện nay đang thuyết pháp. Nếu người nào đi về phương Đông thì trước tiên nên cúi đầu lạy chí thành quy mạng, cúng dường đức Phật ở phương Đông, thì không có gì sợ hãi, không loài nào dám xâm phạm quấy nhiễu, có những việc làm phát khởi đều được như mong cầu.

Đức Phật bảo với Đồng tử: về phương Nam cách đây hơn mười ức trăm ngàn cõi Phật, có thế giới tên là Tiêu Minh Đẳng Yếu Thoát, đức Phật cõi ấy danh hiệu Sơ Phát Tâm Niệm Ly Khủng Úy Quy Y Siêu Thủ Như lai, hiện nay đang thuyết pháp. Nếu muốn đi về chuyên chú ý niệm không xa rời, thì không có gì sợ hãi, không gặp hoạn nạn gì. Đức Phật bảo với Đồng tử: Về phương Tây cách đây như Căng già hà sa quốc độ chư Phật, có thế giới tên là Thiện Tuyển Trạch, đức Phật cõi ấy danh hiệu Kim cang Bộ Tích Như lai, hiện nay đang thuyết pháp. Nếu muốn đi về phương Tây trước tiên nên cúi đầu lễ lạy hướng về đức Phật

ấy nhất tâm quy mạng, thì không có gì sợ hãi, không gặp hoạn nạn gì.

Đức Phật bảo với Đồng tử: Về phương Bắc cách đây hơn hai vạn cõi Phật, có thế giới tên là Giác Biện, đức Phật cõi ấy danh hiệu Bảo Trí Thủ Như lai, hiện nay đang thuyết pháp. Nếu muốn đi về Phương Bắc thì giả thử đang ở tại chùa, cúi đầu làm lễ chí thành quy mạng đức Phật ấy, sẽ không có gì sợ hãi, không gặp hoạn nạn gì.

Đức Phật bảo với Đồng tử: Về phương Bắc cách đây hơn hai vạn cõi Phật, có thế giới tên là Trì Sở Niệm, đức Phật cõi ấy danh hiệu Hoại Ma Mạn Độc Bộ Như lai, hiện đang thuyết pháp. Nếu đến phương Đông bắc thì nên từ xa cúi đầu lạy chí thành quy mạng đức Phật ấy, thì ở nơi đó được an ổn không có gì sợ hãi.

Đức Phật bảo với Đồng tử: Về phương Đông Nam cách đây hơn hai Căng già hà sa đẳng cõi Phật, có thế giới tên là Thường Chiếu Diệu, đức Phật cõi ấy danh hiệu Sơ Phát Tâm Bất Thối Chuyển luân Thành Thủ Như lai, hiện nay đang thuyết pháp. Nếu đi về Phương Đông Nam trước tiên nên cúi đầu lạy, năm vóc sát đất nhất tâm quy mạng, sau đó mới tiến hành thì không có gì sợ hãi.

Đức Phật bảo với Đồng tử: Về Phương Tây nam cách đây hơn tám vạn cõi Phật, có thế giới tên là Phú Bạch Giao Lộ, đức Phật cõi ấy danh hiệu bảo cái Chiếu không Như lai, hiện nay đang thuyết pháp. Nếu đi về phương Tây nam thì trước tiên nên cúi đầu lạy đức Như lai ở phương ấy, dùng hoa từ xa tung rải nghĩ đến Vô Tướng, sau đó mới tiến hành di chuyển thì không có gì sợ hãi.

Đức Phật bảo với Đồng tử: Về phương Tây bắc cách đây hơn 6 Căng già hà sa cõi Phật, có thế giới tên là Trú Thanh Tịnh, đức Phật cõi ấy danh hiệu khai Hoá Bồ-tát Như lai, hiện nay đang thuyết pháp. Nếu đi về phương Tây bắc thì trước tiên lễ lạy đức Phật ấy, tự quy y hối hận về sai lầm của mình, tu phạm thanh tịnh, sau đó xuất gia sẽ không có sợ hãi.

Đức Phật bảo với Đồng tử: Về phương Hạ cách đây hơn chín mươi cai (một trăm triệu) cõi Phật, có thế giới tên là Niệm Vô Đảo, đức Phật cõi ấy danh hiệu Niệm Sơ Phát ý Đoạn Nghi Bạt Dục Như lai, hiện nay đang thuyết pháp. Nếu lúc muốn ngồi, hoặc lúc vào đêm nằm nghỉ, niệm Đức Như lai này cúi đầu tự quy ý, thường dùng ý niệm Từ bi cứu giúp tất cả chúng sinh, su đó ngồi hay nằm sẽ không có gì sợ hãi, những nguyện cầu nhất định thành tựu.

Đức Phật bảo với Đồng tử: Về phương Thượng cách đây hơn sáu chục Căng già hà sa đẳng cõi Phật, có thế giới tên là Ly chư Khủng Cụ

Vô Hữu Xứ Sở, đức Phật cõi ấy danh hiệu Tiêu Minh Đẳng Siêu Vương Như lai, hiện nay đang thuyết pháp. Nếu từ chổ ngồi đứng dậy luôn luôn lễ lạy đức Phật ấy tự mình quy ý cúng dường, thì không có gì sợ hãi, nơi đến được an lành.

Đức Phật bảo với Đồng tử; giả sử có người thọ trì kinh điển này, đọc tụng thông thạo giảng giải cho người khác, đầy đủ chu đáo khiến cho không thiếu sót giảm bớt thì sẽ không gặp sự xâm phạm oan ức. Hoặc đi giữa giặc cướp cũng không gặp điều ngay hiểm làm hại. Hoặc đi trong lửa lớn thì lửa lớn sẽ tắt hết. Hoặc đi giữa nước lớn mà cuối cùng không bị nhấn chìm. Trời Rồng Quỷ Thần và các thần linh xấu ác không dám xúc chạm người ấy. Các loài thú dữ không dám đến gần người ấy. Các loài tà ma quỷ quái không có năng lực nhiễu hại người ấy. Nếu ở nơi vắng vẻ an nhàn một mình, thì được sự che chở phù hộ của Như lai. Đức Phật giảng dạy như vậy, Đế Thích và Đồng tử Diện Thiện Duyệt cùng mọi người, nghe kinh vô cùng hoan hỷ cúi đầu đảnh lễ mà lui về".

Trong Địa Trì Luận nói: "Bồ-tát phát nguyện nói sơ lược có năm loại: 1- Phát tâm nguyện, 2- Sanh nguyện, 3- Cảnh giới nguyện, 4- Bình đẳng nguyện, 5- Đại nguyện. Lúc Bồ-tát ấy mới phát tâm Vô thượng Bồ-đề, thì gọi là phát tâm nguyện. Nguyện vì chúng sinh đời vị lai, thuận theo sanh vào đường thiện, thì gọi là Sanh Nguyện. Nguyện quán xét chính xác các pháp vô lượng cùng các thiện căn tư duy cảnh giới, thì gọi là Cảnh Giới Nguyện. Nguyện tất cả Bồ-tát ở đời vị lai khéo léo thâu nhiếp mọi chuyện, thì gọi là Bồ-tát Bình Đẳng Nguyện. đại nguyện ấy chính là Bình Đẳng Nguyện.

Bồ-tát lại thuyết về mười loại đại nguyện:

Một là nguyện tất cả các loại cúng dường đầy đủ để cúng dường vô lượng chư Phật.

Hai là nguyện hộ trì tất cả chánh pháp của chư Phật.

Ba là nguyện thông suốt chánh pháp của chư Phật.

Bốn là nguyện sanh lên cung Trời Đâu Suất cho đến nhập Niết-bàn.

Năm là nguyện thực hành tất cả các loại chánh hạnh của Bồ-tát.

Sáu là nguyện thành thục tất cả chúng sinh.

Bảy là nguyện tất cả thế giới đều có năng lực hiện bày giáo hóa.

Tám là nguyện hết thảy Bồ-tát nhất tâm phương tiện dùng Đại thừa hóa độ.

Chín là nguyện tất cả chánh hạnh phương tiện không có gì ngăn

ngại.

Mười là nguyện thành tựu Vô thượng Chánh Giác.

Đây là Bồ-tát an trú vào Sơ Địa, phương tiện dùng niềm tin thanh tịnh hiện tại để tu hành, đối với sự nghiện đời vị lại phát sinh mười đại nguyện:

Một là dùng tâm thanh tịnh thường nguyện cúng dường hết thảy chư Phật.

Hai là thọ trì bảo vệ Chánh pháp của chư Phật.

Ba là khuyến thỉnh chư Phật chuyển vận giáo pháp chưa từng xuất hiện.

Bốn là nguyện thành thục đầy đủ tất cả quốc độ để dung nhiếp chúng sinh.

Sáu là nguyện tất cả thế giới đều có năng lực hiện bày giáo hóa.

Bảy là tự làm thanh tịnh cõi Phật.

Tám là hết thảy Bồ-tát cùng chung phương tiện dùng Đại thừa hóa độ.

Chín là lợi ích cho chúng sinh mà tất cả không trống rỗng.

Mười là ở tất cả các thế giới đạt được quả vị A Nậu Bồ-đề thực hiện tất cả các Phật sự.

Đại nguyện như vậy có năng lực phát sinh vô lượng trăm ngàn đại nguyện, không xa rời pháp giới chúng sinh, không xa rời thế gian, các đại nguyện này đời đời thường thực hành hoàn toàn không thể lãng quên".

Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Này các Phật Tử! Bồ-tát an trú trong Hoan Hỷ Địa lấy mười nguyện làm đầu, phát sinh trăm vạn A-tăng-kỳ đại nguyện thuộc loại như vậy, bởi vì pháp không thể nào hết được mà phát sinh thệ nguyện này, vì thỏa mãn ý nguyện này cho nên tinh tiến nỗ lực thực hành. Những gì là mười nguyện? Đó là: Một- chúng sinh không thể biết được. Hai- Thế giới không thể hết được. Ba- hư không chẳng thể tận cùng. Bốn- Pháp giới không thể tận cùng. Năm- Niết-bàn không thể tận cùng. Sáu- Đức Phật xuất thế không thể tận cùng. Bảy- Trí tuệ của chư Phật không thể tận cùng. Tám- Tâm sở duyên không thể tận cùng. Chín- Trí phát khởi không thể tận cùng. Mười- thế gian chuyển pháp luân mà trí chuyển không thể tận cùng. Nếu chúng sinh không còn thì nguyện của mình mới hết, cho đến trí phát khởi-chuyển không còn thì nguyện của mình mới hết. Mà chúng sinh cho đến trí phát khởi-trí chuyển thật sự không thể tận cùng, thì các nguyện và thiện căn của mình cũng không thể tận cùng được".

Lại trong kinh Văn-thù-sư-lợi Vấn Bồ-đề nói: "Lúc bấy giờ Thiên tử hỏi Văn-thù-sư-lợi rằng: Bồ-tát có mấy tâm có thể thâu nhiếp nhân-có thể thâu nhiếp quả? Văn-thù đáp rằng: Các Bồ-tát có bốn tâm có thể thâu nhiếp nhân-có thể thâu nhiếp quả. Những gì là bốn tâm? Đó là: 1- Sơ phát tâm, 2- Hành đạo tâm, 3- Bất thối chuyển tâm. 4- Nhất sanh bổ xứ tâm. Sơ phát tâm làm nhân duyên cho hành đạo tâm, hành đạo tâm làm nhân duyên cho Bất thối chuyển, bất thối chuyển tâm làm nhân duyên cho Nhất Sanh bổ xứ tâm.

Vả lại, Sơ Phát tâm giống như gieo hạt giống giữa ruộng, hành đạo tâm giống như hạt giống sinh trưởng, bất thối chuyển tâm giống như hoa quả mới thành tựu, Nhất tâm bổ xứ tâm giống như hoa quả có công dụng.

Đồng thời, Sơ tâm giống như thợ làm xe trung vật liệu, Hành đạo tâm giống như gọt đẽo lo liệu vật liệu gỗ sắt, Bất thối chuyển tâm giống như lắp đặt làm xong các bộ phận gỗ sắt. Nhất sanh bổ xứ tân giống như xiếc xe hoàn thành đến lúc vận chuyển. Hơn nữa, Sơ phát tâm giống như vầng trăng mới xuất hiện, hành đạo tâm giống như vầng trăng ngày mồng năm, Bất thối chuyển tâm giống như vầng trăng ngày mồng mười, Nhất sanh bổ xứ tâm giống như vầng trăng ngày mười bốn, trí tuệ Như lai giống như vầng trăng đêm mười lăm tròn sáng vằng vặc.

Và Sơ phát tâm có năng lực vượt qua địa vị Thanh văn, Hành đạo tâm có năng lực vượt qua địa vị Bích-chi-Phật, Bất thối chuyển tâm có năng lực vượt qua địa vị Bất định, Nhất sanh bổ xứ tâm an trú trong địa vị của Định.

Lại nữa, Sơ phát tâm giống như người bệnh cầu tìm thuốc chữa, hành đạo tâm giống như phân biệt biết rõ loại thuốc, bất thối chuyển tâm giống như người bệnh uống thuốc, Nhất sanh bổ xứ tâm giống như bệnh được chữa lành".

Còn trong kinh Đại Tập nói: "Lúc bấy giờ Xá-lợi-phất thưa với đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn! Lúc Bồ-tát mới phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nghe các chúng sinh có công hạnh như vậy, không ngạc nhiên không sợ hãi, điều này thật là khó, không thể nghĩ bàn được! Đức Phật dạy: này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ thế nào? Giống như Sư tử tuy là mới sanh ra nhưng nghe Sư tử gầm lên Sư tử con có sợ hãi hay không? Thưa Đức Thế tôn, không sợ gì cả! Bồ-tát Ma ha tát lúc mới phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nghe hành của chúng sinh cũng lại như vậy. Này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ thế nào? Lửa nóng tuy nhỏ bé mà có sợ củi khô hay không? Thứa Đức Thế tôn, không sợ gì cả! Bồ-tát mới phát tâm

Vô thượng Bồ-đề xong, có được ngọn lửa trí tuệ cũng lại như vậy. Này Xá-lợi-phất! Nay lấy sự việc chẳng phải ví dụ làm ví dụ. Này Xá-lợi-phất! Ví như ngọn lửa mạnh cùng với các cây củi khô, giao ước hạn kỳ bảy ngày sẽ đánh nhau lớn. Lúc bấy giờ tất cả các loại cành lá thân cây khô cứng, hết thảy cùng tập trung lại cao ngút như núi Tu di. Bấy giờ lửa dữ có một bạn thân, mới nói cho biết rằng: Nay ông tại sao không tự trang nghiêm tìm nhiều người cứu giúp, phe bên kia có chi viện, ông chỉ có một mình, sao có thể đối phó được? Lúc ấy ngọn lửa đáp rằng: Phe bên kia tuy nhiều mà sức ta có thể đối đầu không cần đến bạn bè. Này Xá-lợi-phất! Bồ tát Ma ha tát cũng lại như vậy, tuy các phiền não cùng nhau hòa hợp lại thì thế lực ấy hừng hực mạnh mẹ, mà lực trí tuệ của Bồ-tát có năng lực tiêu diệt làm cho hàng phục. Như một viên thuốc A -già-đà có năng lực phá trừ chất độc lớn, trí tuệ của Bồ-tát cũng lại như vậy, thuốc trí tuệ nhỏ bé có năng lực phá hủy vô lượng chất độc phiền não to lớn".

Trong kinh Phật Bổn Hạnh nói: "Lúc bấy giờ đức Phật bảo với các Tỳ-kheo Tăng, phát ra lời nói như vậy: Tỳ-kheo các ông, Ta nhớ vào thời lâu xa trước kia, có một người nghèo khổ xin ăn nuôi sống, từ một thành nọ đi đến thành Ba-la-nại. Đến thành ấy rồi, tất cả người ăn xin trong thành ấy thấy người này đều quát mắng rằng: Ông từ đâu xuất hiện mà đến nơi này? Tức thì ngăn cản không cho phép đi lang thang xin ăn. Lúc bấy giờ người kia thấy có chướng ngại thì dấy lên tư duy rằng: Mình đối với những người kia không có lỗi lầm gì, tại sao chướng ngại mình cầu xin sự giúp đỡ? Lúc ấy ở thành Ba-la-nại có một vị Trưởng giả, bị mất chiếc bát bằng đồng, bấy giờ Trưởng giả kia cầu tìm chiếc bát bằng đồng nơi đó không được, bởi vì tìm chiếc bát bằng đồng cho nên đến một thôn khác. Lúc ấy người ăn xin kia được chiếc bát bằng đống phân đem theo trên đầu cây gậy, sau đó đi vào trong thành Ba-la-nại, từ đường này đến đường khác, từ ngõ này đến ngõ khác, từ ngã rẽ này đến ngã rẽ khác, từ góc phố này đến góc phố khác, miệng nói to lời rằng: Chiếc bát bằng đồng này là đồ vật của ai, ai biết thì nhận lấy! Nhưng mà người kia đi lang thang khắp nơi tìm kiếm người chủ của chiếc bát cuối cùng vẫn không thể tìm được. Đã không gặp được người chủ, nên liền đi đến giao cho vua Phạm Đức. Cho đến khi Trưởng giả nghe có người từ trong đống phân kia nhặt được một chiếc bát bằng đồng treo ở trên đầu cây gậy, mang đi vào thành Ba-la-nại kia, đi khắp nơi tìm hỏi mà không biết người chủ nơi nào, đã không gặp được người chủ thì đem đến giao cho vua Phạm Đức. Đã nghe tin này rồi liền đến

bên vua Phạm Đức, đến rồi thưa rằng: Đại vương nên biết, trước đây có người ăn xin đã tặng chiếc bát bằng đồng cho Đại vương, đó là vật của tôi. Lúc ấy vua Phạm Đức sai người đi tìm mọi người ăn xin kia, mà nói cho biết rằng: Chiếc bát bằng đồng ông đã tặng từ trước đây, nay Trưởng giả này nói là vật của mình, sự việc đó như thế nào? Người ăn xin liền thưa với vua Phạm Đức rằng: Thưa Đại vương, đúng như vậy! Tôi vốn không biết chiếc bình bát bằng đồng ấy là vật của ai, tôi đã nhặt được ở trong đống phân, rồi treo vào đầu cây gậy mang đi vào trong thành, hỏi thăm khắp nơi nhưng không biết người chủ ở đâu, nên tặng cho Đại vương tùy sự sử dụng của Đại vương. Bấy giờ Phạm Đức nghe lời ấy rồi, tâm rất hoan hỷ mà nói với người ăn xin rằng: Này người nhân ái! Nay ông muốn cầu xin nguyện ước như thế nào đối với ta, ta sẽ ban cho ông, mà trả lại chiếc bát bằng đồng kia cho Trường giả! Lúc ấy người ăn xin bày tỏ với vua Phạm Đức mà nói lời như vậy: Thưa Đại vương! Nếu bây giờ nhất định phải hoan hỷ ban cho tôi nguyện ước, thì nguyện xin Đại vương cho tôi được làm vua đối với tất cả mọi người ăn xin ở trong thành Ba-la-nại này! Lúc ấy vua Phạm Đức lại nói với người ăn xin rằng: Nay tại sao cần phải làm vua đối với những kẻ ăn xin ấy, chỉ nên cầu xin những nguyện ước tốt đẹp khác, hoặc là vàng bạc châu báu, hoặc là tìm trong nước có thôn xóm nào tốt đẹp nhất dùng để phong tặng, Ta sẽ ban cho ông! Lúc ấy người ăn xin lại thưa với nhà vua rằng: Nếu nhà vua hoan hỷ ban cho tôi nguyện ước, thì trước mắt tôi đang muốn đạt được lời nguyện trước mà thôi. Nhà vua bèn trả lời rằng: Tùy sự mong muốn của ông, thuận cho ông thực hiện thôi! Bấy giờ ở trong thành Ba-la-nại, tất cả có năm trăm người ăn xin y theo lời nguyện ước của người ăn xin ấy, cùng gọi mà tập trung lại nói cho biết rằng: Nay tôi được cho phép làm vua của các người, các người cần phải nghe theo sự sắp xếp của tôi! Lúc ấy những người ăn xin hỏi vị vua ăn xin rằng! Nay ông sắp xếp chúng tôi thế nào, khiến làm những việc gì? Bấy giờ người ăn xin nói: Các ông cùng nhau hoặc có lúc đưa tôi đặt lên tên vai, hoặc có lúc nắm tôi mà cõng trên lưng, những người còn lại đều làm tùy tùng của tôi vây tròn xung quanh mà đi. Tất cả năm trăm người ăn xin ấy nghe lời như thế rồi, lập tức thuận theo sự sắp xếp, hoặc có người khiêng kiệu, hoặc có người cõng trên lưng, đi lang thang khắp nơi, gặp những nơi có lễ tiệc mời vào ăn uống thì vào nơi ấy xin ăn, xin được rồi mang về một nơi, phân chia ra cho tất cả cùng nhau ăn uống. Cách làm như vậy nuôi sống thân mạng qua thời gian dài. Lúc ấy có một người ăn xin ở nơi che khuất một mình ăn hạt Ma-hô-trà-ca (Tùy nói là viên thuốc Hoan Hỷ),

bấy giờ vị vua ăn xin đến bên cạnh người kia đoạt lấy thức ăn ấy rồi mang đi. Đồ chúng của nhà vua ăn xin gồm năm trăm kẻ ăn mày, đuổi theo vị vua ăn xin chạy đến một nơi rất xa, mọi người đều mệt mỏi, đã mệt mỏi lắm nên tất cả đều quay trở về. Vị vua ăn xin kia thân lực khoẻ mạnh vô cùng, chạy mà không hề mệt mỏi, lại rất xa xôi bèn quay đầu lại nhìn xem, nhưng năm trăm người ăn xin thảy đều khuất dạng. Đã không trông thấy nữa rồi, bèn đi vào trong một khu vườn lấy nước rửa tay chân, ngồi xuống một chổ mát mẻ muốn ăn thức ăn lấy được. Trong lúc chưa ăn thì sanh tâm hối hận, nay mình không tốt, nay mình tại sao ở bên cạnh người kia đoạt lấy thức ăn của họ? Lại làm cho bọn người tùy tùng của mình phát điên đuổi theo, thức ăn đã nhiều một mình ăn không hết. Nếu trong thế gian có các bậc Thánh nhân, nguyện cầu biết rõ ý tôi mà đến nơi này, tôi sẽ phân cho. Phát tâm này rồi, có một vị Bích-chi-Phật, tên gọi là Thiện Hiền, từ trong hư không cưỡi mây mà đến, ở trước mặt người kia. Từ hư không hạ xuống, cách nhau không xa lắm. Người ấy từ xa trông thấy vị Bích-chi-Phật kia có oai nghi đường bệ, bước đi đều đặn, cử chỉ khoan thai không chậm không nhanh. Trông thấy như vậy rồi, đối với vị Bích-chi-Phật ấy tâm phát sinh niềm tin thanh tịnh. Có được niềm tin thanh tịnh rồi dấy lên nghĩ như vậy: Bởi vì xưa kia mình đã chịu cảnh nghèo hèn hành hạ, thậm chí hiện tại cũng không gặp được phước đức như vậy, đối với người như vậy mà không thực hành bố thí cung kính cúng dường. Xưa kia nếu mình gặp được phước điền như vậy, thì hôm nay sẽ không gặp phải cảnh khốn đốn này, cũng không nên làm cho người khác bị bức bách cấp thiết mà có được mạng sống. Nay mình đem thức ăn này dâng lên người Tiên, không biết người Tiên này có thể tiếp nhận hay không? Nếu được tiếp nhận, nguyện cầu trong tương lai mình sẽ tránh khỏi thân mạng khốn khó nghèo hèn hành hạ này. Dấy lên ý nghĩa này rồi, liền mang thức ăn này dâng lên người Tiên này. Nhưng Vị Bích-chi-Phật có pháp như vậy, chỉ hiện bày thần thông giáo hóa chúng sinh, lại không có pháp nào khác. Lúc ấy vị Bích-chi-Phật tiếp nhận thức ăn kia, từ mặt đất bay vọt lên hư không mà đi. Người ấy trông thấy sự việc diễn ra như vậy nên hoan hỷ nhảy múa, niềm sung sướng tràn trề thân thể không làm sao tả xiết. Bởi vì hoan hỷ cho nên cúi đầu chắp tay, từ xa lễ lạy dưới chân vị Bích-chi-Phật ấy. Lễ lạy như vậy rồi tâm phát lời nguyện rằng: Nguyện cho thân này của con đời vị lai, luôn luôn được gặp đấng Thế tôn như vậy; hoặc là hơn hẳn như vậy, được Đấng Thế tôn ấy thuyết giảng về chánh pháp, nguyện cho con vừa nghe liền được hiểu rõ ràng. Lại nguyện cho con ở trong

đời vị lai, sanh trong gia đình dòng họ cao quý có uy đức to lớn, làm vị vua sửa trị cảm hóa lại không ở trong những người khốn khổ kia. Lại phát ra lời nguyện này: Nguyện cho con đời đời kiếp kiếp không rơi vào ác đạo.

Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: Ta nói lời như vậy, Tỳ-kheo các ông nếu có tâm nghi ngờ vào lúc xưa kia, vị vua của kẻ ăn xin trong thành Ba-la-nại, bố thí cho vị Bích chi Phật món ăn Ma-hô-trà-ca này là ai vậy? Đừng dấy lên cách nhìn sai khác, đó chính là Tỳ-kheo Bà Đề Lợi Ca. lúc ấy vị vua ăn xin bố thí món ăn cho vị Bích-chi-Phật, nhờ nghiệp quả kia mà sanh vào dòng họ vô cùng cao quý của Đại tộc thích Ca, tiền bạc của cải không bao giờ thiếu hụt, bởi vì lời nguyện xưa kia, cho nên nay được ở địa vị vua chúa. Lại nhờ vào lời nguyện xưa kia mà không rơi vào ác đạo, thường sanh vào cõi Trời-người thụ hưởng nhiều vui sướng. Lại nhờ lời nguyện xưa kia nay được gặp Ta, mà được xuất gia, thọ cụ túc giới, đắc quả A-la-hán. Ta lại thọ ký, ở trong hàng đệ tử Thanh văn của Ta, người ở dòng họ cao quý xuất gia đầu tiên chính là Tỳ-kheo Bà-đề-lợi-ca vậy”. Tụng rằng:

Hiền nhân ngưỡng mộ khí tiết cao,
Chí nguyện gieo nhân tố Bồ-đề,
Cưỡi Hạc bay qua chẳng trước sau,
Thúc ngựa vượt khỏi ruộng vua chúa.
Xưa cầu khấn lập thành hoằng thệ,
Cảm báo ứng thành thân Di Đà
Bậc Năng Nhân tu Bát Chánh Đạo,
Vượt lên trước qua chín Đại kiếp.
Danh tiếng lưu truyền khắp Tam Giới,
Từ bi hóa độ khắp Đại thiên,
Che hồng trần chấm dứt vọng tưởng,
Phàm Thánh cùng vui mừng hớn hở.
Chúng sinh cùng chí nguyện hướng về,
Giữ lợi ích dẫn dắt tâm tư,
Sanh tử ắt vĩnh viễn không còn,
Há giống như người Tiên-Trang-Lão?

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 35

Thiên thứ 30: PHÁP PHỤC

Thiên này có sáu phần: Thuật ý, Công năng, Hội danh, tế nạn, Cảm báo và Vi tổn.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Nói rằng ca sa là y phục của phước điền, giống như tháp Phật tôn kính, Nê Hoàn Tăng là y khoác trên thân người xuất gia, tôn trọng giống như giáo pháp. Y gọi là Tiêu Dũ, chọn lấy công năng loại trừ hết phiền não, khải gọi là Nhẫn Nhục, chọn lấy công năng hàng phục các ma quân. Cũng dụ cho hoa sen, không bị bùn dơ làm vấy nhiễm, cũng gọi là tướng cột đá, không bị các tà ma làm nghiêng ngã. Cũng gọi là tướng của thửa ruộng, không bị người trông thấy sinh ra ác tâm. Cũng gọi là y phục cứu giúp loài Rồng, không bị Chim cánh vàng ăn thịt. Cũng gọi là y phục chế ngự tà ma, không bị ngoại đạo làm cho hư hoại. Cũng gọi là màu sắc không đích thực, không bị thế tục vấy nhiễm làm cho tham đắm. Vì vậy giáo có phân biệt về nội ngoại, người có khác nhau về đạo tục. Tại gia thì căn cứ vào ngoại giáo, mặc pháp phục của Tiên Vương, thuận theo pháp ngôn của Tiên vương, trên thì có lễ nghi cung kính cha mẹ, hầu hạ quân vương, dưới thì có tình cảm yêu thương vợ con, rạng danh họ hàng. Đây gọi là dấu chân của lòng cung kính hiếu thuận, lý phù hợp với luật lệ của Nho giáo. Xuất gia thì căn cứ vào nội giáo, mặc pháp phục của chư Phật, thực hành pháp hạnh của chư Phật, trên thì xả bỏ quân vương- cha mẹ mà chú trọng yêu thương cung kính, dưới thì cắt rời vợ con dòng tộc chỉ mong muốn quan quyền rạng rỡ, dùng thiện nghiệp của sự lễ tụng tự mình giúp đỡ cha mẹ, đem phước báo của sự hành đạo để trả ân nặng quốc gia. Đã đồng ý không vì hình hài y phục khác biệt mà làm sai trái, lẽ nào phải đòi hỏi dùng lễ nghi của sự cung kính cha mẹ- hầu hạ quân vương hay sao? Vì vậy, lúc cạo tóc thì Thiên ma nghe mà từ xa đã kinh hãi, ngày khoác y thì Đế Thích thấy mà lòng

hoan hỷ vô cùng. Người nữ đùa vui tạm thời khoác vào mà phước vô lậu lập tức đầy đủ, người say mơ màng cắt bỏ chốc lát mà duyên xấu ác tức thì rời bỏ, rộng con dựa vào mà chấm dứt kinh hãi, voi chúa trông thấy mà luống cuống dừng lại. Vì vậy biết ba chiếc pháp y dùng để che thân, ba loại sắc kềm chế ái tình nhân ngã; đã giống như ruộng lúa, tự thành tựu đức của Ứng Cúng; xa giống như chư Phật, thật sự theo đạo của Hòa Kính. Xuất trần thoát tục có gì cao quý như điều này chăng?

Thứ hai- PHẦN CÔNG NĂNG

Như Kinh Hoa Nghiêm nói: "Khoác chiếc ca sa là Sa lìa ba độc". Lại trong kinh Đại Bi nói: "Nhưng giả sử tánh là Sa-môn, làm bẩn hạnh của Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn, thì hình tướng giống như Sa-môn khoác tấm ca sa, từ Phật Di-lặc cho đến Phật Lâu Chí đã được nhập Niết-bàn cũng không có gì sai sót".

Còn trong kinh Bi Hoa nói: "Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, xưa kia vào thời quá khứ ở trước đức Phật Bảo Tạng phát tâm Bồ-đề, nguyện rằng lúc con thành Phật, khiến cho ca sa của con có năm loại công đức:

1- Lúc con thành Phật rồi, nếu có chúng sinh nào tiến vào trong giáo pháp của con xuất gia khoác ca sa, hoặc là phạm vào giới cấm nghiêm trọng, hoặc là phạm vào tà kiến, hoặc là đối với Tam bảo mà khinh thường hủy báng không tin, tụ tập các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu bà tắc-Ưu bà di phạm tội nghiêm trọng, nếu ở trong một niệm sinh tâm cung kính tôn trọng Phật Pháp Tăng. Chúng sinh như vậy thậm chí một người nhất định sẽ thọ ký cho ở trong Tam Thừa đạt được bất thối chuyển.

2- Lúc con thành Phật rồi, Trời Rộng Quỷ Thần- người và loài chẳng phải người, nếu có thể đối với người mặc cà sa này, khởi tâm cung kính cúng dường- tôn trọng ca ngợi, người ấy nếu có thể thấy một phần ít của chiếc Ca sa của chiếc ca sa này, liền được bất thối chuyển ở trong Tam thừa.

3- Nếu có chúng sinh bị đói khát bức bách khốn khổ, hoặc là quỷ thần nghèo cùng hay những người hèn hạ, thậm chí ngạ quỷ súc sanh, nếu có được một phần ít thậm chí bốn tấc của chiếc ca sa này, thì người ấy liền được ăn uống đầy đủ, tùy những nguyện ước của mình nhanh chóng được thành tựu.

4- Nếu có chúng sinh cùng nhau làm điều sai trái,dấy lên ý nghĩa chống đối thù hận chuyển sang đánh giết lẫn nhau, nếu lúc các loài

Trời rồng- tám bộ quỷ thần- người và loài phi nhân cùng nhau tranh đấu, nghĩ đến ca sa này lập tức sinh khởi Bi Tâm, tâm mềm mỏng, tâm không oán thù, tâm vắng lặng rỗng rang, tâm khéo léo điều phục.

5- Nếu như có người ở trong chiến trận- tranh giành kiện tụng- phân định sự việc, mang một phần ít Ca sa này đến giữa những nơi ấy, để tự bảo vệ mình. Bởi vì cúng dường cung kính- tôn trọng ca sa, cho nên những hạng người này không thể nào xâm phạm hủy báng đàn áp khinh thường được, luôn luôn hơn hẳn người khác- vượt qua những khó khăn này. Nếu như ca sa của con không thể nào thành tựu năm loại công đức linh thiêng như vậy, thì trở thành lừa dối chư Phật hiện tại khắp mười phương thế giới, ở đời vị lai không thành tựu Bồ-đề làm một vị Phật".

Lại trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Nếu có chúng sinh trì giới tín tâm thanh tịnh, biết Tăng là phước điền, bởi pháp y cho nên bố thí một quả cây có giá trị làm thành tấm y, tâm luôn luôn yêu thích mà sinh ra tùy hỷ, mạng chung sanh đến cõi Trời Lâm Hý, tự tại dạo chơi tùy ý đến nơi muốn đến. Nếu sanh trong loài người thì thần đức tự tại. Nếu có chúng sinh tâm phát sinh niềm tin thanh tịnh, vị Tỳ-kheo Tăng vá nhuộm sửa sang ca sa pháp phục, mạng chúng sinh lên cõi Trời Thái Địa, cùng với các Thiên nữ hưởng thụ năm dục vui sướng, ăn uống toàn là cam lộ không có gì say mê tán loạn, từ cõi Trời mạng chung được làm thân người, mọi người đều kính mến".

Thứ ba- PHẦN HỘI DANH

Như kinh Đại Phương Đẳng Đà La Ni nói: "đức Phật dạy: Nếu hướng đến đạo tràng, nên như pháp Tỳ-kheo tu tập các hạnh thanh tịnh, có đủ ba y-tích trượng-lọc nước-bình bát-tọa cụ. Người thực hành nên giữ đúng như vậy, đến nơi đạo tràng đúng như pháp của Tỳ-kheo Tăng.

Đức Phật bảo với A nan: Y có ba loại, một là y của người xuất gia, làm theo cách thức chuẩn mực của ba đời chư Phật, hai là y phục sử dụng thông thường, khiến cho đệ tử của ta lúc đến đạo tràng nên mặc y phục như nhau, thường tùy theo thân không xa rời, nếu rời y này thì phạm tội chướng ngoại đạo; ba y là y phục hành đạo, đầy đủ như y phục sử dụng thông thường, mang đến đạo tràng, thường dùng để đứng-ngồi tùy lúc. Tên gọi ấy như vậy, ông nên tiếp nhận giữ gìn".

Trong Tát-bà-đa Luận hỏi rằng: "Đức Phật có thường cạo tóc hay không? Đáp rằng: Không như vậy, tóc đức Phật thường giống như tóc

cạo, sau mỗi lần bảy ngày. Lại hỏi rằng: Lúc Đức Phật mới đắc đạo có khoác ca sa hay không? Đáp rằng: Không có: Người bạch y được thành Phật, cần phải có ba mươi hai tướng, xuất gia mặc pháp y đầy đủ oai nghi, xa rời phiền não, mà còn có Nhất thiết chủng trí phù hợp trong thân tướng ấy. Ca sa ấy thì thời nhà Tần nói là Nhiễm y. Các phiền não như Kết Ái ...cũng gọi là nhiễm. Người mặc pháp phục này ở giữa thú rừng không hề sợ hãi, vì vậy thợ săn nhờ pháp phục mà khiến cho thú rừng trông thấy từ xa".

Trong kinh Xá-lợi-phất vấn nói: "Ma hA-tăng-kỳ Bộ, chịu khó học nhiều kinh tuyên giảng nghĩa lý chân thật, mà ở trong chổ cư trú của mình cần phải mặc y vàng. Đàm-vô-khuất-đa-ca-bộ, thông suốt ý vị lý lẽ giảng giải khuyên bảo làm cho lợi ích, biểu đạt thù thắng nên mặc y màu đỏ. Tát-bà-đa Bộ, hiểu biết thông suốt nhạy bén mà dẫn giáo pháp để cảm hóa, thuận theo mặc y đen. Ca-diếp Duy Bộ, tinh tiến dũng mãnh hoá che chở chúng sinh, thuận theo mặc y mộc lan. Di Sa Tắc Bộ, Thiền tư đi vào sâu xa nghiên cứu thông suốt bí mật u huyền, thuận theo mặc y xanh. Vì vậy Tỳ-kheo La Tuần Du phân ra bảo vệ không thể nào có được thức ăn, sau đó dùng năm loại y gộp lại càng mặc vào, liền có nhiều thức ăn. Tại vì sao? Bởi vì Tỳ-kheo này đời trước chấp vào tánh-nhiều đố kỵ, thấy Sa-môn đến vội vàng đóng cửa nói rằng: Đại nhân đi vắng. Trông thấy người bố thí nên hoan hỷ nhiếp niệm, phát tâm nguyện làm Sa-môn, vì vậy nay thân tuy được xuất gia mà báo ứng tệ hại vẫn theo đuổi như vậy. Pháp xuất gia của Ta chỉ mặc vải thô và áo của người chết, vì thế La Tuần Du có ý nhận lấy các loại y".

Còn trong Tam Thiên Oai Nghi nói: "Có bốn sự việc khi đến nước khác không khoác ca sa không có tội: 1- Không có chùa tháp, 2- Không có Tỳ-kheo Tăng, 3- Có trộm cướp, 4- Quốc vương không thích đạo pháp".

Thứ tư- **PHẦN TẾ NẠN**

Như trong Tăng Kỳ Luật nói: "Xưa kia lúc đức Phật tại thế, Tôn giả Đạt-ni-ca lấy trộm gỗ của quan phủ mà tội còn không bỏ. Lúc ấy Bình Sa Vương tín kính Tam bảo, thấy Đạt-ni-ca thân khoác ca sa, tuy lấy gỗ của quan phủ mà tôn kính không hỏi đến. Tỳ-kheo thấy rồi bèn thưa với đức Phật rằng: Đạt-ni-ca này đời trước gieo nghiệp gì, làm cho Bình sa vương tha thứ như vậy? Đức Phật bảo với Tỳ-kheo: Chính là quá khứ trước kia, lúc bấy giờ có một con chim chúa của loài cánh vàng, thân hình rất lớn, hai cánh cách nhau hơn sáu ngàn dặm, thường vào ở

trong biển bắt rồng ăn thịt. Các loài Rồng theo lẽ thường rất sợ chim vàng, thường cầu có ca sa đặt trên cửa cung điện, chim trông thấy ca sa sanh tâm cung kính, nhân đó không tiếp tục việc làm trước kia là ăn thịt các loài Rồng ấy. Lúc chim ăn thịt Rồng, dùng cánh quạt nước biển tách ra loài Rồng hiện bày mà bắt lấy để ăn thịt. Lúc ấy có một con rồng bị chim truy đuổi, liền lấy ca sa mang vào trên thân, tìm bờ mà chạy. Bấy giờ chim cánh vàng hoá làm Bà-la-môn, truy đuổi phía sau con rồng chưởi mắng rất dữ dằn: Nay ngươi vì sao không buông ca sa này? Con rồng sợ chết cho nên nắm chặt không bỏ. Lúc bấy giờ bên bờ biển có một vị Tiên, con rồng thì sợ hãi chạy đến nơi vị Tiên, chim trông thấy vị Tiên không dám dữ dằn như trước. Vị Tiên lập tức xuất hiện thuyết pháp cho chim, bảo chim hướng về với rồng cùng nhau sám hối xong đều rời bỏ thù oán. Đức Phật bảo với Tỳ-kheo: Vị Tiên xưa kia chính là thân Ta bây giờ, chim cánh vàng chính là Bình Sa Vương bây giờ. Con rồng lúc ấy chính là Đạt-ni-ca bây giờ, xưa kia nhờ ca sa mà được thoát nạn chim ăn thịt, nay lại nhờ vào nhân duyên ca sa của Ta mà được thoát khỏi nạn của nhà vua, xuất gia tu đạo đạt được quả A-la-hán. Vì vậy nên biết, uy lực của ca sa không thể nghĩ bàn được".

Trong kinh Hải Long vương nói: "Lúc bấy giờ có Long vương bèn thưa với Đức Thế tôn rằng: Vô số loài Rồng ở trong biển này, có bốn loại chim cánh vàng, thường ăn thịt loài Rồng này và vợ con của rồng, nguyện cầu đức Phật che chở giúp cho thường được yên ổn! Thế là Đức Thế tôn cởi chiếc y màu đen trên thân, bảo với Hải Long vương rằng: Ông lấy chiếc y này chia cho các loài Rồng, đều làm cho rộng khắp. Có một sợi chỉ của chiếc áo này, chim chúa cánh vàng không có thể xúc phạm, loài nào giữ cấm giới thì sở nguyện nhất định đạt được. Bấy giờ các loài Rồng trong lòng đều kinh hãi, tất cả đều tâm niệm rằng: Chiếc y màu đen của đức Phật thì thật là bé nhỏ, làm sao có thể chia đủ cho tất cả loài Rồng trong biển lớn! Lúc ấy đức Phật liền biết trong tâm rồng đang nghi ngại, Ngài bảo với Long vương rằng: Giả sử tất cả nhân dân trong tam thiên đại thiên thế giới, đều phân chia chiếc y màu đen của Như lai thì cuối cùng không thể hết được; ví như hư không, thuận theo nơi mong cầu thì tự nhiên có đủ. Bấy giờ Long vương liền lấy chiếc y của Phật mà phân làm vô ương số trăm ngàn vạn đoạn, phân ra cho tất cả loài Rồng, tùy theo những nơi thiếu kém, rộng hẹp to nhỏ tự nhiên cung cấp cho, chiếc y ấy vẫn như cũ hoàn toàn không biết gì là dùng hết. Nên cung kính chiếc y này, giống như cung kính Đức Thế tôn, giống như cung kính chùa tháp. Đức Phật dạy: Nhìn thấy y của Như lai thì thoát khỏi

thân loài Rồng, ở trong hiền kiếp đều đạt đến nơi không còn đắm trước sẽ nhập Niết-bàn, bây giờ bốn chim chúa cánh vàng cùng với ngàn quyến thuộc, tất cả cùng thưa với đức Phật rằng: Hôm nay chúng con tự quy y Tam bảo, sám hối lỗi lầm trước đây đã phạm, vâng mạng giữ gìn cấm giới. Từ hôm nay trở đi luôn luôn dùng sự vô úy giúp cho tất cả loài Rồng, ủng hộ chánh pháp cho đến lúc cuối cùng, không làm trái lời dạy của Phật! Đức Phật bảo với bốn chim chúa cánh vàng: Các ngươi trước kia vào thời đức Phật Kim Nhân, là bốn Tỳ-kheo tên gọi Hân Lạc-Đại Hân Lạc-Thượng Thắng-Thượng Hữu, bốn Tỳ-kheo này phạm giới pháp, tham đắm vào sự cúng dường mà không giữ gìn thân khẩu ý, làm rất nhiều điều ác, cúng dường đức Phật Kim Nhân cũng không thể tính được. Nhờ nhân duyên này cho cho nên không đọa vào địa ngục, mà đoạ vào loài cầm thú như vậy từ trước đến nay giết hại vô số chúng sinh không thể kể được. Đức Phật hiện thần thông khiến cho biết rõ túc mạng, tội phước đã tạo ra thảy đều nhớ lạii rõ ràng, chúng con thà mất thân mạng chứ không dám phạm vào điều ác. Đức Phật thuyết kinh cho nghe và trao cho lời quyết định rằng: Lúc Phật Di-lặc xuất thế trong hội thứ nhất các ngươi đều sẽ được độ thoát".

***Thứ năm-* PHẦN CẢM BÁO**

Như Kinh bách Duyên nói: "Thời đức Phật tại thế, trong thành Ca-tỳ-la-vệ có một Trưởng giả, tên gọi Cù Sa. Vợ Trưởng giả sanh một bé gái đoan chánh tuyệt đẹp, có áo vải bông màu trắng quấn thân mà sanh ra, nhân đó đặt thành tên, gọi là Bạch Tịnh. Tuổi dần lớn lớn thì áo cũng lớn lên theo, tươi sáng thanh khiết không cần phải giặt vết bẩn, mọi người trông thấy tranh nhau cùng cầu xin kết bạn. Bạch Tịnh thưa với cha mẹ rằng: Nay con không ham vinh hoa của thế tục, nguyện vui với đời sống xuất gia, cha mẹ yêu thương hết lòng nên không thể làm trái ý của của con gái, tìm dẫn đến nơi đức Phật cầu xin nhập đạo. Đức Phật bảo: Thiện lai! Tỳ-kheo Ni! Lập tức đầu tóc tự nhiên rụng hết, áo trắng trên thân thay đổi làm thành ca sa, trở thành Tỳ-kheo Ni tinh cần tu tập, đạt được quả vị A-la-hán. A nan trông thấy sự việc, thỉnh hỏi nhân duyên ấy, đức Phật bảo với A nan: Trong hiền kiếp này có đức Phật xuất thế, danh hiệu là Ca-diếp, dẫn các Tỳ-kheo đi khắp nơi làng mạc thôn xóm giáo hóa chúng sinh. Lúc ấy có cô gái gặp đức Phật và chúng Tăng trong lòng vô cùng hoan hỷ, mang một tấm vải bông bố thí đức Phật và chúng Tăng, phát nguyện mà đi xa. Nhờ công đức này sanh trong loài người hay trên cõi Trời, thường có áo sạch quấn thân mà

sanh, cho đến hôm nay gặp được cơ duyên xuất gia đắc đạo trong đời của Ta, Tỳ-kheo nghe xong hoan hỷ vâng mạng thực hành".

Lại Kinh Bách Duyên nói: "Thời đức Phật tại thế, ở nước Ba-la-nại có vị vua tên là Phạm Ma Đạt, vợ nhà vua sanh một bé gái thân khoác ca sa, đoan chánh xinh đẹp hiếm có ở thế gian, nhân đó đặt làm tên gọi là Già Thi Tôn Đà Lợi. Tuổi dần lớn thì chiếc y cũng lớn theo, bẩm tánh hiền lành nhân từ và rất hiếu thuận. Một hôm dẫn các thị vệ ra ngoài thành dạo chơi, dần dần đi đến trong vườn Lộc Dã, trông thấy tướng tốt của đức Phật trong lòng rất vui thích, tiến lên lễ lạy dưới chân Phật rồi lùi lại ngồi một bên. Đức Phật thuyết pháp cho nghe, tâm rộng mở ý thông suốt đạt đến quả Tu-đà-hoàn. Lại cầu xin xuất gia, đức Phật bảo: Thiện lai Tỳ-kheo ni! Đầu tóc tự nhiên rụng hết thân mặc pháp phục, tu tập tinh cần nên đạt được quả vị A-la-hán. Chư Thiên và người thế gian trông thấy đều rất tôn kính ngưỡng mộ. Lúc ấy các Tỳ-kheo trông thấy sự việc này rồi, thỉnh hỏi nhân duyên ấy, đức Phật bảo với Tỳ-kheo: Vô lượng đời kiếp thời quá khứ trước kia, có đức Phật xuất thế, danh hiệu là Gia Na Mâu Ni, dẫn các Tỳ-kheo đi khắp nơi giáo hóa chúng sinh. Lúc ấy có con gái của nhà vua nhân dịp dạo chơi trông thấy đức Phật, trong lòng rất vui thích, tiến lên lạy dưới chân đức Phật, thỉnh cầu đức Phật và chúng Tăng xin được cúng dường đức Phật nhận sự thỉnh cầu cúng dường bốn thứ cần thiếc trong ba tháng rồi, lại dùng y tuyệt diệu cúng dường mỗi vị một chiếc. Nhờ công đức này sanh trong loài người hay trên cõi Trời đều được tôn vinh cao quý, thường có ca sa theo thân mà sanh ra. Đức Phật bảo với Tỳ-kheo, Nên biết con gái của nhà vua xưa kia, nay chính là Tỳ-kheo ni Tôn Đà Lợi! Tỳ-kheo nghe rồi vâng mạng thực hành".

Lại trong kinh Bách Duyên nói: "Thời đức Phật tại thế, phu nhân của vua Ba-tư-nặc sanh được một bé trai, đoan chánh tuyệt vời hiếm có ở thế gian, thân khoác ca sa, sanh ra đã có thể nói năng, hỏi vua cha rằng: Đức Thế tôn Như lai nay Ngài còn không? Đại Đức Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, như vậy hỏi hết để biết là còn hay không. Vua cha đáp rằng: Các ngài còn đương tại thế. Chỉ mong Đại vương vì con thiết trai cúng dường, thỉnh cầu đức Phật và chúng Tăng. Lập tức truyền lệnh để thỉnh cầu, đức Phật đi vào Vương cung rồi, trông thấy Thái Tử ấy Ngài mới hỏi rằng: Ông tự nhớ lại mình thời đức Phật Ca-diếp, ông là Tỳ-kheo Tam Tạng hay không? Đáp rằng: Thật sự là vậy! Ở trong bào thai này được yên ổn hay không? Nhờ ân của Phật để lại nên được bảo toàn tính mạng- được sống qua ngày mà thôi. Lúc ấy nhà

vua và phu nhân thấy Thái tử cùng với đức Phật Thế tôn hỏi đáp qua lại như vậy, vui mừng không sao tả xiết, bèn thưa với đức Phật rằng: Nay Thái Tử này xưa kia gieo trồng phước thiện gì, mà sanh ra đã nói được, lại có thể cùng với đức Phật cảm ứng có hỏi đáp qua lại, chỉ nguyện cầu Đức Thế Tôn giảng giải tất cả cho chúng được biết! Bấy giờ Đức Thế tôn liền vì nhà vua thuyết kệ rằng:

Duyên đời trước tạo nhiều phước thiện,
Qua trăm đời kiếp mà còn mãi,
Nhờ vào nhân duyên thiện nghiệp xưa,
Hôm nay được cảm báo như vậy.

Trong hiền kiếp này có đức Phật xuất thế danh hiệu là Ca-diếp, dẫn các Tỳ-kheo đi khắp nơi giáo hóa chúng sinh, đến nước của vua Ca Sí; lúc ấy thái tử của nhà vua, tên gọi Thiện sanh, trông thấy đức Phật Thế tôn trong lòng vô cùng tín kính, trở về thưa với vua cha cầu xin nhập đạo. Nhà vua không chấp thuận và bảo rằng: Ta chỉ có một mình con để tiếp nối ngôi vị Quốc vương chăm lo cho dân chúng, dứt khoát không đồng ý cho con xuất gia nhập đạo! Lúc ấy thái tử của nhà vua nghe rồi, lòng rất buồn bã, nhất định bỏ ăn trải qua sáu ngày, sợ rằng thân mạng sẽ bị tổn hại, nên truyền cho thái tử đến trước vua cha thề nguyện với nhau rằng: Nay con nếu như có thể đọc tụng thông suốt kinh sách Tam Tạng, sau đó đến gặp cha, cha sẽ đồng ý cho con xuất gia. Lúc ấy thái tử nghe xong, trong lòng rất vui sướng nên ngay sau đó xuất gia, đọc tụng học tập tất cả Tam Tạng khiến cho thông suốt. Nhà vua rất hoan hỷ, bèn nói với Tỳ-kheo rằng: Nay tất cả tài vật trong kho tạng của Ta, tùy ý con lấy sử dụng hoàn toàn không luyến tiếc gì. Thế là Tỳ-kheo Vương tử sau khi được vua cha cho phép, lấy tiền bạc sắm sửa đồ ăn thức uống chu đáo, thỉnh đức Phật Ca-diếp cùng hai vạn Tỳ-kheo để cúng dường. Cúng dường đã xong, mỗi một Tỳ-kheo đều được dâng tặng ba y sáu vật dụng. Nhờ công đức này không sanh vào thế gian ác trược, sanh vào trong loài người hay trên cõi Trời thường có ca sa phủ trên thân thể mà sanh ra. Cho đến hôm nay thì gặp được Ta, cho nên có ca sa mà xuất gia đắc đạo. Tỳ-kheo nghe xong hoan hỷ vâng mạng thực hành”.

***Thứ sáu-* PHẦN VI TỔN**

Như kinh Hiền Ngu nói: “Vô lượng A-tăng-kỳ kiếp quá khứ xưa kia, cõi Diêm-phù-đề này có vị Đại Quốc vương, tên gọi Đề Tỳ, thống lãnh tất cả tám mươi bốn ngàn nước chư hầu. Vào thời đại ấy không

có Phật, chỉ có vị Bích-chi-Phật ở trong núi rừng, dùng phước hoá độ chúng sinh nên cầm thú cũng được ích lợi. Lúc ấy có con Sư tử, tên gọi Kiên Thệ, thân thể sắc vàng rực rỡ chỉ ăn cỏ cây, không làm hại các sinh vật khác. Có một thợ săn, cắt bỏ râu tóc thân mặc cà sa, bên trong mang theo cung tên đi vào rứng trông thấy Sư tử, trong lòng nghĩ rằng: Có thể giết chết Sư tử lột lấy bộ da để dâng tặng nhà vua, đủ để thoát khỏi cảnh nghèo khó. Gặp lúc Sư tử đang ngủ, thợ săn bèn dùng tên độc bắn làm bị thương. Sư tử giật mình tỉnh giấc liền muốn xông lên làm hại, trông thấy đang mặc áo ca sa thì tự nghĩ rằng: Người mặc cà sa ở thế gian không lâu nhất định được giải thoát. Vì sao như vậy? Bởi vì ca sa này chính là nêu rõ tướng mạo của Thánh nhân ba đời, nếu như mình làm hại thì tâm ác dấy lên. Vì thế lòng hướng về các bậc Hiền Thánh ba đời, ý niệm làm hại liền chấm dứt, tên độc thấm vào thân thể, mạng sống còn lại không bao lâu, bèn thuyết kệ rằng: Gia-la-la, bà-xa-sa, sa -ha.

Lúc thuyết lời này, Trời đất chấn động dữ dội, không có mây mà tuôn mưa, chư Thiên nhìn thấy rải hoa cúng dường. Sư tử chết rồi thợ săn lột da mang về để dâng tặng nhà vua, cầu mong được tiền thưởng. Nhà vua trông thấy bèn nghĩ rằng: Kinh sách có nói, nếu có cầm thú nào thân hình sắc vàng rực rỡ, thì đó ắt phải là vị Bồ-tát, nay mình tại sao ban thưởng vì vật ấy, nếu như ban thưởng thì cùng với người kia nào khác gì? Nhà vua bèn hỏi rằng; Lúc Sư tử chết có điềm gì ứng hiện chăng? Thợ săn thưa rằng: Miệng thuyết ra tám chữ, Trời tuôn mưa-đất chấn động-không có mây mà đổ mưa. Nhà vua nghe lời này rồi, buồn vui lẫn lộn, lập tức truyền gọi các đại thần, khiến giải thích ý nghĩa này nhưng không có ai có năng lực giải thích được. Lúc ấy trong núi rừng có một vị Tiên, tên gọi Xa ma, có sở trường giải thích nghĩa lý của chữ. Nhà vua liền thỉnh cầu đến giải thích cho nhà vua. Gia-la-la ấy nghĩa là người cạo tóc mặc cà sa, ở trong sanh tử mau chóng được giải thoát. Bà Xa sa ấy nghĩa là người cạo tóc mặc cà sa, đều là tướng mạo của Hiền Thánh ba đời, gần nơi Niết-bàn. “Sa ha” ấy nghĩa là người cạo tóc mặc cà sa, sẽ được tất cả chư Thiên và người thế gian trông thấy mà cung kính ngưỡng mộ. Vị Tiên ấy giải thích xong, nhà vua vô cùng hoan hỷ, liền cho mời tám mươi bốn ngàn vị vua nước chư hầu, tất cả tề tựu cùng làm chiếc xe cao to bằng bảy báu chở bộ da Sư tử, thắp hương rải hoa hết lòng cúng dường, dùng vàng ròng làm quan tài, đặt bộ da Sư tử vào đó để xây tháp thờ cúng. Nhân dân lúc bấy giờ nhờ thiện tâm này, sau khi mạng chung đều được sanh lên cõi Trời.

Đức Phật bảo với A nan: Sư tử lúc bấy giờ nhờ phát thiện tâm hướng về người mặc cà sa, trong mười ức vạn kiếp làm Chuyển-luân-vương, cung cấp đủ cho chúng sanh, gieo trồng nhiều phước nghiệp, cho đến được thành Phật. Sư tử lúc ấy chính là thân Ta bây giờ. Vua Đề tỳ lúc ấy, nhờ nhân tố cúng dường bộ da Sư tử, cho nên mười vạn ức kiếp sanh trong loài người hay trên cõi Trời đều ở địa vị Tôn quý bậc nhất, tu các điều thiện căn bản, nay chính là Di-lặc. Vị tiên lúc ấy, nay chính là Xá-lợi-phất. Thợ săn lúc ấy chính là Đề bà đạt đa. Bởi vì nghĩa này, cho nên nếu có chúng sinh nào khởi tâm xấu ác hướng về những Sa-môn mặc áo ca sa, thì nên biết rằng người này đã dấy lên tâm ác hướng về chư Phật và Hiền Thánh ba đời. Bởi vì dấy lên tâm ác cho nên nhận chịu vô lượng tội lỗi. Nếu có chúng sinh nào có thể phát tâm tin tưởng, cung kính đối với người xuất gia mặc cà sa thì có được vô lượng phước thiện”,

Trong kinh Đại Tập Nguyệt Tạng nói: “Đức Phật dạy: Ta xưa kia vì tất cả chúng sinh, tu cáchạnh khổ hạnh khởi tâm đại bi, xả bỏ thân mạng đầu mắt mũi lưỡi..., tất cả giống như Tỳ phước la, và xả bỏ voi ngực thành trì vợ con thân yêu; trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp, thương xót tất cả chúng sinh khổ não, và hạng bài báng chánh pháp hủy nhục Hiền Thánh, hạng chúng sinh bất thiện không có tàm quý, cho đến các hạng chúng sinh mà tất cả quốc độ thanh tịnh của chư Phật không thâu nhận nổi. Vì các chúng sinh thuộc loại như vậy, cho nên ta phát nguyện ở trong đời ác đầy năm trược thành tựu đạo quả Vô thượng, để cứu độ chúng sinh khổ não trong ba đường, đưa vào nẽo thiện an lành đạt đến niềm vui tự tại của cõi Niết-bàn. Nếu có chúng sinh, ở trong giáo pháp của Ta làm đệ tử xuất gia của Ta, trừ bỏ râu tóc thân mang pháp phục ca sa, tuy không thọ giới cho đến thọ rồi mà hủy phạm, như vậy có ai hộ trì cúng dường người này, thì đạt được quả báo to lớn, huống là cúng dường đầy đủ cho người trì giới thanh tịnh. Nếu như ở đời vị lai, hàng Quốc vương-Đại thần và người phân định sự việc, đối với đệ tử của Ta và người mang ca sa mà chưởi mắng, làm nhục, đánh đập, giam cầm, hoặc là xúi giục kẻ khác chiếm đoạt tiền bạc đồ dùng và vật dụng giúp đỡ cuộc sống của họ, thì người như vậy đã hủy hoại Báo thân chân thật của chư Phật ba đời, đã làm hại ánh mắt của tất cả Trời người, đã làm cho chánh pháp của hết thảy chư Phật bị che lấp, khiến cho chư Thiên và loài người rơi vào chốn địa ngục.

Lúc ấy Kiều trần như và Phạm Thiên vương bèn thưa với đức Phật rằng: Nếu có người nào theo đức Phật mà cạo bỏ râu tóc, thân mang ca

sa nhưng không thọ cấm giới, thọ rồi mà hủy phạm, nếu Quốc vương-Đại thần và người phân định sự việc, bắt bớ-đánh đập-mắng nhiếc-làm nhục thì phải nhận chịu bao nhiêu tội lỗi? Đức Phật bảo với Phạm vương: Nay Ta tạm nói sơ lược điều ấy cho ông. Nếu có người làm cho vạn ức đức Phật chảy máu thì phải nhận chịu tội lỗi nhiều không? Phạm vương thưa với đức Phật: Nếu như người nào làm chảy máu trên thân một đức Phật, thì tội lỗi hãy còn nhiều đến vô lượng vô biên, huống là làm cho vạn ức đức Phật chảy máu, thì rốt cuộc không có ai có thể nói tất cả tội nghiệp quả báo của người ấy được. Đức Phật bảo với Phạm vương: nếu có người não loạn-chưởi mắng-làm nhục-đánh đập-giam cầm người vì ta cạo tóc khoát mặc cà sa- không thọ giới hay thọ mà hủy phạm, thì phải nhận chịu tội lỗi nhiều hơn người làm cho vạn đức Phật chảy máu. Tại vì sao? Bởi vì người này vì Ta xuất gia cạo tóc khoắc mặc cà sa, tuy không thọ giới hoặc thọ mà hủy phạm, người này hãy còn có thể chỉ rõ đạo lý Niết-bàn cho các hàng Trời người, người này đã ở trong Tam bảo phải được sinh tâm cung kính tin tưởng, hơn hẳn tất cả chín mươi lăm loại ngoại đạo, người đó nhất định có thể nhanh chóng đi vào Niết-bàn, hơn hẳn tất cả người thế tục tại gia, vì vậy cho nên Trời người hãy tùy thuận cúng dường. Nếu có Quốc vương thấy người xuất gia làm nhiều tội lỗi ác nghiệp, chỉ có thể như pháp đuổi ra khỏi lãnh thổ quốc qua và ở ngoài chùa, không nên đánh đập và chửi mắng làm nhục, tất cả không nên giống như tội lỗi của người ấy đã tạo. Nếu như cố tình đánh mắng thì người này đã thối thất giải thoát, và xa lìa con đường tốt lành của tất cả Trời người, chắc chắn quay lại hướng vào địa ngục A Tỳ, huống gì đánh mắng người vì Phật xuất gia trì giới thanh tịnh? Tụng rằng:

Ngoài thần khiết trong tâm sáng tỏ,
Giống như vốn liếng về Tịnh độ,
Giới phẩm giữ gìn không thiếu sót,
Pháp phục oai nghi luôn thứ tự,
Đã làm theo đường nét ruộng lúa,
Cũng cứu giúp loài Rồng khốn khổ,
Uy đức dung mạo hãy quán xét,
Mưa pháp tưới thấm ân tốt đẹp”.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra năm chuyện: 1- Tây Vực Chí nói có ca sa linh nghiệm của đức Phật; 2- Ngụy Minh Đế có ca sa Hỏa Cán Bố linh ng-

hiệm; 3- Tống Sa-môn Thích Tăng Diệu có ca sa linh nghiệm; 4- Đường Sa-môn Thích Tuệ Quang có ca sa linh nghiệm; 5- Đường Sa-môn Đạo Tuyên cảm ứng thông suốt ca sa linh nghiệm.

1: Trong Tây Vực Chí nói: "Bên cạnh khu rừng Sa La Song Thọ có một chiếc giường khác lạ, ở trên đó có bức tượng đức Phật Thích Ca, nằm nghiêng hông bên phải, thân dài hai trượng hai thước bốn tấc, lấy ca sa màu vàng rực phủ lên, nay giống như vẫn còn nhiều lần phát ra ánh sáng thần kỳ. Lại ở phía Đông Bắc của thành vương Xá là núi Kỳ xà quật có tảng đá là dấu tích ca sa của đức Phật. Thời đức Phật tại thế, đến hồ này tắm gội cởi y móc vào đây, có con chim đại bàng quắp cà sa bay lên cao, lát sau rơi xuống đất hóa thành tảng đá này, đường nét dọc ngang nay vẫn cón rõ ràng. Phía Nam nơi ấy có chổ xưa kia đức Phật nhìn ruộng lúa dạy cho đệ tử là Nan đà làm ra ca sa, cũng nhiều lần có ánh sáng tốt lành xuất hiện. Đại Đường phái những người như Vương Huyền Sách..., trước sau ba lần, đến nơi ấy trông thấy điều này không phải là một".

2: Thời Ngụy Văn Đế, không tin ở phương Nam có Hỏa Cấn Bố, Văn Đế nói: Công dụng của lửa còn có thể làm cho đá nát vàng tan, tại sao không đốt cháy được vải đó? Văn Đế đã băng hà đến thời Thái Tử là Minh Đế lên ngôi, vua nước Tây Liêu có dâng tặng chiếc ca sa Hoả Cán Bố, Minh Đế lúc đầu y theo lời cha không tin, lấy lửa thử xem nhưng đốt lâu mà không hư hoại, mới biết là có chứng cứ lời nói không giả dối. Trước đây Văn Đế đã ghi vào trong sách sử, văn có đoạn nói là không tin Hỏa Cán Bố, cho nên tự mình sửa lại là có thật.

3: Thời nhà Tống có Sa-môn Tăng Diệu, người vùng Thượng Đảng, con nhà họ Phùng, sinh sống tại thôn Thượng Minh Giang Lăng. Tăng Diệu đến đầu niên hiệu Đại Minh, đi xin khắp vùng Linh Lăng, nhân đó dừng lại sinh sống ở Quận tri Tinh xá Long Hoa, buôn bán tích trữ gạo cơm đến mấy ngàn hộc. Cuối năm thứ tám niên hiệu Đại Minh, chùa Long Hoa bị hỏa hoạn cháy trụi, Tăng Diệu Sắp qua đời đem tiền bạc đồ vật giao cho đệ tử là Pháp Tông, khiến xây dựng giảng đường-Tăng phòng. Pháp Tông xây dựng giảng đường xong Pha đà diên nói: Giờ Mùi xây dựng Tăng phòng. Đến tháng Giêng năm thứ ba niên hiệu Thái thỉ, bị bịnh rất nặng, lúc ấy có Tỳ-kheo Đạo Mãnh, thuận theo Truyền Lăng khiến đến Cao Dương đồng ý ở huyện Tịnh Tuệ, huyện chính là ấp của Quận Trị. Đạo Mãnh đến thăm hỏi bệnh tình của Pháp tông, đi vào chùa mấy bước trông thấy một Sa-môn mặc quần vải hoa đào khoác áo mỏng màu vàng, đi mà mắng rằng: Tiểu Tử pháp Tông

này làm trái sự sắp xếp của Ta, không xây dựng Tăng phòng, làm hao tốn phân tán tiền bạc vật dụng... Đã quay lại trông thấy Đạo Mãnh hình như có vẻ giật mình xấu hổ, dùng áo che đầu đi vào phòng Pháp Tông. Đạo Mãnh qua lại thăm viếng chùa này nhưng chưa hề gặp Sa-môn này, không muốn đường đột xúc phạm, nên trước tiên bày tỏ với đạo nhân Pháp Siêu để nói những điều thấy và nghe. Pháp Siêu nghi ngờ Đạo Mãnh có lẽ là nói lời không thật, hỏi để kiểm tra lại hình dáng-âm thanh, Đạo Mãnh nói đầy đủ tất cả. Pháp Siêu nói: Chính là thầy của Pháp Tông, qua đời đã mấy năm nay mà vẫn còn than thở buồn phiền. Đêm ấy liền hiện điềm linh thiêng bảo người mau gọi Pháp Tông. Pháp Tông đã đến, nhiều lần trách mắng rất nghiêm khắc, còn đem việc Tăng phòng để nói, âm thanh sức lực không khác gì lúc thường ngày, Pháp Tông cúi đầu nhận lỗi đã xong, thưa hỏi Hòa thượng nay sanh đến nơi nào, thiện ác ra sao? Tăng Diệu nói: Nơi sanh ra lại thô kệch có thể chấp nhận mà thôi, nhưng phải bị trách móc đôi chút, hết hai năm mới có thể tránh được, vả lại có phần nào ức chế đôi lúc muốn tố cáo những người điều khiển, bởi vì không có ca sa nên không có thể đi lại được, hãy gấp rút may ca sa giúp ta! Pháp Tông nói: Ca sa có thể may được, nhưng không biết Hòa thượng nhận được thế nào? Tăng Diệu nói: Ông nên thỉnh Tăng thiết cúng dùng ca sa làm vật cúng dường, Ta sẽ nhận được. Pháp Tông như lời dặn thiết lễ cúng dường Tăng chúng và dâng y phục. Lúc ấy Đạo Mãnh ở trong trai hội, lại thấy Tăng Diệu ngồi dựa ngoài cửa phòng chắp tay nghe kinh. Thọ nhận cúng dường bố thí xong, đạo mãnh đã thấy ca sa khoác ở thân Tăng Diệu, vẫn tiến vào trong phòng muốn theo thứ tự Tăng chúng đến chổ ngồi, hỏi đạo mãnh hạ lạp bao nhiêu? Đạo Mãnh nói: Tôi quên năm ấy rồi, nhưng đúng là tháng hai của năm lấy Dũng Lổ-Lâm Giang ấy mà. Tăng Diệu nói: Cùng hạ lạp với tôi, được coi là lớn hơn một tháng mà thôi! Bèn ngồi phía dưới Đạo Mãnh, Đạo Mãnh liền để trống một chổ ngồi, Tăng Diệu chỉ lặng lẽ nghe theo, đến lúc rời chổ ngồi thì không còn thấy nữa. Lúc ấy đạo tục trong một phòng hơn một trăm người, Thái thú linh Lăng là Thái Sơn Dương Xiển cũng tham dự pháp hội, từ khi Đạo Mãnh và Tăng Diệu bàn luận qua lại, mọi người chỉ nghe một mình Đạo Mãnh nói mà thôi, vì sao đều biết linh nghiệm? Thật ra thì Đạo Mãnh và Tăng Diệu không quen biết nhau, mà nói đến hình dáng diện mạo cử chỉ hạ lạp lớn nhỏ không có gì không phù hợp với nhau. Pháp Tông bắt đầu bị bệnh nguy khốn đến tính mạng, linh thiêng đến nói rằng: Gối lên thì bệnh sẽ khỏi. Lời nói Linh Thiêng đã phát ra đại khái là giống như trẻ nhỏ, mà

âm thanh sức lực sử dụng làm cho người nghe không sao biện giải được điều khác lạ, cho nên cùng tin là thần dị. Ban đầu Dương Xiển không tôn trọng giáo pháp cho lắm, nhân điều này mà phát khởi cung kính hết lòng, liên tục thiết lập những việc làm tích tập phước thiện, ngay năm đó tổ chức thuyết giảng ở tại chùa này, trì trai bố thí.

4: Năm thứ năm niên hiệu Trinh Quán-Đại Đường, đệ tử Pháp sư Tuệ Quang chùa An Dưỡng ở Lương Châu, họ Mẫu nhà nghèo bên trong không có áo lót, đi vào phòng con lấy ca sa cũ, khâu lại mà mặc, cùng với các bà mẹ hàng xóm tụ tập nói cười, bỗng nhiên cảm thấy chân nóng ran, dần dần lên đến eo lưng. Trong chốc lát sấm sét chấn động, ném các bà mẹ hàng xóm ra ngoài trăm bước, bùn đất nhét đầy hai tai, mê man qua một ngày mới tỉnh lại được. Bà mẹ đã dùng chiếc áo liền bị chấn động mà chết, lửa cháy đen nhẻm thân hình co rúm, trên lưng có ghi rằng: Bởi vì sử dụng pháp y không đúng như pháp. Người con thu nhận thân xác đem đi mai táng, lại tiếp tục chấn động xảy ra, thế là phơi bày hình hài giữa rừng, đến cuối cùng phân tán không còn. Vậy thì biết thọ trì pháp y là phước lợi quy y của loài Rồng, tin chắc không giả dối! Gần đây có Sơn cư Tăng ở trong núi sâu hoang vắng, dùng y che chắn phía trước, cảm thấy có thần linh kỳ dị xuất hiện, hình dạng vô cùng đáng sợ, thò cánh tay vào bên trong tìm kiếm muốn bắt lấy người ở trong đó, sợ chạm vào ca sa ngăn ngại nên không vào được, thế là được thoát nạn.

Hai chuyện trên đây trích từ Đường Cao Tăng Truyện.

5: Thời đời Đường có Đạo Tuyên Luật Sư ở chùa Tây Minh, trú trì vào tháng hai trọng xuân năm thứ hai niên hiệu Càn Phong, nhân duyên cảm ứng đầy đủ quyển thứ mười.

Lúc ấy có bề tôi của Tứ Thiên vương, thưa với Đạo Tuyên Luật Sư rằng: Như lai sắp Niết-bàn, trước đây chưa đầy ba tháng, bảo Văn-thù-sư-lợi rằng; Ông đến giới đàn đánh chuông, triệu tập Bồ-tát bốn phương cùng các Tỳ-kheo và tất cả tám bộ Trời rồng, khiến tề tựu nơi Tinh xá Kỳ-hoàn! Văn-thù làm theo lời dạy báo cho đại chúng tề tựu rồi, Đức Thế tôn bảo với Văn-thù và đại chúng rằng: Từ lúc Ta vượt thành vào núi học đạo, đem y phục quý báu vô giá đổi được áo lông hươu để mặc, có thọ thần hiện thân, tay cầm y Tăng-già-lê, nói với ta rằng: Thái Tử Tất đạt Đa, nay ngài tu đạo chắc chắn đạt được chánh giác, thời quá khứ vào lúc đức Phật Ca-diếp Niết-bàn, đem Đại y Tăng-già-lê trải ra nơi này gởi gắm dặn dò tôi, khiến cố gắng giữ gìn đợi đến lúc Nhân Giả xuất thế khiến tôi giao cho Tất Đạt, tôi vào lúc ấy muốn nhận đại y thì

mặt đất chấn động dữ dội. Thọ nhận nói rằng: Nay vì Ngài mở y nêu rõ tướng của phước điền! Thọ Thần đã mở ra Ta trông thấy tướng phước điền, liền đi vào Kim cang Tam Muội Định, mặt đất lại chấn động dữ dội. Thọ thần lại nói: nay Ngài hãy còn là người thế tục, chưa thích hợp để khoác Đại y này, nên đặt trên đỉnh đầu cung kính cúng dường, khiến cho Ngài cầu Phật đạo không bị ma quân nhiễu loạn! Ta y theo lời Thọ Thần, liền đưa lên đội trên đỉnh đầu. Lúc Ta mới đội lên đầu thì mặt đất chấn động, không hơn được thân ta. Địa Thần Kiên Lao ở nơi ấy từ ranh giới Kim cang nhảy lên ra khỏi núi Kim cang, tùy theo những nơi ta đi, khắp nơi dựa theo ta, mới được an trú. Lúc ấy ta khổ hạnh 6 năm nên thân thể gầy yếu, Đại y vẫn đội trên đầu không dám rời bỏ xao lãng, chỉ có Phạm vương nhiều lần đến gặp ta, thấy ta vất vả mệt nhọc nên khởi tâm thương xót sâu sắc vô cùng, mang y Tăng-già-lê của ta lên đến cõi Phạm Thiên, mặt đất lại chấn động dữ dội, mặt trăng mặt Trời không còn ánh sáng. Địa Thần lại nói với Phạm vương rằng: Ông nên mang y trờ lại đặt trên đỉnh đầu! Phạm vương nghe theo lời khuyên, mắt đất mới yên ổn, mặt trăng mặt Trời tỏa sáng trở lại. Thái Tử lại bảo với Phạm vương: Ông biết tại sao y Tăng-già-lê ở trên đỉnh đầu ta hay không? Đáp rằng: Không hề biết! Thái tử nói rằng: Đây là bởi vì ở đời vị lai các hạng Tỳ-kheo-Tỳ-kheo ni bất thiện, không kính trọng pháp phục giải thoát của ta; dùng y đặt ở trên đỉnh đầu để phá tan mọi âm mưu làm cho Thiên ma ngoại đạo phái hàng phục. Ta đi vào dòng sông tắm gội, lúc nhận cháo sữa của hai cô gái chăn trâu, khoác mặc Đại y này liền đạt được niềm an lạc của cõi Thiền thứ ba, mọi khổ đau đều không còn. Ta ngồi nơi cội Bồ-đề lần đầu chuyển pháp luân, lúc bấy giờ Thọ Thần mang tháp đến dâng lên cho Ta, khiến ta cởi y phục này xếp gọn vào trong tháp. Từ lúc ta thành Phật đến nay năm mươi năm, kính trọng đại y này, giữ gìn tự mình giặt giũ, thường khiến cho thần Kim cang nâng lên mang đặt vào tháp báu, chưa hề đặt nơi mặt đất. Cứ mỗi lần chuyển pháp luân thì khoác pháp phục này. Từ lúc thành đạo đến nay khoác mặc năm mươi lần, Ta sắp Niết-bàn cần phải có người để gởi gắm dặn dò.

Đức Phật bảo với Văn-thù và các Tỳ-kheo cùng tất cả Trời rồng tám bộ: Đây là Tăng-già-lê bằng vải của đức Phật Ca-diếp có uy đức vĩ đại, ta dùng Phật nhãn nhìn khắp tất cả Trời rồng quỷ thần và Thập Địa Bồ-tát, không ai có năng lực lay động đại y này. Đã không có ai có thể lay động thì chỉ có Như lai nâng Đại y này đưa vào tháp đi quanh giới đàn ba vòng, từ phía Nam hướng về phía Tây theo bậc thềm bước

lên phía trên giới đàn, từ phía tây hướng về phía Bắc chuyển đến đứng hướng mặt về phía Bắc, Đức Thế tôn tung tháp y vào giữa hư không, tháp y phát ra ánh sáng chiếu rọi khắp trăm ức quốc độ, tất cả mọi nơi đau khổ nhờ ánh sáng đều được diệt trừ, giống như cây cõi Trời ở quốc độ Diệu Lạc. Như lai phát ra âm thanh bày tỏ với hết thảy chư Phật: Tôi sắp Niết-bàn, có Tăng-già-lê bằng vải thô của đức Phật Ca-diếp xưa kia, giao cho tôi trú trì chúng sinh thời mạt pháp chư Phật Như lai khắp mười phương, cầu nguyện các ngài bố thí một chiếc y cùng nhau giữ gìn mạt pháp! Chư Phật mười phương nghe lời này rồi, các Ngài lập tức cởi y Tăng-già-lê để bố thí đức Phật Thích Ca. Đức Thế tôn tiếp nhận rồi ma vương lại thưa với đức Phật rằng: Cúi đầu nguyện thương xót đồng ý cho, con muốn cúng dường vàng bạc châu báu dùng để làm cho tháp y hưng thịnh, nguyện xin được xem xét đồng ý! Đức Thế tôn đồng ý rồi, liền dùng thần lực trong nháy mắt các tháp đều thành tựu. Tháp đã hiện bày, Đức Thế tôn tự mình mang Đại y đưa vào trong từng tháp báu. Ma chúng thưa với đức Phật: Không biết tháp này giao phó cho người nào, an trí ở nơi đâu? Ngay sau đó Như lai trước lúc Niết-bàn, liền bảo với La Vân: Ông bảo A nan đến đây! A nan đã đến, Đức Thế tôn phóng ánh sáng chiếc rọi khắp đại thiên, trăm ức đức Phật Thích Ca cùng tập trung ở Kỳ-hoàn. Chư Phật đã tập trung. Đức Thế tôn liền từ chổ ngồi đứng dậy bước lên giới đàn. Lại bảo với A nan: Ông đi đến quốc độ Chấn Đán, ở tại hang núi Thanh Lương, bảo với Văn-thù-sư-lợi, Ta muốn giao phó y Tăng-già-lê của đức Phật Ca-diếp! Các đức Phật Thích Ca, liền cùng với Văn-thù, trong khoảnh khắc đã đến giới đàn. Đức Phật bảo với Văn-thù và các đại chúng tề tựu: nay Ta Niết-bàn, muốn giao cho ông tháp y của Phật Ca-diếp, giữ gìn giáo pháp của Ta để lại, sau khi ta nhập Niết-bàn, đem tháp y của Phật Ca-diếp đặt về phía Bắc Giới đàn của Ta trải qua mười hai năm! Ngài lại bảo với Tứ Thiên vương: Các ông mang nhạc Trời thường cúng dường tháp y!

Đức Phật bảo với Văn-thù: Có Tỳ-kheo xấu ác cùng nhau tranh chấp hủy diệt chánh pháp của ta, nước Bắc Thiên Trúc có vị vua tàn ác cai trị thế gian, tin nhận Tiểu thừa phỉ báng Đại thừa, người học Tiểu thừa lại kích động làm mê hoặc lẫn nhau, ác ma đã giăng lưới, vì vậy mà giết hại người học Tam tạng Đại thừa. Đức Phật bảo với Văn-thù: Vì nhân duyên này thuận theo an trú phía bắc giới đàn trong mười hai năm, lúc vị vua tàn ác cai trị thế gian hủy diệt chánh pháp, ông hãy dùng thần lực nâng tháp y mang đi khắp nơi đất nước kia, thâu nhận tất cả giáo pháp Đại thừa đưa vào trong tháp; Tỳ-kheo trì giới nơi ấy bị nhà

vua giết hại, đều có y Tăng-già-lê thọ trì đúng như pháp, ông cũng thâu nhận đưa vào bên trong tháp y của Ta. Tỳ-kheo trì giới kia thọ mạng chưa hết, thì ông hãy dùng thần lực tiếp nhận mang đến đặt trên đỉnh núi Tu di! Lúc bấy giờ ma vương thưa với đức Phật rằng: Con ở đời vị lai hộ trì chánh pháp, đến lúc vị vua tàn ác kia diệt trừ đại thừa, con từ trên đỉnh núi Tu di đi xuống dùng núi đá to lớn, đè ép vị vua tàn ác kia và Tỳ-kheo xấu ác, giống như hại bụi nhỏ. Con có một ngàn người con cùng có uy lực to lớn, sanh xuống cõi Diêm-phù-đề làm vua các nước kia, tất cả cùng xây dựng một vạn chốn già lam cúng dường Tăng chúng; khắp cõi Diêm-phù-đề và tất cả các thế giới. Làm cho lo buồn trừ diệt và luôn luôn hộ trì chánh pháp. Đức Phật bảo với Văn-thù: Ông mang tháp y bát của Ta, đi khắp nơi cõi Diêm-phù-đề và tất cả các thế giới, cho đến an trí khắp nơi Đại Thiên Thế giới, trấn giữ giáo pháp của Ta để lại, có tháp của A Dục Vương, cũng khuyến khích khiến cho xây dựng khắp quốc độ Tam Thiên.

Đức Phật lại bảo với Văn-thù-sư-lợi: Ông dùng thần lực hướng đến trên lầu cao bảy báu phía tây căn phòng trong Tinh xá Kỳ-hoàn, lấy hòm châu ngọc của Ta đem chỉ rõ cho đại chúng. Lúc Ta mới vượt thành xa rời thân phụ và vương cung, đi qua bốn mươi dặm đến lùm cây kia, thân có phần mệt mỏi uể oải, tạm thời dừng lại nghỉ ngơi, lúc ấy thọ thần nơi đó hiện thân nói với Ta rằng: Nay Ngài tu đạo nhất định đạt được thân sắc vàng, làm bậc Đại Sư của Tam giới, lúc đức Phật Ca-diếp Niết-bàn, gởi gắm dặn dò trao hòm ngọc và y Tăng-già-lê cho tôi, khiến tôi chuyển lại giao phó cho Ngài. Ta nói với thọ thần rằng: Ông trao y Tăng-già-lê bằng lụa không phải là vật Ta có thể sử dụng, ta nghe các bậc đi trước đã nói, chư Phật xuất thế không mang y bằng lụa tơ tằm, nay ta tu đạo làm sao nỡ tổn hại chúng sinh? Đem trao y cho Ta mang, nay ông là ma cho nên đến làm phiền Ta ư? Thọ Thần nói rằng: Ngài là người Đại Trí sao nhất định phải nói lời trách móc vậy, chư Phật vì lòng Từ bi Phật sự không mang y bằng lụa tơ tằm, tơ này hóa hiện làm ra chứ không phải là hại đến chúng sinh, nay Ngài nhận hòm ngọc này, mở ra trong đó có chữ sẽ rõ. Ta liền mở hòm trông thấy đầy đủ những điều lạ lùng, có Đại Tỳ- ni và Tu đa la Tạng, giáo pháp để lại của Phật Ca-diếp đều ở trong này, và thấy y Tăng-già-lê cùng thư để lại chính là bút tích của đức Phật Ca-diếp, gởi gắm dặn dò Thọ Thần khiến giao phó cho Ta. Đức Phật Ca diếp viết rằng: “Lúc Ta mới thành đạo Đại Phạm Thiên vương bố thí cho Ta loại tơ ấy, là hóa hiện làm ra không phải là ươm tơ mà có. Phạm Thiên vương làm tơ dọc, Kiên Lao Địa thần Vương làm sợ

tơ ngang, do hai thí chủ ấy cùng làm thành một pháp y. bởi vì ý nghĩa này, nay mang đến bố thí cho ta. Từ lúc ta thành đạo đến nay thường khoác y này chưa hề làm hư hoại, nay giao cho Tất Đạt, nếu được thành Phật, thì lấy y Tăng-già-lê của Ta an trí vào trong Tinh xá Kỳ-hoàn, nếu lúc chuyển vận Tỳ-ni thì nên mặc y này thay ta! Nay để lại y này, một trăm năm sau khi ông Niết-bàn , mới có Tỳ-kheo Vô Trí phân Tạng Tỳ-ni ra làm năm bộ. Đến một trăm năm sau Phân Tạng Tu đa la của ông, làm thành vô lượng Bộ Sự tranh luận do đó khởi lên khiến cho giáo pháp mau chóng hủy diệt. Bởi vì Tăng ngu si lúc ấy không tìm hiểu Tam Tạng, nghe khai mở được phép mặc y tốt đẹp thì trở thành sát hại kén tằm. Nếu sau khi ông thành đạo, tơ ấy tự nhiên xuất hiện ở các nước chứ không phải là sát hại kén tằm mà có, cho nên ta đem giao cho Thọ Thần, nay chuyển đến giao cho ông. Trong hòm này đều là giáo pháp của Ta để lại, cũng đem giao cho ông trú trì giáo pháp để lại”. Ta đã đọc thư xong, mặt đất tức thì phát sinh sáu loại chấn động, hòm ngọc tự nhiên mở ra đồng thời phát ra ánh sáng rạng rỡ. Thọ Thần lại nói với Ta rằng. Nên đem hòm y này đặt trên vai trái của Ngài, thường khởi tâm cung kính đặt nơi nào khác, hòm ngọc ở trên vai có năng lực phá tan các ma quân và làm cho ngoại đạo phải hàng phục, khiến cho mau chóng thành Phật. Ta từ lúc tiếp nhận hòm ngọc đến nay, luôn luôn đặt trên vai, thậm chí lúc ngồi dưới cây Bồ-đề thọ nhận bát cháo sữa, Đế Thích đi đến chổ Ta lấy chiếc hòm từ trên vai, mở ra lấy y Tăng-già-lê khiến Ta khoác mặc lại lấy y Tăng-già-lê bằng vải thô của Phật Ca-diếp đặt ở phía trên y bằng lụa tơ tằm. Phạm vương cùng Đế Thích lại bố thí Đại y bằng vải, Ta theo như trước tiếp nhận, đã khoác ba lớp y, hai lớp là y của Phật Ca-diếp, một lớp là y của Ta thừa nhận. Đại Phạm Thiên vương đến nói với Ta rằng: Con thấy chư Phật quá khứ, cũng khoác ba lớp Đại y mà mặt đất vốn không thể nào hơn được, Đức Thế tôn thích hợp có thể cởi bớt hai lớp Đại y, trả lại đặt vào nơi ban đầu, khoác y của con đã làm, thì mặt đất mới được an trú! Ta liền nghe theo lời Thiên vương nói, mặt đất mới được an trú như vậy.

Vả lại, đức Phật Thích Ca từ lúc mới thành đạo cho đến Niết-bàn, chỉ mặc y Tăng-già-lê bằng vải thô và ba y bằng vải bông trắng, Ngài chưa mặc y bằng lụa tơ tằm tốt đẹp. Vì sao những Tỳ-kheo xấu ác bài báng bôi nhọ Ta rằng: trong giáo Tỳ-ni khai mở cho phép được mặc loại y này? Lúc mới thành đạo Tỳ-kheo ni Ái Đạo, tay bưng ca sa bằng sợi vàng, mang đến bố thí cho ta, Ta không dám nhận, khiến mang đến bố thí chúng Tăng, huống hồ Ta làm Đại Sư của ba cõi mà khoác mặc

pháp y làm bằng kén tầm ư? Ở trong ba tạng giáo của ta tuy cho phép sử dụng màu sắc rực rỡ cúng dường Phật pháp Tăng, nhưng căn bản không phải là sợi tơ kéo ra từ miệng tầm. Ta ở Châu Diêm-phù-đề này và Đại Châu khác, có 1tám trăm nước lớn, đều có tơ lụa màu sắc rực rỡ, đều làm ra từ bàn tay của những người phụ nữ, chứ không phải làm ra từ trong miệng tầm. Bởi vì không sát hại mạng sống của chúng sinh, cho nên cảm được phước nghiệp, làm ra từ bàn tay của những người phụ nữ. Hỏi: Vì sao biết được? Đáp: Như lúc cần phải có tơ làm y thì cần phải thắp hương đến dưới cây dâu, sẽ có hai người phụ nữ hóa hiện, từ dưới cây dâu kia lộ rõ hình hài, như bé gái tám tuổi, từ trong miệng nhả tơ. Những người ở nước kia chỉ làm ra guồng kéo sợi, lấy tơ từ miệng người phụ nữ, chuyển đến trong guồng kéo sợi, lấy đủ thứ dừng lại, phụ nữ hóa thân liền biến mất. Ta cho phép mặc y màu sắc rực rỡ, chính là tơ của người phụ nữ này và màu sắc rực rỡ tự nhiên, vốn không phải làm hại sinh mạng lấy tơ mà sử dụng, tại sao bài báng Ta làm hại sinh mạng lấy tơ mà sử dụng như vậy?

Lúc bấy giờ Văn-thù liền thưa với đức Phật rằng: Nay có chút nghi ngờ mong muốn có sự quyết định, không biết Đức Thế tôn cho phép hay không? Đức Phật bảo với Văn-thù: Có thể tùy theo ý ông! Con quan sát tâm tư đại chúng đều có nghi ngờ, trước đây nói: Hòm ngọc bé nhỏ của Phật Ca-diếp, chỉ dài ba tấc ba phân, chứa được một chiếc y Tăng-già-lê ấy cũng sợ rằng không đủ chổ, huống gì chứa đủ ba tạng giáo của Phật Ca-diếp và dấu tích của tất cả kinh điển được ư? Đức Phật bảo với Văn-thù cùng tất cả đại chúng rằng: Chính là năng lực không thể nghĩ bàn được của chư Phật, chỉ có Phật và Phật mới có năng lực biết được, không phải là phạm vi tính toán của các ông mà biết được. Đức Thế tôn lại khiến Văn-thù-sư-lợi nâng chiếc hòm lên, Đức Thế tôn đứng dậy làm lễ, dùng ngón tay chạm vào chiếc hòm giống như mở cánh cửa của tòa thành đồ sộ, đại chúng đều nhìn thấy tất cả mọi sự việc, tháp ngọc, y lụa, lầu đài vàng bạc, mấy chục vạn nơi chốn chứa đầy các Tạng kinh pháp của Phật. Lại có nhạc Trời thường xuyên cúng dường, đài cao bốn mươi dặm, tháp cao mười do tuần. Nhưng mà chiếc hòm không hề Tăng giảm, vẫn là ba tấc như ban đầu. Chư Phật mười phương thảy đều ca ngợi đức Phật mâu ni, có năng lực ở đời ác trược rộng độ cho mọi chúng sinh, các Ngài đều tặng y Tăng-già-lê và một hòm ngọc, dùng để giúp đỡ Tôn giả mâu ni trú trì giáo pháp để lại, đức Phật bảo với Văn-thù khiến mở chiếc hòm của Phật, trong đó đều có đầy đủ Đại y, đài cao, lầu quán, ba tạng kính pháp-dấu tích giáo

hóa, hoàn toàn giống như tòa tháp của Phật Ca-diếp, bình đẳng không có gì sai khác. Đức Phật bảo với Văn-thù. Ông đem tòa tháp àny trở về đến Kỳ-hoàn an trí bên trong đài cao phía Bắc của giới đàn lại thưa hỏi: Sau khi Đức Thế tôn Niết-bàn, hòm này, tháp này sẽ giao cho ai và an trí nơi nào? Đức Thế tôn hướng về các đại chúng dạy rằng: Nay giao cho Văn-thù đặt trên giới đàn, trải qua ba năm rồi di chuyển đặt ở góc Đông Nam, an trú nơi này trải qua ba mươi năm. Qua năm này rồi, sau đó di chuyển an trú ở phía Nam hồ Quang Minh trên đỉnh núi Tần Già La thuộc Tây Ấn Độ. Sau khi Như lai diệt độ trải qua bốn mươi lăm năm, có một vị vua tàn ác xuất hiện ở thế gian phá hoại Phật pháp đàn áp Tăng Ni, không thể nào nói hết. Lúc bấy giờ xuất hiện ma vương-binh chúng và Thiên vương thần tướng, sẽ dùng đá lớn đè chết vị vua tàn ác, Long vương Sa Kiệt dìm cung điện kia làm thành hồ nước to lớn. Giòng tộc của vị vua tàn ác không có ai sót lại, chỉ có chốn già lam và những thôn xóm dân chúng cư trú. Người ở vùng Tây Ấn Độ rất nhiệt thành làm cho lớn mạnh, chùa chiền có mười ba vạn ngôi, Tăng chúng có sáu mươi vạn người, và chúng Bồ-tát cũng có vô lượng; kinh có mười ba vạn tạng, kinh thêu chữ bằng chỉ vàng có tám vạn Tạng; Phật tượng bằng vàng châu báu lớn thì cao một trăm thước, nhỏ thì một trượng sáu, tất cả có một trăm ba mươi vạn pho tượng, đương nhiên tượng nhỏ còn lại thì không thể nào tính đếm được. Số kinh tượng này đều là do công thợ và Thiên vương cõi Đao Lợi cùng nhau làm ra. Bởi vì nhân duyên này, cho nên những di vật y-tháp của Phật đều hướng về an trú nơi dãy núi kia. Đến một ngàn bảy trăm năm sau vào cuối thời Tượng pháp, Ta ở cõi Diêm-phù-đề này và trong những Tứ Thiên Hạ rất nhiều Tỳ-kheo tệ hại, xây dựng chốn Già lam mà không tu tập Thiền-Tuệ cũng không đọc kinh điển không biết văn tự, cho dù có biết thì trong số ngàn chỉ có một hai. Đến thời thế ác trược ấy, khiến Văn-thù-sư-lợi nâng giữ hòm ngọc ý tháp... đi qua khắp các nước giáo hóa nhân dân khiến xây dựng tháp y. dùng năng lực thần thông phủ khắp Đại Thiên Thế giới, làm cho những Tỳ-kheo tệ hại kia bỏ điều ác tu dưỡng điều thiện, học tập hiểu biết Tam tạng khiến cho giáo pháp tồn tại lâu dài. Những việc làm đã xong, mang tháp y trở về đặt lại chổ cũ, đến lúc Di-lặc xuất thế khiến Văn-thù-sư-lợi mang tháo giao cho Phật Di-lặc. Đây là nơi an trú, cho nên gởi gấm giao phó cho nhau.

Lại sau khi Như lai thành đạo, vào năm thứ hai mươi mốt, đức Phật bảo với Đại Mục Liên: Ông đi phía Bắc giới đàn trong Tinh xá Kỳ-hoàn đánh chuông triệu tập mười phương Tăng như các Bồ-tát Phổ Hiền-

Quán Âm ..., đồng thời tập trung trăm ức hóa Phật Thích Ca là phân thân của Ta, tất cả dựa theo lầu quán đến nơi giới đàn! Y theo lời dạy tề tựu rồi, đức Phật bảo với Bồ-tát Phổ Hiền: Ông đến nơi hồ Di Hầu, nơi ta thường kinh hành có y Tăng-già-lê hư rách, góc y có toà tháp ngọc nhỏ bé, có thể mang về đây! Phổ Hiền nghe theo lời dạy mang đến Kỳ-hoàn. Đức Thế tôn tiếp nhận tòa tháp này rồi, liền nói cho đại chúng biết rằng: Lúc ta mới vượt thành đến trên lầu cao của tường thành, thần giữ thành khen ngợi ta rằng: Tôi là Thần giữ thành này, trải qua đến nay mười ba kiếp, thấy chư Phật quá khứ, đều vượt thành học đạo, xé toạc mạng lưới ân ái-giết chết quân giặc phiền não, thành tựu đạo quả Vô thượng độ thoát tất cả chúng sinh. Nay Ngài cũng như vậy, đừng làm cho có sự lui sụt! Thời Phật Phật Ca-diếp giao cho tòa tháp ngọc nhỏ bé, đợi lúc Tất-đạt vượt thành khiến tôi giao cho Ngài. Đây là tòa tháp Tứ Nha Ấn của đức Phật Câu-lưu-tôn, lần lượt giao cho nhau đến đức Phật lâu chí. Thái tử tiếp nhận rồi lễ lạy tòa tháp xong, tòa tháp phát ra ánh sáng rực rỡ, cửa tháp tự nhiên mở ra, thì thấy bốn chiếc răng và giáo pháp để lại của đức Phật, có đài quán bằng vàng bạc, số đó đến tám vạn, cùng rất nhiều kinh luật. Lại có đài quán bằng ngọc ma ni, phía trên thường có đèn hương cúng dường, và bên cạnh có ghi chữ bằng bạc nói cho Thích Ca Văn Phật biết: Lúc ông mới thành đạo hãy chọn lấy một chiếc răng phù hợp in vào chân ông, dưới chân hiện rõ tướng Thiên bức luân; tiếp theo chọn lấy một chiếc răng phù hợp in vào trong bàn tay của ông, thì có tướng chữ vạn hiện bày; lại chọn lấy một chiếc răng phù hợp in vào trên đỉnh đầu ông, thì có tướng Đại Viên Quang hiện bày. Sau khi Ta thành đạo y theo bốn ấn này, hễ vào thì tướng hiện bày, đều như trước đã nói. Ấn xong vào bên trong tháp thì của tự nhiên khép lại, nền tháp có bài minh, khiến đặt vào góc của ca sa. Từ khi thành đạo đến nay đặt ở trên vai trái. Lại bảo với các vị Phật phân thân và đại chúng Trời người, tất cả đều bố thí một tháp ngọc an trú chờ đến vị lai. Chư Phật y theo lời dạy bố thí xong, cùng giao cho Phổ Hiền giữ gìn, đợi lúc Như lai Niết-bàn , chuyển đến trong Kỳ-hoàn an trí vào phía Bắc giới đàn, đến lúc Xà suy (Trà tỳ) phân chia Xá-lợi xong, khiến Phổ Hiền giữ gìn, an trú hai mươi năm về sau giao cho Văn-thù, mở tháp lấy bốn chiếc răng này. Đến thời kỳ cuối của chánh pháp, khiến truyền cho các nước trong cõi Diêm Phù trú trì chánh pháp. Cho đến 1một trăm năm sau, đem bốn chiếc răng ấn chứng này tạo hình tượng cho trăm ức thế giới, đều có ánh sáng phát ra làm nảy sinh tâm hy hữu. Sau đó cho đến bốn châu- sáu tầng Trời cõi dục đều lưu thông giáo hóa làm lợi ích.

Về sau Văn-thù-sư-lợi đem cho Đức Phật Di-lặc.

Lúc bấy giờ Đức Thế tôn lại bảo với đại chúng: Lúc Ta mới thành đạo sắp bước vào dòng sông tắm gội, lúc ấy thần sông hiện thân tay bưng tháp báu này, bên trong có hộp vàng ròng, chứa một chiếc y An-đà-hội, và một tấm Ni-sư-đàn, cùng có một cái trú bình bát, bốn chiếc răng của Phật Ca-diếp đều còn trong hộp. Đây là vật của Phật Ca-diếp giao cho con khiến giao lại cho Đức Thế tôn, nay tắm gội xong thỉnh Ngài khoác y An-đà-hội!

Ta liền nhận lấy mặc vào, mặt đất phát sinh 6 loại chấn động, mà bốn góc y A Đà Hội phát ra ánh sáng soi chiếu đến trăm ức quốc độ, các Phạm vương mười phương theo ánh sáng tìm đến nơi ta, tiến lên thưa với ta rằng: Y ngũ điều làm bằng vải bông trắng này giống như y của đức Phật Câu-lưu-tôn, đức Phật Niết-bàn rồi lần lượt gởi gắm cho nhau, đến đức Phật Lâu Chí. Sau khi đức Phật Thích Ca Niết-bàn gởi gắm cho Long vương Sa Kiệt, khiến dựa theo pháp y này làm ra tám vạn chiếc, vẫn xây tháp cúng dường trấn giữ giáo pháp để lại cho đời sau, mà bốn góc y An-đà-hội này và đầu mỗi điều của y, đều an trí chữ vạn. Y này tạo ra sớm nhất trong hiền kiếp, mà hình dạng tháp báu này cùng là năm tấc, nhưng Đức Thế tôn mở tháp hiện bày lầu quán bằng châu ngọc thực sự, số đó đến tám vạn, chứa đựng giáo pháp để lại của đức Phật Câu-lưu-tôn đã thuyết ra. Lại có ba Tỳ-kheo đệ tử của đức Phật ấy toạ thiền. Đức Phật bảo với Văn-thù: ông lấy tù và giáo pháp của Ta, đến nơi Tỳ-kheo kia thổi lên nhạc khúc đức Phật xuất hiện ở thế gian! Văn-thù nghe theo lời dạy thổi tù và Tỳ-kheo nhập định liền đứng dậy, hỏi Văn-thù-sư-lợi: nay có đức Phật nào xuất thế? Văn-thù đáp rằng: Đức Phật Thích Ca là vị Phật thứ tư trong Hiền kiếp này xuất thế. Ba Tỳ-kheo kia cùng đến lễ lạy đức Phật rồi đứng về một bên, liền thưa với đức Phật rằng: lại đức Phật Câu-lưu-tôn nhập Niết-bàn, giao cho chúng con Y An-đà-hội-Ni-sư-đàn và cái đãy đựng bình bát, khiến con trú trong tháp này, cho đến đức Phật Lâu Chí, khiến con mới được nhập Niết-bàn, Đức Phật Ca-diếp còn giao chon con bốn chiếc răng, đức Phật Mâu Ni ban cho con một số móng tay chân và tóc, đều đặt ở trong tháp. Sau khi Đức Thế tôn Niết-bàn từ trong tháp đi ra đến cõi Diêm-phù-đề này cho đến Đại thiên thế giới, lưu bố y và tháp khắp mọi nơi để trấn giữ giáo pháp để lại cho đời sau.

Lại hỏi: Như lai thành đạo rồi, đức Phật hóa độ chúng của anh em Ca-diếp nhiều dần lên, ở tại vườn trúc Ca-lan-đà tập hợp thành hai Bộ Tăng; ở bên hồ nước khiến hai Bộ chúng đều cởi y Tăng-già-lê, bảo trải

Ni-sư-đàn ra, Tỳ-kheo ngồi ở trên đó, khiến đưa y Tăng-già-lê đặt trên đỉnh đầu Tỳ-kheo là sao? Bấy giờ Đức Thế tôn hỏi Tỳ-kheo: Ông hiểu ý ta hay không? Tỳ-kheo thưa rằng không thể hiểu được. Đức Phật bảo rằng: Một ngàn một trăm năm sau khi ta diệt độ, có nhiều Tỳ-kheo phi pháp làm hủy diệt chánh pháp của Ta, có vị Quốc vương tàn ác sát hại Tỳ-kheo, thiêu đốt kinh tượng cho nên Như lai từ chổ ngồi đứng dậy, tự mình cởi ý Tăng-già-lê đặt trên đỉnh đầu.

Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: Y Tăng-già-lê này củaTa là hình thức của chư Phật quá khứ-vị lai, đều mặc y này đến được nơi giải thoát, Tỳ-kheo tệ hại thời kỳ cuối cùng không thọ trì ba y, cũng không trì giới mà lại khinh thường pháp y, làm cho giáo pháp mau chóng hủy diệt. Nay Ta ban cho ông tất cả Đại y trong Tam Thiên Thế giới, mong ông thọ trì đừng làm cho tổn thất. Nên dùng vải thô để may y Tăng-già-lê này, không được dùng các loại tơ lụa mượt mà rực rỡ để may y. tất cả sử dụng vải thô may y, khiến cho hàng Tỳ-kheo thời kỳ cuối cùng không ham thích y phục lòe loẹt!

Lúc Đức Thế tôn phát ra lời này, mặt đất xuất hiện sáu loại chấn động, Trời người không còn than vãn mà vô cùng hoan hỷ. Nay những Đại y này, Đức Thế tôn dạy đem giao cho Tứ Thiên vương và các Sứ Giả của tám bộ, khiến cho tám bộ quỷ thần giữ gìn y này, đừng làm cho tổn thất, đợi đến lúc Di-lặc xuất thế thì giao lại cho đức Phật ấy. Lại giao cho Phạm vương Đế Thích nếu đến sáu ngày trai Tăng hằng tháng hay ba tháng trường trai hàng năm, thì quét dọn cung điện cõi Trời sạch sẽ, khiến mang y Tăng-già-lê đến nơi cung Trời ấy để cúng dường, cất trong hộp bằng bảy báu, dùng ngư đầu-chiên đàn-trầm thủy-mạt hương, nấu lấy nước hương để giặt giũ y Tăng-già-lê, phơi hong làm cho khô khan rồi, sau đó lấy bột hương, đặt vào trong hộp bảy báu dùng để xông ướp y Tăng-già-lê, khiến cho Đại y đó tồn tại lâu dài. Lục trai thì bảy ngày-trường trai thì một tháng, sau khi trải qua ngày tháng này, trở lại giao cho Tứ Thiên vương, đây chính là nơi để bảo quản giữ gìn.

Đức Thế tôn lại bảo với A nan rằng: Hãy đi đến trên đỉnh núi Tu di đáng chuông, triệu tập tất cả các Tỳ-kheo bốn phương, đều quy tụ nơi giới đàn! Tất cả đều tự nói, người đạt được Tứ quả gồm có tám trăm vạn người, đều khiến cởi y bảy điều khoác mặc y Tăng-già-lê. Trước đây Ưu Đa La mang đến trước Đức Thế tôn, Như lai tự tay nhận lấy an trí lên đỉnh đầu, Đức Thế tôn tự cởi y bảy điều an trí phía trên các y. Như lai cất tiếng bảo cho tất cả đại chúng Trời-người-rồng-thần... biết rằng: Ta từ trong vô lượng kiếp, xả bỏ đầu mắt tủy não và tiền bạc châu

báu trong ngoài thân thể, mới có được chiếc y giải thoát, chứng quả Bồ-đề Vô thượng giáo hóa tất cả chúng sinh. Sau khi Ta Niết-bàn, những Tỳ-kheo tệ hại không tin theo giáo pháp của Ta, không nghiêm trì cấm giới-không giữ gìn y giải thoát, không có uy đức mà làm cho chánh pháp hủy diệt. Những Tỳ-kheo ni xấu xa không thuận theo giáo pháp răn dạy, ở trong đạo tràng Kim cang làm những việc làm bất tịnh, giống như chốn cư ngụ dâm loạn, không thực hành tám pháp tôn trọng mà lại khinh mạn Tỳ-kheo, làm cho chánh pháp của Ta hủy diệt mau chóng, khiến chúng Trời người giảm bớt-những hạng ác hiểm đầy rẫy mọi nơi. Nay Ta cùng với các người phát bốn thệ nguyện to lớn, nghĩ thương cho những Tăng Ni tệ hại ở đời tương lai, giữ gìn bảo vệ pháp y này đừng làm cho tổn thất, an trí trong tháp để Phật pháp trú trì! Lúc thuyết lời này, mặt đất vang lên sáu loại chấn động, Trời-người-rồng-thần thở than hoan hỷ, âm thanh vang khắp Đại thiên thế giới. (Ngũ điều y An-đà-hội và Ni-sư-đàn của Như lai, phát khởi rất nhiều hỏi đáp, phần lớn giống như Tăng-già-lê. Thế tôn đều nhận lấy các loại châu ngọc quý báu từ Phạm vương-Đế Thích-Ma Vương...Thế tôn tạo pháp không quá bảy ngày mà tháp báu đều thành tựu, lần lượt giao phó với nhau, cho đến lúc Di-lặc xuất thế thì giao lại cho đức Phật ấy lưu thông).

Lại nữa, Đức Thế tôn lúc mới thành đạo hóa độ năm anh em Kiều Trần Như xong, đến trong năm thứ bảy, các đệ tử Thanh văn dần dần Tăng nhiều. Có một Tỳ-kheo, tên gọi Chân Đà La, là người nước Cù-đà-la ở phía Bắc của Diêm-phù-đề, dựa vào buôn bán làm nghề sinh sống, đi đến vùng Trung Thiên Trúc, được gặp đức Phật và xuất gia học đạo. Nước ấy không có lụa là gấm vóc, mọi người trong nước chỉ mặc một tấm da thú làm áo che thân. Tỳ-kheo Chân Đà La này, ở tại thành Vương Xá trông thấy một tấm da thú, đi theo người thế tục ấy mua làm ca sa, người thế tục ấy mỉa mai chê cười có Tỳ-kheo thưa với đức Phật. Đức Phật gọi đến trách mắng, Ngài bảo cho các đại chúng biết: Ta ở cõi Diêm-phù-đề này và Đại thiên thế giới nơi khác giống như nước Cù-đà-la, dùng da làm ca sa, tất cả có hai mươi vạn nước. Sợ rằng sau khi Ta nhập Niết-bàn, sẽ có nhiều Tỳ-kheo tàn ác tự mình giết hại thân mạng chúng sinh, lấy da làm y phục!

Đức Phật bảo với Mục Liên: Ông đến nơi Phụ vương của Ta, thưa với Phụ vương rằng: Lúc Ta còn là đứa trẻ, làm gãy bốn chiếc răng phía trước khiến cho Phụ Vương nhặt lấy cất giữ lại cho Ta, nay cần phải lưu lại cho thời mạt pháp để giữ gìn yên giáo pháp của Ta làm lợi ích cứu giúp chúng sinh! Mục Liên vâng theo lời dạy đến lấy rồi đem giao lên

Đức Thế tôn. Đức Phật bảo với các vị Phật tương lai và các phân thân Phật, nên bố thí một chiếc răng và một tòa tháp Kim cang; bảo cho các quỷ thần-Long vương, ở trong khoảng thời gian khảy móng tay tạo nên tòa tháp Kim cang, cất giữ bốn chiếc răng trước kia; các vị Phật tương lai khắp mười phương và phân thân Phật của Ta, đều bố thí tháp-răng của mình, khiến Long vương Sa kiệt thu nhận vào trong biển lớn để cúng dường.

Ngài bảo với Văn-thù-sư-lợi và Đại sĩ Quán Âm: Đợi sau khi Ta diệt dộ, các ông dùng thần lực phân thân lấy tháp răng của Ta, nâng hướng về nước kia đến trong chốn già lam của Tăng, làm cho tháp phát ra ánh sáng, ở trong ánh sáng xuất hiện các loại vải bông, các ông làm những người buôn đi đến nơi ấy buôn bán, hoặc Bố thí làm thành pháp y. các ông lại biến hóa làm Tỳ-kheo Tam Tạng, giáo hóa Tỳ-kheo ở nước ấy đừng mặc y bằng da thú! Nếu như lời dạy của Phật tinh tiến chịu khó thực hành, thì chư Thiên sẽ tặng y và giúp cho đồ ăn thức uống.

Vả lại, sau khi Ta diệt độ, một ngàn bốn trăm năm sau, Ta ở Diêm-phù-đề này và Đại thiên thế giới, có nhiều Tỳ-kheo tệ hại không tu tập thiền-giới, xây dựng nhiều chùa tháp đầy khắp giữa thế gian, tuy không phải đất nước da thú có nhiều vải bông tốt đẹp rực rỡ, nhưng không dùng làm y phục mà tự mình thích ghết hại sinh mạng lấy da có màu sắc vằn vện ấy để làm y phục đẳng cấp cao, các ông đến thời kỳ hiểm ác ấy, hãy dùng thần lực làm chấn động Đại thiên thế giới, khiến cho tháp phát ra ánh sáng chiếu vào thân thể người ác hiểm kia, khiến cho sanh tâm hối hận mà thay đổi không huân tập thêm các pháp xấu xa.

Thiên thứ 31: NHIÊN ĐĂNG

Thiên này có hai phần: Thuật ý và Dẫn chứng.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Lẽ thường khi mặt Trời ló dạng thì màn đên cuốn lại, mặt trăng xuất hiện thì bóng tối lùi dần. Ngọn đèn phá tan đên tối, giống như trí tuệ loại trừ chướng ngại. Vì vậy Đăng Vương khom người cung kính, khắc thành pho tượng Di Đà; Tục Minh tập trung sức lực, liền nhận danh hiệu Định Quang. Cỏ tranh biết rõ duyên đơn giản, mới có được thân sắc rực rỡ, ngọn nến bố thí nhân nhỏ nhoi, liền cảm quả nhãn căn thanh tịnh. Huống hồ làm phấn chấn trí tuệ vĩ đại này, khơi thông suốt áng sáng rực rỡ, có gì sánh bằng! Vì vậy ngày A Dục Vương lâm chung, toàn bộ tạo ra tám mươi bốn ngàn ngọn đèn, soi chiếu tất cả tám mươi bốn ngàn tòa tháp, cách làm vô cùng linh hoạt khéo léo, hình thể hết sức đặc biệt tuyệt vời. Tất cả đều là tên gọi thích ứng với pháp của từng vùng-việc làm cảm động đến cảnh giới chân thật. Điện chớp đung đưa rực rỡ, hoa thơm bày ra ngào ngạt, bóng ngược chiếu nước trong veo-ánh đèn tỏa trên cây biếc: ánh sáng lung linh chiếu soi rực rỡ, tựa như mặt Trời sáng rực giữa ráng mai, soi chiếu qua lại rõ ràng tơ tóc, giống như Ngân Hà lấp lánh muôn vì sao. Nhìn biển vàng mà quên đêm tối, đến thềm ngọc mà ngỡ bình minh. Có thể nói phước thiện thường soi chiếu vô tận, điềm lành luôn vằng vặc sáng ngời, quả thật như vậy!

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh Bồ-tát Bổn Hạnh nói: “Đức Phật dạy: Ta xưa kia từ vô lượng kiếp đến nay xả bỏ thân mạng, ở cõi Diêm-phù-đề làm vị đại Quốc vương, tay mang dao trao cho tùy tùng, sắc lệnh cho họ khoét thân làm thành một ngàn lổ đèn, thân ấy khoét thịt sâu như đồng tiền lớn, lấy bơ rót vào trong đó mà làm một ngàn ngọn đèn, đặt bấc đèn đã xong, nói với Bà-la-môn rằng: Trước tiên thuyết kinh pháp sau đó hãy châm đén! Mà Bà-la-môn ấy vì nhà vua, thuyết kệ rằng:

Thường thì đều không còn,
Cao thì cũng rơi xuống,
Tụ hội có chia ly,
Sanh thì phải có chết.

Nhà vua nghe kệ xong, hoan hỷ nhảy lên quá đổi sung sướng, nay vì pháp cho nên dùng thân làm đèn, không cầu vinh hoa của thế gian, cũng không cầu chứng quả của Nhị thừa, đem công đức này nguyện

cầu đạo Vô thượng chân chánh. Phát nguyện này rồi, lập tức Đại thiên thế giới phát ra sáu loại chấn động, thân đốt thành một ngàn ngọn đèn. Tất cả chư Thiên-Đế Thích-Phạm vương-Luân Vương..., đều đến thăm hỏi: Thân đốt một ngàn ngọn đèn có thể không còn bệnh tật chăng, có thể có ân hận gì chăng? Nhà vua trả lời Thiên Đế: Không cho rằng là bệnh tật, cũng không có gì hối hận. Nếu như không hối hận gì thì lấy gì để làm chứng? Nhà vua liền thề rằng: Thân Tôi làm một ngàn ngọn đèn để cầu đạo Vô thượng, đích xác sẽ thành Phật thì các vết thương lập tức lành lại. nói lời này xong, thân thể lập tức bình phục không còn vết thương nào nữa. Chư Thiên-đế thích-Vương Thần quyến thuộc và vô lượng dân chúng, tất cả đồng thanh ngợi ca hoan hỷ, đều cùng nhau thực hành mười thiện nghiệp.

Như kinh A-xà-thế Vương Thọ Quyết nói: "Lúc ấy vua A-xà-thế thỉnh Phật thọ trai xong, Đức Phật trở về Kỳ-hoàn. Nhà vua cùng với Kỳ-bà bàn bạc rằng: Đức Phật thọ trai đã xong, lại nên làm thế nào? Kỳ-bà nói: Chỉ có thắp nhiều ngọn đèn. Thế là nhà vua bèn truyền chỉ chuẩn bị một trăm Hộc dầu mè, bắt đầu từ cổng Hoàng cung thắp đến Tinh xá Kỳ-hoàn. Lúc ấy có bà cụ nghèo túng, trông thấy nhà vua làm công đức này, mới càng cảm kích lòng dạ, đi xin được hai đồng tiền, đem đến người bán dầu mua dầu. Chủ bán dầu nói: Bà cụ là người rất nghèo túng xin được hai đồng tiền, sao không mua thức ăn để tự duy trì cuộc sống, mà lại dùng để mua dầu như vậy? Bà cụ nói: Tôi nghe đức Phật sanh ra khó gặp, trăm kiếp một cơ hội, tôi may mắn gặp đức Phật không có gì cúng dường, hôm nay thấy nhà vua làm công đức to lớn, tuy thật sự nghèo túng nhưng muốn thắp một ngọn đèn làm gốc rễ cho đời sau. Thế là chủ bán dầu tán thưởng ý niệm chân thành ấy, so ra hai đồng tiền thì dầu sẽ được hai ca, đặc biệt thêm cho bà ca, tất cả có được 5 ca. bà cụ thì hướng đến mà thắp ở trước đức Phật, tính ra số dầu này không đủ nửa đêm, mới tự thề rằng: nếu con ở đời sau đắc đạo giống như Phật, thì dầu này thắp sáng suốt đêm không hết. Thề xong làm lễ mà đi. Đèn của nhà vua đã thắp có ngọn thì tắt có ngọn khô dầu. Đèn của bà cụ đã thắp, ánh sáng rực rỡ khác thường và hơn hẳn các ngọn đèn khác, suốt đêm không tắt, dầu lại không cạn, thắp sáng đến ngày hôm sau. Đức Phật bảo với Mục Liên: Nay Trời đã sáng hãy tắt những ngọn đèn! Mục Liên theo lời dạy mà lần lượt tắt đèn, những ngọn đèn đều tắt, chỉ riêng một ngọn đèn của bà cụ ba lần tắt mà không được, bèn đưa ca sa để quạt đèn thì ánh sáng càng sáng rực. Thế là dùng uy thần dẫn theo gió núi để tiếp tục thổi ngọn đèn, ngọn đèn càng rực cháy

hơn nữa, trên chiếu rọi đến cõi Phạm Thiên, xung quanh soi sáng Tam Thiên thế giới, tất cả đều trông thấy ánh sáng đó. Đức Phật bảo với Mục Liên: Dừng lại, dừng lại! Đây là ánh sáng công đức của vị Phật tương lai, không phải uy thần của ông mà tắt được. Túc mạng bà cụ này cúng dường 1tám mươi ức đức Phật, đã tứ trước kia được đức Phật quyết định thọ ký, cốt phải theo kinh pháp chưa rỗi đề tu hạnh bố thí, cho nên ngày nay nghèo túng không có tiền bạc châu báu, về sau ba mươi kiếp sẽ được làm Phật, danh hiệu là Tu di Đăng Quang Như lai Chí Chân Đẳng chánh Giác, thế giới ấy không có mặt trăng mặt Trời, trong thân thể của nhân dân đều có ánh sáng to lớn, ánh sáng chiếu rọi lẫn nhau cõi Trời đao lợi. Bà cụ nghe rồi hoan hỷ làm lễ mà đi xa. Nhà vua hỏi Kỳ-bà: Ta làm công đức to lớn đồ sộ như vậy, đức Phật không ban quyết định cho ta, bà cụ này chỉ một ngọn đèn thì ban cho quyết định thọ ký, tại vì sao? Kỳ-bà nói: công đức nhà vua đã làm tuy nhiều mà tâm không chuyện nhất, không bằng bà cụ này chú tâm hướng đến đức Phật . Thế là sau đó vua A-xà-thế dùng tâm chí thành, dâng hương hoa dầu đèn cúng dường đức Phật, đức Phật liền trao cho nhà vua quyết định rằng: tám vạn kiếp sau này, kiếp tên là Hỉ Quán, nhà vua sẽ làm Phật, Phật hiệu là Tịnh Kỳ, Thái Tử của Vua A-xà-thế tên gọi Chiên Đà Hòa Lợi, năm ấy mới tám tuổi, thấy vua cha được quyết định thọ ký thì vô cùng hoan hỷ, liền cởi các thứ báu của mình để rải trước đức Phật và nói rằng: Nguyện ở nơi đức Phật Tịnh Kỳ, con làm Kim Luân Vương được cúng dường đức Phật, lúc đức Phật nhập Niết-bàn con sẽ tiếp nối làm vị Phật. Đức Phật dạy: Chắc chắn như nguyện của con, sẽ làm Phật danh hiệu là Chiên Đàn”.

Lại trong kinh Hiền Ngu nói: “A nan thưa với đức Phật: Không biết Đức Thế tôn,trong đời quá khứ làm thiện căn gì, dẫn đến quả báo cúng dường đèn sáng không cùng tận này? Đức Phật bảo với A nan: chín mươi mốt kiếp trong hai A-tăng-kỳ thời quá khứ, cõi Diêm-phù-đề này, có vị đại quốc vươnng, tên gọi Ba tắc Kì, Đại phu nhân sanh ra một Thái Tử, thân màu vàng tía đầy đủ tướng tốt, sau dần trưởng thành xuất gia thành Phật, giáo hóa nhân dân độ thoát rất nhiều người. Lúc bấy giờ vua cha thỉnh Phật và chúng Tăng cúng dường ba tháng. Có một Tỳ-kheo tên là A lê mật la (Tấn nói là Thánh Hữu) ở trong ba tháng làm đàn việt lo chuyện đèn sáng, ngày ngày đi vào hoàng thành cầu xin cầu xin các thứ dầu –bấc đèn đầy đủ. Lúc ấy con gái của vua tên là Mâu Ni, lên trên lầu cao trông thấy Tỳ-kheo này, ngày ngày đi vào Hoàng thành cầu xin tìm kiếm những thứ cần thiết, tâm sinh ra cung kính thương xót,

sai người đến hỏi nhu cầu những điều gì, Tỳ-kheo trả lời rằng: Nay trong ba tháng tôi lo chuyện đèn sáng cho đức Phật và chúng Tăng, cầu xin đàn việt các loại đồ dùng là dầu và bấc đèn. Người ấy trở về báo lại rõ ràng, con gái nhà vua hoan hỷ; từ nay về sau không phải đi xin, tôi sẽ cung cấp cho ông dầu và bấc đèn. Tỳ-kheo đồng ý. Thế là sau đó thường xuyên tặng cho dầu và bấc đèn đầy đủ. Tỳ-kheo Thánh Hữu tâm thành mang ân sâu nặng. Đức Phật thọ ký cho rằng: Ông đời vị lai trong A-tăng-kỳ kiếp, sẽ được làm Phật danh hiệu là định quang (Kinh khác gọi là Nhiên Đăng Phật). Con gái nhà vua là Mâu ni nghe Tỳ kheo Thánh Hữu được thọ lý làm Phật, tâm tự nghĩ rằng: vật dụng đèn đuốc của đức Phật đều là vật của mình có Tỳ-kheo đã thọ ký chỉ có mình không được thọ ký. Dấy lên ý niệm này rồi hướng đến nơi đức Phật tự bày tỏ tâm tư của mình. Đức Phật tiếp tục thọ ký, bảo với mâu ni rằng: Con ở đời vị lai trong hai A-tăng-kỳ chín mươi mốt kiếp, sẽ được làm Phật danh hiệu là Thích Ca Mâu Ni, có đầy đủ mười hiệu. Con gái nhà vua nghe vua thọ ký hoan hỷ phát tâm, hóa thành thân nam, tiếp tục lạy dưới chân đức Phật, cầu xin làm Sa-môn. Đức Phật tiếp nhận rồi tu tập tinh chuyên không nghỉ. Bởi vì xưa bố thí đèn sáng, từ đó đến nay không vô số kiếp, ở trên cõi Trời hay giữa loài người thọ nhận phước thiện tự nhiên, thân thể thù thắng siêu việt tuyệt vời khác người, cho đến bây giờ thành Phật, thọ nhận phước báo của nhân đèn sáng này".

Lại trong kinh Thí Đăng công đức nói: "Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Hoặc có người ở trước hình tượng và tháp miếu thờ Phật mà thiết lễ cúng dường, cho nên dâng cúng đèn sáng, thậm chí dùng một ít đèn nến, hoặc là xoa dầu thắp nến mang đến dâng cúng, ánh sáng ấy chỉ soi chiếu một con đường-một bậc thềm. Này Xá-lợi-phất! Phước đức như vậy không phải là tất cả Thanh văn-Duyên giác mà có thể biết được, chỉ riêng Phật Như lai nói có năng lực được. Cầu quả báo thế gian, phước đức hãy còn như vậy, huống hồ dùng tâm thanh tịnh vô cùng vui thích, liên tục không gián đoạn ý niệm về công đức của Phật? Soi chiếu một con đường-một bậc thềm mà phước đức hãy còn như vậy, huống soi sáng toàn bộ hết thảy bậc thềm-đường đi? Hoặc là hai-ba-bốn bậc thềm và đường đi, hoặc là thân tháp một bậc-hai bậc cho đến nhiều bậc, một phía, hai phía cho đến bốn phía, cho đến hình tượng đức Phật. Xá-lợi-phất! Ngọn đèn đã thắp ấy, có lúc mau tắt, hoặc gió thổi tắt, hoặc dầu cạn mà tắt, hoặc bấc đèn cháy hết mà tắt, hoặc tất cả đều tắt hết, dâng cúng đèn sáng nơi tháp miếu thờ Phật trong chốc lát như vậy, bởi vì niềm tin Phật pháp Tăng, cho nên phước thiện dâng cúng một ít

đèn sáng như vậy, tích tụ phước đức hãy còn nhiều không thể tính được, huống là sau khi Ta diệt độ ở nơi chùa tháp thờ Phật, hoặc là tự mình làm-hoặc bảo người khác làm, hoặc thắp một ngọn đèn-hai ngọn đèn cho đến nhiều ngọn đèn, hương hoa chuỗi ngọc-phan lọng-cờ phướn phú quý, và các loại cúng dường tốt đẹp tuyệt diệu khác ư? Lại nữa, nếu có người ở nơi tháp miếu thờ Phật dâng cúng đèn sáng rồi, lúc sắp mạng chung có được ba loại sáng suốt. Những gì là ba loại? Một là lúc người ấy sắp mạng chung, phước thiện đã làm trước đây thày đều hiện rõ trước mắt, nhớ lại thiện pháp mà không quên mất, vì vậy niệm rồi làm cho tâm sinh ra phấn chấn vui vẻ. Hai là nhân đây thuận tiện có thể niệm Phật-tâm có thể thực hành bố thí đạt được tâm hoan hỷ không có nỗi khổ của cái chết. Ba là nhân đây thì tâm cóthể nghĩ đến giáo pháp. Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Người ấy lúc sắp mạng chung, lại được trông thấy bốn loại ánh sáng. Những gì là bốn loại? Một là lâm chung trông thấy vầng mặt Trời tròn đầy xuất hiện sáng rực. Hai là trông thấy vầng trăng tròn đầy trong sáng hiện bày. Ba là trông thấy chư Thiên cùng chung một xứ sở mà sanh ra. Bốn là trông thấy Đức Như lai Ứng Chánh biến Tri, an toạ dưới cội Bồ-đề đạt được Bồ-đề, tự thấy chính mình tôn trọng Như lai, chắp hai tay mà đứng hầu cung kính. Lại nữa, Xá-lợi-phất! Đối với tháp miếu thờ Phật dâng cúng đèn rồi, vào lúc lâm chung, được thấy bốn loại ánh sáng như vậy, chết rồi liền sanh lên cõi Trời 33; sanh đến cõi Trời ấy rồi, đối với năm loại sự việc mà được thanh tịnh. Một là được sức lực thanh tịnh, hai là ở giữa chư Thiên được uy đức thù thắng. Ba là thường được niệm tuệ thanh tịnh. Bốn là thường được nghe âm thanh thâu nhiếp ý. Năm là được quyến thuộc thường bảo vệ ý đó làm cho tâm được hoan hỷ. Ở tại cung Trời ấy bỏ mạng rồi, không rơi vào đường ác, sanh vào giữa loài người luôn luôn ở trong nhà tin thờ Phật pháp có dòng họ thuộc đẳng cấp cao nhất. Thời gian ấy nếu thế gian không có thật, cũng không sanh vào gia đình tà kiến hèn hạ, bởi bố thí đèn sáng nên lại được bốn loại pháp thật là vui vẻ. Những gì là bốn pháp? Một là sắc lực, hai là tiền của, ba là thiện tâm, bốn là trí tuệ. Nếu như người an trú trong Đại thừa, đối với tháp miếu thờ Phật cúng dường đèn sáng rồi, đạt được tám loại pháp thật là an lạc thù thắng. Những gì là tám pháp? Một là đạt được nhục nhãn thù thắng; hai là đạt được ý niệm thù thắng không thể nào suy lường được; ba là đạt được thiên nhãn thù thắng thanh tịnh, bốn là bởi vì tu tập đầy đủ đạo pháp cho nên giới không hề khiếm khuyết, năm là đạt được trí tuệ đầy đủ chứng đến Niết-bàn, sáu là trước đã làm những thiện nghiệp đạt được dễ dàng; bảy là

thiện nghiệp đã làm được gặp chư Phật, có năng lực làm ánh mắt cho tất cả chúng sinh, tám là nhờ thiện căn ấy được làm Chuyển-luân-vương, đã đạt được vòng xe quý báu không bị gì khác làm chướng ngại, thân ấy đoan chánh, thành hàng đế thích, có được uy lực to lớn đầy đủ mười loại nhãn; hoặc là Phạm vương, khéo mở rộng việc làm cõi phạm đạt được Đại thiền định. Này Xá-lợi-phất! Dùng thiện căn ấy hồi hướng cho chí nguyện Bồ-đề, đạt được tám loại pháp an lạc thù thắng này. Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nếu như người ở trước Đức Như lai, thấy người khác cúng dường đèn sáng mà tín tâm thanh tịnh, chắp hai tay khởi tâm tùy hỷ, nhờ thiện căn này đạt được tám loại pháp Tăng thượng. Những gì là 8 pháp? Một là được Tăng thượng về sắc thân, hai là có được quyến thuộc Tăng thượng, ba là có được giới Tăng thượng, bốn là ở trong Trời người được sanh vào nơi Tăng thượng, năm là có được niềm tin Tăng thượng, sáu là có được biện giải Tăng thượng, bảy là có được Thánh đạo Tăng thượng, tám là đạt được A Nậu Bồ-đề. Đức Thế tôn lại bảo với Xá-lợi-phất: Có năm loại pháp rất là khó được. Một là khó có được thân người, hai là đối với chánh pháp của Phật khó có được niềm tin và niềm vui, ba là khó có được niềm vui xuất gia trong Phật pháp, bốn là khó có đủ giới pháp thanh tịnh, năm là khó có được lậu hoặc sạch sẽ. Tất cả chúng sinh đối với năm pháp này, nói là khó có được, mà các ông đã có được". (Kinh này có một quyển, chỉ tóm tắt đoạn lấy lời chính yếu).

Trong kinh Đăng chỉ nói: "Xưa kia ở thành vương có 5 ngọn núi bao quanh, trong đó núi Ma Gia Đà là nơi thù thắng nhất. Những người có trí tuệ thù thắng tu phạm hạnh trong đó, đều trọn nơi này làm nơi trang nghiêm kỳ lạ nên sanh tâm hoan hỷ, từ nơi xa xôi mà đến quy tụ nơi này. Lúc bấy giờ trong thành có một Trưởng giả, nhà ấy rất giàu có kho tạng đều đầy ắp, giống như Tỳ Sa-môn. Nhưng mà không có con nối dõi, cầu nguyện thần linh mong mõi có con nối dõi. Người vợ Trưởng giả không bao lâu thì cảm thấy có thai nghén, đầy mười tháng ròng sanh được một bé trai. Bé trai này đời trước vốn có gieo trồng nhân tố phước thiện, ngày mới sinh ra thì tay đứa bé có một ngón phát ra ánh sáng lớn chiếu sáng trong vòng mười dặm. Cha mẹ hoan hỷ liền quy tụ họ hàng thân thích và các thầy xem tướng, tổ chức bữa tiệc lớn đặt tên cho con. Dựa vào ngón tay phát ra ánh sáng, nên đặt tên là Đăng Chỉ. Những người đến dự tiệc nhìn thấy tướng trạng kỳ lạ ấy khen ngợi là điều chưa từng có. Lúc ấy trong bữa tiệc có Bà-la-môn tên là Bà Tu, biết nhiều hiểu rộng không có điều gì không biết, thấy đứa bé có tướng trạng vô cùng kỳ lạ nên mỉm cười mà nói: Đứa trẻ này hoặc là Thiên Tử

hay là các Đại Đức Thiên thuộc hàng Na La Diên-Thiên Đế-Thích đề hoàn nhân nhật đến hiện thân sanh ra. Lúc ấy cha mẹ đứa trẻ nghe lời này rồi hoan hỷ gấp bội phần, tổ chứa lễ hội bố thí lớn trong bảy ngày, cả nước nghe biết đến tận tai nhà vua. Nhà vua nghe rồi, lập tức truyền cho mang đến, Trưởng giả nhận lời bèn ẳm đứa bé đến cửa vương cung. Gặp lúc nhà vua đang tiệc rược nên tất cả không bẩm báo được. Ánh sáng nơi ngón tay đứa bé soi chiếu khắp nơi, cung đình bỗng nhiên sáng rực hẳn lên, chiếc vào thân nhà vua và tất cả lầu đài cung điện, hết thảy mọi đồ vật nơi ấy đều trở Thánh sắc vàng chói lọi. Ánh sáng ấy soi chiếu mọi nơi ở trong vương cung. Nhà vua lúc ấy cảm thấy kỳ lạ bèn hỏi: Ánh sáng này từ đâu phát ra mà bỗng nhiên chiếu cung điện của Ta, lẽ nào không phải Đức Thế tôn muốn giáo hóa chúng sinh mà đến vương cung của Ta ư, lại không phải là các Đại Đức-Thiên đế-Thích đề hoàn nhân Nhật và các Thiên tử giáng trần mà đến chăng? Nhà vua liền sai người đi ra ngoài cổng xem xét. Người đi xem xét trông thấy rồi, quay vào thưa với nhà vua: trước đây đại vương đã truyền gọi đứa trẻ, nay ở ngoài cổng, đứa trẻ này tự mình đang ở trên vai người vú nuôi, ngón tay đó phát ra ánh sáng soi chiếu đến mọi nơi, cho nên có ánh sáng này. Nhà vua truyền lệnh cho người hầu rằng: Nhanh chóng mang đứa trẻ đến đây! Nhà vua đã trông thấy rồi, hết sức lạ lùng thay cho đứa bé này, tự mình nắm tay đứa bé và quan sát tướng trạng của đứa trẻ. Nhìn tỉ mỉ rồi trông thấy rồi bèn nói lời rằng; Lục sư ngoại đạo nói là không có nhân quả, thật là dối trá làm cho mê hoặc. Nếu không có nhân quả, thì tại sao đứa bé này có được ánh sáng như vậy? Lấy đây mà xét, thì các hạng ngoại đạo hãm hại các chúng sinh làm cho rơi vào đường ác, chắc chấn biết rằng đức bé này không phải là các Trời tự tại bỗng nhiên mà có, ắt phải nhờ vào phước thiện vốn có mới đạt được thiện căn này, mới biết lời đức Phật đích xác chân thật không hư dối mà lại không tu phước thì có gì quái lạ đâu! Nhà vua nói: Nay hãy còn chưa đích xác, ngón tay phát ánh sáng này hoặc là nhờ vào mặt Trời mà có ánh sáng này, hoặc nhờ vào mặt trăng mà có ánh sáng này, tất nhiên muốn nghiệm đúng điều này thì cần phải đợi đến nửa đêm! Đã đến hoàng hôn liền mang đứa bé, đặt trên lưng voi mà đi ở phía trước nhà vua dẫn quần thần cùng đi vào trong vườn, mà ngón tay đứa bé này tỏa sáng soi chiếu mọi nơi tối tăm đều sáng tỏ vô cùng, nhìn thấy chim thú hoa quả trong vườn không khác gì so với ban ngày. Nhà vua quan sát điều này rồi, than thở mãi rằng: Lời đức Phật đã nói thật sự kỳ diệu biết bao, Ta ở hôm nay đối với nhân, đối với quả phát sinh niềm tin rất kiên

định, hết sức xem thường lời nói ngu si mê muội của Lục sư. Vì vậy cho nên đối với Phật sanh lòng ngưỡng mộ gấp bội. Vào lúc ấy Kì Vực liền thưa với nhà vua rằng: Giả sử người nghèo khó hãy còn thuận theo dốc hết của cải mà tu thiện nghiệp, huống là người giàu có mà lại không thể làm phước ư? Trò chuyện nc trong chốc lát Trời đã sáng bình thường, trở lại dẫn Đăng Chỉ đi vào Vương cung. Nhà vua rất hoan hỷ, ban tặng nhiểu ngọc ngà châu báu truyền lệnh đưa đứa bé về nhà.

Đặng chỉ dần lớn lên, cha mẹ tìm nơi cầu hôn cho con, lựa chọn gia đình cao quý xinh đẹp để cưới làm vợ cho con trái. Trưởng giả đã giàu có lại chu đáo trong lễ giáo, khuê môn hòa thuận tài sản lại hưng thịnh. Nói đến thịnh ắt có suy. Tụ hội thì sẽ có lúc chia ly, Trưởng giả và vợ cùng lúc qua đời, ví như mặt Trời đến lúc lặn xuống thì ánh sáng mờ khuất, như mặt Trời đã mọc thì trăng sáng không hiện bày, như ngọn lửa tàn thành tro thì lửa rừng rực mãi mãi tắt lịm; khẻo mạnh hiếu sắc là căn bệnh làm cho hủy hoại, tuổi trẻ mạnh mẽ bị cái già làm cho suy sụp, thân mạng đáng yêu bị cái chết cướp đi, cha mẹ đã qua đời thì sinh kế dần dần giảm bớt, mà đăng Chỉ này tuổi trẻ lớn giàu có an nhàn, không nghĩ đến gia nghiệp, giao du cùng với bạn ác buông thà tâm ý, chìm đắm trong tửu sắc, chi dụng tiền bạc không có giới hạn, kho tàng tích trữ không có người quản lý giữ gìn, như trăng tròn đến lúc khuyết mờ thì chuyển sang mờ tối. Lúc ấy quy định trong nước hàng năm tổ chức một lễ hội lớn tập trung tại núi bàn châu, lúc này Đăng chỉ quần áo tươm tất theo chân mọi người đến nơi lễ hội ấy. Sau đó bọn trộm cướp biết Đăng Chỉ chưa về , đợi khi vắng người thì đi đến nhà đó trộm cắp lấy hết tất cả tiền bạc của cải. Đăng Chỉ đến tối trở về nhà, thấy trong nhà đã bị bọn cướp giặc lấy trộm sạch sẽ, chỉ còn lại các thứ gạch ngói gỗ đá, trông thấy sự việc nầy rồi, buồn rầu tuyệt vọng ngã nhào xuống đất, người bên cạnh lấy nước phả vào mặt mới kinh hoàng tỉnh lại, ưu sầu khóc nỉ non mà nghĩ rằng: Cha mình xưa nay làm nhiều kế sách thích hợp, xây dựng lo liệu gia nghiệp tích góp vô cùng vất vả, kho tạng tài sản đều do cha mình làm ra, sinh và nuôi nấng mình thấy có của cải mà giao phó cho mình, làm sao đến đời mình không thể kế thừa sự nghiệp của cha, rong chơi lười nhác để người ta khinh khi chèn ép? Một khi tài sản còn lại của cha mất đi, kho tạng trống rỗng-gia sản tích góp phân tán sạch sẽ thì như thế nào? Đang lúc bây giờ ánh sáng nơi ngón tay cũng không còn, người vợ ngao ngán sự suy đồi nên bỏ mà đi, con cái-người làm tránh mất, bà con họ hàng đoạn tuyệt, người vô cùng thân thương trái lại giống như oán thù. Người nghèo túng giống như

thây ma trỗi dậy, mọi nỗi sợ hãi luôn luôn hủy hoại năm tháng quanh vinh sắc đẹp-sức lực-danh tiếng-dòng họ, địa vị-trí tuệ-nhân nghĩa-tìn hành, tất cả có thể hủy hoại, nghèo hèn khốn khổ như mình ít người sánh được! Đang muốn xả thân nhưng không thể nào tự mình chết được, nên làm cách gì để tự cứu giúp cho mình? Lại dấy lên nghĩ rằng: Người thế gian xem thường chẳng qua là gánh vác thây chết, việc này tuy là tai ác nhưng không chung nghiệp nhận chịu đau khổ của cuộc đời. Có người nghe nói liền mướn gánh vác thây chết Đăng Chỉ nhận lời thẳng thắn tìm theo người ấy nói: Nhận vác thây người chết đi vào trong phần mộ! Ý sắp sửa ném xuống, lúc ấy thây người đã chết vội vàng ôm chặt Đăng Chỉ, ví như con trẻ ôm lấy cha mẹ mình, nắm chặt không buông ra, hết sức níu lại không thể nào đi được. Người chết dính chặt trên lưng giống như keo dán, không thể nào buông rời được, đẩy ra không rời được, thật là vô cùng sợ hãi. Dấy lên nghĩ rằng: Mình ở hôm nay, vai cõng xác chết này muốn sống nơi nào đây? Bèn đến thôn xóm của hạng Chiên-đà-la nói rằng. Ai có thể gỡ được xác chết trên lưng tôi, sẽ trở lại làm mướn cho nhau. Những người Chiên-đà-la nói rõ cùng nhau hết sức, cùng nhau kéo làm cho rời ra, nhưng cũng không chịu rời ra. Những người khác trông thấy mắng nhiếc Đăng Chỉ rằng: Này người điên cuồng vì sao cõng xác chết đi vào thôn xóm người ta? Tranh nhau dùng gạch đá gậy gộc mà đánh mà ném tơi bời, thân thể bị thương tổn vừa đau đớn vừa sợ hãi. Có người xót thương mang đến thành ấp của họ. Đã đến cõng thành, người giữ cổng chặn lại đánh mắng, không thể đến gần cổng thành, người này sao ngu si, cõng xác chết mà muốn đi vào thành? Tự thấy thân mình bị các loại gậy gộc đánh đập, thân thể đều bị rách nát nên lòng rất áo não, bèn cất tiếng khóc òa, bởi vì mình nghèo túng khốn khổ không chọn nơi làm việc, mà trở thành nghiệp báo hèn hạ này, làm sao bỗng nhiên lại gặp phải nỗi khổ độc địa này, thà rằng làm người chết thừa chứ không thể sống dựa vào xác chết! Vừa khóc vừa nói, lúc ấy người giữ cổng sanh tâm xót thương vô cùng, tha cho khiến trở về nhà. Đến ngôi nhà trống rỗng của mình, trước kia cùng với những hạng người nghèo túng xin ăn ở chung nơi này. Người cùng cư trú, từ xa trông thấy xác chết còn trên lưng người ấy, tất cả đều bỏ đi. Đã đến nhà rồi thì xác chết tự nhiên rơi xuống đất, lúc ấy Đăng Chỉ càng thêm sợ hãi nên bất tỉnn ngã nhào trên đất, hồi lâu mới tỉnh lại được, tìm thấy xác chết với những ngón tay toàn là vàng ròng. Tuy lại sợ hãi nhưng trông thấy đều là vàng tốt đẹp, bèn tiến lên phía trước nhìn xem, lấy dao cắt thử, thật sự là vàng ròng. Đã có được vàng rồi thì lòng

cảm thấy hoan hỷ, lại tiến tới cắt đầu cổ tay chân. Như vậy cắt xong, phút chốc sống lại. Trong chốc lát, đầu cổ tay chân bằng vàng tích góp lại thành con người, ví như vị vua mất nước trở về lại ngôi vị vốn có, như người mù có được đôi mắt nhìn thấy mọi vật rõ ràng: Đăng Chỉ hoan hỷ cũng lại như vậy, kho tàng châu báu ngọc ngà hơn hẳn bội phần so với trước kia, uy đứa danh tiếng có được vượt quá ngày xưa, họ hàng thân thích-bạn bè-vợ con- kẻ ăn người làm, tất cả đều quay trở lại, Đăng Chỉ than rằng: Chao ôi quái lạ thay! Giàu sang có sức mạnh to lớn, có thể khiến cho người thế gian trở về rất nhanh chóng. Chao ôi quái lạ thay! Nghèo hèn có sức mạnh to lớn, có thể làm cho những người thân thích xa rời mình rất mau lẹ. Trước kia lúc mình nghèo túng đâu thường có những người thân thích nào để giao du trò chuyện, hoàn toàn không có một người nào cùng với mình trò chuyện,hôm nay tất cả đều ngưỡng mộ hầu hạ chấp tay cung kính, giả sử nơi sanh ra giống như Thiên Đế Thích, sức lực mạnh mẽ như La Ma, sự thấy biết như bậc thầy cõi Trời, nếu như không có tiền bạc của cải cũng không có gì đáng giá. Người giàu có không cần hỏi lời ngu hay trí thì người ta đều nói là người tốt, thật sự không hề biết người thế nào là trí, cũng có được sức khỏe làm những điều thiện nổi tiếng, tuy là xấu xí thô lậu nhưng phụ nữ trẻ trung thích đến bên cạnh người giàu có.

Vua A-xà-thế nghe người đó giàu có trở lại, lập tức sai người đến lấy châu báu của người ấy; những vật lấy đi đều là người chết, trở lại ném vào trong nhà thì thấy đều là vàng ròng. Đăng Chỉ biết nhà vua muốn có được châu báu này, bèn lấy đầu cổ tay chân bằng vàng dùng để dâng tặng nhà vua. Nhà vua đã có được rồi ôm mà trở về cung. Sau đó Đăng Chỉ dấy lên tư duy mà nói kệ rằng:

Ngũ dục Vô cùng tạm bợ,
Như điện chớp-như rắn độc
Vinh hoa không tồn tại lâu,
Tâm sanh chán ngán ưu sầu.

Thế là đem ngọc ngà châu báu bố thí giúp cho mọi người, xuất gia cầu đạo ở trong Phật pháp, tinh cần tu tập đạt được quả vị A-la-hán. Tuy đạt được đạo Phật: Tỳ Kheo Đăng Chỉ, vì nhân duyên gì mà từ khi sanh ra đến nay có ngón tay phát sáng này? Vì nhân duyên gì mà nhận chịu sự nghèo túng khốn khổ này?

Lại vì nhân duyên gì mà có xác chết châu báu này thường đi theo bên cạnh? Đức Phật bảo với Tỳ-kheo: Hãy chí tâm lắng nghe kỹ càng, Ta sẽ nói cho ông về túc duyên ấy! Tỳ-kheo Đăng Chỉ, chính là ở đời

xưa kia sanh trong nhà Đại trưởng lão thuộc nước Ba-la-nại, vì lúc còn trẻ thơi cưỡi xe ở bên ngoài, dạo chơi đến tối mới về thì cửa nhà đã đóng, gọi lớn mở cửa nhưng không có người nào đáp lại, rất lâu người mẹ đến mở cửa cho con, tức giận mắng mẹ rằng: Cả nhà gánh người chết đi ư, giặc đến cướp bóc ư, vì sao không có người nào mở cửa cho con? Vì nghiệp duyên này chết đọa vào địa ngục nên trong sanh trong loài người nhận chịu sự nghèo túng khốn khổ này. Nhân duyên của ngón tay phát sáng và nhân duyên của xác chết châu báu, Ta sẽ tiếp tục nói cho ông! chín mươi mốt kiếp quá khứ có đức Phật danh hiệu Tỳ-bà-thi, sau khi đức Phật ấy nhập Niết-bàn, Phật pháp tồn tại giữa thế gian, lúc bấy giờ Đăng Chỉ là Đại Trưởng giả, nhà ấy rất giàu có, thường đến chùa tháp lễ lạy cung kính, trông thấy có pho tượng đất bị gãy mất một ngón tay, bèn dùng vàng mỏng sửa chữa ngón tay này. Sửa chữa đã xong, liền phát nguyện rằng: Con dùng nhân duyên công đức sửa chữa tay tượng cúng dường hương hoa kỹ nhạc, nguyện sanh trong loài người hay trên cõi Trời, thường được giàu sang cao quý, giả sử có mất mát vẫn được lại, khiến cho con ở trong Phật pháp được xuất gia đắc đạo. Bởi vì sửa chữa ngón tay tượng Phật, cho nên có được ngón tay phát sáng này và xác chết châu báu tích tụ. Bởi vì ác khẩu, cho nên từ địa ngục thoát ra thì chịu quả bảo bần cùng. Vì nhân duyên này nên ít gieo trồng phước nghiệp, đối với hình tượng đã có được phước báo này, cho đến hình tượng Niết-bàn hãy còn như vậy, huống là đối với pháp thân của Như lai ư?”

Trong kinh Thí Dụ nói: “Xưa thời đức Phật còn tại thế, Đại Mục-kiền-liên là đại đệ tử của đức Phật, vận thần thông đi đến cõi Trời Đao Lợi, vào trong vườn của Đế thích đi khắp nơi ngắm nhìn, thấy một Thiên nữ hình dáng tướng mạo đoan chánh sáng ngời, chiếu soi rực rỡ siêu tuyệt so với mọi người. Mục Liên thấy rồi, bèn hỏi Thiên nữ: Thân trước kia của cô đã gieo trồng phước duyên gì, nay thọ nhận báo ứng kỳ diệu vô lượng như vậy? Thiên nữ đáp rằng: Thân trước kia của tôi lúc ban đầu làm người phục vụ trong cung của Bình Sa Vương, lúc ấy trong cung vua có Tinh xá của Phật, tôi luôn luôn về đêm đi vào thấy trong tháp Phật, tối tăm không có ánh sáng, tôi liền thắp đèn đặt trong Tinh xá, nhờ nhân duyên này nay nhận được báo ứng thân thể sáng ngời kỳ diệu như vậy, ở thiên Đường thọ nhận phước báo vui sướng không cùng tận”.

Lại trong kinh Thí Dụ nói: “Xưa thời Phật còn tại thế, đức hạnh trong các đệ tử tất cả không như nhau, như Xá-lợi-phất có trí tuệ bậc nhất, Đại Mục-kiền-liên có thần thông bậc nhất. Như A Na Luật có

thiên nhãn bậc nhất, có năng lực thấy rõ tam thiên đại thiên thế giới, cho đến vi tế không có nơi sâu thẳm nào không nhìn thấy A nan thấy rồi bèn thưa với đức Phật rằng: A Na Luật này xưa kia có nghiệp gì mà thiên nhãn vi diệu như vậy? Đức Phật bảo với A nan: Chính là chín mươi mốt kiếp quá khứ trước kia, sau khi đức Phật Tỳ-bà-thi nhập Niết-bàn, người này lúc bấy giờ thân làm giặc cướp, vào trong tháp Phật muốn lấy trộm đồ vật của tháp, lúc ấy đèn thắp trước Phật trong tháp Phật sắp tắt, kẻ trộm liền dùng mũi tên sửa lại đèn làm cho sáng lên, trông thấy uy quang của Phật nghiêm khắc mà sởn tóc gáy, thì tự nghĩ rằng: Người khác còn có thể xả bỏ đồ vật để cầu phước, mình vì sao lại lấy trộm? Nghĩ vậy rồi bỏ lại mà đi. Nhờ vào nhân duyên phước đức sửa lại bấc đèn, từ lúc ấy đến nay trong chín mươi mốt kiếp, luôn luôn sanh ở nơi tốt lành, dần dần bỏ những điều ác-phước thiên ngày càng Tăng thêm, nay được gặp Ta mà xuất gia tu đạo đạt được quả vị A-la-hán, ở giữa mọi người có thiên nhãn bậc nhất nhìn thấy thấu suốt tất cả, huống là có người chí tâm cắt bỏ, thắp đèn trước đức Phật đã đạt được phước đức khó có thể tính kể".

Lại trong Trí Độ Luận nói: "Nếu như người trộm cắp châu ngọc trong tháp Phật và trộm cắp đèn sáng thì chết đọa vào địa ngục. Nếu thoát ra làm người thì đời sanh ra trong cảnh mù lòa".

Trong kinh Quán Đảnh nói: "Bồ-tát Cứu Thoát thưa với đức Phật rằng: Nếu như họ hàng trai gái, có ai bệnh hoạn nằm liệt giường hết sức khổ sở không có người cứu giúp, nay con sẽ khuyến thỉnh các chúng Tăng, bảy ngày bảy đêm trai giới nhất tâm, thọ trì tám cấm giới hành đạo suốt sáu thời, đọc tụng kinh điển này bốn mươi chín biến, khuyến khích thắp tháp đèn bảy tầng treo thần phan tục mạng năm màu. A nan hỏi rằng: Đèn-phan tục mạng có pháp tắc thế nào? Thần phan năm màu dài bốn mươi chín thước, đèn cũng lại như vậy, tháp đèn bảy tầng-một tầng bảy ngọn đèn, đèn giống như vòng xe. Nếu gặp phải ách nạn giam vào lao ngục gông xiềng ràng buộc thân thể, cũng nên tạo ra phan-đèn thả các loại chúng sinh, đến 49 ngày có thể vượt qua được ách nạn nguy hiểm, không bị các loại ác quỷ hung bạo nắm giữ".

Còn trong kinh Siêu Nhật Minh Tam Muội nói: "Nhật Thiên vương cùng với vô số người cõi Trời, đi đến nơi Phật cúi đầu lạy thưa rằng: Dùng những công hạnh nào được làm Nhật thiên chiếu rọi khắp thế giới, lại vì duyên gì mà làm nguyệt Thiên Chiếu rọi trừ diệt đêm đen tăm tối? Đức Phật dạy: Có bốn sự việc, một là luôn luôn ưa thích bố thí, hai là tu thân cẩn thận việc làm, ba là tôn thờ giới pháp không

phạm, bốn là thắp đèn ở trong chùa tháp thờ Phật. Nếu như đối với cha mẹ-Sa-môn-người tu đạo thì đều gieo trồng duyên tố sáng ngời, đồng thời thân-khẩu-ý thực hành mười điều thiện như không sát-đạo-dâm... Đức Phật dạy: Lại có bốn sự việc được làm Nguyệt Vương, một là bố thí cho người nghèo khó thiếu thốn, hai là vâng mạng giữ gìn năm giới, ba là cung kính tôn thờ Tam Tôn, bốn là âm thầm bố thí trí đèn sáng cha mẹ, thầy dạy, người bề trên.."

Lại trong Tăng Kỳ Luật nói: "Đức Phật dạy: Từ hôm nay nghe công đức thắp đèn, thì nên đặt lửa một bên theo thứ tự mà thắp. Nên trước tiên thắp để soi sáng Xá-lợi và kinh tượng đức Phật. Trước khi lễ lạy xong, nên ra ngoài lần lượt thắp những nơi khác. Lúc tắt không được tắt hết, nên nói các Đại Đức sắp tắt đèn, không được dùng miệng thổi tắt (Nghĩa nói là có loài sâu ăn tàn lửa, sợ rằng hơi miệng của người làm tổn ạhi côn trùng, cho nên không được dùng miệng thổi tắt), tùy ý dùng tay quạt tắt và tà áo để quạt tắt. Nên nán lại chuyển đầu cháy để gạt bớt tàn lửa, lúc đi vào không được bất ngờ đi vào, nên nói to rằng các Đại Đức sắp đi vào mới được đi vào. Nếu không như vậy thì vượt qua pháp tắc oai nghi".

Lại trong tam Thiên Oai Nghi nói: "Thắp đèn có năm sự việc: Một là nên cầm khăn sạch lau trong ngoài làm cho sạch sẽ, hai là nên làm bấc đèn sạch sẽ, ba là nên tự mình pha dầu vào đèn, bốn là pha dầu không được làm cho đầy tràn cũng không được làm cho thiếu hụt, năm là nên giữ gìn khiến cho chắc chắn đừng treo cao làm trở ngại đến người khác hành đạo".

Lại trong Ngũ Bách Vấn nói : "Nối tiếp ánh sáng của Phật thì ban ngày không được tắt, Phật không có sáng-tối bởi bì căn bản là vô ngôn, nghĩ đến giới hạn như nhau cho nên tắt thì có tội".

Còn Đại Đường Tam Tạng Ba Pha Sư nói: "Đèn trước Phật không có nơi lấy đèn, dùng vật bên cạnh lấy mà không làm giảm ánh sáng thì được". Tụng rằng:

Ngó sen cây lá giao nhau không cùng tận
Hoa thơm may cuộn làm y đến mấy tầng
Mành trúc dệt lại có thể trở thành voi
Lau sậy bó chặt khéo léo chuyển thành rồng
Tro tàn rơi xuống châm ngọn lửa nồng nàn
Chén dầu thành ý thấm đượm tựa núi cao
Cung điện cõi Trời nếu như luôn soi chiếu
Đăng Vương phước thiện lại có thể gặp nhau.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra ba chuyện: 1- Sa-môn Thích Đạo Quýnh thời Tống; 2- Sa-môn Thích Pháp Thuần thời Tùy; 3- Thần đăng ở chùa Tam Học vùng Hán Châu thời đường .

1: Thời nhà Tống trong chùa Nam Giản chốn kinh sư, có Sa-môn Thích Đạo Quýnh, họ Mã người vùng phù phong. Lúc mới xuất gia làm đệ tử của Đạo Ý, Đạo Ý bệnh nên thường khiến Đạo Quýnh cùng bốn người, đến vùng Hoắc Sơn-Hà Nam hái Chung Nhũ (Thạch nhũ). Đi vàp hang đá mấy dặm ngồi trên cây gỗ vượt qua dòng nước thì có ba người bị chìm mà chết, ngọn đuốc lại không còn. Đạo Quýnh chắc chắn không có lý nào qua khỏi. Đạo Quýnh thường ngày tụng kinh Pháp Hoa, chỉ dốc lòng nhờ vào nghiệp này, lại còn niệm Bồ-tát Quán Âm. Một lúc sau trông thấy một vệt sáng giống như ánh sáng đom đóm, đuổi theo không kịp được, tức thì thoát ra ngoài hang tối. Sau đó tiến tới tu tậm Thiền Nghiệp tiết hạnh càng khác hẳn nhiều lần thực hành mấy lượt Phổ Hiền trai, đều có những cảm ứng tốt lành, có lúc thấy Hồ Tăng đi vào chổ ngồi, có lúc thấy người cưỡi ngựa đến, chưa kịp trò chuyện thăm hỏi nhau, chốc lát không còn trông thấy. Sau đó cùng người đồng học đi về phía Nam lên kinh thành tìm hiểu thêm về phong hóa, ban đêm đi trên băng lạnh vượt qua sông, giữa đường băng vỡ nên ba người chìm xuống đã chết. Đạo Quýnh lại quy tâm chân thành niệm Bồ-tát Quán Âm, thế là cảm thấy dưới chân giống như có một vật gì mềm ấm, lại trông thấy ánh sánh màu đỏ trước mặt, nhờ ánh sáng đến được bờ bình yên. Đến kinh đô ở lại trong chùa Nam Giản, thường dùng bàn Châu làm sự nghiệp, đã từng giữa đêm nhập thiền bỗng nhiên trông thấy bốn người, đánh xe đến trước phòng gọi to khiến lên xe. Đạo Quýnh bỗng nhiên không tự mình cảm giác được, đã thấy thân mình ở giữa cầu phía sau quận, thấy một người ở bên đường đang ngồi yên lặng, xung quanh có mấy trăm người hầu hạ. Trong thấy Đạo Quýnh thì giật mình đứng dậy nói: Người ngồi thiền mà thôi. Người ấy nhân đó nói với mọi người rằng: Xưa nay chỉ khiến tìm biết nơi chốn mà thôi, sao bỗng nhiên làm phiền đến Pháp Sư? Ngay sau đó lễ lạy xin chia tay, sai người đưa tiễn Đạo Quýnh. Trở về chùa gõ cửa, rất lâu cửa mới mở, đi vào chùa thấy phòng mình hãy còn đóng, mọi người đều không biết sự việc như thế nào. Năm thứ hai mươi niên hiệu Nguyên Gia thời Tống, Lâm Xuyên-Khang Vương-Nghĩa Khánh đưa đến Quảng Lăng, qua đời ở vùng ấy.

Câu chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng truyện.

2: Sa-môn Thích Pháp Thuần ở chùa Tịnh Trú vùng Tây Kinh thời

nhà Tùy học Chúc Thị-người vùng Thỉ Bình-Phù Phong. Tánh thích núi rừng yên lặng, tình cảm thiết tha cứu giúp mọi người. Đã từng ở nơi đạo tràng thắp đèn, liền cảm ứng đèn sáng liên tục không tắt trải qua bảy đêm, không thêm dầu-bấc mà ánh sáng rực rỡ gấp bội thường ngày. Riêng mình bí mật lạ kỳ, là tướng tốt đẹp của sự diệt trừ ác nghiệp vậy. Còn hũ dầu đã đặt ở trong điện Phật, bỗng nhiên không thấy, mới qua đêm sau trở về lại chổ cũ, mà dầu đầy như cũ. Mỗi khi vào đêm khuya yên lặng nghe có tiếng thuyết pháp giảng dạy, hương thơm kỳ lạ theo khe hở lan tỏa ra ở bên ngoài, đến mà nhìn thì chỉ một mình chứ không thấy gì khác, người biết thì cho rằng vốn là những người thần bí sâu kín cùng nhau quy tụ. Đến năm thứ ba niên hiện Nhân Thọ thì cảm thấy không khỏi bệnh, đóng phòng tịnh tọa mà không có gì đau đớn, Đồng tử áo trắng tay nâng ánh sáng đứng hầu ở bên phải, đệ tử là Tuệ Tiến đi vào hỏi: Đây là người nào? Đáp rằng: Là người ở cõi Trời Dục thứ sáu nhiều lần đến khuyên nhắc ta, nhưng vì các Trời say đém dục lạc cho nên cuối cùng không đồng ý, bởi vì làm trở nạgi cho sự tu đạo, thường nguyện đến nơi nào không có Phật pháp để giáo hóa chúng sinh, cẩn thận đừng nói rõ ràng! Sau khi mất môn đồ hãy thiết trai tu phước! Đạo tục tề tựu cùng ở trước Pháp Thuần, có đôi chim bồ câu bay đến thẳng vào trong phòng Pháp Thuần, đậu trên xà ngang mắc y chăm chú nhìn Pháp Thuần, tuy người ta chạm tay nắm giữ mà cũng không có gì sợ hãi. Pháp Thuần nói: Để mặc nó đừng nắm giữ, đến chiều ta mới ra đi. Từ biệt với mọi người, không còn nghĩ gì khác, tạ thế tại chùa Tịnh Trú, hưởng thọ tám mươi lăm tuổi, nhằm ngày mười hai tháng năm năm thứ ba niên hiệu Nhân Thọ nhà Tuỳ.

3: Thời đời Đường có chùa Tam Học ở vùng Hán Châu Thục Xuyên, đến năm thứ mười hai niên hiệu Khai Hoàng nhà Tùy, bức tường phía Đông của chùa có dấu tích đức Phật hiện rõ ra, dài một thước tám tấc, rộng bảy tấc, cùng có ngọn đèn thần kỳ từ hư không mà hiện bày, hằng đêm thường như vậy, đến ngày trai thì nhiều hơn. Có vị Quan đứng đầu Chây ý muốn tìm đến nơi ấy, cưỡi ngựa đến chùa. Ở ngoài mười dặm thì thấy đèn giữa hư không bày ra càng gần càng mờ, liền đồng thời mất hút. Quay trở lại mười dặm như trước thì vẫn hiện rõ ra. Cho đến bây giờ vẫn không hết. Ban đầu xuất hiện một ngọn đèn rất lớn, từ ngọn đèn lớn này phân tán ra bốn phía hư không nhìn thấy có hơn một ngàn ngọn đèn xuất hiện, gặp gió nổi lên thổi mạnh thì những ngọn đèn nhỏ này vẫn tắt, tắt hết ngọn đèn lớn vẫn xuất hiện, những ngọn đèn nhỏ phân tán khắp bốn phía hư không mãi đến lúc Trời sáng

mới tắt. Hằng tháng vào sáu ngày trai thường xuất hiện như vậy. Đến cuối niên hiệu Trinh Quán, có vị Tăng tên là Pháp Tạng, lấy sự cầu xin làm tâm mà không giữ gìn tế hạnh, đêm ngủ trong chùa, có vị thần cao lớn mặc áo giáp đội mũ lông chim, từ trong cửa lôi ra ném cách xa chùa bảy dặm, bị thương ở chân mà không những nơi khác không hề tổn hại. Đêm đến vẫn trở lại chùa, mà cửa ngỏ đóng lại. Sau đó liền thay đổi cố gắng tu trì tinh cần đạo nghiệp.

Câu chuyện trên đây trích từ Đường Cao Tăng truyện.

Căn cứ vào Đạo Tuyên Luật Sư Cảm Thông Ký nói: "Luật Sư hỏi người cõi Trời: Đèn giữa hư không thường chiếc sáng vùng chùa Tam Học ở Hán Châu thuộc đất Thục Xuyên ấy do đâu mà có? Đáp rằng: Núi ấy có chùa Bồ-tát, bắt đầu thành lập từ thời chánh pháp của Phật Ca-diếp, có Bồ-tát Hoan Hỷ tạo nên, chùa tên là Pháp Đăng. Từ lúc ấy cho đến bây giờ thường soi sáng bầu Trời là biểu thị có ba trăm vị Bồ-tát nhỏ quyết định từng vị có tuổi cao nhất thường trú tại đây. Đèn này ở tại núi lại là Sơn Thần Lý Đặc nối tiếp về sau để cúng dường (Lý Đặc xưa kia là chủ nước Thục), cho nên đến tháng Giêng khắp nơi đều thắp đèn để cúng dường Chùa tháp thờ Phật".

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 36

Thiên thứ 32: HUYỀN PHAN

Thiên này có hai phần: Thuật ý và Dẫn chứng

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Nhờ vào Sự hiểu rõ Lý ắt phải dựa theo hình tướng để dẫn dắt chân thật, chiêm ngưỡng dung nhan bậc Thánh cung kính Thần phan để cúng dường hầu hạ. Vì vậy mà A Dục Vương xây dựng tháp thờ hình hài lưu lại, vươn thẳng nổi lên giữa hư không; Ngụy Chúa dựng lên đài cao ngất Trời, nhân ái thờ cúng khắp sông Ngân. Thế là phan phướn rực rỡ phất phới tung bay lên khắp Đại thiên thế giới, đỏ tím làm nổi bậc nhau lên tỏa ra ánh sáng rạng ngời đến trăm ức quốc độ. Làn gió tuệ chuyển động làm cho nghiệp có dấu hiệu trong sáng lên cao, lúc thổi vi vu xuất hiện báo ứng vô cùng vô tận của bậc Chuyển luân Thánh Vương.

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh Ca-diếp Cật A nan nói: "Xưa kia A Dục Vương tự mình ở trong khu rừng, xây dựng một ngàn hai trăm tòa tháp, sau đó nhà vua lâm bệnh khốn đốn, có một Sa-môn thăm viếng bệnh tình nhà vua. Nhà vua nói: Trước đây làm một ngàn hai trăm tòa tháp, đều dệt làm phan bằng sợi vàng, muốn tự tay mình treo phan rải hoa mới có thể thành tựu việc làm, nhưng mắc phải bệnh nặng, sợ rằng không thể toại nguyện! Đạo nhân nói với nhà vua rằng: Nhà vua có thể vòng tay nhất tâm! Đạo nhân liền hiện thần thông, lập tức một ngàn hai trăm tòa tháp đều ở trước mặt nhà vua. Nhà vua trông thấy rất hoan hỷ, liền sai người lấy phan vàng-hoa vàng treo lên trên trên các chùa tháp, chùa tháp thấp xuống chốc lát đều đến tay nhà vua. Nhà vua đạt được ý nguyện vốn có, thân thể lại khỏi bệnh, liền phát tâm rộng lớn kéo dài tuổi thọ thêm hai mươi lăm năm, cho nên gọi là tục mạng thần phan".

Lại trong kinh Phổ Quảng nói: "Nếu như bốn hạng nam nữ, hoặc

vào lúc sắp mạng chung, hoặc đã mạng chung, vào ngày qua đời của họ, làm tấm phan màu vàng treo lên trên chùa tháp, khiến cho đạt được đức xa rời tám vạn khổ, được sanh đến Tịnh Độ của chư Phật mười phương. Phan cái cúng dường tùy theo tâm đã nguyện, cho đến thành tựu Bồ-đề. Phan theo gió chuyển động rách tan đã hết, cho đến trở thành bụi nhỏ lúc phan vừa chuyển động thì trở thành địa vị Chuyển-luân-vương, cho đến thổi bụi nhỏ thì trở thành địa vị Tiểu Vương, phước báo ấy thật vô lượng. Thắp đèn cúng dường chiếu rọi những nơi tối tăm mờ mịt, chúng sinh đau khổ được nhờ ánh sáng này, trông thấy lẫn nhau. Nhờ phước đức vượt lên, chúng sinh kia đều được thoát khổ".

Thuật lại rằng: Tại sao trong kinh nói là vì người chết làm tấm phan màu vàng, treo lên trên chùa tháp? Đáp rằng: Tuy chưa thấy kiến giải của bậc Thánh mà có thể mong cầu ý nghĩa. Trong năm màu sắc lớn này thì màu vàng ở chính giữa, dùng để biểu thị cho lòng trung thành, dẫn dắt sanh thân trung ấm không hướng về biên địa mà hy vọng sanh vào trung tâm. Vả lại màu vàng ví như vàng, quỷ thần nơi cõi u minh lấy làm vàng để sử dụng. Lúc cúng tế cắt tiền giấy trắng thì quỷ có được tiền bằng bạc để sử dụng, cắt tiền giấy vàng thì quỷ có được tiền bằng vàng để dùng. Cho nên trong kinh Thí Dụ nói: "Lúc ấy có Cốc Tặc trộm lấy hết ngũ cốc của người chủ, người chủ bắt được trách rằng: vì sao ông trộm hết ngũ cốc của tôi, ông là thần nơi nào? Cốc Tặc nói: Đem tôi đến bên đường sẽ có người biết tên của tôi! Trên đường đi gặp ngựa vàng-xe cộ áo quần đều màu vàng. người mặc áo vàng hỏi rằng: Cốc Tặc, sao ông ở nơi này? Người chủ mới biết là Cốc Tặc. Người chủ lại hỏi rằng: Người cưỡi ngựa mặc áo vàng là ai? Cốc Tặc nói: Là tinh hoa của vàng ròng, vì đền trả giá trị ăn hết ngũ cốc của người chủ. Người chỉ vì vậy mà được vàng sử dụng không thể hết. Bởi vì người và quỷ khác nẽo cho nên cảm ứng nhìn thấy đều sai khác. Bậc Thánh chế định phan màu vàng vì người đã mất ấy, treo trên chùa tháp khiến cho tìm được vật báu để cứu giúp cho vong linh vậy.

Lại trong kinh Bách Duyên nói: "Xưa thời Phật tại thế, trong thành Ca-tỳ-la vệ có một Trưởng giả, nhà rất giàu có, tiền của châu báu vô lượng không thể tính được, sanh ra một bé trai, đoan chánh khôi ngô tuyệt vời hơn hẳn so với mọi đứa trẻ khác. Bé trai ấy mới sanh ra, ở giữa hư không xuất hiện một tấm phan lớn che khắp phía trên thành. Cha mẹ trông thấy rồi vô cùng hoan hỷ, vì vậy đặt tên cho con là Ba đa ca, tuổi dần trưởng thành, cầu Phật xuất gia đạt được quả vị A-la-hán, đầy đủ Tam Minh-Lục thông và Bát giải thoát. Tỳ-kheo thấy rồi bèn thưa với

đức Phật rằng: Ba đa ca này xưa kia gieo trồng phước thiện gì, sanh ra đã đoan chánh hơn hẳn so với mọi đứa trẻ khác, ở giữa hư không xuất hiện tấm phan lớn che khắp phía trên thành, lại được gặp Thế tôn mà xuất gia đắc đạo? Đức Phật bảo với Tỳ-kheo: Trong chín mươi mốt kiếp quá khứ trước kia, sau khi đức Phật Tỳ-bà-thi nhập Niết-bàn, lúc ấy có vị vua tên gọi Bàn đầu mạt đế, thâu nhận Xá-lợi của Phật xây dựng bốn tòa tháp báu, cao một do tuần, mà thường xuyên cúng dường cung kính. Lúc ấy có một người, ở bên cạnh tháp báu thiết lập hội lớn, làm một tấm phan dài treo lên trên tháp, phát nguyện mà đi xa. Nhờ công đức này, từ lúc ấy đến nay trong chín mươi mốt kiếp không rơi vào đường ác, sanh trong loài người hay trên cõi Trời thường có phan lớn che rợp phía trên, thọ nhận phước thiện vui sướng cho đến ngày nay người ấy gặp được Ta đã cầu xuất gia mà đắc đạo".

Lại trong kinh Bồ-tát Bổn Hạnh nói: "Xưa thời Phật tại thế cùng với các Tỳ-kheo và A nan, từ nước Uất ti la diên đi khắp mọi thôn xóm. Lúc ấy tiết thời rất nóng mà không có bóng mát nào, có một người chăn dê thấy đức Phật trải qua cái nóng, liên khởi tâm thanh tịnh đan cỏ làm tàn che mát, đem che phía trên đức Phật đi khắp mọi nơi theo đức Phật, cách bầy dê rất xa, bèn thả tàn che xuống đất, trở về bên cạnh bầy dê. Đức Phật thì cười mỉm với A nan rằng: Người chăn dê này đem tâm cung kính, mà lấy cỏ làm tàn che mát phía tên đức Phật. Nhờ công đức này trong 13 kiếp không rơi vào đường ác, sanh trong loài người hay trên cõi Trời thường ở gia tôn quý vui sướng vô cùng, thường có tàn che tự nhiên bằng bảy báu, mà che mát ở phía trên đầu. Cuối kiếp thứ 13 thì xuất gia tu đạo, thành vị Bích-chi-Phật tên là A nậu bà đạt". Tụng rằng:

Chùa tháp quý báu tiếp tục cao lồ lộ, sắc màu rực rỡ nổi lên giữa hư không

Tung bay giữa làn mây bồng bềnh uyển chuyển,
Di chuyển che mát tựa như đóa sen hồng.
Phan sáng ngời mở ra sắc màu vàng rực,
Làn hương ngào ngạt hợp với khói than nồng,
Vờn bay theo gió không nơi nào nhất định,
Cầu mong cho dễ dàng trở về nguồn cội.
Mặt hồ lung linh muôn hình ảnh hiện bày,
Dòng suối tuôn trào trăm hoa nở tươi sáng,
Đêm dài vốn có làn gió thổi đung đưa,
Nhân duyên Chuyển-luân-vương bao lớp trùng điệp.

Tiếp xúc nương nhờ không bao giờ thỏa mãn,
Kết thành bè bạn cảm động không rời xa,
Đâu biết được vẻ đẹp trong các màu sắc,
Dẫn đến phước thọ kéo dài qua năm tháng.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Thời nhà Tống có Lưu Thâm Chi, người vùng Bái Quận, đã từng ở Quảng Lăng gặp một Sa-môn, nói với Thâm Chi rằng: Anh có căn bệnh nhưng mà sẽ không chết, nên lấy một-hai trăm đồng tiền cúng dường cơm nước cho chúng Tăng, thì tránh được tai họa bức bách! Thâm Chi xưa nay không tin vào pháp nên tâm dấy lên tức giận khinh mạn. Sa-môn nói: Nên Tăng thêm niềm tin thần linh đừng lấy làm tức giận! Cách nhau hai mươi bước bỗng nhiên không thấy nữa. Thâm Chi qua bảy ngày sau thì phát bệnh, lúc ấy khí lực nguy ngập sắp chết. Đến chín ngày đang ban ngày mà như mộng chẳng phải mộng, thấy có tòa tháp thờ Phật năm tầng ở trong tâm mình, có hơn hai mươi vị Tăng, nhiễu quanh tháp làm lễ vì vậy mà tỉnh giấc, liền được lợi ích to lớn, căn bệnh quả là có phần giảm đi. Sau đó đến tại kinh thành, bỗng nhiên có Sa-môn trước đây không quen biết nhau, thẳng thắn đi vào nhà nói rằng: Anh có duyên với pháp sao không tinh tiến? Thâm Chi nhân đó nói là trước kia đã gặp nhau chăng? Đáp rằng: Đây là Tân đầu lô. Nói xong liền đi không biết đến nơi nào. Thâm Chi vào mùa hạ năm thứ mười bảy niên hiệu Nguyên Gia nhà Tống, ở Quảng Lăng từ xa trông thấy phía trước Tinh xá Tuệ Uông có rất nhiều phan cái, mà không có hình tượng, bèn đi đến xem thử, đến khi tới cửa, bỗng nhiên tất cả không còn.

Câu chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký.

Thiên thứ 33: HOA HƯƠNG

Thiên này có hai phần: Thuật ý và Dẫn chứng.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Cung kính tìm lại dấu tích đức Phật Thích Ca giáng thần nơi thành Ca-tỳ-la vệ thác chất tại vương cung, trí thật sự sanh ra hiểu biết-đạo chỉ có giác ngộ khắp nơi, phát triển vầng sáng trí tuệ cho trăm ức chúng sinh, rưới xuống cơn mưa giáo pháp khắp Đại thiên thế giới, hình tượng ứng hoàn bị khắp mười phương quốc độ tháp đài quý báu xuất hiện kháp pháp giới hằng sa; hương kỳ lạ lan tỏa ngào ngạt, tựa như mây bồng bềnh, mà tỏa ra sương mù, hoa quý báu chứa đầy vẻ đẹp, dường như ngó sen ngược mà nở rộ đóa sen. Thành kính cúng dường cùng hướng về pháp hội, cúi đầu khoảnh khắc đều thấm nhuần phước lợi.

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh Phật thuyết Hoa Tụ Đà La Ni nói: "Đức Phật dạy: Nếu lại có người vào sau khi Như lai diệt độ, đi trên đường vắng vẻ trông thấy tháp miếu thờ phụng Như lai, có thể mang một đóa hoa-một ngọn đèn, hoặc một nắm bùn xoa trước hình tượng, lấy đó làm vật cúng dường; thậm chí có thể cầm một đồng tiền bố thí cho tượng Phật, để sửa chữa lúc hư hoại; hoặc lấy một vốc nước dùng để vẩy nơi tháp Phật trừ khử bất tịnh, dùng hương hoa cúng dường; một bước đưa chân đến nơi chùa tháp, hoặc xưng niệm một tiếng Nam Mô Phật. Muốn khiến cho người này rơi vào đường ác, thì trăm ngàn vạn kiếp rốt cuộc không có điều này xảy ra".

Lại trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Nếu có chúng sinh mang hương hoa trên tháp Phật thì mang chúng sinh đến cõi Trời Hương Lạc, cùng với các Thiên nữ thường vui vẻ chơi đùa bên nhau, từ cõi Trời mạng chung được thọ nhận thân người, sanh trong gia đình giàu có cao quý".

Còn trong kinh A-xà-thế Vương nói: "Vô lượng kiếp quá khứ có đức Phật danh hiệu Nhất Thiết Độ, cùng với quyến thuộc của mình đều đi khất thực. Có ba người con của Trưởng giả áo quần nghiêm trang chơi đùa với nhau, trông thấy đức Phật và các vị Bồ-tát sáng ngời uy nghiêm vô cùng, chỉ cho nhau thấy mà nói rằng chúng ta nên cùng nhau cúng dường. Hai đứa trẻ đáp rằng: đã không có hương hoa thì nên dùng vật gì? Một đứa trẻ lớn nhất cởi ngọc trắng trên đầu đem đặt trong tay, nhân tiện nói với hai đứa trẻ rằng: Có thể cúng dường đức Phật. Hai

đứa trẻ làm theo, cởi ngọc trắng trên đầu cầm trong tay mình, liền đến nơi đức Phật. Đứa trẻ lớn nhất lại hỏi hai đứa trẻ: Giữ Công đức này để cầu mong điều gì? Một đứa trẻ nói: Nguyện được như vị Tỳ-kheo phía bên phải đức Phật. Một đứa trẻ con: Nguyện được như vị Tỳ-kheo thần túc phía bên trái đức Phật. Hai đứa trẻ cùng hỏi đứa trẻ lớn nhất, trả lời rằng: Anh muốn giống như đức Phật. Tám ngàn vị thiên tử đều nói: Tốt lành thay, tốt lành thay! Nếu như lời đã nói, thì trên Trời dưới đất tất cả đều được nhờ ân huệ. Lúc ấy cả ba đứa trẻ đã đến trước đức Phật, đều dùng ngọc trắng mà rải trên đức Phật. Hai đứa trẻ phát tâm Thanh văn, thì ngọc nằm trên vai đức Phật. Đứa trẻ lớn nhất phát tâm Bồ-đề, thì ngọc ở trên đỉnh đầu đức Phật, hóa làm bức rèm ngọc kết hoa sáng ngời, trong đó có đức Phật. Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Đứa trẻ lớn nhất lúc ấy chính lá thân Ta bây giớ, đứa trẻ phía bên phải lúc ấy chính là Xá-lợi-phất bây giờ, đứa trẻ phía bên trái lúc ấy chính là Mục-kiền-liên bây giờ. Bởi vì các ông vốn sợ sanh tử, cho nên không phát tâm Bồ-đề, chỉ mong mau đến Niết-bàn. Quán xét đứa trẻ lớn nhất này phát tâm A nậu Bồ-đề cho nên thành Phật".

Lại trong kinh Thái Hoa Thọ Quyết nói: "Lúc ấy có Quốc vương La Duyệt, khiến hơn mười người thường xuyên hái các loại hoa đẹp để cung cấp cho Vương gia. Quý nhân trong hậu cung một hôm ra ngoài thành hái hoa, gặp được đức Phật nên phát tâm cúi đầu làm lễ, tâm tự nghĩ rằng: Thà bỏ thân mạng lấy hoa dâng lên đức Phật và rải trên Thánh chúng, cho dù gặp phải tai họa cũng không rơi vào đau khổ. Bèn lấy hoa rải trên đức Phật và Thánh chúng, lại tự mình quy mạng nhất tâm lễ lạy thiết tha, đức Phật biết rõ tâm niệm ấy, ngài rất thương yêu mà thuyết pháp cho tất cả, những người hái hoa đều phát tâm đạo. Đức Phật liền thọ ký quyết định sau này sẽ được thành Phật, danh hiệu là Diệu Hoa. Lúc ấy người hái hoa quay về trong nhà Từ biệt với cha mẹ rằng: nay con mạng sống đã hết sẽ bị nhà vua giết hại. Cha mẹ ngạc nhiên hỏi vì tội lỗi gì, người ấy trả lời đầy đủ về nguyên nhân, vì không có hoa dâng lên nhà vua thì ắt phải gặp nguy hiểm đến tính mạng, cho nên Từ biệt mà thôi. Cha mẹ nghe xong, càng thêm lo buồn, mở giỏ nhìn xem thì thấy hoa đẹp đầy trong giỏ, mùi thơm sực nức khắp nơi, cha mẹ nói cho biết rằng: có thể dâng lên nhà vua lúc ấy nhà vua rất giận dữ vì thấy đến không đúng giờ, người mang hoa đến lại nhận tội là đáng bỏ thây nơi chợ, đi vào trong cung gặp nhà vua mà sắc mặt không thay đổi. Nhà vua cảm thấy kỳ lạ bèn hỏi: Các người tội nặng mạng sống sẽ không còn, tại sao không sợ hãi? Liền thưa với nhà vua rằng: Con người

sinh ra thì có chết đi, vạn vật thành tựu thì có hủy hoại, không đều phi pháp thì không tiếc thân mạng, sáng nay đi hái hoa được gặp đức Phật nên dùng hoa dâng cúng, vì biết làm trái lệnh vua thì tội phải chết, thà rằng vì có đức mà chết, chứ không vì vô đức mà sống trở về nhìn thấy giỏ hoa lại đầy như cũ, đều là nhờ ân đức nhân ái của đức Như lai đã che chở! Nhà vua rất ngạc nhiên, nhưng tâm không tin như vậy, cho nên đến nơi đức Phật thưa hỏi đức Phật về ý này. Đức Phật dạy: Thật sự như vậy, người này chí tâm muốn cứu độ mười phương chúng sinh mà không tiếc gì thân mạng, cho nên lấy các loại hoa để rải cúng trên đức Phật, ý không nghĩ đến phước báo vì thế được thọ ký quyết định, tương lai thành Phật danh hiệu là Diệu Hoa. Nhà vua vô cùng hoan hỷ cởi bỏ mọi vướng mắc hối hận về sai lầm của mình, tự trách ý ngu si không bằng hàng Bồ-tát, chỉ mong tha thứ cho tội lỗi ấy. Đức Phật dạy: Tốt lành thay! Người có năng lực tự sửa đổi mình thì giống như không có lỗi lầm gì”.

Lại trong kinh Bách Duyên nói: “Đức Phật an trú trong Tinh xá Kỳ-hoàn thuộc khu vườn Kỳ thọ cấp cô độc ở nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn cùng các Tỳ-kheo, khoác y ôm bát, theo thứ tự đi khất thực. Đến trong môt ngõ xóm, có một người phụ nữ ôm một đứa trẻ, đang ngồi bên vệ đường. Lúc ấy đứa trẻ kia trông thấy Đức Thế tôn thì tâm tư rất hoan hỷ, lấy đóa hoa từ người mẹ, người mẹ liền mua hoa cho con. Đứa trẻ có được hoa rồi, mang đến nơi đức Phật tung hoa trên đức Phật, ở giữa hư không biến thành tán hoa theo đức Phật đi lại để che mát. Đứa trẻ trông thấy rồi, lòng vô cùng hoan hỷ, phát thệ nguyện to lớn dùng công đức thiện căn cúng dường này, khiến cho con ở đời sau được thành tựu chánh giác, hóa độ chúng sinh giống như đức Phật không khác. Bấy giờ Đức Thế tôn thấy đứa trẻ này phát nguyện như vậy rồi, đức Phật liền mỉm cười, từ khuôn mặt Ngài phát ra ánh sáng năm màu, vòng quanh đức Phật ba vòng trờ lại đi vào từ trên đỉnh đầu. Lúc bấy giờ A nan tiến lên thưa với đức Phật rằng: Như lai tôn trọng không vô cớ mỉm cười, vì nhân duyên gì hôm nay Đức Thế tôn mỉm cười? Chỉ nguyện Đức Thế Tôn giải thích cho con được biết! Đức Phật bảo với A nan: Nay ông thấy đứa trẻ này dùng hoa tung lên, nguyện cầu mình ở đời vị lai không rơi vào đường ác, trong loài người hay trên cõi Trời thường thọ nhận vui sướng, trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp thành vị Bích-chi-Phật, hiệu là Hoa Thạch, hóa độ nhiều chúng sinh không thể hạn lượng, vì vậy Ta mỉm cười mà thôi. Lúc ấy các Tỳ-kheo, nghe những lời đức Phật đã dạy đều hoan hỷ vâng mạng thực hành”.

Lại trong kinh Bách Duyên nói: "Đức Phật an trú trong Tinh xá Kỳ-hoàn thuộc khu vườn Kỳ thọ Cấp cô độc ở nước Xá-vệ. Bấy giờ hào phú Trưởng giả trong thành ấy, đều cùng nhau tụ tập đến trước dòng suối, đàn ca xướng hát mà tự vui đùa tiêu khiển với nhau, tổ chức lễ hội Hoa Man cho nước Ba-la-nại. Lúc ấy trong lễ hội đó cửa ra một người, đi đến khu rừng hái hoa Ba-la-nại làm tóc đẹp mượt mà, lúc người hái hoa trở về lại nơi lễ hội, giữa đường gặp Đức Thế tôn tướng tốt sáng ngời, chiếu rọi khắp nơi giống như trăm ngàn mặt Trời, tâm tư rất hoan hỷ tiến lên lễ lạy chân Phật, lấy hoa đã hái tung lên đức Phật mà đi, trở lại trước cây để hái hoa, cành gãy rơi xuống mà chết, mạng chung sanh lên cõi Trời Đao lợi, đoan chánh xinh đẹp vô cùng, dùng hoa Ba-la-nại mà làm cung điện. Đế Thích hỏi rằng: Người ở nơi nào tu đạo phước nghiệp gì mà sanh đến này? Bèn đem nhân duyên vốn có trả lời đầy đủ với Đế Thích, lúc bấy giờ Đế Thích dùng kệ khen ngợi rằng:

Thân hình màu sắc như vàng ròng,
Chiếu rọi sáng ngời đẹp biết bao
Dung nhan tướng mạo thật đoan chánh,
Thù thắng nhất giữa những người Trời.

Lúc ấy Thiên tử liền nói kệ trả lời Đế Thích rằng:

Tôi được nhờ ân đứa của Phật,
Dùng hoa Ba-la-nại cúng dường
Nhờ vào nhân duyên tốt lành này,
Hôm nay được quả báo như vậy.

Bấy giờ Thiên tử bèn cùng với Đế Thích đi đến nơi đức Phật, đức Phật vì họ thuyết pháp làm cho tâm ý thấu hiểu thông suốt, phá trừ hai mươi ức nghiệp chướng tà kiến, đạt đến quả vị Tu-đà-hoàn, tâm tư vui mừng liền ở trước đức Phật nói kệ ca ngợi đức Phật:

Đức Thế tôn uy nghiêm sừng sững,
Tuyệt vời nhất không có ai bằng
Cha mẹ và thầy dạy cao sâu,
Công đức không có ai sánh kịp
Cạn hết nước trong bốn biển lớn,
Vượt lên núi xương trắng cao ngất
Đóng chặt cánh cửa ba đường ác,
Luôn luôn mở thông lối vào ba thiện".

Lại trong kinh Tạp bảo Tạng nói: "bấy giờ Thiên nữ nói kệ rằng:

Xưa tôi dùng hoa đẹp mượt mà,
Cúng dường tháp thờ Phật Ca-diếp

Hôm nay sanh ở trên cõi Trời,
Đạt được công đức thù thắng này
Sanh ra ở trong các cõi Trời,
Phước báo được thân sắc vàng ròng".

Lại trong Tát-bà-đa Luận nói: "Nếu là nơi của Tứ phương Tăng thì không được làm tháp, vì Phật pháp tự mình gieo trồng nhân duyên. Nếu như Tăng hòa hợp thì được, Tăng không hòa hợp thì không được làm. Nếu đất của Tăng có các loại hoa, nên để cho người thanh tịnh chọn lấy, theo thứ tự cùng với Tăng tùy ý cung cấp, không được lấy riêng tự mình cúng dường Tam bảo. Nếu như hoa nhiều Tăng lấy không hết, nếu Tăng hoà hợp thì tùy ý lấy dùng. Nếu trong Tăng phòng thì không được dựng tháp làm tượng, bởi vì gần người thì ô uế dơ bẩn không thanh tịnh. Nếu là nhà có tầng gác chồng chất, nếu kinh tượng ở tầng dưới, thì không được ở tầng trên. Nếu hoa ở trong đất tháp thì không được cúng dường Tăng pháp, hợp với phép tắc chỉ nên cúng dường Phật. Hoa này cũng được bán lấy tiền để chi dụng cúng dường tháp. Nếu người là nước trong tháp thì dùng để cung cấp cho tháp, giả sử có dùng còn thừa nếu là người dồn hết công sức cho tháp, thì nên bán nước này lấy tiền thuộc về tháp, không được dùng vào việc khác, sử dụng thì tính theo số tiền xâm phạm. Nếu trong tháp không có người dồn hết công sức quản lý nước, tất cả do Tăng sắp xếp thì nước còn thừa lại bao nhiêu, dễ dàng tính toán tùy theo số lượng mà sử dụng thích hợp".

Lại trong kinh Văn-thù Vấn nói: "Bấy giờ Văn-thù-sư-lợi thưa với đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn! Các loại hoa cúng dường còn lại dùng để chữa trị căn bệnh, phương pháp ấy thế nào? Đức Phật bảo với Văn-thù: Hoa chú nguyện 108 biến khác nhau.

Hoa cúng dường Phật, tụng chú rằng:

Nam mô Phật-thát-tả-trị-sa-ha

Hoa cúng dường Bát nhã Ba-la-mật, chú rằng:

Na-mạt-kha-lô-lữ-Bát-nhã Ba-la-mật đa-thương-sa-ha.

Hoa cúng dường chân Phật, chú rằng:

Na-mạc-ba-đà-chế-điểm-đam-diên-sa-ha.

Hoa cúng dường cây Bồ-đề chú rằng:

Nam mô Bồ-đề bức-lực-khám-lam-sa-ha

Hoa cúng dường nơi chuyển pháp luân, chú rằng:

Nam mô đạt-ma-chước-kha-la-dạ-sa-ha.

Hoa cúng dường tháp, chú rằng.

Na-mạc-du-bạt-da-sa-ha.

Hoa cúng dường Bồ-tát, chú rằng:
Nam mô Bồ-đề tát-đỏa-dã-sa-ha.
Hoa cúng dường chúng Tăng, chú rằng:
Na mạc Tăng già-dã-sa-ha.
Hoa cúng dường hình tượng Phật, chú rằng:
Na-mạc-ba-la-để-da-sa-ha.

Đức Phật bảo với Văn-thù-sư-lợi: Dùng hoa này, nếu như bốn chúng luôn luôn tin tưởng tu hành, thì nên vào lúc sáng sớm tắm gội súc miệng sạch sẽ niệm công đức của Phật,cung kính hoa này không dùng chân giẫm đạp và bước qua trên hoa, như pháp cầm lấy đặt vào sạch sẽ. Nếu người mắc bệnh sốt rét-sốt nóng-trán đau, đều lấy nước lạnh mài vụn hoa dùng để xoa trên thân thể. Nếu bị kiết lỵ đi ra máu, hoặc trong bụng đau đớn khó chịu, lấy nước uống mài vụn hoa, nên chịu khó uống hoa này. Nếu miệng có lở loét thì lấy nước ấm mài vụn hoa ngậm, chất lỏng hoa này. Nếu Trời mưa không dứt, ở nơi trống trải lấy lửa đốt hoa, khiến cho mưa lập tức ngưng lại. Nếu Trời hạn hán thì ở nơi vắng vẻ, lấy hoa bỏ vào trong nước, lại chú nguyện nước lạnh tiếp tục vẩy lên trên hoa, Trời sẽ tuôn mưa. Nếu các loại trâu ngựa, bản tánh không thuần phục thì lấy hoa cho ăn, sẽ dễ dàng điều phục. Nếu các loại cây ăn quả hoa trái không sum sê, lấy nước lạnh và phân trâu mài vụn đem trộn lẫn với chất lỏng của hoa để tưới vào gốc cây, không được chà đạp thì hoa trái sẽ nhiều. Nếu trong ruộng nhiều nước làm cho mầm mạ hư hại, giã hoa cho vạn để rải vào trong ruộng, thì được sinh trưởng tốt tươi. Nếu trong quốc gia có tật bệnh nguy hại thì lấy nước lạnh mài vụn hoa, xoa lên các loại trống kèn, đánh thổi pháp ra tiếng vang, người nghe thấy sẽ khỏi bệnh. Nếu quốc gia đối địch-giặc thù muốn đến xâm lấn lãnh thổ, lấy nước mài vụn hoa đem đến nơi ấy, dùng để vẩy ra khắp nơi thì nhất định sẽ rút lui. Nếu ở các núi cao có tảng đá lớn, rất nhiều Tỳ-kheo ở trên đá mài vụn hoa, mài hoa đã xong cùng nhau lễ lạy, lâu sau trên đá tự nhiên sinh ra châu báu. (Lược thuật tóm tắc như vậy, còn lại rất nhiều y theo kinh). Đức Phật bảo với Văn-thù: Mỗi một câu chú tụng đủ một trăm lẻ tám biến, chương cú thần chú này ông hướng đến mọi nơi nên giải thích như pháp dùng hoa cúng dường Phật, hoa cúng dường nơi khác cũng như vậy".

Lại trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Xưa trong người có hương thơm tên gọi Đại Tượng Tạng, bởi vì đánh nhau với loài Rồng mà phát ra. Nếu đốt một viên thì xuất hiện ánh sáng lớn, có vầng mây nhỏ che phía trên, mùi vị giống như cam lộ, bảy ngày bảy đêm rưới xuống làn mưa

mùi nước thơm ngát. Nếu chạm vào thân thì thân có sắc vàng sáng rực; nếu chạm vào áo quần-cung điện-lầu đài, thì cũng đều có sắc vàng rực rỡ. Nếu có chúng sinh được ngửi thấy mùi hương này, thì trong bảy ngày bảy đêm hoan hỷ vui cười, diệt trừ tất cả bệnh tật không còn oan ức thô bạo, tâm xa lìa sợ hãi nguy hại, chỉ hướng về đại Từ nghĩ đến tất cả chúng sinh. Mình biết điều ấy rồi nên vì mọi người thuyết pháp, khiến cho vô lượng chúng sinh được bất thối chuyển. Còn Ngưu đầu-Chiên Đàn từ núi Ly Cấu Sinh ra, nếu lấy xoa vào thân thì lửa không thể đốt cháy”.

Còn trong kinh Bách Duyên nói: “Xưa thời Phật còn tại thế, trong thành Ca-tỳ-la vệ có một Trưởng giả, nhà đó rất giàu có, tiền của châu báu vô lượng, không thể tính kể được, sanh ra một bé trai, dung mạo đoan chánh ít có ở thế gian, các lổ chân lông nơi thân thể phát ra mùi hương Chiên Đàn, từ miệng cậu bé tỏa ra mùi hương của hoa Ưu Bát. Cha mẹ thấy con mà hoan hỷ vô lượng, nhân đó đặt tên cho con là Chiên Đàn Hương. Tuổi dần lớn lên, cầu Phật xuất gia đạt được quả vị A-la-hán. Tỳ-kheo thấy rồi bèn thưa với đức Phật rằng: Chiên Đàn Hương này, đời trước gieo trồng phước thiện gì mà sanh trong dòng dõi tôn quý, thân miệng tỏa ra mùi hương, lại được gặp Đức Thế tôn xuất gia đắc đạo? Đức Phật bảo với Tỳ-kheo: Trong chín mươi mốt kiếp quá khứ trước kia, sau khi đức Phật Tỳ-bà-thi nhập Niết-bàn, lúc ấy có vị vua tên gọi Bàn đầu Mạt đế, thâu nhận Xá-lợi-phất của Phật xây dựng tòa tháp bằng bốn thứ báu, cao một do tuần mà thường xuyên cúng dường. Lúc ấy có vị Trưởng giả đi vào trong tháp Phật, thấy đất rơi rụng hư hoại bèn nhào bùn đất xoa lên sửa sang lại, dùng hương chiên đàn vẩy lên trên tháp, phát nguyện rồi mà đi. Nhờ công đức này, từ lúc ấy đến nay trải qua chín mươi mốt kiếp, không rơi vào đường ác, sanh trong loài người hay trên cõi Trời thân-miệng thường tỏa mùi hương, hưởng phước vui sướng, cho đến bây giờ mới gặp được ta nên cầu xin xuất gia đạt được đạo quả”.

Lại trong Đại Trang nghiêm Luận nói: “Đức Phật dạy: Xưa Ta từng nghe, thời đức Phật Ca-diếp có một Pháp sư thuyết pháp cho mọi người, ở giữa đại chúng ca ngợi đức Phật Ca-diếp, nhờ duyên này cho nên mạng chung sanh lên lõi Trời người thường được vui sướng. Vào một trăm năm sau khi đức Thích Ca văn Phật nhận Niết-bàn, lúc A du ca Vương, làm Đại Pháp Sư, đạt được quả vị A-la-hán, thường có mùi hương kỳ lạ tỏa ra từ miệng mình. Lúc ấy vị Đại Pháp sư cách nhà vua không xa đang thuyết pháp cho mọi người, mùi hương trong miệng lan

tỏa đến nơi nhà vua, nhà vua ngửi thấy mùi hương trong tâm sinh ra nghi hoặc, dấy lên tư duy rằng: Tỳ-kheo ấy vì hoa hương thơm kỳ lạ ngậm vào trong miệng chăng, mùi hương mới như vậy! Dấy lên ý nghĩ này rồi, nói với Tỳ-kheo rằng: Mở miệng-súc miệng còn có mùi hương chăng? Tỳ-kheo nói với nhà vua: Vì sao nói tôi há miệng-súc miệng? Lúc ấy nhà vua đáp rằng: Bởi vì ta ngửi thấy mùi hương trong tâm sinh ra nghi ngờ, cho nên khiến há miệng và súc miệng. Mùi hương càng ngào ngạt, chỉ có mùi hương trong miệng Tỳ-kheo này, Tỳ-kheo khác không thể có được. Nhà vua nói với Tỳ-kheo: Nguyện vì Ta nói cho biết điều ấy! Tỳ-kheo mỉm cười, liền nói kệ rằng:

"Trên Trời dưới đất vẫn tự tại,
Nay sẽ nói rõ cho người biết
Đây không phải là hương trầm thủy,
Lại không phải hoa lá thân cành
Các loại hương chiên đàn-huân lục,
Hoà hợp có thể sinh ra được,
Ta sinh tâm vô cùng hy hữu,
Mà dấy lên nói lời như vậy,
Nhờ xưa ca ngợi Phật Ca-diếp,
Đã có được mùi hương như vậy
Thời đức Phật ấy đã có rồi,
Cùng với mùi hương mới không khác
Ngày đêm luôn luôn có mùi hương,
Chưa hề có lúc nào đoạn tuyệt".

Lại trong kinh Nhật Vân nói: "Khói hương không hết bỏ xuống đất mang lấy tội vượt bỏ, (Việt khí tội) suốt năm trăm năm rơi vào địa ngục Phẫn Niệu. Tại vì sao? Nởi vì tâm ngang nhiên làm càn".

Còn trong kinh Dạ Vấn nói: "Vật dụng cúng dường trang nghiêm, dùng miệng thổi đi bụi đất, thì đọa vào địa ngục Ưu bát la, gần quả báo làm Thần Vương của gió".

Lại trong kinh Yếu Dụng nói: "Lổ mũi ngửi mùi hương, bởi vì làm giảm mùi hương cho nên không có phước đức gì, chánh báo rơi vào địa ngục Ba Đầu Ma, đời vị lai tỷ căn không có hương vị".

Còn trong kinh Cúng Dường nói: "Lúc cúng dường hương thơm mà miệng không khép lại, sẽ rơi vào địa ngục Hắc Phẫn Niệu, hết nửa kiếp nhận chịu tội lỗi ấy là báo ứng không có niềm tin phước tuệ. Tại vì sao? Bởi vì dấy lên trạng thái không muốn bụi hương".

(Những kinh trên đây tuy không có mục lục nhưng đều cảm ứng

với thần giáo cho nên tách biệt sơ lược ghi lại vậy)

Còn trong Tam Thiên Oai Nghi nói: "Đốt hương đặt ở trước Phật có ba điều: Một- Thay hương cũ trong lò; hai_ nhưng nên tự mình lấy hương; ba- Nên bố thí cho người. Chuẩn bị lò hương có ba điều: 1- Nên trước tiên đổ tro cũ nhặt lấy hương trong lò giữ lại một bên; 2- Nên lau chùi làm cho sạch sẽ mới đặt lửa vào, vẫn lấy hương cũ bỏ vào trong lò; 3- Lúc đưa lửa vào cháy rực lên không được thổi làm cho tắt than". Tụng rằng:

Từ lâu chán ngán cây vô minh,
Mới vui mừng tìm hoa Nại-Uyển
Bắt đầu đi vào vùng núi Hương,
Vẫn gặp cỗ xe ngôi nhà lửa
Cha hiền nhiều lần dẫn đưa ra,
Con thơ làm trái nợ ân tình
Tuy hiểu mối nguy chuột gặp cây,
Mà vẫn đau thương trong giỏ rắn.
Lộc uyển-Thiền lâm luôn tốt tươi,
Thứu Lĩnh làm rung chuyển nhánh cây,
Nụ hoa Định sinh ra quả Trí,
Cưỡi hư không tìm cách vượt dòng,
Làn mưa pháp luôn luôn rưới xuống,
Áng mây thơm vần vũ thêm nhiều
Dường như muốn mọc cánh thành Tiên,
Đến cứu giúp Phật bầy hươu mắc lưới.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra bảy chuyện: 1- Sa-môn Cầu Na Bạt Ma thời Tống; 2- Tề Cao Sĩ Minh Tăng Thiệu; 3- Sa-môn Thích Tuệ Chiêu thời Lương; 4- Tấn An Vương Tiêu Tử Mậu thời Nam Tề; 5- Sa-môn Thích Tuệ Chủ thời Đường; 6- Hương thơm kỳ lạ ở hang Báo vùng Nam sơn-Vị Nam-Ung Châu thời Đường; 7- Đưa ra những nơi sản sinh hương thơm.

1: Xưa kia trong niên hiệu Vĩnh Gia đời Tống, có Tam Tạng Pháp sư cầu na bạt ma là người nước ngoài, nhà vua sắc chỉ mới đến chùa Kỳ-hoàn, cứ mỗi lần giảng thuyết thì bốn chúng quy tụ rất đông. Đã từng kết thúc mùa hạ an cư, người tín tâm hái các loại hoa cúng dường đặt trong tất cả chổ ngồi của chúng Tăng, kiểm tra thấy chổ ngồi của mạt Ma hoa vẫn tươi đẹp như ban đầu. Biết trước giờ chết, y theo ngày giờ tắm gội trước, chắp tay tụng kinh ngồi trang nghiêm mà hóa diệt, thân

thể thơm tho mềm mại, ở dưới chổ ngồi có một quyển văn để lại bút tích của mình, trong đó kệ nói rằng:

Mạt Ma người ở nước La bà,
Đến ở trong chùa A lan nhã
Tôi ban đầu đạt được Thánh quả,
Dấu tích của đạo lìa phiền não
Nếu như hướng về nước Sư tử,
Thôn xóm tên là Kiếp Ba Lợi
Tiến tu đạt được quả thứ ba,
Đây gọi là quả Tư-đà-hàm.

Văn Đế càng thêm vui mừng vô cùng. Lại ở trên thi hài thấy có một vật, hình dạng giống như rồng rắn, dài khoảng một thước, vút thẳng lên Trời cao. Tăng chúng đau buồn ngậm ngùi, mới y theo pháp của nước ngoài, lấy củi thơm làm giàn hỏa táng dựng tháp phụng thờ.

Câu chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện.

2: Chùa Tây Hà thời Tề, ở trong núi Tần Giai Lý Nhiếp thuộc vùng Giang Thùy Bắc-quận Lang Nha phía Nam Từ Châu do Tề cao Sĩ bình nguyên Minh Tăng Thiệu, vào giữa niên hiệu Thái Thỉ nhà Tống đã bắt đầu xây dựng, từng nghe tiếng chuông tự ngân vang. Chùa trên núi cách thôn xóm chừng năm, sáu dặm, trong thời Tống Thăng Minh, vào rạng sáng mà dân chúng trong thôn đều trông thấy lưng chừng núi có phan cái bày ra rực rỡ, khói mây năm màu sáng rực chiếu rọi giữa hư không. Già trẻ gái trai nhìn về nơi ấy đều nói là thật, tranh nhau đến xem thì hoàn toàn không thấy gì cả.Lúc ấy có pháp Sư Pháp Độ, ở chùa trên núi giảng về kinh Vô Lượng Thọ, giữa đêm bỗng nhiên có ánh sáng vàng rực chiếu rọi vào chùa, ở trong ánh sáng ấy giống như có lâu đài-hình tượng đang giảng thuyết. Tăng chúng trong chùa và những người hành hương, thực hành không như pháp tắc, và khách tục nam nữ có uế trược đi vào chùa, thì cọp liền xuất hiện gầm gào tuần phòng, âm vang chấn động núi rừng. Cho đến bây giờ hãy còn như vậy, hoặc có người niệm tụng có chút mệt mỏi lười nhác, thì Sơn Thần hiện hình, nhưng mặc áo đen thân cao một trượng, tay cầm dây thừng, làm cho Tăng chúng kinh sợ, tụng niệm tu tập không dám lười biếng.

3: Thời nhà Lương có chùa Nam Minh Chân, ở vùng Trung Hưng-huyện Mạt Lăng, do Sa-môn Tuệ Chiêu sáng lập vào năm thứ năm niên hiệu Phổ Thông nhà Lương, Tuệ Chiêu sanh ra trong nhà họ Từ, thời nhà Tề ban đầu đi theo cậu đến Lư Lăng, giữa đường nhặt được một túi vải, trong túi vải có chiếc khăn thêu, trong khăn thêu có tờ giấy

năm màu, tất cả làm thành một gói. Bắt đầu mở bốn lớp cũng không hề thấy gì, mở lớp cuối cùng thấy có ánh sáng, giống như ánh điện chiếu sáng rực cả căn nhà. Vì vậy nhiều lần cảm ứng điềm lành kỳ lạ, đi vào nước không chìm, đi vào lửa không cháy, người nhà cho là phát điên, mới đưa vào cũi nhốt rất chặt, trong chốc lát đã thoát ra ngoài, mới biết là nhờ thần lực. Vì thế thiết lập tòa cao thỉnh cầu phước đức giữa hư không có tiếng nói rằng: Ta là Bồ-tát Trường Sanh, làm lợi ích cho đất nước các người nên y theo Phật pháp cúng dường thanh tịnh! Thế là mọi người tranh nhau đem hương hoa dâng cúng, cứ đến là có linh nghiệm. Người ở Phương Nam là Lý Thúc Hiến sau đó nguyện xin lợi ích cho Châu của mình, về sau quả nhiên làm Thái Sử Giao Châu, bèn làm tượng thần bằng trầm hương. Người thế gian cho rằng thần chú trọng đến hoa hương, nhân đó gọi là Hoa Nương Thần. Mọi người đưa lễ vật cúng dường đến tổ chức trai hội, những gì còn lại Tuệ Chiêu giáo hóa đều dùng để xây chùa.

Hai chuyện trên đây trích từ Lương Kinh Tự ký.

4:Tấn An Vương Tiêu Tử Mậu thời Nam Tề, tự là Vân Xương, là con của Vũ Đế. Năm mới 7 tuổi Nguyễn Thục Viện đã từng mắc bệnh nguy cấp, thỉnh Tăng đến hành đạo, có người dâng hoa sen cúng dường đức Phật, chúng Tăng lấy bình đồng chứa nước, cắm cây hoa vào muốn làm cho không héo rũ, như vậy ba ngày mà hoa càng tươi đẹp Tử Mậu rơi nước mắt lạy Phật thề rằng: Nếu làm cho Dì con nhân đây được yên lành, nguyện cầu uy lực của đức Phật khiến cho hoa đến cuối cùng trai hội không úa tàn. Bảy ngày trai kết thúc mà cành hoa càng thêm tươi hồng, xem thấy bình có đôi chút rễ mảnh sinh ra, bệnh của Mẹ lại khỏi hẳn. Thời bấy giờ gọi là hiếu cảm vậy. Em trai của Tử Mậu là Nam Hải Vương Tử Hãn, tự là Linh Hoa. Người mẹ tên là Lạc Dung Hoa Mắc bệnh nặng, Tử Hãn ngày đêm lễ lạy cầu khấn. Lúc ấy lấy tre làm đèn nối tiếp đèn ấy, chiếu sáng Trời đêm vô cùng rõ ràng. Nếu tiếp như vậy suốt đêm mà cành lá tươu tốt hẳn lên, bệnh của mẹ lại lành hẳn.

Sự việc này trích từ Ngô Quân Xuân Thu.

5: Thời đời Đường ở huyện Vĩnh An-Thỉ Châu có Sa-môn Thích Tuệ chủ, họ Giả là người trì luật bậc nhất và tạo nhiều phước nghiệp. Sau trở về quê cũ ở Nam Sơn ẩn tích chỉ ăn là tùng, nhiều loài cầm thú cùng tụ tập không một tiếng động. Hoặc là có Sơn Thần cùng đưa Phục Linh-Cam Tùng Hương đến tặng. Sáu thời hành đạo không thiếu một thời nào, các loài cầm thú đi theo bên cạnh lễ Phật tụng kinh, tựa như nghe theo để nương nhờ. Sau khi thọ Bồ-tát giới có bầy khỉ nói là vị vua

khác loài nhưng cùng chung một ánh mặt Trời Phật pháp. Tuệ chủ hết sức kỳ lạ, súc sanh có thể nói được thật là điều chưa có bao giờ. Lại có điềm lành là rồng bay-thú vật tụ tập mang hương kỳ lạ chứa đầy trong núi. Sau có tám người đều mang cung gỗ, vô cùng kinh hãi, đến an ủi Tuệ Chủ rằng: Thánh quân xuất thế lúc ấy là niên hiệu khai Hoàng rồi. Đến năm thứ ba niên hiệu Trinh Quán đời Đường, trong chùa có minh Thiền Sư, sáng suốt hơn hẳn mọi người, ban ngày ngồi một mình, thấy không có nửa thân, hướng về mọi người nói rằng: Tôi và Tuệ Chủ Luật Sư xây dựng chùa này, hai người một lòng bỗng nhiên mất đi nửa thân, hay là Tuệ Chủ Luật Sư bỏ đi trước chăng? Đến giờ ăn ngày mai, người trong vùng kinh ngạc nói rằng: Hôm qua trong chùa thiết hội, thấy có bốn ngã đường, khách Tăng đông đến mấy ngàn người đi vào chùa, nay ở nơi nào? Bỗng nhiên vào giờ Ngọ hôm ấy Tuệ Chủ không bệnh gì mà qua đời, hưởng thọ 89 tuổi.

6: Thời đời Đường ở vách đa hang Báo vùng Nam Sơn huyện vị Nam-Ung Châu, có vách đá dựng đứng hình dạng giống như con Báo lộn ngược, nhân đó lấy làm tên gọi vậy thôi. Hang đá có mỏm cao hình tượng giống như khuôn mặt đức Phật, cũng gọi là hang Tượng. Cổ xưa tuyên truyền rằng "Xưa có vị Tăng người Hồ Đến đây nói: Ta nghe hang đá này có núi tượng Diện và khám thờ Thất Phật. Xưa có Thất Phật đã từng đến hang này để thuyết pháp, trong khe núi có hoa Chiêm Bặc, thường mang đến cúng dường". Gần đến giữa niên hiệu Vĩnh Huy đời Đường, Sa-môn Trí Tích ở chùa Long Trì-Nam Sơn, nghe chuyện tìm đến, đến gần hang đá ngửi thấy mùi hương nhưng chẳng biết ở nơi nào, hết sức ngạc nhiên khi biết mùi hương từ cát trong khe núi tỏa ra, bèn gạt cát xem thử, hình dạng giống như rễ cỏ tranh, bọc trong đất cát nhưng mà vọ cùng thơm ngát, đem đến dòng nước giũ sạch thì có khe núi đều thơm ngào ngạt mang về trong điện Phật chùa Long Trì thì cả Đại Điện đều sực nức mùi thơm, vô cùng dễ chịu. Dân làng sống dưới chân núi thì trông thấy núi này, có lúc giống như tháp Phật, có lúc hoàn toàn giống như khuôn mặt đức Phật hiện ra uy nghiêm giữa bầu Trời, cho nên gọi là Tượng Đầu chứ không phải là hư cấu mà đặt tên. Cách đó không xa có hang đá rất đẹp, chính là nơi cư trú của Vương Gia vào thời Diêu Tần.

Hai chuyện trên đây trích từ Đường Cao Tăng Truyện.

7: Trong Sưu Thần Ký nói: Xưa kia Phu nhân Câu Dặc vì có tội nên phải chịu tội chết, khâm liệm thi thể không thối mà lại thơm.

Tục Sưu Thần Ký nói: Cửa sông hợp thì có một chiếc thuyền lớn

màu trắng lật úp ở trong nước, người làm nghề chài lưới ban đêm ngủ lại gần đó, nghe âm thanh của đàn tranh-sáo địch vang vọng, lại có mùi hương kỳ lạ phát ra. Tương truyền rằng: Tào công chở kỷ nữ dạo chơi bị lật thuyền ở tại đây.

Dị Uyển nói: Mẹ của Vệ Sĩ Độ ở Tư Châu thường xuyên tụng kinh trường trai, việc trái với đạo lý thì không làm, đã từng đi ra từ trai đường, chúng Tăng chưa ăn, đều nhìn thấy trong vầng mây có một vật đã rơi xuống ở trước mặt, chính là chiếc bát lớn chứa đầy cơm thơm trong đó, tất cả ngồi yên tự cảm thấy lễ lạy cung kính trong một lúc, bà mẹ tự mình phân ra trao cho, người thọ trai trong bảy ngày không đói.

Thuật Dị Ký nói: Xưa có người đi đến Lư Sơn lấy gỗ tùng, nghe nói rằng: Nơi này không được lấy! Người này theo âm thanh mà trèo lên, thấy một đóa hoa kỳ lạ có hình thể rất đáng yêu, mùi hoa thơm vô cùng, biết là loài hoa thần dị, vì vậy lấy mà ăn, sống thọ được ba trăm năm.

U Minh Lục nói: Trần Tương Tử, người vùng Ô Trình, Ngô hưng, lần đầu trông thấy kinh Phật, liền học tháp thuật lên mây, đến khi ở nhân gian giữ mình trai tịnh, thì nghe giữa hư không có âm thanh kỳ lạ-mùi hương tỏa ra ngào ngạt-tiếng nhạc véo von.

Hứa Mại Biệt Truyện nói: Hứa Mại thuở nhỏ tên là Ánh, Cao Bình-Diêm Khánh...đều tìm đến theo học. Ban đầu cao Bình-Diêm Khánh...còn cách xa Ánh, đốt hương đều có làn khói năm màu tỏa ra.

Phật Đồ trừng Truyện nói: Đồ Trưng dùng bình bát đựng nước, đốt hương chú nguyện rồi, trong chốc lát mọc lên đóa hoa sen màu xanh.

Bác vật Chí nói: Sứ giả Tây Vực dâng tặng hương liệu, nhà Hán quy định dâng tặng hương liệu không đủ cân thì không thể nhận được. Sứ giả Tây Vực sắp đi mới phát ra đồ đựng hương liệu, giống như hạt đậu lớn, thử đặt trước cửa cung điện, mùi hương tỏa ra bốn phía Trường An trong mấy mươi dặm đều ngửi thấy, qua một ngày mới hết mùi hương.

Phù Nam Truyện nói: Người ở nước Đốn Tốn, luôn luôn dùng hương hoa thờ cúng Thiên thần, hương có nhiều loại, phân biệt chọn ra cánh hoa kỹ càng, tất cả các loại hoa trộn lẫn chế biến thành một loại hoa, mùa Đông-mùa Hạ không suy tàn, hàng ngày chở mấy chục xe vào chợ để bán, khô ráo lại càng thơm, cũng có thể làm phấn thơm xoa vào thân thể.

Thuật Chinh Ký nói: Vùng Bắc Hoang có một phần của Trương Mẫu, xưa kia nói là vợ của Vương Thị, mai táng có ghi lại năm tháng.

Về sau khai quật mộ phần mà lửa hương hãy còn cháy, nhà ấy thờ phụng xưng là Thanh Thủy Đạo.

Thế Thuyết nói: Thời Hoàn Xa Kì có người ở trang ấp họ Trần, đi vào trong núi Vũ Đang học đạo, nơi cư trú có khói trắng mùi thơm ngửi thấy ngào ngạt.

Xạ hương, trong Sơn Hải Kinh nói: "Núi Thuý âm u có nhiều Cầy Hương". Bổn Thảo kinh nói: "Xạ Hương có vị cay, trừ bỏ ác khí giết chết quỷ tinh, sống trong vùng Đài Sơn".

Uy Nhuy Hương, trong Tôn Thị Thụy Ứng Đồ nói: "Uy Nhuy Hương ấy là vị vua lễ nghi đầy đủ lắm thì phát sanh vốn có một ngày; vị vua yêu quý mạng người thì sanh ra, cùng gọi là Uy Hương".

Uất Kim Hương, trong Chu lễ Xuân Quan thượng Uất Nhân nói: "Người Uất ức nắm vật dụng trong tay, hễ bước lên chào đón nắm tay khách bạn, quan hệ hài hòa uất ức thông suốt, đem sự thật theo phép tắc mà bày tỏ (Trúc Uất Kim nấu để hòa với rược xưởngvậy)".

Thuyết Văn nói: Hoa của nhiều loại cỏ tươi tốt suôn sẻ, từ phương xa dâng tặng tốt đẹp cho người khác, người Uất ức hợp lại mà nung nấu để làm cho tinh thần phải thuần phục.

Tô Hợp Hương, trong Tục Hán Thư nói: "Nước Đại Tần tổng hợp các loại hương mà sắc lại, chất lỏng đó gọi là tô Hợp". Trong Quảng Chí nói: "Tô Hợp Hương xuất phát từ nước Đại Tần; hoặc nói là nước Tô Hợp, là người trong nước sưu tập chế biến mà thành, ép chất lỏng đó để làm dầu thơm, mới bán cặn lắng của hỗn hợp đó cho khách buôn. Hoặc nói; Tổng hợp các loại cỏ thơm nấu cô lại làm Tô Hợp, không phải là một loại vật tự nhiên nào". Trong Phó tử nói: "Các nước phương Tây nói liều, Tô Hợp Hương ấy là loài thú đã tạo ra Trung Quốc đều lấy làm kỳ lạ",

Kê Thiệt Hương, trong Ngô Thời Ngoại Quốc Truyện nói: "Ngũ Mã Châu sản xuất ra Kê Kiệt Hương". Trong Tục Sưu Thần Kỳ nói: "Lưu Quảng là người quận Dự Chương, tuổi trẻ chưa kết hôn, đến Điền Xá gặp một cô gái nói: Tôi là Hà tham quân phái nữ, năm 14 tuổi đã chết yểu, được Tây vương Mẫu nuôi dưỡng, khiến xuống trần gian kết bạn với con người. Lưu Quảng cùng với cô gái quấn quýt không rời, hôm ấy ở dưới chiếu thấy có chiếc khăn tay bên trong giấu Kê Thiệt Hương. Mẹ Lưu Quảng lấy khăn đốt bỏ, thì chính là Hỏa Cán Bố (vải chịu lửa)". Trong Nam Châu Di Vật chí nói: "Kê Thiệt Hương sinh ra từ cây Đường Lễ". Bạc Châu nói: "Cỏ này có thể chứa mùi thơm bên trong". Du Ích Kỳ Tiên nói: "Người nước ngoài luôn luôn nói liều về

các loại hương, cùng là một cây, hoa của cây là Kê Thiệt Hương vậy”.

Trước Đầu Hương, trong Giang Biểu Truyện nói: “Ngụy Văn Đế sai sứ đến nước Ngô tìm kiếm Tước đầu Hương”.

Huân Lục Hương, trong Ngụy Lược nói: “Đại Tần sản xuất ra Huân Lục”. Trong Nam Phương Thảo vật trạng nói: “Huân Lục Hương phát xuất từ nước Đại Tần, nói rằng ở bên bờ biển tự nhiên có cây lớn lên từ trong cát, lúc giữa mùa hạ mủ cây chảy ra trên cát người tộc Di nhặt lấy bán cho người ta”. Nam Châu Dị Vật Chí cùng có đủ như vậy, nhưng nói là hình dạng như mủ cây Đào; Điển Thuật cũng như vậy chỉ nói: “Giống như nhựa cây Đào-cây Thông theo pháp ăn uống Tăng thêm khiến nối thông được với thần linh”. Du Ích Kỳ Tiên nói: “Các loại hương cùng chung một cây này, nhựa cây làm thành Huân Lục”.

Lưu Hoàng Hương, trong Ngô Thời Ngoại Quốc Truyện nói: “Lưu Hoàng Hương phát xuất từ nước Đô Côn, ở về phía Nam vùng Phù Nam hơn ba ngàn dặm”. Trong Nam Châu Dị Vật Chí cũng nói vậy. Trong Quảng Chí nói: Lưu Hoàng Hương sản sinh từ đất nước bên bờ biển phía Nam”.

Thanh Mộc Hương, trong Quảng Chí nói: “Thanh mộc phát sinh từ Giao Châu”. Trong Từ Trung Nam phương Ký nói: “Thanh Mộc Hương có ở nước Thiên Đốc, không biết rõ hình dáng”. Trong Nam Châu Dị Vật Chí nói: “Thanh Mộc Hương sinh ra ở Thiên Trúc, thân của loại cỏ này hình dạng giống như Cam Thảo”. Trong Du Ích Kỳ Tiên nói: “Các loại hương cùng chung một cây này, mắt trên thân cây là Thanh Mộc Hương”.

Chiên Đàn Hương, trong Trúc Pháp Chân Đăng La Sơn Sớ nói: “Chiên Đàn Hương sinh ra ở nước ngoài, cuối niên hiệu Nguyên Gia nhà Tống có Tăng Thành Đằng, ở trong núi thấy một cây to, tán tròn che mát mấy mẫu-chu vi hơn ba trượng, mùi thơm tỏa ra ngào ngạt, trong đó có cành khô mấy thước, trèo lên dùng dao để chặt, đó là Bạch Chiên Đàn”.

Trong Du Ích Kỳ Tiên nói: “Các loại hương cùng chung một thân cây, thân cây là Chiên Đàn Hương vậy”.

Cam Tùng Hương, trong Quảng Chí nói: “Cam Tùng có ở các núi vùng Lương Châu”. Đâu Nạp Hương, trong Ngụy Lược nói: “Đâu Nạp Hương phát sinh từ nước Đại Tần”. Trong Quảng Chí nói: “Đâu Nạp Hương phát sinh từ phương Tây”.

Ngải nạp hương, trong Quảng Chí nói: “Ngải Nạp Hương phát sinh từ nước Phiêu”. Trong Nhạc Phủ Ca nói: “Người Hồ đi từ đâu

đến, các nước mang đến cái gì, thảm len xếp lại đưa về, năm loại Mộc Hương say mãi, Ngãi Nạp cùng với Đô Lương".

Hoắc Hương, trong Quảng Chí nói: "Hoắc Hương phát sinh từ các nước phương Nam". Trong Ngô Thời Ngoại Quốc Truyện nói: "Hoắc Hương phát sinh từ vùng Phù Nam thuộc nước Đô Côn". Trong Nam Châu Dị Vật chí nói: "Hoắc Hương phát sinh từ nước Điển Tốn bên biển, thuộc về Phù Nam, hương giống như Đô lương, có thể đặt vào trong áo quần". Trong Du ích Kỳ Tiên nói: "Các loại hương cùng chung một cây này, lá cây là Hoắc Hương".

Phong Hương, trong Nam phương Ký nói: "Phong Hương là cây có hạt giống như trứng vịt, phơi khô bung ra có thể đun cháy". Trong Ngụy Vũ Lệnh nói: "Nhà cửa phòng ốc không trong lành thì có thể đốt mủ cây Phong và cây hoa Huệ khiến cho trong lành".

Sạn Hương, trong Quảng Chí nói: "Sạn Hương phát sinh từ các nước phương Nam". Mộc Mật Hương, trong Dị Vật Chí nói: "Mộc Mật hương gọi là hương Thụ, sống ngàn năm gốc rễ rất lớn, bốn, năm năm trước chặt dao không vào, bèn đến xem thử. Trải qua năm tháng dài lâu, thân cây mục nát tàn tạ, nhưng lõi cây bên trong rất cứng, chỉ còn lại mùi thơm ngào ngạt mà thôi". Trong Quảng Chí nói: "Mộc Mật Hương phát sinh từ Giao Châu và phương Tây". Trong Bổn Thảo Kinh nói: "Mộc Hương cùng một tên gọi Mật Hương, vị cay mà ấm".

Bình hương, trong Nam Phương Thảo vật trang nói: "Thân cây Bình Hương sinh trưởng ở vùng Ô Hứa".

Đô Lương Hương, trong Quảng Chí nói: "Đô Lương Hương phát sinh từ vùng Hoài Nam". Trầm Hương, trong Dị Uyển nói: "Sa-môn Chi Pháp còn ở Quảng Châu, có tám thước đệm bông, lại có tấm ván giường tám thước bằng trầm Hương. Trong thời Thái Nguyên nhà Ngô, Vương Hán là Châu Đại nhi, khuyên nhủ cầu xin hai vật này không được, bèn giết hại mà lấy về cho mình". Trong Nam Châu dị Vật Chí nói: "Mộc Hương sản sinh từ vùng Nhật Nam, muốn lấy được trước tiên phải chặt đổ cây, nằm trên tích lũy lâu ngày, phần bên ngoài mục nát hư hoại, phần lõi trong ruột cây rất cứng, bỏ vào nước thì chìm nên gọi là Trầm Hương. Sau đó ở trong ruột chuyển sang màu trắng, không cứng lắm, bỏ vào trong nước không chìm không nổi, cân bằng với mặt nước, đó gọi là Sạn Hương; loại đó nhỏ nhất hơi trắng, thì gọi là Tạm Hương". Trong Cố Vi Quảng Châu Ký nói: "Huyện Tân Hưng đều biết đến Trầm Hương, giống như loài cây Đồng Tâm, người địa phương chặt ngã trải qua hơn năm thì vỏ ngoài mục rã, còn lại lõi cứng bên trong chính là

Trầm hương”. Trong Du Ích Kỳ Tiên nói: “Các loại hương cùng chung một loài cây, phần lõi của cây làm thành Trầm Hương”.

Giáp Hương, trong Quảng Chí nói: “Giáp Hương phát sinh ở Nam Phương”. Trong Phạm Hoa Hòa Hương Phương nói: “Giáp Hương trước kia sắc lại chính là sạn Hương vậy”.

Mê Diệp Hương, trong Nguỵ Lược nói: “Đại sản xuất ra Mê Điệp hương”. Trong Quảng Chí nói: “Mê Điệp Hương phát sinh từ trong Tây Hải”.

Linh Lăng Hương, trong Nam Việt Chí nói: “Linh Lăng Hương, người địa phương nói là Yên Thảo Vân hương. Người lớn vào mùa hạ theo lễ nghi tôn kính, trẻ nhỏ vào tháng Giêng hái cỏ Vân Hương làm thức ăn trảy hội”. Trong Lễ Ký Nguyệt lệnh nói: “Tháng Trọng Đông cỏ Vân Hương bắt đầu mọc”. Trong Trịnh huyền nói là Vân Hương Thảo. Thuyết Văn nói: Cỏ Vân Hương tựa như cỏ Mục Túc (Linh Lăng). Hoài Nam nói: Cỏ Vân Hương có thể chết đi mà sinh sôi trở lại.

Lan Hương, trong Chu Dịch hệ Từ nói: “Nói là cỏ Đồng Tâm thì mùi vị ấy giống như cỏ Lan; Vương Quảng nói là Lan Phương vậy. Trong Dịch Thông Quái Nghiệm nói: “Tiết Đông Chí lạnh lẽo không có gió thổi đến thì cỏ Lan bắt đầu sinh sôi rồi: “Thuyết Văn nói: “Lan Hương Thảo vậy”. Trong Bổn Thảo kinh nói: “Lan Thảo cùng chung tên gọi Thủy Hương, uống nhiều có ích cho sức khỏe, thân thể nhẹ nhàng không già đi”. Hòa Hương sinh ra từ trong Mông-Sở, cho nên tra cứu hợp lại thuật làm bài tựa về Hòe Hương.

Đâu Mạt Hương, trong Hán vũ Cố Sự nói: “Tây Vương Mẫu sẽ đi lên phía trên đốt Đâu Mạt Hương. Đâu Mạt Hương ấy là do nước Đâu Cừ dâng tặng, giống như hạt đậu lớn, xoa hương trên cửa thì trăm dặm cũng ngửi thấy. Vùng Quan Trung đã từng xảy ra đại dịch, người chết tiếp theo nhau, đốt hương này lên thì người chết ngưng lại”.

Phản Sanh Hương, trong Chân Nhân Quan Doãn Truyện nói: “Lão Tử rằng: Lúc Chân Nhân đi lại tất cả đều ngồi trên hoa sen, hoa lớn mười trượng có Phản Sinh Linh Hương, ngược gió ba mươi dặm cũng ngửi thấy”.

Thần Hương, trong Thập Châu Ký nói: “Năm thứ ba niên hiệu Thiên Hán thời Tây Hán, sứ giả nhà vua Tây Quốc dâng tặng Linh Giao Cát Cầu Thần Hương, sứ giả nói: Hương này khi dấy lên bệnh tật chết người làm cho non yếu, thì tốt lên sẽ trừ được tai họa. Vào niên hiệu Hậu Nguyên-Tây Hán trong thành Trường An xảy ra Đại dịch người chết mỗi ngày cả trăm mạng, nhà Vua thử lấy thần Hương của nước

Nguyệt Chi đốt lên ở trong thành, người chết chưa quá ba ngày đều sống lại, mùi thơm trải qua ba ngày vẫn còn. Nhà vua sai người bí mật ghi lại về sau bỗng nhiên thất lạc".

Kinh Tinh Hương, trong Thập Châu Ký nói: "Tụ lại nói là Châu, ở giữa Tây Hải, phía trên có nhiều lầu quán linh thiêng của Thần Tiên, cửa phía Bắc của cung điện có cây lớn, tương tự cây Phong mà lại thơm ngát, cách mấy trăm dặm vẫn ngửi thấy, tên gọi là cây là cây phản hồn. Gõ vào cây có thể phát ra tiếng như trâu rống. Người nghe kinh động khiếp sợ mà chặt đổ, lấy lõi thân cây bỏ vào trong nồi ngọc sắc lấy chất lỏng, lại cô đặc khiến cho có thể vo tròn, gọi là kinh Tinh Hương, hoặc gọi là Chấn Linh, lại gọi là Phản Sanh Hương, hoặc gọi là Nhân Điểu Tinh, hoặc gọi là Khước Tử Hương. Hương tỏa xa mấy trăm dặm, thây xác còn trên đất ngửi mùi hương vẫn sống lại được".

Thiên thứ 34: BỐI TÁN

Thiên này có Bốn Phần: Thuật ý, Dẫn chứng, Tán thán và Âm nhạc.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Nói đến chí nguyện kể lại ngợi ca thì dựa vào văn từ ngâm ca vịnh, văn từ ngâm nga ca vịnh dựa vào âm hưởng phát ra. Vì vậy ngâm ca vịnh thông thạo thì nói rõ chí nguyện kể lại ngợi ca, âm hưởng phát ra tuyệt vời thì thông suốt văn từ ngâm nga ca vịnh. Ngôn từ cần có âm thanh chính là lý giúp đỡ cho nhau vậy. Tìm thấy Tây phương có Bối Diệp, giống như Đông quốc có Tán văn. Tán là thuận theo văn từ để kết thành âm thanh, bối là bài kệ ngắn dùng để ngợi ca truyền bá, ví như ý nghĩa sự việc ấy, tên gọi khác nhau mà thật sự giống nhau. Vì vậy kinh nói. Dùng âm thanh vi diệu xướng ca tán thán công đức của Phật chính là nói đến điều này vậy. Xưa đức Thích Tôn nhập định, đàn ca làm chấn động hang đá; Bà Đề nâng bối diệp, Thánh thót vang vọng cõi Tịnh Cư. Hiểu rõ cuộc đời âm thanh, hẳn nhiên không lấy được mà phù hợp rồi. Còn như thời kỳ cuối cùng, tu tập đạt tới cực điểm, thì sẽ có ứng nghiệm rõ ràng. Vì vậy bày tỏ suy tư tập trung ý tưởng, cảm Phạm Xướng của Ngư Sơn, thề nguyện trên cầu lụa; thông diệu âm của Đại Sĩ, cần hành vui rèn luyện. Tiếp nhận âm thanh giáo pháp từ nơi sâu thẳm cội nguồn, văn từ nói ra chân thành khích lệ; biểu đạt tiếng vọng giấc mơ ở tại gian phòng thanh khiết, đều có thể miêu tả trạng thái của Thiên cung, phỏng theo âm thanh của quốc độ thanh tịnh, trầm bổng hợp với ngôn từ, ra vào trích lọc văn chương, đây cũng là hiển thị điềm báo của thần ứng, quy phạm rõ ràng của người học. Vốn dĩ âm kinh là vi diệu phát xuất tự nhiên, chế định làm cho có thể tu mà nghiền ngẫm âm vang chẳng phải luyện tập. Vì lẽ đó gợi mở rõ ràng tiếng đạo làm thay đổi tùy thuận thế gian, nên khiến cho trong mà không non yếu, mạnh mà không dồn sức, chảy mà không vượt quá, ngưng mà không ứ lại, phát triển hướng về cảnh sắc của Thứu Lĩnh thần kỳ, ý vị kết thành tác phong của mây cuộn Trời cao. Xa tùy theo thì mênh mông cuồn cuộn mà nghiêm khắc thanh cao, gần thuộc về thì bình thản tự nhiên mà hài hòa cung kính, đây chính là đại thể ấy vậy. Kinh xưng gọi như tiếng sấm động sâu xa, điều ấy ở ạti nôi này vậy. Nếu như nói là giảng thuyết kết hợp trai giới quy tụ mọi người, thì về lâu dài hằng đêm chầm chậm bình yên tắt hương che nến, ngủ nghỉ che bít sáu tình, mệt mỏi ràng buộc bốn thể, thế là chọn tiếng vang tuyệt diệu để bước lên đài cao, lựa âm thanh thù

thắng để bắt đầu chuyển động. Cung-Thương lầm rầm phát ra làm cho vàng ngọc chấn động, trở lại chuyển hóa Tứ sanh thương xót làm vui Thất chúng, cùng chung âm thanh của Ca lăng tần già, bình đẳng tiếng vọng của chim Loan thần diệu, có thể khiến cho hồn ngủ trải qua mở mang-tình lười trở lại nghiêm túc, đầy nhà kinh động bên tai, mọi nơi trong tâm hoan hỷ. Lúc đang như vậy, mới biết âm thanh kinh pháp là quý báu rồi.

***Thứ hai*- PHẦN DẪN CHỨNG**

Như kinh Trường A hàm nói: "Có năm loại âm thanh thanh tịnh ấy, mới gọi là Phạm âm. Như thế nào là năm loại? Một là âm đó chính trực, hai là âm đó hòa nhã, ba là âm đó thanh triệt, bốn là âm đó sâu sắc tròn đầy, năm là nghe xa khắp nơi. Có đủ năm loại này mới gọi là Phạm âm".

Lại trong kinh Phạm Ma Dụ nói: "Như lai thuyết pháp có tám loại âm thanh: 1- Âm thanh hay nhất, 2- Âm thanh dễ hiểu, 3- Âm thanh dịu dàng, 4- Âm thanh điều hòa, 5- Âm thanh tôn tuệ, 6- Âm thanh không sai, 7- Âm thanh sâu xa vi diệu, 8- Âm thanh không phải nữ giới. Lời nói không thiếu sót, không được khuyết điểm là vậy".

Lại trong Thập Tụng Luật nói: "Vì Chư Thiên nghe ca tụng mà tâm hoan hỷ cho nên khai bày âm thanh ca tụng".

Lại trong kinh Tỳ-ni Mẫu nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: Tùy ý các ông ca tụng, ca tụng là từ của ngôn thuyết, tuy tùy ý ngôn thuyết mà không biết thuyết về những pháp gì. Đức Phật dạy: Từ Tu đa la cho đến Ưu ba đề xá, tùy ý đã tuyên thuyết mười hai bộ kinh. Lại có tâm nghi ngờ, nếu muốn lần lượt giải thích văn từ, thì chúng đông-văn nhiều, sợ rằng sinh ra mệt mỏi chán ngán, nếu soạn tập văn từ tốt đẹp, thẳng thắn nêu ra rõ ràng nghĩa lý, thì không biết sẽ như thế nào? Vì nhân duyên này, thưa bày rõ ràng với Đức Thế tôn. Đức Phật liền đồng ý. Các Tỳ-kheo dẫn ra ngôn từ vi diệu cốt yếu trong kinh, thẳng thắn hiển bày nghĩa lý ấy.

Lúc bấy giờ có một Tỳ-kheo, cách đức Phật không xa, đứng dậy cao tiếng phát ra âm thanh tụng kinh. Đức Phật nghe xong không đồng ý sử dụng âm thanh này tụng kinh, bởi vì có năm sai lầm, giống như ca âm thuyết pháp của ngoại đạo: 1- Không tự kiềm chế mình, 2- Không hợp với người nghe, 3- Chư Thiên không vui lòng, 4- Lời không chính đáng khó hiểu, 5- Lời không khéo léo cho nên nghĩa cũng khó hiểu. Đây gọi là năm loại sai lầm".

Lại trong kinh Hiền Ngu nói: “ Xưa thời Phật còn tại thế, vua Ba-tư-nặc cùng với quân lính đến Kỳ-hoàn, đi qua giới hạn nghe tiếng ca tụng thanh nhã trong lành của một Tỳ-kheo, quân lính đứng lại nghe không hề thỏa mãn, voi ngựa dõng tai đứng mãi không chịu đi, nhà vua và quân lính bèn đi vào chùa xem sao, trông thấy Tỳ-kheo đang ca tụng, hình dung tướng mạo thấp bé xấu xí vô cùng, nhà vua thấy không chịu nổi, nhà vua bèn thưa hỏi đức Phật, nay Tỳ-kheo này đời trước đã gây ra nghiệp gì mà chịu quả báo này? Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Quá khứ trước đây có đức Phật xuất thế, danh hiệu là Ca-diếp, sau khi ngài nhập Niết-bàn, vua Cơ Lý Tỳ thâu nhận Xá-lợi, muốn xây tháp để phụng thờ. Có bốn Long vương hóa làm hình dạng con người, đi đến nơi nhà vua, hỏi về chuyện xây tháp, là dùng vật báu làm tháp hay là dùng đất đá vậy? Nhà vua bèn trả lời rằng: Muốn làm cho to lớn nhưng không có nhiều vật báu, nay phải làm bằng đất đá, khiến cho vuông vức năm dặm-cao hai mươi lăm dặm. Long vương thưa với nhà vua rằng: Tôi là Long vương cho nên đến hỏi với nhau, nếu dùng vật báu để làm thì tôi sẽ phụ giúp! Nhà vua nghe vô cùng hoan hỷ. Long vương lại nói nhà vua: Ở ngoài bốn cửa thành có bốn dòng suối, dòng suối cửa phía Đông lấy dùng làm gạch thẻ, sẽ biến thành lưu ly; dòng suối cửa phía Nam lấy dùng làm gạch thẻ, sẽ biến thành vàng ròng; dòng suối cửa phía Tây lấy dùng làm gạch thể, sẽ biến thành bạc trắng; dòng suối của cửa phía Bắc lấy dùng làm gạch thể, sẽ biến thành ngọc trắng. Nhà vua nghe lời nói rằng, lòng càng hoan hỷ gấp bội, bèn giao cho bốn người quản lý, mỗi người trông coi một phía. Ba người quản lý ấy làm việc sắp hoàn thành, một người quản lý lơi lỏng công việc nên riêng phía của mình không thành tựu. Nhà vua đi xem trông thấy theo lý quở trách, người ấy trong lòng oán hận bèn thưa với nhà vua rằng: Tháp này lớn quá, làm đến lúc nào mới xong? Nhà vua truyền lệnh cho người làm cố gắng làm suốt ngày đêm, trong thời gian ngắn đã hoàn tất, tháp rất cao lớn trang nghiêm bằng các thứ báu, nhìn thấy vô cùng rực rỡ tráng lệ. Người quản lý lơi lỏng ấy thấy rồi, hoan hỷ nhảy múa mừng vui, sám hối lỗi lầm trước đây, mang một chiếc chuông vàng treo lên đầu tòa tháp, phát nguyện rằng khiến cho con sinh ra có được âm thanh hay nhất, tất cả chúng sinh không có ai không thích nghe, tương lai có đức Phật danh hiệu Thích Ca Mâu Ni, khiến cho con được gặp và được độ thoát sanh tử. Bởi vì xưa kia hiềm ghét tháp thờ to lớn, cho nên sanh ra luôn luôn xấu xí. Bởi vì mang chuông vàng treo lên trên đỉnh tháp thờ, và nguyện được gặp đức Phật, từ lúc ấy đến nay trong năm trăm đời,

có âm thanh vô cùng tốt lành, nay lại được gặp Đức Phật và xuất gia tu đạo đắc quả A-la-hán. Vì nhân duyên này, tất cả chúng sinh thấy người khác làm điều phước thiện, không nên chê bai hủy báng, đời sau sẽ gặp quả báo, hối hận cũng không còn kịp".

Thứ ba- PHẦN TÁN THÁN

Như kinh Bồ-tát Bổn Hạnh nói; "Đức Phật bảo với A nan: Ta nhớ xưa kia, có một Đức Như lai xuất hiện ở thế gian, danh hiệu là Phất sa đa đà A già độ A la ha Tam miệu Tam Phật Đà. Lúc ấy đức Phật an trú trong hang đá tạp bảo, ta gặp đức Phật ấy tâm sanh hoan hỷ, chấp tay cung kính, một chân quỳ xuống, trong bảy ngày 7 đêm rồi dùng bài kệ này, ca ngợi đức Phật mà nói kệ rằng:

Trên Trời dưới đất không có ai như Phật,
Mười phương thế giới cũng không gì sánh được,
Hết thảy thế gian con đã từng trông thấy,
Tất cả không có ai sáng bằng đức Phật.

Này A nan! Ta dùng kệ này ca ngợi đức Phật rồi, phát nguyện như vậy, cho đến khi đức Phật ấy bảo với thị giả của Ngài rằng: Người này trải qua chín mươi bốn kiếp, sẽ được thành Phật, danh hiệu Thích Ca Mâu Ni. Ta ở lúc ấy, được thọ ký rồi, không rời tinh tiến Tăng thêm công đức, trong vô lượng đời sống làm Phạm Thiên-Đế thích-Chuyển luân Thánh Vương. Nhờ năng lực của nhân duyên thiện nghiệp này, Ta có được đầy đủ bốn loại biện tài, không có một người nào có năng lựa cùng với Ta bàn luận mà hàng phục được Ta. Ta được thành tựu quả vị A nậu Bồ-đề, cho đến chuyển vận pháp luân Vô thượng".

Lại trong kinh Niết-bàn nói: "Lúc ấy Bồ-tát Ca-diếp, liền ở trước đức Phật dùng kệ ca ngợi Đức Phật:

Đấng Đại y Vương thương xót cứu chúng sinh,
Thân tướng trí tuệ đều vắng lặng rỗng rang,
Trong pháp vô ngã có đại Nhã chân như,
Vì vậy con kính lễ Đấng Vô thượng Tôn.
Phát tâm rốt cuối cả hai không sai khác,
Hai tâm như vậy tâm trước là khó có,
Tự mình chưa được độ trước độ cho người,
Vì vậy con kính lễ người mới phát tâm".

Trong Bảo Tánh Luận có kệ rằng:

Nay con xin chí thành quy mạng,
Hết thảy các đấng Vô thượng Tôn,

Để mở toang kho tạng Pháp vương,
Lợi ích cho tất cả chúng sinh.
Thể tánh Phật không có đời trước,
Và không có giới hạn trung gian
Lại cũng không có phạm vi sau,
Vắng lặng rỗng rang tự hiểu biết
Khi đã tự mình hiểu biết rồi,
Chỉ bày cho người để người hiểu
Vì vậy thuyết giảng cho người ấy,
Luôn luôn hành đạo không sợ hãi.
Sức Từ bi-trí tuệ của Phật,
Luôn luôn nắm chặt chày Kim cang
Đập tan núi lớn các kiến giải,
Cho nên nay con kính lễ.
Giáo pháp không thể nghĩ bàn được,
Chẳng phải cảnh giới của Văn Tuệ,
Xa lìa ra khỏi mọi ngữ ngôn,
Trong tâm tư trí tuệ trong lành
Vầng dương chánh pháp chân diệu ấy,
Thanh tịnh không vương chút bụi dơ
Ánh sáng trí tuệ bao la quá,
Soi chiếu khắp nơi mọi thế gian.
Luôn luôn phá tan mọi chướng ngại,
Quán xét hiểu rõ tham sân si,
Cùng với tất cả các phiền não,
Cho nên nay con xin kính lễ.
Bởi vì có thể biết nơi kia,
Là tự tánh của tâm thanh tịnh,
Trông thấy phiền não không có thật,
Cho nên lìa xa các phiền não
Trí tuệ trong sáng không chướng ngại,
Như thật nhìn thấy mọi chúng sinh.
Có đủ tự tánh-tâm thanh tịnh,
Là cảnh giới pháp thân của Phật
Trí nhãn trong veo không ngăn ngại,
Thấy tâm tánh của mọi chúng sinh.
Khắp nơi vô lượng các cảnh giới,
Cho nên nay con xin kính lễ”.

Lại trong phát Bồ-đề tâm Luận, Luận chủ có kệ ca ngợi đức Phật rằng:

Đảnh lễ Đấng vô biên giới hạn,
Phật quá khứ hiện tại vị lai.
Trí tuệ bất động như hư không,
Đấng đại Từ bi cứu thế gian.

Hai hàng kệ "Bậc thầy Trời người giữa các Trời.." trích từ kinh Phổ Diệu; hai hàng kệ "Như thề nào đạt được trường thọ..." trích từ Niết-bàn, hai hàng kệ "Sắc thân Như lai thật vi diệu..." trích từ Kinh Thắng Man; hai hàng kệ "Ở giữa thế giới như hư không..." trích từ kinh Siêu Nhật Nguyệt.

Đại Từ bi thương xót chúng sinh,
Làm cho người mù loà tăm tối
Mở mắt đui khiến được nhìn thấy,
Cảm hoá chưa nghe mà hiểu đạo,
Ở giữa thế giới như hư không,
Tựa hoa sen không hề dính nước,
Tâm thanh tịnh siêu việt như vậy,
Cúi đầu lạy Đấng Vô thượng Tôn.

Thuật lại rằng: Đất Hán lưu hành thích chọn lấy phương pháp tinh giản, cho nên khắp nơi mọi người làm Bối văn phần nhiều là nửa bài kệ. Vì vậy trong Tỳ-ni Mẫu Luận nói: "Không được làm nửa Bối văn, làm thì mắc phải tội Đột cát la". Vậy thì Phạm Bối này văn từ không biết rõ, theo như Tây phương trích từ kinh điển nào? Đáp: Chỉ bậc Thánh làm ra Bối văn, dựa theo kệ ca ngợi trong kinh, chọn lấy dùng không ngăn ngại. Nhưng mà ngôn từ Bối văn của Quan Nội-Quan Ngoại-Ngô Thục, tất cả tùy theo sở thích có nhiều loại Bối Văn-Tán kệ, chỉ vì Hán-Phạm đã khác âm vận cho nên không thể sử dụng lẫn nhau. Mãi đến thời nhà Tống, có Pháp Sư Khương Tăng Hội, vốn là người nước Khang Cư, học rộng biết nhiều có tài biện luận, dịch ra kinh điển, lại giỏi phạm âm, truyền bá Bối văn về Niết-bàn, soạn ra âm thanh ai nhã, làm cho nổi trội giữa thế gian, người học âm thanh đều lấy đây làm mẫu mực vậy. Lại vào thời nhà Tấn trước kia có Pháp Sư Đạo An, biên tập chế định ba khoa, như Thượng kinh-Thượng Giảng-Bồ-tát ...Các bậc tiền hiền không rơi vào phạm vi nơi chốn, pháp tắc trong thiên hạ thì mọi người đều luyện tập thực hành. Đến thời nhà Nguỵ, có Trần Tư Vương Tào Thực tự Tử Kiến, là con thứ bốn của Nguỵ Vũ Đế vậy Tuổi nhỏ kín đáo vui với sách vở, 10 năm liền tập trung vào văn chương, đưa bút liền

thành tựu, lần đầu không thể thay đổi từ ngữ. Mọi nghệ thuật ở thế gian không có gì không khéo léo thông thạo, Thuần Vu ở Hàm Đan thấy mà kính phục vô cùng nói là người cõi Trời. Tào Thực cứ mỗi khi đọc kinh Phật thì nghiền ngẫm không muốn rời, cho rằng tôn chỉ cao nhất của sự hướng đạo, liền chuyển sang soạn ra bảy thanh của thể Tán có âm hưởng thăng giáng rõ ràng vô cùng linh hoạt, người thế gian ngâm nga ca xướng đều học theo như vậy. Tào Thực đã từng dạo qua Ngư Sơn, bỗng nhiên nghe âm hưởng của Phạm Thiên giữa hư không, thanh nhã uyển chuyển cất lên làm rung động tâm tư, một mình lắng nghe rất lâu mà thị vệ theo hầu đều nghe thấy. Tào Thực cảm nhận sâu sắc lý lẽ thần diệu càng hiểu rõ hơn về pháp ứng, bèn phỏng theo âm tiết ấy biên soạn làm thành Phạm Bối, soạn văn chế âm truyền lại làm cách thức cho đời sau. Phạm thanh biểu hiện giữa thế gian bắt đầu từ đây vậy. Bối văn đã lưu truyền ấy, gồm có sáu loại phù hợp với nhau.

Thứ tư- PHẦN ÂM NHẠC

Như kinh Bách duyên nói: “Thời Đức Phật tại thế, những Trưởng giả giàu sang trong thành vương xá, tất cả cùng nhau hợp lại tổ chức lễ hội lớn, bày ra các thứ kỹ nhạc mà tự nhiên vui đùa thỏa thích. Lúc ấy có hai vợ chồng người vũ sư, từ phương Nam đến, mang theo một cô gái xinh đẹp, tên là Thanh Liên Hoa, đoan chánh tuyệt vời hiếm thấy ở thế gian, thông minh trí tuệ khó có ai có thể ứng đáp. Cô gái đều biết đầy đủ 64 nghệ thuật vốn có, hiểu thông thạo về vũ pháp, xoay chuyển qua lại-cúi đầu-ngẩng đầu, hiểu rõ từng đoạn vô cùng linh hoạt, cất giọng nói to rằng: Nay trong thành này có thể có ai múa được như tôi hay không, có ai hiểu rõ kinh luận có thể hỏi đáp cùng tôi không? Lúc ấy có người đáp rằng: có Đức Thế tôn ở Tinh xá Trúc Lâm tại Ca-lan-đà, có sở trường và có năng lực hỏi đáp khiến cho cô không nghi ngờ gì. Vũ nữ nghe rồi, tìm thấy mấy người cùng theo nhau đi, vừa hát vừa múa, đến trong Trúc Lâm thấy Đức Thế tôn mà hãy còn cố ý kiêu mạn phóng dật, cười đùa vô phép không tôn kính trước Đức Như lai. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn trông thấy tình cảnh như vậy, liền dùng thần lực biến vũ nữ này thành bà lão giống như một trăm tuổi-mặt nhăn-răng thưa-môi thâm-lưng còng mà đi, lúc đi vũ nữ tự nhiên nhìn thân thể của mình, hình dạng vô cùng già yếu, bèn dấy lên nói rằng: Nay thân gái này, vì nhân duyên gì mà cuối cùng có tướng suy yếu như vậy xuất hiện, tướng này chắc chắn là uy thần của Phật làm cho mình già yếu như vậy? Liền ở trước đức Phật mà tâm hết sức hổ thẹn, chỉ nguyện xin Đức Thế tôn

tha thứ cho những gì đang thấy! Bấy giờ Đức Thế tôn biết tâm của vũ nữ này đã được điều phục, bèn dùng sức thần thông biến thành thân hình như trước. Đại chúng thấy vũ nữ này thoắt già trẻ không có gì bình thường, tất cả đều sanh ra chán ngán lìa xa mà tỉnh ngộ lẽ vô thường, tâm ý hiểu thông suốt, có người đạt được bốn quả vị Sa-môn, có người phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Lúc ấy vũ nữ kia và cha mẹ mình, liền ở trước đức Phật cầu xin xuất gia. Đức Phật liền bảo rằng: Thiện lai Tỳ-kheo ni! Tức thì đầu tóc tự rụng, thân mang pháp phục, trở thành Tỳ-kheo ni, tinh chuyên tu tập đạt đến quả vị A-la-hán, chư Thiên và người thế gian trông thấy đều tôn kính ngưỡng mộ. Lúc ấy tất cả đại chúng trông thấy sự việc này rồi, thỉnh cầu đức Phật thuyết về nhân duyên. Đức Phật bảo với đại chúng: vào thời quá khứ vô lượng đời trước kia, Quốc vương Ba-la-nại có Thái tử, tên là Tôn đà lợi, vào núi học đạo đạt được năm loại thần thông, trông thấy Khẩn-na-la nữ, đoan chánh tuyệt diệu hình dạng giống như chư Thiên, thể hiện những dáng vẻ vừa hát vừa múa, làm cho tâm mình rung động, nhìn ngắm khiến sinh lòng say đắm, rời bỏ Tiên Đạo. Ta ở vào lúc ấy, tâm vẫn kiên cố không phát sinh ý tưởng tham dục, nói với Khẩn-na-la nữ rằng: Tất cả các pháp hữu vi không có gì thường còn nhất định, nay ta thấy cô trong hình hài thân thể mình chứa đầy những thứ dơ bẩn thối tha, lớp da mỏng che đậy bên ngoài không thể bảo vệ lâu dài được, đích thực sẽ có lúc đầu bạc-mặt nhăn-lưng còng mà đi lại, nay cô vì sao kiêu mạn phóng túng đến mức như vậy, tiếng ca xưa kia đã thay đổi âm điệu, tại sao ở nơi này thể hiện những dáng vẻ lẳng lơ như vậy? Ngay sau đó Khẩn-na-la nữ, nghe lời này rồi, tìm đến chổ người Tiên sám hối tội lỗi, nhân đó phát nguyện rằng: Giả sử đời sau con được đoạn trừ sanh tử, con sẽ ở bên cạnh ngài đạt được đạo quả! Đức Phật bảo với đại chúng: Phải biết rằng Vương Tử học Tiên đạo lúc ấy, chính là thân ta bây giờ. Khẩn-na-la nữ lúc ấy, nay chính là Tỳ-kheo ni Thanh Liên Hoa. Nhờ vào lực phát nguyện lúc xa xưa ấy, cho nên nay được gặp ta và xuất gia đắc đạo. Các Tỳ-kheo nghe rồi, hoan hỷ vâng mạng thực hành".

Lại trong Kinh Bách Duyên nói: "Thời đức Phật tại thế, trong thành Ca-tỳ-la Vệ có một Trưởng giả, tiền của châu báu vô lượng không thể tính đếm được. Người vợ của Trưởng giả, sinh ra một bé trai đoan chánh tuyệt vời hiếm có ở thế gian. Tuổi dần lớn lên có âm thanh rất hay, làm cho mọi người thích nghe. Được gặp đức Phật và xuất gia đạt đến quả vị A-la-hán. Các Tỳ-kheo cùng nhau thỉnh cầu đức Phật thuyết cho nghe về nhân duyên đắc đạo. Đức Phật bảo với Tỳ-kheo: Trong

chín mươi mốt kiếp quá khứ xưa kia có đức Phật xuất thế danh hiệu Tỳ-bà-thi. Sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, có Quốc vương tên gọi Bàn đầu mạt đế, thâu nhặt Xá-lợi xây tòa tháp bằng bốn thứ báu, cao một do tuần mà thờ phụng cúng dường. Lúc ấy có một người, trông thấy tòa tháp này cho nên trong lòng hoan hỷ, liền phát ra tiếng nhạc để đi vòng quanh tháp cúng dường, phát nguyện mà ra đi. Nhờ công đức này trong chín mươi mốt kiếp không rời vào đường ác, sanh trên cõi Trời hay giữa loài người thường có âm thanh tuyệt vời, khiến cho mọi người đều thích nghe. Cho đến bây giờ được gặp Ta và xuất gia đắc đạo. Các Tỳ-kheo nghe rồi, hoan hỷ vâng mạng thực hạnh".

Lại trong kinh Bách Duyên nói: "Xưa thời đức Phật tại thế, trong thành Xá-vệ có những người dân, tất cả tự mình trang điểm nghiêm túc phát ra nhiều loại kỹ nhạc, đi ra ngoài thành dạo chơi đùa giỡn, đến giữa cổng thành gặp đức Phật và Tăng chúng đi vào thành khất thực. Mọi người được gặp đức Phật trong lòng hoan hỷ lễ bái, liền thể hiện kỹ nhạc cúng dường đức Phật và Tăng chúng, phát nguyện rồi rời xa. Đức Phật liền mỉm cười nói với A nan rằng: Những người này đều nhờ vào sự thể hiện kỹ nhạc mà cúng dường Phật và Tăng. Nhờ công đức này, ở đời vị lai trong một trăm kiếp không rơi vào đường ác, sanh trên cõi Trời hay trong loài người được hưởng vui sướng vô cùng. Sau khi trải qua một trăm kiếp thành vị Bích-chi-Phật, đều cùng một danh hiệu gọi là Diệu Thanh. Vì nhân duyên này, nếu như người nào thể hiện âm nhạc cúng dường Tam bảo, thì sẽ đạt được công đức vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn được. Vì vậy kinh Pháp Hoa có kệ nói:

"Nếu khiến người thể hiện âm nhạc,
Đánh trống thổi tù và kèn ốc,
Tiêu sáo đàn và các nhạc cụ,
Tỳ bà não bạt và cồng chiêng
Những âm thanh vi diệu như vậy,
Tất cả mang theo để cúng dường
Nhờ vào nhân duyên phước thiện vốn có,
Đều đã được thành tựu Phật đạo".

Lại trong kinh Bồ-tát Xử Thai nói: "Khẩn-na-la trú ở phía Bắc núi Tu di, đi qua Tiểu Thiết vi có Đại Hắc Sơn, cũng ở trong mười núi báu, không có Phật pháp-mặt trăng mặt Trời và tinh tú. Nhờ lực của sự bố thí xưa kia nay ở nơi cung điện bảy báu có thọ mạng rất dài; vị vua này xưa kia trong loài người có Đại Trưởng giả, xây dựng làm nên tháp Phật, Khẩn-na-la này bố thí một cây cột chùa làm thành chùa miếu, lại đem

cơm thanh tịnh giúp cho công thợ, thọ mạng chấm dứt làm vị thần trong lòng, ở giữa hai núi. Trước kia ở trong loài người làm Đại Trưởng giả, tích chứa của vô lượng, có một Sa-môn đến khất thực, người vợ bưng cơm đưa cho, thế là vô cùng tức giận, tại sao người ăn xin nhìn ngó vợ tôi, nên làm cho tay chân người này đứt lìa. Thọ mạng chấm dứt về sau nhận chịu hình dáng xấu xí này, trong tám mươi bốn kiếp thường không có tay chân. Chư Thiên mở hội đều cùng với Càn thát bà phân loại cao thấp, chư Thiên sắp tấu nhạc mà dưới nách người ấy chảy mồ hôi, thì tự nhiên lên cõi Trời phía trên, có một Khẩn-na-la tên gọi Đầu Lâu Ma đàn ca về thật tướng các pháp để ca ngợi Đức Thế tôn, lúc ấy núi Tu di và các rừng cây thảy đều chấn động. Ca-diếp ở tại chổ ngồi không thể tự yên ổn được, năm trăm người Tiên tâm sanh mê mẩn điên cuồng mất đi thần túc của mình".

Lại trong kinh Đại Thọ Khẩn Na La Vương Sở Vấn nói: Lúc bây giờ Đại Thọ Khẩn-na-la Vương, vì mình đã đánh đàn lưu ly, trang nghiêm hoa lá trên cây Diêm Phù Đàn Kim, đã tạo ra nghiệp báo thiện tịnh, ở trước đức Như lai khéo léo tự mình hoà tiếng đàn, và tất cả tám mươi bốn ngàn kỹ nhạc khác. Đang lúc đại Thọ Vương này gảy đàn-đánh trống, thì âm thanh ấy khắp nơi đều nghe thấy, tam thiên đại thiên thế giới này đều là tiếng đàn và tiếng ca vi diệu, âm nhạc chư Thiên Dục giới đều ẩn đi, hết thảy cây cối hoa cỏ núi rừng đều biến động. Những người rất hay tiến lên mà lại ngã nhào, núi Tu di cao lớn bập bềnh không ổn định, tất cả phàm Thánh chỉ trừ hàng Bồ-tát bất thối chuyển, còn lại hết thảy nghe tiếng đàn này, và âm thanh các loại nhạc cụ, đều không tự yên ổn, từ chổ ngồi đứng dậy múa máy tay chân. Tất cả Thanh văn buông bỏ oai nghi diện mạo đĩnh đạc thư thái, giống như trẻ thơ múa may bỡn cợt không thể nào tự kiềm chế được. Lúc bấy giờ Bồ-tát Thiên Quan nói với Đại Ca-diếp cùng các Thanh văn Rằng: Các Đại đức đã xa rời phiền não đạt được tám loại giải thoát, tại sao hôm nay tất cả đều bỏ oai nghi, giống như những đứa trẻ toàn thân múa may lay động vậy? Lúc ấy các đại đức Thanh văn đều đáp rằng: này người thiện nam! Chúng tôi ở trong này không được tự tại, giống như mây mù trong núi xoay chuyển gặp gió lớn thổi cây cối, mọi người không có năng lực có thể tự kiềm chế an ổn, chứ không phải là tâm của mọi người đắm say dục lạc đâu. Bấy giờ Bồ-tát Thiên Quan nói với Đại Ca-diếp rằng: Nay ông quan sát uy đức thế lực của Bồ-tát bất thối này, ai thấy như vậy mà lại không phát tâm đạo Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề đạo? Uy lực của tiếng đàn đều là âm thanh thuyết pháp, tám ngàn vị Bồ-tát đạt được Vô

sanh nhẫn”,

Tụng rằng:

Huyền diệu bày ra tỏa khí lành,
Âm vang thần kỳ thấu u minh
Lên đài cao ngâm vịnh mùa xuân,
Vui sướng mong dấu tích dài lâu
Nhờ hư không cảm được linh giác,
Dạo Ngư Sơn chấn động tâm tư
Miêu tả Thiên Ca bằng Phạm bối,
Mong lan truyền giống như pháp âm
Quên nơi cao vốn không xuống thấp,
Phất phới giữa bầu Trời bao la
Tỳ-kheo cất tiếng Ca bối diệp,
Người và vật phấn chấn tâm hồn
Ấy là nhờ thông suốt huyền văn,
Liền cảm cánh nhạn vút hư không
Thần diệu gợi mở tâm giác ngộ,
Rõ ràng như vậy tự linh thông

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra sáu chuyện: 1- Sa-môn Bạch Pháp Kiều thời nhà Tấn; 2- Sa-môn Chi Đàm Thược thời nhà Tấn; 3- Sa-môn Thích Tăng Biện thời nhà Tề; 4- Sa-môn Thích Đàm Bằng thời nhà Tề; 5- Người làm quan họ Lương thời nhà Tề; 6- Thứ Sử Nhậm Nghĩa Phương thời đời Đường.

1: Thời nhà Tấn ở vùng Trung Sơn có Bạch Pháp Kiều, là người ở Trung Sơn, thửơ nhỏ thích đọc tụng mà có phần thiếu sót về âm thanh. Cứ mỗi khi đọc tụng không thể thông suốt là than thở, thế là nhịn ăn sám hối bảy ngày bảy đêm, cúi đầu lạy Bồ-tát Quán Âm để cầu khấn được báo ứng hiện tại. Bạn cùng học khuyên can hết lời mà thề không thay đổi. Đến ngày thứ bảy cảm thấy trong cổ họng rộng mở, liền lấy nước súc miệng sạch sẽ nói rằng: Tôi có cảm ứng rồi! Ngay sau đó đọc tụng ba bộ kinh, tiếng vang xa hơn ba dặm, gần xa ngạc nhiên khen ngợi, người và loài vật đều đến nhìn xem lắng nghe. Sau đó tụng năm mươi vạn lời kinh, ngày đêm ngâm nga uyển chuyển lưu loát dịu dàng. Đến năm 90 tuổi âm thanh vẫn không thay đổi. Vào giữa niên hiệu Vĩnh Hòa thời Tấn Mục Đế, tại thế tại Hà Bắc

2: Thời nhà Tấn có Chi Đàm Thược, vốn là người nước Nguyệt

Chi, cư ngụ tại Kiến Nghiệp. Tuổi trẻ xuất gia chịu khó cơm rau áo vải, ở tại núi Hổ Khâu nước Ngô. Đầu thời Tấn Hiếu Vũ, truyền chỉ thỉnh đến kinh đô, ở tại chùa Kiến Sơ. Hiếu Vũ Đế từ khi thọ năm giới, tôn kính theo lễ tiết thầy trò. Đàm Thược đặc biệt có âm thanh tuyệt vời giỏi về đọc tụng, đã từng mộng thấy Thiên Thần trao cho phương pháp về âm thanh, tỉnh giấc dựa theo đó chọn lọc sắp xếp soạn thành âm thanh mới. Âm vang cõi Phạm trong lành tỏa ra khắp nơi, lại xoay chuyển trải qua nhiều lần thêm bớt làm cho càng tuyệt diệu, tuy là trước tiên do Đông A sửa chữa-sau đó do Khương Hội làm ra, nhưng từ đầu đến cuối chưa có ai tuyệt diệu như Đàm Thược. Về sau tiếp tục truyền bá sáng tạo không có gì không phải là phương pháp ấy, đã chế định Phạm Bối sáu chữ truyền bá con mãi đến nay. Cuối cùng qua đời nơi cư trú, hưởng thọ tám mươi mốt tuổi.

3: Thời nhà Tề có Sa-môn Thích Tăng Biện ở Chùa An Lạc, người họ Ngô vùng Kiến Khang, xuất gia ở tại chùa An Lạc, tuổi trẻ thích đọc kinh du dương trầm bổng, một mình một cảnh vào đầu thời nhà Tề không có ai giống như Tăng Biện. Đã từng ở ạti Tân Đình cùng với Lưu Thiệu Trạch, Tăng Biện đầu đêm đọc kinh, mới được một cuốn kinh, bỗng nhiên có bầy chim Hạc sà xuống tụ tập trước bậc thềm, đến khi Tăng biện đọc hết một bộ kinh thì bầy chim hạc chốc lát bay đi mất. Từ đó tiếng vang khắp thiên hạ, xa gần đều biết tên, người học sau đó không ai không tôn thờ kính trọng. Ngày mười chín tháng hai năm thứ bảy niên hiệu Vĩnh Minh nhà Tề, Tư Đồ Cảnh Lăng Văn tuyên vương, mộng thấy ở trước Phật ngâm nga một cuốn kinh Duy na, nhân âm thanh phát ra mà tỉnh giấc, liền đứng lên đi vào trong điện Phật, lại như phương pháp trong giấc mộng, tiếp tục ngâm nga một cuốn kinh Duy ma cổ xưa, thì cảm thấy âm vận lưu loát giống như có công phu thường ngày vậy. Sáng sớm liền triệu tập những người có âm thanh lạ kỳ như Sa-môn Tăng biện, lần lượt thể hiện âm thanh, Tăng Biện biểu đạt một cuốn kinh Duy Ma cổ xưa, ứng với điềm lành trong một cuốn kệ bảy chữ, thật là số mạng tạo ra con người. Người đời sau có lưu truyền điều ấy, nhưng đều sai lạc về cơ bản. Tăng Biện qua đời vào năm thứ mười một niên hiệu Vĩnh Minh nhà Tề.

4: Thời nhà Tề có Sa-môn Thích Đàm Bằng ở chùa Bạch Mã, là người họ Dương Kiện vùng Nam An. Tuổi trẻ dạo chơi chốn kinh thành, học hỏi chuyển sang đọc tụng ở chùa Bạch mã, âm vận điều hòa rất khéo mà lại tự nhiên tùy ý dễ dàng. Người lúc ấy không thể suy đoán được. Thế là chuyên tinh quy củ lại tìm tòi nghiên cứu thêm, sau đó liền

đến quận thay đổi bộ mặt khớp nhau giữa lời nói và việc làm, tụng ba bộ kinh Bổn Khởi thì âm thanh ấy càng hay. Về sau trở lại nước Thục ở trong chùa Long Uyên, người nước Ba nước Hán nhớ mong âm vận ấy đều tôn sùng danh tiếng mẫu mực của Đàm Bằng. Cứ mỗi khi Phạm âm phát ra thì voi ngựa cất tiếng ngậm ngùi dừng chân đứng lại, nhân đó chế tạo chuông đồng, để cho đời sau luôn luôn có tám âm thanh bốn biện tài, bình thường ở nước Thục có chuông đồng ngân vọng bắt đầu từ đây. Cuối đời tạ thế ở nơi cư trú. Thời Ngô cảnh Đế, Ô Trình Thị có mắc bệnh lâu ngày khó chữa khỏi, và chữa khỏi thì có thể nhờ vào âm hưởng của lời nói. Âm hưởng lời nói ấy ở nơi này mà nơi kia nghe thấy, nhưng tự người nghe không cảm thấy âm thanh to lớn ấy, từ xa nghe thấy giống như người đối diện mà nói, không biết âm thanh từ xa truyền đến. Âm thanh truyền đến tùy theo nơi đã hướng về ấy, xa xôi chẳng qua là mấy mươi dặm mà thôi.

Bốn chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện.

5: Thời Bắc Tề có người làm quan họ Lương, gia đình rất giàu có, lúc sắp chết nói với người vợ rằng: Tôi từ trước đến nay có thương một người hầu và một con ngựa đã sử dụng lâu ngày rất hợp ý người, tôi chết rồi có thể đem chôn theo cho tôi, không nc thì không có gì để nhờ cậy. Đến khi người ấy chết, người nhà lấy bao chứa đầy đất đè lên giết chết người hầu, con ngựa hãy còn chưa giết. Người hầu chết đã bốn ngày mà sống lại, nói rằng: Lúc ấy không biết là chết đi, bỗng nhiên đến cửa quan phủ, người trong phủ vì thế giữ lại, ở quan phủ trải qua một đêm, sáng sớm trông thấy ông chủ đã mất ấy, bị xiềng xích có lính canh phòng nói đưa vào chổ quan. Trong thấy nô tỳ gọi lại nói rằng: Ta nói là người chết được sai bảo nô tỳ, cho nên để lại lời nói gọi cô, nay đều tự mình nhận chịu khổ đau ấy hoàn toàn không liên quan đến nhau, bây giờ sẽ thưa với quan phủ tha cho cô. Nói xong mà đi mất, nô tỳ từ ngoài tường ngăn nhìn trộm vào, thấy quan phủ hỏi người canh phòng rằng: Hôm qua ép mỡ được nhiều ít? Trả lời rằng: Được tám đấu. Quan phủ nói: Tiếp tục đem đi ép lấy một hộc sáu đấu! Ông chủ thì bị bức ép dẫn ra ngoài cuối cùng không nói được gì. Sáng mai lại đến, có sắc mặt tốt hơn, nói với nô tỳ rằng: Hôm nay sẽ thưa trình cho cô. Lại đưa vào quan phủ hỏi ép được mỡ chăng? Trả lời rằng không ép được. Quan phủ hỏi tại vì sao? Người quản lý nói: Người này chết ba ngày, người nhà vì người chết thỉnh Tăng thiết lễ cầu nguyện, cứ mỗi khi nghe tiếng lầm rầm niệm kinh thì xà sắt liền gãy mất, cho nên không ép được. Quan phủ nói: Tạm thời đem đi! Người quản lý thưa với quan phủ: Xin quan

lớn tha cho người hầu! Lập tức gọi người thả ra cùng đi đến cổng, ông chủ khiến chuyển lời nói với vợ con mình rằng: Nhờ vào mọi người làm điều phước thiện mà tránh được sự đau khổ to lớn, nhưng hãy còn chưa thoát được, lại có thể làm kinh tượng để cứu giúp cho nhau, hy vọng nhờ đó mà tránh được, từ nay không nên bày ra cúng tế, đã không ăn được mà thêm tội lỗi cho Ta. Nói xong mà Từ biệt, nô tỳ liền sống lại nói đầy đủ như vậy. Trong nhà quả nhiên lấy người ấy thiết lễ, ngay sau đó dốc hết gia sản làm việc phước thiện, cả nhà cùng luyện tập thực hành.

Câu chuyện trên đây trích từ Minh Báo Thập Di Ký.

6: Thời đời Đường có Nhậm Nghĩa Phương ở Lạc An là Thứ sử vùng Quát Châu, chết giữa niên hiệu Vũ Đức đời Đường, qua mấy ngày mà sống lại, tự mình nói rằng: bị dẫn đến bái kiến Diêm La Vương, Vương sai người dẫn đi chỉ rõ nơi chốn của địa ngục, lời đã nói cùng với kinh Phật không khác nhau. Lại nói: Ngày đêm dưới địa ngục tối tăm giống như đi trong sương mù, lúc ấy nhà vua đưa tay đặt trên vùng ngực của nghĩa Phương thấy có chút hơi ấm, lập tức thỉnh cầy chư Tăng đến hành đạo. Nghĩa Phương thế là từ dưới địa ngục nghe tiếng tán tụng ấy, Diêm Vương kiểm tra lại bản án nói với quan lại rằng: Chưa phải lúc chết, tại sao bắt giữ sai lầm như vậy, lập tức thả để người ta trở về! Nghĩa Phương ra khỏi ba lớp cửa, lính canh cửa đều ngủ say. Người đưa đường nói: Chỉ cần tìm theo tiếng tán tụng là sẽ đến nhà. Trông thấy một hố lớn ngay giữa đường đi, ý muốn nhảy qua, liền rơi vào trong hố sâu, lập tức vùng dậy đứng lên, kể lại cảnh dưới địa ngục vẽ trên mặt đất thành bức tranh, những bổng lộc có được đều tạo tác kinh tượng, từng viết hơn một ngàn bộ kinh Kim cang Bát nhã, Nghĩa Phương tự mình nói ra.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 37

Thiên thứ 35: KÍNH THÁP

Thiên này có sáu phần: Thuật ý, Dẫn chứng, Hưng tạo, Cảm phước, Hoàn nhiễu, Tu cố .

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Cung kính nghĩ rằng: Đức Như lai ứng hiện, sắc thân vi diệu hiển bày khắp ba ngàn thế giới, bậc Chánh giác thao quang, hình hài để lại truyền bá khắp tám vạn pháp môn. Vì vậy tháp báu sừng sững tại Linh Sơn, hình bóng cón mãi nơi hang đá, khắc ghi dung qua đàn hương, tơ lụa rực rỡ, đúc dáng hình bằng vàng ròng, châu ngọc sáng ngời dấu tích toàn thân hay Xá-lợi, dựa vào tụ tháp hay tản tháp, mà ánh sáng chiếu rọi bao lớp tối tăm, phước thiện giúp cho muôn loại hàm thức, khiến cho âm thanh uy hùng làm đẹp dài lâu, bè đảng gian tà kết thành niềm tin. Bắt đầu dẫn dắt trước tiên là Dục Vương, cuối cùng truyền bá ban đầu là Đại Đường. Từ bao đời nay nhiều lần phát ra thần hóa diệu kỳ rất nhiều. Vì vậy kinh nói: “chánh pháp trú-chánh pháp diệt” ý thuộc về nơi này chăng?

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh Quán Phật Tam Muội nói: “Đức Phật lưu lại hình ảnh nơi hang đá, ở bên hồ Độc Long thuộc nước Na càn ha la. Đức Phật an tọa trong hang đá của loài Rồng, vì loài Rồng thể hiện mười tám loại biến hoá, hiện thân đi vào đá, giống như đài gương sáng, ở trong tường đá chiếu rọi hiện rõ ra bên ngoài, cách xa nhìn về thì thấy mà đến gần nhìn vào không hiện rõ ra. Trăm ngàn chư Thiên cúng dường đức Phật, hình ảnh đức Phật cũng thuyết pháp”. (Đến nay không mất đợi đến thời Di-lặc).

Lại trong kinh Đại Tập nói: “Ở cõi Trời Đao Lợi, trong vườn chiếu Minh phía Đông thành có tháp thờ tóc đức Phật, trong vườn Thô sáp

phía Nam thành có tháp thờ y đức Phật, trong vườn Hoan hỷ phía Tây thành có tháp thờ bát đức Phật, trong vườn giá Ngự phía Bắc thành có tháp thờ răng đức Phật".

Lại trong Trí Độ Luận nói: "Thiên Đế Thích lấy tóc và y của Bồ-tát, ở ngoài cửa phía Đông thành trên cõi Trời lập tháp thờ tóc và tháp thờ y của Đức Phật"

Lại trong Dục Vương Truyện nói: "Nhà vua có được tín tâm hỏi đạo nhân rằng: Tôi từ trước đến nay giết hại không cần phải theo lý, nay tu thiện nghiệp gì có thể tránh khỏi tai ương này? Đáp rằng: Chỉ có xây tháp cúng dường chúng Tăng, cứu những kẻ tù tội và phát chẩn giúp cho người nghèo thiếu. (Bởi vì trong kinh Thí Dụ nói: Trong Vương cung thường dùng bốn sự cúng dường hai vạn Sa-môn, dốc lòng lễ lạy chu đáo. Không thể thuật tất cả). Nhà vua nói: Nơi nào có thể xây tháp? Đạo nhân liền dùng thần lực đưa tay trái che ánh sáng mặt Trời, làm thành tám vạn bốn ngàn tia sáng, soi chiếu khắp cõi Diêm-phù-đề, nơi nào được soi chiếu đều có thể xây tháp. Nay chính là nơi dựng lên các tòa tháp ấy vậy. Lúc ấy nhà vua muốn xây dựng tòa tháp thờ Xá-lợi nên dẫn bốn bộ quân lính đến thành vương xá, lấy Xá-lợi trong tháp Phật của vua A-xà-thế, trở lại tu sửa tòa tháp này, so với trước kia không có gì khác, như vậy tiếp tục lấy Xá-lợi trong tháp Thất Phật, đi vào trong thôn xóm của dân chúng, lúc ấy các Long vương dẫn nhà vua đi vào trong Long cung, nhà vua đi theo Long vương xin lấy Xá-lợi cúng dường, Long vương bèn phân chia trao cho. Lúc ấy nhà vua làm ra tám vạn bốn ngàn chiếc hộp bằng vàng, bạc-lưu ly, pha lê an trí Xá-lợi của Phật. Lại làm ra tám vạn bốn ngàn chiếc bình quý báu để chứa giữ những chiếc hộp này. Lại làm ra vô lượng trăm ngàn tràng phan tàn lọng, khiến các quỷ thần đều mang vật dụng đến cúng dường Xá-lợi, truyền cho các quỷ thần rằng: Từ cõi Diêm-phù-đề đến nơi bờ biển, thôn xóm thành ấp đủ số một ức nhà, thì xây dựng tháp thời Đức Thế tôn. Lúc ấy có quốc gia tên là Đức xoa Thi la, có ba mươi sáu ức nhà, người trong quốc gia ấy nói với quỷ thần rằng: Có thể ban cho chúng tôi ba mươi sáu chiếc hộp an trí Xá-lợi để xây dựng tháp thờ đức Phật! Nhà vua đến hành phương tiện vì người trong nước mình ít thì khiến phân chia trao cho quốc gia ấy. Làm cho đủ số nhà mà lập thành tháp thờ. Lúc ấy ở ấp Ba Liên có vị Thượng Tọa, tên gọi Da-xá. Nhà vua đến nơi ấp ấy thưa với Thượng tọa rằng: tôi muốn trong một ngày dựng lên tám vạn bốn ngàn tháp Phật khắp cõi Diêm-phù-đề này, ý nguyện như vậy! Bấy giờ Thượng tọa ấy thưa rằng: Tốt lành thay, đại Vương!

Hạn định sau 15 ngày vào lúc mặt Trời đứng bóng, khiến cho cõi Diêm-phù-đề trong một lúc dựng lên các tháp thờ đức Phật, y theo số lượng như vậy, cho đến trong vòng một ngày dựng lên tám vạn bốn ngàn tòa tháp. Nhân dân thế gian phấn chấn chúc mừng vô lượng, cùng tôn kính gọi là tháp A Dục Vương”.

Lại trong kinh Đại A Dục Vương nói: “Tám nước cùng nhau phân chia Xá-lợi, vua A-xà-thế phân chia đếm được tám vạn bốn ngàn hạt Xá-lợi, lại đặc biệt có được ria mép của đức Phật. Trở về nước giữa đường gặp nạn, Long vương Đầu hoà đi theo cầu xin phân cho Xá-lợi, vua A-xà-thế không đồng ý. Đầu Hoà liền nói rằng: Tôi là Long vương có sức mạnh có thể hủy hoại đất nước của ông. Vua A-xà-thế sợ hãi, bèn lấy ria mép của Phật trao cho, Long vương trở về dưới núi Tu di cao tám vạn bốn ngàn dặm, ở phía dưới dựng lên tòa tháp bằng thủy tinh. Vua A-xà-thế trở về nước yên ổn, dùng chiếc hộp bằng vàng tía quý báu an trí Xá-lợi, làm ngọn đèn ngàn năm đặt vào tháp giấu kín giữa dòng nước của năm sông Căng già. Về sau vua A Dục lấy được đất nước ấy. Nhà vua cưới phu nhân, thân cao tám thước, mái tóc cũng như vậy, đầy đủ các tướng xinh đẹp. Nhà vua truyền thầy bói tướng quan sát đoán xem. Thầy bói tướng nói: Sẽ sanh cho nhà vua một vương Tử sắc thân vàng rực. Nhà vua liền tấn phong làm đệ nhị phu nhân. Sau trở về có thai, tròn đủ mười tháng, nhà vua có duyên sự nên phải đi đến nơi khác. Thái Hậu của nhà vua ganh ghét, nhân cơ hội tìm cách muốn trừ bỏ thai nhi. Tìm kiếm heo mẹ sinh đẻ đúng ngày giờ ấy, nói với đệ nhị phu nhân rằng: Em là người trẻ tuổi vừa mới lần đầu sinh đẻ như vậy thì không thể lộ diện nhìn Trời, nên lấy khăn che kín mặt! Sau đó sinh ra một vương tử sắc thân vàng rực, ánh sáng chiếu rọi trong cung, Thái hậu trộm mang đứa trẻ đi giết rồi lấy heo con đặt bên cạnh phu nhân ấy, liền mắng rằng: cô nói sẽ sanh cho nhà vua một Vương tử sắc thân vàng rực, tại sao tại sanh ra heo? Nhân đó chịu thua cúi đầu nhận tội, sao giam vào tù trong vường khiến ăn rau cà mà sống. Nhà vua trở về nghe chuyện không vui. Mãi về sau nhà vua đi ra ngoài vườn gặp mặt phu nhân nên nhớ lại đón đem về cung. Đệ nhị phu nhân dần dần được gần gũi, nói đầy đủ tình trạng cho nhà vua nghe. Nhà vua nghe chuyện mà kinh hãi vô cùng, lập tức giết tám vạn bốn ngàn phu nhân. Vua A Dục sau đó ở ngoài thành, làm nên chốn địa ngục, liền bảo Tỳ-kheo Tiêu Tán đến hóa độ nhà vua, nhà vua phát khởi niềm tin tỉnh ngộ hỏi Tỳ-kheo rằng: Giết tám vạn bốn ngàn phu nhân thì tội lỗi có thể chuộc được hay không? Tỳ-kheo nói: tất cả vì người xây dựng một tòa tháp,

dưới tòa nhà tháp đặt một viên Xá-lợi, thì sẽ được thoát khỏi tội lỗi mà thôi! Nhà vua liền kiếm tìm Xá-lợi thuộc phần của vua A-xà-thế. Có Tướng Phụ trong nước, tuổi đã 120, dẫn theo năm trăm người tìm được Xá-lợi vốn có. Nhà vua có được Xá-lợi rất vui mừng, liền phân cho quỷ thần, tất cả trở về địa phận của mình, khiến trong một ngày ngay một lúc cùng mang đến tám vạn bốn ngàn tòa tháp. Các quỷ thần nói: Quả thật là núi sông cách ngăn không thể nào biết nhau được! Nhà vua nói: Các người chỉ trở về lo liệu chu đáo bảo vệ tòa tháp-treo các chuông linh. Ta sẽ sai A tu thâu đưa tay nắm mặt Trời và khắp tứ thiên hạ cũng cùng lúc chấn động".

Lại trong kinh A Dục Vương nói: "Tháp đã làm xong một ngàn hai trăm ngôi và phan đã dệt thành hoa hương đầy đủ, nhưng phan chưa được treo thì nhà vua nhuốm bệnh. Tháp hoàn thành đã sáu ngày, nhà vua thỉnh cầu chúng Tăng đến trong vườn để cúng dường. Lúc ấy có la hán Ưu ba quật đa, dẫn theo một vạn tám ngàn A-la-hán thọ nhận sự thỉnh cầu của nhà vua. Tôn giả Quật đa có dung nhan tướng mạo đoan chánh và thân thể mềm mại, mà thể trạng nhà vua xấu xí da thịt thô ráp. Tôn giả liền nói kệ rằng:

Lúc ta thực hành hạnh bố thí,
Tâm thanh tịnh, tài vật tốt đẹp
Không như nhà vua hành bố thí,
Đem cát đá cúng dường đức Phật.

Nhà vua bảo với Đại thần: "Ta dùng cát đá cúng dường đức Phật gặp phải báo ứng như vậy, tại sao lại không thể tu kính đối với Đức Thế tôn"? Sau đó nhà vua tìm đến tháp của những đệ tử của Phật như Ca-diếp-A nan và tất cả tháp miếu của hàng đệ tử thời Phật còn tại thế, tự mình đến nơi tháp miếu bày tỏ hết mọi tình cảm đau thương trách tâm tu kính, tất cả đều cúng dường cung kính và tiếp tục xây dựng tòa tháp lớn, bỏ ra mười vạn lượng ngọc ngà châu báu cúng dường toà tháp này. Tiếp đến tháp của Bạc-câu-la cũng nên cúng dường cung kính. Nhà vua hỏi vị Tôn giả ấy có công đức thế nào? Tôn giả Quật Đa đáp rằng: Tôn giả ấy là bậc vô bệnh thứ nhất, thậm chí không nói cho người khác một câu pháp, yên lặng không hề nói năng. Nhà vua nói: Lấy một đồng tiền cúng dường! Các quan thưa với nhà vua rằng: công đức đã như nhau, tại sao đối với Tôn giả này chỉ cúng dường một đồng tiền? Nhà vua bảo với các quan rằng: hãy nghe Ta nói bài kệ!

Tuy trừ bỏ vô minh ngu si,
Trí tuệ có năng lực quán xét

Tuy có Tôn giả Bạc câu la,
Ở đời nào có lợi ích gì.

Bấy giờ đồng tiền ấy quay về lại nơi nhà vua. Lúc ấy các Đại thần thấy điều hy hữu này, tất cả đồng thanh ca ngợi Tôn giả ấy rằng: Chao ôi Tôn giả thiểu dục tri túc, thậm chí không cần một đồng tiền!

Nhà vua đến cúng dường cây Bồ-đề mãi không thôi, phu nhân tên gọi là Đề xá la hy đa dấy lên nghĩ rằng: Nhà vua rất yêu thương và luôn nghĩ đến mình, ý niệm nhà vua nay không còn quý trọng mình nữa mà đến nơi cây Bồ-đề, mình tìm cách giết cây làm cho chết đi, nhà vua không thể đến nữa mà có thể cùng mình vui vẻ bên nhau! Phu nhân liền sai người lấy sữa nóng tưới vào làm cây khô lá rụng điều tàn. Nhà vua nghe tin này thì cảm thấy choáng váng ngã nhào xuống đất. Phu nhân thấy nhà vua ưu sầu không vui, nên làm vui lòng nhà vua bèn thưa với nhà vua rằng: nếu như không có cây ấy thì mạng sống của thiếp cũng không có; Như lai đắc đạo ở tại cây ấy, cây ấy đã không có thì cần gì sống nữa! Lại dùng sữa ấm tưới vào, cây ấy liền sống lại. Nhà vua hay tin hoan hỷ đến thăm cội nguồn cây, mắt chăm chăm nhìn không rời xa, dùng ngàn hũ nước ấm thơm ngát tưới cho cây Bồ-đề, lớn lên tươi tốt đẹp đẽ gấp bội trước kia. Sau đó nhà vua gột rửa thân tâm thanh tịnh, tay bưng lò hương bước vào trong Đại điện, hướng về phía Tây làm lễ trong lòng nghĩ ngoài miệng nói: Đệ tử Thánh hiền Như lai ở khắp các phương, thương xót cho con, nhận sự cúng dường của con! Lúc nói lời như vậy, có ba mươi vạn Tỳ-kheo đều đến quy tập, trong đại chúng ấy có mười vạn người là A-la-hán, hai mươi vạn người là đang tu học ở phàm phu Tăng, người trong cung-Thái tử-quần thần cùng với nhà vua làm ra vô lượng công đức không thể nào kể hết được".

Lại trong kinh tạp A hàm nói: "Vua A Dục hỏi Tỳ-kheo rằng: Ai ở trong Phật pháp có thể thực hành hạnh bố thí rộng lớn? Các Tỳ-kheo nói: Trưởng giả Cấp Cô Độc thực hành hạnh bố thí rộng lớn nhất. Nhà vua hỏi: Người ấy bố thí bao nhiêu? Tỳ-kheo đáp rằng: Đã bố thí hàng ức nghìn vàng. Nhà vua nghe rồi nghĩ rằng: Trưởng giả ấy hãy còn có thể bố thí hàng ức nghìn vàng, nay mình làm vua tại sao lại dùng ức nghìn vàng để bố thí, nên dùng trăm ức nghìn vàng để bố thí, thậm chí sử dụng tất cả kho tạng của mình, đem phu nhân, thể nữ, thái tử, đại thần và cõi Diêm-phù-đề này, tất cả bố thí cho Thánh Tăng. Sau đó dùng bốn mươi ức nghìn vàng, trở lại chuộc lấy. Như vậy tính ra toàn bộ sử dụng chín mươi sáu ức nghìn vàng. Cho đến khi nhà vua lâm bệnh nặng tự biết mạng sống đã hết, thường nguyện dùng trăm ức nghìn vàng làm

công đức, nay nguyện chưa tròn thì đã đến đời sau, chỉ có giảm bớt bốn ức mà không tròn nguyện. Nhà vua liền sắp xếp mọi thứ ngọc ngà châu báu tặng cho chùa kê đầu ma, thậm chí đem nửa trái A ma lặc tặng cho Tăng, lễ lạy dưới chân Tăng và hỏi thăm tất cả đại chúng Thánh Tăng, nói rằng: Con tiếp nhận cõi Diêm-phù-đề này, là những gì con vốn có, nay bỗng nhiên không còn, chẳng thế nào tự tại được, chỉ có nửa trái cây này thương xót nhận lấy khiến con có được phước thiện! Thượng tọa Da-xá khiến mài thành bột đem bỏ vào trong canh Thạch Lưu, tất cả đều được thọ nhận như nhau. Nhà vua lại hỏi các quan kề cận: Ai là vua cõi Diêm-phù-đề? Quần thần thưa với nhà vua rằng: Chính là Đại vương. Lúc ấy nhà vua từ chổ nằm gượng dậy mà ngồi, quay nhìn bốn phương chấp tay làm lễ, hướng niệm về công đức của chư Phật, tâm nghĩ miệng nói: Nay con lại đem cõi Diêm-phù-đề này cúng dường lên Tam bảo. Lúc ấy nhà vua viết trên giấy rồi niêm phong lại, dùng răng ấn kỹ càng. Làm những điều như vậy xong, trút hơi thở cuối cùng theo lẽ vô thường. Lúc bấy giờ thái tử và dân chúng trong nước tiến hành các loại cúng dường đưa đi an táng, đúng như lễ nghi của một vị vua mà làm lễ trà tỳ".

Lại trong kinh Pháp Ích nói: "nay đất đai này thuộc về Tam bảo, làm sao lại lập thái tử lên ngôi vua? Quần thần nghe xong, cùng bàn bạc chi ra bốn ức nghìn vàng, đưa vào trong chùa muốn chuộc lại đất đai ấy".

Lại trong Thiện Kiến Luận nói: "Vua A Dục dùng chín mươi sáu ức tiền vàng xây dựng tám vạn bốn ngàn Bảo tháp, lại bố thí các loại đầy đủ".

Thứ ba- PHẦN HƯNG ĐẠO

Thuật lại rằng: Trên đây đã dẫn ra kinh luận nói về nguyên do xây dựng và tu đạo, điều ấy đã biết rồi, nhưng mà chưa nhận thức được tháp có nghĩa là gì? Lại có mấy loại? Người được làm tháp lại thông suốt tất cả hay không? Đáp rằng: Phạm-Hán phiên dịch trước sau không giống nhau, làm cho xuất hiện nhiều tên gọi, văn tự phát sinh sai với cơ bản. Vốn nói là Tháp ấy, hoặc nói là Tháp bà, Trung Hoa nói là Phương Phần, hoặc nói là Chi-đề, phiên ra thành nơi diệt ác sanh thiện. Hoặc nói là Đầu tẩu ba, Trung Hoa nói là Hộ Tán, như người tán thán ủng hộ ca ngợi ấy. Chính âm của Tây Phạm gọi là Suất đổ ba, Trung Hoa nói là Miếu, Miếu là Mạo vậy, tức là Linh Miếu. An lập tháp thờ có ba ý: 1- Biểu thị cho người thù thắng siêu việt; 2- Khiến cho mọi người tín

kính; 3- Vì báo đáp ân đức. Nếu là Tỳ-kheo phàm phu có đức hạnh và danh tiếng thì cũng được xây tháp, người khác thì không được. Nếu như thiết lập Chi-đề thì có bốn loại: 1- Nơi sanh ra; 2- Nơi đắc đạo; 3- Nơi chuyển pháp luân; 4- Nơi nhập Niết-bàn. Nơi sanh ra và nơi đắc đạo của chư Phật, hai nơi này nhất định phải có Chi-đề, sanh ra chắc chắn ở dưới cây A du kha, Trung Hoa nói là cây vô ưu; đây là nơi Ma gia phu nhân sanh hạ Thái Tử, thì gọi cây này là Chi-đề của nơi sanh ra. Như lai đắc đạo ở dưới cội cây Bồ-đề, thì gọi dưới cội cây này là Chi-đề của nơi đắc đạo. Nơi Như lai chuyển pháp và nơi ngài ngập Niết-bàn, hai nơi này không nhất định. Lần đầu chuyển pháp luân cho năm Tỳ-kheo ở tại Lộc Uyển, dọc ngang mỗi bề hai mươi lăm Tầm, một tầm bằng tám thước bởi vì người thời xưa có thân lớn, một tầm bằng tám thước thì tổng cộng là hai mươi trượng. Nay người Thiên Trúc thiết lập nhiều nơi chuyển pháp luân, chọn lấy một nơi tốt đẹp, mà y theo mức lượng này, ba trụ dựng đứng đặt ba vòng xe, biểu thị cho tướng của đức Phật ngày xưa ba lần chuyển pháp luân, thì gọi nơi này là Chi-đề chuyển pháp luân. Nơi Như lai nhập Niết-bàn an trí Xá-lợi, thì gọi nơi này là Chi-đề Niết-bàn. Hiện nay xây dựng ngôi chùa gọi là chùa Niết-bàn, đây là nơi chắc chắn. Nếu dựa vào Xá-lợi dựng tháp khắp nơi, thì không nhất định được. Bốn nơi này cũng gọi là Suất Đổ Ba.

Lại trong Tỳ Bà Sa Luận nói: “Nếu như người xây dựng tháp lớn ở nơi Như lai đản sanh và nơi ngài chuyển pháp luân, hoặc là người lấy đá nhỏ làm tháp, thì phước thiện này bằng với người trước, bởi vì tháp lớn là nơi tôn kính. Nếu như vì phạm hạnh vĩ đại của Như lai mà xây dựng tháp lớn, hoặc là xây dựng tháp nhỏ, bởi vì việc làm giống nhau cho nên phước thiện ấy là vô lượng”.

Còn trong kinh A hàm nói: “Có bốn bậc người nên dựng tháp thờ; 1- Như lai; 2- Bích-chi-Phật; 3- Thanh văn; 4- Luân Vương”.

Lại trong kinh Thập Nhị Nhân Duyên nói: “Có 8 người nhất định phải xây tháp phụng thờ: 1- Như lai; 2- Bồ-tát; 3- Duyên giác; 4- La-hán; 5- A-na-hàm; 6- Tư-đà-hàm; 7- Tu-đà-hoàn; 8- Luân vương. Nếu từ Luân Vương trở xuống mà dựng tháp thì đặt một chậu nước (lộ bàn), trông thấy thì không cần phải lễ lạy, bởi vì không phải tháp thờ bậc Thánh. Sơ Quả đặt hai chậu nước, cho đến tháp thờ Như lai thì an trí tám chậu nước. Tháp có tám chậu nước trở nên đều là tháp Phật”.

Lại trong Tăng Kỳ Luật nói: “Lúc bắt đầu xây dựng Già lam Tăng, trước tiên quy định mức độ đất đai thuận lợi để sau này làm nơi dựng tháp, không được ở phía Nam, không được ở phía Tây, thuận theo ở phía

Đông, thuận theo ở phía Bắc, không xâm phạm đất Phật-đất Tăng; nên làm Tăng phòng ở phía Tây-ở phía Nam; tháp Phật làm nơi cao ráo rõ ràng dễ thấy; không được ở trong chốn chùa tháp mà giặt-nhuộm phơi y và khạc nhổ, có thể làm khám thờ xung quanh bốn mặc tháp Phật, tạo nên các loại tranh vẽ đẹp đẽ như các loại Sư tử-chim-thú, bên trong treo phan cái trang hoàng; có thể bốn phía tháp Phật được trồng thành vườn cây che mát, hoa quả trong này nảy sinh thì nên cúng dường tháp Phật. Nếu như cây cối do đàn việt tự gieo trồng, thì đàn việt nói hoa trong này cúng dường Phật và quả cho Tăng sử dụng. Đức Phật dạy: nhân thuận theo lời của đàn việt! Nếu hoa nhiều thì có thể sử dụng hoa. Người tóc đẹp nói rằng: ông đồng ý hoa làm tóc đẹp, Cho tôi số còn lại ấy, cho tôi giá trị mà ông đồng ý . nếu có được giá trị thì có thể dùng để mua đèn đuốc hương trầm để cúng dường Phật và có thể sửa sang tháp thờ. Nếu giá trị nhiều thì có thể đưa vào trong mọi đồ vật cúng dường Phật không hết. Nếu người nói Phật là bậc không còn tham sân si chỉ tự trang nghiêm, dùng hoa quả này mà thọ nhận vui vẻ, thì phải chuốc lấy tội báo nặng nề.

Đức Phật dạy: Cũng được làm Chi-đề, có Xá-lợi thì gọi là Tháp, không có Xá-lợi thì gọi là Chi-đề. Như nơi Đức Phật đản sanh-nơi đắc đạo-nơi chuyển pháp luân-nơi Ngài nhập Niết-bàn-nơi hình tượng Bồ-tát-hình tượng Bích-chi-Phật-dấu tích bước chân của Phật, những Chi-đề này được an lập dùng hoa cái phan lọng cúng dường đức Phật. Nếu cúng dường bậc Trung-bậc Thượng thì đó là cúng dường tháp Phật, bậc Hạ là cúng dường Chi-đề. Nếu như gió mưa ầm ào kéo đến thì nên thu gom vật dụng cúng dường, tùy thuận an trí ở nơi gần đó. Không được nói tôi là Thượng tọa-tôi là A luyện nhã-Khất thực-Đại đức..., sẽ mang tội Việt Tỳ-ni. Nếu như vật trong tháp-vật của Tăng gặp khi giặc đến cấp bách thì không được giấu đi, vật của Phật trang nghiêm hình tượng đức Phật, đồ dùng nơi chổ ngồi của Tăng nên phô bày sắp xếp các loại đồ ăn thức uống, khiến cho giặc trông thấy tình hình, có thể phát khởi tâm từ. Giặc hỏi Tỳ-kheo chớ sợ, người trẻ tuổi đi ra nên theo dõi. Nếu giặc bất ngờ đến thì không được cất giấu đồ vật, nên nói tất cả các tất cả các hành đều vô thường, nói lời này xong bỏ đi, thì gọi là nạn pháp".

Thứ tư- **PHẦN CẢM PHƯỚC**

Như kinh Tiểu Vị Tằng Hữu nói: "Đức Phật bảo với A nan: Nếu có một người mà tất cả cỏ cây đầy trong tứ thiên hạ, đều trở thành người, đạt được bốn đạo quả và Bích-chi-Phật, suốt đời cúng dường đầy

đủ bốn sự và mọi thứ cần thiết, đến sau khi tất cả độ diệt đều xây tháp phụng thờ, cúng dường hương hoa-tràng phan-bảo cái, lại làm ra cung điện trang nghiêm rộng lớn như cung điện Đế Thích, dùng tám vạn bốn ngàn trụ quý báu, tám vạn bốn ngàn cửa sổ quý báu, tám vạn bốn ngàn cửa sổ quý báu lấy ánh sáng trên nóc nhà, tám vạn bốn ngàn lầu gác chập chùng, bốn phía dùng các thứ báu trang hoàng rực rỡ vô cùng. Nếu có người thiện nam người thiện nữ nào, làm ra trăm ngàn ức cung điện trang nghiêm rộng lớn như trên, dùng để cúng dường Tứ phương Tăng, phước ấy tuy nhiều, nhưng không bằng có người nào sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, vì Xá-lợi bằng hạt cải xây tháp lớn bằng quả Am ma la, đỉnh tháp ấy giống như mũi kim, phía trên làm tàn lọng tròn bằng lá táo chua, dường như hình tượng đức Phật lớn bằng hạt lúa mạch. Công đức này hơn hẳn công đức trước, đầy đủ trăm phần không bằng một, ngàn phần vạn phần-trăm ngàn vạn phần vốn không thể nào sánh kịp-không thể tính kể được. Này A nan! Nên biết rằng Như lai có vô lượng công đức, giới phần-định phần-trí tuệ-giải thoát phần-giải thoát tri kiến phần và vô lượng công đức, có đại thần thông biến hóa và lục Ba-la-mật, cùng hết thảy công đức vô lượng như vậy".

Lại trong kinh Vô thượng Y nói: "A nan hướng về đức Phật chấp tay mà thưa lời như vậy: Con vào hôm nay đi trong thành Vương Xá khất thực, thấy một tòa lầu tài to lớn trang nghiêm vừa mới hoàn thành vô cùng tinh tế. Nếu có người thiện nam tín nữ nào bố thí tứ phương Tăng đồng thời đầy đủ bốn sự cúng dường, nếu sau khi Như lai diệt độ có được Xá-lợi lớn bằng hạt cải, an trí trong tháp, xây dựng lớn bằng hạt A ma la, đỉnh tháp lớn như mũi kim, tán che lớn như lá táo, tạo hình tượng đức Phật lớn như hạt thóc. Hai công đức này thì công đức vào là hơn hẳn? Đức Phật bảo với A nan: Như trong tứ thiên hạ đầy những Thánh nhân tứ quả và Bích-chi-Phật, giống như cánh đồng mía bạt ngàn-như rừng trúc bao la-như những ruộng cói ruộng đay mênh mông, nếu có một người suốt đời cúng dường bốn sự đầy đủ, và sau khi nhập Niết-bàn đều xây dựng tháp thờ to lớn, cúng dường đèn nến hương hoa y phục tràng phan. Này A nan! Ý ông nghĩ thế nào? Công đức người này nhiều không? A nan thưa: rất nhiều, thưa Đức Thế tôn! Này A nan, tạm thời gác lại. Lại như trú xứ cung điện của Đế Thích thiên, có lầu gác lớn lơ lửng giữa hư không tên gọi Thường Thắng Điện, các loại vật báu trang hoàng rực rỡ đều có tám vạn bốn ngàn. Nếu như có thiện nam tín nữ nào, làm ra cung điện quý báu như Thường Thắng Điện này, số nhiều đến trăm ngàn câu Chi-đề giúp cho Tứ Phương chúng Tăng. Nếu

lại có người vào sau khi Như lai nhập Niết-bàn, có được Xá-lợi lớn như hạt cải, dựng tháp lớn như hạt A ma la, đỉnh tháp lớn như mũi kim, tán che lớn như lá táo, tạo hình tượng Đức Phật lớn như hạt thóc. Công đức người này lớn hơn hẳn công đức đã nói trước đây trăm phần không bằng mộ, ngàn vạn ức phần thậm chí A-tăng-kỳ số phần vốn không bằng một. Tại vì sao? Bởi vì Như lai có vô lượng công đức, cho dù đập nát thế giới Ta bà vụn thành bụi nhỏ, đem số bụi nhỏ này lần lượt đều là bậc chứng được Tứ quả Sa-môn và Bích-chi-Phật. Nếu có thiện nam tín nữ nào suốt đời cúng dường, và vào sau khi tất cả các bậc ấy diệt độ mà xây tháp cúng dường, cũng không bằng có được Xá-lợi to như hại cải, cho đến tạo hình tượng đức Phật to như hạt thóc, công đức này hơn hẳn công đức trước đã nói, trăm phần ngàn vạn ức phần không bằng một phần, thậm chí toán số thí dụ cũng không thể nào sánh kịp. Như vậy A nan! Hết thảy Như lai xưa ở trong nhân địa, biết pháp giới chúng sinh là tự tánh thanh tịnh, bị khách trần phiền não làm cho ô trược, nhưng mà không vào trong pháp giới chúng sinh thanh tịnh, vẫn có năng lực vì tất cả chúng sinh thuyết ra pháp sâu xa vi diệu, trừ bỏ phiền não chướng ngại, không thích hợp để sinh tâm kém cỏi, bởi vì tâm vô cùng rộng lớn. Đối với các chúng sinh luôn luôn sanh tâm tôn trọng dấy lên sự cung kính như bậc Đại Sư, phát khởi Bát nhã, phát khởi Xà na, phát khởi Đại Bi. Dựa vào năm pháp này, Bồ-tát được bước vào địa vị A bệ Bạt Trí, dựa vào cái biết đúng như thật chứng đến đại phương tiện đắc quả vị A Nậu Bồ-đề".

Lại trong kinh Niết-bàn nói: "Nếu như hướng về Phật pháp Tăng cúng dường một làn hương-một ánh đèn, thậm chí dâng cúng một đóa hoa, thì được sanh đến nước bất động. Khéo giữ gì vật dụng của Phật-của Tăng, quét sạch đất Phật-đất Tăng, tạo hình tượng đức Phật-làm tháp thờ Phật lớn bằng ngón tay cái, tâm luôn sanh niềm hoan hỷ, cũng được sanh đến nước Bất động. Đây chính là cõi Tịnh độ thường trang nghiêm không bị ba tai họa làm cho biến động".

Còn trong Tăng Kỳ Luật nói: "Lúc đức Phật du hành trong nước Câu tát la, có Bà-la-môn đang cày ruộng trông thấy Đức Thế tôn đi đến, giữ trâu chống gậy dưới ruộng kính lễ đức Phật. Đức Thế tôn nhìn thấy rồi thì Ngài mỉm cười, các Tỳ-kheo thưa với đức Phật: vì nhân duyên gì mà Đức Thế tôn mỉm cười, chúng con chỉ mong muốn được nghe! Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: Bà-la-môn này bây giờ kính lễ hai đức Phật. Các Tỳ-kheo thưa rằng: Hai Đức Phật là như thế nào? Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: Kính lễ Ta và dưới cây gậy có tháp của Phật Ca-diếp.

Các Tỳ-kheo thưa với đức Phật: chúng con mong được thấy thờ tháp đức Phật Ca-diếp!

Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: Các Thầy từ nơi Bà-la-môn này lấy một hòn đất đặt vào mặt đất này! Các Tỳ-kheo liền vâng lời lấy hòn đất, lúc ấy Bà-la-môn liền đưa cho, có hòn đất rồi, bấy giờ Đức Thế tôn liền hiện bày ra tòa tháp bảy báu thờ Phật Ca-diếp, cao một do tuần, bề mặt tòa tháp rộng nửa do tuần. Bà-la-môn trông thấy rồi, liền thưa với đức Phật rằng: Con thuộc dòng họ Ca-diếp, gò đất này là của họ Ca-diếp nhà con. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn liền ở tại nơi ấy làm thành tháp thờ đức Phật Ca-diếp. Các Tỳ-kheo thưa với đức Phật: Con có thể trao cho nắm đất được không? Đức Phật bảo rằng: Có thể trao cho. Ngài thuyết kệ rằng:

Trăm ngàn vạn châu báu ngọc ngà,
Mang ra để thực hành bố thí
Không bằng vốc một nắm đất cát,
Tâm cung kính sửa sang tháp Phật.

Bấy giờ Đức Thế tôn vì cung kính đối với đức Phật quá khứ, liền tự mình làm lễ, các Tỳ-kheo cũng lễ lạy, đức Phật thuyết kệ rằng:

Người tích góp trăm ngàn vàng ngọc,
Mang ra để thực hành bố thí
Không bằng một niệm tâm tốt lành,
Cung kính lễ lạy tháp thờ Phật.

Bấy giờ các Tỳ-kheo liền mang hương hoa đến dâng cúng Đức Thế tôn, bởi vì cung kính đức Phật quá khứ, nên liền mang đến cúng dường tháp thờ, đức Phật liền thuyết kệ rằng:

Trăm ngàn cỗ xe chở vàng ròng,
Mang ra để thực hành bố thí
Không bằng một niệm tâm tốt lành,
Đem hương hoa cúng dường tháp Phật.

Lúc bấy giờ đại chúng vân tập. Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Thầy hãy thuyết pháp cho mọi người! Đức Phật thuyết kệ rằng:

Vàng ròng chứa đầy trăm ngàn cõi,
Đem bố thí cho mọi chúng sinh,
Không bằng bố thí một lời pháp,
Tùy thuận khiến luôn luôn tu hành.

Bấy giờ trong pháp hội có người đắc đạo, đức Phật thuyết kệ rằng:

Trong trăm ngàn thế giới bao la,

Chứa đầy vàng ròng đem bố thí
Không bằng bố thí một lời pháp,
Tùy thuận thấy rõ ràng chân đế".

Lại trong kinh Pháp Cú Dụ nói: "Xưa thời đức Phật tại thế, Ngài bảo một vị la hán tên là Tu Man, mang tóc và móng tay của Phật đến trong núi phía Nam thuộc nước Kế Tân xây tháp thờ Phật, trong chùa thường có năm trăm La hán, sớm tối tháp hương nhiễu tháp lễ lạy. Lúc ấy trong núi có bầy khỉ năm trăm con, thấy các vị Tăng nhiễu tháp lễ lạy cúng dường, liền cùng nhau vác đá bắt chước Tăng làm tháp đi vòng quanh lễ lạy. Lúc bấy giờ Trời mưa, nước trên núi chảy xuống bất ngờ dâng cao, năm trăm con khỉ bị dìm chết ngay một lúc, đầu thai lên cõi Trời đao lợi, cung điện bảy báu đồ sộ nguy nga rộng lớn, mọi thứ ăn tự nhiên vui sướng vô cùng. Đã được sanh lên cõi Trời thì tất cả tự nghĩ rằng: chúng ta vì sao được sanh đến nơi này? Bèn dùng thiên nhãn quan sát thấy thân đời trước, làm loài khỉ trong núi, vì bắt chước chúng Tăng mà chơi trò làm tháp, bị nước trên núi chảy xuống cuốn trôi mà chết rồi sanh đến nơi này, lập tức cùng nhau ôm hương hoa, từ cõi Trời xuống trần đến cúng dường những xác chết. Quay về đến nơi đức Phật lễ lạy thưa hỏi. Đức Phật thuyết pháp cho nghe, năm trăm Thiên Tử ngay trong một lúc đều đắc quả Tu-đà-hoàn. Đã đắc quả rồi cùng nhau trở về trên cõi Trời. Bầy khỉ bắt trước Tăng chúng chơi trò làm tháp, hãy còn đạt được phước báo to lớn như vậy, huống là đối với người tín tâm xây dựng tháp thờ mà lẽ nào không có quả báo?

Lại trong kinh Thí Dụ nói: "Xưa kia sau khi đức Phật Niết-bàn, trong nước của vua A Dục có người tên Ca La Việt, phước đức của người ấy hiếm có ở thế gian, ý niệm có nhu cầu gì thì theo ý nghĩ liền xuất hiện. Nhà cửa của người ấy làm thành từ bảy thứ báu, phụ nữ trong nhà đoan chánh xinh đẹp vô cùng, ngày đêm hưởng thụ khoái lạc sung sướng không ai sánh bằng. Người ấy tín tâm thường xuyên cúng dường cho hơn hai vạn vị Tăng, vua A Dục nghe chuyện liền triệu đến gặp mặt, nhà vua nói với người ấy rằng: Nghe khanh rất giàu vậy thì trong nhà có vật gì? Liền thưa với nhà vua rằng: trong nhà không hề có gì. Nhà vua không tin điều ấy, bèn sai người xem xét. Sứ giả đến chỉ thấy nhà cao bảy lớp, phòng ốc lầu đài trang nghiêm bằng bảy thứ báu đồ sộ nguy nga vô cùng. Sứ giả đi vào trong nhà không thấy vật gì khác, chỉ trông thấy phụ nữ đoan chánh xinh đẹp vô cùng. Sứ giả thấy rồi trở về đem mọi điều trình bày với nhà vua, ý nhà vua dần dần hiểu ra. Lúc ấy Ca La Việt biết nhà vua đã hiểu, liền đến trước nhà vua đưa tay chỉ

về phía đông, lập tức giữa hư không tuôn mưa bảy báu không thể nào hạn lượng được, chỉ về ba phía còn lại cũng giống như vậy. Nhà vua trông thấy mới biết là có phước đức to lớn. Nhà vua bèn đến chùa thỉnh cầu thưa hỏi về điều này. Trong chùa có vị Thượng tọa đạt đến quả vị A-la-hán đầy đủ tam minh lục thông. Nhà vua hỏi thượng tọa: Ca La Việt này đời trước gieo trồng phước thiện gì? Mà cần thứ gì thì tự nhiên theo ý nghĩ liền xuất hiện như vậy? Thượng tọa trả lời nhà vua: Chính là trong chín mươi mốt kiếp quá khứ xưa kia, sau khi đức Phật Tỳ-bà-thi nhập Niết-bàn, lúc bấy giờ Ca La Việt và bốn người khác cùng nhau xây dựng tòa tháp, dụng tâm rất thiết tha, xây dựng tòa tháp hoàn thành rồi, lại dùng bảy thứ báu và chọn lấy hoa đẹp nhất đem lên trên đỉnh tòa tháp, từ bốn phía rải xuống để mà cúng dường, phát thệ nguyện rằng: Khiến cho con đời đời nuôi dưỡng phước thiện tự nhiên luôn luôn không đoạn tuyệt. Nhờ công đức này, từ lúc ấy cho đến bây giờ suốt trong chín mươi mốt kiếp không rơi vào đường ác, sanh trên cõi Trời hay giữa loài người nuôi dưỡng phước thiện tự nhiên vui sướng vô cùng vô tận. Lúc bấy giờ chỉ nguyện nuôi dưỡng phước thiện vô tận mà không nguyện độ thoát, vì vậy cho đến ngày nay chỉ có hưởng thụ phước thiện thù thắng chứ không đạt được dấu tích của đạo”.

Còn trong kinh Đại Bi nói: Đức Phật bảo với A nan: Nếu như người say đắm theo quả báo ở ba cõi, đối với phước điền của Phật nếu thực hành bố thí cùng với các thiện căn khác. Nguyện cho mình đời đời không nhập Niết-bàn. Dùng thiện căn này mà không nhập Niết-bàn, thì điều này không thể có. Bởi vì người này tuy không mong cầu Niết-bàn, nhưng mà đối với Phật đã gieo trồng các thiện căn, Ta nói người này chắc chắn nhập Niết-bàn”.

Lại trong kinh Bách Duyên nói: “Xưa kia thời đức Phật tại thế, trong thành Xá-vệ có một Trưởng giả, nhà ấy rất giàu, tiền của châu báu vô lượng không thể nào tính đếm được. Sanh ra một bé trai đoan chánh tuyệt vời hiếm có ở thế gian, hai tay đứa bé ấy đều nắm đồng tiền vàng, lấy rồi vẫn xuất hiện không hề có chuyện cùng tận. Cha mẹ hoan hỷ nhân đó đặt tên cho con, gọi là Bảo thủ, tuổi dần dần lớn lên tâm hồn Từ bi hiếu thuận, rất thích bố thí. Có người đến cầu xin thì duỗi hay tay mình ra lấy tiền vàng mà đưa cho họ. Sau đó cùng với nhiều người ra ngoài thành dạo chơi ngắm nhìn, đi về phía trước đến Tinh xá Kỳ-hoàn trông thấy đức Phật tướng tốt trang nghiêm, trong lòng hoan hỷ cúi đầu lễ lạy thỉnh cầu đức Phật và Tỳ-kheo Tăng, nguyện xin tiếp nhận sự cúng dường của mình. A nan nói rằng; Thiết lễ cúng dường cần

phải có tiền bạc! Thế là bảo thủ duỗi hai tay ra, tiền vàng rơi xuống như mưa, trong chốc lát đầy mặt đất, gom lại thành đống cao hơn hình người. Đức Phật bảo A nan lấy đem lo chuyện cúng dường. Dùng cơm xong xuôi, đức Phật thuyết pháp cho nghe liền đạt đến quả Tu-đà-hoàn, trở về Từ biệt cha mẹ cầu xin xuất gia. Đã xuất gia rồi đạt được quả vị A-la-hán. A nan thấy đầu đuôi sự việc rồi thưa với đức Phật rằng: Tỳ-kheo Bảo Thủ đời trước gieo trồng phước thiện gì mà sanh vào dòng họ giàu có, tay có tiền vàng lấy không bao giờ hết, lại được gặp Thế tôn mà xuất gia đắc đạo như vậy? Đức Phật bảo với A nan: Xưa kia sau khi Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, có vị vua tên Ca sí, thâu góp Xá-lợi của Phật xây tòa tháp bằng bốn thứ báu thờ phụng. Lúc ấy có Trưởng giả trông thấy tòa tháp tâm sanh tủy hỷ mang một đồng tiền vàng đặt vào dưới chân tháp, phát nguyện mà đi. Nhờ vào công đức này không rơi vào đường ác, sanh trên cõi Trời hay trong loài người thường có tiền vàng cầm theo hưởng thụ phước thiện vui sướng, cho đến hôm nay được gặp Ta mà xuất gia đắc đạo".

Lại trong kinh Bách Dụ nói: "Thời đức Phật tại thế, trong thành Ca-tỳ-la vệ có một Trưởng giả, tiền của châu báu vô lượng. Vợ của Trưởng giả mang thai sinh ra một bé trai, dung mạo đoan chánh hiếm có ở thế gian. Nhưng lúc cậu bé ra đời trên đỉnh đầu tự nhiên xuất hiện Bảo cái bằng ngọc ma ni che phủ trên kinh thành. Cha mẹ hoan hỷ nhân đó đặt tên cho cậu bé, gọi là bảo Cái. Dần lớn lên được gặp Phật xuất gia đắc quả La hán. Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: trong chín mươi mốt kiếp quá khứ kia, có đức Phật xuất thế danh hiệu Tỳ-bà-thi, sau khi ngài di chuyển thần thái nhập Niết-bàn, có vị Quốc vương tên là Bàn Đầu Mạt Đế, thâu gom được Xá-lợi xây tòa tháp bằng bốn thứ báu, cao một do tuần, chí thành cúng dường thờ phụng. Lúc ấy có người chủ buôn đi vào biển thu thập vật báu trở về được an lành, liền đem ngọc quý ma ni đặt trên đỉnh tòa tháp ấy, phát nguyện mà đi. Nhờ vào công đức này trong chín mươi mốt kiếp không rơi vào đường ác, tranh lên cõi Trời hay trong loài người thường có tàn che quý báu, cùng đi theo mà xuất hiện. Cho đến hôm nay gặp ta mà xuất gia đắc đạo. Đại chúng nghe đức Phật giảng thuyết xong hoan hỷ vâng mạng thực hành".

Lại trong kinh Bách Duyên nói: "Thời đức Phật tại thế, trong thành Ca-tỳ-la vệ có một Trưởng giả, tiền của châu báu vô lượng không thể tính đếm được. Vợ Trưởng giả sanh được một bé trai, đoan chánh tuyệt vời hiếm có giữa thế gian, trên đỉnh đầu tự nhiên có hạt ngọc ma ni. Lúc ấy cha mẹ nhân dịp đặt tên cho con, gọi là Bảo Châu. Tuổi dần lớn lên

gặp được đức Phật cầu xin xuất gia đắc quả A-la-hán. Lúc đi vào kinh thành khất thực, thì ngọc quý vốn có ở trên đỉnh đầu, dân chúng trong thành cảm thấy có vấn đề kỳ lạ ấy, tranh nhau đến xem. Bảo Châu tự mình vô cùng xấu hổ quay về trú xứ thưa bày rõ ràng: Thưa Đức Thế tôn! Nay trên đầu con có ngọc quý này không thể nào làm cho mấy đi, hôm nay con đi khất thực bị người ta trêu ghẹo cười cợt, nguyện xin Đức Thế tôn có cách nào làm cho mất đi ngọc châu này giúp con!

Đức Phật bảo với Tỳ-kheo: Thầy chỉ nói với Bảo Châu rằng phần mạng kiếp này của tôi đã hết lại không cần đến ngọc châu nữa. Nói ba lần như vậy thì ngọc châu tự nó sẽ không còn! Tỳ-kheo vâng lời dạy thì ngọc châu quý báu không còn xuất hiện. Lúc ấy các Tỳ-kheo thỉnh cầu đức Phật thuyết cho biết về nhân duyên túc nghiệp. Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: Trong chín mươi mốt kiếp quá khứ trước kia, có đức Phật xuất thế danh hiệu Tỳ-bà-thi, sau khi ngài nhập Niết-bàn, lúc ấy có Quốc vương tên gọi Bàn Đầu mạt đế, thâu lại Xá-lợi của Phật xây tòa tháp bằng bốn thứ báu, cao một do tuần, chí thành thờ phụng cúng dường. Lúc vị Quốc vương ấy đi vào tháp lễ bái, mang một viên ngọc quý ma ni gắn vào trên đỉnh tháp, phát nguyện mà đi. Nhờ vào công đức này trong chín mươi mốt kiếp không rơi vào ba đường ác, sanh trên cõi Trời hay trong loài người thường có ngọc quý xuất hiện nằm ở trên đỉnh đầu, hưởng thụ phước báo cõi Trời vô cùng vui sướng, cho đến bấy giờ được gặp Phật mà xuất gia đắc quả A-la-hán. Các Tỳ-kheo nghe rồi hoan hỷ vâng mạng thực hành”.

Thứ năm- **PHẦN HOÀN NHIỄU**

Như kinh Bồ-tát Bổn Hạnh nói: “Xưa kia vào thời đức Phật tại thế, đức Phật và A nan đi vào trong thành Xá-vệ mà lần lượt khất thực. Lúc ấy trong thành có một Bà-la-môn, từ nơi khác mà đi đến, trông thấy đức Phật ra ngoài thành mà tướng mạo sáng chói uy nghi vô cùng, thì Bà-la-môn hoan hỷ nhảy lên mừng rỡ, đi quanh đức Phật một vòng làm lễ mà đi. Đức Phật thì mỉm cười bảo với A nan rằng: Bà-la-môn này trông thấy đức Phật mà hoan hỷ, đem tâm thanh tịnh đi quanh Phật một vòng, nhờ công đức này từ đây về sau trong hai mươi lăm kiếp không rơi vào được ác, sanh lên cõi Trời hay trong loài người được vui sướng vô cùng tận, cuối kiếp hai mươi lăm trở thành vị Bích-chi-Phật, tên gọi Trì Quán Na kỳ lê. Vì nhân duyên này nếu như người nào đi quanh đức Phật và đi quanh tháp Phật thì nơi mình sinh ra có được vô lượng phước thiện”.

Lại trong kinh Đề Vị nói: "Trưởng giả Đề Vị thưa với đức Phật rằng: Tung hoa thắp hương-chong đèn-lễ lạy, chính là cúng dường; đi vòng tháp có được phước thiện như thế nào, con xin được biết! Đức Phật dạy: Đi vòng quanh tháp có năm phước đức: Một là đời sau được sắc thân đoan chánh tốt đẹp, hai là được thanh âm trong trẻo, ba là được sanh lên cõi Trời, bốn là được sanh trong gia đình Vương hầu cao quý, năm là đạt được thọ quả Niết-bàn. Nhân duyên gì có được sắc thân đoan chánh tốt đẹp? Bởi vì Trông thấy hình tượng đức Phật mà hoan hỷ. Duyên gì có được thanh âm trong trẻo? Bởi đi vòng quanh tháp mà thuyết kinh. Duyên gì được sanh lên cõi Trời? Bởi vì đang lúc đi vòng quanh tháp thì ý không phạm giới. Duyên gì được sanh trong gia đình Vương Hầu cao quý? Bởi vì đầu mặt lễ lạy dưới chân Phật. Duyên gì đạt được đạo quả Niết-bàn? Bởi vì có phước thiện vô lượng, đức Phật dạy: Đi vòng quanh tháp có ba pháp: Một là lúc chân đưa lên thì nên nghĩ đến chân đưa lên, hai là lúc chân đặt xuống thì nên nghĩ đến chân đặt xuống, ba là không được quay nhìn hai bên-không được khạc nhổ trên đất trong chốn chùa tháp. Vòng quanh về bên phải, trong kinh luật chế định khiến vòng quanh về bên phải, nếu như đi vòng quanh về bên trái thì bị thần linh quở trách, thậm chí vòng quanh về bên trái thì các loại cỏ cây (Mạch tích) tầm thường cũng chỉ trích, ấy là uổng phí công sức của mọi người rồi! Người hành sự thời nay, thuận theo điều kiện khí hậu thì xoay chuyển theo hướng Tây bắc, vai bên phải để trần cánh tay hướng về đức Phật mà tỏ lòng cung kính. Hoặc là vòng quanh một trăm vòng-bảy vòng-ba vòng, đều có sự biểu hiện. Tạm thời nói về thông thường đi quanh ba vòng, ấy là biểu hiện cúng dường Tam bảo-ngăn lại ba độc, làm sạch ba nghiệp-trừ diệt ba đường ác, được gặp Tam bảo".

Kệ trong kinh Pháp Hoa nói:

Bắt đầu muốn vòng quanh tháp,
Nên cầu nguyện cho chúng sinh
Bố thí thực hành phước thiện,
Cuối cùng thông suốt ý đạo
Đi vòng quanh tháp ba vòng,
Nên cầu nguyện cho chúng sinh
Ý niệm luôn luôn hướng về,
Vĩnh viễn đoạn tuyệt ba độc.

Còn trong kinh Hiền Giả Ngũ Giới nói: "Vòng quanh tháp ba vòng là biểu thị cung kính Tam bảo: 1- Phật; 2-Pháp; 3- Tăng. Cũng nghĩ đến diệt trừ ba độc: 1- Tham; 2- Sân; 3- Si". Còn trong Tam Thiên oai nghi

nói: “Vòng quanh tháp có năm sự việc: 1- Cúi đầu nhìn xuống đất, 2- Không được giẫm đạp sâu bọ 3- không quay nhìn trái phải; 4- Không được khạc nhổ trên đất trước tháp, 5- Không được dừng lại giữa chừng nói chuyện cùng với người khác”.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 38

Thiên thứ 35: KÍNH THÁP (Tiếp theo)

***Thứ sáu-* PHẦN CỐ THÁP**

Dựa theo Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: “Làm mới không bằng sửa sang cũ, làm phước không bằng ngừa tai họa”. Lời này kinh nghiệm quá rồi! Hoặc có thôn xóm tháp miếu, chùa cổ, già lam, điện thờ hư hoại mục nát phòng ốc sụt lở tàn tạ, tường tre cửa tranh không ngăn được bụi khói, mái cỏ phên tranh không che nổi sương lạnh, vì vậy tường nhà hư hoại điêu linh, rác rưởi dơ bẩn đầy thềm, đường xá vắng dấu tích người; Tăng đồ hời hợt nương nhờ, không tu sửa không tô điểm, càng ngày càng thêm suy sụp. Tạo nhiều tội lỗi oan khiên không lúc nào tạm bỏ, đêm u ám đèn nến vốn tự mình không thắp, ban ngày sáng sủa cờ hoa xưa nay chẳng trông thấy, điện thờ mất hẳn Phạm Bối-lò hương lạnh lẽo Hải Đàn, liền khiến cho ác quỷ lộng hành-thiện thần rời bỏ, chốn già lam không còn vững vàng-dứt khoát vì Tăng đồ khinh mạn, Phật pháp đã suy cũng bởi vì hàng tín đồ không cung kính. Điều này mà không lo lắng lại còn mong cầu điều gì đây?

Còn trong kinh Bảo Lương nói: “Có một Hiền giả, trên khuôn mặt có nét làm quốc vương, thầy tướng trông thấy rồi gả con gái cho làm vợ, về sau Hiền Giả vào trong chùa Tăng dựa cây gậy trên tường già lam, sinh tâm kiêu mạn cho nên mất đi tướng quý ấy mà rơi vào đại địa ngục”.

Lại trong kinh Tát Già nói: “Hoặc chê bai chùa tháp và các hình tượng gây trở ngại chuyển đến đặt vào nơi khác, người ác hiểm như vậy, thâu nhiếp vào trong phạm vi chúng sanh ác nghịch, trừng trị ở mức Thượng phẩm ác”.

Lại trong kinh Thập Luân nói: “Nếu như người phá hoại chùa tháp-giết hại Tỳ-kheo, thì khi người ấy chấm dứt thọ mạng các bộ phận trong thân thể đều đau đớn, nhiều ngày không nói được, chết đoạ vào

địa ngục A tỳ nhận chịu tất cả các nỗi khổ đau".

Lại trong Tam Thiên Oai Nghi nói: "Quét dọn trong tháp có năm sự việc: 1- Không được mang giày dép đi vào; 2- Không được quay lưng về phía Phật mà quét tháp; 3- Không được lấy đất tốt lành phía trên bỏ xuống dưới; 4- Không nên lấy hoa cũ đặt trước hình tượng đức Phật, 5- Nên sáng sớm rửa tay sạch sẽ tự mình cầm khăn lau chùi lại hình tượng đức Phật. Lại có năm sự việc: 1- Nên trước tiên vẩy nước trên đất; 2- Nên làm cho điều hòa; 3- Nên đợi cho khô ráo; 4- Không quét ngược gió; 5- Không được quét dọn ngược chiều gió. Lại có năm sự việc: 1- không được trừ bỏ đất tốt lành; 2- Nên tự tay mình thu dọn; 3- Nên lấy đất trong tháp đưa đi đặt vào chổ tạm thời; 4- Không được làm cho bốn góc nơi quét dọn có dấu vết; 5- Quét phía trước tháp khoảng sáu bước chân khiến cho sạch sẽ". (Đây là dựa vào công việc cho nên hạn định khoảng chừng sáu bước chân, nếu công việc rãnh rang thì vui vẻ quét nhiều hơn càng tốt vậy).

Lại trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Nếu có chúng sinh tâm thanh tịnh cúng dường chúng Tăng quét dọn tháp thờ Như lai, thì mạng chung sanh đến cõi Trời Ý Táo, thân không có xương thịt cũng không có bụi bẩn dính mắc, mùi thơm có thể làm tỏa một trăm do tuần, thân hình ấy sạch sẽ trong sáng giống như gương sáng ngời".

Lại trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Nếu có chúng sinh nhận thức được phước điền, thấy có tháp Phật bị gió mưa làm hư hoại, hoặc là phòng ốc Tăng chúng, dùng tâm phước đức sửa sang tu bổ lại; lại chỉ dẫn người khác khiến cho sửa sang lại tháp cũ, thì mạng chung sanh đến cõi Trời Bạch Thân, thân thể ấy tươi sáng đi vào rừng san hô, cùng với các Thiên nữ tự nhiên hưởng thụ ngũ dục, nghiệp hết vẫn trở lại. Nếu sanh giữa loài người thì thân người ấy luôn tươi sáng đẹp đẽ".

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: "Nếu quét dọn Tăng phòng cả cõi Diêm-phù-đề này, không bằng quét dọn tháp Phật chỉ bằng một bàn tay".

Lại trong Soạn Tập Bách Duyên Kinh nói: "Quét sạch đất đai có được năm công đức: 1-Tự trừ bỏ tâm cấu trược; 2- Trừ bỏ cấu trược cho người khác; 3-Không còn kiêu mạn; 4- Điều phục được tâm; 5- Tăng trưởng công đức được sanh vào nơi tốt lành".

Lại trong kinh Vô Cấu Thanh Tịnh Nữ Vấn nói: "Quét sạch đất đai có được năm công đức: 1- Tâm mình thanh tịnh người khác thấy sinh khởi tâm tư thanh tịnh; 2- Được người khác yêu mến; 3- Tâm tự nhiên hoan hỷ; 4- Quy tụ nghiệp cảm đoan chánh; 5- Mạng chung sanh trong

đường thiện Trời người."

Lại trong kinh Sa-di Oai Nghi nói: "Quét đất có năm pháp: 1- Không được làm trái với người khác; 2- Không được quét ngược gió; 3- Nên làm cho sạch sẽ; 4- Không được để lại dấu vết; 5- Nên thu dọn đem đi".

Lại trong kinh Tăng Nhất A hàm nói: "Quét dọn tháp Phật có năm pháp: 1- Dùng nước vẩy trên đất; 2- Dẹp sạch gạch đá; 3- Làm bằng phẳng mặt đất nơi tháp thờ; 4- Ý nghiêm túc quét dọn; 5-Dọn dẹp những vật dơ bẩn, tháp đã sạch sẽ rồi, thuậntheo khả năng mang một cành hoa-một làn hương đặt vào trong tháp cúng dường thì có được vô lượng phước thiện".

Vì vậy kinh Hoa Nghiêm có kệ nói:

Rải hoa trang nghiêm làm cho thêm sáng ngời thanh tịnh
Dùng hoa tuyệt diệu trang nghiêm để làm thành màn che
Rải các loại hoa xen lẫn rực rỡ khắp mọi nơi
Tâm thành cúng dường hết thảy chư Phật trong mười phương.

Lại trong kinh Bách Duyên nói: "Xưa kia thời đức Phật tại thế. Ngài cùng với các Tỳ-kheo đi đến bên bờ sông Căng già, trông thấy một tòa tháp cổ hư hoại sụt lở, các Tỳ-kheo thưa hỏi đức Phật đây là tháp gì mà cũ nát hư hoại như vậy? Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: Trong hiền kiếp này có vua Phạm Ma Đạt thống lĩnh đất nước Ba-la-nại, lấy chánh pháp trị nước cảm hóa nhân dân, nhưng không có con nối dõi, cúng tế các vị thần linh cầu xin có con nối dõi, vất vả lắm nhưng không thể nào có được. Lúc ấy trong lãnh thổ của nhà vua có một hồ nước mọc lên một đóa sen, giữa đài hoa ấy có một đứa bé ngồi xếp bằng tròn, có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, miệng tỏa ra hương thơm của hoa Ưu bát la, các lổ chân lông trên thân tỏa ra hương thơm chiên đàn. Nhà vua và phi hậu trông thấy vô cùng hoan hỷ, liền ẵm về cung nuôi nấng dần dần lớn lên, thuận theo những nơi đi qua đều có hoa sen nâng bước, nhân hương thơm đặt tên cho con là Chiên đàn hương. Sau đó bất ngờ hiểu ra thành vị Bích-chi-Phật, thân vút lên giữa hư không thị hiện 1tám loại biến hóa. Sau khi nhập Niết-bàn, nhà vua thu nhặt Xá-lợi xây tháp cúng dường, chính là toà tháp ấy vậy. Các Tỳ-kheo thưa hỏi đức Phật: Xưa kia gieo trồng phước thiện gì mà nhận quả báo nầy vậy? Đức Phật bảo với Tỳ-kheo: Chính là xưa kia vào thời đức Phật Câu lân tôn ở quá khứ, có một con trai Trưởng giả rất ham thích dâm sắc, gặp một dâm nữ tâm sinh ra say đắm, không có tiền của có thể tặng cho, liền vào trong tháp lấy trộm hoa tặng cho dâm nữ, thế là cùng nhau ngủ lại qua đêm,

đến sáng thì thân thể phát ra vết lở tệ hại, đau đớn không thể nào nói được. Gọi thầy thuốc chữa trị, thầy thuốc xem qua nói rằng: Cần phải có Ngưu Đầu Chiên Đàn dùng để xoa trên vết lở thì có thể trừ khỏi! Lúc ấy con trai Trưởng giả liền bán nhà cửa có được sáu mươi vạn đồng tiền vàng, đem mua hương thơm vừa được sáu lạng đúng, nghĩ rằng dùng để xoa trên vết lở, tâm tự tư duy liền nói với thầy thuốc rằng: nay tôi gặp tai họa chính là tâm bệnh! Liền đêm Ngưu đầu Chiên đàn đã mua được, giã nhỏ thành bột, đưa vào trong tháp ấy phát thệ nguyện rằng: Xưa kia Đức Như lai tu những hạnh khổ hạnh, thề cứu độ chúng sinh trừ mọi ách nạn cho họ, thân này của con bây giờ rơi vào một trong những chúng sinh, chỉ nguyện xin đức Thế tôn Từ bi thương xót trừ bỏ tai họa này cho con! Phát lời thệ này xong dùng hương thơm xoa lên tòa tháp, để bồi thường giá trị của đóa hoa, chí tâm cúng dường cầu xin sám hối. Vết lở được lành hẳn, các lổ chân lông trên thân thể có mùi hương Chiên đàn, ngửi mùi hương này rồi hoan hỷ lễ lạy phát nguyện mà đi. Nhờ vào công đức này mà không rơi vào đường ác, sanh trên cõi Trời hay trong loài người thường thụ hưởng vui sướng, tùy theo những nơi đi qua đều có hoa sen nâng bước, các lổ chân lông trên thân thể thường tỏa ra hương thơm. Vì vậy người hiểu biết nên cố gắng học theo như vậy!”

Cón trong kinh Tiểu Pháp Diệt Tận nói: “Sau này vào lúc kiếp Hỏa dấy lên, đã từng làm cho chốn già lam không bị lửa cháy, cho đến giới hạn Kim cang làm thành đài cao”.

Lại trong kinh Bồ-tát Bổn Hạnh nói: “Xưa kia thời đức Phật tại thế, Ngài bảo với năm trăm A-la-hán: Tất cả các hãy nói về công hạnh vốn có-công đức đã làm ở đời trước, và nhân duyên này được gặp Ta xuất gia đắc đạo! Lúc ấy có A-la-hán tên gọi Bà kiệt đa lê, liền từ chổ ngồi đứng dậy thưa với đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn! Con ngờ quá khứ vô ương số kiếp có đức Phật xuất thế, danh hiệu là Định Quang, sau khi ngài nhập Niết-bàn phân bố Xá-lợi xây tháp cúng dường. Lúc pháp sắp đến thời kỳ cuối cùng có một người nghèo khổ, không có cách nào tự cứu giúp mình mà bán củi làm nghề sinh sống, đến bên hồ hái củi, từ xa trông thấy giữa hồ có một chùa tháp, rất là đồ sộ nguy nga, liền đến bên tháp nhìn lên thấy hình tượng nên hoan hỷ làm lễ, nhưng thấy nơi này chỉ có chồn cáo và các loài chim thú chạy sinh sống, cỏ cây gai góc dơ bẩn khắp nơi trong đó, xưa nay cách tuyệt không có bóng người lại không có dấu tích đi lại, không có ai cúng dường. Người nghèo khổ nhìn thấy cảnh tượng trong lòng đau buồn, nhưng không hiểu biết gì về uy thần công đức của Như lai, chỉ vì hoan hỷ mà chặt sạch cỏ cây quét

dọn những rác rưởi, quét dọn xong hoan hỷ đi quanh tòa tháp tám vòng làm lễ mà rời xa. Nhờ vào công đức này mà sau khi mạng chung sanh lên cõi Trời Quang Âm, cung điện bằng các thứ báu sáng ngời rực rỡ, ở giữa chư Thiên nguy nga tráng lệ thù thắng nhất không thể nói hết. Hết thọ mạng ở cõi Trời sau đó lại trải qua một trăm đời làm Chuyển-luân-vương, bảy báu tự nhiên đứng đầu trong Tứ Thiên hạ. Về sau lại hết thọ mạng thường sanh vào nhà Trưởng giả và dòng họ lớn thuộc hàng Quốc vương, tiền bạc của cải nhiều vô lượng, dung nhan đoan chánh vô cùng tuyệt diệu không ai sánh được, mọi người trông thấy không có ai không kính mến, lúc muốn đi lại thì đường sá tự nhiên sạch sẽ, giữa hư không mưa xuống các thứ hoa. Bà kiệt đa lê nói: Người nghèo khổ xưa kia nay chính là thân con, bởi xưa kia quét dọn tháp thờ nên nơi sanh ra tự nhiên tốt đẹp, trong một A-tăng-kỳ suốt chín mươi kiếp không rơi vào đường ác, trên cõi Trời hay giữa loài người thường được giàu sang cao quý tự nhiên hưởng thụ vui sướng vô cùng. Thân cuối cùng này được gặp đức Phật Thích Ca, xả bỏ giàu sang xuất gia đắc quả A-la-hán, đầy đủ tam minh lục thông và bát giải thoát. Nếu có người nào có thể đối với Phật pháp Tăng làm một chút thiện nghiệp nhỏ bé chỉ bằng mảy lông sợi tóc, nơi mình sanh ra được hưởng phước báo to lớn không có tận cùng".

Lại trong kinh Thí Dụ nói: "Thái tử Kỳ-Đà xưa kia ở thời đức Phật Tỳ-bà-thi, bố thí một người nô tỳ để lo việc quét dọn chùa miếu. Nhờ vào công đức này mà đời đời thường được ở trong cung điện bảy báu, hai bên cửa nhà thường tự nhiên có vàng bạc, trai gái bưng bát bằng vật báu trong đó chứa đầy bảy báu lấy dùng không hề cạn kiệt, trong đêm thường tự nhiên có năm trăm thiên binh cưỡi ngựa, tuần hành bảo vệ cung điện ấy, không có ai dám đến gần. Bảy thứ báu của luân vương là: 1- Bánh xe vàng quý báu; 2- Voi trắng quý báu, 3- Ngựa đen pha hồng quý báu, 4- Ngọc thần quý báu, 5- Ngọc nữ quý báu, 6- bề tôi chủ quản kho tạng quý báu, 7- Vị thần chủ quản binh lính quý báu".

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: "Xưa kia trong thành Xá-vệ có một Trưởng giả đã xây dựng chùa tháp, sau đó mạng chung sanh lên cõi Trời Đao Lợi. Người vợ ngày đêm nhớ đến chồng mình cho nên ưu sầu khổ sở vô cùng. Bởi vì nhớ đến chồng cho nên thường xuyên quét dọn sửa sang chùa tháp mà chồng mình đã xây lên. Người chồng nhìn xuống trông thấy liền đi đến bên người vợ, thăm hỏi an ủi mà nói với người nữ rằng: Nàng nhớ tôi cho nên ưu sầu lắm chăng? Người vợ liền nói rằng: Ông là ai vậy? Người chồng vẫn trả lời rằng: Tôi là chồng của nàng, nhờ nhân duyên công đức làm chùa tháp mà được sanh lên cõi

Trời, thấy nàng nhớ tôi tu sửa chùa tháp, cho nên đến bên nàng. Người vợ nói: Hãy lại gần thiếp! Người chồng bèn trả lời rằng: Thân người hôi hám dơ bẩn không thể đến gần được, nàng muốn tiếp tục được làm vợ tôi, thì thường xuyên cúng dường Phật-Tăng và sửa sang quét dọn chùa tháp, nguyện sanh đến cõi Trời tôi đang ở, nếu được sanh lên cõi Trời thì tôi nhất định là vẫn lấy nàng làm vợ. Người vợ làm theo lời chồng nói, làm các công đức phát nguyện sanh lên cõi Trời. Sau đó mạng chung được sanh lên cõi Trời, lại làm vợ chồng bên nhau. Hai vợ chồng cùng dẫn nhau đi đến nơi Đức Phật, Đức Phật thuyết pháp cho nghe, hai vợ chồng đều đắc quả Tu-đà-hoàn. Đã đắc quả rồi vẫn quay về trên cõi Trời".

Lại trong Phân Biệt Công Đức Luận nói: "Xưa kia trong thành Xá-vệ có hai vợ chồng, tuổi lớn mà không có con nối dõi, hai vợ chồng tinh tiến tin thờ cung kính Tam bảo thì người vợ mất trước. Nhờ tin thờ cung kính cho nên sanh lên cõi Trời Đao Lợi, trở thành một Thiên nữ, dung mạo đoan chánh giữa cõi Trời ít người sánh được. Thiên nữ tự nghĩ rằng: Mình vô cùng đoan chánh, nay ở thế gian này người nào nhận làm chồng mình? Bèn dùng Thiên Nhãn quan sát trông thấy chồng cũ, nay đã xuất gia tuổi già tối trí chỉ có niềm tin mà thôi, thường ngày chịu khó quét dọn tháp miếu sạch sẽ làm công việc của mình. Thấy người quét dọn tháp miếu ấy nhất định sẽ sanh lên cõi Trời, Thiên nữ tìm xuống thăm, ánh sáng chiếu rọi rực rỡ đứng trước mặt người chồng Tỳ-kheo ấy trông thấy rồi hỏi về nhân duyên việc đó, Thiên nữ trả lời rằng: Thiếp là vợ chàng, nay làm Thiên nữ, thiếp quan sát trên cõi Trời không có ai nhận làm chồng thiếp, trông thấy chàng tinh tiến thường xuyên chịu khó quét dọn tháp miếu, nhất định sẽ sanh lên cõi Trời. Nếu được sanh lên cõi Trời thì nguyện chung một nơi vẫn làm chồng của thiếp, vì vậy cho nên đến đây nói rõ tình trạng ấy. Ý bày tỏ đã xong lại trở về trên cõi Trời. Lúc ấy người chồng là Tỳ-kheo thấy sự việc này rồi, từ đó về sau tinh tiến hơn nhiều, tu bổ tháp miếu tích góp công đức càng tốt đẹp hơn, sẽ sanh lên cõi Trời Đâu Suất thứ tư. Thiên nữ nhớ chồng lại đến nói rằng: Phước thiện của chàng chuyển sang tốt đẹp hơn nên sẽ sanh lên cõi Trời Đâu Suất, nay thiếp không thể có được chàng làm chồng! Nói xong liền trở về. Tỳ-kheo nghe rồi lại càng tinh tiến hơn, liền đạt được quả vị A-la-hán, đầy đủ tam minh-lục thông và bát giải thoát"

Lại trong kinh Bách Duyên nói: "Thời Đức Phật tại thế, trong thành Ca-tỳ-la vệ có một Trưởng giả, tiền bạc châu báu vô lượng, người vợ sanh được một bé trai, đoan chánh tuyệt vời ai thấy cũng kính mến

ngưỡng mộ, dần trưởng thành được gặp đức Phật cầu xin xuất gia đắc quả A-la-hán. Bấy giờ đức Phật với các Tỳ-kheo: Chính là chín mươi mốt kiếp quá khứ xưa kia, có đức Phật xuất thế danh hiệu Tỳ-bà-thi, sau khi Ngài nhập Niết-bàn, có vị Quốc vương tên gọi Bàn đầu mạt đế, thâu góp được Xá-lợi bèn xây tòa tháp bằng bốn thứ báu mà thờ phụng cúng dường. Về sau có phần hư hoại, có một Đồng tử đi vào tháp trông thấy nơi hư hoại này, vui vẻ hòa nhã tụ tập kêu gọi mọi người cùng nhau sửa sang tòa tháp, phát nguyện mà đi. Nhờ vào công đức này trong chín mươi mốt kiếp không rơi vào địa ngục ngạ quỷ súc sanh, thường sanh trên cõi Trời và trong loài người hưởng phước thiện vui sướng vô cùng, luôn luôn được Trời người trông thấy mà sanh lòng kính mến ngưỡng mộ, cho đến bây giờ gặp được Ta mà cầu xin xuất gia đắc đạo. Các Tỳ-kheo nghe đức Phật giảng thuyết xong hoan hỷ vâng mạng thực hành".

Tụng rằng:

Thân để lại tám vạn ngôi tháp,
Vật báu trang hoàng cao trăm trượng
Hình dáng Phượng hoàng khác chim thần,
Mâm vàng thay thế bàn tay Tiên
Tích lũy vây quanh góc chạm khắc,
Thềm cao giăng mạng lưới trên cây.
Đất quý báu như cát trong hồ,
Gió lay chuông vọng như sấm vang
Khắc chạm sinh ra ngàn thay đổi,
Đỏ xanh họa vẽ muôn cảnh tượng
Mây khói rực rỡ luôn ẩn hiện,
Thần tiên thoắt đến loại thoắt đi
Bình minh sương phủ nửa chừng hiện
Cờ phước tung bay chạm Trời cao
Cầu vồng di chuyển không dám nghỉ,
Hạc bay nào có thể ngược lên.
Thánh biến điềm lành không cùng tận,
Cảm phước lẽ nào có ít nhiều
Nguyện cuối thời dựa vào thuyền pháp,
Bờ an lạc ai nói xa xăm?

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra 21 chuyện: 1- Tháp ở huyện Mậu-Cối Kê thời Tây

Tấn; 2-Tháp ở Trường Thiên-Kim Lăng thời Đông Tấn; 3-Tháp ở Đông Thành-Thanh Châu-Thạch Triệu; 4- Tháp ở Bổ Bản-Hà Đông thời Diêu Tần; 5- Tháp ở phía Nam Kỳ Sơn-Kỳ Châu thời Chu; 6- Cổ tháp ở phía Đông thành-Qua Châu thời Chu; 7- Tháp ở chùa Đại thừa trong Thành Sa Châu thời Chu; 8- Tháp ở phía Tây cố đô Lạc Châu thời Chu; 9- Cổ tháp ở Cổ Tang-Lương Châu thời Chu; 10- Cổ tháp ở huyện San Đan-Cam Châu thời Chu; 11- Tháp ở phía Nam Hoắc sơn-Tấn Châu thời Chu; 12- Cổ tháp ở phía Đông thành Đại Châu thời Tề; 13- Tháp ở chùa Phước Cảm-Ích Châu thời Tùy; 14- Tháp ở huyện Tấn Nguyên-ích Châu thời Tùy; 15- Tháp ở chùa Siêu Hoá-trịnh Châu thời Tùy; 16 Tháp ở chùa Diệu Lạc-Hoài Châu thời Tùy; 17- Tháp ở chùa Tịnh Minh-Tính Châu thời Tùy; 18-Tháp ở huyện Du Đổ-Tính Châu thời Tùy; 19-Tháp ở huyện Lâm Hoàng-Nguỵ Châu thời Tùy; 20- Trình bày chung về tháp ở Sơn Xuyên và Hải Đông-Thần Châu; 21- Trình bày xen lẫn về tháp của Tây Vực đã xây dựng.

21 Tháp trên đây, đều là những nơi hành hóa khất thực lúc Như lai tại thế, bởi vì có trẻ nhỏ đùa giởn lấy đất cát làm bột gạo, vốn có giúp đỡ âm thầm tụ hội lấy đất bột để cúng dường Phật, Phật cảm thiện tâm ấy mà thọ nhận đất cát, thọ ký cho trẻ nhỏ này: sau khi Ta diệt độ tròn một trăm năm, có vị vua xuất thế hiệu là A dục làm Thiết Luân vương thống lĩnh Diêm-phù-đề, tất cả quỷ thần đều là thần dân quyến thuộc của nhà vua. Lại sai khiến tất cả quỷ thần trong phạm vi bốn mươi dặm ở trên không trung và dưới mặt đất xây dựng tám tháp trước, Xá-lợi đã có được giao cho các quỷ thần, trong thời gian một ngày một đêm hễ nơi nào có đủ một ức nhà thì dựng lên một tòa tháp, tất cả tính ra có tám vạn bốn ngàn tòa tháp, đầy đủ như kinh trước đã nói, cho nên không ghi lại tất cả. Nay chỉ riêng Thần Châu này tức là thuộc khu vực phía Đông, cho nên phạm vi đất Hán này dựa theo các sách cổ hỏi han tra cứu có hai mươi tòa tháp, đều là do vua A Dục tạo lập. Nếu như tiếp tục đưa ra tất cả, từ khi Phật pháp truyền vào phương Đông đến nay thì đạo-tục cảm ứng thông suốt đã tạo nên, tổng cộng có đến trăm ngàn. Vả lại, thuật về trong số hai mươi mốt tháp vua A Dục tạo lập, cần phải dựa theo hiện tượng cảm ứng, và người cùng thấy nghe sơ lược thuật lại hai mươi mốt điều, còn lại không thể kể hết, đầy đủ như trong truyện ghi lại cụ thể hơn.

Chùa tháp ở huyện Mậu-Cối Kê đầu thời Tây Tấn, nay thuộc về phía Đông-Việt Châu khoảng ba trăm bảy mươi dặm. Ranh giới huyện Mậu, phía Đông cách biển bốn mươi dặm. Huyện ở phía Đông Nam bảy

mươi dặm. Phía Nam cách thôn ngô hai mươi năm dặm. Dựa vào truyện trước kia nói: "Tấn Thái Khang năm thứ hai có Lưu Tát hà là người vùng Ly Thạch-Tính Châu, sanh trong nhà họ Điền săn bắn, làm nghề sinh sống, lâm bệnh chết rồi sống lại nói rằng: Gặp một vị Tăng người Hồ bảo với Tát Hà rằng: Tội lỗi của ông nặng nề phải vào địa ngục, ta thương xót ông không biết gì mà thả ra, nay ở Lạc Hạ-Tề Thành-Đan Dương-Cối kê, đều có cổ tháp và tượng đá nổi trên sông, đều do vua A Dục tạo nên, hãy chịu khó cầu khấn lễ sám thì tránh được khổ nạn này! Sau khi đã tỉnh ngộ, thay đổi thói quen trước kia, xuất gia học đạo, lại gọi là Tuệ Đạt. Như lời dạy đi về phía Nam đến cối kê, tìm kiếm khắp nơi sông biển núi rừng mà không biết đầu mối nơi đâu. Tuệ Đạt đau buồn bế tắc phiền muộn không biết tìm nơi nào tạo dựng, bỗng nhiên vào giữa đêm nghe tiếng chuông vẳng lại từ lòng đất, liền đánh dấu nơi ấy chặt cây làm chùa. Trong ba ngày bỗng nhiên có tháp báu và Xá-lợi từ lòng đất hiện ra, hình dạnh của tháp báu có màu xanh tựa như đá mà chẳng phái đá, cao một thước bốn tấc, vuông vức bảy tấc, năm tầng uốn quanh lộ rõ tựa như do Tây Vực-Vu Điền tạo nên. Phía trước mở ra cửa sổ, bốn phía là vàng ròng, chính giữa treo khánh đồng, cứ mỗi khi có tiếng chuông, ngỡ là từ chiếc khánh này phát ra. Xung quanh phía trên thân tháp đều là những hình tượng chư Phật-Bồ-tát-Kim cang Thánh Tăng, hình dánh rất tinh tế, nháy mắt trừng người quả là có trăm ngàn hình tượng hiện bày, mặt mày tay chân thảy đều đầy đủ làm sao! Đây có thể nói là thần công Thánh tích không phải trí tuệ con người đạt đến được. Nay ở trong tháp gỗ lớn, vào ngày tám vị vua cùng tuần hành trong lãnh thổ người trông thấy không có ai không cúi lạy niệm Phật sanh thiện, suốt đời trai giới thanh tịnh. Xá-lợi đức Phật thì ở trên tháp gỗ này, bên trái tháp ấy có nhiều dấu tích cổ xưa".

Bên tháp ở huyện Chư ký là nơi thuộc kinh đô trước kia của nước Việt mà bốn huyện Câu Chương-Ngân-Mậu-Diệm là thuộc Chư Ký, phía Đông bắc một trăm lẻ bảy dặm phần lớn là thôn quê có khu thành của Cổ Việt, chu vi khoảng ba dặm. Địa Ký nói: "Trong thời kỳ của Việt dựng kinh đô tại đây, cung điện lầu quán tách biệt dấu tích để lại hãy còn, đều phát hiện ở Dự Chương, phần lớn chỉ còn tường vcách nghiêng ngã điêu tàn, hàng lối vị trí tương xứng ken dày sừng sững trang nghiêm, mưa gió đầu tháng hay cuối tháng, hãy còn nghe tiếng chuông khánh vang vọng, dân chúng cho đến bây giờ phần lớn trong lòng vẫn cung kính, dấu tích ấy hưng thịnh hơn rồi".

Trong Dư Chí nói: "Vua A Dục là đệ tử của Phật Thích Ca, có

năng lực sai khiến được quỷ thần, trong vòng một ngày đêm ở khắp nơi tạo ra tám vạn bốn ngàn tháp báu thờ hài cốt Phật, đều từ lòng đất hiện ra”. Dựa theo Tấn Sa Môn Trúc Tuệ Đạt nói: “Phương Đông có hai tòa tháp, một tháp ở nơi này, một tháp ở tại Bành Thành, nay lại ở Trường Thiên-mạt Lăng còn có một tháp, thì đã có ba tòa tháp rồi! Nay theo kinh nghiệm, cứ một ức nhà dựng lên một tòa tháp, tính ra vùng đông hạ này có nhiều tháp không nghi ngờ gì. Vả lại thấy Dương Việt đã có hai tháp, rộng tất cả chín khu vực vốn có mà ẩn kín vậy”.

Trong Kê Ký nói: “Thừa tướng Vương Đạo thời Đông Tấn nói: Lúc ban đầu vượt qua sông, có Đạo nhân thần thái khác lạ, nói là từ ngoài biển đến giúp nhau xây dựng, xưa kia cùng với vua A Dục đi dạo qua huyện Mậu, đem Xá-lợi của Phật dựng tháp để trấn giữ. Vua A Dục cùng với các vị Chân nhân bưng tháp bay đi giữa hư không đưa vào biển, các đệt tử bám theo trong một lúc đều rơi xuống hóa thành quạ đá, đá giống như hình dáng con người, tòa tháp ấy ở tại núi Thiết vi vậy”. Thái thú Chứ Phủ Quân nói: “Người đi biển kể lại, trên đảo có quạ đá tụ tập làm thành hình dáng đạo nhân, giống như có y phục, Chử khiến đục lấy đem xem, thấy hoa văn trên đá đều giống như hình dạng của ca sa.”

Thời Lương Tổ vào niên hiệu Phổ Thông năm thứ ba, trùng tu cổ tích ấy xây dựng tòa tháp gỗ, điện thờ phòng ốc tất cả đều đầy đủ chu đáo, gọi là chùa A dục Vương. Bốn phía núi rừng vây quanh tùng trúc xanh biếc, hoa cỏ nhỏ xen nhau rực rỡ-chim thú bay nhảy vui đùa bên nhau, thật là nơi tốt đẹp cho người thích yên lặng suy tư. Có bia ký cũng ca ngợi, là trước tác của Lang Cố Dận Tổ Văn.

Ba dặm về phía Đông Nam chùa, trên núi có dấu tích bàn chân phải của Phật trên đá. Ba dặm về phía Đông Bắc chùa, đầu núi có dấu tích bàn chân trái của Phật. Hai nơi hiện rõ ra ở trên đá không biết từ bao giờ. Hai dặm về phía bắc chùa có giếng Thánh, thật ra thì thuận theo phát ra tiếng vang. Đến cuối thời nhà Tùy, bọn giặc đi qua giả vờ lễ lạy nên cá xuất hiện, giặc liền dùng dao chém, vì vậy đứt mất phần đuôi. Từ lúc ấy ẩn kín cho dù gọi cũng không xuất hiện, lúc có người chí tâm thỉnh cầu lễ lạy, chỉ sủi bọt cho dú gọi cũng không xuất hiện. Lúc có người chí tâm thỉnh cầu lễ lạy, chỉ rủi bọt nước cho biết mà thôi. Trước kia có một vị Tăng nghe có tòa tháp nên đến lễ lạy, ở nơi hoang vắng tìm cho có cái ăn thật là khó, có một bà cụ đi đến để làm cơm nước xong rồi đi mất, ngày ngày như vậy cảm thấy kỳ lạ vô cùng, bèn đi theo sau lén tìm hiểu mới đi vào trong hồ và biết rằng chính là cá nơi hồ đã

hóa thân. Tháp ấy linh thiêng kỳ lạ thường thường không giống nhau, đại khái là điềm lành hiện bày phần nhiều làm Thánh Tăng, nhiễu tháp hành đạo thắp đèn hằng đêm, ở trong ánh sáng hiện hình trên tường vòng quanh mà đi lại. Tạm thời nêu ra vài điều, nhiều thì từ ngữ không kể hết.

Đến năm thứ mười chín niên hiệu Trinh Quán đời Đường, Mẫn Pháp Sư ở trong hang đá có đạo hạnh tốt đẹp đã chiêm bái qua nhiều Thánh tích, y nhiên cảm động tinh thần, dẫn mấy trăm đồ chúng đến chùa giảng giải kinh luận suốt một tháng, Tăng tục đều tụ hội, trong đêm có người thấy hơi trăm vị Tăng người Hồ nhiễu tháp hành đạo, đem sự việc này nói với mọi người. Tăng trong chùa nói: Sự việc này thường xuất hiện không có gì lạ lùng, từ xưa đến nay, trong bốn ngày đại lượng xá gần đến chùa thiết trai cúng dường gieo trồng phước thiện, như vậy vào giữa đêm đã từng thấy các cảnh tượng Tăng người Hồ hành đạo tụng kinh lễ lạy ca ngợi...

Năm thứ nhất niên hiệu Vĩnh Huy đời Đường, có xử Sĩ Trương Thái Huyền ở Cối kê vào chùa lễ tụng, Sa-môn Trí Duyệt một mình cùng với Thái Huyền xếp giường cạnh nhau mà ngủ, nửa đêm nghe tụng Kim cang Bát nhã rõ ràng hết sức, hai người yên lặng lắng nghe thân tâm thư thái an lành. Cho đến khi tụng xong thì tướng trạng ấy phù hợp giống như thật, tìm xem không thấy hình bóng, biết rõ ràng là thần linh trao cho vậy.

Chùa Nhật Nghiêm ở phía Đông Nam ven hồ trong thành Tây kinh, chùa do Tùy Dạng Đế xây dựng. Xưa vào thời Tấn Phồn thành nơi trấn giữ. Chùa ở kinh đô Hoài Hải có tháp nhưng chưa an trí Xá-lợi, thế là mở dưới tháp chùa Trường Thiên lấy đem vào kinh đô đặt ở dưới tháp chùa Nhật Nghiêm làm bài minh ở phía trên lúc ấy các đại đức vùng Giang Nam hơn năm mươi người đều nói: Xá-lợi dưới tháp ở chốn kinh sư không phải là Xá-lợi nơi tháp của vua A Dục xây dựng, Xá-lợi nơi tháp của vua A Dục xây dựng chính là còn trong chùa Trường Thiên. Tăng Tục hoài nghi không biết đúng sai ra sao! Vào năm thứ bảy niên hiệu Vũ Đức đời Đường, Chùa Nhật Nghiêm điêu tàn, Tăng đồ phân tán, tháp thờ Xá-lợi không có người trông coi bảo vệ, lúc ấy có đạo tuyên Luật sư cùng mười người học trò, đi đến trú tại chùa Sùng Nghĩa phía Nam phường Trường Thọ-Tây kinh, mới khai quật dưới tháp có được ba hạt Xá-lợi, màu trắng sáng ngời lớn bằng hạt kê; và một Xá-lợi móng tay, có màu hơi vàng, cùng với tóc trắng hơn mấy chục sợi, có những đồ vật cổ xưa bằng lưu ly và các thứ báu xen lẫn, tất cả đưa vào

đặt trong chiếc hộp đồng lớn. Kiểm tra không có tóc xoắn ốc, lại ngờ rằng móng tay vàng mà nhỏ như người thường, móng tay Phật to hơn người thường gấp bội, và màu như đồng đỏ, nay thì không phải thế, bèn mang đến đặt vào tháp phía Tây nam điện Phật tại chùa Sùng Nghĩa. Theo như cũ dùng hộp đá lớn để an trí, bài minh vốn có che phía trên hộp đá giấu vào trong đất. Tăng ở giang nam đều nói: Móng tay và tóc này đến thời Lương Vũ Đế đã có nghi ngờ rồi. Dựa vào sự việc mà suy xét, thì Xá-lợi Phật ở Trường Thiên có thể thay đổi theo nhà vua rồi. Nhưng cổ tháp ở Giang Nam còn có Thần dị, Sùng Nghĩa đã lưu truyền đại khái không có như vậy. Bởi vì hai nơi thuật lại, nhưng năm tháng kéo dài, người đời sau không biết nguồn gốc ấy, cho nên ghi lại khác nhau như vậy.

Cổ tháp phía nam Kỳ Sơn, huyện cũ là Phù Phong nằm phía Tây của Tây kinh, bởi chốn bình nguyên này phía trên hướng Nam-phía dưới hướng bắc. Cao hương gọi là Phụng Tuyền. Trước đây trong thời Chu-Nguỵ thì chùa tên là A Dục Vương, Tăng đồ có năm trăm người, đến lúc nhà chu tiêu diệt Phật pháp, miếu vũ đình đài bị phá hoại chỉ còn lại hai gian nhà chính. Đến cuối thời Đại Nghiệp nhà Tùy, giặc giã nổi lên khắp nơi, dân chúng cùng nhau xây dựng khu thành này để phòng ngừa ngoại xâm. Đầu thời đời Đường cư trú lẫn tập vì sơ suất bị lửa thiêu cháy, tất cả chỉ còn là đống tro tàn, mà hai gian nhà chính vẫn còn tồn tại trong cảnh tro cháy đen. Đến năm thứ năm niên hiệu Trinh Quán đời Đường, Thứ sử Kỳ Châu là Trương Lượng vốn có niềm tin hướng về, đến chùa lễ lạy chỉ thấy nền cổ tháo trơ trọi không có gì che phủ phía trên, tâu lên nhà vua thỉnh cầu giúp đỡ để xây dựng lại tòa tháp.

Nhà vua hạ chiếu đồng ý. Cổ xưa truyển rằng: Tháp này một lần đóng lại trải qua 30 năm, một lần mở ra cho mọi người nhìn thấy, khiến kẻ Tăng người tục phát sinh thiện tâm, sợ rằng mở ra mọi người tụ tập nên không dám tự mở ra. Nay tâu rỏ như vậy.

Nhà vua ban chỉ cho pháp mở ra, sâu xuống hơn một trượng gặp được hai tấm bia cổ, đều dựng từ thời chu-Ngụy. Xá-lợi đã đưa ra để cho đạo-tục khắp nơi nhìn thấy. Có một những mù, nhiều năm mắt không nhìn thấy gì, trố mắt nhìn thẳng bỗng nhiên trong sáng rõ ràng. Trong ngoài kinh thành mọi người theo nhau đi đến tòa tháp, mỗi ngày có vài vạn người. Xá-lợi hiện bày trên cao, người nhìn thấy không giống nhau, có người thấy như ngọc, sáng trắng chiếu rọi thấu suốt trong ngoài có người thấy màu xánh biếc; có người thấy hình tượng đức Phật, có người thấy Bồ-tát Thánh Tăng; có người thấy ánh sáng đỏ rực, có người thấy

ánh sáng năm màu xen lẫn, có người hoàn toàn không thấy gì, hỏi đầu đuôi sự việc, biết là từ khi sinh ra đến nay tạo nhiều tội lỗi nặng nề, có người bạn tốt chỉ bày khiến cho chí thành sám hối, có người châm lửa trên đầu đốt cháy ngón tay-chích máu chảy đầy trên đất thật chí thành thiết tha liền được trông thấy. Nhiều loại không giống nhau không thể nào ghi lại hết được.

Vào tháng chín năm thứ tư niên hiệu Hiển Khánh đời Đường trong chùa có sơn Tăng tên lá Trí Tông Tuệ Biện, nhờ hiểu chú thuật được truy tìm đi vào bên trong cung, nói về sự việc tòa tháp do vua A Dục xây dựng năm tháng lâu dài cần phải nhờ vào sự bảo vệ giữ gìn.

Nhà vua nói: lẽ nào không phải Đồng tử cúng dường bột đất là vua A Dục sao? Nếu như có điều ấy thì tháp này là một trong tám vạn bốn ngàn ấy rồi! Trí Tông nói rằng chưa rõ thực hư, thỉnh cầu tiếp tục đưa ra vậy!

Nhà vua nói: Có thể gặp được Xá-lợi thật là nhân duyên tốt lành, có thể đến trước tháp hành đạo bảy ngày, cầu thỉnh có điềm lành mới được mở tháp ra. Liền cấp cho năm ngàn xâu tiền-năm ngàn xấp lụa để cúng dường đầy đủ. Trí Tông cùng với những sứ giả của nhà vua như Vương Trường Tín..., ngày mồng năm tháng mười sáng sớm lên đường từ kinh thành đến tối mồng sáu mới về tới. Trí Tông liền vào trong tháp chuyên tinh hành đạo, lâu mà không ứng nghiệm đến canh ba ngày mồng mười mới đặt lửa than đốt hương trên cánh tay, nghiêm khắc chú tâm không nghĩ đến điều gì khác, bỗng nhiên nghe tiếng chấn động phát ra dưới hình tượng trong tháp tìm theo âm thanh đi đến xem xét, mới thấy ánh sáng tốt lành phát ra cuồn cuộn bốc lên ở trong tháp, dưới chân ba bức tượng đều tỏa ánh sáng, màu đỏ trắng xanh cuộn tròn mà bốc lên, lên đến xà ngang tụ lại thành tán tròn. Trí Tông vô cùng mừng rỡ nhảy lên muốn gọi Tăng chúng đến xem mới nhìn thấy trong tháp chật ních, Tăng đồ chấp tay mà đứng nói là cùng chùa. Trong chốc lát tán tròn sáng lực dần dần ngưng lại từ từ mà xuống, cách mặt đất ba thước không còn thấy chúng Tăng, mới biết là Thánh ẩn hình.

Vương Trình Tín cùng với những sứ giả của nhà vua đều nhìn thấy tướng tốt lành, ánh sáng rực rỡ đầy khắp nơi cuồn cuộn tỏa ra, dường như có xoay tròn quanh một điểm rất lâu mới ẩn hết. Đến sáng sớm thấy có một hạt Xá-lợi, lớn bằng hạt gạo, ánh sáng rực rỡ vô cùng, tiếp tục tìm kiếm tỉ mĩ thì lại có thêm bảy hạt, tất cả đặt vào khay gỗ, một hạt chuyển động vòng quanh bảy hạt còn lại, tất cả đều phát ra ánh sáng chiếu rọi làm lóa mắt người nhìn. Trí Tông và mọi người đem đến

điềm lành đả cảm thuật lại đầy đủ tướng trạng như trên.

Nhà vua nghe xong sắc chỉ cho các sứ giả thường hầu hạ như Vương Quân Đức... chuyển ba ngàn xấp lụa khiến làm các thân như hình tượng của vua A Dục, còn lại tu bổ cổ tháp. Vẫn đem hình tượng đặt trong tháp, nên lập tức mỡ tháp đưa Xá-lợi Phật ra cho mọi người chiêm bái để lưu truyền phước tuệ.

Lại truyền cho Trí Tông Tuệ Biện, tước hiệu Hồng Lô trú tại chùa Hội Xương, bắt đầu khai mở Xá-lợi, hơn hai mươi người cùng đào đất đi xuống, đến khi gặp được Xá-lợi thì mọi người đều trông thấy, chỉ có một người không thấy. Người đó áo não tự nhổ tóc trên đầu mình đau khổ thiết tha cầu thỉnh, mới đặt Xá-lợi vào bàn tay, tuy cảm thấy nặng mà không nhìn thấy như lúc đầu. Vì vậy mọi người sợ rằng không thấy Xá-lợi thì không dám nhìn thấy ánh sáng. Người ở phương Vân Long phía Đông chùa mấy ngày trước khi sứ giả truyền chỉ chưa đến, nhìn vầ chùa thấy trên tháp có ánh sáng màu đỏ chiếu rọi khắp nơi xa gần, hoặc thấy giống như cầu vồng vươn thẳng lên đến Trời xanh, hoặc thấy ánh sáng soi chiếu nơi chùa cho đến trong thành đỏ rực như ban ngày. Sáng sớm tất cả đều nghu Tăng trong chùa nói rằng: Xá-lợi không lâu nữa sẽ được khai bày! Điềm lành này giống như thời Trinh Quán không khác Xá-lợi ấy hình dạng giống như ngón tay út, lóng thứ nhất dài khoảng hai tấc, trong có lổ vuông ngoài cạnh cũng như vậy, dưới bằng trên nhọn, trong ngoài sáng ngời trong suốt, từ lổ trong ngón tay vừa vặn chứa được ngón tay, thì được tốt lành mang ra để đại chúng trông thấy. Còn như tướng áng sáng biến hiện thì không thể thường xuyên nhất định được. Lúc ấy đạo tục xa gần khắp nơi từ thành thị đến nông thôn trong vòng hai trăm dặm, qua lại nối tiếp nhau không dứt đều ca ngợi công đức của Phật, ánh sáng chói chang rực rỡ cả một thế hệ. Tăng ở chùa Từ Ân trong chốn kinh sư tên gọi Tuệ Mãn, hành đạo ở nơi tháp, bỗng nhiên trông thấy lụa hoa che phủ bên bờ biển, một đôi mắt sáng ngời rất lớn, cúng gọi đạo tục đến xem cũng thấy như vậy, đều khiến sợ vô cùng, càng không dám nhìn thêm nữa. Vào cuối tháng ba mùa xuân năm thứ năm niên hiệu Hiển Khánh đời Đường truyền chỉ thỉnh Xá-lợi đến Đông Đô đưa vào cung nội cúng dường. Lúc ấy Tây Vực lại dâng tặng Xá-lợi đỉnh đầu của Phật đến kinh sư, người ta hoặc là trông thấy Xá-lợi cao năm tấc rộng hơn bốn tấc, sắc màu vàng tía, lại tìm bảy vị Tăng ở chốn kinh sư đến đông Đô vào trong cung nội đề hành đạo.

Truyền chỉ mang Xá-lợi và xương đỉnh đầu ra để nêu rõ, Tăng hành đạo nói: Đây là chân thân của Phật, chúng Tăng đều nên cung

kính cúng dường! Trải qua một đêm thu lại đưa vào cung nội.

Hoàng hậu đem ý phục màn trướng của mình theo giá trị một ngàn xấp lụa, vì Xá-lợi làm quan vàng quán bạc, chạm trổ vô cùng đặc biệt vào năm thứ hai niên hiệu Long Sóc đời Đường đưa về lại tòa tháp ban đầu. Đến ngày mười lăm tháng hai, chư Tăng chốn kinh sư cùng với Tăng chúng trong chùa nơi tháp thờ và quan lại dân chúng tề tựu rất đông, cùng đưa Xá-lợi vào hang đá đóng lại, đợi ba mươi năm sau không có ai biết gì hơn, về sau bắt đầu mong mỏi điềm lành ứng hiện lợi ích cho nơi này.

Ở thôn Vương Trang-xã Hoa Dương-huyện Kỳ Châu có người họ Bằng tên Huyền Tự, từ trước đến nay thô lổ đặc biệt là không hề tín kính. Mẹ và anh được nhờ Xá-lợi từ Đông đô đến sắp sắp đem đi an trí, Huyền Tự không đồng ý đi cùng. Mẹ và anh không cần phải nói gì mà đến nơi Xá-lợi lễ lạy rồi trở về nhà. Huyền Tự giận dữ nói: Chổ ấy có gì linh nghiệm mà đến lễ lạy, nếu Xá-lợi có công đức thì tượng Phật trong nhà mình cũng có công đức vậy. Lập tức lấy tượng Phật đốt đi, cuối cùng có linh nghiệm gì đâu? Mẹ và anh cứu chữa, đã đốt cháy hơn nửa thì Huyền Tự bỗng nhiên ngã xuống bất giác mà chết. Trải qua ba ngày mới sống lại nói rằng: Bỗng nhiên đến một nơi hình như là địa ngục, có con chim lớn bay đến mổ mắt ăn lưỡi nên đi vào hầm lửa lớn, quay nướng khốn khổ cảm thấy thân thể ngứa ngáy khó chịu hết sức, đưa tay vuốt mặt thì lông mi và tóc rụng theo, mắt thấy mặt đất hoàn toàn không có gì cả. Thân thuộc bên cạnh nhìn thấy đều biết tội lỗi đã ứng nghiệm, mọi người nói rằng: Người tự mình tạo tội không có ai có thể thay thế đâu. Thần thức của Huyền Tự không giống với mọi người, chỉ nói: Lửa đốt chấy tâm tôi, bởi vì lấy lời của đạo sĩ dạy bảo mà tôi không tin, tội lỗi bài báng Phật, nay tai ương thân phải chịu, chạy khắp mọi nơi nhưng vẫn bị gậy đánh, sợ hãi gào khóc, chỉ xin cúi đầu trong chốc lát để sám hối cầu tha mạng, mà ngày đêm gào thét trốn không hề tạm dừng lại chút nào! Vào ngày mười ba tháng hai, thân thuộc xót thương thỉnh Tăng sám hối nguyện xin tạo lập hình tượng. Lại đem đến nơi tháp, lúc ấy rất nhiều đại đức khắp nơi tề tựu, khi pháp sư hành kiệp thuyết pháp cho mọi người, Tỳ-kheo ni Bùi Thượng Cung cùng mấy trăm nam nữ người thế tục có gần vạn người, đều trông thấy Huyền Tự năm vóc sát đất đối trước Xá-lợi gào khóc tự mình bộc bạch chí thành sám hối tội lỗi bất tín. Còn sám hối tội lỗi xâm phạm tịnh hạnh của Ni-đánh mắng chúng Tăng-trộm lấy hoa quả của Tăng. Từ khi sám hối về sau khi ngủ mộng thấy có chút an lành, nhưng đại họa vẫn tự nhiên

không khỏi, chưa qua một năm mà chết.

Xương đỉnh đầu của Phật dùng ngọc ngà châu báu để chuộc về, tính theo giá trị khoảng bốn ngàn xấp lụa, thì y theo số đó dùng dải lụa màu để đền trả, xương đỉnh đầu nay thấy cúng dường ở trong cung nội, tức là búi tóc xoắn ốc buộc tóc ở trên xương đỉnh đầu nhỏ, nhưng mà xương đỉnh đầu lớn hãy còn chưa đến nơi này.

Dưới đây thiếu bảy chuyện về tháp ở các nơi như qua Chậu-Sa Châu-Lạc Châu-Lương Châu-Cam Châu-Tấn Châu-Đại châu.

Tháp chùa phước cảm ở Quách Hạ-Ích Châu thời nhà Tùy; nằm ở phía Tây Thành Quách hạ-ích châu, ban đầu gọi là đại thạch. Tương truyền rằng: Là tòa tháp mà quỷ thần vâng theo lời dặn của vua A Dục, đến vùng Tây Sơn lấy đá lớn làm thành nền tháp, đặt Xá-lợi trong đó, cho nên gọi là Đại Thạch vậy. Thục vương Tú nhà Tùy lấy làm nơi trấn giữ lãnh thổ. Về sau nghe chuyện sai người đào lên, toàn là một thứ đá, tìm thấy khe hở đến một dòng suối nhưng không thấy giới hạn, mưa gió bất ngờ xảy ra. Có người ở bên tảng đá đục lấy một mảnh đem về, thì chính là Y ngọc. Hỏi người buôn biết rõ về vật quý báu nói rằng: Đây là Y Ngọc thật sự, hiếm có giữa thế gian. Đầu thời nhà Tùy có Sằn luật Sư, thấy dấu tích cổ xưa này ở tại đó dựng lên tòa tháp gỗ chín bậc, nay thấy vẫn còn.

Ích Châu gặp hạn hán hay lũ úng, quan lại và dân chúng cầu khấn nhất định phải đến nơi tháp này, cầu khấn sẽ có ứng hiện, điềm cảm ứng rất kỳ lạ, cho nên gọi là chùa Phước Cảm. Gần đó có người lấy trộm chuông đem xuống được ba bậc, có vị thần bưng lò hương lên mới được thoát ra ngoài. Đến năm thứ nhất niên hiệu Vĩnh Huy đời Đường, có Vương Nhan Tử là kẻ cướp bóc khét tiếng, trong đêm đem xe cùng nhau lấy nhiều vật trên núi đem xuống đến bậc cuối cùng, bị hai cây cột bỗng nhiên kẹp lại, cầu thoát ra không được, dần dần xiết mạnh thấy có vị Tăng người Hồ nói: Có thể gọi to tên thì giặc không chết như vậy đâu! Liền gọi to mấy tiếng, Tăng trong chùa nghe mà đến cứu mới được thoát ra. Đến đầu niên hiệu Trinh Quán đời Đường mặt đất chấn động, tòa tháp này lắc lư sắp muốn đổ xuống, lúc ấy vùng Quách Hạ có vô số người đi đến, bỗng nhiên trông thấy bốn vị thần hình dáng giống như toà tháp, đều đưa lưng dựa vào bốn phía của tòa tháp, chợt dựa vào chợt nghiêng người làm cho tránh khỏi sự hư hoại. Mọi người xem thấy điềm ấy ca ngợi là điều chưa hề có. Đài sen trên tháp hãy còn nhỏ bé trông tương xứng hình dáng tòa tháp, có một người rất giàu tiêu xài lãng phí nhiều sản nghiệp, trông thấy điềm báo linh thiêng trước đó mới bỏ ra ba

trăm lạng vàng, cùng với những người sùng tín làm lại đài sen. Đã làm thành tựu xuống đến bồn che, mùi thơm tỏa ra cuồn cuộn như mây bốc lên cao, lan tỏa thơm ngát khắp nơi, bảy ngày mới hết.

Tháp ở vùng Tấn Nguyên-Ích Châu, ở về phía Tây nam của Châu này hơn một trăm dặm, nay gọi là chùa Đẳng Tuyền, ban đầu gọi là Đại Thạch. Nền tháp ấy vốn có duyên cớ sơ lược cũng giống như trước, nhưng tướng đó không như các cổ tháp. Há không phải là quỷ thần lúc ấy trong tình ý có điều vui thích? Dựa theo ba tòa tháp ở nước Thục cùng chung một loại đá, những điều còn lại không thể nhất định được.

Tháp ở huyện Lạc về phía Bắc của Châu này một trăm dặm, ở trong chùa bảo hưng vùng Quách Hạ nằm phía Bắc huyện thành, vốn có tên là Đại Thạch, tướng trạng của nền tháp giống như trước. Vào đầu thời nhà tùy có vị Tăng người Thiên Trúc tên là Đàm Ma Quật Xoa, từ xa đến đông hạ lễ bái tháp của vua A Dục tạo dựng, tiếp theo ba tháp ở nước thục cũng hướng về lễ bái. Đến tòa tháp ở chùa Đại Thạch huyện Lạc, sự kính lễ đã xong, muốn đến chốn thành đô phải ngủ đêm ở hai trạm dịch dành cho phụ nữ. Gần sáng nghe có tiếng đi lại ồn ào hai bên, quật Xoa nói: Là người nào vậy? Sợ rằng náo động không tốt cho nhau! Trong hư không có tiếng đáp lại: Có 12 thần vương đến từ bổn quốc, ở nơi này ủng hộ pháp sư, ngày mai sẽ thấy tòa tháp ở chốn thành đô, nay sắp trở về Tây Quốc nên cùng với Pháp Sư Từ biệt mà thôi! Quật Xoa nói: đã có thể đưa tiễn từ xa đến đây, sao không thể trông thấy hình hài? Thần liền hiện rõ thân hình. Quật Xoa là người giỏi về họa vẽ, liền họa lại tất cả diện mạo, đã xong thì ẩn hình. Cho đến lúc vào thành đô lễ lạy tòa tháp Đại Thạch xong, Sằn Luật Sư mới y theo bức vẽ khắc gỗ làm thành hình tượng mười hai thần vương trang hoàng ở tầng dưới của tháp. Nay hãy còn tồn tại.

Chùa Pháp Thành ở Quách Hạ-Ích Châu có Sa-môn Đạo Trác, là một bậc danh Tăng. Đầu thời Đại Nghiệp nhà Tùy, tháp chùa ở huyện lạc không có người sửa sang tu bổ mà chỉ còn lại nền tháp. Đạo trác bèn giáo hóa đốc thúc bốn bộ chúng tạo nên tòa tháp bằng gỗ, điểm tô hoàn thiện tất cả rồi, tháp được loài Rồng bảo vệ, ở trong giếng tại góc Tây Nam, luôn luôn có tướng hiện bày. Bên cạnh có ba hồ nước không biết sâu cạn, là nơi ở của ba con rồng, mọi người không có ai đến nhìn xem. Năm thứ mười ba niên hiệu Trinh Quán đời Đường ba con rồng đánh nhau dữ dội làm cho sấm sét chấn động Trời đất, nước và lửa đan chéo tung tóe rất lâu mới lắng lại. Tòa tháp vẫn như ban đầu, mọi người đều nhặt được lông của rồng dài hơn ba thước, vàng đỏ rất đẹp.

Tháp ở Chùa Siêu Hóa-Trịnh Châu đời Tùy, nằm ở ranh giới huyện Mật về phía Tây nam của Châu này hơn một trăm dặm, cách 1năm dặm về phía Nam của huyện, tháp ở góc đông nam của chùa. Phía bắc liền ấy vuông vức khoảng mười lăm bộ, nền tháp của chùa ấy nằm trên bùn lầy, phía tây có năm, sáu dòng suối, phía Nam cũng có, đều là lổ vuông ba thước, tuôn trào sục sôi tràn ra thành suối, trước dòng suối đều có đặt một cột tùng, bày ra ở trong nước bùn, dùng cát đá tro than lần lượt mà lấp đầy, cao nhất dùng tảng đá lớn vuông vức có thể bằng chiếc giường tám thước theo thứ tự sắp xếp mà trải qua. Bốn phía thắt lại nhỏ hơn, dài một thước năm tấc, sâu năm tấc, kiên cố như gang thép. Gần đó có người thử đào lên một tảng đá, bên dưới có vôi đá thậm chí có cả trăm viên tròn, liền lấy ra một viên, dài ba trượng ngang bốn thước, hiện vẫn còn. Đương nhiên không phải công lực thần kỳ của Luân vương đã tạo nên tòa tháp, thì khả năng nào làm ra nền móng như vậy? Vĩnh viễn không thấy loại như thế. Nay ở phía trên có thêm hai tầng tháp, dòng suối lớn phía nam tòa tháp sôi sục tuôn trào nhưng hoàn toàn không có tiếng nước mà chỉ có tiếng trống vang rền, há không phải là thần hóa đã tạo nên ư? Có vị Tăng tên Đạo Nghiêm ở U Châu, họ Lý Thị, thân hình to lớn vô cùng kỳ lạ, ban đầu đi vào bốn đạo vàng ở Dạng Châu đời Tùy, sau thuận theo thế tục, ăn mặc sinh hoạt rất bình dị, năm nay một trăm lẻ năm tuổi, ở một mình trong núi sâu, hàng năm đến tháp này bảy ngày dốc lòng cúng dường. Đạo Nghiêm cảm thấy lạ lùng vì dòng suối ấy tuôn trào sục sôi mà không có tiếng động, mới khiến thiện thủy-Côn Lôn đi vào dòng suối tìm hiểu, chỉ thấy trụ đá bày ra chứ không biết được ranh giới đến đâu. Bên trong có tháp báu, cao khoảng ba thước, đứng một mình giữa khoảng không, bốn phía nước vây quanh ngưng lại mà an trú, hoàn toàn không đến nơi tháp. Tìm hiểu sự ban đầu ấy thì không ai biết được nguyên do từ đâu. Lúc ấy thế gian truyền tụng là do vua A dục tạo nên, từ thời Tùy Tổ đến nay tháp chùa vẫn còn tồn tại.

Tháp ở chùa Diệu Lạc-Hoài Châu đời Tùy, ở trong chùa Diệu Lạc về phía Tây của huyện Vũ Trắc bảy dặm và nằm phía đông của châu này, thấy có tòa tháp trắng năm bậc, tháp vuông khoảng chừng 15 Bộ, đều là xây bằng đá lát nghiêng, mặt đá dài năm thước rộng ba tấc, phần dưới nối tiếp nhau san sát rất tỉ mỉ. Đạo tục mắt thấy đều kinh ngạc cho sự tạo lập của quỷ thần, dưới đó không biết nền móng ra sao? Cổ xưa tương truyền: Tháp từ lòng đất hiện ra, bên dưới có mặt nước rộng, không đích xác là thực hay hư. Có Thứ Sử nghi ngờ là Tăng điểm tô quá mức, thế là sai người đào xuống bên cạnh nền tháp, đến nguồn suối vẫn

không thấy được giới hạn nào cả.

Tháp ở huyện Lâm Hoàng-Nguỵ Châu đời Tùy, nằm về phía Tây của huyện chừng ba mươi dặm, vốn gọi là chùa Xá-lợi, nay là các Ni cư trú. Tháp ấy hiện đang còn, ba phía đều có nước, chỉ riêng phía tây mở ra đường, nền tháp làm bằng đá xếp lại, từ trong đáy nước hoa sen mọc lên khắp cả ba phía, bờ nước sâu nên mọi người đều không dám đi đến. Tương truyền rằng: Tháp Xá-lợi ở giữa hư không bên trong mặt nước ấy, giống như tháp ở Trịnh Châu, nay đổi thành phủ Đại Đô Đốc của Ký Châu.

Phía đông huyện Lâm Tế-Tề Châu có tháp bằng gạch, nói là do chí công tạo dựng bốn mặt toàn thú vật đá vây quanh làm cho người ta kinh sợ. Thời nhà Chu Tiêu diệt giáo pháp khiến cho trăm ngàn người dùng sức kéo ra, nhưng cuối cùng không thể rời ra, cũng không có gì tổn hại, nay hiện vẫn còn như vậy.

Kho vàng trong chùa Không Tuệ phía Nam thành Ích Châu có hang đá tại chùa, gần đó có đạo sĩ, vốn biết là có kho vàng đến nơi thần giữa chùa cầu xin, thần khiến vào hang chỉ lấy được hai đấu gạo bằng vàng. Y theo lời lập tức đi vào, chỉ thấy dưới mặt đất từng hàng từng hàng hũ vàng đối diện nhau chẳng biết được bên nào. Tăng trong chùa thông báo cho biết không có ai dám xâm nhập.

Chùa Ngọc Hoa Cung ở Phường Châu, về phía Nam khoảng hai mươi dặm có ngọn núi cao lớn, thế gian gọi là núi Đàn Đài, trên núi có Đàn cổ tháp rất to lớn, bề mặt vuông vức bốn mươi ba thước, phía trên có thân tháp một tầng bằng gạch, bốn mặt ở cửa thông ra, cửa đá cao hơn bảy thước, rộng hơn năm thước, cạnh đó có vô số gạch vỡ. Cổ xưa tương truyền rằng: Xưa kia Chu Văn Vương đến dạo chơi săn bắn, thấy có Sa-môn cầm tích trượng ôm bình bát đứng trên đỉnh núi, gọi xuống không được. Nhà vua sai lính đến bắt giữ, lính sắp đến không thấy nữa, nhưng từ xa nhìn vẫn còn đó, bèn truyền lệnh đào bới nơi đã xứng, sâu xuống ba trượng thu được bình bát tích trượng mà thôi. Nhà vua tôn trọng vì đó là bậc Thánh, cho nên xây lên tòa tháp gạch mười ba bậc, thôn xóm bên trái thường nghe thấy tiếng chuông. Vào năm thứ nhất niên hiệu Long Sóc đời Đường, Pháp Sư Tuệ Quý là Sa-môn ở chùa Đại Từ Ân chốn kinh sư, nghe tin đồn liền đi đến tìm hiểu, lại nghe có tiếng chuông, xúc động trước dấu tích cổ xưa nên tiến hành tu sửa lại, tiếc là không có nước suối làm cho trong lòng phân vân không quyết được. Tuệ Quý lại cảm được vầng mây lành, thiện thần bảo vệ tháp nói rằng: Có thể ngay trong lúc này bắt đầu không cần phải nhọc

lòng hoài nghi lo lắng! Lại cảm được Tăng kỳ lạ nói rằng: Ta là Bồ-tát ở Tịnh độ phương Nam, hành hóa đến nơi này, rằng tháp này từ xưa đến nay đã bốn lần tạo dựng, đừng ngại vất vả, dụng công ắt sẽ thành tựu, chỉ cần chịu khó làm việc, không nên sử dụng hoang phí, làm đến ba tầng thì dừng lại! Tuệ Quý nghe bảo như vậy thì tự mình làm việc trải qua bao vất vả, bên cạnh tháp xưa kia có hơn ba mươi lò gạch, hãy còn có gạch nung chín chất đầy. Lại tìm vào trong dòng suối phía nam tòa tháp, chính là một ngôi chùa cổ, lưng quay vào núi mặt nhìn ra suối, là nơi có cảnh đạp của một thời kỳ dừng chân ẩn kín. Từ trước khi chưa tu sửa tiếng chuông luôn luôn vang vọng, vừa vặn vào lúc này sửa sang lại thì y theo giờ giấc phát ra âm thanh, ba hồi dài gióng lên như phương pháp quy tập Tăng chúng thượng đường bây giờ. Năm thứ ba niên hiệu Long Sóc đời Đường khai quật được tấm bia cổ khắc bài minh rằng: Niên hiệu Bảo Định nhà chu tòa tháp sụp đổ, lúc tháp mới thành tựu từ phía Nam nhìn thấy vùng sông vị. Lại nói: Tháp xây dựng trải qua hơn bốn trăm dặm tồn tại mới sụp đổ. Tính từ thời bảo Định nhà chu đến năm thứ nhất thời khai Hoàng đời Tùy thì được hai mươi năm, thời Khai Hoàng đời Tùy đến đầu thời Long Sóc đời Đường là tám mươi mốt năm. Còn tính theo bài minh ghi là sau bốn trăm năm mới sụp đổ, thì tháp là tạo dựng thời hậu hán. Hậu chu không lạm dụng văn từ, bởi vì Tiền Chu cách rất xa, không biết cổ xưa đã lưu truyền, Chu Văn Chương là Hoàng Đế thời đại nào, chỉ biết tháp gạch có số lượng chi phí rất lớn, hoàn toàn không phải do người thế tục tạo dựng mà thôi.

Vùng Lư Sơn ở Giang Châu có ba cây cầu đá, dài mấy chục trượng-rộng không đến một thước, nhìn xuống dưới không có đáy. Trong thời Hàm Khang nhà Tấn, Dữu lượng là người vùng Giang Châu lên núi đi qua cầu, trông thấy ông lão rất cao lớn đứng thẳng dựa vào tháp cao, xung quanh là nhà cửa nguy nga tráng lệ làm lóa mắt người thấy. Chẳng biết là nơi nào, đi vòng quanh một hồi, chung quy là không phải nhà cửa của người thế gian, mới bái tạ mà trở về.

Năm thứ hai mươi mốt niên hiệu Trinh Quán đời Đường, cột trụ phía Tây nam trong tháp chùa Đại Hưng Quốc ở Kinh Châu, vô cớ phát ra tiếng vang, mọi người đến xem, mới trông thấy có tượng Phật bằng đồng vàng xuất hiện, như vậy ngày ngày dần xuất hiện trải qua ba đêm mới hết, cao khoảng sáu tấc, là bức tượng Phật đứng, mọi người đều thấy kỳ lạ.

Tòa tháp bên cạnh thành Liêu Đông-Cao Li, cổ xưa tương truyền rằng: Xưa kia Cao Li Thánh Vương xuất hiện đi xem xét biên giới quốc

gia, sau đó đến thành này trông thấy mây năm màu che phủ mặt đất, liền đi vào trong mây thấy có vị Tăng cầm tích trượng mà đứng yên. Đã đến liền ẩn đi, từ xa nhìn vẫn thấy, bên cạnh có tháp bằng đất ba tầng, như trên cao phủ xuống, không biết là nơi nào. Lại đi đến tìm vị Tăng, chỉ có cỏ cây hoang vu bèn đào xuống sâu một trượng thì gặp được cây gậy và chiếc giày, tiếp tục đào xuống gặp tấm bia có bài minh, trên có khắc chữ của người Hồ, cận thần biết chữ nói là tháp Phật, nhà vua hỏi cặn kẻ, trả lời rằng: Nước Hán có tháp này, ở đó gọi là Bồ đồ. Nhà vua nhân đó phát sanh niềm tin dựng lên tòa tháp gỗ bảy tầng. Về sau Phật giáo băt một đầu truyền đến, mới biết đầu đuôi sự việc. Nay lại cao hơn, tháp cũ hư hoại, đó là tháp do vua A Dục thống nhất đã lập tháp khắp nơi cõi Diêm-phù-đề, không lấy gì làm lạ. Nước Da (Nhật) ở giữa biển lớn nằm ngoài châu này cách quận cối kê hơn một vạn dặm, thời đại nghiệp nhà Tuỳ có người ở nước ấy tên gọi là Thừa tìm đến nơi này học hỏi, hiểu biết thông thạo trong ngoài. Đến năm thứ năm thời Trinh Quán đời Đường, cùng với bảy người đạo-tục ở nước này trở lại nước oa. Lúc chưa ra đi, đại đức trong kinh thành đã từng hỏi đến sư tín ngưỡng Phật pháp của đất nước ấy, nhân đó hỏi rằng: Vua A Dục căn cứ theo kinh đã nói, xuất thế sau khi Phật nhập Niết-bàn một trăm năm, lấy Xá-lợi Phật trong tám quốc gia tòa tháp khắp nơi cõi Diêm-phù-đề, Phật pháp đến muôn nơi đất nước ấy, không biết trước đây đã có tháp do vua A Dục tạo dựng hay không? Hội Thừa đáp rằng: Văn tự nước ấy không nói không có gì để dựa vào, nhưng mà nghiệm xét dấu tích linh thiêng ấy thì có nơi trở về, cho nên người địa phương ấy khi khai phá đất đai, thường thường gặp được những điều linh ứng từ cổ tháp những hình tướng nghi dung của Phật nhiều lần phát ra ánh sáng thần diệu, các loại đều dựa vào điềm tốt lành cảm ứng đẹp đẽ này, cho nên biết là trước đây đã có.

Tây vực Chí nói: "Nước Kế Tân rất tôn sùng Phật giáo, trong đô thành nước ấy có chùa tên gọi chùa Hán. Ngày xưa sứ giả nước Hán đi đến lãnh thổ kia nhân đó lập nên tòa tháp, dùng đá xây lên, cao một trăm thước, đạo tục thành kính cảm ứng thần kỳ vô cùng linh nghiệm. Trong chùa có xương đỉnh đầu của Phật, cũng có tóc của Phật, màu xanh uốn theo hình xoắn ốc, dùng hộp bằng vàng để an trí và dùng bảy báu trang hoàng rực rỡ. Phía Tây bắc đô thành của nhà vua có ngôi chùa của nhà vua, trong chùa, trong chùa có rắng non lúc Bồ-tát Thích Ca còn thơ, dài một tấc. Tiếp về phía Tây nam có ngôi chùa của Vương Phi, chùa có tòa tháp làm bằng đồng và vàng, cao một trăm thước, trong tòa

tháp ấy có Xá-lợi xương, cứ mỗi khi đến sáu ngày trai thì ban đêm phát ra ánh sáng chiếu rọi sáng ngời vòng quanh theo đài sen, cho đến khi bình minh mới ngưng lại".

Tây Vực Chí nói: "Phía Đông Đô thành của vua Ba-tư-nặc chừng một trăm dặm ở bên bờ biển lớn có tòa tháp lớn, trong tháp có tòa tháp nhỏ, cao một trượng hai thước, trang hoàng bằng các thứ báu vô cùng rực rỡ, trong đêm đã từng có ánh sáng chói chang như ngọn lửa lớn. Nói rằng năm trăm năm sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, Bồ-tát Long Thọ đi vào biển lớn giáo hóa Long vương, Long vương đem tháp báu này dâng tặng Long Thọ. Long Thọ tiếp nhận rồi mang cúng dường nước này. Nhà vua liền xây tòa tháp lớn để che phủ trên tháp nhỏ. Từ xưa đến nay có người cầu nguyện điều gì, đều cúi đầu thắp hương dâng cúng hoa cái, hoa cái ấy từ mặt đất tự nhiên bắt đầu uốn lượn rồi dần dần lên cao, đến lúc lên thẳng trên đỉnh tháp mới dừng lại giữa hư không, qua một đêm thay đổi làm mất đi, không biết rồi ở nơi nào!"

Tây Vực Chí nói: "Bồ-tát Long Thọ ở nước Ba-la-nại tạo lập bảy trăm tòa tháp, đương nhiên còn có vô lượng do phàm Thánh khác tạo nên, còn ở trên sông Ni Liên xây dựng hơn một ngàn tòa tháp, cứ năm năm một lần tổ chức đại pháp hội vô giá thì thực cho chúng sinh".

Cách bảy dặm về phía Đông nam thành Càn đà la Tây Vực có tòa tháp Tước Ly, xét về duyên vốn có của tòa tháp ấy chính là thời Như lai đại thế, cùng với các đệ tử du hóa cõi này Ngài chỉ về phía Đông thành bảo rằng: hai trăm năm sau khi Ta nhập Niết-bàn, có vị Quốc vương tên là Ca-ni-sắc-ca, ở tại nơi này dựng lên tòa tháp! hai trăm năm sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, có vị Quốc vương tên là Ca-ni-sắc-ca, đi dạo chơi phía Đông thành, trông thấy bốn Đồng tử vun phân trâu làm thành tháp, cao khoảng ba thước, trong chốc lát đã mất rồi! Nhà vua trách móc các Đồng tử này, liền làm tháp bằng cái lồng tre, tháp phân dần cao lên vươn thẳng ra ngoài, cách mặt đất bốn thăm thước, sau đó mới dừng lại. Nhà vua lại mở rộng nền tháp, hơn ba trăm bộ, từ mặt đất dùng gỗ tạo thành mới được ngang nhau, phía trên có trụ sắt, cao ba trăm thước, đài sen bằng vàng 1ba tầng, tất cả cách mặt đất bảy trăm thước. Công phu thực hiện đã xong thì tháp phân trở lại như ban đầu, ở phía nam tòa tháp to lớn chừng ba trăm bộ, lúc ấy có Bà-la-môn không tin là phân, dùng tay thăm dò liền làm thành một lổ hổng, năm tháng tuy lâu mà phân hãy còn không rời rã, lấy bùn thơm lấp vào lổ hổng mãi không thể lấy đầy được, nay có cung Trời che phủ phía trên. Tòa tháp tước ly từ khi làm ra đến nay ba lần bị lửa Trời làm cho hư hoại, Quốc vương tu sửa lại vẫn

khôi phục như ban đầu. Những bô lão nói rằng: Tòa tháp này lửa Trời thiêu cháy bảy lần thì Phật pháp sẽ diệt mất. Vật dụng thờ Phật ở trong tòa tháp đều là vàng ngọc, biến hóa vô cùng kỳ lạ khó có thể nói được. Ánh sáng mặt Trời mới ló dạng thì đài sen vàng tỏa sáng chói lọi, gió nhẹ phát ra vi vu thì chuông vàng Thánh thót vang vang thật là tòa tháp đứng đầu xứ Tây Vực.

Phía nam tòa tháp Tước Ly chừng năm mươi bộ có một tòa tháp bằng đá, hình dạng tòa tháp thẳng đứng, toàn bộ cao khoảng hai trượng, có rất nhiều thần biến, luôn luôn thể hiện làm điềm báo lành dữ cho người thế gian, đưa tay chạm vào tháp, nếu điềm lành thì chuông vàng kêu lên ứng cảm, nếu điềm dữ thì dù người rung mà chuông cũng không chịu lên tiếng.

Trong Đạo Tuyên Luật sư Trú Trì Cảm Ứng Truyện nói: "Luật Sư hỏi Tứ Thiên vương: Xá-lợi của Đức Thế tôn sau khi trà tỳ mới có được, Xá-lợi và tro đất nên đặt vào mấy tháp, Trời người rồng quỷ đều được phân chia hay không? Đáp rằng: loài người được tám phần, loài Trời được ba phần, loài Rồng được mười hai phần. Tro đất phân làm sáu phần: Quỷ thần được hai phần, Tu la được ba phần, Lực Sĩ được một phần. Trời người rồng thần các ông cẩn thận đừng gây ra tranh chấp! Đây là lời Đức Thế tôn dạy.

Lại hỏi: Tăng-già-lê của Đức Thế tôn nên an trí nơi nào, bình bát tích trượng lại an trí nơi nào? Đáp rằng: Tăng-già-lê của Đức Thế tôn giao cho cõi Trời Kiên Tật để cho dễ dàng giữ gìn bảo vệ, bình bát tích trượng giao cho cõi Trời tần già tùy theo nơi cúng dường mà mang đến. Tăng-già-lê của Đức Thế tôn trước tiên khiến an trí ở tại Kỳ-hoàn, trú lại trong mười hai năm. Bình bát đặt tại núi Linh Thứu, trú lại trong mười lăm năm. Tích trượng đưa vào Long Tuyền, trú lại trong bốn mươi năm.

Lại hỏi: Tăng-già-lê-bình bát-tích trượng... vì sao trú lại trải qua nhiều năm vậy? Đáp rằng: Đức Phật bảo cho tôi biết rằng: Ban đầu độ cho Tỳ-kheo ni làm tổn hại đến chánh pháp của ta. Lại bởi vì mạt pháp có nhiều Tỳ-kheo tệ hại tích chứa đồ vật bất tịnh, không thọ trì ba quy y cho nên hủy diệt chánh pháp, khiến cho Tăng-già-lê cùng trú lại trong Giới đàn Tăng sáu năm, trú trong giới đàn ni sáu năm, để cho chánh pháp được tồn tại lâu dài.

Lại hỏi: Tại sao Tăng-già-lê phân làm hai nơi an trú vậy? Đáp rằng: Cũng bởi vì đời mạt pháp có nhiều Tỳ-kheo-Tỳ-kheo-ni tệ hại, họ không thọ trì y bát, phạm nhiều giới cấm, không có uy đức gì. Vì vậy

Đức Thế tôn dạy đem Tăng-già-lê an trú trong giới đàn sáu năm, làm cho uy đức Tăng lên, Trời người rồng thần sanh tâm cung kính như đối với đức Phật mà không khinh chê Tỳ-kheo-Tỳ-kheo-ni. Tăng-già-lê an trú trong Giới đàn sáu năm, cũng làm cho Ni xấu xa biết tu và thực hành tám pháp cung kính cúng dường Tỳ-kheo, đừng dấy lên ý dâm mà hãy tu trì tịnh hạnh, khiến cho quỷ thần cung kính thuận theo ý Phật, ngày đêm sáu thời đến chốn già lam ủng hộ Ni Chúng; vì vậy mà an trú sáu năm.

Lại hỏi: Vì sao bình bát của Phật an trú tại núi Linh Thứu trong mười lăm năm? Đáp rằng: Đức Thế tôn trước khi chưa Niết-bàn ngài trú tại Tinh xá trên núi Linh Thứu, phân tích ánh sáng nơi lông trắng giữa chặng mày ra thành trăm ngàn phần, giữ lại một phần ánh sáng cho đệ tử thời mạt pháp, hoặc trì giới hoặc phá giới cho đến các loại Trời rồng quỷ thần, ở trong giáo pháp của Như lai có thể dấy lên một ý niệm thiện, Ngài đều ban cho ánh sáng này. Lúc Đức Thế tôn mới thành đạo, Tứ Thiên vương cúng dường đức Phật bình bát bằng đá, chỉ riêng Đức Thế tôn sử dụng được, người khác không có năng lực để giữ gìn sử dụng. Sau khi Như lai diệt độ an trí tại núi Linh Thứu, cùng với ánh áng nơi tướng lông trắng làm lợi ích cho chúng sinh. Ở trong thời mạt pháp sẽ tùy theo bình bát của Phật, hướng đến quốc độ phương khác bố thí cơm ăn cho hàng Tỳ-kheo, và các chúng Trời rồng tùy thuận với ý của Phật, cho dù tạo ra điều không đúng giáo pháp mà chung quy không bị coi là sai lầm.

Lại hỏi: Vì sao an trí tại Tinh xá trên núi Linh Thứu mười lăm năm? Đáp rằng: Ban đầu an trú năm năm, là muốn thể hiện cho các Tỳ-kheo quán sát năm ấm để chứng được tam muội; an trú mười năm, là muốn khiến cho lý giải rõ ràng các pháp đạt được Bách pháp môn. Từ đây tùy duyên lưu chuyển đi qua các nước cho đến pháp diệt vậy.

Lại hỏi: Vì sao tích trượng an trí vào trong Long Tuyền trú tại bốn mươi năm vậy? Đáp rằng: Bởi vì bảo vệ các ngoại đạo và điều phục phiền não của rồng ác phá trừ các kết sử khai bày giác ngộ pháp luân tứ đế của đại thừa. Sau khi Như lai cách xa thế gian, trong bốn mươi năm có Phi Hành La sát có thể thuyết về Tỳ-ni Tạng và mười hai bộ kinh, trá hình làm Tỳ-kheo tốt lành để ăn thịt những người trì giới, mỗi ngày làm hại bốn trăm mạng người. Vì đoạn trừ đại họa xấu ác này cho nên trấn giữ tại Long Tuyền, lại làm cho chánh pháp an trú thêm bốn trăm năm, lại làm cho Tượng pháp an trú Tăng lên đến 1năm trăm năm, lại làm cho Mạt pháp an trú Tăng lên hai vạn năm.

Lúc bấy giờ Phạm Thiên vương, đi đến nơi Đức Thế tôn thưa với đức Phật rằng: Như lai lúc mới vượt qua Hoàng thành đến nước của vua Bình Sa, hỏi thọ thần về cách tu đạo, Thọ Thần thỉnh cầu đức Phật đến cung điện rồi thưa với đức Phật rằng. Con được làm thân thần này trải qua hai mươi kiếp, chư Phật quá khứ đều đến nơi này, trong cung điện của con có một ngàn không trăm lẻ bốn tháp thờ bốn chiếc răng của chư Phật quá khứ, nay con thỉnh cầu đức Phật, cho con bốn chiếc răng sữa lúc xưa ngài còn là Đồng tử, Đức Phật rủ lòng Từ bi ban cho con bốn chiếc răng, con muốn xây tháp cúng dường! Đức Phật liền đồng ý, Ngài bảo với A nan: Con đến nơi phụ Vương Ta, từ nơi vị quan trông coi kho tạng ấy lấy bốn chiếc răng của Ta! A nan y theo lời dạy lập tức lấy mang đến. Đức Phật bảo với Thọ thần: Nay giữ lại một chiếc răng, cho ông cúng dường, ông có thể tạo tháp và biên chép kinh giáo của Ta, Ta khiến bốn đệ tử ở tại tháp nhập diệt tận định giữ gìn tháp thờ răng Ta. Lúc bấy giờ Thọ Thần liền mang bảy thứ báu đi đến trú xứ của Đức Thế tôn, nhờ vào thần lực cho nên ở trong một niệm lập tức thành tựu bốn tòa tháp, cao năm mươi do tuần, lại làm ra lâu đài bằng trân châu và dùng bạc trắng làm đài cao, ở trong bốn toà tháp này đều làm ra đài quán trang nghiêm, đầy đủ tám vạn bốn ngàn cách thức. Đã tạo dựng đài tháp rồi sau khi ta Niết-bàn-Ca-diếp kết tập xong, nên viết chép giáo pháp của Ta khiến cho Đại Tỳ-ni Tạng được an trí trong tháp ấy. Ta giữ lại tháp này, ông cố gắng hộ trì đừng làm cho tổn hoại. Đến lúc ta Niết-bàn hãy nói lại cho Văn-thù rõ ràng: ta ở trong ba đại kiếp tu tập vô lượng khổ hạnh, nay có được bốn chiếc răng đã tạo tháp án trí xong, khiến cho sau này vào thời cuối cùng lúc pháp sắp hoại diệt, làm lợi ích cho chúng sinh để chánh pháp được lưu hành xuất hiện!

Đức Phật bảo với A nan: Lúc ta mới thành đạo từ dòng sông tắm gội xong, sáu năm ta khổ hạnh móng tay móng chân không cắt bỏ, đều dài khoảng bảy tấc. Lúc ấy Đại Phạm Thiên vương thấy ta còn móng tay dài, tay cầm dao cắt bằng bảy báu cắt bỏ móng tay móng chân cho Ta. Ta đem giao cho phụ vương để người dễ dàng hộ trì. Sau khi Phụ Vương băng hà giao cho vị quan trông coi kho tạng, con có thể đi đến bảo với người ấy rằng ta cần những móng tay chân! A nan y theo lời dạy đi lấy mang đến trú xứ của Như lai. Đức Phật mở hộp lấy móng tay chân, chỉ rõ cho tất cả đại chúng: 20 móng tay móng chân của ta, màu sắc giống như đồng đỏ, đức Phật bảo với đại chúng: Trời người rồng thần các người đều có thể đem móng tay chân của ta làm cho hiện bày rõ ràng tường tận, sợ rằng trong đời vị lai các ma và ngoại đạo đem vật

tương tự khác thay cho móng tay chân thật sự của ta, nếu mọi người nghi ngờ không phải, nên dùng chày Kim cang và đe sắt rồi lấy móng tay chân đặt trên đe sắc đem chày nện vào, không làm hại chút nào, mới thật sự là móng tay chân của ta. Hoặc là dùng lửa đốt nóng nung đỏ đổi thành màu vàng ròng, phát ra ánh sáng năm màu chiếu rọi lên đến cõi Trời Hữu đãnh thấy tướng này thì chính là móng tay móng chân thật sự của Ta.

Đức Phật bảo với Văn-thù-sư-lợi và Tứ Thiên vương rằng: Từ đây về sau thời mạt pháp có nhiều Tỳ-kheo tệ hại đầy khắp cõi Diêm-phù-đề, không có uy đức-không có trí tuệ, đến một ngàn bốn trăm năm sau, các ông đem 10 móng tay của ta đi khắp tứ thiên hạ, một quốc độ dừng lại trải qua bảy ngày. Như vậy trải qua khắp nơi rồi nên đến trong hồ A Nậu Đạt trên đỉnh Hương Sơn, vào trong Kim Sa Châu an trú đến 1năm trăm năm. Ta ở trong tám mươi ức quốc độ nơi đại thiên thế giới này giáo hóa bắt đầu lưu hành đến nơi ấy, Văn-thù-sư-lợi phân thân biến làm Quốc vương, Bồ-tát Kim cang Tề phân thân, Bồ-tát Kim cang Tràng phân thân làm Tỳ-kheo, ba Đại Sĩ các ông cùng nhau lưu thông giáo pháp của Ta, mong đừng sanh lòng mệt mỏi uể oải vậy!

Lại hỏi: Chùa tháp cổ tích ở đất Hán thế nào? Đáp rằng: Nay chùa tháp các nơi phầ nhiều là nền tảng giáo pháp để lại của cổ Phật, phước địa của vua A Dục bày tỏ không thể nào xem thường. Nay có tòa tháp nổi tiếng như bình thường đã nghe, Vô Danh Tạng ấy thì khắp nơi cũng có. Như tháp chùa ở Quách Trung-Cam Châu-hà Tây, bên dưới có Xá-lợi của Cổ Phật, và bên dưới điện Phật chùa Linh Nghiêm ở Hà Châu cũng có Xá-lợi,

Xá-lợi dưới điện Phật ở sườn núi Mạch Tích-Tần Châu, Sơn Thần đang cất giữ, chùa này do Chu Mạc Vương tạo dựng tên là Chùa Linh An, trải qua bốn mươi năm sẽ có người xuất hiện. Tháp chùa Trường Ninh ở Kinh Châu là vua A Dục đã tạo lập, bên dưới có Xá-lợi, vào sâu trong lòng đất hơn một trượng, thân cốt nát vụn chứa trong năm lớp hộp đá. Ba toà tháp ở Ích Châu là Đại Thạch (nay gọi là phước cảm) Vũ Thệ (nay gọi là Tịnh Loan)-Lạc Huyện (nay gọi là Pháp Thành), đều có thần biến kỳ lạ, như trong Biệt Truyện có nói.

Lại hỏi: Tháp ở Trường Thiên-Dương đô và tháp ở huyện Mậu đều là vua A Dục tạo nên, sự việc này thế nào? Đáp rằng: Là xưa kia Lưu Tát Hà cảm được thần linh khiến hướng về thành Thượng Việt-Dương Châu nhìn thấy Trường Thiên có trạng thái kỳ lạ, nhân đó đánh dấu khai quật được, như truyện này đã trình bày. Đạo Tuyên Luật Sư

hỏi: Nếu như vậy thì đả có bao nhiêu, đã có chùa Phật hay không? Đáp rằng: Không liên quan gì đến chùa tháp Can địa phận của Trường Lũng, gọi Lũng là Can, tháp khắp nơi bên cạnh Trường Lũng sách không nói đến ư? Bao quát Can-Việt, đất Việt có nhiều Trường Lũng vậy.

Các tháp ở huyện Mậu-Lâm Hải, cũng đều là cổ tháp do vua cổ tháp do vua A Dục tạo lập là Phật trong Hiền kiếp, có xương cánh tay của Phật Ca-diếp, không phải con người trông thấy được, từ trong lòng đất mà hiện ra, để khai bày phước thiện cho thế gian ấy mà.

Có La hán đem đến núi Thiết Vi giữ lại tòa tháp nhỏ, tháp ấy có nhiều thiện thần, vả lại hiện có hai con cá trong giếng là cá Man Lê làm thần bảo vệ tháp. Cạnh đó có dấu chân trên đá, nói là nơi trước kia ba vị Phật bước qua. Xưa kia vào thời nhà Chu, địa phận này có nhiều người cư trú, cho nên thiết lập tòa tháp này.

Lại hỏi: nếu như vậy thì từ thời Chu Mục Vương về sau các vị vua xây dựng thiết lập tháp thờ, vì sao văn ký cõi này ít thấy vậy? Đáp rằng: Lập tháp là do duyên đời trước phần nhiều đều là thần linh đã tạo ra, người có thấy thì ít, cho nên văn tự ít lưu truyền. Dương Hùng Lưu xưa nay tìm trong Tạng Thư, thường thường thấy có kinh Phật, lẽ nào không phải trước thời nhà Tần đã có sao? Nay ở phía Nam dãy Hoành Nhạc khoảng chừng 600 dặm, năm về phía bắc Vĩnh Châu có thung lũng lớn, từ Đông sáng Tây hơn năm trăm dặm, từ Nam đến Bắc hơn một trăm dặm, giữa thung lũng xưa kia có người cư trú đến mấy chục vạn nhà, nay mọc lên những cây lớn, lớn thì đường kính khoảng hai, ba trượng, phía dưới không có cỏ cây, rừng sâu yên lặng đáng yêu, bên trong có dòng sông lớn, từ phía đông chảy vào Tương Giang, theo khe núi tìm kiếm thì gặp được. Phía Nam thung lũng có hang động, phía Bắc ra vào hang động, có hồ vuông vức bốn phía là bậc thềm bằng đá, nước rất sâu có rồng cư trú có người xâm phạm thì sấm sét nổi lên làm chấn động hang núi. Bên trái có nhiều cây trái thuộc loại quýt-bưởi-dương mai, trồng thành hàng thứ tự theo nhau. Phía Nam của hồ có tháp lớn do vua A Dục tạo dựng, dùng hoa đá nâng lên, phía trên dùng lồng đá che phủ tiếp giáp cùng với chân Trời. Phía Đông tòa tháp ở trên sườn núi có bia đá ghi lại, viết bằng chữ triện có thể nhận biết, đi lên bậc thang sao chép lại đủ để biết nguyên do lập nên tòa tháp.

Phía nam dãy Hoành Sơn là nơi Sư Đại Minh lập ra ngôi chùa cũng có cổ tháp... chùa đó từ Nam đến Bắc khoảng hơn mười dặm, bảy nơi-tám hội lưu truyền rộng ra, đình viện yên lặng khắp nơi đều có,

Lại hỏi: Các vị thần tự tại có uy lực rất lớn, còn như ba tòa tháp ở

Thục Xuyên đều gọi là Đại Thạch, người ta có khai quật nhưng không biết được nguồn gốc ban đầu; còn một tòa tháp ở Vũ Công-Tần Xuyên, cổ xưa tương truyền rằng: Gọi là tháp A Dục Vương, trong ba mươi năm xuất hiện một lần, từ thời Trinh Quán đời Đường đến nay đã hai lần xuất hiện ở trong cối đá, tại sao chật hẹp như vậy? Đáp rằng: Trong cảnh giới của các quỷ thần cũng có giàu nghèo không nhất định, tất cả đều là nghiệp đời trước, giống như con người không khác, trong loài Trời cũng như vậy, tùy theo những điều kiện vốn có của mỗi loài mà sử dụng để cúng dường tháp này.

Chùa Trúc Lâm ở Cổ Sơn có tên gọi từ thời đại nào vậy? Đáp rằng: Là thời Phật Ca-diếp đã làm ra, ở trong thời Chu Mục Vương lại tiếp tục tôn tạo ngôi chùa, điện Phật thời Chu Mục Vương và hình tượng vốn có, cho đến bây giờ vẫn còn tồn tại. Sơn Thần thuận theo Đức Phật thỉnh năm trăm vị La hán trú trong chùa này, trước mắt hiện có hai mươi vị Thánh Tăng đi vòng quanh chùa, bên trái hiện có năm vạn Thần Tiên có đủ Ngũ Thông, thường cúng dường Tăng chúng trong chùa này”.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 39

Thiên thứ 36: GIÀ LAM

Thiên này có ba phần: Thuật ý- Doanh tạo - Trí kính

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Nói đến xuất xứ của Già Lam, ấy là xưa kia ở Tây Vực trải vàng dựng lên nền tảng của phước thiện, Đông Xuyên kết thành cuối cùng cầu mong nghiệp thanh tịnh. Vì lẽ đó tháp báu chứa đầy ánh sáng, tinh xá đầy đủ hình tượng, khắp nơi ba ngàn thế giới, trú trì suốt một vạn năm, làm con thuyền giữa biển khổ, là thân cây của niềm tin, nhìn thấy thì phát tâm, gặp thì quên trở về, thêm phước sanh thiện, xưng là Già Lam vậy. Nhưng nghĩ rằng năm tháng cách xa giáo pháp suy yếu, chùa tượng tuy dựng lên mà ít người thành kính tạo phước, hoặc là chân thật hoặc là giả tạo, thay đổi tuỳ theo tình thế, hoặc là tinh túy hoặc là thô kệch, quả là giống như rác rưởi, khiến cho mắt nhìn thấy dấu tích đó mà không biết ý chỉ ấy, điều sử dụng hàng ngày mà không biết nguồn gốc do đâu. Vì vậy mọi người hành đạo mà tâm không hề an lạc, môn đồ dung tục đối với pháp không cón tôn kính, thế là khinh mạn phát sinh, chà đạp bắt đầu dấy khởi. Muốn bảo vệ cho giáo pháp này, cũng không phải là điều khó lắm thay! Vì thế các bậc cổ đức lập chùa, mới phát sinh nhiều tên gọi; hoặc gọi là Đạo Tràng, tức là ngôi nhà Vô Sanh; hoặc gọi là Tự, tức là ngôi nhà chung; hoặc gọi là Tịnh Trú Xá, hoặc gọi là Pháp Đồng Xá, hoặc gọi là Xuất thế gian Xá, hoặc gọi là Tinh Xá, hoặc gọi là Thanh Tịnh Vô Cực Viên, hoặc gọi là Kim Cang Tịnh Sát, hoặc gọi là Tịch Diệt Đạo tràng, hoặc gọi là Viễn Ly Ác Xứ, hoặc gọi là Thân Cận Thiện Xứ ; tất cả đều tùy theo ý nghĩa thành lập mà có sự biểu hiện của mỗi nơi. Nay đạo tục xa rời nhà ở lẽ nào có thể xứng với tên gọi hay sao?

Thứ hai- PHẦN DOANH TẠO

Dựa theo Đạo Tuyên Luật Sư Kỳ Hoàn Tự Cảm Thông Ký nói: "Kinh luật trình bày nhiều về nền móng của chùa Kỳ Hoàn, phần lớn nói rằng có tám mươi khoảnh đất một trăm hai mươi tòa nhà, theo ước định từ Đông sáng Tây có gần mười dặm, từ Nam đến Bắc hơn bảy trăm Bộ, là Thái tử Kỳ Đà và Trưởng giả Tu Đạt cùng nhau tạo thành, sau khi hoàn thành trải qua hai trăm năm thì bị lửa cháy không còn, lúc ấy ở Trung Hoa đang là năm thứ ba mươi mốt niên hiệu Bình Vương-triều vua Cơ Nghi Cữu nhà Chu thứ mười ba. Thái tử Kỳ Đà lúc đầu không bằng lòng bán, sau thấy trải vàng nên dâng cúng hết sức vui vẻ, liền nói với Trưởng giả rằng: Tôi tự mình dựng chùa không nhờ vào ông. Tu Đạt không đồng ý, vì vậy hai người cùng tạo dựng. Thái tử lập nguyện, nếu sau này hoang phế thì nguyện xây dựng lại. Đúng lúc bị cháy nhà cửa tiêu tan, tất cả được xây dựng lại như ban đầu không khác. Vì sao bị thiêu huỷ? Bởi vì lúc Tu Đạt làm người bình thường bán thịt có được tiền của, ở nơi hèn mọn đến chỗ cao sang nên thường nguyện tiết kiệm hoang phí, gia đình tuy rất giàu có mà tiền của là do tâm bẩn thỉu làm ra, lấy xây dựng chùa này cuối cùng gặp phải cảnh tro tàn điêu linh. Nguyện lực của Thái tử phát sinh từ tâm thanh tịnh. Cho nên nghiệp hành có khác nhau biểu thị cho tâm nhiễm tịnh ấy vậy. Về sau năm trăm năm có Chiên Dục Ca Vương, y theo nơi này mà xây dựng, mười phần không bằng một phần. Trải qua một trăm năm bị giặc cướp đốt sạch. Qua mười ba năm sau có vị vua tên là Lục Sư Ca, theo như trước xây dựng lại, nhà cửa tráng lệ đều trang nghiêm bằng vật báu, một trăm năm sau gặp vị vua tàn ác hủy hoại làm thành nơi giết người. Tứ Thiên Vương và Sa Kiệt Long vương rất phẫn nộ, dùng đá lớn đè chết kẻ phá hủy, trải qua chín mươi năm hoang vu không có bóng người và loài vật. Đao Lợi Thiên Vương sai người con thứ hai xuống trần làm vị vua loài người, lại y theo nơi này xây dựng, trang hoàng rực rỡ hơn thời Phật tại thế. Trải qua một trăm năm mươi năm bị ma cõi Trời thiêu rụi, lúc này ở Trung Hoa đang là năm thứ ba mươi chín thời Hiến Đế cuối triều nhà Hán. Lấy sự việc ngày xưa để chứng minh, từ thời Hiển Tông về sau các thời Hoà An, Hoàn Linh, Tây Vực qua lại thông thương người đi đường nối gót theo nhau, thì thấy Thiên Vương tiến hành tu sửa, duyên của Kỳ Thọ lại tốt tươi. Về sau tuy có người xây dựng mà chỉ tiếp nối nền tảng để lại, cho đến ngày nay vẫn hoang vắng mà thôi".

Dựa theo Nam Thiên Vương tử soạn Kỳ Hoàn Đồ một trăm quyển, Bắc Thiên Vương tử soạn Ngũ Đại Tinh xá Đồ hai trăm quyển, đều ở tại

bổn Thiên không thể nào thuật lại hết được. Nói đến pháp dựng chùa thì công dụng không thể quy định mẫu hình, tùy theo thí chủ mà vật dụng có dồi dào hoặc vừa đủ, tuy khả năng làm được, nhưng mà cần phải dụng tâm tinh thành để xây dựng, vật dụng làm chùa tuy ít mà được vô cùng to lớn.

Do đó trong kinh Vô Thượng Y nói: "Tuy xây dựng tháp miếu phụng thờ Thánh Nhân Tứ quả đầy khắp Tứ thiên hạ để suốt đời cúng dường, mà không bằng có người sau khi đức Phật Niết-bàn có được Xá-lợi của Phật xây tháp cúng dường, công đức có được hơn hẳn công đức trước, trăm ngàn vạn ức phần không thể làm ví dụ. Một là do phước có hơn-kém, hai là do tâm có mạnh yếu. Nếu như có tâm chân thật, cho dù ít hãy còn đạt được nhiều phước, huống là đối với nhiều ư? Nếu như có tâm giả tạo, thì cho dù lớn hãy còn được ít phước, huống là đối với nhỏ ư? Vì vậy hành giả, nếu như muốn tạo tác thì nhất định phải thiết tha sâu nặng, không được khinh mạn".

Như kinh Hiền Ngu nói: "Người Trời nói với Trưởng giả Tu Đạt rằng: Trước đây ông gặp được Phật có lợi ích thật to lớn; đích thực khiến cho nay có được trăm xe châu báu, không bằng xoay chân một bước hướng về Đức Thế tôn, chính là khiến cho đạt được trăm xe voi chở đầy châu báu, không bằng đưa chân một bước hướng về Đức Thế tôn; cho dù nay có được châu báu chứa đầy trong một Tứ thiên hạ, không bằng một bước đưa chân hướng về Đức Thế tôn, lợi ích đạt được càng nhiều hơn gấp trăm ngàn vạn lần. Nghe xong vô cùng hoan hỷ. Đức Phật thuyết pháp cho nghe đạt được quả vị Tu-đà-hoàn. Tu Đạt hỏi Xá-lợi-phất: Đức Thế tôn đi một ngày có thể được mấy dặm? Xá-lợi-phất nói: Một ngày nữa do tuần, như cách đi lại của Chuyển-luân-vương, Đức Thế tôn cũng như vậy. Bấy giờ Trưởng giả Tu Đạt, liền đi tiếp theo, được hai mươi dặm thì dừng lại làm tinh xá. Tu Đạt thỉnh cầu Thái tử mong muốn mua khu vườn xây dựng tinh xá. Thái tử Kỳ Đà nói: Nếu có thể dùng vàng ròng trải khắp mặt đất khiến cho trong đó không có chỗ nào trống, thì sẽ bán cho. Tu Đạt đồng ý, xin thuận theo giá trị đó. Thái tử Kỳ Đà nói: Tôi nói đùa mà thôi! Tu Đạt nói: Thái tử không nên nói dối. Thế là hai người cùng nhau tranh cãi. Lúc ấy Thủ Đà Hội Thiên hóa thành một người, phân giải tường tận cho hai người rằng: Nói về tiêu chuẩn của Thái tử thì không thích hợp với lời nói dối, giá trị đã quyết định rồi không nên giữa chừng hối hận! Thái tử liền thuận lời. Thế là Tu Đạt sai người dùng voi chở vàng trải ra trong tám mươi khoảnh đất, trong chốc lát sắp hoàn thành, còn thừa lại một ít đất. (Kinh Tạp A-hàm nói:

Còn lại năm trăm bộ. Kinh Bộ cũng nói: Thái tử Kỳ Đà có khu vườn tám mươi khoảnh cách thành không xa). Tu Đạt tư duy: Sao kho vàng vừa đủ không nhiều không ít, trước mắt lấy lát cho đầy vườn. Kỳ Đà hỏi. Chê đất mà gác lại, nên nói là không vậy thôi? Tu Đạt nói: Không phải vậy, tự nghĩ rằng kho vàng nào thì có thể vừa đủ để lát cho đầy vườn! Kỳ Đà nghĩ rằng: Phật ắt phải là bậc đức độ vĩ đại, mới khiến cho người này coi nhẹ của báu như vậy? Bảo rằng đủ rồi tạm thời đừng trải thêm vàng nữa, đất vườn thuộc về ông-cây cối thuộc về tôi, tôi tự mình dâng cúng Phật cùng nhau xây dựng tinh xá. Tu Đạt hoan hỷ, liền đồng ý như vậy, lập tức trở về nhà nhận tiến hành công việc. Lục Sư nghe tin đến thưa với Quốc vương: Trưởng giả Tu Đạt mua vườn của Thái tử, muốn xây dựng Tinh Xá cho Sa-môn Cù đàm, cho phép đồ chúng của tôi cùng đấu pháp thuật với nhau, Sa-môn thắng được thì mặc họ xây dựng, nếu họ không bằng thì không được xây dựng, đồ chúng của Cù đàm ở thành Vương-xá, đồ chúng của chúng tôi sẽ cư trú ở đây. Nhà vua báo cho Tu Đạt biết, Lục Sư đưa ra lời như vậy. Tu Đạt ưu sầu buồn phiền không vui, Xá-lợi-phất cảm thấy kỳ quái hỏi sao không vui. Tu Đạt thuật lại đầy đủ mà trả lời. Xá-lợi-phất nói: Cho dù Lục Sư đầy đủ khắp cõi Diêm-phù-đề, nhiều như rừng trúc cũng không có năng lực lay động một sợi lông trên chân Ta, muốn đấu như thế nào, tự nhiên cứ thuận theo! Tu Đạt hoan hỷ, lập tức báo lại với Quốc vương, bảy ngày sẽ thi đấu ở nơi rộng rãi ngoài thành. Lúc ấy Xá-lợi-phất cùng với Lao độ sai đều hiện bày thần thông biến hóa, nhưng ngoại đạo không bằng (Đầy đủ ở kinh văn). Lúc ấy Xá-lợi-phất đã thấy ngoại đạo bị khuất phục, liền thuyết pháp cho nghe, tuỳ theo nhân duyên túc phước bổn hạnh của họ mà đạt được dấu tích đạo pháp ngày xưa. Đồ chúng của Lục Sư gồm có ba ức đệ tử, hướng về Xá-lợi-phất cầu xuất gia học đạo. Thi đấu kỹ xảo xong rồi tất cả đều dừng lại. Trưởng giả Tu Đạt cùng với Xá-lợi-phất ở lại mưu tính xây dựng tinh xá. Tu Đạt tự tay cầm một đầu dây, lúc ấy Xá-lợi-phất tự mình nắm một đầu, cùng điều hành xây dựng tinh xá. Bấy giờ Xá-lợi-phất mỉm cười vui vẻ, Tu Đạt hỏi rằng: Tôn giả cười điều gì? Đáp rằng: Ông bắt đầu ở nơi này mua đất, thì cung điện đã hoàn thành ở trong cõi Trời Lục Dục. Liền nhờ vào đạo nhãn thấy rõ cung điện trang nghiêm thanh tịnh cõi Trời Lục Dục, hỏi Xá-lợi-phất rằng: Trong sáu cõi này thì nơi nào an vui nhất? Xá-lợi-phất nói: Ba cõi dưới là nhiễm vào sắc, hai cõi trên thì kiêu mạn phóng dật, trong cõi Trời thứ tư là ít ham muốn biết vừa đủ, luôn luôn có một vị Bổ xứ Bồ-tát, sanh đến trong cõi đó, thuyết pháp dạy bảo không gián

đoạn. Tu đạt nói rằng: Con nhất định sanh trong cõi Trời thứ tư. Lời nói phát ra đã xong thì cung điện khác đều mất đi, chỉ riêng cung điện cõi Trời thứ tư vẫn nguyên vẹn. Lại tiếp tục di chuyển sợi dây, lúc ấy Xá-lợi-phất đau thương sầu thảm đối với nét mặt. Tu Đạt liền hỏi: Tôn giả vì sao sắc mặt không vui? Đáp rằng: nay ông thấy bầy kiến trong lòng đất này không vậy? Trả lời rằng đã thấy. Lúc ấy Xá-lợi-phất nói với Tu Đạt rằng: Ông ở thời đức Phật Tỳ-bà-thi trong quá khứ, cũng ở tại nơi này xây dựng tinh xá cho Đức Thế tôn ấy, mà đàn kiến này đang sống trong này, thậm chí từ bảy đức Phật đến nay ông đều xây dựng tinh xá cho Phật, nhưng đàn kiến này cũng còn sống trong này, cho đến bây giờ suốt chín mươi mốt kiếp nhận chịu một loại thân không được giải thoát, sanh tử lâu dài chỉ có phước là quan trọng, không thể không gieo trồng. Lúc này tâm Bi của Tu Đạt vô cùng đau thương, đo đạc đất đai đã xong rồi tiến hành xây dựng tinh xá, làm hang cho đức Phật, lấy diệu chiên đàn dùng làm bùn thơm, phòng ốc cư trú nơi khác có một ngàn hai trăm chỗ, tất cả một trăm hai mươi chỗ khác biệt đều treo chuông khánh, bài trí đã xong, muốn đến thỉnh Phật, liền hướng đến thưa với nhà vua. Nhà vua nghe xong lập tức phái người thỉnh Phật. Đức Thế tôn cùng với bốn chúng vây tròn trước sau, phóng ra ánh sáng rộng lớn chấn động Trời đất, soi chiếu khắp tam thiên thế giới, các loại nhạc cụ trong kinh thành không đánh mà tự phát âm thanh, người bệnh hoạn đui điếc đều được lành bệnh, trai gái lớn nhỏ nhìn thấy điềm lành ứng hiện này, hoan hỷ nhảy múa cùng nhau đi đến nơi Phật, mười tám ức người cùng đến tụ hội. Bấy giờ Đức Thế tôn tùy theo bênh mà đưa cho thuốc, thuyết diệu pháp cho mọi người, tất cả đều đạt được dấu tích của đạo. Đức Phật bảo với A-nan: Nay đất vườn này Tu Đạt đã mua, rừng cây hoa trái Kỳ Đà vốn có, hai người chung lòng nhau xây dựng tinh xá, thuận theo nên gọi là Thái tử Kỳ Đà Thọ-Cấp Cô Độc Thực Viên, tên gọi truyền bá khắp nơi nêu rõ cho đời sau biết. Bấy giờ A-nan và bốn bộ chúng, nghe lời đức Phật thuyết ra cung kính vâng mạng thực hàng”.

Lại trong kinh Niết-bàn nói: “Tu Đạt lấy vàng thuận theo tụ tập trải kín mặt đất, trong một ngày chỉ có năm trăm bước, vàng chưa trải kín khắp nơi, Kỳ Đà liền nói với Tu Đạt: Chỗ còn lại chưa lát ất không cần phải dùng vàng, xin được coi là tặng nhau, tôi tự mình vì đức Phật xây dựng tòa lầu trên cổng, thường để cho Như lai ra vào đi qua. Thái tử Kỳ Đà tự mình làm ra tòa lầu trên cổng, Trưởng giả Tu Đạt trong bảy ngày thành lập phòng ốc rộng lớn, đủ ba trăm ngôi, thiền phòng nơi vắng lặng có sáu mươi ba, nhà ở mùa Đông-phòng trú mùa Hạ tất

cả đều khác nhau, nhà bếp-phòng tắm-nơi rửa chân, nhà vệ sinh tất cả đều đầy đủ chu toàn". Hỏi rằng: Vì sao Như lai chỉ an trú nơi vườn này vậy? Đáp rằng: Dựa theo Chân Đế Sư Truyện nói: "Thời quá khứ đức Phật thứ tư là Câu Lưu Tôn Phật, con người thọ bốn vạn tuổi, có Trưởng giả tên gọi Tỳ Sa, mặt đất này rộng một do tuần, chỉ dùng vàng lá lát đất, đầy khắp trên đó, dâng cúng Như lai để làm trú xứ. Thời đức Phật thứ năm là Câu Na-hàm Mâu Ni Phật, con người thọ ba vạn tuổi, có Trưởng giả tên gọi Đại Trưởng giả tên gọi Đại Gia Chủ, bởi vì đất vườn này rộng ba mươi dặm, chỉ dùng bạc trắng trải đất vườn ấy, và lấy sữa trâu cùng con nghé chứa đầy trong đó, dâng cúng Như lai xây dựng làm trú xứ. Thời đức Phật thứ sáu là Ca-diếp Ba Phật, con người thọ hai vạn tuổi, có Trưởng giả tên gọi Đại Phan Tướng bởi vì đất vườn này rộng hai mươi dặm, chỉ dùng bảy thứ báu trải khắp đất vườn ấy, dâng cúng Như lai xây dựng làm trú xứ. Đức Phật thứ bảy nay là Thích Ca Mâu Ni Phật, con người thọ một trăm tuổi, lúc ấy có Trưởng giả tu Đạt, ở đất vườn này rộng chỉ mười dặm, dùng toàn vàng thỏi lát đất đầy khắp trong vườn, vàng dày năm tấc, mua đất vườn này dâng cúng Như lai xây dựng làm trú xứ. Về sau lúc Phật Di-lặc xuất thế, con người thọ tám vạn tuổi, bấy giờ Tu Đạt là Đại Thần của nước Nhương Khư, tên gọi Tu Đạt Ma, đất vườn này vẫn rộng một do tuần, dùng toàn bảy thứ báu trải đầy khắp mặt đất, dâng cúng Như lai xây dựng làm trú xứ. Quá khứ và vị lai tuy đất rộng ra hay hẹp lại, nhưng chung quy là một chỗ, người chủ động dâng cúng tuy có trước sau, căn cứ vào thể mà luận vẫn là một người, luôn luôn là Trưởng giả vô cùng thịnh vượng và giàu có, thường đảm nhiệm cúng dường chư Phật mãi không thôi, đến thời đức Phật Thích Ca mới đạt được quả vị Tu-đà-hoàn, lúc lâm chung đạt được quả vị A-na-hàm. Đến thời Phật Di-lặc xuất thế mới chứng đến quả vị A-la-hán". Vì vậy trong kinh Tạp A-hàm nói: "Trưởng giả Cấp Cô Độc lâm bệnh, đức Phật tự đi đến thăm hỏi bệnh tình, thọ ký Trưởng giả đạt được quả vị A-na-hàm, cho đến mạng chung sanh lên cõi Trời Đâu Suất Đà, luôn luôn xuống trần đến lễ lạy đức Phật và nghe pháp xong trở về trên cõi Trời (Đây là dựa vào trong dấu tích nêu ra nói về tướng Tiểu thừa ấy, luận bàn thật sự chính là bậc đại thừa Bồ-tát)"

Lại trong kinh Đại Tập nói: "Đức Phật bảo với những Phạm Thiên Vương rằng: Các đệ tử Thanh văn của Ta tương ưng với ba nghiệp hiện tại-vị lai, và tương ưng với ba loại Bồ-đề, hữu học-vô học, trì giới đầy đủ, thiện hạnh-đa văn, độ các cúng dường ở trong biển cả của ba cõi, và các thí chủ, vì các đệ tử Thanh văn của Ta mà tạo dựng chùa tháp, lại

cũng cung cấp tất cả những thứ cần thiết, cùng với quyến thuộc của họ gởi gắm giao phó các ông, đừng để cho vua tàn ác phi pháp làm cho não loạn! Bấy giờ Phạm Thích Thiên vương-Long vương-Dạ-xoa..., chắp tay hướng về đức Phật mà thưa lời rằng: thưa bậc Đại đức Bà già bà, đã có chùa tháp của tất cả Như lai và nơi A-lan-nhã, cùng với đời vị lai, nếu có người tại gia hay xuất gia, làm nơi xây dựng chùa tháp hướng về đệ tử Thanh văn của Đức Thế tôn, chúng con đều cùng nhau bảo vệ giữ gìn, khiến cho xa lìa tất cả các nạn lo sợ hãi hùng; cũng như có người cung cấp giúp cho đồ ăn thức uống-áo quần-giường chiếu-thuốc thang và tất cả những thứ cần thiết, những thí chủ như vậy chúng con cũng xin nhận bảo vệ giúp đỡ dẫn dắt cho họ".

Vì vậy trong kinh Thất Phật nói: "Bảo vệ Tăng già lam, thì thần bảo vệ này có mười tám vị: 1- Mỹ âm, 2- Phạm âm; 3- Thiên cổ; 4- Thán Diệu; 5- Thán mỹ, 6- Ma diệu, 7- Lôi Âm, 8- Sư Tử, 9- Diệu thán, 10- Phạm hưởng, 11- Nhân âm, 12- Phật Nô, 13- Thán đức, 14- Quảng mục, 15- Diệu nhãn, 16- Triệt thính, 17- Biến thị. Chùa đã có thần bảo vệ, người cư trú nên tự mình cố gắng không được lười nhác, sợ rằng chuốc lấy báo ứng hiện tại".

Thứ ba- PHẦN TRÍ KÍNH

Thuật rằng: Y như Tây Vực, tất cả trai gái đã đến già lam, đến ngoài cửa chùa thì mừng là đã có cơ hội, trước tiên sửa lại áo quần chung quy là cùng một lễ nghi, đi vào cửa chùa rồi lại kính cẩn vái lạy, sau đó khoan thai tiến thẳng vào, không được nghiêng ngó hai bên.

Do đó trong kinh Niết-bàn nói: "Đến Tăng phòng thì có bảy pháp: Một là phát sanh niềm tin, hai là lễ lạy, ba là nghe pháp, bốn là chí tâm, năm là suy nghĩ ý nghĩa, sáu là như thuyết tu hành, bảy là hồi hướng Đại thừa làm lợi ích yên lành cho nhiều người. An trú trong bảy thiện pháp tối thắng tối thượng này thì không thể ví dụ được".

Trong kinh Úc Ca Trưởng giả nói: "Đức Phật dạy: này Trưởng giả! Bồ-tát ở nhà đi vào tinh xá chùa Phật, nên đứng ngoài cổng nhất tâm làm lễ, sau đó đang lúc đi vào tinh xá nên tự nghĩ rằng: Lúc nào mình sẽ được ở chốn chùa chiền xa rời mọi sự dơ bẩn của thế gian như vậy?"

Trong Thập Trú Tỳ Bà Sa Luận nói: "Bồ-tát tại gia nếu đi vào chùa Phật, thì lúc ban đầu sắp bước vào, ở ngoài cổng chùa năm vóc lạy sát đất nên dấy lên nghĩ rằng: Đây là trú xứ của người hiền thiện, trú xứ của hạnh từ bi hỷ xả, vì vậy cần phải lễ lạy. Nếu gặp các Tỳ-kheo đầy

đủ oai nghi, gặp rồi cung kính chí tâm lễ lạy tiếp cận chào hỏi nghiêm túc".

Lại trong kinh Tự Ái nói: "Lúc ấy có vị Quốc vương đến nơi đức Phật, từ xa thấy tinh xá nên xuống xe cất lọng, tháo gươm cởi giày chắp tay vái mà tiến thẳng vào".

Trong Tăng Kỳ Luật nói: "Nếu lúc đi nhìn thẳng thì quay lại hợp với thân tướng, cuối cùng đi vòng lại thì trước tiên đặt gót chân xuống sau đó đặt ngón chân xuống".

Trong Trí Độ Luận nói: "Ra vào qua lại nhất tâm khoan thai, nâng bước đặt chân nhìn mặt đất mà đi, vì tránh làm loạn tâm và vì bảo vệ chúng sinh, đây gọi là tướng của Bồ-tát bất thối".

Lại trong Tây Quốc Tự Đồ nói: "Đi đến nơi thờ Phật lễ lạy ba lạy xong, đi quanh ba vòng khen ngợi Tam bảo, lễ lạy đã xong mới đến Tăng phòng, ở ngoài Tăng phòng vái một lạy sau đó bước vào gặp người bề trên, lần lượt về sau đều lạy ba lạy, Tăng nhiều thì một vái. Nếu như thấy điều không đúng pháp thì không được chê trách mỉa mai, nếu như phát ra lời khinh chê quở trách thì tự mình mất đi phước thiện ích lợi, không thích hợp để đi vào chùa".

Do đó kinh Niết-bàn nói: "Người đi vào chùa, trước hết bỏ lại dao gậy và các vật dụng khác ở ngoài, sau đó hãy đi vào chùa. Cởi bỏ dao gậy, ấy là loại trừ tâm lý nóng giận nơi thờ kính Tam bảo, cởi bỏ vật dụng khác, ấy là loại trừ tâm niệm cầu xin từ Tam bảo. Tạm thời loại trừ hai sai lầm này mới có thể bước vào chùa, thuận theo đức Phật mà đi, không được đi ngược lại. Nếu như gặp duyên chướng ngại vòng quanh về bên trái, thì luôn quán tưởng đức Phật ở bên phải. Lúc vào ra đều xoay mặt hướng về đức Phật. Lễ lạy Tam bảo, là luôn luôn nghĩ đến Thể chỉ là một. Tại vì sao? Bởi giác ngộ đầy đủ các pháp gọi là Phật, đạo đã giác ngộ gọi là pháp, người học Phật đạo gọi là tăng, thì biết hết thảy phàm Thánh cùng một thể không khác nhau. Nếu lúc bước vào chùa thì cúi đầu nhìn xuống đất, không được nhìn lên cao. Nhìn thấy mặt đất có sâu kiến đừng làm cho thương tổn. Nên ca hát ngợi khen Tam bảo, không được nhổ khạc trên đất già lam. Nếu thấy cỏ cây rác rưởi thì cần phải trừ bỏ".

Trong Tứ Phần Luật nói: "Bước vào chùa Tăng rồi nên trước tiên lễ lạy tháp Phật, tiếp đến lễ tháp Thanh văn, sau đó lễ Thượng tọa thứ nhất cho đến Thượng tọa thứ tư".

Còn trong Ngũ Phần Luật nói: "Nếu vào chùa Tăng nhiều thì chỉ lễ bái vị Sư đứng đầu, những người còn lại lễ chung mà đi".

Lại trong Tứ Phần Luật nói: “Phải lễ lạy tháp người quá cố trong năm chúng xuất gia và tháp thờ Như lai”.

Lại trong Ngũ Bách Vấn Sự nói: “Đệ tử cần phải lễ lạy phần mộ của Sư, để báo ân vậy”.

Trong kinh Tăng Nhất A-hàm nói: “Trong tháp không nên lễ lạy người khác”.

Lại trong Thập Tụng Luật nói: “Trước tháp Phật-tháp Thanh văn mình và người không được lễ lạy nhau”.

Lại trong Ngũ Bách Vấn Sự nói: “Trước tháp Phật lễ lạy người khác thì mắc sai lầm”.

Lại trong kinh Tam Thiên Oai Nghi nói: “Không được trên chỗ ngồi làm lễ (thời nay có nhiều chùa và những người tại gia, thấy có đạo-tục ở trên giường lễ Phật, đây là điều rất kiêu mạn, ví dụ như muốn lạy vua cõi người, há có thể ở trên giường mà lạy chăng? Vua cõi người hãy còn tự mình không cho phép, huống hồ là bậc Pháp Vương ư? Có thể sánh với nhau ư?)”

Trong Tăng Ni Mẫu Luật nói: “Không được mang giày da-ủng da đi vào trong tháp”.

Trong Ngũ Bách Vấn Sự nói: “Nếu là giày ủng dép cỏ... sạch sẽ thì có thể mang mà lễ lạy không ngại”.

Trong Kỳ Kỳ Luật nói: “Nếu được người khác lễ lạy thì không được giống như cừu dê câm ngọng không nói gì, nên hỏi thăm đáp lễ nhau, ít bệnh tật-ít lo buồn, an lành không, đường đi không nhọc nhằn vất vả chứ?”

Thuật rằng: Nếu có kẻ sĩ, hoặc là nhân duyên hoạn nạn cần phải đến chùa trú ngụ, không được nằm trên giường chiếu của Tăng, nhất định phải vô tư mà mượn chỗ nằm đúng như pháp, nhưng không được cùng với Tăng chung một giường mà nằm. Vì vậy trong kinh Bảo Lương nói: “Cùng với Tăng chung giường nửa thân chết khô rơi vào địa ngục, nhận chịu khổ đau quá sức”. Lúc Tăng chưa ngủ không được vào ngủ trước, không được trêu ghẹo cười đùa nói lới không đúng pháp làm mất oai nghi kinh động tâm tư mọi người. Nếu có đi cầu tiểu hay khạc nhổ, vì ở lại cầu pháp, không thể đi ra ngoài được thì không phạm. Lúc ngủ thì nằm nghiêng hông phải sát giường lấy chân xếp lên nhau, tâm luôn luôn nghĩ đến Trời sáng sẽ dậy sớm, biểu thị cho nhân đó xuất gia vậy. Vì thế trong kinh nói: “Người nằm ngửa là cách nằm củA-tu-la, người nằm úp xuống đất là cách nằm của ngạ quỷ, người nằm nghiêng hông bên trái là cách nằm của người tham dục, người nằm nghiêng hông bên

phải là cách nằm của người xuất gia". Chúng Tăng chưa dậy thì mình sáng sớm dậy trước, nghi dung áo quần nghiêm túc đến trước phòng Tăng. Vì vậy trong kinh Sa-di Oai Nghi nói: "Nếu vào phòng Sư nên bật ngón tay ba lần". Còn trong kinh Tam Thiên Oai Nghi nói: "Nếu vào phòng sư nên có đủ năm pháp: 1- Ở bên ngoài bật ngón tay, 2- Nên cởi nón, 3- Làm lễ, 4- Đứng thẳng bảo ngồi mới ngồi, 5- Không nên trì kinh".

Lại trong Tăng Kỳ Luật nói: "Đệ tử nên dậy sớm trước tiên bước chân phải đi vào phòng Sư rồi đầu mặt lạy dưới chân thưa hỏi giấc ngủ an lành không?" cho nên trong Thiện Kiến Luận nói: "Đệ tử vào gặp Sư nên tránh sáu chỗ: 1- Không được ở trước mặt, 2- Không được ở sau lưng, 3- Không được quá xa, 4- Không được quá gần, 5- Không được ở chổ cao, 6- Không được đứng trên gió. Nên vừa phải không gần không xa cạnh tường mà đứng, để cho sư nói nhỏ có thể nghe thấy, không hao tổn sức lực của Sư". Còn lúc muốn đi, oai nghi tiến lên hay dừng lại đều không được xa rời Sư. Vì vậy Thiện Kiến Luận nói: "Đệ tử đi theo Sư, không được cách xa Sư bảy thước". Lại Trong Sa-di Oai Nghi nói: "Đệ tử đi theo Sư, không được dùng chân giẫm lên bóng Sư".

Thuật rằng: Nếu người nữ đi vào chùa thì pháp sử dụng giống như trước, nhưng không được ở trên chỗ ngồi của người nam có biểu hiện cười nói với nhau, son phấn xoa mặt kẻ mày vẽ mắt trang điểm giả tạo, trêu ghẹo trái với phép tắc cùng nhau phô trương hình thức, cầm tay làm lay động người, nhất thiết phải nhiếp tâm chỉnh tề dung mạo thuận theo người khác chỉ bày, theo thứ tự cầm hương nhất tâm cúng dường sám hối tự trách mình, sanh trong thân phận người nữ luôn luôn thành chướng ngại ngăn cách, đối với diệu pháp này không có nhân duyên tu học phụng sự, không được tự mình chuyên tâm mà phải nhờ vào người khác lo liệu, như nhau sao mà khổ vậy! Sanh lòng đau xót vô cùng. Nếu gặp Sa-di thì lễ chào giống như Đại Tăng. Đừng vì địa vị nhỏ mà không kính trọng, ở đây đối với Đại Tăng là nhỏ mà ở thế tục là tôn quý. Những pháp như vậy ra sức mà thực hành, pháp dụng đã nhiều, thuật đầy đủ ở thiên Sĩ Nữ.

Thuật rằng: Nếu như nam nữ đã kết thúc công việc tu tập của mình, cần phải rời khỏi chùa, đến trước tháp Phật lễ lạy ba lạy, vẫn cần phải đi quanh về bên phải ba vòng chắp tay ca ngợi công đức sau đó lùi lại mà đi, đi ra bên ngoài cổng chùa lại lễ một lạy. Nếu lúc gặp tăng, đồ chúng ít thì mỗi vị lạy chào ba lạy, nếu Tăng nhiều thì từ biệt chung bằng ba vái. Vì vậy trong Thiện Kiến Luận nói: "Lúc lễ Phật nên đi

quanh ba vòng ba lạy, làm lễ bốn phương, chắp hai bàn tay đưa tay lên đỉnh đầu đi lùi lại mà ra ngoài. Hết đường không thấy Như lai, lại tiếp tục làm lễ quay lại phía trước mà đi (Biểu thị cho lòng ngưỡng mộ Tam bảo trùng điệp mà báo ân vậy)". Phàm là hạnh muốn đi vào chùa thì đó là gieo duyên tố xuất thế, xây dựng chùa tháp là nhân tố mở mang Tịnh độ, cúng dường tăng là quỹ phạm của sự xuất ly. Suy nghĩ về bản chất thô tục của thế gian ô trược mà bước vào nơi thanh tịnh an lành của chốn già lam, tất cả việc làm sợ rằng trái với pháp tắc chuẩn mực, mà nếu như có thể trở về với gia đình thì cũng xả bỏ chút ít để tự chuộc lỗi mình, biểu thị cho Tăng có pháp thí-Tục có tài thí hành động thích hợp trong ngoài đều lợi ích vậy.

Tụng rằng:

Gió huyền diệu lướt trên Tây Độ,
Tấm gương lòng soi sáng Đông Căng
Sông lớn mở ra hòm vật báu,
Dưới đất phước tàng ẩn dây vàng.
Màn thêu cao có thể chiếu rọi,
Lầu gác trùng điệp nối tiếp nhau
Điều khiển mặt Trời không khó mượn,
Vị thầy trên mây vốn dễ nhờ
Lầu Dương Diệm nghi ngờ khó được,
Xe Thái Âm tương tự lỗ băng
Quay lại đề sao bay lặn xuống,
Rèm cửa dài sương đêm ngưng tụ
Cờ trước cổng chuyển ánh bình minh,
Xe chuyển đạo hấp mây chiều tối
Kỳ Hoàn nhiều vật dụng linh thiêng,
Trúc Viên đầy hiện tượng tốt lành
Bút nhỏ bé khó ghi hết được,
Thân mảnh mai trộm tự lên cao
Nhàn rỗi chỉ có được nương nhờ,
Ân đức vĩnh viễn khó hơn hẳn.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra 19 chùa: 1- Chùa Kiến Nguyên thời Tấn và chùa Kiến Khang Thái Thanh; 2- Chùa Linh Vị thời Tống ở vùng Tưởng Lâm-Chung Sơn; 3- Chùa Bình Đẳng thời Hán ở Nam kinh; 4- Chùa Thăng Bình Bạch Tháp thời Tấn ở vùng Tam Tỉnh-Mạt Lăng; 5- Chùa

Bạch Mã thời Tấn ở Hoàng Lý-Kiến Khang Trung; 6- Chùa Thạch Lương-Thiên Thai Sơn ở Lâm Hải; 7- Chùa Bồng Lai Sơn Thánh vùng Đông Hải; 8- Chùa Đường Thuật Cốc Tiên-Lâm Hà vùng Bảo Hãn; 9- Chùa Trúc Lâm Thánh-Thạch Cổ Sơn ở Tương Châu thời nhà Tề; 10- Chùa Linh Ẩn Thánh-Lâm Lự Sơn ở Nham Châu; 11- Chùa Minh Tịch Sơn Thánh ở Tấn Dương; 12- Chùa Đại Phù Thánh-Ngũ Đài Sơn ở Đại Châu; 13- Chùa Đan Lĩnh Thánh ở Thái Sơn thời Ngụy; 14- Chùa Cửa Không Tiên-Thái Nhất Sơn ở Ung Châu; 15- Chùa Trúc Lâm-Đại Tần Lĩnh ở chung Nam Sơn; 16- Chùa Độc Thánh ở Quan Nam-Đạo Tử Ngọ-Lương Châu; 17- Chùa Cự Minh Thánh ở Chiết Cốc-Chung Nam; 18- Chùa Cảm Cung Thánh ghi lại trong Tây Vực Chí; 19- Tổng quát thuật lại Trung Biên Hóa Tích Giáng Linh Ký.

1. Chùa Kiến Nguyên thời Tấn, nền tảng là chùa làng Kiến Khang Thái Thanh, năm thứ hai thời Nguyên Huy-Tống Bắc Đệ, người trong cung là Trần Thái Phi xây dựng chùa tháp, Xá-lợi linh ứng nhiều lần tự mình xem, mỗi đêm đều phát ra ánh sáng, phía sau đại điện của chùa họa hai hình tượng của Ca-tỳ-la vương và Tỳ sa môn Thiên Vương. Nếu có Tăng lữ mất oai nghi hoặc trẻ nhỏ khinh mạn, thì luôn luôn tác động đến biểu hiện lạ lùng khiến cho họ cung kính. Nếu như người thành kính lễ lạy sám hối thể hiện tâm tư thiết tha, thì nhất định giữa hư không có tiếng bật móng tay, hoặc là đi vòng quanh để bảo vệ. Trong đó có người thỉnh phước nguyện, không có ai không thỏa lòng như ý.

2. Chùa Linh Vị thời nhà Tống, ở vùng Tưởng Lâm-Chung Sơn-Kiến Khang, năm thứ ba thời Tống Vĩnh Sơ, Sa-môn pháp Ý bắt đầu xây dựng, cuối thời Tấn có Sa-môn Cao dật, không rõ danh tánh hình Tích, ở trên núi đá uống nước khe, thường ở vùng Chung Sơn, một đêm vắng bỗng nhiên nghe tiếng đá sụt lở rơi xuống, tiếng vang làm chấn động khu rừng, sáng sớm đi xem xét chỉ thấy dòng suối trong veo xanh biếc, nhân đó quy tụ mọi người làm thành nhà cửa, gọi là Chùa Linh Vị.

3. Chùa Bình Đẳng thời nhà Hán, Quảng Bình Vũ Mục Vương hủy hoại nhà cửa đã xây dựng. Ngoài cổng chùa có một pho tượng vàng, cao hai trượng tám thước, tướng tốt trang nghiêm, thường có những điều thần kỳ ứng nghiệm, đất nước có điềm lành dữ trước đó hiển bày rõ ràng. Tháng 12 năm thứ ba thời Hiếu Xương-Bắc Ngụy, nét mặt pho tượng này có dung mạo đau thương rơi lệ khắp thân thể đều ẩm ướt, người lúc ấy gọi là Phật đổ mồ hôi. Trai gái chốn kinh Sư bỏ chợ búa tranh nhau đến xem. Có một Tỳ-kheo dùng lụa sạch lau chùi lệ ướt

trên pho tượng, trong chốc lát tấm lụa ướt đẫm, lại lấy tấm lụa khác thay đổi mà lau, phút chốc lại ướt đẫm, như vậy qua ba ngày mới dừng lại. Đến tháng bốn năm sau, Nhĩ Chua Vinh tiến vào lạc Dương sát hại bách quan, người chết khắp nơi. Đến tháng ba năm thứ hai thời Vĩnh An-Bắc Nguy, pho tượng này lại đổ mồ hôi, già trẻ gái trai chốn kinh thành lại tranh nhau đến xem. Tháng năm Bắc Hải tiến vào Lạc Dương. Trang Đế tuần phạt phía Bắc. Tháng bảy Bắc hải thua nặng, con cháu tùy tùng ở vùng Giang Hoài bị bắt hơn năm ngàn người, tất cả bị bắt làm tù binh không một người nào trở về được. Đến tháng bảy năm thứ ba thời Vĩnh An, pho tượng này lại đau thương rơi lệ toát mồ hôi như ban đầu, cứ mỗi lần trải qua sự thần nghiệm thì triều đình và dân chúng cùng lo sợ, ngăn cấm mọi người không được đến xem. Đến tháng 12 Nhĩ Chu Triệu tiến vào Lạc Dương bắt Trang Đế, Trang Đế băng hà tại Tấn Dương, cung điện trống vắng một trăm ngày không có chủ, chỉ riêng Thượng Thư Lệnh Tư Châu là Mục Lạc Bình Dương-Nhĩ Chu Thế Long trấn giữ chốn kinh sư, khách thương lưu thông khắp nơi-trộm cướp không còn xảy ra.

4. Chùa Bạch Tháp thời Tấn, ở vùng Tam Tỉnh-Mạt Lăng, trong thời Thăng Bình nhà Tấn có chim phương hoàng quy tụ nơi này, nhân đó gọi nơi ấy là đài Phượng Hoàng. Đến năm thư hai thời Tống Thăng Minh, Tề Thái Tổ thành lập, bắt đầu xây dựng chùa, đều vì núi cao khó ở chỗ múc nước từ dưới khe lên. Tỳ-kheo Pháp Hòa liền phát lời thề rằng: Nếu đât này có thể ở, nên làm cho nước tự nhiên chảy ra. Thế là ở phía trước nhà ăn thử đào giếng, chưa được mấy nhẫn mà có dòng nước trong veo xanh biếc chảy ra, ngọt thơm trong lành, tuôn chảy chưa hề cạn bao giờ.

5. Chùa Bạch Mã thời Tấn, ở vùng Hoàng Lý-Kiến Khang Trung, năm thứ hai thời Đại Hưng nhà Tấn, do Tấn trung Tông Nguyên Hoàng đế xây dựng. Xưa kia Quốc vương nơi khác muốn tiêu diệt Phật Pháp, truyền lệnh phá hủy chùa tháp khắp nơi, tiến đến chùa Chiêu Đề thì bỗng nhiên có một con ngựa trắng từ phía Tây lao đến, vòng quanh tháp hí lên đau xoót, nhảy vọt lên giữa không trung, có lúc lại ở dưới đất, một ngày một đêm cất tiếng hí vang mãi không thôi. Đem sự tình thưa với nhà vua, nhà vua âm thầm rơi lệ tự mình trách mắng hổ thẹn vô cùng, lập tức ban lệnh khắp nơi dừng lại, tháp đã hủy hại cấp tốc xây dựng sửa sang lại. Từ đây đại pháp của Bạch Mã càng hưng thịnh, nhân đó đổi Chiêu Đề thành Bạch Mã, tên gọi của chùa này cũng lấy tên gọi này.

6. Chùa ở núi Thiên Thai đầu thời Đông Tấn, xưa có Sa-môn Bạch Đạo Du, hoặc nói là Trúc Đạo Du, vượt qua tất cả sông núi bao quát tận cùng những nơi kỳ lạ, tiếp nối Thiên Thai Thạch Hưng mãi mãi không giới hạn được, mới khẳng khái nói rằng: Người nào ở đó thì đây là người có tiết tháo kiên trinh độc nhất vô nhị, vì thế khiến cho Thánh tự bí mật như vậy. Phía trước mặt ngàn dặm, liền cầm tích trượng một mình hướng đến vùng Thạch Lương, nhìn xuống khắp nơi vách đá hiểm trở, rất lâu mới đến được núi ấy. Thạch Lương không phải là một mà Thánh tự cũng nhiều, mong muốn đi thẳng đến không luyến tiếc gì thân mạng, vả lại cầu vồng bắc ngang khe núi, nhìn xuống dưới sâu hun hút, mặt rộng hơn thước, rong rêu nghiêng ngã, phía Đông hình như thông suốt, phía Tây đá lớn ngăn ngại, bám leo lến không đường nào khác. Đạo Du bèn suy nghĩ cách khác hy vọng đến được. Đêm ngủ lại phía Đông cây cầu, thì nghe tiếng khánh tụng kinh ca xướng bên chùa phía Tây, ý dũng cảm tuôn trào suốt đêm không yên được. Lại nghe tiếng nói rằng: về sau 10 năm sẽ đến ở nơi này, đâu cần phải tìm cầu vất vả, tuy rằng như vậy mà không ngừng lại, sớm chiều than thở tiếc nuối kết cỏ làm am, suốt năm thiền quán, sau đó thử làm cây cầu mới thấy tảng đá bắc ngang mở ra rộng rãi cầu đường bằng phẳng ngay ngắn, nhờ đó mà vượt qua được, liền trông thấy ngôi nhà rộng lớn-tòa tháp lạ kỳ, Thần Tăng trò chuyện tiếp đón giống như quen biết xưa nay. Ăn cơm trưa đã xong rồi đem ý định vốn có để bày tỏ, Tăng nói: về sau mười năm tự nhiên sẽ đến nơi này, đâu nhọc lòng đến sớm làm chi! Đưa tiễn nhau qua cầu rồi tảng đá bắc ngang khép lại. Đến năm Thái Nguyên nhà Tấn thì tạ thế ở núi này, thân hình tựa như màu hồng ngồi trang nghiêm giống như lúc còn sống. Vương Hi Chi nghe tin mà tạo dựng, hướng về vách núi ngửa mặt kéo ra. Nay có người đến thì mây mù cho phủ lối đi.

7. Thời nhà Tống, Chu Linh Thạch đi sứ đến Liêu Đông, lúc trở về lạc đường theo gió trôi nổi ngoài biển, hơn một tháng Trời dạt vào một hòn đảo, lương thực và nước uống đều cạn kiệt, đi vào đảo tìm suối nước, dần đi sâu vào leo lên núi, mới trông thấy một ngôi chùa, điện thờ nhà cửa trang nghiêm khác với những nơi đã từng nhìn thấy. Tăng hỏi từ đâu đến, Linh Thạch nói đầy đủ sự việc chuyến đi, bày cơm ăn nước uống hỏi rằng đi hay ở lại. Linh Thạch nói: Đây chính là nơi ở của bậc Thánh, không phải là hạng phàm có thể ở lại. Tăng nói: Muốn ở lại thì cứ tùy ý! Linh Thạch hết sức từ chối muốn trở về. Tăng nói cho biết rằng nơi này cách xa kinh đô hơn hai mươi vạn dặm. Linh Thạch nghe mà kinh hãi nói rằng: nếu như vậy thì nhờ vào đâu đến được? Tăng nói:

tự nhiên sẽ đưa nhau đi không nhọc lòng lo lắng làm gì. Lại hỏi rằng: Biết Đạo sĩ Bôi Độ hay không? Đáp rằng có biết. Bèn chỉ cái túi đựng bát treo trên tường nói rằng: Đây là vật dụng của người ấy, có chút lỗi lầm trách phạt ở trong loài người. Liền lấy cái túi đựng bát đưa cho Linh Thạch, và viết một phong thư, phía trên là chữ viết nhưng không thể biết được, nói rằng có thể đem thư và bát đưa cho người ấy, khiến Sa-di đưa tiễn nhưng đừng đi theo con đường đã đến bờ biển, Sa-di dùng một chiếc gậy trúc đặt trước mũi thuyền nói rằng: Chỉ đóng thuyền mặc ý mà đi không cần phải nhọc sức chèo thuyền! Thế là y theo lời dặn, chỉ nghe tiếng vi vu trong gió, có lúc nhìn trộm, thấy thuyền ở giữa hư không như mây bay vùn vụt ở trên núi rừng sông biển, trong khoảnh khắc liền đến bến tàu lớn ở Dương Đô. Đúng lúc trông thấy Bôi Độ dựa vào lan can miệng gọi lớn tiếng. Linh Thạch đã đến thì thư tự nhiên bay vào trong tay Bôi Độ. Bôi Độ kinh ngạc nói: Ông làm sao có được thư của đạo Sĩ Bồng Lai, gọi ta trở về vậy? Linh Thạch bèn nói rõ nguyên do và lấy cái túi đựng bát trao cho Bôi Độ, tay nâng bát nói rằng: Ta không thấy cái bát này hơn 400 năm rồi. Tung lên ẩn vào mây rơi xuống vẫn tiếp nhận được. Giữa thời Thái Sơ không bệnh tật gì mà chết, câu chuyện ở trong Cao Tăng Truyện,

8. Chùa Đường Thuật Cốc ở Hà Châu đầu thời Tấn, nay ở phía Tây Bắc-Hà Châu khoảng năm mươi đặm, thuộc vùng Độ Phong-Lâm Tân-Đăng Trường Di-Lĩnh Nam hướng về gọi là Tích Thạch Sơn, tức là nơi cao nhất của Vũ Cống Đạo. Các đỉnh núi chen nhau nhô lên, tất cả đều có hình thế kỳ lạ, hoặc giống như tháp báu, hoặc giống như lầu cao, tùng bách xanh biếc trên đỉnh núi-đỏ xanh tô điểm dưới hang sâu, đương nhiên không phải công phu thần kỳ của tạo hóa, thì do đâu mà diễm lệ như vậy được? Đi về phía Nam hai mươi dặm có một hang động lạ kỳ làm sao, đục núi làm nhà bắc cầu thông qua dòng suối, quanh chùa hoa trái rau cỏ phủ xanh khắp nơi, nay có Tăng cư trú. Phía Nam có cổng đá ven bờ nước, trên sông có trụ đá khắc chữ rằng: Xây dựng từ năm Thái Thỉ nhà Tấn. Trong hang động phía Đông chùa có chùa Nhất Thiên, tìm hiểu cùng tận xứ sở thì đại khái là không có nơi dừng lại nhất định, thường nghe tiếng chuông, lại có Tăng kỳ lạ, cho nên gọi hang động này là Đường Thuật, bèn gọi bằng quỷ vậy. Vì lẽ đó xưa nay những người đi vào vùng Tích Thạch, từng gặp các bậc Tiên Thánh, đi lại loáng thoáng mơ màng lúc thấy chùa, lúc thấy tăng. Trên đỉnh núi phía Đông Bắc chảy ra dòng rượu ngọt, ngọt ngào mà lại màu trắng, uống vào trẻ mãi không già.

9. Đầu thời Cao Tề có vị Tăng kỳ lạ, tìm đến chùa Nghiệp Hạ ngồi giữa mùa Hạ, cùng với Tăng chung phòng có tên gọi là Vong Danh, tâm ý ân cần vô cùng. Khách Tăng mắc bệnh kiết lỵ rất khốn đốn, Vong danh lấy rượu đưa cho khách tăng nói không được. Vong Danh nói: Chỉ uống, rượu tuy là giới cấm nhưng có bệnh thì khai mở thông suốt, khách tăng nhăn mày vì uống để chữa bệnh. Mùa Hạ kết thúc từ giả trở về chùa mình, tiễn đưa nhau ra khỏi kinh đô, khách tăng nói: Có thể nghe đến chùa Trúc Lâm ở Cổ Sơn chăng? Vong Danh nói có nghe, nhưng xưa nay lưu truyền không thật nên cuối cùng không đến nơi ấy. Khách Tăng nói: Vô tâm tạo thành tướng, từ đâu mà đến được? Cả mùa Hạ chung phòng quả thật là làm não lạon lẫn nhau, mắc bệnh kiết lỵ uống rượu chính là thuốc hay, vốn không phải là ý ham muốn, nguyện không lấy đều này mà sánh với người. Chùa núi heo hút cô quanh, gặp dịp có thể ngắm nhìn qua cảnh vật, nghĩ đến một bước lên cao để thỏa mãn lòng dạ. Vong Danh nghe vui mừng nhảy lên nói: Chắc chắn có thể dẫn đến được thì chiiều chết cũng không ân hận, đến giữa tháng 9 hẹn sẽ tìm đến thăm nhau, mong ban cho sự dẫn dắt, không như vậy thì không biết đường nào. Khách Tăng nói: Nếu như đến thì có thể từ phía Đông của Cổ Sơn mà lên, phía Đông vượt qua một khe nhỏ, còn trên phía Đông Bắc chính là chùa núi. Đến hẹn cùng với 5-6 người thích điều kỳ lạ, đi thẳng đến chùa Thạch Quật, Sơn Tăng nói: Làm sao đến đây được? Nói rằng muốn đến Trúc Lâm thì con đường ắt phải đi qua đây. Sơn Tăng nói: Người thế gian thật đáng cười, chuyên nghe lời tà ma, núi từ từ đông sang Tây tôi đều đi qua, nơi nào có chùa, xưa có lời này, không vất vả tìm đến làm gì! Vong Danh nói: Khách tăng ấy nói lời cuối cùng không phải là lỗ mãng làm sao có điều giả dối, đành phải tìm vậy, tìm mà không có thì không phải trách móc gì mình. Tăng trong chùa Thạch Quật có mười mấy người đi theo, y lời nói từ phía Đông đi lên, vượt qua khe núi tìm lên đỉnh, chợt gặp một ông lão cầm cuốc mổ đất, lại thấy một vị Tăng đi đến cuốc cỏ mạ bốn phía, cầm cái cuốc kéo cái cuốc nói rằng: năm ngoái chùa của Đạo nhân thả ngựa ăn hết lúa mạ của tôi, năm nay lại đến làm hư hại mầm mạ mùa Thu của tôi. Đưa cuốc đuổi vị Tăng, mọi người đều quay trở về, chỉ một mình Vong Danh đơn độc đi lên phía Đông Bắc. Ông lão nói: Tha cho ông lên núi, xin sâu bọ mà ăn. Liền y theo leo lên phía đông, cây rừng rất rậm rạp, nghe trên đỉnh phía Nam có tiếng ngâm vịnh, vong Danh nói: Không phải là khách Tăng ngày trước ư? Đáp rằng đúng vậy, đẩy cây cỏ mà đi ra, nắm tay nói nhiều chuyện cùng nhau xây dựng chùa chiền. Trong nháy mắt

bỗng nhiên thấy đỉnh cao xuất hiện vút thẳng lên mây, cổng lớn mở ra thông suốt, điện thờ bao lớp chập chùng bày ra, ngoài cổng từ đông sang tây là dãy tàu ngựa trang hoàng bằng vàng ròng sáng chói, hình như có dấu chân ngựa mà không có người chăn giữ. Đi đến đầu cổng, nói tạm thời đứng ở đây, đi thông báo với Hòa thượng. Trong chốc lát liền quay ra dẫn đi vào đến trước điện Phật lễ lạy xong, đi đến cuối hàng lang phía Tây, Hoà thượng khoảng hơn 90 tuổi, mày dài mũi cao hình dạng giống như tăng phương tây, bên cạnh có khoảng ba mươi vị quan lại, cầm sổ sách văn bản có những nhận định, đưa tay nói rằng: Chùa núi quê mùa không có gì đặc biệt đáng ngắm nhìn, sao có thể đường xa vất vả đến đây. Vong Danh liền lễ lạy mười mấy lạy, Hoà Thượng nói: Đi lại đường xa vất vả mệt nhọc nên ở lại mời đến phòng. Liền dẫn đến phòng phía tây, từ Bắc sang Đông trông thấy Tăng dựa vào bàn dài đọc kinh, vong danh bèn lễ lạy cũng không hề thăm hỏi, nhân tiện dẫn qua hết dãy Bắc đi về phía Đông ra đến giữa phòng khách ban đầu, cười sung sướng suốt đêm nhiều lần nói ở lại mãi mãi. Người ấy nói. Tất cả tùy ý Hoà Thượng không dám làm trở ngại, đợi đến sáng sẽ thưa hỏi. Sau đó trả lời rằng: Hòa thượng không cho phép. Thậm chí cơm trưa không khác gì trong chùa Nghiệp Hạ, đến từ biệt Hòa thượng nói rằng: Biết là muốn ở lại mãi mãi, biết là tình cảm thân thiết vậy, nhưng người xuất gia không được xếp tên gọi ở hai nơi, chùa này tiếp nhận cung cấp có thể làm trái hay không? Nhất định muốn ở lại mãi mãi, nên trừ bỏ tên gọi nơi kia trước mới phải. Thế là từ biệt đưa tiễn ra ngoài nắm tay tiếc nuối. Đã giả biệt đau buồn, đi khoảng chừng một dặm, nhiều lần quay đầu nhìn lại chùa tháp, rừng trúc vẫn y nguyên đầy trước mắt, tiếp tục đi qua hai dặm quay đầu nhìn lại thì không có gì cả, chỉ toàn là đỉnh cao vạch đứng cây cối xen nhau, từng hàng từng hàng chạy về phía tây. Dựa theo con đường ban đầu, không thấy ruộng lúa, cũng không có ông lão làm ruộng, thậm chí Thạch Quật cũng không thấy. Hoàn toàn là điều tăng nói như vậy.

10. Cao Tề Văn Tuyên ở Tấn Dương, sai người cưỡi lạc đà trắng hướng đến chùa mình lấy hòm kinh đem đến, sứ giả hỏi không biết chùa nào, nhà vua nói, chỉ tùy ý lạc đà đi đến đâu, tự nhiên biết chùa nơi nào. Ngày hôm sau rời khỏi thành, lạc đà đi rất nhanh bất chợt như trong giấc ngủ, bỗng nhiên đến một vùng núi tên gọi là Minh Tịch, giữa lưng chừng núi có ngôi chùa, có đám Sa-di nói: Lạc đà của Cao Tường đến! Liền dẫn đi vào chùa, gặp một lão Tăng lễ lạy xong thưa hỏi rằng: Cao Tường làm Hoàng đế như thế nào? Đáp rằng: Thánh minh. Hỏi

rằng: Ông đến làm gì vậy? Đáp rằng: Sai đến hòm kinh. Vị Tăng nói: Cao Tăng Tường ở chùa nhác đọc kinh, nay lấy để làm gì? Sau đó chỉ rõ đi về phía Bắc đầu phía Đông là phòng cũ của Cao Tường, ông có thể lấy hòm đó đưa cho Cao Tường. Liền cưỡi lạc đà mà trở về, như đang ngủ, như trong mộng, chốc lát về đến Tấn Dương, lấy hòm trao lại như mệnh lệnh. Không lâu sau nhà vua đi đến chùa Mộc Tỉnh ở Cốc Khẩu, có người ngu si xả thân không hiểu lời nói, bỗng nhiên nói với nhà vua rằng: Tôi đi trước còn ông có thể đến sau. Nhà vua rất ngạc nhiên, đêm ấy người ngu si qua đời, không bao lâu nhà vua ở Tấn Dương không vui, sai Lưu Đào Chi cõng đi, máu mũi đầm đìa, đêm ấy nhà vua băng hà.

11. Ngũ đài Sơn ở phía Đông Nam của đại Châu, xưa gọi là ngôi nhà của Thần Tiên. Núi vuông ba trăm dặm, vách núi cheo leo cao vút hiểm trở vô cùng, phía trên có năm đài cao cỏ cây không mọc được, chỉ riêng loài tùng bách rậm rạp như rừng. Trong kinh trình bày Bồ-tát Văn thù dẫn năm trăm vị Tiên đi đến núi Tuyết Thanh nhàn mát mẻ, chính là nơi này vậy. Khu vực vô cùng lạnh giá và nhiều tuyết phủ, gọi là núi Thanh Lương, vì lẽ đó từ xưa đến nay những người đi cầu đạo, phần lớn đều trải qua núi này, di tích linh hiển thì tự nhiên nhiều vô cùng. Đài chính giữa cao nhất, cách đỉnh bảy trăm dặm, nhìn về giống như bàn tay dựng lên, trên cao có tòa tháp đá nhỏ, số lượng ấy tính hàng ngàn, chính là Ngụy Văn Đế Hoằng đã tạo lập. Dấu tích người ngựa trên đá khác nào như mới, có lòng suối lớn gọi là Thái Hoa, trong vắt như gương, có hai toà tháp kẹp hai bên, ở giữa có pho tượng Văn-thù-sư-lợi. Có người đến đây, tiếng chuông và mùi hương không ngày nào không có, Thần Tăng thị hiện thường thường trông thấy. Năm thứ ba niên hiệu Long Sóc nhà đường ban sắc chỉ cho chùa Hội Xương-Trường An, tập hợp tăng chúng đến tu sửa chùa tháp nơi ấy, trước sau qua lại cũng nhiều lần gặp điều linh cảm. Phía đông Nam tài chính giữa khoảng 30 dặm có chùa Đại Phù Linh Thứu, cổ xưa truyền rằng do Hán Minh đế xây dựng, hiện tại có hai đạo tràng phía Đông và phía Tây hãy còn pho tượng thiết trí, phía Nam có vườn hoa rộng khoảng hai khoảnh, bốn mùa xen nhau hoa lá tươi đẹp càng thêm rực rỡ. Từ xưa tới nay luôn luôn như vậy mà không thể biết nguyên do. Trong niên Hiệu Trinh Quán nhà Đường có Thiền sư tên gọi giải thoát, quy tụ mọi người cư trú luyện tập thiền định, tự nói rằng ở phía Bắc vườn hoa đã bốn lần trông thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, người đi theo bên cạnh đầy giữa hư không, Tiên Thánh đông đúc kỳ lạ không thể nhớ hết được. Gần đây có Thiền Sư Tăng Lãng, sống ở núi hơn ba mươi năm, cũng gặp Tiên Thánh, bay giữa hư không mà

đi, chỉ lưu lại tấm y cũ. Đài phía Nam trong vòng ba mươi dặm phần nhiều là hoa thơm cỏ lạ khắp nơi đỉnh núi, thế gian gọi là Hoa sơn, ở giữa có ngôi chùa Linh Thiêng, tiếng chuông phát ra theo thế gian, đã từng thấy có người thân hình cao lớn đội mũ trần gian, trong ngôn ngữ siêu việt vút lên cao liền cách xa. Núi đó rất gần nhưng người phàm tục thông thường ít thấy leo lên, người leo lên nhất định cảm được duyên tốt đẹp.

12. Vào thời nhà Ngụy có Sa-môn Thích Tăng Chiếu ở chùa Đan Lĩnh-Thái Sơn, không rõ họ tên, tánh tình thật là phóng khoáng thích tìm hiểu dấu tích linh thiêng, những nơi có điều lạ lùng bí hiểm thì không nơi nào không bước đến, nương theo bên dưới thác nước đi qua nhiều hang động có dấu tích tiên thánh dừng lại. Vào niên hiệu Phổ Thái nhà Ngụy đi đến Vinh Sơn, trông thấy phía dưới dòng nước từ trên cao trút xuống có cửa hang, theo hang mà đi vào, đi khoảng chừng năm, sáu dặm thì có thể ra ngoài hang, bên ngoài có con đường nhỏ, từ phía Đông Bắc đi lên khoảng vài dặm gặp được tảng đá lớn, rộng hơn ba bước, nước từ phía tây chảy ra trong veo nhìn thấy trên dưới, dược thảo lan tràn khắp nơi xanh biếc. Phía bắc tảng đá lớn có ba ngôi nhà lợp ngói, hình dạng rất cũ kỹ, trước sân đầy thóc gạo chim chóc bay nhảy qua lại mổ ăn. Trong căn nhà phía Đông có mấy chiếc áo lông màu vàng, ở giữa có hai đồ dùng giống như cái cối sắt, cũng có đồ dùng nấu nướng, hoàn toàn dựa theo cách đi lại giữa cõi trần, cũng không có dấu tích của sự đun nấu. Trong căn nhà phía Tây có một Sa-môn ngồi ngay ngắn trang nghiêm,bụi ngập đầu gối, ngước nhìn khắp nơi chỉ thấy rừng cây rậm treo lơ lửng, trên khe núi, không có người sinh sống. Trong chốc lát gặp một Thần Tăng, tuổi khoảng 60, ngày dài hơn trượng, quấn tròn trên tai. Gặp gỡ nhau vui mừng dốc hết tâm tư thăm hỏi như đã từng quen biết, hỏi rằng từ nơi nào đến? Đáp rằng: Tôi cùng ba người bạn học đến nơi này tránh xa thế gian, một người đi nơi khác chưa trở về, một người qua đời đã rất lâu, tựa như nhập diệt định, nay ở trong căn nhà phía tây nên ông không thấy, ngày nay giòng họ nào làm chủ? Đáp rằng: Là nhà Ngụy. Thần Tăng nói: Cai quản đất nước đã lâu không phải giòng họ Tào ư? Tăng Chiếu nói: Là giòng họ Nguyên. Thần Tăng nói: Tôi không biết chuyện ấy. Sau đó liền lấy thóc gạo giã trắng để nấu cháo. Lại đi vào trong rừng, dưới tán lá hái lấy lê táo đưa cho bảo ăn đi. Thần Tăng nói: Ông cứ ăn đi, tôi không ăn loại này. Lại hỏi: Tụng kinh nghiệp gì? Tăng Chiếu nói: Tôi tụng kinh Pháp Hoa thần Tăng cúi đầu nói: Tốt lắm là nghiệp tinh tiến, nay trong căn nhà phía Đông

ở trên phía sách có những kinh như vậy, tôi đều tự mình thuộc lòng, có muốn nghe không? Tăng Chiếu chắp tay nói: Chỉ dám vâng mạng mà nghe! Thần Tăng liền tụng bộ khác, giọng tụng sang sảng cho đến suốt đêm. Tăng Chiếu mệt mỏi rất buồn ngủ, thần Tăng nói: Cứ ngủ, tôi tự mình luôn thực hành như vậy, đến sáng không ngủ. Lại làm thức ăn buổi sáng, tăng Chiếu cảm ơn nói: May mắn được đến thăm nhau, nay tạm thời quay về lại đến nhận công việc. Thần Tăng cũng không giữ lại, chỉ nói: Bạn học của tôi đi xa, nếu ông gặp được ắt có nhiều điều khai ngộ, tiếc là không gặp. Nói xong, cần phải quay về thuận lợi đấy! Tăng Chiếu tìm đường trở về được, kết làm bạn bè hẹn ngày gặp lại, đến thác nước tìm hang, không biết được nơi nào. Nay các núi ở Chung Nam cũng có sự việc này, không thể nào thuật lại hết được.

13. Chùa Hệ Đầu Sơn ở phía Nam huyện Hộ-Ung Châu, núi đó vốn là người chèo thuyền buộc thuyền vào nơi đó, cho nên lấy làm tên gọi vậy. Xưa Thái Nhất chưa phân chia, núi nối liền với Thái Hành, cung điện rộng lớn-hươu trắng-dòng sông chảy về dừng lại ở thung lũng này, gọi là Sơn Hải. Đến khi Cự Linh Đại Nhân Tần Hồng Hải, sợ nước mênh mông cuồn cuộc sẽ chìm ngập tất cả, nên dùng bàn tay trái chống vào Thái Hoa, chân phải đạp vào Trung Điều, Thái Nhất bị nứt ra, dòng sông mở thông mặt đất nổi lên, núi liền cao hẳn, vẫn gọi theo tên cũ. Trương Hoành Tây Kinh Phú nói: “bàn tay cao chân đạp xa để làm thông khúc cong dòng sông”. Cổ lão Truyện nói: “Phía Nam núi Hệ Đầu có chùa Cửu Không Tiên, xưa có người vào núi hái củi gần chiều tối không biết đường trở về, đành ngủ lại trong rừng. Đêm khuya nghe tiếng chuông ở rất gần bèn tìm xem thì bỗng thấy một ngôi chùa. Tăng chúng hơn một trăm người, nhưng có đi lại đứng ngồi mà không nói năng chào hỏi gì cả, người đó cảm thấy kỳ quái, đến sáng thì ngôi chùa biến mất. Nơi này ở gần nhưng không có ai đến tìm, có vị Tăng đã từng đến núi, chỉ có đỉnh núi cao vút rừng cây xanh tươi không thể đặt chân leo lên được”. lại nói: “Núi có chín hang động, là nơi ở của người Tiên”. Có Tăng Hoằng Tạng ở chùa Quy Nghĩa bên thành Phục Hi vùng Đại Cốc-Lam Điền, là người có những khí nghe chuyện mà đến tìm, qua bao ngày đêm đi khắp núi non hiểm trở, chỉ tìm được năm hang động, rất sạch sẽ chu toàn giống như con người đã làm ra, không có gì thiếu xót, tựa như có người ở. Lại có Liễu thiền sư ở chùa Quang Minh cũng đến tìm kiếm, ở trung hang qua một mùa Hạ, nay được gọi là hang Chiếu Dương, đủ để làm thành ngôi đạo quán to lớn của Hoa Vọng, mà chùa Tiên thì cuối cùng không thấy vậy,

14. Chùa Trúc Lâm ở Đại Tần Lĩnh vùng Tử Ngọ Quan Nam, vào đầu niên hiệu Trinh Quán nhà Đường, người đi vào núi lấy mật nghe có tiếng chuông, tìm mà đi đến nơi ấy. Thấy ngôi chùa hai gian nhà có người cư trú, gần cạnh rừng trúc bạt ngàn rộng khoảnh chừng hai khỏanh. Người ấy chặt hai ống trúc để chứa mật, có thể chứa được năm thăng mật, hai người vác đi xuống, tìm đường mà đi đế nơi đại tần đóng giữ, nói lại đầy đủ với người canh phòng, từ khu rừng đến đây khoảng mười lăm dặm. Người đứng đầu binh lính thấy ống trúc to lớn đó rất có lợi, muốn đến chặt lấy, bèn sai người y theo lời nói đi đến tìm xem. Đi qua những khóm trúc nhỏ ở đến dưới sười núi, có sợi xích sắt dài khoảng ba trượng, những người lính ra sức kéo, sợ xích lôi theo cái chuồng lớn, trong chuồng có nuôi hai con hổ lớn, dựa vào vách đá đầu hướng xuống phía dưới gầm vang người ấy sợ hãi vội vàng chạy trở về. Lại dẫn theo mười người tiếp tục tìm, gặp trận mưa to nên phải quay về. Tăng Quy Chân ở chùa Ngộ Chân vùng Lam Điền, tuổi trẻ ở nơi núi nhỏ, nghe chuyện liền tìm đến, đi đến trên phía Bắc hang Tiểu Trúc nhìn vách núi Mất đường mà quay về. Thường lấy làm câu chuyện để bàn, quy chân nói: Từ rừng trúc này đến quan ải khoảng hôn năm mươi dặm.

15. Trạm dịch thứ nhất của vùng Tử Ngọ Quan Nam tên gọi là Tam Giao, phía Đông trạm dịch có khe núi, sườn dốc phía Đông mấy chục khoảnh là vùng lật thụ, xưa nay không biết có Tăng cư trú, nhiều lần nghe tiếng chuông không lấy gì làm khác lạ. Vào một lúc nọ phụ nữ trong nhà trạm dịch đi vào khe núi hái củi, bỗng trông thấy một vị Tăng, ngồi một mình trên tảng đá may y, bên cạnh không có một vật gì. Người nữ này có tín tâm, thưa rằng: Không biết sư ở đây, hàng ngày lúc nào muốn đến, xin hướng về trạm dịch để dùng cơm! Tăng nói: Bần đạo ở chốn núi rừng không đước ăn cơm trong quan phủ của nhà trạm dịch. Người nữ nói đương nhiên có cơm nước riêng đủ để cúng dường. Tăng nói: Ăn của người tín tâm cũng không thể được. người nữ sợ rằng quá giờ nên chạy nhanh về lấy cơm nước, lúc chạy đến tìm thì không thấy dấu tích gì nữa. Vì vậy luôn luôn khiến mọi người gần kề tìm kiếm, nhưng mãi mãi không thể gặp được, mà lại có tiếng chuông chùa này cách trạm dịch khoảng năm dặm.

16. Còn chùa Tông Lư trong Chiết Cốc-Chung Nam, gần đây có người gặp một vị Tăng nói rằng: Nhờ giúp đưa túi vải lên cho. Hướng về chùa hỏi chùa ở nơi nào? Nói là ở chiết Cốc, đầu núi phía đông-Cự Minh. Người ấy gánh giúp túi vải mang đến chùa, thấy một vị tăng từ sườn núi phía Nam đi đến, cao khoảng năm mươi thước, vẫy gọi nhau

đến từ biệt người ấy trở về, nói rằng: Anh ngày ngày vào núi hái củi, có thể từ dưới củi lấy cơm chay và bánh còn thừa lại mà ăn, không cần phải nói đến nguyên do có được! thế là thuận theo lời nói ấy hàng ngày có được cơm bánh ấy. Người vợ cảm thấy lạ lùng hết sức, bất đắc dĩ mà phải nói ra, tức bị câm suốt cả năm. Lại thấy hai vị Tăng đi vào khe núi, người này vẩy tay chỉ vào miệng, ba lần như vậy thì nói được. người đó gần đây đã qua đời. Nay người đi vào núi đến bên đỉnh Cự Minh thường nghe thấy tiếng chuông, cũng luôn luôn thấy có vị Tăng Kỳ lạ. Gần đây có một Vị Tăng, nghe rồi có dịp đi vào núi, Tăng nghi là ở chùa Tông Lư, hỏi rằng: Đại đức không phải là Tăng ở chùa Tông Lư chăng? Đáp rằng: Là người muốn đi theo Đại Đức được không? Hỏi rằng: Có thể theo nhau đến được không? Chỉ nghe bên tai có tiếng gió vù vù rất nhanh, trông tâm nghĩ rằng: Người ngày đâu chắc chắn là Thánh, hoặc là mình đi sâu vào núi mệt mỏi mà vấp ngã. Lúc trộm nảy sinh ý niệm thì vị tăng mặt liền biến mất. trong lòng vô cùng buồn phiền, quay trở lại ba ngày mới đến được miệng khe núi, thế là lánh đời xây dựng tinh xá, mà tinh xá thấy còn, nhưng vị Tăng chẳng biết kết thúc thế nào.

17. Còn phía Tây Nam trong khố Cốc-chung nam, lại gọi là Hồ Lô Cốc. Xưa có người chặt củi ở trong núi, nhìn thấy một ngôi chùa, cùng với nhà đá-cổng đá, trong cổng lại có đồ dùng quý báu to lớn không thể kể hết, nhưng không thấy chúng Tăng, hay là cung cấp đồ dùng cho chúng Tăng cư trú trong tương lai? Người đó quanh quẩn một chỗ quay đầu nhìn ghi nhớ rõ nơi chốn, vì vậy đã ôm trái hồ lô treo lên trên cây cao trước ngôi nhà, xuống núi gọi người trong thôn đi đến tìm bên trong khe núi ấy, trên cây luôn luôn đều là trái hồ lô, không làm sao biết được tông tích ở đâu. Nay có tìm vào núi, nói là cánh cổng đá ở bên sườn núi, một nửa lún sâu vào dưới núi, nửa còn lại tuy lộ rõ nhưng không phải sức người kéo ra được. nay khe núi ấy gọi là khố, người địa phương gọi là Thiên Tạng, cho nên Cốc Khẩu-Phủ Phường đều gọi là Thiên Tạng. Suy đoán trong núi ấy thì đến lúc Di-lặc hạ sanh mới hiện rõ ra ở thế gian mà thôi.

18. Tây Vực chỉ nói: Phía Tây Nam nước Ô Trường có núi Đàn Đặc, trong núi có ngôi chùa, có nhiều Tăng chúng, ngày ngày có con lừa vận chuyển lượng thực, không có người điều khiển gì cả, tự nhiên đến để lại lượng thực rồi quay đi, không biết ở nơi nào.

19. Tây Vực Chí nói: “Vương Huyền Sách đến Tây Vực vào ngày 17 tháng 9 năm thứ 5 niên hiệu Hiển Khánh-Đại Đường, trú trì chùa Bồ-đề tên gọi là là giới Long, vì sứ giả nước Hán như Vương Huyền

Sách... mà tổ chức Đại Hội, người đi sứ trở xuống đều tặng 10 xấp vải hoa và đồ dùng để ăn, sau đó trình thưa với sứ giả dâng tặng những vật như Long Châu..., ghi đầy đủ là tám hộp Đại Trân Châu-Tháp Phật bằng ngà voi-một tháp báu Xá-lợi-một dấu ấn của Phật. Đến ngày mồng 1 tháng 10, sư trú trì và các chúng Tăng mở tiệc tiễn đưa người đi sứ, đi về phía Tây năm dặm cùng với sứ giả rơi nước mắt mà giã biệt rằng: Gặp nhau khó, chia tay dễ, cái lý của sự vật như vậy, huống là giới long này tuổi đã già, chùa này chính là nơi chư Phật thành đạo, hãy tâu lên Hoàng Thượng ở đây còn giữ lại ân tình, xây dựng trước lời của bậc Đại Giác trong tượng lai, lòng dạ thiết tha không thể nào dứt được" (nếu trình bày rộng về chùa tháp-dấu tích linh thiêng-điềm lành ứng hiện tốt lành ở Tây Vực thì đầy đủ như trong thiên Cảm thông thuật rõ). Kính cẩn tìm Phật pháp lưu truyền đến Đông Độ tuổi gần sáu trăm, Tam Bảo truyện ký quyển ba ngàn, trong đó danh tánh đức hạnh dày có thể xem, thần thông biến hóa điềm lành linh nghiệm cảm thông, xưa nay có một ngàn người, từ xưa tới nay hàng quân thần ẩn trốn vui với đời sống dân dã, hạng dựa vào tài năng ngạo mạn với đời, đều sùng kính như các bậc Thánh Hiền, có đủ trong truyện Ký không thể nào thuật lại hết được. Vì vậy trong Nhập Đại thừa Luận nói: "Tôn Giả Thánh nhân như Tân-đầu-lô-La-hầu-la.., có mười sáu Vị đại A-la-hán, trú tại thế gian thông suốt suốt các pháp. Còn có chín ức Thánh nhân Vô học, cũng ở tại châu này chưa nhập Niết-bàn". Theo đây mà nói rõ, nay những nơi núi sâu biển rộng có chúng Tăng cư trú, phần nhiều nghe thấy tiếng chuông khánh, hoặc tìm gặp chùa viện, lẽ nào không phải là nơi cư trú của Thánh nhân ư? Nay lại dựa theo các môn để phân thành ba thời kỳ: 1- Dựa theo thời kỳ trú thế, 2- Dựa theo thời kỳ Hiền kiếp, 3- Dựa theo Đức Phật Thích Ca là khoảng thời gian. Thứ nhất dựa theo trú kiếp để biện giải làm thông suốt những nghi vấn như Tây Vực đã nêu ra những việc làm ở kiếp trước, như Tát đỏa xả thân máu chảy đầm đìa hãy còn tồn tại, Đạt Noa bỏ con gậy đánh để lại máu huyết, nơi xỏa tóc che bùn, nơi xả thân cầu pháp, Nguyệt Quang chém đầu, Thi Tỳ nuôi chim, những di tích này chỉ có ở kiếp xa xưa, tính ra biết bao tai họa xóa sạch thì làm sao hãy còn tồn tại? Danh tăng ở Thiên Trúc cũng nghi ngờ đến mức này, theo lý như đã hỏi thì không thích hợp giữ lại một mình, mà sự tích ngày xưa có tăng giải thích rằng: đây chính là thần lực của Như Lai nhờ vào chí nguyện thực hành của Bồ tát, tuy có ba tai họa ác liệt nhưng không thể nào trừ diệt, về sau thành tựu thế giới vẫn như cũ mà quy tụ lại. Cũng có người nói: Ba tai họa làm thay đổi thì không nơi nào không

trừ diệt, thậm chí không có một mảy trần nào có thể tồn tại vậy, nay nói tháp tồn tại lẽ nào không trái ngược ư? Các bậc cổ đức giải thích rằng: Không những Thánh tích ấy, giống như không có một mảy trần nào có thể tồn tại, nay nói có Thánh Tích là nhờ vào Thánh lực gia hộ cho nên được tồn tại lâu dài, muốn làm cho thời đại sau ngưỡng mộ bậc Thầy mà hy vọng đắc đạo dựa vào sự tôn kính Thánh tích huyền diệu. Thế giới bắt đầu thành lập, di tích cổ xưa tương tự mà hiện bày, đều là thần lực của Phật biến hóa mà làm ra. Bởi vì một trong năm điều không thể nghĩ bàn được, chính là thần lực của Đức Phật. Vì lẽ đó mà nêu ra sự việc trong đời sống của kiếp trước vậy. Thứ hai dựa theo đồng kiếp để trình bày, có bốn điểm tương đối: 1- như một bình bát mà ngàn vị Phật cùng giống nhau, cho nên lưu truyền rằng: "Đức Thích Ca thọ thực Tứ Thiên Vương dâng cúng bình bát, sau khi Ngài nhập diệt lưu hành đến xứ Tỳ Xá Ly, qua mấy trăm năm lại đến xứ Kiền Đà Vệ, lại đến xứ Tây Nguyệt Chi-Vu Điền-Khâu Di, tiếp theo sẽ đến Chấn Đán và hướng về nước Sư Tử, về lại Thiên Trúc, lên trên cõi Trời Dâu Suất, Di-lặc trông thấy nói rằng: Bình bát của Đức Phật Thích Ca nay đến nơi này. Cúng dường bảy ngày trả về lại Long Cung, lúc Di-lặc thành Phật thì Tứ Thiên Vương mang đến dâng cúng. 2- Hình bóng Đức Phật ở Long Cung có ngàn vị Phật cùng lưu lại. 3- Tảng đá vuông vức thuyết pháp là nơi ngàn vị Phật cùng an tọa, tức là dưới cội cây Kiên Đà Ti Bát, 4- Tòa tháp đá thịnh suy ngàn vị Phật cùng thăm hỏi nhau". trong truyện ký trên trình bày nhiều về dấu tích hành tọa của bốn vị Phật, theo đây thì vị lai có lẽ cũng có thể thấy được. thứ ba là trình bày về một thời đại của Đức Thích Ca nối thông và không giống nhau, như bậc cấp quý báu của cõi Trời đều mất đi không để lại dấu vết, tháp lớn của Tra Vương bảy lần biến hóa làm thành ba, cây Bồ-đề chết đi mà sống lại, dấu tích của Phật hủy hoại rồi mà vẫn hiện ra, cành dương chặt gãy mà lại mọc ra, Xá-lợi thử nghiệm mà càng linh ứng. Những ví dụ như vậy vốn thuận theo không nối thông với vị Phật sau. Còn Ca-diếp ở lại núi Kê Túc thay Đức Từ Tôn, cung điện trong núi biện giảii rõ ràng về trách nhiệm giữ gìn thân hình chờ đợi bậc thánh đản sanh, ban diệt định của trở cừ, người ứng cúng của Ma lợi, sự việc thuộc về đời vị lai, thần thông biến hóa ở nơi xa xôi, đều bởi vì trình bày thông suốt-khai mở rõ ràng qua bao đời kiếp dẫn dắt thương xót cho các chúng sanh lắng trong tinh thần chuyển hóa nghiệp báo của ba cõi.

Dựa theo Đạo Tuyên Luật Sư cảm Ứng Ký: "Hỏi người cõi Trời rằng: Chùa Hà Đông ở Kinh Châu, là chùa rất lớn ở nước này, tôi và

Tung pháp Sư ở chùa Từ Ân, đi lại thăm viếng nhau nhiều năm, người đó chính là học trò của La Vân Pháp Sư ở Hà Đông, nói chùa này trước đây có vạn vị tăng đã từng cư trú, đông nhất vùng chấn Đán, nghe mà vui mừng vô cùng nhưng không biết tên gọi là Hà Đông, xin nói rộng ra cho biết thế nào, cũng là nhìn nhận sự to lớn của Phật pháp vậy. Đáp rằng: Nhà Tấn chuyển về phía Nam, Quách Phác là người đa văn. Trong Chu Phưởng địa Đồ nói: Kinh sở này trước đây là vương đô, muốn chuyển về đặt tại Hiệp Châu, hiềm nỗi gần núi liền dừng lại nhân đó có tên gọi là Nghi Đô. Xuống phía dưới Tùng Tư, mặt đất có hình thế ví như đô ấp, mới đào hầm cân đất thì chê rằng đất ấy quá nhẹ, phủ lấp hầm ban đầu thì đất lại không đủ, thế là ngăn lại rằng: Xưa ở Kim Lăng có vương khí đến nay không đọan tuyệt, làm cho vững chắc đã trải qua ba trăm năm rồi. Nhân tiện dời đô về kiến Nghiệp, vẫn từ đây thiết lập Hà Đông để chuyển dời thay đổi, có bốn họ là Bùi Tiết Liễu Đỗ Cư trú, đất ở giữa khúc cong của sông, tương tự khúc cong ở sông vùng Bồ Châu, vốn có trong thư mục của Hà Đông vậy. Có hai chùa hai phía Đông-Tây, xưa phù Kiên đánh nhà Tấn, Kinh Châu ở bờ Bắc cũng chưa thuộc về nhà Tần, lúc Hòan Trọng làm kinh mục đến mời Dực Pháp Sư, qua sông xây dựng chùa Đông lập thành chùa tăng tên gọi Trường Sa, chùa Tây lập thành chùa Tăng tên gọi Tứ Tầng. Sau khi Phù Kiên chết, các vùng phía bờ Bắc lại thuộc về nhà Tần, tăng chúng ở Trường Sa-Tứ Tầng đều trở về chùa cũ của mình, hai chùa Tây Đông nhờ vào trước kia mà xây dựng rộng ra, từ các Triều nhà Tấn-Tống-Tề-Lương Trần, Tăng đồ thường cư trú mấy trăm người. Cuối thời nhà Trần-đầu thời nhà Tùy, người nổi tiếng có ba ngàn năm trăm người, người theo học có mấy ngàn, Đại diện có 12 gian, chỉ có hai hàng cột chống nối thông với xà nhà dài 55 thước, rồng phụng uốn lượn trùng điệp, là ngôi chùa đứng đầu chốn kinh thành trong nước, chính là do Di Thiên Thích Đạo An, khiến đệ tử là Dực Pháp Sư xây dựng. Từ thời nhà Tấn đến thời nhà đường chưa hề hư họai, bốn chiếc vạc sắt trước Đại Điện, đều chứa được trên mười hộc để trồng hoa sen. Tòa tháp trước Đại Điện, là do Tống Tiêu Vương nghĩa Quý xây dựng, pho tượng vốn có trong tháp là do công của Trời đao lợi tạo ra. trong điện Phật có nhiều pho tượng bằng vàng đồng tràng phan tàn lọng quý báu châu ngọc trang hoàng rực rỡ, đều là do người cõi Trời đã làm theo lệnh của Tứ Thiên Vương. Tăng chúng trong chùa cùng với chủ Khách có hơn vạn người, nhận trách nhiệm giảng thuyết có 53 người, có 13 người đạt được quả thánh, mỗi vị dẫn dắt một ngàn vị Tăng, còn lại Pháp Sư trẻ tuổi có hơn năm trăm

người, Sư giỏi về Thập Tụng Luật có 40 người, trong đó có chín người đạt đến địa vị Thánh. Thiền Sư Đại Tiểu thừa hơn 800 người, đạt đến địa vị Thánh nhân có 224 người. Đồ chúng nghiêm túc không thể nào nói cho hết được. tiêu chuẩn trong chùa lập thành quy định tụng kinh 60 tờ không cần đến Duy Na, tụng Pháp Hoa suốt năm không được bỏ qua. Phòng ốc trong chùa năm tầng đều là bảy ngọn cao, tự viện lớn nhỏ nơi khác nay có 10 chốn, hai việc Bát Chu-Phương đẳng trang nghiêm hơn hẳn. Mùa Hạ đặc biệt luôn luôn có một ngàn người, hành lang nhà nhỏ bao quanh bốn phía tất cả có 1 vạn gian, chùa mở ra ba cổng hai tầng bảy gian, hai điện chính to lớn bắc ngang hoàn tòan không bố trí tầng gác. Đại khái là theo khu vực kể ra mà chọn lấy sự lâu dài ấy, cho nên điện thờ phòng ốc đến bây giờ đã ba trăm năm, còn tồn tại không có gì hư hoại. Chùa lớn ở vùng Đông Xuyên chỉ có nơi này là cao nhất, chiếu soi rực rỡ khắp nơi núi sông thật là xứng với cảnh hùng vĩ. Lại hỏi: Di Thiên Thích Thị Vũ Nội Thức Thiêm nói: Cưỡi con lừa đỏ đi qua Kinh Tương sớm hôm mà thấy, không biết như thế nào? Đáp rằng: Là không thật. Lại hỏi: Nếu lưu truyền không thật như vậy thì vì sao trên chùa Đông có đài lạc đà, phía nam vùng Hiện Sơn có thôn Trung Lư, dựa vào việc này thì bởi vì cưỡi con lừa mà có địa danh vậy? Đáp rằng: Không phải vậy, người đời sau làm đài trong chùa trồng cây cúng dường mà thôi, có điện Phật mà bên cạnh lại đặt thêm con lừa ư? Còn tên gọi của thôn Trung Lư, vốn là nơi đã từng sống của nước Hi-nước Lư, người đời sau không thông thạo liền đoán mò đặt ra mà thôi....”

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 40

Thiên thứ 37: XÁ LỢI

Thiên này có năm phần: Thuật ý, Dẫn chứng, Phật ảnh, Phần pháp, Cảm phước.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Thánh Đức xa vời vợi đứng cao nhất giữa Trời người, diệu lý sáu bộ kinh thần kỳ trên trăm họ, vượt lên dấu tích của các cõi, cao hơn hẳn nguồn cội của hiền lương, duyên hóa độ đã xong thuận lẽ thường ẩn mạng, cho nên song thọ tám cành tùy theo nghĩa biểu hiện rõ, Xá-lợi tám phần cũng thuận duyên mà cảm ứng. Hội nhập Kim Cang Định sắp sẳn trước toàn thân nát vụn, muốn làm phước che phủ Trời người công đức lưu khắp nơi, đến nổi thuộc về răng tóc móng tay chân, chủng lọai xương đỉnh đầu-mắt-mũi, đồ dùng y bình bát- tích trượng, dấu tích chỗ ngồi-chân bước qua, thâu tóm xưa nay Thánh biến vô cùng tận, điềm lành đệm cỏ ánh sáng luôn rực rỡ, hiền ngu cùng nhìn thấy lẽ nào ngờ vực mà không tin? Vả lại giống như Tam Hoàng-Ngũ Đế-Hạ Ân-Văn Vũ-Khổng Khâu-Trang Lão, chỉ có Thánh-chỉ có Hiền cùng tuân theo-cùng tôn kính, không có ai không chôn xương thịt vào lòng đất-rời cõi trần về cảnh không, hình tích tĩnh mịch ai biết tông tích nơi đâu, ít hiểu phước thiên sao cảm báo tương lai, há ví như bậc đại thánh năng nhân hình ảnh lưu truyền muôn thưở, đạo cảm ứng không tận cùng, làn gió kính ngưỡng lan xa, tiếp nối dấu tích giáo hóa giữa Đại Thiên, nhổ sạch tối tăm chìm đắm trong Sa Giới, khiến cho đạo pháp khai bày rõ ràng tùy theo nghĩa có lẽ khác nhau, ý chỉ phù hợp với không như nhau chỉ một Thật Tướng ấy.

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Xá-lợi là tiếng Phạm ở Tây Vực, Trung Hoa nói là Thân cốt, sợ rằng hiểu lầm là xương cốt người chết phàm phu, cho nên giữ lại danh

từ của Phạm bản. Xá-lợi có ba loại: 1- Xá-lợi xương có màu trắng sáng, 2- Xá-lợi tóc có màu đen đậm, 3- Xá-lợi thịt có màu đỏ hồng, Xá-lợi của các vị Bồ tát La-hán cũng có ba loại: Nếu là Xá-lợi của Phật thì chày giã không nát, nếu là Xá-lợi đệ tử thì chày giả sẽ nát vụn.

Trong kinh Bồ tát Xử thai nói: "Đức Thế tôn bảo với các đại chúng rằng: Ta nhớ thời xa xưa đã làm những công đức, xả thọ thân không phải một-không phải hai, nay sẽ nói cho các người về pháp của một hình thể. Xá-lợi toàn thân của Chư Phật đều ở dưới bên trong Kim Cang Sát, Kim Cang Sát dày tám mươi bốn vạn ức dặm, phía dưới có Xá-lợi phân thân của Chư Phật, tất cả ở trong Sát ấy. Nơi ấy có cõi Phật, tên gọi là Diệu Hương, Đức Phật danh hiệu Bất Trú Như Lai, đầy đủ mười hiệu, nay đang thuyết pháp. Đức Phật bảo với đại chúng: Xá-lợi phân thân ở dưới sâu tám mươi bốn vạn ức dặm, quốc độ thanh tịnh, Đức Phật danh hiệu là Biến Quang, đầy đủ mười hiệu, Đức Phật ấy nay đang thuyết pháp. Lại ở bên dưới có quốc độ tên gọi là Thí Vô Tận Tang, Đức Phật danh hiệu là khuyến trợ. Tiếp theo phía dưới có quốc độ tên gọi là Pháp Cổ, Đức Phật danh hiệu là Thiện Kiến. Quốc Độ ấy mới có Xá-lợi toàn thân, ức ngàn vạn vị Phật quá khứ, đều lưu lại Xá-lợi, Xá-lợi ở quốc độ ấy Ta cũng có phần".

Còn trong kinh Hải Long vương nói: "Lúc bấy giờ các loài rồng thưa với Đức Phật rằng: Nay Thế tôn trở về cõi Diêm Phù Lợi, các loài Rồng trong biển không có nơi nương nhờ, chỉ thêm đau xót vô cùng, lúc Đức Phật diệt độ, lưu lại Xá-lợi toàn thân ở biển lớn này, tất cả chúng loại đều được cúng dường, chuyển thêm nhiều công đức nhanh chóng thoát khỏi thân rồng, mau đạt được đạo quả Vô Thượng Chánh giác, xin Đức Phật rủ lòng ban ân, uy đức gia hộ, nguyện cầu đắc quả! Đức Phật dạy: Lành thay, Ta thuận theo chí nguyện của các ông. Tu-bồ-đề nói với các loài Rồng rằng: tất cả Trời người cầu có Xá-lợi để được cứu giúp khắp mọi nơi, các ông cầu nguyện khiến cho Xá-lợi của Phật chỉ có mình hoàn toàn phụng thờ hầu hạ, vậy thì hết thảy chúng sanh nhờ vào đâu mà được độ thoát? Các loài Rồng đáp rằng: Thưa Tu-bồ-đề, đừng nói ra lời như vậy không thể dùng trí giới hạn chướng ngại chính mình, để hạn định tuệ vô cùng tận của Như Lai, Thánh đức của Như Lai không nơi nào không thể biến hiện, tam thiên thế giới thảy đều hóa hiện đầy đủ, Xá-lợi toàn thân của Đức Phật không tăng không giảm, hiện bày tất cả mọi nơi, ví như hình ảnh mặt Trời hiện rõ ở trong nước, Đức Phật cũng không đản sanh cũng không diệt độ, saolại nói muốn hạn chế trí tuệ của Như Lai vậy ư? Tu-bồ-đề nghe mà im lặng không nói gì. Đức

Phật khen ngợi các loài Rồng: Lòng nhân ái bình đẳng có đức tài và sáng suốt, quả thật như các ông đã nói, không có gì khác nhau Phật đạo cao xa vi diệu không hề có giới hạn phạm vi, không vuông không tròn, không rộng không hẹp, không xa không gần, ví như hư không chẳng thể nào ví dụ được".

Thứ ba- PHẦN PHẬT ẢNH

Như Kinh Quán Phật Tam Muội nói: "Đức Phật lần thứ nhất lưu lại hình ảnh trong hang đá ở phía Nam ngọn núi A na tư bên hồ độc Long nước Na càn ha La, có năm La Sát nữ cùng với rồng độc câu kết nhau, luôn luôn tuôn xuống những trận mưa đá, dân chúng đói kém và dịch bệnh đã trải qua bốn năm. Lúc ấy nhà vua cúng tế cầu xin loài Rồng, La Sát nữ sức lực rất mạnh nên chú thuật không được, nhà vua quỳ thẳng chấp tay ca ngợi thần thông trí tuệ của Đức Phật, ứng cảm biết cho tâm nguyện của con cúi đầu cầu mong từ bi quang lâm nước này. Bấy giờ Như Lai đi đến nước ấy, Rồng nổi lên sấm chớp, toàn thân phun khói lửa, năm La Sát nữ mắt như chớp giật, lúc ấy thần Kim Cang tay cầm chày lớn, đầu chày lửa cháy như vành lửa xoay tròn, đốt cháy thân rồng ác. Long vương Kinh sợ chạy vào hình ảnh của Đức Phật, giống như cam lồ rưới mát, thấy các thần Kim Cang vô cùng to lớn nên kinh hãi đảnh lễ Đức Phật, năm La Sát nữ cũng lễ lạy Như Lai. Long vương từ trong hồ ấy đưa ra đài quý báu dâng cúng Đức Phật. Đức Phật dạy: Không cần đến đài quý báu của ông, chỉ cần lấy hang đá của La Sát cho Ta! Chư Thiên đều cởi áo quý báu phủi hang, Đức Phật thâu nhiếp thần túc một mình đi vào hang đá, khiến cho trong hang này trở thành bảy báu, bấy giờ Long vương vì bốn đại đệ tử của A-nan làm ra hang đá. Lúc ấy ĐứcThế tôn từ hang đá đi ra, bấy giờ rồng nghe Đức Phật trở về đất nước thì khóe nỉ non tuôn lệ như mưa, nói rằng vì sao bỏ con, con không thấy Đức Phật, sẽ làm ác rơi vào đường dữ, Đức Phật an ủi rồng: Ta nhận lời thỉnh cầu của ông sẽ an tọa trong hang của ông trải qua một ngàn năm trăm năm. Đức Phật an tọa trong hang hiện bày mười tám thần biến, thân vút lên đi vào đá giống như đài gương sáng, từ trong hang đá ảnh hiện ra bên ngoài, từ xa nhìn về thì thấy, ở gần nhìn lại không hiện rõ ra. Chư Thiên luôn luôn đến cúng dường hình ảnh Đức Phật, hình ảnh cũng thuyết pháp, đến nay hãy còn hiện ra".

Thứ tư- PHẦN PHÁP

Như Kinh Bồ tát Xử Thai nói: "Lúc ấy tám vị Quốc vương cùng

tranh giành Xá-lợi, có một Đại thần tên là Ưu Ba Cát, can ngăn tám vị Quốc vương, vì sao khởi binh chinh phạt lẫn nhau như vậy. Bấy giờ Đế Thích liền hiện làm người, nói với các vị vua rằng: Chư Thiên chúng tôi cũng phải có phần, nếu cùng ra sức trang giành thì ắt sẽ có hơn thua, mong rằng nên nhìn thấy điều đó chớ dẫn đến làm khó cho nhau. Lúc ấy Long vương A Nậu Đạt Long vương Văn Lân Long vương Y Na Bát, nói với tám vị vua rằng: Chúng tôi cũng phải có phần, nếu không thấy chia cho thì sức lực đủ để tranh giành với nhau. Bấy giờ Đại thần Ưu Ba Cát tuyên bố rằng: Các vị hãy cùng dừng lại, Xá-lợi nên cùng nhau phân chia, đâu cần phải gây ra tranh giành! Sau đó phân làm ba phần, một phần cho chư Thiên, một phần cho Long vương, một phần cho tám vị vua. Phân ra bằng hủ gốm chưa được hơn một Thạch. Đại thần này lấy mật xoa lên trong hũ gốm, dùng hũ gốm đong mà chia ra. Chư Thiên có được Xá-lợi trở về trên cõi Trời, lập tức dựng lên tòa tháp bằng bảy báu. Loài Rồng có được Xá-lợi mang về trong cung điện, dựng lên tòa tháp bằng bảy báu. Đại thần Ưu Ba Cát có được hũ gốm đong Xá-lợi, và hũ gốm cũng được xây tháp báu an trí. Tro và đất đong được bốn mươi chín hộc, cũng dựng lên bốn mươi chín tháp báu. Nơi làm lễ trà tỳ cũng dựng lên tháp báu, cao 39 Nhẫn”. (Một Nhẫn bằng bảy thước).

Còn trong kinh A Dục Vương nói: “Tám vị Quốc vương tranh giành Xá-lợi đều dấy binh gây chiến, Thiên Đế Thích tự mình đi đến nói cho biết, dùng chĩnh vàng mà phân chia. Vua A Xà Thế đếm tổng cọng tất cả được tám vạn bốn ngàn hạt Xá-lợi, ngoài ra có một sợi ria mép của Phật, không người nào dám lấy. Bởi vì Vua A Xà Thế đến đầu tiên nên được Xá-lợi và sợi ria mép, trở về rất hoan hỷ tấu nhạc vang lừng Trời đất. Nan Đầu Hòa Long vương, hóa làm thân người, đến nơi Phật Niết-bàn, trên đường đi gặp vua A Xà Thế, cũng nói với nhà vua rằng: Có thể mang một phần có được chia cho tôi chăng? Nhà vua nói: Không thể được! Long vương nói: Tôi là Nan Đầu Đà Hòa Long vương, có thể đem cả quốc độ của ông ra ngoài tám vạn dặm, chà nát thành bột. Vua A Xà Thế kinh sợ liền tặng cho sợi ria mép của Phật. Long vương liền trở về dưới núi Tu di dựng lên tòa tháp bằng thủy tinh, cao tám vạn bốn ngàn dặm, tòa tháp thủy tinh lưu ly dựng lên rồi, đem Xá-lợi an trí phụng thờ. Vua A Xà Thế mạng chung về sau, vua A Dục chiếm được đất nước ấy. Lúc ấy có vị Đại thần thưa với vua A dục rằng: Nan Đầu Hòa Long vương trước kia khinh thường vua A Xà Thế mà lấy mất sợi ria mép của Phật. Vua A Dục nghe rồi vô cùng giận dữ, lập tức truyền cho các quỷ thần thống lĩnh làm lưới giăng bằng sắt, giăng khắp nơi trong nước ở núi

Tu di muốn trói lấy Long vương. Loài Rồng vô cùng kinh hãi bèn cùng nhau tính kế rằng: Vua A Dục tin thờ Phật, nên chờ khi nhà vua ngủ mang cung điện chuyển đến đặt trong nước dưới núi Tu di, thì giận dữ ắt phải chấm dứt. Thế là lập tức sai loài Rồng bưng lấy cung điện của vua A Dục. Nhà vua tỉnh giấc không biết là ở nơi nào, trông thấy tòa tháp thủy tinh cao tám vạn bốn ngàn dặm, trong lòng vừa mừng vừa sợ. Long vương tự nhiên xuất hiện tạ lỗi rằng: Vua A xà Thế tự mình tặng cho tôi sợi ria mép của Phật, chứ tôi không chiếm đoạt. Lúc Đức Phật tại thế ban cho tôi lời quan trọng rằng: Sau khi nhập Niết-bàn đến thời kỳ kiếp thọ không còn, tất cả kinh giới và cà sa-bình bát, Ta giao cho ông nên giữ lấy đưa vào cất giữ trong tháp này, đến lúc Di-lặc xuất thế hãy mang ra. Vua A Dục nghe nói lời này vô cùng cảm ơn, thật sự là không biết đều này. Long vương liền sai các rồng mang cung điện nhà vua trở về đặt vào chỗ cũ".

Còn trong Thiện Kiến Luận nói: "trong cung điện Đế Thích có hai Xá-lợi, một là răng bên phải của Phật, hai là xương chậu bên phải của Phật".

Lại trong Thập Tụng nói: "Đức Phật nhập Niết-bàn, tám nước đều đến cầu xin Xá-lợi, tất cả đều cử bốn binh chủng gồm tám quân đoàn vây tròn khu rừng. Có một vị Bà-la-môn họ Yên, cao tiếng xướng to rằng: Này các lực sĩ, Xá-lợi hiện tại sẽ chia ra làm tám phần. Các lực sĩ nói: Tôn kính như đã thương lượng! Lại tiếp tục xướng lên rằng: Bình chứa Xá-lợi xin để được ban ân huệ cho người, mang về thôn xóm của Đầu na la xây dựng tháp thờ. Lúc ấy Bà-la-môn tên gọi Tất Ba La Diên Na, lại đề nghị mang tro đất nơi trà tỳ Đức Phật về nước dựng tháp thờ. Lúc ấy lực sĩ của thành câu thi được phần thứ nhất dựng tháp thờ; nước Ba bà được phần thứ hai, mang về nước dựng tháp thờ, thôn xóm La Ma được phần thứ ba, trở về dựng tháp thờ; các vị Sát-đế-lợi nước Già Lặc được phần thứ tư, trở về nước dựng tháp thờ; các Bà-la-môn ở Tỳ Nậu được phần thứ năm, trở về nước dựng tháp thờ, các vị Lợi Xương ở Tỳ Da Ly được phần thứ sáu mang về nước dựng tháp thờ; các thích Tử nước Ca-tỳ-la-bà được phần thứ bảy, trở về nước dựng tháp thờ, vua A Xà Thế là chủ nhân của nước Ma già đà được phần thứ tám, trở về thành Vương-xá dựng tháp thờ, Bà-la-môn họ Yên được bình chứa Xá-lợi, mang về thôn xóm Đầu na la dựng tháp thờ; Bà-la-môn Tất ba la diên na có được tro đất, mang về nước dựng tháp thờ. Lúc bấy giờ trong cõi Diêm-phù-đề có tám tháp thờ Xá-lợi, tháp thứ 9 thờ bình đựng Xá-lợi, tháp thứ mười thờ tro đất nơi trà tỳ. Từ đây về sau dựng lên vô

lượng tháp thờ”.

Lại trong kinh A Dục Vương nói: “Xưa kia vua A Thứ Già, muốn lấy toàn bộ Xá-lợi của vua A Xà Thế đã có, vua A xà Thế làm vòng kiếm lớn bằng sắt đặt vào giữa dòng sông Hằng, khiến cho nước xóay tròn giữ chặt nơi đặt Xá-lợi, các loại phương tiện không thể nào lấy được. Hỏi Tỳ kheo Liên Hoa làm cách nào có thể lấy được? Tỳ kheo đáp rằng: Ném vài ngàn hộc táo mắc vào trong đó thì có thể ngăn lại vòng xoáy. Y theo lời nói này, lấy táo ném vào trong nước, tình cờ thử một trái táo, trái táo theo vòng xoáy trôi vào trong lỗ hổng chốt lại, vòng kiếm lập tức đứng yên không xoay chuyển được. Nhưng Đại Long vương canh giữ cũng không thể lấy được. Lúc ấy nhà vua hỏi rằng: Làm sao có thể lấy được? Đáp rằng: Long vương có phước thiện hơn hẳn không biết cách nào có thể lấy được. hỏi rằng: Vì sao biết Long vương có phước thiện hơn hẳn? Đáp rằng: Dùng vàng ròng đúc tượng Long vương và tượng nhà vua, lấy cân để thử xem, bên nào nặng là phước thiện lớn. Lập tức số lượng của tượng Long vương nặng gấp bội. Nhà vua chứng kiến việc này thì cần mẫn tu phước, đã tu phước rồu lại tiếp tục đúc tượng, lại tiếp tục so sánh mức lượng, cân số lượng của tượng nhà vua và tượng Long vương đích thực ngang nhau. Nhà vua lại tu phước lại tiếp tục đúc tượng, cân xem thì tượng nhà vua chuyển sang nặng hơn, nhà vua biết tượng nặng lên, dẫn các binh lính đi đến bên bờ sông, Long vương tự nhiên xuất hiện dâng tặng các loại châu báu. Nhà vua nói với Long vương rằng: vua A Xà Thế để lại Xá-lợi cho tôi, nay tôi muốn lấy. Long vương tự biết mình uy lực không bằng nhà vua, liền dẫn nhà vua đến nơi đặt Xá-lợi, mở cửa lấy Xá-lợi trao cho nhà vua. Vua A xà Thế đã làm ra dầu đèn bắt đầu đến lúc phải cạn, Xá-lợi đã đưa ra thì đèn cũng tắt hết. Nhà vua cảm thấy kỳ lạ bèn hỏi Tỳ kheo Liên Hoa: Vì sao vua A Xà Thế đoán được số lượng dầu đèn, lúc đến lấy Xá-lợi bắt đầu tắt như vậy? Tôn giả đáp rằng: Lúc ấy có người giỏi về tính toán, tính trong thời gian một trăm năm phải sử dụng số lượng dầu như thế, nhờ cách nhìn như vậy, cho nên dùng đến bây giờ”.

Thứ năm- PHẦN CẢM PHƯỚC

Như Kinh Đại Bi nói: “Lúc bấy giờ ĐứcThế tôn bảo với A-nan: Sau khi Ta diệt độ, nếu có người thậm chí cúng dường Xá-lợi của Ta dù chỉ bằng hạt cải, cung kính tôn trọng khiêm nhường mà cúng dường, Ta nói người này nhờ tất cả thiện căn này đều đạt được cảnh giới Niết-bàn-tạn cùng bến bờ Niết-bàn. Nếu có ai tạo lập hình tượng tháp thở.

Chính là có tín tâm nghĩ đến công đức của Phật, thậm chí một cánh hoa tung ở giữa hư không, Ta nói người này nhờ tất cả thiện căn này đều đạy được cảnh giới Niết-bàn tận cùng bến bờ Niết-bàn. Đức Phật bảo với A-nan: Nếu có chúng sanh nào bởi vì nghĩ đến Phật, thậm chí chỉ một cánh hoa tung lên giữa hư không, phước đức như vậy đã đạt được quả báo không thể cùng tận. Nếu có chúng sanh nào dùng tâm chí thành nghĩ đến công đức của Phật, thậm chí chỉ một cánh hoa tung lên giữa hư không, thì ở đời vị lai thì sẽ được làm Thích Thiên Vương-Phạm Thiên Vương- Chuyển luân Thánh vương, đối với phước báo đó cũng không thể nào cùng tận, phước điền cúng dường Phật không thể dùng quả báo hữu vi mà có thể tận cùng giới hạn được. Ta nói người này chắc chắn đạt đến cảnh giới Niết-bàn tận cùng bến bờ Niết-bàn. Thậm chí nếu có súc sanh đối với Phật Thế tôn có thể phát sanh ý niệm ấy, ta cũng nói thiện căn phước báo đó sẽ đến cảnh giới Niết-bàn tận cùng bến bờ Niết-bàn. Nếu như có Sa-môn chứng đến bốn quả và Bích-chi-Phật đầy trong tam thiên đại thiên thế giới nhiều như rừng mía-lau sậy-tre trúc, nếu có người nào có thể trong hiện tại hoặc sau khi diệt độ mà phát tâm dựng tháp cúng dường, hoặc một kiếp hoặc giảm bớt một kiếp, dùng tất cả các loại nhạc cụ xứng ý mà cung kính tôn trọng khiêm nhường để cúng dường, nếu lại có người ở nơi chư Phật chỉ một lần chấp tay, một tiếng xưng niệm danh hiệu Đức Phật, thì phước đức như vậy so với phước đức trước, trăm phần không bằng một, ngàn phần-trăm ngàn ức phần, thậm chí Ca-la phần không bằng một. Tại vì sao? Bởi vì Phật Như Lai là phước điền vô thượng bậc nhất trong mọi phước điền, vì vậy cúng dường Phật thì thành tựu công đức-thần thông uy lực to lớn".

Tụng rằng:

Thân vàng để xương lại khắp nơi,
Tháp báu dựng lên giữa Trời rồng,
Bắt đầu dựng lên mười tòa tháp,
Cuối cùng thành tám vạn đài cao
Châu ngọc biến hiện vầng sáng thiêng,
Trụ chùa nở rộ đóa hoa sen
Nhiều lần mở thông sương buổi sớm,
Bao dịp hiện bày điềm linh ứng
Cầu vòng sáng rực chiếu rọi nhau,
Tiếng gió rung hòa lẫn tiếng chuông
Chim loan tiên cảnh thường trông thấy,
Thần tăng nhiều lúc được đi theo

Một mình vượt lên trên hàng Thánh,
Khắp nơi hàm thức đều cung kính
Đe sắt chày gỗ đập không nát,
Mới biết Thánh đức lớn vô cùng.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra mười sáu chuyện và thời nhà Tùy có năm mươi ba châu cảm ứng điềm lành. Trong Hán Pháp Nội Truyện nói: "Minh Đế đã Hoằng dương Phật pháp, dựng chùa độ tăng, các bậc Đạo sĩ ở các quán trong dãy núi Ngũ Nhạc, thỉnh cầu thi đấu phân rõ sự hơn kém của Thích Lão, đạo kinh dùng lửa thử đốt, theo lửa cháy hết, đạo sĩ đứng đầu mọi người hao phí tài năng hổ thẹn tự thất vọng mà chết trước mặt mọi người. Trương Diễn bắt đầu tỉnh ngộ tranh nhau cùng xuất gia. Lúc ấy Tây Vực đã lấy Xá-lợi hạt năm màu, tung thẳng lên giữa hư không, xoay tròn như cái tán, sáng chói che lấp ánh mặt Trời, La-hán ma Đằng vọt thân lên cao bay như chim, ở giữa hư không giống như mặt đất-bước đi trên đất giống như giữa hư không, thần thông biến hóa tự tại thuyết pháp cho mọi người, Trời mưa hoa báu rải trên Phật và Tăng, nhạc Trời vang lừng kỳ lạ đại chúng cùng nghe, hóa độ vô số người". Rộng ra như trong thiên phá tà đã nói.

Trong thành Lạc Dương thời Ngụy Minh Đế vốn có ba ngôi chùa, một ngôi chùa nằm phía Tây của Hoàng cung, cứ mỗi lần gắn Xá-lợi vào cờ phước treo trên nóc chùa, nhất định là nhìn thấy rõ trong cung. Hoàng đế lo sợ nên muốn phá hủy ngôi chùa. Lúc ấy có Sa-môn người nước khác ở trong chùa, mới bưng cái khay bằng vàng chứa nước, nước tích trữ Xá-lợi, ánh sáng năm màu tỏa ra rực rỡ không dứt, Hoàng đế trông thấy ca ngợi rằng: Không phải là thần hiệu làm sao có được như vậy? Thế là ở phía Đông cung thành làm ra chùa viện rộng cả một trăm gian, gọi là Quan Phật Đồ Tinh Xá.

Năm thứ tư niên hiệu Xích ô thời Ngô Tôn Quyền, có Sa-môn Khương Tăng Hội là người nước khác, bắt đầu đến Trường Giang thiết lập kinh tượng làm nơi hành đạo. Người nước Ngô cho là chuyện lạ lùng mê hoặc lòng người, bởi vì nghe tình trạng ấy, Tôn Quyền cho gọi Tăng Hội đến hỏi: Phật có điềm lành linh thiêng gì? Đáp rằng: Dấu tích linh thiêng sâu xa của Đức Phật để lại Xá-lợi ứng hiện khắp nơi. Tôn Quyền nói: Ở đâu? Đáp rằng: Dấu tích thần kỳ của Đức Phật cảm ứng tất cả thì cầu khấn có thể đạt được. Tôn Quyền nói: Nếu có được Xá-lợi thì sẽ xây dựng chùa tháp. Trải qua hai mươi mốt ngày chí thành

thỉnh cầu, liền có được Xá-lợi trong bình, sáng sớm trình lên cho Tôn Quyền thấy, ánh sáng chiếu rọi tỏ cung điện. Tôn Quyền cầm bình đổ vào khay đồng, Xá-lợi rơi xuống chạm vào khay đồng lập tức vỡ tan. Tôn Quyền rất kinh sợ lạ lùng trước điềm lành hiếm có. Tăng hội tiến đến nói rằng: Xương cốt linh thiêng của Phật, như Kim Cang bất hoại, lửa đốt không cháy, chày giã không vỡ. Tôn Quyền sai lực sĩ dùng hết sức đánh vào, chày cối đều lõm xuống mà Xá-lợi không tổn hại gì, ánh sáng chiếu rọi khắp nơi làm lóa mắt người nhìn. Lại dùng lửa đốt thì ánh sáng vút lên trên cao làm thành đóa hoa sen to lớn. Tôn Quyền vô cùng tin phục, mới dựng ngôi chùa tên gọi là kiến sơ, đổi địa danh cư trú gọi là xóm Phật Đà.

Chính sách tàn bạo của Tôn Hạo có ý định trừ bỏ Phật pháp, đốt kinh phá tháp, có vị quan sùng kính can ngăn rằng: Tạm thời độ lượng một chút, biết là không có gì thần nghiệm thì loại trừ cũng không muộn. Tôn Hạo nghe theo lời can gián, gọi Tăng Hội đến nói rằng: Nếu có thể linh nghiệm hiện rõ ra thì trước mắt giúp cho thầy phát triển, nếu như không có thể thì sẽ loại trừ mà còn sử tội chết. Tăng Hội nói: Phật dùng duyên ứng hiện mà cảm được thì nhất định thông suốt, đã mong muốn cung cấp thì nhờ vào hiệu lực thỉnh cầu không khó. Tôn Hạo cho kỳ hạn trong ba ngày. Lúc ấy chúng Tăng hơn một trăm người cùng tập hợp trong chùa Tăng Hội, Tôn Hạo dàn quân bao quanh chùa tay lăm le dao gậy, đến kỳ hạn thì đập phá giết chóc. Tăng chúng sợ rằng không linh ứng nên có nhiều người muốn tự thắt cổ chết. Tăng Hội nói với mọi người rằng: Phật lưu lại Xá-lợi chỉ vì ở thời thế bây giờ, trước đã có linh nghiệm thì lẽ nào bây giờ không có ư? Vừa đến kỳ hạn thì có được kết quả, thế là đem trình lên cho Tôn Hạo và nói rằng: Đây là xương cốt Kim Cang của Như Lai, chí thành nhất định đạt được, cho dù dùng chày nặng trăm cân đánh vào nhưng chung quy không mảy may hư hoại. Tôn Hạo nói: Vàng đá có thể mài mòn thì xương khô lẽ nào cứng chắc, Sa-môn chính mình lừa dối thì chỉ mau chết mà thôi. Thế là đem đặt trên đe sắt, dùng chày vàng đánh xuống, đe sắt-chày vàng đều lõm xuống mà Xá-lợi vẫn như cũ. Lại lấy nước trong để tiến hành thử nghiệm, Xá-lợi tỏa sáng rực rỡ chiếu rọi khắp nơi trong cung điện. Tôn Hạo mới hớn hở tin phục, chí thành thay đổi tâm tính.

Trúc Trường Thư đầu thời nhà Tấn trước đó có Xá-lợi rất nặng. Người đó có con làm Sa-môn tên là Pháp Nhan, đã từng muốn hoàn tục, cười và nói rằng: Xá-lợi là cát đá mà thôi, đâu đủ để đáng quý trọng. Người cha đưa vào trong nước, ba vòng ngũ sắc sáng rực vút cao mấy

thước, Trông thấy hiện tượng thì phát sinh niềm tin không muốn hoàn tục nữa. Trường Thư sắp chết, người con lại phát khởi ý niệm hoàn tục, thì mắc bệnh mệt mỏi, cuối cùng làm Sa-môn, đem Xá-lợi an trí trong tòa tháp ở vùng Giang hạ.

Trong thời Tấn Đại Hưng, ở vùng Tiềm Đổng rất sùng tín hãy còn pho tượng bằng gỗ ban đêm có ánh sáng phát ra, sau đó bên cạnh kho tượng có tiếng ném đất, nhìn thấy chính là Xá-lợi, chìm nổi trong nước ánh sáng năm màu chiếu rọi rực rỡ đi quanh bên phải ba vòng. Về sau Sa-môn Pháp Thường trông thấy, liền vút lên cao 4-5 thước rơi vào trong lòng Pháp Thường, Pháp Thường nói: Nếu như khiến Pháp thường xây dựng chùa chiền thì lại cho thấy uy thần. Lại vọt lên trước mặt, thế là Pháp Thường tiến hành xây dựng chùa tháp, người ở vùng Tiềm Đổng đi vào giáo pháp hàng ngày có mười mấy người.

Trong thời Đại Hưng nhà Tấn, người phương Bắc lưu truyền đến Quảng Lăng ngày có tới hàng ngàn. Có người mang Xá-lợi, xây dựng chùa chiền tạo tháp thờ, Xá-lợi phát ra ánh sáng lên đến đỉnh tháp, làm cảm động xa gần.

Trong thời Tấn Hàm Hòa, Tăng ở phương Bắc tên là An Pháp Khai đến Dư Hàng, muốn xây dựng chùa chiền nhưng không có tiền bạc, tự mình làm lấy tiền xâu thành chuỗi, tích góp nhiều năm được ba vạn đồng tiền, mua đất làm nhà, thường lấy xâu tiền để giúp đỡ, muốn dựng tháp mà không có Xá-lợi. Có người tên là La Ấu, trước kia tự nhiên có Xá-lợi, pháp khai cầu xin không được, và pháp khai đến chùa lễ Phật, trông thấy túi đựng Xá-lợi của La Ấu ở trước chỗ ngồi, liền nói với La Ấu ý muốn thỉnh thờ, La Ấu đi theo để xem, vui sướng trao cho pháp khai, cùng nhau xây dựng chùa tháp ở tại vùng Dư Hàng.

Trong thời Tấn Hàm Khang, Thái Thú vùng Kiến An là Mạnh Cảnh, muốn xây dựng chùa tháp, trong đêm tối nghe phía trên đầu giường có tiếng lanh canh, nhìn thấy có được ba hạt Xá-lợi, nhân đó xây dựng chùa tháp phụng thờ, tháng 6 năm thứ 16 thời Nguyên Gia nhà Tống, Xá-lợi phát ánh sáng chiếu rọi khắp nơi trên dưới, trong bảy đêm liền mới dừng lại tất cả mọi người đều trông thấy.

Năm thứ nhất thời Tấn Nghĩa Hy, có người ở vùng Lâm Ấp đã từng có một hạt Xá-lợi, mỗi khi đến ngày trai thì phát ra ánh sáng. Sa-môn Tuệ Thúy đi theo Sử Quảng Châu là điêu Quỳ về phía Nam, cung kính tướng ánh sáng đó nên muốn thỉnh cầu, nhưng chưa kịp mở lời mà Xá-lợi tự phân làm hai. Điêu Quỳ nghe chuyện trong lòng rất vui mừng, lại thỉnh cầu để thờ kính, mà tiếp tục phân làm ba, Điêu Quỳ muốn

phỏng theo pho tượng ở Trường Can, nhưng chủ chùa cố chấp không đồng ý, đêm mộng thấy người cao mấy trượng nói cho biết rằng: Pho tượng quý báu nên truyền rộng ra đâu tùy tiện keo kiệt như vậy? Ngày mai báo tin đồng ý phỏng theo. Pho tượng đã hòan thành Điêu Quỳ đem Xá-lợi đặt vào trong búi tóc pho tượng, các pho tượng từ Tây Vực mang đến phát ra ánh sáng phần nhiều là nhờ có Xá-lợi vậy.

Năm thứ sáu thời Nguyên Gia nhà Tống, Giả đạo Tử đi lên vùng Kinh Châu, thấy rõ ràng đóa sen mới nở, bèn hái mang về nhà nghe đóa hoa có tếing động, cảm thấy kỳ lạ nên tìm kiếm có một hạt Xá-lợi, trắng như trân châu, ánh sáng chiếu rọi khắp căn nhà, cung kính nâng lên đặt vào trong hộp treo lên tường nhà. Người trong nhà mỗi khi thấy chúng Tăng tu Phật từ nơi khác đến, thì cởi áo đang mặc mà ngồi trước bàn. Có người ở nhờ không biết mà sinh ra khinh mạn, thế là mộng thấy có người bảo rằng: ở đây có chân thân của Đức Thích Ca, các Thánh đến lễ kính sao ông làm điều không tốt, chết vào trong địa ngục-sinh ra làm hạng tôi tớ, sao có thể không sợ hãi? Người đó vô cùng kinh sợ, không bao lâu bị dịch bệnh mà chết. Xá-lợi trong nhà mọc ra tám cành hoa sen, sáu tuần mới khô, năm khác thì mất đi không biết đi về đâu.

Năm thứ tám thời Nguyên Gia nhà Tống, ở Cối Kê có người tên An Thiên Tái, trong nhà thờ phụng Đức Phật, ban đêm có tiếng gõ cửa, mở cửa thấy hơn mười người mặc áo đỏ chuyển vật liệu xếp vào trong cổng nói rằng: Quan sai làm tháp Phật, bỗng nhiên không còn thấy nữa. Ngày mai đến nhà người khác, trong cơm chay gặp được một hạt Xá-lợi màu vàng tía, chày đập không vỡ, đặt vào trong nước thì ánh sáng chiếu ra, liền tự dựng tháp phụng thờ cung kính, thường có mùi hương kỳ lạ. Về sau đưa ra muốn lễ bái thì bỗng nhiên mất đi, tìm kiếm mọi nơi suốt nửa ngày thì trở về lại. Lúc ấy Lâm Xuyên Vương trấn giữ vùng Giang Lăng thỉnh về mà phụng thờ, ánh sáng rực rỡ phát ra xen lẫn thật kỳ lạ, quan lại và Sa-môn đều thấy không giống nhau. Vương nâng bình bát chú nguyện, thì thuận theo tiếng cầu nguyện phát ra ánh sáng, trong đêm thấy hơn một trăm người đi vòng quanh ngôi nhà an trí Xá-lợi thắp hương cầm hoa giống như lúc Đức Phật xuất thế, đến Trời sáng thì người và Xá-lợi đều không còn.

Năm thứ chín thời Nguyên Gia nhà Tống, gia đình Trương Tu Nguyên ở Tầm Dương tổ chức tu bát quan trai, đạo tục mấy chục người thấy trong đóa hoa ở trước pho tượng tựa như băng tuyết, nhìn xem có được mấy chục hạt Xá-lợi, liền lấy nước rửa sạch thì ánh sáng rực lên chiếu rọi lẫn nhau, sau đó liền mất đi. Mấy ngày sau mở cửa nhà bếp

lại thấy có một chiếc răng, trong hộp có mười viên Xá-lợi bọc trong vải bông trắng, ánh sáng rực rỡ soi chiếu lẫn nhau, các nơi khác đều đến thỉnh về phụng thờ. Năm thứ mười lăm thời Nguyên Gia nhà Tống, Lưu Ngưng ở Nam Quận ẩn cư trong Hoành Sơn không hề xuất hiện, nhận năm thăng gạo nói rằng không tin Phật pháp, mộng thấy người cách mặt đất mấy trượng nói: Ông nghi ngờ mới hiểu. Tỉnh giấc bỗng nhiên tỏ ngộ, sớm chiều chịu khó chí thành lễ Phật nửa năm, chợt thấy dưới trán có ánh sáng màu tím, áng chừng nơi ánh sáng có được hai hạt Xá-lợi, xẻ ra không hư hại gì, đưa vào nước thì ánh sáng phát ra. Lại vào lúc ăn trong miệng kín răng, nói ra có ánh sáng xuất hiện, người vợ lại nhặt được một hạt, tất cả có năm hạt, về sau lại mất đi, tìm kiếm lại có được.

Năm thứ 19 thời Nguyên Gia nhà Tống, Từ Xuân ở vùng cao Bình đọc kinh, đến khi ăn gặp được hai hạt Xá-lợi, cất giữ trong hũ gốm. Sau đó xem dần dần tăng lên cho đến hai mươi hạt, sau gửi cho Lưu Phức là Huyện Lệnh Quảng Lăng, Lưu Phức lén mở xem thì thấy hũ gốm trống không, Từ Xuân ở kinh đô bỗng nhiên tự có được Xá-lợi. Về sau thối chuyển nên đều mất đi. Xá-lợi ứng hiện thì người gặp được rất nhiều, đều là cung kính mà có được, khinh mạn thì mất đi.

Xá-lợi truyền đến phương Đông trải dài qua bao thời đại vua chúa, truyện ký đề cập đến chỉ sơ lược trình bày trong một phạm vi rất nhỏ, bởi vì tướng trùng lặp vòng vo nhiều lần hiện rõ không phải là hiếm thấy, Phật hóa sâu xa huyền diệu quả thật tạo nên như vậy. Nhưng có quốc gia xây dựng thời kỳ cai quản có hơn một trăm tháp được xây dựng, điềm lành thần diệu khai quát, nói rõ trong các truyện ký khác biệt, nay sơ lược trích ra để hiện bày duyên cảm ứng đạt được.

Tùy Văn Đế lập tháp thờ Xá-lợi Phật, có hai mươi tám chất xây dựng tháp thờ, năm mươi ba châu cảm ứng điềm lành.

Chùa Tiên Du ở Ung Châu, chùa Phụng Tuyền ở Kì Châu, chùa Tư Giác ở Hoa Châu, chùa Đại Hưng Quốc ở Đồng Châu, chùa Đại Hưng Quốc ở Kinh Châu, chùa Thê Nham ở Bồ Châu, chùa Đại Nhạc ở Thái Châu, chùa Vô Lượng Thọ ở Tính Châu, chùa Thường Nhạc ở Định Châu, chùa Tung Nhạc ở Tung Châu, chùa Đại Từ ở Tương Châu, chùa Liên Vân Nhạc ở Khoách Châu, chùa Hoành Nhạc ở Hoành Châu, chùa Đại Hưng Quốc ở Tương Châu, chùa Cự Thần Sơn ở Mậu Châu, chùa Cối Kê Sơn ở Ngô Châu, chùa Khổ Khâu Sơn ở Tô Châu.

Trên đây là chùa ở mười bảy Châu xây dựng tháp thờ được làm ra từ vật dụng sẵn có và vật dụng trong kho nhà nước.

Tần Châu Qua Châu-Dương Châu-Ích Châu-Bặc Châu-Quế Châu-Giao Châu-Nhữ Châu-Phiên Châu-Tưởng Châu-Trịnh Châu.

Trên đây là mười một Châu tùy theo cảnh trí núi sông ở nơi thanh tịnh của các chùa trong phạm vi Châu-Huyện xây dựng tháp thờ từ vật dụng giống như trước.

Môn hạ nhờ suy nghĩ, đấng Chánh Giác Đại từ đại bi cứu khổ giúp che chở cho chúng sanh phương tiện dẫn đưa muôn loài vượt khỏi khổ đau, Trẫm quy y Tam Bảo trùng hưng Thánh giáo, nghĩ rằng cùng với tất cả nhân dân trong bốn biển, cùng phát Bồ-đề, cùng tu phước nghiệp, khiến cho đời hiện tại và đời vị lai, vĩnh viễn làm thiện nhân, cùng bước lên diệu quả, nên thỉnh cầu ba mươi vị Sa-môn am hiểu pháp tướng và có thể truyền bá dẫn dắt, mỗi vị mang theo hai người thị giả, đồng thời quan chức các nơi đều cung cấp cho một người, huân lục hương một trăm hai mươi cân-ngựa năm con, phân chia đường đi chuyển giao Xá-lợi, hướng về phía trước theo các Châu xây dựng tháp thờ, như chùa Xuyên Lục đã có, chùa Sơn Thủy đã xây dựng tháp thờ y như trước. Vùng núi trước kia không có chùa, ở nơi chùa thanh tịnh trong châu này xây dựng tháp thờ. Nơi điều khiển tạo ra khuôn mẫu chuyển đến châu này. Tăng nhiều thì ba trăm sáu mươi người, tiếp theo là hai trăm bốn mươi người, sau đó là một trăm hai mươi người. Nếu như Tăng ít thì tất cả đều được coi là Tăng, vì Trẫm-Hoàng hậu-Thái tử rộng ra đến con cháu các hàng Vương hầu và quan lại trong ngòai cùng hết thảy dân chúng-u hiển sanh linh, tất cả cùng hành đạo từ ngày khởi công xây tháp, đừng hỏi cùng Châu hay khác Châu, dùng người căn cứ vào sự bố thí, tiền hạn định đến 10 đồng trở xuống, không được quá 10 đồng. Tiền đã bố thí dùng cung cấp để làm tháp thờ. Nếu ít không được chiêu tập người làm không công, kịp thời sử dụng đồ vật trong kho. Đốc thúc địa phương các Châu và Tăng ni cùng vì Xá-lợi mà thiết trai cúng dường , hạn định vào giờ ngọ ngày 15 tháng 10, cùng đặt vào hòm đá, từ Tổng quản-thứ sử trở xuống Huyện úy trở lên, đương nhiên không phải việc quân sự cơ mật thì dừng lại công việc thường làm trong bảy ngày, chuyên tâm kiểm tra điều chỉnh về các việc hành đạo và xây dựng tháp thờ, cốt phải hết lòng thành kính phù hợp với ý nguyện của Trẫm vậy. Người chịa trách nhiệm thi hành, ngày 13 tháng 6 năm thứ nhất niên hiệu Nhân Thọ nhà Tùy, Nội Sử lệnh Dự Chương Vương Thần Giản tuyên chỉ.

XÁ LỢI CẢM ỨNG KÝ (Quyển 20)

Trước tác thời nhà Tùy Lang Vương Thiệu soạn thuật.

Hoàng đế xưa ở Long Tiềm, có Bà-la-môn-Sa-môn, đi đến trong

nhà, đưa ra một chiếc túi đựng Xá-lợi nói rằng: Đàn Việt có lòng tốt cho nên lưu lại để cúng dường. Sa-môn đã đi, tìm mãi không biết ở nơi nào. Sau đó Hoàng đế và Sa-môn Đàm Thiên đều đặt Xá-lợi trong bàn tay mà đếm, hoặc nhiều hoặc ít cả hai không xác định được, Đàm Thiên nói: Từng nghe Bà-la-môn nói, Pháp thân vượt quá số lượng, không phải thế gian mà suy lường được. Thế là bắt đầu làm hộp bằng bảy báu để an trí. Thần Ni trí tiên nói rằng: Phật pháp sắp hủy diệt, tất cả các vị thần minh nay đã đi về phương Tây, ông nên vì tất cả mọi người mà trùng hưng Phật pháp của Đức Từ Phụ, các vị thần minh lại trở về. Sau đó quả nhiên nhà chuy hủy diệt Phật pháp, nhà Tùy nhận nhiệm vụ mới phục hưng pại Phật pháp. Hoàng đế đã từng được thần Ni nhắc nhở, cho nên nói rằng: ta hưng thịnh nhờ vào Phật pháp, vì vậy ở trong tháp thờ Xá-lợi mọi nơi, đều làm pho tượng của Thần Ni vậy. Hoàng đế-Hoàng hậu ở chùa Pháp Giới Ni trong Kinh sư, làm ra tòa tháp Liên Cơ để đền đáp nguyện xưa, dưới tháp có an trí Xá-lợi. Đêm mùa thu năm thứ mười lăm niên hiệu khai Hoàng nhà Tùy, có ánh sáng thần kỳ từ dưới nền tháp rực lên phía trên, xoay tròn về phía phải tòa sen nổi bật như ngọn lửa trong lò luyện kim, trong một tuần bốn lần hiện ra như vậy. Hoàng đế vào ngày mười ba tháng sáu năm thứ nhất niên hiệu Nhân Thọ nhà Tùy, ngự trong điện Nhân Thọ của cung Nhân Thọ, vốn là ngày giáng sinh của nhà vua, hàng năm vào ngày này tâm niệm luôn luôn tha thiết tu tạo phước phiện, truy niệm báo đáp công ân các châu trong đất nước lựa chọn ba mươi chỗ cao rộng thanh tịnh, mỗi nơi đều xây dựng một tháp thờ Xá-lợi.

Hoàng đế liền sau đó tự mình dùng hộp bằng bảy báu, nâng ba mươi viên Xá-lợi từ trong mà đi ra, đặt vào áng trên đại điện, cùng với các vị Sa-môn thấp hương lễ lạy, nguyện cho đệ tử thường cùng chánh pháp hộ trì Tam Bảo, cứu độ tất cả chúng sanh, sau đó lấy bình vàng-bình lưu ly mỗi loại ba mươi chiếc, đem bình lưu ly chứa bình vàng, an trí Xá-lợi vào trong bình vàng, hương huân lục nhào làm bột ướt, xoa trên nắp bình mà niêm phong lại, ba mươi châu cùng hẹn vào lúc chánh ngọ ngày mười lăm tháng mười, đưa vào hòm đồng đặt trong hòm đá, cùng một lúc dựng tháp thờ. Các vị Sa-môn đều đi theo Xá-lợi cung kính chuyển giao cho các châu, tất cả đạo tục đều được chuẩn bị từ trong khu vực của mình hương hoa trang nghiêm, cờ phướn lọng tàn rực rỡ âm nhạc lừng vang, đường đi vẩy nước quét dọn sạch sẽ, tất cả chân thành dốc sức cung kính đón rước Xá-lợi, không thể nào nói hết được. các điềm lành cảm ứng linh thiêng đầy đủ như truyện đã nói, nay sơ

lược ghi lại mười sự việc khác để nêu rõ cho người đời sau.

Hoàng đế vào ngày này cùng với Hoàng hậu-Thái tử và phi tần trong cung tinh thành dụng tâm dốc lòng sám hối, tất cả vì hàm thức cùng kết mối thiện duyên Hoàng đế thấy một vị Tăng kỳ lạ khoác y màu nâu che cánh tay, nói với tả hữu rằng: Đừng làm kinh động vị ấy, yên lặng mà đi để tôn trọng mọi người. Quả nhiên không cần phải xuất hiện, Xá-lợi sắp lên đường. Hoàng đế nói: Nay Phật pháp trùng hưng ắt là có cảm ứng. Sau đó mọi nơi dâng biểu tấu trình, đều giống như lời đã nói.

Hoàng đế đang trong tháng 10 này, cứ mỗi khi dùng bữa sau đó từ trong hàm răng có được Xá-lợi Hoàng hậu cũng như vậy. Lấy chậu bạc chứa nước, hiện ra một hạt Xá-lợi đem chỉ rõ cho mọi người thấy, trong chốc lát bỗng nhiên thấy có hai hạt, xoay tròn về phía cả hai hạt bám theo nhau, quý nhân và Tấn Vương Chiêu-Dự Chương Vương Giản được ban tặng nghiên mực, truyền chỉ khiến nhìn kỹ, đều từ trong nghiên mực có được một hạt Xá-lợi. Không quá hai tuần trong cung tổng cọng có được 19 hạt Xá-lợi, phần nhiều đều phát ra ánh sáng, từ đây đạo tục gần xa vốn có Xá-lợi mà phụng thờ cúng dường vậy. Hoàng đế nói: Hà tất đều là chân thân. Các vị Sa-môn cùng nhau dùng chày để thử, quả nhiên có 13 hạt ngọc, Xá-lợi chân thật dùng chày sắt-cối sắt giả mà không hề hư hại.

Chùa Tiên Du phía Nam huyện Châu Chí-phía Tây thành Ung Châu, ngày lập tháp thờ, Trời buông tuyết phủ kín, núi lớn âm u như đêm tối, Xá-lợi sắp đưa xuống thì mây mù bỗng nhiên tản ra, ánh mặt Trời soi chiếu sáng ngời, đạo tục phân tán xong hết mây cuộn lại như cũ.

Chùa Phụng Tuyền ở Kỳ Châu lập tháp thờ, cảm được tấm đá có hoa văn như ngọc làm hộp, lại hiện rõ điềm lành linh thiêng có đủ chim thú-song thọ, nền đá biến đổi giống như thủy tinh.

Chùa Đại Hưng Quốc ở Kinh Châu lập tháp thờ, ba nơi đều chuyển giao tấm đá cũ xưa, không phải là thế gian vốn có, hợp lại dùng làm hòm, thì vừa vặn khớp nhau.

Chùa Tịnh Niệm ở Tần Châu lập tháp thờ, xác định nền tháp rồi, mây lành tiếp tục che phủ-tuyết buông trắng xóa, cỏ cây nở hoa, đưa vào hộp thì ánh sáng chiếu rọi tiếng ca tụng vang vang.

Chùa Tư Giác ở Hoa Châu lập tháp thờ, ban đầu tuyết phủ âm u, lúc sắp đưa Xá-lợi vào tháp, thì ánh mặt Trời chiếu sáng rực rỡ, luồng ánh sáng năm màu cao vút mấy mươi trượng, chiếu rọi bao trùm phía

trên tháp, là cõi Trời tung hoa báu vậy.

Chùa Đại Hưng Quốc ở Đồng Châu lập tháp thờ, gặp cơn mưa không có nơi nào che chắn, đến khi đưa Xá-lợi vào hộp, bỗng nhiên mây cuộn lên tản ra, ánh mặt Trời chiếu sáng rực, lại có ánh sáng thần kỳ, vòng quanh tháp suốt ngày. Đến trong tháng 12, ban đêm có ánh sáng chiếu rọi xa năm mươi dặm.

Chùa Thê Nham ở Bồ Châu lập tháp thờ, mặt đất rung chuyển núi rừng gầm lên, chuông trống vang lừng khắp nơi, lại phát ra năm luồng ánh sáng, cách xa hai trăm dặm đều trông thấy.

Chùa Vô Lượng Thọ ở Tính Châu lập tháp thờ, ban đầu giữa ban ngày mà mây mù che phủ âm u, lúc sắp đưa Xá-lợi vào hộp tháp, thì Trời trong sáng rực rỡ, lại phát ra ánh sáng thần kỳ năm màu, Thiên Thần hiện hình, không biết rõ bao nhiêu vị.

Chùa Bắc Nhạc ở định Châu trong ngày lập tháp thờ, có ông lão lạ lùng, đến làm giúp công việc ban trải đất đai xong xuôi rồi biến mất, xưa kia nơi này không có nước, bỗng nhiên có nước chảy ra, trước sau không phải là một.

Chùa Đại Từ ở Tương Châu vào ngày lập tháp thờ, Trời âm u buông tuyết trắng, lúc sắp đưa Xá-lợi vào hộp tháp thì mặt Trời xuất hiện, sau đó lại phủ kín mây, Trời tuôn mưa hoa kỳ lạ, liên tục trút xuống nhiều vô cùng.

Chùa Định Giác ở Trịnh Châu vào ngày lập tháp thờ, cảm được ánh sáng thần diệu giống như sao băng vào chùa, thiết lễ cúng dường hai mươi vạn người ăn không hết.

Chùa Nhàn Cư ở Tung Châu lập tháp thờ, cảm được thỏ trắng đi đến trước đầu xe, ban đầu tuyết phủ âm u, lúc sắp đưa xuống thì mặt Trời tỏa sáng, đưa vào rồi lại âm u như trước.

Chùa Khai Tịch ở Bặc Châu lập tháp thờ, trong khu vực không có đá, ba tấm đá từ nơi khác chuyển đến, hợp lại mà thành hộp, nền tháp đến tảng đá tròn, do hai làn sóng dưới đáy giếng kẹp lại.

Chùa Hưng Thế ở Nhữ Châu lập tháp thờ, ban đầu mây tuyết âm u, lúc sắp đưa xuống thì Trời quang đãng, đưa vào hộp tháp xong xuôi, mây vần vũ che kín trở lại.

Chùa Đại Nhạc ở Thái Châu lập tháp thờ, ban đêm tiếng trống chấn động, ba lớp cửa tự nhiên mở ra có kỵ binh từ trong miếu đi ra nghênh đón, ánh sáng tốt lành soi chiếu không phải là một.

Chùa Thắng Phước ở Thanh Châu xây dựng tháp thờ, đào móng gặp được chiếc hộp bằng đá tự nhiên, lúc sắp đưa vào tháp, có ánh sáng

tốt lành xuất hiện.

Chùa Cư Thần Sơn ở Mậu Châu lập tháp thờ, gặp được hai cành cỏ Tử Chi, mây giăng âm u, lúc sắp đưa xuống thì mặt Trời tỏa sáng, đóng tháp xong mây che phủ như trước.

Chùa Trí Môn ở Tùy Châu lập tháp thờ, đào móng gặp được con rùa thần, cam lộ rưới xuống đàn ong mật vây tròn, lưng rùa có họa tiết như lá bùa.

Chùa Đại Hưng Quốc ở Tương Châu lập tháp thờ, ban đầu Trời âm u, lúc sắp đưa xuống thì mặt Trời tỏa sáng, đưa vào hộp tháp thì mây kéo lại che kín.

Chùa phía Tây vùng Dương Châu lập tháp thờ, khô hạn trải qua đã lâu, Xá-lợi đưa vào khu vực Châu này, đêm đến mưa xuống đầy đủ mọi nơi.

Chùa Thê Hà ở Tưởng Châu lập tháp thờ, người hàng xóm trước đó mộng thấy Đức Phật từ phía Tây Bắc đi đến vào chùa, và khi Xá-lợi chuyển đến giống như trong mộng.

Chùa Đại Vũ ở Ngô Châu lập tháp thờ, Xá-lợi hiện ra trên vùng Ngũ Giang, sóng gió đều bình lặng, lại phát ra ánh sáng thần diệu, có được cỏ thuốc tử chi.

Chùa Hổ Khâu Sơn ở Tô Châu lập tháp thờ, đào móng gặp được một viên Xá-lợi, nhạc Trời vang lừng giữa hư không, mọi người đều nghe thấy, giếng nước sôi sục ba ngày, Xá-lợi mới chuyển đến.

Chùa Hoành Nhạc ở Hoành Châu lập tháp thờ, bốn lần gặp phải luồng gió nghịch, bốn lần cầu xin nước thuận dòng, trên đỉnh mây trắng tỏa rộng hai trượng, thẳng đến nơi nền tháp, cuộn quanh ba vòng mới tản ra,

Chùa Duyên Hóa ở Quế Châu lập tháp thờ, chưa đến mười dặm, có bầy chim khoảng một ngàn con, hợp lại với nhau bay thành hàng, vào kinh thành mới tản ra.

Chùa Linh Thứu ở Phiên Châu lập tháp thờ, trong hầm sâu có Thần Tiên, hiện bày cảnh tượng vọt lên cao trên mây.

Chùa Pháp Tụ ở Ích Châu lập tháp thờ, ban đầu âm u đen tối, lúc sắp hoàn thành thì mặt Trời tỏa sáng, tháp đóng lại rồi thì mây phủ âm u.

Chùa Pháp Giảng ở khoách châu lập tháp thờ, ban đầu đi ở phía Tây ngoại thành, đêm ấy ở khoách châu phát ra ánh sáng tốt lành cao mấy trượng, từ phía Đông hiện ra đi vào lòng đất, trong ngoài đều nhìn thấy.

Người ở Vĩ Châu tên là Vương Uy, chuyển người đày đi xa có chín mươi người, trên đường đi gặp Xá-lợi, thiện tâm cùng phát khởi, mong mỏi được thả ra, những tù nhân được thả ra, ngàn dặm một kỳ hạn, không có một người nào chạy trốn.

Người vùng Tùy Châu ở Vân Thủy làm nghề đánh cá ba trăm gia đình, truyền nghiệp từ xưa đến nay, đã trông thấy Xá-lợi, tất cả quyết định đổi nghề, vĩnh viễn đoạn trừ ác nghiệp ấy, châu khác cũng làm theo vậy.

Dâng biểu chúc mừng Xá-lợi cảm ứng.

Tùy An Đức Vương Hùng cùng tất cả các quan, bề tôi Vương Hùng và các quan đều nói. Bề tôi nghe rằng: Bậc Đại Giác trọn vẹn đầy đủ lý soi chiếu có-không, hàng chí thánh rỗng rang ngưng tụ nghĩa không hề sanh diệt, cho nên tuy hình hài phân tán hay tụ lại bằng hạt cải, mà hãy cón cất giữ trong hũ vàng quý báu, thể chất tản ra nhẹ như bụi trần, nhưng hãy còn phát triển tháp thờ tôn kính. Từ sau khi Thích Đế Hoàn Nhân thỉnh cầu tro đất, vua A Dục xây dựng tháp thờ đến nay, chưa có ai phân bố Xá-lợi kế thừa sự nghiệp tốt lành to lớn. Cúi đầu nghĩ rằng Hoàng đế bao kiếp tích lũy nhân duyên vốn có chứng đạt Bồ-đề từ trước, giáng trần theo dấu tích nhân vương hộ trì thế giới, xưa kia tạo pháp tiêu tan thuộc về vận kiếp, lòng nhân ái thờ kính bị phá hủy, ngọn đèn Từ Bi không còn soi bóng, biển khơi trí tuệ đoạn tuyệt dòng chảy phúc Hoàng đế đã dấy lên thì trống giáo pháp mới chấn động, trong đất nước đều trở thành tịnh độ, mọi sinh linh đều được mây lành che mát. Tiếp đến tháng 6 mùa hạ liền phát ra chiếu chỉ mời các vị Sa-môn, cung kính chuyển giao Xá-lợi hướng về ba mươi châu, vào ngày 15 tháng 10 cùng một lúc xây dựng tháp thờ, mà chùa Thê Nham ở Bồ Châu là nơi quy mô an trí tòa tháp, ở trên núi này mới có tiếng chuông rền vang, Xá-lợi tôn trí bên trong giảng đường, đầu đêm ấy trên tòa tháp phát ra ánh sáng rạng ngời, ngay trong gian nhà chính lưu chuyển chiếu rọi khắp nơi, sắp an trí Xá-lợi vào hộp đồng, lại có ánh sáng giống như lư hương theo hư không mà lên cao, đến bình quý trên tòa tháp lại phát ra ngọn lửa màu tím, hoặc tản ra hoặc tụ lại đều thành hoa sen. Lại có ánh áng ở trên tòa tháp, hình dạng giống như hình tượng Đức Phật, an tọa trên đài hoa uyển chuyển, ngừng lại rất lâu, sau đó mới dần dần ẩn đi. Lại có ánh sáng xoay vòng trên bình báu của tòa tháp, Tăng chúng chùa Nhân Thọ trong thành Bồ Châu, từ xa nhìn về đỉnh núi giống như lâu đài tráng lệ, núi non hang động hiển hiện rất rõ ràng, soi chiếu một vùng phía Đông Nam của Châu Thánh rất lâu không

tất. Chùa Thê Nham nơi ấy, chính là do Thái Tổ Vũ Nguyên Hoàng đã kiến tạo, còn nơi an trí tòa tháp ở Hoa Châu, lúc ấy mây mù tuyết phủ khắp nơi bỗng nhiên tức thời rộng rãi thoáng đãng, ngay trên tòa tháp có vòng tròn sáng năm màu chói lọi, Xá-lợi đặt vào xong xuôi mây mù lại cuộn lên. Hoàng đế-Hoàng hậu lại có được Xá-lợi, ánh sáng xoay chuyển rực rỡ tỏa ra vẻ đẹp, lúc ẩn lúc hiện, tự nhiên không phải là chí đức tinh thành hợp với đạo linh thiêng của bậc thánh, lẽ nào có được thần công diệu tướng đến mức lạ lùng như vậy? Hạng bề tôi có số phận gặp được thời kỳ hưng vượng, đã nhìn thấy thời đại thái bình, sanh ra gặp thiện nghiệp mới thoát khỏi cảnh giới trần lao, tâm tư vô cùng vui mừng, kính cẩn dâng biểu bày tỏ sự chúc mừng vô hạn!

Bởi vì nghe trịnh trọng cho nên truyền chỉ đáp lại

Môn hạ nhờ suy nghĩ đến Bậc Chánh giác che chở bảo vệ chúng sanh, cứu giúp sanh linh trong biển khổ đau, cứu giúp ngu mê trong nhà rực lửa. Vì lẽ đó trẫm chí tâm hồi hướng kết thành niệm quy y, suy nghĩ làm cho thần dân xã tắc, u hiển khắp nơi, cùng tôn sùng sự nghiệp tốt lành, cùng làm thành nhân tố thiện duyên vì vậy phân bố Xá-lợi xây dựng tháp thờ thần diệu, mà bậc đại Thánh thương xót nhiều lần thị hiện cảnh tượng sáng ngời, trong cung điện có Xá-lợi giáng xuống linh thiêng, không biết nguyên nhân tự nhiên biến hiện, hoan hỷ cung kính được điều chưa từng có. Đây thật sự là chúng sanh nhiều may mắn nên gặp được phước thiện tốt đẹp này, lẽ nào Trẫm có chút chân thành mà có thể lẫn đến sự cảm ứng hay sao? Đọc tấu biểu của các Vương Công mà lòng cung kính sợ hãi càng thêm sâu sắc. Trẫm cùng với các Vương Công và hết thảy dân chúng, nên dốc lòng cố gắng phát triển lớn mạnh hơn nữa, làm cho Tam Bảo thường trú ở giữa thế gian, nay xa lợi chân thành còn có năm mươi hạt, các châu quận nên dựa theo cách thức trước phân bố chuyển đến những nơi trong nước, ngõ hầu tam đồ lục đạo đều tránh khỏi mọi sự khổ đau lầm lạc, bẩm thức hàm linh cùng bước lên Diệu quả. Người chịu trách nhiệm thi hành.

Sứ giả ba nước Cao Li-Bách Tế-Tân La sắp trở về, tất cả thỉnh cầu một hạt Xá-lợi, cho nước mình dựng tháp cúng dường, chiếu thư hoàn tòan đồng ý . Chiếu thư ở tại chùa Đại Hưng Thiện chốn kinh sư xây dựng tòa tháp, trước tiên an trí Xá-lợi nhà chính của Thượng Thư Đô, sáng sớm ngày mồng 2 tháng 12 lên đường vậy. Lúc này sắc Trời trong sáng, thời tiết ôn hòa gió lặng mây cao, xe báu trang nghiêm cờ phướn hương hoa âm nhạc, các thứ cúng dường đầy đủ đi qua khắp đường phố, đạo tục gái trái không biết mấy ngàn vạn ức, trang phục phù

hiệu thành hàng theo chức vị ung dung có thứ bậc, Thượng Trụ Quốc Tư Không Công-An Đức Vương Hùng trở xuống đều đi theo đến chùa, tổ chức đại hội vô già mà lễ sám vậy. Có con chim Tước màu xanh cặp kè ở trong chúng, hoặc rút dao đeo bên mình ném xuống để bố thí, người lúc ấy đông đúc mà ném xuống cũng không hề làm tổn hại.

Ngày 23 tháng Giêng năm thứ hai niên hiệu Nhân Thọ nhà Tùy, lại phân bố Xá-lợi cho năm mươi ba châu xây dựng tháp thờ thiêng liêng, truyền lệnh cho tổng quản-thứ sử trở xuống đến Huyện úy trở lên công việc bình thường trong bảy ngày, thỉnh Tăng hành đạo giáo hóa xây dựng tháp thờ, bố thí tiền mười đồng trở xuống, hoàn toàn giống cách thức trước đây, hạn kỳ vào giờ ngọ ngày mồng 8 tháng 4, cả nước trong phạm vi giáo hóa cùng lúc đặt Xá-lợi vào hộp đá đậy kín. Những nơi cảm ứng điềm lành, ghi lại tách biệt như sau:

Thường Châu, không có mây mà tuôn mưa, Trời giáng trần điềm lành, hoa rải khắp thành như vậy. Tuyền Châu-Tuân Châu-Doanh Châu, ba châu này phát ra ánh sáng màu trắng, cảm được tấm đá cổ xưa tách ra làm hộp. Hồng Châu, có con quạ đầu trắng dẫn đường không tận cùng. Hàng Châu, đào móng có tấm đá màu trắng, gập lại dễ dàng đưa vào hộp đá, Lương Châu-Đức Châu, cảm được chim lớn bay tròn quanh tháp, mọi người đều không biết. Thương Châu-Quan Châu, trên tòa tháp có vầng mây ngũ sắc hiện bày từ trưa đến chiều tối. Doanh Châu, dưới nền tháp có cỏ Tử Chi hiện bày. Kí Châu, có người bị mù lòa và liệt hai chân đều được chữa lành. U Châu có chiếc hộp giống như thủy tinh phát ra ánh sáng với nhiều cảnh tượng. Từ Châu có chiếc hộp hiện bày hình tướng của Thần Tiên-Thánh Tăng. Cử Châu ba lần hiện bày ánh sáng thần diệu, đào móng gặp được tháp cổ, người bị câm có thể nói được. Tề Châu-Lai Châu-Sở Châu, hươu rừng đi theo, nhạn bay lượn vòng trên tháp . Giang Châu, trong đất hiện ra pho tượng bằng đồng. Đàm Châu, Xá-lợi đến bên sông có bầy chim thần một ngàn con nghinh đón. Mao châu, Trời mưa hoa vàng bạc rực rỡ. Bối châu-tống châu, giếng đắng chát hóa thành ngọt ngào, ánh sáng tỏa ra, Trời mưa hoa tốt lành như tuyết. Triệu Châu phát ra ánh áng màu đỏ, xuất hiện nhiều hình tượng tốt lành. Tế Châu, hai lần phát ra ánh sáng thần diệu, hương thơm ngào ngạt, chuông khánh ngân vang, núi ở trong chân mây. Duyễn Châu-Thọ Châu-Tín Châu-Kinh Châu, mây che trên đỉnh tháp, mưa hoa không ngớt. Lan Châu, đào móng xuống gặp được pho tượng đá, lại có được hai pho tượng đồng. Lương Châu-Lợi Châu, ánh sáng phát ra như mặt trăng mặt Trời. Lộ Châu, dòng suối linh thiêng tự nhiên

tuôn trào, người bệnh gặp được chữa lành. Lê Châu, dưới lòng đất có loại ngói cổ xưa ngàn năm, tiếng vang động. Từ Châu, mây che phủ xuống giống như thần Tiên bay lượn, dòng suối linh thiêng tuôn trào, người bệnh uống vào được lành bệnh. Ngụy Châu, nhiều lần phát ra ánh sáng, Trời mưa hoa báu, mọi người đều nhặt được. Thẩm Châu-Biện Châu, có hương thơm kỳ lạ, ánh sáng tỏa ra, trông thấy hình tượng bệnh hoạn chữa lành. Hứa Châu, trước đây châu này chín mươi lần phát ra ánh sáng soi chiếu thấy rõ tòa tháp, giếng nước ngọt ngào tự nhiên hiện ra. Dự Châu, ánh sáng năm màu hiện rõ ra văn tự năm màu rực rỡ. Hiển Châu-Tào Châu, ánh sáng , ánh sáng thay đổi nhiều nhất. An Châu, cảm được hương thơm, suốt đêm tỏa ra ánh sáng, tán mây cùng nhau quy tụ. Phổ châu ba lần phát ra ánh sáng năm màu rực rỡ. Hoài Châu, có con thỏ đực tự nhiên xuất hiện gần gũi hiền lành, áng sáng phát ra có dấu tích kỳ lạ. Thiểm Châu, trước sau có 11 lần hiện bày ánh sáng linh thiêng tốt lành. Lạc Châu, hương thơm như gió thoảng, nhiều lần phát ra ánh sáng. Đặng Châu, có chiếc hộp làm bằng ngọc chạm khắc tự nhiên xuất hiện. Tần Châu, lại gặp được hộp chứa Xá-lợi biến thành mã não. Vệ Châu, ánh sáng chiếu rọi từ bên ngoài. Chiểu Châu, có Vị Tăng trước mắc bệnh đau lưng không đi lại được, nghe nghênh đón Xá-lợi đi mười dặm thì được khỏi bệnh. Trịnh Châu phát ra ánh sáng di chuyển bên trong khu vực cho đến sáng. Tự Châu, phát ra ánh sáng ngũ sắc rực rỡ.

Trên đây toàn bộ năm mươi ba châu, bốn mươi Châu đến nay đều có điềm lành linh ứng, không thể nào nêu ra hết được, vốn có đầy đủ trong Đại Truyện.

PHẦN SƯU TẦM GHI CHÉP LẠI

Chùa Phụng Tuyền ở kỳ Châu lập tháp thờ, cảm được tấm đá có hoa văn như ngọc làm hộp, lại hiện rõ điềm lành linh thiêng có đủ chim thú song thọ, nền đá biến đổi giống như thủy tinh.

Chùa Tư Giác ở Hoa Châu lập tháp thờ, lúc đầu tuyết phủ, đến khi sắp đưa Xá-lợi vào tháp, thì ánh sáng mặt Trời soi tỏ rực rỡ, luồng ánh sáng ngũ sắc cao vút lên mấy mươi trượng, chiếu rọi che phủ phía trên tháp, là cõi Trời tung hoa báu xuống vậy.

Chùa Đại Hưng Quốc ở Đồng lập tháp thờ, gặp cơn mưa không có cách nào che chắn được, đến khi đưa Xá-lợi vào tháp, bỗng nhiên mây bắt đầu cuộn lại tản ra xa, ánh mặt Trời chiếu sáng ngời. Lại có ánh sáng thần kỳ vòng quanh tháp suốt cả ngày. Đến trong tháng 12, ban

đêm có ánh sáng chiếu rọi xa 50 dặm.

Chùa Đại Hưng Quốc ở Kinh Châu lập tháp thờ, có ba nơi đều chuyển giao tấm đá ngày xưa, không phải vốn có ở thế gian, hợp lại dùng làm hộp thì vừa vặn khớp nhau.

Chùa Thê Nham ở Bồ Châu lập tháp thờ, mặt đất rung chuyển núi rừng gầm lên, chuông trống vang lừng khắp nơi, còn phát ra năm luồng ánh sáng, cách xa hai trăm dặm đều trông thấy.

Chùa Đại Nhạc ở Thái Châu lập tháp thờ, ban đêm tiếng trống chấn động ba lớn cửa tự nhiên mở ra, có kỵ binh từ trong miếu thờ đi ra nghênh đón, ánh sáng tốt lành soi tỏ không như nhau.

Chùa Vô Lương Thọ ở Tính Châu lập tháp thờ, lúc đầu giữa ban ngày mà mây mù che phủ âm u, lúc sắp đưa Xá-lợi vào tháp, thì Trời quang đãng sáng rực lại phát ra năm luồng áng sáng thần diệu, thiên thần hiện hình, không biết là có bao nhiêu.

Chùa Hằng Nhạc ở Định Châu vào ngày lập tháp thờ, có trông thấy ông lão lạ lùng, đến làm giúp công việc ban trải đất đai, xong xuôi rồi biến mất. Xưa kia nơi này không có nước, bỗng nhiên có dòng nước chảy, trước sau không phải là ít.

Chùa Nhàn Cư ở Tung Châu lập tháp thờ, cảm được thỏ trắng đi đến trước đầu xe, ban đầu tuyết phủ âm u, lúc sắp đưa xuống thì mặt Trời tỏa sáng, đưa vào rồi lại âm u như trước.

Chùa Đại Từ ở Tương Châu vào ngày lập tháp thờ, Trời buông tuyết lạnh âm u, lúc sắp đưa Xá-lợi vào tháp thì mặt Trời xuất hiện, sau khi đặt xuống lại che kín, Trời mưa hoa kỳ lạ, liên tục trút xuống nhiều vô cùng.

Chùa Pháp Giang ở khoách Châu lập tháp thờ, ban đầu đi phía Tây ngọai thành đêm ấy ở khoách Châu tỏa ra ánh sáng tốt lành cao mấy trượng, từ phía đông hiện ra đi vào lòng đất trong ngoài đều nhìn thấy.

Chùa Hoành Nhạc ở Hoành Châu lập tháp thờ, bốn lần gặp phải luồng gió ngược, bốn lần cầu xin nước xuôi dòng, mây trắng trên đỉnh tỏa rộng hai trượng, thẳng đến nơi nền tháp, cuộn quanh ba vòng mới rời xa.

Chùa Đại Hưng Quốc ở Tương Châu lập tháp thờ, ban đầu Trời âm u, lúc sắo đưa vào thì mặt Trời tỏa sáng, đưa vào tháp thì mây cuộn lại.

Chùa Cự Thần Sơn ở mậu Châu lập tháp thờ, gặp được hai nhánh cỏ Tử chi, mây mù che phủ lúc sắp đưa vào thì mặt Trời tỏa sáng, đóng

tháp xong xuôi thì khép lại.

Chùa Đại Vũ ở núi Cối Kê vùng Ngô Châu lập tháp thờ, Xá-lợi hiện ra trong vùng Ngũ Giang, sóng gió đều bình lặng, lại phát ra ánh sáng thần diệu, có được cỏ Tử Chi. Chùa Hổ Khâu Sơn ở Tô Châu lập tháp thờ, đào móng gặp được một viên Xá-lợi, nhạc Trời vang lừng giữa hư không, mọi người đều nghe thấy, giếng nước sôi sục ba ngày, Xá-lợi mới chuyển đến.

Chùa Tịnh Niệm ở tần Châu lập tháp thờ, xác định nền tòa tháp xong mây lành tiếp tục che phủ-tuyết buông trắng xóa, cỏ cây nở hoa, đưa vào tháp thì ánh sáng chiếu rọi trong tiếng ca tụng vang vang.

Chùa phía Tây vùng Dương Châu lập tháp thờ, đã lâu rồi khô cạn, khí Xá-lợi đưa vào vùng này, đêm đến mưa đầy khắp mọi nơi.

Chùa Pháp Tụ ở Ích Châu lập tháp thờ, ban đầu âm u đen tối, lúc sắp đưa vào thì mặt Trời xuất hiện, tháp đóng lại rồi mây giăng trên tháp.

Chùa Khai Tịch ở Bặc Châu lập tháp thờ, trong khu vực này không có đá lớn, ba tấm đá ở nơi khác hợp lại mà thành hộp, nền tháp đến tảng đá tròn, do hai làn sóng dưới đáy giếng kẹp lại.

Chùa Duyên Hóa ở Quế Châu lập tháp thờ, chưa đến mười dặm, có bầy chim hơn một ngàn con, hợp lại làm xe bay theo hàng, vào kinh thành mới tản ra.

Chùa Hưng Thế ở nhữ Châu lập tháp thờ, ban đầu mây tuyết giăng phủ, lúc sắp đưa xuống thì Trời quang đãng. Đưa vào tháp xong xuôi rồi, mây vần vũ che kín lại.

Chùa Linh Thứu ở Phiên Châu, xây dựng tháp thờ, trong hầm sâu có thần tiên xuất hiện, hiện bày cảnh tượng vọt lên cao trên mây.

Chùa Thê hà ở Tưởng Châu lập tháp thờ, người hàng xóm trước đó mộng thấy Đức Phật từ phía Tây Bắc đi đến bước vào chùa, đến khi Xá-lợi chuyển vào chùa giống như trong mộng trước đó.

Chùa Định Giác ở Trịnh Châu vào ngày lập tháp thờ, cảm được ánh sáng thần diệu giống như sao băng tiến vào chùa, thiết lễ cúng dường hai ngàn vạn người ăn không hết được

Chùa Trí Môn ở Tùy Châu lập tháp thờ, đào móng gặp được con rùa thần, cam lộ rưới xuống có đàn ong mật vây tròn, lưng rùa có họa tiết như lá bùa.

Người làm quan ở tùy Châu tên là Vương uy chuyển giao chín mươi người lưu đày, giữa đường gặp Xá-lợi, cùng phát khởi thiện tâm, tha cho làm hạn kỳ, những tù nhân được cởi trói, ngàn dặm một Kỳ hạn,

không một người nào chạy trốn.

Người vùng Tùy Châu ở Vân Thủy có ba trăm gia đình làm nghề đánh cá, truyền nghiệp từ xưa đến nay, đã được thấy Xá-lợi, tất cả quyết định đổi nghề, vĩnh viễn đoạn trừ ác nghiệp này, người ở Châu khác cũng làm theo như vậy.

Hằng châu không có mây mà tuôn mưa, Trời giáng điềm lành, hoa rải khắp thành như vậy.

Tuyền châu-Tuân Châu-Doanh Châu, ba châu này phát ra ánh sáng màu trắng, cảm được tấm đá cổ xưa tách ra làm hộp.

Đức Châu, cảm được bầy chim lớn bay tròn quanh tháp, mọi người đều không biết.

Hàng Châu, đào móng có tấm đá màu trắng, gập lại dễ dàng đưa vào hộp đá.

Lương Châu-Hồng Châu có con quạ đầu trắng dẫn đường không tận cùng.

Quan Châu, trên tòa tháp có vầng mây ngũ sắc hiện bày từ trưa đến chiều tối.

Thương Châu-Doanh châu, dưới nền tháp có cỏ Tử Chi hiện ra

Kí Châu, có người bị mù lòa và liệt hai chân đều được chữa lành

U Châu, có chiếc hộp giống như thủy tinh phát ra ánh sáng với nhiều cảnh tượng

Từ Châu có chiếc hộp hiện bày hình tướng của Thần Tiên-Thánh Tăng...

Cử Châu, ba lần hiện bày ánh sáng thần diệu, đào móng gặp được tháp cổ, người bị câm lễ lạy thì có thể nói được

Sở Châu, hươu rừng đi theo, nhạn bay lượn vòng trên tháp

Tề Châu-Thái Châu-Đàm Châu, Xá-lợi đến bên sông có bầy chim thần một ngàn con nghênh đón.

Mao Châu, Trời mưa hoa vàng bạc rực rỡ.

Tống Châu, giếng đắng chát hóa thành ngọt ngào, ánh sáng xoay tròn, Trời mưa hoa tốt lành như tuyết rơi.

Giang Châu, trong lòng đất hiện ra pho tượng bằng đồng.

Bối Châu-Triệu Châu, phát ra ánh sáng màu đỏ, xuất hiện nhiều hình tượng tốt lành.

Tế Châu, hai lần phát ra ánh sáng thần diệu, hương thơm ngào ngạt, chuông khánh ngân vang, vượt ra từ chân mây

Kinh Châu, mây che trên đỉnh tháp, mưa hoa không ngớt.

Duyễn Châu-Thọ Châu-Lan Châu, đào móng xuống dưới gặp

được pho tượng bằng đá, lại có được hai pho tượng bằng đồng.

Tín Châu-Lương Châu-Lợi Châu, ánh sáng tỏa ra giống như trăng sáng vằng vặc.

Lộ Châu, có dòng suối linh thiêng tự nhiên tuôn chảy, người bệnh gặp được chữa lành.

Lê Châu, dưới lòng đất thường nghe tiếng nhạc vang động ngàn năm.

Từ Châu, mây che phủ giống như Thần Tiên bay lượn, có dòng suối linh thiêng tuôn trào, người bệnh uống vào được lành bệnh.

Ngụy Châu, nhiều lần phát ra ánh sáng, mưa xuống nhiều hoa quý báu, mọi người đều nhặt được.

Biện Châu có hương thơm kỳ lạ, ánh sáng tỏa ra rực rỡ, người trông thấy hình tượng thì bệnh hoạn được chữa lành.

Dự Châu, ánh sáng năm màu hiện rõ ra văn tự sắc vàng rực rỡ.

Hứa Châu, trước đây Châu này chín, mười lần phát ra ánh sáng trông thấy che phủ tòa tháp, giếng nước ngọt ngào tự nhiên hiện ra.

An Châu, cảm được hương thơm suốt đêm, có ánh sáng tỏa ra, vầng mây trên đầu cùng nhau quy tụ.

Thẩm châu-hiển châu-Tấn châu, hai lần phát ra ánh sáng ngũ sắc rực rỡ.

Tử Châu, phát ra ánh sáng ngũ sắc

Tào châu, ánh sáng biến hiện nhiều nhất.

Hoài Châu có con thỏ đực tự nhiên xuất hiện gần gũi hiền lành, phát ra ánh sáng có dấu tích kỳ lạ

Thiểm Châu, trước sau có mười một lần hiện bày ánh sáng tốt lành linh thiêng

Lạc Châu, hương thơm như gió thoảng, nhiều lần phát ra ánh sáng.

Đặng Châu, có chiếc hộp làm bằng ngọc chạm khắc tự nhiên xuất hiện

Tần Châu, nhiều lần gặp được hộp chứa Xá-lợi biến thành mã não

Lạc Châu, có vị Tăng trước đó mắc bệnh đau lưng không đi lạc được, nghe nghênh đón Xá-lợi đi mười dặm thì được lành bệnh.

Trịnh Châu, phát ra ánh sáng di chuyển trong khu vực cho đến sáng sớm.

Tự Châu, phát ra ánh sáng ngũ sắc rực rỡ.

Vệ Châu, ánh sáng chiếu rọi từ bên ngoài.

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 41

Thiên thứ 38: CÚNG DƯỜNG

Thiên này có hai phần: Thuật ý, Dẫn Chứng.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Nói đến Tam Bảo thì bình đẳng rộng lớn giống như hư không, Lý không có oán thân-Sự bặt dứt sang hèn, vì vậy tùy theo khả năng thành kính cúng dường tất cả tài đức trong ngoài, cốt phải quyết định bởi hình tướng để lại mong mỏi hưng thịnh cho mọi nơi. Vì vậy xưa kia mẹ của Tỳ xá khư thỉnh cầu riêng biệt năm trăm vị La-hán, Đức Như Lai trách mắng thuyết rõ ràng về pháp bình đẳng cho nên biết tâm không có hạn định cuối cùng thì đầy khắp nơi mười phương thế giới, tài vật không có nhiều ít thì tâm bao quát pháp giới mênh mông vậy.

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như trong Địa Trì Luận nói: "Bồ tát cúng dường Như Lai, nói tóm tắt có mười loại: 1- Cúng dường thân mạng. 2- Cúng dường tháp thờ, 3- Cúng dường hiện ở trước mắt; 4- Cúng dường không hiện ở trước mắt; 5- Cúng dường tự mình thực hiện; 6- Cúng dường người khác thực hiện; 7- Cúng dường tài vật; 8- Cúng dường hơn hẳn; 9- Cúng dường không nhiễm ô; 10- Cúng dường đạt đến nơi đạo. Nếu Bồ tát đối với sắc thân Phật mà thiết lễ cúng dường, đây gọi là cúng dường thân mạng. Nếu Bồ tát vì Như Lai cho nên cúng dường, như cúng dường tháp thờ, hoặc hang động-hoặc nhà cửa-hoặc là cũ-hoặc là mới, đây gọi là cúng dường tháp thờ. Nếu Bồ tát trực tiếp trông thấy thân Phật và tháp thờ mà thiết lễ cúng dường, thì gọi là cúng dường hiện ở trước mắt. Nếu Bồ tát đối với Như Lai và tháp thờ, tâm hy vọng cùng nhau-tâm hoan hỷ cùng nhau hiện ở trước mắt mà cúng dường, giống như một Đức Như Lai, ba đời chư Phật cũng như vậy, và hiện ở trước mắt cúng dường tháp thờ Như Lai, trong vô lượng thế giới khắp mười phương ba đời, hoặc là cũ, đây

gọi là Bồ tát cùng nhau cúng dường hiện tại trước mắt.

Nếu Bồ tát đối với Như Lai và tháp thờ không hiện có trước mắt cho đến sau khi Niết-bàn, đem Xá-lợi của Phật xây dựng tháp thờ, hoặc là một-hoặc là hai cho đến trăm ngàn vạn ức, tùy theo khả năng mà cúng dường, đây gọi là cúng dường rộng ra cho dù không hiện có trước mắt. Nhờ nhân duyên này đạt được vô lượng kết quả to lớn, thường thuộc về phước thiện cõi phạm, ở trong vô lượng đại kiếp không rơi vào ác thú, đầy đủ tất cả hạnh vị vô thượng Bồ-đề, nếu Bồ tát hiện tại trước mắt cúng dường đạt được công đức to lớn, không hiện trước mắt cúng dường đạt được công đức to lớn thì cùng hiện tại trước mắt-không hiện tại trước mắt cúng dường đạt được công đức to lớn vĩ đại nhất.

Nếu Bồ tát đối với Như Lai và tháp thờ, tự mình thực hiện cúng dường không nhờ cậy lười nhác khiến người khác thực hiện thay mình, thì gọi là Bồ tát tự mình thực hiện cúng dường.

Nếu Bồ tát đối với Như Lai và tháp thờ không chỉ một mình cúng dường, khiến cho tất cả thân thuộc tại gia, xuất gia đều cùng nhau cúng dường, thì gọi là mình và người cùng nhau cúng dường. Nếu Bồ tát có một ít đồ vật, đem tâm từ bi giúp cho chúng sanh bạc phước nghèo khổ kia, khiến cúng dường Như Lai và tháp thờ, làm cho được an lạc mà không tự mình thực hiện, thì gọi là vì người khác thực hiện cúng dường. Tự mình thực hiện cúng dường thì đạt được quả báo lớn, vì người khác thực hiện cúng dường thì đạt được quả báo rất to lớn. Tự mình thực hiện vì người khác thực hiện, thì đạt được quả báo to lớn vĩ đại nhất.

Nếu Bồ tát đối với Như Lai và tháp thờ, dùng các loại cơm ăn, áo mặc và vật dụng quý báu để cúng dường, thì gọi là cúng dường tài vật.

Nếu Bồ tát từ trước đến nay dùng tài vật để cúng dường, hoặc nhiều hoặc ít, hiện tiền hay không hiện tiền, mình làm hay vì người khác làm, tín tâm hoàn toàn thanh tịnh mà thực hiện cúng dường, đem thượng căn này hồi hướng cho vô thượng Bồ-đề, đây gọi là cúng dường tốt đẹp nhất.

Nếu Bồ tát tự mình thực hiện cúng dường Như Lai và tháp thờ mà không xem thường người khác, không phóng dật, không giải đải, chí tâm cung kính, tâm không nhiễm ô, không đối với tín tâm hơn xa người khác mà biểu hiện sự nịnh hót không hợp đạo lý để cầu mong tài vật, cũng không dùng những vật bất tịnh mà cúng dường, đây gọi là sự cúng dường không nhiễm ô.

Nếu Bồ tát dùng tài vật thù thắng không nhiễm ô, cúng dường Như Lai và tháp thờ, hoặc tự sức lực của mình có được, hoặc cầu xin

từ người khác, hoặc như ý nguyện có được tài vật, hoặc hóa làm thành thân hình, hoặc hai-hoặc ba cho đến trăm ngàn vạn ức thân hình, đều lễ lạy Như Lai, mỗi một thân ấy hóa làm trăm ngàn tay, mỗi một tay ấy dùng các loại hoa hương cúng dường Như Lai và tháp thờ, tất cả thân ấy đều ca ngợi công đức chân thật của Như Lai, làm lợi ích cho chúng sanh; như vậy đều gọi là cúng dường theo năng lực tự tại như ý, không đợi Như Lai xuất hiện giữa thế gian. Tại vì sao? Bởi vì an trú trong địa vị Bồ tát bất thối chuyển, đối với tất cả các cõi Phật chưa từng chướng ngại gì.

Nếu Bồ tát không tự sức lực mình có được tài vật, cũng không cầu xin từ người khác mà thực hiện cúng dường, nhưng đối với chúng sanh khác, thậm chí vô lượng thế giới khắp mười phương, tâm thượng-trung-hạ mà thực hiện cúng dường, Bồ tát cúng dường đối với tất cả chúng sanh ấy, dùng tín tâm thanh tịnh-tâm lý giải thắng diệu tùy hỷ với tất cả; Bồ tát này dùng một ít phương tiện dấy lên sự cúng dường to lớn, thâu nhiếp về Đại Bồ-đề, thậm chí đối với một khoảnh khắc, hướng về tất cả chúng sanh tu tập tứ vô lượng tâm..., đây gọi là cúng dường đạt đến nơi đạo, là pháp cúng dường tối thượng bậc nhất của Như Lai. So với sự cúng dường tài vật trước đây, trăm lần-ngàn lần cho đến toán số thí dụ cũng không thể nào so sánh được.

Mười sự việc như vậy gọi là tất cả các loại cúng dường Như Lai của Bồ tát đối với Pháp-Tăng cũng như vậy. Nên biết rằng thực hiện mười loại cúng dường đối với Tam Bảo như vậy. Bồ tát đối với Như Lai phát khởi sáu loại tâm thanh tịnh, gọi là tâm phước điền vô thượng, tâm ân đức vô thượng, tâm đối với tất cả chúng sanh vô thượng, tâm như hoa ưu đàm khó gặp được, tấm đối với tam thiên đại thiên thế giới chỉ có một, tâm đối với pháp thế gian-xuất thế gian đầy đủ tất cả ý nghĩa nương nhờ. Dùng sáu loại tâm này nghĩ đến cúng dường Phật-pháp-Tăng một ít thôi cũng đạt được vô lượng công đức, huống hồ là nhiều ư?"

Lại trong Du Già Luận nói: "Thế nào là Bồ tát đối với Như Lai mà cúng dường Như Lai? Nên biết rằng cúng dường sơ lược có mười loại: 1- Thiết lợi cúng dường; 2- Chế đa cúng dường; 3- Hiện tiền cúng dường; 4- Không hiện tiền cúng dường; 5- Tự mình thực hiện cúng dường; 6- Chỉ bày người khác cúng dường; 7- Tài vật cung kính cúng dường; 8- Cúng dường rộng lớn; 9- Cúng dường không nhiễm ô; 10- Cúng dường theo Chánh hạnh". (Văn giải thích trên đại thể giống nhau).

Lại trong kinh Ưu Bà Tắc nói: "Đức Phật dạy: Này người thiện

nam! Bồ tát Tại gia nếu muốn thọ trì Ưu bà tắc giới, trước tiên nên theo thứ tự cúng dường sáu phương. Nói Đông phương ấy tức là cha mẹ, nếu có người luôn luôn cúng dường cha mẹ, áo quần ăn uống chăn màn thuốc thang nhà cửa tiền bạc châu báu, cung kính lễ lạy ngợi ca tôn trọng, bởi người này luôn luôn cúng dường Đông phương là cha mẹ, thì cha mẹ lại dùng năm sự việc để đáp lại: 1- Hết lòng yêu thương; 2- Suốt đời không lừa dối; 3- Giúp cho tiền bạc; 4- Kết thân với dòng họ cao quý; 5- Dạy dỗ theo việc đời, Nam phương ấy chính là thầy dạy, nếu có người luôn luôn cúng dường thầy dạy, áo quần ăn uống chăn màn thuốc thang, tôn trọng ngợi ca lễ lạy cung kính, thức khuya dậy sớm làm theo lời dạy bảo tốt lành, bởi người này luôn luôn cúng dường Nam phương là thầy dạy, thì thầy lại dùng năm sự việc để đáp lại: 1- Gấp rút dạy bảo không làm cho mất thời gian, 2- Dốc lòng dạy bảo không khiến cho sai sót; 3- Người hơn mình không sanh lòng ganh ghét; 4- Mong muốn gởi gắm vào thầy nghiêm bạn tốt; 5- Lâm chung giao cho tiền bạc của cải. Tây phương ấy chính là người vợ, nếu có người luôn luôn cung cấp cho người vợ, áo quần ăn uống chăn màn thuốc thang, đồ dùng trang sức chỉnh tề thân tướng như chuỗi ngọc hương hoa, bởi người này luôn luôn cúng dường Tây phương là người vợ, thì người vợ lại dùng 14 sự việc đề đáp lại: 1- Việc làm dốc lòng thu xếp; 2- Thường làm đến cùng không lười nhác tùy tiện; 3- Việc đã làm cần phải khiến cho hoàn tất; 4- Nhanh chóng thực hiện không làm cho mất đi thời gian; 5- Thường giúp tiếp đãi khách bạn chu đáo; 6- Làm sạch nhà cửa chăn màn giường chiếu cho chồng; 7- Yêu thương kính mến nói năng thì dịu dàng mềm mỏng; 8- Sai bào trẻ nhỏ thì dùng lời êm dịu để nói cho biết; 9- Khéo léo có năng lực giữ gìn bảo vệ tài vật của gia đình; 10- Thức khuya dậy sớm chu toàn việc nhà; 11- Luôn luôn sắp đặt cơm nước chu đáo sạch sẽ; 12- Luôn luôn nén chịu đựng sự dạy dỗ; 13- Luôn luôn giấu kín điều không tốt đẹp; 14- luôn luôn chăm sóc khi chồng đau ốm khổ sở.

Bắc phương ấy chính là hàng thiện trí thức, nếu có người luôn luôn cung cấp giúp đỡ bạn tốt, tùy theo năng lực giúp đỡ cho họ, nói năng mềm mỏng chỉ bày cung kính ca ngợi lễ lạy đúng như quy phạm, bởi người này luôn luôn cúng dường bắc phương là thiện tri thức, thì thiện tri thức lại dùng bốn sự việc mà đền đáp lại: 1- Chỉ bày tu tập thiện pháp; 2- Khiến cho xa rời ác pháp; 3- Lúc có điều gì sợ hãi thì có thể cứu giúp giải trừ để bảo vệ; 4- Lúc mình phóng dật thì luôn luôn khiến cho trừ bỏ.

Hạ phương ấy chính là nô tỳ, nếu có người luôn luôn cung cấp

giúp cho nô tỳ, cơm ăn áo mặc thuốc thang chữa trị bệnh tật ốm đau, không chưởi mắng không đánh đập, bỏ người này luôn luôn cung cấp giúp cho hạ phương là nô tỳ thì phận nô tỳ lại dùng mười sự việc để đền đáp lại: 1- Không gây ra sai lầm tội lỗi; 2- Không đợi chỉ bày mới làm; 3- làm thì nhất định phải làn cho hoàn tất; 4- Nhanh chóng làm không để cho lỡ mất thời gian; 5- Chủ tuy nghèo túng mà cuối cùng không không rời xa; 6- Chịu khó dậy sớm; 7- Giữ gìn vật dụng; 8- Ân dù ít nhưng đền đáp nhiều; 9- Hết lòng cung kính nghĩ đến; 10- Khéo léo che kín điều không tốt của chủ nhân.

Thượng phương ấy là những vị Sa-môn-Bà-la-môn, nếu có người luôn luôn cúng dường Sa-môn-Bà-la-môn ở Thượng phương, áo quần ăn uống nhà cửa chăn màn thuốc thang chữa trị bệnh tật ốm đau, lúc sợ hãi có thể cứu giúp, gặp đời đói kém giúp cho thực phẩm, nghe điều ác có thể ngăn chặn, cung kính lễ lạy ca ngợi tôn trọng, bởi người này luôn luôn cúng dường thượng phương là hàng Sa-môn, thì người xuất gia lại dúng năm sự việc để đáp lại: 1- Luôn luôn khiến cho phát sinh niềm tin; 2- Khuyên bảo tu tập trí tuệ; 3- Khuyên bảo khiến cho thực hành bố thí; 4- Khuyên bảo khiến cho trì giới; 5- Khuyên bảo khiến cho học hành đa văn.

Nếu có người cúng dường sáu phương này, thì người này luôn luôn tăng trưởng tài vật thọ mạng có thể được thọ trì giới pháp Ưu bà tắc.

Còn trong Trí Độ Luận nói: “Chư Phật cung kính giáo pháp cho nên cúng dường đối với pháp, lấy pháp làm thầy. Tại vì sao? Bởi vì chư Phật ba đời đều lấy thật tướng các pháp làm thầy. Hỏi rằng: Như Đức Phật không cầu mong phước đức, tại vì sao cúng dường? Đáp rằng: Đức Phật từ trong vô lượng kiếp tu các công đức thường thực hành các thiện pháp không chỉ vì mong cầu phước báo, mà vì kính trọng công đức cho nên thực hành cúng dường. Như thời Đức Phật tại thế, A-na-luật trước khi chưa đạt được Thiên nhãn, mắt mù không nhìn thấy gì, mà dùng tay may vá y phục, lúc kim khâu rút chỉ bèn nói: Ai quý trọng phước đức hãy xâu kim giúp tôi. Lúc này Đức Phật đến nơi ấy nói với Tỳ kheo rằng: Tôi là người quý trọng phước đức. Đến xâu kim giúp ông. Tỳ kheo này nhận ra tiếng của Đức Phật, lập tức đứng dậy mặc y lễ dưới chân Đức Phật, thưa với Đức Phật rằng: Công đức của Phật đã tròn đầy, vì sao lại nói là quý trọng phước đức? Đức Phật đáp lại rằng: Tuy công đức của Ta đã tròn đầy nhưng ta rất biết sức mạnh của công đức báo ân, vì thế khiến cho ta đạt đến địa vị bậc nhất ở giữa tất cả chúng sanh. Bởi vì công đức này lại vì muốn giáo hóa đệ tử cho nên Đức Phật nói rằng: ta

hãy còn làm công đức, ông tại vì sao không làm? Như ông lão trăm tuổi là người có kỹ xảo mà múa lượn, có người chê trách rằng: Ông lão năm nay đã trăm tuổi, cần gì phải múa may như vậy? Ông lão đáp rằng: Tôi không cần phải múa may nhưng muốn dạy cho con cháu mình mà thôi. Đức Phật cũng như vậy, công đức tuy tròn đầy, nhưng vì dạy cho đệ tử làm công đức mà thực hiện cúng dường, cho nên Nhũ mẫu của Phật là Đại Ái Đạo qua đời, Tứ Thiên Vương dùng kiệu xe đưa tiễn, Đức Phật ở phía trước bưng lư hương thắp hương cúng dường; chính là vì báo ân, tuy không mong cầu quả báo mà thực hành cúng dường bình đẳng. Chỉ có Phật thuận theo cúng dường Phật, người khác không biết được Phật đức. Như thuyết kệ rằng:

"Người trí luôn luôn tôn kính trí,
Luận bàn trí là trí tốt lành,
Người trí luôn luôn biết rõ trí,
Giống như rắn biết rõ chân rắn".

Lại trong kinh Tần Tỳ Sa La Vương Nghệ Phật Cúng Dường nói: "Lúc bấy giờ Tần Tỳ (Hoa nói là Nhan Sắc) Sa La (Hoa nói là đoan chánh) nước ma kiệt đi đến trú xứ Đức Phật thưa rằng: Thưa ĐứcThế tôn! Con chủ quản tất cả của cải trong đất nước này, luôn luôn muốn có những sự sắp xếp, mong muốn suốt đời cúng dường Như Lai và chúng Tỳ kheo mọi nhu cầu sử dụng như y phục-đồ ăn thức uống-giường ghế chăn màn-thuốc thang chữa trị bệnh tật ốm đau, cũng sẽ khuyến khích dẫn dắt thần dân khiến cho được độ thoát được xa lìa tam đồ-vĩnh viễn ở nơi yên lành. Đức Phật nhận lời thỉnh cầu rồi, liền thuyết kệ rằng:

Lớn nhất đầu tiên là thờ tự,
Thi ca tán tụng cũng đầu tiên
Vua là đứng đầu giữa loài người,
Biển là đứng đầu các dòng sông
Mặt trăng đứng đầu giữa sao Trời,
Mặt Trời đứng đầu mọi ánh sáng
Trên dưới và tất cả bốn phương,
Hết thảy phẩm vật đã sinh ra.
Trên cõi Trời và giữa thế gian,
Phật đứng đầu không có gì hơn
Mong muốn gieo trồng công đức ấy,
Nên cầu ở ba đời chư Phật.

Lại trong kinh Tạp Bảo tạng nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ kheo rằng: Có 8 hạng người nên quyết định cung dưỡng mà không nên nảy

sinh nghi ngờ, đó là: 1- Cha; 2- Mẹ; 3- Phật; 4- Đệ Tử; 5- Người từ xa đến; 6- Người sắp đi xa; 7- Người bệnh; 8- Chăm sóc người bệnh.

Còn trong Trí Độ Luận nói: "Các vị Bồ tát thành tựu vô lượng vô tận công đức, dù đem một bữa cơm cúng dường mười phương chư Phật và tăng, thảy đều đầy đủ mà cũng không hết, ví như dòng suối tuôn trào chảy mãi mà không cạn. Như Văn thù sư lợi, dùng một bát thuốc hoan hỷ cúng dường tám vạn 4 ngàn vị Tăng, đầy đủ tất cả mà cũng không hết. Lại nữa, Bồ tát ở nơi này đem một bát cơm cúng dường chư Phật mười phương, mà đồ ăn thức uống hiện ra đầy đủ trước chư Phật mười phương. Ví như quỷ thần ăn được một người mà hiện rõ ra ngàn vạn lần.

Lại trong kinh Cựu tạp Thí Dụ nói: "Xưa có Phạm Chí, tuổi đã một trăm hai mươi, thưở trẻ không lấy vợ không có tình ý dâm dật, ở núi sâu nơi không có người cư trú, lấy cỏ tranh làm nhà, cỏ dại làm chiếu, lấy quả cây làm thức ăn, không tích trữ tiền bạc châu báu, Quốc vương mời vào cung mà ý không hướng đến, ở nơi vắng lặng vô vi trong núi sâu nhiều năm cùng vui với chim chót thú rừng cách tuyệt với người thế gian, trong núi có bốn loài thú, một gọi là cáo, hai gọi là khỉ ba gọi là Rái cá, bốn gọi là Thỏ. Bốn loài thú này ngày ngày ở nơi Đạo nhân nghe kinh biết giới, tích lũy lâu ngày như vậy, ăn các loại quả rừng thảy đều cạn kiệt. Sau đó ý Đạo nhân muốn chuyển đi, bốn loài thú rất ưu sầu tình ý không vui, cùng nhau bàn bạc rằng: chúng ta cùng đi cầu xin kiếm gì cúng dường Đạo nhân. Con Khỉ đi đến núi khác kiếm được quả ngọt mang về, đem đến dâng lên Đạo nhân, cầu xin ở lại đừng đi. Con Cáo đi hóa làm người, cầu xin được một túi cơm mang về, đem đến dâng lên Đạo nhân, có thể cung cấp lương thực trong một tháng, cầu mong ở lại đừng đi. Con Rái cá ở dưới nước lại cũng đi vào nước bắt con cá lớn, mang đến dâng lên Đạo nhân, cung cấp lương thực trong một tháng, cầu mong ở lại đừng đi. Con thỏ tự mình suy nghĩ: mình nên dùng những vật gì để cúng dường Đạo nhân? Lúc ấy nghĩ rằng nên đem thân mạng cúng dường, liền lấy củi để đốt thành than, hướng về thưa với Đạo nhân rằng: Nay con là Thỏ, xin nhảy vào trong lửa để nướng, dùng thân mạng dâng lên Đạo nhân, có thể cung cấp lương thực cho một ngày! Thế là tự mình nhảy vào trong lửa, lửa không cháy được. Đạo nhân trong thấy con Thỏ, cảm động tình ý nhân nghĩa ấy, lòng thương xót vô cùng, bởi vậy mà tự mình ở lại. Đức Phật dạy: Phạm Chí lúc bấy giờ nay chính là Đề hòa kiệt Phật, con thỏ lúc ấy chính là thân Ta, con khỉ lúc ấy chính là Xá-lợi-phất, con Cáo lúc ấy nay chính là A-nan, con Rái cá lúc ấy nay

chính là Mục-kiền-liên vậy”.

Lại trong Tăng Kỳ Luật nói: “Đức Phật an trú bên bờ sông Lê kì xà, lúc ấy bình bát của ĐứcThế tôn và bình bát của Tỳ kheo cùng ở nơi trống trải. Bấy giờ con khỉ, đi qua thấy trong lùm cây có bọng mật mà không có ong, nên đi đến lấy bình bát của ĐứcThế tôn, các Tỳ kheo ngăn lại. Đức Phật dạy: Đừng ngăn cản, con khỉ này không có ác ý. Con khỉ liền mang bình bát lấy mật dâng cúng, ĐứcThế tôn không nhận, phải đến đến khi nước lắng trong. Con khỉ không hiểu được ý Phật, nói là có sâu bọ chăng? Xoay lại nhìn thấy bên bình bát có mật chảy ra, bèn đi đến bên bờ nước rửa bình bát, lấy nước rửa sạch bình bát mang trở lại dâng lên Đức Phật, Đức Phật liền nhận lấy. Đức Phật nhận rồi con khỉ vô cùng hoan hỷ, vừa đi vừa nhảy múa, rơi xuống hầm sâu và mạng chung, liền sanh lên cõi Trời thứ 33, lúc ấy các Tỳ kheo liền nói kệ rằng:

Đấng Thập Lực Thế Hùng ở rừng rậm rạp,
Bát Phật-bát tăng ở giữa nơi trống trải
Thú rừng gieo trồng phước đức có tình trí,
Thấy được bọng mật chín muồi không có ong.
Thẳng về phía trước lấy bình bát Thế tôn,
Tỳ kheo muốn ngăn lại Phật không đồng ý,
Được bình bát chứa mật đến dâng cúng Phật,
Như Lai thương cảm nhận tấm lòng của khỉ
Tâm vui sướng hoan hỷ vừa đi vừa múa,
Trượt chân rơi xuống hầm sâu mà mạng chung
Liền sanh lên cõi Trời thứ ba mươi ba,
Sanh xuống trần gian xuất gia thành La-hán”.

Còn trong kinh Văn thù sư lợi vấn nói: “Bồ tát vì cúng dường Phật pháp tăng và cha mẹ anh em, được phép tích trữ tài vật, để xây dựng chùa chiền tạo ra hình tượng và để bố thí. Nếu có những nhân duyên này thì được nhận vàng bạc tài vật, không có sai phạm gì”.

Tụng rằng:

Bến bờ xa thẩm mênh mông,
Cội nguồn dài lâu vời vợi
Buồn phiền che kín tối tăm,
Vượt ra khó mà thành tựu.
Tự mình không hướng lên trên,
Nhờ đâu ở địa vị cao
Thành tâm cúng dường Tam Bảo,
Quả vượt lên trên Thập địa.

Thiên thứ 39: THỌ THỈNH

Thiên này có chín phần: Thuật ý, Thỉnh tăng, Thánh tăng, Thí thực, Thực thời, Thực pháp, Thực hất, Chú nguyện, Thí phước.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Nói đến pháp thiết hội cúng dường thì lấy vô hạn làm chính, không có gì vừa tầm không có gì cuối cùng mới thích hợp với tâm bố thí, cho nên lòng dạ sâu thẳm loại trừ hình tướng, cùng với bầu Trời mà làm thành điểm cao nhất, bất cứ lúc nào cũng thuận theo duyên, cùng với pháp giới mà sánh bằng số lượng ấy, nhân đã không cuối cùng thì quả cũng không bao giờ hết. Vả lại bình thường tiết kiệm tiền bạc không đủ, hạn định vật dụng để bố thí, vật dụng đã có hạn định thì tâm cũng có sự câu nệ, hoặc tính số người để nghĩ cách cúng dường, hoặc chọn lựa tài đức sau đó mới thỉnh cầu. Phước thiện có bến bờ chưa bỏ, báo ứng không giới hạn chưa thấm. Rằng ngu về pháp bố thí, tuy vật dụng chu toàn mà bố thí hạn hẹp, khéo thích ứng ân huệ, khiến vật dụng ít ỏi mà bố thí khắp nơi. Vì vậy ở nước khác tổ chức trai hội thẳng thắn mở rộng không ngăn trở vận tâm đến mười phương thâu nhiếp trọn vẹn pháp giới vậy.

Thứ hai- PHẦN THỈNH TĂNG

Như kinh Hiền Ngu nói: “Lúc Đức Phật đã xuất gia, Dì ruột của Phật là Bà Ma-ha-ba-xà-ba-đề, tự tay mình dệt vải làm sẳn một tấm vải bông màu vàng rực (May thành Đại y) dâng lên Như Lai Đức Phật đề nghị mang tấm vải này đến dâng cúng chúng Tăng. Bà dì suy nghĩ, trong lòng tìm cách chờ đợi Đức Phật, chỉ mong rủ lòng thương xót cho mình mà tiếp nhận. Đức Phật biết Dì chuyên tâm muốn dùng cúng dường cho mình, nhưng ý niệm của sự ân nghĩa yêu thương làm cho phước thiện không rộng lớn được, nếu cúng dường chúng Tăng thì được phước báo càng nhiều, mình biết điều này vì vậy khuyên bảo cho nhau. Nếu có đàn việt đối với mười sáu loại biệt thỉnh đầy đủ, tuy được phước báo mà cũng không phải là nhiều. Sao gọi là mười sáu loại? Đó là Tỳ kheo-Tỳ kheo ni đều có tám hạng. Không bằng tự mình thỉnh cầu bốn người mà đạt được công đức, phước thiện có nhiều hơn sự thỉnh cầu riêng biệt kia, trong mười sáu phần không bằng một phần ấy. Tương lai trong thời kỳ cuối cùng lúc giáo pháp sắp diệt hết, cho dù Tỳ kheo nuôi vợ ôm con, bốn người trở nên vẫn gọi là tăng, cần phải cung kính đối sử như Xá-lợi-phất- Mục-kiền-liên... lúc ấy tâm của Ba-xà-ba-đề mới hiểu thông suốt,

liền đem chiếc ý đó dâng cúng chúng Tăng. Trong tăng đi thứ tự từng vị nhưng không có vị nào muốn lấy, đến trước Di-lặc thì được Di-lặc tiếp nhận. Bấy giờ Di-lặc hỏi chúng Tăng rằng: nếu có đàn việt thỉnh cầu một Sa-môn trì giới thanh tịnh đến nhà cúng dường, thì lợi ích đạt được không bằng có người có được ngàn vạn đồng tiền chăng? Lúc ấy Kiều-trần-như liền nói rằng: Giả sử có người có được trăm xe châu báu, tính ra phước lợi ấy, không bằng thỉnh cầu một Sa-môn gBíciới hạnh thanh tịnh đến nhà mình cúng dường, sẽ được lới ích to lớn. Xá-lợi-phất nói: Giả sử có người có được châu báu đầy trong cả cõi Diêm-phù-đề này, hãy còn không bằng thỉnh cầu một người giới hạnh thanh tịnh đến nhà mình cúng dường, thì sẽ được lợi ích nhiều hơn. Mục-kiền-liên nói: Cho dù có người có được bảy báu chứa đầy trong hai thế giới, thật sự không bằng thỉnh cầu một Sa-môn thanh tịnh đến nhà mình cúng dường, thì lợi ích có được càng nhiều. Các Tỳ kheo còn lại tất cả đều dẫn ra phương pháp thí dụ như vậy, so sánh tìm hiểu về lợi ích thảy đều nhiều hơn lợi ích kia. Lúc ấy A-na-luật lại tự mình nói rằng: Cho dù có được châu báu chứa đầy bốn thế giới, thì lợi ích cũng không bằng thỉnh cầu một Sa-môn thanh tịnh đến nhà mình cúng dường có được lợi ích thù thắng gấp bội, vì sao như vậy? Bởi vì tôi là người chứng minh điều ấy, tự nhớ lại đời quá khứ, sau khi Đức Phật Tỳ-bà-thi nhập Niết-bàn, lúc giáo pháp diệt hết, có một Trưởng giả tên gọi A-lệ-tra, nhà nghèo xác xơ, lại gặp phải năm đói kém nên người ta tiết kiệm, thóc gạo lương thực không đủ ăn, ngày ngày đi vào núi hái củi bán để mua hạt bo bo thay thóc, để tự cung cấp nuôi sống vợ con cả nhà. Thấy một vị Bích-chi-Phật khất thực không có, thỉnh đến nhà mình chia bớt phần cháo bo bo, tự mình mang ra cúng dường, vị Bích-chi-Phật nói rằng: Ông cũng đói khát nên cùng nhau chia ra mà ăn! A-lệ-tra nói: Bọn tôi là phàm tục ăn uống không theo giờ giấc, tôn giả ngày ăn một bữa, chỉ mong thọ nhận cho. Vị ấy liền thọ nhận và ăn hết,, cảm động trước lòng chí thành ấy mà khiến cho phát lời nguyện to lớn. Lúc vị Bích-chi-Phật quay trở về nơi cư trú, thì A-lệ-tra liền quay vào đần lớn lấy củi, lúc ấy thấy môt con thỏ ý muốn bắt lấy, dùng cái liềm từ xa ném đến thỏ lập tức ngã xuống đất, vừa lúc sắp tiến tới để lấy thì con thỏ hóa thành người chết, xác chết ấy liền bám chặt trên lưng vội ôm lấy đầu A-lệ-tra, hết sức đẩy ra nhưng không làm sao khiến cho rời ra được. lòng dạ kinh hãi bàng hoàng vô cùng khổ não, ý muốn đi vào thành cùng vợ tách bỏ ra, nhưng sợ rằng người ta trông thấy khiến không thể tùy ý đi vào. Dừng lại đợi tới Trời tối lấy ảo để che kín, cõng theo đến nhà. Đã đến trong nhà, thì tự nhiên

rơi xuống đất, biến thành một đống vàng Diêm-phù-đề, ánh sáng chói chang soi chiếu rực rỡ cả ngôi nhà; mọi người trong vùng bàn tán xôn xao, tiếng đồng vang thấu cung vua. Nhà vua tự mình đến xem, thấy thân hình người chết này dần dần sắp hôi thối. Liền hỏi Lệ Tra rằng: Ông thấy là vật gì? Đáp rằng: Nhìn thấy thật sự là vàng. Liền lấy một chút ít để dâng tặng nhà vua. Nhà vua trông thấy màu như vàng, lòng kính trọng chưa hề có, hỏi về nguyên do ấy nhờ đâu mà được như vậy. A-lệ-tra đáp rằng: Nhờ cúng dường một vị Bích-chi-Phật. Nhà vua nghe chuyện khen ngợi là điều tốt lành, lập tức ban tặng và phong làm Đại Thần. Như vậy, này các tôn giả, A-lệ-tra xưa kia chính là thân tôi bây giờ, tôi ở đời kiếp ấy đem một ít cháo bo bo cúng dường vị Bích-chi-Phật, nhờ duyên này cho đến nay trong chín mươi mốt kiếp, sanh trong Trời người không bao giờ thiếu thốn".

Còn trong kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: "Nếu đàn việt thiết trai cúng dường triệu thỉnh chúng Tăng sai người canh cửa ngăn cản Tỳ kheo và những người xin ăn già yếu bệnh họan nghèo túng, không cho bước vào trai hội, thì chỉ có mất không đồ ăn thức uống chứ hoàn toàn không có phần thiện duyên nào".

Lại trong kinh Phổ Quảng nói: "Bốn hàng đệ tử nếu thực hành trai giới, thì tâm nên giữ lại ý tưởng thỉnh cầu chúng Tăng mười phương, không chọn lựa thứ hạn cao thấp-pháp giới-trì giới hay là thiện-ác. Lúc đến các chùa viện thỉnh tăng, lần lượt cúng dường chúng Tăng không có ý nghĩ phân biệt khác nhau, phước thiện ấy nhiều nhất, vô lượng vô biên không thể tính được. nếu gặp người chứng bốn đạo quả La-hán và người phát tâm đại thừa, thì nhờ công đức này mà nhận được phước báo vô cùng tận, vừa nghe thuyết pháp thì có thể đạt đến đạo quả vô thượng Niết-bàn".

Lại trong Thập Tụng Luật nói: "Lộc Tử Mẫu thỉnh cầu riêng biệt năm trăm vị La-hán, Đức Phật dạy: Không có trí tuệ là bất thiện. Nếu ở trong chúng Tăng theo thứ tự thỉnh cầu một người thôi, cũng có được quả báo lợi ích công đức to lớn, hơn hẳn thỉnh cầu riêng biệt năm trăm vị La-hán, hết thảy xa gần không nơi nào không nghe biết".

Còn trong kinh thỉnh Tăng Phước Điền và kinh Nhân Vương nói: "Các loại trách mắng không cho phép thỉnh cầu riêng biệt. Nếu như thỉnh cầu riêng biệt, thì đó là pháp ngoại đạo, không phải là pháp của chư Phật".

Lại trong kinh Phạm Võng nói: "Nếu có đàn việt đến thỉnh cầu chúng Tăng, khách tăng có phần lợi dưỡng, người đứng đầu Tăng chúng

thuận theo thứ tự cử khách tăng nhận sự thỉnh cầu. Nhưng trước đó chỉ có tăng chúng thường trú phân biệt nhận sự thỉnh cầu mà không cử khách tăng nhận sự thỉnh cầu, thì người đứng đầu Tăng chúng phải chịu vô lượng tội lỗi, không khác gì súc sanh, không phải là Sa-môn không phải dòng họ thích, phạm vào tội khinh cấu.

Nếu là đệ tử Phật, tất cả không được thọ nhận thỉnh cầu riêng biệt lấy lợi dưỡng làm của mình, mà lợi dưỡng này thuộc về mười phương Tăng; mà riêng biệt thọ nhận thỉnh cầu, tức là lấy vật của mười phương Tăng, đưa vào sử dụng cho riêng mình, phạm vào tội khinh cấu.

Nếu như có tất cả đàn việt xuất gia hay tại gia, thỉnh cầu phước điền tăng, lúc cầu nguyện nên đi vào tăng phòng hỏi người tri sự. Nay muốn theo thứ tự thỉnh cầu, thì gặp được mười phương Hiền Thánh Tăng, mà người thế gian thỉnh cầu riêng biệt năm trăm vị La-hán Bồ tát tăng, không bằng tăng theo thứ tự dù là một phàm phu tăng. Nếu như thỉnh cầu tăng riêng biệt, thì đó là pháp ngoại đạo, chư Phật không có pháp thỉnh cầu riêng biệt, không thuận theo hiếu đạo. Nếu cố ý thỉnh cầu Tăng riêng biệt, thì phạm vào tội khinh cấu".

Lại trong trí Độ Luận nói: "Như có một Trưởng giả giàu sang, tin tưởng vui với chúng Tăng, thưa với tăng chấp sự rằng: Tôi theo thứ tự thỉnh tăng đến nhà dùng cơm hàng ngày lần lượt thỉnh cho đến Sa-di. Tăng chấp sự không cho phép Sa-di thọ nhận thỉnh cầu, các Sa-di nói: Vì ý gì mà không cho phép Sa-di? Đáp rằng: Bởi vì đàn việt không thích thỉnh cầu người trẻ tuổi. Liền nói kệ rằng:

Những vị râu tóc trắng như tuyết,
Răng rụng da thịt đã nhăn nheo
Bước chậm rãi hình thể gầy gò,
Thích thỉnh cầu những người như vậy.

Những Sa-di đều là bậc Đại A-la-hán. Như Đả Tử-Sư Tử Đầu, bỗng nhiên từ chỗ ngồi đứng dậy, mà nói kệ rằng:

Đàn việt là người không có trí,
Nhìn hình tướng không chọn đức hạnh
Xả bỏ tướng trạng tuổi già này,
Chỉ giữ lấy già yếu tối tăm
Tướng của bậc tuổi già tôn kính ấy,
Như Đức Phật thuyết kệ rằng
Vốn gọi là tướng bậc trưởng lão,
Không cần phải bởi vì tuổi cao
Hình hài gầy yếu râu tóc bạc,

Nên trong vô đức già trống rỗng
Có thể xả bỏ quả tội-phước,
Tinh tiến thực hành những phạm hạnh
Đã lìa xa tất cả các pháp,
Đây gọi là trưởng lão chân thật.

Lúc này Sa di lại dấy lên nghĩ rằng: Chúng ta không nên ngồi nhìn đàn việt đắn đo sự tốt xấu của Tăng! Liền nói kệ rằng:

Trong mọi điều ca ngợi chê bai,
Tâm chúng ta tuy là chỉ một
Bởi người này hủy hoại Phật pháp,
Không thuận theo không thể dạy dỗ
Nên nhanh chóng đến nhà người ấy,
Cùng giáo pháp chỉ bày cho biết
Chúng ta không thể hóa độ được,
Vậy thì trở thành vật bỏ đi.

Ngay lập tức các Sa-di tự thay đổi thân tướng của mình, đều trở thành cụ già. Râu và tóc bạc trắng như tuyết, mày dài rủ xuống che kín mắt. Da thịt nhăn nheo như sóng cuộn, lưng còng khom xuống giống như cung

Hai tay dựa vào gậy bước đi,
Theo thứ tự mà thọ thỉnh cầu
Toàn thân đều run rẩy lắc lư,
Đi đứng không tự mình yên ổn
Ví như cây bạch dương già cỗi,
Thao gió lay mà cứ đung đưa
Đàn việt trông thấy thế hệ này,
Hoan hỷ đón đưa vào chỗ ngồi.

Ngồi xuống rồi trong chốc lát trở lại hình tướng tuổi trẻ, đàn việt kinh hãi nói

Hình tướng bậc kỳ lão như vậy,
Lại biến thành thân thể trẻ trung
Như uống vị thuốc tiên trẻ lại,
Việc này do đâu mà như vậy.

Các Sa-di nói rằng: Ông đừng sinh tâm nghi ngờ, suy xét về việc này, thật là đáng xót xa thương cảm, cho nên hóa hiện như vậy, ông nên nhận thức sâu sắc, Thánh chúng không thể suy lường được, như kệ nói rằng:

Ví dụ như dùng vòi con muỗi,

Còn có thể đo được đáy biển
Tất cả loài Trời và loài người,
Không ai có thể lượng được tăng
Bởi tăng có công đức cao quý,
Hãy còn tôn sùng không phân biệt
Mà ông lại dựa theo tuổi tác,
Suy xét bình phẩm các đại đức,
Lớn nhỏ sanh ra từ nơi trí,
Không quyết định bởi trẻ hay già
Người có trí chuyên cần tinh tiến,
Tuy trẻ tuổi mà chính là già
Người giải đãi không có trí tuệ,
Tuy tuổi già mà lại là trẻ.

Nay ông bình xét về tăng, vậy thì trở thành sai lầm lớn, như muốn dùng một ngón tay lường biết đáy của biển lớn, chỉ làm trò cười cho người trí. Ông không nghe Đức Phật giảng giải, có bốn điều tuy nhỏ mà không thể coi thường: Thái tử tuy nhỏ mà sẽ làm Quốc vương, là điều không thể coi thường. Rắn con tuy nhỏ mà nọc độc có thể giết chết người, cũng không thể coi thường. Đốm lửa tuy nhỏ mà có thể đốt cháy núi rừng, cũng không thể coi thường. Sai di tuổi nhỏ mà có thể chứng Thánh phát thần thông, thật là điều không thể coi thường. Đàn việt nghe sự việc này xong, thất sức thần thông như vậy, toàn thân kinh hãi sởn gai ốc, chắp tay thưa với các Sa-di rằng: Thưa các bậc Thánh nhân, nay con xin sám hối, con là hạng phàm phu nên tâm thường mang tội lỗi, nay muốn thưa hỏi, tín tâm thanh tịnh ở trong Phật bảo và tăng bảo, nơi nào có phước thiện hơn hẳn? Đáp rằng: Chúng tôi lúc đầu không thấy trong Phật bảo-Tăng bảo có sự tăng giảm, tại vì sao? Bởi vì như Đức Phật trong một lần đi vào thành Xá-bà-đề khất thực, có Bà-la-môn giòng họ Bà La Đõa Thệ, nhà này Đức Phật nhiều lần đến khất thực, tâm dấy lên nghĩ rằng: Sa-môn này vì sao nhiều lần đến giống như mình mang nợ gì vậy? Lúc ấy Đức Phật thuyết kệ rằng:

Mùa mưa nhiều lần rưới xuống đất,
Ngũ cốc liên tục được thành tựu
Nhiều lần tu đạo những phước nghiệp,
Nhiều lần thọ nhận những quả báo
Liên tục thọ nhận pháp sanh ra,
Cho nên nhận chịu nhiều lần chết
Thánh pháp liên tục được thành tựu,

Người nào nhiều lần chịu sanh tử?

Bà-la-môn nghe kệ này xong, biết rõ là bậc đại thánh nên tâm mình rất hổ thẹn, lấy bát đi vào nhà, đựng đầy thức ăn ngon lành đem dâng cúng Đức Phật. Đức Phật không nhận mà nói rằng: Tôi vì nói kệ cho nên có được thức ăn này, tôi không thể ăn. Bà-la-môn nói: Thức ăn này nên cho ai? Đức Phật nói: Tôi không thấy Trời và người nào có thể tiêu hóa thức ăn này, ông mang đi đặt vào nơi ít cỏ, như trong nước không có sâu bọ. Lập tức như lời Đức Phật chỉ bảo, mang thức ăn đặt vào trong nước không có sâu bọ, nước liền sôi sùng sục khói lửa cùng bốc lên, giống như ném vào lò sắt nóng bỏng. Bà-la-môn thấy rồi kinh hãi nói: Chưa từng có như vậy, thậm chí trong thức ăn cũng có thần lực như vậy! Lạy Phật sám hối cầu xin xuất gia thọ giới, dần dần đoạn trừ phiền não đạt được quả vị A-la-hán. Lại có Ma ha Kiều đàm di, dùng y quý báu tốt nhất có màu như vàng dâng cúng Đức Phật, Đức Phật khuyên nên cúng dường chúng Tăng, có thể tiêu hết có thể thọ nhận, do đó biết rằng Phật bảo-tăng bảo có phước thiện không phân biệt nhiều ít. Cho nên thuyết kệ rằng:

Nếu như người ái kính Đức Phật,
Cũng nên ái kính đối với tăng
Không nên phát sinh tâm phân biệt
Bởi vì đều là bảo như nhau
Còn trong kinh Pháp Cú Dụ,
ĐứcThế tôn thuyết kệ rằng
Con người nên có ý suy nghĩ,
Mỗi khi ăn tự biết bao nhiêu
Từ đây sử dụng rất đơn giản,
Tiết kiệm chỉ cần giữ mạng sống.

Lại trong kinh Tạp Thí Dụ nói: “Xưa kia ở nước Xá Vệ có một nhà nghèo, trong sân nhà có cây Bồ Đào, trên cây có mấy nụ bông, nghĩ rằng cúng dường Đạo nhân. Lúc ấy Quốc vương trước đó thỉnh cầu cúng dường một tháng, sức lực nhà nghèo này không bằng Quốc vương, đúng một tháng đằng đẵng mới gặp được một vị Đạo nhân, liền mang đến cúng dường, nói với Đạo nhân rằng: Nghĩ và muốn cúng dường đến nay đã một tháng, bây giờ toại nguyện. Đạo nhân nói với Tín Nữ rằng: Đã cúng dường trong một tháng. Tín nữ nói: Con chỉ cúng dường một nụ bông Bồ Đào, nào được cúng dường một tháng đâu? Đạo nhân nói: Nhưng trong một tháng luôn nghĩ đến mong muốn cúng dường, thì chính là cúng dường một tháng ấy mà”.

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 42

Thiên thứ 39: THỌ THỈNH (Tiếp theo)

***Thứ ba-* THÁNH TĂNG**

Từ khi Đấng Đại giác nhập Niết-bàn thì pháp quy về Chúng Thánh, hàng khai sĩ ứng hiện chân thật dẫn dắt truyền bá giáo pháp thời kỳ cuối cùng, đồng thời bất ngờ hóa hiện các tòa tháp tùy duyên thâu nhiếp dạy dỗ, cảm khác nhau thì cùng một nhà mà cách xa vời vợi, ứng hợp lại thì cảnh khác nhau mà dung nhan đối diện. Cuối thời Thái Thỉ nhà Tống (Nam Bắc triều) có Sa-môn Thích Pháp Nguyện chùa Chánh Thắng Sa-môn Thích Pháp Kính chùa Chánh Hỷ..., bắt đầu họa về Thánh Tăng an tọa thành hàng theo như mô phỏng. Mãi đến đầu thời nhà Đường nhiều lần giáng điềm lành linh thiêng, hoặc là hiển lộ dấu chân hiện rõ trong cột chống, hoặc là di tích chống gậy ấn sâu vào đất bằng. Vì lẽ đó vua nhà Lương, nghe mà vui sướng ngợi ca-tâm cung kính ngưỡng mộ vô cùng, đất nước cảm ứng tốt lành nhất định phải hướng về thiết trai cúng dường. Đến năm thứ 8 niên hiệu Vĩnh Minh, nhà vua tự biết mình không khỏi bệnh, tuy nhà thuốc dùng mọi cách mà gối nệm hãy còn đình trệ, thế là kết tâm phát thệ quy mạng Thánh tăng, truyền chỉ ở trong điện Diên Xương cầu thỉnh bảy ngày, cúng dường chư Phật và chúng Thánh Hiền, trai đường trang nghiêm mảy trần không lay động, bảy ngày sắp hết mới cảm được linh ứng, mới có hương thơm vi diệu tỏa ngát khắp nơi làm cho thân tâm thanh thản, ánh sáng lung linh huyền ảo không có gì tốt đẹp hơn. Lại có hình bóng đi lại, dấu chân trải khắp trong nhà, rung tích trượng thánh thót âm vang phát ra tận bên ngoài, nhìn dấu tích ngửi mùi hương đều tự cảm thấy rợn người. Lúc ấy có Từ Quang Hiển cùng mười mấy người, tất cả cùng thấy nghe, cùng bước lên tấu trình, ngay sau đó trai hội đã kết thúc mà nhà vua khôi phục sức khỏe tốt lành, vì vậy cả triều đình quy y chứng minh thần ứng linh nghiệm. Sau đó Từ Quang Hiển cùng với đạo tục mấy người, thiết

trai cúng dường phụng thỉnh đều có điềm lành ứng hiện, Thánh Nhân cảm ứng tất cả không thể ghi lại hết được.

Xưa kia có Trưởng giả Thọ Đề Già, làm bình bát bằng gỗ chiên đàn đặt trong túi lưới, treo cao trên đầu cọc nhỏ bằng ngà voi xa tít tận mái nhà, tuyên bố như vậy: nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào, không dùng thang leo hay gậy chống mà có thể lấy được thì xin tăng cho bình bát ấy. Các ngoại đạo biết là muốn hiện bày thần thông, không ai có năng lực nên lắc đầu mà rời xa. Tân-đầu-lô nghe chuyện này, hỏi Mục-kiền-liên rằng: Thật sự như vậy không? Đáp rằng: Thật sự như vậy. Ông là bậc nhất trong hàng Sư Tử Hống thì đến lấy bình bát ấy đi! Mục-kiền-liên sợ Đức Phật quở trách nên không bằng lòng đi lấy. Tân-đầu-lô lập tức đi đến nhà ấy nhập thiền định, liền từ trên chỗ ngồi duỗi tay ra lấy bình bát. Dựa theo Tứ Phần Luật: "Lúc ấy ngồi ở tảng đá vuông ngang dọc rất lớn, thân hình dần dần bay lên giữa hư không, lấy được bình bát rồi quay trở lại. Đức Phật nghe chuyện trách mắng: Tại sao Tỳ kheo vì bình bát ngoại đạo mà hiện bày năng lực thần thông ở trước mặt người chưa thọ giới, từ nay về sau gạt bỏ ông ra ngoài, không được ở trong cõi Diêm-phù-đề. Thế là Tân-đầu-lô theo như lời Đức Phật dạy đi đến cõi Tây Cù-da-ni, giáo hóa bốn chúng truyền bá rộng giáo pháp của Phật. Bốn bộ đệ tử ở Diêm-phù-đề suy nghĩ trông thấy Tân-đầu-lô thưa với Đức Phật, Đức Phật đồng ý cho phép trở về, bởi vì hiện bày thần thông nên không được phép Niết-bàn, sắc lệnh ở lại làm phước điền cho bốn bộ chúng ở thời kỳ cuối cùng. Tân-đầu-lô cũng tự thệ rằng: Trong ba thế giới cưỡi vạc bay có nơi nào thỉnh cầu đều đến ngay lập tức".

Còn trong kinh A Dục Vương: "Tỳ kheo Hải Ý từ vạc lớn lên giữa hư không vì nhà vua nói kệ rằng:

Thân ông giống như thân mọi người,
Sức ông hơn hẳn sức mọi người,
Đồng ý làm cho tôi biết rõ,
Vì ông làm ra sức thần thông!

Nhà vua phát tâm thỉnh cầu tứ phương Tăng bèn nói kệ rằng:

Có các vị A-la-hán,
Hãy đến đây nhiếp thọ cho con
Con thỉnh các vị A-la-hán,
Tất cả hãy đến tại nơi này.

Vì vậy dựa theo kinh Thỉnh Tân-đầu-lô nói: "Như Quốc vương Trưởng giả-Ưu bà tắc ở Thiên Trúc, nếu tổ chức tất cả các pháp hội, thì

luôn luôn thỉnh cầu Tân-đầu-lô Phả La Đọa Thệ A-la-hán. Tân-đầu-lô là tên, Phả La Đọa Thệ là họ. Vị ấy vì Trưởng giả Thọ Đề mà hiện bày thần túc, cho nên Đức Phật cấm không được Niết-bàn, sắc lệnh ở lại làm phước điền cho bốn bộ chúng sanh thời mạt pháp". Lúc thỉnh cầu ở nơi vắng lặng thắp hương lễ lạy, hướng về núi Ma lê ở Thiên Trúc chí tâm xưng danh rằng: Đại Đức Tân-đầu-lô Phả La Đọa Thệ, nhận lời dạy bảo của Đức Phật làm phước điền cho người thời mạt pháp, nguyện nhận lời con thỉnh cầu cúng dường ở nơi này. Nếu mới làm nhà cửa thì cũng nên thỉnh cầu, nguyện nhận lời con thỉnh cầu đến an trú trong ngôi nhà vừa hoàn thánh này. Nếu như lúc thỉnh cầu tất cả chúng Tăng tắm gội, cũng nên thỉnh cầu rằng: Nhận lời con thỉnh cầu đến tắm gội. Và trước khi Trời chưa sáng xem lại nước nóng pha hương-nước tro-xà phòng-dầu thơm, điều hòa lạnh ấm như cách tắm gội của người thế gian, mở cửa thỉnh vào sau đó khép cửa, như người tắm xong lát sau chúng Tăng mới vào. Hễ là muốn thiết trai-tắm gội thì cần phải thỉnh cầu chúng Tăng, mọi người chí tâm cầu mong giải thoát, không nghi không mê muội, tín tâm thanh tịnh, sau đó có thể khép lại kết thúc sự cúng dường. Thời đại gần đây có một Trưởng giả, nghe nói Tân-đầu-lô Đại A-la-hán nhận lời dạy bảo của Đức Phật ở lại làm phước điền cho người thời mạt pháp, liền đúng như pháp tổ chức hội lớn, chí tâm thỉnh cầu Tân-đầu-lô, phía dưới thảm leo trải đầy hoa đẹp muốn chứng minh sự linh nghiệm. Đại chúng ăn xong mở thảm len ra, hoa đều úa vàng, buồn phiền tự trách mình, không biết lỗi lầm phát sinh từ đâu. Lại tiếp tục dốc hết tâm ý hỏi kỹ càng các vị kinh sư, tiếp tục tổ chức trai hội rầm rộ, bố thí như trước, hoa cũng đều úa vàng. Lại tiếp tục dốc hết tài sản trong nhà, lại tổ chức trai hội, cũng còn như trước, buồn phiền tự trách mình, lại thỉnh cầu hơn trăm vị pháp sư, cầu thỉnh sám hối nhận lỗi xảy ra do sơ suất. Như từ trước đến nay có một vị thượng tọa tuổi đã già yếu, hướng về vị ấy nhiều lần bày tỏ hối hận tội lỗi của mình. Vị Thượng tọa nói cho biết rằng: Ông ba lần thỉnh tôi, tôi đều nhận lời thỉnh cầu. Ông tự sai khiến trong nhà thấy thì ngăn lại, bởi vì tôi già yếu có quần rách rưới nên nói là bị gạt bỏ, trách móc rằng Sa-môn trước đây không nhìn thấy, tôi vì ông thỉnh cầu nên miễn cưỡng đi vào. Tôi tớ của ông dùng gậy đánh vỡ đầu tôi, góc trán bên phải bị lở là vậy. Hội thứ hai cũng đến lại không thấy ở trước, tôi phải miễn cưỡng đi vào lại đánh đầu tôi, giữa trán bị thương là vậy. Ông tự mình làm ra, sao mà buồn phiền than thở chứ? Nói xong không còn thấy nữa. Trưởng giả mới biết là Tân-đầu-lô. Từ lúc ấy đến nay, những người thiết trai cầu phước đều không dám ngăn

trở trước cổng. Nếu được Tân-đầu-lô đến ngồi nơi đó, thì hoa không héo. Nếu mới làm nhà cửa giường phản, lúc muốn thỉnh cầu Tân-đầu-lô, đều nên dùng nước nóng pha hương thơm vẩy trên đất-thắp hương thắp đèn sáng tỏ, trên giường mới- nệm mới lấy bông tơ trải lên, dùng lụa trắng phủ lên trên. Đầu đêm đúng như pháp mà thỉnh cầu, vẫn đóng cửa phòng, cẩn thận đừng khinh mạn nhìn trộm, mọi người đều chí tâm tưởng thì nhất định sẽ đến, tinh thành cảm ứng thì không đâu không đến. Đến thì ở trên nệm hiện rõ ra có chỗ người nằm, phòng tắm cũng hiện rõ ra nơi sử dụng nước nóng. Lúc nhận lời thỉnh cầu thiết hội cúng dường, hoặc ở thượng tòa, hoặc ở trung tòa, hoặc ở hạ tòa, hiện thành hình tướng Tăng tùy theo chỗ, người cầu mong sự khác biệt ấy chung quy không thể nào có được, về sau thấy nơi chỗ ngồi, hoa không héo mới biết rõ được.

Thuật rằng: Nay thấy nhà thiết trai hội phần nhiều không y theo pháp, mà chỉ thuận theo tình người để sắp đặt. Người phàm trần hoàn toàn không quý trọng Phật và Thánh Tăng, đã như kinh nói ở trước. Thí chủ trước hết cần phải quét dọn sạch sẽ nơi thờ kính Đức Phật và sắp đặt chỗ ngồi của Thánh Tăng, tắm gội sạch sẽ, thấp hương xông trầm, treo phan cái ngũ sắc, rải các loại hoa, tay bưng lư hương thành tâm ngưỡng mộ cung kính, phụng thỉnh Tam Bảo và các Thánh Tăng, hết thảy Phàm Thánh trong mười phương pháp giới cũng đều thỉnh cầu tất cả, nhận lời đệ tử thỉnh cầu rủ lòng thương xót thị hiện dung nghi bậc Thánh đến nơi cư trú này, lớn nhỏ cả gia đình đều chung lòng thành kính, chuẩn bị trước bảy ngày đến nay phát tâm sâu nặng này. Nếu là gia đình nghèo khó không có hương hoa tốt đẹp, lại không có nơi sắp đặt, nhưng mà cần phải suy nghĩ xem xét đến lúc sự việc xảy ra. Trước khi tăng chưa ngồi thì trước đó có nơi tốt đẹp nhất an trí pháp tòa của Phật, quét dọn sạch sẽ đúng như pháp. Nơi tốt đẹp tiếp theo sắp xếp chỗ ngồi của Thánh tăng, trải bày vật dụng mềm mại mới nguyên sạch sẽ, vải mềm phủ ở trên. Nếu thí chủ tâm thành sâu nặng thì có cảm ứng, thọ thực xong chờ xem tựa như chỗ người ngồi, tức là biết Báo thân đã đến, nếu không có tướng hiện bày thì chỉ có Hóa thân đến. Nếu hoàn toàn khinh mạn thì Báo thân-Hóa thân đều không đến. Chỗ ngồi ấy không được hoàng lẫn tạp các thứ vàng bạc lụa là gấm hoa màu sắc rực rỡ và rãi hoa lên trên, tuy là La-hán nhưng cùng là Phàm tăng, cùng thọ 250 giới biệt giải thoát, cho nên không thọ nhận các vật vàng bạc trang hoàng lẫn tạp. Nếu là chư Phật-Bồ tát và người Đại thừa, thì không câu nệ hình tướng xuất gia, cho nên có thể thọ nhận các loại cúng dường.

Sắp xếp chỗ ngồi của Thánh tăng và nơi dâng cúng thức ăn, cũng không được sắp xếp ở nơi cao vượt quá một thước sáu tấc, chỗ ngồi của tăng chúng như pháp từ một thước sáu tấc trở xuống thì được. cũng không được làm hình tượng Thánh tăng sắp xếp ở chỗ ngồi, nếu như Báo thân tự đến thì lẽ nào có thể đẩy hình tượng đi mà ngồi? Cũng không được mang đồ đựng thức ăn của thường trú tăng ở chùa đến, sợ rằng Báo thân đến không thể chạm vào đồ vật thanh tịnh của tăng mà ăn được. nếu sử dụng chén bát và mâm đĩa bình thường làm đồ dùng dâng cúng thì bao gồm cả Hóa thân và Báo thân, thật là đúng như pháp. Nếu có tiền bạc của Thánh Tăng thì vẫn đưa vào sử dụng cho Thánh Tăng, lấy đặt mua chén bát đũa muỗng chậu đồng khăn tay, và lấy mua khay chậu đồ đựng bằng gốm tốt nhất, trên lưng dùng màu son viết chữ đề tên làm dấu hiệu, người khác không dám sử dụng lẫn lộn. Những ngày khác tùy theo sự ăn uống thường ngày của gia đình, mỗi sáng sớm và đúng giờ ngọ xới cơm, thường dâng cúng Phật và tăng, há không phải là việc tốt hay sao? Lại có tiền dư đem mua lấy một Hồ Sàng và một Du Đan, ăn xong dùng xà phòng rửa sạch sẽ xếp vào trong hồ Sàng, lấy Du Đan phủ lại. Những ngày khác như vậy thể hiện sự cúng dường Tam Bảo, tâm luôn luôn không đoạn tuyệt thì có được công đức to lớn. Nếu như có được nhiều tiền thì giống như phương pháp trong chùa ở các nước Tây Vực, và nhà người thế gian ở nơi cao ráo vắng lặng làm thành phòng ốc cho Thánh Tăng, tùy theo bốn mùa Đông-Hạ sắp xếp vật dụng cúng dường. Nếu ở trong mùa hạ, trong phòng chính thường ngày chỉ trải chiếu sạch sẽ tốt đẹp, tự mình sắp xếp đầy đủ chậu đồng- bình đồng-xà phòng khăn sạch. Nếu đến trước giờ Ngọ cùng dâng cúng đồ ăn thức uống, ban đêm thắp đèn đốt nhang, tùy tâm lượng sức như pháp cúng dường. Nếu đến mùa đông giá lạnh, sắp xếp chăn màn nệm gối-lửa than-nước nóng-đèn sáng cúng dường thường xuyên, cho dù có tiền bạc của cải của Thánh tăng thêm, không được lấy đưa vào sử dụng cho biệt Tăng thậm chí là thường trú Tăng, cũng không được gộp vào sử dụng cho Phật pháp, cũng không được làm hình tượng Thánh Tăng riêng biệt. Thường thấy có người lấy tiền Thánh Tăng họa vẽ hình tượng Đức Phật và bốn mặt tường họa các Thánh tăng như Ca-diếp-A-nan... Bởi vì Tân-đầu-lô La-hán là bậc Thánh nhân hiện tại không nhập Niết-bàn, đã không được Thánh Tăng dặn dò trao cho sự tiến lên hay dừng lại, lẽ nào có thể cùng sử dụng lãng phí mang gộp vào nơi khác? Nếu như mình sử dụng thì cũng phải trả lại gấp bội, không trả lại thì phải chuốc lấy tội lỗi. Vì vậy Tứ Phần Luật nói: “Hứa nơi này không được mang đi nơi

khác, nếu mang đi thì phải gánh chịu tội lỗi”. (Giống như đồ vật của mình mà người khác không hỏi gì mình, người khác nhất định mang đi sử dụng nơi khác, há có thể đồng ý hay không?) trên đây đã thuật lại những điều như vậy hoàn toàn dựa thao Thánh ý ghi rõ trong kinh luật, không thể nào không thực hành. Vật của Tam Bảo phải được coi trọng, không được sử dụng tùy tiện, sợ rằng sai một li đi một dặm, lời thành thật không hư dối, hãy tự mình sử dụng thích hợp! Vì vậy thời Lương Vũ Đế, các vị Đại Đức Anh nhà ở nước Hán, cùng nhau thỉnh Tam Tạng ở Tây Vực, biên tập lại những cách thức sử dụng đồ vật của Thánh Tăng, phiên dịch ra thành năm quyển, những điều thuật lại như trước cũng hoàn toàn giống nhau.

Thứ tư- **PHẦN THÍ THỰC**

Như kinh Niết-bàn nói: “Bởi vì quỷ thần khoáng dã được trao cho giới bất sát, giữ giới không ăn thịt cho nên sức lực yếu ớt mạng sống sắp muốn kết thúc. Đức Phật bảo với quỷ rằng: ta dạy cho hàng Thanh văn đệ tử, bất cứ nơi nào có Phật pháp, đều bố thí thức ăn cho các ông. Nếu có trú xứ mà không thường xuyên bố thí, thì đó là quyến thuộc của ma, không phải là Thanh văn đệ tử chân thật của Ta”. Nhưng lúc đưa thức ăn ra cho chúng sanh cần phải có phần như nhau. Nếu ăn thức ăn của thí chủ khác, thì cần phải y theo Ngũ Phần Luật nói: “Nếu như bố thí cho người ăn xin-chim-chó cùng các loại, cũng tùy theo số lượng trong phạm vi của mình mà giảm bớt để bố thí cho, không được lấy vật ngoài phạm vi của mình mà bố thí. Ví như thấy đạo tục còn trong trai kỳ thì thí chủ tiết kiệm không cung cấp cho vợ con, trước tiên cúng dường chúng Tăng mong làm phước điền, Tăng như nhau không phân biệt, trước đó mức ăn bao nhiêu, thì tự mình ăn no. mong muốn bố thí nhiều thức ăn, cầu xin để nuôi chim chó làm tổn hại đến thí chủ khác, lại tự mình gánh lấy tội lỗi. Nếu lấy trong phạm vi của mình, hoặc là đem thức ăn của mình, bao nhiêu tùy ý, không kể đến giới hạn”.

Còn trong kinh Thập Nhị Đầu Đà nói: “Nếu có được thức ăn thì nên dấy lên nghĩ rằng: Thấy chúng sanh đói khát lấy một phần để giúp cho họ, mình là thí chủ, họ là người nhận. Bố thí rồi phát lời nguyện như vậy: Khiến cho tất cả chúng sanh có được phước thiện giúp đỡ họ, đừng rơi vào tham tiếc! Mang đến nơi vắng lặng trống trải chia bớt một phần đặt trên hòn đá sạch bố thí cho các loài chim thú, cũng nguyện cầu như trước. Đang lúc sắp ăn dấy lên ý niệm như vậy: Trong thân có tám vạn con trùng, trùng được thức ăn này thảy đều yên ổn, nay tôi dùng thức ăn

bố thí cho các loài côn trùng này, sau này đắc đạo thì sẽ dùng pháp thí cho các vị, bởi vì không bỏ chúng sanh".

Lại trong kinh Quán Phật Hình Tượng nói: "Đức Phật bảo với đại chúng: Người thế gian có nhiều người phát ý cầu mong như nguyện, ngày bố thí không tính toán nhiều ít, chỉ hướng về làm cho đầy đủ, sự nghiệp đạt đến kết quả tốt đẹp, có còn thừa lại đồ ăn thức uống sử dụng không hết, đều nên chuyển vào trong chùa giữ lại cho chúng Tăng và các vị Sa-môn trì pháp, tự cùng nhau phân chia. Lúc lấy vật đưa ra nên cầu mong nảy sinh phước thiện, không nên mạnh người nào người ấy tranh phần mang về cho vợ con, đây là trồng cây trên đá gốc rễ khô hết cuối cùng không có lúc sinh ra. Nay vì người bố thí, phước thiện sâu nặng còn lại đem cúng dường chúng Tăng; đây là bố thí một đạt được phước báo gấp vạn lần".

Lại trong Tứ Phần Luật nói: "Bố thí cháo cho tăng có được năm loại lợi ích: 1- Trừ cơn đói; 2- Trừ cơn khát; 3- Tiêu hóa thức ăn đã sử dụng; 4- Bài tiết được điều hòa dễ chịu; 5- Mắt nhìn tinh tường nhanh nhạy".

Còn trong Tăng Kỳ Luật nói: "Bố thí cháo được mười loại lợi ích, cho nên kệ rằng:

Tôn trọng đối với người trì giới thanh tịnh,
Cung kính thường xuyên đem cháo đến bố thí
Mười loại lợi ích tăng thêm cho hành giả,
Thân thể khỏe mạnh lời nói hay trong sáng
Tiêu hóa dễ dàng trừ bệnh hoạn đói khát,
Đây gọi là vị thuốc Đức Phật thuyết ra
Muốn sanh vào Trời người sống đời vui thú,
Nay nên dùng cháo để bố thí chúng Tăng.

Lại trong kinh Thí Thực Hoạch Ngũ Phước Báo nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Nên biết rằng ăn để duy trì mạng sống, thọ nhận mà không làm tổn hại. Đức Phật dạy: Người mang cơm ăn bố thí cho người khác, có năm công đức cho người đạt được đạo quả, người trí hiểu rõ ý vượt ra làm cho lớn mạnh, thì gặt hái năm loại phước thiện. Những gì là năm loại? Đó là: 1- Bố thí mạng sống; 2- Bố thí sắc diện; 3- Bố thí sức lực; 4- Bố thí an ổn; 5- Bố thí biện giải. Sao gọi là bố thí mạng sống? Con người không được ăn uống thì nhan sắc tiều tụy không thể nào biểu hiện rõ ràng, không quá bảy ngày bỗng chốc thọ mạng chấm dứt, vì vậy người trí thì thực hành bố thí thức ăn, sự bố thí thức ăn đó tức là thực hành bố thí mạng sống, bố thí mạng sống ấy thì đời được thọ

mạng lâu dài sanh lên cõi Trời và giữa thế gian, có thọ mạng lâu dài không bị chết yểu, phước báo tự nhiên của cải vô lượng; đây chính là bố thí mạng sống. Sao gọi là bố thí sắc diện? Con người không ăn uống thì nhan sắc tiều tụy không thể nào biểu hiện rõ ràng, vì vậy người trí thì thực hành bố thí thức ăn, sự bố thí thức ăn đó tức là thực hành bố thí sắc diện, bố thí sắc diện ấy thì đời được đoan chánh, sanh trên cõi Trời hay giữa thế gian luôn luôn có nhan sắc sáng ngời, người thấy hoan hỷ cúi đầu làm lễ; đây chính là bố thí sắc diện. Sao nói là bố thí sức lực? Con người không được ăn uống thì thân thể gầy yếu ý chí nhu nhược không có năng lực làm được điều gì, vì vậy người trí thì thực hành bố thí thức ăn, sự bố thí thức ăn đó tức là thực hành bố thí sức lực, bố thí sức lực ấy thì đời đời được nhiều sức lực, sanh trên cõi Trời hay giữa thế gian luôn luôn có sức lực không gì sánh bằng, ra vào đi lại không hao tổn gì đến sức lực; đây chính là bố thí sức lực. Sao nói là bố thí an ổn? Con người không được ăn uống thì tâm buồn rầu thân tổn hại, đứng ngồi không nhất định không thể nào tự an lành được, vì vậy người trí thì thực hành bố thí thức ăn, sự bố thí thức ăn đó tức là thực hành bố thí an ổn, bố thí an ổn cho người thì đời đời được yên lành, sanh trên cõi Trời hay giữa thế gian không gặp phải những tai ương, đi đến chỗ nào cũng luôn luôn gặp được người có tài đức, của cải vô lượng không bị chết nơn; đây chính là bố thí an ổn. Sao nói là bố thí biện giải? Con người không được ăn uống thì thân thể gầy còm ý chí suy yếu miệng không thể nào nói năng, vì vậy người trí thì thực hành bố thí thức ăn, sự bố thí thức ăn đó tức là thực hành bố thí biện giải, miệng nói năng lưu loát không có gì chất vấn làm trở ngại, trí tuệ biện giải thông suốt, sanh lên cõi Trời hay giữa thế gian, người nghe hoan hỷ không ai không cúi đầu lắng nghe chọn lấy giáo pháp nói ra; đây chính là báo ứng của năm loại phước thiện về bố thí thức ăn".

Lại trong kinh Tăng Nhất A-hàm nói: "Bố thí có năm điều gọi là hợp thời: 1- Người từ xa đến; 2- Người sắp đi xa; 3- Lúc đau ốm; 4- Lúc thời tiết thất thường; 5- Được quả hái đầu mùa. Nếu gạt hái thóc lúa mới trước tiên giúp cho người tinh tiến trì giới, sau đó tự mình sử dụng. Lại nữa, bố thí có ba pháp: 1- Chuyển lượng thực đến chùa gọi là bậc thượng; 2- Cúng dường ngay tại nhà gọi là bậc Trung; 3- Làm nhà cầu xin bố thí phát tâm cúng dường gọi là bậc hạ".

Còn trong kinh Trường A-hàm nói: "Đức Phật bảo A-nan rằng: Ta khát muốn uống ông lấy nước đến đây! A-nan thưa rằng: Trước đây có năm trăm cỗ xe đi qua, nước ở trong dòng chảy đục ngầu chưa lắng

trong, có thể dùng rửa chân, không thể uống được. ba lần như vậy sai A-nan đi lấy nước: Ông lấy nước đến đây! A-nan thưa rằng: Nay sông Câu Tôn cách đây không xa, trong mát có thể uống, cũng có thể tấm rửa. Lúc ấy có quỷ thần ở tại núi tuyết, thành tâm tín ngưỡng Phật đạo, liền dùng bình bát đựng tám loại nước thanh tịnh dâng lên ĐứcThế tôn. Đức Phật vì thương cảm quỷ thần cho nên nhận nước để uống".

***Thứ năm*- PHẦN THỰC THỜI**

Hỏi rằng: Sao nói là thực thời, sao nói là quá thời? Đáp rằng: Dựa vào Tứ Phần Luật nói rằng: "Nghĩa là lúc tướng trạng ánh sáng xuất hiện mới được ăn cháo (Tướng trạng ánh sáng chưa xuất hiện tức là không hợp thời), cho đến buổi trưa, dựa theo giờ ngọ này làm pháp tức là lúc ăn cơm". (Dựa vào Tăng Kỳ Luật nói: Vượt quá giờ ngọ này hình ảnh lệch đi một chút như cọng cỏ tức là không hợp thời). Tứ thiên hạ theo đây đều như nhau. Vì vậy trong kinh Tỳ La Tam Muội nói: "Đức-Thế tôn vì Bồ tát Pháp Huệ mà thuyết rằng: ăn có bốn loại, sáng sớm là giờ ăn của Chư Thiên, đúng Ngọ là ăn của pháp, hoàng hôn là giờ ăn của súc sanh, trong đêm là giờ ăn của quỷ thần. Phật đoạn trừ nhân của sáu đường khiến giống như chư Phật ba đời, cho nên giờ ngọ hằng ngày là giờ ăn đúng pháp. Qua giờ này về sau giống những đường dưới thấp, không phải giờ ăn của người đường phía trên, cho nên nói là không hợp thời". Trong Thập Tụng Luật nói: "Chỉ riêng chư Thiên được ăn quá giờ ngọ không phạm lỗi gì".

Lại trong Thập Tụng Luật nói: "Có Tỳ kheo ở cõi Diêm-phù-đề, đến cõi Tây Câu-da-ni sử dụng theo thời gian ở cõi Diêm-phù-đề, Tỳ kheo ở cõi Tây Câu-da-ni đi đến ba phương khác cũng như vậy. Nếu ở nơi này thì sử dụng thời gian của nơi này, nếu ở nơi kia thì sử dụng thời gian của nơi kia, ba phương còn lại cũng như vậy. Vì thế Ma Đức Lặc Già Luận hỏi: Có thể có trường hợp ăn không đúng thời mà không phạm chăng? Đáp rằng: Có, nếu như trú ở Bắc Uất đan việt, sử dụng theo giờ ăn của nơi ấy thì không phạm, phương khác cũng như vậy. Nếu như ở tại cõi Diêm-phù-đề thì là giờ chính ngọ ban ngày, ở bắc phương là nửa đêm, ở Đông Phương là lúc mặt Trời lặn, ở Tây phương là lúc mặt Trời mọc, các phương khác xoay chuyển theo nhau có thể biết".

Còn trong Tất-bà-đa Luận nói: "Giải thích về thời gian có bốn cách: 1- Bắt đầu từ lúc mặt Trời mọc cho đến giữa trưa, ánh sáng đó chuyển sang hừng hực gọi là thời; từ giữa trưa về sau đến phần cuối đêm thì ánh sáng đó tắt đi, cho nên gọi là Phi thời. 2- Từ sáng sớm đến

giữa trưa là lấy làm giờ ăn, cầu xin không sinh ra phiền muộn cho nên gọi là thời; từ giữa trưa về sau cho đến phần đêm, là lúc người thế gian ăn uống chơi đùa, đi vào thôn xóm xin ăn thì nảy sinh biết bao xúc chạm phiền muộn, cho nên gọi là Phi thời; 3- Từ sáng sớm đến giữa trưa người thế gian làm công việc bận rộn thì sự dâm loạn chưa phát sinh, xin ăn không phát sinh phiền muộn, cho nên gọi là thời; từ giữa trưa về sau thì công việc ngưng lại và bắt đầu thời gian chơi đùa cười nói thỏa thích, đi vào thôn xóm xin ăn sẽ bị phỉ báng cười cợt, cho nên gọi là Phi thời; 4- Từ sáng sớm đến giữa trưa là lúc xin ăn, được ăn giúp cho thân khỏe mạnh yên tâm tu đạo, việc làm thuận với pháp, cho nên gọi là Thời; từ giữa trưa về sau nên thuận theo tu đạo, không phải là lúc xin ăn, cho nên gọi là Phi thời.

***Thứ sáu*- PHẦN THỰC PHÁP**

Như Kinh Đại Di Giáo nói: "Lúc Tỳ kheo sắp ăn, nên vì đàn việt thắp hương cầu nguyện ba lần, tán dương sự bố thí rồi mới được ăn thức ăn tốt đẹp. Lại từ trên chỗ ngồi khuyên nhắc chỉ bày, các đạo sĩ đều tự nhiên ra ngòai rửa tay súc miệng xong vẫn đến nơi chỗ ngồi của mình mà ngồi, mỗi người nói một bài kệ, cứ thuận theo thứ tự đứng dậy, không được vượt qua".

Lại trong kinh Tăng Nhất A-hàm nói: "Nếu có người thiết lễ cúng dường, tay bưng lò hương mà xướng to rằng đã đến lúc. Đức Phật dạy: Hương là sứ giả của chư Phật, cho nên cần phải thắp hương thỉnh cầu tất cả mười phương".

Đã biết thắp hương vốn là bắt đầu thỉnh cầu chư Phật, vì tâm phàm phu ngăn cách mắt nhìn không biết, cho nên Đức Phật dạy thắp hương thỉnh cầu tất cả phàm Thánh khắp mười phương, cung kính bày tỏ phước sự vút lên không trung đến mọi nơi, đang lúc dâng hương tiến hành cầu nguyện tất cả đạo tục dựa theo kinh Hoa Nghiêm cùng nói lên bài kệ rằng:

Hương giới định hương giải thoát chí thành,
Kết thành vầng mây sáng ngời khắp thế giới,
Cúng dường vô lượng chư Phật trong mười phương,
Xông ngát khắp nơi thấy nghe chứng tịch diệt.

Còn trong kinh Tam Thiên oai Nghi nói: "Ngồi tiếp nhận hương cũng được, bởi vì người nữ đi thắp hương, sợ rằng xúc chạm không nhiễm trước, cho nên phương tiện ngồi mà tiếp nhận. Nếu sợ rằng chê bai ngạo mạn thì khiến từ xa đặt xuống cũng được, người nam đi thắp

hương người nữ tiếp nhận hương vượt lên trước chính là vậy".

Thuật rằng: Nếu có được cơm ăn áo mặc thì không lựa chọn xấu tốt ngon dở, chỉ cần duy trì giúp cho thân mạng khiến có thể tu đạo, thì hợp với ý Phật. Như xe lăn bánh cần có dầu mỡ đâu chọn lựa sự hoàn mỹ tuyệt vời, chỉ khiến cho vận chuyển đến được xứ sở phía trước, chính lá điều tốt đẹp. Vì vậy trong kinh Tạp Bảo Tạng, ĐứcThế tôn thuyết kệ rằng:

"Thân mạng này giống như cỗ xe,
Tốt xấu không có gì chọn lựa,
Dầu thơm cùng với mỡ hôi hám,
Cũng giống như điều hòa thuận lợi".

Lại trong Trí Độ Luận nói: Ăn để hành đạo, không vì lợi ích cho thân, giống như cỏ nuôi ngựa nuôi heo không khác. Nếu lúc mới có được thức ăn, trước tiên dâng cúng Tam Bảo sau đó bố thí Tứ Sanh. Cho nên Kệ trong Hoa Nghiêm nói:

Nếu lúc có được thức ăn,
Nên nguyện cầu cho chúng sanh
Suốt đời vì pháp cúng dường,
Chí hướng quay về Phật đạo.

Còn trong kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: "Nếu tự mình làm ra y phục bình bát và đồ dùng, trước hết dâng lên Đức Phật, và để cho cha mẹ-thầy dạy-Hòa thượng cùng có được sử dụng đầu tiên, sau đó tự mình sẽ sử dụng. Nếu như dâng lên Đức Phật, thì dùng hương hoa chuộc lại. Tất cả những thức ăn có được cần phải trước tiên bố thí cho Sa-môn phạm chí, sau đó tự mình hãy ăn. Đang lúc đưa thức ăn vào lại cần phải dấy lên ý niệm: Lúc bắt đầu đưa vào thìa cơm thứ nhất, nguyện đoạn hết tất cả điều ác, lúc đưa vào thìa cơm thứ hai, nguyện tu hết tất cả điều thiện, lúc đưa vào thìa cơm thứ ba, nguyện thiện căn đã tu tập hồi hướng giúp cho chúng sanh khắp nơi cùng nhau thành Phật. Nếu không có thể luôn luôn dấy lên ý niệm, đến lúc sắp ăn dấy lên một ý niệm tổng quát cũng được"

Vì vậy trong Ma Đức Lặc Già Luận nói: "Nếu lúc có được thức ăn thì luôn luôn dấy lên ý niệm, lúc có được áo mặc thì thường thường dấy lên ý niệm, lúc đi vào phòng ốc thì tâm tư dấy lên ý niệm. Nếu là người độn căn thì dấy lên một ý niệm tổng quát".

Do đó kinh Hoa Nghiêm quyển thứ 6 nói: "Bồ tát có một trăm bốn mươi nguyện, tất cả những việc làm đều tụng kệ niệm. Như vậy khi ăn không có phiền não, lợi ích cho chúng sanh-tốt lành cho mọi vật".

Trong Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: “Cao nhất trong bố thí không gì hơn pháp thí, cao nhất trong hành nghiệp không gì hơn pháp nghiệp, cao nhất trong ân huệ không gì hơn pháp ân. Nếu ăn no quá mức thì hơi thở gấp gáp, huyết mạch toàn thân không thông suốt, khiến cho tâm bị lấp kín ngồi nằm không yên lành. Nếu giới hạn ăn phần ít thì thân thể gầy gò tâm tư lơ lửng ý suy nghĩ không kiên quyết”. Vì vậy trong kinh Tăng Nhất A-hàm kệ rằng:

Ăn nhiều khiến cho phải khổ sở,
Ăn ít thì sức lực suy yếu
Sinh hoạt thích hợp với ăn uống,
Như cân không bên nào cao thấp.

Trong kinh Tát Già Ni Kiền Tử có kệ rằng:

Người ăn uống quá mức bình thường,
Thân nặng nề quả thật lười nhác.
Đời sống hiện tại và vị lai,
Đối với thân mất nhiều lợi ích
Giấc ngủ tự chịu đựng khổ sở,
Cũng làm cho người khác phiền muộn
Mê man trằn trọc khó tỉnh ngủ,
Nên ăn uống theo mức thích hợp

Thuật rằng: Sở dĩ người xuất gia vào lúc sắp ăn trước tiên rửa tay sạch sẽ nhận từ người khác, là bởi vì xuất gia cao thượng tốt đẹp không giống như phàm phu tục tử, cho nên cần phải tiếp nhận rồi mới ăn. Vì vậy trong Tát Bà Đa Luận nói: “Tỳ kheo tiếp nhận thức ăn gồm có năm ý: Một là bởi vì đoạn trừ nhân duyên trộm cắp (Tự lấy mà ăn cũng giống như tướng trộm cắp); hai là bởi vì làm người chúng minh (nếu có mất mát không liên quan đến Tỳ kheo); ba là bởi vì chấm dứt sự phỉ báng (xuất gia tự lấy không phải là cao thượng tốt đẹp); bốn là bởi vì thành tựu hạnh thiểu dục tri túc (nếu như lúc ấy không tiếp nhận thì không giống như thường ngày tiết kiệm); năm là bởi vì làm cho người khác sinh tâm tín kính (Thấy tiếp nhận mà ăn nên ngoại đạo có lòng tin). Như xưa kia có một Tỳ kheo, cùng với ngoại đạo đi lại cư trú dưới một tán cây, trên cây có quả, giờ ăn sắp đến, ngoại đạo nói với Tỳ kheo rằng: Leo lên cây trái quả! Tỳ kheo nói: Trong giới pháp của tôi là người đi qua tán cây không nên leo lên trên cây. Lại nói với Tỳ kheo rằng: sao không rung cây để lấy quả? Tỳ kheo nói: Trong giới pháp của tôi không được tự mình rung cây làm rụng quả. Ngoại đạo nghe rồi tự mình leo lên cây hái quả, ném xuống đất cho Tỳ kheo, nói với Tỳ kheo

rằng: Lấy quả mà ăn đi! Tỳ kheo nói: Trong giới pháp của tôi không được không trao cho mà ăn. Ngoại đạo trụt xuống cây lấy quả trao cho Tỳ kheo. Ngoại đạo đã thấy đối với một quả trên cây như vậy mà còn có pháp sử dụng như vậy, huống là pháp xuất thế ư? Ngoại đạo liền sanh tâm tín kính, biết rõ Phật pháp thanh tịnh chứ không giống như ngoại đạo, thế là lập tức đi theo Tỳ kheo, ở trong Phật pháp xuất gia tu đạo, sau đó đạt được lậu tận thông".

Lại trong kinh Xá-lợi-phất Vấn nói: "Đức Phật dạy: Ngoại đạo Phạm chí hãy còn biết tiếp nhận rồi mới được ăn, huống hồ đệ tử của Ta mà không thể tiếp nhận rồi mới ăn hay sao? Nhưng tất cả các vật không được không tiếp nhận, chỉ trừ ra vật rất quý báu và bố thí người nữ. Nếu như làm đúng pháp thì hãy còn thuận theo trao cho áo mặc trên thân thể. Nếu như tiếp nhận cất giữ đồ dùng vàng bạc thì phải thực hành bố thí".

Lại trong Thập Tụng Luật nói: "Trong nước Xá vệ có Tỳ kheo Ma ha Ca la tiếp nhận tất cả cơm áo thiu thối rách nát (phấn tảo). Cơm áo nơi có người chết, đều lấy mang đến trong dòng nước, rửa sạch sẽ rồi không tiếp nhận thì ăn, thường sống ở nơi mồ mả người chết, lúc có dịch bệnh không đi vào thành, người lúc ấy đều gọi là ăn thịt người chết, tiếng xấu truyền đi khắp nơi. Các Tỳ kheo thưa với Đức Phật, Đức Phật lập tức tập trung Tỳ kheo tăng chế định rằng: Từ nay các Tỳ kheo không tiếp nhận thức ăn mà đưa vào trong miệng thì phạm vào lỗi lầm".

Lại trong kinh Đại Phương Đẳng Đà La Ni nói: "lại vào lúc tiếp nhận thức ăn thì không được nhìn sắc diện của phụ nữ, nhưng tự mình nghĩ rằng: Mũi tên độc trong tâm mình nên làm sao nhổ được, vì vậy nhìn sắc diện của phụ nữ làm gì? Mình từ vô thỉ đời kiếp đến nay bởi vì sắc diện của phụ nữ mà rơi vào ba đường khổ, không có hạn kỳ thoát ra được. Quan xét các trần cảnh cũng nên như vậy, các đệ tử của ta không nên vướng mắc vào đây, các loại giặc như vậy làm mất đi công đức thiện căn của người".

Thuật rằng: Tất cả chúng Tăng cùng ăn cần phải bình đẳng không hỏi gì đến phàm Thánh, trên dưới đều như nhau. Vì thế trong Tăng Kỳ Luật nói: Nếu đàn việt làm nhiều thức ăn cho hàng Thượng tọa nên hỏi: Tất cả chúng Tăng đều có được như vậy hay không? Đáp rằng chỉ có Thượng tọa mới được như vậy thôi. Cần phải nói là phần cho tất cả bình đẳng. Nếu nói tất cả đều được thì đồng ý tiếp nhận, pháp của tăng thì hàng Thượng tọa không được hễ ngồi xuống thì ăn, mà cần phải đi khắp nơi nói to là cúng dường bình đẳng rồi sau đó mới có thể ăn. Pháp

của hàng Thượng tọa nên ăn từ từ, không được ăn nhanh xong rồi đi ra trước, mà cần phải đợi đem nước đến tùy thuận chú nguyện rồi sau đó mới đi ra”.

Lại trong kinh Xứ Xứ nói: “Đức Phật dạy: Sau giờ Ngọ không ăn có được năm phước, đó là : 1- Ít dâm dục; 2- Ít nằm ngủ, 3- Được nhất tâm, 4- Không có điều bất lợi, 5- Thân được ăn lành, cũng không gây ra bệnh hoạn. Vì vậy Sa môn biết phước thiện nên không ăn”.

Thuật rằng: Nếu đối với ăn uống luôn luôn tham đắm thì tăng thêm phiền não, lập tức cần phải quán xét chán ngán dấy lên ý tưởng bất tịnh. Cho nên Trí Độ Luận nói: “Nói đến ý tưởng chán ngán ăn uống, nên quán xét thức ăn này từ bất tịnh sanh ra, như thịt từ tinh huyết nơi đường tiểu tiện sanh ra, đây là nơi ở của dòi bọ máu mủ, như bơ sữa từ máu biến đổi mà thành, cùng với bọc mủ chín sữa không khác, người nấu bếp tay chân đầy các loại bất tịnh ô uế. Nếu đưa vào trong miệng thì có tinh túy nát nhừ chảy dài theo hai đường chảy xuống cùng với nước bọt hòa lại sau đó mới thành mùi vị. Trạng thái đó giống như nôn ra từ bụng theo miệng đi vào, đất duy trì-nước chảy ra-gió lay động-lửa chưng nấu, như nồi cháo chín, căn bẩn chìm xuống dưới, nước trong nằm ở trên, ví như ủ rượu, cặn bẩn là phân, phần lắng trong là nước tiểu. Lại có ba lỗ, gió thổi vào thì chất lỏng nhầy nhụa tản vào trong huyết mạch, cùng với máu có từ trước hòa hợp ngưng tụ lại biến thành thịt. Từ thịt mới bắt đầu sinh ra mỡ, tủy xương từ trong này sinh ra. Thân căn từ thịt mới cũ hợp lại sinh ra năm căn. Từ năm căn này sinh ra năm thức, năm thức lần lượt sinh ra ý thức, phân biệt dẫn đến tướng tính toán tùy theo xấu đẹp, sau đó sinh ra tâm Ngã-Ngã sở cùng các phiền não và các tội lỗi nghiệp nhân. Vả lại tư suy rằng thức ăn này làm ra bằng công sức rất sâu nặng, tính ra trong môt bát cơm, mồ hôi người làm đổ ra, tập hợp lại mà lường tính, thì thức ăn ít mà mồ hôi nhiều, thức ăn này vất vả cực nhọc như vậy, đưa vào trong miệng thì trở thành vật bất tịnh, trong một đêm biến thành cặn bả rác rưởi, trước đây là mùi vị thơm ngon, giờ tệ hại không muốn nhìn. Hành giả tự mình suy nghĩ, ăn uống tệ hại như vậy, nếu như mình tham đắm, sẽ rơi vào ba đường khổ đau vô cùng. Quán xét ăn uống như vậy sẽ chán ngán năm dục, ví như có một Bà-la-môn tu pháp thanh tịnh, vì có duyên sự cho nên đi đến xứ bất tịnh, tự nghĩ rằng mình phải làm thế nào để có thể tránh khỏi điều bất tịnh, chỉ nên ăn thực phẩm khô thì có thể thanh tịnh được. Thấy một bà cụ bán bánh Bạch Tủy, bèn nói lời rằng: Tôi có nhân duyên ở lại nơi này một trăm ngày, thường ngày làm bánh đưa đến giá cả bao nhiêu

sẽ trả cho bà. Bà cụ ngày ngày làm bánh đưa đến, Bà-la-môn tham đắm ăn no rất hoan hỷ. Bà cụ làm bánh bán ban đầu rất sạch sẽ, về sau chuyển sang không có màu sắc không có mùi vị, liền hỏi bà cụ, vì cớ gì như vậy? Bà cụ nói: Bởi vì vết lở của ung nhọt đã lành. Bà-la-môn hỏi: Đây gọi là cái gì vậy? Bà cụ nói: Phu nhân đại gia của tôi có ung nhọt phát ra nên ở nơi kín đáo, dùng bột và sữa nhào với nhau, ung nhọt chín tới nên mủ chảy ra hòa lại với sữa làm thành bánh, ngày ngày như vậy, lấy bánh này đưa đến cho ông, vì vậy bánh có mùi vị thơm ngon, nay phu nhân đã lành ung nhọt, tôi phải làm sao mới được như trước? Bà-la-môn nghe nói, nắm chặt hai tay đánh đầu đấm ngực làm cho nên mửa ra hết, than vãn rằng: Tôi đang làm gì mà phá bỏ pháp thanh tịnh này tôi hủy hoại tất cả rồi! Thế là vất bỏ duyên sự lập tức quay về nước mình. Hành giả cũng như vậy, đắm say trong sự ăn uống này, hoan hỷ thích ăn không quán xét bất tịnh, về sau nhận chịu khổ báo hối hận cũng đã muộn rồi!"

***Thứ bảy*- PHẦN THỰC HẤT**

Như trong Ba Ly Luận nói: "Tăng ni xuất gia và hàng cư sĩ tại gia thọ trai xong, không dùng xà phòng và Mạt Cự Ma... để rửa tay súc miệng, đều không thành tựu trai giới. Như quá khứ có Tỳ kheo tên gọi Liên Đề, 60 năm thì trai giới không thiếu sót, chỉ một ngày ăn xong dùng Cự Ma-bột đậu thì đều thành tựu trai giới nếu không như vậy thì đều không thành trai giới". (Kinh này không có đề mục, trích từ điểm quan trọng của luật nghi nói Cự Ma ấy tức là phân trâu vậy. Nếu như dựa vào kinh này, lẽ nào dùng phân trâu làm sạch miệng hay sao? Dựa theo Da Xá Pháp Sư Truyện Ký nói: "Người thế gian và các ngoại đạo ở phương Tây, tôn thờ kính trọng Phạm Thiên và các loài trâu bò, bởi vì hai điều này có năng lực sinh ra vạn vật để nuôi dưỡng nhân dân thế gian, cho nên lấy phân trâu để làm sạch đạo tràng". Đức Phật thuận theo pháp thế gian cũng lấy làm sạch, nhưng không dùng làm sạch miệng đâu). Nếu dựa theo Tứ Phần Luật..., thì chỉ giữ gìn bốn loại oai nghi là đi đứng ngồi nằm và ăn năm loại thức ăn chính đáng, bốn tướng không sai trái thì thành tựu cách thức thọ trai, không bàn đến xà phòng làm sạch miệng mới thành tựu trai giới. Thời tiết nếu quá giờ giấc-oai nghi nếu có sai sót, cho dù có dùng hương liệu thượng hạng để rửa ráy cũng không thành tựu trai giới. Còn Thiện Kiến Luận nói: "Thọ trai rồi nhổ thức ăn chưa ra khỏi cổ họng mà nuốt vào lại cổ họng thì không phạm, nếu ra rồi nuốt vào lại cổ họng thì phạm tội". Còn Tăng Kỳ Luật

nói: "Ăn xong rồi nếu khát, Đức Phật khiến lấy tất cả các loại đậu mè thóc lúa nấu không nát nhừ thì Phi thời lấy nước đó uống được. Nếu như bơ dầu mật và thạch mật cùng các loại nước quả chưa chín, cần thiết lấy nước sạch uống được không phạm. Nếu nước còn thừa lại dưới đáy đồ dùng bị mưa rửa sạch, cũng gọi là nước sạch". Trong Thiện Kiến Luận nói: "Nước quả Xá Lâu Già lắng trong chất lỏng làm cho trong suốt thì Phi thời uống được". Trong Ma Đắc Lặc Già Luận nói: "Nước đường hòa tan cũng được uống Phi thời". Trong Tăng Kỳ Luật nói: "Con người có bốn trăm lẻ bốn bệnh. Phong đại có một trăm lẻ một bệnh dùng dầu mỡ để chữa trị, Hỏa đại có một trăm lẻ một bệnh nóng sốt dùng bơ để chữa trị, Thủy đại có một trăm lẻ một bệnh dùng mật để chữa trị, bệnh lẫn tạp có một trăm lẻ một bệnh tùy theo dùng ba loại thuốc nói trên để chữa trị". Trong thập Tụng Luật nói: "Thạch Mật Phi thời không được nhất định phải ăn. Có năm loại người được ăn Phi thời, đó là người đi xa-người bệnh-người không có thức ăn-người ăn ít, nếu làm thành nước thì hòa với nước uống được". Trong Ngũ Phần Luật nói: "Tùy theo hai thời đói khát thì uống được". Do đó biết rằng không bệnh hoạn gì mà Phi thời cho dù là thạch mật-bơ dầu...cũng không được ăn. Trong Tăng Kỳ Luật nói: "hạt hồ tiêu-tất bát-củ gừng-quả ha lê lặc..., đây là những vị thuốc quy định thời gian để ăn và có thể tùy ý uống Phi thời". Còn trong Tứ Phần Luật nói: "tất cả các loại đắng cay mặn ngọt..., không thể tùy ý làm thức ăn, tùy theo làm thuốc uống Phi thời suốt đời". Trong Thiện Kiến Luận nói: "Tất cả cây cối và hoa quả gốc rễ cành lá..., không thể tùy ý làm thức ăn, cũng được làm thuốc uống suốt đời".

Thuật rằng: Ví như thấy mọi người ăn vào giờ ăn không hợp với thời gian quy định điều ấy là như thế nào? Nghĩa là vùng biên giới có những đạo tục, nghe luật có phương tiện cho phép hoa quả và các loại nước ép đậm đặc, thì ăn mứt táo khô hoặc là lê xanh-bồ đào-thạch lựu, không giã lấy nước uống, mà ăn cả trái; tuy là có giã lấy nước, mà không gạn lọc làm cho trong, lấy nước đậm đặc lẫn lộn, và xác giã nhỏ mà ăn. Hoặc có người nghe cho phép ăn nước quả Xá lâu già vì mắc bệnh sốt cao liền lấy ngó sen sống và gốc mà ăn sống. Hoặc có người lấy nước cơm lắng trong mà uống. Hoặc là thân không đói khát mà Phi thời ăn các loại bơ dầu mật và thạch mật. Hoặc dùng hạnh nhân nấu làm cháo đặc. Như vậy người lạm dụng không phải là ít, không thể kể hết được. Nếu dựa theo Thập Tụng, thì không phải năm loại người như người đi xa... đã nói ở trước nhất định là không được ăn, ăn thì phá trai. Thấy số người phạm rất nhiều, cho nên đặc biệt đưa ra giải thích như vậy.

***Thứ tám*- PHẦN CHÚ NGUYỆN**

Như kinh Phật Bổn Hạnh nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế tôn vào sáng sớm mỗi ngày, khoác y ôm bát, các Tỳ kheo tăng vây tròn cung quanh, Đức Phật là người đứng đầu mọi người đi đến trong cung Du Đầu Đàn Vương. Đến rồi an tọa ở nơi chỗ ngồi dành cho Đức Phật, các Tỳ kheo tăng đều theo thứ tự như pháp mà ngồi. Bấy giờ Du Đầu Đàn Vương, theo Đức Phật làm đầu tiên, các Tỳ kheo tăng lần lượt ngồi xong, nhà vua tự tay mình bưng các loại đồ ăn thức uống vi diệu đi khắp tất cả số tăng trong đó. Vào lúc ăn xong Đức Thế tôn giáo hóa Du Đầu Đàn Vương, khiến cho nhà vua hiểu rõ sanh tâm hoan hỷ rồi, từ chỗ ngồi đứng lên quay trở về trú xứ của mình".

Còn trong Thập Tụng Luật nói: "Có Tỳ kheo nhận lời người khác mời dùng cơm lặng lẽ đi vào lặng lẽ rời xa. Các cư sĩ trách mắng rằng: Chúng tôi không biết thức ăn ngon hay không ngon? Các Tỳ kheo thưa với Đức Phật, Đức Phật dạy: Từ nay vào lúc ăn nên khen ngợi chú nguyện cho thí chủ! Thưa rằng không biết người nào làm? Đức Phật dạy: Thượng tọa làm. Nếu thượng tọa không có năng lực, thì người tiếp theo hễ ai có năng lực nên làm". Vì vậy trong Tăng Kỳ Luật nói: "Thượng tọa cần phải biết, người trước làm điều bố thí như thế nào, nên hợp thời chú nguyện cho họ. Nếu như làm phước giúp cho người quá cố, thì nên chú nguyện như vậy:

Tất cả các chủng loại chúng sanh,
Có thân mạng đều cứ phải chết,
Tùy theo hành nghiệp thiện ác đó,
Tự nhận chịu quả báo của mình,
Làm điều ác rơi vào địa ngục,
Người làm thiện sanh đến cõi Trời
Thiện có thể tu tâm hành đạo,
Phiền não hết đạt đến Niết-bàn
Nếu như sanh con thiết lễ cầu phước,
Thì nên chú nguyện như vậy
Trẻ thơ thành tâm quy y Phật,
Quy y Như Lai Tỳ-bà-thi
Như Lai Thi Khí-Tỳ Diệp Bà,
Như Lai Câu Lâu-Câu Na-hàm
Như Lai Ca-diếp và Thích Ca,
Các bậc đại Thánh Tôn bảy đời
Ví như cha mẹ của con người,
Thương yêu nghĩ đến con cái mình

Tất cả niềm vui của thế gian,
Thảy đều mong muốn khiến đạt được,
Khiến cho con cái được phước thiện,
Lại tốt bội phần hơn phước kia
Mọi nhà trong họ hàng quyến thuộc,
Được vui sướng cũng không cùng tận
Nếu như vào nhà mới thiết lễ cúng dường,
Thì nên chú nguyện như vậy:
Nhà cửa làm nơi tỏa bóng mát,
Những mong muốn tùy ý đạt được
Chúng Hiền Thánh phù hộ tốt lành,
Trong trú xứ có được để dùng
Thế gian có người thật thông tuệ,
Mới biết ở tại trú xứ này
Thỉnh cầu người trì giới phạm hạnh,
Tu phước cúng dường thức ăn uống,
Nhờ miệng chúng Tăng cùng chú nguyện,
Thần trong môn hộ thường hoan hỷ,
Thiện tâm phát sinh luôn canh giữ,
Đêm dài hướng về trong trú sở
Nếu như đi vào trong thôn xóm,
Và những nơi đồng rộng mênh mông
Hoặc là ban ngày hoặc ban đêm,
Thiên thần thường đi theo bảo vệ
Nếu như đoán là khách bạn
Sắp lên đường thiết lễ cầu phước,
Thì nên chú nguyện như vậy
Đi khắp các phương đều an ổn,
Chư thiên ứng hiện điềm tốt đẹp
Nghe rồi tâm tư thật hoan hỷ,
Những ước mong thảy đều đạt được
Người đi đôi chân luôn yên ổn,
Loài vật bốn chân cũng bình yên
Lúc đi xa luôn được yên ổn,
Lúc đến nơi cũng được bình yên
Đêm bình an ngày cũng bình an,
Chư Thiên thường bảo vệ giúp đỡ
Bạn bè đều là người hiền thiện,

Tất cả cầu mong được bình an
Khỏe mạnh tài đức khéo tốt lành,
Tay chân đều không còn bênh tật
Trong ngoài và khắp nơi thân thể,
Không có nơi nào sanh bệnh khổ
Nếu như có điều gì mong muốn,
Đi xa ý nguyện được thỏa lòng
Nếu như vì cưới vợ mà cúng dường,
Thì nên chú nguyện như vậy
Người nữ tinh thành tin trì giới,
Người chồng nguyện cầu cũng như vậy
Bởi vì vốn có tâm tín kính,
Luôn luôn thực hành tu bố thí
Cả hai vợ chồng cùng trì giới,
Tu tập thực hành theo chánh kiến
Vui vẻ cùng nhau làm phước thiện,
Chư thiên luôn đi theo bảo vệ
Quả báo của những thiện nghiệp này,
Như đi đường không mang lương thực
Nếu như vì người xuất gia mà bố thí,
Thì nên chú nguyện như vậy
Ôm bát xin ăn khắp mọi nhà,
Gặp điều buồn hay gặp điều vui
Mong giữ gìn tâm ý thích hợp,
Bố thí xuất gia thật là khó.

Vì vậy trong Ngũ Phần Luật nói: "Thượng tọa trong khi thọ trai tùy theo sự việc trước mắt mình mà chú nguyện cho đàn việt, thì thức ăn cúng dường được cảm báo đầy đủ".

Còn trong kinh Tăng Nhất A-hàm nói: "Đức Thế tôn vì người nữ cúng dường khu vườn mà chú nguyện rằng:

Cúng dường vườn quả ngọt trong lành,
Làm chiếc cầu nhân dân vượt qua
Gần đường đi làm nhà vệ sinh,
Nhân dân được dừng nghỉ hợp thời
Ngày đêm luôn luôn được an lành,
Phước thiện ấy không thể tính được
Giữ gìn giới pháp được thành tựu,
Lìa trần nhất định sanh cõi Trời.

***Thứ chín-* PHẦN THÍ PHƯỚC**

Như Kinh bách Duyên nói: “Thời Đức Phật tại thế, trong thành Vương-xá có một vị Trưởng giả, tiền bạc chân báu vô lượng không thể tính đếm được. Người vợ Trưởng giả sanh một bé gái trong chốc lát có thể nói năng, trong nhà tự nhiên đồ ăn thức uống đủ mùi vị thảy đều có đủ. Lúc ấy cha mẹ thấy sự việc như vậy, nói là quỷ Tỳ-xá-xà chứ không phải là người, sợ hãi không dám đến gần. Lúc ấy bé gái kia thấy cha mẹ sợ hãi, bèn chấp tay hướng về người mẹ mà nói kệ rằng:

Mong mẹ lắng nghe lời con nói,
Nay con đang nói đúng như thật
Thật không phải quỷ Tỳ-xá-xà,
Và không phải các loài quỷ khác
Con nay thật sự là loài người,
Hành tướng nghiệp duyên đi theo nhau
Bởi vì nhân duyên của thiện nghiệp,
Nay đạt được báo ứng như vậy.

Lúc bấy giờ cha mẹ nghe bé gái nói kệ, vui mừng không sao kể xiết, lao về phía trước ôm lấy con cho bú thật hạnh phúc, nhân đó đặt tên cho con, gọi là Thiện Ái. Lúc bé gái kia thấy mẹ hoan hỷ bèn chấp tay thưa với mẹ rằng: Thỉnh Đức Phật và Tỳ kheo tăng giúp con! Cha mẹ lập tức thỉnh cầu cho con, đồ ăn thức uống diệu kỳ thảy đều đầy đủ, liền ở trước Đức Phật khao khát và mong được nghe pháp. Đức Phật liền thuyết pháp cho nghe và đạt đến quả Tu-đà-hoàn, sau đó cầu xin xuất gia, Đức Phật bảo rằng: Hãy cố gắng nhé Tỳ kheo ni! Tức thì mái tóc tự nhiên rụng hết, pháp phục mang trên thân trở thành Tỳ kheo ni, tinh cần tu tập đạt được quả vị A-la-hán, chư Thiên và người thế gian trông thấy đều tôn kính ngưỡng mộ. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn dẫn một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ kheo, đi đến nước khác, đến giữa cánh đồng bát ngát, giờ ăn đã đến. Ngài bảo với Ni Thiện Ái rằng: Bây giờ con có thể thiết bày đồ ăn thức uống cúng dường Phật và chúng Tăng. Thiện Ái liền lấy bình bát của Phật tung lên giữa hư không, trăm vị đồ ăn thức uống tự nhiên đầy đủ. Như vậy lần lượt lấy bình bát của một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ kheo, cơm và thức ăn cũng đều đầy đủ làm cho mọi người rất hoan hỷ. A-nan trông thấy rồi ca ngợi là chưa từng có, thỉnh cầu Đức Phật thuyết về nhân duyên xưa kia. Đức Phật bảo với A-nan: Trong Hiền kiếp này, có Đức Phật xuất thế danh hiệu là Ca-diếp, khoác y ôm bát dẫn các Tỳ kheo đi vào thành khất thực, sau đó đến nhà của Đại Trưởng giả. Trong nhà Trưởng giả chuẩn bị các thứ đồ ăn thức

uống sắp mời khách bạn, khách bạn chưa đến thì lát sau có một cô giúp việc, thấy Phật và tăng đang đứng khất thực ở ngoài cổng, không thưa với Trưởng giả mà lấy tất cả đồ ăn thức uống mang bố thí cho Phật và chúng Tăng. Sau đó khách bạn đến ngồi đầy đủ, Trưởng giả bảo người giúp việc ấy rằng: Sắp xếp bưng dọn thức ăn đến! Cô giúp việc đáp rằng: Thưa ông, hôm nay có Phật và tăng đang đứng khất thực ở ngoài cổng nhà mình, con mang thức ăn này dùng để bố thí hết rồi. Trưởng giả nghe rồi rất là hoan hỷ liền nói với người giúp việc rằng: Chúng ta hôm nay gặp được phước điền như vậy, cô có thể mang thức ăn cơm nước này để bố thí, vui sướng không thể nói được, nay ta cho cô được mong cầu tùy theo ý muốn. Cô giúp việc đáp rằng: Thưa ông, nếu như được cho phép mong cầu thì chỉ mong một lần nghe về đạo pháp! Trưởng giả lập tức đồng ý. Người giúp việc làm một Tỳ kheo ni, trong một vạn năm tinh chuyên chăm chỉ không thay đổi, đến lúc mạng chung không rơi vào đường ác, sanh lên cõi Trời hay giữa loài người có cảm báo đồ ăn thức uống trăm vị thuận theo ý niệm liền hiện ra, nay được gặp Ta cầu xin xuất gia đắc đạo. Các Tỳ kheo nghe xong vô cùng hoan hỷ vâng mạng thực hành”.

Lại trong kinh Bách Duyên nói: “Đức Phật an trú trong Tinh xá Kỳ hoàn thuộc vườn cây Kỳ đà-Cấp Cô Độc ở nước Xá Vệ, lúc ấy an cư mùa hạ đã xong, Ngài dẫn các Tỳ kheo sắp đi qua nước khác. Bấy giờ vua Tần Bà Sa La dẫn các quần thần đi ra ngoài thành nhìn từ xa cầu mong Như Lai đến tiếp nhận sự cúng dường của mình. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn từ xa biết ý nhà vua phát sanh niềm khát khao ngưỡng mộ sâu sắc, ngài và Tỳ kheo Tăng từng bước sắp di qua. Đến nươc Ma kiệt đề gặp những bầy chim, trong đó có con chim Anh Vũ chúa từ xa trông thấy Đức Phật đi đến nên bay vút lên giữa hư không đón đường cung kính nghênh tiếp, chỉ nguyện Đức Thế tôn và Tỳ kheo Tăng, xót thương mà nhận lời thỉnh cầu đến trong khu rừng của con ở lại một đêm. Đức Phật liền đồng ý như vậy. Lúc ấy chim Anh Vũ chúa biết Đức Phật đồng ý rồi, liền quay trở về khu rừng của mình, truyền cho các chim anh vũ, tất cả đều đến nghinh đón tôn kính. Bấy giờ Đức Thế tôn dẫn các Tỳ kheo, đến khu rừng của chim Anh Vũ, tất cả trải tọa cụ ở dưới tán cây, ngồi thiền định tư duy. Lúc ấy chim Anh Vũ chúa thấy Phật và Tỳ kheo ngồi yên lặng không một tiếng động, trong lòng rất vui sướng, suốt đêm bay vòng quanh Đức Phật và Tỳ kheo tăng, quay nhìn bốn phía không có các loài sư tử hổ lang cầm thú và bọn giặc cướp xúc chạm làm phiền Đức Thế tôn và các Tỳ kheo Tăng. Đến sáng sớm Trời trong Đức Thế

tôn tiếp tục lên đường, chim Anh Vũ hoan hỷ dẫn đường ở phía trước, hướng về thành Vương-xá, thưa với vua Tần-bà-sa-la rằng: Đức Thế tôn nay đang dẫn các Tỳ kheo đi đến rất gần, chỉ mong Đại vương, sắp xếp thiết bày các thứ đồ ăn thức uống mà đón đường nghênh tiếp cung kính. Lúc ấy nhà vua nghe nói xong, truyền cho mọi người thiết bày đồ ăn thức uống quân lính cầm cờ phướn hương hoa tấu lên tiếng nhạc, nhà vua dẫn các quần thần đón đường nghênh tiếp cung kính. Lúc ấy chim Anh Vũ chúa vào giữa đêm đó liền mạng chung sanh lên cõi Trời Đao lợi, bỗng nhiên lớn lên như đứa trẻ, nhân đó dấy lên nghĩ rằng: Mình làm phước thiện gì mà sanh đến cõi Trời này? Vẫn tự mình quán sát biết là do từ chim Anh Vũ thỉnh cầu Đức Phật dừng lại nghỉ chân một đêm cho nên được đến đầu thai nơi này, nay mình nên trở về báo đáp ân đức của Thế tôn. Thế là đầu đội mũ cõi Trời, mang các chuỗi anh lạc, trang nghiêm thân tướng, tay ôm hương hoa mà cúng dường Đức Phật, xong rồi lùi lại ngồi về một bên. Đức Phật liền thuyết cho nghe về pháp Tứ đế, tâm ý hiểu thông suốt đạt đến quả Tu-đà-hoàn, đi quanh Đức Phật ba vòng rồi quay trở về cõi Trời. Lúc ấy các Tỳ kheo thưa với Đức Phật rằng: Nay vị Trời này vốn có tạo nghiệp gì mà sanh trong loài chim Anh Vũ, lại tu phước gì mà được sanh lên cõi Trời, đến cúng dường Đức Phật nghe pháp đạt được quả vị như vậy? Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các Tỳ kheo: Trong Hiền kiếp này ở nước Ba-la-nại có Đức Phật xuất thế danh hiệu là Ca-diếp, ở trong giáo pháp của Ngài có một Trưởng giả, thọ trì năm giới, bởi vì ở trong một lúc hủy phạm một giới, cho nên sanh trong loài chim Anh Vũ, bốn giới còn lại hoàn toàn nghiêm túc, do đó nay được gặp ta xuất gia đắc đạo. Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Cần phải biết rằng Ưu Bà tắc lúc ấy, nay chính là Chim Anh Vũ. Các Tỳ kheo nghe lời Đức Phật đã thuyết đều hoan hỷ vâng mạng thực hành".

Còn trong kinh Phú Pháp Tạng nói: "chín mươi mốt kiếp quá khứ xa xưa, sau khi Đức Phật Tỳ-bà-thi nhập Niết-bàn, có một Tỳ kheo mắc bệnh đau đầu, Bạc-câu-la lúc bấy giờ làm một người nghèo, thấy Tỳ kheo bị bệnh liền mang đến một trái Ha lê Lặc cúng dường vị thuốc cho nên trong chín mươi mốt kiếp sanh trên cõi Trời và giữa cõi người nhận được phước báo vui sướng không hề có bệnh tật, kiếp cuối cùng sanh vào một gia đình Bà-la-môn, mẹ đã mất sớm, cha lại cưới vợ khác, Bạc-câu-la tuổi nhỏ, thấy mẹ kế làm bánh nên đi theo mẹ tìm bánh. Người mẹ kế ganh ghét, liền tóm Bạc-câu-la ném vào trong chảo rán bánh, chảo rán tuy đun nóng nhưng không thể nào đốt cháy làm hại được. Người cha từ bên ngoài đi vào thấy Bạc-câu-la ở trong chảo nóng,

vội vàng ẵm con ra. Người mẹ kế sau đó nấu thịt trong nồi, lúc ấy Bạc-câu-la đi theo mẹ đòi thịt, mẹ kế càng giận dữ liền tóm lấy ném vào trong nồi nước sôi, nước sôi cũng không đun nhừ được, người cha tìm con không thấy, bèn cất tiếng gọi con, Bạc-câu-la nghe tiếng cha gọi từ trong nồi mà đáp lại, cha lại vội vàng bế ra vẫn bình phục như cũ. Mẹ kế bắt Bạc-câu-la đi về phía dòng sông, mẹ kế điên tiết mà cất tiếng nói rằng: Vật này mà điềm quỷ yêu quái gì, cho dù lửa cháy nước sôi cũng không có thể làm cho biết được? Liền tóm lấy ném vào dòng sông, gặp một con cá lớn liền lập tức nuốt vào bụng làm thức ăn. Nhờ vào phước duyên cho nên vẫn yên lành không chết. Có người giỏi đánh bắt cá bắt được con cá này, mang đến chợ bán, đòi giá đã nhiều nên không có người nào mua, đến chiều tối sắp ươn thối cha của Bạc-câu-la trông thấy liền thuận ý mua về, mang trở về đến nhà, lấy dao mổ bụng cá, đứa trẻ trong bụng cá cao giọng nói to rằng: mong cha làm chầm chậm đừng làm cho con bị tổn thương. Người cha phanh bụng cá ôm con mà đưa ra ngoài. Tuổi dần khôn lớn cầu Phật xuất gia đạt được quả vị A-la-hán. Từ lúc sanh ra cho đến già nua 160 tuổi mà chưa có bệnh tật gì, thậm chí không có khi nào đau đầu hay nóng sốt, nhờ cúng dường vị thuốc cho nên được cảm báo trường thọ này, năm chỗ không chết được, chảo nóng không thể cháy, nồi luộc không nát nhừ, nước chìm không thể chết, cá nuốt không thể tiêu, dao cắt không thể hại. Bởi vì nhân duyên này, người trí cần phải làm sự việc như vậy.

Còn trong Thập Tụng Luật nói: “lúc đó trong thành Vương-xá có cư sĩ, tên là Thi lợi cừu đa, rất giàu có nhiều tiền của, là đệ tử ngoại đạo của Bà-la-môn, người này luôn luôn nghi ngờ sa môn Cù đàm có tất cả trí tuệ hay không? Thế là đi đến chỗ Phật thưa bày rằng: sa môn Cù đàm ngày mai mời đến nhà tôi dùng cơm! Đức Phật biết người đó thích hợp để hoá độ cho nên lặng lẽ nhận lời thỉnh cầu. Lúc cư sĩ trở về đến nhà, ở giữa cổng ngoài làm hầm lửa lớn khiến cho lửa không bốc khói lộ ra hầm lửa, lấy cát phủ phía trên, sau đó đi vào nhà trãi bày chổ ngồi đơn sơ, lại dùng độc trộn vào thức ăn, tâm nghĩ miệng nói: Cù đàm nếu như người có tất cả trí tuệ thì phải biết điều này, nếu không phải là người có tất cả trí tuệ thì sẽ rơi xuống hầm lửa này và trúng độc mà chết. Sai người đến thưa Đức Phật rằng: Đồ ăn thức uống đã bày biện xong! Đức Phật bảo với A-nan: Bảo cho các tỳ kheo đều không được đi phía trước, hãy để Đức Phật đi trước! lúc ấy Đức Phật khoác y ôm bát đi phía trước, Tỳ kheo theo sau đi vào nhà Thi-lợi-cừu-đa. Đức Phật biến hầm lửa thành hồ hoa sen, nước sạch tràn đầy trong hồ đã ngọt ngào mà

lại mát lạnh, các loại hoa sen che kín trên mặt nước. Lúc ấy đức Phật và chúng Tăng đều đi trên hoa sen bước vào nhà, ngồi vào chỗ ngồi đơn sơ biến hoá làm cho trở thành rực rở, bảo với Thi-lợi-cừu-đa rằng nên loại trừ nghi ngờ trong tâm, ta thật sự là người có đủ mọi trí tuệ. Cư sĩ này trông thấy hai thần lực biến hoá, tín tâm liền phát sinh, tôn trọng hướng về Đức Phật, vòng tay thưa với Đức Phật rằng: thức ăn này có thuốc độc Đức Phật không thể ăn đuớc! Đức Phật dạy: nhưng bố thí thức ăn này cho tăng không mắc phải bệnh tật gì đâu. Đức Phật bảo với A-nan: tuyên lệnh trong Tăng, chưa xướng lên cùng dâng cúng thì không một ai ăn được. Lúc này đức Phật chú nguyện: Dâm dục sân giận ngu si là chất độc giữa thế giới này, Đức Phật có pháp chân thật này cho nên mọi chất độc đều được loại trừ thức ăn lặp tức thanh tịnh. Lúc này cư sĩ đi lấy nước rửa tay tự mình suy nghĩ xem xét, chúng Tăng dùng cơm no đủ rồi rửa tay bưng bát, cư sĩ lấy ghế nhỏ cùng ngồi ở trước Đức Phật nghe pháp, ngay nơi chổ ngồi đạt được pháp nhãn tịnh. Đức Phật trở về rồi, đem sự việc này tập hợp tăng chúng dạy rằng: Từ nay về sau không được đi ở trước Phật và đi trước Hòa thượng-Sư tăng-Thượng tọa, chưa xướng lên cùng dâng cúng thì không được ăn”.

Lại trong Ma Đắc Già Luận nói: “Lúc chúng Tăng đi ăn cơm thì Thượng tọa nên nói, tất cả bình đẳng không phân biệt, khiến xướng lên Tăng Bạt rồi sau đó cùng ăn”.

Tụng rằng:

Pháp hội thiết cúng tốt đẹp thay,
Trai nhật cảm linh ứng thần kỳ
Thỉnh cầu tất cả không phân biệt,
Khách chủ bày tỏ điềm tốt lành
Phàm thánh cùng nhau đến tinh mơ,
Khắp nơi yên bình hết tai nạn
Nhờ vào lực yêu thượng cao cả,
Lật nhào ác nghiệp đến phước địa.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra sáu chuyện: 1- Tư Không Hà Sung thời Tấn, 2- Ni Trúc Đạo Dung thời Tấn; 3- Khuyết Công Tắc thời Tấn; 4- Nam Dương Đằng Phổ thời Tấn; 5- Sa môn Cừu Na Bạt Ma thời Tấn; 6- Sa môn Thích Đạo Lâm thời Lương.

1: Thời nhà Tấn, họ Tư Không ở Lư Giang có người tên là Hà Sung tự Thứ Đạo, trẻ mà tin pháp, tâm nghiệp rất tinh thành, thường ở nơi

trai đường đặt một ghế ngồi để trống, màn che chiếu trải trang nghiêm, dùng ngọc báu treo xen kẽ, thiết trí nhiều năm liền và nhiều lần giáng điềm thần dị. Sau đó tổ chức hội lớn đạo-tục rất đông, thứ tự chỗ ngồi có một vị tăng, dung mạo áo quần dơ bẩn-thần sắc lộ vẻ thô kệch, từ giữa mọi người bước ra đi thẳng lên chỗ ngồi, chắp tay vái rồi lặng lẽ ngồi thôi chứ không hề nói năng gì, cả nhà cảm thấy kinh ngạc, nói là người có tính tình lạ lẫm kỳ quái. Hà Sung cũng không vui lòng, không vừa ý với nhan sắc của vị này, đến lúc đi bày biện bữa cơm trưa thì vị tăng này ngồi ăn ở tòa cao, ăn xong bưng bình bát đi ra khỏi phòng, quay đầu lại nhìn và nói với Hà Sung rằng: Đâu cần phải uổng công tinh tiến. Nhân đó tung bình bát lên giữa hư không đạp gió mà đi. Hà Sung và đạo tục kinh hoàng hướng theo nhìn xem, nghi dung sáng rực to lớn, nhìn hết tầm mắt mới ẩn đi, quay trở lại cùng nhau xót ân hận, rập đầu sám hối liên tục nhiều ngày mới nghỉ.

2: Thời nhà Tấn có Ni Trúc Đạo Dung, không biết là người nơi nào, cư trú tại chùa Ô Giang, giới hạnh tinh nghiêm nhiều lần có điều cảm ứng. Thời Tấn Minh Đế rất được cung kính, lấy hoa trải dưới chỗ ngồi nghiệm đúng kết quả được là hoa không héo tàn. Thời Giản Văn Đế tin theo Thanh Thủy Đạo, bậc Thầy được tôn trọng chính là ở chốn Kinh sư người ta gọi là Vương Bộc Dương, trong phủ có đầy đủ phòng ốc đạo quán, khách xa nhiều lần đến khai hóa nhưng cuối đời Văn Đế mới thuận theo. Sau đó cứ mỗi lần Văn Đế đi vào đạo quán thì nhất định là trông thấy người thần làm Sa môn hiện ra khắp nơi trong nhà. Văn Đế nghi ngờ Đạo Dung làm ra, nhân đó làm thầy, tức thì phụng sự chánh pháp, dòng họ nhà Tấn biểu hiện sự tôn sùng Phật đạo chính là năng lực của vị Ni này. Đương thời sùng kính đặc biệt được xưng là Thánh nhân. Chùa Tân Lâm chính là Văn Đế đã làm ra cho Đạo Dung. Đầu thời Hiếu Vũ Đế nhà Tấn bỗng nhiên tuyệt tích không biết ở đâu, mới mai táng y bát ấy, cho nên cạnh chùa có ngộ như vậy.

3: Thời nhà Tấn có Khuyết Công Tắc, là người nước Triệu, trơ lì im lặng chỉ chịu khó đối với pháp sự, qua đời ở Lạc Dương vào thời Tấn Vũ Đế, đạo tục cùng chí hướng tiến hành tổ chức pháp hội tại chùa Bạch Mã, trong đêm ấy tụng kinh, vào lúc cuối đêm nghe giữa hư không có tiếng xướng lên ca ngợi, ngước mặt trông thấy một người hình dáng to lớn y phục trang nghiêm, quả là nói rằng: Tôi là Khuyết Công Tắc, nay sanh về thế giới An Lạc ở Tây phương, cùng với các Bồ tát đi với nhau đến đây nghe kinh. Cả phòng kinh ngạc bật dậy đều có thể nhìn thấy. Lúc ấy lại có Vệ Sĩ Độ ở Cấp quận, cũng là cư sĩ tu khổ hạnh là bậc

thầy đối với Công Tắc. Mẹ của Sĩ Độ cũng rất tin tưởng xưa nay, tụng kinh trường trai và trong nhà thường cúng dường chư tăng. Thời gian gần trưa, bà mẹ đi ra ngoài trai đường cùng với các bi Tăng ni dạo bước nhìn ra xa, bỗng thấy giữa hư không có một vật gì rơi xuống, rơi ngay trước mặt bà mẹ, chính là một cái bát, có chứa đầy cơm, mùi thơm tỏa ra ngào ngạt, cả phòng yên lặng trong một lúc tất cả đều lễ lạy cung kính. Bà mẹ tự mình bưng đi phân chia, mọi người thọ trai ăn vào trong bảy ngày, không cảm thấy đói. Chiếc bát này giống như nói hãy còn tồn tại ở nơi này. Sĩ Độ có sở trường về văn chương ngôn từ, làm sám văn về Bát Quan Trai, cuối thời nhà tấn người thọ trai giới hãy còn sử dụng, qua đời trong thời Vĩnh Xương nhà tấn, cũng thấy có điềm linh ứng kỳ lạ. Có người tạo thành hình tượng, làm thành Thánh Hiền Truyện có ghi lại sự việc ấy rằng: “Sĩ Độ cũng sanh đến tây Phương. Ngô Hưng Vương phải nói rằng: Nến soi tỏ cung khuyết cụ già cất bước trong đêm. Vệ Sĩ Độ tiếp theo thanh quy, tất cả thản nhiên đến nơi vô sanh, cùng lột xác để trở thành người bất tử”.

4: Thời nhà Tấn có Đằng Phổ ở vùng Nam Dương, nhiều đời tin thờ cung kính, vợ là người họ toàn ở quận Ngô, rất chịu khó nhẫn nại, cứ mỗi lần tổ chức trai hội thì không làm trái với mời thỉnh, hễ có người đến thì nhân tiện giữ lại mà cúng dường. Sau khi tăng quy tụ đếm thiếu một người, khiến người nhà đi khắp mọi ngã, tìm thấy một Sa môn ngồi dưới bóng cây liễu, nhân đó mời cùng trở về. Người trong nhà bưng dọn thức ăn vấp chân làm cơm đổ xuống đât, đồ ăn thức uống cũng tung tóe đổ hết, sững sờ không biết làm sao. Sa môn này nói; Trong bình bát của bần đạo có cơm, đủ để cúng dường cả chúng! Sau đó bảo Đằng Phổ mang đi chia cho mọi người, đã vậy mà đạo tục trong ngoài đều được no đủ. Ăn uống đã xong liền tung bình bát lên giữa hư không, chốc lát vút lên Trời cao, nhìn hết tầm mắt mới ẩn đi. Đằng Phổ bèn dùng gỗ khắc chạm làm thành hình tượng của Sa môn ấy, sớm tối lễ lạy cung kính. Trong nhà Đằng Phổ sắp xảy ra tai họa gì thì pho tượng này nhất định phải xê dịch hay ngã xuống để báo trước. Con của Đằng Phở âm thầm giúp cho công lao của Tô Tuấn mà được cấp đất và tước vị ở tại Đông Hưng là vậy.

5: Sa môn Trúc Pháp Tiến, là người đứng đầu trong chùa Khai Độ, thông minh hiểu biết nhiều, có năng lực hiểu được lời nói lạ lùng của thế tục. Kinh đô Lạc Dương sắp có biến loạn xảy ra nên muốn đến nơi núi sâu đầm vắng mà ở, mọi người thỉnh cầu lưu lại nhưng pháp Tiến đều không đồng ý, thiết hội cúng dường thắp hương cáo biệt với mọi

người, đến lúc đang thắp hương bày tỏ, bỗng nhiên có một vị tăng xuất hiện ở trên chỗ ngồi, y phục đầy bụi bẩn, mặt mày sưng húp vàng vọt. Pháp Tiến trách móc là người hèn mọn nên dẫn đi xuống chỗ ngồi phía dưới, thì lại đi lên phía trên, dẫn xuống đến lần thứ ba mới không thấy trở lại. Mọi người ngồi đã ổn định, mới bắt đầu bưng cơm nước bày ra, bỗng nhiên gió lớn nổi lên đất cát mịt mù bàn ghế đổ hết. Pháp Tiến sám hối tự trách lỗi mình mới dừng lại. Lúc ấy không đi vào núi nữa, bàn luận cho rằng thời thế sắp xảy ra biến loạn, pháp Tiến không nên đi vào núi ẩn mình, đồng thời đạo tục hết lòng cầu thỉnh cùng nhau mong giữ lại, cho nên gặp điều thần dị này ngăn lại ý định ra đi ấy vậy.

6: Tống Cừu Na Bạt Ma, thời nhà Tề nói là Công Đức Chủng, là Vương tử của nước Kế Tân vậy. Tuổi nhỏ xuất gia được gọi là Tam Tạng Pháp Sư. Đầu thời nhà Tống đi đến Trung Quốc truyền bá-phiên dịch rất nhiều kinh điển, luật hạnh tinh thông cao xa không có ai có thể sánh bằng. Sa môn Tuệ Quán khâm phục phong cách đức hạnh ấy, mời đến cư trú tại chùa Kỳ Hoàn ở chốn kinh sư. Đường thời đi đến nơi thì ngờ rằng không phải là người phàm, mà thần thái sâu kín không ai có thể biết được. Đã từng đi đến chùa Định Lâm ở Chung Sơn dự trai hội, lúc ấy các đạo tục hái nhiều loại hoa tươi, trải dưới chỗ ngồi của tăng để nghiệm xét cầu gặp bậc Thánh nhân. Hoa nơi chỗ của Chư tăng cùng khô héo tàn tạ, mà hoa nơi chỗ ngồi của Bạt Ma vẫn tươi đẹp như ban đầu, thế là cả chốn kinh sư vui mừng càng thêm kính trọng. Tạ thế vào ngày 18 tháng 9 năm thứ 8 niên hiệu Nguyên Gia thời nhà Tống cũng không bệnh hoạn gì mà chỉ ngồi xếp bằng tròn chấp tay cúi đầu trang nghiêm, thế là trải qua hai đêm sắc thái dung mạo không thay đổi. Lúc ấy có người nói là đi sâu vào trong thiền định, đã vậy mà còn có thư để lại ở dưới chiếu ngồi, nói rằng đạt được hai quả Sa môn, mới biết là mạng chung. Đệ tử đứng hầu bên cạnh ngửi thấy mùi hương khắp nơi, hơn hai trăm người ở chốn kinh sư đi đến pháp hội, đêm ấy tụng kinh cầu nguyện, ngoài cửa tụ tập lắng nghe rất đông, gần sáng tỏ mà trên phía Tây Nam có vầng mây bừng bừng cuộn lên, phút chốc có một vật, dài gần một sải, vòng quanh thi hài mà đi. Mọi người tụ tập đều nhìn thấy như vậy. Lúc Bạt Ma chưa mạng chung có làm ba mươi bài kệ lấy giao cho đệ tử, bảo rằng nên chuyển đến cho Tăng ở Thiên Trúc xem rõ.

Những chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký.

Thời nhà Lương có Sa môn Thích Đạo Lâm ở chùa Tề Kiên vùng Phú dương, vốn là người họ Âm vùng núi Cối kê, xuất gia từ nhỏ giới hạnh trang nghiêm, thông hiểu Niết-bàn-Pháp Hoa, học thuộc lòng kinh

Duy Ma, Trương Tự ở nước Ngô dùng lễ nghi mà thờ kính. Sau đến cư trú tại chùa Tuyền Lâm huyện Phú Dương, chùa thường xuất hiện quỷ quái tà ma, từ khi đạo lâm cư trú thì quỷ quái không còn. Đệ tử của Đạo Lâm là Tuệ Thiều bị nhà sập đè lún sâu vào ngực. Đạo Lâm cầu nguyện cho Tuệ Thiều, Tuệ Thiều trong đêm thấy hai vị Đạo nhân người Hồ lôi đầu mình ra, sáng sớm thức dậy tức thì bình phục. Đạo Lâm ngay sau đó thiết trai cúng dường Thánh Tăng, trải lụa mới ở trên giường, trai hội hoàn tất thất trên lụa có dấu tích con người, đều dài hơn ba thước. Mọi người đều tin phục hiện tượng cảm ứng đó, người vùng Phú dương mới bắt đầu từng nhà thiết lập bàn thờ Thánh tăng để cúng dường. Đến đầu thời nhà Lương thì Đạo lâm vào cư trú ở chùa Tề Hi, qua đời vào năm thứ 18 niên hiệu Thiên Giám nhà Lương, hưởng thọ bảy mươi hai tuổi.

Câu chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 43

Thiên thứ 40: LUÂN VƯƠNG

Thiên này có năm phần: Thuật ý, Hội danh, Thất bảo, Đảnh sanh, Dục Vương.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Từng nghe rằng: Hoàng đế bay đi khắp nơi cai quản tất cả bốn châu, biên cương hẻo lánh làm trái mạng lệnh thì có bảy vật báu uy quyền làm cho khuất phục, dùng mười thiện nghiệp dẫn dắt cảm hóa thì có một ngàn người con tùy thuận hiện bày linh ứng, thâu tóm xa gần chỉ một mình ở tại Trung Nguyên, gợi mở lòng nuôi nấng của cha hiền, cảm động trước tâm thành của con đỏ, đời sống lâu dài thì tham dục càng nhiều, núi cao sừng sững thì nghĩ xa thiên báo; thế là thực hành sức mạnh của chuyển luân, vút cao cung điện của Đế Thích, ý định hóa độ không phân biệt, rút khỏi địa vị của Luân vương, lòng dạ xót xa khổ sâu nặng, giống như tai họa thật khốn cùng. Nỗi đau này xót xa quá, rất đáng than thở ngậm ngùi!

Thứ hai- PHẦN HỘI DANH

Dựa theo Chân Đế Tam Tạng Pháp Sư nói: "Vào lúc kiếp thành thì thọ mạng con người là vô lượng tuổi, vào lúc kiếp trú-hoại thì thọ mạng con người là tám vạn tuổi, lúc ấy có vị Luân vương xuất thế, nếu giảm bớt thì không xuất thế. Luân vương có ba bậc: 1- Quân Luân vương; 2- Tài Luân vương; 3- Pháp Luân vương. Nếu kiếp giảm còn tám vạn tuổi thì Tài Luân vương không xuất thế. Vì sao như vậy? Bởi vì Luân vương này có phước đức thọ mạng dài lâu, tức là cùng với thọ mạng trái ngược nhau cho nên không xuất thế. Nếu kiếp giảm nữa thì Pháp Luân vương sẽ xuất thế. Vì sao như vậy? Bởi vì Như Lai đại Bi khiến cho các chúng sanh nhận thức được khổ-vô thường thì dễ dàng chuyển hóa được cho nên các Ngài xuất thế. Vì vậy Luận rằng: Kiếp giảm thì Phật xuất

thế, kiếp mới thành có Chuyển-luân-vương, chỉ riêng lúc Phật Di-lặc xuất thế, nhân dân đầy đủ phước đức, hai vị Luân vương cùng xuất thế. Tài Luân vương có bốn bậc: 1- Kim Luân vương thì giáo hóa khắp bốn thế giới; 2- Ngân Luân vương thì cai quản cách xa cõi Bắc Uất Đan, làm vị vua ba thế giới; 3- Đồng Luân vương thì trừ ra hai cõi Bắc Uất Đan và Tây Câu-da-ni, làm vị vua hai thế giới còn lại; 4- Thiết Luân vương thì chỉ giới hạn trong cõi Diêm-phù-đề, làm vị vua một thế giới. Nếu lúc kiếp giảm đến tám vạn tuổi thì có Quân Luân vương xuất thế, dùng uy lực quân đội làm cho khuất phục, làm vị vua trong một thế giới, tức là giống như vua A Dục. Như Lai là bậc Pháp Luân vương. Nói rằng lúc kiếp tăng thì Chuyển-luân-vương xuất thế, đây là căn cứ vào tài Luân vương. Nếu luận về Quân Luân vương thì vốn là chung cho cả kiếp giảm. Thiết Luân có một trăm năm mươi tia sáng, đồng Luân có năm trăm tia sáng, Ngân Luân có bảy trăm năm mươi tia sáng, Kim Luân có một ngàn tia sáng. Cho nên kinh Nhân Vương nói: Đạo Chủng Kiên Đức Vương đứng trên Kim Luân vương điều khiển bốn thế giới, Tánh Chủng Vương đứng trên Ngân Luân vương điều khiển ba thế giới, Tập Chủng Tánh Vương đứng trên Đồng Luân vương điều khiển hai thế giới, Thập Thiện trở lên được làm Luân vương đứng trên Thiết Luân vương điều khiển một thế giới”.

Thứ ba- **PHẦN THẤT BẢO**

Như Kinh Trường A-hàm nói: “Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Thế gian có Chuyển luân Thánh vương, thành tựu bảy báu có bốn thần đức. Sao nói là thành tựu bảy báu? Đó là: 1- Vòng vàng quý báu; 2- Voi trắng quý báu; 3- Ngựa tía quý báu; 4- Ngọc thần quý báu; 5- Ngọc nữ quý báu; 6- Cư sĩ quý báu; 7- Binh tướng quý báu. Sao nói là thành tựu vòng vàng quý báu? Đó là nếu Chuyển luân Thánh vương xuất hiện trong cõi Diêm-phù-đề, hàng Sát-đế-lợi lấy nước rưới trên đầu, vào lúc trăng tròn ngày 15 tắm gội trong nước ấm pha hương thơm rồi bước lên ngôi cao, cùng với những cung nữ vui đùa với nhau, vòng vàng quý báu trên Trời bỗng nhiên hiện ra ở trước mặt, vòng vàng có một ngàn tia sáng, ánh sáng màu sắc đầy đủ tạo thành từ vàng ròng cõi Trời, thợ cõi Trời đã làm ra không phải là thế gian vốn có, đường kính vòng vàng một trượng tư (14 thước Tàu). Luân vương trông thấy rồi lặng lẽ tự nghĩ rằng: Mình đã từng trước đây vốn có nghe những việc xưa nói như vậy: Nếu hàng Sát Lợi vương lấy nước rưới trên đầu, vào lúc trăng tròn ngày mười lăm dùng nước ấm pha hương thơm tắm gội, bước lên trên pháp

điện có cung nữ vây quanh, tự nhiên vòng vàng quý báu bỗng nhiên ra ở trước mặt, vòng vàng có một ngàn tia sáng, ánh sáng màu sắc đầy đủ, do thợ cõi Trời làm ra chứ không phải vốn có ở thế gian, đường kính vòng vàng một trượng tư, vậy thì gọi là Chuyển luân Thánh vương. Nay chiếc vòng này hiện ra tướng như vậy không đúng chăng, nay mình lẽ nào được chiếc vòng vàng quý báu này ư? Lúc ấy nhà vua liền gọi bốn đội quân, đến bên vòng vàng quý báu bày cánh tay phải-đầu gối phải quỳ sát đất, dùng tay trái vuốt nhẹ lên vòng vàng nói rằng: Ngươi hướng về phương Đông mà di chuyển đúng như pháp chứ đừng làm trái quy phạm thông thường! Chiếc vòng lập tức chuyển về phương Đông. Lúc ấy nhà vua liền dẫn bốn đội binh đi theo sau chiếc vòng, chiếc vòng dừng lại nơi nào thì nhà vua lập tức dừng xe lại nơi ấy. Lúc bấy giờ các Tiểu vương ở phương Đông trông thấy Đại vương đến, lấy bát bằng vàng chứa đầy bằng bạc, bát bằng bạc chứa đầy thóc bằng vàng, mang đến nơi nhà vua cúi đầu vái lạy thưa rằng: Tốt lành thay Đại vương, nay ở phương Đông này đất đai mầu mỡ yên vui, có nhiều châu báu nhân dân hưng thịnh, tâm tánh nhân hòa từ hiếu trung thuận, chỉ mong Thánh vương ở lại nơi này sửa trị hợp với phép tắc, chúng tôi sẽ tạo điều kiện khiến cho khắp nơi tiếp nhận sự sửa trị thích hợp. Lúc ấy Luân vương nói với Tiểu Luân vương. Dừng lại, dừng lại hỡi các người tài đức, các người đã cúng dường cho Ta rồi, chỉ nên dùng chánh pháp để sửa trị cảm hóa, đừng làm cho oan ức thiên lệch, không để cho trong đất nước mình xuất hiện những việc làm sai trái phép tắc, mình không giết hại mạng sống, dạy cho mọi người không giết hại mạng sống; những người trộm cắp-tà dâm-hai lưỡi-độc miệng-nói dối thêm thắt-tham lam-nóng giận-ganh ghét-tà kiến, người như vậy thì gọi là hạng người bị Ta sửa trị. Lúc ấy các Tiểu vương nghe nói như vậy rồi, liền thuận theo Đại vương đi tuần sát các nước đến phía ngoài biển Đông, lần lượt đi qua phương Nam-phương Tây-Phương Bắc, tùy theo những nơi chiếc vòng đến, các Quốc vương ấy đều dâng tặng lãnh thổ quốc gia, cũng giống như các Tiểu vương ở phương Đông, cõi Diêm-phù-đề này vốn có quốc gia tên gọi là Thổ Ốc Dã Phong, sản sinh ra nhiều châu báu, núi rừng sông nước sạch sẽ, nơi rộng rãi bằng phẳng chiếc vòng theo quy phạm lưu hành khắp nơi, đất phong tính từ Đông sang Tây khoảng mười hai do tuần, từ Nam đến Bắc khoảng bảy do tuần, Thiên thần ở trong đêm làm ra thành quách, thành ấy cao bảy tầng, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, vòng quanh tô điểm cho nhau, đều tạo thành bằng bảy thứ báu, cho đến vô số các loài chim hòa âm với nhau. Tạo ra

khu thành này rồi vòng vàng từ trong thành tính toán đất phong, từ Đông sang tây có bốn do tuần, từ Nam đến bắc có hai do tuần, Thiên thần ở trong đêm làm ra cung điện, tạo thành bằng bảy thứ báu, cho đến vô số thứ khác. Tạo ra cung điện rồi Thánh vương vui mừng nhảy múa mà nói: Vòng vàng quý báu này thật sự là điều may mắn thuận lợi cho Ta, nay Ta thật sự làm Thánh vương! Đây chính là sự thành tựu vòng vàng quý báu. Vì sao gọi là voi trắng quý báu? Đó là ngay từ sáng sớm ngồi trên chính điện, tự nhiên voi quý báu bỗng nhiên hiện ra ở trước mặt, lông voi trắng tuyền-bảy chỗ bằng phẳng-sức lực có thể bay giữa hư không, đầu voi nhiều màu xen lẫn-sáu ngà thon nhỏ-vàng ròng lấp lánh. Lúc ấy nhà vua trông thấy rồi nghĩ rằng: Voi này hiền lành. Liền thử điều hòa huyện tập thì các năng lực đều đầy đủ, lập tức cưỡi trên lưng voi từ sáng sớm đi ra ngoài thành, đi qua khắp bốn biển đến giờ ăn đã trở về. Lúc ấy nhà vua vui mừng nhảy lên mà nói: Đây thật sự là điều may mắn thuận lợi cho Ta! Đây chính là sự thành tựu voi trắng quý báu. Vì sao gọi là thành tựu ngựa tía quý báu? Đó là ngay từ sáng sớm ngồi trên chính điện, tự nhiên ngựa quý báu bỗng nhiên hiện ra ở trước mặt, thân màu đen pha hồng-bờm và đuôi màu đỏ-cổ giống như voi, có năng lực dễ dàng bay giữa hư không. Lúc ấy nhà vua thấy rồi nghĩ là chú ngựa này có tài đức, liền thử điều hòa luyện tập thì các năng lực đều đầy đủ, lập tức cưỡi trên lưng ngựa từ sáng sớm đi ra ngoài thành, đi khắp bốn biển đến giờ ăn đã trở về. Lúc ấy nhà vua vui mừng nhảy lên mà nói: Đây thật sự là điều may mắn thuận lợi cho Ta! Đây chính là sự thành tựu ngựa tía quý báu. Vì sao gọi là thành tựu ngọc thần quý báu? Đó là ngay từ sáng sớm ngồi trên chính điện, tự nhiên ngọc thần bỗng hiện ra ở trước mặt, màu sắc hình thể trong suốt không có tì vết hư hoại nào. Lúc ấy nàh vua thấy ngọc thần này thật là kỳ diệu tốt đẹp, dường như có ánh sáng có thể chiếu rọi trong cung. Lúc ấy nhà vua muốn thử, liền gọi bốn đội quân mang ngọc báu này đặt tên cột cao, ở trong đêm tối bưng cột đi ra ngoài thành, ánh sáng ngọc báu đó soi chiếu một do tuần, nhân dân trong thành đều thức dậy làm công việc, nói là Trời đã sáng. Lúc ấy nhà vua vui mừng nhảy lên mà nói: Đây thật sự là điều may mắn thuận lợi cho Ta! Đây chính là sự thành tựu ngọc thần quý báu. Vì sao gọi là thành tựu ngọc nữ quý báu? Bởi vì lúc ấy ngọc nữ quý báu bỗng nhiên xuất hiện, dung nhan dáng vẻ xinh đẹp-diện nạo đoan chánh tuyệt vời, không cao không thấp không mập không ốm, không trắng không đen không cứng không mềm, mùa đông thì thân thể ấm áp, mùa hạ thì thân thể mát rượi, lỗ chân lông toàn thân tỏa ra

mùi hương chiên đàn, miệng tỏa ngát mùi hương của hoa ưu bát la, nói năng dịu dàng thánh thót cử chỉ khoan thai tự nhiên, dậy trước ngồi sau không sai sót lễ tiếp phép tắc. Lúc ấy nhà vua trông thấy rồi tâm không xa rời trong chốc lát, hơn nữa lại tiếp cận vui mừng nhảy lên mà nói: Đây thật sự là điều may mắn tốt lành cho Ta! Đây chính là sự thành tựu ngọc nữ quý báu. Vì sao gọi là thành tựu cư sĩ quý báu? Bởi vì lúc ấy cư sĩ trượng phu bỗng nhiên tự xuất hiện, kho báu của cải vô lượng, cư sĩ vốn có phước thiện ánh mắt có năng lực nhìn thấy rõ ràng kho tàng ẩn giấu trong lòng đất, có chủ hay không có chủ thảy đều thấy và biết rõ, kho tạng có chủ thì có thể lấy để ủng hộ, kho tạng không có chủ thì lấy cung cấp cho nhà vua sử dụng. Lúc ấy cư sĩ quý báu đến thưa với nhà vua rằng: Thưa Đại vương, có những nơi cung cấp cho đầy đủ không đáng để lo buồn, thần tự mình có thể lo liệu! Thánh vương muốn thử lập tức truyền chỉ chuẩn bị tàu thuyền trang nghiêm để dạo chơi trên sông, bảo với cư sĩ rằng; Ta cần châu báu vàng ngọc vậy, khanh mau chóng đưa cho Ta! Cư sĩ thưa rằng: Đại vương đợi một lát đến trên bờ sẽ có. Nhà vua nói: Ngay bây giờ Ta cần có châu báu! Lúc ấy cư sĩ quý báu liền quỳ thẳng ở trên thuyền, đưa tay phải đặt vào trong dòng nước, bình quý báu theo bàn tay xuất hiện, như sâu bọ bò theo cây, cư sĩ quý báu ấy cũng lại như vậy, từ trong dòng nước các thứ châu báu dựa theo bàn tay xuât hiện chứa đầy trên thuyền, mà thưa với nhà vua rằng: Trước đây nhà vua cần châu báu là cần bao nhiêu? Lúc ấy nhà vua nói: Dừng lại, dừng lại đi, Ta không cần gì đâu, trước đây thử nhau mà thôi! Nghe nhà vua nói xong liền lấy châu báu thả chìm vào lại trong dòng nước. Thánh vương vui mừng nhảy lên mà nói: đây thật sự là điều may mắn tốt lành cho Ta! Đây chính là sự thành tựu cư sĩ quý báu, vì sao gọi là thành tựu binh tướng quý báu? Bởi vì lúc ấy binh tướng quý báu bỗng nhiên xuất hiện, mưu trí hùng mạnh tài năng thao lược quyết đoán rất độc đáo, liền đi đến trước nhà vua thưa rằng: Thưa Đại vương, có nơi nào đánh dẹp thì Ngài không đáng phải lo nghĩ, thần tự mình có thể lo liệu. Nhà vua muốn thử binh tướng, lập tức tập hợp bốn đội quân mà nói cho biết rằng: Nay khanh dụng binh, người nào chưa tập hợp thì tập hợp người nào đã tập hợp thì nghỉ ngơi, người nào chưa nghiêm túc thì làm cho nghiêm túc, người nào đã nghiêm túc thì phân tán ra, người nào chưa đi thì phái đi, người nào đã đi thìi dừng lại! Lúc ấy binh tướng quý báu lập tức lệnh cho bốn đội quân y như lời nhà vua nói. Nhà vua thấy rồi vui mừng nhảy lên mà nói: Đây thật sự điều may mắn tốt lành cho Ta! Đây chính là sự thành tựu bảy thứ báu của bậc Chuyển luân Thánh

vương. Nói là bốn thần đức: 1- Sống lâu không yểu mạng không có ai có thể sánh bằng; 2- Thân thể mạnh mẽ không tật bệnh không có ai có thể sánh bằng; 3- Dung nhan tướng mạo đoan chánh không có ai có thể sánh bằng; 4- Kho tặng quý báu tràn đầy không có ai có thể sánh bằng. Nhà vua thực hành cảm hóa người trong nước- thương yêu dạy bảo dân chúng nơi khác giống như cha yêu thương con cái, dân chúng trong nước ngưỡng mộ nhà vua giống như con cái nương nhờ cha hiền, tất cả những gì quý hiếm đều đem dâng lên nhà vua, mong rủ lòng tiếp nhận để trong lòng được thỏa mãn. Lúc ấy nhà vua trả lời rằng: Mọi người hãy tạm ngưng lại, Ta tự mình có vật báu mọi người nên tự mình sử dụng! Lãnh thổ quốc gia của nhà vua an lành vui sướng đầy đủ, bằng phẳng vuông vắn như bàn tay, cơm ăn áo mặc tự nhiên không cần phải mưu toan kiếm tìm, chỉ thực hành mười thiện nghiệp chứ không làm điều gì sai trái phép tắc, giống như cõi Bắc Uất Đan không thể kể ra hết được".

Lại trong Thập Tụng Luật nói: "Có hồ A nậu đạt, dài rộng 50 do tuần, các loại cây trái vòng quanh bốn mặt hồ, là trú xứ cung điện của voi chúa Thiện Trú có tám ngàn con voi theo làm quyến thuộc. Nếu lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở thế gian, thì con vua nhỏ nhất trong tám ngàn con voi, tách ra làm voi báu để cho Luân vương sử dụng. Lại trong Châu ở ngoài biển lớn có núi Nguyệt Minh, là trú xứ cung điện của ngựa chúa Bà la Hê, có tám ngàn con ngựa theo làm quyến thuộc. Nếu lúc Luân vương xuất hiện ở thế gian, thì con ngựa nhỏ nhất trong tám ngàn con ngựa ấy, tách ra làm ngựa quý báu để cho Luân vương sử dụng".

Lại trong kinh Khởi Thế nói: "Voi ngựa quý báu này ở trong một ngày tạm thời được điều hòa làm cho khuất phục có thể đảm nhận mọi công việc. Để thử voi ngựa thì vào lúc sáng sớm khi mặt Trời mới mọc, cưỡi ngựa quý báu này đi vòng quanh tuần sát khắp nơi, lần lượt đến các bờ biển tận cùng phạm vi của mặt đất , đã đi khắp mơi noi xong, lúc ấy Chuyển-luân-vương trở về đến cung điện của mình mới vào bàn để ăn bữa sáng".

Lại trong kinh đại Lâu Thánh nói: "Chuyển luân Thánh vương có bốn loại đức: 1- Rất nhiều vàng bạc châu báu-ruộng vườn nhà cửa-nô tỳ phục dịch..., khắp thiên hạ không có ai sánh bằng Luân vương; 2- Luân vương đoanh chánh vô cùng-nhan sắc đẹp đẽ không gì sánh được, khắp thiên hạ không có ai sánh bằng Luân vương; 3- Luân vương thường an ổn không có tật bệnh gì, cũng không có gì giá lạnh hay nóng bức, những

đồ ăn thức uống được sử dụng đều an lành; 4- Luân vương thường an ổn sống lâu, khắp thiên hạ không có ai sánh bằng Luân vương. Đây là bốn đức của Chuyển luân Thánh vương, bảy báu đầy đủ đúng như pháp".

Lại trong kinh Tát Già Ni Kiền Tử nói: "Đức Phật dạy: Đại vương nên biết, Chuyển luân Thánh vương lại có bảy loại gọi là vật báu êm dịu, vốn có công đức kém hơn bảy vật báu trước đây. Những gì là bảy loại? Đó là: 1- Thanh gươm báu; 2- Làn da báu; 3-Giường nằm báu; 4- Vườn cây báu; 5- Phòng óc báu; 6- Y phục báu; 7- Vật dụng báu sử dụng dưới chân. Thứ nhất là thanh gươm quý báu, Luân vương chỉ sử dụng trong phạm vi đất của mình, nếu có người nào làm trái mệnh lệnh nhà vua, thì thanh gươm quý báu ấy lập tức từ hư không bay đến, các Tiểu vương trông thấy thì làm cho phải vái lạy thuần phục. Thứ hai là làn da quý báu, đây là lớp da của Hải Long vương, sản sinh trong biển lớn rộng năm do tuần, dài mười do tuần, thể chất trong sạch tươi sáng có ánh sáng chiếu rọi như ánh mặt Trời, lửa đốt không cháy, nước ngâm không nát, gió mạnh thổi vào không thể nào lay động thể chất hàm chứa ấm áp mát mẻ luôn luôn trừ bỏ mọi sự giá lạnh, nóng bức, tùy theo nhà vua đi đến đâu thì làn da quý báu cũng đi đến nơi ấy, tất cả binh lính dân chúng khắp mười do tuần, đều được che chở trong đó, có thể làm nhà cửa riêng biệt mà không gây trở ngại cho nhau. Thứ ba là giường nằm quý báu, giường nằm của nhà vua sử dụng được đặt ở nơi luôn luôn ngay ngắn mềm mại. Nếu nhà vua nhập thiền thì lập tức đi vào tam muội thiền định giải thoát, có năng lực diệt sạch tham sân si. Người nữ thấy nhà vua ngồi trên chiếc giường quý báu ấy, thì tâm tư đều được xa lìa tham sân si. Thứ tư là vườn cây quý báu, lúc đi vào vườn cây kia thì tâm được an định. Nếu lúc nhà vua muốn hưởng thụ năm thứ dục lạc, y theo công đức thiện nghiệp của nhà vua đã làm, tất cả hoa quả sông hồ và vật dụng vui chơi đùa giỡn trong các cõi Trời, tự nhiên che kín hiện rõ ra trước mặt nhà vua. Thứ năm là phòng ốc quý báu, nhà vua đi vào phòng ốc đó muốn nhìn thấy mặt trăng-mặt Trời và tinh tú, tất cả các loại đồ chơi quý báu-ca nhi âm nhạc rất kỳ lạ trong phòng ốc đều nghe thấy, lập tức tiêu tan mọi sự ưu sầu buồn bực và tất cả mọi trạng thái mệt mỏi không còn, ở trong giấc ngủ cảm nhận sự thanh thản dễ chịu vô cùng. Thứ sáu là y phục quý báu, tất cả y phục của nhà vua không giống như vải vóc lụa là ở thế gian, mà là loại vải làm từ loại tơ mềm mại bậc nhất, tất cả bụi bẩn không thể nào chạm vào làm cho dơ bẩn. Mặc y phục quý báu ấy vào thì xa lìa mọi sự lạnh nóng đói khát buồn lo phiền muộn, mà nước lửa gươm dao... cũng không thể nào làm

tổn hại được. Thứ bảy là vật dụng quý báu sử dụng dưới chân, đó gọi là các loại giày dép sử dụng cho đôi bàn chân. Nếu nhà vua mang vào thì vượt qua nước không chìm, đi vào lửa không cháy, cho dù đi xa đến trăm ngàn do tuần nhưng không cảm thấy mệt mỏi vất vả gì. Đây gọi là bảy loại vật báu êm dịu của Luân vương, là phần nhỏ của tập khí công đức trong mười thiện nghiệp, không phải là đích thực đầy đủ mười thiện nghiệp đạo".

Lại trong kinh Trung A-hàm nói: "Nếu như lúc Chuyển-luân-vương xuất hiện ở thế gian, nên biết rằng có bảy vật báu này xuất hiện giữa thế gian. Như vậy lúc Như Lai Vô sở Trước Đẳng Chánh Giác xuất hiện giữa thế gian, nên biết rằng cũng có bảy chi quý báu xuất hiện ở thế gian. Sao nói là bảy chi? Đó là: 1- Niệm Giác chi quý báu. 2- Trạch Pháp giác chi quý báu; 3- Tinh tiến giáo chi quý báu; 4- Hỷ giác chi quý báu; 5- Tức giác chi quý báu; 6- Định giác chi quý báu, 7- Xả giác chi quý báu".

Thứ tư- PHẦN ĐẢNH SANH

Như Kinh Hiền Ngu nói: "Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Vô lượng A-tăng-kỳ kiếp quá khứ, ở cõi Diêm-phù-đề này có một vị Đại vương, tên gọi là Cù-tát-ly, cai quản bốn thế giới, có tám vạn bốn ngàn nước nhỏ, có hai vạn phu nhân cung nữ, 1 vạn Đại thần. Lúc ấy trên đỉnh đầu nhà vua bỗng nhiên mọc ra một mụn nước, hình dạng giống như cái kén, sạch sẽ trong suốt cũng không đau đớn gì. Về sau lớn bằng quả bầu, bèn dùng dao xẻ ra xem, thấy có một đứa bé, tướng mạo thật là đoan chánh. Đại vương đã băng hà, đảnh Sanh lên làm vua, bảy báu đầy đủ, cơm ăn áo mặc âm nhạc tự nhiên làm cho vui sướng, trải qua tám vạn bốn ngàn năm, lúc ấy có Dạ-xoa hiện ra ở trước cung điện, cao tiếng xướng lên rằng: Đông phương có đất nước tên gọi Phất Bà Đề, trong đó nhiều vui thú sung sướng tốt lành không gì sánh được, Đại vương nên đến nơi ấy! Nhà vua liền thích ý mong muốn lên đường, vòng vàng lại xoay chuyển lướt hư không mà tiến lên, quần thần và bảy báu thảy đều đi theo. Đã đến cõi kia, các Tiểu vương cùng nhau đến bái kiến chúc mừng. Nhà vua ở tại đất nước ấy tự hưởng thụ năm thứ dục lạc trải qua tám ngàn năm, Dạ-xoa lại nói: Tây Phương có đất nước tên gọi Cù Di Ni, nhà vua nên đến nơi ấy! Vẫn ra đi như trước. Trải qua mười bốn ức năm, Dạ-xoa lại xướng lên: Bắc phương có đất nước tên gọi uất đan Việt, nhà vua nên đến nơi ấy! Vẫn ra đi như trước. Trải qua mười tám ức năm, Dạ-xoa lại xướng lên: Có Xứ sở của Tứ Thiên Vương, nơi ấy sung sướng

vui thú khó tính kể được, nhà vua có thể dạo qua nơi ấy! Nhà vua cùng với quần thần và bốn loại quân binh cưởi hư không mà lên phía trên, Tứ thiên Vương trông thấy từ xa trong lòng rất sợ hãi, lập tức tập hợp quân đội ra ngoài thành chống cự, nhưng cuối cùng không làm gì được. Đảnh Sanh vào trong đó nhàn rỗi hưởng thụ vui sướng, trải qua mười ức năm, trong ý lại nghĩ, muốn lên trên cõi Trời đao lợi, liền cùng với quần thần đạp hư không mà bước lên. Lúc ấy có năm trăm vị Tiên trú tại lưng chừng núi Tu di Voi ngựa của nhà vua ỉa đái rơi xuống thấm ướt thân thể của các vị Tiên, các vị Tiên hỏi nhau, vì sao có chuyện này? Trong đó có người trí tuệ nói cho mọi người biết rằng: Tôi nghe vua Đảnh Sanh muốn lên trên cõi Trời thứ ba mươi ba, chắc chắn là voi ngựa lỡ gây ra điều bất tịnh này. Các vị Tiên căm giận liền kết thần chú, làm cho vua Đảnh sanh và mọi người đi theo đều dừng lại không thể nào di chuyển. Sau đó nhà vua biết chuyện, liền lập thệ nguyện: Nếu tôi có phước thì những người Tiên này tất cả đều sẽ đến tiếp nhận uy cảm của nhà vua. Năm trăm vị Tiên đều đến bên cạnh nhà vua, nâng vòng báu điều khiển ngựa cùng nhau đến cõi Trời phía trên, chỉ trong phút chốc từ xa nhìn thấy cung thành cõi Trời, tên gọi là Khoái Kiến, cảnh tượng đó sáng ngời cao vời vô cùng đặc biệt. Cung thành Khoái Kiến này có hai trăm cửa, chư thiên sợ hãi nên đóng hết các cửa đặt vào ba lớp cửa sắt. Quân lính của Đảnh Sanh dứt khoát tiến vào không nghi ngờ gì, nhà vua liền lấy tù và thổi lên giương cung bắn tên, một ngàn hai trăm cửa thành ngay trong một lúc đều mở ra. Đế Thích liền đi ra cùng gặp gỡ nhau, nhân tiện mời vào cung điện cùng phân chỗ ngồi với nhau Thiên Đế và Nhân Vương diện mạo tương tự cùng chung chủng loại, người mới trông thấy họ không thể nào phân biệt được, chỉ dựa theo nhìn nháy mắt nhanh chậm để biết khác nhau mà thôi. Nhà vua ở cõi Trời hưởng thụ năm thứ dục lạc khắp nơi cõi Trời thứ ba mươi ba, cuối cùng muốn hại đế Thích để một mình làm bá chủ cho vui sướng. Tâm ác đã phát sanh thì ngay lập tức phải rơi xuống, ngay trước cung điện của mình uể oải muốn chết. Mọi người đến thăm hỏi, Đảnh Sanh đáp rằng: Thống lĩnh bốn khu vực, 30 ức năm bảy ngày mưa vật báu và ở tại hai cõi Trời, mà không hề thỏa mãn cho nên phải rơi xuống!

A-nan lại thưa hỏi: Vua Đảnh Sanh này kiếp trước gieo trồng phước thiện gì mà được báo ứng to lớn như vậy? Đức Phật bảo rằng: Thời quá khứ trước kia không thể tính được số kiếp có Đức Phật danh hiệu Phát Sa, cùng với chúng đệ tử của Ngài đi khắp nơi giáo hóa thế gian. Lấy con trai của Bà-la-môn đến lúc sắp cưới vợ, tay cầm nhiều hạt

đậu dùng để rải trên thân thể người vợ, là nghi thức đón vợ về của thế tục xưa kia. Giữa đường gặp Đức Phật nên tâm ý hoan hỷ, liền mang số đậu này cung kính rải trên Đức Phật, bốn hạt rơi vào bình bát-một hạt nằm trên đỉnh đầu. Nhờ vào nhân duyên này mà nhận được phước báo vô cùng tận, bốn hạt rơi vào bình bát thì làm vua bốn thế giới, một hạt nằm trên đỉnh đầu thì hưởng thụ vui sướng trên hai cõi Trời",

Lại trong kinh Đảnh Sanh Vương Cố Sự nói: 'Lúc bấy giờ Đảnh Sanh vừa sinh ra ý niệm này, lập tức đang ngồi ở cõi Thích Đề Hoàn Nhân liền rơi xuống cõi Diêm-phù-đề, và bốn đội quân mất hết thần túc, toàn thân đều đau đớn như người lúc sắp chết, bảy vật báu cũng đều mạng chung. Lúc bấy giờ thân thuộc của Đại vương ở năm xứ sở thảy đều tập trung lại, đến nơi Đảnh Sanh thưa với Đảnh Sanh rằng: Sau khi Đại vương mạng chung có đầy đủ mọi sự khổ đau!

Vua Đảnh Sanh lúc bấy giờ chính là thân Ta ngày nay. Nên biết rằng ngay cả năm thứ dục lạc mà không hề thỏa mãn thì nhiễm trước tụ tập tích chứa dục lạc không chán. Cái gọi là đủ ấy, thì đến được đạo quả Hiền Thánh rồi sau đó mới đủ. Bấy giờ Đức Thế tôn liền thuyết kệ rằng:

Không tham đắm sự nghiệp tiền tài,
Hiểu biết ham muốn vừa thỏa mãn
Vui thì ít mà nhiều khổ não,
Người trí tuệ biết mà không làm
Giả sử ở trong cảnh ngũ dục,
Hoàn toàn không tham ái dục lạc
Tham ái hết rồi thì được vui,
Là đệ tử chư Phật ba đời.
Tham dục trói buộc lợi cho nhiều,
Cuối cùng thì rơi vào địa ngục
Tham dục vốn có đâu được sanh,
Suốt đời làm đau khổ vô cùng
Tất cả các pháp đều vô thường,
Sanh ra tất nhiên phải hủy hoại
Đời đời đều trở về điểm cuối,
Diệt trừ tham ái vui bậc nhất.

Lúc bấy giờ Tôn giả A-nan nghe Đức Phật đã thuyết, hoan hỷ vâng mạng thực hành như pháp".

Lại trong kinh Khởi Thế nói: "Luân vương xả mạng nhất định sanh lên cõi Trời, cùng sanh vào xứ sở giống như cõi Trời thứ 33, từ khi

mạng chung về sau mới trải qua bảy ngày , bảy vật báu cũng đều dần dần ẩn kín”.

Thứ năm- **PHẦN DỤC VƯƠNG**

Như Kinh Tạp A-hàm nói: Lúc bấy giờ Đức Thế tôn từ sáng sớm khoác y ôm bát, cùng với các Tỳ kheo đi vào thành Vương-xá khất thực. Lúc ấy tướng ánh sáng của Đức Thế tôn chiếu rọi khắp nơi giống như ánh sáng của ngàn mặt Trời, thuận theo từng ngõ xóm mà đi. Lúc ấy có hai trẻ nhỏ, một trẻ họ Thượng, một trẻ họ Thứ, cùng nhau vui đùa ở giữa cát, một trẻ tên là Xà-da, một trẻ tên là Tỳ-xà-da, từ xa trông thấy Đức Thế tôn đi đến, ba mươi hai tướng đại nhân trang nghiêm thân thể Ngài. Lúc ấy trẻ nhỏ Xà-da trong tâm nghĩ. Mình nên bột gạo rang tự tay bưng lên cát mịn đặt vào trong bình bát của Đức Thế tôn. Lúc ấy trẻ nhỏ Tỳ-xá-da chấy tay tùy hỷ, mà nguyện rằng: Nhờ công đức thiện duyên bố thí ân huệ khiến được làm vua đứng đầu một thế giới, ngay tại đời này được cúng dường, thậm chí được thành tựu vô Thượng Chánh Giác! Đức Thế tôn biểu lộ tướng trạng mỉm cười. Bấy giờ A-nan thấy Đức Thế tôn mỉm cười, liến chắp tay hướng về Đức Phật thưa rằng: Thứa Đức Thế tôn! Không phải không có nhân duyên mà biểu lộ tướng trạng mỉm cười như vậy? Bấy giờ Đức Thế tôn bảo với A-nan rằng. Nay ta mỉm cười là có nhân duyên, A-nan nên biết rằng sau khi Ta diệt độ một trăm năm, đứa bé này ở ấp Ba Liên Phất thống lĩnh một phương làm Chuyển-luân-vương, họ là Khổng Tước, tên là A Dục, dùng chánh pháp để cai trị cảm hóa, lại còn phân bố Xá-lợi của Ta khắp nơi sẽ làm ra tám vạn bốn ngàn tòa tháp thờ pháp vương tạo sự an lạc cho vô lượng chúng sanh, như kệ đã thuyết rằng:

Vào sau khi Ta nhập Niết-bàn,
Người này sẽ làm một vị vua,
Họ là Khổng Tước tên A Dục,
Ví như vị vua tên Đảnh Sanh
Ở tại cõi Diêm-phù-đề này,
Một mình vua được đời tôn kính.

Đức Phật bảo với A-nan: lấy cát đã bố thí trong bình bát này đặt vào nơi Như Lai kinh hành khiến cho sẽ sanh ra ở nơi ấy! A-nan vâng theo lời dạy, lập tức lấy cát trong bình bát đặt vào nơi Đức Phật kinh hành. A-nan nên biết rằng, ở ấp Ba Liên Phất có vị vua tên là Nhật Nguyệt Hộ, vị vua ấy sẽ sanh con trai, tên gọi là Tần Đầu Sa La, sẽ cai trị đất nước ấy. Người ấy lại có thêm con trai, tên gọi là Tu Sư Ma. Lúc

ấy nước Chiêm bà kia có một Bà-la-môn nữ, rất là đoan chánh, khiến cho người ta thích gặp mặt, là vật báu của đất nước. Các thế hệ Tướng sư trông thấy tướng người nữa ấy, liền ghi nhận người nữ ấy sẽ làm một vị vương Phi, lại sanh được hai con trai, một người sẽ thống lĩnh toàn thế giới, một người sẽ xuất gia học đạo tương lai gặp được Thánh tích. Lúc ấy Bà-la-môn nghe Tướng sư kia đã nói mà hoan hỷ vô cùng, liền trang điểm nghiêm túc cho con gái cho vị vua này, vị vua trông thấy cô gái đó đoan chánh có đức hạnh, liền phong làm phu nhân. Phu nhân trước và các thể nữ, thấy phu nhân ấy đến thì dấy lên nghĩ rằng: Cô gái này đoan chánh là vật báu trong đất nước, nhà vua vất bỏ chúng ta thậm chí mắt cũng không nhìn đến! Các thể nữ liền khiến học tập theo nghề thợ cạo râu tóc. Cô gái ấy học biết rồi chăm sóc râu tóc cho nhà vua. Lúc chăm sóc nhà vua rất hoan hỷ, liền hỏi cô gái ấy: Khanh có điều gì mong cầu chăng? Cô gái thưa với nhà vua rằng: Chỉ mong tâm nhà vua ái niệm đến thiếp mà thôi! Thưa ba lần như vậy, lúc ấy nhà vua nói: Trẫm là Sát lợi quán đảnh vương, khanh là thợ cạo râu tóc, làm sao ái niệm đến kha những? Cô ấy thưa với nhà vua rằng: thiếp không phải là sanh ra trong dòng họ thấp hèn, mà chính là con gái của dòng Bà-la-môn cao quý, tướng suy với cha thiếp rằng: Cô gái này nên gả cho Quốc vương, vì thế cho nên đã đến đây mà thôi. Nhà vua nói: Nếu như vậy thì ai khiến khanh học theo nghề thấp kém này? Cô gái thưa với nhà vua rằng: Chính là phu nhân cũ và các thể nữ khiến thiếp học nghề này. Nhà vua liền truyền chỉ rằng: Từ nay đừng tiếp tục làm nghề thấp kém nữa! Nhà vua liền lập làm Đệ nhất phu nhân, nhà vua luôn luôn cùng với phu nhân ấy tự nhiên vui thú với nhau, vẫn thường gần gũi nên đã mang thai, đủ ngày tháng sanh ra con trai. Lúc sanh được an lành mẹ không lo lắng phiền muộn gì, qua bảy ngày sau đặt tên gọi là Vô ưu. Lại tiếp tục sanh con trai tên gọi là Ly Ưu, Vô ưu thì thân thể thô ráp (Bởi vì bố thí cát mà được quả tương tự) vua cha không gần gũi lắm mà tình cảm cũng không mặn nồng. Vả lại nhà vua muốn thử hai người con, cho gọi Bà-la-môn Tân Già La A Thời nói rằng: Hoà thượng xem các con của Trẫm, vào sau khi Trẫm qua đời ai sẽ làm vua! Bà-la-môn nói: Mang các Hoàng tử này ra ngoài kinh thành ở trong nhà khách vườn cây điện vàng lộng lẫy, ở nơi ấy sẽ quán sát tướng trạng của họ; cho đến khi ra khỏi kinh thành hướng về vường cây ấy, thì mẹ của vua A Dục nói rằng: Theo nhà vua ra ngoài hướng đến trong nhà khách vườn cây-điện vàng lộng lẫy để quán sát các Vương tử ai sẽ làm vua, nay con vì sao lại không đi? A Dục thưa rằng: Nhà vua đã không nghĩ đến con, lại

cũng không thích trông thấy con. Người mẹ lại nói rằng: Nhưng con hãy đi đến chỗ ấy! A Dục lại thưa với mẹ rằng: Bây giờ thì con sẽ đi, mong mẹ sẽ đưa cơm đến cho con! Mẹ nói: Đúng như vậy. Lúc ấy ra khỏi cửa thành, thì gặp một vị Đại thần, tên gọi là A Nậu La Đà. Vị đại Thần này hỏi A Dục rằng: Nay Vương tử đi đến nơi nào? A Dục đáp rằng: Nghe nói Đại vương rời khỏi cung điện vàng son đến nhà khách trong vường cây để xem các Vương tử ai sẽ làm vua sau khi Đại vương băng hà, nay đang hướng đến nơi ấy. Trước đó nhà vua truyền cho Đại thần, nếu A Dục đi thì nên khiến cưỡi con voi già chậm chạp mà đi, lại đem theo người già để làm quyến thuộc. Lúc ấy A Dục cưỡi con ngựa già này đi đến trong nhà khách giữa vườn cây, ngồi dưới đất ở giữa các Vương tử. Lúc ấy các Vương tử đếu đang ăn cơm, mẹ A Dục lấy đồ sành đựng cơm canh đưa đến cho A Dục, như vậy các Vương tử đều ăn đồ ăn thức uống của mình. Lúc ấy vua cha hỏi Tướng sư rằng: Trong các Vương tử này ai có tướng làm vua để sau này kế thừa ngôi vị của Ta? Lúc ấy Tướng sư kia nhìn qua các Vương tử, thấy A Dục có đủ tướng mạo làm vua sẽ được kế thừa ngôi vị, nếu như mình nói ra thì nhà vua sẽ buồn lo không vui, bèn nói rằng: Nay tôi ghi nhận toàn bộ. Nhà vua đáp rằng: Như lời Tướng sư đã dạy: Tướng sư nói: Trong này nếu có ai đi đến bằng cổ xe tốt nhất thì người này sẽ làm vua. Lúc ấy các Vương tử nghe Tướng sư đã nói, đều nghĩ rằng: Mình đi đến bằng cổ xe tốt nhất. Lúc ấy A Dục nói: Tôi cưỡi con voi già tôi được làm vua. Lại nói: Trong này có người ở chỗ ngồi thứ nhất, người đó sẽ làm vua. Các Vương tử đều nói rằng: Tôi ngồi chỗ ngồi thứ nhất. A Dục nói: Nay tôi ngồi trên đất là chỗ ngồi tốt đẹp của tôi, tôi sẽ làm vua. Lại nói: Trong này ai ăn cơm bằng đồ dùng quý báu, người này sẽ làm vua. Thậm chí A Dục nghĩ rằng: Mình có cổ xe tốt đẹp, chỗ ngồi tốt đẹp. Lúc ấy nhà vua quán sát tướng mạo các con xong thì lập tức trở về cung thành. Lúc ấy mẹ A Dục hỏi A Dục rằng: Ai sẽ làm vua, Bà-la-môn ghi nhận ai vậy? A Dục thưa rằng: Cỗ xe trên cao-chỗ ngồi trên cao-đồ dùng quý báu-thức ăn sang trọn sẽ được làm vua, con tự thấy mình sẽ làm vua, voi già làm cỗ xe, lấy mặt đất làm chỗ ngồi, đồ dùng xưa nay đựng cơm canh, gạo tấm lẫn lộn nấu làm cơm. Lúc ấy Bà-la-môn xem tướng biết A Dục sẽ làm vua, nhiều lần cung kính bày tỏ với người mẹ, người mẹ cũng trọng thưởng cho Bà-la-môn, nếu con trai làm vua thì Tướng sư nên làm cho tất cả đều được tốt lành may mắn thuận lợi, cúng dường suốt đời.

Lúc ấy vua Tần Đầu La bên cạnh nước Đức Xoa Thi La làm phản, bấy giờ nhà vua nói với A Dục. Con đem bốn đội quân đánh dẹp nước

ấy. Lúc Vương tử ra đi cũng không mang theo binh giáp, lúc ấy những người tùy tùng thưa với Vương tử rằng: nay đến đánh dẹp nước kia, không có quân và binh khí thì làm sao có thể dẹp yên? A Dục nói: Nếu ta làm vua, thiện căn quả báo ấy sẽ có binh giáp tự nhiên cảm ứng mà đến. Lúc phát ra lời này, theo âm thanh mặt đất mở ra quân linh và khí giới từ lòng đất mà xuất hiện, lập tức dẫn bốn đội quân đi đánh dẹp nước ấy. Lúc ấy nhân dân các nước kia nghe tin A Dục đến, liền sửa sang làm bằng đường sá trang hoàng thành quách rạng rỡ, tay bưng bình nước tốt lành và các loại cúng dường cung kính đón tiếp Vương tử, mà cất tiếng thưa rằng: Chúng tôi không phản lại Đại vương và A Dục Vương tử, nhưng các hạng quan lại làm hại đến chúng tôi, vì vậy cho nên làm trái sự dẫn dắt của Thánh Hiền. Lập tức dùng các loại cúng dường Vương tử thỉnh cầu đi vào kinh thành. Dẹp yên đất nước này rồi, lại truyền lệnh đi đánh dẹp nước Khư Sa. Lúc ấy có hai Đại lực sĩ ở nước ấy sửa sang làm phẳng đường sá cho vua đi, chư thiên truyền đi mệnh lệnh, A Dục sẽ làm vua thế giới này, mọi người đừng dấy lên ý định chống lại, Quốc Vướng ấy sẽ lập tức làm vua cho phải thuần phục, như vậy cho đến dẹp yên thế giới này đến tận bờ biển. Lúc ấy vua cha lâm bệnh nặng, nhà vua nói với các quan rằng: Nay Ta muốn lập Tu Sư Ma làm vua, truyền lệnh cho A Dục đi đến nước kia! Lúc ấy các quan muốn để cho A Dục làm vua, nên dùng các vật màu vàng xoa trên thân thể và mặt mũi chân tay A Dục rồi, các quan thưa với nhà vua rằng: Vương tử A Dục nay mắc phải bệnh nặng. Các quan lập tức trang điểm nghiêm túc cho A Dục rồi dẫn đến nhà vua thưa rằng: Nay tạm thời lập vị Vương tử này làm vua, sau đó chúng thần sẽ từ tử lập Tu Sư Ma lên làm vua. Lúc ấy nhà vua nghe nói như vậy thật sự không vui, lặng lẽ không trả lời. Lúc ấy A Dục tâm nghĩ miệng nói: Con nên chính thức được kế thừa ngôi vị làm vua, chư thiên tự nhiên đến lấy nước rưới trên đỉnh đầu con- dùng lụa trắng buộc trên đầu, lúc ấy nhà vua trông thấy tướng mạo này trong lòng vô cùng sầu não, liền thở dài mà mạng chung. Vua A Dục theo đúng lễ nghi phép tắc tiến hành tang sự vua cha xong, liền lập A-nậu-lâu-đà làm đại thần. Lúc ấy Vương tử Tu Sư Ma nghe tin vua cha băng hà, nay lập A Dục làm vua, trong lòng không chịu nổi, lập tức tập hợp quân lính mà tiến đánh A Dục. Vua A Dục trong bốn cửa thành, hai cửa giao cho hai lực sĩ canh giữ, cửa thứ ba giao cho đại thần canh giữ, tự mình canh giữ cửa phía đông. Lúc ấy A-nậu-lâu-đà rất cơ mưu làm ra con voi gỗ, lại làm hình tượng của vua A Dục, giống như cưỡi trên lưng voi đặt ở ngoài cửa phía đông. Lại làm hầm lửa không có

khói dùng đồ vật che phủ lại. Tu Sư Ma đã đến nơi, đại thần A-nậu-lâu-đà nói với Vương tử Tu Sư Ma rằng: Ai muốn làm vua thì A Dục ở cửa phía Đông, có thể đến nơi ấy mà đánh nhau, ai có thể thắng được vị vua này thì tự nhiên được làm vua. Lúc ấy Vương tử kia lập tức hướng về cửa phía đông, thì rơi xuống hầm lửa mà bị mất mạng. Có một Đại lực sĩ, tên gọi là Bạt Đà Thân Đà, nghe tin Tu Sư Ma qua đời mà yếm thế bi quan, dẫn theo vô số quyến thuộc vào trong Phật pháp xuất gia học đạo đến quả vị A-la-hán. Lúc ấy các hàng quan lại chúng tôi cùng lập A Dục lên làm vua, cho nên khinh mạn đối với vua không tiến hành theo lễ tiết quân thần. Nhà vua cũng tự mình biết các quan khinh mạn đối với mình, lúc ấy nhà vua nói với các quan rằng: Các ông có thể chặt cây đơm hoa kết trái mà trồng gai góc thay thế vào ư? Các quan đáp rằng: Chưa hề nghe thấy trừ bỏ hoa trái mà trồng cây gai góc, nhưng mà cần phải chặt bỏ cây gai góc để vun trồng hoa trái, thậm chí hai-ba lần sắc lệnh chặt phá, điều đó cũng không làm. Lúc bấy giờ Quốc vương căm giận các đại thần, lập tức cầm kiếm sắt giết chết năm trăm đại thần. Đồng thời vào lúc ấy nhà vua mang theo quyến thuộc thể nữ đi vào trong khu vườn ngoài kinh thành dạo chơi, trông thấy một cây Vô ưu hoa nở sum sê. Nhà vua thấy cây hoa này cùng tên gọi của mình, lòng dạ rất hoan hỷ. Hình thể nhà vua xấu xí da dẻ thô ráp, các thể nữ trong lòng không ưa gì nhà vua, vì ghét nhà vua cho nên dùng tay bẻ gãy làm hỏng những đóa hoa trên cây Vô ưu. Nhà vua từ giấc ngủ tỉnh dậy trông thấy hoa trên cây Vô ưu rơi vãi bừa bộn ở dưới đất, tâm vô cùng tức giận trói các thể nữ dùng lửa đốt chát giết chết. Nhà vua hành động tàn ác cho nên gọi là vua A dục tàn ác. Lúc ấy đại thần A-nậu-lâu-đà thưa với nhà vua rằng: Nhà vua không nên làm theo cách này, tại sao phải vì các hàng quan lại thể nữ mà tự tay mình giết chết người ta, nay nhà vua nên thành lập những người chuyên về việc tàn sát, khi có người đáng tội chết thì đem giao cho những người ấy. Nhà vua lập tức tuyên chỉ thành lập nhóm người làm nghề tàn sát. Nơi ấy có một ngọn núi, gọi là Kỳ Lê, trong núi có gia đình một người thợ dệt, người thợ dệt có một cậu con trai, cũng tên là Kỳ Lê, trói chặt bé trai bé gái đánh đập rất hung ác, và bắt các loài sinh vật dưới nước trên đất, thậm chí chống cự làm trái với cha mẹ, vì vậy cho nên người đời truyền nhau nói là đứa con tên Kỳ Lê hung ác. Lúc ấy sứ giả của nhà vua nói với người kia rằng: Ông có thể vì nhà vua mà chém đầu những người hung ác hay không? Người kia đáp rằng: Tất cả những ai có tội ở cõi Diêm-phù-đề, tôi có thể trừ diệt sạch sẽ, huống là một vùng này ư? Lúc ấy những sứ

giả trở về thưa với nhà vua rằng: Đã tìm được người ấy. Nhà vua nói: Tìm mang đến rồi ư? Các sứ giả gọi người ấy, đáp rằng: Chờ một lát! Trước tiên cung kính từ biệt cha mẹ nói đầy đủ sự việc trên, cha mẹ nói: Con không nên làm đều này! Ba lần khuyên như vậy, người kia sanh tâm bất nhân, lập tức giết chết cha mẹ rồi sau đó mới đến. Các sứ giả hỏi rằng: Vì sao qua một thời gian dài mới đến, tại sao không nhanh chóng đến sớm hơn? Lúc ấy kẻ hung ác kia nói đầy đủ sự việc trên. Sứ giả đem thưa lại đầy đủ với nhà vua, nhà vua lập tức truyền kẻ ấy và nói rằng: ta vốn có những tội nhân cần phải chịu cái chế, ông nên biết điều ấy! Kẻ ấy thưa với nhà vua rằng: Hãy làm nhà cho tôi! Nhà vua làm nhà cho kẻ ấy rất là trang nghiêm, chỉ mở ra một cửa cũng tinh nghiêm vô cùng, ở trong ngôi nhà đó làm những phương pháp trừng trị tội lỗi, hình dạng giống như địa ngục. Kẻ hung ác kia thưa với nhà vua những yêu cầu như nguyện, nếu người này đã bước vào trong này thì không được đi ra nữa. Nhà vua đáp rằng: Sẽ cho phép như mong muốn. Kẻ kia đứng đầu những tay đao phủ, thường thường đến trong chùa nghe các Tỳ kheo nói về sự việc ở địa ngục. Lúc ấy có Tỳ kheo đến tụng kinh nói về địa ngục: Có những chúng sanh sanh vào địa ngục, dùng kềm sắt nóng kéo miệng rộng ra, lấy viên sắt nóng đưa vào trong miệng, sau đó dùng nước đồng sôi rót vào miệng, lại dùng rìu sắt chặt đứt thân thể, tiếp tục lại dùng gông cùm xiềng xích trói chặt thân thể, tiếp tục lại dùng lò than xe lửa, lại đến vạc sắt nóng, lại đến sông tro bụi, lại đến núi dao cây kiếm..., đầy đủ như kinh Ngũ Thiên Sứ đã nói. Kẻ đứng đầu những tay đao phủ kia nghe tất cả những điều về địa ngục mà Tỳ kheo đã nói, về mở cửa trú xứ của mình, thấy những phương pháp được dùng để trị tội giống như trong kinh đã nói, dựa vào những phép tác này mà trừng trị tội nhân. Lại có một người chủ buôn đi vào biển 10 năm, thu thập những ngọc ngà châu báu trở về quê hương của mình, giữa đường gặp năm trăm tên giặc cướp giết chết người chủ buôn, con trai của người chủ buôn thấy cha bị giết chết và vật báu bị cướp mất, chán cảnh đời đau xót mà xuất gia đi qua các nước, sau đó đến ấp Ba Liên Phất, trú đêm nơi này rồi từ sáng sớm khoác y ôm bát đi vào thành khất thực. Lỡ bước đi vào trong khu nhà của những tay đao phủ, lúc ấy Tỳ kheo kia từ xa nhìn thấy trong khu nhà có những hình cụ như lò than xe lửa..., trị tội những chúng sanh, giống như trong địa ngục, trong lòng vô cùng kinh hãi lông tóc đều dựng đứng, liền mong đi ra khỏi cửa. Lúc ấy kẻ đứng đầu hung ác kia liền đi đến nắm lấy Tỳ kheo ấy nói rằng: Người đi vào trong này không có ra được, nay ông phải chết tại đây. Tỳ kheo nghe

nói tâm sinh ra đau xót vô cùng tuôn lệ rưng rựng không kiềm lòng được. Kẻ đứng đầu hung ác kia hỏi rằng: Tại sao ông khóc giống như con nít vậy? Lúc bấy giờ Tỳ kheo dùng kệ trả lời rằng:

Tôi không hề sợ hãi cái chết,
Chí nguyện mong cầu được giải thoát
Điều mong cầu không thành kết quả,
Vì vậy tôi đành khóc nức nở
Thân người thật khó mà có được,
Được xuất gia cũng lại như vậy
Gặp đấng Thích Ca Sư Tử Vương,
Từ nay không thể nhìn thấy lại!

Lúc bấy giờ kẻ đứng đầu hung ác kia nói với Tỳ kheo rằng: Nay ông nhất định phải chết, có gì buồn rầu áo não đâu? Tỳ kheo lại dùng lời đau xót trả lời rằng: Cầu xin sinh mạng trai trẻ của tôi có thể kéo dài một tháng! Kẻ hung ác kia không đồng ý. Như vậy số ngày giảm bớt chỉ có bảy ngày cũng được, kẻ kia liền chấp nhận. Lúc ấy Tỳ kheo này biết mình không bao lâu sẽ chết, nên tinh tiến dũng mãnh ngồi thiền cố gắng dừng mọi tâm niệm, chung quy không thể nào đắc đạo. Đến ngày thứ bảy, lúc ấy trong cung có người liên quan đến tội chết, chuyển đến giao cho kẻ hung ác khiến trừng trị tội lỗi người ấy. Kẻ hung ác đem người nữ này bỏ vào trong cái cối, dùng chày đánh xuống làm cho trở thành nát vụn. Lúc ấy Tỳ kheo trông thấy sự việc này hết sức chán ngán thân thể này, than thở rằng đau khổ thay, không bao lâu mình cũng phải như vậy, bèn nói kệ rằng:

Than ôi đấng Thích Ca Đại Bi,
Diễn thuyết chánh pháp thật vi diệu
Thân hình này như đám bọt nước,
Đối với nghĩa nào có chân thật
Xưa nay là cô gái xinh đẹp,
Bây giờ sẽ đi về nơi nào?
Sanh tử thật là đáng vất bỏ,
Người ngu mà tham lam đắm trước
Buộc tâm lại duyên vào nơi kia,
Nay thích hợp cởi bỏ gông cùm
Khiến vượt qua ba cõi khổ đau,
Cuối cùng không thể sanh trở lại
Chịu khó làm phương tiện như vậy,
Chuyên tâm tinh tiến tu Phật pháp

Đoạn trừ tất cả mọi phiền não,
Được thành tựu bậc A-la-hán.

Lúc ấy người hung ác nói với Tỳ kheo này rằng kỳ hạn đã hết. Tỳ kheo hỏi rằng: Tôi không hiểu lời ông đã nói? Kẻ hung ác kia đáp rằng: Trước đã hẹn bảy ngày, nay đã hết thời hạn rồi. Tỳ kheo dùng kệ đáp rằng:

Tâm niệm tôi nay được giải thoát,
Xa rời vô minh đầy hắc ám
Đoạn trừ phiền não của ba cõi,
Mà giết chết quân giặc vọng tâm
Mặt Trời trí tuệ nay đã mọc,
Quan sát tận tường tâm ý thức
Trông thấy rõ ràng cuộc sanh tử,
Nay luôn luôn thương xót cho người
Tuỳ thuận giáo pháp của Thánh Hiền,
Thân thể này của tôi bây giờ
Mặc ý cho ông sẽ làm gì,
Không có gì đáng để luyến tiếc!

Lúc bấy giờ kẻ đứng đầu hung ác kia nắm Tỳ kheo ấy đưa vào trong vạc dầu sôi, đun thêm củi lửa mà lửa rốt cuộc không cháy được, giả sử có cháy chắc là lại không nóng. Kẻ đứng đầu hung ác thấy lửa không cháy, đánh đập sứ giả mà lửa tự cháy nơi mình, lửa lập tức bùng lên, rất lâu thấy nắp vạc sắt mở ra, Thấy Tỳ kheo kia ngồi trên hoa se trong vạc sắt, sinh tâm hiếm có liền về thưa với Quốc vương, nhà vua lập tức lên xe dẫn theo vô số tùy tùng đến xem Tỳ kheo ấy. Lúc này Tỳ kheo kia đến lúc điều hòa làm cho thuần phục, lập tức thân hình vút lên giữa hư không giống như chim Nhạn Chúa, hiện ra các loại biến hóa kỳ ảo, nhưng kệ đã nói:

Nhà vua trông thấy Tỳ kheo này,
Thân vút lên ở giữa hư không
Lòng dạ thật vô cùng hoan hỷ,
Chắp tay nhìn theo bậc Thánh kia
Nay con có những điều bày tỏ,
Trong ý không thể nào hiểu được
Hình thể không có gì khác người,
Thần thông biến hóa chưa từng có
Xin giải thích phân biệt cho con,
Tu tập những pháp như thế nào

Khiến cho Ngài đạt được thanh tịnh,
Xin phô diễn mở rộng cho con
Khiến cho đạt được pháp thắng diệu,
Con đã hiểu rõ về pháp tướng
Mong được làm đệ tử của Ngài,
Hoàn toàn không có gì ân hận!

Lúc này Tỳ kheo ấy lại dấy lên nghĩ rằng: nay mình điều phục vị vua này, có nhiều điều dẫn dắt, thâu nhiếp duy trì Phật pháp, sẽ phân bố rộng rãi Xá-lợi của Như Lai làm an lạc cho vô lượng chúng sanh, ở cõi Diêm-phù-đề này đều làm cho tin theo Tam bảo, vì nhân duyên này cho nên tự hiển bày đức hạnh của mình. Lúc ấy vua A Dục nghe Tỳ kheo ấy đã nói, tự mình hướng về Đức Phật mà sanh lòng tín kính vô cùng, lại thưa với Tỳ kheo rằng: Lúc ấy Phật chưa nhập Niết-bàn ghi nhận thiết lập ở nơi đâu? Tỳ kheo đáp rằng: Đức Phật ghi nhận ở Đại vương, vào sau khi Ta diệt độ trải qua thời gian một trăm năm, ở ấp Ba Liên Phất có ba ức gia đình, nước ấy có vị vua, tên gọi A Dục, làm vua cõi Diêm-phù-đề này, là vị Chuyển-luân-vương dùng chánh pháp để cai trị cảm hóa, lại còn phân bố truyền đi Xá-lợi của Ta, ở cõi Diêm-phù-đề xây dựng 8 ngàn bốn vạn tòa tháp. Đức Phật ghi nhận về Đại vương như vậy. Nhưng mà hiện nay Đại vương tạo ra địa ngục lớn này giết hại vô lượng nhân dân, nhà vua nên yêu thương nghĩ đến tất cả mọi chúng sanh ban cho họ tâm trạng vô uý khiến được an lành! Lúc ấy nhà vua hướng về với Đức Phật mà sanh lòng tín kính hết sức, chắp tay hướng về Tỳ kheo làm lễ: Con mang tội lỗi to lớn nay hướng về Tỳ kheo xin sám hối, điều con đã gây ra thật là không đáng tha thứ, nguyện cầu tiếp nhận con sám hối xin đừng trách móc hạng người ngu si ngư con, nay con lại cầu xin quy mạng! Lúc ấy Tỳ kheo hóa độ vua A Dục rồi cưỡi hư không mà hóa hình ẩn đi. Lúc ấy nhà vua từ địa ngục kia đi ra, kẻ hung ác thưa với nhà vua rằng: Nhà vua không được đi tiếp! Nhà vua nói: Nay ông giết ta ư? Kẻ ấy nói: Đúng như vậy! Nhà vua nói ai vào trong chỗ này trước tiên? Đáp rằng: Chính là tôi. Nhà vua nói: Nếu như vậy thì ông phải nhận lấy cái chết đầu tiên. Nhà vua lập tức sai người mang kẻ đứng đầu hung ác này, ném vào trong vạc làm keo dùng lửa đốt cháy. Lại truyền lệnh san bằng địa ngục mang lại tâm an lành không còn sợ hãi cho mọi chúng sanh”.

Lại trong kinh Tạp A-hàm nói: “Vua A Dục nói: Nay trước tiên Ta nên cúng dường cội cây Bồ-đề là nơi Phật giác ngộ, sau đó sắp xếp đồ ăn thức uống thơm ngon cúng dường cho Tăng, truyền cho các quan

xướng lệnh ban ra trên khắp đất nước, nay nhà vua bỏ ra mười vạn lượng vàng bố thí chúng Tăng, một ngàn vò nước thơm pha ấm tưới cho cây Bồ-đề, năm chúng mọi nơi đều tập trung! Lúc ấy Vương tử tên gọi là Câu-na-la, ở hai bên trái phải đưa hai ngón tay mà không nói gì, ý muốn cúng dường gấp hai lần. Đại chúng trông thấy như vậy tất cả đều bật cười, nhà vua cũng bật cười mà nói rằng: Chao ôi Vương tử quả là có thêm công đức cúng dường! Nhà vua lại nói: Ta lại dùng ba mươi vạn lượng vàng cúng dường chúng Tăng, lại thêm một ngàn vò nước thơm pha ấm tắm gội cây Bồ-đề. Lúc ấy Vương tử lại đưa lên bốn ngón tay, ý còn muốn gấp bốn lần. Lúc ấy nhà vua nổi giận nói với các quan rằng: Ai dạy cho Vương tử làm điều này để có thể cạnh tranh với Ta? Các quan thưa với nhà vua rằng: Ai dám có thể cạnh tranh cùng với nhà vua, nhưng mà Vương tử có lợi căn trí tuệ tăng thêm công đức, cho nên làm điều này mà thôi! Lúc ấy nhà vua quay đầu về bên phải nhìn Vương tử, thưa với Thượng tọa Da Xá rằng: Ngoài đồ vật trong kho tàng của Trẫm, còn lại tất cả mọi vật của phu nhân thể nữ các quan quyến thuộc và Vương tử Câu-na-la của trẫm trong cõi Diêm-phù-đề thảy đều bố thí cho Hiền Thánh chúng Tăng, xướng lệnh ban ra trên khắp đất nước các chúng Tỳ kheo đều quy tụ, mà nói kệ rằng:

Ngoài vật tích chứa trong kho tàng,
Vật của phu nhân và thể nữ
Quan lại nhân dân và mọi người,
Đều bố thí Hiền Thánh chúng Tăng
Thân ta cùng với thân Vương tử,
Tất cả cũng lại bố thí hết.

Lúc ấy nhà vua, Thượng tọa và Tỳ kheo tăng lấy vò nước thơm pha ấm tắm gội cho cây Bồ-đề, thì cây Bồ-đề càng thêm trang nghiêm tốt đẹp, tăng trưởng tươi tốt sum sê, dùng kệ ca ngợi rằng:

Nhà vua tưới mát cây Bồ-đề,
Là nơi giác ngộ vô thượng đạo
Làm cho cây càng thêm tươi tốt,
Cành lá sum suê thật mềm mại.

Lúc ấy nhà vua và các quần thần sanh tâm vô cùng hoan hỷ, lúc nhà vua tưới mát cây Bồ-đề xong, tiếp theo đến cúng dường chúng Tăng. Lúc ấy Thượng tọa Da Xá nói với nhà vua rằng: Này Đại vương! Nay có nhiều Tỳ kheo tăng tụ hội, nên phát tâm thuần tín cúng dường! Lúc ấy nhà vua tự tay mình cúng dường từ trên xuống dưới. Lại lấy ba y và bốn ức vạn lạng châu báu bố thí cho năm bộ chúng, bố thí nguyện

cầu xong lại lấy 40 ức vạn lạng châu báu chuộc lấy phu nhân-thể nữ và Thái tử-quần thần trong cõi Diêm-phù-đề. Vua A Dục đã làm vô lượng công đức như vậy”.

Lại trong kinh Tạp A-hàm nói: “Vua A Dục hỏi các Tỳ kheo rằng: Ở trong giáo pháp của Như Lai ai là người thực hành bố thí nhiều nhất? Các Tỳ kheo thưa rằng: Trưởng giả Cấp Cô Độc là người thực hành bố thí nhiều nhất. Nhà vua lại hỏi: Vị ấy bố thí bao nhiêu vật báu? Tỳ kheo đáp rằng: dùng ức nghìn vàng. Nhà vua nghe điều này rồi nghĩ rằng: Trưởng giả ấy hãy còn có thể bỏ ra một ức nghìn vàng, nay mình làm vua vì sao lại dùng ức nghìn vàng bố thí, nên dùng ức trăm nghìn vàng để bố thí. Lúc ấy nhà vua xây dựng tám vạn bốn ngàn tòa tháp thờ Phật, ở trong mỗi một tòa tháp ấy lại cúng dường trăm nghìn vàng; lại tiến hành đại hội năm một lần, pháp hội có ba ngàn Tỳ kheo, dùng ba trăm ức vàng ròng cúng dường chúng ấy; trong chúng ấy phần thứ nhất là A-la-hán, phần thứ hai là người tu học, phần thứ ba là phàm phu chân thật. Trừ ra kho tạng riêng tư thì phu nhân, thể nữ-đại thần trong cõi Diêm-phù-đề này đều bố thí cho Thánh tăng, dùng bốn mươi ức vàng ròng để chuộc về lại. Như vậy tính ra đã sử dụng chín mươi bốn ức nghìn vàng. Cho đến khi nhà vua lâm bệnh muốn dùng đủ số ức trăm nghìn vàng để làm công đức, nay ý nguyện không được thỏa mãn, thì đã thành đời sau. Lúc ấy tính toán số lượng vàng bạc châu báu đã bố thí trước sau, chỉ thiếu bốn ức chưa đủ, nhà vua liền lo liệu các thứ châu báu chuyển đến giúp cho trong chùa Kê Tước. Con trai của Pháp Ích tên gọi Tam Ba Đề làm Thái tử, các quan cùng thưa với Thái tử rằng: Đại vương không bao lâu sẽ qua đời, nay đem số châu báu này chuyển giao đưa vào trong chùa, bây giờ tiền bạc châu báu trong kho tàng đã cạn, chủ trương chính sách của các vị vua lấy vật làm tôn quý, nay Thái tử nên quyết định, đừng để Đại vương sử dụng! Lúc ấy Đại vương tự mình không thể nào lấy được các vật dụng, những vật dụng bằng vàng dùng để ăn uống chuyển vào trong chùa. Lúc ấy Thái tử ra lệnh thay vật dụng bằng vàng, lấy vật dụng bằng bạc thế vào. Nhà vua ăn xong lại chuyển vào trong chùa. Lại thay vật dụng bằng bạc lấy vật dụng bằng đồng thế vào, nhà vua cũng cho chuyển vào trong chùa. Lại thay vật dụng bằng đồng lấy vật dụng bằng gốm thế vào, lúc ấy trong tay Đại vương có nửa quả A ma lặc, đau buồn rơi lệ bảo với các đại thần rằng: Nay ai làm chủ đất nước? Lúc ấy các đại thần thưa bày rõ ràng với Đại vương rằng: Đại vương là chủ đất nước. Nhà vua liền nói kệ trả lời rằng:

Các ông có lòng bảo vệ Ta,

Sao lại giả dối nói xằng xiên
Nay Ta ngồi ở trên ngai vàng,
Nhưng không thể nào tự tại được,
Chỉ có nửa quả A Ma Lặc,
Nay đang nắm ở trong tay Ta
Đây chính là đồ vật của Ta,
Thế là ta mới được tự tại
Chao ôi sự tôn kính giàu sang,
Là điều đáng chán đáng vất bỏ
Trước thống lĩnh cõi Diêm-phù-đề,
Nay chốc lát nghèo hèn đã đến
Như nước sông Hằng đã chảy qua,
Một khi qua đi không trở lại
Giàu sang tôn kính cũng như vậy,
Đi qua không thể nào trở lại.

Lúc ấy vua A Dục gọi người hầu nói rằng: Nay ngươi nhớ ân Ta nuôi dưỡng, ngươi cầm nửa quả A ma lặc này chuyển đến trong chùa Kê Tước làm theo ý Ta, lễ lạy dưới chân các Tỳ kheo tăng và thưa rõ ràng: Vua A Dục hỏi thăm sức khỏe tất cả đại chúng, con là vua A Dục thống lĩnh cõi Diêm-phù-đề này, cõi Diêm-phù-đề là tất cả của con, hôm nay bỗng nhiên không còn, không có tiền bạc châu báu để bố thí chúng Tăng, đối với tất cả tài sản mà không được tự tại, nay chỉ có nửa quả A Ma Lặc này con mới được tự tại, đây là bố thí đàn Ba-la-mật lần cuối vùng, mong xót thương con mà tiếp nhận vật bố thí này, khiến cho con có được phước thiện cúng dường tăng! Lúc ấy sứ giả tiếp nhận sắc lệnh của nhà vua rồi, lập tức mang nửa quả này đi đến trong chùa Kê Tước, đến trước thượng tọa năm vóc sát đất lễ lạy cung kính, quỳ thẳng chắp tay hướng về Thượng tọa thưa lại đầy đủ lời dạy của nhà vua trước đó. Lúc ấy Thượng tọa bảo với các đại chúng rằng: Ai nghe lời này mà không chán ngán cuộc đời! Lúc ấy Thượng tọa bảo đem nửa quả này phân cho tất cả chúng Tăng đều được hưởng phần, tức thì chĩ dẫn khiến nghiền thành bột bỏ vào trong canh thạch lựu mà chia đều, tất cả chúng Tăng đều được đầy đủ không thiếu một ai. Lúc ấy nhà vua lại hỏi cận thần rằng: Ai là vua cõi Diêm-phù-đề? Cận thần đáp lời nhà vua rằng: Chính là Đại vương. Lúc ấy nhà vua từ chỗ nằm mà ngồi dậy quay đầu nhìn bốn phía, chắp tay làm lễ nghĩ đến công đức của chư Phật, tâm nghĩ miệng nói: Nay con lại đem cõi Diêm-phù-đề này cúng dường Tam bảo, tùy ý để sử dụng. Lúc ấy nhà vua đem tất cả những

lời này viết trên giấy mà niêm phong lại, dùng răng ấn nhẹ vào. Làm xong việc này thì đã tạ thế. Lúc ấy giờ Thái tử và thần dân an táng nhà vua xong, các quan muốn lập Thái tử tiếp nối ngôi vị nhà vua, trong đó có vị đại Thần tên là A-nậu-lâu-đà, nói với các quan rằng: Không thể nào lập Thái tử lên làm vua, lúc Đại vương còn sống có nguyện làm các công đức đủ một ức trăm nghìn vàng, chỉ thiếu bốn ức không đủ số một ức trăm nghìn vàng, vì vậy cho nên xả bỏ toàn bộ cõi Diêm-phù-đề để cúng dường Tam bảo mong muốn làm cho thỏa mãn, nay đất đai này thuộc về Tam bảo, làm sao có thể lập Thái tử lên làm vua được? Lúc ấy các quan nghe rồi lập tức chuyển giao bốn ức châu báu vàng bạc đưa vào trong chùa, sau đó lập tức con trai của Pháp Ích lên làm vua, tên gọi là Tam Ba Đề".

Tụng rằng:

Sự nghiệp sâu xa lắng trong,
Nhân thanh tịnh xưa giúp đỡ
Bảy vật báu nay tìm đến,
Ngàn người con chung uy lực
Mười thiện cai quản thế giới,
Bốn châu quay về chánh đạo
Không suy nghĩ không thỏa mãn,
Có ý nguyện vĩ đại này
Nắm cách thức con đường lớn,
Côn trùng nuôi giữ tính cách
Tám vạn tuổi thọ tăng thêm,
Ba hai tướng tốt sáng ngời
Quỷ thần phò tá bảo vệ,
Không nói mà như mệnh lệnh
Vui mừng thay giờ đến rồi,
Chuyển luân Thánh vương xuất hiện!

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 44

Thiên thứ 41: QUÂN THẦN

Thiên này có sáu phần: Thuật ý, Vương đức, Vương quá, Vương nghiệp, Vương Phước, Vương đô.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Xưa Như Lai tại thế, chuẩn bị trước vì thời mạt pháp mà nhiều lần dặn dò Đế Thích và các Quốc vương, bởi vì năng lực của Trời có thể phá tan mọi giặc tà, uy quyền của vua có thể dẫn dắt mọi người dân. Nay pháp để lại mà gởi gắm, ý quyết định bởi dựa vào để lưu thông, bởi vì bốn chúng quá yếu kém, sợ rằng Tam bảo bị hủy hoại, dựa vào vua dùng uy quyền làm cho khuất phục, mượn tay vua dùng thế lực để thường uy hiếp, khiến cho người có phẩm hạnh xấu xa chấm dứt tỳ vết của mình, người mỉa mai bôi nhọ khép miệng đừng làm cho rối loạn, giúp nhiều mưu kế đổi mới, quạt làn gió mạnh để lan xa, vừa mới thay đổi bày tỏ từng bước đi, tiếp tục thay đổi gột sạch khắp mọi nơi, chúng sanh bái phục nhờ ân của Thánh đức, Phật pháp lưu truyền nhờ đạo mà hưng thịnh. Đây là nói đến sự gởi gắm dặn dò. Như tục ngữ nói: “Xưa kia Thánh vương thành lập quy định, ý làm cho âm dương có vị trí, quân thần có trật tự, nam nữ có phân biệt, chính lệnh có thứ bậc”. Do đó vua chúa ở phía Nam mà cai trị thiên hạ, nơi ở của Hoàng hậu tại cung phía Bắc, nơi ở của Thái tử tại phía Đông, bậc Thiên tử xây dựng miếu thờ, hàng Vương Hậu thành lập chợ búa, nhật thực thì vương tu dưỡng đức hạnh, nguyệt thực thì hậu làm đẹp hình thể. Đây là nhận thức về vị trí của âm dương. Vì vậy càn bắt đầu từ giờ Tý, cho nên Tý là Thiên chánh, khôn bắt đầu từ giờ mùi nhận định ấy thuộc về sửu, âm không chuyên chế hướng về mà nối theo dương, cho nên sửu là địa chánh. Thánh vương kế thừa theo thiên thứ tự theo địa để thành tựu sự nghiệp của mình, cho nên dần là nhân chánh, ba chánh thay nhau sử dụng có biến đổi không ngừng, vì vậy hàng vua chúa ắt phải giữ lại Thể ba

chánh của hai đời sau. Trong Dịch nói: "Tây Nam được ban, mới đi lại giáo tiếp với nhau; Đông Bắc mất bạn mới cuối cùng có điều thay đổi." Vì vậy khiến cho bề tôi thuận theo với vua, người nữ trở về với người nam. Càn bắt đầu từ Tý, đi về bên trái mà cuối cùng ở tại Tuất; khôn bắt đầu từ Mùi, đi về bên phải mà cuối cùng ở tại Dậu, cho nên dùng người nam coi trọng bên trái-người nữ coi trọng bên phải.

***Thứ hai-* PHẦN VƯƠNG ĐỨC** (đức hạnh của vua).

Dựa theo Du Già Luận nói: "Đại vương nên biết, công đức của nhà vua sơ lược có mười loại, nếu nhà vua thành tựu công đức như vậy, tuy không có nhiều kho tàng-không có nhiều phụ tá-không có quân đội hùng mạnh, mà vẫn đáng quay về nương nhờ. Những gì là mười loại? Đó là: 1- Dòng họ cao quý; 2- Được thanh thản tự tại; 3- Tính tình không tàn bạo; 4- Cơn giận phát ra nhẹ nhàng; 5- Gắng sức tạo mọi ân huệ; 6- Tiếp nhận lời nói chính đáng; 7- Làm việc gì cũng suy nghĩ kỹ càng cố gắng thuận theo lễ nghi phép tắc; 8- Chú ý không quên thiện pháp; 9- Cố gắng tìm hiểu sự sai biệt biết được suy nghĩ những việc đã làm; 10- Không tự tùy ý mình không làm điều buông thả (Trái với mười loại trên cho dù có nhiều kho tàng-nhiều người phụ tá-quân đội hùng mạn nhưng cũng không đáng quay về nương nhờ). Đại vương nên biết, phương tiện của nhà vua sơ lược có năm loại. Những gì là năm loại? Đó là: 1- Khéo quán sát thâu nhiếp tiếp nhận bề tôi; 2- Có năng lực theo thời thực hành công hạnh tốt đẹp để đền ơn; 3- Không sống buông thả chuyên tâm suy nghĩ về những công việc quan trọng; 4- Không sống buông thả gắng sức giữ gìn kho tàng; 5- Không sống buông thả chuyên tâm tu tập pháp hành (Nếu trái với năm hạnh trước thì trở thành năm loại suy tổn-giảm mất phát hiện có và mất đi lợi ích của pháp). Đại vương nên biết, sơ lược có năm loại pháp đáng yêu quý vui mừng. Những gì là năm loại? Đó là: 1- Được cuộc đời kính yêu; 2- Nâng cao tính tự tại; 3- Có năng lực dẹp tan oán địch; 4- Khéo thâu nhiếp nuôi dưỡng mình, 5- Luôn luôn hướng về đường thiện. Lại có năm loại luôn luôn dẫn đến sự đáng yêu quý. Những gì là năm loại? Đó là: 1- Ân nghĩa nuôi sống thế gian; 2- Anh dũng đầy đủ tiết tháo; 3- Khéo léo thích ứng phương tiện; 4- Thẳng thắn tiếp nhận hoàn cảnh; 5- Thường xuyên tu tập pháp hành (Trái với năm loại trên thì gọi là không đáng yêu quý). Lại nữa, các vị Quốc vương có ba loại viên mãn: 1- Quả báo viên mãn; 2- Sĩ dụng viên mãn; 3- Công đức viên mãn. Nếu các vị Quốc vương sanh trong gia đình giàu sang, sống lâu ít bệnh có sự nghiệp họ hàng to lớn, thành tựu trí tuệ câu sanh

thông lôi, thì vị vua này gọi là có quả báo viên mãn. Nếu các vị Quốc vương thích ứng khéo léo với những phương tiện vốn được thâu nhiếp giữ gìn, luôn luôn thành tựu trọn vẹn tính cách anh dũng, thì vị vua này gọi là có sĩ dụng viên mãn. Nếu các vị Quốc vương đảm nhận giữ gìn chánh pháp gọi là pháp Vương, an trú trong chánh pháp, cùng với các cung phi mỹ nữ-Vương tử quần thần anh hùng hào kiệt-mọi người tài ba cao quý trong nước chung lòng tu hạnh bố thí, gieo phước thọ trai giữ gìn cấm giới, thì vị vua này gọi là có công đức viên mãn. Lại nữa, quả báo viên mãn ấy là hưởng thụ quả báo của nghiệp thanh tịnh vốn có từ đời trước, sĩ dụng viên mãn ấy là hưởng thụ kết quả đáng yêu quý của pháp hiện tại, công đức viên mãn ấy là cũng ở đời tương lai hưởng thụ quả báo của nghiệp thanh tịnh viên mãn. Nếu có vị Quốc vương không đầy ba loại viên mãn, thì gọi là người kém đức hạnh. Nếu có quả báo viên mãn, hoặc là sĩ dụng viên mãn hay là cả hai cùng viên mãn, thì gọi là người có đức hạnh bậc trung bình. Nếu đầy đủ cả ba loại viên mãn, thì gọi là người có đức hạnh cao vời".

Lại trong kinh Trung A-hàm nói: "Nếu các vị vua chúa Sát-đế-lợi dùng nước vẩy trên đỉnh đầu, thì được làm người đứng đầu thiên hạ, cai quản chấn chỉnh lại thế giới, có năm nghi thức: 1- Thanh kiếm; 2- Tàn che; 3- Vương miện; 4- Chuôi ngọc phất trần; 5- Giày ủng trang nghiêm và tất cả mọi thứ trừ bỏ tai nạn. Lại có ba hạng bề tôi: 1- Có trung tín mà không có kỹ năng trí tuệ; 2- Có trung tín kỹ năng mà không có trí tuệ; 3- Đầy đủ trung tín kỹ năng trí tuệ. Hạng thứ nhất gọi là bề tôi bình thường, hạng thứ hai gọi là bề tôi trung thành, hạng thứ ba gọi là bề tôi xuất chúng. Nếu như không trung tín-không có kỹ năng cũng không có trí tuệ, nên biết rằng đây là hạng bề tôi thấp kém giữa những bề tôi bình thường".

***Thứ ba*- PHẦN VƯƠNG QUÁ** (Lỗi lầm của vua).

Như kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: "Thậm chí tất cả người thế tục không hỏi đến sang hèn, không được đánh mắng Tam bảo-nô tỳ-súc sanh, cho đến nhận sự lễ lạy của người tín kính Tam bảo-nô tỳ, đều phải chịu tai ương tội lỗi".

Trong kinh Tát Già Ni Kiền tử nói: "Nếu phá hoại chùa tháp hoặc lấy đồ vật của Phật, nếu bày cho người làm mà vui thích hỗ trợ; nếu có Sa môn thân khoác áo hoại sắc, hoặc có trì giới hay phá giới, nếu như giam cầm đánh đập, hoặc buộc phải hoàn tục, hoặc đoạn trừ tính mạng của họ. Nếu phạm vào tội nặng căn bản như vậy, thì quyết định rơi vào

địa ngục nhận chịu khổ đau không gián đoạn. Bởi vì nhà vua làm những điều bất thiện này ngay trong đất nước, cho nên các vị Tiên Thánh bỏ đất nước mà đi, các vị thần linh đại lực không bảo vệ đất nước, đại thần cạnh tranh nhau dấy lên khắp mọi nơi, lũ lụt hạn hán thất thường-mưa gió trái mùa, dân chúng đói kém giặc cướp mặc sức tung hoành, ôn dịch tật bệnh tràn lan người chết vô số, không biết tự mình gây ra mà lại oán Trời trách đất".

Còn trong kinh Nhân Vương nói: "Quốc vương-Đại thần cậy thế mình cao quý hủy hoại tàn phá giáo pháp của Ta, mà dùng sức mạnh để ràng buộc giáo pháp-quản thúc đệ tử của Ta, không cho phép xuất gia-không cho phép tạo tác hình tượng chư Phật, lập ra chức quan chủ trì tất cả-quy định các loại sổ sách ghi chép gán cho chúng Tăng, Tỳ kheo đứng dưới đất-bạch y ngồi trên cao. Vả lại, Quốc vương-Thái tử ngang ngược làm ra pháp tắc quy định, không y theo nhân duyên Phật giáo-phá bỏ nhân duyên của tăng, quan quyền quản lý tăng-đứng đầu trông coi sổ sách về tăng, làm cho khốn khổ vô cùng, Phật pháp không thể tồn tại lâu dài".

Lại trong Du Già Luận nói: "Đại vương nên biết, sai lầm của nhà vua có mười loại: Những gì là mười loại? Đó là: 1- Dòng họ không cao quý; 2- Không được tự tại; 3- tánh tình tàn ác; 4- Cơn giận phát ra dữ dội; 5- Ân huệ ít ỏi quá đáng; 6- Tiếp nhận lời nịnh bợ tà vạy; 7- Việc làm không suy nghĩ không thuận theo lễ nghi phép tắc; 8- Không chú ý gì đến thiện pháp; 9- Không biết gì đến sai biệt quên ân người khác đã làm; 10-Luôn luôn tùy tiện mặc sức làm điều buông thả".

Lại trong kinh Bách Dụ nói: "Xưa có một người, nói đến sai lầm tội lỗi của nhà vua, mà phát ra lời nói như vậy: Nhà vua thật bạo ngược mà chính sách cai trị lại vô lý. Nhà vua nghe lời nói này đã vô cùng giận dữ lại không biết suy xét, để mặc người nịnh hót bên cạnh bắt vị hiền thần này, dựa vào uy quyền sai người lột da lóc xương lấy một trăm lạng thịt. Có người chứng minh vị hiền thần này không nói lời như vậy, tâm nhà vua rất ân hận nên lấy một ngàn lạng thịt dùng để đắp vào xương sống, trong đêm nên la thật vô cùng khổ não. Nhà vua nghe tiếng rên la hỏi rằng: Vì sao mà khổ não, lấy của ông một trăm lạng đền bù cho ông gấp mười lần, ý không đủ chăng, vì sao mà khổ não? Cận thần thưa rằng: Thưa Đại vương, giống như người bị cắt đầu, cho dù có được một ngàn cái đầu khác mà vẫn không tránh được cái chết, tuy thịt được đền bù gấp mười lần nhưng không tránh khỏi sự đau khổ cùng cực! Người ngu cũng như vậy, không sợ quả báo đời sau mà tham đắm niềm

vui ô trược của hiện tại, làm cho chúng sanh đau khổ xúi giục muôn dân lâm vào cảnh khốn cùng; có được nhiều tiền bạc của cải, hy vọng được diệt trừ tội lỗi mà có được phước báo, ví như nhà vua ít cắt xương sống của người-lấy thịt của người, lại lấy thịt nơi khác bù vào mong làm cho không đau đớn, thì điều này thật vô lý!"

Lại trong kinh Tạp Thí Dụ nói: 'Xưa có vị Quốc vương thích ăn thịt người, truyền lệnh cho người đầu bếp rằng: Các ông trong đêm bí mật đi chọn lấy người mang đến để cung cấp cho nhà bếp nấu ăn. Bởi vì thường làm việc này, cho nên các quan đều biết, lập tức cùng nhau xua đuổi ra khỏi biên giới, lại chọn lấy một có tài đức để làm Quốc vương. Thế là ông vua ăn thịt người, trải qua mười ba năm sau trên thân thể mọc ra hai cánh, bay giữa hư không ăn thịt người bất luận gần xa, hướng về Thọ Thần trong núi cầu xin ban cho phước lành, hứa sẽ bắt lấy Quốc vương và năm trăm mạng người cúng tế Thọ Thần trong núi khiến cho con được trở lại làm Quốc vương. Sau đó bay đi bắt người đã bắt được bốn trăm chín mươi chín người, đem về hang núi lấy đá bít lại kín cửa hang. Lúc ấy có vị Quốc vương, dẫn các cung phi mỹ nữ đến hồ tắm đùa vui, mới ra khỏi cửa cung thì gặp một Đạo nhân nói kệ cầu xin giúp đỡ, nhà vua liền đồng ý, khi trở về cung sẽ ban cho vàng bạc. Lúc ấy nhà vua bước vào hồ đang muốn tắm rửa, thì ông vua ăn thịt người từ giữa hư không bay đến cắp nhà vua bay đi, mang trở về trong núi. Quốc vương trông thấy ông vua ăn thịt người, không hề sợ hãi mà nhan sắc vẫn bình thường. Ông vua ăn thịt người nói rằng: ta bây giờ bắt người mang đi để tế Trời, đã được bốn trăm chín mươi chín người, nay bắt được khanh là thêm một người thì số đó đã để giết mà tế Trời, sao ông không sợ? Quốc vương đáp rằng: Người sinh ra thì có chết đi, vật tạo thành thì có hư hoại, hòa hợp thì có chia ly, xưa nay rõ ràng như vậy, cần gì phải lo sợ chứ? Lúc sáng sớm ra khỏi cung, giữa đường gặp một Đạo nhân thuyết kệ cho Ta, Ta đã hứa giúp cho các vật dụng mà nay không giúp được, vì điều này mà hận lòng, nay nhà vua rộng lòng thương xót khoan dung tha cho một ngày, có dịp giúp cho Đạo nhân rồi quay lại không dám làm trái yêu cầu! Ông vua ăn thịt người đồng ý khiến đi đi, mà nói cho biết rằng: Cho ông thời hạn bảy ngày, nếu không quay lại thì Ta đến bắt ông cũng không có gì khó. Quốc vương liền trở về cung, trong ngoài kinh đô không có ai là không hoan hỷ, lập tức mở kho tàng bố thí khắp gần xa, làm lễ tấn phong Thái tử lên ngôi vua, ân cần từ giả dân chúng mà dứt khoát ra đi. Ông vua ăn thịt người trông thấy Quốc vương đến, nghĩ rằng: Người này có thể không lấy làm kỳ lạ ư, từ cõi chết mà được sống

lại nhưng vẫn quay trở về là sao? Liền hỏi rằng: Thân mạng là thứ được quý trọng đối với người đời, mà khanh bỏ mạng sống khó có được của cuộc đời, không biết chí hướng nằm ở nơi nào, mong nói cho biết ý đó vậy! Quốc vương đáp rằng: Chính là ngày Ta bố thí, chí thành nguyện cầu sẽ đạt được quả vị A Duy Việt tam Phật, thệ nguyện hóa độ chúng sanh khắp mười phương. Ông vua ăn thịt người hỏi rằng. Ý nghĩa của sự mong cầu quả Phật, việc ấy như thế nào? Quốc vương bèn nói rộng cho nghe về Ngũ giới-Thập thiện-Tứ đẳng-Lục độ, tâm bắt đầu rộng mở, thuận theo thọ Ngũ giới làm Thanh tín sĩ, nhân đó thả bốn trăm chín mươi chín người khiến tất cả trở về nước. Các vị vua cùng đến nước ấy cảm động tấm lòng thệ nguyện tín thành của Quốc vương mà được cứu mạng, tất cả không chịu quay về đất nước của mình, từng người một xin được ở lại đất nước này, đối với Quốc vương này cùng nhau xây dựng tòa nhà bật nhất, chạm trổ tinh vi hoa-lệ-trang hoàng rực rỡ nghiêm túc chỉnh tề, đồ ăn thức uống y phục giày mũ của các vị Quốc vương cùng với nhà vua không hề sai khác. Người khắp nơi đến hỏi rằng: Vì sao có như vậy, nhà cửa giống như cung điện của vua, đầy khắp nơi trong cả đất nước? Mọi người đáp rằng: Đều là nhà ở của các vị vua. Thế là danh tiếng truyền đi khắp nơi, từ lúc ấy đến nay nơi này được xưng là thành Vương-xá. Đức Phật đắc đạo rồi tự mình nói đầu đuôi sự việc, Quốc vương lập nguyện tín thành lúc ấy chính là thân Ta bây giờ, ông vua ăn thịt người lúc ấy chính là Ương quật ma la bây giờ, trở về thành Vương-xá thuyết pháp mà hoá độ vô lượng người, đều là người có nhân duyên túc mạng trong thời gian làm vua vậy”.

***Thứ tư*- PHẦN VƯƠNG NGHIỆP** (sự nghiệp của vua).

Như kinh Gián Vương nói: “Thời Đức Phật tại thế, có vị Quốc vương tên gọi Bất Ly Tiên Ni, đi ra ngoài lãnh thổ đất nước, con đường đi qua trú xứ của Phật, vào làm lễ Đức Phật xong đến chỗ ngồi mà ngồi.

Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Nhà vua trị nước nên dùng chánh pháp không sai trái lễ tiết phép tắc, thường dùng tâm yêu thương chăm sóc dẫn dắt nhân dân. Vì lẽ đó người được làm Quốc vương thống lĩnh tất cả, đều do túc mạng làm điều thiện mà có được. Xử lý tất cả mọi việc của dân không được cố tình làm sai lạc. Những người công khanh quan lại binh khí cho đến dân thường đều có lời oán trách, nhà vua sửa trị làm điều bất bình thì trong đất nước thảy đều căm giận, thân chết rồi thần thức đi vào địa ngục Thái Sơn, về sau tuy có hối hận nhưng mà

không còn kịp nữa. Nhà vua quản lý đất nước công bằng chính trực, thường theo lễ nghi phép tắc chuẩn mực, quan lại nhân dân ngợi khen đức hạnh khắp nơi đều vui vẻ quy phục, Trời rồng quỷ thần đều nghe đến thiện danh của nhà vua, chết được sanh lên cõi Trời cũng không có gì hối tiếc. Nhà vua không thích dâm dục vô độ tự phóng đãng hủy hoại mình, không vì nóng giận mà ý phát sanh những kẻ giặc còn sót lại. Nên tiếp nhận sự can gián cương trực của hàng trung thần. Lời nói đối với người luôn luôn dùng lời cởi mở rõ ràng, không có điều gì gay gắt ác hiểm. Chỉ có hiếu thuận thương yêu phụng dưỡng cha mẹ, cúng dường tôn kính Sa môn thanh tịnh đức hạnh cao vời, gặp những người già nên kính trọng họ, tất cả tiền bạc châu báu ban cho thần dân cùng nhau vui vẻ, nên dùng tâm thiện bố thí ân huệ cho dân chúng, không vì lời gièm pha mà làm tổn thương tính mạng của dân. Pháp tắc làm một vị vua nên truyền bá Thánh đạo chỉ bày dân chúng làm điều thiện. Chỉ giữ gìn một tâm-tâm giữ lại Tam bảo. Vị vua như vậy, các bậc Thánh Hiền hỏi han khen ngợi, Trời rồng quỷ thần ủng hộ đất nước, lúc sống có danh tiếng vinh quang-khi chết được sanh lên cõi Trời. Vinh hoa địa vị ở thế gian như huyễn hóa như mộng ảo không thể bảo đảm được lâu dài. Lúc người sắp chết thì mọi người trong ngoài đều tụ hội bên cạnh đấm ngực bức tóc than Trời kêu đất đều nói làm sao được, lệ tuôn đầm đìa, chao ôi đau đớn thay! Thần thức linh hồn một mình ra đi bỏ tôi ở lại thế này chăng? Người nghe than thở không có ai không động lòng đau xót, người thấy cảnh buồn không có ai không chia xẻ nỗi đau, chở quan tài đi ra ngoài thành chôn ở nơi hoang vu trống trải, làm thức ăn cho các sâu bọ nghìn thu. Trong thân xác có sâu bọ trở lại ăn tấm thịt nát rữa kia, mặt Trời thiêu cháy gió cuốn tàn thân, xương cốt bày ra khô trắng tang thương. Ngày xưa vinh quang cao quý phảng phất như có như không, cũng như Đại vương, nay thì bỗng nhiên không còn trông thấy nữa. Đây là bằng chứng rõ ràng của cuộc vô thường mộng ảo! Xưa kia như vậy, huống là ở ngày nay! Nhà vua suy nghĩ kỹ càng không còn nghĩ đến dâm dục, không tiếp nhận lời nói nịnh hót gian ngoa, người chứng minh phù hợp tội lỗi nên tiếp nhận sự can ngăn trung thực, sửa trị theo lễ nghi phép tắc, nên sợ nỗi tra khảo trừng trị đau khổ của địa ngục. Các loài chúng sanh đều tham sống sợ chết, không nên giết hại!

Đức Phật thuyết minh xong, nhà vua đã hiểu ý, nguyện xin làm đệ tử, liền thọ trì năm giới, đầu mặt cúi sát đất, cung kính lễ lạy Đức Phật".

Còn trong kinh Ma Đạt Quốc vương nói: "Thời Đức Phật tại thế,

có Quốc vương hiệu là Ma Đạt. Lúc nhà vua đang xuất quân chinh phạt, thì có Tỳ kheo đã đạt được đạo quả La-hán, đến nước ấy khất thực, và gặp được sổ sách, mang đến cổng cung vua. Nhà vua có chuồng ngựa, lệnh cho Tỳ kheo làm chức quan nuôi giữ chăm sóc ngựa, chịu khó chịu khổ bảy ngày, sau lưng nhà vua tự mình đến nhìn quân trận, Tỳ kheo thấy nhà vua, liền ở trước mặt nhẹ nhàng vút lên trên cao bay lượn như chim ở giữa không trung hiện bày uy thần biến hóa. Nhà vua thì sợ hãi rập đầu lạy sám hối lỗi lầm, mình thật là ngu si không phân biệt thật giả, hỏi khắp trong nước, ai lệnh cho người thần làm chức quan giữ ngựa như vậy, nay phải chịu tội chết! Tỳ kheo nói với nhà vua rắng: Không phải lỗi lầm do nhà vua và người trong nước đâu, tự tôi ở kiếp trước hành đạo thường cúng dường thầy tôi, lúc ấy tôi làm cơm cho thầy, Thầy bảo với tôi rằng: Trước tiên hãy rửa tay rồi mới được làm cơm cho Ta. Tâm tôi ngu si nghĩ rằng: thầy cũng không làm quan giữ ngựa, vì sao không rửa tay trước? Thầy liền bảo với tôi rằng: Ông đang nghĩ điều này đơn giản mà thôi, nhưng sau này nghiêm trọng biết bao! Tôi nghe lời này thì ưu sầu vô cùng. Thầy biết ý đó nghĩ rằng: Ta có thể sắp Niết-bàn, tại sao làm cho người khác phiền muộn như vậy? Thế là vào canh ba đêm ấy thì nhập Niết-bàn. Từ trước đến nay trải qua sanh tử trong thời gian dài, nay vì nhân duyên mà nhận lấy tai ương vốn có trước kia, phải giữ gìn ngựa bảy ngày. Nói đến thiện ác hạnh thì nhất định phải có tội phước, giống như bóng đi theo hình. Nhà vua nghe về tội phước cầu xin quy mạng Tam bảo, thọ trì năm giới làm Ưu Bà Tắc. Đức Phật liền vì nhà vua và nhân dân mà thuyết pháp khiến cho đạt được quả vị Tu-đà-hoàn”.

Lại trong kinh Pháp cú nói: “Xưa có vị Quốc vương, dùng chánh pháp quản lý đất nước, dân chúng rất ngưỡng mộ sự cảm hóa của nhà vua, nhưng nhà vua không có Thái tử vì vậy mà rất ưu sầu. Đức Phật đi đến nước ấy, nhà vua tôn kính xin thọ trì năm giới, phụng thờ cung kính không hề lơi lỏng. Có một người hầu cận, tuổi mới 11, thường được nhà vua sai bảo nên rất trung thành tin tưởng phụng pháp không lấy làm vất vả, cuối cùng gặp bệnh nặng liền dẫn đến vô thường. Thần thức cậu bé ấy lại trở về làm con nhà vua, đến năm mười lăm tuổi lập làm Thái tử, vua cha mạng chung nên học tập thay cha làm vua, kiêu mạn tự mình buông thả không quan tâm gì đến việc nước, quan lại chẳng đồng lòng- dân chúng gặp phải tai họa khốn khổ. Đức Phật biết hạng đó không có khả năng nhận biết nguồn gốc, nên dẫn theo các đệ tử hướng về nước ấy. Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Nay nhà vua tự biết mình

có nguồn gốc nơi nào mà đến hay không? Nhà vua thưa: Con vì ngu si che lấp nên không hiểu không biết gì về đời trước. Đức Phật bảo rằng: Đại vương vốn từ năm sự việc mà được làm Quốc vương. Những gì là năm sự việc? Đó là: 1- Bố thí được làm Quốc vương, muôn dân tôn kính dâng tặng cung điện lầu quán tiền của châu báu vô số kể; 2- Xây dựng chùa miếu cúng dường Tam bảo các thứ vật dụng như giường ghế màn trướng, vì vậy được làm vua ở nơi chánh điện ngồi trên tòa cao quản lý đất nước; 3- Tự mình cung kính lễ lạy Tam bảo và các bậc đức hạnh cao vời, vì vậy được làm vua, hết thảy dân chúng không có ai không lễ lạy tôn kính đối với nhà vua; 4- Nhẫn nhục ba nghiệp của thân; 4- Nghiệp của miệng và ý không nghĩ điều ác, vì vậy làm vua, tất cả mọi người trông thấy không có ai không hoan hỷ; 5- Học hỏi thường cầu mong trí tuệ, vì vậy được làm vua, quyết đoán sự việc của đất nước thì không có ai không vâng lệnh thi hành. Đây là năm sự việc đời đời sẽ được làm vua. Đời trước của nhà vua thì làm người hầu hạ sai bảo của Đại vương, thờ kính Phật mà tin tưởng thờ kính pháp mà yêu thích, thờ kính Tăng mà tôn kính thờ kính cha mẹ mà hiếu thuận, thờ kính Quân Vương mà trung thành, thường thực hành dốc lòng tinh tiến bố thí, thân thể vất vả mệt nhọc mà ban đầu không hề chán nản, nhờ phước thiện này theo đuổi mà thân được làm Vương tử, bổ sung vào địa vị của Quốc vương. Nay được giàu sang mà trở lại lười nhác làm cho dân chúng điêu linh! Người làm Quốc vương cần phải thực năm việc. Những gì gọi là năm việc? Đó là: 1- Dẫn dắt quản lý muôn dân không có điều gì oan uổng bất công; 2- Nuôi dưỡng huấn luyện binh tướng thường xuyên cho phép bày tỏ; 3- Nghĩ đến phước đức thiện nghiệp tu tập vốn có khiến cho không đoạn tuyệt, 4- Nên tin tưởng lời can gián thẳng thắn của hàng trung thần, không tiếp nhận lời nói dèm pha mà làm tổn thương đến sự chính trực; 5- Hạn chế tham dục hoan lạc, tâm không buông thả. Thực hành năm sự việc này thì danh tiếng truyền khắp nơi-phước lộc tự nhiên đầy đủ, vất bỏ năm sự việc này thì mọi đạo lý không thể tồn tại. Dân khốn cùng thì nghĩ đến loạn ly, tướng sĩ nhọc nhằn thì thế lực không hùng mạnh, không có phước thì quỷ thần không giúp đỡ, tự cho là đúng thì mất đi lí lẻ to lớn, trung thần không dám can ngăn thì tâm rong chơi buông thả, Quốc vương không quan tâm đến chuyện của dân chúng thì oán giận nhiều lên. Nếu là người như vậy thì thân mạng mất đi khiến cho đời sau sẽ gọi là ông vua vô phước. Ngay lúc ấy Đức Thế tôn lại thuyết kệ rằng:

Người làm tướng lĩnh ở thế gian,

Suy xét đúng đắn không theo cong
Tâm điều phục thắng mọi việc ác,
Như vậy trở thành bậc pháp vương
Thấy đúng đắn có thể tu tuệ,
Lòng nhân ái thích lợi cho người
Đã lợi ích mà còn bình đẳng,
Như vậy mọi người luôn gần gũi.

Lúc Đức Phật thuyết lời này, nhà vua vô cùng hoan hỷ, năm vóc cúi lạy sám hối nhận lỗi, tạ ơn Đức Phật cho pháp đạt được quả vị Tu-đà-hoàn"

Nỗi ưu sầu sanh lão bệnh tử,
Ở trong đó không được giải thoát
Mũi tên độc của vô minh-ái
Hãy còn chưa có thể nhổ ra
Làm vua loài người ông nói sao,
Mà sanh ý tưởng tham trước?
Giống như voi ở trong rừng rậm,
Bốn phía lửa hừng hực bốc cao
Sống nơi nguy cấp hoạn nạn này,
Làm sao có được lòng hoan hỷ
Này Đại vương hãy nên biết rằng,
Địa vị vinh quang trong nháy mắt
Người trí tuệ quán sát sâu sắc,
Không thích hợp với sự việc này
Mà sinh ra ý tưởng hiếm có,
Tại vì sao ông hiểu sai lầm?
Chưa thoát khỏi bào thai sanh tử,
Bất ngờ sinh ý tưởng không sợ
Giặc tham dục cướp phá các căn,
bất ngờ sinh ý tưởng không hãi
Cuộc vô thường chẳng hề vững chắc,
Như quạt Ba Tiêu-như bọt nước
Cũng như mây trôi tụ rồi tán,
Địa vị cao quý của Thiên Vương
Không thể an toàn cũng như vậy,
Làm vua loài người cần phải biết
Tham lợi cuối cùng vút qua nhanh,
Như dòng nước rót vào hang sâu

Dục vọng tùy tiện thường mau lẹ,
Quay đi ngoảnh lại như lấy mất
Ngu si nhiễm trước vì tham dục,
Không tỉnh giác khiến cho sa đọa.

Tôn giả nói: này Đại vương, nay tôi vì nhà vua nói ví dụ sơ lược, nhà vua hãy chí tâm lắng nghe! Ngày xưa có người đi trên đường trống trải, gặp con voi rấy hung dữ, và bị voi đuổi theo, vô cùng sợ hãi bỗng nhiên bỏ chạy mà không nơi nào nương cậy, trông thấy một miếng liền theo rễ cây đi vào ẩn trốn trong giếng, phía trên có hai con chuột đen trắng cùng gặm rễ cây, giếng này bốn phía có bốn con rắn độc muốn chích độc vào người ấy, mà dưới giếng này có ba con rồng vô cùng hiểm độc. Bốn phía sợ bốn con rắn độc, xuống dưới sợ ba con rồng độc, rễ của cây đang bám vào thì cứ lay động, trên cây có năm giọt mật rơi vào trong miệng người. Lúc ấy cây lay động đập vỡ tổ ông, bầy ong bay tán loạn chích khắp thân thể người đó. Có ngọn lửa bốc lên lại cháy lan đến trên cây. Đại vương nên biết! Người kia khổ não không thể nói hết, mà người kia được nếm vị mật rất ít nhưng đau khổ lo sợ rất nhiều. Vị mật nếm được ấy giống như nước trong dấu chân trâu, mà đau khổ lo sợ phải chịu đựng giống như biển rộng bao la; vị mật bằng hạt cải mà đau khổ bằng núi Tu di, vị mật như ánh lửa đom đóm mà đau khổ giống như mặt trăng mặt Trời. Ví như lỗ hổng trong thân ngó sen so với bầu Trời mênh mông, cũng giống như con muỗi so với chim cánh vàng to lớn, vị mật và nỗi khổ não ấy nhiều ít như vậy có thể thấy rõ! Tôn giả nói: Này Đại vương! Đồng rộng mênh mông ấy là ví dụ cho sanh tử, người đàn ông kia là vì dụ cho phàm phu, con voi hung dữ ví dụ cho vô thường, miệng giếng ví dụ cho thân người, rễ cây ví dụ cho mạng người, hai con chuột trắng đen ví dụ cho ngày và đêm, gặm rễ cây là ví dụ cho niệm niệm hủy diệt, bốn con rắn độc là ví dụ cho bốn đại chủng, năm giọt mật là ví dụ cho năm dục, bầy ong là ví dụ cho ác giác quán, ngọn lửa rừng là ví dụ cho già yếu, phía dưới có ba con rồng hiểm độc là ví dụ cho chết rồi rơi vào ba đường ác. Vì vậy nên biết, mùi vị của dục vọng rất ít mà đau khổ lo sợ rất nhiều, sanh lão bệnh tử đối với tất cả mọi người đều được tự tại. Người thế gian thân tâm vất vả mệt nhọc không có nơi nào trở về nương tựa, môi nỗi đau khổ đang bức bách mau lẹ như điện chớp, là điều đáng lo buồn chứ không nên tham đắm!”

***Thứ năm-* PHẦN VƯƠNG PHƯỚC** (Phước thiện của vua)

Như kinh Cựu Tạp Thí Dụ nói: “Xưa có vị Quốc vương đi ra ngoài

thành săn bắn trở về, đi qua một ngôi chùa vòng quanh tòa tháp mà lễ lạy vị Sa môn, quần thần cùng nhau cười điều ấy. Nhà vua hiểu biết nên hỏi quần thần rằng: Có thỏi vàng ở trong nồi nước sôi sùng sục dùng tay lấy được không? Thưa rằng: Không thể lấy được. Nhà vua nói: Các ông lấy nước lạnh đổ vào trong nồi có thể lấy được hay không? Quần thần thưa với nhà vua rằng: Có thể lấy được. Nhà vua nói: Ta làm công việc của một ông vua, đã tạo ra nghiệp săn bắn giống như nước sôi sùng sục, đốt hương thắp đèn đi quanh tháp lễ lạy Tăng, giống như mang nước lạnh rót vào trong nước sôi sùng sục. Người làm vua có hành động thiện ác, đâu phải là chỉ có ác mà không có thiện ư?

Còn trong kinh Ca-diếp nói: "Đức Phật bảo với Ca-diếp: Vô Lượng A-tăng-kỳ kiếp quá khứ có Đức Phật danh hiệu Diệu Hoa, lúc ấy có Luân vương tên gọi là Ni Di, như pháp cai quản thế gian đứng đầu bốn thế giới. Bấy giờ Đại vương thấy hai Đồng tử hóa sanh đã được xuất gia, liền tấn phong Thái tử lên làm vua kế thừa ngôi vị, nhà vua cùng với chín trăm chín mươi chín người con, tám vạn bốn ngàn phu nhân, năm ngàn đại thần và tất cả nhân dân, dùng tín tâm thanh tịnh cùng nhau xuất gia. Lúc bấy giờ Thái tử lên ngôi vua được bảy ngày, trong lòng tự tư duy: Mình chung quy không rời bỏ tâm Tát bà Nhã, cần gì ngôi vị Quốc vương? Dấy lên ý niệm này rồi phát tâm xuất gia, trong mười lăm ngày đi qua bốn thế giới, thuyết kệ nói như vậy:

Cha mẹ và thân thuộc của Ta,
Tất cả mọi người đã xuất gia,
Vô lượng vô số các chúng sanh,
Vì giáo pháp cũng đều xuất gia
Bây giờ Ta ưa thích xuất gia,
Không thích ở cảnh giới ngũ dục
Nhất tâm mong cầu theo Phật đạo,
Ước muốn đi đến chỗ Đạo Sư
Nếu người nào phát tâm xuất gia,
Rời xa ngọn lửa của các dục
Thích hợp nhanh chóng đi theo Ta,
Xa hoạn nạn thật khó có được
Người nào không phát tâm xuất gia,
Không thể rời xa ngọn lửa dục
Làm sao an tâm ở trong nhà,
Làm sao an trú trong Phật pháp?

Này Ca-diếp! Lúc ấy Đồng Tử kia thuyết kệ này rồi, trong bốn

thế giới không có một chúng sanh nào thích ở tại nhà, tất cả đều phát tâm nguyện cầu xuất gia. Đã xuất gia rồi không cần phải gieo trồng thóc lúa, mặt đất ấy tự nhiên sản sinh ra các loại gạo mè, các cây cối tự nhiên có các loại áo quần, tất cả chư Thiên cung cấp hầu hạ để cho sai bảo, tất cả chúng sanh đều đạt được đạo quả".

***Thứ sáu-* PHẦN VƯƠNG ĐÔ** (kinh đô của vua).

Như Kinh Thập Nhị Dụ nói: "Vua Ba tư nặc, thời Tấn nói là Hoà Duyệt. Nước Hữu. Nước Duy da ly, thời Tấn nói là Quảng Đại, có một tên gọi là Độ Sanh Tử. Thành La Duyệt kỳ, thời Tấn nói là Vương-xá thành. Nước Cưu Lưu, thời Tấn nói là Trí Sĩ. Nước Ba-la-nại, thời Tấn nói là Lộc dã, có một tên gọi là chư Phật Quốc. Trong cõi Diêm-phù-đề có 16 nước lớn và tám vạn bốn ngàn khu thành. Có tám vị Quốc vương và bốn vị Thiên tử. Phía Đông có Tấn Thiên tử, nhân dân đông đúc hùng mạnh. Phía Nam có Thiên tử nước Thiên Trúc, đất đai rộng lớn và nhiều voi. Phía Tây có Thiên tử nước Đại Tần, đất đai có nhiều vàng ngọc. Phía Bắc có Nguyệt Chi Thiên tử, đất đai nhiều ngựa hay. Trong tám vạn bốn ngàn khu thành có sáu ngàn bốn trăm giống người, vạn vật âm hưởng đều khác nhau, có bốn mươi sáu vạn ức đồi núi tụ tập, cá có sáu ngàn bốn trăm loại, chim có bốn ngàn năm trăm loại, thú có hai ngàn bốn trăm loại, cây cối có vạn loại, cỏ hoa có tám ngàn loại, các vị thuốc có bảy trăm bốn mươi loại, các mùi thơm có bốn mươi ba loại, vật báu có một trăm hai mươi mốt loại, vật báu cơ bản có bảy loại. Trong biển có hai ngàn năm trăm nước, có một trăm tám mươi nước là người ăn toàn ngũ cốc, có ba trăm ba mươi nước người ta ăn các loại cá tôm rùa ốc. Năm vị vua của năm nước lớn, mỗi vị làm chủ năm trăm khu thành, vị vua thứ nhất tên gọi Tư Lê Quốc, đất đai đều thờ kính Phật chứ không tham gia vào các tà đạo, vị vua thứ hai tên gọi Ca la, đất đai sản sinh ra bảy báu. Vị vua thứ ba tên gọi Bất La, đất đai sản sinh ra bốn mươi loại hương thơm và lưu ly trắng; vị vua thứ tư tên gọi Xà da, đất đai sản sinh ra loại cây Tất bát và Hồ tiêu, vị vua thứ năm tên gọi Na át, đất đai sản sinh ra ngọc trắng và lưu ly bảy màu. Người trong khu thành của năm nước lớn phần nhiều là nhỏ bé da đen, cách nhau sáu mươi lăm vạn dặm, từ nơi này mà tiếp tục chỉ có nước biển mênh mông chứ không có nhân dân, cách núi Thiết vi một trăm bốn mươi dặm".

Còn trong Trí Độ Luận: "Hỏi rằng: Các khu thành lớn như Xá-bà-đề, đều có nhà cửa của các vị vua, tại sao chỉ gọi khu thành này là thành Vương-xá? Đáp rằng: Có người nói là Quốc vương Ma Ca đà con

trai, một đầu-hai mặt bốn cánh tay, người lúc ấy cho rằng điềm không tốt. Nhà vua liền tách đầu khỏi thân hình kỳ quái ấy đem bỏ nơi đồng hoang heo hút. Có nữ quỷ La Sát tên gọi Xà La, ghép thân thể ấy lại mà nuôi nấng chăm sóc, sau lớn thành người, sức lực có thể thâu tóm các vị Quốc vương mà làm chủ thiên hạ, bắt lấy các vị Quốc vương cả thảy một vạn tám ngàn người đưa vào giam trong năm núi này, dùng thế lực hùng mạnh cai quản toàn bộ cõi Diêm-phù-đề. Nhân đó người ta gọi núi này là thành Vương-xá. Lại có người nói: Vua Ma ca đà trước đó ở khu thành này, trong thành gặp hỏa hoạn, một lần cháy một lần làm lại, như vậy đến bảy lần, người trong nước dốc hết sức nên mệt nhọc vô cùng. Nhà vua vô cùng lo sợ, quy tụ những người trí tuệ để hỏi ý kiến của họ. Có người nói: Cần phải di chuyển đến nơi khác. Nhà vua liền tiếp tục đi tìm nơi cư trú, trông thấy năm ngọn núi này bao quanh giống như khu thành, thì làm cung điện cư trú trong đó. Bởi vì nghĩa này cho nên gọi là thành Vương-xá. Lại nữa, vào thời xa xưa, nước này có vị vua tên là bà tẩu, tâm chán ngán pháp thế gian mà xuất gia làm người tu tiên. Lúc này Bà-la-môn tại gia, cùng với các vị xuất gia tu tiên bàn luận với nhau. Bà-la-môn tại gia nói: Trong Kinh Thư nói rằng: Trong dịp tế Trời cần phải sát sinh ăn thịt. Các vị xuất gia tu tiên nói: Không nên trong lúc tế Trời mà sát sinh ăn thịt, cùng nhau tranh cãi qua lại như vậy. Các vị Bà-la-môn xuất gia nói: Ở đây có Đại vương xuất gia làm người Tu tiên, các ông tin không? Các vị Bà-la-môn tại gia nói là tin. Các vị xuất gia tu tiên nói: Tôi lấy người này làm bằng chứng, ngày hôm sau sẽ hỏi. Các vị Bà-la-môn tại gia ngay trong đêm ấy nơi Tiên nhân Bà Tẩu trước, hỏi mọi điều xong nói với Tiên nhân Bà Tẩu rằng: Ngày mai bàn luận, ông nên giúp chúng tôi! Như vậy vào lúc sáng sớm bàn luận, các vị Tiên nhân xuất gia hỏi Tiên nhân Bà Tẩu, trong lúc tế Trời có nên sát sinh ăn thịt hay không? Tiên nhân Bà Tẩu nói: Pháp của Bà-la-môn thì trong lúc tế Trời cần phải sát sanh ăn thịt. Các vị Tiên nhân xuất gia nói: Đối với ông thật tâm thì nói thế nào? Tiên nhân Bà Tẩu nói: Bởi vì tế Trời cho nên cần phải sát sinh ăn thịt, đời này chết ở trong dịp tế Trời cho nên được sanh lên cõi Trời. Các vị Tiên nhân xuất gia nói: Ông thật là sai trái, ông thật là vọng ngữ! Liền nhổ nước bọt nói rằng: Tội nhân hủy diệt đi! Lúc này Tiên nhân Bà Tẩu liền lún sâu vào đất ngập đến mắt cá chân, là lần đầu mở ra cánh cửa của tội lỗi to lớn. Các vị Tiên nhân xuất gia nói: Ông hãy nói thật, nếu như cố tình vọng ngữ thì thân ông sẽ lún sâu vào trong lòng đất. Tiên nhân Bà Tẩu nói: tôi biết vì Trời mà sát sinh ăn thịt là vô tội, lập tức tiếp tục lún sâu

vào đất đến đầu gối. Như vậy dần dần lún vào đất eo lưng rồi đến phần trán. Các Tiên nhân xuất gia nói: Nay ông vọng ngữ phải nhận lấy báo ứng đời hiện tại, hãy dùng lời chân thật, tuy đi vào trong lòng đất nhưng chúng tôi có thể kéo ông ra khiến được trách khỏi tội lỗi. Lúc bấy giờ Tiên nhân Bà Tẩu tự mình tư duy rằng: Mình coi trọng người ta không nên nói hai cách khác nhau, vả lại trong bốn pháp Vi đà của Bà-la-môn có rất nhiều nhân duyên ca ngợi về pháp tế Trời, một mình mình chết đi thì điều ấy đâu đáng để suy nghĩ? Thế là vẫn một mực nói là trong lúc tế Trời mà sát sinh ăn thịt thì vô tội. Các vị Tiên nhân xuất gia nói: Ông gây tội lỗi sâu dày là người bỏ đi không cần phải trong thấy ông. Ngay sau đó toàn thân ngập vào trong lòng đất, từ lúc ấy đến nay thậm chí bây giờ, thường dùng vương pháp của Tiên nhân Bà Tẩu, vào trong dịp tế Trời giết thịt trâu dê, ngay lúc cầm dao hạ xuống nói: Tiên nhân bà Tẩu giết ông. Con trai của Bà Tẩu, tên gọi là Quảng Xa, nối ngôi làm vua, sau cũng chán ngán pháp thế gian ma không thể nào xuất gia, tư duy như vậy: Cha mình trước đây làm vua xuất gia đang sống mà lún vào trong lòng đất, nếu cai quản thiên hạ thì sẽ gây ra rất nhiều tội lỗi, mình nay nên làm gì để tự giải quyết đây? Lúc tư duy như vậy, nghe giữa không trung có tiếng nói rằng: Nếu ông đi ra ngoài mà trông thấy nơi nào kỳ lạ khó gặp được, ông nên ở trong này làm nhà cửa mà cư trú! Nói lời này xong thì không nghe tiếng gì nữa, không bao lâu sau đó nhà vua đi ra ngoài săn bắn, trông thấy có con hươu chạy nhanh như gió, nhà vua liền đuổi theo mà không thể đuổi kịp, tức thì đuổi tiếp chứ không dừng lại, các quan theo hầu không có ai có thể đuổi kịp, chuyển về phía trước trông thấy có năm ngọn núi vây xung quanh cao lớn vững chắc, đất ở đó bằng phẳng vuông vức cỏ mọc ken dày mềm mại hoa nở đẹp đẽ khắp nơi, các loại rừng cây sum sê hoa trái, nước suối nóng-hồ tắm thảy đều thanh tịnh, nơi đó trang nghiêm, đâu đâu cũng có hoa hương cõi Trời rải ra thơm ngát và nghe thấy các loại nhạc cõi Trời phát ra du dương. Lúc bấy giờ Kiền thát bà tấu nhạc réo rắt, vừa trông thấy nhà vua đến thì tất cả tự nhiên quay về. Nơi này hiếm có chưa hề được thấy, nay mình đích thực nên ở trong này làm nhà cửa cư trú. Tư duy như vậy rồi thì quần thần văn võ theo dấu vết mà đến, nhà vua bảo cho các quan biết rằng: Trước đây Ta đã nghe giữa không trung có tiếng nói: Khi ông đi ra ngoài nếu trông thấy nơi nào hiếm có khó gặp, thì ông nên ở trong này làm nhà cửa cư trú, Nay Ta thấy nơi này hiếm có, Ta thuận theo làm nhà cửa cư trú trong này! Thế là bỏ khu thành vốn có đến cư trú trong núi này, đây là vị vua thứ nhất bắt đầu cư trú trong chỗ này. Từ

đây về sau theo thứ tự mà cư trú, vị vua này bắt đầu xây dựng nhà cửa cung điện, cho nên gọi là thành Vương-xá".

Lại Trong Trí Độ Luận nói: "Núi Kỳ Xà Quật, ở đây gọi là núi Thứu Đầu. Hỏi rằng: Vì sao gọi là núi Thứu Đầu? Đáp rằng: Bởi vì đỉnh núi này giống như đầu chim thứu, người trong thành Vương-xá trông thấy đỉnh núi tựa như đầu chim Thứu, cùng nhau truyền tụng nói là núi Thứu Đầu, nhân đó mà đặt thành tên gọi là núi Thứu Đầu. Vả lại, trong rừng Thi đà phía Nam thành Vương-xá có nhiều xác người chết, các loại chim đại bàng thường đến ăn thịt, trở về ở trên đầu núi, người đương thời bèn gọi là núi Thứu Đầu. Núi này cao lớn nhất ở trong năm ngọn núi, có nhiều rừng cây khe suối tốt đẹp là trú xứ của các bậc Thánh nhân",

Còn trong kinh đại Ai nói: " Đức Phật ở tại núi Linh Thứu thành Vương-xá, ấy là nơi đi lại cư trú của chư Phật thời quá khứ, nơi xây dựng uy thần của Như Lai, đạo tràng nơi ấy có các chúng Bồ tát cùng nhau làm nơi thăm hỏi động viên nhau, pháp tòa không giới hạn luôn luôn có các hàng Trời rồng quỷ thần, tất cả cùng nhau quy mạng cúi rập đầu làm lễ".

Lại trong Trí Độ Luận: "Hỏi rằng: Đức Phật yêu thương rộng khắp tất cả, vì sao chỉ an trú tại thành Vương-xá mà không an trú ở các thành khác? Đáp rằng: Củng an trú ở các thành khác nhưng ít hơn, mà phần nhiều an trú tại thành Vương-xá và thành Xá-bà-đề, là vì các thành thuộc nước bên cạnh, lại ở vùng biên địa xa xôi nhiều người tệ ác, thiện căn không thuần thục, cho nên không an trú nơi đó, đồng thời Đức Phật tri ân cho nên an trú nhiều ở hai thành này. Hỏi rằng: Vì sao tri ân mà an trú nhiều ở hai thành này? Đáp rằng: Nước Kiều-tát-la là nơi Đức Phật giáng sanh, đại thành Xá-bà-đề là nơi Đức Phật trở thành bậc pháp vương, cũng ở tại thành này. Hỏi rằng: Nếu tri ân cho nên phần nhiều an trú tại thành Xá-bà-đề, thì thành Ca-tỳ-la gần nơi Đức Phật giáng sanh, vì sao không an trú? Đáp rằng: Đức Phật không còn tậm khí nào khác, gần những nơi thân thuộc cũng không có ý tưởng ràng buộc, nhưng đệ tử dòng họ Thích phần nhiều chưa ly dục, nếu gần thân thuộc thì nhiễm trước tâm tư, vì đền đáp ân tình nơi mình sanh ra cho nên phần nhiều an trú tại thành Xá-bà-đề. Bởi vì tất cả chúng sanh đều nghĩ đến nơi mình sanh ra, như kệ nói rằng:

Tất cả các bậc Thầy luận bàn,
Tự mình tiếp nhận pháp đã biết
Như người nghĩ đến nơi sanh ra,

Tuy xuất gia mà còn tranh cãi.

Bởi vì đền đáp ân thình nơi sanh ra pháp thân cho nên phần nhiều an trú tại thành Vương-xá, chư Phật đều yêu quý pháp thân, cho nên như kệ nói rằng:

Hết thảy chư Phật trong ba đời, quá khư hiện tại và vị lai

Đều cúng dường cung kính pháp thân, là bậc Thầy đáng tôn trọng nhất.

Pháp thân hơn hẳn đối với Sanh thân, cho nên trong hai phần nhiều an trú tại thành Vương-xá”.

Tụng rằng:

Cảm ân đức quân thần, bài văn thiêng gương vàng
Sách quý báu tươi đẹp, thấp thoáng ý đồ vua
Chim ghi nhớ điềm lành, rồng viết rõ niềm vui
Các nước đến triều bái, trăm vua làm bài vịnh
Nêu cao vua uy dũng, con cháu dòng Thánh nhân
Gạt hung ác hiểm trở, cảm uy lực trừ sạch
Yêu thướng che muôn dân, nghiệp lớn tăng thọ mạng
Nghiệp tốt đẹp lắm thay, Thánh vương dựng cơ đồ

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra năm chuyện: 1- Yên thần Trang Tử Nghi; 2- Hán vương Như Ý; 3- Hán Linh Đế; 4- Hán Tuyên Đế; 5- Hán Linh Đế.

1: Trang Tử Nghi là bề tôi nước Yên vô tội, mà Giản công giết hại. Tử Nghi nói: Người chết không biết gì thì đã đành, nếu như có biết chuyện ấy, không quá ba năm thì chắc chắn khiến nhà vua phải biết. Một năm tròn Giản Công cúng tế ở tại ao đầm cho thuê, nước Yên có ao đầm cho thuê, giống như nước Tống có rừng trồng cây dâu, là lễ tế lớn của cả nước. Mọi người già trẻ thấy Tử Nghi đứng ở giữa đường bên trái vác cây gậy màu son đánh Giản Công, Giản Công chết ở trên xe.

2: Hán vương Như Ý là con thứ tư của Hán Cao Đế nhưng con của Lữ hậu sinh trưởng, lập thành hoàng Thái tử, mà mẹ của Như Ý là Thích Phu Nhân được nhà vua cưng chiều. Nhà vua nhiều lần muốn thay Thái tử mà lập Như Ý, quần thần can ngăn, cho nên thuận theo phong Như Ý ở tại nước Triệu, Lữ Hậu vì thế mà căm ghét, đến khi Cao đế băng hà, Lữ hậu truyền gọi Như Ý đến Trường An mà giết hại, còn chặt đứt tay chân của Thích Phu Nhân, gọi là người lộng hành. Sau đó Lữ Hậu đem bỏ ở trên sông Bá Thủy rồi trở về, giữa đường thấy một vật giống như con chó màu xám nhạt bám lấy bên nách Lữ Hậu, thoắt đã không còn

thấy nữa. Bốc quẻ nói rằng: Triệu Vương Như Ý quấy phá. Thế là phát bệnh dưới nách bị tổn thương mà qua đời.

Hai chuyện trên đây trích từ Oan Hồn Chí.

3: Hán Linh Đế nhiều lần dạo chơi ở khu vườn phía Tây, khiến cung phi mỹ nữ trong Hậu cung làm chủ nhân của nhà khách, chính mình làm người buôn đi đến trong nhà, cung phi mỹ nữ bày tiệc rượu, nhân đó cùng nhau ăn uống để chơi đùa vui vẻ. Đại khái là vị Thiên tử này sắp đến lúc mất ngôi nên giáng xuống ở hàng hầu hạ phục dịch vậy. Sau đó Thiên tử liền truyền lại lời xưa nói rằng: Xích ách tam thất. Tam thất là trải qua hai trăm mười Năm, sẽ có biến cố cướp ngôi của thân thích nơi khác, kẻ tà ác lông mày đỏ (Đan mi) soán ngôi cướp lấy ngai vàng cuối cùng vào thời gian mười tám năm (tam lục), lúc ấy có điềm lành rồng bay xuất hiện khôi phục lại cơ đồ của tổ tông. Lại trải qua hai trăm mười năm (Tam thất) sẽ có kẻ tàn ác đầu đội khăn vàng (Hoàng Thủ) nổi lên làm cho thiên hạ đại loạn rồi. Từ khi cao tổ xây dựng sự nghiệp cho đến cuối thời Bình Đế, trong vòng hai trăm mười năm, mà vương Mãnh cướp ngôi, đại khái là vì thân thích của Mẫu Hậu, mười tám năm mà giặc cướp vùng Sơn Đông là Phàn Tử Đô cùng dấy lên, thật sự là kẻ lông mày màu đỏ, cho nên thiên hạ gọi là Xích Mi. Sau đó Quang Phủ phục hưng giành lại ngôi vàng cho nên gọi là Tú, cho đến năm thứ nhất thời Trung bình-Linh Đế lại có Trương Giác nổi dậy quy tụ ba mươi sáu vạn người, mấy chục vạn người đều bịt khăn vàng, cho nên thiên hạ gọi là giặc Hoàng Cân. Vì thế trang phục của đạo này từ đây mà xuất hiện. Bắt đầu dấy lên ở vùng Nghiệp rồi quy tụ về Chân Định, nói dối làm cho dân chúng mê hoặc rằng: Trời xanh đã chết, Trời vàng xuất hiện, nói là năm Giáp Tý, thiên hạ sẽ tốt lành may mắn, dấy lên tại vùng Nghiệp ấy là bắt đầu sự nghiệp cai trị thiên hạ, quy tụ về Chân Định vậy. Dân chúng cùng nhau hướng về quỳ lạy tin tưởng thuận theo, rời khỏi Kinh Dương rất nhiều, bỏ lại tài sản đầy đường, người chết mấy trăm. Bọn Trương Giác bắt đầu dấy binh từ tháng hai, đến tháng 12 mùa đông năm ấy thì tất cả bị đánh bại. Từ lúc Quang Vũ Trung-hưng đến khi giặc Hoàng Cân nổi dậy, chưa đầy hai trăm mười năm, mà thiên hạ vô cùng hỗn loạn, ngai vàng nhà Hán sụp đổ, thật là ứng với vận chuyển biến trong hai trăm mười năm (tam thất) vậy.

4: Thời Hán Tuyên Đế, trong nước Yên có ba người đàn ông, cùng lấy một người vợ sinh được bốn người con, mãi đến lúc muốn phân chia vợ con mà không thể nào thỏa thuận được, thế là dẫn tranh cãi kiện tụng nhau. Quan úy là Phạm Diên Thọ phán quyết rằng: đây không

phải là loài người, nên theo loài cầm thú, theo mẹ chứ không theo cha. Thỉnh cầu chém đầu ba người đàn ông để con cái trở về với mẹ! Tuyên Đế than thở đau xót rằng: Sự việc đâu cần phải cổ xưa như vậy. Bởi vì có thể nói là theo lý mà ngao ngán cho tình người! Diên Thọ bởi vì thấy chuyện người mà biết sử dụng hình phạt rồi, không biết luận đến điềm ứng tương lai của con người hay yêu quái vậy.

5: Năm thứ ba thời Kiến Ninh-Hán Linh Đế, vùng Hà Nội có người vợ ăn thịt chồng, vùng Hà Nam có ông chồng ăn thịt vợ. Chồng và vợ là thể của hai tính chất âm dương, là quan hệ mật thiết của hữu tình. Nay trái lại ăn nuốt lẫn nhau, âm dương xâm phạm lẫn nhau, lẽ nào chỉ là lỗi lầm của mặt trăng mặt Trời hay sao? Linh Đế đã tạ thế thiên hạ vô cùng hỗn loạn, vua chúa có sự tàn bạo chém giết xằng bậy, quan lại có nghịch tội cướp đoạt giết chóc, chiến tranh bùng lên làm tổn hại nhau, cốt nhục tình thân thành oán thù, tai họa đã đến với đời sống của dân chúng rồi. Vì vậy con người yêu quái là điều xảy ea báo trước, hận nỗi không gặp phải may mắn có kẻ tàn sát mà nhân đó luận bàn để biết được tình cảm ấy vậy!

Ba chuyện trên đây Trích từ Sưu Thần Ký.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 45

Thiên thứ 42: NẠP GIÁN

Thiên này có hai phần: Thuật ý và Dẫn chứng.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Nói đến tiếp nhận theo lý lẽ thì bặt dứt nói năng, trái với thú hướng ấy thì dấy lên tranh luận. Nhưng lời nói thẳng thắn ấy là căn bản của đức, tiếp nhận chịu được mà hạnh đầy đủ, ví như mắt kém đối với cách nhìn của mình thì cần phải dựa vào gương để xem rõ hình hài, tóc rối đối với lý lẽ tự nhiên thì cần phải nhờ vào lược để tự chải suôn sẻ. Do đó nơi nét mặt là theo hình dáng, nhờ vào năng lực của đài gương sáng tỏ, nơi mái tóc là theo lý lẽ, nhờ vào công dụng của lược chải thông suốt, nơi công hạnh mà được tiếng thơm, đại khái là lợi ích của nói năng vậy. Vì thế thân mình sắp hư hoại, chắc chắn không tiếp nhận lời nói chính nghĩa khuyên can, mạng sống sắp chấm dứt, chắc chắn không thể nào ở tại thầy thuốc tài hoa.

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh Tạp Bảo Tạng nói: "Đức Phật dạy: Xưa nay nhà vua nước Ca Thi tên là Ác Thọ làm nhiều điều phi pháp, đau khổ phiền muộn đến dân chúng, giết chóc cướp đoạt vô đạo, đồ vật tốt đẹp quý hiếm của khách buôn khắp nơi, đều đánh thuế đoạt lấy không trả lại giá trị cho họ, vì nguyên cớ này mà vật báu trong nước liền đến mất giàu có sang trọng nhất, mọi người truyền miệng chê trách tiếng ác dồn đi khắp nơi. Lúc bấy giờ có con chim Anh Vũ chúa ở trong khu rừng, nghe người đi đường nói đến sự tàn ác của nhà vua, liền tự mình suy nghĩ rằng: Mình tuy là chim mà còn biết sai trái ấy, nay nên đến nơi ấy vì nhà vua nói về thiện đạo. Nhà vua ấy nếu nghe mình nói thì nhất định phát ra lời nói rằng: Chim chúa kia hãy còn có lời tốt lành, làm sao vị vua loài người lại bị người mỉa mai chê trách, nếu như có thể sửa chữa

sai lầm thì hay biết mấy! Nghĩ vậy liền bay vút lên đến trong khu vườn của nhà vua, bay đi lượn lại rồi hạ xuống đậu trên cành cây, gặp lúc phu nhân nhà vua đi vào khu rừng dạo chơi ngắm nhìn. Lúc ấy chim Anh Vũ vỗ cánh kêu ríu rít, mà nói lời rằng: Nay nhà vua thật là bạo ngược cô đạo, làm tổn thương dân chúng-ác độc không tha chim thú, muôn loài gào khóc-người và súc vật vô cùng căm giận, tiếng than vãn áo não nghe khắp nơi thiên hạ, phu nhân hà khắc chẳng khác gì nhà vua, là bậc cha mẹ của dân chúng lẽ nào thích hợp như vậy hay sao? Phu nhân nghe rồi bừng bừng tức giận, con chim nhỏ này mắng mình tràn miệng như vậy, lập tức sai người rình bắt. Bấy giờ chim Anh vũ không kinh hoàng không sợ hãi bay vào tay người bắt. Phu nhân bắt được chim liền mang đến cho nhà vua. Nhà vua nói với Chim Anh Vũ: Vì sao mắng nhiếc ta? Chim Anh Vũ đáp rằng: Nói nhà vua làm điều phi pháp chính là muốn lợi ích cho nhau, không dám mắng nhiếc nhà vua. Lúc ấy nhà vua hỏi rằng: Có điều gì phi pháp? Đáp rằng: Có bảy điều phi pháp luôn luôn gây tổn hại cho thân mạng nhà vua. Hỏi rằng: Những gì là bảy điều? Đáp rằng: Một là đam mê theo nữ sắc không tôn trọng điều chân chính, hai là thèm rượu say sưa mê loạn không lo nghĩ việc nước, ba là tham đắm theo cờ bạc không tu dưỡng lễ nghi cung kính, bốn là đi lại săn bắn giết hại mạng sống cũng không có tâm từ, năm là thích phát ra lời nói hiểm ác thấp nhất không hề nói lời tốt lành, sáu là thuế khóa lao dịch bị xử phạt quá mức so với quy phạm thông thường, bảy là không theo nghĩa lý mà cướp đoạt tài sản của dân chúng. Có bảy điều này thì luôn luôn gây tổn hại cho thân mạng nhà vua. Lại có ba điều cùng làm hỏng đến đất nước của nhà vua. Nhà vua lại hỏi rằng: Sao nói là ba điều? Đáp rằng: Một là thân cận với người tà nịnh gian ác, hai là không gần gũi người có tài đức-không tiếp nhận lời nói tốt lành, ba là thích đánh chiếm đất nước người ta mà không chăm lo cho nhân dân. Ba điều này không loại bỏ thời kỳ suy sụp sẽ đến, không sớm thì muộn ắt phải xảy ra. Rằng người làm vua thì dẫn dắt dân chúng trở về nương tựa, nhà vua nên giống như chiếc cầu giúp cho dân chúng vượt lên, nhà vua nên giống như cái cân thân sơ đều bình đẳng, như vua nên giống như con đường không cách xa dấu chân bậc Thánh, nhà vua nên giống như mặt Trời chiếu rọi khắp nơi thế gian, nhà vua nên giống như vầng trăng mang lại sự mát lành cho mọi vật, nhà vua giống như cha mẹ yêu thương nuôi dưỡng dạy con cái thành người, nhà vua giống như bầu Trời che phủ tất cả, nhà vua giống như mặt đất chuyên chở nuôi dưỡng muôn loài, nhà vua giống như ngọn lửa đốt cháy mọi tai họa xấu ác cho tất cả

dân chúng, nhà vua giống như làn nước tưới thấm khắp nơi, hãy giống như Chuyển luân Thánh vương thời quá khứ, chính là dùng đạo lý mười thiện để giáo hóa chúng sanh! Nhà vua nghe lời nói ấy mà tự mình hết sức hổ thẹn, lời của Chim Anh Vũ, thật là chân thành và rất khẩn thiết, mình là vua loài người làm những điều vô đạo, xin tuân theo lời dạy đó cung kính lấy làm Thầy tiếp nhận tu dưỡng chánh hạnh! Lúc bấy giớ làn gió giáo hóa trong đất nước đã thực hành thì tai tiếng xấu ác liền tiêu diệt, phu nhân và các quan giúp đỡ việc nước đếu sanh lòng trung thành tôn kính, tất cả dân chúng không ai không hoan hỷ. Chim Anh Vũ lúc ấy chính là thân Ta bây giờ, vua Ác Thọ nước Ca Thi lúc ấy chính là Phụ Tướng ngày nay, phu nhân lúc ấy chính là phu nhân của Phụ Tướng bây giờ".

Còn trong kinh Tát Già Ni Kiền Tử nói: "Lúc ấy vua Nghiêm Xí nói: Thưa Đại Sư! Có thể có chúng sanh thông minh nhiều trí tuệ căn cơ nhanh nhạy mà có sai lầm tội lỗi hay không? Đáp rằng: Có! Người đó là ai vậy? Đáp rằng: Chính là Đại vương, Đại vương rất thông minh nhiều trí tuệ căn cơ nhanh nhạy sắc sảo, có uy lực to lớn-tâm không hề yếu hèn, thích và vui mừng bố thí-đầy đủ mọi uy đức, cũng có sai lầm tội lỗi. Nhà vua nói: Thưa Đại sư, sai lầm tội lỗi của tôi thế nào? Đáp rằng: Tội lỗi của nhà vua là bạo ác quá mức, quá nghiêm khắc-quá sơ suất-quá cứng nhắc quá vội vàng, nhà vua nên biết rằng, nếu như hàng vua chúa tính tình quá độc ác, thì hạng vua chúa ấy làm cho tất cả mọi người không cần đến, nhiều người không yêu mến, nhiều người không ưa thích, thậm chí cha mẹ cũng không thích thấy mặt, huống là đối với người khác. Vì vậy nhà vua, không nên quá độc ác, hễ làm những điều gì thì nên tự nhiên khoan thai chứ không nên quá vội vàng, bèn nói kệ rằng:

Nếu nhà vua làm điều độc ác,
Tâm giận dữ không thấy sự việc
Thường thường làm chúng sanh sợ hãi,
Thậm chí cha mẹ cũng kinh hoàng
Huống gì những người không thân thiết,
Mà nên có ý niệm thương yêu
Đại vương thích ứng nên biết rằng,
Người có trí xa rời nóng giận!

Lúc bấy giờ vua Nghiêm Xí ở chỗ ngồi đối diện nghe Ni Kiền Tử nói xấu và nói tốt tự mình, tâm sinh ra không chịu nỗi-tâm giận hờn không vui, tâm sinh ra độc hại liền cất tiếng nói rằng: Tát Già Ni Kiền

Tử, tại sao ông ở giữa đại chúng nói đến sai lầm tai họa của Ta, Ta từ xưa đến nay không có người nào dám nhìn thẳng vào ta, nay ông nói xấu tội lỗi của Ta nên phải chịu chết. Nói lời này xong bảo với các quan rằng: Các ông nên bắt người này chặt đứt mạng căn đó cho Ta! Ni Kiền Tử kinh hãi nói rằng: Đại vương ơi, nay ông đừng vội vàng làm điều độc ác như vậy, tôi có lời tốt lành, mong Đại vương tạm thời bố thí cho tôi sự không sợ hãi lắng nghe lời tôi đã nói! Nhà vua nói: Ông nói điều gì thì ông nên nói mau! Ni Kiền Tử đáp rằng: Đại vương nên biết rằng: tôi cũng có tội bởi vì nói quá thật-nói không giả dối-nói xứng với việc theo tôi như vậy, trước mặt người rất độc ác, trước mặt người đáng sợ, trước mặt người có tính vội vàng, trước mặt người không có từ bi, trước mặt người làm việc hấp tấp, trước mặt những người có hành vi như vậy nói ra lời nói chân thật như vậy. Đại vương nên biết rằng, người thông minh trí tuệ không nên bất cứ lúc nào-bất cứ nơi đâu cũng luôn luôn nói lời chân thật, cần phải khéo léo quán sát để có thể cùng với người trò chuyện-không thể cùng với người trò chuyện-lúc có thể trò chuyện-lúc không thể trò chuyện. Nên biết rằng lời nói chân thật thì người thế gian không yêu thích không dễ dàng ca ngợi, mà nói kệ rằng:

Người có trí không biết chọn lúc,
Vội vàng tuỳ ý nói chân thật
Người kia trách mắng người có trí,
Huống là với người không có trí?
Người có trí ở khắp mọi nơi,
Cũng không nên nói lời chân thật
Đây là Kiều Thi Ca Chân thật,
Nói lời chân thật vào đường ác.

Lúc bấy giờ nhà vua nghi Ni Kiền Tử nói về sai lầm tội lỗi của bản thân, lập tức hiểu thông suốt mà quay trở lại chân thành sám hối".

Lại trong Đại Trang Nghiêm Luận nói: "Đức Phật dạy: Xưa Ta đã từng nghe, có bà mẹ già họ Khương đi vào trong rừng hái quả cây Ba La về bán để tự nuôi sống mình, đường đi qua trạm tra cửa ải, lính tuần tra thu thuế, lúc ấy bà mẹ già không muốn nộp thuế, bèn nói lời rằng: Ông có thể dẫn tôi đến bên nhà vua thì mới có thể lấy được thuế, nếu không như vậy thì cuối cùng không đưa cho ông. Thế là lính tuần tra liền cùng nhau đùn đẩy, hướng đến nơi nhà vua. Nhà vua hỏi bà cụ: Nay bà cụ vì sao không nộp thuế qua cửa ải? Bà cụ thưa với nhà vua: Nhà vua có thể biết vị Tỳ kheo nơi ấy không? Nhà vua nói: Ta biết vị Đại A-la-hán này. Lại hỏi: Vị Tỳ kheo thứ hai nhà vua lại biết hay không?

Nhà vua nói: ta biết vị ấy cũng là A-la-hán, vị Tỳ kheo thứ ba nhà vua lại biết hay không? Nhà vua đáp rằng: Biết, vị ấy cũng là A-la-hán. Bà cụ cao tiếng mà thưa với nhà vua rằng: Ba vị La-hán này đều là con tôi, những người con này đều nhận sự cúng dường của nhà vua, có thể khiến cho nhà vua nhận được vô lượng phước thiện vậy thì gọi là mang lại đồ vật đóng thuế cho nhà vua, tại sao lại muốn thu thuế làm mất đi của tôi vậy? Nhà vua nghe vậy rồi ca ngợi là chưa từng có: lành Thay bà cụ, có thể sanh ra những người con bậc Thánh, ta thật sự không biết những vị A-la-hán kia là con của bà cụ, nên thêm phần cúng dường cung kính đối với bà mẹ già như bà cụ! Ngay lúc ấy thuyết kệ rằng:

Ta sinh đẻ được ba người con,
Dũng mãnh vượt lên trên ba cõi
Ba người đều chứng quả La-hán,
Làm phước điền cho người thế gian
Nếu như lúc nhà vua cúng dường,
Đạt được phước thiên là vật thuế
Tại sao mà lại còn ham muốn,
Thu thuế giành mất vật của Ta?

Nhà vua nghe bài kệ này xong toàn thân đều sởn gai ốc, đối với Tam bảo mà sanh tâm tín kính, rơi nước mắt mà nói: Bà cụ như vậy nên tăng thêm sự cúng dường, huống là thu thuế đồ vật ấy thì sao đành!"

Lại trong Kinh Cựu Tạp Thí Dụ nói: "Xưa có Sa môn đi đến nước khác, đêm không vào thành được nên đành ngồi giữa bãi cỏ ở ngoài thành. Đến đêm khuya có con quỷ Dạ-xoa đến bắt để ăn thịt, Sa môn nói: Ông sắp rời xa rồi! Quỷ nói: Vì sao cho là xa? Sa môn nói: Ông muốn làm hại tôi, tôi sẽ sanh lên trên cõi Trời Đao Lợi, ông sẽ đi vào địa ngục, vậy không phải là xa ư? Quỷ liền cảm ơn làm lễ mà đi".

Lại trong kinh Ma Đặng Nữ nói: "Lúc ấy A-nan ôm bình bát đi khất thực rồi tiện đường đi men theo bờ sông, gặp một người phụ nữ đang gánh nước bên bờ sông, mà A-nan đi theo người phụ nữ xin nước, người phụ nữ liền đưa cho nước. Người phụ nữ đi theo A-nan nhìn nơi đã dừng lại. Người phụ nữ quay về nói với mẹ, mẹ tên là Ma Đặng, người phụ nữ thì ở trong nhà nằm ủ rũ mà khóc, mẹ hỏi làm sao khóc buồn thương vậy? Người phụ nữ nói: Mẹ muốn gả con thì đừng gả cho người khác, con ở bên bờ sông gặp một Sa môn đi theo con xin nước, con hỏi người là ai, đáp rằng tên là A-nan, con có được A-nan mới đồng ý lấy chồng, nếu như không có được người ấy thì con không lấy chồng đâu. Mẹ đi ra ngoài hỏi A-nan, biết A-nan là người thừa sự Đức Phật, mẹ

đã biết rồi trở về nói con gái rằng: A-nan là người tu hành theo Phật, không bằng lòng làm chồng cho con đâu. Cô gái khóc lóc bỏ ăn, mẹ biết phương pháp mê hoặc lòng người, mời A-nan ăn cơm, cô con gái rất vui mừng. Bà mẹ nói với A-nan: Con gái tôi mong muốn làm vợ với người. A-nan nói: Tôi giữ giới không có vợ. Lại nói: Con gái tôi không lấy được người làm chồng, thì chỉ muốn tử hủy mình. A-nan nói: Thầy tôi là Đức Phật, không cho phép kết giao với người nữ. Bà mẹ đi vào nói với con gái kể lại đầy đủ ý này, cô con gái đứng trước mẹ khóc mà nói rằng: Chỉ vì con đóng cửa không để cho ra ngoài được, cuối ngày tự nhiên sẽ làm chồng. Bà mẹ liền đóng cửa, dùng phương pháp mê hoặc lòng người trói buộc A-nan cho đến lúc chiều tà , bà mẹ trải chiếu nơi chỗ nằm cho con gái, cô con gái thì vô cùng vui sướng, liền tự mình trang điểm, A-nan không đến, bà mẹ làm cho đất giữa sân phát ra lửa, kéo áo A-nan nói: Người không làm chồng với con gái tôi, tôi sẽ ném người vào trong lửa, A-nan tự khinh mình, làm Sa môn với Đức Phật mà bây giờ lại không thể nào thoát ra được. Đức Phật lập tức trì thần chú nên tâm biết A-nan cố tình cứu giúp, trở về với Đức Phật thưa bày đầy đủ sự tình trước đó. Cô con gái trông thấy A-nan rời xa nên ở nhà khóc nỉ non không thôi, mãi nghĩ đến A-nan. Cô gái ngày mai tự mình cầu tìm A-nan, lại gặp A-nan đi khất thực, đi theo sau lưng A-nan, nhìn chân A-nan, nhìn mặt A-nan, A-nan xấu hổ tránh đi, cô gái đi theo không dừng lại. A-nan thưa với Đức Phật rằng: Cô gái Ma Đặng hôm nay đi theo sau con. Đức Phật khiến tìm gọi đến. Đức Phật hỏi cô gái rằng: Con đuổi theo A-nan để đòi lấy những gì? Cô gái thưa: Con nghe A-nan không có vợ, con lại không có chồng, muốn làm vợ với người thôi. Đức Phật bảo với cô gái rằng: A-nan không tóc mà con nay còn tóc, con có thể cắt tóc thì Ta bảo A-nan làm chồng cho con. Cô gái thưa có thể cắt tóc. Đức Phật bảo rằng: Trở về thưa cha mẹ cho con cạo đầu tóc xong đến đây! Cô gái trở về thưa bày đầy đủ cho mẹ biết, mẹ nói rằng: Mẹ sinh con ra đến nay giữ gìn đầu tóc cho con, vì sao muốn được làm vợ của Sa môn, trong nước có nhiều người giàu sang khí phách, mẹ tự mình gả chồng chồng cho con. Cô con gái nói: con thà rằng sống chết làm vợ cho A-nan! Bà mẹ nói: Nhục nhã cho dòng họ nhà tôi! Bà mẹ vì con gái đặt dao cạo đầu tóc xong, cô gái trở lại đến nơi Đức Phật thưa rằng: Con đã cắt tóc. Đức Phật bảo rằng: Con yêu những gì nơi A-nan? Cô gái thưa: Con yêu đôi mắt của A-nan, con yêu lỗ mũi của A-nan, con yêu cái miệng của A-nan, con yêu lỗ tai của A-nan, con yêu tiếng nói của A-nan, con yêu bước đi của A-nan. Đức Phật bảo rằng: Trong đôi mắt chỉ

có nước mắt, trong lỗ mũi chỉ có nước mũi, trong cái miệng chỉ có nước bọt, trong lỗ tai chỉ có ráy tai, trong thân thể chỉ có phẫn giải dơ bẩn là nơi chứa đựng không sạch sẽ, nơi ấy có vợ chồng thì sẽ có sự xấu xa lộ ra, trong sự xấu xa lộ ra thì sẽ sanh đẻ con cái, đã có con cái thì phải có chết đi, đã chết đi thì sẽ có khóc lóc nỉ non, ở trong thân thể này có cái gì ích lợi đâu? Cô gái liền suy nghĩ đến sự xấu xa lộ ra trong thân thể, thì tự nhiên chấn chỉnh lại tâm tư lập tức đạt đến La-hán, Đức Phật biết đã đạt được đạo quả, liền bảo với cô gái rằng: Con đứng dậy đến với A-nan! Cô gái thì xấu hổ cúi đầu quỳ thẳng trước Đức Phật thưa rằng: Con là phận gái thật sự ngu si cho nên theo đuổi A-nan, nay tâm con mở rộng giống như trong tăm tối có ngọn đèn sáng, như người ngồi thuyền mà thuyền vỡ được dựa vào bờ, như người mù được dìu dắt, những người già yếu cầm gậy chống, nay Đức Phật ban cho con đạo pháp khiến cho tâm con mở mang như vậy!

Lúc ấy các Tỳ kheo cùng thưa hỏi Đức Phật: người con gái này nhân đâu mà đắc đạo? Đức Phật bảo cho các Tỳ kheo biết: Cô gái Ma Đặng này vào đời trước kia, trong năm trăm đời làm vợ với A-nan luôn luôn thương yêu tôn trọng lẫn nhau, cho nên ở trong giáo pháp của Ta đạt được đạo quả, đến nay vợ chồng gặp lại nhau giống như anh em, Phật đạo như vậy không thực hành làm sao có ích?

Đức Phật thuyết kinh này, các Tỳ kheo nghe xong đều vô cùng hoan hỷ".

Lại trong kinh Bách Duyên nói: "Thời Đức Phật tại thế, trong thành Xá vệ có Bà-la-môn tên gọi Phạm ma, đa văn biện tài hiểu rõ ràng kinh luận, bốn bộ Vi Đà chuẩn mực không có gì không xem xét thông suốt. Vợ của Bà-la-môn sanh ra một bé gái, đoan chánh xinh đẹp vô cùng, trí tuệ biện tài không có ai sánh kịp, nghe các vị Bà-la-môn cùng với cha luận bàn, tất cả có thể tiếp thu giữ lại không sai một chữ, như vậy hết lần này đến lần khác nghe được rất nhiều, cùng với các vị kỳ cựu trưởng túc đều đến bàn bạc dẫn dắt không có gì thông suốt. Nghe thế gian có Đức Phật mới thành bậc chánh giác giáo hoá chúng sanh bèn hỏi han tiếp thu pháp vị, liền tự mình trang nghiêm hướng đến nơi Đức Phật, được gặp Đức Phật mà phát tâm cầu xin xuất gia. Đức Phật bảo rằng hãy cố gắng lên Tỳ kheo ni! Tức thì mái tóc tự nhiên rựng hết pháp phục khoác trên thân, trở thành Tỳ kheo ni, tinh cần tu tập đạt được quả vị A-la-hán.

A-nan thấy rồi thưa với Đức Phật rằng: Tỳ kheo ni Tu Mạn này, vốn có gieo trồng phước thiện gì mà nay được gặp Đức Phật xuất gia đắc

đạo? Đức Phật bảo với A-nan: Trong Hiền kiếp này có Đức Phật xuất thế, danh hiệu là Ca-diếp, sau khi nhập Niết-bàn ở trong thời Tượng pháp có một Tỳ kheo ni tâm luôn luôn vui thích với sự thuyết pháp giáo hóa, cần mẫn siêng năng không lơi lỏng, nhân đó phát ra thệ nguyện: Khiến cho con ở đời sau hiểu rõ ràng kinh luận trong giáo pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Phát nguyện này rồi liền dẫn đến mạng chung sanh trong chốn Trời người, thông minh trí tuệ không có ai sánh kịp, nay được gặp Ta xuất gia đắc đạo, đa văn bậc nhất. Các Tỳ kheo nghe rồi hoan hỷ vâng mạng thực hành."

Còn trong kinh Trung A-hàm nói: "Thiền lấy âm thanh làm gai nhọn, Đức Thế tôn cũng thuyết là lấy âm thanh làm gai nhọn, tại sao như vậy? Bởi vì Ta thật sự như vậy thuyết là thiền có gai nhọn. Người trì giới lấy phạm giới làm gai nhọn, người giữ giới các căn lấy sự trang điểm nghiêm chỉnh cho thân tướng làm gai nhọn, người tu tập xấu xa lộ rõ lấy tướng sạch sẽ làm gai nhọn, người tu tập tâm từ lấy sự nóng giận làm gai nhọn, người xa rời rượu lấy sự uống rượu làm gai nhọn, người tu phạm hạnh lấy cái thấy nữ sắc làm gai nhọn, người vào cảnh sơ thiền lấy âm thanh làm gai nhọn, người vào cảnh Nhị Thiền lấy sự giác quán làm gai nhọn, người vào cảnh Tam thiền lấy sự hỷ lạc làm gai nhọn, người vào cảnh Tứ thiền lấy hơi thở vào ra làm gai nhọn, người vào cảnh không xứ lấy sắc tưởng làm gai nhọn, người vào cảnh Thức Xứ lấy không xứ Tưởng làm gai nhọn, người vào cảnh vô sở hữu xứ lấy thức xứ tưởng làm gai nhọn, người vào cảnh Vô tưởng xứ lấy vô sỡ hữu xứ tưởng làm gai nhọn, người vào cảnh tưởng tri diệt định lấy tưởng tri làm gai nhọn. Lại có ba loại gai nhọn, là gai nhọn của tham dục-gai nhọn của nóng giận-gai nhọn của ngu si. Ba loại gai nhọn này rơi rụng hết thì A-la-hán (ứng cúng) đã đoạn đã biết, nhổ sạch gốc rễ trừ diệt hoàn toàn không thể sanh trở lại, đây là A-la-hán không còn gai nhọn". (Trừ bỏ gai nhọn này thì gọi là tiếp nhận lời khuyên vậy).

Lại trong kinh Đại Ngư Sự nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các Tỳ kheo: Vào thời xa xưa có một hồ nước rất nhiều các loại cá lớn, bây giờ cá lớn ra lệnh cho cá nhỏ rằng: Các người không nên rời nơi này đi đến nơi khác, hãy luôn luôn đề phòng bị người ác bắt được! Lúc bấy giờ cá nhỏ không nghe theo lời cá lớn khuyên bảo, liền đi đến nơi khác. Bấy giờ người đánh cá rải cơm dùng lưới giăng vây bắt các loài cá, các loài cá nhỏ trông thấy thì quay trở về xứ sở của cá lớn. Lúc ấy cá lớn thấy cả nhỏ quay về, thì hỏi cá nhỏ rằng: Các người không rời xa nơi này để đi đến nơi khác phải không? Bây giờ cá nhỏ liền trả lời cá lớn

rằng: Chúng tôi trước đây đã đi đến nơi khác mà quay lại. Cá lớn liền hỏi cá nhỏ rằng: Các người đã đến nơi khác, không bị lưới giăng bắt lấy hay sao? Cá nhỏ trả lời rằng: Chúng tôi đến nơi ấy không bị người ta bắt lấy, nhưng mà từ xa trông thấy sợi dây dài sau đó chúng tôi mới quay về. Cá lớn liền nói với cả nhỏ rằng: Các người đã bị làm hại, vì sao như vậy? Bởi vì các người đã từ xa nhìn thấy sợi dây tìm đến phía sau ấy, tổ tiên cha mẹ xưa kia đều bị sợi dây này làm hại, các người trông thấy chắc chắn bị làm hại, các người không phải con cái của Ta. Bấy giờ cá nhỏ đều bị người đánh cá bắt được, tất cả đem bỏ trên bờ, như vậy cá nhỏ có rất nhiều loài bị chết, vì không tiếp thu lời khuyên mà bị lưới giăng làm hại".

Còn trong Tăng kỳ luật nói: "Đức Phật bảo các Tỳ kheo: Vào thời quá khứ có khu thành tên gọi Ba-la-nại, nước ấy tên gọi Già Thi, lúc ấy có một Bà-la-môn, ở giữa đồng rộng bát ngát làm ra cái giếng làm lợi ích chung, để cho mọi người đi chăn gia súc đều đến bên giếng uống nước, và được tắm rửa mát mẻ. Lúc ấy Trời sắp tối, có bày Dã can chạy đến bên giếng uống nước còn thừa lại trên mặt đất, có con Dã can chúa không uống nước trên đất, liền thò đầu vào uống nước trong chum, uống rồi đội chum giơ cao đánh vỡ chum sành, miệng chum hãy còn luồn ở trên cổ. Những con Dã can trong bầy nói với Dã can chúa rằng: Nếu như cây thấm ướt thì lá có thể sử dụng, hãy còn nên giữ gìn, huống hồ cái chum này làm lợi ích cho người qua lại, vì sao đánh vỡ đi? Lúc ấy có nói: Ta thích làm như vậy, chỉ cần tâm vui sướng, đâu cần biết chuyện khác. Lúc ấy có người đi đường nói với Bà-la-môn: Cái chum của ông đã vỡ. Lại thay cái khác vào, cách thức giống như trước, lại bị Dã can làm vỡ, cho đến 14 lần. Những con Dã can trong bầy nhiều lần khuyên ngăn, nhưng vẫn không tiếp thu lời khuyên. Lúc ấy Bà-la-môn thì tự nghĩ rằng: Ai là người làm vỡ cái chum, nên đến đó rình xem. Trông thấy chính là con Dã can, liền dấy lên nghĩ rằng cái giếng phước đức của mình, mà gây ra những điều khó dễ, thì làm cái chum bằng gỗ, kiên cố khó vỡ được, khiến cho đầu dễnvào mà khó rút ra, mang đến đặt bên giếng, nhưng mà cầm gậy ngồi rình ở nơi che khuất. Người đi đường uống xong thì Dã can chúa như lần trước bước vào uống nước, uống xong đánh xuống đất nhưng không có thể làm cho vỡ được. Lúc ấy Bà-la-môn cầm gậy đánh chết, từ giữa hư không xuất hiện người cõi Trời, thuyết kệ nói về điều này:

Hiểu biết nói lời tâm yêu thương,
Hung ác tàn bạo không chịu nghe

Gàn bướng cố chấp chuốc họa này,
Tự mình đánh mất thân mạng mình
Vì vậy Dã can chúa ngu si,
Gặp phải nổi khổ chum gỗ này.

Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Dã can chúa lúc bấy giờ chính là Đề-bà-đạt-đa ngày nay, bầy Dã can lúc ấy chính là các Tỳ kheo khuyên can Đề bà đạt đa bây giờ. Nên biết rằng ở thời quá khư đã từng không chịu tiếp thu lời dịu dàng hiểu biết mà tự đánh mất thân mạng mình, nay lại không chịu tiếp thu sự khuyên can của các Tỳ kheo, nên phải rơi vào đường ác nhận chịu khổ đau lâu dài vô cùng”.

Tụng rằng:

Người trí tiếp thu lời khuyên bảo,
Người ngu si chống cự làm trái
Ví như cùng đài gương sáng tỏ,
Hình ảnh chiếu vào tỳ vết
Thấy lỗi lầm cần phải sửa đổi,
Ngưỡng mộ do hiểu biết thích ứng.
Nếu như gàn bướng luôn cố chấp
Gặp cảnh khốn khó dựa vào đâu?

Thiên thứ 43: THẨM SÁT

Thiên này có bốn phần: Thuật ý, Thẩm nộ, Thẩm quá, Thẩm học.

Thứ nhất: **PHẦN THUẬT Ý**

Bậc Thánh nhân lợi ích cho mọi loài xét kỹ cảnh tượng quán sát tâm tư, điều hòa Thức-Tình hướng về Bảo Sở, vận dụng Giả-Thật quay lại Vọng-Thành, cho nên xét kỹ không phải trí tuệ thì không thể nào tận cùng cái Thật ấy, trí huệ không xét kỹ thì không thể quán sát sự chiếu soi ấy. Vậy thì cội nguồn của sự chiếu soi quan sát là điểm quan trọng của sự quyết định đích xác, vốn là có thể không pháp nào không duyên theo-không cảnh nào không quán sát, sau đó duyên theo pháp quán sát cảnh, mới biết cùng nhau hướng đến nơi công phu sâu xa u huyền đồng thời nối liền với nhau nuôi dưỡng cho vạn pháp thành tựu.

***Thứ hai-* PHẦN THẨM NỘ** (xem xét cơn giận).

Như Tăng kỳ luật nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Vào thời quá khứ có Bà-la-môn gia cảnh nghèo túng, có vợ nhưng không sinh được con cái, trong nhà có loài sâu Na-câu-la, dịp thuận tiện sinh ra một con. Lúc ấy Bà-la-môn vì không có con cho nên nuôi dưỡng nghĩ là giống con trẻ, con Na-câu-la bé nhỏ đối với Bà-la-môn cũng có ý tưởng như cha mình. Về sau người vợ liền có thai, đủ tháng sanh ra con, thì dấy lên nghĩ rằng: Nhờ Na-câu-la mà sanh ra đức con tốt lành, khiến cho mình có con trẻ. Lúc ấy Bà-la-môn sắp đi ra ngoài xin ăn, liền dặn dò người vợ rằng: Nếu mình đi ra ngoài thì nên mang con đi theo, cẩn thận đừng để lại! Sau đó người vợ cho con ăn rồi thì đến nhà bên cạnh, mượn cối giã gạo, lúc này đứa bé có mùi thơm của sữa, thì có con rắn độc theo mùi thơm bò đến, há miệng phu độc muốn giết hại đứa bé. Con trùng Na-câu-la thì dấy lên nghĩ rằng: Cha mình đi ra ngoài mẹ cũng không có nhà, tại sao con rắn độc muốn giết hại em mình? Liền giết chết rắn độc cắn đứt thành bảy đoạn, cha mẹ biết việc này nhất định sẽ thưởng cho mình, lấy máu bôi miệng ra trước cửa nhà đứng, muốn làm cho cha mẹ trông thấy sẽ vui lòng. Lúc ấy Bà-la-môn mới từ bên ngoài trở về, thấy người vợ ở ngoài nhà thì nổi giận nói rằng: Tôi dặn lúc đi đâu thì nên mang con đi theo, tại sao chỉ đi một mình? Người cha sắp vào cửa trông thấy trong miệng con Na-câu-la có máu, liền dấy lên nghĩ rằng: Vợ chồng ta không có nhà đem con ta giết mà ăn, uổng công nuôi dưỡng con trùng này! Liền tiến đến phía trước đánh chết. Đã bước

vào trong nhà tự nhiên trông thấy con mình buộc ngón tay mà đùa giởn, lại thêm thấy bảy đoạn thân rắn độc ở trên đất, lúc ấy Bà-la-môn trách móc dằn vặt mình vô cùng, con Na-câu-la này tốt lành có tình người đã cứu mạng con mình, nhưng mình không khéo quán sát đã vội vàng đánh chết nó, thật là đau đớn thật đáng xót thương! Thế là mê man bất tỉnh ngã nhào xuống đất, giữa không trung có người Trời, liền thuyết kệ rằng:

Nên quán sát thực sự rõ ràng,
Đừng làm điều vội vàng nóng giận
Khiến bạn tốt ân ái rời xa,
Sát hại oan ức người lương thiện
Ví như người Bà-la-môn này,
Đánh chết con Na-câu-la kia.

Lại trong kinh Phật thuyết Thái tử Mộc Phách nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Ngày xưa có nước tên gọi Ba-la-nại, nhà vua có Thái tử tên gọi là Mộc Phách, sinh ra có ánh sáng vô cùng cực, đoan chánh xinh đẹp không có ai sánh bằng, cha mẹ ngạc nhiên cung cấp nuôi dưỡng mà ngắm nhìn không chán, đợi đến lúc trưởng thành sẽ đặt têncho con. Ngậm miệng không nói năng trong mười ba năm, đạm bạc chất phác, ý chí giống như tro nguội, thân hình giống như cây khô, tai không nghe âm thanh, mắt không nhìn sắc đẹp, hình dạng tương tự như người câm ngọng đui điếc. Thế là vua cha lo sợ mà đau khổ vô cùng, nhà vua nói với phu nhân nên làm thế nào, đứa con này chắc chắn làm trò cười cho nước khác! Phu nhân nói với nhà vua: nên mời thầy tướng số khiến họ xem tướng ra sao! Nhà vua lập tức mời các thầy tướng số Bà-la-môn đến-Bà-la-môn nói: Vương tử này không phải là người thế gian, chỉ là mê hoặc mà thôi, ngoài ra diện mạo đoan chánh nhưng bên trong mang đầy điều chẳng lành, nên cắt bỏ đất nước gần đây không lâu, không thể nuôi dưỡng được, nên đang sống đem chôn mà giết chết, nay không trừ bỏ Vương tử này thì sợ rằng về sau không có con thừa kế ngôi vị! Thế là phu nhân thuận theo nhà vua tùy ý lo liệu. Nhà vua liền mời tất cả Đại thần trong nước cùng nhau bàn bạc. Một vị quan nói: Chỉ đem bỏ vào nơi không có người qua lại ở trong núi sâu. Một vị quan nói: Ném vào giữa dòng nước sâu. Một vị quan nói: Chỉ thuận theo lời thầy tướng đã nói, đào đất làm hố sâu mà chôn sống. Nhà vua liền gọi quân lính ngoài mặt trận hơn hai ngàn người trở về trong nước, lệnh cho đào đất làm kho tàng, cung cấp cho lương thực cất trữ trong 20 năm, lúc ấy đem ngôi vị Thái tử nô bộc-châu báu ngọc ngà, tất cả trả lại cho Thái

tử. Ngày sau đó phu nhân đau thương vô cùng tuyệt vọng, mình đơn độc không có ai giúp, con sinh ra bạc mệnh mới gặp tai ương này, sự việc đã không ích gì, thế là đưa Thái tử lên trên chánh điện, năm trăm phu nhân đến nhìn Thái tử, thấy Thái tử đoan chánh xinh đẹp không có ai sánh bằng, bèn nói:Thái tử vì sao không nói mà chịu bị chôn sống vậy! năm trăm thể nữ đến nhìn Thái tử, thấy Thái tử đoan chánh xinh đẹp không có ai sánh bằng, bèn nói: Thái tử vì sao không nói mà chịu bị chôn sống vậy! Tất cả vì Thái tử tấu lên các thứ âm nhạc, Thái tử lặng lẽ không nhìn không nghe. Thế là đưa Thái tử lên trên điện phía ngoài, năm trăm đại thần đến nhìn Thái tử, thấy Thái tử đoan chánh xinh đẹp, vội vàng thưa với Đại vương: Vương tử này không phải là người không nói năng, tạm thời được giữ lại ít lâu, nói năng còn chẳng bao lâu, thầy tướng Bà-la-môn không đáng tin tưởng đích xác. Nhà vua nói: Đây là việc nước không phải các khanh được biết. Làm kho tàng đã xong đến tìm Thái tử, nhà vua nói với nô bộc: Bảo Thái tử ngồi xe voi nhìn bốn phía, lệnh cho nhân dân trong nước để đến nhìn Thái tử, Thái tử sẽ nói được, nếu nói được thì khiến chở quay trở về! Ngay sau đó Thái tử ngồi xe đi trên đường, lúc ấy các bố lão đại thần trong nước rộn ràng đi phía trước xe, Thái tử chỉ cần nói được một lời, nếu không nói thì dùng xe đâm thẳng vào chúng tôi mà đi, các loài Rồng-hổ trang sức lộng lẫy hầu hạ nâng lên khiến cho vượt qua. Lúc ấy mấy ngàn vạn người vây xung quanh, thế là Thái tử lại không thể nào tiến lên; chim bay thú chạy, vây quanh kho tàng ba vòng lại lấp chặt cửa kho tàng, thế là Thái tử lại không thể nào tiến lên được, liền đưa tay đứng lên mà nói,: Đang muốn không nói, mà chịu bị chôn sống, đang lúc phát ra lời nói, sợ rằng vào chốn địa ngục, vì lẽ đó không nói muốn làm cho toàn thân tránh bị tổn hại, giúp cho thần thức xa lìa đau khổ cho nên không nói, mà tin lời dối trá, nói là Ta đui điếc là thật sự câm ngọng! Lúc bấy giờ nhân dân nghe âm thanh tuyệt diệu của Thái tử, người đang đi là dừng lại, người đang ngồi là đứng lên, đều tiến lên rập đầu nguyện xin tha tội cho mình. Nô bộc của nhà vua nghe thấy vui mừng nhảy lên vui sướng, chạy nhanh về thưa với Đại vương: Thái tử đã nói, trên đến tận Trời xanh-dưới thấu tận suối vàng, chim bay thú chạy đều đến cuối đầu lắng nghe ở trước Thái tử, Thái tử dùng lời hoan hỷ vô cùng, tất cả đều nhảy lên sung sướng! Nhà vua lập tức cùng với phu nhân ngồi xe voi nhìn về bốn phía đến đón Thái tử. Thái tử quay đầu lại nhìn trông thấy vua cha bước xuống xe tránh đường, lạy bốn lạy mà đứng lên, làm cho Đại vương vất vả từ xa đến gặp gỡ đón về, nay cha con sống với nhau mà vất bỏ-ân ái đã xa

rời, nghĩa ấy thật trái với đạo lý thông thường, không thể nào lắng nghe nhìn ngắm. Nhà vua nói với Thái tử: Không được, không được! Con là người trí nên tha thứ không hết, cùng nhau trở về trong nước, tất cả ngôi vị giao cho con còn Ta tự mình rút lui. Thái tử đáp rằng: Thân trước con đã làm Quốc vương, bởi vì việc làm sai sót mà sau đó đi vào địa ngục hơn sau vạn năm, chưng nấu cắt xẻ thật đau đớn khó chịu đựng nổi, cha mẹ lẽ nào có thể biết con đau khổ thế nào hay không, con chán ngán và sợ hãi địa ngục, vì vậy ngậm miệng không nói suốt 13 năm, mong muốn thoát ra ngoài cảnh trần ai, không để cho tội lỗi kết tụ mà cách xa đạo lý càng xa, bay cao rời xa tự mình có ích cho đời, thế gian vô thường không chân thật như giấc mộng, nhà cửa vui sướng trong chốc lát mà thôi, buồn lo đau khổ kéo dài, vui mừng sung sướng tạm có, nào đáng vấn vương! Nhà vua biết chí nguyện kiên quyết chỉ có thuận lòng học đạo, thế là Thái tử bỏ đất nước rời xa vua cha, vào núi cầu đạo tư tuy duy thiền định, mạng chung liền sanh lên cõi Trời Đâu Suất, phước hết sanh xuống nhân gian làm Thái tử của Quốc vương Ca Di, Thái tử tự biết mình làm Phật.

Đức Phật bảo với A-nan: Thái tử Mộc Phách lúc bấy giờ chính là thân ta ngày nay. Nhà vua lúc ấy chính là Duyệt Đầu Đàn bây giờ. Phu nhân lúc ấy chính là Ma Da bây giờ. Năm người nô bộc lúc ấy chính là xà cư luân... ngày nay. Thầy tướng Bà-la-môn lúc ấy chính là Điều Đạt bây giờ. Điều Đạt và Ta đời đời có oán thù. Chư Thiên Long thần hoan hỷ nhảy lên sung sướng, làm lễ mà trở về”.

***Thứ ba*- PHẦN THẨM QUÁ** (xem xét lỗi lầm).

Như kinh Phú Pháp Tạng nhân duyên nói: “Lúc ấy trong thành Thất La có một chủ buôn, vì tăng tạo tác trai hội lớn mỗi năm năm (Bàn Giá Vu sắt) một lần. Có một Tỳ kheo ni đạt đến quả vị A-la-hán, quán sát trong chúng ai là phước điền. Lại tiếp tục tư duy người nào đứng đầu Tăng, thấy các vị A-la-hán và những người đang tu học từ lâu đã đoạn trừ phiền não có thể thọ nhận sự cúng dường. Quán xét một Tỳ kheo tên gọi A-sa-la, chưa được giải thoát mà ở bậc nhất đứng đầu chúng, lúc ấy Tỳ kheo ni liền đi đến nói rằng: Đại Đức hôm nay nên tự mình trang nghiêm! Lúc ấy Tỳ kheo này không hiểu được ý đó, liền cạo đầu tắm gội khoác y sạch sẽ. Lại vào lúc sau Tỳ kheo ni này lại nói trang điểm nghiêm túc, thì A-sa-la vô cùng tức giận nói rằng: Tôi thuận theo cô nói tự mình rất nghiêm túc sạch sẽ, có gì xấu xa mà nhiều lần phát ra lời này? Tỳ kheo ni nói: Đại đức nên biết, đây là sự trang nghiêm

thuộc về thế tục chứ không phải là Phật páhp, Phật pháp trang nghiêm thì có nghĩa là đạt được bốn quả vị, ngạc nhiên thay đại đức, thật là tùy tiện thấp kém, Trưởng giả tổ chức trai hội phần nhiều là các bậc Thánh Hiền, ông là đứng đầu Tăng mà chưa tránh khỏi sanh tử, dùng tâm hữu lậu thọ nhận sự cúng dường đầu tiên, vì vậy nay tôi muốn giác ngộ lẫn nhau! Tỳ kheo A Sa La nghe rồi đau thương sầu thảm trên trào nước mắt, tự nghĩ mình già nua cổ hủ sao có thể hết sạch sai sót. Tỳ kheo ni nói: Phật pháp không có thời gian lẽ nào chọn lựa già cả hay trẻ trung? Nghe lời này rồi nhân đó hướng về nơi Ưu-ba-cúc-đa, liền thuyết pháp cho nghe trở thành bậc A-la-hán. Lại có một Tỳ kheo, tánh thích ăn uống, bởi vì lòng tham này cho nên không thể nào đạt được đạo quả. Ưu ba cúc đa mời mọc khiến đến phòng mình, lấy cháo sữa thơm phức mà đưa cho, nói hãy chờ đến khi nguội sau đó mới ăn được. Tỳ kheo miệng thổi cháo làm cho nguội, nói với Tôn giả rằng: Cháo đã nguội rồi. Tôn giả nói cho biết rằng: Cháo này tuy nguội mà ngọn lửa tham dục của ông đang nóng, nên dùng nước quán tưởng dập tắt ngọn lửa trong tâm ông! Lại lấy đồ dùng trống rỗng khiến nhổ thức ăn ram đã nhổ thức ăn ra rồi lại khiến ăn đi. Tỳ kheo đáp rằng: Nước bọt đã hòa lẫn, làm sao mà ăn vậy? Tôn giả nói rằng: Tất cả các loại thức ăn cùng với thứ này không có gì khác, ông không quán sát mà vọng tưởng sanh ra tham trước, nay ông nên quán sát thức ăn theo ý tưởng bất tịnh! Ngay lúc ấy thuyết pháp cho nghe đạt được quả vị La-hán".

Lại trong kinh Bách dụ nói: "Xưa có hai con quỷ Tỳ xá xà, cùng có một cái tráp-một cây gậy-một đôi giầy, hai con quỷ cùng nhau tranh giành và bên nào cũng muốn có được cả hai. Hai con quỷ phân vân suốt ngày không thể nào làm cho yên ổn được. Lúc ấy có một người đi đến trông thấy sự tình rồi bèn hỏi rằng: Cái tráp-cây gậy-đôi giầy này có gì kỳ lạ đâu, các ông cùng nhau tranh giành giận dữ mới như vậy. Hai con quỷ đáp rằng: cái tráp này của tôi, có thể sản sinh ra tất cả đồ vật như áo quần, đồ ăn thức uống, giường chiếu đồ nằm cung cấp cho cuộc sống, tất cả từ trong tráp sinh ra, cầm cây gậy này thì giặc thù quy phục không dám tranh giành; mang đôi giầy này thì có thể làm cho người bay đi như chim không có gì chướng ngại được. Người này nghe rồi liền nói với quỷ rằng: Các ông rời xa một lúc tôi sẽ vì các ông mà phân chia bình đẳng. Quỷ nghe lời ấy lập tức tránh xa ra, người này ngay lập tức ôm cái tráp nắm cây gậy mang đôi giầy mà bay đi mất. Hai con quỷ ngạc nhiên cuối cùng không có được vật gì. Người nói với quỷ rằng: Các ông mà tranh giành với nhau thì tôi đã lấy đi mất, nay khiến cho

các ông lại không có gì để tranh giành cả. Quỷ Tỳ xá xà là dụ cho các loài ma và các ngoại đạo, bố thí giống như cái tráp, đồ vật cung cấp để sử dụng của năm đường Trời người đều từ trong này sinh ra; thiền định giống như cây gậy, tiêu diệt hàng phục bọn giặc của ma oán phiền não, trì giới giống như đôi giày chắc chắn lên cao ở cõi Trời người. Các loài ma và ngoại đạo tranh nhau cái tráp, ấy là dụ cho ở trong hữu lậu gắng gượng cầu mong quả báo trống rỗng không có gì đạt được. Nếu có thể tu hành các thiện hạnh và bố thí trì giới, thiền định, thì được xa lìa đau khổ đạt đến đạo quả".

***Thứ tư*- PHẦN THẨM HỌC** (xem xét sự học).

Như kinh Cựu Tạp Thí Dụ nói: "Xưa có hai người theo thầy học đạo, cùng nhau đi đến nước khác, giữa đường thấy dấu chân voi, một người nói: Đây là voi mẹ mang thai con voi cái, voi mù một mắt, trên mình voi có một người phụ nữ mang thai đứa bé gái. Một người nói: Vì sao ông biết được? Đáp rằng: Dùng ý suy nghĩ mà biết, nếu ông không tin thì đi về phía trước sẽ thấy. Hai người cùng theo kịp con voi, tất cả giống như đã nói: Một người tự nghĩ rằng tôi và ông cùng theo Thầy học đạo, một mình tôi không thấy, mà ông chỉ biết một mình? Sau đó trở về thưa với Thầy, Thầy vì thế mà tiếp tục làm cho mở mang, bèn gọi một người đến hỏi rằng: Dựa vào đâu biết như vậy? Đáp rằng: là lời Thầy luôn hướng dẫn cho biết, con trông thấy nước tiểu của voi trên đất biết là voi cái thấy dấu chân phải đạp đất lún sâu biết là mang thai voi cái, thấy ven đường phía tay phải cỏ cây không thay đổi biết là mắt phải bị mù, thấy nơi voi dừng lại có nước tiểu biết là người phụ nữ, thấy chân phải đạp đất lún sâu biết là mang thai bé gái, con dùng ý tinh tế sâu xa tư duy như vậy mà thôi. Thấy nói: Học hỏi thì nên dùng ý suy nghĩ xem kỹ càng mới thông hiểu được".

Lại trong kinh Bách Dụ nói: "Ví dụ như có người mài một hòn đá lớn chịu khó thêm nhiều công sức, trải qua tháng năm lâu dài, làm thành con trâu nhỏ bé để đùa vui, dụng công đã sâu nặng mà kỳ vọng thật đơn giản, người thế gian cũng lại như vậy. Mài đá lớn là dụ cho sự học vấn phải tinh chuyên chịu khó vất vả mệt nhọc. Làm thành con trâu nhỏ bé là dụ cho danh tiếng thị phi lẫn nhau. Là người học hỏi thì suy nghĩ tìm hiểu sâu xa tường tận biết nhiều hiểu rộng, thuận theo nên thực hành lâu dài để mong cầu kết quả tốt đẹp, đừng cầu mong danh tiếng vẻ vang mà kiêu căng ngạo mạn tăng thêm lỗi lầm tai họa".

Còn trong Trí Độ Luận nói: "Có người trong tất cả mọi lúc thấy

có điều gì lạ lùng đều hỏi han kỹ càng điều ấy, sau đó đi trên đường giữa đồng hoang vắng vẻ gặp quỷ La Sát bắt giữ người ấy, người ấy bị bắt chắc chắn sẽ chết không nghi hoặc gì. Nhưng trông thấy La Sát ngực trắng mà lưng đen, cảm thấy quái lạ bèn hỏi nguyên do, La Sát đáp rằng: tôi từ lúc sanh ra đến nay không thích nhìn mặt Trời, cho nên luôn luôn xoay lưng phía mặt Trời mà đi, vì vậy trước trắng mà sau đen. Người ấy hiểu ý, liền kéo tay rời La Sát theo hướng mặt Trời mà đi, La Sát quay mặt lưng hướng về phía mặt Trời nên không trông thấy người đó, người đó được thoát nạn, nhân đó nói kệ rằng:

Đạo lý bậc nhất là chăm học,
Phương pháp bậc nhất là chịu hỏi
Giữa đường gặp nạn quỷ La Sát,
Lưng đen hướng về phía mặt Trời.

Tụng rằng:

Quan sát kỹ càng chuyện đúng sai,
Trong đục xen nhau khó lường được,
Cố gắng quán xét tà và chánh,
Khéo léo thực hành theo quỹ tắc
Bên trong giận dữ phạt quá mức,
Bên ngoài tranh cãi nào dừng lại
Cầu nguyện cho nội tâm lắng trong,
Năng lực trí tuệ biết kỹ càng.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra ba chuyện: 1- Bác vật chí; 2- Bạch trạch đồ; 3- Bao Phác Tử.

1:Trong Bác vật Chí nói: Núi nhỏ có con Nao, hình dáng giống như cái trống, một chân biết lễ nghi. Trong đầm có con rắn, dáng hình giống như bánh xe, dài như càng xe, ai trông thấy loài này thì làm bá chủ. Xưa Hạ vũ ngắm sông trông thấy người to lớn thân cá, hiện ra nói rằng: Ta là tinh lực của sông, chẳng lẽ Hà Bá sao?

2: Trong Bạch Trạch Đồ nói: yêu tinh nơi nhà xí tên gọi là Ỷ Y, áo xanh cầm gậy trắng, biết tên gọi đó gọi lên thì trừ được, không biết tên gọi đó thì chết. Lại làm nhà ba năm không ở, trong đó có đầy của cải, dài hai thước, thấy người thì che mặt, người trông thấy là có phước. Lại làm nhà ba năm không ở, tinh lực đó gọi là Hốt, dài bảy thước, người trông thấy là có phước. Lại làm nhà ba năm không ở, trong đó có trẻ con, cao ba thước mà không có tóc, thấy người thì che mũi, người trông

thấy là có phước. Lại tinh lực của lửa tên gọi là Tất Phương, dáng hình giống như chim một chân, dùng tên đó gọi lên thì tru diệt. Lại tinh lực của cây tên gọi là Bành Hầu, dáng hình giống như chó đen không có đuôi, có thể hầm mà ăn. Lại cây sống ngàn năm, trong đó có loài sâu, tên gọi là Cổ Khuất, dáng hình giống như con heo có hai đầu, hầm mà ăn có mùi vị như thịt chó. Lại trên có núi rừng-dưới có suối khe, giữa khoảng đất ấy sinh ra yêu tinh, tên gọi là Tất Phương, dạng hình giống như loài chim đuôi dài, loài này sanh ra do sự biến hóa của âm dương. Lại tinh Lực của ngọc tên gọi là Đại Ủy, dáng hình đó giống như mỹ nữ mặc áo xanh, trông thấy mà nói thì quả đào nhọn đâm vào, nhưng gọi lên tên ấy thì lấy được. Lại tinh lực của vàng tên gọi là Thương Đường, dáng hình giống như con heo, tích lại trong gia đình, khiến cho người ta không thích nghi với vợ, lấy tên gọi lên thì trừ diệt. Lại tinh lực của nước tên gọi là Võng Tượng, hình dáng của nó giống như đứa bé, mắt đỏ thân đen tai to móng dài, dùng dây buộc lại thì có thể được, nấu lên gặp may mắn. Lại tinh lực của cửa cũ xưa tên gọi là dã, hình dáng giống như người lùn, trông thấy thì vái lạy, lấy tên gọi của nó gọi lên thích hợp với ăn uống, lại tinh lực của ao đầm cũ xưa tên gọi là Oan, hình dạng của nó giống như con rắn, một thân hai đầu hoa văn năm màu sặc sỡ, dùng tên gọi lên thì có người khiến lấy được vàng bạc. Lại tinh lực của mồ mả phế tàn cũ xưa tên gọi là vô, hình dạng giống như người đầy tớ già nua, mặc áo xanh mà cầm chày giã rất dễ, theo tên gọi của nó gọi lên khiến cho người thích hợp với thóc lúa đậu mè. Lại tinh lực của con đường nhỏ cũ xưa tên gọi là Kị, hình dạng giống như người thôn quê vừa đi vừa ca hát, dùng tên đó gọi lên, khiến cho người ta không mê muội. Lại tinh lực của xa cộ cũ xưa tên gọi Ninh Dã, hình dạng giống như chiếc xe tang, trông thấy thì mắt người bị tổn thương, dùng tên gọi đó gọi lên thì không có thể làm hại đến mắt người. Lại tinh lực con đường đang sử dụng tên gọi là Tác Khí, hình dạng giống như người đàn ông, dễ dàng làm lóa mắt người, lấy tên gọi đó gọi lên thì mất đi. Lại tinh lực của cối xây cũ xưa tên gọi là Ý, hình dạng giống như con heo, theo tên đó gọi lên thì mất đi. Lại tinh lực của sâu-giếng nước lâu đời tên gọi là Quán, hình dáng giống như cô gái đẹp, thích thổi sáo tiêu, theo tên đó gọi lên thì mất đi, lại tinh lực nơi tận cùng dòng nước có vàng gọi là Hầu Bá, hình dáng giống như con người, cao năm thước, áo năm màu rực rỡ, theo tên đó gọi lên thì biến mất. Lại tinh lực của nhà cửa lầu đài lâu đời tên gọi là Lương Quý, hình dáng giống như con chó màu đỏ, dùng tên đó gọi lên khiến cho mắt người sáng rõ. Lại hai bên có núi đá

sinh ra nước, khe nước ấy chảy ra ngàn năm không dứt, tinh lực của nó tên gọi là Hỷ, hình dáng giống như đứa bé màu đen, dùng tên đó gọi lên khiến cho lấy được đồ ăn thức uống. Lại tình lực của ba quân nơi chiến trận tên gọi là Tân Mãn, hình dạng của nó giống như đầu người, mặt đỏ không có thân, thấy người thì quay lại, dùng tên đó gọi lên thì biến mất. Lại tinh lực của đá lâu đời trong dòng nước gọi là Khánh Kị, hình dạng giống như người ngồi trên mui xe, một ngày chạy qua ngàn dặm, dùng tên đó gọi lên thì có thể khiến cho đi vào nước bắt được cá. Lại tinh lực của mồ mả tên gọi là lang Quỷ, dễ dàng cùng với người đánh nhau mãi không thôi, dùng gai cây đào và lông chim làm mũi tên, lấy lông chim để bắn vào, Lang Quỷ hóa thành làn gió lay động, cởi giày dép ném vào thì không thể biến hóa được. Lại tinh lực của khu chợ lâu đời tên gọi là Môn, hình dạng của nó giống như hình đụn tròn mà không có tay chân, dùng tên đó gọi lên thì biến mất. Lại tinh lực của căn nhà cũ xưa tên gọi là Tôn Long, hình dạng giống như đứa bé, cao một thước bốn tấc, mặc áo màu đen, khăn bịt đầu màu đỏ đội mũ lớn mang kiếm cầm kích, dùng tên đó gọi lên thì biến mất. Lại tinh lực của núi tên gọi là Nao, hình dạng giống như cái trống một chân biết đi, dùng tên đó gọi lên có thể sai khiến được hổ báo. Lại tinh lực của ao hồ nuôi thả súc vật lâu đời tên gọi là khốn đốn, hình dạng giống như con trâu không có đầu, gặp người thì đuổi theo người, dùng tên đó gọi lên thì biến mất. Lại ban đêm thấy dưới nhà có con nít xỏa tóc chạy, đó là yêu tinh của vật xấu ác tên gọi là Câu, dùng tên đó gọi lên thì không có gì sai lầm. Lại con sói trăm tuổi hóa thành người con gái tên gọi là Tri Nữ, hình dáng giống như cô gái đẹp, ngồi cạnh đường đi nói với đàn ông rằng: em không có cha mẹ anh em. Nếu đàn ông lấy làm vợ, trải qua năm dài mà ăn thịt người, dùng tên đó gọi lên thì chạy trốn mất. Lại yêu tinh của nhà xí lâu đời tên gọi là Ti, hình dáng giống như cô gái đẹp, mà cầm gương gọi tên, biết xấu hổ là biến mất.

3: Trong Bao Phác Tử nói: Cây to trong núi có thể nói được ấy không phải là cây nói, đó là yêu tinh tên gọi Vân Dương, dùng tên đó gọi lên thì tốt lành. Trong núi ban đêm thấy người Hồ, ấy là yêu tinh của đồng sắt; thấy người Tần ấy là gỗ cây trăm năm ở trong dòng nước thấy quan lại ấy tên gọi là Tứ Kích, dùng tên gọi lên thì gặp may mắn. Ở trong núi vào ngày Dần có người xưng là quan lại nước Ngu, ấy là cọp vậy; nói là người đang ở trên đường đi, ấy là chó sói vậy; nói là quan lệnh trưởng, ấy là chồn cáo vậy. Ngày Mão nói là chồng, ấy là loài thỏ, nói là cha ở phía Đông, ấy là loài nai nói là Tây Vương Mẫu,

ấy là loài hươu. Ngày Thìn nói là thầy cầu mưa, ấy là loài Rồng; nói là hà bá, ấy là loài cá; nói là Công Tử không có ruột, ấy là loài cua. Ngày Tỵ nói là Quả Nhân, ấy là con rắn trong miếu; nói là Thời Quân, ấy là con rùa. Ngày Ngọ nói Tam Công, ấy là con ngựa; nói là ba người, ấy là cây lâu năm. Ngày Mùi nói chủ nhân, ấy là con dê, nói là quan lại, ấy là con Hoẵng. Ngày Thân nói là Nhân Quân, ấy là con khỉ, nói là Cửu Khanh; ấy là con vượn. Ngày Dậu nói là Tướng Quân, ấy là con gà; nói là bắt kẻ giặc, ấy là con chim trĩ. Ngày Tuất nói tên họ con người, ấy là con chó; nói ở giữa thành Dương Công, ấy là con cáo. Ngày Hợi nói là Thần Quân, ấy là con heo; nói là đàn bà đã có chồng, ấy là vàng ngọc. Ngày Tý nói là xả Quân, ấy là con chuột; nói là Thần Nhân, ấy là khuất phục giúp đỡ. Ngày Sửu nói là Thư Sinh, ấy là con trâu. Biết rõ vật ấy thì không thể nào làm tổn hại. Vả lại, Huỳnh Hoặc Hỏa Tinh sinh ra Chu điểu, Thần Tinh Thủy Tinh sinh ra Huyền Vũ, Tuế Tinh Mộc Tinh sinh ra Thanh Long, Thái bạch Kim Tinh sanh ra Bạch Hổ, Trấn Tinh Thổ Tinh sinh ra Thừa Hoàng. Bao Phác Tử nói: Núi-sông-gỗ, đá, giếng, bếp, ao đầm, kênh, rạch đều có tinh khí, trong thân tểh con người cũng có hồn phách, huống là Trời đất tạo ra mọi vật, mọi vật rất lớn lao, đối với lý đương nhiên là có thần thức tinh khí, có thần thức tinh khí thì thưởng cho điều thiện mà trừng phạt điều ác, nhưng Thể đó rộng lớn mà giăng bày sơ sài, không cần phải gợi mở linh hoạt mà chỉ cần thuận theo thực hành thôi!

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 46

Thiên thứ 44: TƯ THẬN

Thiên này có năm phần: Thuật ý, Thận dụng, Thận họa, Thận cảnh, Thận quá.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Suy nghĩ cẩn thận phòng ngừa sai sót là lý đương nhiên không có gì lo sợ, ngậm miệng không nói ngừng một suy tư là nguồn gốc để xa lìa mọi điều ác. Khuyên nhủ cẩn thận từ trước đến sau, là cốt cách của quân tử; cung kính che chở từ đầu đến cuối là đạo lý của đức dưỡng sinh. Ngõ hầu hiểu rõ sự hưng khởi của nhân duyên, xét kỹ lẽ vô thường của sanh diệt, nhận thức lý vô ngã của khổ không, soi chiếu pháp môn vi diệu bình đẳng, mà giữ lại lý lẽ ấy rời bỏ dấu tích kia, ngăn ngừa mọi tai họa tiếp nhận mọi phước thiện, là đạo lý thuận với muôn vật tinh thần hòa với thần linh.

Thứ hai- PHẦN THẬN DỤNG (cẩn thận mà sử dụng).

Trong Kinh Tu Hành Đạo Địa nói: "Xưa có vị Quốc vương, tuyển chọn người trí tuệ sáng suốt trong cả nước để làm vị quan phụ tá, nhà vua muốn thử họ, muốn biết như thế nào để phân định tội nặng, truyền lệnh cho quan lại, lấy bát chứa đầy dầu mà khiến họ nâng lên, từ cửa Bắc đi đến nơi cửa Nam, cách Kinh thành hai mươi dặm, có khu vườn tên gọi Điều Hý, bảo mang đến nơi ấy, nếu rơi một giọt thì lập tức chém đầu, không cần phải hỏi lý do. Lúc bấy giờ các quan nhận lệnh truyền quan trọng của nhà vua, lấy bát chứa đầy dầu đưa cho người đó, hai tay nâng lên mà lòng thật vô cùng buồn bã lo sợ, cho dù có ngựa xe người xem đầy đường, hoặc thấy điều đúng sai mà chẳng thay đổi, cho dù có vợ con thân quyến đến thúc ép, người ấy vẫn chuyên tâm không nhìn hai bên; cho dù có người xem cả nước nhốn nháo hỗn loạn, người ấy vẫn giữ tâm ngay thẳng không thấy người đông, cho dù có thiếu nữ

ngọc ngà tuyệt trần trong nước, có ca nhi vũ nữ đi kèm, người thấy đều ưa thích, mà người ấy vẫn một lòng bưng bát chí hướng không hề lay chuyển, cũng không quán sát vọng khởi trong tâm, chuyên chú tinh thần bưng bát dầu đầy không nghe những lời ca ấy. Thế là tụng rằng:

Phương tiện khéo léo mà khoan thai,
Ca nhi vũ nữ tuyệt vời nhất
Tất cả mọi người đều ham thích,
Ví như Hoàng hậu của loài ma
Luôn luôn lay động tâm ly dục,
Huống gì đối với người thế gian,
Qua lại gần gũi với người ấy,
Bưng bát dầu đầy tâm không nghiêng.

Cho dù có voi gầm ngựa chạy, trong thành lửa cháy thiêu đốt muôn dân, gọi nhau nhốn nháo thông báo tránh lửa chớ rơi vào hầm hố, quan lại binh lính đều đến cùng lúc chữa cháy, người ấy vẫn một lòng bưng bát dầu đầy không rơi một giọt; cho dù có sấm sét chấn động Trời đất, gió mạnh gầm gào quật ngã cây cối, bụi cuốn mịt mù chớp giật nhoang nhoáng, cầm thú ngã nhào-người và súc vật kêu gào kinh hãi, chuyên tâm nghĩ đến bát dầu mà người ấy chẳng nghe. Bấy giờ bưng bát dầu đến khu vườn kia nhìn lại không rơi một giọt, các quan thưa trình với nhà vua kể lại đầy đủ việc này, nhà vua nghe mà tấm tắc khen ngợi: Người này khó sánh, là bậc hùng anh giữa mọi người, không để ý đến mọi chuyện! Nhà vua vô cùng hoan hỷ lập làm thần cai quản đất nước. Hành giả đạo chế ngự tâm như vậy, tuy có các ác ma dâm dục-nóng giận ngu si đến quấy nhiễu làm loạn các căn, mà trong quán sát-ngoài phòng ngừa nhiếp tâm không rời ra, Tam muội định ý cũng lại như vậy. Ngay sau đó tụng rằng:

Giống người bưng bát dầu đầy,
Không lay động không gì vất bỏ
Trí tuệ tuyệt vời ý như biển,
Vẫn chuyên tâm bưng bát dầu đầy
Như người nào mong muốn học đạo,
Nắm giữ tâm tư nên như vậy
Lòng dạ sáng ngời mọi công đức,
Tất cả tỳ vết đều trừ diệt
Tham dục sắc ái biết bao nhiêu,
Mà dấy lên nóng giận ngu si
Người có chí không thể buông thả,

Im lặng mà tự quản thúc mình
Thân người có bệnh tật phát sinh,
Dùng thuốc thang để trừ căn bệnh
Bệnh tật trong tâm cũng như vậy,
Dùng bốn ý làm cho tiêu tan.

Lại trong Phẩm Tế Long kinh Đại Tập nói: “Lúc bấy giờ trong chúng có một con rồng mù, tên gọi là Pha La Lê Xa, cất tiếng khóc to phát ra lời nói như vậy. Bậc Đại Thánh Thế tôn, xin cứu giúp con, xin cứu giúp con, nay trong thân con chịu đựng khổ não vô cùng, ngày đêm luôn luôn bị các loại sâu bọ rúc rỉa làm thức ăn, ở trong nước nóng không lúc nào tạm thời vui được! Đức Phật dạy: Này Lê Xa! Vào đời quá khứ ông ở trong Phật pháp đã từng làm Tỳ kheo phá hủygiới cấm, trong lòng bịp bợm bên ngoài hiện tướng tốt lành, tham nhiều quyến thuộc rất đông đệ tử, danh tiếng vang xa khắp nơi không có ai không nghe biết đến Hòa thượng của mình đắc quả A-la-hán. Vì nhân duyên này nhận được nhiều sự cúng dường, chỉ một mình hưởng thụ, thấy người trì giới lại nói điều xấu xa, người kia buồn phiền suy nghĩ như vậy: Trong đời đời sanh ra tôi nguyện đi theo ăn thịt thân ông. Ác nghiệp như vậy khi chết sanh trong loài Rồng, là thân trước của ông, chúng sanh nguyện cho nên ăn thịt thân ông, nhân duyên ác nghiệp phải chịu quả báo đui mù này. Lại ở trong vô lượng kiếp quá khứ, ở trong địa ngục Dung Xích Đồng, thường bị các loài sâu bọ rúc rỉa ăn thịt. Rồng mù nghe lời này ưu sầu khóc nỉ non, phát ra lời nói như vậy. Chúng con hôm nay thảy đều chí tâm cùng nhau sám hối, nguyện làm cho khổ báo này mau được giải thoát. Trong chúng rồng kia có 26 ức con rồng đói khát, nghĩ đến thân quá khứ thì đều tuôn nước mắt, nghĩ đến thân quá khứ ở trong Phật pháp tuy được xuất gia, mà tạo ra nhiều ác nghiệp trải qua vô lượng thân ở trong ba đường ác, bởi vì dư báo cho nên sanh vào trong loài Rồng nhận chịu khổ đau vô cùng, giống như loài Rồng màu xanh, con cũng như vậy! Bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các loài Rồng rằng: Các ông nên mang nước rửa chân Như Lai, khiến cho tai ương tội lỗi của các ông dần dần được trừ diệt. Lúc ấy tất cả loài Rồng dùng tay vốc nước, nước đều hóa ra lửa, biến thành tảng đá lớn, đầy ở trong tay phát ra ngọn lửa lớn, vất rồi lại sanh ra, như vậy đến bảy lần, tất cả loài Rồng thấy sự việc như vậy rồi, kinh sợ buồn phiền tuôn nước mắt khóc òa. Đức Phật dạy cho lập đại thệ nguyện xong thì ngọn lửa đều trừ diệt, cho đến lần thứ tám dùng tay bưng nước rửa chân Như Lai, chí tâm sám hối, Đức Phật thọ ký cho các loài rồng, đến thời Phật Di-lặc sẽ được

làm thân người gặp Phật và được xuất gia tinh tiến trì giới đạt đến quả vị La-hán. Lúc ấy các loài Rồng đạt được túc mạng, tâm tự nghĩ đến nghiệp nhân quá khứ, ở trong Phật pháp hặoc là nhân duyên thân thuộc với người thế tục, hoặc là nhân duyên qua lại nghe pháp, vốn có tín tâm bố thí các loại hoa quả đồ ăn thức uống, cùng với các Tỳ kheo theo thứ tự mà ăn. Hoặc có loài Rồng nói rằng: Tôi đã từng ăn hoa quả và đồ ăn thức uống cúng dường chúng Tăng bốn phương. Hoặc có loài Rồng nói rằng: Tôi đến chùa viện bố thí chúng Tăng, hoặc là lễ bái, ăn uống như vậy. Hoặc lại nói rằng: Tôi từ trong pháp của Tỳ-bà-thi Như Lai từng làm người thế tục. Thậm chí có người nói: Tôi từng làm người thế tục trong pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, hoặc vì nhân duyên gần gũi xưa kia mà thăm hỏi nhau, hoặc là nhân duyên đến để nghe pháp qua lại nơi chùa viện, người có tín tâm cúng dường tăng chúng, bố thí hoa quả và các loại đồ ăn thức uống, Tỳ kheo có được rồi trở lại cho tôi, tôi có được thì ăn, nhân duyên của nghiệp ấy mà ở trong địa ngục trải qua vô lượng kiếp, giữa ngọn lửa nóng bỏng hoặc đốt hoặc nấu, hoặc uống nước đồng sôi, hoặc nuốt viên sắt nóng. Từ địa ngục thoát ra lại rơi vào trong súc sanh, bỏ thân súc sanh lại sanh vào trong ngạ quỷ, các loại như vậy chịu đủ khổ đau mà các nghiệp vẫn không hết, sanh trong loài Rồng này thường nhận chịu mọi sự khổ não. Đức Phật bảo với các loài Rồng: Ác nghiệp loại này cùng với nghiệp trộm cấp đồ vật của Phật như nhau không khác, so với nghiệp ngũ nghịch thì tội lỗi ấy chỉ bằng một phần nửa, nay các ông nên cùng nhau tiếp nhận ba quy ý nhất tâm tu thiện nghiệp, nhờ vào duyên này ở trong Hiền kiếp được gặp vị Phật cuối cùng, danh hiệu là lâu chí, ở thời Đức Phật ấy tội lỗi sẽ được diệt trừ. Lúc ấy các loài Rồng nghe lời này xong, tất cả đều chí tâm thề trọn đời quy kính Tam bảo.

Bấy giờ trong chúng kia có Long Nữ mù mắt, trong miệng thối rữa đầy các loại giòi bọ, giống như nơi nhà xí, thậm chí bẩn thỉu dơ dáy, giống như đồ bất tịnh tanh hôi khó nhìn trong căn của phụ nữ, chảy ra các loại máu mủ, toàn thân thường bị các loại ruồi nhặng sâu kiến giòi bọ rúc rỉa làm thức ăn, thân thể hôi thối thật khó có thể nghe và thấy được. Bấy giờ Đức Thế tôn dùng tâm Đại Bi thấy Long Nữ kia mắt mù khốn khổ như vậy. Ngài mới hỏi rằng: Muội vì duyên gì mà gặp phải thân xấu ác này, ở đời quá khứ đã từng làm nghiệp gì? Long nữ đáp rằng: Thưa Đức Thế tôn! Thân này của con bây giờ nhiều nỗi khốn khổ bức bách không có lúc nào tạm thời được dừng lại, nếu như có muốn nói nhưng mà không làm sao nói được, con nhớ vào ba mươi sáu ức đời

quá khứ, ở trăm ngàn năm sanh trong loài Rồng xấu ác nghiệp chịu đau khổ như vậy, thậm chí ngày đêm không dừng lại dù trong sát na, vì con trong chín mươi mốt kiếp xưa kia, ở trong Phật pháp của Đức Phật Tỳ-bà-thi, làm một Tỳ kheo ni, nghĩ đến chuyện dục vọng còn hơn cả người say, tuy là xuất gia nhưng không thể nào đúng như pháp, ở trong chốn già lam phạm vào pháp luật, luôn luôn nhận chịu ba đường ác và chịu những nỗi khốn khổ của sự thiêu đốt nóng bỏng, nói lời này rồi nguyện xin cứu giúp cho thân con! Lúc bấy giờ Đức Thế tôn nói lời chân thật xong, liền lấy ít nước vào trong miệng Long Nữ, lửa và giòi bọ máu mủ thảy đều diệt hết, miệng Long nữ trong lành phát ra nói lời như vậy. Bậc Đại Thánh Như Lai! con nhớ lại thời Đức Phật Ca-diếp ở quá khứ, đã từng làm người thế tục, đang cày đất giữa ruộng, có một Tỳ kheo đi đến nơi con cầu xin năm mươi đồng tiền. Lúc ấy con trả lời rằng: Hãy đợi thóc lúa chín muồi sẽ cho ông ăn. Tỳ kheo lại nói: Nếu như năm mươi đồng không thể có được, thì cầu xin mười đồng cũng được. Con vào lúc ấy nổi giận với Tỳ kheo kia mà nói lời rằng: Thậm chí mười đồng cũng không cho ông đâu. Lúc ấy Tỳ kheo kia tâm sanh buồn phiền. Lại vào lúc khác đến trong chùa viện đi vào sau rừng cây, thì liền lấy trộm mười quả Am la là vật của Tăng hiện tại mà ăn một mình. Vì nhân duyên của nghiệp ấy mà vào trong địa ngục nhận chịu khổ đau, ác nghiệp chưa hết thì sanh vào giữa đầm hoang làm thân rồng đói, thường bị các loài sâu bọ ăn thịt, máu mủ chảy ra càng thêm đói khát khốn khổ, còn Tỳ kheo kia, bởi vì nghiệp duyên xấu ác của tâm giận dữ, chết đi liền làm thân rồng ác độc nhỏ bé, sanh dưới nách con hút máu của con, hơi nóng chạm vào thân không thể nào chịu nổi, vì vậy thân con đầy máu mủ nóng bức. Long nữ thưa với Đức Phật rằng: Đức Thế tôn Đại Bi! Chỉ nguyện xót thương cứu giúp cho con, khiến cho con thoát được rồng ác độc oan gia ấy! Lúc bấy giờ Đức Thế tôn dùng tay khua nước phát ra lời nói chân thành, nói lời như vậy: Ta từng ở đời đói kém xưa kia. Bấy giờ Ta nguyện làm chúng sanh thân hình to lớn, cao rộng vô lượng, dùng sức thần thông ở giữa hư không xướng lời như vậy: Trong đầm hoang kia có loài côn trùng thân lớn, gọi là Bất Sân, các người có thể đến lấy thịt thân đó để làm đồ ăn thức uống, có thể không con đói khát. Lúc ấy người và loài Phi nhân trong đời ấy, nghe tiếng này rồi tất cả đều hướng đến tranh nhau lấy ăn. Lúc nói lời chân thật rất tin tưởng này, thì con rồng nhỏ bé dưới nách Long Nữ kia lập tức rời xa. Lúc này cả hai con rồng cùng thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn! Chúng con lâu mau nữa sẽ được xa lìa thân rồng này và được thoát khỏi tai ương

tội lỗi? Đức Phật bào với hai con rồng: Nghiệp này rất nặng xếp sau tội Ngũ Vô Gián, tại vì sao? Bởi vì nếu như có vật của thường trú tăng bốn phương, hoặc là vật của Tăng hiện tiền, đàn việt thành tâm tín ngưỡng đem tâm thiết tha bố thí vật dụng, hoặc là hoa quả vườn cây đồ ăn thức uống cung cấp cho sinh hoạt thường ngày-giường chiếu chăn màn-thuốc thang chữa trị bệnh tật..., tất cả những thứ cần thiết một mình sử dụng lãng phí, hoặc mang đến nơi khác cho bà con bạn bè thân thiết sử dụng, thì tội này nặng nề phải vào địa ngục A Tỳ mà nhận chịu quả báo. Vì vậy các người nên thọ pháp quy y Tam bảo, quy y Tam bảo rồi mới có thể hướng vào trong nước lạnh, như vậy ba lần xưng niệm Tam bảo, thân liền an ổn được tiến vào trong làn nước mát lạnh. Bấy giờ Đức Thế tôn, liền vì các loài Rồng mà thuyết kệ rằng:

Thà lấy dao sắc tự cắt xẻ thân mình,
Tay chân thân thể và tất cả thịt da
Tất cả đồ vật người tín tâm bố thí,
Người thế tục ăn vào thật là tai họa
Thà nuốt viên sắt nóng đỏ rực ghê người,
Mà khiến cho trong miệng sinh ra ánh lửa
Tất cả đồ ăn thức uống của chúng Tăng,
Không nên một mình sử dụng ở nơi khác.
Thà lấy ngọn lửa lớn như núi Tu di,
Dùng tay nắm giữ mà tự mình ăn uống
Vật đó có những người thế tục tại gia,
Không nên vội ăn thức ăn cúng dường Tăng
Thà dùng dao sắt tự cắt xẻ thịt mình,
Thân thể nát tan mà tự mình ăn uống
Vật đó có những người thế tục tại gia,
Không nên lấy dùng thức ăn của chúng Tăng
Thà lấy thân mình nhảy vào trong hố lửa,
Bốn phía rừng rực ngọn lửa dữ bốc cao
Vật đó có những người thế tục tại gia,
Không nên ngồi nằm vào giường chiếu của Tăng
Thà lấy dùi sắt nhọn vô cùng nóng bỏng,
Nắm chặt trong tay khiến cho cháy nát nhừ
Vật đó có những người thế tục tại gia,
Không nên tự mình sử dụng vật của Tăng
Thà dùng dao thớt thật dễ dàng đánh bại,
Mà tự cắt xẻ da thịt của thân mình

Chớ đối với người xuất gia hành thanh tịnh,
Phát khởi một niệm tâm sân giận nóng nảy
Thà dùng đôi tay mình móc lấy hai mắt,
Ném trên mặt đất như vất bỏ vật hư
Nơi nào có người thực hành những thiện pháp,
Không nên dùng tâm căm hận để ngó nhìn
Thà dùng sắt nóng quấn quanh thân thể mình,
Bất cứ hành động đứng đi và ngồi nằm
Không nên đem tâm sân giận và ganh ghét,
Mà mặc y phục sạch bố thí chúng Tăng
Thà uống nước muối mặc đục ngầu bụi đất,
Sôi sùng sục trong miệng giống như bốc lửa.
Không nên ấp ủ tâm tham lam độc ác,
Uống thuốc men thanh tịnh cúng dường chúng Tăng.

Lúc bấy giờ Đức Thế tôn thuyết kệ này xong, một vạn bốn ngàn các loài thuộc chúng rồng đều thọ pháp Tam Quy, trừ diệt tất cả những nỗi khổ trong nghiệp báo quá khứ và hiện tại mà được giải thoát, tin sâu sắc Tam bảo tâm không hề lui sụt, lại có 80 ức các chúng loài Rồng, cũng đối với Tam bảo dấy tâm quy kính vô cùng.

Lại trong kinh Đại Tập nói: "Hoặc làm Tỳ kheo mà có được các loại đồ dùng giúp đỡ trong sinh hoạt thường ngày đều là do đàn việt tín tâm đã bố thí, mà chúng sanh này, hoặc tự mình ăn uống hoặc là cho người khác, hoặc cùng mọi người lấy cắp che giấu riêng một nơi để sử dụng một mình, bởi vì nghiệp như vậy, cho nên rơi vào ba đường ác nhận nỗi khổ sở khốn khó lâu dài. Lại có chúng sanh bần cùng hạ tiện không được tự tại, vì vậy mà xuất gia hy vọng được giàu có sung túc giải thoát yên vui, đã xuất gia rồi nhưng lại lười nhác lơi lỏng, không đọc tụng kinh điển, thiền tuệ tinh cần bỏ bê mà không tu tập, thích biết chuyện của Tăng. Lại có Tỳ kheo ngày đêm cần cù tinh tiến, thích tu thiện pháp đọc tụng kinh điển, ngồi thiền tu tuệ không bỏ chốc lát, nhờ vào duyên này mà cảm được sự cúng dường của bốn chúng đệ tử. Lúc ấy người tri sự có được lợi dưỡng rồi, hoặc tự mình lén ăn, hoặc lại trộm cho người thế tục thân thiết trước kia, vì những duyên này mà ở lâu trong đường ác, ra rồi lại vào ngu si mê muội như vậy, không thấy được quả báo nặng nhẹ của tương lai. Nay Ta cảnh giác khuyên nhủ đệ tử Sa môn nghĩ đến pháp trú trì, không được tự xưng mình là người thực hành pháp thật sự của Sa môn, dựa vào chúng Tăng mà thọ nhận đồ vật của người khác tin tưởng giúp cho, hoặc là bánh trái hoặc là rau lá-hoa

hương, chỉ là vật của chúng Tăng mà ăn, không được tuỳ tiện đem cho tất cả những người thế tục, cũng không được nói đây là vậy của mình tách riêng chúng mà ăn. Lại cũng không được lấy vật của chúng Tăng tích trữ gây dựng sinh ra các loại buôn bán nói là có lợi ích làm cho thế gian mỉa mai hiềm khích. Lại cũng không được đưa ra thì đắt mà thâu vào thì rẻ cùng với thế gian tranh giành lợi nhuận. Lại cũng không được vì nhân duyên đồ ăn thức uống cung cấp cho tăng mà làm cho các chúng sanh rơi vào ba đường ác. Cần phải khuyến khích dẫn dắt an trú trong thiện pháp khiến cho chúng Tỳ kheo thật sự tin tưởng Tam bảo, thâu nhiếp các chúng sanh cho đến cha mẹ, làm cho được an lành ở trong ba pháp giải thoát".

Lại trong kinh Thập Luận nói: "Nếu có vật của bốn phương tăng cùng những vật lẫn lộn giúp cho sinh hoạt thường ngày, trì giới hay phá giới những người như vậy đều không giúp cho họ, vì nhân duyên này sau khi mạng chung đều rơi vào địa ngục A Tỳ nhận chịu quả báo".

Lại trong phẩm Tế Long kinh Đại Tập nói: "Lúc ấy Sa Già La Long vương thưa với Đức Phật rằng: Mà trong loài Rồng này, hoặc có những hàng rồng thọ nhận vui sướng như loài người, có hạng như ngạ quỷ, có hạng như súc sanh, có hạng như địa ngục nhận chịu đau khổ vô cùng. Nói lời này xong, lúc ấy Vương tử của Sa Già La Đại Long vương tên gọi Thanh Liên Hoa Diện, tiến lên thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn! Con vì nhân duyên tội lỗi ác nghiệp gì mà sanh trong loài Rồng, thân lớn đoan chánh vốn có sắc thân xúc chạm thọ dụng giống như lửa đốt, thường không có y phục để trần thân thể mà đi, như Phụ Vương con thọ nhận vui sướng tốt đẹp nhất, quả báo như Chuyển-luân-vương không khác? Đức Phật dạy: Này Hoa Diện! Ta sẽ nói cho ông biết, chính là trong ba mươi mốt kiếp quá khứ trước kia, có Đức Phật danh hiệu là Thi Khí, lúc ấy trong đời Đức Phật Thi Khí có vị vua tên gọi là Bồi Đa Phú Sa, vua Phú Sa kia ở trong ba tháng cúng dường Đức Phật, cùng với chúng đại Bồ tát vô lượng trăm ngàn vị đạt được bốn quả Sa môn, dùng các loại y phục-đồ ăn thức uống-thuốc thang chữa bệnh mà cung cấp đầy đủ, chí tâm nghe pháp rồi lập tức phát tâm Bồ-đề, đồng thời tiến hành xây dựng chùa viện cúng dường các loại. Thái tử thứ nhất của nhà vua ấy tên gọi là Bùi Đa Sa Thọ Đế, gặp Phật nghe pháp ở trong vòng lưu chuyển sanh tâm vô cùng sợ hãi đi theo bên cạnh vua cha nguyện cầu xuất gia, nhà vua trả lời tùy ý con. Đã xuất gia rồi lại thưa với vua cha rằng: Con muốn ở lại trong chùa! Nhà vua nói: Cũng tuỳ lúc. Chúng Tăng đệ tử của Đức Phật Thi Khí ở trong chùa ấy thọ

dụng đồ ăn thức uống, con của vua Phú Sa là Bùi Đa Sa Thọ Đế, sanh tâm ganh ghét luôn luôn mắng nhiếc giận dữ. Lúc ấy chúng Tăng trong chùa bị Thọ Đế giận dữ mắng nhiếc nhiều đều bỏ chùa mà đi, Thọ Đế thấy tăng đi rồi tâm sanh hoan hỷ, liền nghĩ rằng: Họ đi là tốt, mình thật yên ổn. Thế là tùy tiện sử dụng y phục và đồ ăn thức uống trong chùa, có những người khác đến thì không cho ở lại. Bởi vì ác nghiệp vốn có nên sau khi mạng chung sanh vào Đại địa ngục trải qua vô lượng ngàn vạn na do tha năm nhận chịu những quả báo thiêu đốt nóng bỏng, từ địa ngục được thoát ra thì sanh vào trong ngạ quỷ, lại trải qua vô lượng năm nhận chịu khổ đau vô cùng, trong ngạ quỷ chết đi lại rơi vào địa ngục, thoát khỏi địa ngục rồi sanh vào trong ngạ quỷ, như vậy trải qua ba mươi mốt kiếp, ở trong vòng lưu chuyển nhận chịu những nỗi khổ đau đầy đủ như vậy. Đức Phật dạy: Này Hoa Diện, Sa Thọ Đế kia há lại là người nào khác, mà chính là thân ông bây giờ. Bởi vì nhân duyên ác nghiệp quá khứ xa xăm, cho nên sanh trong Đại địa ngục-ngạ quỷ-súc sanh xoay vòng liên tục nhận chịu khổ đau, trải qua trong 31 kiếp này nhận chịu tất cả những nỗi khổ đau, chưa lúc nào ạtm thời ngừng lại, vì nghiệp còn thừa lại cho nên sanh vào trong loài Rồng nhận chịu ác báo này! Lúc ấy rồng Hoa Diện nghe lời nói này xong, òa khóc nức nở toàn thân tự rạp xuống-bốn chân sát đất lễ lạy cung kính, thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn! Nay con chí tâm theo Phật sám hối không dám che giấu, nay con chí thành đến tận xương tủy, quy y Phật pháp tăng, cho đến tận cùng thọ mạng nguyện làm Ưu bà tắc. Đức Phật dạy: Lành thay, lành thay! Như vậy quy y Ta thì nghiệp kia được trừ sạch, trong loài này chết rồi được sanh làm thân người gặp Phật Di-lặc, ở trong giáo pháp của Phật Di-lặc xuất gia chứng quả La-hán".

***Thứ ba*- PHẦN THẬN HỌA** (cẩn thận với tai họa).

Như trong kinh Cựu Tạp Thí Dụ nói: "Xưa có một đất nước, thóc lúa đậu mè tốt tươi nhân dân bình yên không có tật bệnh, ngày đêm ca hát mọi người không có điều gì buồn lo. Nhà vua hỏi quần thần: Ta nghe thiên hạ có tai họa như thế nào? Đáp rằng: Hạ thần cũng không trông thấy. Nhà vua liền sai một vị quan đi đến nước láng giềng tìm kiếm để mua về. Thiên Thần liền hoá thành một người, vào trong chợ bán tai họa như thế nào? Đáp rằng: Hạ thần cũng không trông thấy. Nhà vua liền sai một vị quan đi đến nước láng giềng tìm kiếm để mua về. Thiên Thần liền hóa thành một người, vào trong chợ bán tai họa, hình dáng giống như loài heo, mang xích sắt rằng buộc mà đem bán. Vị quan

hỏi: Đây gọi là thứ gì? Đáp rằng: Tai họa mẹ. Vị quan nói: Bán không? Đáp rằng: Bán: Hỏi rằng lấy bao nhiêu tiền? Đáp rằng: Ngàn vạn. Hỏi rằng: vật này ăn thứ gi? Đáp rằng: Ăn một thăng kim nhọn. Vị quan liền ban lệnh cho mọi người tìm kiếm kim nhọn. Như vậy dân chúng tốp năm tốp ba gặp nhau đi tìm kim nhọn, làm cho các quận huyện khắp nơi bị rối loạn, nơi ở của muôn dân đã xuất hiện sự lo lắng tai họa điêu đứng khốn cùng. Vị quan thưa với nhà vua rằng: Tuy có được tai họa mẹ nhưng mà làm cho dân chúng rối ren gái trai thất nghiệp, cần phải giết bỏ vật ấy, không biết nhà vua đồng ý hay không? Nhà vua nói: Rất tốt! Thế là đem ra ngoài thành sắp giết, đâm thì không vào, chém thì không thương tổn, cắt xẻ mà không chết, chất củi đốt thì thân hình đỏ lửa mà chạy mất ra ngoài, đi qua xóm làng đốt cháy xóm làng, đi qua phố chợ thì cháy phố chợ, vào trong thành thì cháy thành, vào trong đất nước thì cháy đất nước, làm cho nhân dân hỗn loạn đói kém khốn khổ vô cùng. Bởi vì chán sự yên vui mua lấy tai họa mà kàm cho khốn khổ như vậy. Đây là dụ cho ngọn lửa tham dục nữ sắc đã bùng cháy, đàn ông con trai ham muốn chất nghiện đến chết cũng không biết khổ là gì”.

***Thứ tư*- PHẦN THẬN CẢNH** (cẩn thận với cảnh tượng).

Như kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Bồ tát Khổng Tước bảo với chúng chư Thiên rằng: Nếu có Tỳ kheo sợ hãi đối với tên gọi xấu ác thì xa rời các lỗi lầm, đó gọi là không đi vào nơi của đàn bà con gái đùa nói cười, không đi vào quán rượu; không gần gũi người bán rượu, không qua lại cùng nhau trò chuyện, không gần gũi người ham thích rượu, cũng không chuyện trò qua lại, không gần gũi người làm giặc cướp; không gần gũi người đã từng làm điều đại ác; không gần gũi người thích đấu tranh, không gần gũi người lòng dạ ác hiểm thâm độc; không gần gũi người không luôn luôn nói đến đạo lý bố thí; không gần gũi người ham vui cờ bạc; không gần gũi người đàn ca múa hát; không gần gũi trẻ con; không gần gũi người bị nữ sắc ràng buộc; không gần gũi người nóng nảy tùy tiện; không gần gũi người không giữ miệng, không gần gũi người tham lam, không gần gũi người buôn bán dối gạt; không gần gũi người giả dối mua bán giữa đường đời mà làm giặc cướp xấu xa; không gần gũi người đào bới sông hồ; không gần gũi người nữ hoàng môn (Pêđê) đi chung một con đường; không gần gũi người điều phục voi dữ; không gần gũi người cầm đầu lò mổ; không gần gũi người thuần phục ngựa hoang; không gần gũi người đoạn kiến, không gần gũi người không có giới. Người không tốt như vậy không nên gần gũi thân thiết, gần gũi với

người như vậy chắc chắn cùng đi chung một con đường, vì vậy Tỳ kheo nên sợ hãi tai tiếng xấu xa, không nên cùng với người bất tịnh nghiệp này ở chung một chỗ đi chung một con đường. Bèn thuyết kệ rằng:

Nếu gần gũi với người bất thiện,
Thì sẽ trở thành người bất thiện
Vì vậy cần phải xa điều ác,
Đừng làm ra nghiệp hạnh bất thiện
Thuận theo gần gũi người hạng nào,
Nhiều lần gần gũi thân thiết nhau
Gần gũi cho nên chung hạnh nghiệp,
Hoặc là thiện hay là bất thiện
Tất cả những người mong điều thiện,
Nên gần gũi với những người thiện
Như vậy có thể được yên vui,
Thiện thì không phải nhân của khổ
Gần điều thiện tăng thêm công đức,
Gần điều ác tăng thêm lầm lỗi
Tướng của công đức và tội ác,
Nay sơ lược trình bày như vậy
Nếu như gần gũi với người thiện,
Thì có được tên gọi tốt lành
Nếu như gần gũi người bất thiện,
Khiến người ta mau chóng khinh rẻ
Thường thuận theo thân thiết người thiện,
Lìa xa những bạn bè xấu ác.
Bởi vì gần gũi với người thiện,
Có thể trừ bỏ những ác nghiệp,

Thứ năm- **PHẦN THẬN QUÁ** (cẩn thận với lỗi lầm)

Như kinh Tạp A-hàm nói: “Bấy giờ Đức Thế tôn bảo với Tỳ kheo: Ví như viện sắt ném vào trong lửa cùng chung màu sắc với ngọn lửa, lấy đặt vào giữa đống tơ mềm mại, các Tỳ kheo nói thế nào, có thể lập tức đốt cháy hay không? Tỳ kheo thưa với Đức Phật: thưa Đức Thế tôn, như vậy lập tức sẽ cháy. Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Người ngu si dựa vào làng xóm mà cư trú, sáng sớm khoác y ôm bát đi vào thôn xóm khất thực, không cố gắng giữ gìn thân tướng, không canh giữ cánh cửa các căn tâm không giữ chặt ý niệm, nếu trông thấy người nữ trẻ tuổi thì tư duy không đứng đắn, giữ lấy sắc tướng của họ khởi tâm tham dục, lửa

dục vọng cháy bỏng trong tâm, lửa dục vọng đốt cháy thân hình, thân tâm cháy bỏng đã xả giới làm cho giảm sút, người ngu si này trong đêm dài sẽ được nhiều ích lợi phi nghĩa. Vì vậy Tỳ kheo nên học như vậy, cố gắng giữ gìn thân mình-canh giữ cửa ngõ các căn-giữ chặt ý niệm khi vào thôn xóm! Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các Tỳ kheo: Vào đời quá khứ có một con cáo đói khát gầy ốm, ở trong lỗ hổng rình bắt con chuột, nếu con chuột xuất hiện thì sẽ tóm lấy thức ăn. Có lúc con chuột ra ngoài chơi đùa, thì con kia nhanh chóng túm lấy nuốt chửng. Thân con chuột bé nhỏ còn sống đi vào trong bụng, vào trong bụng rồi ăn nội tạng của con cáo, lúc ấy nội tạng thì con cáo cảm thấy mê man khó chịu nên chạy từ chỗ này đến chỗ kia như điên cuồng, nhà trống-mồ hoang không biết nơi nào dừng lại, thế là dẫn đến cái chết. Tỳ kheo như vậy, có người ngu si dựa vào làng xóm mà cư trú, sáng sớm khoác y ôm bát đi vào thôn xóm khất thực, không cố gắng giữ gìn thân tướng, không canh giữ cửa ngõ các căn, tâm không giữ chặt ý niệm, trông thấy những người nữ dấy lên tư duy bất chính, mà giữ lấy sắc tướng làm cho tâm tham dục bùng lên rồi, lửa dục vọng hừng hực đốt cháy thân tâm của mình rồi, rong ruỗi khắp nơi mặc sức buông thả không thích ở trong tinh xá mà xả giới làm cho giảm sút. Người ngu si này trong đêm dài thường gặp phải khổ đau không lợi ích gì hơn. Vì vậy Tỳ kheo, nên học như vậy, cố gắng giữ gìn thân mình-canh giữ cửa ngõ các căn-giữ chặt tâm vào trong chánh niệm đi đến thôn xóm khất thực!"

Lại trong kinh Tạp A-hàm nói: "Bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các Tỳ kheo: Ví như chày gõ thường xuyên sử dụng không nghĩ, ngày đêm sẽ tiêu hao dần đi, như vậy Tỳ kheo từ xưa đến nay không khép chặt cánh cửa các căn-ăn uống không biết mức độ, đầu đêm cuối đêm không chịu khó giác ngộ tu tập thiện pháp, nên biết rằng hạng này suốt ngày làm giảm sút chứ không tăng thêm thiện pháp, như chày gỗ kia vậy".

Lại trong kinh Tự Ái nói: "Đức Phật dạy: Người ứng xử giữa đời, tâm ôm ấp ý niệm hiểm độc, miệng phát ra lời nói hiểm độc, thân thực hiện việc làm hiểm độc, ba điều này phát xuất từ tâm-thân và miệng, xướng lên thành điều ác hiểm để làm hại chúng sanh, chúng sanh bị độc hại thì kết thành oán hận, tâm thề phải báo thù, hoặc đời hiện tại chuốc lấy quả báo, hoặc sau khi thân mạng kết thúc linh hồn lên trên cõi Trời, thì nhận chịu quả báo. Con người là Thái sơn giữa súc sanh và quỷ thần lại càng khắc chế làm hại lẫn nhau, đều là do túc mạng chứ không phải tự nhiên sanh ra. Đức Phật thuyết kệ rằng:

Tâm là trung tâm của pháp,

Tâm là cao quý trong lòng
Dùng tâm gây ra điều ác,
Ngay nơi lời nói việc làm
Tội khổ tự mình chuốc lấy,
Xe lăn theo vết bánh xe
Tâm là gốc rễ của pháp,
Tâm cao quý tâm sai sử
Trong lòng nghĩ đến điều thiện,
Ngay nơi lời nói việc làm
Phước lạc tự nhiên tìm đến,
Giống như bóng đi theo hình.

Lại trong Thập Trú Tỳ Bà Sa Luận nói: “Bồ tát tại gia nếu thấy người phá giới thì không nên sinh tâm giận dữ coi khinh, nên sinh tâm thương xót làm lợi ích cho họ, phương tiện khuyên nhủ ngăn lại làm cho phát sinh thiện tâm, hết sức can ngăn không thể thay đổi mà sanh ra phỉ báng, cũng không được giận dữ nhìn nhận xằng bậy lỗi lầm của họ. Vốn là trong Hiền Kiếp này nghe có Bồ tát, phỉ báng Đức Phật Câu Lâu Tôn rằng: Sao có người trọc đầu mà sẽ đắc đạo, như vậy chúng sanh khó có thể biết được, tự làm tự chịu đâu can hệ gì với tôi, nếu muốn biết người ta hoặc tự mình làm tổn thương, thì hãy tính toán với chúng sanh, Đức Phật vốn không cho phép. (Như trong kinh nói).

Đức Phật bảo với A-nan: Nếu người tính toán đối với người khác thì tự làm tổn hại mình, như kệ nói rằng:

Có bình mà nắp cũng không,
Không có nắp lại cũng rỗng không
Có bình mà nắp cũng đầy đủ,
Không có nắp cũng lại đầy đủ
Nên biết rằng giữa các thế gian,
Có đầy đủ bốn loại người này
Từ oai nghi cho đến công đức,
Có và không có cũng như vậy
Nếu như chẳng phải Nhất Thiết Trí,
Sao có năng lực biết rõ người
Lẽ nào vì nhìn thấy oai nghi,
Mà biết được công đức của họ?
Đích thực biết là có thiện tâm,
Gọi là tướng của người tài đức
Chỉ trông thấy oai nghi bên ngoài,

Dựa vào đâu biết được trong lòng?
Nếu lấy bên ngoài lường bên trong,
Mà sinh ra tâm niệm khinh thường
Thì làm hỏng thân và thiện căn,
Mạng chung rơi vào trong đường ác.
Bên ngoài giả hiện rõ oai nghi,
Đi khắp nơi theo người hiền thiện
Chỉ có miệng nói lời hoa mỹ,
Như sấm động mà không có mưa.

Vì vậy trong kinh nói: Đừng khinh thường không học, kính sự học như Phật, chỉ có trí tuệ có thể phá tan phiền não. Nếu như so sánh tính toán thì tự làm tổn hại mình, chỉ có trí tuệ của Phật mới có năng lực hiểu rõ. Như việc này không phải cái biết của mình, thì ở giữa những người phá giới không nên sanh tâm giận dữ coi khinh."

Lại trong kinh Cựu Tạp Thí Dụ nói: "Xưa có một con ba ba gặp phải lúc khô cạn ao đầm cạn nước, không thể nào tự mình đến được hồ nước có thức ăn, lúc ấy có con Hạc lớn bay đến bên cạnh con ba ba, con ba ba bắt đầu cầu xin thương xót giúp đỡ nhau, con Hạc ngậm trong miệng bay ngang qua làng mạc, con ba ba không im lặng mà lên tiếng, hỏi đây là nơi nào, có những gì..., cứ như vậy hỏi mãi không thôi. Con Hạc đành phải trả lời, miệng há ra nên con ba ba rơi xuống, người ta bắt được mổ thịt ăn. Người ngu si gàn bướng không cẩn thận miệng mồm nói năng, ví dụ cũng như vậy".

Lại trong kinh Pháp Cú Dụ nói: Đức Phật bảo với Bà-la-môn: Thế gian có bốn điều mà con người không thể nào làm được, người thực hành được phước không đến nổi nghèo túng như vậy. Những gì gọi là bốn điều? Đó là: 1- Tuổi trẻ sức lực mạnh mẽ cẩn thận không kiêu mạn; 2- Tuổi già tinh tiến không tham lam dâm dật quá mức, 3- Có tiền bạc châu báu luôn luôn nghĩ đến bố thí, 4- Tìm thầy học lắng nghe tiếp nhận lời nói thẳng thắn. Như ông lão này không thực hành bốn điều như vậy, nghĩa là có người luôn luôn không nghĩ đến sự thành bại một khi phải ly tán, ví như con Hạc già giữ lấy hồ nước trống rỗng này vĩnh viễn không có gì đạt được. Ngay sau đó Đức Thế tôn liền thuyết kệ rằng:

Ngày đêm khinh mạn lười nhác,
Tuổi già không ngừng tham dâm
Có tiền bạc không bố thí,
Không tiếp nhận lời Phật dạy
Có bốn điều tệ hại này,

Là tự làm tổn hại mình
Một khi già yếu đến nơi,
Hình sắc đổi thay lảo đảo
Chẳng mấy chốc được như ý,
Già thấy bước chân run rẩy
Không thể tu dưỡng phạm hạnh,
Lại không giàu sang sung túc
Tuổi già như con Hạc trắng,
Canh giữ hồ nước rỗng không
Đã không giữ gìn giới cấm,
Lại không tích lũy tiền tài
Già yếu sức lực cạn rồi,
Suy nghĩ làm sao kịp nữa
Tuổi già như lá mùa Thu,
Hành nghiệp rách rưới dơ bẩn
Mạng sống phút chốc rời ra,
Hối hận không còn kịp nữa.

Tụng rằng:

Suy nghĩ cận thận trước sau,
Cốt phải giữ mình ngay thẳng
Miệng không nói lời khác nhau,
Tâm không dấy niệm xằng bậy
Ít ham muốn biết vừa đủ,
Quên lòng phân biệt này kia
Rụt rè thận trọng giữ mình,
Nhắc như buồn vui cố gắng!

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra 11 chuyện: 1- Chu Thức ở Hạ Phì thời Hán; 2- Người ở Câu Chương Cối Kê thời Hán; 3- Ngô Tường quan huyện Chư Ký thời Hán; 4- Người họ Chu ở Nghĩa Hưng thời Tấn; 5- Hồ Mậu Hồi ở Hoài Nam thời Tấn; 6- Hồ Tí Chi ở Dự Chương thời Tống; 7- Trương Ất trong thời Tống Thái Thỉ; 8- Lý Di ở Tương Thành thời Tống; 9-Vũ Vân thời Chu Tuyên Đế; 10- Thích Tuệ Dự ở chốn kinh sư thời Tề; 11- Cao Pháp Nhãn tự mình bảo vệ thời Đường.

1- Chu Thức ở vùng Hạ Phì thời nhà Hán, đã từng đến Đông Hải giữa đường gặp một quan lại, cầm một quyển sách nhờ vả chở đi hơn mười dặm nói với Chu Thức rằng: Tôi tạm thời có những sai lầm, để

sách lại gởi trong thuyền ông, cẩn thận đừng mở ra! Sau đó Chu Thức trộm mở ra xem, đều ghi lại những người chết, phía dưới có tên của Chu Thức. Trong chốc lát vị quan trở về, Chu Thức thú tội coi trộm sách, vị quan giận dữ nói: Trước đây đã nói cho nhau biết là đừng xem. Chu Thức rập đầu chảy máu. Rất lâu vị quan nói: Cảm ơn ông chở nhau đi xa, sách này không thể ngoại trừ ông, hôm nay trở đi về nhà suốt trong ba năm, đừng rời nhà đi xa thì có thể vượt qua được, đừng nói là trông thấy sách của tôi! Chu Thức trở về không đi ra ngoài đã hai năm, người người khác đều cảm thấy kỳ lạ. Người láng giềng qua đời, cha tức giận sai đi đến thăm viếng phúng điếu, Chu Thức không thể nào tránh được, vừa đi ra ngoài cổng thì vị quan này nói: Tôi bảo với ông trong ba năm đừng đi ra ngoài, mà bây giờ đi ra khỏi cổng, biết làm thế nào được, tôi cầu mong không gặp, làm ảnh hưởng đến nhau phải bị gậy đánh, nay đã gặp ông không biết làm sao, buổi trưa ba ngày sau sẽ tìm gặp nhau. Chu Thức trở về nước mắt nói lại đầy đủ như vậy, người cha vốn không tin, người mẹ ngày đêm đau lòng rơi nước mắt cùng giữ lấy nhau. Đến buổi trưa ngày thứ ba thì thấy đến tìm liền chết.

Câu chuyện trên đây trích từ Sưu Thần Ký.

2. Người ở vùng Câu Chương-Cối Kế thời nhà Hán, đến vùng Đông Dã trở về, Trời chiều không kịp về nhà, thấy ngôi nhà nhỏ bên đường có ánh lửa, nhân đó bước vào ở lại qua đêm . Có một thiếu nữ không muốn chung đêm với đàn ông gọi con gái nhà người hàng xóm tự bầu bạn trong đêm cùng nhau đánh đàn ca hát đùa vui rằng:

Cây sắn nối liền trên mây,
Một kéo dài lại một dây to
Ông muốn biết tên gọi của tôi,
Họ Trần tên gọi là A Đăng.

Sáng sớm đến ngoài vùng Đông Quách, có bà mẹ bán đồ ăn ở trong quán, người này ngồi nhờ một lát nhân đó nói chuyện đã thấy đêm qua. Bà mẹ nghe đến A Đăng, kinh ngạc nói: đây là con gái tôi, chết cách đây không lâu và mai táng ở ngoài huyện Quách.

3. Ngô Tường là quan lại nhỏ ở huyện Chư Ký thời nhà Hán, sợ chiến tranh hung tàn nên tránh đi, muốn tìm vào ở trong núi sâu, đi đến một dòng suối, ngày sắp tối thì gặp một người con gái xiêm y đẹp đẽ rất đoan chánh. Cô gái nói: Tôi ở đây chỉ một mình, lại không có người cùng quê, chỉ có một bà lão cô độc, cách nhau hơn mười bước mà thôi! Ngô Tường nghe nói rất vui, liền đi theo cô gái, đi hơn một dặm thì đến nhà cô gái, nhà rất sơ sài nghèo túng, cô gái làm đồ ăn cho Ngô Tường,

đến canh một mới xong. Nghe một bà lão gọi rằng: Cô Trương ơi! Cô gái đáp lại: Dạ. Ngô Tường hỏi là ai vậy? Đáp rằng: Bà lão cô độc trước đây đã nói ấy mà! Hai người cùng ngủ chung với nhau, đến khi gà gáy sáng, Ngô Tường ra đi, tình cảm đôi bên lưu luyến nhau, cô gái lấy chiếc khăn tím đưa tặng Ngô Tường, Ngô Tường lấy chiếc khăn tay bằng vải lụa trao lại. Đi đến chỗ hôm qua theo nơi vượt suối trước đó, đêm ấy nước bất ngờ dâng tràn lên cao, sâu lắm nên không thể lội qua được, bèn quay trở lại nhà cô gái, nhìn không thấy chỗ đêm qua, chỉ có một ngôi mộ mà thôi!

4. Người họ Chu ở Vùng Nghĩa Hưng thời nhà Tấn, giữa niên hiệu Vĩnh Hòa đi ra ngoài kinh đô, cưỡi ngựa đi theo hai người, chưa đến thôn xóm thì Trời tối, bên đường có một căn nhà tranh nhỏ mới làm, thấy một cô gái đi ra ngóng nhìn, tuổi khoảng chừng 16-17, dung mạo đoan chánh xiêm y đẹp đẽ, thấy họ Chu đi qua bèn nói rằng: Trời đã tối, thôn xóm phía trước hãy còn xa, Lâm hạ có lẽ nào đến được! Họ Chu bèn xin ở nhờ. Cô gái này vì thế nhóm lửa làm cơm, đến canh một nghe bên ngoài có tiếng trẻ con gọi. A Hưng ơi! Cô gái đáp lại: Vâng. Lại nói: Quan cho gọi cô đi đẩy xe chở sấm. Cô gái bèn chào từ biệt trước khi đi rằng: Nay có công việc phải đi! Đêm khuya liền nổi dông tố ào ào, đến sáng cô gái trở về, họ Chu đã lên ngựa, nhìn nơi ở lại hôm qua, chỉ thấy một ngôi mộ mới làm, cửa ngôi mộ có dấu chân ngựa và rơm cỏ còn lại, họ chu kinh hãi than thở tiếc thương. Đến năm năm sau quả nhiên làm Thái Thú Lâm Hạ.

Ba chuyện trên đây trích từ Tục Sưu Thần Ký.

5. Hồ Mậu Hồi ở vùng Hoài Nam thời nhà Tấn. Người này có thể trông thấy quỷ tuy rằng không thích gặp nhưng mà không thể dừng lại được. Sau khi đi đến Dương Châu trở về thành Lịch Dương, phía Đông có miếu thờ thần công minh chính trực, gặp dân chúng mời thầy mo cúng tế cầu nguyện trong miếu. Vừa đến trong chốc lát, có đám quỷ quát mắng nhau rằng: Quan trên đến tất cả hãy tránh ra ngoài miếu thờ! Quay đầu nhìn lại thấy hai vị Sa môn đang đi vào trong miếu thờ, các quỷ tốp năm tốp ba ôm chặt lấy nhau ở trong lùm cỏ cạnh miếu nhìn vào, trộm nhìn Sa môn đều có vẻ sợt sệt vô cùng. Chốc lát Sa môn ra đi, sau đó các quỷ đều trở lại trong miếu. Mậu Hồi thế là tin theo Đức Phật, liền hết sức chân thành thờ phụng Đức Phật.

Câu chuyện trên đây trích từ Tục Sưu Thần Ký.

6. Hồ Tí Chi ở vùng Dự chương thời nhà Tống, đã từng làm quan giúp việc quận Vũ Xương. Tống Nguyên Gia năm thứ 26 đi vào trong

công đường, thì có quỷ quái xuất hình dáng tựa như trẻ con, cửa khép lại thì nghe tiếng người đi, như tiếng chân mang quốc mộc, nhìn xem thì không thấy gì, như vậy rất nhiều lần. Tháng ba năm thứ hai mươi tám thì cả nhà đều mắc bệnh, giữa hư không nghe nói ném gạch đá, hoặc là đấy khô. Giữa mùa hạ người bệnh đều bị ném trúng, mà nói là ném càng mạnh hơn, bèn mời đạo sĩ trai giới tụng kinh suốt đến nhưng lại ném như mưa, chỉ có điều là không nhằm vào đạo sĩ và quyển kinh mà thôi. Đến mùa Thu và mùa Đông dần dần có âm thanh, người bị gạch đá ném trúng, da thịt đều tím đen mà không đau lắm. Tí Chi có một bà vú già, hay mắng nhiếc mọi người, quỷ ở bên cạnh hay hù dọa, Tí Chi nhiều lần đem rượu cúng tế làm bùa chú đuổi đi, dần dần ngưng hẳn. Đến năm thứ hai mươi chín quỷ lại xuất hiện dữ dằn hơn trước, năm sau tiếp theo công đường liên tiếp xảy ra bốn lần hỏa hoạn, tả tơi thảm hại đến mức khốn cùng. Cứ mỗi lần quỷ phát ra tiếng giống như chó, người trong nhà cứ gọi đến cho ăn. Sau đó bỗng nhiên nói mà tiếng nói tựa như trâu. Canh ba gõ cửa, Tí Chi hỏi ai vậy? Đáp rằng: Trình Thiệu Lăng. Cầm đèn ra xem hoàn toàn không trông thấy gì cả. Mấy ngày giữa canh hai lại ở ngoài cửa đập tay, Tí Chi liền mắng lại. Đáp rằng: Ông đừng mắng tôi, tôi là thiện thần chứ không phải là người đã đến trước đây. Đào Ngự Sử trông thấy sai đến bán cho ông biết. Tí Chi nói: Tôi không biết Đào Ngự Sử. Quỷ nói rằng: Là ông Đào Kính Huyền, xưa cùng nhau qua lại thân quen ấy mà. Tí Chi nói: Tôi cùng với ông ấy ngày ở kinh đô nhận công việc tại Hoành Dương lại không hề làm Ngự Sử. Quỷ nói: Ông Đào này ở nơi phước thiện, làm ngự sử trên cõi Trời trước sau tiếp cận với nhau, công đường này là nơi Thẩm Công đã làm vốn là nhà của Thẩm Công vì vậy đến thăm nhà cũ, có chút nói năng vất ném gạch đá bỡn cợt, bất ngờ ông bài trừ thái quá mới đến mắng nhiếc khiến cho tôi tớ phải vô lễ, gần đây lại khiến đem rượu cúng tế làm bùa chú đuổi đi thật là khốn khổ, tội tar5ng của việc này lên đến Thiên Tào, Thẩm Công nay trên cõi Trời nói rằng: Ông là đệ tử Tam Quy của Phật sao không thuận theo nhà Phật mà cầu phước, lại khiến đem rượu cúng tế làm bùa chú đuổi đi, từ nay về sau xin nguyện chuyên tâm tôn thờ theo pháp, không cần phải cùng với ác quỷ khốn đốn cho nhau! Tý Chi cầu thỉnh các Ni cô tụng kinh, vẫn trai giới hoàn tất trải qua một đêm, sau đó lại nghe ngoài cửa Ngự Sử cùng nhau nghe trình bày rõ ràng Hồ Tí chi tiếp tục gặp Thẩm Công tranh cãi nhau rất khổ sở. Nếu như lời đã nói, ông thật là vô lý, nếu có thể chân thành quy y bậc Chánh giác học tập kinh điển giữ đúng giới luật thì đã ma ngăn chặn

không còn, lưu chuyển tình cảm xưa kia cho nên bày tỏ với nhau vậy.

7. Trong thời Tống Thái Thỉ có Trương Ất, bị roi đánh lở loét đau đớn không chịu nổi, người ta bày cho lấy xương người chết đốt vụn để bôi vào vết lở sẽ lành. Trương Ất mướn trẻ nhỏ trong họ hàng leo lên đồi hoang lấy một chiếc đầu lâu, đốt nghiền vụn để bôi vào vết thương. Đêm ấy trong nhà đốt một lò lửa, đứa trẻ này ngồi canh lò lửa, giữa hư không có vật gì đó, ấn đầu đứa trẻ vào trong lửa mắng rằng: Tại sao ngươi lấy đầu ta đốt cháy, nay ta dùng lửa này trả lại cho ngươi! Đứa trẻ la lớn rằng: Trương Ất đốt mà thôi. Đáp rằng: Ngươi không lấy cho Trương Ất, Trương Ất sao có thể đốt được? Ấn đầu đứa trẻ rất lâu làm cho tóc cháy hết trụi, da thịt chín nhừ sau đó mới thả ra. Trương Ất vô cùng sợ hãi đem xương còn lại chôn vào chỗ cũ, dùng rượu thịt cúng tế không còn tai họa gì xảy ra nữa.

Hai chuyện trên đây trích từ Thuật Dị Ký.

8. Thời nhà Tống ở Tương Thành có Lý Di, cha của Lý Di là người không tin tà ma yêu quái. Có một ngôi nhà từ lúc làm ra cho đến bây giờ thường xảy ra tai họa không thể ở được, ở đó thì nhất định phải chết. Cha của Lý Di liền mua sống qua nhiều năm vẫn bình an tốt lành, con cháu hưng thịnh làm ăn phát đạt, nên nhiều người được làm quan, lúc sắp đi nhận chức mở tiệc mời thân thích nội ngoại, cơm rượu đã xong cha của Lý Di mới nói rằng: Thiên hạ cuối cùng có tốt xấu lành dữ hay không, ngôi nhà này từ trước tới giờ nói là bất hạnh vô cùng, từ lúc ở qua nhiều năm nay vẫn bình an tốt lành, mới được chuyển đi làm quan, quỷ quái ở nơi nào, từ nay về sau trở thành ngôi nhà tốt lành, người ở nơi này lòng dạ không có gì chế trách. Nói xong giống như nhà xí, chốc lát thấy trong tường nhà có một vật, như cuộn chiếu lớn, cao hơn năm thước có màu trắng đích thực, liền trở lại lấy đao chặt đứt ở giữa. Tức thì hóa thành hai người, lại chém đứt ngang, tiếp tục hóa ra bốn người, liền giật lấy đao trở lại chém chết cha của Lý Di, cầm đao đến trên chỗ ngồi chém chết con cháu trong nhà, hễ là người họ Lý thì phải chết, nhưng không có người khác họ bị giết hại. Lý Di hãy còn bé đang ẳm trên tay, trong nhà biết có tai họa xảy ra, mẹ vú ẳm ra cửa sau trốn trong nhà người khác, chỉ có một mình Lý Di được thoát nạn. Lý Di tự là Cảnh Chân, làm quan đến chức Thái Thú vùng tương Đông.

Câu chuyện trên đây trích từ Tục Sưu Thần Ký.

9. Vũ Văn Vân là Chu Tuyên đế, lúc ở Đông Cung, Vũ Đế dốc lòng dạy bảo rất nghiêm khắc, luôn luôn sai các quan giám sát thật cẩn thận, nếu có một sai sót nhỏ mà che giấu không tâu bày, thì Thành

Thận phải chịu tội chết. Thành Thận chịu trách nhiệm giám sát nên phải thường xuyên tâu bày việc làm sai phạm của Thái tử, Vũ Đế phạt gậy Thái tử hơn một trăm lần, đến khi lên ngôi quay đầu nhìn lại thấy vết sẹo bị gậy đánh trên cánh tay, mới hỏi Thành Thận về vết sẹo đó. Thành Thận lúc ấy đã đi nhậm chức ở quận khác, liền truyền lệnh truy tìm, đến nơi thì ban cho cái chết. Thành Thận nghiêm khắc nói rằng: Đây là do vua cha của ông làm ra, Thành Thận có tội gì? Kẻ phản nghịch còn lại lạm dụng để trông thấy đến lúc chết, nếu có biết kết thúc như vậy thì không để yên cho nhau! Lúc ấy nơi ở của các cung nữ kiêng kỵ gặp gỡ nhau, chỉ dùng mắt trao đổi chứ nhất định không được cùng nhau nói cười, bố trí các quan theo dõi ghi chép lại những lỗi lầm. Dưới quyền của Tả Hoàng hậu có một cung nữ, ngáp và vườn vai chảy nước mắt, vì vậy bị tâu bày vạch trần tội trạng, nói là người ấy đã suy nghĩ nhớ lại, liền truyền lệnh đối diện trước nhà vua để kiểm tra từ đầu đến cuối. Mới đánh vào đầu thử xem, nhà vua liền bị đau đầu. Tiếp đó đánh vào gáy thử xem, thì nhà vua lại đau gáy. Liền nổi giận đùng đùng nói rằn: Đây là oan gia của ta. Thế là sai kéo ra đánh gãy ngang hông, nhà vua lập tức đau ngang hông. Đêm ấy đi ra cung phía Nam, bệnh liền dần dần tăng thêm, sáng sớm trở về hông đau không thể cưỡi ngựa được, ngồi xe mà vào cung. Nơi cung nữ bị giết có quầng đen như hình người, lúc ấy nói là máu nên thuận theo quét sạch đi, phút chốc trở lại như cũ, nhiều lần như vậy, có người đào nỏ đất cũ lấy đất mới lấp vào, trong một đêm cũng trở lại như ban đầu. Vì thế suốt bảy, tám ngày toàn thân lở loét mà chết. Đến khi bắt đầu đưa thi hài tẩm liệm thì các giường đều cong lại, không sao kéo ra được, chỉ có chiếc giường của cung nữ bị giết chết này đã nằm, thì hoàn toàn duỗi thẳng chân được, liền lấy để sử dụng. Có lẽ cũng là ý của quỷ thần vậy. Nhà Vua chết cách nhau với chết của Thành Thận chỉ trong vòng hai mươi ngày.

Câu chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký.

10. Chùa Linh Căn ở chốn Kinh sư thời nhà Tề có Sa môn Thích Tuệ Dự, người ở vùng Hoàng Long, để dạo chơi chốn kinh sư dừng lại trong chùa Linh Căn, trẻ tuổi mà theo đuổi sự học tìm hiểu các thầy khắp nơi, khéo bàn luận về những phép tắc phong cách tốt đẹp. Mỗi khi nghe bình luận về nhân vật nào đó thì nhất định bịt tại không nghe. Trước kia tụng kinh đại Niết-bàn-Pháp Hoa-Thập Địa, lại tu tập thiền định tinh thông cả năm môn, đã từng ngủ trông thấy có ba người đến canh cửa, cùng mặc áo đội mũ sáng ngời tay cầm tán hoa che mát, Tuệ Dự hỏi tìm ai? Đáp rằng: Pháp sư sắp chết cho nên đến đón về. Tuệ Dự

nói nhỏ: Việc nhỏ chưa xong có thể kéo dài một năm nữa được không? Đáp rằng" Có thể như vậy. Đến năm sau vừa tròn một năm mà qua đời, năm ấy là năm thứ bảy niên hiệu Vĩnh Minh thời nhà Tề, hưởng thọ 57 tuổi.

Câu chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện.

11. Cao Pháp Nhãn ở huyện Trường An-Uy Châu thời nhà Đường, là cháu năm đời (Huyền tôn) của Bộc Xạ Cao Dĩnh thời nhà Tùy. Vào ngày hai mươi lăm tháng Giêng năm thứ ba niên hiệu Long Sóc nhà Đường, hướng đến Trung đài tham dự tuyển chọn, giữa trưa trở về nhà. Nhà ở phía Đông Nam phường Nghĩa Ninh, mở cổng hướng ra đường lớn, phía Đông chùa Hóa độ chính là nhà của Cao Pháp Nhãn. Muốn đi ra thành con (Tử thành) phải theo cửa Thuận nghĩa ở phía Tây. Trong thành gặp hai kỵ mã đuổi theo sau, đã ra khỏi thành rồi dần dần kề sát sau lưng. Ra ngoài cửa thành, đường phía Bắc là chùa Phổ Quang, một người nói với người cưỡi ngựa rằng: Ông chạy đến bắt giữ trước cổng chùa Phổ Quang, đừng để cho người này đi vào chùa! Sợ rằng khó bắt được nên người này y theo lời chạy nhanh đến giữ cổng. Pháp Nhãn sợ không vào chùa được, bèn hướng về phía Tây mà chạy lại đến phường Kim Thành ở đường phía Tây. Đường phía Tây ở cửa Nam có chùa Hội Xương, lại thêm bốn người cưỡi ngựa, lại nói với hai người cưỡi ngựa trước đó rằng: Nhanh chóng giữ cổng chùa Hội Xương! Người này y theo lời chạy đi giữ trước cổng chùa. Pháp Nhãn sợ hãi, vội vàng nói với người cưỡi ngựa rằng: Ông là người nào mà dám bức bách với tôi? Người cưỡi ngựa nói: Nhà vua sai tôi đi bắt lấy ông. Pháp Nhãn nói rằng: Vua nào sai đi bắt? Người cưỡi ngựa nói: Vua Diêm La sai đi bắt. Pháp Nhãn đã nghe vua Diêm Lai sai đến, biết đích xác là quỷ, liền cùng chống cự với nhau. Quỷ thì vô cùng tức giận nói: Mau cắt đầu tóc đi! Một con quỷ cầm dao lập tức cắt hai búi tóc Pháp Nhãn, kèm theo mảng thịt rơi xuống đất, thì đến đường phía Tây tắt hơi rơi xuống ngựa mê man bất tỉnh, đã đến con đường chính giữa phố lớn, trong lúc chần chừ thấy người hơn ngàn, có người tuần tra đường phố quả nhiên kiên quyết trợt mắt nhìn người giữ đường, đi sao tụ tập đông đảo? Người giữ đường trình bày đầy đủ về nguyên nhân tất nghẽn đường sá. Tiếp đó đầu đường phía Tây chính là nhà của Cao Pháp Nhãn, liền gọi người nhà mang xe đến chở về nhà. Đến sáng mới tỉnh lại thì nói với người trong nhà rằng: Tôi đi vào địa ngục thấy vua Diêm La, ngồi trên cao trợn mắt trách mắng tôi rằng: Tại sao ông đến chùa Hóa Độ vào trong phòng của thầy Minh Tạng ăn trái cây của thường trú tăng, phải nuốt

bốn viên sắt nóng, lệnh trong bốn năm phải nuốt hết, một ngày giữa cõi người là một năm trong địa ngục, bốn ngày thì kết thúc, từ ngày 26 tháng giêng đến ngày 29 thì hết. Hoặc ngày nuốt một trăm viên, vào ngày 26 lúc đã tỉnh táo, lại có các quỷ đến bắt Pháp Nhãn, lại cùng với các quỷ đánh nhau nhân lúc lực cạn kiệt không đánh lại nổi, lại tắt hơi đột ngột chết đi đến địa ngục khiến nuốt viên sắt nóng, lúc đang nuốt vào thì cổ họng đóng lại, thân thể cháy khô biến thành màu đỏ, nuốt hết mới tỉnh lại. Tỉnh rồi nhà vua lại nói rằng: Tại sao ông không tôn kính Tam bảo, nói sai lầm tệ hại của tăng, ông nuốt hết viên sắt nóng rồi, phải chịu cày sắt cày lưỡi trong một năm. Đến ngàgy 29 đã nuốt xong viên sắt nóng. Đến rạng sáng ngày 30 tháng Giêng lại chết đi vào trong địa ngục, lại chịu nỗi khổ cày sắt cày lưỡi, tự nhiên thấy lưỡi mình dài mấy dặm, người bên cạnh nhìn thấy nhả ra dài hơn một thước. Nhà vua lại nói với ngục tốt: Người này đã nói về đúng sai xấu tốt của Tam bảo, dùng rìu sắt lớn chặt đứt cuống lưỡi. Ngục tốt chặt không đứt! Nhà vua lại nói rằng: Lấy rìu nhỏ giũa lưỡi của người đó, đem bỏ vào vạc nóng nấu chín, Nấu cũng không nhừ được. Nhà vua lại cảm thấy quái lạ bèn hỏi nguyên do thế nào. Pháp Nhãn thưa với nhà vua rằng: Hạ thần đã từng tụng kinh Pháp Hoa. Nhà vua ban đầu không tin, truyền lệnh kiểm tra trong phần công đức, thấy trong văn bản có tụng một bộ kinh Pháp Hoa. Nhà vua kiểm tra biết là thật mới thả ra. Người đó sống lại tỉnh táo như xưa, người xem đông như chợ-người thấy đều phát tâm. Cả nhà tin tưởng cung kính khích lệ cố gắng tinh cần, bố thí-nhẫn nhục không thiếu sót khuyên nhủ chân thành không mệt mỏi, đạo tục chốn kinh thành cùng biết không phiền đến dẫn chứng rườm rà.

Thiên thứ 45: KIÊM ƯỚC

Thiên này có hai phần: Thuật ý và Dẫn chứng.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Sai lầm là bởi lý luận suông, không bằng chứng cứ vào sự thật, nghe thấy là bởi như bắt chước, không bằng quyết định vào hiểu biết. Vì vậy tin theo không bằng học hỏi, lời nói không bằng việc làm, cho nên nghiên cứu chủ yếu thích hợp lý lẽ, đặt nền móng to lớn cho bậc Thánh cao nhất, chấm dứt mọi duyên cốt phải tiết kiệm, là thước đo rộng dài của hạng người mẫu mực. Không xây dựng tâm tư không phân biệt, lẽ nào có cảm ứng không cùng tận? Vì vậy một mảy lông một hạt thóc mà có ích tất cả Tứ sanh, một ý niệm một khoảnh khắc mà luôn luôn giúp đỡ Lục độ. Đây là công lao vượt lên trên một nửa sinh sôi này nở tận cùng đời vị lai, ôm ấp xưa nay tiết kiệm mà cũng là đức hạnh quy phạm cao vời thế gian ít người sánh kịp.

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như trong Tân Bà Sa Luận nói: "Hỏi: Trong các đệ tử thì Đại Ca-diếp Ba là vị ít ham muốn thích vừa đủ-có đủ các hạnh khổ hạnh (Đỗ đa hạnh, xưa nói là Đầu đà); Bạc câu la là vị ít bệnh tật-luôn tiết kiệm-đầy đủ giới hạnh thanh tịnh, hai vị này khác nhau điều gì? Tôn giả Đại Ca-diếp Ba, có được đồ ăn thức uống hoặc dở hoặc ngon, đều thuận theo lần lượt mà ăn chứ không hề phân biệt chọn lựa, giống như ngựa hay tùy theo thức ăn có được mà ăn không bỏ. Tôn giả Bạc Cử La, đã có được đồ ăn thức uống hoặc dở hoặc ngon, thì lựa ra thức ngon mà ăn thứ dở. Như trong kinh nói: Có bốn bậc Thánh, một là bậc Thánh vui vẻ thỏa mãn tùy theo đồ ăn thức uống có được, hai là bậc Thánh vui vẻ thỏa mãn tùy theo y phục có được, ba là bậc Thánh vui vẻ thỏa mãn tùy theo đồ nằm có được, bốn là bậc Thánh tùy theo có- không có niềm vui đoạn trừ và niềm vui tu tập".

Lại trong kinh Trung A-hàm nói: "Lúc ấy có cái học về giống và khác nhau, bấy giờ Tôn giả Bạc-câu-la chưa xuất gia, bạn bè thân thiện luôn luôn đến nơi Bạc-câu-la mà thưa hỏi nghĩa lý đó. Bạc-câu-la nhân đó giải thích cho họ: Tôn học đạo trong giới luật chánh pháp này đến nay đã tám mươi năm, chưa từng dấy lên ý tưởng tham dục. Tôi mang y rách vá rách vá chắp lại đến nay đã tám mươi năm, cũng không dấy lên ý tưởng cao ngạo, cũng chưa hề nhớ là nhận y của cư sĩ, chưa hề cắt đứt làm y phục, chưa hề nhờ vả Tỳ kheo khác làm y, chưa hề dùng kim

may y, chưa hề cầm túi đựng kim chỉ ngay cả một sợi chỉ cũng không. Tôi khất thực đến nay đã tám mươi năm, cũng không dấy lên ý tưởng cao ngạo, cũng chưa hề nhận lời mời của cư sĩ, cũng chưa hề vượt qua khất thực, chưa hề đi theo mọi người khất thực từ trong đó sẽ được các loại đồ ăn thức uống ngon lành tuyệt vời sạch sẽ nhất, chưa từng nhìn khuôn mặt người nữ, chưa từng bước vào trong phòng của Tỳ-kheo-ni, chưa từng nhớ lại cùng nhau chào hỏi với Tỳ-kheo-ni, thậm chí đi trên đường cũng không cùng nhau nói chuyện, chưa từng nuôi giữ Sa-di, chưa từng nhớ là thuyết pháp cho hàng bạch y, thậm chí bốn câu kệ, chưa từng có bệnh tật gì thậm chí đau đầu trong chốc lát, chưa từng nhớ là uống thuốc thậm chí chỉ một miếng Ha-lê-lặc. Tôi ngồi xếp bằng tròn hơn tám mươi năm, chưa từng dựa vào tường dựa vào cây, tôi ở trong ba ngày đêm đạt được ba sự chứng thực thông suốt, tôi ngồi xếp bằng tròn mà nhập Niết-bàn. Đây gọi là Tôn Giả Bạc-câu-la chưa hề có pháp". Lại trong Tăng Kỳ Luật nói: "Đạt Nhị Già La-hán tự mình rất vui mừng yên lòng, mà thuyết kệ rằng:

Muốn đạt được niềm vui vắng lặng,
Nên luyện tập pháp hạnh Sa môn
Ngăn lại thì giữ gìn thân mạng,
Giống như rắn bò vào hang chuột
Muốn đạt được niềm vui vắng lặng,
Nên luyện tập pháp hạnh Sa môn
Cơm áo gắn liền với thân mạng,
Dở ngon tùy theo với mọi người
Muốn đạt được niềm vui vắng lặng,
Nên luyện tập pháp hạnh Sa môn
Tất cả biết dừng lại vừa đủ,
Chuyên tâm tu dưỡng đạo Niết-bàn.

Lại trong kinh Cựu Tạp Thí Dụ nói: "Xưa có Tỳ kheo, ngồi thiền hành đạo ở dưới tán cây lúc nhàn rỗi, trên cây có một con khỉ, thấy Tỳ kheo ăn leo xuống đứng bên cạnh, Tỳ kheo lấy cơm cho ăn. Con khỉ được ăn thì đi lấy nước để cung cấp cho Tỳ kheo tắm rửa. Nhiều tháng liền như vậy, ngày hôm sau ăn hết mà bỗng nhiêu quên không để lại, con khỉ vì không được ăn nên rất tức tối, lấy Ca sa của Tỳ kheo leo lên cây xé nát, Tỳ kheo giận mà dùng gậy đánh, lỡ tay đánh trúng con khỉ liền chết. Những con khỉ khác cùng nhau đến khiêng con khỉ chết đi vào trong chùa. Tỳ kheo Tăng biết chắc chắn có nguyên cớ nên xét hỏi ý đó. Tỳ kheo nói lại đầy đủ, thế là Đức Phật dạy từ nay trở đi mỗi khi

Tỳ kheo ăn cơm, đều phải dành một phần để lại mà bố thí cho các loài vật, không được ăn hết”.

Lại trong Ngũ Phần Luật nói: “Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Đời quá khứ xưa kia, ở bên bờ sông Căng già có một Tiên nhân, sống ở trong hang đá. Lúc bấy giờ Long vương vào ban ngày từ lòng nước xuất hiện, dùng thân quấn quanh Tiên nhân bảy vòng, đầu thò ra ở phía trên, hướng xuống phía dưới cung kính nhìn Tiên nhân. Tiên nhân đi vắng đệ tử ở lại giữ hang, Long vương cũng giống như trước vào ban ngày xuất hiện thể hiện lòng cung kính. Đệ tử sợ hãi nên vô cùng gây ốm bệnh hoạn. Vào lúc bấy giờ Ta thực hành Bồ tát đạo đi khắp nơi bên bờ sông Căng già, trông thấy sự việc như vậy, thì cố ý hỏi xem, người ấy trả lời đầy đủ như vậy. Ta lại hỏi rằng: nay ông mong không tiếp tục thấy Long vương phải không? Đáp rằng: Đúng như vậy. Lại hỏi: Ông thấy dưới cổ Long vương có những vật gì? Đáp rằng: Có ngọc ma ni. Ta lại nói rằng: nếu lúc Long vương xuất hiện thì ông nên chắp tay hướng về Long vương nói lời như vậy. Nay tôi cần ngọc quý ma ni ở dưới cổ Ngài, nguyện xin Ngài lấy giúp cho tôi. Bấy giờ đệ tử Tiên nhân nghe Ta nói xong, Long vương từ mặt nước xuất hiện thì thuận theo cầu xin ngọc quý, Long vương nghe xin ngọc quý thì không tiến tới không lùi lại lặng lẽ mà đứng yên. Lúc ấy đệ tử Tiên nhân lại vì Long vương thuyết kệ rằng:

Nay tôi cần ngọc ngọc quý ma ni,
Nằm ở dưới cổ của Long vương
Ý tôi thật quý trọng vui mừng,
Lặng im không nói như thế nào?

Long vương liền dùng kệ đáp rằng:

Tất cả những nhu cầu của Ta,
Đều có được nhờ ngọc quý này
Nay ông đi theo câu xin Ta,
Vĩnh viễn đoạn tuyệt không trở lại
Như tiếng lửa rừng rực nổ tung,
Khiến lòng dạ con người kinh hãi
Nay ta nghe thấy lời ông nói,
Sợ hãi vượt quá sự việc này

Ngay sau đó Đức Thế tôn dẫn ra tích xưa thuyết kệ:

Cầu xin điều người ta không thích,
Nói ra thì dẫn đến oán thù
Long vương nghe thấy tiếng cầu xin,

Một khi xa không còn trở lại.

Đức Phật lại bảo với Tỳ kheo: Vào đời quá khứ có Quốc vương Ca Di, vui thích bố thí cung cấp cho những người nghèo thiếu khốn khổ. Lúc ấy có Phạm Chí được nhà vua rất quý trọng, chưa từng đi theo nhà vua cầu xin điều gì. Lúc bấy giờ nhà vua ấy vì Phạm Chí mà thuyết kệ rằng:

Mọi người đều từ phương xa đến,
Không ngại đi theo cầu xin Ta
Mà ông nay ở tại nơi này,
Không cầu xin có mục đích gì?

Phạm Chí liền dùng kệ trả lời rằng:

Cầu xin điều người ta không thích,
Không cho thì dẫn đến oán thù
Vì vậy lặng im không mong cầu,
Sợ rằng xa cách tình thân ái!

Nhà vua lại thuyết kệ đáp rằng:

Cầu xin không tổn thương đức hạnh,
Cũng không sai lầm cho thân miệng
Vứt cái có để bù cái không,
Tại vì sao mà không mong cầu?

Phạm Chí tiếp tục dùng kệ trả lời rằng:

Người tài đức không nói cầu xin,
Nói cầu xin ắt không tài đức
Lặng lẽ không có gì cầu xin,
Thì gọi là người đủ tài đức.

Lúc ấy nhà vua nghe thuyết về kệ người tài đức thì tâm vô cùng hoan hỷ, liền lấy một con trâu chúa và hơn một ngàn con trâu mà ban cho Phạm Chí".

Tụng rằng:

Lục tình không kiêu ngạo buông thả,
Tứ nhiếp dẫn dắt tâm thầm kín
Tiết kiệm phòng ngừa cho người vật
Im lặng ngưỡng mộ chốn núi rừng
Khe núi uốn cong ngừng tiếng ngựa,
Cành lá đan xen tỏa bóng râm
Hồ cao tụ tập đông tuyết lạnh,
Cửa dưới thầm hiên chim kết tổ
Màu đá xưa nay không cũ mới,

Đỉnh cao hiện rõ nào nay xưa
Xe lớn xa xăm tậm nơi nào,
Ngựa phi nước đại tiễn đường dài
Vì sao tu dưỡng sáu ý niệm,
Thành kính thuộc về một âm thanh
Thuyền báu yêu thương không xuất hiện,
Uổng công cầu cứu giữa biển sâu

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra hai chuyện: 1- Thiện Đạo Khai thời Tấn; 2- Đỗ Trí Khải thời Đường.

1: Thời nhà Tấn ở núi La Phù có Thiện Đạo Khai, họ Mạnh-người vùng Đôn Hoàng, tuổi trẻ ôm ấp chí hướng cao xa, tụng kinh hơn bốn mươi vạn lời, không ăn thóc gạo đậu mè mà chỉ ăn hạt cây bách, hạt cây bách khó có được lại ăn nhựa thông, về sau ăn hạt đá nhỏ mỗi lần nuốt mấy hạt-mấy ngày ăn một lần. Có lúc ăn một tí gừng cay, như vậy trải qua bảy năm, sau đó không sợ gì nóng lạnh, mùa Đông phanh áo-mùa Hạ ấm áp ngày đêm không nằm. Bạn cùng học với đạo Khai có tất cả mười người thỏa thuận với nhau ăn uống như vậy, qua mười năm có người chết-có người rút lui, chỉ có Đạo Khai giữ trọn chí hướng. Thái Thú Tiến Lăng lính đưa ngựa đón đạo Khai, Đạo Khai từ chối tự mình đi bộ quãng đường dài ba trăm dặm, đến sớm hơn một ngày, các thần núi thần cây có lúc hiện ra hình dáng kỳ dị để thử, nhưng không hề có vẻ gì sợ hãi. Vào năm thứ hai thời Kiến Vũ-Thạch Hổ, từ Tây Bình đi đến, một ngày đi bảy trăm dặm, đến Nam An độ cho một đứa trẻ làm Sa-di, tuổi vừa mười bốn, bẩm thọ giáo pháp thực hành có thể sánh kịp Đạo Khai. Lúc ấy Thái Sử Tần Hổ nói: có vì sao Tiên nhân xuất hiện, sẽ có bậc cao sĩ đi vào khu vực. Thạch Hổ truyền lệnh cho châu quận khắp nơi, có người nào kỳ lạ lập tức bẩm báo. Tháng 11 mùa Đông năm ấy Thứ tử Tần Châu dân biểu chuyển giao Đạo Khai, ban đầu dừng lại trong Pháp Lâm Từ ở phía Tây thành Nghiệp, sau đó chuyển đến chùa Chiêu Đức vùng Lâm Chương ở phóng làm ra lầu gác ngồi thiền. Thạch Hổ cung cấp tiền bạc rất nhiều, Đạo Khai đều dùng để bố thí. Lúc ấy người vui thích Tiên đạo nhiều lần đến hỏi han, Đạo Khai đều không trả lời, mới nói kệ cho họ rằng:

Tôi thương hại cho mọi khổ đau,
Xuất gia làm lợi ích thế gian
Lợi ích thế gian cần học hiểu,

Học hiểu có năng lực đoạn ác
Núi non cách trở ít lương thực,
Làm kế sách này không ăn uống
Không phải là cầu làm Tiên nhân,
Mong đừng lan truyền nói với nhau!

Phật- Đồ Trừng nói: Đạo sĩ này xem biết vận nước hưng suy, nếu ra đi thì sẽ xảy ra tai họa lớn. Đến năm thứ nhất thời Thái Ninh-Thạch Hổ, Đạo Khai cùng với đệ tử rời Nam An đến Hứa xương, con cháu của Thạch Hổ tàn sát nhau làm cho Nghiệp Đô vô cùng hỗn loạn. Đến năm thứ ba thời Tấn Thăng Bình, Đạo Khai đi đến vùng Kiến Nghiệp, chẳng bao lâu đến Nam hải, sau đó đi vào nui La Phù, một mình ở nơi am tranh vắng lặng cách xa trần thế, hưởng thọ hơn một trăm tuổi và tạ thế ở am tranh trong núi, dặn lại đệ tử đem thi hài đặt trong hang đá. Đệ tử mói di chuyển vào trong hang đá. Có người tên là Khang Hoằng, xưa ở khe núi phía Bắc, nghe là đệ tử Đạo Khai mà thuật lại, Đạo Khai xưa ở trong núi thường có thần tiên qua lại, thế là từ xa đem tâm cung kính hướng đến, và sau đó ẩn mình ở Nam Hải đích thân qua lại gặp gỡ nhau đi sâu nghiên cứu ngưỡng mộ vô cùng, được nghe đầy đủ đến mà truyền lại cho biết như vậy. Ca ngợi rằng:

Trang nghiêm thay, người đức hạnh!
Bồng bềnh đoạn tuyệt trần gian
Bên ngoài Tiểu thừa bình dị,
Bên trong thông suốt tánh không
Dáng vẻ sâu thẳm sáng rực,
Bước cao là đến an lành
Ăn cỏ chi lan nuôi thân,
Lang thang khắp nơi Trời đất.

Năm thứ nhất thời Tấn Hưng Ninh, Viên Hồng ở quận Trần làm Thái Thú Nam Hải, cùng với em trai là Dĩnh Thúc và Sa môn Chi Pháp Phòng, cùng nhau leo lên núi La Phù, đến cửa hang đá trông thấy hình hài của đạo Khai, và hương đèn dụng cụ bằng sành hãy còn, viên Hồng nói: Nghiệp hạnh của Pháp Sư đặc biệt hơn mọi người, đích thực là con ve lột xác mà thôi. Mới làm bài ca ngợi rằng:

Vật đẹp làm cho khác lạ,
Đức hạnh không đứng lẻ loi
Con người sâu kín xa xôi,
Nhìn đỉnh cao há hòa nhập?
Bồng bềnh Tiên nhân linh ứng,

Nay dạo gót hài nơi đâu
Để lại giầy giữa rừng xanh,
Ngàn năm tiếp tục duy trì.

Về sau Sa môn Tăng Cảnh Đạo Tiệm..., đều muốn leo lên núi La Phù nhưng cuối cùng không đến được đỉnh núi.

Chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện Lục.

2: Đỗ Trí Khải người vùng Ly Hồ-Tào Châu thời nhà Đường, tuổi trẻ thích kinh điển nhà Phật nên không làm quan, không lấy vợ mà khoác y phục làm Tăng, ở gần trong Thái Sơn lấy đọc tụng làm sự nghiệp. Năm thứ 21 thời nhà Đường Trinh Quán, ở trong núi gặp phải tai họa gần chết, lấy ca sa che kín thân thể mà đầu óc mơ màng như trong mộng, thấy mẹ già và mấy chục người con gái đẹp nhiều lần đến cùng nhau quấy nhiễu. Trí Khải vẫn nghiêm trang bất động nên đám con gái dần dần áp sát cùng nhau trách mắng, đều nói rằng: Khiêng đi ném vào trong khe núi phía Bắc! Tức thì tất cả tiến gần lại trước mặt cùng lúc nắm lấy, có người chạm vào cà sa, liền cùng nhau cất tiếng niệm Phật, lùi lại phía sau sám hối thỉnh cầu tạo hình tượng Đức Phật A di đà giúp cho và tụng danh hiệu Bồ tát Quán Âm hơn ba mươi lần. Trong chốc lát liền cảm thấy trên thân thể ướt đẫm mồ hôi, tức thì căn bệnh khỏi hẳn. Chuyện trên đây trích từ Minh Báo Thập Di Lục.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 47

Thiên thứ 46: TRÙNG QUÁ

Thiên này có hai phần: Thuật ý và Dẫn chứng.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Hình hài nhiều tai họa theo lý cần phải cảnh cáo nghiêm khắc, căn thức hôn trầm thích hợp phải luôn luôn thúc giục cảnh giác. Vì vậy kinh nói: "Không vì nhân duyên ngủ nghỉ mà khiến cho một đời trôi qua trống rỗng chẳng có được ích lợi gì". Nhưng có thân hình tức là nguồn gốc của tai họa, không có thân hình thì tai họa không còn, cho nên lễ nghi không thể không cung kính, kiêu ngạo không thể nào nuôi lớn. Nếu phóng túng cao ngạo thì càng tăng thêm lười nhác khinh mạn, chỉ có tiến hành công kích không biết gì đến lo sợ tai họa. Miệng là cửa ngõ của dao búa-là nơi bắt đầu của mọi tai học dây dưa. Tâm ôm ấp ý niệm độc hại, miệng phát ra lời nói hiểm ác, thân tạo ra việc làm ác độc ba nghiệp này dấy động càng chuốc lấy bốn nẽo khổ đau. Cho nên sách vở nói: 'Một lời nói có thể làm hưng thịnh đất nước, một lời nói có thể làm quốc gia suy vong". Lại nói: "Việc làm là then chốt của bậc quân tử". Then chốt phát ra là điểm quan trọng nhất của sự vinh quang hay nhục nhã, ý là gốc rễ của nghiệp thân miệng từ đó mà phát ra, vì lẽ đó trước tiên muốn loại trừ lòng dạ hung ác-gạt bỏ tà vạy thì cốt phải ngay thẳng, cho nên biết việc đáng ghét như nước chảy-mọi chuyện do tâm tạo ra. Vì sao biết như vậy? Bởi vì nếu như thoáng nhìn duyên theo tâm khởi cho nên miệng phát ra lời nói tệ hại, lời nói do ý hiển lộ ra, không điều ác nào mà không làm. Vì vậy trong Thành Thật Luận nói: "Xa rời tâm không suy nghĩ thì không có nghiệp của thân miệng".

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh Duy Ma nói: "Vốn bởi vì bao nhiêu lời nói vô cùng khổ

đau mới có thể đi vào luật lệ". Trong sách nói: "Nghe khuyên can như nước chảy, lời này đáng ghi nhớ, tội lỗi không tin ngựa dữ khó điều phục, vỗ ngực rất hổ thẹn thường lấy tự khuyên răn mình, ngõ hầu có nghe bàn luận bày tỏ thứ tự uẩn khúc trong lòng, nay muốn không nói lời ấy mà chấn chỉnh lại thân mình, không hẳn trước tiên áp chế tâm mình mà sau đó làm cho ý niệm phải khuất phục". Vì vậy trong kinh nói: "Quản thúc tâm lại một nơi thì không việc gì không làm được, ví như trong núi vàng cáo thỏ vốn không dám dừng lại, nước sâu trong thấy đáy ếch nhái tôm cua vốn không chịu trú ngụ". Cho nên biết người có tâm trong sáng giữ ý thanh tịnh, thì quả báo ba đường ác dừng lại- bốn đức hạnh luôn luôn đầy đủ, phòng ngừa ý như bảo vệ thành-canh giữ miệng như bình dễ vỡ, có thể nói là dòng sông vàng để lại gửi gắm nhờ vào người ấy, cánh cửa ngọc cảm hóa rộng mở niềm tin hướng về nơi này rồi. Đã quản thúc ba nghiệp này, thì có thể loại trừ bốn tai họa. Những gì là tai họa? Đó là sanh lão bệnh tử ấy mà. Do đó trong kinh Thọ Thai nói: "Lúc chúng sanh thọ thai có đủ mọi điều khó khăn, tối tăm mù mịt giống như bụi bặm trôi nổi, gần đủ mười tháng biết nỗi khổ trong thai mẹ, gió nghiệp lực thôi thúc đầu hướng về cửa mình của mẹ, ra khỏi cửa mình tiếp xúc lần đầu giống như ở trên núi đao, gió lạnh chạm vào thân thể giống như ở giữa băng giá rét buốt, lúc đang như vậy sanh thật là khổ". Lại trong kinh Niết-bàn nói: "Ví như bấc đèn chỉ dựa vào dầu thắp, dầu thắp đã cạn tình thề không còn lâu nữa; con người cũng như vậy, chỉ dựa vào sức lực thời trai trẻ, thời trai trẻ đã hết, thì tuổi già suy yếu nào được tồn tại lâu dài?" lại trong kinh Xuất Diệu, Đức Phật thuyết kệ về nỗi khổ của tuổi già rằng:

Thời trai trẻ ý chí mạnh mẽ,
Bị tuổi già hiện rõ bức bách
Hình hài suy yếu thật tiều tụy,
Sức hết phải nhờ gậy mà đi.

Đức Phật lại thuyết kệ về nỗi khổ của cái chết rằng:

Hơi thở ngừng thần thức ra đi,
Hình hài lạnh lẽo thật tiêu điều
Người và vật cùng chung quy luật,
Không có gì sanh mà không tử.

Lại trong kinh Niết-bàn nói: "Người chết đi giống như ở hiểm nạn mà không có lương thực cung cấp, đi đến xứ xa một mình mà không có bạn bè nương cậy, ngày đêm vẫn đi mãi không biết đâu là ranh giới, mịt mù tối tăm không có đèn đuốc thắp sáng, đi vào không có cửa ngõ mà

lại có nơi chốn, tuy không có chỗ đau đớn mà không thể nào chữa trị, hướng đến nơi không ngăn trở mà chỉ có đến chứ không thoát ra được".

Lại trong kinh Vô Lượng Thọ nói: "Một mình sanh một mình chết một mình đến và một mình đi, nơi đau khổ hay vui sướng, chính mình tự gánh lấy chứ không có ai thay thế, xa xôi mịt mù ly biệt muôn kiếp, đường đi khác nhau không mong ngày gặp gỡ hội họp, thật khó khăn thật khốn nạn, bao giờ lại được gặp nhau! Lúc sanh ra thì gia đình họ hàng vui mừng quy tụ cùng nhau yêu thương che chở, lúc chết đi thì sáng mất chiều liệm, đã có tình cảnh của nỗi sợ hãi phân ly, khóc lóc thương cảm ngậm ngùi tiễn đưa nhau. Người ra đi không biết, nhưng người ở lại giữa nơi phòng trống nhà vắng, lặng lẽ không còn trông thấy hình hài, còn mất có không thay hình đổi dạng chỉ trong chốc lát".

Vì vậy trong kinh Xuất Diệu, Đức Phật lại thuyết kệ về nỗi khổ của cái chết:

Mạng sống như trái đợi chín muồi,
Luôn luôn sợ rằng sẽ rơi rụng
Đã sanh ra đều có đau khổ,
Ai có thể làm cho không chết?
Giống như người tử tù,
Mang đến nơi đông người
Hướng đi vào đường chết,
Mạng con người như vậy
Vút nhanh làm sao được,
Đi mà không trở lại
Mạng con người như vậy,
Chết đi không quay lại.

Lại trong kinh Xuất Diệu nói: "Xưa có bốn anh em người Phạm Chí, đều đạt được Ngũ Thông, tự biết mạng mình ngắn ngủi trong bảy ngày nữa phải chết. Anh em bàn nhau rằng: Anh em chúng ta có thần thông tự tại, có thể dùng thần lực lập úp Trời đất, hiện ra bàn tay to lớn vô cùng để sờ nắm mặt trăng mặt Trời, dời núi ngăn sông không việc gì không làm được, lẽ nào chấp nhận không thể nào tránh được tai họa này? Người anh thứ nhất nói: Anh vào trong biển lớn, trên dưới như nhau đích thực ở nơi chính giữa, quỷ sứ vô thường làm sao biết chổ của anh được. Người em thứ hai nói: Em đi vào chính giữa bụng núi Tu di, lại đóng kín bên ngoài khiến cho không còn thấy dấu vết gì, quỷ sứ vô thường làm sao biết được chỗ của em. Người em thứ ba nói: Em ở giữa hư không ẩn kín thân hình không còn dấu tích, quỷ sứ vô thường làm sao biết chỗ của

em được. Ẩn kín thân hình không còn dấu tích, quỷ sứ vô thường làm sao biết chỗ của em được. Người thứ tư nói: Em sẽ ẩn kín ở giữa phố đông mọi người chen chúc ồn ào tất cả đều không quen biết nhau, quỷ sứ vô thường bắt lấy mọi người, đâu nhất định phải bắt lấy em. Bốn người bàn bạc xong cùng nhau đến chia tay với nhà vua, mà thưa với nhà vua rằng: Chúng tôi suy tính mạng sống còn lại chỉ mấy ngày ngắn ngủi, đều muốn chạy trốn mong cầu nhiều phước thiện. Nhà vua bảo rằng: Cố gắng tiến thêm đức hạnh của mình! Ngay sau đó chia tay ra đi, mỗi người đi đến theo nơi của mình, kỳ hạn bảy ngày đã đủ bốn người đều từ chỗ của mình ẩn tránh mà mạng chung. Đức Phật dùng Thiên nhãn nhìn thấy bốn Phạm chí né tránh quy luật vô thường cầu mong vượt qua được đời kiếp đều đã mạng chung, Ngài bèn thuyết kệ rằng:

Chẳng phải giữa Trời cao biển rộng,
Chẳng phải vào trong núi đá sâu
Không có nơi nào trốn tránh được,
Quy luật sinh ra mà không chết.

Lại trong kinh Tăng Nhất A-hàm nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế tôn an trú trong khu vườn Lộc Mẫu phía Đông nước Xá Vệ, cùng chúng đại Tỳ kheo có năm trăm người quy tụ, lúc này vào ngày 15 tháng 7, Đức Thế tôn trải đệm cỏ ngồi trên mặt đất, Tỳ kheo tăng vây quanh trước sau. Đức Phật bảo với A-nan vòng tay liền nói kệ này:

Ánh mắt trong sáng không ai bằng,
Không điều gì mà không thông suốt
Trí tuệ không có gì nhiễm trước,
Như thế nào gọi là Thọ Tuế?

Đức Thế tôn dùng kệ trả lời rằng:

Thọ Tuế là ba nghiệp thanh tịnh,
Những việc làm của thân miệng ý
Cứ hai Tỳ kheo đối mặt nhau,
Tự nói rõ sai sót đã làm
Lại tự nói tên gọi của mình,
Hôm nay ngày chúng Tăng Thọ Tuế
Tôi cũng thanh tịnh ý Thọ Tuế,
Chỉ mong tha thứ lỗi lầm cho!

Lúc này A-nan nghe rồi hoan hỷ,
Liền bước lên giảng đường tay cầm mộc bảng, mà nói kệ rằng:

Ma lực oán thù phải phục,
Loại trừ tất cả mọi phiền não,

Ngồi trên đệm cỏ đánh mộc bảng,
Tỳ kheo nghe thấy nên tề tựu
Những người mong muốn nghe giáo pháp,
Vượt biển sanh tử mênh mông
Nghe thấy âm vang nhiệm này,
Tất cả hãy tụ hội đến đây!

Lúc bấy giờ A-nan gõ mộc bảng rồi, đến nơi Đức Thế tôn, thưa với Đức Thế tôn rằng: Nay chính là lúc, chỉ mong Đức Thế tôn, có dạy bảo điều gì? Lúc này Đức Thế tôn bảo với A-nan rằng: Ông ngồi theo thứ tự, nên ngồi trên đệm cỏ! Lúc ấy các Tỳ kheo đều ngồi trên đệm cỏ. Bấy giờ Đức Thế tôn lặng lẽ nhìn các Tỳ kheo rồi, liền nói với các Tỳ kheo: Nay Ta sắp thọ Tuế, Ta không có gì sai sót đối với mọi người chăng, cũng không phạm lỗi do thân miệng ý chăng? Như Lai nói lời này xong, các Tỳ kheo im lặng không trả lời. Lúc ấy Như Lai nhiều lần nói với các Tỳ kheo rồi, tôn giả Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ thẳng thưa với Đức Thế tôn rằng: Các chúng Tỳ kheo, quán sát Như Lai không có gì sai sót trong thân miệng ý, thưa Đức Thế tôn, hôm nay là ngày mà người không hóa độ sẽ được hóa độ, người không giải thoát sẽ được giải thoát, người không nhập Niết-bàn khiến cho được nhập Niết-bàn, người không cứu hộ sẽ được cứu hộ, người đui mù sẽ được sáng mắt, người bệnh tật sẽ được gặp Đại Y Vương, Thế tôn là bậc tôn quý nhất giữa Tam Giới không có ai có thể sánh bằng, bởi vì điều này cho nên Như Lai không có gì sai sót đối với mọi người, cũng không có gì sai lầm đối với thân miệng ý. Lúc này Xá-lợi-phất thưa với Đức Thế tôn rằng: Nay con tự mình bày tỏ không có lỗi lầm đối với Như Lai và Tỳ kheo tăng chăng? Đức Thế tôn bảo rằng: Này Xá-lợi-phất, ông cũng không có điều gì sai trái đã gây ra từ thân miệng ý, nay trí tuệ của ông không có ai có thể sánh kịp, nay ông đã nói luôn luôn như pháp, ý nghĩa chưa hề trái với lý lẽ. Lúc ấy Xá-lợi-phất thưa với Đức Phật rằng: năm trăm Tỳ kheo này đều được Thọ Tuệ, tất cả không có lỗi lầm gì đối với Như Lai chăng? Đức Thế tôn bảo rằng: Ta cũng không trách gì thân miệng ý của Tỳ kheo này, trong đại chúng này thì Xá-lợi-phất rất là thanh tịnh không có vết bẩn gì, nay trong chúng này người cuối cùng nhỏ nhất đạt được quả vị Tu-đà-hoàn, nhất định sẽ tiến lên phía trên chứ không thối chuyển đối với pháp vì nguyên do này mà ta không trách móc gì chúng này”.

Lại trong kinh Phật Bổn Hạnh nói: “Bấy giờ tất cả mọi người trong tông tộc giòng họ Thích, hết thảy gồm có chín vạn chín ngàn

người, và nhân dân cư trú nơi đô thành Ca-tỳ-la Bà-tô, từ đô thành cùng nhau hướng về muốn trông thấy Như Lai. Đức Thế tôn từ xa nhìn thấy Du đầu Đàn vương cùng với các đại chúng nghiêm túc chu đáo mà tiến đến, liền dấy lên nghĩ rằng: Nếu Ta gặp nhà vua mà không đứng dậy đón tiếp cung kính, thì mọi người sẽ nói với Ta, đây há là giới hạnh quả báo của con người ư? Vì sao thấy cha mà không đứng dậy đón tiếp, sao trái ngược như vậy? Nay nếu Ta thấy cha và đại chúng mà đứng dậy đi đến chào đón, thì những người ấy sẽ nhận chịu vô lượng tội lỗi to lớn; nếu bấy giờ Ta giữ đúng oai nghi của mình đứng tại nơi này, thì những người ấy đối với Ta không sanh tâm cung kính. Như Lai dấy lên ba loại ý nghĩa này, quán xét thấy có ba loại nhân duyên như vậy, suy tính ba loại nghĩa lý như vậy rồi, từ chỗ ngồi mà đứng dậy, bay vút lên giữa hư không hiện ra các loại thần thông biến hóa, làm cho đại chúng phát sinh niềm tin và đều tiến vào trong đạo pháp dễ dàng".

Lại trong kinh Phạm Võng nói: "Nếu là Phật tử, nên đúng như pháp theo thứ tự mà ngồi, người thọ giới trước thì ngồi ở trước, người thọ giới sau thì ngồi ở phía sau, không hỏi đến già hay trẻ, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Quý nhân Quốc vương, Vương tử thậm chí Hoàng môn-Nô Tỳ, đều thuận theo người thọ giới trước ngồi ở đằng trước, người thọ giới sau theo thứ tự mà ngồi, không giống như người ngu si ngoại đạo, hoặc già hoặc trẻ không có trước không có sau, cách ngồi không theo thứ tự của quân đội tôi tớ, trong Phật pháp của Ta thì người trước ngồi trước-người sau ngồi sau, mà Bồ tát không ngồi theo thứ tự, thì phạm vào tội khinh cấu, nếu là Phật tử, luôn luôn thực hành giáo hóa, dùng tâm đại bi đi vào nhà đàn việt quý nhân, giữa tất cả mọi người đều bình đẳng, không được đứng mà thuyết pháp cho hàng bạch y, nên ngồi trên chỗ phía trước chúng bạch y. pháp sư không được đứng dưới đất thuyết pháp cho bốn chúng bạch ý. Nếu lúc thuyết pháp thì pháp sư ngồi trên chỗ cao cúng dường hương hoa, bốn chúng nghe pháp ngồi phía dưới giống như cung kính hiếu thuận với cha mẹ, cung kính thuận theo Pháp Sư giống như Bà-la-môn tôn thờ thần lửa. Người thuyết pháp nếu không đúng như pháp thì phạm vào tội khinh cấu".

Lại trong Thiện Kiến Luận nói: "Đệ tử tham vấn Sư nên tránh sáu nơi: 1- Không được ở trước mặt; 2- Không được ở sau lưng; 3- Không được quá xa; 4- Không được quá gần; 5- Không được ở chỗ cao; 6- Không được đứng trước gió. Hỏi: Bốn loại oai nghi của thân như đi đứng ngồi nằm, vì sao chỉ nói đến một phía là đứng mà thôi? Đáp: Bởi vì tham vấn cho nên không thích hợp với đi, vì cung kính cho nên không

thích hợp với ngồi, vì cúng dường cho nên không thích hợp với nằm".

Lại trong Tam Thiên Oai Nghi nói: "Sắp lên giường có năm điều: 1- Nên từ từ co chân ngồi vào giường; 2- Không được nằm sấp trên giường; 3- Không được làm cho giường phát ra tiếng; 4- Không được giũ mạnh giường chiếu khiến cho phát ra tiếng; 5- Chân rửa chưa khô thì nên lau khô. Ở trên giường có năm điều: 1- Không được nói to; 2- Không được quát tháo thở than; 3- Không được than vãn suy nghĩ đến sự việc thế gian, 4- Không được nằm chung nhiều người, 5- Muốn ngồi dậy nên theo lúc không được ồn náo, nếu như ý khởi lên thì nên tự trách mình vốn đã dấy lên. Lại khi nằm ngủ có năm điều: 1- Nên quay đầu hướng về Đức Phật, 2- Không được nằm mà nhìn Đức Phật; 3- Không được duỗi thẳng hai chân; 4- Không được nằm quay mặt vào tường cũng không được nằm sấp lại; 5- Không được dựng hai đầu gối mà cần phải giữ tay duỗi theo hai chân áp vào hai bên đầu gối. Lại khi ngủ dậy sắp ra khỏi cửa cũng có năm điều: 1- Thức dậy bước xuống giường không khiến cho giường phát ra tiếng; 2- Trước khi mang dép nên gõ nhẹ vài lần; 3- chỉnh đốn lại pháp y; 4- Sắp mở cửa trước tiên làm hiệu ba lần, không được làm cho cửa phát ra tiếng; 5- Trong phòng có tượng Phật không được xoay lưng đi ra, nên hướng về tượng Phật mà đi ra, ra ngoài không được dừng lại chuyện trò với người khác".

Lại trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Bồ tát Khổng Tước nói cho chư Thiên về pháp điều phục, hoặc là tại gia hay xuất gia, hoặc già hay trẻ điều phục thích hợp với nhau, lấy điều này tự trang nghiêm mình. Như người xuất gia ban đầu dùng Cà sa mà tự điều phục mình, nên thực hành bảy điều.

Thứ nhất- Nếu như phép nước được dùng y phấn tảo, là y phục của người tại gia đã vất bỏ, như ở giữa mồ mả có y phục của người chết, xác chết đã đè lên thì không nên lấy; nếu ở giữa mồ mả nhặt được y phục hư hoại rách nát thì được phép sử dụng; đây gọi là pháp điều phục của Ca sa.

Thứ hai- Nếu đi vào làng xóm dân cư thì nhìn xuống mà đi, nhìn phía trước một Tầm, nghĩ đến hình ảnh Đức Phật nhất tâm chánh niệm giữ các căn không tán loạn, không nhìn tất cả mọi thứ xung quanh, không cùng với người nữ chuyện trò bàn luận, không ẵm trẻ thơ, không dậm chân nhiều lần, cũng không vung cánh tay và trên giường ghế chỗ ngồi, không đưa tay xoa đầu, không nhiều lần sửa lại y phục, không vén ca sa vắt lên, không xoa nắn hai tay, cũng không bật ngón tay; đây gọi là pháp điều phục thứ hai.

Thứ ba- Nếu đi vào nhà thì thí chủ, vào lúc cơm nước hãy trước tiên rửa tay sạch sẽ. Nếu đi vào nhà thí chủ, vào lúc cơm nước hãy trước tiên rửa tay sạch sẽ. Nếu lúc thọ nhận thức ăn thì không duỗi thẳng tay, nên ở phía trước một khuỷu tay, không ăn đầy miệng cũng không quá ít. Nếu gặp thức ăn không to không nhỏ, không được há miệng, không làm cho phát ra tiếng. Thức ăn nhận được chỉ ăn hai phần, ăn biết vừa đủ thì thôi, không nhìn vào bát người khác mà sanh tâm tham. Thọ nhận đồ ăn thức uống ka làm hỏng tâm người khác tự nhìn trong bát của mình chứ không được quay nhìn vào bát của những người xung quanh; đây gọi là Pháp điều phục thứ ba.

Thứ tư- Nếu vào lúc ăn, hoặc ở tại làng quê, hoặc ở nơi đô hội, trước tiên trông thấy thức ăn không nảy sinh tâm niệm, không nhiều lần nói ra cũng không hy vọng, thọ nhận thì đầy đủ như pháp mà được giữ lại, không mong cầu tốt đẹp hơn nữa, đây gọi là pháp điều phục thứ tư.

Thứ năm- Tất cả việc làm không lệch lạc-không vướng mắc-không tiếc thân mạng, đối với những đồ vật, không phục sức theo cách lạ lùng, không cố tình qua lại thích ở một nhà nào đó, đây gọi là pháp điều phục thứ năm.

Thứ sáu- không chặt phá cỏ cây và đào cuốc đất hoang, không mang giày dép bằng da nhiều màu-không mặc y phục nhiều màu, không phá hoại giới hạnh của người khác không bài báng không trách móc, tâm không hy vọng ăn cơm của hàng vua chúa, tâm không cam chịu đắm trước, không gần gũi với Tỳ kheo thích bếp núc, đây gọi là pháp điều phục thứ sáu.

Thứ bảy- Nếu có người cùng chung ý nguyện cùng chung pháp hành, thì nên gần gũi làm lợi ích cho nhau, hoặc ở tại hang núi-dưới tán cây hay nơi trống trải, thường tu tập thực hành pháp môn không-Vô Tướng-Vô nguyện; đây gọi là pháp điều phục thứ bảy.

Nếu có Tỳ kheo có thể thực hành như vậy, thì có thể thu xếp rời xa tất cả những sự ràng buộc mà được giải thoát".

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: "Đêm Đức Phật xuất gia con của Đức Phật là La-hầu-la mới đi vào thai mẹ. Đêm Đức Phật mới thành đạo thì La-hầu-la sanh ra, tất cả thể nữ trong cung đều cảm thấy xấu hổ vô cùng, quái lạ thay cho Da-du-đà-la thật là tệ hại, không suy nghĩ phải trái, tùy tiện gây ra những việc làm, không tự trọng cẩn thận, làm cho cả cung mình đều bị vấy bẩn xa vô cùng. Bồ tát Tất đạt xuất gia đã lâu, nay cuối cùng lại sinh con, thật là sỉ nhục! Lúc ấy có cô gái họ Thích, tên gọi Điện Quang, là con gái của Dì ruột Da-du, đấm ngực

bứt tóc trách mắng Da-du rằng: Cô thuộc hàng tôn thân cao quý vì sao tự làm tổn thương mình, Thái tử xuất gia đã sáu năm, đứa bé này sinh ra thật là không phải lúc, từ ai mà có được, làm nhục dòng họ tôi không thể bao che tai tiếng xấu xa! Lúc ấy Tịnh Phạm Vương ở trên lầu cao, thấy đất bằng này phát ra sáu loại chấn động, thấy tướng trạng này rồi nói là Bồ tát lìa trần nên ưu sầu như tên đâm vào tim đau nhói. Nghe từ trong cung cất tiếng khóc òa, nhà vua càng bội phần kinh hãi nói là Thái tử lìa trần, sai cung nữ đi hỏi là tiếng khóc do đâu? Cung nữ thưa rằng: Thái tử không sao cả, nay Da-du-đà-la sinh một người con, mọi người trong cung xấu hổ, vì vậy mà òa khóc đó thôi! Nhà vua nghe nói càng ưu não bội phần, khóc to thành tiếng cất tiếng gọi lớn: Kỳ quái thay, nhục nhã xấu xa quá, con Ta xuất gia đã sáu năm Trời, tại sao hôm nay mà còn sinh con?! Lúc ấy phép nước kia đánh một hồi trống thì tất cả mọi người tập trung lại, chín vạn chín ngàn người trong dòng họ thích đều tụ tập, liền gọi Da-du hỏi tội. Da-du mặc y phục trắng toát, ẵm con thơ vào lòng, cũng không hề kinh sợ, ôm con mà đứng ở giữa bà con họ hàng. Người trong dòng họ thích đều tức giận, mắng nhiếc rằng: Cô là hạng thấp hèn tầm thường có mặt mũi nào mà đứng trước mặt chúng ta nên nói lời chân thật, rốt cuộc là do đâu mà có đứa bé này? Da-du-đà-la cũng không có gì hổ thẹn nhục nhã, thẳng thắn mà nói: Từ người trong dòng họ thích xuất gia tên gọi là Tất Đạt kia, mà có được đứa bé này! Nhà vua nói: Tất Đạt con Ta trước đây lúc còn ở trong cung, nghe nói có năm thứ dục lạc thì tai hãy còn không nghe, huống hồ là có dục lạc mà sanh ra con cái, thật là gian trá chứ không phải là cách thức chính đáng. Vì sự bài báng hủy hoại này mà nhà vua vô cùng giận dữ, hỏi những người họ thích rằng: Làm cách nào để giết hại mầm mống độc địa cay đắng này!? Có người họ Thích nói: Theo ý tôi thì nên làm hầm lửa ném vào trong lửa, khiến cho cả mẹ lẫn con cháy thành tro bụi không còn lại gì. Mọi người đều nói việc này là tốt nhất. Lập tức đào hầm để đốt lửa, lấy cây Khư Đà la chất vào trong hầm, đem lửa đốt lên, liền dẫn Da-du đến bên hầm lửa. Lúc ấy Da-du thấy ngọn lửa mới kinh hãi vô cùng, ví như con hươu rừng một mình ở giữa vòng vây quay nhìn bốn phía không có nơi nào nương cậy được, Da-du tự trách mình, đã tự mình không tội lỗi gì mà nhận chịu tai họa này, nhìn khắp những người họ Thích không có ai cứu giúp mình, ẵm con thơ than thở nghĩ đến Bồ tát nói rằng: Ngài có lòng từ Bi thương xót tất cả mọi loài, Trời rồng quỷ thần đều tôn kính hướng về Ngài, nay mẹ con tôi ít được giúp đỡ dù không lỗi lầm mà phải chịu khổ đau, tại sao Bồ tát không lưu ý mà

thấy cho, tại sao không cứu giúp tai ách khốn cùng hôm nay cho mẹ con tôi? Ngay tức thì hướng về Đức Phật dốc lòng lễ lạy cung kính, lại vái lạy người dòng họ Thích chắp tay hướng vào ngọn lửa, mà nói lời chân thành: Đưá bé này con tôi thật sự không từ người khác mà có, đứa bé này nếu như thật sự không từ người khác mà có, đứa bé này nếu như thật sự là không giả dối mà đã ở trong thai tôi sáu năm thì ngọn lửa sẽ tắt hết, hoàn toàn không đốt cháy làm hại đến mẹ con tôi! Nói ra lời này xong liền đi vào trong ngọn lửa, mà hầm lửa này biến thành hồ nước, tự nhiên thấy thân mình ở trên hoa sen, cũng không sợ hãi nét mặt rạng rỡ hòa nhã, chắp tay hướng về những người họ Thích nói rằng: Nếu tôi dối trá không thật thì phải chịu chết cháy, đứa bé này bây giờ thật sự là con của Bồ tát, vì tôi nói lời chân thật nên tránh được tai họa lửa thiêu! Có những người họ thích nói: Nhìn hình tướng đó không hề kinh sợ, mà hầm lửa này biến thành hồ nước trong vắt, lấy điều này nghiệm xét thì biết là Da-du không lỗi lầm gì. Lúc ấy những người họ thích cùng nhau mời Da-du-đà-la quay về trong cung càng thêm tôn kính, lấy sữa mẹ cung cấp nuôi dưỡng cho con mình, giống như lúc sinh ra không có gì lạ lùng. Tổ Bạch Tịnh Vương yêu quý vô cùng sâu đậm, không thấy mặt La-hầu-la thì rốt cuộc không làm sao ăn nổi, nếu nhờ Bồ tát thì ẵm La-hầu-la để khuây khỏa nỗi buồn trong lòng. Nói tóm lại đã tròn sáu năm, bạch tịnh vương khao khát mong chờ đối với Đức Phật nên sai người đi đến thỉnh cầu Đức Phật, Đức Phật thương xót cho nên quay về đất nước mình, đi đến cung họ thích, biến thân hình một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ kheo đều giống như thân Phật, tướng tốt sáng ngời không khác. Da-du-đà-la nói với La-hầu-la: Người nào là cha của con, hãy đi đến bên cạnh người ấy! Lúc ấy La-hầu-la lễ lạy Đức Phật đã xong, đang đứng ở bên chân phải của Như Lai, Như Lai liền dùng tay xoa đầu La-hầu-la, mà thuyết kệ rằng:

Ta đối với quyến thuộc chúng sanh,
Giống như con mình đã sanh ra
Tâm không có yêu thương thiên lệch,
Chỉ dùng tay xoa đỉnh đầu con
Ta không còn kết sử phiền não,
Yêu ghét vĩnh viễn trừ hết
Các người đừng mang lòng nghi ngờ,
Đối với con sanh tâm do dự!
Đứa bé này cũng sẽ xuất gia,
Trở lại làm Pháp tử của Ta

Sơ lược nói về công đức ấy,
Xuất gia học đạo pháp chân thật
Sẽ thành tựu quả vị La-hán”.

Tụng rằng:

Làn gió nghiệp thường xuyên dấy động
Biển khổ đau sóng lớn chập chùng
Ngã bập bềnh sóng cuốn lang thang,
Luôn luôn lìa xa chốn Niết-bàn
Bỗng nhiên gặp thuyền yêu thương đến,
Chở mình ra khỏi biển ái tình
Thì biết bạn cao xa ngưỡng mộ,
Răn lỗi lầm sửa đổi phàm nhân
Tội lỗi được loại trừ oán kết,
Ngọc sáng dẫn dắt thoát tối tăm
Cảnh trí Thích Môn đẹp rạng rỡ,
Thế gian đau khổ quấn chặt lòng
Mong mỏi trừ Ngũ cái tối tăm,
Mới dễ dàng hiểu rõ Lục Trần
Tự mình không ngồi trên xe báu,
Bấy giờ gì thoát ngọn lửa bình yên?

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ba chuyện: 1- Sa môn Thích Tăng Bao thời Tống; 2- Sa môn Thích Tăng viễn thời Tề; 3- Sa môn Thích Hồng Hiến thời Tùy.

1. Thời nhà Tống có Sa môn Thích Tăng Bao ở chùa Kỳ Hoàn chốn kinh sư, vốn là người vùng Kinh Triệu, tuổi trẻ ở Quan Ngoại theo học với Thập Công. Trong thời Tống Vĩnh Sơ đi qua bắc Từ vào tinh xá Hoàng Sơn, tiếp tục đến hai sư Tịnh-Định học hỏi công phu, vẫn ở nơi ấy tổ chức hai mươi mốt ngày trai sám Phổ Hiền. Đến ngày thứ hai mươi mốt có bầy chim Hạc bay đến tụ tập phía trước tòa Phổ Hiền, đền giữa trưa cúng dường (Hành hương) xong mới bay đi. Đến ngày thứ hai mươi mốt vào lúc gần tối, lại có bốn người mặc áo vàng vòng quanh tháp mấy vòng bỗng nhiên không còn thấy nữa. Tăng Bao thưở trẻ có chí nguyện tiết tháo lại thêm cảm ứng điềm lành, tính tình vốn không phải là lười nhác cho nên càng siêng năng hơn, ngày tụng hơn vạn lời kinh, thường xuyên lễ lạy mấy trăm danh hiệu Phật. Sau đi xuống phía Đông chốn kinh sư gặp lúc tại chùa Kỳ Hoàn mở pháp hội thuyết giảng,

pháp chúng quy tụ đủ mọi thành phần tham dự rất đông, tăng Bao mới đến nên mọi người chưa có ai biết, thế là cưỡi lừa đến xem áo quần dơ bẩn diện mạo có vẻ phong trần, trong phòng đã chật hẹp, vì vậy ngồi trên lưng lừa ở ngoài cửa, trên tòa cao giải thích đầu đề vừa xong, Tăng Bao mới muốn mở lời. Pháp Sư liền hỏi: Khách Tăng tên gì? Đáp rằng: Tên gọi Tăng Bao. Lại hỏi: Bao tất cả những gì? Đáp rằng: Người trên tòa cao cũng có thể bao quát mà thôi. Thế là hỏi qua lại nhiều lần, đều là những suy nghĩ thông hiểu từ trước mà sức vốn không đạt đến. Người trên tòa cao không thể lý giải được lời ấy, liền nhường chỗ bước xuống mà chấm dứt. Lúc ấy Vương Hoằng-Phạm Thái nghe Tăng bao bàn luận nghĩa lý ca ngợi tài trí ấy thỉnh cầu kết giao với nhau, nhiều lần mời ở lại chùa Kỳ Hoàn, bắt đầu giảng giải các kinh thuyết pháp giáo hóa liên tục. Ta Linh Vận ở quận Trần nghe nói mà đến, đến lúc trông thấy thần khí của Tăng Bao thì càng thán phục vô cùng. Có người hỏa rằng: Ta công như thế nào? Tăng Bao nói: Linh vận thì tài ba có thừa mà nhận thức không đầy đủ, hoặc là tự mình không nỗ lực hơn nữa. Tăng Bao đã từng ở giữa đường đi gặp sáu tên cướp bị đem đi giết, tăng Bao thuyết pháp cho nghe và khuyên niệm Quán Thế Âm. Bọn cướp vì tính mạng lâm nguy cho nên tha thiết xưng niệm, chốc lát lính chuyển giao phạm nhân cùng nhau uống rượu say mèn, giặc cướp cởi bỏ xiềng xích mà được thoát nạn. Tăng Bao qua đời trong thời Tống Nguyên Gia.

Chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện.

2. Thời nhà Tề có Sa môn Thích Tăng Viễn ở chùa Tiết Hà vùng Lương Châu, không biết là người nơi nào, tánh tình lạ lùng không tu tế hạnh, thích rong ruổi đó đây tụ hội tiệc tùng là chính. Vào năm thứ năm thời Tề Vũ Bình, mộng thấy người to lớn, nghiến răng trách mắng rằng: Ông là người xuất gia mà mặt mũi như vậy, phóng túng tạo tác, sao không lấy gương tự soi lại mình? Tăng Viễn bỗng nhiên cảm thấy sợ hãi toát mồ hôi, đến sáng lấy chậu nước tự nhìn mặt mình, mới thấy bên mắt có chấm đen, nói là vết bẩn liền chùi rửa đi, lông mày lập tức theo tay rơi rụng hết, vì thế tự trách lỗi mình, làm thế nào dẫn đến tai họa này? Thế là sửa đổi thói quen thường ngày hình chuyển tánh, áo cũ giày rách cơm rau trai trường, tuân theo luật nghi thanh tịnh, sớm tối thực hành sám hối, ngậm ngùi rơi lệ xót xa. Trải qua một tháng, lại mộng thấy người trước đây, mỉm cười nói rằng: Biết lỗi lầm cố gắng sửa đổi, thì gọi là người có trí, tha tội lỗi trước đây cho ông, đừng tiếp tục tạo ra ác nghiệp. Bỗng nhiên vừa sợ vừa mừng cảm thấy mồ hôi toát ra đầy mình, mặt mũi sáng sủa lông mày dần dần mọc ra. Tăng Viễn

ở trong một thân liên tiếp cảm lấy hai báo ứng, tin tưởng biết rằng khổ vui trong ba đời không giả dối, từ đó về sau dốc lòng cố gắng không lúc nào tạm thời lơi lỏng, cuối đời quay về chốn thôn quê và qua đời ở quê hương của mình.

3. Thời nhà Tùy có Sa môn Thích Hồng Hiến ở chùa Đại Từ vùng Tương Châu, tuổi trẻ thực hành Đạo môn sớm thông hiểu phần luật, trải qua vất vả gian nan nên đôi mắt đều bị mù, đã không có người dẫn đường nên luôn luôn ở trong phòng, chịu khó lễ tụng làm sự nghiệp, không bỏ lỡ hai buổi sớm chiều. Năm thứ 14 thời Tùy Khai Hoàng bỗng nhiên cảm được một vị thần, tự xưng là bát nhã Đàn Việt, đến xin thọ giới và nhiều lần trò chuyện cùng nhau, chung phòng có Thiền Sư tăng Cương đi lên nhà ăn, sau đó bát nhã mới đem một bọc y phục của Tăng Cương đến bố thí cho Hồng Hiến và nói rằng: Pháp sự vất vả lâu ngày làm lợi ích không ít, kính dâng một chút y phục làm lễ vật, mong nhất định phải tiếp nhận! Hồng Hiến đưa vào trong tủ, Tăng Cương nói xong trở về phòng cảm thấy quái lạ bọc y phục đâu mất, tìm kiếm trong chùa mới bắt gặp ở chỗ Hồng Hiến. Hồng Hiến nói cho biết đầu đuôi sự việc, Tăng Cương hoàn toàn không tin mà ngờ vực Hồng Hiến lấy cắp. Vị thần liền làm cho tất cả y phục đồ vật trong phòng Tăng Cương bị bày ra bừa bộn đầy nhà, dùng gậy tre cân đo bẻ gãy làm mấy đoạn, vị thần ở giữa hư không nói rằng: Tăng Cương không thích tổ chức trai hội cúng dường Tam bảo, tôi có thể gieo họa cho ông, không đồng ý tha cho ông. Hồng Hiến cảm được báo ứng sâu kín, cùng với bát nhã trò chuyện và làm việc giống như mắt nhìn thấy. Vị thần nói với Hồng Hiến rằng: Bạn bè rất nhiều, đều ở trên sông Tử Mạch, chỉ có ba mươi người đi theo, có thể khiến cho nhà chùa tổ chức bữa cơm được không? Chúng Tăng thuận lời thiết hội ở viện phía Tây. Vị thần nói: Rất tốt! Đồ ăn thức uống hao tốn công lao, các Sư tuy rằng như vậy mà Tăng Cương không tiến hành thiết trai cúng dường, sau pháp hội khiến cho biết rõ, Tăng Cương không biết làm sao, sợ hãi bức bách mãi không thôi, liền đem tiền bạc đồ vật của mình nghĩ cách chi phí thiết trai cúng dường. Niết-bàn bèn nói rằng: Đã có thể làm việc phước thiên nay để yên cho nhau được rồi! Vẫn lấy hai xấp lụa giao cho Hồng Hiến và nói rằng: Nên lấy một xấp chia cho đại chúng, một xấp tặng cho Sư tăng Cương Hiến ở trước chúng tiếp nhận, tất cả đều nghe thấy, vẫn y theo lời gửi gắm mà làm. Tăng Cương sau khi bị cảnh cáo vì lỗi lầm nên càng chịu khó thực hành phước thiện, cuối cùng qua đời tại nơi cư trú.

Hai chuyện trên đây trích từ Đường Cao Tăng Truyện.

Thiên thứ 47: HÒA THUẬN

Thiên này có năm phần: Thuật ý, Dẫn chứng, Hòa Thí, Hòa Quốc, Hòa Sự.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Rằng thiện ác trái ngược nhau- ngôn hành hai nẽo khác, hoạn hấn theo nhau sanh oán độc càng sâu nặng. Vì lẽ đó nói thì dễ, làm được là khó. Do đó cương nhu cần phải thích hợp-nghịch thuận cần phải tùy tánh, ví như đúc kiếm quá cứng thì gãy quá mềm thì cuốn, muốn kiếm không gãy nhất định phải thêm vào một ít bạc, muốn kiếm không cuốn nhất định phải thêm vào một ít vàng. Tại vì sao? Bởi vì vàng có tánh cứng mà bạc có tánh mềm, cứng mềm cân bằng tức là tốt đẹp rồi, có tánh hòa bình tức là thuận lợi rồi. Vì thế La Vân mật hạnh mà tự điều hòa, cho nên bậc Thánh khen ngợi làm cho đẹp danh dự. Đề Bà thô hạnh mà thêm tàn ác, cho nên mọi người phỉ báng để làm sáng tỏ lỗi lầm. Tục thư nói: "Báo Tây Môn tính nóng, đeo ngọc vĩ để tự hòa dịu; Đổng An Vu tánh chậm, mang dây cung để tự nhanh nhẹn, vốn là âm dương điều hòa theo lẽ của Trời đất, cương nhu cân bằng thuận tánh của người vật".

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ nói: "Vua A Xà Thế thưa hỏi Đức Phật rằng: Khổ Tát Nhân Hòa là có mấy pháp, vòng quanh qua lại luôn luôn giữ lấy sự hòa nhã mà không dấy động thô tâm? Đức Phật dạy: Khổ Tát Nhân Hòa có tám sự pháp. Cái gì gọi là tám sự pháp? Đó là: 1- Chí tánh chất trực mà không nịnh hót; 2- Tánh hạnh hòa nhã mà không giả dối; 3- Tâm giữ gìn thành thực chất phác luôn luôn không hư vọng; 4- Tâm hạnh kiên quyết cũng cần phải không yếu hèn; 5- Không mê hoặc chí hướng giữ lại lòng nhân hòa; 6- Giúp cho chúng sanh giữa thế gian nhận được đức hạnh của mình, 7- Tâm hạnh thông suốt rõ ràng mà không hề đắm trước; 8- Tư duy về tội phước mà tâm không hề nghĩ gì, đây là tám sự. Ngay sau đó vua A xà Thế thưa với Đức Phật rằng: Bồ tát có mấy pháp hành đạt đến xu thế vô lực như vậy? Đức Phật dạy: Có mười pháp. Cái gì gọi là mười pháp? Đó là: 1- Thà bỏ thân mạng và chịu khó tiếp nhận chánh pháp; 2- Không hề tự đại mà khiêm tốn cẩn thận dùng ý lễ kính chúng sanh; 3- Trông thấy chúng sanh ngang ngược có chấp khó mà cảm hóa thì lập chí nhẫn nhục; 4- Thấy người đói kém dùng cơm canh ngon lành mà giúp cho họ được no đủ; 5- Nhìn thấy

những nỗi sợ hãi thì khuyến khích an ủi làm cho yên lòng; 6- Nếu có chúng sanh mắc phải bệnh nặng thì dùng thuốc tốt chữa trị giúp họ; 7- Nếu có người hèn kém bị khinh mặc, thì cung kính nghĩ đến khiến cho người ta không coi khinh; 8- Dùng bùn đất thanh tịnh xoa đắp vào những nơi hư hoại trong tháp miếu phụng thờ Như Lai; 9- gặp người khổ cực bơ vơ nghèo thiếu khốn khó thường mang vác nặng nhọc, làm cho tai họa khốn khổ nặng nề của họ được gạt bỏ; 10- Nếu có người không nơi che chở không chốn quay về nương tựa thì luôn luôn giúp đỡ cho họ, đã nói ra thì giữ đúng như lời mà không thay đổi, đây là mười sự pháp".

Lại trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Nếu có chúng sanh thấy bạn thân người ta phá hoại lẫn nhau-tâm mang đầy oán kết, có thể hòa hợp thay họ, thì mạng chung sanh cõi Trời Dục Ái, tùy theo tâm nghĩ đến lập tức có được năm thứ dục lạc tự nhiên vui vẻ. Nếu có chúng sanh thấy người bị tổn hại mất mát vì người khác cướp đoạt đánh giết mà cứu giúp khiến được thoát nạn, hoặc ở nơi hiểm nạn chỉ bày con đường chính đáng cho người, hoặc ở nơi nghi ngờ sợ hãi làm cho họ được yên ổn thì người ấy mạng chung sanh lên cõi Trời chánh hạnh, Thiên nữ cúng dường hưởng thụ năm thứ dục lạc, nếu sanh trong cõi người thì sanh vào nhà Đại Trưởng giả vốn có chánh kiến. Nếu có người luôn luôn mềm mỏng, dốc lòng xa rời tất cả phiền não, thì Niết-bàn giải thoát giống như trong bàn tay. Người tính tình mềm mỏng thì tâm giống như bạc trắng, tu dưỡng thực hành thiện nghiệp được mọi người tin tưởng. Người tính tình thô lỗ thì tâm giống như Kim Cang, tâm luôn luôn không quên oán kết, việc làm không điều phục nên bị mọi người khinh ghét, không yêu quý không tin tưởng. Bấy giờ Bồ tát Khổng Tước dùng kệ trong kinh Phật mà nói bài tụng rằng:

Nếu như tâm người luôn mềm mỏng,
Giống như vàng ròng đã thành thục
Người này trong ngoài đều tốt lành,
Nhanh chóng xa lìa mọi khổ đau
Nếu như tâm người được điều hòa,
Tất cả mọi lúc đều mềm mỏng
Người này sanh chủng tử tốt lành,
Giống như gieo vào miệng phước tốt.

Lại trong kinh Ha Điêu A-na-hàm nói: "A-na-hàm có tám điều không muốn để cho người ta biết. Những gì là tám điều? Đó là: 1- Không mong cầu không muốn để cho người khác biết; 2- Niềm tin không muốn để cho người ta biết; 3- Tự xấu hổ không muốn để cho người ta biết; 4-

Tự hổ thẹn không muốn để cho người ta biết; 5- Tinh tiến không muốn để cho người ta biết; 6- Tự quán xét không muốn để cho người ta biết; 7- Đạt đến thiền định không muốn để cho người ta biết; 8- Thông minh trí tuệ không muốn để cho người ta biết. Nguyên cớ không muốn để cho người ta biết, là bởi vì không muốn làm phiền nhiễu cho mọi người".

Thứ ba- **PHẦN HÒA THÍ**

Như kinh Phật Thuyết Nhất Thiết Thí Vương Sở Hành Đàn Ba-la-mật nói: "Đức Phật dạy: Vô ương số kiếp quá khứ lâu xa, bấy giờ ở thế gian có vị đại Quốc vương, tên hiệu là Tát Hòa Đạt (Thời Tấn nói là Nhất Thiết Thí Vương), lúc ấy bố thí như mọi điều mong cầu chứ không làm trái ý người cầu xin. Bấy giờ ở nước khác có người Bà-la-môn, mất cha từ nhỏ, một mình cùng với mẹ-chị em trai lo kiếm sống, gia cảnh nghèo thiếu khốn khó, người mẹ nói với con trai rằng: Cảnh nhà khốn cùng không thể tự cung cấp, lúc cha con còn sống, thường đến nơi cua Tát Hòa Đạt cầu xin có thể tự cứu sống, nay sao không đi đến nơi vua ấy mà cầu xin tiền bạc châu báu? Người con trả lời mẹ rằng: nay con không có những hiểu biết gì, trước tiên nên học hỏi rồi sau đó mới đi. Người mẹ nói với con trai rằng: Nay con biết trong nhà không có gì cả, mà phải có học hỏi rồi lúc ấy mới nên đi, nếu sau này con đi mà nơi ấy trống rỗng rồi, thì lấy gì tự nuôi sống? Người con liền nói với mẹ: Trước tiên con sẽ mượn tiền mua lấy một số vàng, có thể chuẩn bị lương thực đủ cho một năm. Người mẹ liền đồng ý. Thế là đi mượn được một số vàng trở về đưa cho mẹ, mới rời nhà đi học. Một năm đã xong thì trở về nhà, mẹ thấy con trở về thì đón hỏi rằng: Con đã đi đến nơi vua Nhất Thiết Thí ư? Người con trả lời mẹ rằng: Việc học chưa thông suốt nên lại tiếp tục học. Người mẹ nói: Số vàng trước đây đã hết nên làm cách nào? Người con trả lời mẹ rằng: Con sẽ tiếp tục mượn để bán. Người con liền tiếp tục đi đến chỗ người bán vàng trước đây, đến gần người ấy nói rõ ý tiếp tục muốn vay mượn một số vàng. Người chủ tiệm vàng nói rằng: Trước đây ông lấy vàng, đã chưa trả lời lại tôi, nay ông lại muốn lấy, nếu ông quả thực muốn tiếp tục có được vàng, thì mang mẹ và chị -em trai của ông để gán trước, lúc ấy mới có thể được, nếu đến hẹn mà không trả lời hết, thì sẽ giữ lấy mẹ-chị và em trai của ông để làm tôi tới phục dịch. Thế là đồng ý với nhau, làm phiếu nợ xong lấy mang về giao cho mẹ, tiếp tục rời nhà đi học. Lại kết túc một năm, sự hiểu biết có chút sung túc, muốn trở về nói với mẹ để đi chỗ vua Nhất Thiết Thí. Đang trên đường về thì bị chủ nợ bắt lấy, cùng với mẹ, chị, em trai

mang trở về xiềng chân lại. Người Bà-la-môn nói với chủ nợ rằng: Tuy ông giam giữ chúng tôi mà quả thực làm cho suốt năm tôi không có lợi ích gì cả, không bằng tha cho chúng tôi, tôi sẽ đi đến chỗ nhà vua Nhất Thiết Thí cầu xin được đồ vật mang về để trả nợ cho ông, chủ nợ suy nghĩ bèn cởi xiềng cho người Bà-la-môn khiến đi đi! Lúc ấy có quân đội của vua nước khác dấy binh muốn đến giành lấy đất nước của vua Nhất Thiết Thí, bấy giờ các quan thưa với nhà vua rằng: Nay có nước khác dấy binh tiến vào biên giới, không biết Đại vương nên làm cách gì? Lúc ấy nhà vua tự nghĩ: Mạng sống con người rất ngắn sẽ trở về quy luật vô thường, vả lại mình từ thuở bé đến nay ưa thích bố thí, yêu thương nhân ái nhẫn nhục chứ không có ý làm thương tổn, không muốn cùng với họ chống cự ngang ngược lẫn nhau, nguyên cớ do đâu, chỉ vì mình một thân mà làm dao động binh lính, nếu như có ai bị thương tổn thì thật sự không phải là điều thích hợp đối với mình, Thế là truyền lệnh cho các quan không cần phải chuẩn bị gì cả, cũng đừng sợ hãi, chỉ tạm thời nghiêm túc ra ngoài nghênh đón chào hỏi nhau, cung kính thuận theo sự việc tiếp nhận mệnh lệnh chỉ bày của họ khiến cho càng tôn trọng hơn Ta! Các quan lại thưa với nhà vua rằng: Quân đội nước khác tiến vào biên giới, vì sao không phòng bị? Nhà vua im lặng không trả lời như vậy đến ba lần, nhà vua nói: Không cần phải chống cự gì cả, như ta nói trước đây! Các quan đều nói: Nhà vua truyền lệnh đừng phòng bị, chúng thần đều như vậy. Nhà vua nói: Rất tốt, tất cả tạm thời giữ yên gia đình, cẩn thận đừng gây phiền hà cho họ! Nửa đêm nhà vua ấy liền cởi dải lụa đeo ấn lặng lẽ trốn mà đi. Vua nước kia tiến vào nước liền chiếm lấy ngôi vị nhà vua, lập tức chiêu mộ tìm kiếm vua Nhất Thiết Thí, treo thưởng rất lớn. Vua Nhất Thiết Thí thì ra khỏi nước mình đi hơn năm trăm dặm, nay nhất định là đến tìm mình không nghi ngờ gì. Lúc ấy ý của người Bà-la-môn cũng nghĩ rằng: Người này mong muốn không phải chính là vua Nhất Thiết Thí! Hai người cùng tiến tới trước gặp nhau thì dừng lại. Nhà vua hỏi người Bà-la-môn rằng: Ông từ nơi nào đến, nay muốn đi đến đâu? Người Bà-la-môn đáp rằng: Tôi muốn đi đến nơi nhà vua Nhất Thiết Thí! Nhà vua lại hỏi: Muốn đến chỗ vua Nhất Thiết Thí, muốn cầu mong điều gì? Người Bà-la-môn trả lời rằng: Tôi mất cha từ lúc còn nhỏ, nhà rất nghèo túng khốn cùng, đem mẹ-chị và em trai đi cầm cố để vay nợ, hết hạn kỳ không có tiền trả nợ, muốn đến nơi nhà vua Nhất Thiết Thí cầu xin tiền bạc châu báu trở về chuộc mẹ-chi-em trai và có thể tự cứu mình. Nhà vua liền nói cho biết rằng: Ta chính là vua Nhất thiết Thí. Người Bà-la-môn hỏi nhà vua: Tuỳ

tùng ở đâu mà đi một mình vậy? Nhà vua nói: Có quân đội nước khác muốn đến chiếm lấy đất nước của Ta, vì vậy ta muốn đi, nguyên cớ do đâu, bởi vì Ta không muốn làm thương tổn cho dân chúng và quân lính! Người Bà-la-môn nghe lời nhà vua đã nói thì liền ngã xuống đất, mà òa khóc nức nở không thể nào tự nén mình được. Nhà vua liền đến trước mặt kéo người Bà-la-môn, khuyên nhủ nói rõ khiến đứng dậy, không cần phải khóc lóc, có mong cầu điều gì nay sẽ giúp cho. Người Bà-la-môn nói: Nhà vua nay đã mất nước, sẽ lấy những gì để cầu xin giúp cho? Nhà vua liền trả lời rằng: Vị vua đến nước ấy chiêu mộ tìm kiếm treo thưởng rất lớn, nay ông có thể cắt đầu Ta mang đến nộp cho vị vua ấy, đối với những mong cầu đều có thể được. Thế là người Bà-la-môn nói kệ trả lời rằng:

Người thế gian giết hại mẹ cha,
Mạng chết rơi vào ngục Nê Lê
Nay thêm tội làm hại nhà vua,
Tội lỗi ấy như nhau không khác
Nay tôi thật sự không đành lòng,
Làm điều độc ác với Đại vương
Thà rằng để thân mạng chết đi,
Cuối cùng không làm điều trái ý.

Ngay sau đó vua Nhất Thiết Thí lại nói với người Bà-la-môn rằng: Nếu ông không muốn lấy đầu Ta, thì có thể cắt mũi tai của Ta đem giao, cũng có thể có được tiền thưởng, bởi vì sợ rằng không đúng là vua ấy mà. Người Bà-la-môn trả lời nhà vua rằng: Dường như hôm nay tôi không đành lòng làm điều này. Nhà vua lại nói với người Bà-la-môn rằng: Nếu không như vậy, thì có thể trói Ta đem đến giao cho họ, cũng có thể nhiều tiền thưởng. Người Bà-la-môn có thể biết rằng nhà vua mà không bị kẻ kia làm hại, nên người Bà-la-môn nói: nhà vua quả thực muốn như vậy thì có thể cùng nhau quay về, sắp đến đất nước của nhà vua mới nên trói lại! Thế là nhà vua và người Bà-la-môn liền cùng dẫn nhau trở về đất nước nhà vua. Còn hơn hai mươi dặm, nhà vua biết sắp đến nơi, liền tự vòng tay lui sau nói với người Bà-la-môn rằng: Ông có thể nói trói Ta lại! Người Bà-la-môn thuận lợi bèn trói nhà vua lại, nhân dân cả nước đều nghe tin biết rằng vua Nhất Thiết Thí bị người Bà-la-môn ở nước khác gặp trói mang về. Nhân dân từ lớn đến nhỏ trông thấy nhà vua không ai không khóc nức nở, ngã xuống đất chết lịm như bị mất đi cha mẹ, tức thì tiến lên đi đến cửa cung thành, các quan lập tức đi vào thưa với vị vua kia. Trước đây đã chiêu mộ tìm kiếm vua

Nhất Thiết Thí chạy trốn, bị người Bà-la-môn đã gặp và trói lại đưa về, nay đang ở trước cửa cung thành. Vị vua kia liền nói: Hãy đưa vào đây! Vua Nhất Thiết Thí liền tiến lên đi vào cung, vị vua kia và quan lại cùng các quan phụ thuộc, trông thấy vua Nhất Thiết Thí không có ai không ngã xuống đất mà khóc nức nở, vị vua chiếm đoạt kia lại cũng rơi nước mắt, mà hỏi các quan: Các ông vì sao đều khóc? Các ông thưa rằng: Chúng tôi trông thấy vua Nhất Thiết Thí rời bỏ đất nước và ngôi vua, lại đem thân mạng giúp cho người Bà-la-môn, điều gì đã làm thì không ân hận, vì vậy cho nên khóc thương mà thôi. Vị vua chiếm đoạt kia nghe các quan đều nói đúng như vậy, lập tức ngã xuống đất mà òa khóc nức nở, không thể nào tự nén mình được, bèn hỏi Bà-la-môn: Nay ông làm sao bắt được nhà vua vậy? Người Bà-la-môn trả lời đầy đủ với vị vua kia về nguyên nhân đầu đuôi sự việc. Vị vua chiếm đoạt kia nghe lời người Bà-la-môn đã nói, thì tiếp tục ngã xuống đất khóc nức nở mà nói: Truyền lệnh cho các quan biết lập tức cởi trói cha nhà vua, tắm gội mặc áo mang dải lụa đeo ấn, trở lại lập lên làm vua! Thế là trở lại ngồi trên ngai vàng tiếp nhận phép nước như xưa. Ngay sau đó vị vua kia liền quỳ thẳng vòng tay ca ngợi mà nói kệ rằng:

Từ lúc còn ở đất nước mình,
Từ xa nghe đức của Đại vương
Nay đã đến ở tại nơi này,
Thấy tôn kính hơn điều được nghe
Công đức tích lũy thật bao la,
Sừng sững nguy nga như núi vàng
Sức lực đó vững vàng như vậy,
Không có gì có thể làm dao động
Nay thấy việc làm của Đại vương,
Đối với thế gian thật vô song
Nguyện đem đất nước trả lại Ngài,
Và tôn trọng lãnh thổ của mình
Nguyện trở về đất nước ngày xưa,
Tu dưỡng cung kính làm bề tôi
Không dám ôm ấp lòng kiêu mạn,
Thờ vua như thần Phật trên cao.

Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Vua Nhất Thiết Thí lúc bấy giờ chính là thân ta hôm nay. Vị vua nước kia chính là Xá-lợi-phất bây giờ. Người Bà-la-môn chính là Điều Đạt hôm nay. Ta thành tựu công đức tướng tốt lục độ Bà-la-môn, đều là ân của Điều Đạt, Điều Đạt là thiện

tri thức của Ta, cũng là một vị thầy tốt. Điều đạt trong A-tăng-kỳ kiếp sau này sẽ được làm Phật, danh hiệu là Đề Hòa La Da".

***Thứ tư*- PHẦN HÒA QUỐC**

Như trong kinh tạp Bảo Tạng nói: "Đức Phật dạy: Thời quá khứ lâu xa có hai vị Quốc vương một vị là Quốc vương Ca Thi, một vị là Quốc vương Tỉ Đề Hê, vua Tỉ Đề Hê có con Hương Tượng to lớn, dùng sức lực của Hương Tượng phá vỡ quân trận của vua Ca Thy. Vua Ca Thy dấy lên suy nghĩ như vậy: Nay mình làm sao có được Hương Tượng để phá vỡ quân trận của vua Tỉ Đề Hê? Lúc ấy có người nói: Tôi thấy trong núi có một con Hương Tượng trắng. Nhà vua nghe vậy rồi lập tức chiêu mộ rằng: Ai có thể bắt được Hương Tượng, Ta sẽ trọng thưởng! Có người nhận lời chiêu mộ nói: Tập trung nhiều quân lính đi bắt con voi ấy. Con voi suy nghĩ rằng: Nếu như mình đi xa, cha mẹ mù mà già yếu, không bằng điều thuận đi đến chỗ nhà vua. Lúc bấy giờ mọi người liền tự nhiên mang Hương Tượng đến bên nhà vua, nhà vua vô cùng hoan hỷ làm cho Hương Tượng một ngôi nhà đẹp, có phủ thảm bông mềm mại phía dưới, cùng với các kỹ nữ đàn ca múa hát vui vẻ, cho voi ăn uống nhưng voi không chịu ăn uống gì cả. Lúc ấy người giữ voi đến thưa với nhà vua rằng: Voi không chịu ăn uống. Nhà vua tự mình đến chỗ voi, thời thượng cổ các loài súc sanh đều có thể nói được tiếng người, nhà vua hỏi voi rằng: vì sao voi không ăn uống? Voi trả lời nhà vua rằng: tôi còn có cha mẹ, tuổi già mắt mù không có đồng cỏ và nguồn nước chu cấp thuận tiện, cha mẹ không ăn thì tôi làm sao ăn được! Voi thưa vời nhà vua rằng: Tôi muốn rời xa nơi này thì các quân lính của nhà vua không có người nào có thể ngăn cản được tôi, chỉ vì cha mẹ mù lòa già yếu nên thuận theo nhà vua đến đây mà thôi, nay nhà vua thấy thì hãy mặt ý tôi tiếp tục cung cấp nuôi dưỡng cha mẹ đến cuối tuổi thọ của họ, tự tôi sẽ quay trở lại! Nhà vua nghe nói như vậy thật là vô cùng hoan hỷ. Chúng ta thì làm voi đầu người, con voi này chính là người đầu voi. Tổ tiên người nước Ca Thi, dữ dằn tệ hại đối với cha mẹ không có tâm tư cung dưỡng, nhờ con voi hiếu thảo này, nhà vua lập tức tuyên lệnh tất cả mọi người trong nước, nếu ai không hiếu dưỡng đối với cha mẹ, thì phải ghép vào tội lớn. Ngay lúc ấy nhà vua thả voi trở về bên cha mẹ, cung cấp nuôi dưỡng cha mẹ tùy theo thọ mạng ngắn dài, cha mẹ qua đời thì quay trở lại chỗ nhà vua. Nhà vua có được Hương Tượng trắng ngời thật vô cùng hoan hỷ, lập tức chỉnh đốn trang nghiêm muốn đánh dẹp nước kia. Voi nói với nhà vua rằng: Đừng phát động chiến tranh, tất

cả các cách đánh nhau đều gây ra nhiều sự tổn hại thương đau. Nhà vua nói: Vua nước ấy ức hiếp xúc phạm đến tôi. Voi nói: Để mặc tôi đến đó thương lượng, khiến cho oán địch kia không dám bắt nạt. Nhà vua nói: nếu voi ra đi thì hoặc là có thể không trở về? Đáp rằng: Không ai có năng lực ngăn cản tôi khiến cho không trở về. Ngay sau đó voi liền đi đến trong đất nước kia. Vua Tỉ đề hê nghe tin voi đi đến, vô cùng hoan hỷ, tự mình ra ngoài hướng đến nghênh đón, đã gặp voi rồi bèn nói với voi rằng: Hãy ở lại nước tôi! Voi thưa với nhà vua rằng: Không cần phải ở lại nơi này, từ lúc tôi lập thân đến nay không làm trái lời thề, trước đã hứa với vua nước kia là trở về nước ấy, các ông là vua đứng đầu hai nước nên trừ bỏ oán thù tệ hại, tự mình làm cho đất nước mình yên lành há không vui sướng hay sao? Lúc ấy nói kệ rằng:

Được thắng trận tăng thêm oán thù,
Thua trận thì càng thêm sầu khổ
Người nào không tranh giành thắng bại,
Người ấy sống thanh thản vô cùng.

Lúc bấy giờ voi này nói kệ ấy xong, liền trở về nước Ca Thi, từ đó về sau hai nước hòa hiếu yên ổn. Quốc vương Ca Thi lúc ấy, nay là vua Ba tư nặc. Quốc vương Tỉ đề hê lúc ấy, nay là vua A xà Thế. Bạch Tượng lúc ấy nay chính là thân Ta. Bởi vì lúc bấy giờ ta hiếu thuận phụng dưỡng cha mẹ, khiến cho nhiều chúng sanh cũng hiếu thuận phụng dưỡng cha mẹ.lúc bấy giờ có thể làm cho hai nước hòa hiếu, ngày nay cũng như vậy”.

Thứ năm- PHẦN HÒA SỰ

Như trong Tăng Kỳ Luật nói: “Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Vào đời quá khứ, có khu thành tên gọi Ba-la-nại, nước ấy tên là Già Thi, có một Bà-la-môn, có loại hạt đậu Ma Sa lâu năm, nấu không thể chín được, mang đặt trong quán muốn báo cho người ta, nhưng cũng không có người nào mua. Lúc ấy có một người, trong nhà có một con lừa mang đến chợ bán thì khó bán được. Lúc ấy người chủ loại hạt đậu lâu năm liền dấy lên nghĩ rằng: Mình lấy loại đậu mua con lừa này sử dụng. Thế là đi đến nói rằng: Ông có thể mang con lừa đổi lấy đậu này chăng? Người chủ con lừa lại nghĩ; Dùng con lừa này để lấy được loại đậu kia? Bèn trả lời rằng: Có thể như vậy. Đổi được con lừa rồi thật hoan hỷ. Bấy giờ người chủ loại đậu liền dấy lên nghĩ rằng: Nay có được con lừa. Lập tức nói kệ rằng:

Cách buôn bán khéo léo của Bà-la-môn,

Loại đậu Ma Sa để lâu mười sáu năm
Đốt hết củi mà ông nấu không chín được,
Đủ để gãy răng lớn nhỏ trong nhà ông!

Lúc bấy giờ người chủ con lừa cũng làm bài tụng rằng:

Bà-la-môn ông vui mừng vì điều gì,
Tuy có bốn chân khoác bộ lông tốt đẹp
Vác nặng theo đường khiến cho ông biết rõ,
Dùi đâm lửa đốt cuối cùng không động đậy!

Bấy giờ người chủ loại đậu, lại nói kệ rằng:

Chỉ có gậy ngàn năm đốt lửa,
Đầu cắm vào cây kim bốn tấc
Có thể trị con lừa hư hỏng,
Lo gì không thể khuất phục được

Lúc bấy giờ con lừa hư hỏng nghe mà tức giận liền nói tụng rằng:

Hai chân phía trước đứng vững vàng,
Hai chân phía sau cùng đá lên
Trước tiên làm gãy hàm răng ông,
Rồi sau đó tự nhiên sẽ biết!

Bấy giờ người chủ loại đậu nghe con lừa tụng như vậy, lại nói kệ rằng:

Ruồi muỗi bu đầy độc chích,
Chỉ nhờ cái đuôi tự phòng vệ
Trước mắt cắt bỏ đuôi của người,
Khiến người biết cay đắng ra sao!

Bấy giờ con lừa lại dùng kệ đáp rằng:

Từ tổ tông xưa kia đến nay,
Đi theo cách chậm chạp thế này
Nay tôi vốn kế thừa thói quen,
Chết mãi chết hoài không bỏ được!

Lúc bấy giờ người chủ loại đậu biết điều tệ hại này không thể nói mãi được, liền thay bằng cách ca ngợi dùng tụng trả lời rằng:

Âm thanh phát ra hay vô cùng,
Mặt trắng giống như ngọc sáng ngời
Sẽ cưới cho ông một cô vợ,
Cùng nhau dạo chơi giữa thảo nguyên!

Con lừa nghe lời nói êm dịu yêu thương,
Liền tiếp tục nói tụng rằng:

Tôi có thể mang tám hộc,
Một ngày đi được sáu trăm dặm
Bà-la-môn xin ông nên biết,
Vì nghe cưới vợ nên hoan hỷ.

Tụng rằng:

Tánh tình êm dịu đáng yêu,
Hiền-ngu đều thích gần gũi
Tình ý tham lam thô lỗ,
Người và vật đều tránh xa
Ngoài làm trái thường sửa đổi,
Trong thuận theo luôn phòng ngự
Nêu cao tên tuổi muôn đời,
Tồn tại mãi mãi ngàn năm.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 48

Thiên thứ 48: GIỚI HÚC

Thiên này có sáu phần: Thuật ý, Giới mã, Giới học, Giới đạo, Giới tội, Tạp giới.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Bởi vì thiết lập hình tượng bày tỏ Chân-cảm hóa Tục theo phép tắc chuẩn mực, dựa vào ngón tay chỉ mặt trăng-nêu rõ đạo là quy định thông thường, nhưng mà do vọng tưởng điên đảo tình thức duyên theo dòng tập khí khó thay đổi, không suy nghĩ hối cải mà thuận theo nghiệp lực trôi nổi bập bềnh. Vì vậy kinh Niết-bàn nói: "Làm điều thiện trong sáng lên cao ví như đất trong móng tay, làm điều ác mờ ám ghìm xuống ví như bụi đất bao la". Bởi vì sáu kẻ giặc ngoại cảnh cùng lúc đến mười kết sử bên trong trói buộc nhau, hoặc ví như bình mỏng nơi nhà xí, hoặc tương tự đồ sành nơi nguy hiểm, vốn là ngôi nhà sắp sụp đổ vì ba ngọn lửa luôn luôn đốt cháy, ẩn trốn giữa không trung mà năm lưỡi dao thường xuyên theo đuổi, sông núi dẫn đường bức bách hình hài trong từng sát na, lò mổ trâu dê cắt xẻ tính mạng ra thành trăm mảnh, cũng như chuột chui vào ống mỡ, đến tận cùng sẽ đi về đâu? Huống hồ năm trược đan xen hỗn loạn-bốn núi thường xuyên áp sát, mà có thể yên trí nhận chịu không sanh lòng hối hận buồn lo ư? Vì lẽ đó bậc đại Thánh rủ lòng khuyên dạy, pháp dụ làm cho quay về chỉ quyết định bởi khuyên nhủ ước thúc, thân tâm không duyên theo dục vọng phóng túng, xem xét dốc sức động viên chuyên tự kiểm điểm lầm lỗi của mình, chỉ thấy sắp chết ánh mắt mờ đi, quyến thuộc tụ tập trước mắt khó cứu, than thở rơi lệ cảm kiếp trầm luân, đã nhìn khổ ấy sao không tự khuyên, lỗi lầm do mình tạo ra thì sửa đổi không nhờ người khác, hãy còn có chút phước thiện thì cảm báo ở trong loài người, lại gặp giáo pháp lưu truyền tự mình trông thấy Tam bảo, thoát cảnh sống trong đường ác đối diện trước mắt mà không hay biết, vì vậy đau lòng không có cớ gì để mà lười nhác đâu!

Thứ hai- **PHẦN GIỚI MÃ** (Khuyên nhủ loài ngựa).

Như kinh Trung A-hàm nói: "Lúc ấy có người giỏi thuần phục ngựa, tên là chỉ thi, đi đến nơi Đức Phật cúi đầu lạy dưới chân Đức Phật, rồi lùi lại ngồi một bên thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn! Con thấy thế gian thật là đơn giản, giống như bầy dê, thế gian chỉ mình con có thể có năng lực thuần phục ngựa, con ngựa dữ điên cuồng quá mức, con làm phương tiện trong chốc lát khiến cho trạng thái căn bệnh của nó đều hiện rõ ra, tùy theo trạng thái căn bệnh đó mà tìm cách điều phục. Đức Phật bảo với người giỏi thần phục ngựa: Này chủ tụ lạc! Ông dùng mấy loại phương tiện điều phục đối với ngựa? Người giỏi thuần phục ngựa thưa với Đức Phật rằng: Con có ba loại phương pháp điều phục ngựa dữ. Những gì là ba loại? Đó là: 1- Mềm mỏng; 2- Thô kệch; 3- Vừa mềm vừa mỏng vừa thô kệch. Đức Phật bảo rằng: này chủ tụ lạc! Ông dùng ba loại phương tiện điều phục ngựa, còn con nào không thuần phục thì sẽ như thế nào? Người giỏi thuần phục ngựa thưa với Đức Phật rằng: Có con nào không thuần phục thì nên giết đi. Nguyên cớ vì sao? Bởi vì đừng làm cho con nhục nhã! Người giỏi thuần phục ngựa thưa với Đức Phật rằng: Đức Thế tôn là bậc vô thượng Điều Ngự Trượng Phu, Ngài dùng mấy loại phương tiện để điều ngự hàng trượng phu? Đức Phật bảo rằng: Này chủ tụ lạc! Ta cũng dùng ba loại phương tiện để Điều Ngự hàng trượng phu. Những gì là ba loại? Đó là: 1- Luôn luôn mềm mỏng; 2- Luôn luôn cứng rắn; 3- Vừa mềm mỏng vừa cứng rắn. Đức Phật bảo rằng: Này chủ tụ lạc! Vốn gọi là luôn luôn mềm mỏng, thì như ông đã nói, đây là thiện hạnh của thân, đây là báo ứng thiện hạnh của thân, đây là thiện hạnh của khẩu ý, đây là báo ứng thiện hạnh của khẩu ý; thì gọi là thiện, thì gọi là người, thì gọi là hóa sanh vào nẽo thiện, thì gọi là Niết-bàn, đây là phương tiện mềm mỏng. Thứ hai là luôn luôn cứng rắn, thì như ông đã nói, là ác hạnh của thân, là báo ứng ác hạnh của thân, là ác hạnh của khẩu ý, là báo ứng ác hạnh của khẩu ý, thì gọi là địa ngục, thì gọi là súc sanh, thì gọi là ngạ quỷ, thì gọi là nẻo ác, thì gọi là rơi vào nẻo ác; đây gọi là cách dạy cứng rắn của Như Lai. Thứ ba là vừa mềm mỏng vừa cứng rắn, nghĩa là Như Lai có lúc nói về thiện hạnh của thân, có lúc nói về báo ứng thiện hạnh của thân, có lúc nói về thiện hạnh của khẩu ý, có lúc nói về báo ứng ác hạnh của thân, có lúc nói về ác hạnh của khẩu ý, có lúc nói về báo ứng ác hạnh của khẩu ý, như vậy gọi là thiện, như vậy gọi là người, như vậy gọi là nẽo thiện, như vậy gọi là Niết-bàn, như vậy gọi là địa ngục, như vậy gọi là súc sanh-ngạ quỷ, như vậy gọi là nẻo ác, như vậy gọi là rơi

vào nẻo ác, đây gọi là cách dạy vừa mềm mỏng vừa cứng rắn của Như Lai. Người giỏi thuần phục ngựa thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn! Nếu dùng ba loại phương tiện điều phục chúng sanh, thì có chúng sanh nào không thuần phục nên làm như thế nào? Đức Phật bảo rằng: Này chủ tụ lạc! Cũng nên giết đi. Nguyên cớ thế nào? Bởi lẽ đừng làm cho Ta phải nhục nhã! Người giỏi thuần phục ngựa thưa với Đức Phật rằng: Nếu như giết hại chúng sanh, thì đối với giáo pháp của Như Lai trở thành không thanh tịnh, trong giáo pháp của Thế tôn nêu rõ là không giết hại sinh mạng, mà nay nói giết đi thì nghĩa ấy như thế nào? Đức Phật bảo rằng: Này chủ tụ lạc! Trong giáo pháp của Như Lai nêu rõ là không giết hại sinh mạng, nhưng trong giáo pháp của Như Lai dùng ba cách để giảng dạy, người không điều phục, thì không tiếp tục qua lạc chuyện trò, không dạy bảo cũng không khuyên nhủ, há không phải là chết hay sao? Người giỏi thuần phục ngựa thưa với Đức Phật: Quả thật như vậy thưa Đức Thế tôn! Không tiếp tục qua lại chuyện trò, vĩnh viễn không dạy bảo khuyên nhủ, thật sự là đã chết. Vì nguyên cớ này, con bắt đầu từ hôm nay xa rời các nghiệp ác và bất thiện! Nghe Đức Phật đã thuyết rồi hoan hỷ mà quay về".

Lại trong kinh Pháp Cú Dụ nói: "Đức Phật hỏi người giỏi về voi, phương pháp thuần phục voi có mấy loại? Đáp rằng: Có ba loại. Sao nói là ba loại? Đó là: 1- Dùng móc sắt móc miệng gắn vào rồi buộc chặt; 2- Giảm cho ăn luôn luôn khiến nó đói gầy; 3- Dùng gậy đánh làm cho nó càng thêm đau khổ. Bởi vì móc sắt móc miệng vốn là dùng để quản thúc cái miệng hung hăng, dựa vào không cho ăn uống vốn là dùng để quản thúc cái thân thô lỗ, nhờ thêm vào gậy đánh vốn là dùng để làm cho tâm nó phải khuất phục. Đức Phật bảo rằng: Này cư sĩ! Ta cũng có ba cách dùng để điều phục tất cả, cũng dùng để tự điều phục mình đạt đến nơi vô vi. Đó là: 1- Bởi vì chí thành cho nên chế ngự tai họa của miệng, 2- Bởi vì hiền từ trung trinh cho nên điều phục tính ngang bướng của thân; 3- Bởi vì trí tuệ cho nên diệt trừ ngu si che đậy của ý. Giữ gìn ba điều này để được thoát khỏi tất cả khổ đau-xa rời ba đường ác, đạt đến nơi an lành tự tại".

***Thứ ba-* PHẦN GIỚI HỌC** (Khuyên nhủ học hỏi).

Như kinh Tăng Nhất A-hàm nói: "Trong một bài kệ phát sinh ra ba mươi bảy phẩm và nghĩa lý về các pháp. Ca-diếp hỏi rằng: Là như thế nào? Lúc ấy Tôn giả A-nan liền nói kệ này:

Đừng làm những điều ác,

Thực hành mọi điều thiện,
Tự thanh tịnh tâm ý,
Là lời chư Phật dạy.

Vì sao như vậy? Bởi vì đừng làm những điều ác, thì giới cấm có đủ nghiệp hạnh trong sáng. Thực hành mọi điều thiện, thì tâm ý thanh tịnh. Tự thanh tịnh tâm ý, thì loại trừ tà vạy điên đảo. Chính là lời chư Phật dạy, thì không còn những ý tưởng ngu si mê hoặc. Thế nào Ca-diếp? Giới thanh tịnh thì ý lẽ nào bất tịnh ư? Thanh tịnh thì không còn điên đảo, bởi vì không có điên đảo nên mọi ý tưởng ngu si mê hoặc bị diệt trừ, những kết quả của ba mươi bảy đạo phẩm sẽ đạt được thành tựu, bởi vì thành tựu đạo quả, lẽ nào không phải là các pháp hay sao?"

***Thứ tư*- PHẦN GIỚI ĐẠO** (Cảnh cáo trộm cắp).

Như Kinh Tạp A-hàm nói: "Lúc ấy có Tỳ kheo kỳ lạ, người ở nước Câu Tát La trú ngụ trong một khu rừng. Đương thời Tỳ kheo ấy có bệnh về mắt, được thầy chỉ bày rằng: Nên ngửi mùi hoa Bát Đàm Ma! Lúc Tỳ kheo ấy được thầy chỉ bày rồi, đi đến bên cạnh hồ hoa Bát Đàm Ma, ở bên bờ hồ đón gió mà ngồi, thuận theo gió để ngửi mùi hoa. Bấy giờ có Thiên Thần là chủ khu hồ này, nói với Tỳ kheo rằng: Vì sao trộm hoa? Nay ông chính là kẻ giặc trộm hương đấy!

Lúc bấy giờ Tỳ kheo nói kệ trả lời rằng:

Không làm hỏng cũng không giành lấy,
Ở xa theo gió ngửi mùi hoa
Nay ông vì cớ gì nói rằng:
Tôi là kẻ giặc trộm hương hoa?

Bấy giờ Thiên Thần lại nói kệ rằng:

Không mong cầu mà không xả bỏ,
Thế gian gọi đó là kẻ giặc
Ông bây giờ người ta không cho,
Mà tự mình luôn luôn giữ lấy
Thì gọi là kẻ giặc thật sự,
Trộm hương hoa ở giữa thế gian.

Lúc ấy có một người đàn ông, lấy củ rễ trong hồ ấy chất đầy gánh mà đi, bấy giờ Tỳ kheo vì Thiên thần kia mà nói kệ rằng:

Như người đàn ông kia bây giờ,
Cắt đứt gốc hoa Phân Đà Lợi
Nhổ củ chất đầy gánh mà đi,
Thì chính là người thật gian trá,

Tại vì sao ông không ngăn cản,
Mà nói tôi là trộm hương?

Lúc ấy Thiên Thần kia nói kệ trả lời rằng:

Người thả sức gian trá bừa bãi,
Giống như sữa vương đầy áo mẹ
Đâu đáng để nói thêm gì nữa,
Mà lại có thể nói cho ông
Ca sa vấy bẩn không hiện rõ,
Áo đen thì vết đen không bẩn
Người gian trá hung ác bất thiện,
Thế gian không qua lại chuyện trò
Chân ruồi vây bẩn lụa trắng tinh,
Mắt sáng thấy rõ sai lầm bé
Như chấm mực dính vào ngọc quý,
Tuy nhỏ mà đều hiện rõ ra.

Bấy giờ Tỳ kheo kia lại nói kệ rằng:

Lời nói lành thay tốt lành thay,
Dùng nghĩa lý mà an ủi tôi!
Ông có thể luôn luôn vì tôi,
Nhiều lần nói về những kệ này!

Lúc ấy Thiên Thần lại nói kệ rằng:

Tôi không phải nô lệ ông mua,
Cũng không phải người cùng với ông
Vì sao luôn luôn đi theo ông,
Nhiều lần cùng nói cho ông biết
Nay ông nên tự mình biết rõ,
Những việc gì lợi ích nhiều hơn!

***Thứ năm-* PHẦN GIỚI TỘI** (Cảnh cáo tội lỗi)

Như Kinh Diêm La Vương Ngũ Thiên Sứ Giả nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Con người sống giữa thế gian, không hiếu thảo với cha mẹ, không cung kính với Sa môn, không thực hành nhân nghĩa, không học hỏi kinh giới, không sợ hãi đời sau, khi thân người đó mất đi sẽ bước vào địa ngục, người đứng đầu mang đi thưa trình với Diêm La vương nói về tội lỗi tàn ác của họ: Người này làm đủ các tội lỗi như bất hiếu với cha mẹ..., không có phước đức, không sợ hãi cái chết, xin nhà vua xử phạt! Diêm La vương thường thường trước hết làm cho yên lòng rồi từ từ dùng lời trung thực đúng đắn, hiện ra năm vị sứ giả mà hỏi tường

tận.

Diêm Vương thứ nhất hỏi: Người không thấy, người thế gian bắt đầu là trẻ thơ, nằm yên mà ỉa đái không thể nào tự mình giữ gìn, miệng không biết nói-không biết đẹp xấu, người thấy hay không? Người chết đáp rằng đã thấy. Diêm Vương nói: Ông tự nói là không phải như vậy, nhưng mà thần thức con người đi theo rốt cuộc sẽ có sanh ra, tuy hãy còn chưa thấy mà bình thường nên làm điều thiện tự trang nghiêm ba nghiệp của mình, làm sao buông thả tâm ý mặc sức tạo ra lỗi lầm như vậy? Người chết đáp rằng: Ngu si mờ ám không biết. Diêm Vương nói: Ngươi tự ngu si mặc ý làm điều ác, không phải là sai lầm của cha mẹ thầy dạy cua chúa Sa môn-Đạo nhân..., tội lỗi tự nhiên do ngươi, lẽ nào có thể không vui, nay phải nhận lấy mà thôi! Đây là Diêm Vương hiện ra vị Thiên Sứ thứ nhất.

Diêm Vương thứ hai lại hỏi: Lúc ngươi làm người, Thiên Sứ theo đến, ngươi có thể cảm giác biết được không? Người chết đáp rằng không cảm giác được. Diêm Vương nói: Ngươi không thấy người thế gian tuổi già tóc bạc răng rụng gầy yếu lưng còng run rẩy đi lại khó khăn-sinh hoạt thường ngày đều cần đến gậy chống hay không? Người chết đáp có thấy như vậy. Diêm Vương nói: Ngươi nói là một mình ngươi tránh khỏi, có thể không già, tất cả mọi người đã sanh ra thì theo quy luật đều phải già yếu, nên luôn luôn làm điều thiện-trang nghiêm thân miệng ý-tâm cung kính thực hành kinh giới. Tại sao tự mình buông thả? Người chết đáp rằng: Bởi vì ngu si cho nên như vậy, Diêm Vương nói: Ngươi tự vì mình ngu si làm những điều ác, không phải là lỗi lầm do cha mẹ vua chúa Sa môn- Đạo nhân, tội lỗi tự nhiên do ngươi, lẽ nào có thể không vui, nay phải nhận lấy mà thôi! Đây là Diêm Vương hiện ra vị Thiên Sứ thứ hai.

Diêm Vương thứ ba tiếp tục hỏi: Lúc ngươi làm người, há không thấy thân hình nam nữ thế gian có bệnh tật thì thân thể đau khổ đứng ngồi không yên mạng sống mong manh buồn lo bức bách mọi thứ thuốc men chữa trị không lành hay sao? Người chết đáp rằng có thấy. Diêm Vương nói: Ngươi có thể không mắc bệnh chăng? Con người sinh ra đã già đi thì theo quy luật đều phải có bệnh, nghe thân mạng khỏe thì nên cố gắng làm điều thiện cung kính thực hành kinh giới, giữ gìn thân miệng ý, tại sao tự mình buông thả? Người chết đáp rằng: Bởi vì ngu si cho nên như vậy. Diêm Vương nói: Ngươi tự vì mình ngu si mà làm điều ác, không liên quan gì đến lỗi lầm do cha mẹ vua chúa-Sa môn-Đạo nhân cả, tội lỗi tự nhiên do ngươi, lẽ nào có thể không vui, nay phải

nhận lấy mà thôi! Đây là Diêm Vương hiện ra vị Thiên Sứ thứ ba.

Diêm Vương thứ tư tiếp tục hỏi: Lúc ngươi làm người, lẽ nào không thấy những người chết giữa thế gian, hoặc chôn thân xác của họ, hoặc bỏ giữa đồng hoang, đến ngày thứ bảy thịt da nát rữa, chim chóc chồn cáo đều đến ăn thịt, tất cả mọi người đã chết thì thân hình nát rữa thối tha, ngươi lẽ nào không thấy? Người chết đáp rằng có thấy. Diêm Vương nói: Ngươi cho rằng một mình ngươi tránh được, có thể không chết ư? Tất cả mọi người đã sinh ra thì theo quy luật đều phải chết, nghe ở thế gian luôn luôn làm việc thiện, giữ gìn thân miệng ý cung kính thực hành kinh giới, tại sao lại tự mình buông thả? Người chết đáp rằng: Bởi vì ngu si cho nên như vậy. Diêm Vương nói: Ngươi tự mình làm điều ác, không phải là lỗi lầm do cha mẹ-vua chúa-Sa môn-Đạo nhân gây ra, tội lỗi tự nhiên do ngươi, lẽ nào có thể không vui, nay phải nhận lấy mà thôi! Đây là Diêm Vương hiện ra vị Thiên Sứ thứ tư.

Diêm Vương thứ năm tiếp tục hỏi: Lúc ngươi làm người, không thấy kẻ tàn ác xấu xa giữa thế gian bị quan binh bắt giữ xử tội kết án mà nhận lấy hình phạt, hoặc là chặt tay chân, hoặc là xẻo mũi tai, hoặc là đốt cháy thân hình treo đầu giữa mặt Trời nóng bỏng, hoặc là mổ xẻ chặt lìa thân thể cùng các loại cực hình vô cùng đau khổ hay chăng? Người chết trả lời rằng có thấy. Diêm Vương nói: Ngươi cho rằng làm điều ác chỉ có một mình ngươi có thể hiểu được ư? Mắt nhìn thấy tội phước rõ ràng giữa thế gian, sao không giữ điều thiện chế ngự thân miệng ý cung kính thực hành kinh giới, tại sao tự mình buông thả? Người chết đáp rằng: Bởi vì ngu si ám muội cho nên như vậy. Diêm Vương nói: Ngươi tự mình dụng tâm làm điều không chính đáng, không phải là lỗi lầm do cha mẹ-vua chúa Sa môn-Đạo nhân, nay tội lỗi này cần phải tự mình nhận chịu mà thôi! Đây là Diêm Vương hiện ra vị Thiên Sứ thứ năm.

Đức Phật thuyết kinh xong, tất cả các đệ tử đều tiếp nhận lời dạy khuyên răn, tất cả tiến lên làm lễ, hoan hỷ vâng mạng thực hành".

***Thứ sáu-* PHẦN TẠP GIỚI** (cảnh cáo nhiều điều).

Trong kinh Đại Pháp Cú kệ nói (Tất cả có 11 điều nhắc nhủ):

1. Nhắc nhủ về niềm tin:

Người có niềm tin đức hạnh,
Được hàng Thánh nhân khen ngợi
Người vui nghiệp hành vô vi,
Cởi bỏ tất cả ràng buộc

Ví như lợi ích thế gian,
Ân huệ niềm tin là hiểu
Tiền của là thứ quý nhất,
Gia sản không phải thường còn
Muốn thấy các pháp chân thật,
Thích nghe giảng về giáo pháp,
Luôn bỏ tham tiếc ganh ghét,
Điều này gọi là niềm tin
Không tin không thể luyện tập,
Thích bác bỏ lời chính đáng
Như đào đất có nguồn nước,
Đào suối bùn đục cuộn lên.
Người tài đức quen trí tuệ,
Thích dựa theo dòng nước trong,
Như khéo léo để lấy nước,
Cần phải làm cho không đục
Niềm tin không nhiễm người khác,
Chi bằng tin vào chính mình
Giống như điều phục voi lớn,
Tự điều phục mình tốt nhất.
Tín tài cùng với Giới tài,
Tàm quý cũng là tài sản
Văn tài lại thêm thí tài,
Và tuệ là bảy tài sản.
Cuộc sống có tài sản này,
Không hỏi gì trai hay gái
Chung quy bởi không tham lam,
Người tài đức biết chân thật.

2. Nhắc nhủ về cái chết:

Nguyên cớ chẳng phải thường còn,
Gọi là pháp hưng và suy
Có sanh nhất định phải chết,
Thân này diệt đi là vui
Như dòng nước chảy băng băng,
Đi qua mà không trở lại
Mạng sống con người như vậy,
Chết rồi không còn gặp nữa.
Cuộc sống qua một ngày đêm,

Mạng tự nhiên sẽ giảm bớt
Tuổi thọ dần dần mất hết,
Như hầm nước đọng dập dời
Bình thường đều sẽ khô đi,
Cao thì cũng phải rơi xuống,
Hội tụ sẽ có chia ly,
Sanh ra thì phải có chết
Chúng sanh thật là mong manh,
Tính mạng khi đã mất đi
Tuỳ theo nghiệp hành rơi xuống,
Tự mình gánh chịu tai ương
Dù cho sống đến trăm năm,
Cái chết cũng sẽ đến tìm
Bị tuổi già luôn bức bách,
Bệnh cuối cùng đến giới hạn.
Một ngày đêm đã đi qua,
Mạng sống cũng sẽ giảm theo
Giống như cá sống thiếu nước,
Nơi ấy nào có vui gì?
Già đến thì thân suy yếu,
Bệnh tật tự nhiên hủy hoại
Hình hài tàn tạ run rẩy,
Mạng chung là điều chắc chắn.
Thân này có ích gì đâu,
Luôn luôn chảy thứ thối tha
Bị bệnh tật làm khốn khổ,
Gây ra tai họa già chết
Không có con cái cậy nhờ,
Cũng không cha mẹ anh em
Bị cái chết đến bức bách,
Không có thân thích nương tựa
Ngày đêm lần lữa lười nhác,
Già cũng không ngừng dâm dục,
Có tiền của không bố thí,
Không tiếp nhận lời Phật dạy
Có bốn điều tệ hại này,
Là tự mình lừa dối mình

3. Nhắc nhủ về giết hại.

Vì nhân ái không giết hại,
Thường có thể giữ gìn thân
Đây là nơi không thể chết,
Cũng không gặp tai họa gì
Không giết hại là nhân ái,
Cẩn thận lời nói giữ tâm
Sống như vậy là không chết,
Cũng không gặp phải tai họa
Đời hỗn loạn đã khổ đau,
Giữ lòng yêu thương nhân ái
Thấy giận có thể nhẫn nhịn,
Như vậy chính là phạm hạnh
Chí thành yên ổn thong dong,
Miệng không nói lời thô thiển
Không nóng giận với người ta,
Đây gọi là người phạm hạnh
Buông tay vui sống vô vi,
Không làm hại đến chúng sanh.
Không có điều gì phiền nhiễu,
Đây gọi là người phạm hạnh
Thường lấy lòng dạ yêu thương,
Trong sáng như lời Phật dạy
Biết vừa đủ biết dừng lại,
Thì sẽ vượt qua sanh tử
Yêu thương tất cả mọi người,
Đối với chúng sanh bình đẳng
Thường thực hành tâm từ bi,
Luôn luôn được bình yên tự tại
Ngày đêm nghĩ đến yêu thương,
Tâm không bận lòng trách mắng
Không làm tổn hại chúng sanh,
Đây là hạnh không oán thù
Nằm yên tỉnh giấc an lành,
Không thấy mộng mị dữ dằn
Trời che chở người yêu mến,
Không gặp ác hiểm binh đao.
Nước lửa không làm mất mát,
Còn gặp được điều lợi ích

Chết sanh lên cõi Phạm Thiên,
Thọ báo tự nhiên vui sướng
Nhân ái không làm mất chí,
Từ bi thực hành cao nhất
Thương chúng sanh bị tổn hại,
Phước thiện này thật bao la

4. Nhắc nhủ về ý nghiệp:

Mắng chưởi nói lời ác hiểm,
Kiêu ngạo khinh thường người ta
Những hành nghiệp này dấy lên,
Oán thù lập tức phát sinh
Nói lời khiêm nhường tùy thuận,
Tôn kính đối với mọi người
Bỏ oán thù nhẫn điều ác,
Phiền não sớm tự diệt trừ.
Sinh làm người giữa thế gian,
Búa rìu ở trong miệng mình,
Sở dĩ làm hại đến thân,
Bởi vì lời nói tệ hại
Tranh nhau được chút lợi lộc,
Như bưng bít mất tiền của
Từ đó dẫn đến giành giật,
Khiến ý luôn luôn nghĩ ác
Tâm là cội rễ của pháp,
Tâm tôn trọng tâm sai sử
Trong tâm nghĩ đến điều ác,
Tội khổ tự nhiên tìm đến
Tâm là nguồn gốc của pháp,
Tâm vương cùng với tâm sở
Trong tâm luôn nghĩ điều thiện,
Phước lạc thuận theo tự nhiên
Hành tùy theo ý bừa bãi,
Trói buộc vào trong ngu tối
Tự cao không có pháp gì,
Sao hiểu lời nói tốt lành?
Hành thuận theo ý đứng đắn,
Giải thích mọi lẽ rõ ràng
Không còn tâm niệm ganh ghét,

Thông suốt lời hay nghĩa đúng
Giận hờn đối với oán thù,
Không lúc nào không oán hận
Không giận tự nhiên diệt hết,
Là đạo lý đáng tôn trọng
Không thích trách mắng người ta,
Cốt phải tự suy xét mình,
Nếu người có biết điều này,
Tai họa vĩnh viễn không còn.

5. Nhắc nhủ về tà vạy:

Lấy chân thật làm giả dối,
Lấy giả dối làm chân thật
Đây gọi là người tà kiến,
Không được lợi ích thật sự
Biết chân thật là chân thật,
Thấy giả dối biết giả dối
Đây gọi là người chánh kiến,
Đạt được lợi ích chân thật
Tường nhà không được kín đáo,
Trời mưa thì bị tạt ướt
Ý không suy nghĩ chính đáng,
Tà pháp nhân đó xen vào
Tường nhà che kín tốt lành,
Mưa gió không còn tại ướt
Giữ ý niệm luôn ngay thẳng,
Tà vạy ẩn kín không sanh
Người thấp hèn nhiễm theo ác,
Như gần đồ vật xấu xa,
Dần dần quen theo điều trái,
Không biết trở thành người ác
Người học theo tính tài đức,
Như gần hương thơm xông ướp
Trí tiến vào quen với thiện hạnh
Nghiệp trở thành trong sáng
Chánh niệm luôn luôn phát triển,
Tà pháp tự nhiên diệt trừ
Tự mình giữ theo chánh pháp,
Tiếng tốt ngày càng tăng thêm

Luôn luôn suy nghĩ về đạo,
Gắng sức giữ gìn chánh hạnh
Vững vàng sẽ được độ thoát,
Tốt lành không có gì hơn
Tự kiềm chế điều phục tâm,
Việc làm không hề phóng túng
Bố thí-Trì giới-Nhẫn nhục,
Tinh tiến-Thiền định-Trí tuệ
Lục độ vạn hạnh trang nghiêm,
Tự nhiên luôn luôn bừng sáng
Cuộc đời tự tại bình yên,
Lợi mình lợi người không khác
Sống không làm cho phiền muộn,
Chết mà không chút buồn lo
Hoạ phước hai nẽo khác nhau,
Lên xuống hai đường tách biệt.

6. Nhắc nhủ về ngu si.

Ngu si chìm trong sanh tử,
Chẳng hề biết gì chánh pháp
Ngu muội không có trí tuệ,
Như ở trong nhà tối tăm
Gặp chuyện đầu óc mơ màng,
Nóng lành không sao phân rõ
Cho dù tu tập đã lâu,
Mà vẫn không biết phương pháp
Tuy là tiếp tục thực hành,
Vì mình gây ra tai họa
Tâm thích làm điều xấu xa,
Tự dẫn đến nhiều tội lỗi
Nơi kẻ ngu si hướng về,
Không cho rằng gặp khổ đau
Sắp rơi vào chỗ khốn cùng,
Mới biết đó là bất thiện
Ngu si dốt nát làm ác,
Không thể tự mình hiểu được
Tai họa đi theo tự đốt,
Tội lỗi hừng hực bốc cao
Người ngu ham thích ngủ nghỉ,

Lo buồn cứ mãi dấy lên
Ngôi nhà ảm đạm tối đen,
Như tằm ở trong cái kén
Người ngu vui với điều ác,
Đến chết không thể dừng lại
Tuy nói cho nghe điều thiện,
Trái lại thành ra oán thù
Tội lỗi còn chưa chín muồi,
Ngu si lấy để quán xét
Đến lúc chín muồi báo ứng,
Tự chịu tai họa nặng nề
Ngu si ham thích tài sắc,
Ngày đêm không hề thỏa mãn
Giống như hang núi cháy khô,
Trút nước không thể đầy được
Ngu si tạo nhiều lầm lỗi,
Tiếp xúc gặp phải nóng giận
Cho dù bị roi gậy đánh,
Mà cũng không tự dừng lại.

7. Nhắc nhủ về điều ác

Quán xét sâu sắc thiện ác,
Tâm biết sợ hãi kiêng dè
Sợ hãi mà không vi phạm,
Cuối cùng tốt lành không lo
Vì vậy đời có phước đức,
Suy nghĩ tiếp tục thực hành
Cố gắng làm cho mãn nguyện,
Phước lộc chuyển thành tốt hơn
Tin theo thiện duyên làm phước,
Tích lũy phước thiện không chán
Tin tưởng biết có âm đức,
Lâu dần ắt làm sáng tỏ
Vui thích pháp nằm yên giấc,
Tâm ý vui vẻ an lành
Thánh Nhân diễn bày giáo pháp,
Trí tuệ thường vui thực hành.
Người có tài đức trí tuệ,
Trai giới tuân theo hành đạo

Như vầng trăng giữa muôn sao,
Soi chiếu sáng ngời thế gian
Người bắn cung chỉnh theo hướng,
Người lái thuyền chỉnh con thuyền
Thợ mộc điều chỉnh gỗ dùng,
Người trí điều chỉnh bản thân
Ví như tảng đá to nặng,
Gió không thể nào dời chuyển
Người trí ý chí thiết tha,
Khen chê không thể nghiêng ngã
Ví như dòng suối lắng sâu,
Lặng lờ trong veo thấu đáy
Người trí tuệ nghe đến đạo,
Tâm tư thanh tịnh vui sướng
Đoạn trừ năm ấm ràng buộc,
Lặng yên suy tư trí tuệ
Có thể tự cứu giúp mình,
Hiển bày nghĩa lý chân thật
Kềm chế tình ý tham dục,
Chí vui với đạo vô vi
Tiếp nhận tất cả chánh giáo,
Mong mỏi giáo pháp thường còn.

8. Nhắc nhủ về ràng buộc:

Xa lìa mọi nỗi buồn lo,
Cởi bỏ tất cả phiền não
Ràng buộc vướng mắc đã hết,
Tiêu tan tự nhiên an lành
Tâm tư vắng lặng nghĩ suy,
Không cón ham thích điều gì
Đã vượt qua cảnh cạn khô,
Như chim nhạn bỏ xa hồ
Tùy theo bụng mà ăn uống,
Không tích chứa lại vật gì
Tâm rỗng rang không ý tưởng,
Xa gần vô ngại ung dung
Duy trì thân mạng mà dùng,
Không mong cầu gì dư thừa
Giảm bớt thuận theo vô vi,

Không còn điều gì ràng buộc
Kiềm chế ý tưởng theo chánh,
Như nắm cương điều khiển ngựa
Xa rời kiêu căng ngạo mạn,
Được Trời người đều tôn kính
Không giận dữ như mặt đất,
Không lay động như núi cao
Bậc chân nhân không cấu trược,
Đoạn tuyệt sanh tử thế gian
Tâm tư khi đã vắng lặng,
Ngôn hành cũng sẽ dừng lại,
Thuận theo chánh giáo giải thoát,
Rỗng rang quay về tự tại
Bỏ điều ác không vướng mắc,
San bằng nhân quả tam giới
Vĩnh viễn bặt dứt tình sắc,
Thì gọi là bậc thượng trí
Nơi quy tụ như đồng hoang,
Nơi nhiễm ô mà không nhiễm
Chân thân ứng hiện ngợi ca,
Không ai không được giúp đỡ
Thường vui với chốn hoang vu,
Mọi người không thể đạt đến
Thanh thản thay bậc Thượng Sĩ,
Trời người khâm phục ngưỡng mộ!

9. Nhắc nhủ về đọc tụng:

Cho dù tụng cả ngàn lời,
Không thực hành có ích gì
Không bằng chỉ một lần nghe,
Chịu khó tu được lợi ích
Cho dù tụng cả ngàn lời,
Mà câu nghĩa không chính xác
Không bằng một điều quan trọng,
Nghe rồi ý được rõ ràng
Cho dù tụng cả ngàn lời,
Không hiểu nghĩa nào ích gì
Không bằng hiểu một nghĩa lý,
Nghe mà thực hành được độ

Cho dù tụng cả ngàn lời,
Mà không cung kính ích gì
Không bằng biết được một hàng,
Vui thích vâng theo tu tập
Cho dù tụng cả ngàn lời,
Mà tâm mình không trừ diệt
Không bằng biết chỉ một câu,
Gạt bỏ kiêu mạn phóng dật
Cho dù tụng cả ngàn lời,
Mà cầu danh lợi tham trước
Không bằng chỉ một lần nói,
Xa rời chấp trước ung dung
Cho dù tụng cả ngàn lời,
Mà không mong trừ tội lỗi
Không bằng chỉ một câu văn,
Dứt khoát lìa xa sanh tử
Cho dù tụng cả ngàn lời,
Mà sắc tình càng kiên cố
Không bằng chỉ một lần hiểu,
Tâm cảnh quên hết chẳng còn
Cho dù tụng cả ngàn lời,
Mà không cầu được xuất thế
Không bằng một khi thức tỉnh,
Đoạn tuyệt xa rời ba cõi
Cho dù tụng cả ngàn lời,
Mà không có đủ bi trí
Không bằng một khi tùy thuận,
Lợi mình lợi cho mọi người.

10. Nhắc nhủ về thực hành.

Con người sống đến trăm năm,
Lòng tham càng thêm quá mức
Không bằng sống chỉ một ngày,
Mà từ bỏ hết tài sắc
Con người sống đến trăm năm,
Ham vui không giữ giới luật
Không bằng sống chỉ một ngày,
Mà tâm thanh tịnh giữ giới
Con người sống đến trăm năm,

Nhiều nóng giận không nhẫn nhịn
Không bằng sống chỉ một ngày,
Mà có niềm tin không giận.
Con người sống đến trăm năm,
Lười nhác không hề chịu khó
Không bằng sống chỉ một ngày,
Miệt mài thúc đẩy thân tâm
Con người sống đến trăm năm,
Tình ý ham theo phóng dật
Không bằng sống chỉ một ngày,
Tâm tư quay về vắng lặng
Con người sống đến trăm năm,
Tâm thức tối tăm mờ mịt
Không bằng sống chỉ một ngày,
Hiểu rõ nguồn cội vô minh
Con người sống đến trăm năm,
Vụng về kiềm chế thân tâm
Không bằng sống chỉ một ngày,
Khéo léo vận dụng chu toàn
Con người sống đến trăm năm,
Luôn luôn mang lòng yếu hèn
Không bằng sống chỉ một ngày,
Mà thừa tuệ lực dũng mãnh
Con người sống đến trăm năm,
Không phát thệ nguyện tốt lành
Không bằng sống chỉ một ngày,
Thực hành bốn hạnh vĩ đại
Con người sống đến trăm năm,
Không sinh ra chút trí tuệ
Không bằng sống chỉ một ngày,
Với tánh trí tuệ thông minh.

11. Nhắc nhủ về khẩu nghiệp

Trong kinh Tạp A-hàm,
Chư Thiên nói kệ rằng:
Con người sinh ra giữa thế gian,
Búa rìu nằm sẳn trong miệng mình
Trở lại tự chặt đứt thân mình,
Ấy là do lời nói ác hiểm

Nên chê bai thì lại ca ngợi,
Nên ca ngợi mà lại chê bai
Tội lỗi đó trong miệng sanh ra,
Chết rồi sẽ rơi vào đường ác.

Tụng rằng:

Lập chí nhắc nhủ tâm ngu si,
Ngưỡng mộ lòng vui gặp hạn kỳ
Cùng nhau xây dựng hoằng thệ nguyện,
Xa thế tục vui chốn huyền vi
Vắng lặng tách rời người và vật,
Sáng ngời tránh khỏi mọi vấn vương
Yên tĩnh cầu mong lòng chân thật,
Lao xao khuyến khích tâm mềm mỏng
Cảnh giác thôi thúc tu ba nghiệp,
Kiên quyết dốc lòng bốn lưu
Phát tâm dựng xây hoằng thệ nguyện,
Vận dụng thuyền Từ cứu trầm luân.
Hẹn ngày trở về bờ Diệu Giác,
Cố gắng tu chung cõi Niết-bàn
Giữ tâm theo sát tám chánh đạo,
Lập chí tận cùng ba kỳ kiếp

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra bốn chuyện: 1- Sa môn Thích Chi Độn-thời Tấn; 2- Sa môn Thích Vong Danh thời chu; 3- Sa môn Thích Đạo An thời Chu; 4- Sa môn Thích Tăng Phạm thời Tề.

1. Thời nhà Tấn ở núi Ốc Châu vùng Diệm có Chi Độn tự là Đạo Lâm, vốn là người họ Quan vùng Trần Lưu, có nơi nói là người vùng Lâm Lự-Hà Đông tuổi thơi có thần thái thông minh xuất chúng. Tấn Vương Hi Chi trông thấy Chi Độn có tài năng văn chương tuyệt vời hiếm gặp, liền cởi áo mũ cân đai lưu luyến không muốn rời, nhiều lần mời đến ở tại chùa Linh Gia, ý giữ lại gần bên nhau. Nhưng lại tìm đến núi Diệm, ở một ngọn núi nhỏ tại Ốc Châu dựng chùa hành đạo, tăng chúng hơn trăm người thường theo học. Lúc ấy có người lười nhác, Chi Độn bèn viết bài minh đặt bên phải chỗ ngồi, để khuyên nhủ rằng:

Hãy chịu khó chăm chỉ, đến đạo không cần mẫn, sao trở thành nấn ná, chìm mất nét thần kỳ! Ba cõi mênh mông mịt mù, dừng lại lâu dài tăm tối, ngoại cảnh tiếp cận buồn phiền, nội tâm rong ruổi sâu xa.

Chết vì khát khao kính trọng, lui lại xa rời quên mệt, con người sống chỉ một đời, nhỏ nhoi như hạt sương rơi. Thân ta chẳng phải là ta, nói rằng do ai tạo ra, người thông hiểu nhớ ân đức, biết yên lành ắt nguy nan, tất cả trống rỗng rõ ràng, hồ thiền trong veo thấu đáy, giữ chặt cấm giới sáng ngời, nói rõ quy phạm sâu xa, tâm bình yên trong thần đạo, chí ngang bằng với vô vi, ba Tế sáng ngời lặng lẽ, sáu Tì sửa trị dung thông, năm Ấm trống rỗng có gì, bốn chi rõ ràng giả dối, không ngón tay ví ngón tay, đoạn tuyệt mà chẳng rời xa, Diệu Giác đã bày rõ ràng, lại khó biết được sâu xa, khéo léo tùy ý bình thường, cùng với mọi vật đổi thay, vượt qua từ đây về trước, đừng suy nghĩ đừng bàn luận!

2. Thời nhà Chu ở vùng Vị Tân có Sa môn Vong Danh, tự mình khuyên nhủ rằng:

Dùng sức mạnh xoay chuyển Trời đất kéo lại thời gian, trong vòng một ngày đã sớm tàn tạ, kiên cố như ngọn Thái sơn hùng vĩ, bỗng chốc làm sao trở thành tro bụi? Chắc chắn biết rằng tướng thế gian vô thường phù sanh hư ngụy, ví như sương buổi sáng dừng lại được bao lâu? Bậc đại trượng phu sống nên làm cho ma quân phải khuất phục-chết nên làm thức ăn nuôi hổ đói, nếu như không phải vậy thì sống uổng phí nào ích lợi gì? Không bằng tu thiền định đủ đề nuôi dưỡng chí nguyện, đọc tụng kinh điển đủ để tự làm cho vui vẻ, phú quý danh dự chỉ uổng công người mà thôi. Thế là cởi bỏ áo mũ-cạo bỏ râu tóc, mặc ca sa-chống tích trượng-nghe giảng giải bàn luận nghĩa lý nhiệm mầu, đất nước loạn lạc chưa yên không có nơi nào an thân được, tự chán ngán hình hài có lắm điều trói buộc, nghĩ đến cùng nguồn gốc khổ đau chẳng làm sao biết được bến bờ. Trong kinh Đại Thừa nói: "Như thuyết tu hành, mới gọi là Thánh, không chỉ là lời nói của miệng". Tiểu Thừa có kệ nói:

Luôn luôn thực hành nói là đúng,
Không thực hành nói dựa vào đâu?
Nếu nói mà không thể thực hành,
Thì không gọi là người có trí.

Vì lẽ đó Nhan Hồi hiếu học chịu khó sửa đổi sai lầm trước đây, Quý Lộ chưa tu sợ hãi nghe đến lời nói mai sau, công lao trí tuệ hỗn loạn làm nhọc tinh thần tổn thương tính mạng, vì đạo ngày càng giảm sút đâu cần biết nhiều, thề cần phải hình hài như cây khô-suy nghĩ như tro nguội, làm cho tai họa dây dưa này phải thuần phục để mong cầu rỗng rang vắng lặng, mới làm bài khuyên răn Tuyệt Học, cũng gọi là Tức Tâm Nghĩ Phu Chu Miếu, bài minh ấy rằng:

Trong Pháp giới có người là vật báu Như ý, miệng họ mãi im lặng

mà lòng họ khắc sâu rằng: Người nhiếp tâm của cổ xưa vậy. Khuyên nhủ thay! Khuyên nhủ thay! Không nghĩ nhiều-không biết nhiều, biết nhiều thì nhiều tai họa, không bằng dừng ý nghĩ, nghĩ nhiều thì tâm rối loạn, tâm rối loạn thì sanh phiền muộn, chí phân tán thì chướng ngại đạo. Chớ bảo rằng đâu tổn hại, khổ đau ấy thật dài lâu, đừng nói là đâu sợ hãi, tai họa ấy thật ầm ỉ. Nước chảy không ngừng bốn biển sẽ tràn đầy, bụi nhỏ không lau, năm núi sẽ tạo thành. Phòng giữ ngọn ở gốc, tuy nhỏ mà không xem thường, đóng bảy khiếu như thế, bít sáu Tình như vậy, đừng nhìn trộm đối với sắc, chớ lắng nghe đối với Thanh, nghe thấy Thanh là điếc, trông thấy sắc là đui. Một lời văn một nghệ thuật là con ve nhỏ giữa hư không, một kỹ năng một tài cán, là ngọn đèn lẻ dưới mặt Trời. Người anh hiền tài nghệ, đều là hạng ngu dại vụng về, vứt bỏ sự thuần phác, chìm đắm trong vẻ đẹp dâm ô, ngựa thức dễ chạy-khỉ tâm khò kìm, tinh thần đã hao tổn vất vả, thì hình hài ắt phải thương tổn, nẽo tà hoàn toàn mê hoặc thì đường tu vĩnh viễn nhầy nhụa. Người anh hiền tài năng, đều nói là hạng hồ đồ dốt nát, bày kém cỏi mà muốn khéo léo, đức hạnh không nhiều, danh xưng nặng mà công hạnh nhẹ, cao thì mau sụp, viết vẽ bừa bãi trên sách vở, tác dụng lại không bình thường, trong lòng thì tự khoe khoang, ngoài mặt làm cho căm ghét. Có lúc bàn luận nơi miệng, có lúc viết chép bằng tay, muốn người khác phải khen ngợi, cũng là cái hố xấu xa, mà phàm phu nói là tốt đẹp, bậc Thánh cho là điều dữ, thưởng thức vui vẻ chốc lát mà buồn lo đau thương muôn kiếp, sợ bóng hình sợ dấu tích mà càng đi càng dữ, ngồi lặng dưới bóng cây che mát thì dấu tích không còn mà bóng hình cũng mất, chán ngán sinh lo sợ lão cứ suy nghĩ là tạo ra, tâm tưởng nếu dệt đi thì sanh tử vĩnh viễn không còn, chẳng tử chẳng sanh không có tướng không có danh, một nẽo đường rỗng rang vắng lặng thì muôn vật bình đẳng như nhau, có gì hơn có gì kém, có gì nặng có gì nhẹ, có gì sang có gì hèn, có gì nhục có gì vinh? Trời quang mây tạnh mặt Trời tỏa sáng, tâm tàm quý thanh tịnh hiện bày, làm cho ngọn thái sơn ấy yên ổn-cõi Kim Thành kia vững chắc, kính tặng các bậc hiền triết đạo lý trung trinh lợi ích này!

3. Thời nhà Chu có Sa môn Thích Đạo An có chùa Đại Trung Hưng chốn kinh sư, người họ Diêu ở vùng thành cổ Bằng Dực, hiểu biết nghĩa lý huyền vi sớm dựa theo pháp môn, thần khí cao vời trong sáng tiết tháo chính trực xa xăm, mới làm chín chương Di Giới để khuyên bảo học trò. Lời văn ấy nói:

Chân thành xin lỗi các vị đệ tử! Người xuất gia vì đạo rất sâu nặng

rất khó khăn, không thể tự tùy tiện, không thể tự coi thường. Vốn nói là sâu nặng, ấy là gánh vác đạo đức mang nặng nhân nghĩa, phụng trì tịnh giới đến chết mới thôi. Vốn nói là khó khăn, ấy là đoạn tuyệt thế tục cắt bỏ thân ái, thay đổi tính tình không giống với mọi người, làm việc mà người ta không thể làm được, cắt bỏ điều mà người ta không thể cắt bỏ được, nhẫn chịu khổ nhục tổn hại thân mạng. Nói là khó khăn, ấy gọi là Đạo nhân; Đạo nhân ấy là người dẫn dắt vậy. Việc làm nhất định phải được thực hiện, lời nói nhất định phải thích hợp với cách thức, khoác y phục xuất gia luôn luôn làm đúng pháp tắc, không tham không tranh không gièm pha không che giấu, học vấn cao xa chí ở tại lặng im sâu kín, đây là danh xưng dự vào địa vị tam Tôn xuất Hiền nhập Thánh. Gột sạch tinh thần cho nên hàng vua chúa không mong đợi sự đền đáp của họ, cha mẹ không mong đợi sức lực của họ người khắp thiên hạ không ai không quay về nương tựa, xa vợ xa con giảm bớt sự nuôi sống cung phụng cơm áo, cong lưng làm tất cả mọi việc không từ gian khổ chông gai. Tiếc rằng vì chí hạnh thanh khiết thông với thần minh, sợ hãi không có được gì đáng khác lạ đáng quý trọng, cho nên tự mình không xác định được làm cho đạo pháp phải suy tàn! Người mới học chưa nhận thức được pháp tắc, bỏ tà theo chánh mong cầu chân thật, mà lấy sự ranh mãnh nhỏ nhoi làm trí, lấy sự ngưỡng mộ nhỏ nhoi làm đầy đủ, ăn no suốt ngày không hề dụng tâm tự mình lui sụt nhìn lại thật cũng đáng xót xa! Suy nghĩ người xuất gia bây giờ, hoặc có năm tháng, mà sự nghiệp trải qua chưa thông-văn từ không dứt khoát, uổng phí một đời không có gì đáng nói. Sự tình chưa thông-văn từ không dứt khoát, uổng phí một đời không có gì đáng nói. Sự tình như vậy không thể suy nghĩ sâu sắc, hạn định vô thường không sớm thì muộn, quả báo đau khổ của ba nẽo không mạnh không yếu. Nghĩa thầy trò sâu nặng cho nên đem ra trình bày rõ ràng, lưu truyền cho hữu tình đáng làm lời khuyên suốt cuộc đời của bản thân mình!

Thứ nhất: Người đã xuất gia vĩnh viễn xa cách cha mẹ sanh ra, cạo bỏ râu tóc hủy hoại hình dáng mặc pháp phục vào thân. Ngày từ biệt cha mẹ người thân thì mọi người đều ứa lệ đau thương, cắt ái trọng đạo lý hướng cao vút Trời xanh, nên theo chí nguyện này mà tu học hiểu thông kinh điển đạo pháp; tại vì sao vô tâm cố tình giữ lại sắc Thanh, nhởn nhơ suốt ngày kinh điển sự nghiệp không thành, đức hạnh ngày càng giảm sút mà việc làm xấu xa thì thừa ra, thầy bạn hổ thẹn-phàm tục khinh chê, xuất gia như vậy chỉ tự bôi nhọ tên họ của mình, cho nên nay dạy bảo khích lệ hãy tự mình nên chuyên cần tinh tiến!

Thứ hai: Người đã xuất gia chí nguyện xa rời thế tục từ biệt quân vương, nên tự khuyên răn động viên mình theo chí hướng như tận mây xanh, tài sắc không quan tâm đến khác nhau so với thế tục, vàng ngọc không quý chỉ có đạo là châu báu, kiềm thúc bản thân giữ gìn tiết tháo cam chịu khổ sở vui với nghèo hèn, đức hạnh tăng thêm tự độ mình lại có năng lực độ cho người khác, tại vì sao thay đổi tiết tháo chạy theo thói phong trần sai lạc, ngồi chưa nóng chỗ đã chạy đi từ nơi này đến nơi khác, vội vàng như tội đồ lao dịch bị quan binh truy bắt, kinh điển đạo lý không thông-giới đức không tròn vẹn, bạn bè giễu cợt đồng học lánh xa, xuất gia như vậy chỉ uổng phí tuổi Trời, nay cố tình chỉ bày khuyến khích tất cả nên tự thương lấy mình

Thứ ba: Người đã xuất gia thì vĩnh viễn lìa xa họ hàng quyến thuộc, không có người thân thiết-không có kẻ xa lạ, thanh tịnh không còn ham muốn, tốt lành thì không vui mừng hung dữ thì không buồn rầu, ung dung vượt ra ngoài rõ ràng lìa xa thế tục, chí nguyện giữ huyền diệu theo chân lý còn mãi sự chất phác, có thể tự độ mình mà cứu giúp nhiều người khắp nơi được nhờ phước thiện; tại vì sao vô tâm mà vẫn tiếp xúc với trước nhiễm, tranh giành tốt xấu tính toán chi ly một cách tệ hại, cùng với thế tục tranh danh đoạt lợi khác gì tôi tớ trong nhà, kinh điển đạo lý không hiểu rõ đức hạnh không đầy đủ, xuất gia như vậy chỉ tự hủy hoại làm nhục mình, nay vì thế mà chỉ bày nêu rõ hãy tự tắm gội gột rửa chính mình!

Thứ tư: Người đã xuất gia thì gọi là Đạo nhân, cha mẹ không người cung kính quân vương không có bề tôi, khắp nơi đều tôn trọng hầu hạ như thần linh, cúi rập đầu kính chào không kể gì giàu sang hay nghèo hèn, tôn trọng sự tu tập trong sáng tự lợi mình lợi cho người, giảm bớt một hạt gạo mang nặng ân tình để chu cấp tại vì sao khinh mạn lười nhác không thể nào báo ân, ỷ lại mà phóng túng thân ý một cách vô ích, không có giới hạnh mà ăn của bố thí thì chết rồi đi vào địa ngục, sắt nóng làm thức ăn- nước đồng chảy rót vào họng, sự đau khổ như vậy trong kinh Pháp Cú đã trình bày. Nay vì thế mà chỉ bày kiềm chế nên tự sữa chữa lại bản thân mình!

Thứ năm: Người đã xuất gia thì gọi là Tức Tâm, không đắm theo những tạp nhiễm xấu xa chỉ có đạo là kính trọng, chí hướng trong sáng như ngọc như băng tuyết, nên tu tập kinh Pháp-giới luật để giúp cho tinh thần, chúng sanh được giúp đỡ cứu độ cho người thân của mình; tại vì sao vô tâm chìm nổi thuận theo thế tục, buông thả bốn đại- Phóng túng năm căn, đạo đức thì cạn cợt mà chuyện thế tục càng sâu dày; xuất gia

như vậy cùng với thế gian nào khác gì đâu? Nay vì thế mà khuyên nhủ kiềm thúc mong tự làm thông suốt tinh thần cho mình!

Thứ sáu: Người đã xuất gia thì rời bỏ thân hình thế tục, nên cốt phải dốc hết tình ý phù hợp với Niết-bàn; tại vì sao ồn ào náo loạn không ở nơi vắng lặng, kinh điển đạo lý hao tổn mà chuyện thế tục có thừa, nơi trong sáng sạch sẽ không đi mà lại tiến vào nơi bùn lầy dơ bẩn, mạng sống mong manh chỉ trong chốc lát, đau khổ chốn địa ngục khó có thể viết hết được. Nay vì thế mà khuyên nhủ khích lệ nên kính trọng mô phạm chuẩn mực!

Thứ bảy: Người đã xuất gia thì không thể tự rộng lượng với mình, hình hài tuy thô lậu quê mùa mà việc làm thật đáng nhìn, y phục tuy không quý mà đứng ngồi phải đoan trang, ăn uống tuy đạm bạc mà lời nói ra đáng được làm cho no lòng, mùa hạ thì nén chịu nóng bức-mùa Đông thì nén chịu đựng giá lạnh, luôn luôn tự mình giữ gìn tiết tháo không uống trộm dòng nước, không tụ tập với người phẩm hạnh xấu xa, chân không duỗi thẳng về phía trước, ở mãi trong phòng riêng như đứng trước bậc chí tôn, học tuy không nhiều mà cò thể sánh với bậc Thượng Hiền, xuất gia như vậy đủ để đền đáp công ân của cha mẹ, họ hàng bà con bạn bè tri thức đều được nhờ ân. Nay vì thế mà khuyên nhủ mọi người nên tự sách tấn mình!

Thứ tám: Người đã xuất gia thì tánh có tối tăm và sáng suốt, học không bao nhiêu mà quan trọng là ớ trọng là sự chuyên cần thực hành, người căn bậc Thượng thì ngồi thiền-người căn bậc Trung thì tụng kinh-người căn bậc Hạ thì có thể luôn luôn bảo quản giữ gìn chùa tháp sạch sẽ trang nghiêm, há có thể suốt ngày không có được chút gì hay sao? Ứng xử giữa đời mà không nghe nhận thì có thể nói là sống đời uổng phí, nay vì thế mà chỉ bày cho mọi người nên tự đoan trang tính tình phẩm hạnh của mình!

Thứ chín: Người đã xuất gia thì vĩnh viễn cách xa cha mẹ đạo pháp thay đổi tính cách y phục thế tục rời thân hình, ngày từ biệt thân thích quyến thuộc thoắt buồn thoắt vui, gần xa đoạn tuyệt thế gian vượt ra ngoài chốn trần ai, nên tu tập kinh điển đạo lý kiềm chế bản thân thực hành chân thật; tại vì sao vô tâm mà lại nhiễm nhân tố thế gian, kinh điển đạo lý đã ít mà thực hành chẳng có chút nào, lời nói chẳng đáng coi trọng đức hạnh chẳng đáng quý báu, làm cho thầy bạn phải liên lụy- oán hận ngày càng sâu nặng. Xuất gia như vậy chỉ làm hại giáo pháp- bôi nhọ chính mình, hãy suy nghĩ hãy nhớ lấy mà tự sửa chữa bản thân tốt hơn!

4. Thời nhà Tề có Sa môn Thích Tăng Phạm ở chùa Đại Giác vùng Nghiệp Đông, người họ Lý vùng Bình Hương, giới đức thanh cao tuân theo cấm giới không hề thiếu sót, đã từng ở lại chùa khác ý muốn được nghe giới, vào đêm 15 thuyết giới, đại chúng bàn bạc cùng nhau dừng thuyết giới mà tiến hành quy tập giáo pháp, có vị Tăng lên tòa cao sắp giảng về nghĩa lý. Nói rằng: Luận thẳng về pháp tướng thì phải hiểu sâu sắc ngôn từ của bậc Thánh, lúc Bồ tát thường nghe vấn nạn là được rồi. Bỗng nhiên trông thấy một vị thần hình dáng cao hơn trượng tướng mạo rất nghiêm khắc oai hùng, cao vút kinh người đi đến trước tòa cao, hỏi người luận về nghĩa lý (Thụ nghĩa), nay là ngày gì? Đáp rằng: Là ngày Bồ tát. Vị thần liền đưa tay túm lấy, kéo xuống khỏi tòa cao mệt mỏi gần chết. Tiếp đó hỏi vị Thượng tọa, hỏi đáp như trước, túm lấy cũng gần chết. Làm cho hai ba vị Thượng tọa khiếp sợ rồi, vị thần còn vẫy cánh tay mà đi ra. Lúc ấy đạo tục cùng nhìn thấy không phải là ít. Tăng Phạm đã thấy điều kỳ lạ này, mới tự mình cố gắng chịu khó và khuyên răn đại chúng, cho đến suốt đời không dám thuyết dục (vắng mặt lúc Bồ tát), cho dù có bệnh nặng không thể nào tham dự được, thì thỉnh Tăng đến nơi người bệnh cung kính thuyết giới. Tăng ni cả khu vực tiếp sau lần trừng phạt cảnh cáo này, đến ngày Bồ tát cũng không ai thiếu sót.

Bốn chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 49

Thiên thứ 49: TRUNG HIẾU

Thiên này có 5 phần: Thuật ý, Dẫn chứng, Thái tử, Thiểm Tử, Nghiệp nhân.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Trộm nghe rằng: Hiếu thành trung kính, là người tài đức cao xa vời vợi; phản mạn tôn thân, là hạng ngang ngược cậy quyền làm ác; vì vậy cây chẳng phải mẹ ruột, cung dưỡng thì xanh tốt ngàn năm, phàm phu khác Thánh tăng, cung kính thì rạng rỡ muôn đời, lý nên hết lòng tôn trọng, được phước vô biên, sao có thể khởi tâm ngã mạn tự cao trái lại còn sinh ra khinh miệt? Vì lẽ đó, lập thân hành đạo, nêu cao tên tuổi cho đời sau, suốt đời hiếu thuận, thật là nét đẹp để dựng nước, cho nên nhớ Tử Lộ thấy ở Khổng Khâu nói: "Nhờ vào lúc hầu hạ cha mẹ, thường ăn rau lá thay cơm, vì cha mẹ cõng gạo, đi ra ngoài trăm dặm, sau khi cha mẹ mất, đi về phía Nam vào đất Sở, cho dù thấy trăm cỗ xe chứa vạn chung thóc, mà vẫn ngồi mãi trên nệm cỏ, bày nồi niêu ra mà ăn, giống như nguyện ăn rau lá thay cơm vì cha mẹ cõng gạo, không thể nào vừa lòng được"; cứ mỗi lần cảm đến điều này, tuy còn hay đã mất, công ân của cha mẹ, làm sao báo đáp được? Tình thương sâu đậm như sông biển, lòng hiếu giống như hạt bụi nhỏ, mãi mãi ngưỡng mộ khóc thảm thiết, nỗi đau đè nặng mãi trong lòng. Dân gian nói bú mớn nuôi lớn thân thể mình, ân nghĩa một đời hãy còn khó đền đáp, huống là lòng Đại Từ bi của Như lai sâu rộng bao la giống như đối với con đỏ, bạt trừ ba nẻo dữ-xa lìa bốn loại sanh, mãi mãi tránh tám khổ-luôn ngồi trên ba thừa, lắng lòng suy nghĩ ân sâu nghĩa nặng, lẽ nào giống như trong lòng phàm tục tan vỡ như ngọn lửa thiêu rụi hay sao? Tình ý thiết tha đối với lý đau đớn còn hơn dao cắt, bao kiếp chiêm ngưỡng tôn kính luôn luôn dâng cúng cao lương mỹ vị, cũng không thể nào báo đáp được ân đức trong mảy may. Vì vậy Kinh Niết-bàn nói: "Đức Phật

có một ý vị Đại Từ bi, nghĩ thương chúng sanh giống như con đỏ, chúng sanh không biết Đức Phật luôn luôn cứu giúp, mà lại hủy báng Như lai của Pháp-Tăng".

***Thứ hai*- PHẦN DẪN CHỨNG**

Như kinh Mạt La Vương nói: "Có người thưa hỏi Đức Thế tôn: Như thế nào là sức của cha mẹ? Đức Phật dạy: Đó gọi là thọ nhận thân thể từ cha mẹ, nhờ công ân bú mớm nuôi dưỡng lớn lên. Hoặc là từ đất tích lũy châu báu, phía trên đến hai mươi Tám cõi Trời, đều dùng để giúp con người, không bằng cung cấp phụng dưỡng đối với cha mẹ, đây gọi là sức của cha mẹ".

Lại trong Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các Tỳ kheo: Có hai pháp giúp cho người phàm phu đạt được công đức lớn - thành tựu quả báo to lớn, đó là: Một: Cung dưỡng cha mẹ; Hai: Cúng dường bậc Bồ-tát Nhất sanh Bổ xứ. Cung dưỡng hai hạng người này thì đạt được công đức lớn - thọ nhận quả báo to lớn. Nếu lại có người đặt cha trên vai trái, để mẹ trên vai phải, đến ngàn vạn năm, mặc áo, ăn cơm, giường ghế đồ nằm, bệnh tật thuốc thang, ngay cả ở trên vai mà đại tiện tiểu tiện, hãy còn không thể nào báo ân được. Nên biết rằng ân đức sâu nặng của cha mẹ, luôn luôn phải cung dưỡng mong muốn giữ gìn không trái với thời tiết, hết lòng hầu hạ chu đáo-hiếu thuận không ngỗ ngược!"

Lại trong kinh Địa Ngục nói: "Làm người mà phận đệ tử nói đến lỗi lầm của Sư Tăng, giả sử Sư có thật đi nữa thì mạng chung ắt phải vào địa ngục cắt đứt cuống lưỡi của họ. Nếu có được đồ ăn ngon lành, hoa quả tươi tốt..., không cung dưỡng đối với cha mẹ-Sư Tăng mà tự mình ăn uống sử dụng trước, thì chết đọa vào trong ngạ quỷ, đời sau sanh ra làm người nghèo túng. Nếu người ôm lòng ác hiểm đối với thầy dạy thì chết rơi vào địa ngục Thiết Dặc (cọc sắt), đời sau sanh trong loài rắn độc. Nếu ác tâm học theo lời nói làm buồn lòng cha mẹ, thầy dạy thì khi chết rơi vào địa ngục Dung Đồng (đồng nấu chảy), đời sau sanh làm người nói cà lăm".

Lại trong Tát Bà Đa Luận nói: "Thà rằng phá hoại chùa tháp làm hư hình tượng chứ không nói đến tội lỗi thô lậu của người khác. Nếu như nói thì làm hại đến Pháp thân. Không hỏi Tỳ kheo trước đây có tội hay vô tội, tất cả đều không được nói".

Lại trong kinh Kính Sư nói: "Một ngày ba lần nên đi đến nơi cư trú thăm viếng Sư. Nếu lúc đến thăm viếng Sư mà không gặp, thì nên

lấy hòn đất hoặc cỏ cây để làm dấu hiệu nhận biết. Điều kiện khí hậu nếu nóng bức thì một ngày phân ra ba lần dùng quạt quạt mát cho Sư. Nếu có Tỳ kheo ở nơi Sư ấy hoặc bên cạnh Hòa thượng, không sanh tâm cung kính mà nói đến chuyện đúng-sai, thì ở đời tương lai có riêng một địa ngục nhỏ, gọi là Cự Phốc, sẽ trải qua trong này. Rơi vào nơi ấy rồi thì một thân có bốn đầu, thân thể đều bị cháy đen. Ở nơi ngục ấy lại có các loài sâu bọ, gọi là Thiết Chủy (miệng sắt), thường ăn cuống lưỡi. Nếu từ người khác nghe được một bài kệ bốn câu, ở trong mọi đời kiếp chọn lấy các bậc Hòa thượng A-xà-lê ấy, mang vác trên vai, hoặc có lúc cõng sau lưng, đội trên đầu, cũng không thể đền đáp được”.

Lại trong Tỳ Đàm Luận nói: “Nếu người bệnh và Sư thuyết pháp gần Phật cùng các vị Bồ-tát, mà người bố thí được quả báo to lớn”.

Lại trong kinh Lục Độ Tập nói: “Xưa có Bồ-tát thân mình làm chim Hạc, sanh được 3 chim con, lúc ấy đất nước gặp hạn hán không có thức ăn để nuôi con, tự rỉa thịt dưới nách mình để cứu sống mạng của các con. Ba chim con nghi ngờ rằng: Mùi vị thịt này tương tự cùng với mùi trên thân mẹ không khác, có thể hay không phải mẹ mình lấy thịt thân mẹ để nuôi chúng ta chăng? Ba chim con đau thương sầu thảm phát sinh tình cảm vô cùng xót lòng, lại nói: Thà rằng mạng mình chết đi chứ không làm tổn hại thân thể của mẹ! Thế là ngậm miệng không ăn, mẹ trông thấy không ăn mà lại yên lặng làm sao? Thiên Thần ca ngợi rằng: Mẹ hiền ân đức khó nói được, con hiếu thật hiếm có! Chư Thiên giúp đỡ, ý nguyện lập tức thuận theo tâm. Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Chim Hạc mẹ lúc ấy chính là thân Ta bây giờ. Ba chim con ngày ấy chính là Xá-lợi-phất - Mục-kiền-liên - A-nan bây giờ. Bồ-tát Từ Tuệ độ vô cực thực hành bố thí như vậy”.

Lại trong Không Tứ Thập Nhị Chương nói: “Đức Phật dạy: Nuôi cơm một trăm người phàm tục, không bằng nuôi cơm một người tốt; nuôi cơm một ngàn người tốt, không bằng nuôi cơm một người giữ năm giới; nuôi cơm một vạn người giữ năm giới, không bằng nuôi cơm một vị Tu-đà-hoàn; nuôi cơm trăm vạn người Tu-đà-hoàn, không bằng nuôi cơm một vị Tư-đà-hàm; nuôi cơm ngàn vạn người Tư-đà-hàm, không bằng nuôi cơm một vị A-na-hàm; nuôi cơm một ức người A-na-hàm, không bằng nuôi cơm một vị A-la-hán; nuôi cơm mười ức người A-la-hán, không bằng nuôi cơm một vị Bích-chi-Phật; nuôi cơm một trăm ức người Bích-chi-Phật, không bằng lấy giáo pháp của Tam Tôn độ cho cha mẹ một đời của mình; giáo hóa cha mẹ của ngàn ức người, không bằng cúng dường một vị Phật phát tâm nguyện cầu quả Phật, bởi vì phát

tâm nguyện cầu của quả Phật là mong muốn cứu giúp chúng sanh vậy. Nuôi cơm người thiện đạt được phước đức sâu dày to lớn nhất; người phàm trần thờ kính Trời đất quỷ thần không bằng hiếu thuận với cha mẹ của mình, cha mẹ là vị thần bậc nhất vậy".

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: " Quá khứ lâu xa xưa kia, trong núi Tuyết có một con chim Anh vũ, cha mẹ đều bị mù, Anh vũ thường đi lấy quả ngon dâng lên cha mẹ trước hết. Đang lúc bấy giờ có một người chủ ruộng, lúc mới gieo hạt phát ra lời nguyện rằng: Hạt đã gieo là muốn cho chúng sanh cùng ăn mà sống với nhau! Lúc ấy chim Anh vũ vì người chủ ruộng ấy trước đó đã có tâm bố thí, thường đến lấy thóc lúa nơi ruộng ấy để cung dưỡng cha mẹ. Người chủ ruộng đi thăm lúc mè trông thấy có sâu bọ chim chóc cắn đứt nơi bông lúa, buồn phiền tức giận nên giăng lưới bắt được chim Anh vũ. Lúc bấy giờ chim Anh vũ nói với người chủ ruộng rằng: Người chủ ruộng ơi! Trước đây người có lòng tốt bố thí, cho nên mới dám đến lấy, vì sao hôm nay lại bị lưới giăng lấy? Người chủ ruộng hỏi rằng: Lấy lúa mè cho ai? Chim Anh vũ đáp rằng: Tôi có cha mẹ mù lòa nguyện lấy để cung phụng cha mẹ. Người chủ ruộng nói rằng: Từ nay về sau thường đến đây lấy lúa mè đừng sanh lòng nghi ngờ khó xử! Súc sanh hãy còn hiếu dưỡng đối với cha mẹ như vậy, huống là con người ư? Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Chim Anh vũ ngày xưa chính là thân Ta bây giờ. Người chủ ruộng lúc ấy chính là Xá-lợi-phất hôm nay. Cha mẹ mù lòa xưa kia, nay là Tịnh Phạm Vương và Ma-gia Phu nhân, là cha mẹ của Ta. Nhờ ngày xưa hiếu dưỡng cho nên nay được thành Phật".

Thứ ba- PHẦN THÁI TỬ

Như kinh Báo Ân nói: "Đức Phật bảo với A-nan: Vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp xa xưa thời quá khứ có Đức Phật xuất thế, danh hiệu là Ty-bà-thi. Sau khi Ngài nhập Niết-bàn, ở trong thời Tượng Pháp tại nước Ba-la-nại có vị vua tên gọi La Xà, vị vua ấy thống lĩnh sáu mươi nước chư hầu, nhà vua có Thái tử làm vua nước chư hầu, có một vị Đại Thần tên là La-hầu-la, tâm sinh ác nghịch giết hại Đại vương và hai Thái tử. Vương tử nhỏ nhất của nhà vua làm vua nước bên cạnh, tánh tình nhân hậu lương thiện vô cùng nên được Thiên Thần kính mến tôn trọng hết sức, sanh ra một Thái tử tên gọi Tu Xà Đề, năm mới bảy tuổi, thông minh từ hiếu nên nhà vua rất yêu thương. Lúc ấy Thiên Thần nói với nhà vua: Đại thần La-hầu tìm cách cướp đoạt ngôi vị và đất nước, bắt giết vua cha và giết luôn hai người anh, không bao lâu ngựa xe sẽ

đến giết hại nhà vua, nay nên tránh đi nơi khác! Nhà vua nghe lời này mà tâm không sợ sởn tóc gáy, ngữa mặt mà hỏi rằng: Khanh là người nào vậy, chỉ nghe tiếng của khanh mà không thấy hình dáng của khanh, lời đã nói có thật không? Tức thì trả lời nhà vua rằng: Tôi là thần canh giữ cung điện của Đại vương, bởi vì Đại vương có phước dùng chánh pháp trị nước không gây oan ức với nhân dân cho nên trước tiên nói cho Đại vương biết, Đại vương nên nhanh chóng thoát ra tai họa suy sụp không bao lâu, đích thực điều ấy đang đến gần! Nhà vua nghe vậy rồi lập tức đi vào trong cung, liền tự mình suy nghĩ, muốn tìm đến đất nước khác. Lúc ấy nhằm về nước láng giềng có hai đường đi, một đường tính ra đi trong bảy ngày là đến, một đường tính ra đi khoảng mười bốn ngày thì đến. Nhà vua liền chuẩn bị lương thực cho bảy ngày rồi ôm con mà đi, phu nhân đi theo đằng sau. Lúc đi vội vàng tâm ý hoang mang mê hoặc nên đi lạc vào con đường dài mười bốn ngày, con đường ấy lắm hiểm nạn mà lại không có đồng cỏ và nguồn nước. Lúc mới lên đường chỉ mang lương thực đủ cho một người, nhưng đến bây giờ thì ba người cùng ăn, chỉ trong vài ngày lương thực đã hết mà con đường phía trước hãy còn xa. Nhà vua và phu nhân cất tiếng khóc òa, quái lạ thay và khổ sở thay, Ta từ lúc sanh ra đến nay chưa từng nghe thấy có nỗi khổ não như vậy, tại sao hôm nay thân Ta tự gánh chịu điều này, ách nạn khốn cùng cùng lúc xảy ra, toàn thân rạp sát đất tự mình hối hận rằng: Đời trước chúng ta gây ra ác hạnh gì mà nay nhận chịu tai họa này? Suy nghĩ rồi òa khóc ngất lịm ngã nhào xuống đất. Lại tự mình suy nghĩ nhớ lại, không thể ba người cùng bỏ mạng chết nơi đây, nên giết phu nhân lấy thịt nuôi thân và duy trì tính mạng của con thơ. Nghĩ rồi rút dao muốn giết phu nhân, con thơ trông thấy vua cha muốn giết mẹ mình bèn đi đến trước nắm tay vua cha hỏi nguyên cớ do đâu. Nhà vua liền quặn lòng rướm lệ, nước mắt đau thương ứ đầy đôi mắt, thầm thì nói nhỏ với con: Muốn giết mẹ con để lấy máu thịt mẹ giữ lại mạng sống cho chúng ta, nếu không giết thì mẹ cũng sẽ tự mình chết đi, thân cha cũng như vậy, sống chết bây giờ chẳng có ý nghĩa gì cả, vì mạng sống của con cho nên phải giết mẹ của con. Người con thưa với cha rằng: Nếu vua cha giết mẹ thì con cũng không ăn đâu, có nơi nào mà con ăn thịt của mẹ; đã không ăn thịt con thì sẽ cùng chết với nhau, nay vua cha thích hợp là nên giết con lấy thịt cứu giúp tính mạng cha mẹ! Nhà vua nghe con nói, thì lại xót xa buồn phiền ngã nhào xuống đất, mà nói với con thơ rằng: Con giống như đôi mắt của Ta, nơi nào có người tự móc mắt mình mà ăn đâu con, Ta thà mất mạng chứ dứt khoát không giết con để

ăn thịt con đâu. Người con lại nói với vua cha rằng: Nếu như cắt đứt mạng sống của con thì thịt sẽ hôi thối nát rữa, không được mấy ngày đâu, chỉ mong cha mẹ, nên có thể ngày ngày ở trên thân con cắt lấy ba cân thịt chia làm ba phần, hai phần cung phụng cha mẹ- một phần tự con ăn để duy trì thân mạng! Vua cha thuận theo lời con thơ nói rằng: Cắt lấy ba cân thịt để duy trì mạng sống mà tiếp tục lên đường cũng được! Chưa đến hai ngày thì thịt trên thân con đã hết, xương gân dính liền với nhau mà mạng còn lại chưa mất, thì liền ngã nhào xuống đất. Cha mẹ thấy con vậy rồi liền đến trước con ôm lấy cùng cất tiếng khóc nức nở, mà nói như vậy: Chúng tôi không nỡ lòng nào ăn thịt con một cách ngang ngược, khiến cho con phải đau khổ thế này, đường phía trước hãy còn xa chưa đến chỗ ấy, thì thịt thân con đã hết, nay tính mạng của ba người cùng chết chung một chỗ. Người con khuyên ngăn vua cha rằng: Đã ăn thịt con đi thêm quãng đường đến nay, tính ra chặng đường phía trước chỉ còn lại một ngày, thân con nay bỏ mạng tại đây, cầu mong cha mẹ đừng giống như người phàm tục liền mạng chung một nơi, có thể ở giữa các phần tay chân trên con mà cắt lấy thịt còn lại, dùng để giúp cho cha mẹ đến được nơi ấy. Cha mẹ thuận theo lời con, cắt được một ít thịt chia làm ba phần, một phần cho con, hai phần cha mẹ tự ăn, ăn xong Từ biệt mà đi. Người con đứng dậy nhìn về phía cha mẹ đi. Lúc bấy giờ cha mẹ cùng cất tiếng khóc òa theo con đường mà đi, cha mẹ đi xa trông thấy Thái tử, lưu luyến nhìn cha mẹ mắt không lúc nào tạm rời xa, rất lâu mới ngã xuống đất, thân thể dính máu bê bết ruồi nhặng bu lại ăn thịt, đau khổ tột cùng không thể nào nói được, mạng còn lại chưa chấm dứt nên cất tiếng lập thệ nguyện: Nguyện cầu tai họa ác hiểm của đời trước từ nay trừ hết, từ nay về sau càng không dám gây ra, nay thân thịt của tôi cung dưỡng cho cha mẹ nguyện cầu cha mẹ tôi thường được phước thiện còn lại, ngủ yên thức yên, không thấy ác mộng, Trời bảo vệ-người yêu mến, quan lại trộm cướp có âm mưu gì đều bị tiêu diệt, gặp những điều tốt lành, máu thịt còn lại trên thân bố thí các loài côn trùng này đều khiến cho no đủ, làm cho đời sau tôi được thành tựu Phật đạo dùng pháp thực bố thí trừ diệt bệnh nặng sanh tử và nạn đói khát cho mọi người! Lúc phát lời nguyện này, Trời đất chấn động dữ dội-mặt Trời không có ánh sáng, Đế Thích thấy rồi lập tức hóa làm sư tư hổ lang, gầm gừ dọa nạt Thái tử muốn đến vồ thịt để ăn. Thái tử nói rằng: Các ngươi muốn ăn Ta thì tùy ý lấy ăn, tại sao phải hiện hình đe dọa làm gì? Đế Thích liền nói rằng: Tôi không phải là loài sư tử hổ lang, mà chính là Thiên Đế Thích, cố tình đến thử ông xem. Thái tử nghe rồi vô

cùng hoan hỷ. Đế Thích hỏi Thái tử: Ông ở đời này có thể xả bỏ cái khó xả bỏ, có thể lấy thịt thân mình để cung dưỡng cha mẹ, công đức như vậy nguyện làm những việc gì, làm vua cõi Trời-vua cõi người-vua cõi Phạm-vua loài ma chăng? Thái tử đáp rằng: Ta không nguyện như vậy mà chỉ mong cầu Phật đạo độ thoát tất cả chúng sanh. Thiên Đế Thích nói: Phật đạo dài lâu, nhận chịu vất vả cực nhọc trải qua thời gian dài, sau đó mới thành tựu, tại sao ông có thể chịu được khổ đau như vậy? Thái tử đáp rằng: Giả sử vòng sắt nóng ở trên đầu Ta, cuối cùng không vì đau khổ mà rút khỏi Phật đạo. Thiên Đế Thích nói: Ông chỉ nói suông, ai có thể tin ông? Thái tử ngay lúc đó lập thệ nguyện rằng: Nếu như Ta lừa dối Thiên Đế Thích, thì làm cho thân Ta lở loét từ đầu đến cuối không lành lặn được; nếu không như vậy, thì làm cho thân Ta bình phục-máu biến thành sữa! Thái tử thề xong, ngay lập tức thân thể bình phục như cũ, máu trắng làm thành sưã, hình dung thân thể đoan chánh gấp bội bình thường. Đế Thích liền ca ngợi rằng: Nếu như đạt được Phật đạo thì nguyện xin trước hãy độ cho tôi! Lúc bấy giờ cha mẹ đến nước láng giềng rồi, đến nơi nhà vua nước ấy trình bày đầy đủ sự việc trên, con tôi hiếu dưỡng lấy thịt mình cung dưỡng cha mẹ, sự việc ấy như vậy. Vua nước láng giềng nghe xong cảm động trước lòng từ hiếu ấy, liền cùng với quân lính bảo vệ đưa về đất nước, tiến đánh La-hầu. Vua cha dẫn quân lính thuận đường trở về đi qua chỗ Từ biệt với con, liền tự nghĩ rằng: Con Ta chết rồi! Nên thâu nhặt xương cốt mang trở về đất nước mình, cất tiếng khóc đau thương đi theo con đường mà tìm kiếm. Từ xa nhìn thấy thân thể Thái tử bình phục đoan chánh gấp bội bình thường, liền đi đến trước mặt ôm lấy Thái tử trong nỗi buồn vui lẫn lộn, nói với Thái tử rằng: Con đang sống chăng? Lúc bấy giờ Thái tử đem tất cả sự việc trên đây nói cho cha mẹ biết, cha mẹ hoan hỷ cùng ngồi trên voi lớn quay trở về đất nước mình. Thái tử vốn có sức mạnh của phước đức từ hiếu cho nên đánh dẹp làm yên đất nước mình, vua cha liền lập Thái tử làm vua.

Đức Phật bảo với A-nan: Cha Ta lúc ấy, nay chính là Duyệt Đầu Đàn, cha Ta hiện nay. Mẹ Ta lúc bấy giờ, nay là Ma-gia phu nhân, mẹ Ta bây giờ. Thái tử lúc ấy nay chính là thân Ta. Đế Thích lúc ấy nay chính là A Nhã Kiều Trần Như”.

Thứ tư- **PHẦN THIỂM TỬ**

Như Kinh Thiểm Tử nói: “Vào đời quá khứ, trong nước Ca di có một Trưởng giả, không có con cái, vợ chồng mắt nhìn không rõ, tâm

nguyện đi vào núi cầu đạo Vô Thượng, tu hành thanh tịnh chí nguyện tin tưởng vui với cảnh vắng lặng nhàn nhã. Lúc ấy có Bồ-tát tên gọi Nhất Thiết Diệu Kiến, trong tâm dấy lên nghĩ rằng: Người này phát tâm vi diệu, mắt không trông thấy gì, nếu đi vào núi thì chắc chắn gặp phải oan ức tai hại. Bồ-tát thọ mạng kết thúc nguyện sanh vào nhà của Trưởng giả, tên gọi là Thiểm, hiếu thảo nhân từ vâng theo thực hành mười thiện nghiệp, ngày đêm tinh tiến hầu hạ phụng dưỡng cha mẹ, giống như người tôn thờ Trời. Năm được mười tuổi, Thiểm Tử quỳ thẳng thưa với cha mẹ rằng: Bổn nguyện xưa kia phát ra là ý muốn đi vào núi sâu cầu chí hướng Không Tịch Vô Thượng Chánh Chân, lẽ nào vì con mà đoạn tuyệt ý nguyện ban đầu? Cha mẹ được lời liền đi vào núi, Thiểm Tử lấy tiền bạc của cải trong nhà đem tất cả giúp cho người nghèo khổ, thuận tiện đi vào trong núi lấy cỏ dại làm nhà, làm các loại giường chiếu để sử dụng, không lạnh không nóng, luôn luôn được thích hợp với cảnh ấy. Vào trong núi được một năm hoa trái dồi dào tươi đẹp ăn vào đều thấy ngọt ngào, suối nước tuôn chảy trong veo mà lại mát lạnh, hồ hoa năm màu có chim thú cùng với âm nhạc, tâm yêu thương luôn luôn bên nhau chứ không có ý làm hại. Thiểm Tử vô cùng hiếu thảo nhân từ đến nỗi bước trên đất mà sợ đất đau, Thiên thần-Sơn thần thường hiện làm thân người ngày đêm đến thăm hỏi. Thiểm Tử mặc áo da hươu xách bình đi lấy nước, hươu nai chim chóc lại cũng đến uống, không sợ làm khó gì nhau. Lúc ấy có vua nước Ca di, đi vào núi săn bắn, nhà vua thấy bầy hươu bên dòng nước giương cung bắn tên, mũi tên đi lạc trúng vào ngực Thiểm Tử, Thiểm Tử bị trúng tên độc cất tiếng gọi to rằng: Ai mang một mũi tên bắn chết ba Đạo nhân? Nhà vua nghe tiếng người lập tức xuống ngựa đi đến trước mặt Thiểm Tử, Thiểm Tử nói với nhà vua rằng: Voi bởi vì có ngà mà chết, tê giác bởi vì có sừng mà chết, chim phỉ thúy vì cái đuôi mà chết, hươu nai vì bộ da mà bị hại, nay tôi vô cớ đích thực bởi vì những cái gì mà chết vậy? Nhà vua hỏi Thiểm Tử rằng: Khanh là người như thế nào? Mặc áo sa hươu cùng với cầm thú không khác! Thiểm Tử nói: Tôi là người trong nước của nhà vua, cùng với cha mẹ mù đến nơi này học đạo hơn hai mươi năm, chưa từng bị hổ lang sâu độc làm cho tổn hại oan ức, nay tôi bị nhà vua bắn chết. Lúc đặt chân leo lên thì trong núi bỗng nhiên gió mạnh nổi lên thổi gãy cây cối, chim chóc kêu thảm thương, các loài thú như sư tử cọp beo..., đều gào thét vang dội, mặt Trời không còn ánh sáng-dòng suối tự nhiên cạn khô, hoa lá chết héo-sấm chớp chấn động Trời đất. Lúc ấy cha mẹ mù lòa kinh hãi đứng dậy nói với nhau rằng: Thiểm Tử đi lấy nước đã lâu không trở

về, mong không bị sâu độc làm hại, cầm thú kêu gào không giống như lúc bình thường, gió nổi lên quật gãy cây cối chắc chắn xảy ra tai họa khác thường. Lúc ấy nhà vua lo sợ vô cùng mà tự hối hận tránh mắng mình: Ta gây ra lỗi lầm vô cớ, vốn muốn bắn coi hươu mà mũi tên lạc hướng bắn trúng giết chết Đạo nhân, tội lỗi ấy thật nặng nề, bởi vì tham chút thịt mà nhận chịu tai họa to lớn, nay Ta dùng đồ vật qúy báu của cả nước, cung điện kỹ nữ thành quách đất đai, tất cả để cứu mạng người. Lúc ấy nhà vua liền dùng tay rút mũi tên ra khỏi ngực Thiểm Tử, mũi tên cắm sâu không rút ra được, chim bay thú chạy từ khắp nơi quy tụ lại kêu gào vang động núi rừng. Nhà vua càng lo sợ, ba trăm sáu mươi đốt xương trong thân thể, từng đốt từng đốt đều chấn động. Thiểm Tử nói rằng: Không phải lỗi do nhà vua, tự tội lỗi vốn có của tôi đã gây nên, tôi không tiếc thân mạng, chỉ thương cha mẹ mù lòa, tuổi đã già yếu mà hai mắt lại mù, một khi không có tội thì cũng sẽ qua đời, bởi vì không có người chăm sóc cho nên buồn phiền vậy thôi chứ không phải vì tên độc làm đau đớn. Nhà vua tiếp tục nói rằng: Tôi thà đi vào ngục Nê Lê nhận chịu tội lỗi trăm kiếp, để cho Thiểm Tử được sống, nếu Thiểm Tử mạng chung thì tôi sẽ không trở về nước, mà sẽ ở lại trong núi cung dưỡng cha mẹ khanh, như lúc khanh còn sống, đừng lấy làm suy nghĩ, chư Thiên, Long thần đều đang chứng minh biết cho, không làm trái lời thề này! Thiểm Tử nghe nhà vua thề nguyện, trong tâm hoan hỷ vô cùng, tuy chết mà không hối hận, bởi vì cha mẹ mình sẽ được nhờ Đại vương chăm sóc, cung dưỡng thì đời hiện tại diệt trừ mọi tội lỗi-có được vô lượng phước thiện. Nhà vua nói: Khanh nói cho biết nơi ở của cha mẹ mình, và khi khanh chưa chết hãy cho tôi biết chỗ của họ! Thiểm Tử liền chỉ bày rõ ràng, từ đây đi qua con đường nhỏ, cách đây không xa tự nhiên sẽ thấy một ngôi nhà cỏ, cha mẹ tôi ở trong đó, Nhà vua chầm chậm mà đi, đừng làm cha mẹ tôi sợ hãi, dùng phương tiện thích ứng khéo léo hiểu rõ ý đó thay tôi gởi lời xin lỗi, vô thường đến trước mắt, sẽ gặp lại ở đời sau, tôi không tiếc thân mạng mà chỉ nghĩ đến cha mẹ, tuổi già hai mắt lại mù, một khi không có tôi thì không biết nương dựa vào đâu, vì vậy mà xót xa buồn phiền, bởi vì tự chất độc tàn khốc làm cho cái chết tự nhiên bình thường, phần tội lỗi vốn có đã gây ra không làm sao thoát được, nay tự mình sám hối, nguyện cầu tội diệt phước sanh, đời đời gặp nhau chứ không xa rời nhau, nguyện cho cha mẹ giữ gìn tuổi thọ đến cuối cùng, đừng có hoạn nạn khốn khó xảy ra, Trời rồng quỷ thần thường đi theo bảo vệ giúp đỡ làm cho tai họa sẽ được tiêu diệt! Nhà vua tiếp thu lời này liền dẫn theo mấy người, đi đến nơi

cha mẹ. Nhà vua đi rồi sau đó Thiểm Tử liền tắt hơi, chim thú kêu gào vây quanh trước thi hài Thiểm Tử và dùng miệng liếm máu trên ngực. Cha mẹ mù nghe tiếng mà càng sợ hãi, nhà vua đi đã nhanh lại va chạm cỏ cây sột soạt, cảm thấy có tiếng người, cha mẹ không hãi nói: Đây là người nào chứ không phải là con mình đi? Nhà vua nói: Tôi là vua nước Ca di, nghe Đạo nhân ở trong núi học đạo cho nên đến cúng dường. Cha mẹ nói: Đại vương khéo đến thế, vất vả thay uy đức tôn kính từ xa đến chốn dân dã này, thân thể nhà vua yên lành không, phu nhân, Thái tử trong cung điện và quan lại dân chúng trong nước đều được bình yên tốt lành không, mưa gió điều hòa thuận lợi thóc lúa đậu mè dồi dào đầy đủ, nước láng giềng có xâm phạm làm hại nhau không? Nhà vua trả lời Đạo nhân rằng: Nhờ ân của Đạo nhân nên tất cả đều tự nhiên bình an. Nhà Vua hỏi thăm cha mẹ mù rằng: Đến ở trong núi lòng dạ chịu đựng gian khổ thường xuyên, chim bay thú chạy giữa các cây không có gì xâm hại chăng, trong núi nóng lạnh thường xuyên có yên ổn không? Cha mẹ mù nói: Nhờ ân đức sâu dày của nhà vua nên thường xuyên thường xuyên tự nhiên an ổn, chúng tôi có người con hiếu thảo tên gọi Thiểm Tử, thường lấy hoa trái nước suối cho chúng tôi luôn luôn tự nhiên đầy đủ, gió mưa trong núi điều hòa thuận lợi không có gì thiếu hụt, chúng tôi có chiếu cỏ được ngồi, có hoa trái được ăn, Thiểm Tử đi lấy nước từ sáng sớm có lẽ sắp trở về. Nhà vua nghe mà lòng đau đớn trào nước mắt, lại nói: Tội ác của tôi không sao nói được, lúc đi vào núi săn bắn, thấy bầy hươu bên dòng suối giương cung bắn tên, mũi tên lạc hướng đâm trúng Thiểm Tử cho nên đến nói cho nhau biết. Cha mẹ nghe tin toàn thân tự nhiên bủn rủn, như núi lớn đổ sụp, mặt đất rung chuyển chao đảo. Nhà vua liền tự mình đến trước mặt nâng đứng dậy, cha mẹ gào khóc ngữa mặt lên Trời tự nói rằng: Con tôi hiếu thảo nhân từ bước trên đất còn sợ đất đau, có tội lỗi như thế nào mà bắn chết con tôi, gần đây gió nổi làm gãy cây cối, chim chóc đồng loạt kêu gào đau thương, ngờ rằng con tôi chết! Người mẹ kêu khóc thở than, người cha nói: Tạm thời dừng lại, con người sinh ra chắc chắn chết đi không thể nào chối bỏ được, nay hãy hỏi nhà vua bắn trúng Thiểm Tử nơi nào, nay chết hay sống? Nhà vua nói lại rõ ràng lời Thiểm Tử đã nói, cha mẹ cảm thấy tuyệt vọng, mình đơn độc lại không có con cũng nên cùng nhau chết đi!"

Y theo kinh Tạp Bảo Tạng nói: "Nhà vua rơi lệ đau thương mà nói kệ rằng:

Tôi là vua thống lĩnh nước này,

Dạo chơi săn bắn ở núi này,
Chỉ muốn giương cung bắn cầm thú,
Không may tên lạc trúng hại người,
Nay tôi bỏ địa vị Quốc vương,
Đến hầu hạ cha mẹ mù lòa,
Không khác gì con trai cha mẹ,
Cẩn thận không gây ra buồn khổ.

Cha mẹ mù lòa dùng kệ trả lời nhà vua rằng:

Con chúng tôi nhân từ hiếu thuận,
Trên Trời-giữa trong người không có,
Tuy nhà vua trông thấy thương xót,
Sao có thể bằng con chúng tôi?
Nhà vua đang thấy nên thương xót,
Mong dẫn chỉ rõ chỗ con tôi,
Được ở hai bên người con hiếu,
Cùng chung cái chết mới thỏa lòng.

Ngay sau đó nhà vua dẫn cha mẹ đến gần chỗ người con, đấm ngực buồn phiền gào khóc mà nói: Con chúng tôi nhân từ hiếu thuận không ai sánh bằng. Thiên Thần - Sơn thần - Thọ thần và các thần sông - hồ, đều hướng về nói kệ rằng:

Đế Thích - Phạm Thiên chủ thế gian,
Vì sao không phù hộ giúp đỡ,
Người con hiếu thuận của chúng tôi,
Khiến cho gặp khổ đau như vậy,
Con hiếu chúng tôi thật cảm động,
Mà nhanh chóng cứu giúp tính mạng?"

Lại trong kinh Thiểm Tử nói: "Mong nhà vua dắt chúng tôi đi đến trước thi hài! Nhà vua liền dắt cha mẹ mù đến trước thi hài, người cha ôm lấy chân con, người mẹ ôm lấy đầu con, ngữa mặt lên Trời gào to. Người mẹ liền dùng lưỡi liếm vết thương trên ngực Thiểm Tử, mong chất độc đi vào miệng mình, mẹ tuổi đã già mắt không trông thấy gì, đem thân thay cho con, Thiểm Tử sống để mẹ chết, mẹ chết không tiếc gì. Nếu như Thiểm Tử rất hiếu thuận thì Trời đất đã biết, mũi tên nên rút ra - thuốc độc sẽ trừ hết, Thiểm Tử nên sống lại. Thế là tòa ngồi của Đao Lợi Thiên Vương ở cõi Trời thứ hai lập tức bị rung động, dùng Thiên nhãn trông thấy hai Đạo nhân ôm con gào khóc, mới nghe Đâu Thuật Thiên Cung ở cõi Trời thứ tư đều bị rung động, Thích - Phạm Tứ Thiên Vương liền từ chỗ Thiên Vương thứ tư như khoảnh khắc người ta

co duỗi cánh tay, đi xuống trước mặt Thiểm Tử lấy thần dược rót vào trong miệng Thiểm Tử, thần dược đi vào miệng Thiểm Tử thì mũi tên tự nhiên tuột ra, sống lại như cũ. Cha mẹ ngạc nhiên quá đỗi vui mừng, thấy Thiểm Tử đã chết mà sống lại nên hai mắt đều mở ra, chim bay thú chạy đều rất hoan hỷ, gió lặng mây tan mặt Trời được tiếp tục tỏa sáng, dòng suối tuôn trào nhiều loại hoa ngũ sắc rực rỡ, cây cối đơm hoa tươi tốt gấp bội lúc thường. Nhà vua vô cùng hoan hỷ không thể nào kìm mình được, lễ lạy Thiên Đế Thích rồi trở lại lễ lạy cha mẹ cùng với Thiểm Tử, nguyện đem tiền của đất nước để dâng lên Đạo nhân. Thiểm Tử nói: Nhà vua muốn báo ân, thì nhà vua hãy trở về đất nước làm yên lòng nhân dân và khiến cho mọi người tôn thờ giới pháp, nhà vua tiếp tục săn bắn làm tổn thương các loại cầm thú, đời hiện tại thân không yên ổn, mạng sống chấm dứt sẽ vào trong địa ngục Nê Lê, con người sống ở thế gian, ân ái tạm thời có mà biệt ly sẽ lâu dài, không thể luôn luôn bảo vệ được, đời trước nhà vua có công đức nay được làm vua, đừng vì có được tự tại mà cố tình tự mình buông thả! Nhà vua tự hối hận trách móc mình từ nay về sau nên như lời Thiểm Tử chỉ bày. Mấy trăm người tùy tùng đều vô cùng mừng rỡ vâng mạng thọ trì năm giới. nhà vua Từ biệt trở về cung, lệnh cho mọi người trong nước có cha mẹ mù lòa nên hiếu thuận như Thiểm Tử, đều nên cung dưỡng, không được rời bỏ, phạm vào sẽ bị tội nặng. Thế là trong nước đều như lời nhà vua khuyên bảo, vâng mạng thọ trì năm giới - mười thiện, chết được sanh lên cõi Trời không rơi vào ba đường ác.

Đức Phật bảo với A-nan: Thiểm Tử đời xa xưa nay chính là thân Ta. Cha mù lòa lúc ấy nay chính là vua Duyệt Đầu Đàn, là vua cha của Ta. Mẹ mù lòa lúc ấy nay chính là Ma-gia phu nhân, là mẹ của Ta. Vua nước Ca di lúc ấy nay chính là A-nan. Thiên Đế Thích lúc ấy nay chính là Di-lặc. Khiến cho Ta nhanh chóng thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh giác, đều là nhờ vào đức hạnh hiếu thuận vậy”.

Thứ năm- PHẦN NGHIỆP NHÂN

Như kinh Tạp Bảo Tạng nói: “Đức Phật dạy: Nếu người đối với cha mẹ mà thực hành phần nhỏ cung dưỡng, thì sẽ đạt được vô lượng phước thiện, gây ra chút ít bất hiếu thì tội lỗi cũng sẽ vô lượng. Ta ở đời kiếp lâu xa, sanh làm con Trưởng giả trong nước Ba-la-nại, tên là Từ Đồng Nữ, cha mất sớm ở cùng với mẹ, nhà nghèo bán củi mỗi ngày kiếm được hai đồng tiền phụng dưỡng cha mẹ. Tìm cách chuyển sang tốt hơn, ngày kiếm được bốn đồng tiền để cung cấp cho mẹ. Thành công

lại dần dần khác đi, ngày kiếm được tám đồng tiền cung cấp phụng dưỡng cho mẹ. Người đời sau tìm đến thu được lợi ích chuyển sang nhiều hơn, ngày kiếm được mười sáu đồng tiền chu cấp phụng dưỡng cho mẹ. Mọi người thấy được sự thông minh phước đức ấy, đều đến khuyến khích đi vào biển thu nhập vật báu. Nghe rồi thưa với mẹ, mẹ thấy nhân từ hiếu thảo nói là không thể đi được, nói là lời nói đùa, tùy con đi vào biển. Người con liền kết bạn hẹn ngày rồi quyết định Từ biệt mẹ ra đi, mẹ liền ôm lấy con khóc nỉ non mà nói: Không đợi mẹ chết hay sao mà nhất định phải đi? Người con đã hứa với người ta sợ rằng không giữ đúng lời hứa, liền tự đẩy mẹ ra làm đứt mấy chục sợi tóc trên đầu tóc của mẹ, như mong muốn đi vào biển thu nhập được nhiều châu báu trở về, đến ở giữa chặng đường bạn bè cùng đi phía đằng trước, Đồng Nữ một mình phía sau mất bạn nên đi lạc đường. Đến trên một ngọn núi trông thấy khu thành Lưu Ly, vì đói khát nên đi đến đó, có bốn nàng Ngọc Nữ bưng bốn viên ngọc Như Ý tấu lên các thứ âm nhạc tuyệt vời, ra ngoài cổng thành để đón tiếp, trong tám vạn năm hưởng thụ vui sướng vô cùng. Lại sanh tâm chán ngán bỏ thành mà đi, gặp khu thành Pha Lê có tám nàng Ngọc Nữ, bưng tám viên ngọc Như Ý trỗi lên âm nhạc để đón chào, trong tám vạn năm hưởng thụ vô cùng vui sướng. Sau lại chán ngán bỏ thành mà đi, đến khu thành Bạch Ngân có mười sáu nàng Ngọc Nữ, bưng mười sáu viên ngọc Như Ý đến đón chào như trước, trong mười sáu vạn năm hưởng thụ vui sướng vô cùng. Sau lại chán ngán bỏ thành mà đi, đến khu thành Hoàng Kim có ba mươi hai nàng Ngọc Nữ, bưng 32 viên ngọc Như ý để chào đón như trước, hưởng thụ vô cùng vui sướng trong ba mươi hai vạn năm. Sau lại chán ngán bỏ thành mà đi, đến một khu thành bằng sắt, đi vào trông thấy một người đầu đội vòng lửa, đem đặt trên đầu Đồng Nữ mà đi. Lúc ấy Từ Đồng Nữ liền hỏi ngục tốt: Tôi đội vòng lửa này đến lúc nào chúng ta thoát ra? Ngục tốt đáp rằng: Thế gian có người chán làm nghiệp tội phước, như ông đi vào biển trải qua lần lượt các khu thành, sau đó sẽ đến chịu tội thay ông, nếu không có người thay thế thì cuối cùng không rời ra được. Lại hỏi: Xưa kia tôi làm những tội phước gì? Ngục tốt đáp rằng: Xưa ông kiếm được hai đồng tiền cung dưỡng cho mẹ, cho nên gặp được khu thành Lưu Ly có bốn viên ngọc Như Ý và bốn nàng Ngọc Nữ, hưởng thụ sự vui sướng nơi ấy trong bốn vạn năm. Kiếm được bốn đồng tiền cung dưỡng cho mẹ, gặp được khu thành Pha Lê có tám viên ngọc Như Ý và tám nàng Ngọc Nữ, hưởng thụ những sự vui sướng trong tám vạn năm. Kiếm được tám đồng tiền cung dưỡng cho mẹ, gặp được

khu thành Bạch Ngân có mười sáu viên ngọc Như Ý và mười sáu nàng Ngọc Nữ, hưởng thụ vui sướng trong mười sáu vạn năm. Bởi vì kiếm được mười sáu đồng tiền cung dưỡng mẹ già cho nên gặp được Khu thành Hoàng Kim, có ba mươi hai viên ngọc Như Ý và ba mươi hai nàng Ngọc Nữ, hưởng thụ vui sướng vô cùng trong ba mươi hai vạn năm. Bởi vì giật đứt tóc mẹ cho nên bây giờ gặp phải báo ứng đầu đội vòng lửa ở trong khu thành bằng sắt, có người thay thế thì ông mới chúng ta thoát được. Lại hỏi ngục tốt: Nay trong ngục này chúng ta có người nhận chịu tội báo ví như tôi hay không? Đáp rằng: Vô lượng không thể nào tính kể hết được. Nghe rồi nghĩ rằng: Mình có lẽ không tránh được, nguyện khiến cho tất cả những người phải nhận chịu khổ báo đều quy tụ đến một mình thân này gánh chịu. Dấy lên ý niệm này rồi thì vòng lửa lập tức rơi xuống, ngục tốt thấy rồi lấy chĩa sắt đâm vào đầu, lập tức mạng chung sanh lên cõi Trời Đâu Suất.

Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Từ Đồng Nữ xưa kia chính là thân Ta bây giờ vì nhân duyên này, đối với cha mẹ mà làm một chút thiện-ác sẽ nhận báo ứng vô lượng, vì thế cho nên cần phãi luôn luôn cung dưỡng hiếu thuận với cha mẹ!”

Lại trong Thành Thật Luận nói: “Như lai đối với các bậc Thánh Nhân và các bậc cha mẹ, khởi lên thiện ác nghiệp thì nhận chịu báo ứng hiện tại”.

Lại trong kinh Văn Thù nói: “Đức Phật thuyết kệ rằng:

Mặt trăng mặt Trời soi chiếu cỏ hoa,
Không hề có mong muốn sự báo ân,
Như lai không có gì phải giữ lấy,
Không mong cầu báo đáp cũng như vậy”.

Tụng rằng:

Đi vào triều phụ giúp vua,
Ở nhà hầu hạ cha mẹ,
Lập chí giữ lòng trung thành,
Cung kính hiếu thuận suốt đời,
Huống là Đại Ân của Phật,
Cứu giúp tất cả mọi loài,
Đền đáp ân đức bao la,
Lẽ nào thiếu đi thành kính?

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra 15 chuyện: 1. Thuấn Tử có cảm ứng hầu hạ cha; 2.

Quách Cự có cảm ứng phụng dưỡng mẹ; 3. Đinh Lan có cảm ứng khắc gỗ thờ mẹ; 4. Đổng Vĩnh có cảm ứng tự bán mình; 5. Trần Di có cảm ứng cơm cháy; 6. Khương Thy có cảm ứng lấy nước; 7. Ngô Quỳ có cảm ứng cung cấp mai táng; 8. Tiêu Cố có cảm ứng kéo dài mai táng; 9. Hàm Xung có cảm ứng đau thương; 10. Vương Hư Chi có cảm ứng khỏi bệnh; 11.Bá Du có cảm ứng khóc mẹ; 12. Thạnh Xa có cảm ứng đánh chết; 13. Hiếu Phụ có cảm ứng nuôi dưỡng mẹ chồng; 14. Hùng Hòa có cảm ứng nhảy xuống nước; 15. Vương Thiên Thạch có cảm ứng mồ mả.

1. Cha Thuấn có mắt bị mù, mới đầu thì hơi nhẹ, về sau nói với vợ, Thuấn có cái giếng cạn, cha Thuấn ở nhà nghèo cùng khốn khổ, mà ở giữa chốn phố chợ phồn hoa. Cha Thuấn đêm nằm mộng thấy một con phụng hoàng tự gọi là gà, miệng ngậm hạt gạo mà mớn cho. Đã nói gà là con cháu mà trông thấy là phụng hoàng. Hoàng Đế Mộng Thư nói rằng: Con cháu nhà này sẽ có người cao quý, ấy là Thuấn Chiêm Do. Hằng năm mua thóc lúa gặp trong thóc lúa có tiền, Thuấn cũng bèn ba ngày ba đêm ngữa mặt lên Trời tự bày tỏ lỗi lầm của mình. Nhân đó cuối cùng thì tùy ý thường nói cho người trong phố chợ biết, có một người đến trước Thuấn liếm mắt bỗng nhiên sáng ra. Người phố chợ thấy Thuấn mà thương cảm, Đại Thánh chí hiếu là đạo cảm với thần minh vậy.

2. Quách Cự là người họ Ôn vùng Hà Nội, rất giàu. Cha mất phân chia tài sản, hai ngàn vạn chia làm hai phần, người em đã giữ lấy một mình ở nhà cung dưỡng cho mẹ, tự mình gần sát bên cạnh có ngôi nhà hoang vắng không có người ở, cùng nhường cho ở không có tai họa gì. Vợ sinh được con trai, suy nghĩ nuôi dưỡng con thì trở ngại đến sự cung dưỡng mẹ, mới khiến vợ ôm con rồi đào đất muốn chôn, ở trong đất gặp được một cái nồi bằng vàng ròng, phía trên nồi vàng có tấm phiếu bằng sắt, ghi rằng: Ban tặng hiếu tử Quách Cự.

3. Đinh Lan là người vùng Dã Vương - Hà Nội. Năm mười lăm tuổi mất mẹ, khắc cây gỗ làm hình mẹ, hầu hạ cung dưỡng như mẹ còn sống. Vợ Đinh Lan trong đêm lấy lửa làm bỏng mặt mẹ, mặt mẹ phát ra vết lở, trải qua hai ngày tóc trên đầu vợ tự nhiên rụng hết, giống như dao cắt đứt, sau đó nhận lỗi. Đinh Lan chuyển mẹ ra đường lớn, khiến vợ mặc tang phục lễ lạy thờ kính, ba năm, một đêm bỗng nhiên giống như gió mưa, mà mẹ tự nhiên trở về. Người hàng xóm mượn gì, nét mặt mẹ vui vẻ thì cho mượn, không vui thì không cho mượn. (Trích tập Chi Hiếu Tử Truyện nói: Vợ Định Lan lỡ tay làm cháy mặt mẹ, liền mộng

thấy mẹ đau đớn. Mọi người có cầu xin mà không thưa trước với mẹ thì không được. Người hàng xóm nói: Cây khô biết gì. Thế là dùng dao chặt cây hình mẹ chảy máu. Đinh Lan trở về gào khóc đau thương, may tang phục tiến hành mai táng. Đình Úy nhờ cây gỗ thoát chết, Tuyên Đế khen ngợi tấn phong làm Thái Trung Đại Phu là vậy).

4. Đổng Vĩnh (Trịnh Tập Chi Hiếu Tử Cảm Thông Truyện nói: Đổng Vĩnh là người vùng Thiên Thừa) thưở trẻ chỉ đơn độc ở cùng với cha, quả là dốc hết sức lo việc đồng ruộng, dùng xe hươu chở che cha đi theo bên mình. Cha qua đời tự bán mình cho chủ nhà giàu để lo việc chôn cất. Giữa đường gặp một cô gái, gọi và nói rằng: Nguyện làm vợ chàng. Nhận lời liền cùng đi đến chủ nhà giàu. Chủ nhà hỏi: Cô gái này là ai? Đáp rằng: Vợ Đổng Vĩnh, muốn giúp trả nợ. Chủ nhà nói: Cô dệt ba trăm tấm vải, giao cho cô trong một tuần phải xong. Cô gái đi ra ngoài cổng nói với Đổng Vĩnh rằng: Thiếp là Thiên nữ, Trời lệnh cho thiếp giúp chàng trả nợ người ta mà thôi. Nói xong bỗng nhiên mất dạng không biết ở nơi nào!

Bốn chuyện trên đây trích từ Lưu Hướng Hiếu Tử Truyện.

5. Trần Di người nước Ngô, thưở trẻ làm quan nhỏ ở quận, mẹ thích ăn cơm cháy dưới đáy nồi, Trần Di đang phục dịch ở công sở luôn luôn mang theo cái túi, mỗi khi nấy cơm thì lấy cơm cháy để lại cho mẹ. Sau loạn Tôn Ân tích tụ được mấy Thăng, luôn luôn mang bên mình, đến khi bại trận có nhiều người chết vì đói, Trần Di được sống. Mẹ ngày đêm khóc vì nhớ Trần Di, đôi mắt bị mù, đôi tai bị điếc, Trần Di trở về đi vào nhà chào hỏi mẹ mà khóc òa, mắt mẹ tự nhiên sáng trở lại.

Câu chuyện trên đây trích từ Tống Cung Hiếu Tử Truyện.

6. Khương Thy, tự là Sĩ Du, người vùng Lạc Hà-Quảng Hán, mẹ thích uống nước sông, phận làm con thương mẹ nên thường đi lấy nước mà bị chết đuối. Người vợ thương tiếc, sợ mẹ biết nên nói dối rằng Khương Thy đi học. Hàng năm may áo thả vào giữa dòng sông, bỗng nhiên có dòng nước tuôn chảy ở bên cạnh nhà, mùi vị ngọt thơm như nước sông, lại xuất hiện một cặp cá chép.

Câu chuyện trên đây trích từ Đông Quan Hán Ký.

7. Ngô Quỳ là người vùng Ngô Hưng, sau loạn Tôn Ân anh em - chị dâu có tất cả mười ba người mất, nhà nghèo trống trải chỉ bốn bức tường, mùa Đông không có áo quần che thân, ngày thì làm thuê kiếm sống, đêm trở về làm gạch bán, vợ chồng làm việc quần quật không có giờ rảnh tự lo cho mình. Một năm tròn lo liệu bảy phần mộ - mười ba cỗ quan tài, chấp nhận làm thuê để kiếm tiền lo việc mai táng. Người

hàng xóm mới biết nên trừ đi một phần để làm vật phúng viếng, nhưng không giữ lấy một chút nào cho mình, vẫn cày thuê cuốc mướn trả lại. Năm thứ ba thời Tấn Nghĩa Hi, Thái Thú Trương Sùng đón chào ban cho chức tước ra làm quan.

8. Tiêu Cố, tự là Tú Dị, người vùng Lan Lăng - Đông Hải, cháu 14 đời của họ Hà, xưa kia đời sống đầy đủ, họ Hà đông đúc nhất vùng Trường Lăng nhân đó dời nhà đến vùng Quan Trung. Thuở trẻ có hiếu thảo cẩn thận, gặp phải tang sự 6 năm, chim Trĩ chim Khách đi lại cặp kè trong sân nhà, hươu nai đi vào trong vườn nhà, tìm đến không được. Cố Tử Chi, tự là Anh Mao, hiếu tâm thuần hậu. Trừ Thượng Thư Lang, có mấy chục con chim Trĩ làm tổ ở trên mái nhà, thường thường bay thẳng lên đưa đến đường, chim Trĩ vừa bay vừa hót bên cạnh xe.

Hai chuyện trên đây trích từ Trịnh Tập Chi Truyện.

9. Ngô Trung Thư Lang Hàm Xung rất hiếu thảo, mẹ là Vương Thị bị mù, Hàm Xung tạm nghỉ việc, bảo người hầu-làm thức ăn cho mẹ, bèn lấy ấu trùng của bọ dừa hấp làm thức thức ăn mà Vương Thị rất thích ăn, nhưng không biết là thứ gì. Hàm Xung trở về, Vương Thị nói rằng: Sau khi con đi người hầu mang đến cho mẹ một món ăn, rất là ngọt ngào thơm ngon, nhưng không phải là cá - không phải là thịt, con hỏi thử xem là vật gì! Đã vậy thì phải hỏi người hầu. Người hầu vâng theo nói thật là ấu trùng của bọ dừa. Hàm Xung ôm mẹ khóc thảm thương, mắt mẹ bỗng nhiên mở sáng như xưa.

Câu chuyện trên đây trích từ Tổ Thai Chí Quái.

10. Vương Hư Chi, người vùng Tây Xương - Lư Lăng, năm mười ba tuổi mất mẹ, ba mươi tuổi mất cha, hai mươi năm muối dấm không đưa vào miệng, bệnh nằm liệt giường, bỗng nhiên có một người đến hỏi bệnh, nói rằng: Bệnh ông sẽ khỏi. Chốc lát không còn thấy nữa, nhưng căn phòng đang ở ban đêm có ánh sáng, cây quýt giữa sân đang mùa Đông rét đậm mà sanh ra trái, bệnh tình quả nhiên lành hẳn. Tất cả nhờ lòng hiếu thảo mà cảm ứng vậy.

Câu chuyện trên đây trích từ Tống Cung Chi Hiếu Tử truyện.

11. Hàn Bá Du có lỗi lầm, mẹ dùng roi đánh mà khóc, mẹ nói: Ngày khác chưa từng mở miệng khóc, nay vì sao mà khóc? Thưa rằng: Ngày khác con bị mẹ đánh mà thường cảm thấy đau, nay sức mẹ đã yếu không thể khiến cho con đau được, vì thương mẹ già yếu mà con khóc.

12. Thạch Xa, người ở nước Sở, hầu hạ cha mẹ rất hiếu thảo. Thời Chiêu Vương làm chức Lệnh Doãn, đi đường nhìn từ xa thấy có kẻ giết người, đuổi bắt té ra chính là cha mình. Thạch Xa thả cha mà trở về tự

giam mình vào ngục, khiến người thưa với Chiêu Vương rằng: Kẻ vì cha phạm tội mà xử theo pháp luật là bất hiếu, bỏ pháp luật mà tha cho tội phạm là bất trung, xin lấy cái chết để chuộc mạng cha! Xin được nhân đây mà tự cắt cổ chết!

Hai chuyện trên đây trích từ Thuyết Uyển Lục.

13. Trong Hán Thư chép rằng: Vùng Đông Hải có nàng dâu hiếu thảo phụng dưỡng mẹ chồng rất cẩn thận, mẹ chồng bảo rằng: Con phụng dưỡng mẹ thật là vất vả, mẹ đã già, tiếc gì năm tháng còn lại mà phải phiền lâu cho tuổi trẻ của con. Thế là sau đó tự thắt cổ chết. Con gái bà cụ báo với quan rằng: Con dâu giết mẹ tôi. Quan cho lính bắt giam, tra khảo trừng trị rất ác hiểm, nàng dâu hiếu thảo không chịu nổi sự hành hạ ác hiểm, tự tìm cách thú nhận cho xong. Lúc ấy Vu Công làm lính giữ ngục, nói rằng nàng dâu này phụng dưỡng mẹ chồng hơn mười năm, mà lòng hiếu thảo khắp nơi đều nghe, chắc chắn không giết mẹ chồng. Thái Thú không nghe, Vu Công tranh cãi không hơn lý, ôm vụ án đó rơi nước mắt Từ biệt chốn quan phủ mà đi. Từ đó về sau trong quận khô hạn suốt ba năm, sau Thái Thú đến chỗ Vu Công, suy nghĩ cầu tha thứ cho sai lầm đã gây ra. Vu Công nói: Nàng dâu hiếu thảo không đáng chết, trước kia Thái Thú đã giết hại oan ức, sai lầm là tại đây. Thái Thú lập tức đích thân tế lễ trước phần mộ của nàng dâu hiếu thảo, chẳng bao lâu mà Trời tuôn mưa lớn tưới mát khắp nơi. Trong Trưởng lão Truyện nói: Nàng dâu hiếu thảo tên gọi Dụng Thanh, lúc Dụng Thanh sắp chết, xe chở thân tre mười Trượng có treo năm cái phan, lập thề nguyện trước mọi người rằng: Nếu Dụng Thanh có tội thì nguyện rằng khi giết máu sẻ chảy thuận xuống dưới, nếu Dụng Thanh chết oan thì máu sẽ chảy ngược lên. Đã hành hình xong thì máu Dụng Thanh có màu vàng, duyên theo phan tre mà lên đến ngọn, lại duyên theo phan tre mà chảy xuống như vậy.

14. Kiện Vi Phù Tiên Nê Hòa, có cô con gái tên là Hùng Nê Hòa. Đến thời Vĩnh Kiến năm thứ nhất làm Huyện Công. Tào Huyện Trưởng là Triệu Chỉ phái Nê Hòa đến bái kiến Thái Thú quận Ba, vào tháng mười đi thuyền đến quận thành gặp dòng nước chảy xiết, thuyền lật rơi xuống nước mà chết, thi hài mất không tìm thấy. Hùng Nê Hòa gào khóc thảm thiết, mạng không màng giữ lại, nói cho em trai và chồng biết, chính mình chịu khó tìm kiếm thi hài của cha, nếu như tìm kiếm không được, thì mình muốn tự chìm xuống để tìm. Lúc ấy Hùng Nê Hòa hai mươi bảy tuổi, có con trai là Cống năm tuổi – Thế ba tuổi, lại làm cho các con một cái túi thêu ướp hương, chứa vàng ngọc châu báu chuẩn

bị trước cho hai con thơ, tiếng khóc đau thương không dứt trong miệng, anh em bà con lặng lẽ u sầu. Đến ngày mười lăm tháng mười hai, cha mất chưa tìm được, Hùng Nê Hòa chèo thuyền nhỏ, ở nơi cha rơi xuống cất tiếng khóc nức nở hồi lâu rồi tự nhảy vào giữa dòng nước, dòng nước xoáy chìm xuống đáy, báo mộng nói cho em trai biết, đến ngày hai mươi mốt cùng với cha nổi lên. Đến kỳ hạn như mộng báo cùng với cha giữ lấy nhau, đồng thời nổi lên trên sông. Huyện Trưởng dâng biểu nói: Quận Thái Thú Tiêu Đăng nhận lệnh của Thượng Thư, phái Hộ Tào Duyệt lập bia cho Hùng Nê Hòa, họa lại hình ảnh đó làm cho biết tấm gương của người con gái hiếu thảo!

Hai chuyện trên đây trích từ Sưu Thần Ký.

15. Thời nhà Đường có Vương Thiên Thạch người vùng Thái Nguyên giữ chức Thứ Sử Từ Châu tánh tình tự nhiên nhân hậu hiếu thảo mà rất cẩn thận đối với danh xưng, đặc biệt là tinh thông nội điển tín tâm luyện tập thực hành. Năm Trinh Quán thứ 6 cha mất nên ưu sầu để tang tang qua lễ tiết, chỉ ăn trường trai chịu đựng kham khổ, dựng chòi tranh ở bên trái mộ cha, mang đất đắp thành mộ phần, trong đêm thường tụng kinh niệm Phật suốt đêm không ngủ. Đã từng nghe tiếng đánh khánh vô cùng trong suốt và có mùi hương kỳ lạ lan tỏa đến vài dặm, đạo-tục ngửi thấy không có ai không khỏi kinh sợ lạ lùng.

Câu chuyện trên đây trích từ Minh Báo Thập Di Ký.

Thiên thứ 50: BẤT HIẾU

Thiên này có 4 phần: Thuật ý, Ngũ nghịch, Phụ nghịch, Khí phụ.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Con người sống mà giữ lòng trung hiếu, cho nên nêu cao tên tuổi ở đời sau; sống mà làm điều trái nghịch, vì vậy thọ báo đau khổ ở tương lai. Hiếu thuận - ngỗ nghịch lên cao và xuống thấp, làm thiện-làm ác vì cớ gì vượt qua? Vì vậy Đức Đại Từ xót thương cho tính hung bạo của Xà Vương, khen ngợi cho lòng nhân ái của La Vân, mong rằng sợ hãi ngọn lửa dữ bất hiếu không biết cách nào mà dập tắt, bóng tối chập chùng của ác nghịch không có hạn kỳ mở thông, ví như lao ngục vây hãm tù phạm có đủ mọi điều khổ đau, ôm gông mang xiềng nặng nề khốn khổ, còng sắt khóa thép luôn ở trên thân, đánh đập thân thể bầm nát lở loét, khắp nơi hình hài thối rữa xấu xa, mà muốn dùng hình dáng này cầu mong gặp Đức Từ Phụ thì thật là khó nhìn thấy!

Thứ hai- PHẦN NGŨ NGHỊCH

Như Trí Độ Luận nói: "Đệ tử của Phật là Đề-bà-đạt-đa, là em họ của Đức Phật, xuất gia học đạo tụng được sáu vạn pháp tụ, tinh tiến tu hành tròn mười ba năm, sau đó vì cúng dường cho nên đi đến chỗ Phật cầu học thần thông. Đức Phật bảo rằng: Này Kiều Đàn! Ông quán xét năm ấm vô thường có thể đắc đạo, cũng có được thần thông. Đức Phật không nói cho biết phương pháp đạt được thần thông. Đi đến cầu xin Xá-lợi-phất - Mục-kiền-liên, ngay cả năm trăm A-la-hán cũng không nói cho biết, mà chỉ nói rằng: Ông nên quán xét năm ấm vô thường có thể đắc đạo, có thể đạt được thần thông. Lúc ấy A-nan chưa đạt được Tha Tâm Trí, như Đức Phật đã dạy, mà trao cho Đề-bà-đạt-đa, Đề-bà-đạt-đa học được pháp luyện thần thông rồi, vào núi tu luyện không bao lâu thì đạt được năm thần thông. Đạt được năm thần thông rồi tự nghĩ rằng: Ai sẽ làm đàn việt cho mình? Như Vương tử A-xà-thế có tướng mạo Đại vương, muốn qua lại làm cho thân thiết sâu đậm, nên đến cõi Trời lấy thức ăn cõi Trời, trở về cõi Uất Đan Việt lấy gạo canh tự nhiên, đến trong rừng Diêm-phù lấy quả Diêm-phù, mang cho Vương tử A-xà-thế, có lúc tự biến hóa thân mình làm voi báu ngựa báu để mê hoặc tâm ấy, có lúc làm trẻ nhỏ với các loại trạng thái không bình thường để kích thích tâm ấy. Ý của Vương tử đã bị mê hoặc, xây dựng tinh xá to lớn ở trong Nại Viên, cúng dường bốn loại và cung cấp các loại lặt vặt, không có thứ gì không đầy đủ, để tạo điều kiện cho Đề-bà-đạt-đa, ngày

ngày dẫn theo các Đại thần, tự mình chuyển đến năm trăm nồi canh và bánh trái. Đề-bà-đạt-đa được cúng dường nhiều, mà đồ chúng chẳng có ai, tự nghĩ rằng mình có ba mươi tướng tốt thua Phật chẳng là bao, dứt khoát bởi vì đệ tử chưa quy tụ, nếu đại chúng vây tròn thì khác gì so với Phật? Tư duy như vậy rồi sanh tâm phá hoại giành được năm trăm đệ tử. Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên thuyết pháp giáo hóa Tăng trợ lại hòa hợp. Lúc bấy giờ Đề-bà-đạt-đa liền sanh ác tâm, đẩy núi đè Phật, Kim Cang lực sĩ dùng chày Kim Cang mà từ xa ném đến, đá nát vụn tóe ra làm tổn thương ngón chân của Phật. Tỳ-kheo-ni Hoa Sắc trách móc, Đề-bà-đạt-Đa lại dùng nắm tay đánh Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni lập tức lồi mắt mà chết. Gây ra ba tội lỗi ngang ngược, cùng với ác tà sư Phú Lan Na ngoại đạo kết giao thân thiết nồng hậu, đoạn các thiện căn mà tâm không hề hối hận. Lại dùng chất độc hiểm ác đặt vào trong móng tay, muốn nhân lúc lễ Phật mà đâm làm tổn thương Phật, muốn đi mà chưa đến, thì đất ở trong thành Vương xá tự nhiên nứt toác, xe lửa ngùn ngụt đến đón sanh vào địa ngục. Đề-bà-đạt-đa thân có ba mươi tướng tốt, mà không có năng lực nhẫn nại điều phục tâm mình, vì lợi ích cúng dường mà gây ra tội lỗi to lớn sanh vào địa ngục".

Lại trong kinh Niết-bàn nói: "Tỳ kheo Thiện Tinh, tuy là đọc tụng mười hai bộ kinh đạt được Tứ Thiền, mà thậm chí không hiểu được nghĩa của một kệ, một câu, một chữ, gần gũi với bạn ác mà giảm mất Tứ Thiền. Giảm sút Tứ Thiền rồi sanh ra tà kiến xấu ác, dấy lên nói như vậy: Không có Phật - không có pháp - không có Niết-bàn, Sa môn Cù Đàm khéo biết về tướng pháp, vì vậy có thể biết được tâm tư của người khác. Thậm chí lúc bấy giờ Như lai liền cùng với Ca-diếp đi đến chỗ Thiện Tinh, Tỳ kheo Thiện Tinh từ xa nhìn thấy Như lai đến, trông thấy rồi liền sanh tâm tà ác, bởi vì ác tâm cho nên thân đang sống mà rơi vào A Tỳ địa ngục".

Lại như Trí Độ Luận nói: "Tiên nhân Uất Đà La Già-đạt được năm thần thông, ngày này bay đến trong cung của Quốc vương mà ăn uống. Đại phu nhân của nhà vua, như phép tắc của nước mình nắm chân mà lễ lạy, tay phu nhân chạm vào thì mất thần thông, đi theo nhà vua cầu xin cỗ xe để ngồi mà ra ngoài thành. Trở về đất nước của mình, đi vào giữa rừng cây lại cầu được năm thần thông, thậm chí vì chim chóc hót vang mà tán loạn tâm ý, bỏ rừng cây đến bên bờ nước cầu mong an định, lại nghe tiếng cá tôm tranh cãi náo động trong dòng nước. Người này lâu sau tư duy đạt được Định, sanh lên cõi Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng, thọ mạng ở cõi đó đã hết nên sanh xuống làm loài Phi Li, giết hại các loài cá-chim gây ra vô lượng tội lỗi, đọa vào 3 đường ác". Lại

nói: “Có một Tỳ kheo nhờ đạt được Tứ Thiền, sinh tâm tăng thượng mạn nói là đạt được quả vị A-la-hán, cậy vào điều này mà dừng lại chứ không tiếp tục cầu mong tiến lên. Lúc thọ mạng sắp chấm dứt thấy có tướng Trung ấm Tứ Thiền xuất hiện, liền sanh ra tà kiến, nói là không có Niết-bàn, mình bị Phật lừa dối. Bởi vì tà ác sanh ra cho nên lập tức mất đi Trung ấm Tứ Thiền mà thấy tướng Trung ấm Nê Lê ở địa ngục A Tỳ hiện ra, mạng chung liền sanh vào địa ngục A Tỳ. Đức Phật vì vậy mà thuyết kệ rằng:

“Đa văn trì giới đạt đến thiền,
Nhưng chưa đạt được pháp vô lậu,
Cho dù có công đức như vậy,
Điều này không thể tin chắc được”.

Lại trong kinh Vị Sanh Oán nói: “Điều Đạt ganh ghét với đồ chúng của Phật, trở về nói với Thái tử Vị Sanh Oán rằng: Cha ông đem vật báu của đất nước để dâng lên Phật Tăng, kho tàng của đất nước trống rỗng cạn kiệt, nên sớm tìm cách bước lên ngôi vị làm vua, tôi phát động binh lính đến đánh dẹp Phật, ông được làm vua, tôi sẽ làm Phật, hai bên đều có lợi cũng không tốt hay sao? Thế là Thái tử sai cận thần tìm cách đoạt lấy dải lụa đeo ấn của nhà vua, bắt nhà vua giam vào ngục cấm. Ý nhà vua điềm nhiên y theo tai ương đời trước, tâm không sợ hãi gì, tin sâu sắc lời Đức Phật dạy. Nhà vua nói: Ta có lỗi lầm gì mà gán tội cho ta vậy? Hoàng hậu - Quý nhân và dân chúng lớn nhỏ không ai là không đau thương. Nhà vua nhìn mọi người khóc mà nói: Đức Phật dạy rằng Trời đất - mặt trăng-mặt Trời, núi Tu di - biển cả, mọi thứ có thành ắt phải có bại, thạnh rồi sẽ suy, tụ hội sẽ có chia lý, có sanh chắc chắn có chết, luân chuyển muôn đời không có gì giới hạn, thân mình còn không bảo đảm, đất nước có gì là thường! Nhà vua nói với Thái tử rằng: Mỗi khi ngươi có bệnh tật thì Ta héo ruột nôn gan vì ngươi, muốn đem thân mạng cứu giúp hiểm nạn thay cho ngươi, ân tình nhân ái của cha mẹ chỉ có Trời là cao nhất, ngươi mang lòng dạ nào mà đành nhẫn tâm làm điều ác nghịch, người giết cha mẹ thì chết đi vào Thái Sơn, Ta là cha ngươi, đem đất nước trao cho ngươi, Ta muốn đến nơi Đức Phật xin làm Sa môn! Thái tử nói: Ông đừng nói nhiều, tôi đạt được nguyện ước xưa kia há có tha cho tôi hay sao? Lệnh cho lính cai ngục rằng: Đoạn tuyệt mọi sự ăn uống để cái đói giết chết ông ta. Bình Sa Vương hướng về nơi Đức Phật cúi đầu lễ lạy thiết tha nói: Con cái gây ra tội ác như Trời đất, làm cha như con không mảy may căm hận. Xõa tóc ngữa mặt lên Trời than rằng: Đau đớn thay, Trời xanh há có đạo lý này ư? Già trẻ

cả nước không ai không đau thương. Hoàng Hậu nói với Thái tử rằng: Đại vương bị xiềng xích ở trong lao ngục, ngồi nằm cần phải có người, muốn gặp Đại vương há không được ư? Thái tử nói: Được. Hoàng Hậu tắm rửa thân hình sạch sẽ dùng mật trộn với bột gạo rang xoa trên thân thể, đi vào gặp Đại vương, diện mạo gầy gò không nhận ra hình hài vốn có. Hoàng Hậu nói: Đức Phật dạy vinh quang vui sướng không có thường mà tội lỗi khốn khổ luôn luôn có. Nhà vua nói: Lính cai ngục cấm tuyệt ăn uống nên đói khát lâu ngày, thân thể có 80 chỗ, mỗi chỗ có mấy trăm loại sâu bọ, quấy đảo trong bụng tôi, máu thịt tiêu hết thọ mạng lại cạn kiệt, nói năng nấc nghẹn hơi thở ngưng rồi lại tiếp tục. Hoàng hậu nói: Vốn có biết trước gian khổ thế này, thiếp dùng bột rang trộn mật xoa trên thân thể hãy đến ăn đi, nên nghĩ đến lời Phật khuyên nhủ đừng sơ ý để tâm ưu sầu. Nhà vua ăn xong rồi, hướng về nơi Đức Phật nấc nghẹn rập đầu lạy, Đức Phật dạy vinh hoa phước lộc khó giữ được như huyễn hóa như mộng ảo, đích thực như lời dạy tôn quý, con không sợ chết mà chỉ tiếc rằng không trực tiếp nhận được sự giáo hóa rõ ràng của Phật, cùng với Thu Lộ Tử - Mục-kiền-liên - Đại Ca-diếp giảng về nghĩa lý sâu xa của đạo tôn quý. Nhà vua nói Hoàng hậu rằng: Như Mục-kiền-liên, mọi phiền não đã trừ sạch đạt được sáu thần thông, hãy còn bị hạng Phạm Chí làm ganh ghét đánh đập, huống hồ là tôi ư? Vì tai ương hiểm ác truy đuổi, cho nên con người hãy còn bị ảnh hưởng, Đức Phật thì khó gặp mà thần thông giáo hóa lại khó nghe, tiếp nhận sự giáo hóa rõ ràng ấy quả thực cũng khó gặp. Nay tôi chết rồi thần thức chuyển đi xa, muốn xây dựng chí nguyện không có gì bằng tôn sùng lời dạy của Đức Phật, Hoàng hậu giữ gìn cẩn thận đề phòng tai họa xảy ra vậy! Hoàng hậu nghe nhà vua khuyên nhủ trong lòng càng thêm đau thương. Bấy giờ Thái tử hỏi vặn lính cai ngục rằng: Cấm tuyệt nhà vua ăn uống đã lâu mà không chết là vì sao? Thưa rằng: Hoàng Hậu đi vào ngục thân thể xoa bột rang trộn mật, dâng lên nhà vua để kéo dài mạng sống. Thái tử nói: Từ nay không để cho Hoàng Hậu tiếp xúc với thân thể nhà vua! Nhà vua đói lả tìm cách đứng hướng về nơi Đức Phật rập đầu lạy, tức thì được no đủ, vào ban đêm lại có ánh sáng. Thái tử nghe chuyện sai đóng chặt cửa sổ, gọt gót chân nhà vua không để cho có thể đứng lên mà nhìn thấy ánh sáng của Phật. Có lệnh lập tức gọt gót chân, đau đớn vô cùng tận, niệm Phật không hề quên, Đức Phật từ xa thuyết kinh cho nhà vua rằng: Làm điều thiện ác thì họa phước quy về nơi thân, có thể không cẩn thận ư? Bình Sa Vương thưa rằng: Nếu như phải cắt xẻ thân thể - chặt cụt tay chân thành từng đoạn thì cuối cùng

con không nghĩ đến điều ác. Đức Thế tôn lại bảo: Nay Ta làm Phật, cả đại thiên thế giới - mặt trăng - mặt Trời - Trời rồng quỷ thần không có ai không rập đầu lạy, nhưng tai họa còn lại của kiếp trước đến nay không rời được, huống hồ phàm phu chúng sanh vốn có gây ra tai họa từ đời trước. Nhà vua liền vòng tay hướng về Đức Phật từ xa rập đầu lạy, hôm nay mạng chung vĩnh viễn ca ngợi sự thần thông giáo hóa. Uất ức nấc nghẹn hơi thở lúc ấy sắp dừng lại, thần dân cả nước không ai không đau đớn xót xa, gọi Trời làm sao được! Bình Sa Đại vương liền đạt được đạo tích sanh lên cõi Trời, cánh cửa ba đường ác đóng lại các chướng nạn tiêu diệt rồi".

Thuật rằng: Vua A-xà-thế hối hận thiết tha chân thành sám hối, đầy đủ như kinh Niết-bàn nói, không thể ghi chép được. Dựa vào Tích tựa như Thật, dựa theo quyền cùng hóa độ, cho nên y theo kinh Bồ-tát Bổn Hạnh nói: "Đức Phật bảo với vua A-xà-thế: Tội lỗi ác nghịch giết cha, bởi vì dụng tâm hướng về Như lai mà hối cải, cho nên ở trong địa ngục phải nhận chịu tội báo thế gian năm trăm ngày, thì sẽ được thoát ra, chỉ nên tự trách móc mình để thay đổi quá khứ tu dưỡng tương lai, đừng vì vậy mà ưu sầu! Nhà vua nghe mà lòng hoan hỷ, không thể nào kìm mình được".

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: "Xưa kia trong thôn Cưu Đà Phiến thuộc nước Ca Mặc có một bà cụ, chỉ có một người con. Người con ấy ngang ngược hung tàn không tu dưỡng nhân ái hiếu thảo, vì giận mẹ cho nên đưa tay hướng về phía mẹ, đánh mẹ một cái. Ngay hôm ấy đi ra ngoài, gặp phải giặc cướp chặt gãy một cánh tay. Tội lỗi bất hiếu lập tức nhận lấy báo ứng hiện tại, khổ đau như vậy; sau vào địa ngục thì khổ đau không thể nào nói hết".

Lại trong kinh Bách Duyên nói: "Thời Đức Phật tại thế, trong thành Xá Vệ có một Trưởng giả Bà-la-môn, người vợ sanh ra một cậu con trai, dung mạo xấu xí mà thân thể hôi hám dơ bẩn. Lúc bú sữa mẹ thường làm cho sữa bị hư hoại, nếu uống các thứ khác thì cũng làm cho hư hoại, chỉ dùng mật sữa bôi vào ngón tay cho liếm, mới giúp được cho thân mạng tồn tại, vì vậy đặt tên là Đắc Bảo. Sau dần lớn lên cầu xin Đức Phật xuất gia, Đức Phật bảo rằng hãy cố gắng Tỳ kheo! Ngay lúc ấy râu tóc tự nhiên rụng hết, thân khoác pháp phục, liền trở thành Sa môn, tinh cần tu tập đạt được quả vị A-la-hán, mà đi khất thực cũng không có được gì, liền tự mình hối hận trách móc, đi vào trong tòa tháp ấy thấy có chút bụi bẩn, lập tức quét sạch, lúc đến khất thực thì có được đầy đủ, trong lòng hoan hỷ thưa với chúng Tăng rằng: Từ nay trở đi xin

chúng Tăng cho phép tôi quét dọn chùa tháp. Chúng Tăng đồng ý. Sau đó vào một hôm ngủ quên không biết Trời sáng, Xá-lợi-phất thấy trong tháp Phật có chút bụi bẩn, liền thuận tay quét sạch. Lúc ấy Lê Quân Chi thì từ giấc ngủ tỉnh dậy, thấy Xá-lợi-phất quét sạch rồi, trong lòng sầu hận nói với Xá-lợi-phất: Ông quét chỗ của tôi khiến hôm nay tôi đói khát khốn khổ một ngày. Lúc ấy Xá-lợi-phất nghe lời này rồi, mà nói cho biết rằng: Nay tôi tự mình sẽ cùng với ông đi vào thành dự trai cúng dường, có thể được no đủ nên ông đừng lo buồn! Nghe rồi trong lòng bình yên. Lúc thọ thỉnh đến cùng với Xá-lợi-phất đi vào thành thọ thỉnh, đúng lúc gặp vợ chồng đàn việt đánh nhau nên cuối cùng không được ăn, đói bụng mà trở về. Lúc ấy Xá-lợi-phất vào ngày thứ hai lại đến nói rằng: Sáng nay tôi sẽ tự mời ông thọ trai ở nhà Trưởng giả để cho ông được no đủ. Đến lúc sắp xong, tất cả mọi người nơi ấy thảy đều được ăn, chỉ riêng một người này là không được ăn, cao tiếng nói to rằng: Tôi không được ăn. Lúc bấy giờ chủ nhân cũng không có ai nghe, đành đói bụng mệt mõi trở về. Bấy giờ A-nan nghe chuyện rồi hết sức thương cảm, vào ngày thứ ba nói rằng: Sáng hôm nay tôi đi theo Đức Phật thọ thỉnh, lấy đủ thức ăn cho ông khiến được no đủ. Nhưng A-nan thọ trì tám vạn bốn ngàn pháp môn của Như lai chưa hề thiếu sót, nay bởi vì lấy đồ ăn thức uống cho Tỳ kheo Lê Quân Chi này, bỗng nhiên không nhớ gì mà ôm bát không quay về. Vào ngày thứ tư A-nan lại lấy thức ăn cho vị này trở về nơi cư trú, giữa đường gặp chó dữ đuổi cắn, đồ ăn thức uống thả xuống đất ôm bát không mà trở về. Vào ngày thứ năm Đại Mục-kiền-liên lại lấy thức ăn cho vị này, giữa đường bị chim chúa cánh vàng trông thấy mà cắp đi mất tất cả bình bát mang đi đặt trong biển lớn, lại không được ăn. Vào ngày thứ sáu thì Xá-lợi-phất lại lấy thức ăn cho vị này, đến cửa phòng ấy thì cửa tự nhiên đóng lại, lại dùng thần lực đi vào trong phòng ấy mà nhảy ra phía trước, sơ suất nên bát rơi xuống đất đến ranh giới Kim Cang, tiếp tục dùng thần lực thò tay lấy bát, lỗ hổng ấy lại khép mất, cuối cùng không thể ăn được, thời gian đã đi qua thì lỗ hổng ấy tự nhiên mở ra. Vào ngày thứ bảy cuối cùng không được ăn, sinh tâm hổ thẹn vô cùng, ở trước bốn chúng ăn cát uống nước, lập tức đi vào Niết-bàn. Lúc ấy các Tỳ kheo thấy sự việc này rồi cảm thấy quái lạ về nguyên nhân điều ấy, thỉnh cầu Đức Phật cho biết nguyên nhân vốn có. Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Trong vô lượng đời kiếp quá khứ trước đây có Đức Phật xuất thế, danh hiệu là Đế Tràng, dẫn các Tỳ kheo đi giáo hóa khắp nơi. Lúc ấy có Trưởng giả, tên gọi Cù Di, thấy Phật và Tăng sanh lòng tín kính vô cùng, thỉnh đến

cúng dường ngày nay như vậy. Trải qua thời gian người cha mất, người mẹ vốn có bố thí, người con keo kiệt không nghe theo, thậm chí tính toán phần ăn cho mẹ. Người mẹ vì vậy chia bớt để cúng dường Phật và Tăng. Người con nghe chuyện mà giận dữ, liền bắt mẹ giam vào phòng trống khóa cửa bỏ đi, đến bảy ngày thì đầu mẹ vô cùng mệt mỏi vì đói khát, đòi cơm ăn từ người con. Người con trả lời mẹ rằng: Chi bằng ăn cát uống nước đủ sống, hôm nay vì sao đòi cơm ăn? Nói xong bỏ mẹ mà đi. Cuối cùng không được ăn, mẹ liền qua đời. Người con ấy mạng chung rơi vào địa ngục A Tỳ, nhận chịu khổ báo xong rồi trở lại sanh trong loài người đói khát khốn khổ như vậy. Nhưng nhờ vào xưa kia vốn có cúng dường Phật, cho nên nay được gặp Ta xuất gia đắc đạo. Các Tỳ kheo nghe xong hoan hỷ vâng mạng thực hành".

Lại trong Tân Bà Sa Luận nói: "Xưa có người bạo ác, khiến mẹ cầm đồ dùng tự vắt sữa trâu, vắt đã quá mức, mẹ dừng lại nói: Còn lại nên để dành sữa cho con nghé. Người đó đã gnhe bỗng nhiên sanh ra giận dữ, dùng tay vốc sữa vẩy vào mặt mẹ, rơi dính vào thân mẹ. Vì sức mạnh của ác nghiệp, cho nên bao nhiêu giọt sữa, lập tức khiến cho trên thân người ấy trở lại phát sinh những mụn nhọt lở loét như vậy".

***Thứ ba*- PHẦN PHỤ NGHỊCH** (Nàng dâu ác nghịch).

Như kinh Tạp Bảo Tạng nói: Xưa có một người vợ, bẩm tính ngang ngược tàn ác không thuận theo lễ độ phép tắc, cứ mỗi lần đã nói là thường trái ngược với mẹ chồng. Về sau tìm phương kế bày cho chồng mình tự giết mẹ chồng, người chồng ngu si đần độn liền làm theo lời vợ, thế là dẫn mẹ mình đến giữa cánh đồng hoang vắng, trói chặt tay chân sắp muốn làm hại. Tội lỗi ác nghịch thật cảm thấu Trời cao, mây mù bốn phía tụ lại sau đó sấm rét nổi lên đánh chết người con. Người mẹ liền trở về nhà, người vợ mở cửa nói là chồng mình, bèn hỏi rằng: Giết chưa? Bà mẹ chồng đáp: Đã giết. Cho đến ngày mai mới biết là chồng mình chết. Tội lỗi bất hiếu nhận chịu báo ứng hiện tại như vậy, sau đi vào địa ngục phải nhận chịu vô lượng khổ đau".

***Thứ tư*- PHẦN KHÍ PHỤ** (Bỏ mặc người cha).

Như kinh Tạp Bảo tạng nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo rằng: Cung kính người lớn tuổi có lợi ích to lớn, mà luôn luôn ca ngợi cung kính cha mẹ - các bậc trưởng thượng kỳ túc, không những ngày nay mà Ta ở thời quá khứ lâu xa, có đất nước gọi là nước Khí Lão, trong lãnh thổ nước ấy có những người già, đều bị đuổi đi xa. Có một vị Đại thần,

cha mình tuổi cao, theo như phép nước nên phải bị đuổi đi. Vị Đại thần hiếu thuận nên tâm mình không đành lòng đuổi cha đi, bèn đào sâu vào đất làm một cái hầm bí mật, đưa cha vào trong hầm thường xuyên hiếu dưỡng cung kính.

Bấy giờ Thiên Thần mang đến hai con rắn, đặt trên Đại tiện trước mặt nhà vua mà bảo rằng: Nếu phân biệt được trống mái thì đất nước ông được yên lành, nếu không phân biệt được thì thân ông và đất nước, sau bảy ngày đều sẽ bị tiêu diệt. Nhà vua nghe điều kiện này rồi trong lòng thật áo não, liền cùng với quần thần bàn luận tìm hiểu sự việc này, tất cả đều tự trình bày xin thứ tội là không thể phân biệt được. Liền chiêu mộ khắp nơi trong nước, ai có thể phân biệt được, thì sẽ ban thưởng hậu hĩnh. Vị Đại thần trở về nhà đến hỏi cha mình, cha trả lời con rằng: Việc này dễ dàng phân biệt, lấy đồ vật mềm mại đặt rắn vào trong đó, con nào không ngừng uốn lượn nên biết là con trống, con nào nằm yên không nhúc nhích nên biết là con mái. (Do đó trong Luật nói: Vải bông trắng thử rắn đi- đứng khác nhau vậy). Liền giống như lời cha nói, quả nhiên phân biệt được trống mái. Thiên thần lại hỏi rằng: Người nào đối với giấc ngủ mà gọi đó là thức, người nào trong lúc tỉnh giấc mà gọi đó là ngủ? Nhà vua cùng với quần thần lại không thể nào phân biệt được. Vị Đại thần hỏi cha điều này nói sao? Cha nói: Đây gọi là người học, đối với những phàm phu thì gọi là người tỉnh, đối với các La hán thì gọi là người ngủ. Liền như lời cha nói để trả lời Thiên Thần. Lại tiếp tục hỏi rằng: Con voi trắng to lớn này có bao nhiêu cân? Quần thần cùng nhau bàn bạc nhưng không có cách nào biết được. Vị Đại Thần hỏi cha, cha nói: Đặt con voi trên thuyền đưa vào trong hồ lớn, đánh dấu mức nước ngang mạn thuyền, mức độ bao nhiêu, sau đó lấy đá đặt vào trong thuyền này, nước ngập bằng dấu đã đánh thì biết số cân của con voi. Thế là dùng trí này, để trả lời Thiên Thần. Lại tiếp tục hỏi rằng: Lấy một vốc nước nhiều hơn biển lớn, ai có thể biết được điều ấy? Quần thần cùng nhau bàn bạc lại không thể nào hiểu được. Vị Đại Thần hỏi cha, đây là nói về cái gì? Cha nói: Điều này dễ hiểu, nếu có người hiểu được tín tâm thanh tịnh, lấy một vốc nước cúng dường Phật - Tăng và cha mẹ cùng những người bệnh gặp hoàn cảnh khốn khó, nhờ công đức này mà mấy ngàn vạn kiếp thọ phước vô cùng tận, nước biển rất nhiều chẳng qua chỉ một kiếp, từ điều này suy ra, một vốc nước nhiều hơn nước biển lớn gấp trăm ngàn vạn lần. Liền dùng lời này để trả lời Thiên Thần. Thiên Thần lại hóa làm người đói khát, chỉ còn da bọc xương mà đến hỏi rằng: Thế gian có thể có người nào

đói khát cùng cực - gầy gò khốn khổ hơn tôi chăng? Quần thần suy nghĩ lại không thể nào trả lời được. Lại đem cảnh tượng này hỏi cha, cha trả lời con rằng: Thế gian có người tham lẫn ganh ghét không tin Tam bảo, không luôn luôn cung dưỡng cha mẹ - thầy dạy, đời tương lai rơi vào trong đường ngạ quỷ, trăm ngàn vạn năm không nghe đến tên gọi của nước và thóc lúa đậu mè, thân như núi lớn - bụng như hang rộng, cổ như kim nhỏ - tóc như dao nhọn, từ đầu đến chân luôn bị trói buộc, lúc cử động thì các khớp xương đều bốc lửa. Người như vậy đói khát khốn khổ hơn người kia gấp trăm ngàn vạn lần. Liền dùng lời này để trả lời Thiên Thần. Thiên Thần lại hóa làm một người, tay chân bị xiềng xích cổ lại mang gông, lửa trong thân phát ra toàn thân thể cháy đen, mà lại hỏi rằng: Thế gian có thể có người khốn khổ hơn tôi chăng? Quần thần bất chợt không biết trả lời sao cả. Vị Đại thần lại hỏi cha mình, cha liền trả lời rằng: Thế gian có người, bất hiếu với cha mẹ, nghịch hại với thầy dạy, phản bội với chồng – chủ, phỉ báng Tam Tôn, đời tương lai đọa vào địa ngục núi dao, cây kiếm, xe lửa, lò than, sông tro, hầm sôi, đường dao, đường lửa, những khổ đau như vậy vô lượng vô biên không thể tính đếm, vì vậy người ở nơi này khốn khổ hơn người kia gấp trăm ngàn vạn lần. Liền như lời cha nói để trả lời Thiên Thần. Thiên Thần lại hóa làm một người con gái, đoan chánh xinh đẹp lạ thường khác xa người thế gian, mà lại hỏi rằng: Thế gian có thể có người đoan chánh giống như tôi hay không? Quần thần im lặng không thể nào trả lời được. Vị Đại thần lại hỏi cha, cha liền trả lời rằng: Thế gian có người tín kính Tam bảo – hiếu thuận với cha mẹ, thích bố thí - nhẫn nhục - tinh cần - trì giới, được sanh lên cõi Trời đoan chánh xinh đẹp vô cùng, hơn xa thân hình người kia gấp trăm ngàn vạn lần, bởi vì người ở nơi này giống như loài vượn khỉ mù mắt. Lại dùng lời này để trả lời Thiên Thần. Thiên Thần lại lấy một cây gỗ chiên đàn vuông vức bằng phẳng, lại tiếp tục hỏi rằng: Nơi nào là đầu? Trí lực của quần thần không thể nào trả lời được. Vị Đại thần lại hỏi cha, cha trả lời rằng: Dễ dàng biết được, đặt khúc cây vào trong nước, gốc thì chắc chắn chìm xuống, ngọn thì nhất định nổi lên. Liền dùng lời này để trả lời Thiên Thần. Thiên Thần lại lấy hai con ngựa trắng hình sắc không khác gì nhau, mà lại hỏi rằng: Con nào là mẹ - con nào là con? Quần thần cũng lại không thể nào trả lời. Lại về hỏi cha mình, cha trả lời rằng: Mang cỏ cho ăn, nếu là mẹ thì nhất định nhường cỏ cho con. Những câu hỏi như vậy thảy đều trả lời được, Thiên Thần rất hoan hỷ, để lại cho nhà vua nhiều tiền của châu báu quý hiếm, mà nói với nhà vua rằng: Nay Ta sẽ ủng hộ đất nước của

ông, khiến cho các kẻ địch bên ngoài không có thể xâm hại được. Nhà vua nghe nói như vậy vô cùng vui mừng, mà hỏi vị Đại thần rằng: Đây là khanh tự mình biết hay là có người dạy cho khanh, nhờ Đại trí của khanh mà đất nước được yên lành, đã có được châu báu quý hiếm lại còn hứa sẻ ủng hộ, là nhờ công sức của khanh. Vị Đại thần trả lời nhà vua rằng: Không phải trí lực của hạ thần, mong ban cho sự vô úy, mới dám bày tỏ đầy đủ! Nhà vua nói: Giả sử bây giờ khanh có tội lỗi đáng chết vạn lần thì Trẫm hãy còn không hỏi đến, huống gì là lỗi lầm nhỏ. Vị Đại thần thưa với nhà vua rằng: Phép nước có chế định không cho phép nuôi dưỡng người già, hạ thần có cha già không đành lòng đuổi đi, dẫn đến phạm vào Vương pháp mà giấu trong hầm kín dưới đất, hạ thần đến trả lời những câu hỏi, đều là trí tuệ của cha, chứ không phải trí lực của hạ thần, chỉ mong Đại vương cho phép tất cả mọi người trong nước lại được nuôi dưỡng người già! Nhà vua liền khen ngợi mà lòng dạ vui sướng vô cùng, phụng dưỡng người cha của vị Đại thần của tôn làm bậc thầy, cứu giúp tính mạng của Trẫm và quốc gia cùng tất cả dân chúng, lợi ích như vậy không phải mình Trẫm biết được. Ngay lập tức truyền lệnh tuyên bố khắp thiên hạ: Không được bỏ mặc người già, dựa theo lệnh trong phải hết lòng hiếu dưỡng, nếu như có ai bất hiếu với cha mẹ - bất kính với thầy dạy, thì phải nhận chịu tội nặng.

Đức Phật bảo rằng: Người cha lúc bấy giờ nay chính là thân Ta, vị Đại thần lúc bấy giờ nay chính là Xá-lợi-phất, nhà vua lúc bấy giờ nay chính là A-xà-thế, Thiên Thần lúc bấy giờ nay chính là A-nan”. (Vì vậy tục ngữ nói: Nuôi dưỡng người già cả cầu xin lời vàng ngọc, chính là như vậy).

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: “Xưa kia Đức Phật Thế tôn bảo các Tỳ kheo rằng: nên biết rằng trước kia trong nước Ba-la-nại, có pháp bất thiện lưu hành ở thế gian, cha tuổi sáu mươi mang trải tấm thảm len khiến ngồi canh cửa ngõ. Bấy giờ có hai anh em, người anh nói với người em rằng: Em mang tấm thảm len trải cho cha khiến cha ngồi giữ cửa. Trong nhà chỉ có một tấm thảm len, người em liền cắt một nửa mang cho cha mà thưa với cha rằng: Anh cả cho cha chứ không phải của con cho cha đâu, anh cả bảo cha làm người giữ cửa nhà. Người anh đến gần người em nói rằng: Sao không mang cả tấm cho cha mà cắt một nửa làm gì? Người em trả lời anh rằng: Chỉ có một tấm thảm len không cắt nửa cho cha, sau này lại làm sao có được? Người anh hỏi em rằng: Lại muốn cho ai nữa? Người em nói: Lẽ nào có thể không cần giữ lại cho anh sao? Người anh nói: Vì sao để cho anh? Người em nói: Anh sẽ già

đi, con anh cũng sẽ đặt anh ngồi yên ở trong cửa. Người anh nghe nói vậy thì kinh ngạc hỏi: Anh cũng sẽ như vậy ư? Người em nói: Ai sẽ thay thế anh được? Liền nói với người anh rằng: Ác pháp như vậy nên cùng nhau trừ bỏ! Hai anh em cùng dắt nhau đi đến chỗ quan Phụ Tướng, đem lời này bàn luận, hướng về quan Phụ Tướng nói rõ sự việc. Quan Phụ Tướng trả lời rằng: Thật sự như vậy, chúng ta cũng cùng có lúc tuổi già. Quan Phụ Tướng thưa với nhà vua, nhà vua đồng ý với lời này, lập tức truyền lệnh trong phạm vi quốc gia, con cái phải hiếu dưỡng cha mẹ, chấm dứt phép tắc sai trái trước đây, không đồng ý tiếp tục như vậy".

Lại trong kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: "Điều là tội ngũ nghịch, nhưng giết cha thì nhẹ, giết mẹ thì nặng, giết A-la-hán nặng hơn giết mẹ, làm thân Phật chảy máu nặng hơn giết A-la-hán, phá hòa hợp Tăng lại nặng hơn làm thân Phật chảy máu".

Tụng rằng:

Vua quý trọng trung thần,
Cha thương con hiếu thảo,
Huống gì Phật Đại Từ bi,
Luôn luôn ban vui cứu khổ,
Không mang nặng ân đức ấy,
Hại cha mẹ giữ cho mình,
Một khi rơi vào đường dữ,
Bao đời kiếp chịu khổ đau!

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Tội lỗi ngũ nghịch và ác tâm như vậy hướng về Tam bảo thì hiện tại gặp phải tai họa quả thật vô lượng, đồng thời phân tán ở trong các Thiện, nay sơ lược kể lại một vài chuyện báo ứng hiện tại của tội bất hiếu: 1. Vương Ngạn Vĩ thời nhà chu; 2. Hà quân Bình thời nhà Tề; 3. Con dâu nuôi cha mẹ chồng thời nhà Tùy.

1. Thời nhà Chu có người họ Vương-tự là Ngạn Vĩ, người vùng Hà Nam, vì tánh tình hung ác thích đi lại săn bắn, cha mẹ hết lòng nuôi dưỡng thương yêu rất thiết tha, đã từng can ngăn không cho phép du cùng với người ác, nhưng lại không nghe mà mặc ý săn bắn, sợ rằng tổn hại thân mạng không còn ai nối dõi. Ngạn Vĩ không nghe theo lời cha dạy bảo mà luôn luôn săn bắn không ngừng, và đi theo người ác luôn luôn gây ra lỗi lầm tai hại. Cha mẹ đã thấy không dừng lại những việc làm hung ác, bèn phạt năm mươi roi, thân bị vết thương không ra ngoài được. Vì căm hận cha mẹ, nên đợi đêm đến sau khi cha mẹ ngủ, bí mật

lấy túi đất đè miệng cha mẹ, lại thêm thân mình ngồi lên trên mong hơi thở không lọt ra được, ý làm cho phải chết mà không có vết thương để lại, lúc đã chết đi không ai ngờ vực gì đến mình. Bỗng nhiên thấy có quỷ đi vào trong nhà làm chấn động cả nhà, lớn nhỏ đều thức dậy trông thấy Ngạn Vĩ trước giường, Ngạn Vĩ nằm ngửa, túi đất đã ở trên bụng Ngạn Vĩ. Cha mẹ tỉnh lại, liền kéo túi đất trên bụng con, nhưng không thể nào rời thân được. Ngạn Vĩ lại thấy quỷ đè trên túi đất, vô cùng mệt mỏi gần chết, gọi to lên cứu mạng tôi. Cả nhà lớn bé và người hàng xóm, hợp sức kéo ra mà không thể nào di chuyển được. Ngạn Vĩ nói không ra tiếng, chỉ có thể dùng tay cúi rập đầu, hai tay chắp lại mà chết.

2. Thời nhà Tề có Hà Quân Bình, người vùng Tương Châu, mẹ là Bùi Thị, tuổi trẻ sinh được Quân Bình sau đó lại không có thai. Cha mẹ yêu thương giống như đôi mắt của mình. Cha mẹ thương yêu vô cùng, nên Quân Bình lớn lên không được dạy dỗ học hỏi bao nhiêu, mạc sức tự nhiên đi lại tung hoành. Đến tuổi 20, cha mẹ thương yêu không cho phép ở nhà riêng. Cha vì công việc phải đi ra ngoài, suốt năm mới trở về. Sau khi cha đi rồi, mẹ thương yêu nên cùng nhau vụng trộm. Cha trở về đến nhà thì cùng với mẹ giết cha, chôn ở sau vườn, nói dối với người ta là cha đi chưa về. Trời nổi sấm sét bày thi thể cha ra, sau đó sét đánh chết Quân Bình, trên thân ghi lại đầy đủ nguyên nhân. Bà con xóm giềng tố cáo lên quan, tin đồn vang dậy khắp nơi, truyền lệnh giết Bùi Thị, thây xác phơi bày không cho phép nhận về mai táng.

Hai chuyện trên đây xem trong Lý Quy Tâm Lục.

3. Trong thời Đại Nghiệp nhà Tùy có người ở vùng Hà Nam, là con dâu nuôi dưỡng mẹ chồng mà bất hiếu, mẹ chồng bị mù hai mắt, nàng dâu lấy giun đất nấu canh cho mẹ chồng ăn. Mẹ chồng cảm thấy quái lạ với mùi vị đó, lén cất lại một mẩu để đưa con trai xem rõ. Người con trở về trông thấy, muốn đem vợ đến huyện quan, chưa kịp đem đi mà mưa tuôn sấm sét chấn động cuốn mất người vợ. Trong chốc lát người vợ từ hư không rơi xuống, mình mặc áo chư cũ, mà đầu thay bằng đầu con chó trắng, nói năng không đổi khác, hỏi về nguyên cớ ấy, đáp rằng: Bởi vì bất hiếu với mẹ chồng mà bị Thiên Thần trừng phạt. Người chồng đem giao cho quan phủ, lúc ấy xin ăn nơi phố chợ, về sau không biết ở nơi nào.

Câu chuyện trên đây trích từ Minh Báo Ký.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 50

Thiên thứ 51: BÁO ÂN

Thiên này có 2 phần: Thuật ý, Dẫn chứng.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Bởi vì nghe ân đức sâu dày của Tam bảo tỏa bóng mát Từ bi che phủ Tứ Sanh, cảm hóa dạy dỗ khắp mười phương bình đẳng không sai khác đều là con một, căn cơ không bé nhỏ nào mà không đến, trí tuệ có đến mà nhất định vỗ về; liền khiến cho Ưu Điền khắc hình tượng - Uất Nhĩ phát ánh sáng, Tư Nặc đúc hình hài - Siêu Nhiên tránh chỗ ngồi, từ đó về sau điềm lành linh ứng xuất hiện nhiều hơn, tiếng ca ngợi càng nồng đượm như cỏ giạt xuống theo gió. Niệm thì tội diệt phước sanh, kính thì đức lớn muôn đời. Bởi vì Như lai nuôi lớn Pháp thân cho mình - cha mẹ nuôi sống Sanh thân cho mình, đã tu dưỡng nhân tố của trường thọ, không giữ lại tính mạng của phù du, ân nghĩa sâu nặng chỉ cần phải nghĩ đến sự báo ân!

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Có bốn loại ân thật là khó báo đáp. Những gì là bốn loại? Đó là: 1. Ân mẹ; 2. Ân cha; 3. Ân Như lai; 4. Ân của Sư thuyết pháp. Nếu có ai cúng dường bốn bậc này thì người ấy có được vô lượng phước thiện, hiện tại được mọi người cùng ca ngợi, ở đời vị lai có thể đạt được bồ đề".

Lại trong kinh Đại Bát Nhã quyển 443 nói: "Nếu có ai hỏi rằng: Người nào là người biết rõ ân nghĩa và luôn luôn báo đền ân nghĩa? Nên trả lời chính xác rằng: Đức Phật là người biết rõ ân nghĩa và luôn luôn báo đền ân nghĩa. Tại vì sao? Bởi vì tất cả thế gian không có ai biết rõ ân nghĩa và báo đền ân nghĩa hơn được Đức Phật".

Lại trong kinh Tăng Nhất A-hàm nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các Tỳ kheo: Nếu có chúng sanh nào biết quay trở lại, thì người

này thật đáng kính trọng, ân nghĩa nhỏ hãy còn không quên, huống gì ân đức to lớn! Giả sử lìa xa nơi này trăm ngàn do tuần, hãy còn gần Ta không khác, Ta luôn luôn khen ngợi người này. Nếu có chúng sanh nào không biết quay trở lại, thì ân nghĩa to lớn hãy còn không nhớ, huống gì ân tình bé nhỏ? Người kia chẳng gần Ta, Ta không gần người ấy, cho dù khóac Tăng-già-lê ở hai bên Ta, mà người này hãy còn rất xa. Vì vậy đã là không quay trở lại!"

Lại trong kinh Xá-lợi-phất Vấn nói rằng: "Đức Phật dạy: Người thọ giới, tùy theo khả năng mình lo liệu, có thể giúp đỡ thực hành, không giới hạn nhiều ít. Văn Thù Sư Lợi thưa với Đức Phật rằng: Vì sao Như lai giải thích ân của cha mẹ to lớn không thể không báo đền, lại nói là ân của Sư Tăng không thể tính kể, vậy ân của ai là nhất? Đức Phật dạy: Người tại gia, hiếu thuận thờ kính cha mẹ nằm ở dưới gối, không ai mà báo đền bằng được ân tình sinh ra và nuôi lớn của cha mẹ, bởi vì ân sinh đẻ sâu nặng cho nên nói là to lớn. Nếu theo thầy học đạo khai phát tri kiến, thì ân này to lớn thứ nhì thôi. Người xuất gia, rời bỏ ngôi nhà sanh tử của cha mẹ mình, vào trong cửa giáo pháp tiếp nhận giáo pháp vi diệu, nhờ vào sức lực của thầy, sinh trưởng Pháp thân tạo ra tài sản công đức nuôi dưỡng mạng sống trí tuệ, công lao không có gì lớn hơn, truy tìm nơi sinh ra ấy quả là thứ nhì mà thôi!".

Lại trong kinh Trung ấm nói: "Đức Phật hỏi Di-lặc: Trẻ thơ ở cõi Diêm-phù-đề lúc sinh ra, cho đến lúc ba tuổi mẹ ôm trong lòng là uống bao nhiêu sữa? Di-lặc thưa rằng: Uống hết một trăm tám mươi hộc sữa, trừ ra bốn phần được ăn lúc còn trong bụng mẹ; trẻ thơ ở cõi Đông Phất Vu Đãi lúc sanh ra, cho đến lúc ba tuổi uống hết một ngàn tám trăm Hộc sữa; trẻ thơ ở cõi Tây Câu-da-ni lúc sanh ra, cho đến lúc ba tuổi uống hết tám trăm tám mươi Hộc sữa; trẻ thơ ở cõi Bắc Uất Đan Việt lúc sanh ra ngồi ở đầu đường, người đi đường chìa ngón tay cho mút ngón tay trong bảy ngày thành người, cõi ấy không có sữa, chúng sanh Trung ấm uống bằng cách hút từ gió". (Người xưa dùng đấu nhỏ làm chuẩn, nay thì Đường dùng đấu thì một đấu tương đương với ba đấu xưa kia, cho nên lượng sữa hình như nhiều hơn).

Lại trong kinh Nan Báo nói: "Vai trái cõng cha vai phải cõng mẹ, trải qua ngàn năm ỉa đái trên lưng, hãy còn không thể nào đền đáp được ân đức của cha mẹ".

Lại trong kinh Tăng Nhất A-hàm nói: " Công đức quả báo của lòng hiếu thuận cung dưỡng cha mẹ, cùng ngang bằng với công đức của Bồ-tát Nhất Sanh Bổ Xứ".

Lại trong Kinh Phật Thuyết Cổ Lai Thế Thời nói: "Tỳ kheo A-na-luật tự nói về túc mạng của mình rằng: Xưa kia con ở nước Ba-la-nại, thóc lúa đậu mè rất quý mà nhân dân gặp nạn đói kém, con gánh gánh cỏ bán để tự nuôi sống mình, lúc ấy có vị Duyên giác, tên gọi Hòa Lý, đến dạo khắp nước ấy, con sáng sớm đã ra ngoài thành muốn gánh cỏ đi bán. Lúc bấy giờ vị Duyên giác khoác y ôm bát đi vào thành khất thực, đến ở giữa đường con gánh cỏ trở về, vào trong cổng thành lại cùng gặp nhau, ôm bát không mà đi ra. Duyên giác Hòa Lý từ xa nhìn thấy con đi đến, liền tự nghĩ rằng: Mình sáng sớm đi vào thành, người này từ thành đi ra, nay gánh cỏ trở về, nhớ buổi sáng chưa ăn, mình nên theo sau đi đến nhà ấy, xin để ngăn cơn đói. Lúc ấy con gánh cỏ tự trở về nhà mình, đặt gánh cỏ xuống đất, quay đầu lại thấy vị Duyên giác theo sau con như bóng theo hình. Lúc ấy tâm con nghĩ: Sáng sớm ra khỏi thành thì vị Duyên giác này đi vào thành khất thực, giống như ôm bát không trở về, nghĩ là chưa được ăn gì, mình nên bỏ ăn để dâng cho vị này. Ngay lúc ấy mang đồ ăn ra quỳ thẳng trao cho, mong đạo nhân thương tình tiếp nhận! Vị Duyên giác nói: Nay gặp nạn đói thóc lúa đậu mè đắt đỏ dân chúng đói lòng khốn khổ, phân làm hai phần, một phần đặt vào bát, một phần tự mình ăn, ông làm thuận theo cách như vậy! Thí chủ trả lời rằng: Vâng, thưa Thánh nhân, hàng bạch y ở nhà từ từ thổi cơm ăn, sớm tối không có gì lo ngại, nguyện Đạo nhân tiếp nhận, thương tình gia hộ cho một phần. Lúc ấy vị Duyên giác tiếp nhận tất cả cơm và thức ăn. Con nhờ công đức này bảy lần lên cõi Trời làm các vị Thiên Vương, bảy lần ở địa vị tôn quý giữa người thế gian. Nhờ một lần bố thí này mà được các Quốc vương, Trưởng giả - nhân dân - quần thần văn võ tiếp xúc tôn kính hết lòng, bốn chúng đạo - tục tiếp xúc cúng dường, tự đến cầu xin con mà con không hề quên gì".

Lại trong kinh Phật Thăng Đao Lợi Thiên Vi Mẫu Thuyết Pháp nói: "Đức Phật ở dưới tán cây Ba Lợi Chất Đa la trong vườn Hoan Hỷ trên cung Trời Đao Lợi, bốn chúng vây quanh an cư ba tháng, trong lỗ chân lông trên thân phóng ra ngàn ánh sáng, chiếu rọi khắp nơi Tam thiên Đại thiên thế giới. Ma-gia phu nhân nghe thấy rồi dòng sữa tự nhiên chảy ra, nếu đích xác là Tất-đạt-đa mà tôi sanh ra, thì nên làm cho dòng sữa tiến vào thẳng trong miệng. Dấy lên lời này xong thì hai dòng sữa vọt thẳng ra, giống như hoa sen trắng, mà tiến vào trong miệng Như lai. Ma-gia phu nhân trông thấy vô cùng vui mừng sung sướng không sao tả nổi, như đóa hoa nở rộ thật tươi đẹp, năm vóc chí thành rạp sát đất chuyên tinh chánh niệm, diệt sạch mọi kết sử phiền não. Đức Phật

thuyết pháp cho mẹ đạt được quả vị Tu-đà-hoàn. Đức Phật ở trên cõi Trời làm cho chư Thiên đạt được rất nhiều lợi ích, không làm sao kể lại hết được. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn đã kết thúc ba tháng mùa Hạ, sắp về lại cõi Diêm-phù-đề, phóng ra ánh sáng năm màu chiếu soi rực rỡ khắp nơi. Lúc ấy Thiên Đế Thích biết Đức Phật sắp đi xuống, liền sai quỷ thần làm ba dãy bậc cấp bằng vật báu, dãy chính giữa làm bằng vàng ròng Diêm-phù Đàn, dãy bên trái dùng lưu ly làm thành, dãy bên phải dùng mã não làm thành, lan can hai bên chạm trổ vô cùng nghiêm trang tráng lệ. Đức Phật nói với Ma-gia phu nhân: Pháp sanh tử tụ hội nhất định có chia ly, nay con phải trở lại dưới cõi Diêm-phù-đề, không lâu nữa cũng sẽ nhập Niết-bàn. Ma-gia phu nhân rơi nước mắt nói bài kệ. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn cùng với mẹ Từ biệt, nhẹ bước xuống bậc cấp quý báu, Phạm Thiên Vương cầm tán che, và Tứ Thiên Vương đứng hầu hai bên, bốn bộ đại chúng ca bối tán thán, chư Thiên trỗi lên các loại âm nhạc vang lừng hư không, tung hoa đốt hương đi theo đến cõi Diêm-phù-đề. Nơi ấy vua Ba-tư-nặc cùng tất cả đại chúng quy tụ ở dưới bậc cấp quý báu cúi đầu lạy tôn kính tiếp đón, Đức Phật trở về an tọa trên Sư Tử tòa nơi tinh xá Kỳ-hoàn, bốn chúng vây quanh, hoan hỷ vô cùng không làm sao diễn tả hết".,

Lại trong kinh Quán Phật Tam Muội nói: "Phu Vương bày tỏ với Đức Phật, nên đến cõi Trời Đao Lợi thuyết pháp cho mẹ. Đức Phật thưa rằng: Thích hợp thì giống như pháp hành của Luân Vương đến thăm hỏi đàn việt. Lúc ấy Trì Địa Bồ-tát tiến vào Thủ Lăng Nghiêm Định, từ ranh giới Kim Cang làm thành hoa Kim Cang, từng hoa từng hoa tiếp theo nhau, bốn con rồng đều mang một đài hoa bằng bảy báu, Trì Địa Bồ-tát vì Đức Phật làm ba dãy bậc cấp bằng vật báu, Đức Thế tôn đến rồi đi vào cung Trời, ánh sáng từ tướng lông trắng giữa chặng mày hóa làm tàn che bảy báu che phủ phía trên mẹ, làm chiếc giường báu dâng mẹ để ngồi".

Lại trong Lục Độ Tập Kinh nói: " Xưa kia Bồ-tát là một người vô cùng giàu có tích lũy tài sản rất nhiều, thường dâng cúng Tam bảo - Từ bi hướng về chúng sanh. Đi ngắm cảnh chợ búa nhìn thấy con ba ba trong lòng thương xót làm sao, hỏi giá mắc rẻ. Người bán con ba ba biết Bồ-tát có đức Từ bi rộng lớn, đáp rằng: Trăm vạn. Bồ-tát đáp rằng: Rất tốt. Mang con ba ba về nhà, đến dòng nước thả xuống nhìn thấy nó bơi đi mà buồn vui lẫn lộn thề rằng: Mọi tai nạn tính mạng an toàn như người bây giờ! Phát khởi hoằng nguyện, chư Phật khen ngợi tốt lành. Con ba ba vào cuối đêm đến gặm ngoài cửa, quái lạ cửa có

tiếng gì liền đi ra trông thấy con ba ba, nói với Bồ-tát rằng: Tôi được trở lại nơi tốt lành – thân thể được an toàn, không có gì để đền đáp ân tình, vật sống trong nước biết nước cao thấp, nước lũ sắp đến làm hại rất lớn, mong nhanh chóng chuẩn bị thuyền bè đến lúc sự cố xảy ra sẽ gặp nhau. Đáp rằng: Rất tốt. Sáng sớm đến cung thành như sự việc trình bày với nhà vua. Bởi vì Bồ-tát vốn có danh tiếng tốt lành nên nhà vua tin theo lời trình bày đó, chuyển dưới thấp lên chỗ cao. Đến lúc con ba ba xuất hiện thì nước lũ đến chân rồi. Nên nhanh chóng xuống thuyền, theo tôi thì có thể bình yên. Thuyền đi theo phía sau con ba ba, có con rắn hướng về phía thuyền, Bồ-tát nói bắt lấy, ba ba nói rất tốt. Lại nhìn thấy con cáo trôi nổi, Bồ-tát nói bắt lấy, ba ba nói cũng tốt. Lại nhìn thấy người nổi trôi ôm mặt kêu Trời cầu xin cứu mạng, Bồ-tát nói bắt lấy. Ba ba nói: Cẩn thận đừng bắt lấy, lòng dạ người phàm giả dối, ít có người tin tưởng suốt đời, vong ân bội nghĩa chạy theo thời thế thích làm điều phản nghịch xấu xa. Bồ-tát nói: Loài vật như ông Ta còn cứu giúp, loài người mà Ta coi rẻ, há thật là nhân ái hay sao, Ta không đành lòng làm như vậy. Thế là bắt lấy người ấy. Con ba ba hối hận quá. Đến được vùng đất tốt lành, con ba ba Từ biệt rằng: Ân tình trả xong xin được rút lui. Đáp rằng: Ta đạt được quả vị Như lai Vô Sở Trước Chí Chân Đẳng Chánh Giác, chắc chắn sẽ độ cho nhau. Con ba ba nói: Rất tốt. Con ba ba rút lui thì con rắn- con cáo đều ra đi. Con cáo lấy hang làm chỗ ở, gặp được một trăm cân Tử Ma Hoàng Kim của người xưa cất giấu, vui mừng nói rằng: Nên dùng để báo đáp ân tình ấy vậy. Con cáo quay lại thưa rằng: Loài vật bé nhỏ chịu ân được cứu giúp mạng sống nhỏ nhoi, cáo là loài vật sống ở trong hang tìm hang để tự yên ổn, gặp được một trăm cân vàng, hang này không phải mộ - không phải nhà - không phải cướp - không phải trộm, tôi bày tỏ rất chân thành, nguyện đem dâng lên người tài đức. Bồ-tát suy nghĩ sâu sắc, không lấy thì chỉ làm tổn thương con cáo mà chẳng ích gì cho dân nghèo, có thể dùng bố thí cứu giúp cho cúng dường, cũng không tốt hay sao? Thế là đồng ý nhận lấy. Người trôi nổi nhìn thấy mới nói rằng: Chia cho tôi một nửa đấy. Bồ-tát liền lấy đưa cho mười cân. Người trôi nổi nói: Ông đào mộ cướp vàng thì tội phải như thế nào, không chia một nửa thì tôi nhất định tố cáo với quan phủ. Đáp rằng: Dân nghèo khốn khổ thì tôi muốn giúp cho như nhau, ông muốn một mình lấy phân nữa cũng không quá đáng hay sao? Người trôi nổi liền tố cáo với quan phủ. Bồ-tát bị bắt giam không hề nói điều gì, chỉ hướng lòng về Tam bảo hối lỗi tự quở trách mình, nguyện cho chúng sanh sớm lìa xa tám nạn, đừng có oán kết như tôi bây giờ. Rắn và

cáo gặp nhau nói rằng: Việc này làm thế nào? Rắn nói: Tôi sẽ cứu Bồ tát. Liền ngậm thuốc tốt mở cửa đi vào ngục, trông thấy hình dáng sắc diện của Bồ-tát có phần tổn hại mà lòng cảm thấy đau thương, nói với Bồ-tát rằng: Lấy thuốc mang theo bên mình, tôi sẽ cắn Thái tử, nọc của tôi rất độc không ai có thể cứu được, Hiền giả dùng thuốc tự mình nghe lệnh truyền thì sẽ chữa khỏi. Bồ-tát im lặng như lời rắn đã nói. Thái tử bị rắn cắn tính mạng sắp chấm dứt. Nhà vua truyền rằng: Có ai có thể cứu mạng con Ta, Ta sẽ phong làm Tướng quốc cùng Ta cai quản đất nước. Bồ-tát nghe lệnh truyền của nhà vua, lập tức đến cứu mạng Thái tử. Nhà vua vui mừng hỏi nguyên cớ ấy. Bồ-tát tự nói rõ đầu đuôi sự việc. Nhà vua buồn bã tự trách mình bằng: Ta thật là tối tăm làm sao! Liền giết người trôi nổi đại xá cho cả nước, phong Bồ-tát làm Tướng Quốc nắm tay đi vào cung điện, cùng ngồi bàn luận Phật pháp làm cho đất nước được thái bình.

Đức Phật bảo với các Sa môn: Người vô cùng giàu có lúc ấy chính là thân Ta bây giờ. Quốc vương lúc ấy nay chính là Di-lặc. Con ba ba lúc ấy nay chính là A-nan. Con cáo lúc ấy nay chính là Thu Lộ Tử. Con rắn lúc ấy nay chính là Mục-kiền-liên. Người trôi nổi lúc ấy nay chính là Điều Đạt. Bồ-tát Từ bi ban ân hóa độ vô cùng tận, thực hành bố thí như vậy”.

Lại trong Tân Bà Sa Luận nói: “Xưa kia vua Ca nhị sắc ca ở nước Kiện Đà La có một Hoàng Môn (Thái giám), thường xuyên theo dõi mọi điều trong cung tạm thời đi ra ngoài thành, thấy có bầy trâu đếm hơn năm trăm con, đi vào trong thành hỏi người đuổi trâu rằng: Đây là trâu của ai? Đáp rằng: Trâu này sắp mất đi chủng loại của nó. Thế là người Hoàng Môn liền tự suy nghĩ: Mình vốn có ác nghiệp nhận chịu thân người chẳng phải nam – chẳng phải nữ, nay nên dùng tiền của cứu nạn cho đàn trâu này. Liền trả đủ giá trị đó làm cho đàn trâu được thoát nạn. Nhờ sức mạnh của thiện nghiệp, khiến cho Hoàng Môn này lập tức trở lại thân nam, trong lòng vô cùng vui mừng liền quay về trong thành, đứng lặng hồi lâu ngoài cửa cung, nhờ người tâu với nhà vua xin được vào hầu hạ ngay. Nhà vua cho gọi vào của cảm thấy quái lạ mà hỏi rõ nguyên cớ. Thế là Hoàng Môn tâu trình đầy đủ sự việc trên. Nhà vua nghe mà vừa sợ vừa vui ban cho nhiều châu báu tiền bạc, trở lại trao cho chức quan cao hơn khiến biết rõ mọi việc bên ngoài”.

Tụng rằng:

To lớn thay lòng nhân ái,
Từ bi cứu giúp làm đầu,

Dựa theo cơ duyên cảm ứng,
Nuôi dưỡng đạo lý yêu thương,
Cáo tặng vàng - rắn đều ơn,
Hoạn quan được thân đầy đủ,
Biết ân tình báo phước đức,
Nhân quả sâu thẳm diệu kỳ.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra 4 chuyện: 1. Ngô Tử Anh thời nhà Tống; 2. Thời nhà Tống có người niệm Phật được thoát nạn; 3. Trần Bùi ở Bột Hải thời nhà Tống; 4.Tăng ở chùa Thạch Bích vùng Tích Châu thời nhà Đường.

1. Thời nhà Tống có Ngô Tử Anh, người ở Thư Hương, dễ dàng vào nơi sông nước bắt được con cá chép đỏ, thích màu sắc ấy nên mang về nhà không giết thịt, nuôi sống ở trong hồ, dùng gạo mè nuôi dưỡng nhiều ngày, nuôi được một năm dài hơn trượng, liền mọc sừng có cánh. Tử Anh sợ hãi vái lạy tạ lỗi. Cá nói: Tôi đến đón ông, lên lưng tôi cùng đưa ông đến cõi Trời. Năm sau trở về gặp vợ con mình, cá lại đón đi. Như vậy có bảy mươi người, vốn là bà con trong nhà họ Ngô, cùng làm nhà thờ Thần ngư Tử Anh.

Câu chuyện trên đây trích từ Liệt Tiên Truyện.

2. Thời nhà Tống có một nước, gần nhau với khu vực của quỷ La Sát. Quỷ La Sát nhiều lần đi vào nước này ăn thịt người rất kinh hoàng. Nhà vua cùng với La Sát quy ước rằng: Từ nay về sau người trong nước, đều thường xuyên một ngày sẽ phân ra chuyển đến một người cho quỷ, đừng tiếp tục giết hại oan ức. Có nhà tin thờ Phật, chỉ có một người con, năm ấy mới mười tuổi, tiếp theo phải chấp nhận đưa đi. Cha mẹ gào khóc đau đớn, đành chí tâm niệm Phật, liền cùng với họ hàng thân thích giúp con mình tập trung ý tưởng, nhân tiện đưa đứa bé này Từ biệt rời xa. Nhờ vào sức uy thần to lớn của Phật nên quỷ không đến gần được, ngày mai thấy con còn sống vô cùng vui mừng cùng nhau trở về. Từ đó liền chấm dứt nạn quỷ, người trong nước khen ngợi chúc mừng và ngưỡng mộ vô cùng.

Câu chuyện trên đây trích từ U Minh Lục.

3. Thời nhà Tống có Thái Thú quận Tửu Tuyền, được làm quan không bao lâu thì qua đời. Sau có Trần Bùi ở Bột Hải, được phái đến quận này, Trần Bùi ưu sầu không vui, liền bốc quẻ xem bói điều ấy lành dữ. Quẻ bói rằng: Chư hầu ở xa thả Bá Cầu, có thể thoát được sự

cố này thì không có gì lo lắng. Trần Bùi vẫn không hiểu lời này. Người bói quẻ trả lời rằng: Hẵng đi rồi tự nhiên sẽ hiểu! Trần Bùi đã đến công đường, tới hầu hạ có Vương Hầu Bình, có Sử Hầu - Đồng Kỳ..., tâm Trần Bùi hiểu rằng: Đây vốn gọi là chư hầu rồi, chính là ở xa vậy. Liền nằm suy nghĩ về nghĩa thả Bá Cầu, không biết là chỉ cái gì? Đến sau nửa đêm có vật gì xuất hiện che phủ trên Trần Bùi, Trần Bùi tỉnh giấc dùng chăn chụp lấy, vật đó nhảy cẫng lên điên cuồng gây ra tiếng động ầm ầm. Người bên ngoài nghe thấy cầm đèn chạy vào muốn giết chết. Quỷ mới nói rằng: Tôi thật sự không có Ác ý, chỉ muốn thử Phủ Quân mà thôi, nghe cùng tha cho nhau nên hết lòng đền đáp ân đức của Phủ Quân. Phủ Quân nói: Ông là vật gì mà bỗng nhiên xâm phạm Thái Thú. Quỷ nói: Tôi vốn là con cáo trăm tuổi, nay biến thành quỷ, có lẽ sắp hóa làm thần, mà đích thực xúc phạm uy nộ của Phủ Quân, thật là gặp phải hoàn cảnh khốn khó, nghe cùng tha cho tôi, tôi tên là Bá Cầu, nếu Phủ Quân có hoạn nạn nguy cấp, chỉ gọi tên tôi, thì tự nhiên thoát khỏi rồi. Trần Bùi mới vui mừng nói: Quẻ bói đúng nghĩa là tha cho Bá Cầu. Lập tức thả ra, hé mở tấm chăn bỗng nhiên có ánh sáng đỏ như chớp điện, theo cửa mà ra ngoài. Đêm ngày mai có người gõ cửa, Trần Bùi hỏi rằng ai? Đáp rằng: Bá Cầu. Hỏi rằng: Có việc gì? Đáp rằng: Trình bày sự việc. Hỏi rằng: Trình bày sự việc gì? Đáp rằng: Nơi này có giặc, tôi tớ phát ra. Trần Bùi tra cứu thì nghiệm đúng không sai. Cứ mỗi lần có sự cố thì trước tiên đem nói với Trần Bùi, thế là trong ranh giới cai quản không hề có điều gian trá xảy ra, mà tất cả đều nói rằng: Thánh quân xuất hiện. Sau đó trải qua hơn tháng chủ bộ Lý Âm cùng với hầu gái của Trần Bùi thông dâm với nhau, đã vậy mà còn lo sợ Bá Cầu đến thưa trình, liền cùng với chư hầu tìm cách giết Trần Bùi, lại vì bên cạnh không có người nào, liền sai chư hầu cầm gậy, xông thẳng vào muốn đánh chết Trần Bùi. Trần Bùi hoảng sợ liền gọi Bá Cầu đến cứu tôi, lập tức có vật giống như một tấm lụa màu đỏ thẫm tung ra, tự nhiên phát ra tiếng nói, chư hầu rạp xuống sát đất kinh hồn bạt vía, bèn dùng dây trói lấy tra hỏi ý đồ gây sự, do đó tất cả đều cúi đầu nhận tội. Hơn tháng sau vào ngày cùng với Trần Bùi chia tay nói rằng: Nay được làm thần rồi, nên đi lên cõi Trời không thể tiếp tục cùng với Phủ Quân qua lại gặp gỡ nhau được. Tức thì biến mất không còn thấy nữa.

Câu chuyên trên đây trích từ Sưu Thần Dị Ký.

4. Thời nhà Đường ở vùng Tính Châu có chùa Thạch Bích, trong chùa có một vị Tăng già nua, lấy thiền tụng làm sự nghiệp, tinh tiến luyện tập thực hành. Cuối thời Trinh Quán nhà Đường có con chim bồ

câu, làm tổ trên cột nhà nuôi dưỡng hai chim non. Pháp sư môi khi có thức ăn thừa thường đến tổ cho ăn. Bồ câu non về sau tuy dần lớn lên mà vây cánh chưa thành thục, mới cùng tập bay đều rơi xuống đất mà bị chết, vị Tăng cùng thâu nhặt chim non mà chôn cất trang trọng. Trải qua một tuần sau đó vị Tăng trong đêm mộng thấy, có hai trẻ nhỏ thưa rằng: Chúng con vì trước đây có một chút tội lỗi nên chịu làm thân chim bồ câu, gần đây nghe Pháp sư đọc kinh Pháp Hoa và Kinh Kim Cang Bát Nhã, đã nghe diệu pháp được Thọ thân người, chúng con nay đầu thai làm con trai trong nhà tên họ ấy - thôn ấy ở bên chùa này hơn 10 dặm, qua khỏi tháng 10 lập tức được chào đời. Vị Tăng bèn y theo kỳ hạn đến xem sao, thấy nhà này có một phụ nữ cùng lúc sinh được hai bé trai. Bởi vì làm lễ trai tịnh đầy tháng cho con, vị Tăng gọi là con trẻ bồ câu, hai đứa trẻ cùng đáp lãi rằng: Dạ. Sau một lần đáp lại ấy, hơn một tuổi mới bắt đầu nói được.

Câu chuyện trên đây trích từ Minh Báo Thập Di Ký.

Những chuyện về báo ân rất nhiều không thể nào kể lại đầy đủ được.

Thiên thứ 52: BỘI ÂN

Thiên này có 2 phần: Thuật ý, dẫn chứng.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Bởi vì nghe Tứ sanh chìm đắm ắt phải nhờ thuyền cứu giúp, Lục thú hôn mê vốn dựa vào khuyến khích dẫn dắt, vì vậy Tam bảo Đại từ nhìn xuống mà thuận theo chúng sanh, rủ lòng dẫn lối khiến cho thoát khỏi hoạn nạn khổ đau; ví như lại làm trái ân tình sâu nặng, lẽ nào không mãi chìm trong biển khổ đau? Vì vậy người vợ hiểm độc mà người chồng được vua ban thưởng, tiều phu hại gấu báo ứng hiện tại đứt cánh tay. Bởi vì làm trái ân tình nghiệp lực sâu nặng, hiện tại nhận chịu báo ứng đan nhau. Do đó trong Trí Độ Luận nói: "Người biết ân tình sanh trưởng gốc rễ của Đại bi, mở thông cánh cửa của Thiện Nghiệp, mọi người đều kính mến, danh tiếng truyền khắp nơi, chết được sanh cõi Trời, cuối cùng thành Phật đạo. Người không biết ân tình khác gì với súc sanh!

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như Kinh Bách Dụ nói: "Xưa có một người vợ hoang dâm vô hạn độ, dục tình đã hừng hực mà căm ghét cả chồng mình. Thường nghĩ kế sách tìm cách muốn làm thương tổn, nhưng các loại mưu kế không thể nào có dịp thuận tiện. Đúng lúc gặp người chồng đi làm sứ giả ở nước láng giềng, người vợ bí mật thực hiện kế sách, làm thuốc độc vo tròn muốn dùng để hại người chồng. Nói lời phỉnh nịnh với chồng rằng: Nay anh đi làm sứ phương xa nghĩ rằng có điều thiếu sót xảy ra, bây giờ em làm sẵn năm trăm viên thuốc hoan hỷ, dùng làm lương thực để tiễn đưa anh, nếu anh ra khỏi đến cảnh giới khác, lúc đói khát mệt mỏi mới được lấy ăn. Người chồng ghi nhớ lời vợ mình. Đến địa phận nước khác rồi nhưng chưa kịp ăn, dừng lại giữa rừng ở trong đêm tối, sợ hãi thú dữ nên leo lên cây mà tránh, gói thuốc hoan hỷ bỏ quên dưới cây. Cũng ngay đêm đó gặp năm trăm tên giặc cấp, trộm của vua nước ấy năm trăm con ngựa cùng với nhiều vật báu đến dừng lại dưới tán cây. Bởi vì chạy trốn đột ngột nên tất cả đều đói khát mệt mỏi, ở dưới tán cây ấy trông thấy gói thuốc hoan hỷ, bọn giặc lấy rồi mỗi tên ăn một viên, thuốc độc phát tán rất nhanh làm cho năm trăm tên giặc trong chốc lát đều chết. Lúc ấy người trên cây đến lúc Trời sáng tỏ, thấy bọn giặc này chết ở dưới tán cây, giả lấy dao tên đâm chém vào xác chết, thu lấy yên cương cùng các thứ châu báu tiền của chạy hướng về nước kia. Lúc ấy vua nước kia

dẫn theo nhiều binh lính tìm dấu vết đuổi đến, đúng lúc ở giữa đường gặp vị vua ấy. Vị vua ấy hỏi rằng: Ông là người ở đâu - lấy được ngựa nơi nào? Người ấy đáp rằng: Tôi là người nước ấy, mà trên đường đi gặp bọn giặc này cùng đánh chém nhau, năm trăm tên giặc này đều chết một chỗ ở dưới tán cây, vì vậy cho nên tôi lấy được ngựa và đem châu báu tìm đến đất nước của nhà vua, nếu không tin chắc thì đến nơi đó sẽ thấy bọn giặc bị giết hại thế nào! Vị vua này lập tức sai người thân tín đến xem rõ thực hư, quả nhiên như lời người ấy nói. Lúc ấy nhà vua vui mừng ca ngợi là chưa từng có. Đã về đến đất nước rồi ban thưởng tước vị rất nồng hậu, phong cho đất đai cai quản. Bề tôi của nhà vua ấy đều sanh lòng ganh ghét, bèn thưa với nhà vua rằng: Người kia là người phương xa không đáng tin phục, làm sao lại vội vàng sủng ái đối đãi quá nồng hậu như vậy, đến mức ban thưởng tước vị vượt quá bề tôi kỳ cựu. Người phương xa nghe rồi bèn dấy lên nói rằng: Ai có sức mạnh có thể cùng tôi thử xem, xin mời đến nơi rộng rãi để so tài cao thấp. Người trong triều ngạc nhiên không có ai dám so tài. Về sau trong vùng hoang vu bát ngát của nước ấy có con sư tử dữ tợn, chặn đường giết người, cắt đứt đường đi của nhà vua. Lúc ấy các quan kỳ cựu trong triều cùng nhau bàn bạc kỹ càng rằng: Người phương xa kia, tự mình nói là khỏe mạnh không ai có thể địch nổi, nếu như bây giờ lại có thể giết con sư tử kia trừ hại cho đất nước, thì thật sự là đặc biệt vô cùng. Bàn bạc như vậy rồi liền thưa với nhà vua. Nhà vua nghe vậy rồi ban cho dao kiếm lập tức phái đi. Lúc bấy giờ người phương xa đã tiếp nhận sắc lệnh rồi, ý chí kiên cường hướng về nơi sư tử. Sư tử trông thấy lập tức gầm lên nhảy chồm về phía trước. Người phương xa kinh hãi liền leo lên cây, sư tử há miệng ngước đầu hướng lên cây. Người ấy sợ hãi trong lúc cấp bách làm rơi cây dao đang cầm lọt vào miệng sư tử. Sư tử liền chết ngay. Lúc bấy giờ người phương xa vui sướng nhảy múa, về thưa với nhà vua. Nhà vua sủng ái khoản đãi gấp bội. Lúc ấy người trong nước vô cùng kính phục, tất cả đều ca ngợi vui vẻ".

Lại trong Chư Kinh Yếu Tập nói: "Có người đi vào rừng đốn gỗ, mê hoặc nên bị lạc đường, lúc ấy gặp mưa to Trời đã chiều vừa đói vừa lạnh, thú dữ trùng độc muốn đến xâm hại, người này lần tìm đi vào trong hang đá, thấy có một con gấu lớn nên sợ hãi đi ra. Con gấu nói rằng: Ông đừng sợ hãi, ở đây ấm áp, nên vào trong ở lại qua đêm. Lúc ấy mưa liên tục bảy ngày, con gấu thường lấy trái ngọt nước thơm cung cấp cho người này. Sau bảy ngày mưa tạnh, con gấu dẫn người này chỉ rõ đường đi ngắn nhất. Con gấu nói với người ấy rằng: Tôi là thân mang

tội bị nhiều người oán hận, nếu có ai hỏi thì đừng nói là gặp tôi! Người ấy đáp rằng: Như vậy. Lúc người này đi về phía trước gặp những thợ săn, hỏi rằng ông từ đâu đến, thấy có những loài thú nào không? Đáp rằng: Gặp một con gấu to lớn có ân tình đối với tôi, không thể chỉ cho các ông được. Những thợ săn nói: Ông là con người nên có cách nhìn như loài người, tại sao tiếc con gấu, nay một khi lạc đường biết lúc nào trở lại, ông chỉ chỗ cho chúng tôi, chúng tôi sẽ cho ông phần nhiều. Tâm người này thay đổi, liền dẫn thợ săn chỉ rõ nơi con gấu ở. Thợ săn giết chết con gấu, liền lấy phần nhiều đưa cho. Người này đưa tay ra lấy thịt, hai khuỷu tay cùng rơi xuống. Thợ săn nói: Ông có tội gì vậy? Đáp rằng: Con gấu này chăm sóc tôi giống như cha đối với con, nay tôi làm trái ân tình chuốc lấy tội báo này. Thợ săn kinh sợ không dám ăn thịt, mang đến bố thí chúng Tăng. Thượng tọa là vị La hán, nói với các vị Tăng rằng: Đây là Bồ-tát, xuất thế trong thời vị lai sẽ được làm Phật, đừng ăn thịt này, hãy lập tức xây tháp để cúng dường! Nhà vua nghe sự việc này sắc lệnh trong cả nước, người làm trái ân tình không cho phép ở lại nơi này".

Trong Tân Bà Sa Luận nói: "Lúc ấy vị Thượng Tọa quán xét thịt này là thịt Bồ-tát, nên cùng lấy hương đốt củi thiêu cháy thịt ấy, thâu nhặt xương cốt còn lại đó xây tháp lễ bái cúng dường giống như tôn kính tháp thờ Đức Phật".

Lại trong Kinh Cửu Sắc Lộc nói: "Xưa có Bồ-tát thân làm loài hươu chín màu, bộ lông có chín loại màu sắc - sừng trắng như tuyết, thường ở bên bờ sông Hằng ăn cỏ uống nước, thường cùng với một con quạ làm tri thức gần gũi. Lúc ấy giữa dòng sông có một người bị chìm trôi theo dòng xuống phía dưới, lúc chìm lúc nổi, ngẫng đầu gọi Trời, Thần núi Thần cây - chư Thiên Long, Thần, sao không thương xót tôi! Hươu nghe thấy bèn xuống dòng nước cứu giúp mà nói rằng: Ông hãy cưỡi trên lưng tôi nắm lấy sừng tôi. Cõng vượt lên trên bờ, người bị chìm bước xuống đất đi quanh hươu ba vòng, đến trước hươu rập đầu cầu xin làm tôi tớ cho người vĩ đại, làm kẻ sai bảo để hái cỏ lấy nước phục vụ bên cạnh. Hươu nói: Không cần đâu, hãy đường ai người ấy đi, muốn đền đáp ân tình thì đừng nói là ở bên tôi. Hươu nghĩ rằng: Người này tham bộ da và sừng của mình ắt sẽ đến giết mình. Lúc ấy phu nhân của Quốc vương trong đêm mộng thấy loài hươu chín màu, liền giả vờ bệnh không dậy được. Nhà vua hỏi tại vì sao? Đáp rằng: Đêm qua thiếp mộng thấy loài hươu kỳ lạ, bộ lông hươu có chín loại màu sắc, sừng hươu trắng như tuyết, thiếp nghĩ và mong có được bộ da đó làm đệm

ngồi - có bộ sừng đó làm cán quạt, nhà vua nên cho thiếp đạt được ước muốn, nếu nhà vua không vừa lòng thì thiếp sẽ chết mất. Nhà vua liền chiêu mộ trong nước, nếu ai có thể bắt được loài hươu chín màu thì sẽ phân cho đất nước để cai quản, ban cho người đó bát vàng chứa đầy thóc bạc, ban cho người đó bát bạc chứa đầy thóc vàng. Người bị chìm nghe tin, mong muốn đạt được phú quý, nghĩ rằng: Hươu là súc sinh thì sống chết nào can hệ đến mình. Thế là đi đến nơi vua nói rằng biết chỗ của hươu. Nhà vua vô cùng mừng rỡ nói: Nếu ông có thể lấy được da và rừng hươu mang đến, Ta sẽ đền đáp một nửa đất nước cho ông. Trên mặt người bị chìm liền mọc ra những mụn nhọt. Người bị chìm nói: Đại vương ơi, con hươu này tuy là súc sinh nhưng có uy thần to lớn, Đại vương nên điều động nhiều binh lính mới có thể bắt được. Nhà vua liền huy động rất nhiều binh lính, theo đường tắt đến bên bờ sông Hằng. Con quạ ở trên ngọn cây trông thấy binh lính xuất hiện liền gọi hươu nói rằng: Này bạn tri thức hãy dậy đi, binh lính nhà vua đến kìa! Hươu nằm ngủ say không hay biết, quạ sà xuống mổ vào tai, hươu mới giật mình tỉnh giấc, quay nhìn bốn phía không có nơi nào thoát được, thế là đi đến bên cạnh xe vua. Cận thần muốn bắn, nhà vua bảo: Đừng bắn, con hươu này thật kỳ lạ, mong chính là Thiên Thần! Hươu nói: Thưa Đại vương, hãy đừng bắn tôi, trước đây tôi là người sống trong đất nước của Đại vương. Hươu lại quỳ thẳng hỏi nhà vua rằng: Ai nói tôi ở đây? Nhà vua liền chỉ cho biết chính là người mặt bị hủi đứng bên cạnh xe. Hươu liền ngẫng đầu nhìn mặt người này, trong mắt trào lệ không thể nào kềm lòng được, người này trước đây bị chìm ở giữa dòng sông, tôi không tiếc thân mạng, tự lao vào tro dòng nước cõng này này thoát ra, hứa là không nói gì với ai, người không giữ chữ Tín mà hay tráo trở, không bằng khúc gỗ trôi nỗi giữa dòng nước bập bềnh. Nhà vua có vẻ mặt xấu hổ, nói rằng: Ông nhận ân tình cứu mạng của hươu tại sao lại tráo trở muốn giết hại hươu? Lập tức hạ lệnh truyền khắp trong nước: Nếu có ai đuổi bắt hươu này, sẽ bị tru di năm họ! Các loài hươu mấy ngàn con đều đến nương tựa, ăn cỏ uống nước không xâm phạm lúa má của người, mưa gió thuận theo thời tiết - thóc lúa đậu mè được mùa, người không bệnh tật - khắp nơi hưởng phúc thái bình.

Đức Phật bảo rằng: Hươu chín màu lúc ấy chính là thân Ta bây giờ. Con quạ lúc ấy nay chính là A-nan. Quốc vương lúc ấy nay chính là vua Duyệt Đầu Đàn cha Ta. Phu nhân nhà vua lúc ấy nay chính là Tôn Đà Lợi. Người bị chìm lúc ấy nay chính là Điều Đạt. Tuy Ta có thiện tâm giúp đỡ, nhưng cố tình muốn hãm hại Ta, khó mà có thành ý”.

Lại trong kinh Tước Vương nói: "Xưa có Bồ-tát thân làm chúa chim Tước, chúa tâm yêu thương giúp đỡ mọi loài, bởi vì bảo vệ thân mạng bị thương cho con hổ ăn thịt thú rừng, xương thú mắc vào răng hổ khốn khổ đói khát gần chết, chim Tước chúa bay vào miệng mổ xương, ngày ngày như vậy, miệng chim Tước sanh ra lở loét - thân hình trở nên gầy ốm, xương kéo ra con hổ sống bình yên. Chim Tước bay lên cây giải thích về kinh Phật rằng: Giết hại là hung ác bạo ngược, tội ác đó không có gì lớn hơn. Con hổ nghe chim Tước khuyên nhủ, nghiêm giọng hầm hầm tức giận nói: Ngươi mới rời miệng ta, mà dám lắm lời! Chim Tước nhìn thấy điều ấy không thể cảm hóa được liền nhanh chóng bay vút đi. Đức Phật dạy: Chim Tước chúa lúc ấy nay chính là thân Ta, con hổ lúc ấy nay chính là thân Điều Đạt".

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: "Lúc ấy Đề bà đạt đa, tâm thường ôm ấp điều ác muốn làm hại Thế tôn, thế là mướn năm trăm Bà-la-môn thiện xa, khiến mang cung tên, đến nơi Thế tôn giương cung bắn Phật. Mũi tên đã bắn ra biến thành những đóa hoa, năm trăm Bà-la-môn trông thấy thần biến như vậy đều vô cùng sợ hãi, liền vất cung tên lạy Phật xin sám hối. Đức Phật thuyết pháp cho nghe đều đạt được quả vị Tu-đà-hoàn. Lại thưa với Đức Phật rằng: Nguyện cầu cho phép chúng con xuất gia học đạo. Đức Phật dạy" Tỳ kheo hãy cố gắng! Tức thì râu tóc tự nhiên rụng hết, pháp phục khoác trên thân, Ngài tiếp tục thuyết pháp cho nghe đạt được quả A-la-hán. Các Tỳ kheo thưa với Đức Phật rằng: Thần lực của Thế tôn thật là hiếm có, Đề-bà-đạt-đa thường muốn làm hại Đức Phật, mà Đức Phật luôn luôn sanh lòng Đại Từ. Đức Phật dạy: Không những ngày nay vẫn như vậy, mà ở thời quá khứ, trong nước Ba-la-nại có một người chủ buôn, tên gọi Bất Thức Ân, cùng năm trăm khách buôn đi vào biển thu thập vật báu, có được vật báu quay trở về đến chỗ có dòng nước xoáy, gặp phải La Sát trong nước giữ thuyền đó lại nên không làm sao tiến lên được, những người buôn đều vô cùng kinh hãi , đều cùng nhau nói to rằng: Thiên thần - Địa thần và các vị thần mặt trăng mặt Trời, ai có thể Từ bi cứu giúp chúng tôi! Có một con rùa to lớn lưng rộng một dặm, tâm sanh thương xót hướng đến nơi thuyền, chở mọi người nhanh chóng được vượt qua biển lớn. Lúc ấy con rùa ngủ một lát, Bất Thức Ân thì muốn dùng đá lớn đánh chết con rùa. Những người buồn nói rằng: Chúng ta nhờ rùa cứu nạn mà tính mạng được sống, giết chết rùa không tốt đâu Bất Thức Ân! Bất Thức Ân nói: Tôi dừng lại đây đói khát vô cùng thì ai có thể nghĩ đến ân tình? Nhất định phải giết rùa mà ăn thịt của rùa. Ngay trong đêm ấy có bầy voi lớn

xuất hiện chà đạp giết chết mọi người. Đức Phật dạy: Rùa lớn lúc bấy giờ nay chính là thân Ta. Bất Thức Ân lúc bấy giờ chính là Đề-bà-đạt-đa. năm trăm người buôn lúc ấy nay chính là năm trăm Bà-la-môn xuất gia đắc đạo. Ta ở đời kiếp xưa kia cứu giúp ách nạn ấy, nay lại bạt trừ tai họa sanh tử cho họ".

Lại trong kinh Phật thuyết Chiên Đàn Thọ nói: "Đức Phật bảo với A-nan: Lắng nghe kỹ càng mà tiếp nhận giữ gìn! Lúc ấy ở nước Duy Da Lê có năm trăm người, đi vào biển thu thập vật báu, bỏ thuyền đi bộ trở về. Trải qua núi sâu tối ngày dừng chân nghỉ lại, chuẩn bị nghiêm túc sáng sớm lên đường. Sáng sớm bốn trăm chín mươi chín người đều đã ra đi, một người ngủ say lạc mất bè bạn, lại gặp Trời mưa tuyết phủ lấp mất đường đi, giữa núi nguy hiểm vô cùng bèn khóc nức nở kêu Trời gọi đất. Có vị Thọ thần ở cây Chiên Đàn Hương to lớn nói với người khốn cùng rằng: Hãy ở lại nơi này, tự tôi sẽ cung cấp cơm ăn áo mặc đến mùa xuân mới có thể đi được. Người khốn cùng bèn ở lại. Đến ba tháng sau trình bày với Thọ thần rằng: Nhờ ân mà được toàn vẹn thân mạng, không có chút gì đền đáp nhưng có cha mẹ ngay ở quê nhà, thật sự nghĩ rằng cần phải trở về, nguyện xin chỉ đường cho! Thọ thần nói rằng: Tốt! Liền tự nhiên thuận theo ý muốn, lấy một chiếc bánh bằng vàng tặng cho, và nói: Cách đây không xa sẽ được lối trở về phố thị. Người khốn cùng sắp đi lại hỏi Thọ thần rằng: Cây này thơm tho thanh khiết hiếm có ở thế gian, nay sẽ trở về, xin biết tên gọi của cây! Thọ thần nói: Không cần phải hỏi. Người khốn cùng lại nói: Nhờ bóng cấy này che chở trải qua 3 tháng, nếu về đến đất nước mình sẽ nói về ân nghĩa của cây. Thọ thần bèn đáp rằng: Cây này tên gọi Chiên Đàn, thân rễ cành lá chữa trị mọi bệnh tật của con người, hương thơm tỏa xa hiếm có ở thế gian, mọi người vốn tham cầu, không nên nói cho họ biết! Người khốn cùng về đến trong nước, bà con thân thích đều mừng rỡ. Chẳng bao lâu sau Quốc vương mắc bệnh đau đầu, cúng tế cầu xin các vị thần Trời, đất, núi, sông, nhưng bệnh không hề giảm bớt, danh y thăm viếng nói rằng: Chỉ cần có loại cây Chiên Đàn Hương để bảo vệ thì căn bệnh được chữa lành. Nhà vua liền chiêu mộ tìm kiếm khắp dân gian mà không có, bèn truyền lệnh trong nước có ai tìm được cây Chiên Đàn Hương, sẽ bái làm phong hầu, gả công chúa làm vợ. Lúc ấy người khốn cùng nghe thưởng bổng lộc nồng hậu, liền đến chỗ vua thưa rằng: Tôi biết chỗ có cây Chiên Đàn Hương. Nhà vua liền lệnh cho quan quân đi theo người khốn cùng đến chặt lấy cây Chiên Đàn Hương. Đi đến nơi cây, quan quân trông thấy cây to lớn thẳng tắp, cành lá tươi tốt hoa trái

sum sê, bởi vì hiếm thấy cho nên tâm không nỡ nào chặt phá, không chặt thì làm trái mệnh lệnh của nhà vua. Chần chừ lưỡng lự không biết phải làm sao! Thọ thần ở giữa hư không nói rằng: Cứ chặt đi, chỉ giữ lại gốc cây chặt rồi dùng máu người bôi vào, gan ruột phủ bên trên, cây tự nhiên sẽ mọc trở lại như cũ! Quan Quân nghe thần linh nói như vậy, liền sai người chặt cây. Người khốn cùng đứng ở bên cây, cành cây rơi xuống đất đâm chết người khốn cùng. Quan quân liền cùng nhau bàn luận rằng: Trước đây Thọ thần nói nên lấy máu người bôi vào, gan ruột phủ lên trên để thờ tâm của cây, không biết nên dùng ai để tế rạ ơn thần, người này bây giờ chết rồi, tiện thể lấy mà làm lễ tạ, vậy thì cắt mổ lấy gan ruột máu huyết người đó như lời thần linh đã chỉ bày. Cây lập tức mọc lại như ban đầu không có gì sai khác. Xe chở cây đã chặt trở về trong nước, thầy thuốc lập tức dâng thuốc lên và bệnh nhà vua được chữa lành. Cả nước vui mừng, nhà vua truyền cho nhân dân trong nước người nào có bệnh, đều xuất Chiên Đàn Hương cung cấp chữa bệnh đều được lành bệnh, cả nước hớn hở thỏa lòng vui sống thái bình.

A-nan rời chỗ ngồi cúi rập đầu chất vấn rằng: Người khốn cùng này, sao không giữ lời mà lại tráo trở, làm trái lời thề sâu nặng với Thọ thần? Đức Phật trả lời rằng: Vào thời xa xưa lúc Đức Phật Duy Vệ tại thế, có ba cha con, người cha phụng hành trai giới chưa hề lơi lỏng lười nhác, người con lớn thường ở trong nhà thắp hương giữa hư không cúng dường chư Phật mười phương, người em nhỏ ngu si không biết gì Tam bảo, nhất định dùng áo che phía trên hương. Người anh nói với em rằng: Việc này rất quan trọng, vì sao em xâm phạm? Người em khởi lên tâm ác nói rằng: Thề sẽ chặt đứt hai chân anh. Người anh lại dấy lên nghĩ rằng: Nên đánh chết em. Người cha nói: Hai con tranh cãi khiến cho cha đau đầu. Người con lớn trả lời rằng: Nguyện phá nát thân con làm thuốc khiến cho cha dẹp yên những bệnh tật làm hại. Miệng không nói xằng bậy, cho nên đời đời chịu tội. Người em phát khởi Ác ý muốn chặt đứt chân anh, quả về sau dẫn người đến chặt thân cây. Người anh muốn đánh chết em, nay làm Thọ thần, quả nhiên vì cây làm Thể đánh chết thân em. Quốc vương đau đầu lúc ấy là người cha xưa kia, phụng trì trai giới tinh tiến cho nên được báo ứng tôn quý. Lúc ấy nói khiến cho cha đau đầu, sau gặp quả báo đau đầu. Tất cả đều nhận chịu tai ương của chính mình. Đức Phật dạy: Báo ứng tội phước như bóng theo hình”.

Tụng rằng:

Đại bi thương xót cứu giúp,
Đức nặng sánh tựa đất trời,

Ân sâu ví như cha mẹ,
Nghĩa vượt quá xa vua tôi,
Dù cho trung hiếu suốt đời,
Hãy còn khó mà báo ân,
Nếu như làm trái lý đó,
Qua lại đánh mất thân mình.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 51

Thiên thứ 53: THIỆN HỮU

Thiên này có 2 phần: Thuật ý, Dẫn chứng.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Nói đến chỗ cùng tận của lý chỉ có thiện và ác, nhưng hai phạm vi này rõ ràng mà lại dễ phân biệt, sâu xa thì có tội phước khổ vui, hiển bày thì có hiền ngu vinh nhục, thích vinh ghét nhục hướng về vui xa rời khổ, hàm thức đều nhất định giống như nhau. Nay thích vinh hoa mà không biết ngưỡng mộ hiền tài, cầu phước thiện mà không biết ngăn ngừa tai họa, ví như gieo trồng hạt lép mà mong thu hoạch được mùa, cưỡi con ngựa tồi mà mong vọt lên trên cao, cũng không mê hoặc quá hay sao? Như trí của chim thú sâu kiến, hãy còn biết nhờ gió dựa sương - mượn nhanh gần cao để thành tựu công việc của mình, sao so sánh với con người mà không nhờ cậy bạn bè để thành tựu thiện nghiệp của mình ư? Vì vậy được nhờ bạn tốt thì thân còn mà thành tựu đức hạnh, đã gần gũi bạn xấu thì thân tàn mà tiếng ác để đời. Vì vậy tông chỉ của quỹ tắc sâu xa, phát xuất từ quy phạm cao thượng; ý nghĩa của cắt gọt mài giũa, quan hệ còn do mình chọn bạn. Lại như ruồi trâu bay cao nhất trăm bước, nếu dựa vào đuôi rồng thì một lần bay cả vạn dặm, đây há không phải đã nhờ vào công của sự giúp đỡ được mau chóng; cũng giống như phàm phu chìm đắm cuối cùng hướng về không vượt quá Trời người, nếu nhờ vào uy lực của Đại Thánh, thì lên cao đến Thập Địa cùng sanh về Tịnh độ vậy.

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh Niết-bàn nói: “Tỳ kheo A-nan nói một nửa phạm hạnh gọi là thiện tri thức. Đức Phật dạy: Không phải như vậy, đầy đủ phạm hạnh mới gọi là thiện tri thức”. Lại nói: “ Thiện tri thức là như pháp mà nói năng, như nói năng mà thực hành. Thế nào gọi là như pháp mà nói

năng, như nói năng mà thực hành? Ấy là tự mình không giết hại sinh mạng, chỉ bày cho người không giết hại sinh mạng, cho đến tự mình thực hành theo chánh kiến, chỉ bày cho người thực hành theo chánh kiến, nếu có năng lực như vậy thì được gọi là thiện tri thức thật sự. Tự mình tu hành bồ đề, cũng luôn luôn chỉ bày cho tu hành bồ đề; bởi vì nghĩa này cho nên gọi là thiện tri thức. Tự mình luôn luôn tu hành tín giới bố thí đa văn trí tuệ, cũng luôn luôn chỉ bày cho người tu hành tín giới bố thí đa văn trí tuệ; lại bởi vì nghĩa này cho nên gọi là thiện tri thức. Thiện tri thức là vốn có thiện pháp. Thiện pháp là như thế nào? Ấy là việc đã làm không mong cầu niềm vui riêng mình, thường vì chúng sanh mà mong cầu niềm vui chung tất cả. Thấy người khác có lỗi lầm không xoi mói khuyết điểm của họ, miệng thường nói năng giải thích sự việc chỉ có thiện; bởi vì nghĩa này cho nên gọi là thiện tri thức. Này người thiện nam! Như vầng trăng giữa Trời từ ngày mồng một đến ngày mười lăm dần dần tăng trưởng, thiện tri thức là cũng lại như vậy, làm cho những người học dần dần lìa xa ác pháp để tăng trưởng thiện pháp. Này người thiện nam! Nếu có người gần gũi với thiện tri thức, ban đầu chưa có Định Tuệ giải thoát - giải thoát tri kiến, thì dần dần sẽ có; chưa được đầy đủ, thì dần dần sẽ được tăng thêm nhiều hơn". Lại nói: "Thiện hữu nên quán sát: Người này tham dục sân hận ngu si tư giác, tại sao lại nhiều như vậy? Nếu biết là người có nhiều tham dục, thì nên nói cho họ biết về pháp quán bất tịnh; người có nhiều sân hận, thì nói cho họ biết về Từ bi; người có nhiều tư giác, thì bày cho họ biết pháp Sổ Tức; người chấp Ngã nhiều, nên phân tích cho họ biết về mười tám giới... Nghe rồi tu hành theo thứ tự đạt được bốn niệm xứ, quán sát thân-thọ-tâm-pháp, đạt được pháp quán này rồi theo thứ tự tiếp túc quán sát mười hai nhân duyên. Như vậy quán sát rồi tiếp đến đạt được Noãn pháp, từ khi đạt được Noãn pháp cho đến dần dần đạt được quả vị A la hán - Bích-chi-Phật. Quả vị Bồ-tát Đại thừa - thành tựu Phật đạo đều dựa vào đây mà phát sinh, lại không có gì nghi ngờ vướng mắc, tự lợi mình - lợi cho người, không thêm nước vào sữa, thì gọi là địa vị của Pháp sư thiện tri thức chân thật. Nếu không có đủ như vậy thì không phải là thiện tri thức, là pháp lẫn tạp không thể nương theo". Vì vậy trong Phật Tánh Luận dẫn kệ trong kinh nói:

"Không biết-không nhận thức pháp thiện,
Bạn ác làm tổn hại chánh hạnh,
như con nhện rơi vào trong sữa,
Thì sữa này chuyển thành chất độc.

Vì vậy cần phải chân thật làm lợi ích cho chúng sanh, trước tiên tự điều phục mình rồi sau đó chỉ bày cho người, không có sai lầm vì ít nghe, không có sai lầm vì bỏ thực hành, không có sai lầm vì tán loạn, không có sai làm vì khinh mạn, không có sai lầm vì điên đảo, không có sai lầm vì tham cầu, không có sai lầm vì sân hận, không có sai lầm vì tà hạnh, không có sai lầm vì chấp Ngã, không có sai lầm vì hạnh nhỏ bé; đầy đủ mười pháp này thì gọi là thiện tri thức".

Do đó trong Trang Nghiêm Luận có kệ rằng:

"Nghe nhiều và nhìn nhận chính xác,
Giảng giải khéo léo cũng thương xót,
Bậc trượng phu này không lui sụt,
Y chỉ tốt đẹp là Bồ-tát".

Lại trong Kinh Phật Bổn Hạnh nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế tôn lại cùng với Trưởng lão Nan-đà đi vào một tiệm bán hương liệu, thấy trong tiệm ấy có các loại hương liệu, thấy rồi liền bảo với Trưởng lão Nan-đà như vậy: Này Nan-đà! Ông hãy lấy vật đựng các loại hương liệu trong tiệm này! Lúc ấy Nan-đà liền theo lời Đức Phật dạy đi vào trong tiệm ấy lấy các loại hương liệu. Đức Phật bảo với Nan-đà: Ông làm cho chảy ra một chút và nắm giữ hương liệu trong chốc lát, sau đó đặt xuống đất. Bấy giờ Trưởng lão Nan-đà nghe Đức Phật bảo làm như vậy rồi, tay nắm hương liệu này trong chốc lát, trở lại đặt xuống mặt đất. Lúc bấy giờ Đức Phật bảo với Trưởng lão Nan-đà: Nay ông hãy tự ngửi vào tay mình xem! Bấy giờ Nan-đà nghe Đức Phật dạy rồi, liền ngửi tay mình. Đức Phật bảo với Nan-đà: Ông ngửi tay như vậy có mùi như thế nào? Nan-đà thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn, tay con có mùi thơm vô cùng vi diệu. Đức Phật bảo với Nan-đà: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nếu như người gần gũi các vị thiện tri thức, luôn luôn cùng bên nhau tùy thuận, học hỏi luyện tập, nhờ gần gũi nhau cho nên nhất định sẽ có được thanh danh vang lừng khắp nơi. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn nhân sự việc này mà thuyết kệ rằng:

Nếu như có người tay cầm hương Trầm thủy,
Và cầm các loại Hoắc Hương với Xạ Hương,
Cầm giữ chốc lát mùi hương tự xông ướp,
Gần gũi thân thiết thiện hữu cũng như vậy.

Lúc bấy giờ Đức Thế tôn lại thuyết kệ rằng:

Nếu người nào gần gũi với ác tri thức,
Đời hiện tại không được sanh tiếng tốt đẹp,
Chắc chắn vì gần gũi cùng với bạn xấu,

Đời vị lai cũng vào A Tỳ địa ngục;
Nếu người nào gần gũi với thiện tri thức,
Tùy thuận với những nghiệp hành giống như thế,
Tuy không chứng được lợi ích đời hiện tại,
Mà làm nhân vị lai sẽ được hết khổ".

Lại trong Tứ Phần Luật nói: "Ý nghĩa của thân hữu, cần phải có đủ bảy pháp mới thành thân hữu. Đó là: 1. Việc khó làm có thể làm được; 2. Vật khó giúp có thể giúp được; 3. Điều khó nhẫn có thể nhẫn được; 4. Điều bí mật bày tỏ với nhau; 5. Che chở giữ gìn lẫn nhau; 6. Gặp khổ đau không từ bỏ; 7. Nghèo hèn không coi khinh. Người có thể thực hành bảy pháp như vậy, chính là thiện hữu thân thiết, nên gần gũi nương nhờ!"

Lại trong Đại Trang Nghiêm Luận, Đức Phật thuyết kệ rằng:

"Lợi ích bậc nhất là không bệnh,
Giàu có bậc nhất là biết đủ,
Thân thiết bậc nhất là bạn tốt,
Niềm vui bậc nhất là Niết-bàn".

Lại trong Kinh Ca La Việt Lục Hương Bái nói: "Thiện tri thức thì có bốn loại: 1. Bên ngoài giống như oan gia mà bên trong tâm ý nồng hậu; 2. Ở trước người ta thẳng thắn can ngăn, ở nơi khác nói về điều tốt của họ; 3. Uẩn khúc lo lắng kinh sợ dường như vì người ta kinh sợ mà tìm cách giải quyết giùm; 4. Thấy người nghèo hèn tâm không bỏ rơi mà nghĩ cách muốn cho đầy đủ tốt đẹp. Thiện tri thức lại có bốn loại: 1. Bị quan lại bắt giữ mang về che giấu về sau sẽ giải quyết; 2. Có bệnh tật ốm đau tiêu hao mòn mỏi mang về nuôi dưỡng chăm sóc; 3. Tri thức qua đời lo liệu quan tài khâm liệm chu đáo; 4. Tri thức đã mất lại nghĩ đến gia đình của họ".

Lại trong kinh Sanh nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Thời quá khứ lâu xa vô số đời kiếp, lúc ấy ở một đất nước xa lạ có 4 người, bởi vì gần gũi sâu đậm với nhau nên cùng trú ngụ một nơi. Lúc ấy có người thợ săn, săn được một con hươu, muốn đem vào thành, tất cả cùng bàn bạc rằng: Chúng ta tìm cách đi theo người thợ săn xin được thịt hươu, biết ai sẽ được nhiều. Thế là cùng lên đường đi theo người thợ săn. Người thứ nhất trình bày, lời lẽ thô lỗ mà tự đại quá mức, quát rằng: Này người đàn ông, lấy cho tôi miếng thịt, tôi muốn được ăn thịt! Người thứ hai nói: Xin huynh cho miếng thịt để đệ được ăn thịt! Người thứ ba nói: Người nhân hậu đáng kính, lấy thịt giúp cho nhau, tôi nghĩ rằng được ăn thịt! Người thứ tư nói: Thân thiết sâu đậm bớt chút thịt

nhưng được coi là cầu xin bố thí, tôi muốn được ăn thịt, tất cả cùng đói khát như nhau. Lúc ấy người thợ săn quán sát ngôn từ của bốn người, đều tùy theo lời họ đã nói dùng kệ trả lời họ. Trước tiên trả lời người thứ nhất rằng:

Lời nói của ông thật thô lỗ,
Tại sao phải đem thịt cho nhau,
Lời của ông như chói tai người,
Tạm thời lấy sừng thí cho ông.

Trả lời người thứ hai rằng:

Người này quả thật thân thiện thay,
Nói với tôi theo cách anh em,
Lời lẽ ấy như chung thân thể,
Nhân tiện mang cho miếng thịt đùi.

Trả lời người thứ ba rằng:

Lấy tôi làm thân thiết sâu đậm,
Thân ấy nhất định cùng hợp nhau,
Lời này thẳng thắn tốt lành thay,
Lấy thịt giúp cho ông tất cả.

Lúc ấy người thợ săn tùy theo sự suy nghĩ và lời lẽ thô lỗ - tinh tế của mỗi người, đều đem thịt chia cho, ngay lúc ấy Thiên Thần hiện thân mà làm bài tụng rằng:

Lời lẽ của những người đàn ông,
Mền mỏng do cốt cách của mình,
vì vậy đừng nói năng thô lỗ,
Lợi- hại không lìa xa thân mình!

Bấy giờ Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Người thứ nhất nói năng thô lỗ chính là Sở Hân Thích Tử bây giờ. Người thứ hai lúc ấy nay chính là Hữu Đà Hòa Lê. Người thứ ba lúc ấy nay chính là Hắc Ưu Đà. Người thứ tư lúc ấy nay chính là A-nan. Thiên Thần thuyết kệ lúc ấy nay chính là thân Ta, lúc bấy giờ gặp nhau ngày nay cũng như vậy".

Lại trong kinh Phật Bổn Hạnh nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Ta nhớ thời lâu xa trước kia, trong nước Ba-la-nại có một con quạ chúa, quạ chúa tên gọi là Tô phất Đa la (Thời Tùy nói là Thiện Tử) trú ngụ trong thành Ba-la-nại ấy, cùng với tám vạn con quạ chung sống hòa hợp với nhau. Quạ chúa Thiện Tử có người vợ, tên gọi là Tô phất thất lợi (Thời Tùy nói là Thiện Nữ). Lúc ấy quạ vợ cùng với quạ chúa lia hành dục mang thai, bấy giờ quạ vợ bỗng nhiên dấy lên nghĩ rằng: Nguyện cho mình có được đồ ăn thức uống thơm ngon sạch sẽ như

những món ăn của vua loài người bây giờ! Nhưng mà quạ vợ kia nghĩ đến đồ ăn thức uống này, không thể nào có được cho nên trằn trọc buồn phiền thân thể tiều tụy, gầy ốm run rẩy, không tự yên ổn được. Quạ chúa thấy vậy hỏi vợ mình rằng: Nay nàng vì sao mà trằn trọc mãi trên đất thân thể tiều tụy, gầy ốm run rẩy không thể nào tự yên ổn vậy? Lúc ấy quạ vợ trả lời quạ chúa rằng: Tốt lành thay Thánh Tử, này thiếp có thai mới dấy lên nghĩ rằng: Nguyện có được đồ ăn thức uống thơm ngon sạch sẽ như những món ăn của nhà vua. Lúc ấy quạ chúa Thiện Tử nói với vợ mình rằng: Kỳ lạ thay Hiền giả, như tôi hôm nay làm sao có được đồ ăn thức uống thơm ngon như vậy, cung vua xa vời không thể nào đến được, nếu tôi đi vào nơi ấy thì cầm chắc trong tay là mất cả thân mạng. Quạ vợ lại tiếp lời quạ chúa rằng: Bây giờ Thánh Tử nếu như không thể có được đồ ăn thức uống như vậy, thì thiếp chết mất không nghi ngờ gì, ngay cả thai nhi cũng chắc chắn không sống được. Quạ chúa Thiện Tử lại nói với vợ mình rằng: Kỳ lạ thay Hiền giả, nay ngày chết của nàng chắc chắn là sắp đến, mới nghĩ đến những thứ khó có được như vậy! Quạ chúa Thiện Tử nói lời này xong, ưu sầu trầm ngâm suy nghĩ mà đứng lặng, lại dấy lên nghĩ rằng: Như ý mình thì đồ ăn thức uống thơm ngon sạch sẽ như bữa ăn của nhà vua như vậy, thật sự khó mà có được. Lúc bấy giờ trong bầy đàn của quạ chúa quả là có một con quạ, thấy quạ chúa Thiện Tử lòng dạ ưu sầu không vui mà dứng lặng, thấy sự việc này rồi đến nơi quạ chúa thưa với quạ chúa rằng: Kỳ lạ thay Thánh giả, vì sao ưu sầu suy nghĩ mà đứng lặng? Quạ chúa Thiện Tử vào lúc ấy nói hết nhân duyên sự việc trước đây. Con quạ ấy lại thưa với quạ chúa Thiện Tử rằng: Tốt lành thay Thánh Tử, đừng ưu sầu gì nữa, tôi có thể vì quạ chúa tìm những thức ăn thơm ngon như bữa ăn của nhà vua khó có được này. Lúc này quạ chúa lại nói với con quạ kia bằng lời như vậy: Tốt lành thay thiện hữu, nếu sức ông có thể giúp tôi lo liệu được việc như vậy, tôi sẽ đến đáp công đức của ông đã làm! Lúc bấy giờ con quạ ấy, từ nơi cư trú của quạ chúa, bay vút lên hư không đến cung điện của vua Phạm Đức, đậu trên một cây cách nhà bếp không xa, quan sát trong nhà bếp làm món ăn của vua Phạm Đức, có một phụ nữ chuẩn bị đầy đủ đồ ăn thức uống sắp đặt bữa cơm cho nhà vua, giờ ăn sắp đến, chỉ lấy đồ dùng bằng bạc đựng đồ ăn thức uống ấy sắp dâng lên cho nhà vua. Bấy giờ con quạ ấy từ trên cây bay xuống, đứng ở trên đầu người phụ nữ ấy mà mổ vào mũi của người này. Lúc ấy người phụ nữ kia vì sợ đau lỗ mũi, liền làm đổ thức ăn ở trên mặt đất.

Lúc bấy giờ con quạ ấy liền lấy thức ăn đó mang về cho quạ

chúa. Quạ chúa có được thức ăn rồi liền mang đến cho quạ vợ. Quạ vợ có được thức ăn rồi lập tức ăn no, thân thể an lành dần dần trở lại như trước. Bấy giờ con quạ ấy vào ngày khác nhiều lần bay đi, giành lấy thức ăn nơi đó mang về cho quạ chúa. Lúc ấy vua Phạm Đức nhiều lần trông thấy sự việc này, dấy lên nghĩ như vậy: Kỳ lạ và ngạc nhiên thay, tại sao con quạ này nhiều lần thường đến làm hỏng bữa ăn của mình, lại dùng mỏ nhọn làm tổn thương người phụ nữ của mình? Vì vậy nhà vua không thể nào nhẫn nại được chuyện này, cho nên lập tức truyền lệnh gọi thợ săn giăng lưới bắt quạ, mà nói cho biết rằng: Các khanh cấp tốc đến chỗ con quạ kia, bắt sống mang về đây! Những người thợ săn nghe nhà vua truyền lệnh xong, thưa với nhà vua rằng: Như nhà vua đã trong lệnh không dám làm trái lệnh nhà vua. Những thợ săn đi đến dùng lưới giăng bắt được con quạ này, bắt sống mang đến giao cho vua Phạm Đức. Lúc ấy vua Phạm Đức nói với con quạ ấy rằng: Tại sao gần đây ngươi nhiều lần làm hỏng thức ăn của Ta, lại dùng mỏ nhọn làm tổn thương người phụ nữ của Ta? Bấy giờ con quạ ấy nói với vua Phạm Đức rằng: Tốt lành thay Đại vương, cho phép tôi đến gần nhà vua nói sự việc như vậy làm cho nhà vua hoan hỷ! Lúc ấy vua Phạm Đức cảm thấy trong lòng vui sướng, dấy lên nghĩ như vậy: Chuyện này thật hiếm có, tại sao con quạ này có thể nói được như người? Dấy lên ý nghĩ này rồi bảo với con quạ ấy rằng: Tốt lành thay, tốt lành thay! Ngươi nhất định phải nói cho Ta ý nghĩa sự việc này khiến Ta hoan hỷ! Lúc bấy giờ con quạ qúy liền dùng kệ tụng, hướng về vua Phạm Đức mà giải thích rằng:

Đại vương nên biết trong nước Ba-la-nại,
Có một quạ chúa luôn luôn sống ở đây,
Tám vạn quạ dân chúng vây tròn xung quanh,
Tất cả đều được quạ chúa kia sắp xếp.
Vợ quạ chúa kia có những điều nhớ lại,
Tôi đến nơi Đại vương giải thích duyên ấy,
Quạ vợ đã nghĩ đến thức ăn thơm ngon,
Là những món ăn của Đại vương như vậy.
Vì thế cho nên nay tôi nhiều lần đến,
Lấy đi thức ăn thơm ngon của Đại vương,
Bây giờ vốn đỡ quạ chúa nơi ấy,
Dẫn đến gặp phải bị Đại vương bắt giữ.
Tốt lành thay chỉ mong bậc Đại Thánh Vương,
Từ bi thương xót tha cho tôi được thoát,
Tôi vốn giúp cho người vợ của quạ chúa,

Nhiều lần đến lấy thức ăn của Đại vương.
Tôi nghĩ rằng từ trước đến một đời này,
chưa bao giờ tạo ra việc làm như vậy,
Nay vì Đại vương đã một lần truyền lệnh,
Về sau không dám tiếp tục làm thêm đâu!

Lúc ấy vua Phạm Đức đã nghe con quạ kia nói như vậy xong, trong lòng cảm thấy vui sướng, dấy lên nói như vậy: Việc này thật hiếm có, con người không thể nào ở bên chủ của mình có tâm yêu thương sâu nặng như con quạ này! Nói lời này xong, vua Phạm Đức bèn thuyết kệ rằng:

Nếu như có vị Đại thần nào như vậy, vị ấy xứng đáng được đền đáp sâu nặng,

Cần phải dũng mãnh giống như con quạ này, vì chủ cầu thức ăn không tiếc thân mạng.

Vua Phạm Đức thuyết kệ này xong, lại bảo với quạ rằng: Tốt lành thay loài quạ như ngươi, từ nay trở đi thường đến nơi này lấy thức ăn thơm ngon, nếu như có người nào ngăn cản tuyệt đối không cho ngươi lấy thức ăn, thì hãy đến nói Ta biết, tự Ta cùng với ngươi để phân chia những món ăn, mà mang về vậy!

Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Các ông nên biết rằng, quạ chúa ấy chính là thân Ta bây giờ. Con quạ lấy trộm thức ăn giúp chủ lúc ấy, nay chính là Tỳ kheo Ưu Đà Di. Vua Phạm Đức lúc ấy, nay chính là vua Du Đầu Đàn. Lúc ấy Tỳ kheo Ưu Đà Di, làm cho nhà vua hoan hỷ cho phép lấy thức ăn giúp Ta; nay cũng lại như vậy, khiến cho vua Tịnh Phạn trong lòng cảm thấy hoan hỷ, lại tiếp tục thay Ta mà mang thức ăn đến”.

Tụng rằng:

Gột rửa thân tắm gội đức,
Lò lửa luyện tâm kiên cố,
Ngày Xuân băng lạnh nhòa tan,
Thu sang hoa lan tàn tạ,
Gần người trí thành hiền triết,
Gần bạn ngu thêm ràng buộc,
Muốn lên cao nơi huy hoàng,
Nguyện được gieo trồng thiện duyên!

Thiên thứ 54: **ÁC HỮU**

Thiên này có 2 phần: Thuật ý, Dẫn chứng.

Thứ nhất- **PHẦN THUẬT Ý**

Nghĩ rằng Đại Thánh rủ lòng cảm hóa đích thực thâu nhiếp tâm của chúng sanh, thiện ác hai nẻo khác nhau dùng để nêu cao tông chỉ cuối cùng, thiện duyên trong sáng lên cao- ác duyên rơi xuống dưới thấp; bởi lẽ nghiệp nhân mê hoặc chưa phá tan ngục tù của Tam giới, tình chấp trần duyên không vắng lặng Ngũ dục cháy mịt mù, chìm đắm mãi trong 8 điên đảo, trói buộc hoài giữa bốn loại sanh. Vì vậy tùy thuận tà sư tin theo ác hữu, khiến cho phiền não khó trừ loạn sử thường tăng. Tâm là ngựa dễ dàng rong ruổi- tình là vượn khó mà ngăn cấm, tu dưỡng phước thiện không hề nghe đến, tạo ra tội lỗi ngày càng tăng lên, vì vậy luân hồi sanh tử không dứt, Đại Thánh xót thương há không đau lòng?

Thứ hai- **PHẦN DẪN CHỨNG**

Như kinh Thi Ca La Việt Lục Phương Bái nói: "Ác tri thức thì có bốn loại: 1. Bên trong có tâm oán hận mà bên ngoài gắng gượng làm tri thức; 2. Ở trước mặt người nói năng tốt đẹp mà sau lưng nói xấu người ta; 3. Lúc xảy ra việc cấp bách ở trước mặt người ta tỏ vẻ buồn lo đau khổ mà sau lưng hớn hở vui mừng; 4. Bên ngoài như thân thiết sâu đậm mà bên trong dấy lên mưu mô ác hiểm. Ác tri thức lại có bốn loại: 1. Xâm phạm đôi chút thì đùng đùng nổi giận; 2. Có nhờ vả làm gì thì không chịu làm; 3. Gặp người có chuyện cấp bách thì đi tránh người ta chẳng hề giúp đỡ; 4. Thấy người qua đời mặc kệ không quan tâm làm gì".

Lại trong kinh Niết-bàn nói: "Bồ-tát Ma-ha tát, quán xét voi dữ và ác tri thức như nhau không có gì sai khá. Tại vì sao? Bởi vì đều làm hại thân mình. Bồ-tát Ma-ha tát, đối với loại voi dữ mà tâm không hề sợ hãi, đối với ác tri thức thì sanh tâm sợ hãi. Tại vì sao? Bởi vì loài voi dữ chỉ có thể làm hại đến thân chứ không thể làm hại đến tâm, mà ác tri thức vốn hủy hoại cả thân và tâm. Loại voi dữ thì chỉ làm hại một thân này, mà hạng ác tri thức thì hủy hoại vô lương thiện thân-vô lượng thiện tâm. Loại voi dữ thì chỉ phá hoại thân thể hôi thối bất tịnh này, mà hạng ác tri thức luôn luôn hủy hoại thân thanh tịnh và tâm thnh tịnh. Loại voi dữ thì có thể hủy hoại thân máu thịt này, mà hạng ác tri thức thì phá hoại Pháp thân. Bị voi dữ giết hại không đi vào 3 đường ác, bị ác hữu

giết hại chắc chắn đi vào ba đường ác. Loại voi dữ thì chỉ gây ra oán hận cho thân thể, mà hạng ác tri thức thì làm cho oán hận đối với thiện pháp. Vì vậy Bồ-tát, luôn luôn phải xa lìa các hạng ác tri thức!"

Lại trong kinh Tăng Nhất A-hàm,

Đức Thế tôn thuyết kệ rằng:

"Không nên gần gũi ác tri thức,
Cũng không nên ngu muội làm theo,
Nên gần gũi với thiện tri thức,
Là tốt đẹp nhất trong mọi người.
Trong lòng người không có điều ác thiện,
Thói quen gần gũi ác tri thức
Sau ắt phải gieo trồng ác căn,
Hành vĩnh viễn ở trong tăm tối".

Lại trong kinh Trung A-hàm nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các Tỳ kheo: Có bảy pháp oán gia mà làm thành oán gia. Thứ nhất - không muốn để cho oán gia sắc chất tôt đẹp, cho dù thường xuyên tắm gội hương quý xoa thân, nhưng bởi vì sắc chất, sân hận che phủ tâm tư mà làm thành oán gia. Thứ hai- không muốn để cho oán gia ngủ nghỉ an lành, tuy nằm giường cao gối êm phủ bằng lụa là mền mại, nhưng bởi vì buồn rầu khổ sở không bỏ, sân hận che phủ tâm tư mà làm thành oán gia. Thứ ba- không muốn để cho oán gia có được lợi ích to lớn, tuy thuận theo có được lợi ích mà không có được lợi ích, thuận theo không có được lợi ích mà lại có được lợi ích ấy, hai pháp bên này bên kia trái ngược lẫn nhau, sân hận che phủ tâm tư mà làm thành oán gia. Thứ tư- không muốn để cho oán gia có được bạn bè, nếu có bạn bè thân thiết thì xa rời đi tránh, bởi vì sân hận che phủ tâm tư mà làm thành oán gia. Thứ năm - không muốn để cho oán gia có niềm vui được ca ngợi, chỉ muốn thanh danh của họ bị bôi nhọ xấu xa đồn khắp môi nơi, bởi vì sân hận che phủ tâm tư mà làm thành oán gia. Thứ sáu- không muốn để cho oán gia có nhiều của cải, người giàu có ấy nếu như mất mát đồ vật tiền của, bởi vì sân hận che phủ tâm tư mà làm thành oán gia. Thứ bảy- không muốn để cho oán gia vào lúc thân mạng kết thúc đi nơi tốt đẹp, thân miệng ý của họ đã gây ra điều ác, lúc mạng chung ắt phải đến chỗ xấu xa, sanh trong địa ngục mà làm thành oán gia".

Lại trong kinh Phật Bổn Hạnh nói: "Lúc bấy giờ Đức Phật bảo với các Tỳ kheo rằng: Ta nhớ thời quá khứ xa xưa, ở dưới chân núi Tuyết có hai con chim hai đầu cùng chung một thân, sống ở nơi ấy, một đầu có tên gọi là Ca lâu đồ điểu, một đầu có tên là Ưu-ba-ca-lâu-đồ-điểu.

Nhưng mà hai đầu con chim ấy, nếu một đầu ngủ thì một đầu thức. Đầu chim Ưu Ba Ca Lâu Đồ có ấy có lúc ngủ say, gần đầu chim đang thức kia có một cây ăn quả, tên gọi Ma đầu ca, hoa trên cây đó rụng xuống, gió thổi đến bên đầu chim đang thức kia, đầu chim ấy lúc bấy giờ dấy lên ý nghĩ như vậy: Nay mình tuy là một mình ăn hoa này, nếu vào trong bụng thì cả hai đầu đều có được hình sắc sức lực đồng thời trừ được đói khát. Nhưng mà đầu chim đang thức kia tùy ý mình chứ không khiến đầu chim đang ngủ ấy tỉnh giấc, cũng không nói cho biết, im lặng ăn hoa ấy. Đầu chim đang ngủ ấy vào sau lúc tỉnh giấc, trong bụng no đủ nôn ọe thở ra, liền nói với đầu chim kia như vậy: Ông từ nơi nào có được đồ ăn thức uống thơm ngon vi diệu này mà ăn uống vậy, khiến thân thể tôi no đủ an lành, khiến tôi đã phát ra âm thanh vi diệu thế này? Đầu chim thức ấy trả lời rằng: Lúc ông ngủ say, nơi này cách bên đầu tôi không xa, có cây Ma Đầu Ca đang ra hoa kết trái, đang lúc ấy có một cành hoa rơi xuống ở bên đầu tôi, vào lúc bấy giờ tôi dấy lên suy nghĩ như vậy: Nay mình chỉ nên một mình ăn hoa này, nếu vào trong bụng thì cùng có được hình sắc sức lực và trừ được đói khát. Vì vậy lúc ấy tôi không khiến ông thức giấc, cũng không nói cho biết liền ăn hoa này. Bấy giờ đầu chim kia nghe nói vậy rồi, liền sanh tâm sân hận hiềm khích, dấy lên nghĩ như vậy: Đầu chim ấy đã được ăn, không nói cho mình biết, không gọi mình tỉnh giấc, tùy ý tự nhiên ăn, nếu như vậy thì từ nay về sau mình có được đồ ăn thức uống, mình cũng không gọi đều kia tỉnh ngủ - không nói cho biết. Rồi đến một lúc hai đầu chim ấy đi qua nhiều nơi, bỗng nhiên gặp phải một loài hoa rất độc, đầu chim Ưu Ba Ca lâu Đồ liền dấy lên nghĩ rằng: Mình ăn loại hoa này, nguyện làm cho cả hai đầu cùng lúc nhận lấy cái chết! Lúc ấy nói với đầu chím Ca lâu Đồ kia rằng: Nay ông hãy ngủ còn tôi sẽ thức! Lúc ấy đầu chim Ca Lâu Đồ nghe đầu chim Ưu Ba Ca Lâu Đồ kia nói như vậy rồi, nhân tiện liền ngủ say. Đầu chim Ưu Ba Ca Lâu Đồ kia ăn hoa độc. Đầu chim Ca Lâu Đồ đã tỉnh ngủ rồi, nôn ọe thở dốc, ngay sau đó liền biết là có chất độc này, mà nói với đầu chim Ưu Ba Ca Lâu Đồ như vậy: Lúc ông còn thức đã ăn thức ăn độc hại gì, làm cho thân thể tôi không được yên ổn, mạng sống sắp muốn chết lại khiến cho tôi bây giờ nói năng rất khó khăn, muốn phát ra âm thanh mà chướng ngại không thông suốt được vậy? Thế là đầu chim Ưu Ba Ca Lâu Đồ trả lời đầu chim Ca Lâu Đồ rằng: Lúc ông ngủ say rồi đã ăn hoa độc, nguyện làm cho cả hai đầu cùng lúc nhận lấy cái chết. Lúc ấy đầu chim Ca Lâu Đồ nói lời Từ biệt đầu chim Ưu Ba Ca Lâu Đồ rằng: Ông đã làm một điều quá sức vội

vàng, tại sao lại gây ra sự việc xấu xa như vậy? Liền nói kệ rằng:

Ngày xưa vào lúc ông đang ngủ ngon giấc,
Tôi ăn hoa mùi thơm ngọt tuyệt vời.
Hoa đó gió thổi đến ở bên đầu tôi,
Ông lại sanh lòng sân hận quá như vậy!
Phàm là người si mê nguyện đừng tiếp xúc,
Cũng nguyện đừng sống chung với người si mê,
Cùng sống chung với si mê chẳng ích gì,
Tự hại mình và hại đến thân người khác.

Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Các ông nếu có tâm nghi ngờ, đầu chim Ca lâu Đồ ăn hoa tốt lành lúc ấy, thì đừng dấy lên cách nhìn nào khác, mà chính là thân Ta bây giờ. Đầu chim Ưu Ba Ca Lâu Đồ ăn hoa độc lúc ấy, nay chính là Đề-bà-đạt-đa. Ta ở lúc ấy vì làm lợi ích, trở lại sinh tâm sân hận; nay cũng như vậy, Ta khuyên bảo làm điều lợi ích, trở lại lấy Ta làm kẻ oán thù".

Lại trong kinh Phật Hổn Hạnh nói: "Bấy giờ Đức Thế tôn Đà đi vào Đô thành Ca Tỳ La Bà Tô, đi vào rồi từ từ đến một cửa hàng bán cá. Lúc bấy giờ, Đức Thế tôn thấy trong cửa hàng kia, trên sạp cỏ tranh có một trăm con cá chết nát rữa hôi thối, bỏ nơi rạp cỏ ấy. Thấy rồi bảo với Trưởng lão Nan-đà như vậy: Này Nan-đà! Ông đến lấy một nắm cỏ tranh nơi rạp cá ấy! Nan-đà bèn thưa với Đức Phật rằng: Con sẽ làm như Đức Thế tôn dạy. Nói lời này xong liền vào dưới rạp cá nơi cửa hàng kia, rút lấy một nắm cỏ tranh hôi thối. Đã cầm lấy rồi, Đức Phật lại bảo rằng: Này Nan-đà! Nắm giữ một lúc rồi lại đặt xuống đất. Nan-đà thưa rằng: Con sẽ làm như Đức Thế tôn dạy. Thế là cầm nắm cỏ trong tay. Bấy giờ Nan-đà cầm nắm cỏ ấy, qua một lúc sau thì đặt xuống đất. Lúc bấy giờ Đức Phật lại bảo Nan-đà rằng: Ông hãy ngửi tay mình. Bấy giờ Nan-đà liền ngửi tay mình. Lúc bấy giờ Đức Phật lại bảo với Nan-đà rằng: Tay ông có mùi gì? Nan-đà thưa rằng: Thưa Đức Thế tôn, chỉ có mùi tanh hôi bất tịnh. Bấy giờ Đức Phật bảo với Trưởng lão Nan-đà: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nếu người gần gũi với những ác tri thức, cùng làm bạn bè qua lại quan hệ với nhau, tuy trải qua một thời gian ngắn cùng tùy thuận với nhau, sau đó bởi vì ác nghiệp cùng vấy nhiễm thành thói quen, làm cho tiếng xấu đồn đãi loan xa khắp nơi. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn, bởi vì sự việc này mà thuyết kệ rằng:

Giống như từ dưới rạp cá ươn thối kia,
Đưa tay cầm lấy một nắm cỏ nơi rạp,
Tay người ấy liền hôi thối giống như cá,

Gần gũi bạn bè xấu ác cũng như vậy”.

Tụng rằng:

Thành Vương xá nguy nga sừng sững,
Vườn Linh Trúc xanh tốt sum sê,
Trong đó có thần thông biến hóa,
Khéo dẫn dụ đi vào sâu xa.
Người thiện ngưỡng mộ dạy làm phước,
Kẻ ác vui gieo chuyện oán thù,
Thiện ác lên xuống khác xa nhau,
Thơm thối hai mùi không chung lối.

Thiên thứ 55: **TRẠCH GIAO** (chọn bạn mà chơi).

Thiên này có 2 phần: Thuật ý, Dẫn chứng.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Bởi lẽ nghe rằng: Trong kinh nói đối với thiện tri thức, không được tạm thời xa lìa; đối với ác tri thức, không được gần gũi chốc lát. Nhưng thức tâm của phàm phu với như tơ trắng, tùy duyên thay đổi mà màu sắc có khác. Nhưng thức tâm của phàm phu ví như tơ trắng, tùy duyên thay đổi mà màu sắc có khác. Cảnh đến xông ướp tâm, tâm thuận cheo cảnh ấy, tâm - cảnh dựa theo nhau, thiện ác nghiệp hiện bày. Do đó biết Tam bảo đã giúp đỡ đối với hoàn cảnh là quan trọng, đức ấy đã mở rộng thì công ấy cũng thật to lớn, nguyện rời bỏ bạn bè xấu ác - thân cận với người tốt lành, không dứt khoát tự mình thực hành phải thành tựu, cũng khiến cho tâm tư u hiển đều trở về.

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như trong Tăng Kỳ Luật nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Vào đời quá khứ, mây mù che phủ lấp chặt lớp lớp từ chân núi đến tận đỉnh núi, trong đó có một nơi luôn luôn nổi lên, các loài chim tập trung lại cùng nhau bàn bạc rằng: Bây giờ chúng ta nên đưa ra một chim làm vua khiến mọi người sợ tai họa mà không làm điều phi pháp. Các loài chim bàn rằng: Biết ai xứng đáng làm vua đây? Có một con chim nói: Nên chọn chim Thượng Hộc. Có một con chim nói: Điều này không thích hợp, tại vì sao? Bởi vì chân cao cổ dài, các loài chim nếu như vi phạm thì sẽ mỗ vào đầu của chúng ta. Các loài chim đều nói đúng vậy. Lại có một con chim nói: Nên chọn chim Thiên Nga làm vua, bởi vì màu sắc thuần trắng các loài chim đều tôn kính. Các loài chim lại nói: Chim này cũng không thích hợp, dung mạo tuy trắng mà cổ dài lại cong, từ cái cổ mình không thẳng, làm sao có thể thẳng thắn với người khác, vì vậy cho nên không thích hợp. Tiếp theo các loài chim nói: Đích thực là có chim Khổng Tước, bộ lông nhiều màu rực rỡ làm đẹp mắt người nhìn thấy, có thể thích hợp làm vua. Lại nói không thích hợp, Vì sao như vậy? Bởi vì bộ lông tuy đẹp mà không có tàm quý, cứ mỗi lần đến lúc múa thì hình hài xấu xí bày rõ ra, vì vậy cho nên không thích hợp. Có một con chim nói: Chim Thổ Hiêu làm vua, vì sao như vậy? Bởi vì ban ngày thì yên lặng - ban đêm thì chịu khó quan sát bảo vệ chúng ta, chim ấy có thể làm vua. Các loài chim đều đồng ý như vậy. Có một con chim Anh vũ, cư trú ở một nơi, có nhiều trí tuệ, dấy lên ý nghĩ như vậy: Cách

sinh hoạt của các loài chim thì ban đêm cần phải ngủ nghỉ, ban ngày thì đi kiếm ăn; cách sinh hoạt của chim Thổ Tiêu này, ban đêm thì không ngủ, ban ngày thì ngủ nhiều, mà các loài chim vây quanh hầu hạ hai bên, ngày đêm canh gác vốn không được ngủ nghỉ, thật là điều khốn khổ, nay giả sử mình có nói ra, thì chim kia sẽ giận dữ nhổ hết bộ lông của mình, đích thực là phải im lặng thôi. Nhưng các loài chim trải qua đêm dài chịu đựng khốn khổ, thà rằng bị nhổ lông chứ không thể bỏ qua lý lẽ chính đáng! Thế là đến trước các loài chim, giương cao đôi cánh cung kính thưa với các loài chim rằng: Nguyện nghe tôi nói, ý kiến như trước đây! Lúc bấy giờ các loài chim liền nói kệ trả lời:

Thông minh trí tuệ biết nhiều nghĩa,
Không hẳn vì tuổi tác nhiều hơn,
Tuổi ông tuy đang còn trẻ thơ,
Mà có trí hợp thời bày tỏ!

Lúc bấy giờ chim Anh Vũ nghe các loài chim nói, liền nói kệ rằng:

Nếu như thuật theo ý của tôi,
Thì không để Thổ Hiêu làm vua,
Lúc hoan hỷ nhìn thấy nét mặt,
Thường làm cho các chim sợ hãi,
Huống là lúc nóng nảy giận dữ,
Nét mặt ấy không thể nhìn được.

Lúc ấy các loài chim đều nói: Thật sự như lời đã nói! Liền cùng nhau tụ tập bàn bạc: Chim Anh vũ này thông minh trí tuệ có thể thích hợp để làm vua. Thế là cùng nhau bái làm vua các loài chim.

Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Chim Thổ Hiêu lúc ấy, nay chính là Tỳ kheo Xiển Đà. Chim Anh Vũ lúc ấy, nay chính là A-nan vậy”.

Lại trong Tăng Kỳ Luật nói: “Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Như vào thời quá khứ có bầy gà, dựa vào khu rừng rậm mà cư trú, có con cáo xâm phạm ăn thịt con gà trống, chỉ có gà mái còn sống, sau đó có con quạ đến che chở, cùng ăn ở với nhau sanh được một người con, lúc ấy người con cất tiếng công khai nói kệ rằng:

Đứa trẻ này chẳng phải tôi có,
Cha ngoài đồng - mẹ nơi thôn xóm,
Cùng hợp lại sinh ra một con,
Chẳng phải quạ lại chẳng phải gà.
Nếu muốn học theo tiếng quạ kêu,
Lại chính là gà mẹ sinh ra,

Nếu muốn học theo tiếng mẹ kêu,
Thì cha lại chính là con quạ.
Học quạ tựa như tiếng gà kêu,
Học gà lại trở thành tiếng quạ,
Quạ và gà cả hai đều học,
Cả hai loại này đều không thành".

Lại trong Trí Độ Luận nói: "tại sao bố thí lại sinh ra Thi La Ba-la-mật? Bồ-tát tư duy: Cúng dường không biết bố thí thì đời sau nghèo khốn, bởi vì nghèo khốn cho nên sanh tâm trộmn cướp, bởi vì trộm cướp mà có giết hại. Bởi vì nghèo khốn cho nên không đầy đủ đối với sắc chất, bởi vì sắc chất không đầy đủ mà làm điều tà hạnh. Bởi vì nghèo khốn cho nên làm người hèn mạt, hèn mạt sợ hãi người khác mà sanh ra nói dối gạt. Nghèo khốn như vậy làm đủ mười bất thiện đạo. Nếu như thực hành bố thí, thì cuộc sống có tiền bạc đồ vật không làm điều phi pháp. Tại vì sao? Bởi vì năm dục đầy đủ không hề thiếu thốn. Như Đề-bà-đạt-đa, đời trước đây từng làm một con rắn, cùng với một con cóc - một con rùa, ở trong một hồ nước, cùng kết làm bạn bè thân thiết. Sau đó hồ khô cạn đói kém khốn khổ vô cùng, không biết nơi nào mà kêu cứu. Lúc ấy con rắn sai con rùa đi gọi con cóc, con cóc nói kệ để xua đuổi con rùa rằng:

Nếu gặp nghèo khốn mà mất tâm vốn có,
Không giữ nghĩa vốn có lấy ăn làm đầu,
Ông mang lời tôi nói lại với con rắn,
Con cóc cuối cùng không thể đến gần ông!

Nếu tu hạnh bố thí thì đời sau có phước không hề thiếu thốn, thì có thể trì giới không làm những điều ác này; đây là bố thí luôn luôn phát sinh Thi La Ba-la-mật. Nếu có thể bố thí để phá trừ tâm keo kiệt, sau đó trì giới- nhẫn nhục... sẽ dễ dàng có thể thực hành được. Như Văn Thù Sư Lợi, ở thời kiếp lâu xa trong quá khứ xưa kia, đã từng làm Tỳ kheo, đi vào thành khất thực, có được đầy bình bát, viên thuốc hoan hỷ trăm vị tuyệt diệu. Trong thành có một đứa trẻ, đi theo mà cầu xin, không cho ngay lúc ấy, đi đến tháp Phật tự tay nắm hai viên, mà yêu cầu rằng: Nếu cậu có thể tự mình ăn một viên, lấy một viên bố thí cho Tăng, thì tôi sẽ lấy cho cậu. Lập tức đồng ý với nhau như vậy, lấy một viên thuốc hoan hỷ bố thí chúng Tăng, sau đó hướng về Văn Thù Sư Lợi cầu xin thọ giới phát tâm làm Phật".

Tụng rằng:

Thiện-ác tự nhiên trái ngược nhau,

Sáng-tối không cùng chung một chỗ,
Thánh nhân thương xót hạng mê mờ,
Theo cơ duyên vào trong sanh tử.
Ngưỡng mộ đức loại trừ phiền não,
Cảnh giác tâm thấy được chân lý,
Chọn bạn mà chơi ác tự dừng,
Mới có bước đầu thoát khổ đau.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra 3 chuyện: 1. Sa môn Thích Siêu Đạt thời Ngụy; 2. Sa môn Thích Tăng Lãng thời Ngụy; 3. Sa môn Thích Đạo Phong thời Tề.

1. Thời nhà Ngụy ở vùng Huỳnh Dương có Sa môn Thích Siêu Đạt, không rõ người họ gì - vùng nào, hành nghiệp Tăng trong thời Nguyên Ngụy. Nhiều hiểu biết và giỏi về chú thuật, Hoàng Đế ngăn cấm sách sấm rất nghiêm ngặt, tra xét nơi ở, có người vu oan cho Diêu Đạt, bèn bắt giao cho ngụ Huỳnh Dương. Lúc ấy Ngụy Bác Lăng Công tra tìm so sánh vạch trần tội trạng đến tận cùng. Siêu đạt đem sự thật nói cho biết, Lăng Công liền đùng đùng nổi giận, lấy vành xe buộc vào cổ canh phòng rất nghiêm ngặt. Siêu Đạt tự biết mình không sống được bao lâu nữa nên dốc lòng niệm Quán Âm, đến canh Tư gần cuối đêm bỗng nhiên không thấy vành xe nữa, chỉ thấy lính gác đều ngủ mê mệt, nhân đó chạy đến nơi khác mong tìm cách trách xa. Vì bị giam cầm trong ngục đã lâu, chân thì bị cà nhắc không thể nào đi xa được. Đến sáng có bốn kỵ binh đuổi theo truy bắt, Siêu Đạt vội vàng nằm trốn trong cỏ rậm, kỵ binh lướt qua cỏ dại đều gạt xuống, đến gần sát không thấy gì. Siêu Đạt ngước lên nhìn mặt quân lính, đều dùng mặt nạ che mắt. Siêu Đạt một lòng chờ chết chỉ chí thành xưng niệm, trong đêm quân lính đi hết liền được thoát nạn.

Lại có Đạo nhân Tăng Minh, là chủ chùa Thạch Quật ở Bắc Đài. Họ Ngụy làm vua cai quản thiên hạ, đã từng nghi ngờ Sa môn làm giặc cướp, quan phủ bắt giữ mấy trăm vị Tăng, cùng giam giữ chung một nơi. Tăng Minh là người đứng đầu nên dùng dây thừng trói chặt, từ đầu đến chân, đợi Trời sáng sẽ chặt đầu. Tăng Minh vô cùng kinh hãi, dốc lòng niệm Quán Thế Âm, cho đến nửa đêm cảm thấy dây trói nới rộng một chút, trong lòng vui mừng càng tha thiết tinh thành, đến sáng thì dây trói đều đứt rời, nhờ vậy đã được thoát ra, chạy trốn vào núi sâu. Sáng sớm lính giữ ngục đến tìm không thấy mà chỉ có dây trói đứt rời còn trên

đất, biết là được thần lực gia hộ, không liên can gì đến người khác có thể làm được. Liền đem sự việc thưa trình với Hoàng Đế, Hoàng Đế tin Đạo nhân không làm phản liền thả cho tất cả được về.

2. Thời nhà Ngụy ở vùng Lương Châu có Sa môn Thích Tăng Lãng. Ngụy Lỗ tiến đánh Lương Châu, vì dân chúng trong thành ít ỏi nên bắt buộc Tăng sĩ lên thành tấn công. Cả thành cùng bị vây hãm, bắt giữ Tăng leo thành tấn công có ba ngàn người. Quân lính nhà vua dẫn đến nơi chúa Ngụy, chúa Ngụy nói rằng: Là Đạo nhân thì nên ngồi thiền tu đạo, sao lại làm giặc leo thành, tội đáng chém chết, ngày mai sẽ chém đầu. Đến giờ ăn bữa sáng, có luồng khí đỏ rực mấy trượng xuyên qua mặt Trời chiếu thẳng đền, Thiên Sư xuất hiện khiêm tốn báo tin cho Hoàng đế, tâu rằng: Trên cõi Trời xuống đây chẳng có gì khác mà chính là vì Đạo nhân, thật sự không phải là tâm vốn có, quan phủ bắt ép khiến phải leo thành, mong không cần phải giết hại! Hoàng Đế liền tha cho, hãy còn phạm ra đưa vào làm các công việc nặng nhọc, chỉ riêng Tăng Lãng cùng một số Tăng khác giao cho quân lính dưới quyền cai quản, đi theo xa giá trở về phía Đông. Đến lúc quân Ngụy quay về phía Đông, Tăng Lãng cùng với đồng học nhớ về quê mình, giữa đường cùng nhau làm phãn, nhưng mà canh phòng rất nghiêm ngặt lại không biết đi về nơi nào, từ Đông sang Tây tường ngăn cách biệt chẳng biết cạn sâu. Phía trên có cây to rũ xuống bên bờ, liền dùng cán cờ buộc dây thừng trên cây thồng xuống. Lúc ấy đêm đen tối om, dưới sườn dốc toàn gai góc không có chỗ nào đặt chân được, muốn leo lên đầu sườn núi lại sợ rằng quân lính phát giác, tìm mọi cách nắm lấy dây thừng đứng lơ lửng giữa chừng, tình thế như vậy không chịu được bao lâu. Bèn cùng nhau nói rằng: Nay tai ách đến mức khốn cùng, chỉ có niệm Quán Âm, dùng đầu úp vào đá nhất tâm chuyên chú. Trong chốc lát ánh sáng từ nơi mặt Trời xuất hiện soi chiếu khắp Trời đất, mới thấy giữa gai góc có nơi xuống được. Nhờ vào ánh sáng xuống đến mặt đất lại bỗng nhiên tối mịt, mới biết là Thánh lực chứ không phải là Trời sáng. Cùng nhau vui mừng cảm động vì gặp được bình yên nên mọi người cùng một lát. Rất lâu thì Trời sáng, mới nghe quân lính báo động cho nhau, mà hang núi trùng điệp ngoằn nghèo cả vạn dặm, không biết đường nào vượt ra, đợi trăng lên mà đi. Giữa đường gặp hổ lớn xuất hiện ở phía trước, nhìn nhau mà nói: Tuy tránh được nạn tù binh mà miệng hổ khó thoát. Tăng Lãng nói với mọi người rằng: Tuy tránh được nạn tù binh mà miệng hổ khó thoát. Tăng Lãng nói với mọi người rằng: Không như các vị nói đâu, đích thực là chúng ta có cảm ứng cho nên ánh sáng hiện ra, nay gặp

con hổ này, không phải là Thánh nhân chỉ đường cho chúng ta ư? Thế là hai người đi thẳng đến chỗ con hổ, con hổ liền đi về phía trước, nếu Tăng Lãng đi hơi chậm thì con hổ cũng tạm thời dừng lại. Đến sáng ra ngoài được rồi, mà con hổ thì mất dạng, liền theo đường tự mình đi tiếp, cho đến bảy ngày đến được Cừu Trì, lại đến Lương Hán ra ngoài kinh Châu, không biết cuối cùng thế nào.

3. Thời nhà Tề ở vùng Cổ Sơn - Tương Châu có Sa môn Thích Đạo Phong, không rõ người họ tộc nào, người đời gọi là hàng đắc đạo, cùng với ba người đệ tử cư trú trong vùng Cổ Sơn - Tương Châu, không mong cầu lợi dưỡng; có người nói: Những kỹ năng phép thuật luyện đan vàng trắng, chữa bệnh, xem tướng ở thế gian không có thứ gì không biết. Tề Cao Đế qua lại Tính Nghiệp, thường đến hỏi thăm, trả lời không suy nghĩ mà tùy theo sự việc nêu ra để giải đáp. Nhà vua đã từng mang rượu và thịt hầm, đạt trước mặt Đạo Phong khiến phải ăn, Đạo Phong tạm không thể khiêm tốn từ chối y của nhà vua mà ăn no. nhà vua mới cười lớn, cũng không nói gì với nhau. Sau khi xa giá đi rồi, nói với đệ từ rằng: Loại bỏ hết những vật trước giường! Thế là dọn dẹp giường ghế thấy thịt hầm và rượu trước đó đều vẫn còn, cũng không giống như các thứ đã ăn uống. Lúc ấy ở chùa Thạch Quật có một vị Tăng ngồi Thiền, cứ đến lúc mặt Trời về phía Tây thì nhìn về chóp núi phía Đông, thấy có tượng vàng trượng tám hiện ra, vị Tăng này mừng thầm nói là nhìn thấy điềm linh ứng, cứ ngày ngày lễ bái. Như vậy trải qua chừng hai tháng, sau đó nằm ngủ ở trong phòng, bỗng nhiên nghe trong chiếc gối có tiếng nói rằng: Thiên hạ lại nơi nào có Phật, nay ông thành đạo tức là Phật vậy, bây giờ sẽ được làm thân Phật đừng tư khinh thường mình! Vị Tăng này nghe rồi liền đứng dậy trịnh trọng, nhìn chúng Tăng bên cạnh giống như cỏ rác, ở trước đại chúng đưa tay chỉ ngực nói: Các ông có thể biết được Phật thật sự không, Phật gỗ-Phật vẽ trong khám thờ nói không hở môi, trí suy nghĩ như thế nào? Các ông thấy Phật thật sự mà không biết lễ kính, hãy còn làm ngày tháng để lừa dối ta, đều rơi vào A Tỳ. Nhưng đôi mắt đã đỏ lại kêu gọi thất thường, cả chùa biết là bị lạc thiền. Trước lúc chưa phát ra đã đến nơi cư trú của Đạo Phong, Đạo Phong liền nói rằng: Trong hai tháng nay ông thường thấy trên chóp núi phía Đông hiện ra tượng vàng chăng? Đáp rằng: Thật sự trông thấy. Lại nói: Ông nghe trong chiếc gối khiến làm Phật chăng? Đáp rằng: Thật sự như vậy. Đạo Phong nói” Đây là gió động làm lạc mất tâm, mà thôi, nếu không rửa trị sớm, thì chắc là bị bậy khó mà quản thúc được. Liền lấy kim khâu đâm vào ba chỗ, nhân đó không còn phát ra nữa. Đến lúc

Đạo Phong sắp qua đời nói với đệ tử rằng: Ta ở lâu trong núi, các ông có công lao múc nước từ hang núi lên, nay ra đi không có gì để lại, nên giữ lại một dòng suối cho các ông, đã không vất vả cực nhọc lên cao xuống thấp thì gắng sức chịu khó tu dưỡng đạo nghiệp! Liền chỉ về một tảng đá vuông nằm gần nhà bếp, tức thì có dòng nước lơ lửng trong vắt hiện ra không thừa không thiếu; đến nay vẫn còn như vậy.

Ba chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 52

Thiên thứ 56: QUYẾN THUỘC

Thiên này có 4 phần: Thuật ý, Ai luyến, Cải dị, Ly trước.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Trộm nghĩ rằng:" Quyến thuộc như cánh bèo trôi mới cũ xoay vòng liên tục, đi, ở khó đoán biết được mà tụ hội trong chốc lát. Bởi lẽ duyên thiện ác khác nhau, nẻo lên xuống cách biệt, thiện như Nan-đà bỏ vinh hoa dục lạc mà thuận theo đạo. La vân rời ngội vị vua chúa mà đoạn phiền não, như rừng chiên đàn có nhiều cây chiên đàn chen chúc vây quanh, tùy theo sự thích ứng mà hóa độ, pháp của Đấng Điều Ngự ở đây có thể thấy; ác như Điều Đạt phá hoại Tăng - Xà Vương hãm hại cha, thường ôm ấp ý niệm hiểm ác - luôn luôn kết thêm nhiều oán thù, đã giống như khu rừng đầy gai góc, cũng tương tự chủng loại của rắn rít. Nẻo thiện - ác phân biệt họa - phước có thể nhìn thấy vậy.

Thứ hai- PHẦN AI LUYẾN (đau xót không quên)

Như kinh Tu-ma-đề Trưởng giả nói: "Thời Đức Phật tại thế, trong thành Xá Vệ có vị Đại Trưởng giả, tên gọi Tu-ma-đề. Lúc người này qua đời, cha mẹ bà con và bạn bè quen biết, đều gào khóc đau đớn quay quắt, kêu than nức nở ngất lịm trên đất. Có người gọi là cha mẹ anh em, có người gọi là chồng yêu quý, như vậy đủ loại cứ gào khóc nỉ non. Lại có người bốc đất mà tự bôi lấm lem, lại có người cầm dao cắt đứt tóc mình, vì như có mũi tên độc cắm vào tim người đau khổ phiền muộn vô cùng. Hoặc có người lấy áo tự che kín mà rơi lệ đau thương, ví như gió lớn quạt lên làm cho cây rừng va chạm vào nhau, lại giống như cá tôm xa nước trằn trọc ở trên đất, lại giống như chặt đứt cây to đổ nhào bừa bộn. Bởi vì khổ sở ác hiểm như vậy mà làm cho thân thể càng khốn đốn.

Lúc bấy giờ Đức Thế tôn biết rõ mà cố ý hỏi A-nan: Những người

ấy vì sao kêu gào khóc lóc đau buồn như vậy? A-nan đem mọi chuyện để thưa với Đức Phật rằng: Chỉ nguyện Đức Thế tôn, vì hóa độ tất cả, có thể đi đến chỗ ấy, chư Phật Thế tôn không bởi vì không có sự thỉnh cầu mà có điều gì không thể nói, nay con vì những người ấy khuyến thỉnh đối với Đức Phật, mong Đức Thế tôn vì lòng Đại Từ bi xin nguyện đi đến nơi đó!

Bấy giờ Như lai nhận lời A-nan thỉnh cầu, lập tức đi đến nhà ấy. Lúc này những người ấy từ xa trông thấy Đức Thế tôn, tất cả đều đưa tay lau mặt đi về phía trước nghênh đón Đức Phật, đã đến chỗ Đức Phật rồi đầu mặt lạy dưới chân Ngài, đau thương uất nghẹn không thể nào nói nên lời, đang muốn thở than, nhưng bởi vì cung kính Đức Phật cho nên không dám phát ra, nén hơi thở lại mà đứng lặng. Lúc bấy giờ Đức Phật bảo với cha mẹ bà con quyến thuộc của Trưởng giả rằng: Mọi người vì sao khóc lóc đau thương buồn phiền theo pháp hư huyễn như vậy? Lúc ấy những người này đồng thời lên tiếng mà thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn! Trong thành này chỉ có người này là thông minh trí tuệ đoan chánh tuyệt vời vô cùng, tuổi đã cường tráng, là người ưu việt nhất ở giữa mọi người, lại có nhiều tiền bạc châu báu kho đụn đầy ắp, ngựa xe áo quần tôi tớ phục dịch – nô tì hầu hạ mọi thứ như vậy thảy đều đầy đủ không có gì thiếu thốn, trong chốc lát mạng chung, vì thế cho nên chúng con khóc lóc thương tiếc lưu luyến nhớ nhung không làm sao tự cầm lòng được. Lành thay Đức Thế tôn! Nguyện xin phương tiện thuyết pháp cho chúng con được xa rời những phiền muộn, từ nay về sau lại không tiếp tục nhận chịu những nỗi khổ như vậy!

Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với cha mẹ bà con họ hàng - bạn bè quen biết của Trưởng giả và các đại chúng rằng: Mọi người đã từng thấy có người nào sanh ra mà chẳng già-bệnh-chết hay không? Mọi người thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn, chưa bao giờ thấy sự việc như vậy. Đức Phật lại bảo với các đại chúng: Mọi người muốn xa lìa sanh lão bệnh tử ưu bi khổ não, thì đừng tiếp tục nghĩ đến sự ràng buộc của ân ái này, mà nêu cao tâm tư nhìn nhận đúng đắn - trở về nương tựa vào Tam bảo. Vì sao như vậy? Bởi vì ở trong mọi thế gian không có ai hơn được Đức Phật, Đức Phật có năng lực dẫn dắt mọi người tăm tối ngu si, pháp Đức Phật thuyết ra chính là vị thuốc tốt. Bấy giờ Thế tôn liền thuyết kệ rằng:

Trong hết thảy thế giới mười phương,
Sanh ra không có ai không chết,
Đường sanh tử qua lại không dứt,

Chỉ có pháp có thể trừ diệt.
Không có thế giới nào có thể,
Cứu được mạng người lúc chấm dứt,
Chỉ có Đức Phật đoạn trừ được,
Vì vậy trở về nương Đức Phật.
Nếu người làm những điều bất thiện,
Thích gây ra mười nghiệp xấu ác,
Tâm luôn luôn tràn đầy kiêu mạn,
Không tôn kính đối với Tam bảo,
Không có thể giữ giới thanh tịnh,
Lười nhác trôi qua không tinh tiến,
Tất cả những hạng người như vậy,
Đều gọi là dần dần đến cõi chết,
Không thường mà cứ nghĩ có thường,
Bất tịnh lại chấp là thanh tịnh,
Thật khổ đau mà nói vui sướng,
Không có Ngã chấp là có Ngã,
Chúng sanh trôi nổi trong sanh tử,
Đắm sâu vào cách nhìn trái ngược,
Trong trăm ngàn vạn ức đời kiếp,
Không biết nguồn gốc của sanh tử.
Nếu có người có thể hiểu biết,
Giáo pháp vĩ đại chân thật ấy,
Có thể biết thân này vô thường,
Thật là nguồn gốc của đau khổ.
Nếu như người thấy rõ cấu trược,
Đoạn trừ gốc rễ của ba độc,
Nhất định có thể được thành tựu,
Giáo pháp vĩ đại không gì hơn.

Lúc bấy giờ các hàng quyến thuộc của Trưởng giả nghe Đức Phật đã thuyết, mọi sự xót thương đau khổ đều dừng lại và đạt được đạo quả”.

Lại trong kinh Pháp Cú Dụ nói: “ Xưa có Bà-la-môn, tuổi trai trẻ xuất gia, học đến sáu mươi tuổi mà không thể nào đắc đạo. Theo pháp của Bà-la-môn, đến sáu mươi tuổi mà không đắc đạo thì sau đó phải trở về nhà lấy vợ làm người tại gia. Bà-la-môn này về nhà lấy vợ, sinh được một bé trai đoan chánh đáng yêu, đến năm bảy tuổi học hành thông minh trí tuệ, mở miệng tranh luận có tiết tháo hơn hẳn mọi người,

cuối cùng gặp phải bệnh nặng trong một đêm đã mạng chung. Phạm Chí thương tiếc không thể nào tự nén lòng được, úp mặt lên trên thi thể của con ngất đi rồi tỉnh lại, bà con thân thích khuyên can nói cho biết mà mang thi thể khâm liệm, mai táng ở ngoài thành. Phạm Chí tự nghĩ rằng: Nay mình khóc lóc nỉ non xét lại không ích lợi gì, không bằng đi đến chỗ Diêm La Vương trước cầu xin mạng sống cho con mình. Thế là Phạm Chí tắm gội sạnh sẽ trai giới thanh tịnh, ôm theo hương hoa rời nhà mà đi. Hỏi người ở nơi đó, nơi phán xử của Diêm La Vương là ở nơi nào? Thế rồi lần lượt đi về phía trước, đi mấy ngàn dặm vào trong núi sâu, gặp các Phạm Chí đắc đạo, lại hỏi giống như trước. Các Phạm Chí hỏi rằng: Ông hỏi nơi phán xử Diêm La Vương muốn cầu xin những điều gì? Đáp rằng: Tôi có một người con, trí tuệ biện tài hơn người, qua đời mới gần đây, đau thương vô cùng xót xa buồn phiền quá đỗi không thể nào tự giải tỏa được, muốn đến nơi Diêm La Vương cầu xin mạng sống cho con tôi, mang trở về nhà nuôi dưỡng để phòng ngừa tuổi già. Các vị Phạm Chí thương cho sự ngu si ấy liền nói cho biết rằng: Nơi phán xử Diêm La Vương, không phải là nơi mà người sống có thể đến được. Trước mắt chỉ cho ông một cách, nên từ đây đi về phía Tây hơn bốn trăm dặm có một dòng sông rộng, trong đó có khu thành, khu thành này là nơi các Thiên Thần đi xét án thế gian thường dừng chân nghỉ lại, Diêm La Vương thường vào ngày mồng bốn tháng tư đi xét án nhất định phải đi qua khu thành này, ông trì trai giới thanh tịnh hướng về ắt phải gặp mặt. Phạm Chí hoan hỷ vâng theo lời dạy mà đi, đến giữa sông ấy trông thấy thành quách đẹp đẽ, cung điện nhà cửa giống như cõi Trời Đao Lợi. Phạm Chí đến cổng thắp hương nhón chân, chú nguyện mong cầu tiếp kiến Diêm La Vương. Diêm La Vương truyền lệnh cho người canh cổng dẫn lối vào gặp. Phạm Chí thưa rằng: Kẻ hậu sinh có một người con trai muốn để phòng ngừa lúc tuổi già, nuôi dạy được bảy tuổi mới mạng chung gần đây, chỉ nguyện Đại vương, rủ lòng ban ân bố thí trả mạng sống cho con tôi! Diêm La Vương nói: Điều mong cầu rất tốt, con trai ông nay chơi đùa ở trong khu vườn phía Đông, tự ông đến đó mang đi. Phạm Chí lập tức đi đến nơi ấy, trông thấy con trai và những trẻ nhỏ cùng nhau chơi đùa, liền tiến lên ôm lấy, nhìn con mà khóc sướt mướt nói rằng: Cha ngày đêm nhớ con mà ăn ngủ không yên, lẽ nào con không nghĩ đến cha mẹ vất vả cực nhọc hay sao? Đứa trẻ kinh ngạc kêu to trách ngược lại rằng: Ông lão ngờ nghệch không thông hiểu đạo lý, sống nhờ trong chốc lát gọi người ta là con, đừng nhiều lời xằng bậy không bằng đi cho sớm, nay tôi ở nơi này tự mình có cha mẹ, trong lúc

gặp gỡ tình cờ đừng tự tay ôm lấy người ta! Phạm Chí buồn bã rơi nước mắt mà đi, liền tự suy nghĩ rằng: Mình nghe Sa môn Cù Đàm biết rõ đạo lý biến hóa của thần hồn con người, nên đi đến hỏi xem! Thế là Phạm Chí trở về nơi Đức Phật. Lúc ấy Đức Phật đang ở tinh xá Kỳ-hoàn trong đất nước Xá Vệ thuyết pháp cho đại chúng. Phạm Chí trông thấy Đức Phật liền cúi rập đầu làm lễ, đem đầu đuôi sự việc hướng về Đức Phật để trình bày, thật sự là con trai của con không chịu gặp mặt, mà còn nói rằng con là ông lão ngờ nghệch, sống nhờ trong chốc lát mà nhận tôi làm con; vĩnh viễn không có tình cha con, vì sao mà lại như vậy? Đức Phật bảo với Phạm Chí rằng: Ông thật là ngu si, người chết rồi thần thức ra đi thì tiếp tục nhận lấy hình hài; cha mẹ vợ con lúc nhân duyên hợp lại thì nhận nhau, ví như khách ở nhờ ra đi thì ly tán, ngu si mê muội ràng buộc đắm trước cho là mình có, ưu bi khổ não không nhận biết nguồn gốc vốn có, chìm đắm trong sanh tử mà chưa bao giờ ngừng lại. Chỉ có người trí tuệ không tham ân ái, biết rõ khổ đau - trừ bỏ tập khí - chịu khó tu hành theo kinh giới, diệt trừ Thức và Tưởng thì sanh tử không còn. Phạm Chí nghe rồi ý hiểu rõ thông suốt, ngay trên chỗ ngồi đạt được quả vị A-la-hán”.

Lại trong kinh Đại Pháp Cự nói: “Đức Phật dạy: Tất cả chúng sanh đều tùy theo chủng loại hình hài của mình mà thiết lập tên gọi, như chim chóc ong bướm..., mà chúng sanh trong loài ngạ quỷ kia, không có tên gọi sai biệt nhất định; đừng nói Trời nhất định là Trời, người nhất định là người, ngạ quỷ nhất định là ngạ quỷ. Như trong một sự việc có nhiều loại tên gọi, như trong một loài người có nhiều loại tên gọi, như trong một cõi Trời cho đến ngạ quỷ súc sanh, cũng lại như vậy; cũng có nhiều ngạ quỷ hoàn toàn không có tên gọi, ở trong một thời gian ngắn thân thể chuyển đổi biến hiện làm thành đủ loại hình dạng, làm sao có thể gọi được tên gọi ấy? Bởi vì nhân duyên ác nghiệp trong loài kia chưa trừ hết, cho nên ở trong một niệm biến hiện đủ loại thân hình”.

***Thứ ba*- PHẦN CẢI DỊ** (thay đổi).

Như kinh Pháp Cú Dụ nói: “Xưa Đức Phật an trú tại nước Xá Vệ, thuyết pháp cho chúng Trời-người. Lúc ấy trong thành có Trưởng giả Bà-la-môn, tiền bạc giàu có vô cùng, nhưng là người keo kiệt tham lam không thích bố thí, ăn uống thường đóng kín cửa không vui khi có khách đến. Nếu lúc có thức ăn, thì nhất định phải sai người trong nhà đóng chặt cửa ngõ, đừng để cho người tự nhiên bước vào trong nhà cầu xin ăn uống. Lúc bấy giờ Trưởng giả bỗng nhiên nghĩ đến bữa cơm ngon lành,

liền nói với vợ mình để làm cơm ăn, bảo giết thịt con gà mập, gừng tiêu điều hòa nấu lến làm cho chín rục. Đồ ăn thức uống chưng dọn trong chốc lát đã xong, bảo đóng cửa bên ngoài, hai vợ chồng ngồi cùng một đứa con bé nhỏ, đặt mâm cơm ở giữa rồi cùng nhau ăn uống. Cha mẹ lấy thịt gà đút vào trong miệng đứa con, như vậy nhiều lần, ban đầu không có gì bỏ dở. Đức Phật biết Trưởng giả này vốn có phước thiện thích hợp mà hóa độ, Ngài hóa làm Sa môn, đợi lúc cả nhà ngồi ăn liền hiện ra ngồi trước mặt, tiện thể chú nguyện rằng: Chỉ nói bố thí nhiều ít có thể được phước to lớn. Trưởng giả ngẫng đầu trông thấy Hóa Sa môn, liền mắng rằng: Ông là Đạo nhân mà không cảm thấy nhục nhã, gia đình người ta ngồi ăn tại sao đường đột bước vào? Sa môn đáp rằng: Ông tự mình ngu si không biết gì nhục nhã, nay tôi là người xin ăn vì sao phải xấu hổ chứ? Trưởng giả hỏi rằng: Tôi và gia đình vợ con mình cùng nhau vui vẻ tại sao phải xấu hổ? Sa môn đáp rằng: Ông giết cha mẹ vợ con mình, cung dưỡng cho oán gia mà không biết xấu hổ, trái lại nói là người xin ăn tại sao không cảm thấy hổ thẹn? Ngay sau đó Đức Thế tôn liền thuyết kệ rằng:

Cành nhánh sinh ra không chấm dứt,
Chỉ bởi vì tham dục ăn uống,
Nuôi giữ oán thù thêm chồng chất,
Người ngu si vội vàng trước mắt;
Tuy địa ngục có nhiều xiềng xích,
Người trí tuệ không nói nhà tù,
Người ngu thấy vợ con trang sức,
Đắm sâu trong ngục tù tham ái;
Người trí tuệ nói rằng tham ái,
Là ngục tù vô cùng vững chắc,
Trói buộc người muôn nghìn kiếp,
Khó mong ngày có thể thoát ra;
Vì vậy nên đoạn trừ dứt khoát,
Không tham dục ân ái thế gian,
Nguồn gốc sanh tử là tham ái,
Xa lìa thì có được bình an.

Trưởng giả nghe kệ kinh ngạc mà hỏi rằng: Vì sao Đạo nhân nói như vậy? Đáp rằng: Xét kỹ con gà ấy trước kia là cha đời trước của ông, bởi vì tham lam keo kiệt cho nên thường sanh trong loài gà bị ông làm thịt ăn uống; đứa trẻ bé nhỏ này đời trước làm La Sát, ông làm người chủ đứng đầu các khách buôn đi thuyền vào hiển, thuyền bị lạc dòng

trôi vào trong xứ sở La Sát bị La sát ăn thịt, năm trăm đời như vậy, tuổi thọ hết rồi sanh đến làm con cho ông, bởi vì tội lỗi còn lại của ông chưa xóa hết cho nên đến để mong làm hại nhau mà thôi. Nay là vợ thì chính là mẹ ở kiếp trước của ông, bởi vì ân ái vô cùng sâu nặng cho nên nay trở lại làm vợ với ông. Nay ông ngu si không biết gì mạng sống đời trước, giết cha nuôi dưỡng oán thù, lấy mẹ làm vợ; sanh tử trong năm đường luân chuyển không có giới hạn, vòng quanh qua lại vẫn trong năm đường, ai có thể biết được điều ấy, chỉ có Đạo nhân nhìn nơi này trông thấy nơi kia, người ngu si không biết lẽ nào không xấu hổ hay sao? Thế là Trưởng giả bỗng nhiên sởn tóc gáy dường như vô cùng sợ hãi. Đức Phật hiện bày làm cho biết rõ túc mạng, Trưởng giả trông thấy Đức Phật liền biết được túc mạng, thế là sám hối nhận lỗi nhân tiện thọ trì năm giới, Đức Phật thuyết pháp cho nghe đạt được quả vị Tu-đà-hoàn".

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: "Lúc ấy Đức Phật du hành đến đất nước Cư A La, nhân tiện ở giữa chặng đường dài ngồi nghỉ dưới một tán cây, có một bà lão tên gọi Ca Đán Già La, là người ở đang múc nước lên từ trong giếng. Đức Phật bảo với A-nan: Hãy đến xin nước uống! A-nan theo lời Đức Phật dạy liền đi đến xin nước. Lúc bấy giờ bà lão nghe Đức Phật xin nước, tự mình gánh vò đi tới, đã đến nơi Đức Phật liền đặt vò nước xuống đất, đi thẳng đến ôm chầm Đức Phật. A-nan muốn ngăn lại, Đức Phật bảo rằng: Đừng ngăn lại, bà lão này trong năm trăm đời đã từng làm mẹ Ta, tâm yêu thương chưa cạn vì vậy mà ôm chầm lấy Ta, nếu như lúc ấy ngăn cản thì máu nóng xuất hiện từ khuôn mặt mà lập tức mạng chung. Đã được ôm chầm Đức Phật, mà tay chân cứ run rẩy, đứng ở một bên. Đức Phật bảo với A-nan: Đi gọi người chủ ấy đến đây! Người chủ đi đến đầu mặt lễ lạy Đức Phật rồi lùi lại đứng một bên. Đức Phật bảo với người chủ rằng: Tha cho bà lão này khiến được xuất gia, nếu như xuất gia thì sẽ đạt được quả vị La hán. Người chủ liền tha cho. Bà lão này xưa kia vào thời Đức Phật Ca-diếp có duyên xuất gia học đạo cho nên đạt được quả vị A-la-hán, lúc bấy giờ làm người đứng đầu đồ chúng mà mắng nhiếc các vị Thánh Ni là hạng nô tỳ, nay làm người phục dịch cho người khác. Trong năm trăm đời luôn luôn làm mẹ Ta, vì ngăn cản Ta bố thí cho nên thường sanh làm người nghèo hèn vậy.

Lại trong kinh Hiền Ngu nói: "Trong nước Xá Vệ có vị Trưởng giả giàu có vô cùng nhưng không có con trai nối dõi, đã từng cúng dường tế khấn nguyện thần linh cầu xin một người con trai, một lòng một dạ

chân thành khẩn thiết nên người vợ hiền mang thai. Ngày tháng đã đủ sanh ra một bé trai, bé trai ấy đoan chánh hiếm có ở thế gian, cha mẹ bà con họ hàng cùng nhau tụ họp lại, đến bên bờ sông lớn ăn uống tự nhiên vui vẻ. Gần bên sông nhưng không chú ý nên đứa bé sơ suất rơi xuống nước, tất cả lập tức tìm kiếm khắp nơi mà cuối cùng không thể nào tìm được, cha mẹ thương tiếc xót xa ngất lịm rồi tỉnh lại. Đứa bé ấy nhờ có công đức nên cuối cùng lại không thể chết, vào giữa nước sông chìm nổi trôi theo dòng nước, lúc ấy có một con cá nuốt đứa bé này vào bụng, tuy ở trong bụng cá mà hãy còn bình an không chết. Lúc ấy có thôn nhỏ ở phía hạ lưu, có một nhà giàu cũng không có con trai nối dõi, cầu xin đủ cách nhưng khốn nỗi không thể nào có được, mà nhà giàu kia luôn luôn khiến một nô tỳ đánh cá buôn bán. Nô tỳ ấy đánh bắt được con cá nuốt đứa bé, mổ bụng xem thử thì được một đứa bé, diện mạo đoan chánh vô cùng, được rồi hoan hỷ lắm, từ bấy đến nay nhà mình cúng bái khấn nguyện cầu xin, tinh thành báo ứng cho nên Trời ban cho mình, thế là vuốt ve chăm sóc bú mớm nuôi giữ đứa bé khỏe mạnh. Lúc ấy cha mẹ ở thôn trên kia đi tìm gặp, nói rằng: Đây là con tôi lạc mất ở khúc sông trên kia, nay ông cứu được, nguyện xin để được mang về! Lúc ấy Trưởng giả kia bèn trả lời rằng: Nhà tôi từ lâu đến nay thờ cúng cầu con trai, nay thần linh báo ứng ban cho tôi một người con, con của ông mất cuối cùng ở nơi nào? Rối rắm không giải quyết được bèn đêm đến chỗ nhà vua cầu xin phân xét, thế là hai người đều đưa ra lý lẽ của mình. Nhà vua nghe trình bày không biết như thế nào, liền cho phép hai người cùng nuôi dưỡng đứa bé này, đến lúc đứa bé trưởng thành hai nhà đều cưới vợ cho con, sắp xếp gia nghiệp ở hai nơi khác nhau, người vợ nơi này sanh con thì thuộc về nhà này, người vợ nơi kia sanh con thì thuộc về nhà kia. Lúc ấy hai Trưởng giả đều thuận theo lời phân xử của nhà vua. Đứa bé ấy trưởng thành cùng cưới vợ cho con, cung cấp những thứ đồ dùng đầy đủ chu đáo. Người con ấy thưa với cha mẹ hai nhà cầu xin xuất gia, tâm cha mẹ yêu thương nên không thể nào từ chối, liền đồng ý với con. Lập tức đi đến nơi Đức Phật cầu xin nhập đạo, Đức Phật liền đồng ý, khen ngợi rằng: Tốt lành thay! Đầu tóc tự nhiên rụng hết liền trở thành Sa môn, tự là Trọng Tánh. Đức Phật thuyết pháp cho nghe được trừ hết những khổ đau, ngay trên chỗ ngồi thành tựu đạo quả A-la-hán.

A-nan thưa với Đức Phật: Thưa Đức Thế tôn! Không biết Tỳ kheo Trọng Tánh này, trước đây làm nên công hạnh gì - gieo trồng thiện căn gì, mà nay sanh trong đời rơi xuống nước - cá nuốt vào bụng vẫn như

cũ chứ không chết? Đức Phật bảo với A-nan: Ông hãy lắng nghe, Ta sẽ nói cho biết! Quá khứ lâu xa lắm rồi, có Đức Phật xuất thế danh hiệu Ty-bà-thi, quy tụ các đại chúng thuyết cho nghe diệu pháp. Lúc ấy có Trưởng giả đi đến trong pháp hội, nghe rồi thọ ba quy y - thọ giới không giết hại, lại thấy một đồng tiền bố thí Đức Phật ấy. Nhờ nhân duyên này mà đời đời hưởng thụ phước thiện không có gì thiếu thốn.

Đức Phật bảo với A-nan: Trưởng giả lúc bấy giờ nay chính là Tỳ kheo Trọng Tánh, nhờ bố thí một đồng tiền mà chín mươi mốt kiếp luôn luôn dồi dào tiền của, cho đến đời này được hai nhà cung cấp đầy đủ; nhờ thọ giới không giết hại cho nên rơi vào trong nước - cá nuốt vào bụng không chết, nhờ thọ ba pháp quy y cho nên đời này gặp Ta và xuất gia đạt được quả vị A-la-hán".

Lại trong kinh Phật Thuyết Trưởng Giả Tử Áo Não Tam Xứ nói: "Lúc bấy giờ trong thành Xá Vệ có Trưởng giả rất giàu, tiền bạc châu báu vô số mà nhà không có con cái thừa kế, sợ rằng sau khi qua đời sẽ bị quan quyền tịch thu, vợ chồng cúng bái cầu xin dốc lòng quy y Tam bảo, tinh cần không lơi lỏng liền được mang thai. Người vợ nhanh nhạy có năm điều thuận theo biết được: 1. Biết ý chống; 2. Biết chồng nhớ hay không nhớ; 3. Biết nhân duyên đã mang thai; 4. Biết phân biệt nam nữ; 5. Biết phân biệt thiện ác. Người vợ này báo cho Trưởng giả biết: Em đã mang thai. Trưởng giả rất vui mừng. Đủ ngày tháng sanh được bé trai, thêm năm mẹ vú để cung dưỡng bồng ẵm chăm sóc. Lớn lên tìm được người vợ đẹp, vợ chồng con trai dạo chơi trong vườn, trong vườn có cây tên là Vô Ưu, mùa hoa tươi sáng có nhụy mềm màu đỏ. Người vợ nói với chồng rằng: Em muốn có được cnàh hoa này. Người chồng liền leo lên cây hái lấy hoa này cho vợ, cành cây nhỏ yếu lập tức gãy lìa; con trai rơi xuống chết liền, cha mẹ hay tin chạy nhanh đến ôm đầu, vuốt nhẹ xem xét thì đã tắt thở không còn tỉnh lại. Cha mẹ đau xót trong lòng tan nát cùng cực thảm thương, những người khách trông thấy cũng đau thương thay.

Đức Phật cùng với A-nan, nhân đi vào thành trông thấy thương xót cho người con dộc nhất mà rơi trên cây xuống chết. Đức Phật bảo với Trưởng giả: Con người sinh ra thì có chết đi, vật có thành tựu thì có hư hoại, đúng lúc mạng sống đã hết thì không thể nào trốn tránh được, hãy rời bỏ ý niệm ưu sầu đừng tiếp tục buồn thương nữa! Đức Phật nói cho Trưởng giả biết: Người con này vốn từ trên cõi Trời Đạo Lợi đã hết tuổi thọ mà đầu thai vào nhà ông, tuổi thọ nơi nhà ông hr6t1 thì sanh trong loài rồng, chim chúa cánh vàng sẽ bắt ăn thịt, cha mẹ ba nơi trong

cùng một lúc khóc lóc nức nở, người này là con của ai? Đức Phật liền thuyết kệ rằng:

Con của chư Thiên trên cõi Trời,
Hay là con trai của ông chăng,
Hay là con trai của Long thần,
Đang ở trong xứ sở loài rồng?
Lúc ấy Đức Phật tự giải thích,
Chẳng phải là con của chư Thiên,
Cũng không phải là con trai ông,
Lại không phải con các loài rồng.
Những nhân duyên trong dòng sanh tử,
Vô thường ví như trò huyễn ảo,
Tất cả không tồn tại lâu dài,
Ví như những người khách đi qua.

Đức Phật bảo với Trưởng giả: Cái chết không thể xa rời được, ra đi không thể tìm lại được! Trưởng giả thưa với Đức Phật: Người con này tội-phước ở đời trước như thế nào? Đức Phật dạy: Người con này đời trước vui thích bố thí, tôn kính đối với mọi người, nhờ phước này sanh vào nhà giàu có cao sang, lại thích săn bắn làm tổn thương chúng sanh, khiến thân mạng ngắn ngủi, tội phước đi theo con người giống như bóng thuận theo hình. Trưởng giả phấn chấn tinh thần đạt được Pháp Nhẫn".

***Thứ tư*- PHẦN LY TRƯỚC** (xa rời chấp trước).

Như trong Thập Trú Tỳ Bà Sa Luận nói: "Đối với cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, ngựa xe cùng mọi vật trong nhà này, tăng thêm tham cầu không có thỏa mãn, thì nhà là nơi đầy tai họa giống như biển cả nuốt các dòng chảy, nhà là nơi không đầy đủ giống như ngọn lửa đốt cháy củi khô, nhà là nơi không dừng lại mà giác quán liên tục theo nhau, nhà là nơi tánh khổ giống như kẻ thù giả làm người thân, nhà là nơi chướng ngại luôn luôn làm hại Thánh đạo, nhà là nơi đấu đá hỗn loạn tranh chấp làm trái lẫn nhau, nhà là nơi nhiều sân hận trách mắng tốt xấu, nhà là nơi vô thường tuy rằng hư hoại thay đổi đã lâu, nhà là nơi nhiều đau khổ mà rong ruổi tìm cầu sự bảo vệ, nhà là nơi nghi ngờ giống như giặc thì, nhà là nơi điên đảo tham lam chấp trước giả danh, nhà là nơi người kỹ xảo trang sức xằng bậy đủ cách, nhà là nơi biến đổi sai khác - tham lam ắt phải ly tán, nhà là nơi tạm mượn không có gì chân thật, nhà là nơi giấc ngủ mộng thấy giàu sang - tỉnh thì biến mất, nhà giống như làn sương buổi sớm trong chốc lát sẽ biến đổi không còn,

nhà giống như giọt mật bé nhỏ mà mùi vị rất ít ỏi, nhà giống như lùm gai rậm rịt muốn đâm làm tổn thương người, nhà giống như con trùng mỏ sắt mà giác quán thường xuyên cấu xé..., những tai họa như vậy không thể nào kể lại hết được, vì vậy Bồ-tát tại gia nên như vậy mà quán sát biết rõ họa loạn của gia đình. Vợ con- quyến thuộc-nô tỳ-tài sản đồ vật... ở trong gia đình không thể nào làm nơi mong cầu-làm nơi trở về, chẳng phải là thiện hữu của mình, vì vậy thích hợp là nên gấp rút xa nơi ấy. Vả lại, từ vô thỉ đến nay tất cả chúng sanh, ở trong sáu đường làm cha con lẫn nhau, thân sơ nào nhất định. Cho nên kệ rằng:

Vô minh che ánh mắt trí tuệ,
Liên tục nhiều lần trong sanh tử,
Qua lại thường xuyên đã tạo ra,
Lại làm cha con thay đổi nhau,
Tham đắm dục lạc của thế gian,
Không biết có sự việc thù thắng,
Oán thù nhiều lần làm tri thức,
Tri thức nhiều lúc làm oán thù,
Vì vậy cho nên Ta phương tiện,
Không sinh ra tâm yêu và ghét,
Nếu dấy lên tâm yêu và ghét,
Không thể nào không hiểu pháp môn".

Lại trong kinh Đại Bồ-tát tạng nói: "Xá-lợi Tử! Nếu có chúng sanh đắm trước mùi vị của nam nữ thê thiếp và các dục lạc của nữ sắc, nên biết rằng chính là đắm trước mùi vị của cơn mưa đá lạnh buốt hãi hùng, chính là đắm trước mùi vị của lưỡi dao sắc ngọt, chính là đám trước mùi vị của viên sắt nóng rực hinh hồn, chính là đắm trước mùi vị ngồi trên chiếc giường bằng sắt chảy bỏng, chính là đắm trước mùi vị của bàn ghế bằng sắt nóng bỏng. Này Xá-lợi Tử! Nếu có chúng sanh đắm trước mùi vị của tóc đẹp mượt mà- hương thơm xoa ướp, thì chính là đắm trước mùi vị của tóc đẹp mượt mà bằng sắt cháy bỏng, cũng chính là đắm trước mùi vị của cứt đái xoa ướp trên thân. Này Xá-lợi Tử! Nếu có chúng sanh tiếp nhận giữ gìn nhà cửa nơi ở, thì nên biết rằng đang tiếp nhận giữ gìn hũ sắt nóng bỏng vô cùng. Nếu có tiếp nhận giữ gìn nô tỳ-phục dịch, thì nên biết rằng đang tiếp nhận giữ gìn ngục tốt chốn địa ngục ác hiểm. Nếu có tiếp nhận giữ gìn voi ngựa lừa cừu trâu dê gà heo, thì nên biết rằng đang tiếp nhận giữ gìn loài heo chó rắn ri đen tối trong chốn địa ngục, lại chính là tiếp nhận Bách Du Thiện Na binh lính cấm vệ. Lấy điều cốt yếu mà nói, nếu có tiếp nhận hưởng

thụ khoái lạc về thê thiếp nam nữ và các dục lạc của nữ sắc, thì nên biết rằng chính là tiếp nhận gánh chịu sự quy tụ của tất cả mọi khổ đau ưu sầu bi não. Này Xá-lợi Tử, thà rằng dựa vào chiếc giường sắt nóng rộng lớn cả Thiên Du Thiện Na, lửa dữ cháy từ dưới lên trên nóng bỏng khắp nơi - cháy đỏ rừng rực, mà đối với thê thiếp và các dục lạc về nữ sắc của cha mẹ đã cung cấp, thậm chí không vì tâm nhiễm ái từ xa nhìn hình tướng ấy, huống là chính mình kề sát ôm ấp giữ lấy hình tướng ấy ư? Tại vì sao? Này Xá-lợi Tử, nên biết rằng người phụ nữ là gốc rễ của mọi khổ đau, là gốc rễ của mọi chướng ngại, là gốc của sự giết hại, là gốc rễ của sự trói buộc, là gốc rễ của sự ưu sầu, là gốc rễ của sự oán dối, là gốc rễ của sự đui mà phát sinh. Nên biết rằng người phụ nữ hủy diệt ánh mắt trí tuệ cao quý, nên biết rằng người phụ nữ giống như đóa hoa bằng sắt cháy bỏng rải khắp mặt đất mà chân giẫm lê trên đó, nên biết rằng phụ nữ đối với các tính chất tâm tư tà vạy luôn làm cho lớn thêm trong rộng khắp nơi. Này Xá-lợi Tử, bởi vì nhân duyên gì, gọi là người phụ nữ? Vốn nói là phụ nữ, đó gọi là thêm gánh nặng. Tại vì sao? Bởi vì luôn luôn cho chúng sanh nhận chịu những gánh nặng, luôn luôn làm cho chúng sanh giữ lấy gánh nặng mà phát sinh hành động, luôn luôn làm cho chúng sanh phải gánh gánh nặng mà đi khắp nơi, luôn luôn làm cho tâm chúng sanh mệt mỏi khốn khổ bởi gánh nặng này, luôn luôn làm cho chúng sanh bị giày vò bức bách bởi gánh nặng này, luôn luôn làm cho chúng sanh bị tổn thương bởi gánh nặng này. Này Xá-lợi Tử, lại vì nhân duyên gì mà gọi là phụ nữ? Vốn nói là phụ nữ, chính là nơi mà mọi chúng sanh bị thất bại thảm hại, là nơi mà nô lệ của tham ái bị dòng chảy cuốn trôi, là nơi thuận theo phụ nữ thì bị thâu thuế, là nơi bị mê hoặc bởi phụ nữ quyến rũ, là nơi xuôi tay lao vào bởi phụ nữ thắng cuộc, là nơi nương vào bởi phụ nữ làm cho khuất phục. Phụ nữ không bị ràng buột là nơi phóng túng tùy tiện, người làm nô lệ cho phụ nữ thì bị khốn khổ nhọc nhằn, người thuận theo phụ nữ xoay chuyển thì được nương nhờ vui sướng. Này Xá-lợi Tử, bởi vì những nhân duyên như vậy, cho nên nói là các nơi đều bị phụ nữ uy hiếp".

Lại trong kinh Tạp A-hàm nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các Tỳ kheo: Có ba loại con. Như thế nào là 3 loại? Đó là: Có tùy thuận sinh con, có hơn hẳn sinh con, có thua kém sinh con. Như thế nào là tùy thuận sinh con? Nghĩa là bậc cha mẹ không giết hại - không trộm cắp-không dâm loạn-không nói dối-không uống rượu, con cũng tùy thuận học theo giữ gìn không giết hại..., thì gọi là tùy thuận sinh con. Như thế nào là hơn hẳn sinh con? Nếu như cha mẹ không thọ trì các giới không

giết hại... nhưng con có thể thọ trì các giới không giết hại..., đây gọi là hơn hẳn sinh con. Như thế nào là thua kém sinh con? Nếu như bậc cha mẹ không thọ trì các giới không giết hại..., con cũng không có thể thọ trì các giới không giết hại..., đây gọi là thua kém sinh con".

Lại trong kinh Ngũ Vô Phản Phục nói: "Tôi nghe như vậy: Một thuở nọ Đức Phật ở nước Xá Vệ, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ kheo quy tụ. Lúc ấy có một Phạm Chí, từ nước La Duyệt Kỳ đi đến mong muốn được học hỏi, nhân tiện đến nước Xá Vệ thấy hai cha con đang cày ruộng, gặp rắn độc cắn chết người con, người cha vẫn cày bừa như cũ không để ý, con nằm đó cũng không khóc lóc gì cả. Phạm Chí hỏi rằng: Người này là con ai? Người cày ruộng đáp rằng: Là con trai của tôi. Phạm Chí lại nói: Là con trai của ông mà sao không khóc lóc gì cả? Người cày ruộng đáp rằng: Con người sinh ra thì có chết đi, hưng thịnh thì có suy vong, điều thiện có đền đáp, điều ác có đối đầu, ưu sầu khóc lóc chẳng ích gì cho người chết cả, nay ông đi vào thành, nhà tôi ở chỗ ấy mong ghé qua nói giùm, con trai tôi đã chết, mang cơm đến cho một người thôi! Phạm Chí tự mình nghĩ rằng: Đây là người gì mà không hề suy nghĩ lại, con chết nằm trên đất mà lòng dạ không ưu sầu, trái lại còn đòi cơm ăn, người này không có lòng yêu thương không có ai ví như người này. Phạm Chí đi vào thành đến nhà người cày ruộng, gặp mẹ của người chết liền vội báo tin rằng: Con bà đã chết, chồng bà nhờ báo tin, mang cơm đến cho một người thôi. Phạm Chí nói: Vì sao không nghĩ đến con mình vậy? Mẹ của người chết liền vì Phạm Chí nói thí dụ rằng: Con đến đầu thai chứ tôi cũng không gọi đến, nay con tự ra đi chứ không phải tôi không giữ lại, ví như người khách đi đường nhân tiện sống nhờ nhà người chủ, nay người khách tự nhiên ra đi sao có thể giữ lại được; mẹ con tôi cũng lại như vậy, qua lại đi đường không phải là khả năng của tôi, tùy theo hành nghiệp vốn có của mỗi người chứ không làm sao cứu giúp được.

Phạm Chí lại nói với người chị: Em trai cô đã chết sao không hề khóc lóc? Người chị lại nói thí dụ hướng về Phạm Chí rằng: Ví như thợ khéo đi vào núi đốn gỗ, ràng nhau lại làm chiếc bè lớn đặt yên trong nước, cuối cùng gặp gió lớn thổi tung chiếc bè tản ra, theo dòng nước trôi đi, trước sau tách rời không nhìn thấy nhau; chị em tôi cũng như vậy, nhân duyên hòa lợp cùng sanh trong một nhà, tùy theo phần mạng dài ngắn- sanh tử vô thường, tụ hội thì có chia ly, em trai tôi mạng phần đã hết thì đều tự nhiên tùy theo hành nghiệp của mỗi người không làm sao cứu giúp.

Phạm Chí lại nói với người vợ: Chồng cô đã chết sao không hề khóc lóc gì cả vậy? Người vợ hướng về Phạm Chí nói thí dụ rằng: Ví như chim bay tối Trời đậu lại trên cây cao, cùng dừng lại cùng trú ngụ, đợi sáng sớm thức dậy, đều tự nhiên bay đi nơi khác, đi tìm đồ ăn thức uống mà sống, có duyên thì tụ hội, không có duyên thì chia ly; vợ chồng chúng tôi cũng lại như vậy, vô thường đến trước mặt thì tùy theo hành nghiệp vốn có của mỗi người chứ không làm sao cứu giúp được.

Phạm Chí lại nói với nô tỳ: Người chủ đã chết sao không hề khóc lóc gì cả? Nô tỳ lại nói thí dụ rằng: Người chủ của tôi nhân duyên hòa hợp, tôi như trâu nghé chạy theo trâu lớn, người ta giết trâu lớn, trâu nghé ở bên cạnh không làm sao cứu giúp được mạng sống của trâu lớn, ưu sầu khóc lóc không có ích lợi gì cả.

Phạm Chí nghe rồi tâm cảm động tự trách mình không biết gì cả, mình nghe dân chúng nước này hiếu thuận hầu hạ cha mẹ-cung kính Tam bảo, cho nên từ xa đi đến mong được học hỏi, đã đi đến đây rồi mà hoàn toàn không có ích gì cả! Lại hỏi người đi đường, Đức Phật ở nơi nào, muốn đi đến thưa hỏi với Ngài. Người đi đường đáp rằng: Gần nơi tinh xá Kỳ-hoàn. Phạm Chí liền đến nơi Đức Phật cúi đầu làm lễ rồi lùi lại ngồi một bên, chắp tay cúi đầu im lặng không nói năng gì. Đức Phật biết rõ ý đó, nói với Phạm Chí rằng: Vì sao cúi đầu ưu sầu không vui? Phạm Chí thưa rằng: Nguyện ước không có kết quả gì mà lại trái với tâm ý ban đầu của con, vì vậy cho nên không vui. Đức Phật bảo với Phạm Chí: Có điều gì mà ưu sầu không vui? Phạm Chí thưa rằng: Con từ đất nước La Duyệt Kỳ đến đây mong được học hỏi, đã đến đây rồi gặp năm người không hề có suy nghĩ gì cả. Đức Phật hỏi Phạm Chí: Như thế nào là năm người không có suy nghĩ gì cả? Phạm Chí thưa: Con thấy hai cha con đang cày ruộng gieo giống, người con bị rắn cắn chết nằm trên đất, người cha cũng không buồn rầu mà cả nhà lớn bé cũng không hề đau thương buồn bã, thật là ngược đời vô cùng! Đức Phật bảo rằng: Không phải như vậy, không như lời ông nói đâu, năm người này thật là biết suy nghĩ quay về, biết thân chẳng thường còn - thân chẳng phải mình có, Thánh nhân từ xưa đến nay không tránh được tai họa này, tại sao phàm phu lại khóc lóc ưu sầu chẳng ích gì cho người chết cả? Người thế tục không có sự nhận thức rõ ràng, dòng sanh tử xoay tròn không có lúc nào dừng lại cả. Phạm Chí trong lòng cảm thấy hiểu rõ thông suốt, mình nghe Đức Phật giải thích, như bệnh được chữa lành, như người mù được nhìn thấy, như đêm tối có được ánh sáng. Ngay sau đó Phạm Chí liền đạt được dấu tích của đạo, tất cả những cái chết không đáng

phải khóc lóc ưu sầu, diệt trừ cái chết - ngăn phòng sanh ra không phải là pháp ưu sầu đau khổ, người chết thân xác trở về với cát bụi, người sống gieo trồng giữ gìn sản nghiệp còn lại, muốn vì người chết thì phải cầu Đức Phật và chúng Tăng đốt hương cúng dường, đọc tụng kinh điển ngày này chịu khó làm lễ, lại luôn luôn bố thí chúng sanh - cúng dường Tam bảo, đây mới thật là điều quan trọng nhất. Phạm Chí cúi rập đầu làm lễ Đức Phật, hoan hỷ vâng mạng thực hành".

Tụng rằng:

Quyến thuộc này sinh lắm nhiễu nhương,
Nhiễu trước làm tâm ý rối ren,
Thân, sơ nào có thể xác định,
Đâu cần phải thương, ghét khác nhau?
Càn Thành không mảy may có thật,
Hươu khát tranh nhau đến bụi mù,
Ngừng tâm hướng về âm vang rỗng,
Bỏ niệm tâm quay về nguồn chân.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra 7 chuyện: 1. Cư sĩ Độ Nguyện thời Tấn; 2. Cư sĩ Dổng Thanh kiến thời Tấn; 3. Cư sĩ Viên Khoách thời Tống; 4. Cư sĩ Biện Duyệt Chi thời Tống; 5. Sa môn Thích Tuệ Như thời Đường; 6.Cư sĩ Vương Hội Sư thời Đường; 7. Cư sĩ Lý Tín thời Đường.

1. Thời nhà Tấn có Đỗ Nguyện tự là Vĩnh Bình, người vùng Bồi Thành - Tử Đồng, nhà rất giàu có sinh được một con trai tên gọi Thiên Bảo, Đỗ Nguyện yêu thương vô cùng. Năm mười tuổi, vào thời Thái Nguyên năm thứ ba bệnh nặng đột ngột mà chết. Trải qua mấy tháng trong nhà có nuôi con heo sinh được năm con, có một con mập nhất. Sau có vị quan lớn mới đến nhậm chức, Đỗ Nguyện muốn đem làm lễ chào liền bắt mổ thịt. Có một Tỳ kheo bỗng nhiên đến trước mặt Đỗ Nguyện nói rằng: Con heo này là con trai ông, tại sao trong một trăm ngày hơn mà đã quên nhau rồi ư? Nói xong bỗng nhiên không thấy nữa, nhìn bốn phía thì trông thấy ở phía Tây vọt lên không trung mà đi. Mùi thơm tỏa ngát khắp nơi cả ngày mới hết.

2. Thời nhà Tấn có Đổng Thanh Kiến, không biết là người nơi nào, cha tên là Hiền Minh đầu thời Tấn Kiến Nguyên làm chức quan Việt kì Hiệu Úy. Ban đầu lúc mẹ Thanh Kiến của Tống Thọ mang thai Thanh Kiến, mộng thấy có người nói rằng: Bà nhất định sanh con trai, trên thân thể sẽ có vết màu xanh, nên gọi là Thanh Kiến! Đến lúc sanh

ra giống như lời nói, liền gọi tên như vậy. Có dung mạo cử chỉ nói cười duyên dáng, tính tình rộng rãi ôn hòa, mọi người chưa hề nhìn thấy vẻ mặt giận dữ bao giờ, người gặp đều cảm thấy kỳ lạ. Đến năm thứ mười bốn thời Tấn Kiến nguyên - Hoàng Trừ Trấn Phàn Hán làm Thủy tào Tham Quân, mà đón đến Châu phủ làm chủ Bộ. Ngày mười sáu tháng bảy năm thứ hai lâm bệnh, tự nhiên nói rằng ắt không qua khỏi, đến ngày mười tám, sắp mất lại ngồi dậy nói với mẹ rằng: Tội hết phước đến duyên liên lụy vĩnh viễn đoạn tuyệt, mong mẹ tự nhiên cắt bỏ không cần phải nhớ thương buồn sầu. Nhân đó khóc to bảy tiếng, dứt tiếng mà tắt hơi. Mang tẩm liệm và quàn phía trước trai đường, đêm ấy linh hồn nói rằng: Đường sanh tử khác nhau đừng đặt trai đường, tự nhiên sẽ có Đạo nhân làm tượng đến đưa đi mai táng. Ngày mai quả nhiên có vị Đạo nhân đi đến tên là Đàm Thuận, liền y theo lời hướng về Đàm Thuận trình bày mọi điều. Đàm Thuận nói: Bần đạo ở tại chùa Nam lâm làm bức tượng trượng tám, sắp hoàn thành thì Hiền Tử mới có cảm ứng này, phía Tây chùa có một ít đất trống, có thể an táng được. Thế là mai táng bên chùa. Ba ngày sau người mẹ dẫn họ hàng thân hơn mười người đến đặt đồ cúng vái nơi phần mộ, trông thấy Thanh Kiến ở phía Đông phần mộ, như đang sống mà nói rằng: Mong mẹ cắt bỏ đau thương mà hãy quay về, Thanh Kiến con nay vẫn ở tại chùa. Mẹ liền ngưng khóc mà trở về, cả nhà cùng ăn chay trường. Đến ngày 11 tháng nhuận, Hiền Minh mộng thấy Thanh Kiến nói rằng: Mong cha tạm thời đi ra phía Đông trai đường! Hiền Minh liền tắm gội sạch sẽ trai g thanh tịnh đi ra Phía Đông trai dường. Đến đêm mười bốn đang trong giấc ngủ nghe tiếng gọi của Thanh Kiến, giật mình ngồi dậy thấy Thanh Kiến, ở trước trai đường như lúc còn sống. Lúc ấy hỏi cha: Con đến ở nơi nào? Thanh Kiến nói: Từ khi mất đến nay ở trong cung rèn luyện tinh thần, đủ một trăm ngày sẽ được sanh lên cõi Trời Đao Lợi, Thanh Kiến không đành lòng thấy cha mẹ anh em khóc lóc thảm thương, hai mươi mốt ngày lễ lạy chư Phật Bồ-tát-cầu thỉnh Tứ Thiên Vương, cho nên được trở về chốc lát, mong cha mẹ từ nay về sau đừng tiếp tục khóc lóc cúng vái nữa, mẹ con đã phát nguyện mong cầu gặp Thanh Kiến, không bao lâu nữa mẹ sẽ mạng chung, liền cùng với Thanh Kiến sống một nơi như nhau, cha thọ có thể tuổi bảy ba, sau khi mang chung phải nhận lấy tội báo trong 3 năm, nếu chịu khó chịu khổ hành đạo thì có thể tránh được. Cha hỏi rằng: Con từ trong đêm đi đến, làm sao có thể có ánh sáng? Thanh Kiến nói: Nay cùng với Bồ-tát và chư Thiên đi xuống, đây là ánh sáng trên thân thể này mà thôi. Lại hỏi rằng: Con ở trên Trời

quen biết ai? Thanh Kiến nói: Gặp Vương Xa Kì-Trương Ngô Hưng và ông ngoại Tống Tây Hà. Thanh Kiến nói: Không những sanh ra trong một nhà này, mà từ bốn mươi bảy năm nay, cho đến bây giờ bảy lần chết - bảy lần sanh ra, đã đạt được bốn đạo quả, trước kia phát bảy lời nguyện, nguyện sanh vào chốn nhân gian, cho nên trải qua sanh tử, từ nay vĩnh viễn chấm dứt và được xa lìa bảy nổi khổ, Thanh Kiến vào lúc sắp tắt hơi thấy bảy nơi sanh tử, cho nên khóc to để cùng với bảy nhà chia tay giã biệt. Hỏi rằng: Con đã sanh vào nhà ai? Thanh Kiến nói: Sanh vào những nhà của Giang lại Bộ-Dương Quảng Châu-trương Ngô Hưng-Vương Xa Kì-Tiêu Ngô Hưng-Lương Cấp Sư-Đổng Việt Kì, chỉ riêng nơi này sống được mười bảy năm, những nơi khác chỉ có vài ba năm mà thôi. Từ nay về sau dịch bệnh ác hiểm ngày càng nhiều, nên chịu khó tu dưỡng công đức, Thanh Kiến thấy người thế gian chết rồi phần nhiều rơi vào ba đường tăm tối mà ít người sanh lên cõi Trời, chịu khó tinh tiến có thể được thoát khỏi khổ đau, phát nguyện sanh lên cõi Trời được gặp nhau, đường đi sai khác thì không mong gì gặp lại nhau đâu. Lại hỏi rằng: Mẹ con buồn phiền nhớ con gần chết, có thể làm cho trông thấy con được không? Thanh Kiến nói: Không cần phải gặp nhau đâu, chỉ tăng thêm thương nhớ giày vò đau khổ mà thôi, chỉ y theo lời nói trước đây, chư Thiên đã đi không cho phép dừng lại lâu! Nét mặt có vẻ thảm thương đau xót bỗng nhiên không còn thấy nữa, sau khi đi rồi hai bên rừng trúc còn có mùi thơm, mọi người cũng đều ngửi thấy mùi thơm còn lại đâu đó. Thanh Kiến nói: Đã sanh vào 7 nhà là Giang Khái - Dương Hi-Trương Vĩnh - Vương Huyền - Tống Mô - Tiêu Minh - Lương Quý Phụ. Hiền Minh liền xuất gia lấy tên gọi là Pháp Tạng.

3. Thời nhà Tống có Viên Khoách tự là Tư Độ, người vùng Trần Quận. Trong thời Tống Nguyên Huy làm quan giúp việc tại quận Ngô, bệnh trải qua vài ngày bỗng nhiên giống như chết, chỉ còn lại hơi thở chưa dứt. Quan quách mọi thứ đều chuẩn bị đầy đủ, chờ tất hơi mới khâm liệm. Ba ngày trôi qua mà có thể chuyển động nhìn ngó chớp mắt, tự nhiên nói rằng: Có sứ giả nâng lời dạy, gọi Viên Khoách đi theo, đã đến nơi có ao hồ thành quách rộng lớn, lầu đài cao vút san sát đường đi lối lại sáng ngời đẹp đẽ, đến rồi bảo Viên Khoách tiến vào, chủ nhân ngồi ở tòa cao phía Nam uy nghiêm đáng sợ, đầu đội mũ cao, người cầm dao chỉ cho Viên Khoách ngồi, ngồi yên ổn mát mẻ rồi bày rượu thịt hoa quả cùng các loại đồ ăn thức uống, Viên Khoách đều đã từng biết qua, hình dáng - chủng loại - mùi vị không khác gì trong thế gian. Rượu đã được mấy tuần, chủ nhân nói với Viên Khoách rằng: Thân Chủ Bộ

không may mắn, cả nhà chịu thiếu thốn, bởi vì ông có tài trí thông minh cho nên muốn kêu can với nhau, trước mắt có thể chiếu cố nhớ cho hay không? Ý của Viên Khoách cũng biết là ở cõi âm ty, bèn kiên quyết từ chối, tất cả nhiều lắm không phải mình có thể hứa hẹn gì được, lại thêm cô đơn nghèo thiếu anh em điêu linh, công - tư nhiều nẻo cầu mong nhờ ân tha cho. Chủ nhân nói: Ông đang vì u hiển khác chốn cho nên có lời thoái thác mà thôi, ở đây vinh hoa bổng lộc cung cấp đối đãi cho thân miệng theo lễ thượng Khách, quả là được hơn hẳn hàng vua chúa trong đời. Lòng chịu khóc nài nỉ rất mong tham gia cọng sự, nghĩ rằng nhất định khuất phục được ý giống như mong mỏi. Viên Khoách lại kiên quyết thỉnh cầu rằng: Con gái nhỏ lại vẫn đang còn tuổi thay răng, kẻ tôi tớ một khi cung kính đảm nhận, thì nuôi dưỡng chăm sóc không biết đâu nhờ cậy, tình thương cha con theo lý có ai có thể tiếc gì? Viên Khoách vì vậy rơi nước mắt cúi đầu im lặng. Chủ nhân nói: Ông khiêm tốn từ chối như vậy, sao cho phép thúc bách nhau, lời nguyện không đạt được thật là đáng tiêc! Liền đến trên bàn lấy một quyển công văn giấy tờ, có chấm câu rõ ràng. Lát sau Viên Khoách tạ ân Từ biệt trở về. Chủ nhân nói: Ông không muốn thăm viếng người quá cố chăng? Bèn sai người dẫn Viên Khoách đi, trải qua rất nhiều dinh thự, cuối cùng đến một cổng thành bằng phẳng có lan can và đều là ngục giam tối mịt, dẫn Viên Khoách đi vào trong nghiêng về một góc, có những nhà cửa san sát nối tiếp nhau, mà rất chật hẹp. Lại có một căn nhà, thấy mẹ của mình là Dương Thị sống ở đó, ở trong căn nhà này dung mạo và áo quần không được tốt đẹp, rất khác với lúc còn sống. Trông thấy Viên Khoách vừa sợ vừa mừng, bên cửa có một người, thân hình mặt mày lở loét và có hình dạng rất kỳ dị, gọi Viên Khoách trò chuyện, Viên Khoách kinh hãi hỏi đó là ai? Dương Thị nói với Viên Khoách rằng: Đây Phật phu nhân của nhà vua, con không biết ư? Phu nhân của nhà vua nói: Lúc tôi ở thế gian không tin báo ứng, tuy rằng không có nhiều tội lỗi khác, nhưng đích thực bởi vì dùng roi đánh đập nô tỳ tôi tớ quá sức khổ sở, cho nên nhận chịu sự trừng phạt này, chết rồi đau khổ ác hiểm hầu như không lúc nào tạm dừng, nay chỉ tạm dừng lại chốc lát mà thôi. Trước đây gọi chị gái ông đến hy vọng để thay thế cho mình, cuối cùng không ích lợi gì mà chỉ là quy tụ ưu phiền thôi. Nói xong nước mắt tuôn trào nức nở. Phu nhân của nhà vua tức là mẹ cả của Viên Khoách. Chị gái của Viên Khoách lúc ấy cũng ở bên cạnh phu nhân. Một lúc sau người dẫn đường tiếp tục dẫn Viên Khách đi, trải qua đoạn đường nhỏ hẹp, làng xóm chỉnh đốn giống như là chốn dân chúng cư trú, cuối cùng có

một ngôi nhà lá rào tre, trông thấy cha khoác cái chăn đầu đội khăn dựa bàn mà ngồi, Viên Khoách đi vào cổng, cha hất tay đuổi Viên Khoách rằng: Con đã được thả thì nên nhanh chóng trở về đi, không cần phải đến đây. Viên Khoách quỳ xuống Từ biệt mà trở về, người dẫn đường đưa Viên Khoách đến nhà rồi mới ra đi. Viên Khoách nay chính là Thái tử Tiển Mã vậy.

4. Thời nhà Tống có cư sĩ Biện Duyệt Chi, người vùng Tế Âm, từ quan xon ở ẩn tại vùng Triều Câu, tuổi đã năm mươi mà chưa có con cái, người vợ cưới thêm cho người thiếp, lại nhiều năm không có thai. Muốn khẩn cầu con thừa tự, tụng một ngàn biến kinh Quán Thế Âm, số ấy sắp đủ thì người thiếp có thai, như mong ước sanh được một bé trai. Đến năm thứ 18 thời Tống Nguyên Gia đã được 5 tuổi...

Bốn chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký.

5. Thời nhà Đường có Sa môn Thích Tuệ Như ở chùa Chân Tịnh chốn Kinh thành, tuổi trẻ tinh cần khổ hạnh, thờ Thầy là Tín Hạnh, sau khi Tính Hạnh qua đời cung kính tuân theo pháp tắc của Thấy chỉ dạy. Trong thời Đại Nghiệp nhà Tùy nhân lúc ngồi thiền tu định lập tức nhập định bảy ngày không nhúc nhích, mọi người đều ca ngợi là kỳ lạ, cho rằng đi vào tam muội. Sau đó Tuệ Như mở mắt giàn giụa nước mắt, Tăng chúng cảm thấy kỳ lạ mà hỏi nguyên cớ. Đáp rằng: Lửa đốt chân đau đợi chăm sóc vết thương lành mới nói. Mọi người đều cảm thấy lạ lùng nên hỏi tại sao. Tuệ Như nói: Được Diêm La Vương thỉnh cầu hành đạo bảy ngày xong, Vương hỏi có muốn gặp người quen biết qua đời trước đây không? Tuệ Như đáp rằng muốn gặp mặt hai người. vương liền sai gọi một người, chỉ thấy con rùa đến liếm chân Tuệ Như, trong mắt ứa lệ mà đi. Lại một người đến nói rằng: Tội nặng không thể gọi mà sai đến để gặp mặt. Sứ giả dẫn Tuệ Như đến cửa ngục, cửa đóng rất chặt, sứ giả gọi người canh cửa, có tiếng người đáp lại. Sứ giả nói với Tuệ Như: Sư nhanh chóng tránh đường đừng đứng trước cửa. Tuệ Như mới tránh ra thì cửa mở, lửa lớn từ trong cửa tuôn ra, Tuệ Như bị ngọn lửa bén tung tác, chạm vào chân cháy bỏng, đưa mắt nhìn vào cửa, cửa đã đóng lại rồi, cuối cùng không gặp nhau được. Vương ban cho ba mươi xấp lụa, kiên quyết từ chối không nhận, Vương nói rằng đã sai người chuyển đến sau phòng. Chúng Tăng tranh nhau đi đến phòng xem sao, thì thấy lụa nằm ở trên giường rồi. Chân bị lửa làm bỏng lớn bằng đồng tiền, hơn một trăm ngày mới lành. Đến năm thứ nhất thời Vũ Đức nhà Đường thì qua đời. Chùa Chân Tịch tức là chùa Hóa Độ bây giờ.

Câu chuyện trên đây trích từ Minh Báo Ký.

6. Thời nhà Đường có Vương Hội Sư ở cửa hàng phía Bắc - phố phía Tây vùng kinh đô, mẹ đã qua đời trước đây, tang mẹ đã qua. Vào trong năm thứ 2 thời Hiển Khánh nhà Đường, nhà ấy mới có con chó mẹ sinh được một con chó đốm, vợ Hội Sư vì con chó ăn vụng thức ăn, bèn dùng gậy đánh mấy cái, con chó liền cất tiếng người nói rằng: Tôi là mẹ chồng của cô, nàng dâu đánh tôi là có lỗi, tôi vì nghiêm khắc với mọi người quá đáng, nên phải chịu báo ứng này, nay đã bị đánh mà xấu hổ với nhà cô lắm. Nhân đó liền chạy ra ngoài. Hội Sư nghe mà ràn rụa nước mắt ôm lấy chó mang về nhà, nhưng lại bỏ đi. Tất cả trải qua 4-5 lần, Hội Sư thấy được ý đó bèn năn nỉ mời đến khu chợ phía Bắc giữa đường lớn, chính là cửa hàng của mình ở bức tường lớn phía Bắc, sau đó làm ngôi nhà nhỏ cho chó ăn ở, hàng ngày mang cơm nhiều không kể xiết. Con chó này luôn luôn không rời xa ngôi nhà này, quá giờ ăn trưa thì không chịu ăn, trải qua mấy năm sau không biết ra sao.

7. Thời nhà Đường có cư sĩ Lý Tín, là người vùng Thái Bình thuộc huyện Văn Thủy-Tính Châu, bản thân làm vệ sĩ uy thế của chính phủ triều đình. Vào mùa Đông Hiển Khánh nhà Đường, theo lệ quy định từ trước, từ Sóc Châu đi đến Phồn Châu, cưỡi một con ngựa cái màu đỏ và dẫn theo một con ngựa cái chưa đầy một tuổi, lúc ấy cuối năm nên Trời âm u lạnh lẽo gió tuyết buốt giá tê cóng. Đi được mười mấy dặm thì ngựa dừng lại không tiến lên, Lý Tín vì hẹn với Phồn Châu mà thời hạn gấp rút nên quất ngựa mấy chục roi. Ngựa liền nói bằng tiếng người, nói với Lý Tín rằng: Tôi là mẹ của ông, bởi vì thuở bình sinh phòng ngừa cha ông để mang nhiều gạo và vật dụng mà con gái cầu xin cho nên nhận chịu báo ứng này; con ngựa non này chính là em gái của ông, bởi vì nghiệp lực đền trả nợ nần mà đến làm con, ông lại bất tất tự làm khổ mình mà thúc giục bức bách như vậy? Lý Tín nghe nói kinh ngạc rơi lệ đầm đìa không làm sao kìm lòng được, bèn vái lạy nhận lỗi, tự mình rời yên cương nói rằng: Nếu là mẹ của Lý Tín thì hãy tự đi trở về nhà! Ngựa liền đi về phía trước, Lý Tín vác yên cương đi theo về đến nhà, anh em của Lý Tín cùng gặp nhau mà đau xót trái ngược với nhau, khác biệt bởi vì tàu ngựa chăn nuôi mà có chung tấm lòng thờ mẹ. Thỉnh cầu Tăng lo liệu trai hội, cả nhà không ai không tinh tiến, đạo- tục xóm giềng đều khen ngợi là điều kỳ lạ. Lúc ấy Công Bộ Thị Lang Ôn Vô Ẩn, Kỳ Châu Tư Pháp Trương Kim Đình đều có đại tang, ở nhà nghe tin mà cảm thấy ngạc nhiên, cho nên đến nhà Lý Tín thăm viếng hỏi han, thấy ngựa hãy còn, bèn hỏi tường tận nguyên do ấy, đều giống như lời loan truyền.

Hai chuyện trên đây trích từ Minh Báo Thập Di Ký.

Thiên thứ 57: GIẢO LƯỢNG

Thiên này có 7 phần: Thuật ý, Thí điền, Thập địa, Phước nghiệp, Tội nghiệp, Tạp hành, Phương độ.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Bởi vì nghe: hiểu biết sâu xa một khi suy toán thì ý đồ vượt xa muôn mối, hành nghiệp đã làm đen trắng khác nhau thì thọ báo lên xuống sai biệt, âm địa phương lớn nhỏ khác khu vực sinh ra ngắn dài, phước đức có ẩn hiện tùy theo việc làm có cạn sâu. Vì vậy các bậc Thánh nhân hiện bày dấu tích duyên cảm linh ứng vào đây, có lúc nêu rõ tướng hiện bày kỳ lạ, có lúc giấu hình hài che phủ vết tích, cách thức mẫu mực tuy khác mà đạo mở thông không sai biệt. Nếu không biết so sánh thì hiếm người biết được hơn kém ra sao.

Thứ hai- PHẦN THÍ ĐIỀN

Như kinh Bồ-tát Bổn Hạnh nói: "Đức Phật bảo với Tu Đạt: Vào thời quá khứ có một Bà-la-môn, tên gọi Tỉ Lam, đoan chánh không ai sánh bằng và có trí tuệ thông minh bậc nhất, giàu có vô lượng không thể nào tính đếm được. Tỉ Lam nói: Tiền của châu báu vốn có thảy đều chẳng phải thường, mình không sử dụng, cần phải bố thí cho người nghèo thiếu. Liền mở hội bố thí lớn, nhân dân quy tụ đều đi đến nơi ấy. Lúc ấy Tỉ Lam muốn rửa tay mình nên nghiêng chiếc bình Quân Trì, mà nước không chảy ra, vì vậy ưu sầu lắm, nghĩ rằng nay mình bố thí nhiều mà có sai lầm gì khiến nước không chảy ra? Tức thì người cõi Trời hư không nói với Tỉ Lam rằng: Ông bố thí rất tốt chứ không có gì sai sót cả, nhưng những người nhận bố thí đều là hạng tà ngụy nhìn nhận trái ngược, không có thể tiếp nhận sự bố thí cung kính của ông, vì nguyên nhân này mà nước không thể nào chảy ra được. Ngay sau khi Tỉ Lam nghe người cõi Trời nói cho biết thì ý liền hiểu thông suốt, lập tức phát lời thề rằng: Nay tôi bố thí là vì đạo Vô thượng Chánh giác, đích xác như lời nguyện thì khiến cho nước sẽ chảy xuống tay tôi. Phát lời thề nguyện rồi thì nghiêng bình rửa tay, nước trong bình lập tức rót xuống tay. Chư Thiên ca ngợi rằng: Như ông đã thề nguyện không bao lâu sẽ thành Phật. Lúc bấy giờ Tỉ Lam bố thí áo quần ăn uống cho người nghèo thiếu, trong 12 năm sử dụng tất cả của cải để bố thí chứ không có gì giữ lại.

Đức Phật bảo với Tu Đạt: Bà-la-môn Tỉ Lam lúc bấy giờ nay chính là thân Ta, mà Ta đã bố thí cũng tốt - tâm tư đó cũng tốt. Nhưng người tiếp nhận không tốt, được bố thí tuy nhiều nhưng được cảm báo

rất ít. Ngày nay giáo pháp của Ta thật sự vi diệu thanh tịnh, đệ tử của Ta thật sự chính đáng, được bố thí tuy ít mà cảm được báo rất nhiều, đối với hạnh bố thí đã làm trong mười hai năm, và tất cả nhân dân trong cõi Diêm-phù-đề, tính ra công đức ấy không bằng công đức bố thì cho một người đạt đến địa vị Tu-đà-hoàn, phước ấy rất nhiều vượt xa phước trước kia. Bố thí cho một trăm Tu-đà-hoàn cùng với phước báo trước kia, không bằng bố thí cho một người đạt đến địa vị Tư-đà-hàm. Bố thí cho một trăm Tư-đà-hàm cùng với phước báo trước kia, không bằng bố thí cho một người đạt đến địa vị A-na-hàm. Bố thí cho một trăm A-na-hàm cùng với phước báo trước kia, không bằng bố thí cho một vị A-la-hán. Bố thí cho một trăm A-la-hán cùng với công đức trước kia, không bằng bố thí cho một vị Bích-chi-Phật. Bố thí cho một trăm vị Bích-chi-Phật-một trăm vị A-la-hán-một trăm vị A-na-hàm-một trăm vị Tư-đà-hàm-một trăm vị Tu-đà-hoàn, cùng với công đức đã bố thí cho tất cả nhân dân cõi Diêm-phù-đề, không bằng xây dựng tháp thờ-Tăng phòng-tinh xá-cơm áo để cúng dường cung cấp những nhu cầu cần thiết cho chúng Tăng khắp bốn phương trong quá khứ-hiện tại-vị lại, tính ra công đức ấy vượt xa công đức đã làm trước kia. Đem phước đức đã làm trước kia, so sánh thì không bằng công đức bố thí cho một người đã thành Phật, công đức ấy rất nhiều không thể nào tính kể được. Tuy cúng dường Đức Phật cùng với công đức bố thí trước kia, nhưng không bằng có người trong một ngày tiếp nhận ba pháp quy y - tám quan trai giới hoặc là giữ năm giới căn bản, công đức đã đạt được vượt xa công đức trước kia, gấp trăm ngàn vạn lần không thể ví dụ được. Lại lấy phước đức trì giới, cùng với tất cả công đức trước đây kết hợp lại, không bằng trải qua thời gian một bữa ăn ngồi thiền thương nghĩ cho chúng sanh, công đức đã đạt được vượt quá công đức trước kia gấp trăm ngàn vạn lần. Lại kết hợp công đức trước kia, không bằng nghe pháp giữ lại ở trong lòng tư duy về bốn chân lý, công đức ngày to lớn bậc nhất không có gì cao xa hơn được. Ngay lúc ấy Tu Đạt nghe pháp vui sướng vô cùng, thân tâm thanh tịnh đạt được quả vị A-na-hàm”.

Thứ ba- THẬP ĐỊA

Như kinh Kim Cang Tam Muội Bất Hoại Bất Diệt nói: “Đức Phật bảo với Bồ-tát Di-lặc: Nay Ta vì ông nói về pháp công đức đã thực hành của Thập Địa Bồ-tát. Bồ-tát Địa thứ nhất giống như trăng đầu tháng ánh sáng chưa hiển bày, nhưng mà tướng sáng ấy thảy đều đầy đủ. Bồ-tát Địa thứ hai như trăng ngày mồng năm. Bồ-tát Địa thứ ba như trăng ngày

mồng tám. Bồ-tát Địa thứ tư như trăng ngày mồng chín. Bồ-tát Địa thứ năm như trăng ngày mồng mười. Bồ-tát Địa thứ sáu như trăng ngày mười một. Bồ-tát Địa thứ bảy như trăng ngày mười hai. Bồ-tát Địa thứ tám như trăng ngày mười ba. Bồ-tát Địa thứ chín như trăng ngày mười bốn. Bồ-tát Địa thứ mười như trăng như trăng ngày mười lăm tròn vành vạch đáng ngắm và tướng sáng vằng vặc đầy đủ. Tâm tư thanh bạch an trú bất động, không ẩn chìm thối lui, trú trong Tam Muội Thủ Lăng Nghiêm".

Lại trong Vô Tánh Nhiếp Luận Thích rằng: 'Nghĩa là lúc ở Địa thứ nhất thông hiểu pháp giới; có năng lực thông đạt khắp nơi tất cả các Địa. Nếu ở Địa thứ nhất đang lúc thông đạt, có năng lực nhanh chóng thông đạt tất cả các Địa sau. Bởi vì chủng loại này, như có bài tụng rằng:

Như thân tre phá toạc lóng đầu,
Lóng còn lại dễ dàng phá toạc,
Đạt được chân Trí địa thứ nhất,
Các Địa nhanh chóng sẽ đạt được".

Thứ tư- PHẦN PHƯỚC NGHIỆP

Y theo kinh Tăng Nhất A-hàm nói: "Phước đức của người trong một cõi Diêm-phù-đề ngang bằng phước đức của một Chuyển Luân Thánh Vương. Phước đức của một Chuyển Luân Thánh Vương ngang bằng phước đức của người trong một cõi Đông Phất Vu Đãi. Phước đức của một người trong cõi Đông Phất Vu Đãi ngang bằng phước đức của người trong một cõi Câu-da-ni. Phước đức của một người trong cõi Câu-da-ni ngang bằng phước đức của người trong một cõi Uất Đan Việt. Phước đức của một người trong cõi Uất Đan Việt ngang bằng phước đức của một Tứ Thiên Vương. Phước đức của một Tứ Thiên Vương ngang bằng phước đức của một Thiên Vương cai quản ba mươi ba tầng Trời. Phước đức của một Thiên Vương cai quản ba mươi ba tầng Trời ngang bằng phước đức của một Đế Thích. Phước đức của một Đế Thích ngang bằng phước đức của một Diệm Ma Thiên. Như vậy lầm lượt thay nhau so sánh cho đến phước đức của Phi Tưởng Thiên, không thể suy nghĩ được".

Lại trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Như cõi Trời thứ ba mươi ba hưởng thụ năm thứ dục lạc dụ như niềm vui của Kim Luân Vương hưởng thụ, đối với niềm vui cõi Trời trong mười sáu phần không bằng được một phần. Đã thọ nhận thân thể loài Trời không có thịt xương, cũng

không có gì dơ bẩn, không sanh tâm ganh ghét. Ánh mắt không mù lòa, quần áo không vương bụi bẩn, không hề có khói sương, cũng không có nỗi lo của sự đại tiện - tiểu tiện. Ánh sáng nơi thân ấy luôn luôn phát ra soi chiếu rất xa. Bậc Chuyển Luân Thánh Vương cũng không có chuyện này, đối với vợ con của mình không nhiếp thọ thiên lệch, xa rời tâm lý ganh ghét, ăn uống không bị ràng buộc, không có những nỗi khổ do ngủ nghỉ, mệt mỏi quá sức... Bậc Chuyển Luân Thánh Vương cũng không có chuyện này. Lúc chư Thiên này mới sanh ra, ca múa âm nhạc không có người dạy, không học hỏi từ người khác, bởi vì thiện nghiệp cho nên tự nhiên đều biết. Lúc thiện nghiệp giảm hết cho nên tất cả đều quên. Từ cõi Đạo Lợi trở xuống các Trời hãy còn có niềm vui to lớn, huống là niềm vui của cõi Trời trên cao thì khó có thể ví dụ được. Như vậy lần lượt thay nhau so sánh từ dưới lên trên, cho đến cõi Trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng thì không thể nào ví dụ được".

***Thứ năm-* PHẦN TỘI NGHIỆP**

Như Kinh Thập Luân nói: Đức Phật dạy: Nếu có hàng Sát Lợi-vua chúa Chiên-đà-la, đối với Tam bảo mà khởi lên ác tâm, thì tất cả chư Phật cũng không làm sao cứu được. Ví như ép dầu, trong mỗi một hạt vừng đều sanh ra các loại sâu bọ, dùng vòng tròn ép dầu mà ép lấy, thì có dầu chảy ra. Người ép dầu này ở trong ngày đêm, làm phép tính xác định bao nhiêu chúng sanh bị giết hại. Nếu lại có người dùng mười vòng tròn này mà ép lấy dầu, một vòng tròn trong một ngày một đêm ép được một ngàn Hộc dầu, như vậy cho đến đủ số một ngàn năm, thì người ép dầu này nhận chịu bao nhiêu tội lỗi? Bồ-tát Địa Tạng thưa rằng: Thưa Đức Thế tôn, rất nhiều! Không ai có thể biết rõ số lượng tội lỗi của người này, số lượng ấy bao nhiêu chỉ có Đức Phật biét rõ. Đức Phật dạy: Ví như tội lỗi của mười vòng tròn bằng tội lỗi của một nhà dâm nữ, nhà ấy có một ngàn người nữ đều vì mong cầu dục vọng, như vậy mười nhà dâm nữ thì tội ấy bằng một quán rượu, mười quán rượu như vậy bằng tội lỗi của một người giết mổ, tội lỗi của mười người giết mổ như vậy bằng tội lỗi của một sư sĩ Sát Lợi Chiên-đà-la. Trong tội lỗi mười Luân của Chiên-đà-la bằng tội lỗi của một Vương Luân trong một ngày một đêm. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bèn thuyết kệ rằng:

Tội của mười luân bằng một nhà dâm nữ,
Tội mười nhà dâm nữ bằng một quán rượu,
Tội mười quán rượu bằng một lò giết mổ,
Tội mười lò mổ bằng tội một vị vua".

***Thứ sáu*- PHẦN TẠP HÀNH**

Như kệ trong kinh Thọ Đề Già nói:

"Vật gì cao hơn cả hư không? Ngã mạn cao hơn cả hư không.

Vật gì nặng hơn cả mặt đất? Giới đức nặng hơn cả mặt đất.

Vật gì nhiều giống như cỏ cây? Loạn tưởng nhiều hơn cả cỏ cây.

Vật gì nhanh chóng như làn gió? Ý niệm còn nhanh hơn làn gió.

Vật gì được sanh lên cõi Trời? Mười thiện được sanh lên cõi Trời.

Vật gì được trở lại thân người? Năm giới được làm lại thân người.

Vật gì rơi vào trong địa ngục? Mười ác rơi vào trong địa ngục.

Vật gì phải chịu kiếp súc sanh? Đâm thọc phải chịu kiếp súc sanh.

Vật gì cứng rắn như Kim Cang? Vô trước cứng rắn tựa Kim Cang.

Vật gì mền mại tựa lông Hạc? Tâm mền mại giống như lông Hạc.

Vật gì thơm ngát như Chiên Đàn? Hương thơm trì giới như Chiên Đàn.

Vật gì sáng ngời như nhật nguyệt? Ánh sáng của Phật như nhật nguyệt.

Vật gì yên ổn như núi lớn? Ngồi thiền yên ồn như núi lớn.

Vật gì lay động hơn mặt đất? Ba cõi lay động hơn mặt đất.

Vật gì thanh tịnh yên lặng nhất? Niết-bàn thanh tịnh yên lặng nhất.

Vật gì uế trược hỗn loạn nhất? Sanh tử uế trược hỗn loạn nhất.

Vật gì là cao đẹp bậc nhất? Gia đình hòa thuận là cao nhất. Núi gì là sáng tỏ bậc nhất? Núi Tu di là sáng tỏ nhất. Nước nào là nước yên vui nhất? Nước Xá Vệ là yên vui nhất.

Nước nào dân chúng thật khoan dung? Người nước Ca di thật khoan dung.

Vật gì đùa vui trong núi sâu? Hươu-Nai đùa vui trong núi sâu.

Vật gì thích ở giữa rừng cây? Cáo-chồn thích ở giữa rừng cây.

Vật gì rơi giữa nơi gió bụi? Cát sỏi rơi giữa nơi gió bụi.

Vật gì đùa vui trong vực sâu? Cá chép đùa vui trong vực sâu".

Lại trong kinh Tạp A-hàm nói: "Có Thiên Tử nói kệ thưa hỏi Đức Phật rằng: Sao là giới - sao là oai nghi? Sao là được - sao là nghiệp hạnh?

Người trí tuệ an trú thế nào? Thế nào là sanh đến cõi Trời?

Lúc bấy giờ Đức Thế tôn thuyết kệ trả lời rằng:

Xa lìa đối với nghiệp sát sanh, trì giới tự mình nên phòng ngự,

Tâm làm hại không phát sanh thêm, đây là con đường sanh cõi Trời.

Xa lìa nghiệp không cho mà lấy, cho mà lấy tâm được vui vẻ,

Đoạn trừ tâm trộm cắp bất chính, đây là con đường sanh cõi Trời.

Không làm cho người khác say mê, xa lìa đối với nghiệp tà dâm,

Tự tôn trọng mình biết dừng chân, đây là con đường sanh cõi Trời.

Tự vì mình và vì người khác, vì tiền của và vì cười đùa,

Lời nói xằng bậy mà không làm, đây là con đường sanh cõi Trời.

Đoạn trừ đối với nghiệp hai lưỡi, không chia lìa bạn thân người khác,

Thường nghĩ hòa hợp cả hai bên, đây là con đường sanh cõi Trời.

Xa lìa lời thành thực chất phác, đây là con đường sanh cõi Trời.

Không làm không thành tựu lời nói, không nghĩa lý không nhiều lợi ích,

Thường nói lời thuận theo giáo pháp, đây là con đường sanh cõi Trời.

Thôn xóm như vàng đất trống không, nhìn thấy lời nói rằng mình có,

Không dấy lên ý tưởng tham lam, đây là con đường sanh cõi Trời.

Từ tâm không ý tưởng làm hại, không làm hại đối với chúng sanh,

Tâm luôn luôn không có oán kết, đây là con đường sanh cõi Trời.

Nghiệp lực khổ đau và quả báo, cả hai cùng sanh Tín thanh tịnh,

Tiếp nhận giữ gìn bởi Chánh kiến, đây là con đường sanh cõi Trời,

Tất cả các thiện pháp như vậy, dấu tích mười loại nghiệp thanh tịnh,

Đều tiếp nhận giữ gìn vững chắc, đây là con đường sanh coi Trời.

Lúc ấy Thích Đề Hoàn Nhân nói kệ thưa hỏi Đức Phật rằng:

Pháp nào thân mạng không thể biết, pháp nào thân mạng không

thể hiểu,

Pháp nào rằng buộc vào thân mạng, pháp nào bị thân mạng ràng buộc?

Luc bấy giờ Đức Thế tôn thuyết kệ trả lời rằng:

Sắc là thân mạng không thể biết, các hành thân mạng không thể hiểu,

Thân ràng buộc đối với tính mạng, ái dục trói chặt vào mạng sống".

Lại trong kinh Tạp A-hàm nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế tôn tự tay nắm hòn đất lớn bằng trái lê, nói với các Tỳ kheo: Thế nào? Hòn đất trong tay Ta là nhiều, hay là đất đá giữa núi Tuyết to lớn này nhiều hơn? Các Tỳ kheo thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn! Đất trong tay chỉ một ít mà thôi, đất đá giữa núi Tuyết ấy rất nhiều, thậm chí toán số không thể nào ví dụ được. Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Như vậy chúng sanh biết về khổ tập diệt đạo, như hòn đất mà Ta nắm, không biết như thật, thì như đất đá giữa núi Tuyết to lớn này. Bấy giờ Đức Thế tôn dùng móng tay đưa đất lên nói với các Tỳ kheo: Ý các Thầy nghĩ thế nào? Đất trong móng tay Ta là nhiều, hay là đất trên mặt đất này nhiều? Các Tỳ kheo thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn! Đất trong móng tay Thế tôn rất ít mà thôi, đất trên mặt đất này rất nhiều, thậm chí toán số không thể làm ví dụ được. Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Giống như hình hài của chúng sanh có thể nhìn thấy, thì như đất trong móng tay, hình hài vi tế không thể nào nhìn thấy, thì như đất trên mặt đất này. Chúng sanh trên đất liền như vậy, chúng sanh ở dưới nước cũng như vậy, loài được sanh vào loài người ít ỏi như đất trong móng tay, loài rơi vào loài chẳng phải người thì nhiều như đất trên mặt đất. Như vậy người sanh vào nơi trung tâm thì ít ỏi như đất trong móng tay, người sanh vào nơi xa xôi hẻo lánh thì nhiều như đất trên mặt đất. Như vậy người thành tựu Tuệ nhãn bậc Thánh thì ít ỏi như đất trong móng tay, người không thể thành tựu địa vị bậc Thánh thì nhiều như đất trên mặt đất. Như vậy người biết pháp luật thì ít ỏi như đất trong móng tay, người không biết pháp luật thì nhiều như đất trên mặt đất. Như vậy người biết có cha mẹ thì ít ỏi như đất trong móng tay, người không biết là có cha mẹ thì nhiều như đất trên mặt đất. Như vậy người biết tiếp nhận trai giới thì ít ỏi như đất trong móng tay, người không biết tiếp nhận trai giới thì nhiều như đất trên mặt đất. Như vậy chúng sanh từ địa ngục ngạ quỷ súc sanh mạng chung trong loài người thì ít ỏi như đất trong móng tay, từ địa ngục ngạ quỷ súc sanh mạng chung vẫn sanh vào địa ngục ngạ quỷ súc

sanh thì nhiều như đất trên mặt đất. Như vậy chúng sanh từ địa ngục ngạ quỷ súc sanh mạng chung sanh lên cõi Trời thì ít ỏi như đất trong móng tay, vẫn sanh vào lại địa ngục ngạ quỷ súc sanh thì nhiều như đất trên mặt đất. Như vậy chúng sanh từ cõi Trời mạng chung sanh trở lại cõi Trời thì ít ỏi như đất trong móng tay, từ cõi Trời mạng chung sanh trở lại địa ngục ngạ quỷ súc sanh thì nhiều như đất trên mặt đất".

***Thứ bảy*- PHẦN PHƯƠNG ĐỘ**

Như Kinh Khởi Thế nói: "Châu Diêm-phù-đề có năm sự hơn hẳn các nơi như Cù Đà Ni-Phất Bà Đề-Uất Đan Việt-Diệm Ma La- tất cả loài rồng và chim cánh vàng cùng A-tu-la. Những gì là năm sự? Đó là: 1- Rất dũng cảm; 2. Chánh niệm; 3. Nơi Đức Phật xuất thế; 4. Là: nơi tu nghiệp; 5. Nơi thực hành phạm hạnh. Châu Cù Đà Ni có ba sự hơn hẳn Châu Diêm-phù-đề: 1. Nhiều trâu; 2. Nhiều dê; 3. Nhiều vật quý ma ni. Châu Phất Bà Đề có ba sự hơn hẳn: 1. Châu rộng lớn; 2. Rộng rãi bao gồm nhiều đảo; châu rất đẹp đẽ tuyệt vời. Châu Uất Đan Việt có ba sự hơn hẳn: 1. Người ở châu kia không có Ngã và Ngã sở; 2. Thọ mạng thù thắng nhất; 3. Có hành nghiệp thù thắng cao nhất. Trong cõi Diệm Ma La có ba sự hơn hẳn: 1. Thọ mạng dài lâu; 2. Thân hình to lớn; 3. Có cơm ăn áo mặc tự nhiên. Tất cả loài rồng và chim cánh vàng có ba sự hơn hẳn: 1. Thọ mạng lâu dài; 2. Thân hình to lớn; 3. Cung điện rộng lớn. Trong loài A-tu-la có ba sự hơn hẳn: 1. Thọ mạng dài lâu; 2. Hình sắc đẹp đẽ; 3. Hưởng thụ nhiều niềm vui. Tứ Thiên Vương Thiên có ba sự hơn hẳn: 1. Cung điện cao rộng; 2. Cung điện tráng lệ; 3. Cung điện có ánh sáng đẹp đẽ. Tam Thập Tam Thiên có ba sự hơn hẳn: 1. Thọ mạng lâu dài; 2. Sắc thân xinh đẹp; 3.Nhiều niềm vui. Ngoài ra 4 cõi Trời phía trên và cõi Ma thân Thiên đều giống như cõi Trời thứ ba mươi ba, có ba sự hơn hẳn như trước. Cõi Diêm-phù-đề có năm sự hơn hẳn, các cõi Trời còn lại đã nói như trên".

Tụng rằng:

Ác nhiều khó mà tính được,
Thiện ít có thể trình bày,
Trời người vì thế ít lại,
Nẻo đường tăm tối nhiều lên.
Sang hèn thay đổi qua lại,
Giàu nghèo có nhân sai khác.
So sánh giữa hơn và kém,
Biết rõ khổ vui lên xuống.

** Phước của người trong hai Đại Châu bằng phước của một Đồng Luân Vương. Phước của một Đồng Luân Vương bằng phước của người cõi Câu-da-ni. Phước của người trong ba Đại Châu bằng phước của một Ngân Luân Vương. Phước của một Ngân Luân Vương bằng phước của người một cõi Uất Đan Việt. Phước của người trong bốn Đại Châu bằng phước của một Kim Luân Vương. Phước của một Kim Luân Vương bằng phước của người cả cõi Tứ Thiên Vương Thiên. Phước của người cả cõi Tứ Thiên Vương Thiên bằng phước của một Thiên Vương. Phước của một Thiên Vương bằng phước của người một cõi Tam Thập Tam Thiên. Phước của người một cõi Tam Thập Tam Thiên bằng phước của một Đế Thích. Phước của một Đế Thích bằng phước của người một cõi Diệm Ma Thiên. Phước của người một cõi Diệm Ma Thiên bằng phước của một Thiên Vương.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 53

Thiên thứ 58: CƠ BIỆN

Thiên này có ba phần: Thuật ý, Bồ-tát, La hán.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Nghĩ rằng Tam tạng mênh mông mà Thất chúng rối rắm, thiết giáo đủ cơ hiểu thông suốt rõ ràng, nghe thấy Khổ-Tập thì đau xót theo tình, thuận theo Diệt Đạo thì vui mừng tỏ ngộ, âm vận trong trẻo phát ra như Chi-Lan, Cung-Thương cao vút dẫn lối cho tai mắt. Vì lẽ đó Mã Minh mở đường cho tông chỉ sâu xa, Long Thọ làm rung động tận cùng đầu mối, Đề Bà quay trở lại danh số vốn có, La hán tổng hợp lại mạch lạc rõ ràng; đồng thời giúp đỡ về Diệu Điển-cắt bỏ những Ngoại Học, lạc hướng thấy đường đi-đêm dài gặp ánh sáng, nối tiếp mô phạm cao xa của Thích Điển, bày tỏ kỹ thuật chuẩn mực của Sư Tư, thuộc về điểm này vậy. Có thể nói là to lớn thay! Kỳ Viên giống như tồn tại, Lộc Uyển dường như trông thấy, quả thật chưa chứng quả mà hướng về gần với Phật rồi.

Thứ hai- PHẦN BỒ TÁT

Trong Mã Minh Bồ-tát truyện nói: "Hơn ba trăm năm sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn (Trong kinh Ma-gia nói là sáu trăm năm), Mã Minh ra đời tại nước Tang Kì Đa ở phía Đông Thiên Trúc, thuộc giòng Bà-la-môn. Hình dáng nhỏ bé nhưng rất thông minh, dùng văn chương bàn luận để tìm người tương xứng. Các Luận sư - văn sĩ giỏi pháp thế gian vùng Thiên Trúc, đều giữ lấy tướng thù thắng để biểu hiện phẩm đức của mình. Mã Minh sử dụng cách thông thường ấy, lấy dao sắc khắc vào cây gậy lời minh rằng: Trí sĩ trong thiên hạ có ai có năng lực dùng một lý lẽ mà khuất phục được - một lời văn mà thắng được, thì sẽ dùng dao này tự cắt đầu mình! Thường cầm dao này đi khắp các nước, hàng học thức văn chương lý luận không có ai có năng lực chống cự. Lúc này

trong núi Vận Đà có một La hán, tên là Phú Lâu Na, ngoại đạo nói lý lẽ không có gì không thông hiểu. Thế là Mã Minh đến nơi ấy thăm hỏi, thấy vị ấy ngồi nghiêm trang cuối rừng, chí khí xa vời dường như không thể biết được, thần sắc khiêm tốn giống như có thể khuất phục, liền đi lại trò chuyện với Sa môn. Dám phát ra lời thề, nhất định phải làm cho ông khuất phục, nếu tôi không thắng được thì cắt cổ tạ lỗi với ông. Sa môn im lặng không nói gì, vẻ mặt không có gì chịu thua, cũng không tỏ ra thắng cuộc. Nhiều lần như vậy nhưng không hề biểu lộ tình ý thế nào. Mã Minh rút lui tự suy nghĩ: Mình thua rồi, ông ta thắng rồi, ông ta im lặng không nói cho nên không thể khuất phục được, vì mình đã nói, tuy người biết nói có thể làm cho khuất phục, mà tự mình không thể tránh được lời nói, thật sự đáng hổ thẹn quá! Rút lui nhận lỗi mình đã bị khuất phục, thế là muốn tự cắt đầu mình. Sa môn ngăn lại: Ông dùng sự tự cắt đầu để nhận lỗi với Ta, thì nên thuận theo ý Ta mà cạo đầu, ông đi khắp nơi làm đệ tử của Ta! Liền dùng lý làm cho phải khuất phục, cạo tóc bỏ trâm cài thọ cụ túc giới, ngồi thì dùng văn chương nói về Phật pháp, đi lại thì xiển dương hóa đạo, soạn ra các luận Trang Nghiêm Phật pháp hơn trăm vạn chữ, lưu hành khắp Thiên Trúc, cả thế gian đều tôn sùng, lấy làm phương thức tạo tác. Tuy rằng gặp loạn Khổng Phụ của Tây Hà, nghi ngờ Thánh Sư của Thân Tử, mà giống như tre nứa đều bị gạt xa. Sau đó Long Thọ cảm nhận văn chương mới bắt đầu biên soạn các bộ luận, đã từng cúi rập đầu làm bài kệ tự trở về với Mã Minh, khiêm tốn dựa vào sự soi chiếu sâu xa mà tự tỏ ngộ. Nay các hàng vua chúa văn sĩ trí thức ở Thiên Trúc, đều vì Mã Minh lập miếu thờ phụng như đối với Đức Phật, có thời gian bình luận hẳn hoi".

Long Thọ Bồ-tát Truyện và Phú Pháp Tạng Truyện nói:" Có một Đại sĩ, tên gọi là Long Thọ [Y theo Tryuện nói: Xuất hiện ở thế gian trong bảy trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt. Dựa theo Huyền Trang Pháp sư Truyện nói: Chính âm của Tây Phạn gọi là Long Mãnh, xưa kia phiên âm hơi sai, cho nên gọi là Long Thọ. Xuất hiện ở thế gian ba trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt, hưởng thọ bảy trăm tuổi, vì vậy người ta nói sai là xuất hiện ở thế gian trong bảy trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt]. Tự nhiên thông minh tỏ ngộ lạ thường, việc gì nghe qua không hề hỏi lại, dựng lên pháp tràng làm cho các ngoại đạo phải khuất phục. Đầu thai vào nước phía Nam Thiên Trúc, xuất thân từ dòng dõi Phạm Chí, trong nhà giàu sang vô cùng. Lúc mới sinh ra nằm ở dưới tán cây, nhờ loài rồng mà thành đạo, vì vậy có hiệu là Long Thọ. Thuở bé thông minh trí tuệ có tài năng và học vấn vượt xa thế gian. Lúc còn

thơ ấu đang nằm ở trong tả lót, nghe các Phạm Chí tụng Tứ Vi Đà Luận, bộ Luận chuẩn mực ấy sâu rộng gồm có bốn vạn bài kệ, mỗi bài kệ có ba mươi hai chữ, đều lập tức hiểu rõ thông suốt ý vị của từng câu. Đến lúc xấp xỉ tuổi hai mươi nổi tiếng khắp các nước lân cận, thiên văn-địa lý-tinh vĩ-đồ sấm và đạo thuật khác không có gì không thông thạo. Bạn bè có ba người tư chất tự nhiên thanh tú lạ kỳ, cùng nhau bàn luận rằng: Nghĩa lý trong thiên hạ làm thông suốt thần minh, gợi mở cùng tận tôn chỉ sâu xa tăng thêm trí tuệ, dường như điều này chúng ta đều đạt được, lại lấy gì để tự làm thú vui đây? Lại dấy lên nói rằng: Thế gian chỉ có theo đuổi sắc đẹp tràn trề dục vọng, thật là khoái lạc tuyệt vời nhất của một đời, nên có thể cùng nhau tìm cầu phương thuốc ẩn thân, sự việc nếu quả nhiên như vậy thì nguyện này chắc chắn thành tựu! Tất cả đều nói: Tốt lành thay, lời này thật thẳng thắn! Liền đến nơi vị thầy giỏi về pháp thuật cầu học pháp ẩn thân. Thuật sư nghĩ rằng: Bốn Phạm Chí này tài trí cao xa sanh tâm rất kiêu mạn, coi chúng sanh như cỏ rác, nay vì pháp thuật cho nên cúi mình chịu nhục đến tìm mình, nhưng hạng người này nghiên cứu cùng tận hiểu biết nhiều những điều không biết, chỉ riêng pháp thuật hèn mọn này là không biết đến, nếu truyền dạy phương pháp ấy thì vĩnh viễn bị coi như là bỏ đi, tạm thời cho họ phương thuốc khiến không biết gì, khi hết thuốc nhất định phải đến. Thuật sư hỏi han thật là sâu, sau đó trao cho mỗi người một viên thuốc màu đen, mà nói cho biết rằng: Các người mang viên thuốc này lấy nước mài rồi dùng để xoa vào đôi mắt, thân hình sẽ tự nhiên ẩn đi. Lập tức tiếp nhận lời dạy của thuật sư, tất cả đều mài viên thuốc này. Long Thọ ngửi mùi hương lập tức nhận biết, phân biệt số lượng nhiều ít chi li không sai, liền hướng về thuật sư ấy trình bày đầy đủ sự việc này, vị thuốc này đầy đủ có bảy mươi loại, tên gọi - số lượng đều giống như phương pháp ấy. Thuật sư nghe nói kinh ngạc hỏi nguyên cớ do đâu? Long Thọ đáp rằng: Đại sư nên biết, tất cả các phương thuốc tự nhiên có mùi vị của nó, vì vậy mà biết thôi, đâu đáng để ngạc nhiên! Thuật sư nghe lời ấy ca ngợi là chưa từng có, liền dấy lên nghĩ rằng: Nếu như người này thì nghe tiếng họ hãy còn khó, huống gì mình đích thân gặp mà tiếc rẻ pháp thuật này! Lập tức đem pháp thuật truyền cho cả bốn người. Bốn người y theo phương pháp hòa hợp vị thuốc này, tự che kín thân hình đi lại tự do. Thế là cùng nhau đi vào Hậu cung của nhà vua, người đẹp trong cung đều bị xâm phạm, hơn một trăm ngày sau người mang thai rất nhiều, liền kéo nhau đến thưa với nhà vua mong tha cho lỗi lầm. Nhà vua nghe vậy rồi trong lòng thật không vui, điều này chẳng

lành làm sao, vì yêu quái mới như vậy! Nhà vua triệu tập các quan có trí tuệ cùng nhau bàn tính sự việc này. Lúc ấy có một vị quan liền thưa với nhà vua rằng: Những sự việc như vậy phải có hai loại, một là do quỷ mị, hai là do phương thuật, có thể dùng đất mịn đặt trong các cửa sai người canh phòng ngăn cấm mọi người qua lại, nếu là phương thuật thì dấu vết tự nhiên hiễn rõ ra, nếu là quỷ mị đi vào thì chắc chắn không có dấu vết để lại, người thì có thể dùng binh lính trừ diệt, quỷ thì nên dùng bùa chú để loại trừ. Nhà vua dùng kế ấy y theo pháp mà tiến hành. Trông thấy bốn người từ cửa mà đi vào, lúc ấy người canh phòng lập tức báo tin cho nhà vua, nhà vua dẫn theo dũng sĩ gồm mấy trăm người, vung dao giữa hư không chặt đầu ba người, gần nhà vua trong vòng bảy thước là nơi dao kiếm không đến được, Long Thọ thu mình lại mà đứng cạnh nhà vua, thế là mới hiểu rằng Dục là nguồn gốc của khổ đau, bại hoại đạo đức - tổn hại thân mạng - ô nhục phạm hạnh cũng do Dục vọng mà phát sinh, liền tự thề rằng: Nếu tôi thoát được ách nạn này, sẽ đến nơi Sa môn thọ pháp xuất gia! Đã thoát ra rồi liền đi vào núi đến một tháp thờ Phật, lìa bỏ dục ái xuất gia vì đạo, trong chín mươi ngày tụng tất cả kinh luận mà cõi Diêm-phù-đề có, đều thông suốt hết thảy. Lại cầu tìm kinh điển khác nhưng cũng không có nơi nào tìm được, liền hướng về núi Tuyết gặp một Tỳ kheo, lấy pháp Ma-ha Diễn mà giảng dạy cho, nên rất vui mừng đọc tụng kính cúng dường, tuy thông hiểu thật nghĩa mà chưa chứng được đạo quả. Biện tài vô tận có năng lực luận bàn khéo léo, ngoại đạo và các học phái khác thảy đều làm cho phải khuất phục, thỉnh cầu làm bậc Thầy mẫu mực. Thế là tự nói mình là người đầy đủ mọi trí tuệ, tâm sinh ra kiêu mạn cao ngạo quá mức, liền muốn đi đến bước vào cánh cổng của Sa môn Cù Đàm kia. Lúc bấy giờ vị thần giữ cổng bảo với Long Thọ rằng: Nay trí tuệ của ông giống như ruồi muỗi, so với Như lai không phải ngôn ngữ mà có thể biện giải được, chẳng khác gì ánh lửa đom đóm mà sánh với ánh sáng chói chang của mặt Trời mặt trăng, lấy núi Tu di làm cho bằng hạt cây Đình Lịch, thật là hiếm có! Tôi nhìn Nhân giả không phải là người đầy đủ mọi trí tuệ, tại sao mong muốn đi vào từ cánh cổng này? Nghe nói vậy rồi mà thẹn thùng xấu hổ vô cùng. Lúc ấy có đệ tử thưa với Long Thọ rằng: Sư luôn luôn tự cho mình là người đầy đủ mọi trí tuệ, nay đến hạ mình chịu nhục làm đệ tử Phật, pháp tắc của đệ tử là hỏi han thuận theo với Sư, hỏi han kế thừa không đầy đủ thì không phải là đầy đủ mọi trí tuệ. Thế là Long Thọ đuối lý không nói gì được nữa, tâm tự suy nghĩ rằng: Trong pháp thế gian có vô lượng cách thức để vượt qua, kinh Phật tuy vi diệu mà

câu nghĩa chưa đạt đến tận cùng, nay mình nên tiếp tục phát triển rộng ra, khai ngộ cho hàng hậu học - làm lợi ích cho chúng sanh!

Dấy lên lời này rồi ở một mình trong căn phòng thủy tinh, tĩnh thất vắng lặng. Bồ-tát Đại Long thương cho tình cảnh như vậy, liền dùng thần lực tiếp nhận đưa vào biển rộng, đến cung điện của mình mở hòm bảy báu ra, để chỉ cho các kinh điển Phương Đẳng sâu sắc, trao cho Long Thọ vô lượng diệu pháp, trong chín mươi ngày thông hiểu rất nhiều, tâm tư đi sâu vào lĩnh hội được lợi ích chân thật. Tâm niệm của Đại Long biết rõ nên hỏi rằng: Nay ông xem kinh đã hết chưa vậy? Long Thọ đáp rằng: Kinh của ông vô lượng xem không thể nào hết được, kinh tôi đã đọc đầy đủ gấp mười lần kinh đã đọc ở cõi Diêm-phù-đề. Long Vương hỏi rằng: Tất cả kinh điển có trên cõi Trời Đao Lợi và Thích Đề Hoàn Nhân gấp trăm ngàn vạn lần kinh điển có ở cung này, các nơi so với cung này dễ dàng biết được số lượng. Lúc bấy giờ, Long Thọ đã có được các kinh, bỗng nhiên thông suốt hiểu rõ Nhất Tướng, đi sâu vào Vô Sanh đầy đủ hai Nhẫn. Đại Long biết đã ngộ đạo nên đưa ra khỏi cung. Lúc ấy vua nước Nam Thiên Trúc, vốn là người rất tà kiến, tôn sùng ngoại đạo hủy báng chánh pháp, thấy Long Thọ là người đầy đủ mọi trí tuệ bèn cùng với Đại Luận sư chất vấn mà không sánh kịp, nên cúi đầu lễ lạy cung kính cạo bỏ râu tóc, cầu xin xuất gia. Vô lượng tà kiến như vậy đã được hóa độ, nhà vua thường xuyên chuyển đến mười xe y bát, cuối cùng chỉ trong một ngày đều đã hết sạch. Như vậy lần lượt cho đến vô số, mở rộng phân biệt về nghĩa lý của Ma-ha Diễn, tạo luận Ưu Ba Đề-xá- mười vạn kệ Trang Nghiêm Phật Đạo - Đại Từ Phương Tiện..., các luận như vậy đều có mười vạn kệ, làm cho Ma-ha Diễn truyền bá ở thế gian. Tạo luận Vô Úy đủ mười vạn kệ, Trung Luận sản sinh ra từ trong bộ Vô Úy, gồm có năm trăm kệ, luận ấy phô diễn nghĩa lý sâu sắc, phá tan tà kiến của tất cả ngoại đạo. Lúc ấy có một Pháp sư thuộc phái Tiểu Thừa, thấy Long Thọ tài năng lừng lẫy nên thường ôm lòng căm ghét. Bồ-tát Long Thọ đã làm xong công việc cần làm, nên đi đến cõi ấy hỏi Pháp sư rằng: Nay ông muốn tôi tồn tại lâu dài giữa thế gian không? Đáp rằng: Nhân giả thật sư không mong như vậy. Liền đi vào phòng kín suốt ngày không xuất hiện. Đệ tử đều cảm thấy kỳ lạ, phá cửa xem sao, thì trông thấy Thầy mình lột xác mà đi. Các nước vùng Thiên Trúc đều lập miếu thờ, cúng dường các thứ, tôn kính phụng thờ giống như Đức Phật vậy".

Phần thứ ba: La hán.

Như trong Trí Độ Luận nói: "Xá-lợi-phất ở trong tất cả các đệ

tử của Phật được tôn xưng là Trí tuệ bậc nhất, như Đức Phật thuyết kệ rằng:

Ở trong tất cả các chúng sanh,
Chỉ ngoại trừ Đức Phật Thế tôn,
Ai muốn sánh với Xá-lợi-phất,
Về trí tuệ cùng với đa văn,
Thì ở trong mười sáu phần ấy,
Một phần hãy còn không sánh kịp.

Xá-lợi-phất có trí tuệ đa văn, năm mới 8 tuổi tụng làu 18 bộ kinh, hiểu thông suốt tất cả nghĩa lý. Lúc ấy nước Ma-Già-đà có hai anh em Long Vương, một tên là Khiết Lợi, một tên là A-già-la, tuôn mưa theo mùa nên đất nước không năm nào mất mùa, dân chúng cảm ơn sâu sắc, thường vào tháng Trọng Xuân cùng quy tụ ở chỗ của Long Vương để tổ chức Đại hội, trỗi các thứ âm nhạc - bàn luận về nghĩa lý suốt cả ngày này. Từ xưa đến nay sự quy tụ ấy không hề thay đổi. Vào ngày này theo lệ thường đặt bốn tòa cao, một là tòa cao của Quốc vương, hai là tòa cao của Thái tử, ba là tòa cao của Đại Thần, bốn là tòa cao của Luận Sĩ. Lúc bấy giờ Xá-lợi-phất, vì mình mới tám tuổi bèn hỏi mọi người rằng: Bốn tòa cao này là dành cho ai? Mọi người đáp rằng: Dành cho Quốc vương - Thái tử - Đại Thần của Luận Sĩ. Lúc ấy Xá-lợi-phất quan sát người đương thời không ai thắng được mình, liền bước lên chỗ ngồi của Luận sĩ ngồi xếp bằng tròn, mọi người cảm thấy thắc mắc vô cùng, có người nói là trẻ con khờ dại không biết, có người nói là hiểu biết hơn người, tuy rằng khen ngợi sự thần dị ấy mà mọi người hãy còn trách là tự kiêu căng, khinh chê tuổi nhỏ không cho phép tự nhiên mở lời, đều sai người trẻ tuổi cất tiếng hỏi mọi việc, đáp lại những câu hỏi là ý nghĩa văn từ lý lẽ rất siêu việt. Lúc ấy các Luận sư khen ngợi là chưa hề có, tất cả mọi người ngu trí lớn nhỏ đều khuất phục. Nhà vua rất hoan hỷ, lập tức trong lệnh cho cận thần phong tặng một nơi tụ cư, thường đem mọi thứ cung cấp đầy đủ, nhà vua ngồi trên xe voi rung không tuyên lệnh, công khai truyền đi tất cả mười sáu nước lớn, không nơi nào không chúc mừng vui vẻ.

Như trong Tứ Phần Luật nói: “Xá-lợi-phất đầy đủ bốn biện tài: 1. Biện giải về pháp; 2.Biện giải về nghĩa; 3. Biện giải về từ ngữ; 4. Biện giải sáng tỏ. Nếu đầy đủ biện tài như vậy mà ngoại đạo không khuất phục, thì điều này thật vô lý”. Còn trong Thắng Tư Duy Luận nói: “Bồ-tát có 7 loại đức, đều dựa vào Lạc Thuyết Biện Tài. Những gì là bảy loại? Đó là: 1. Các loại Lạc thuyết biện tài; 2. Lạc thuyết biện tài không

vướng mắc; 3. Lạc thuyết biện tài kiên cố; 4. Lạc thuyết biện tài sáng tỏ; 5. Lạc thuyết biện tài không yếu hèn; 6. Lạc thuyết biện tài tương ưng; 7. Lạc thuyết biện tài bất cứ chỗ nào. Đây là thành tựu của Bồ-tát Địa thứ tám".

Lúc ấy Cát Cổ Sư Tử, tên gọi Câu Luật Đà, dòng họ Đại Mục-kiền-liên, là bạn của Xá-lợi-phất, tài trí và đức hạnh của hai người như nhau, đi thì cùng đi, ở thì cùng ở, từ nhỏ lớn lên kết bạn với nhau giao ước cần phải có trước có sau. Về sau hai người đều chán ngán thế gian mà rời nhà đi xa học đạo, làm đệ tử của Phạm Chí, tâm nguyện mong cầu tiến vào cửa đạo đã lâu mà không có biểu lộ gì, vì vậy thưa hỏi với Thầy, Thầy tên là Sán Xà Da, bèn trả lời rằng: Từ khi Ta cầu đạo đến nay trải qua nhiều năm tháng, nhưng không biết đến đạo quả, không phải là của con ngươi chăng? Ngày nọ Thầy lâm bệnh, Xá-lợi-phất đứng ở đầu, Đại Mục-kiền-liên đứng ở phía chân, hai người vô cùng buồn lo. Vị Thầy sắp mất mới thương xót mà cười, hai người chung lòng đều hỏi ý Thầy cười. Thầy trả lời rằng: Thế tục không có mắt nên bị ân ái làm cho tổn hại, Ta thấy Quốc vương chết nơi cung vàng điện ngọc, Đại phu nhân của nhà vua tự mình nhảy vào ngọn lửa cầu mong cùng ở một nơi, mà hành nghiệp báo ứng của hai người này đều khác nhau thì nơi sanh ra hoàn toàn cách biệt. Lúc ấy hai người ghi lại lời nói của Thầy, muốn dùng nghiệm xét thực hư thế nào? Sau đó có người buôn xứ Kim Địa từ xa đến nước Ma-già-đà, đem lời nghiệm xét sơ lược thì quả nhiên như lời Thầy nói, mới quay lại than rằng: Xưa kia mình không phải là người ấy chăng, hay là Thầy che dấu mình chăng? Hai người thề rằng: Nếu ai gặp được cam lộ trước, thì cần phải báo cho nhau biết!

Vì vậy trong kinh Phật Bổn Hạnh nói: "Lúc ấy Xá-lợi-phất gặp Tỳ kheo Mã Túc đi vào thành khất thực, tất cả dân chúng trong thành đều cùng nhau bình luận nói kệ rằng: Khéo léo thâu nhiếp các Căn-Thức, tiến tới - dừng lại luôn vắng lặng, mỉm cười phát ra lời tốt đẹp, đây ắt là người dòng họ Thích.

Lúc ấy Xá-lợi-phất liền thưa thỉnh rằng: Đại Sư của ông đức hạnh và pháp thuật cũng hơn hẳn ông chăng? Lúc bấy giờ A thấp ba Du bạt đa (Thời Tùy gọi là Mã Túc) liền nói kệ trả lời rằng:

Như hạt cải so với Tu di, dấu chân trâu so với biển rộng,

Ruồi muỗi sánh với chim cánh vàng, tôi và Thầy tôi cũng như vậy.

Giả sử Thanh Văn vượt qua bờ bên kia, thành tựu các Địa hãy còn là đệ tử, ở bên bật Thầy không đáng để tính đếm, so với Đức Thế tôn

uy đức trọn vẹn.

Ngay sau đó Xá-lợi-phất lại nghe nói kệ rằng:

Các pháp từ nhân duyên sanh ra, cũng từ nhân duyên mà diệt đi,
Thầy tôi là bậc Đại Sa Môn, luôn luôn thuyết pháp vốn như vậy.

Xá-lợi-phất nghe rồi, ngay lúc ấy thấy được chân lý đạt được Pháp Nhãn Tịnh. Xá-lợi-phất đã đạt được quả vị Tu-đà-hoàn, tiếp tục hướng về Mục-kiền-liên cũng nói kệ này, Mục-kiền-liên nghe Xá-lợi-phất nói, cũng đạt được quả vị Tu-đà-hoàn. Thế là Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, cả hai người dẫn theo năm trăm quyến thuộc cùng đi đến nơi Đức Phật, đều đạt được quả vị A-la-hán".

Y theo Tứ Phần Luật và các kinh khác, đều nói: "một ngàn hai trăm năm mươi người, đến nơi trú xứ của Đức Phật đạt được quả vị A-la-hán".

Y theo Luận hỏi rằng: Vì sao gọi là Xá-lợi-phất? Đáp rằng: Là do mẹ mà làm tên gọi. Trong nước Già-đà này có thành quách rộng lớn, gọi là thành Vương xá, nhà vua tên gọi Tần Bà-sa-la. Có Luận sư Bà-la-môn, tên gọi Ma-đà-la. Nhà vua vì người ấy có sở trường năng lực luận bàn, cho nên phong tặng một khu vực, cách thành không xa. Ma-đà-la này liền có nhà ở, vợ sinh được một cô con gái, mắt giống như mắt chim Xá-lợi, thế là gọi cô con gái này là Xá-lợi. Sau đó sanh được một cậu con trai, đầu gối khá to nên gọi là Câu-hy-la (Thời Tần nói là Đại Tất). Đã có nhà ở nuôi dượng con cái, kinh thư đã học đều đã lâu năm cho nên không tiếp tục sự nghiệp mới. Lúc này phía Nam Thiên Trúc có một Bà-la-môn là bậc thầy giỏi về luận nghị, tên là Đề-xá, đối với 18 loại Đại Kinh thảy đều thông suốt lưu loát. Người này đi vào thành Vương xá, trên đầu đội ngọn đèn- dùng lá đồng mỏng bao quanh bụng. Người ta hỏi đến nguyên cớ ấy, thì nói rằng mình đã học rất nhiều kinh thư sợ rằng bụng sẽ toác ra, vì vậy phải bao bọc lại. Lại hỏi: Vì sao trên đầu đội ngọn đèn? Đáp rằng: Bởi vì quá tối tăm. Mọi người nói rằng: Mặt Trời mọc chiếu sáng khắp nơi, vì sao nói là tối tăm? Đáp rằng: Tối tăm có hai loại, một là ánh sáng mặt Trời không soi chiếu, hai là ngu si cho nên tối tăm, nay tuy có ánh sáng mặt Trời mà ngu si hãy còn tối mịt. Mọi người nói: Ông chỉ chưa gặp Bà-la-môn là Luận sư Ma-đà-la, nếu ông gặp rồi thì bụng sẽ co lại - ánh sáng sẽ mờ tối. Bà-la-môn này từ xa đi đến bên cạnh chiếc trống đánh lên tiếng trống muốn luận nghị. Quốc vương nghe tiếng trống, hỏi là ai vậy? Các quan thưa rằng: Phía Nam Thiên Trúc có một Bà-la-môn, tên gọi Đề-xá, là Đại Luận sư muốn tìm nơi tranh luận, cho nên đánh trống luận nghị. Nhà vua rất hoan hỷ,

liền tập trung mọi người mà nói cho biết rằng: Có ai có năng lực chất vấn thì cho phép tranh luận. Ma-đà-la nghe rồi tự nhiên nghi ngờ, mình vì lâu năm cho nên không tiếp tục sự nghiệp mới, không biết bây giờ mình có thể tranh luận được hay không? Thế là gắng gượng đứng lên mà đến, ở giữa đường đi thấy hai con trâu nghé đang muốn húc nhau, trong lòng nghĩ rằng: Con trâu này là mình – con trâu kia là người ấy, lấy cảnh tượng này để xem thì biết ai sẽ giành được thắng lợi. Con trâu này không chịu nổi, thì rất ưu sầu, mà tự mình nghĩ rằng: Cảnh tượng như vậy thì mình sẽ không sánh bằng. Lúc sắp đi vào giữa mọi người, thấy có người mẹ ôm bình nước đang ở phía trước mặt, ngã nhào xuống đất làm vỡ chiếc bình, lại dấy lên nghĩ rằng: Điều này cũng không tốt, thật là không vui lắm! Đã đi vào giữa mọi người trông thấy Luận sư kia, dung mạo tâm ý thể hiện đầy đủ tướng trạng thắng lợi, tự biết mình không sánh bằng, tham gia không được kết quả gì, nhưng vẫn cùng nhau luận nghị. Luận nghị đã bắt đầu thì thuộc về phần thất bại. Nhà vua rất hoan hỷ, người Đại Trí sáng suốt từ xa đến nước mình mà giành phần thắng, lại muốn vì vậy mà phong cho một nơi tụ cư. Các quan bàn với nhau rằng: Một người thông minh đến thì phong cho một khu vực, bề tôi có công không ban thưởng mà chỉ sủng ái lời lẽ tranh luận, sợ rằng trái với đạo lý xây dựng lẽ sống an lành cho quốc gia, nay Ma-đà-la tranh luận không bằng, nên dùng đất đai đã phong tặng trước kia mà ban cho người thắng cuộc, nếu như lại có người thắng cuộc thì tiếp tục lấy đó mà ban cho. Nhà vua nghe có lý nên sử dụng lời này, liền quyết định ban cho người thắng cuộc. Lúc này Ma-đà-la nói với Đề-xá rằng: Ông là người thông minh nên tôi đem con gái gả cho ông. Chí nam nhi đã mệt mỏi, nay muốn đi đến đất nước khác để tìm lại chí hướng vốn có. Đề-xá tiếp nhận cô gái ấy làm vợ, người vợ mang thai mộng thấy một người, thân khóac giáp trụ - tay cầm chày Kim Cang, đánh sập các núi nhỏ mà đứng bên cạnh núi lớn. Tỉnh giấc rồi bày tỏ với chồng rằng: Thiếp mộng thấy như vậy. Đề-xá nói: Nàng sẽ sinh con trai làm cho tất cả các Luận sư phải hàng phục, nhưng hơn được một người, mà luôn luôn làm đệ tử thôi. Xá-lợi mang thai, nhờ vào thai nhi cho nên cũng thông minh, rất có năng lực luận nghị. Em trai của Xá-lợi là Câu-hy-la cùng với chị bàn luận, đã từng bị đuối lý không hơn được, biết là đứa bé trong thai ắt là người Đại trí tuệ, chưa sanh mà như vậy, huống hồ đến lúc sanh ra! Thế là bỏ nhà đi đến Nam Thiên Trúc học đạo, không cắt móng tay mà chỉ đọc 18 loại kinh thư cho thông suốt lưu loát, vì vậy cho nên người đương thời gọi là Trường Trảo Phạm Chí. Chị đã sinh con, sau bảy ngày đặt

trong vải bông trắng mà đưa cho cha đứa bé xem. Cha đứa bé suy nghĩ: Mình tên là Đề-xá, theo tên gọi của mình, đặt tên là Ưu Ba Đề-xá. Đây là lấy cha mẹ làm tên gọi. Mọi người cho rằng từ Xá-lợi mà sanh ra, đều cùng nhau gọi là Xá-lợi-phất (bởi vì Phất nói là con, tức là con của Xá-lợi). Vả lại, Xá-lợi-phất ấy là bổn nguyện đời đời làm đệ tử trí tuệ bậc nhất ở cạnh Đức Phật Thích Ca, có tên là Xá-lợi-phất, đây là bổn nguyện nhân duyên mà gọi tên là Xá-lợi-phất.

Hỏi rằng: Nếu là như vậy, tại sao không nói Ưu-ba-xá mà chỉ nói là Xá-lợi-phất? Đáp rằng: Người đương thời quý trọng bà mẹ, là người thông minh bậc nhất ở trong những người nữ, vì nhân duyên này cho nên gọi là Xá-lợi-phất".

Lại trong kinh Phật Bổn Hạnh nói: "Đức Phật ở tại thành Xá bà, ở trong khu vực ấy có một cây lớn, tên là Thi xa ba, dưới bóng mát tán cây có nhiều Bà-la-môn dừng lại nghỉ ngơi dưới ấy. Các Bà-la-môn từ xa nhìn thấy A-nan xuất hiện sắp đến gần, tất cả đều nói với nhau rằng: Các vị nên biết rằng, người này là đệ tử của Sa môn Cù Đàm, là người đứng đầu trong những người thông minh đa văn bậc nhất. Nói lời này xong, A-nan liền đến và thưa rằng: Này vị Nhân giả, nay yêu cầu quan sát cây này có tất cả bao nhiêu ngọn lá? Lúc bấy giờ A-nan quan sát cây đó rồi, bèn trả lời những người kia rằng: Cành phía Đông có tất cả mấy trăm ngọn lá - mấy ngàn ngọn lá. Như vậy cành phía Nam-cành phía Tây - cành phía Bắc đều nói có tất cả mấy trăm ngọn lá - mấy ngàn ngọn lá. Nói lời này xong lập tức bỏ đi. Bấy giờ những thế hệ Bà-la-môn kia, sau khi A-nan rời xa liền lấy mấy trăm ngọn lá giấu kín một bên. A-nan đã quay lại, các Bà-la-môn ngay lúc ấy lại hỏi: Nhân giả A-nan, ông lại đến ư, xin tiếp tục quan sát cây này có bao nhiêu ngọn lá? Bấy giờ A-nan ngước lên quan sát cây rồi, liền biết các Bà-la-môn đã hái và giấu đi mất trăm ngọn lá, bèn trả lời những Bà-la-môn kia rằng: Cành phía Đông có tất cả mấy trăm ngọn lá - mấy ngàn ngọn lá; như vậy cành phía Nam - cành phía Tây - cành phía Bắc, cũng nói có tất cả mấy trăm ngọn lá - mấy ngàn ngọn lá. Nói lời này xong lập tức đi qua. Lúc bấy giờ những thế hệ Bà-la-môn kia, sanh tâm hy hữu chưa từng có, tất cả cùng nhau nói rằng: Sa môn này thật vô cùng thông minh - có trí tuệ to lớn. Những Bà-la-môn vì nhân duyên này mà tâm có được niềm tin đích thực. Có được niềm tin đích thực rồi sau đó không bao lâu tất cả đều xuất gia thành tựu đạo quả La hán". (Sơ lược thuật lại đôi điều, còn lại đầy đủ như trong kinh văn).

Tụng rằng:

Then chốt khéo đối đáp biện giải,
Giỏi dẫn dụ khiến tâm hàng phục,
Nước tám công đức thấm mầm khô,
Ba minh thần thông mở mắt mù.
Đến hỏi tất cả không giống nhau,
Trả lời dạy bảo đều vui lòng,
Mong xả bỏ nỗi sợ bốn rồng,
Cũng trừ diệt hai chuột bức bách.
Cây ý phát sinh hoa rỗng không,
Sen tâm nở ra thơm ngạt ngào,
Nói rõ biển xanh này thay đổi,
Ví như quả Am La chín muồi.
Trí vi diệu còn khéo ráng vàng,
Từ sâu sắc như sương lung linh,
Khéo học trái với người Phạm Trảo,
Lời thật khác xa kẻ bao bụng.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra bốn chuyện: 1- Thái Thú Triệu Chánh thời Tần; 2- Sa môn Thích Tăng Duệ thời Tấn; 3- Sa môn Chi Hiếu Long thời Tấn; 4- Sa môn Khương Tăng Uyên thời Tấn.

1. Thời Tần Phù Kiên có bề tôi là Triệu Chánh làm Thái Thú quận Vũ Uy, lập chí trung thành thẳng thắn làm cho Phật pháp lớn mạnh. Lúc Phù Kiên mới thất bại các hạng phản trắc tranh nhau dấy lên, chiến sự tàn khốc nổi lên khắp nơi làm cho dân chúng rơi vào cảnh đau thương ly loạn, mà có thể phiên dịch truyền bá kinh điển phần lớn là nhờ vào năng lực của Triệu Chánh. Lại là Hữu Chính tự Văn Nghiệp, là người vùng Thanh Thủy - Lạc Dương, có nơi nói là người vùng Tế Âm, tuổi đến 18 làm quan Ngụy Tần Trước Tác Lang, sau chuyển đến Hoàng Môn Thọ Lang làm Thái Thú quận Vũ Uy, là người không có râu mà lại gầy ốm, có thê thiếp mà không có con, lúc ấy gọi là hoạn quan, nhưng mà tính tình khoan dung nhanh nhạy học thông cả trong ngoài, tánh thích châm biếm can gián không bao giờ tránh né. Những năm cuối củ Phù Kiên cưng chiều mê hoặc một nàng Tiên Ti mà lơi lỏng đối với sự cai quản triều chính, vì vậy ca hát can gián rằng:

Xưa nghe có Mạnh ở bến sông, ngàn dặm làm ra một ca khúc, dòng nước này vốn tự trong veo, là ai quấy động khiến đục ngầu?

Phù Kiên lộ vẻ xúc động nói: Chính là Trẫm, lại ca hát rằng:

Phía Bắc vườn có một cây táo, trải lá rủ bóng mát chập chùng, bên ngoài tuy rằng nhiều gai góc, bên trong quả có tấm lòng son.

Phù Kiên cười nói rằng: Mong rằng không phải là Triệu Văn Nghiệp, điệu hát đó đùa cợt thích ứng linh hoạt đều tương tự như vậy. Sau đó nhân tiện Phật pháp hưng thịnh ở vùng Quan Trung, nguyện vọng muốn được xuất gia, Phù Kiên luyến tiếc mà không đồng ý. Đến sau khi Phù Kiên qua đời mới toại nguyện với chí hướng của mình, lại đổi tên là Đạo Chỉnh, nhân đó làm bài tụng rằng:

Phật - chúng sanh có gì là muộn,
Niết-bàn như nhau sớm do đâu,
Quay về nương theo Đức Thích Ca,
Từ nay về sau tìm Đại Đạo.

Về sau ẩn tích trong núi Thương Lạc chuyên tinh với kinh luật. Thứ Sử Hi Khôi vùng Ung Châu thời nhà Tần, kính trọng phong cách cao thượng ấy nên đến tận nơi giao du cùng nhau. Tạ thế tại Tương Dương, hưởng thọ hơn sáu mươi tuổi.

2. Thời nhà Tấn ở Trường An có Sa môn Thích Tăng Duệ, người vùng Trường lạc - quận Ngụy, thông suốt kinh luận biện giải linh hoạt khó mà sánh kịp, Diêu Hưng và Diêu Tung đối xử trọng hậu vô cùng. Diêu Hưng hỏi Diêu Tung rằng: Tăng Duệ như thế nào? Diêu Tung đáp: Thật là hàng tùng bách của nghiệp Vệ. Diêu Hưng sắc chỉ gặp mặt, muốn xem tài năng của Tăng Duệ. Phong Thái của Tăng Duệ mền mỏng như nước tìm chỗ thấp - nói năng lịch sự nho nhã, Diêu Hưng rất vui lòng, lập tức truyền ban cho bổng lộc giúp đỡ rất nhiều. Sau đó Diêu Hưng nói với Diêu Tung rằng: Đây chính là tiêu điểm dẫn đường cho mọi nơi, đâu chỉ là hàng tùng bách của nghiệp Vệ thôi ư! Thế là danh tiếng lừng lẫy khắp nơi, xa gần đều tôn sùng phẩm đức cao đẹp. Kinh điển do La Thập phiên dịch đều có sự tham khảo cải chính của Tăng Duệ. Xưa kia Trúc Pháp Hộ phiên dịch bộ kinh Chánh Pháp Hoa, đến phẩm Thọ Quyết nói: Trời thấy người - người thấy Trời. La Thập dịch kinh đến đây mới nói rằng: Lời này nghĩa giống với Tây Vức, nhưng bởi ngôn từ quá mộc mạc. Tăng Duệ nói: Mong rằng không phải là người và Trời giao tiếp mà cả hai có thể gặp nhau! La Thập hoan hỷ nói: Thật sự như vậy. Tiêu điểm dẫn đường ấy xuất hiện đều tương tự như vậy. La Thập khen ngợi rằng: Tôi phiên dịch truyền bá kinh luận được cùng với ông gặp nhau thật sự không có gì hối hận. Viết các bài tựa cho Đại Trí Luận - Thập Nhị Môn Luận - Trung Luận, và viết các bài tựa trong các kinh Đại Phẩm - Pháp Hoa - Duy Ma - Tư Ích - Tự Tại Vương - Thiền

Tam Muội..., đều lưu truyền giữa thế gian. Tăng Duệ hoằng dương ca ngợi kinh pháp, luôn luôn hồi hướng nghiệp hạnh này nguyện sanh về cõi An Dưỡng. Thế là đến ngày sắp tạ thế đi vào phòng, tắm gội thắp hương lễ lạt xong trở về giường ngồi, mặt hướng về phía Tây chắp tay mà lìa trần. Ngày này cả chùa đều thấy khói hương ngũ sắc từ phòng Tăng Duệ tỏa ra. Hưởng thọ sáu mươi bảy tuổi.

3. Thời nhà Tấn ở vùng Hoài Dương có Sa môn Chi Hiếu Long, là người vùng Hoài Dương. Tuổi trẻ có phong độ và tư thái được coi là kính trọng, lại thêm thần thái siêu việt luận giải cao xa, dương thời không người nào có năng lực sánh bằng. Kết bạn tri âm cùng với Trần - Lưu - Nguyễn - Chiêm - Dĩnh - Xuyên - Dữu - Khải, người thế gian gọi là Bát Đạt. Lúc ấy có người chế giễu rằng: Đại tấn có Hiếu Long hứng thú với thiên hạ làm tôn chỉ, Sa môn sao không cạo tóc khóac ca sa Thích Tử mà lại mặc áo quần toàn lụa là rực rỡ? Hiếu Long nói: Ôm ấp tất cả mà ung dung, chỉ có yên lặng mà chân thành, cắt tóc phá hủy dung mạo, đổi áo biến chuyển hình hài, người ta nói tôi nhục nhã-tôi bỏ đi người ta vui, vốn vô tâm đối với cao quý mà càng cao quý hơn, vô tâm đối với đầy đủ mà càng đầy đủ hơn. Sự biện giải linh hoạt hơn thời của Hiếu Long đều tương tự như vậy. Cho nên Tôn Xước làm bài ca ngợi rằng:

Nhỏ bé mới dễ mô phỏng,
To lớn khó mà bắt chước,
Hiếu Long luôn như vậy,
Bước đến cảnh giới cao xa,
Vật tranh nhau đến tông quy,
Người nghĩ làm theo nương nhờ,
Suối mây bao phủ mịt mù,
Gió thơm rào rạt quẩn quanh.

4. Thời nhà Tấn có Sa môn Khương Tăng Uyên, gốc người Tây Vức, sanh ra tại Trường An, diện mạo tuy là người Hồ mà ngôn ngữ thật sự là Trung Quốc, dung mạo cử chỉ ngay thẳng, chí hướng sự nghiệp sâu xa. Thời nhà Tấn thành lập cùng với Khương Pháp sướng, Chi Mẫn Độ... cùng nhau vượt sông. Pháp sướng cũng có tài trí qua lại làm chỗ thân thiết, gặp những nhân vật bắt đầu luận bàn nghĩa lý, Pháp sướng luôn luôn cầm cái chổi lông, đi lại mỗi lần gặp khách danh tiếng thì tán dóc suốt ngày. Dữu Nguyên Quy nói với Pháp sướng rằng: Cái chổi lông này vì sao luôn luôn cầm trên tay? Pháp sướng nói: người liêm khiết không cầu, người tham lam không cho, vì vậy cần phải luôn luôn cầm

trên tay. Tăng Uyên cũng biện giải linh hoạt càng vượt xa Pháp sướng. Lúc ấy Gia Vương Mậu Hoằng, vì thấy Tăng Uyên mũi cao mắt sâu, cứ đến là đùa cợt. Tăng Uyên nói: Mũi là núi của khuôn mặt, mắt là vực sâu của khuôn mặt, núi không cao thì không linh thiêng, vực không sâu thì không trong suốt. Người lúc ấy cho rằng có tài đối đáp nổi tiếng khó ai sánh bằng.

Thiên thứ 59: NGU TRANG (ngu dốt).

Thiên này có ba phần: Thuật ý, Bàn Đà, Tạp si.

***Thứ nhất*- PHẦN THUẬT Ý**

Ngu si đần độn, là gốc rễ của mọi thứ bệnh, là nguồn gốc làm chướng ngại đạo, khiến cho mờ mịt trong ba hữu – chìm đắm giữa bốn lưu, sáu tình luôn đóng lại –ba độc luôn mở ra; hỏi đến sướng miệng mở lời thành xằng bậy, quá ngu si không thể giúp đỡ làm cho phấn chấn, thích danh tiếng không thể đầy đủ để đạt mục đích; góp thiện tâm bằng đầu ngọn cỏ, nhổ hung tàn từ nơi nguy hiểm, ngu dốt không phân biệt được cây đậu cây lúa, đâu biết ngu si mê muội là tội lỗi không gì lớn hơn!

***Thứ hai:* PHẦN BÀN ĐÀ**

Như trong Thiện Kiến Luật nói: "Bàn Đà, Trung Hoa nói là Lộ Biên Sanh. Tại vì sao? Bởi vì mẹ của Bàn Đà vốn là con gái gia đình Trưởng giả rất giàu có, Trưởng giả chỉ có một cô con gái này, thương yêu rất sâu nặng, làm lầu cao bảy tầng dành riêng cho con gái, sai một người tôi tớ cung cấp cho những thứ cần dùng. Người tôi tớ trưởng thành được dịp thuận tiện qua lại tư thông với nhau, bèn cùng với người tôi tớ tìm cách lo liệu: Nay thiếp cùng chàng trốn đến nước khác! Ba lần hỏi ý người tôi tớ như vậy, người tôi tớ nói rằng không thể nào đi được. Cô gái nói với người tôi tớ rằng: Nếu chàng không đi thì cha mẹ thiếp biết chắc chắn sẽ giết chàng. Người tôi tớ trả lời rằng: Nếu tôi đi đến nơi khác thì nghèo túng không có của cải, làm sao sinh sống được? Có gái nói với người tôi tớ rằng: Chàng cứ đi theo thiếp, thiếp sẽ lấy trộm châu báu cùng chàng mang đi. Người tôi tớ trả lời rằng: Nếu như vậy thì tôi đi cùng nàng. Cô gái này ngày ngày lấy trộm châu báu đưa cho người tôi tớ, mang ra cất giấu ở bên ngoài. Đoán chừng được đủ gánh dành cho hai người, cô gái khiến người tôi tớ đi ra ở bên ngoài trước cùng đợi nhau. Cô gái này thì mượn áo quần nô tỳ mặc vào khóa trái cửa mà ra ngoài, cùng với người tôi tớ theo nhau rời xa đến nước khác, tìm nơi dừng lại sinh sống. Trong một vài năm thì mang thai sắp sinh con, tâm tự nghĩ rằng: Nay mình ở đây nếu sinh đẻ thì không có ai để sắp xếp giúp đỡ. Suy nghĩ nhớ đến mẹ nên muốn được trở về nhà, cùng với chồng trù tính, nhưng người chồng không đi, nói rằng nếu quay về thì nhất định sẽ giết chết tôi. Người chồng đi vào núi đốn củi không ở nhà, sau đó người vợ đóng cửa mà đi. Người chồng trở về không thấy

vợ mình, liền hỏi hàng xóm có thấy vợ mình không? Đáp rằng: Vợ ông đã đi rồi. Người chồng lập tức đuổi theo đến giữa đường thì gặp, người vợ đã sinh một cậu con trai. Người chồng nói với vợ rằng: Nàng vì sắp sinh cho nên phải đi, nay nàng đã sinh thì đâu cần phải đi chứ? Người vợ nghe lời liền quay về. Sau đó không lâu, lại tiếp tục mang thai, sắp sinh lại ra đi, đến được nửa đường lại sinh một cậu con trai, người chồng đuổi theo giữa đường thì gặp và cùng quay về. Cả hai cậu bé đều sinh ra ở bên đường, cho nên nhân tiện đặt tên là Bàn Đà. Anh em Bàn Đà và các trẻ nhỏ hàng xóm cùng chơi đùa, hai cậu bé mạnh hơn đánh những trẻ nhỏ hàng xóm, những đứa trẻ nắng rằng: Bọn mày không có lục thân quyến thuộc, cô đơn ở nơi này, sao dám đánh bọn tao? Hai cậu bé nghe mắng như vậy trở về nhà khóc tức tưởi, hỏi mẹ về việc này. Mẹ im lặng không trả lời. Hai cậu bé khóc to nức nở không chịu ăn uống. Mẹ thấy hai con không chịu ăn uống nghĩ mà thương con bèn nói cho biết sự thật ấy. Hai cậu bé nghe rồi liền nói với mẹ rằng: Đưa con về nhà ngoại chứ không thể nào ở đây được. Mẹ không đồng ý, hai cậu bé khóc tức tưởi không thôi. Mẹ cùng với chồng trù tính liền cùng nhau đưa đến bên ngoài cổng nhà ngoại, nhờ người báo cho cha mẹ biết. Cha mẹ nghe rồi trả lời rằng: Để hai đứa trẻ đi vào, còn cha mẹ chúng không cần phải gặp mặt. Trưởng giả liền sai người đón hai đứa trẻ vào. Vào nhà rồi lấy nước ấm pha hương tắm rửa - mặc áo quần - đeo chuỗi ngọc, ôm lấy hai đứa trẻ đặt trên hai đùi gối, hỏi rằng: Mẹ cháu ở nơi xứ người sinh sống ra sao, không quá nghèo túng thiếu thốn chứ? Hai đứa trẻ đáp rằng: Ở xứ người nghèo thiếu đốn củi để bán mà tự sinh sống. Người mẹ nghe mà nghĩ thương bèn lấy túi đựng vàng bạc sai người đưa cho con gái, nói cho biết rằng: Con để hai đứa trẻ lại đây mẹ tư nuôi dưỡng chăm sóc, con đem vàng bạc này trở về nơi ở trước đây có thể tự mình sinh sống, không cần phải để cho mẹ gặp mặt làm gì. Hai đứa trẻ lớn lên cưới vợ cho chúng, ông bà tuổi già đến lúc sắp mất, đem tất cả gia nghiệp của mình giao cho hai đứa cháu. Ông bà đã mạng chung, người anh đem việc nhà giao cho người em rồi xuất gia, xuất gia không bao lâu thì đạt được quả vị La hán. Người em chán ngán cõi tục, sau đến nơi người anh mà mong cầu xuất gia, người anh liền độ cho em. Người anh dạy cho một bài kệ, bốn tháng học không thuộc, quên trước mất sau. Người anh trách móc nghĩ rằng: Người này không có duyên với Phật pháp. Thế là bảo nên quay về nhà, liền thâu ca sa đuổi ra ngoài cổng , người em bị đuổi ra ngoài cổng thì đứng lại khóc nức nở không muốn về nhà. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn dùng Thiên nhãn quan sát nhìn các chúng sanh,

thấy Châu La Bàn Đà hợp duyên có thể hóa độ, Ngài liền đi đến người em hỏi vì sao mà khóc. Bàn Đà trả lời đầy đủ với Đức Thế tôn về nhân duyên bị người anh đuổi. Đức Phật biết không phải là khả năng Thanh Văn mà độ được, thế là dẫn đến chỗ khác. Đức Thế tôn an ủi tâm tư Bàn Đà, liến lấy một ít vải bông trắng đưa cho Châu La Bàn Đà và bảo rằng: Con cầm vải bông này hướng về phía mặt Trời mà giũ sạch, nên khởi lên ý nghĩ này: Lấy cáu bẩn - lấy cáu bẩn! Đức Thế tôn dạy bảo xong thì đi vào thôm xóm, thọ nhận sự thỉnh cầu của mẹ Tỳ Xá Khư. Đức Thế tôn đến nửa đường quán sát thấy Bàn Đà sắp đạt được đạo quả, Ngài liền thuyết kệ rằng:

Người đi vào vắng lặng hoan hỷ,
Thấy pháp trong lòng được an lạc,
Trước tiên vui nhất là không giận,
Không làm tổn hại đến chúng sanh.
Thế gian không có dục lạc nào,
Vượt ra khỏi vòng vây ái dục,
Nếu như điều phục được Ngã mạn,
Thì đây là niềm vui bậc nhất.

Lúc bấy giờ Châu la bàn đà, từ xa nghe kệ này liền đạt được quả vị A-la-hán".

Lại trong kinh Tăng Nhất A-hàm nói: "Chu-lợi-bàn-đặc, Đức Phật dạy nắm cái chổi quét (Tảo Tuệ) khiến học thuộc, thuộc chữ Tảo thì quên chữ Tuệ, thuộc chữ Tuệ thì quên chữ Tảo, trải qua mấy ngày mới thuộc được hai chữ Tảo Tuệ. Tiếp tục nói hai chữ Trừ Cấu, Bàn-đặc suy nghĩ: Tro đất gạch đá, nếu trừ bỏ thì được thanh tịnh; phiền não ràng buộc là cấu bẩn, trí tuệ có năng lực diệt trừ, nay mình dùng trí tuệ để quét sạch sẽ các phiền não ràng buộc".

Lại trong Tân bà sa Luận nói: "Người anh giảng dạy một bài kệ Già-đà, trải qua bốn tháng mà học không thuộc được, người anh trách mắng đuổi về. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn trông thấy khóc lóc thật đáng thương, liền dùng thần lực chuyển kệ Già-đà mà người em đã học trước kia, tiếp tục giảng dạy cho biết, lập tức học được thuộc lòng. Qua 4 tháng đã dụng công vất vả, lại được dạy cho bài tụng để trừ sạch bụi bẩn, mà bảo cho biết rằng: Hôm nay có những Tỳ kheo từ nơi khác đến, thì con đều có thể vì họ mà chùi tất cả bụi bẩn trên giày dép cho họ! Tiểu Lộ cung kính vâng theo lời dạy thực hành nghiêm túc. Đến lúc chiều tối có một Tỳ kheo, giày dép dính đất bụi bẩn, Tiểu Lộ vẫn miệt mài lau chùi, một chiếc rất sạch, nhưng một chiếc lau mãi mà không

làm sao sạch được, liền dấy lên nghĩ rằng: Vật bên ngoài dính đầy bụi bẩn, tạm thời hãy còn có thể chùi sạch, ví như tham dục sân si và những cáu bẩn bên trong, vấy nhiễm lâu dài nơi tâm nhờ vào đâu mà có thể sạch được? Lúc dấy lên ý niệm này, thì quán bất tịnh và trì tức niệm liền hiện rõ ở trước mắt, tiếp theo thứ tự liền đạt được quả vị A-la-hán. Hỏi: Tiểu Lộ vì duyên gì mà ám độn như vậy? Đáp: Tôn giả Tiểu Lộ, ở trong giáo pháp của Đức Phật Ca-diếp Ba xưa kia, thọ trì đầy đủ ba Tạng của Đức Phật, bởi vì cáu bẩn tham tiếc giáo pháp che lấp tâm tư mà không hề giản giải cho người khác, nghĩa lý lĩnh hội từ lâu bị bỏ quên, do nghiệp ấy cho nên nay phải chịu quả báo vô cùng ám độn như vậy. Có nơi nói rằng: Tôn giả ấy đã từng ở trong thành Bà la ni tư làm người buôn heo, trói năm trăm con heo chuyển đến đặt trên thuyền vượt sông đến bờ bên kia, đến lúc xuống thuyền, bởi vì hơi thở không thông cho nên năm trăm con heo đều đã chết; bởi vì nghiệp lực ấy mà bị ám độn như vậy. Có nơi nói rằng: Tôn giả ấy xưa ở trong đời khác, đã từng bít chặt cửa hang của loài thú Cù Đà, khiến không vượt ra ngoài được, mà chết ở trong hang, bởi vì nghiệp ấy cho nên ám độn như vậy”.

Lại trong kinh Xứ Xứ nói: “ Đức Phật dạy: Xưa kia Tỳ kheo Chu-lợi-bàn-đặc, học hỏi trải qua hai mươi bốn năm, chỉ được năm chữ Nhiên Giải Câu Bất Ưu. Tại vì sao? Bởi vì túc mạng vốn có, lại được thấy năm trăm Đức Phật thảy đều biết thông suốt các kinh, nhưng bởi vì cất giấu kinh đạo không chịu chỉ bày cho người khác. Về sau bị bệnh hai mươi bốn ngày, lúc sắp chết mới hối hận gọi người dạy cho. Nhờ có một chút phước thiện này cho nên biết được năm chữ, huống hồ đem tất cả giảng dạy cho người, thì phước thiện có được không thể kể hết”.

Lại trong kinh Pháp Cú nói: “Thời Đức Phật tại thế có một Tỳ kheo tên là Chu-lợi-bàn-đặc, lúc mới làm người xuất gia bẩm tính rất ám độn, Đức Phật bảo năm trăm vị A-la-hán ngày ngày dạy dỗ, trong ba năm không được một bài kệ. Bốn chúng đệ tử trong nước đều biết người này thật ngu tối. Đức Phật thương xót dạy cho một bài kệ: Giữ miệng giữ ý thân đừng phạm, thực hành như vậy được độ thoát. Nay ông tuổi già mới thuộc được một bài kệ, mọi người đều biết đó không lấy gì làm lạ, bây giờ Ta sẽ giải thích về nghĩa lý ấy cho ông. Bỗng nhiên tâm tư thông suốt đạt được quả vị A-la-hán. Lúc ấy vua Ba-tư-nặc cung thỉnh Đức Phật và chúng Tăng, thiết hội tại chánh điện. Đức Phật muốn hiện rõ uy thần của Bàn-đặc, đưa bình bát khiếm ôm theo sau mà đi. Lính giữ cổng biết Bàn-đặc nên giữ lại không cho đi vào, nói rằng: Ông làm Sa môn mà một bài kệ không thuộc được, làm sao thọ nhận cúng dường,

tôi là người phàm tục mà còn biết được bài kệ, huống là Sa môn mà không có trí tuệ, bố thí cho ông chẳng ích lợi gì cho nên không cần phải bước vào cổng. Bàn-đặc liền dừng lại bên ngoài cổng. Đức Phật an tọa trên chánh điện rửa tay lau mặt đã xong, Bàn-đặc nâng bình bát duỗi cánh tay từ xa mà trao cho Đức Phật. Nhà vua và quần thần – phu nhân – Thái tử cùng 4 chúng đệ tử trong pháp hội, trông thấy cánh tay đưa vào mà không thấy thân hình người ấy, cảm thấy quái lạ mà thưa hỏi Đức Phật: Đây là cánh tay của người nào? Đức Phật bảo rằng: Chính là cánh tay của Tỳ kheo Bàn-đặc có đức có tài ấy mà. Thế là thỉnh vào chánh điện uy thần gấp bội thường ngày. Nhà vua thưa với Đức Phật rằng: Nghe Tôn giả Bàn-đặc bổn tánh ngu si đần độn mới biết được một bài kệ, duyên gì mà đắc đạo? Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Học không cần phải nhiều – thực hành mới là bậc nhất, Bàn-đặc có tài có đức hiểu được nghĩa của một bài kệ, tinh hoa lý lẽ với thần thái, thân miệng ý vắng lặng, thanh tịnh như vàng ngọc cõi Trời; tuy là học nhiều mà không thực hành thì chỉ có mất ý thức tâm tưởng chứ có lợi ích gì đâu! Ngay sau đó Đức Thế tôn liền thuyết kệ rằng:

Tuy học thuộc ngàn chương,
Câu nghĩa không chính xác,
Không bằng một điểm chính,
Nghe có thể diệt ý.
Tuy học thuộc ngàn lời,
Không biết nghĩa ích gì,
Không bằng một ý nghĩa,
Nghe thực hành giải thoát.
Tuy học thuộc nhiều kinh,
Không hiểu nghĩa ích gì?,
Hiểu nghĩa một câu pháp,
Thực hành nên đắc đạo.

Cùng nghe kệ này có hai trăm Tỳ kheo đạt được quả vị A-la-hán, nhà vua và quần thần - phu nhân - Thái tử, mọi người đều hoan hỷ ”.

Lại trong kinh Pháp Cú Dụ nói: “Xưa có một nước tên là Đa ma la, cách đô thành bảy dặm có một tinh xá, có năm trăm Sa Môn thường ở trong đó đọc tụng kinh điển hành đạo. Có một Tỳ kheo già tên gọi Ma-ha-lô, là người rất ám độn, năm trăm Đạo nhân thay nhau cùng chỉ dạy, trong mấy năm Trời không học được một bài kệ, mọi người cùng khinh chê không mong cùng gặp gỡ nhau, mà thường cho trông giữ tinh xá sai khiến quét dọn rác rưởi. Sau đó vào ngày Quốc vương thỉnh các

Đạo nhân vào cung cúng dường, Tỳ kheo Ma-ha Lộ tự nghĩ rằng: Mình sống giữa thế gian mà ám độn như vậy, không biết một bài kệ nên bị mọi người khinh rẻ, sống có ích gì? Thế là nắm dây thừng đi đến dưới cây to trong vườn phía sau muốn tự thắt cổ chết. Đức Phật dùng Đạo nhãn từ xa trông thấy như vậy, hóa làm Thọ thần hiện ra nửa thân người mà trách mắng rằng: Tỳ kheo quái gở, vì sao làm như vậy? Ma-ha-lô bèn trình bày đầy đủ mọi nỗi đắng cay. Hóa thần trách rằng: Không được làm điều này, hãy tạm thời nghe Ta nói! Vào thời xa xưa lúc Đức Phật Ca-diếp tại thế, ông làm Sa môn thông suốt Tam Tạng, có năm trăm đệ tử cho mình là người nhiều trí tuệ mà khinh mạn mọi người, tham tiếc ý nghĩa kinh điển mà không giảng dạy chỉ bày, vì vậy đời đời sanh ra các căn ám độn, chỉ nên tự trách mình chứ tại sao tự coi rẻ mình? Ngay sau đó Đức Thế tôn hiện bày hình tượng thần thông sáng chói, vì Tỳ kheo mà thuyết kệ rằng:

Người tự quý thân mình,
Giữ gìn thật cẩn thận,
Hy vọng muốn giải thoát,
Học đích thực không ngủ.
Thân là vật quý nhất,
Nên tự mình gắng học,
Lại mới dạy cho người,
Không biết mệt là trí.
Học trước phải sửa mình,
Sau đó sửa cho người,
Điều phục thân vào tuệ,
Ắt trở lại bậc cao.
Thân không lợi ích được,
Sao có thể lợi người,
Tâm điều phục ngay thẳng,
Nguyện nào không đạt được?
Trước do mình tạo ra,
Sau chính mình nhận lấy,
Làm ác tự mình chịu,
Như thép xuyên qua ngọc.

Tỳ kheo Ma-ha-lô thấy Đức Phật hiện thân tướng sáng ngời, buồn vui xem trong sợ hãi, rập đầu lạy dưới chân Đức Phật, tư duy nghĩa lý bài kệ, liền đi vào Định ý đạt được quả vị A-la-hán, tự biết túc mạng vô số đời kiếp của mình, Tam Tạng kinh điển tức thì xuyên suốt trong

tâm. Đức Phật bảo với Ma-ha-lô: Khoác y ôm bát đến Vương cung thọ được, ngồi ở phía trên năm trăm Đạo nhân, nghĩa Đạo nhân này là năm trăm đệ tử đời trước của ông, lại vì họ thuyết kinh khiến đạt được dấu tích của đạo, và làm cho Quốc vương sáng tỏ tin vào tội phước! Lập tức vâng theo lời Đức Phật dạy mà đi thẳng vào Vương cung ngồi ở chỗ phía trên. Mọi người trong lòng cảm thấy lạ không rõ nguyên cớ, tất cả theo ý nhà vua không dám quở trách gì, nghĩ rằng người ngu si đó không hiểu được tâm bố thí làm cho mệt mỏi. Nhà vua liền bưng thức ăn tự tay mình đặt vào mà suy nghĩ xem xét sự việc này là thế nào. Ma-hô-lô liền nói về bố thí cho mọi người nghe, âm thanh giống như sấm động – ngôn từ trong trẻo giống như mưa tuôn. Đạo nhân trên chỗ ngồi kinh sợ tự hối hận, đều đạt đến quả vị La hán; thuyết pháp cho nhà vua không có gì không giải thích rõ ràng, văn võ bá quan đều đạt được quả vị Tu-đà-hoàn".

Thứ ba- PHẦN TẠP SI

Đập muỗi: Trong Thập Tụng Luật nói: "Đức Phật thuyết kinh Bổn Sanh cho các Tỳ kheo rằng: Quá khứ có người nhuộm áo hói đầu, cùng với con trai mang áo đến bên bờ nước giặt giũ rồi phơi khô mang trở về. Lúc bấy giờ Trời rất nóng nên mắt tối sầm, giữa đường gặp một tán cây, bèn lấy bọc áo gối dưới mà ngủ. Có con muỗi bay đến hút máu trên đầu người ấy, cậu con trai thấy cha rất mệt nỏi đã nằm ngủ, thì phát ra Ác ý mắng rằng: Con muỗi ti tiện xấu xa này, tại vì sao đến hút máu cha ta? Liền cầm cây gậy to sắp đánh con muỗi. Con muỗi bay đi mà gậy đánh vào đầu, người cha chết tại chỗ. Lúc ấy Thọ thần liền thuyết kệ rằng:

Thà rằng cùng người trí tuệ kết thù,
Chứ không thân thiết với người ngu,
Ngu vì muỗi mà hại đến cha,
Muỗi bay mà đánh vỡ đầu cha".

Đập ruồi: Trong kinh Hiền Ngu nói: "Trong nước Xá Vệ có một ông lão xuất gia, đứa con nhỏ thì làm Sa di, cùng với cha đi vào thôn khất thực, thôn xa Trời tối, cha già đi chậm, người con sợ thú dữ nên giúp người cha đi nhanh, đẩy cha ngã xuống đất lập tức mà chết. Đức Phật dạy: Ta biết tâm con không có Ác ý, không nhận chịu tội lỗi sát hại, đây là do thời quá khứ người cha bị bệnh đang nằm ngủ, có nhiều ruồi nhặng bay đến liên tục quấy nhiễm làm cho phiền muộn. Người cha khiến đuổi ruồi, ruồi bay đến trên trán người con, liền dùng gậy đánh ruồi nhưng lại giết chết con mình, cũng không phải vì Ác ý mà nay

trở lại trả báo lẫn nhau thôi".

Cứu vầng trăng: Trong Tăng Kỳ Luận nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Vào thời quá khứ có khu thành tên gọi Ba-la-nại, nước tên gọi Già Thi, ở nơi rừng sâu vắng lặng có năm trăm con khỉ đi khắp nơi trong rừng, đến dưới một cây Ni câu luật, dưới tán cây có cái giếng, trong giếng có vầng trăng ảnh hiện. Lúc ấy con khỉ đầu đàn trông thấy hình ảnh vầng trăng này liền nói với bầy đàn rằng: Vầng trăng hôm nay chết mà rơi vào trong giếng, nên cùng nhau kéo lên, đừng để cho thế gian tối tăm trong đêm dài! Cùng nhau bàn luận rằng: Làm sao có thể kéo lên được? Lúc ấy con khỉ đầu đàn nói: Tôi biết cách kéo lên, tôi nắm lấy cành cây, mọi người nắm lấy đuôi tôi, lần lượt nối tiếp nhau mới có thể kéo lên. Lúc ấy những con khỉ trong đàn lập tức như lời khỉ đầu đàn nói, lần lượt nắm lấy nhau, một lát chưa đến mặt nước, chuỗi dây khỉ thì nặng mà chành cây thì yếu nên gãy lìa, tất cả những con khỉ rơi vào trong giếng nước. Lúc bấy giờ Thọ thần liền thuyết kệ rằng:

Những con thú này thật ngốc nghếch,
Bầy đàn khờ dại cùng theo nhau,
Vì thế tự sanh ra khổ não,
Sao có thể cứu được vầng trăng?

Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Con khỉ đầu đàn lúc bấy giờ nay chính là Đề-bà-đạt-đa. Bầy khỉ lúc bấy giờ nay chính là Lục quần Tỳ kheo. Lúc bấy giờ đã từng trải qua tùy thuận với nhau nhận chịu những khổ não, bây giờ lại như vậy.

Ghen ghét hình ảnh Trong kinh Tạp Thí Dụ nói: "Có hai vợ chồng đến gần vò rượu bồ đào muốn lấy rượu trong vò, hai vợ chồng cùng nhau trông thấy hình ảnh của mình, cả hai người ghen nhau và nói rằng giấu người nào ở trong vò. Hai người đánh nhau đến chết không thôi. Lúc ấy có Đạo nhân thấy sự tình như vậy bèn đập vỡ vò rượu, rượu đã không còn mà hai người cũng không có, ý hiểu ra biết là hình ảnh nên trong lòng rất hổ thẹn. Tỳ kheo liền nói cho nghe về pháp quan trọng, hai vợ chồng đều đạt đến địa vị A Duy Việt trí. Đức Phật dùng làm ví dụ, trông thấy hình ảnh mà đánh nhau là ví như người trong ba cõi, không biết năm ấm - bốn Đại đều là Khổ-Không, thân phát sinh ba Độc mà sanh tử không dứt".

Phân y: Trong Thập Tụng Luận nói: "Đức Phật trú tại nước Kiều tát la, cùng với Đại Tỳ kheo Tăng an cư. Có hai Tỳ kheo già, hết mùa Hạ có được nhiều đồ vật bố thí, tự nghĩ rằng người ít mà đồ vật nhiều, không dám phân chia, sợ rằng phạm vào tội ấy. Tỳ kheo Bạt Nan-đà

biết chuyện nên đi đến chia phần, hỏi hai Tỳ kheo rằng: Ông có được y mà phân chia chưa vậy? Đáp rằng: Chưa phân chia được. Hai Tỳ kheo già hỏi rằng: Ông có thể phân chia hay không? Đáp rằng: Có thể, trong này nên làm yết ma! Liền mang y và đồ vật đến đặt ở phía trước, Bạt Nan-đà phân ra làm ba nhóm, giữa hai Tỳ kheo này đặt một nhóm, tự mình đến đứng giữa hai nhóm y mà nói rằng: Ông nghe tác pháp yết ma!

Hai người các ông nhận một nhóm, như vậy hai ông có đủ ba,

Hai nhóm gộp lại thuộc về tôi, như vậy mình tôi có cả ba.

Hỏi rằng: Yết ma như vậy được không? Đáp rằng: Được! Bạt Nan-đà gánh y sắp đi, Tỳ kheo kia nói: Đại đức Thượng tọa ơi, y và đồ vật chúng tôi chưa phân chia! Bạt Nan-đà nói: Cho ông phân chia, người biết cách nên tặng cho một chiếc y đẹp. Người kia nói: Sẽ tặng cho! Bạt Nan-đà từ giữa nhóm này lấy chiếc y rất giá trị đặt vào một nơi, còn lại phân ra làm hai phần, phân chia rồi gánh đi.

Các Tỳ kheo nghe rồi thưa với Đức Phật, Đức Phật quở trách nhiều rồi bảo với các Tỳ kheo: Bạt Nan-đà này không chỉ đời này mới chiếm đoạt, mà đời trước cũng đã chiếm đoạt, đó chính là ở đời quá khứ trong một eo sông có hai con rái cá, bắt được con cá chép to trong dòng sông nhưng không làm sao chia phần được. Hai con rái cá canh giữ, có con Dã Can đến uống nước, thấy hai con rái cá bèn nói rằng: Các cháu ở nơi này làm những gì? Rái cá đáp rằng: Cậu ơi, chúng cháu bắt được con cá chép này ở đại eo sông này nhưng không làm sao chia phần được, cậu có thể chia phần được không? Dã Can nói: được chứ, trong này nói kệ phân làm ba phần. Liền hỏi rái cá rằng: Các cháu, ai là người thích vào chỗ cạn? Đáp rằng: Là rái cá kia. Hỏi rằng: Ai thích vào chỗ sâu? Đáp rằng: Là rái cá kia. Dã Can nói: Các cháu nghe ta nói kệ:

Vào chỗ cạn nên cho cái đuôi,
Vào chỗ sâu nên cho cái đầu,
Phần thịt thân hình nằm ở giữa,
Nên giao cho người biết cách chia.
Dã Can ngậm thân cá quay về,

Dã Can mái nói kệ:

Ông từ nơi nào đi về đây,
Đầy miệng được thân cá giữa sông,
Chẳng có đầu - có đuôi như vậy,
Thịt cá chép ăn thật là ngon?

Dã Can đực nói kệ rằng:

Người có tướng nói năng tiếp xúc,
Mà không biết phương pháp phân biệt,
Người có khả năng biết phân biệt,
Như quan che giấu những cái được,
Cá chép không có đầu - có đuôi,
Vì vậy cho nên tôi được ăn.

Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Hai con rái cá lúc ấy nay chính là hai Tỳ kheo già. Con Dã Can lúc ấy nay chính là Bạt Nan-đà. Bạt Nan-đà này đời trước đã từng chiếm đoạt, đời này lại chiếm đoạt làm thành lầu cao".

Trong kinh Bách Dụ nói: "Xưa kia có người ngu si đần độn không biết gì, đến nhà người giàu có thấy ba tầng lầu cao rộng nghiêm trang tráng lệ, liền dấy lên nghĩ rằng: Mình có tiền của không thua kém người kia, tại sao không làm nhỉ? Thế là kêu thợ mộc mà hỏi rằng: Biết làm nhà vua kia không? Thợ mộc đáp rằng: Nhà ấy do tôi làm. Nhân tiện nói rằng: Nay hãy làm cho tôi! Thợ mộc liền đào đất đắp thành làm lầu. Người ngu si thấy đắp thành bèn nói với thợ mộc rằng: Tôi không muốn làm hai tầng dưới, trước tiên hãy làm tầng nhà cao nhất kìa. Thợ mộc đáp rằng: Không bao giờ có chuyện này, đâu có chuyện không làm tầng cuối dưới thấp mà làm được tầng thứ hai kia, không làm tầng thứ hai thì làm sao tiến hành tầng thứ ba được? Người ngu si khăng khăng nói: Tôi không cần hai tầng dưới mà nhất định phải làm tầng trên cho tôi! Người lúc ấy nghe rồi thì sinh ra quái lạ mà cười nhạo. Vì như bốn chúng đệ tử của Thế tôn mà không chịu khó tu tập cung kính Tam bảo, lười nhác buông trôi mà lại mong cầu đạo quả, không mong ba quả vị dưới thấp mà chỉ muốn đạt được quả vị A-la-hán thứ tư, cũng bị người đương thời giễu cợt, như hạng người ngu si kia không có gì khác nhau. Không dựa theo thứ tự Tam Thừa mà trước tiên học Đại thừa cũng lại như vậy, cho nên trong kinh Phật Tạng nói: "Không trước tiên học theo Tiểu Thừa sau đó học theo Đại thừa thì không phải là đệ tử Phật".

Mài dao: Trong kinh Bách Dụ nói: "Xưa có một người, bần cùng khốn khổ làm việc cho nhà vua, ngày tháng kéo dài thân thể gầy yếu, nhà vua thấy thương xót ban cho một con lạc đà chết. Người bần cùng có được rồi lập tức lột da, hiềm nỗi dao cùn cho nên tìm đá muốn mài dao. Thế là lên trên lầu cao tìm được một hòn đá mài, mài dao cho sắc đi xuống mà lột da. Như vậy nhiều lần đi lại mài dao, sau đó chuyển sang khổ vì sợ không có khả năng lên lầu nữa, bèn treo con lạc đà trên lầu ngay nơi hòn đá mài dao, thật là làm trò cười cho thiên hạ. Giống

như người ngu si phá hủy cấm giới, dùng nhiều tiền bạc để mà tu phước, hy vọng được sanh lên cõi Trời mà trái lại phải chịu tai ương của mình. Như treo con lạc đà trên lầu mài dao, dụng công rất nhiều mà có được rất ít lợi ích".

Bán hương: Trong kinh Bách Dụ nói: "Xưa có Trưởng giả đi vào biển lấy hương Trầm Thủy, tích góp cả năm Trời mới được một xe, đến chợ mà bán. Bởi vì hương Trầm Thủy có giá đắt đỏ cho nên cuối cùng không có ai mua. Nhiều ngày không bán được nên tâm sinh ra mệt mỏi chán nản, thấy người ta bán than thì bán được mau chóng, bèn đốt cháy làm than bán được giá trị không bằng nửa xe; người ngu si giữa thế gian cũng lại như vậy, có vô lượng phương tiện chịu khó cầu mong Phật quả, chỉ vì khó đạt được liền sanh tâm lùi bước, không bằng phát tâm cầu quả Thanh Văn, mau đoạn tuyệt sanh tử làm bậc A-la-hán".

Đánh cược bằng cái bánh: Trong kinh Bách Dụ nói: "Xưa có hai vợ chồng có ba cái bánh, vợ chồng cùng phân chia mỗi người ăn một cái, còn lại một cái để dành, cùng nói lời yêu cầu rằng: Nếu ai có nói trước thì không cho ăn bánh. Đã đưa ra yêu cầu rồi thì vì một cái bánh cho nên hai người không dám nói. Lát sau có giặc cướp vào nhà trộm cướp lấy tiền bạc của cải trong nhà, tất cả mọi thứ đều thuộc về tay giặc cướp. Hai vợ chồng bởi vì trước đã yêu cầu cho nên mắt nhìn không nói năng gì. Giặc cướp thấy không nói năng gì thì chiếm đoạt người vợ trước mặt người chồng, người chồng mắt trông thấy lại cũng không nói gì. Người vợ thì gọi to là có giặc cướp, nói với người chồng rằng: tại sao người ngu si vì một cái bánh mà thấy giặc cướp không kêu lên? Người chồng vỗ tay cười nói: Cô vợ quái gở ơi, tôi đã giành được bánh không thể chia cho em đâu. Người đời nghe chuyện không có ai là không chê cười giễu cợt. Người phàm phu cũng lại như vậy, vì một chút danh lợi mà trá hiện im lặng cao siêu, để cho các loại ác tặc phiền não hư giả thừa cơ chiếm đoạt, đánh mất thiện pháp của mình mà rơi vào ba nẻo dữ, cũng không sợ hãi cầu mong con đường vượt khỏi thế gian, còn vui đùa mê mãi với 5 dục, cho dù gặp phải khổ đau vô cùng cũng không lấy gì làm lo sợ, giống như hạng người ngu si kia không có gì khác".

Sợ vợ: Trong Kinh Bách Dụ nói: " Xưa có một người lấy hai cô vợ xinh đẹp, nếu gần gũi một cô này thì bị một cô kia nổi nóng, không làm sao xử lý êm đẹp được, thế là ở giữa hai cô vợ đích thân nằm ngữa không cử động. Gặp Trời mưa to mái nhà lâu ngày bị dột, nước và đất cùng giọt xuống rơi vào trong mắt. Bởi vì trước đó có yêu cầu nên không dám ngồi dậy tránh đi, thế là khiến cho đôi mắt bị mất ánh sáng. Phàm

phu thế gian cũng lại như vậy, gần gũi bạn bè tà vạy quen thói làm điều phi pháp, tạo ra nghiệp chướng oán kết rơi vào ba đường ác hiểm, ở mãi trong sanh tử làm mất ánh sáng mất trí tuệ, giống như ông chồng ngu si kia vì hai bà vợ của mình cho nên cả hai con mắt đều bị mù".

Ngậm gạo: Trong kinh Bách Dụ nói: "Xưa có một người đến nhà người vợ, trông thấy người ta giã gạo thì đi đến chỗ ấy trộm gạo ngậm vào miệng. Người vợ đến thấy chồng muốn cùng chồng trò chuyện, trong miệng đầy gạo nên cũng không nói năng gì được, xấu hổ với vợ cho nên không chịu nhả ra, vì vậy không nói gì cả. Người vợ cảm thấy quái lạ sao không trò chuyên, đưa tay sờ xem, nói là miệng chồng bị sưng, nên nói với cha mình rằng: Chồng con mới đến, bất ngờ bị sưng miệng, cũng không làm sao trò chuyện được. Người cha vợ lập tức gọi thầy thuốc chữa trị. Lúc ấy thầy thuốc nói rằng: Bệnh này rất nặng trạng thái giống như đá nhét chặt, dùng dao cắt mổ mới có thể chữa lành được mà thôi. Lập tức lấy dao mổ toạc miệng ra, gạo từ bên trong chảy ra làm sáng tỏ sự việc. Người thế gian cũng lại như vậy, làm những việc xấu xa phạm vào giới thanh tịnh, che giấu lỗi lầm của mình không chịu bày tỏ rõ ràng, rơi vào địa ngục ngạ quỷ súc sanh, giống như người ngu si kia vì một chút xấu hổ cho nên không chịu nhổ gạo ra, lấy dao mổ miệng mới bày ra lỗi lầm của mình.

Bắt chước: Trong kinh Bách Dụ nói: "Xưa có một người muốn làm vừa ý, nhà vua hỏi người khác rằng: Làm sao để vừa ý nhà vua? Có người nói cho biết rằng: Nếu muốn làm vừa ý nhà vua thì ông nên bắt chước hình dáng của nhà vua. Người này thấy mắt nhà vua nheo, thì bắt chước nhà vua nheo mắt. Nhà vua hỏi rằng: Ông bị bệnh chăng, hay là trống gió chăng, vì sao mà mắt bị nheo? Người ấy trả lời nhà vua rằng: Tôi không bị bệnh về mắt, cũng không bị trúng gió, muốn làm vừa ý nhà vua, thấy mắt nhà vua nheo cho nên bắt chước nhà ấy mà. Nhà vua nghe nói vậy thì nổi giận đùng đùng, sai người lập tức đuổi ra khỏi đất nước. Người thế gian cũng như vậy, ở trong Phật pháp muốn được gần gũi, cầu mong thiện pháp để tự tăng trưởng cho mình. Đã được gần gũi mà không hiểu Như lai Pháp Vương vì chúng sanh cho nên dùng các loại phương tiện thị hiện những lỗi lầm thiếu sót, liền sinh ra giễu cợt hủy báng học theo những điều không đúng. Vì nguyên nhân này, ở trong Phật pháp vĩnh viễn đánh mất thiện căn của mình, rơi vào ba đường ác, giống như người ngu kia bắt chước nhà vua cũng lại như vậy".

Sợ cây: Trong kinh Bách Dụ nói: "Ví như con Dã Can ở bên dưới tán cây, gió thổi cành gãy rơi xuống trên lưng nó, thế là nhắm mắt

không muốn thấy cây, rời bỏ mà đi đến ở nơi trống trải, thậm chí tối ngày cũng không chịu trở về; từ xa trông thấy gió thổi cành cây đung đưa từ trên xuống dưới, thì nói là cây gọi mình quay về dưới tán cây. Đệ tử ngu si cũng lại như vậy, đã được xuất gia được gần gũi thầy dạy, vì một chút trách mắng thì lập tức tránh xa, tiếp tục về sau thì gặp phải ác tri thức, não loạn mãi không thôi mới chịu trở về bên thầy dạy. Đi về như vậy thật sự là người ngu si mê hoặc".

Tụng rằng:

Lưới ái giăng đầy tâm tối đen,
Tham si trái ngược với trí minh,
Tuy được nhờ đuốc tuệ soi chiếu,
Mà ngu muội hãy còn mù mắt.
Gàn bướng luôn luôn không giác ngộ,
Chủng tử trí tuệ chưa nảy mầm,
Tự mình không ngưỡng mộ bạn hiền,
Sao có thể thức tỉnh tâm tư?

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 54

Thiên thứ 60: TRÁ NGỤY

Thiên này có 6 phần: Thuật ý, Trá thân, Trá độc, Trá quý, Trá bố, Trá súc.

Thứ nhất- PHẦN THẬT Ý

Đến với đạo nhiệm mầu không ngăn cách quý tại lời nói trung thực. Vì vậy phát ra lời nói tốt lành thì ngàn dặm thuận theo, phát ra lời nói không tốt thì bên cạnh như điếc; nhưng dòng giáo pháp lưu truyền đến thời kỳ cuối cùng thì nhân - pháp giả dối suy tàn, hoặc dựa vào Chân để tạo thành giả, hoặc tô điểm giả dối để lừa làm Chân, bởi vì lòng người tà - chánh lẫn lộn cho nên pháp nối liền cả Chân và Tục. Danh và lợi đã tiếp cận thì Ngã và Nhân càng tràn trề, thân quyến hiện tại hãy còn không giúp đỡ, huống hồ xưa nay xa lạ không quen biết, cho nên khó mà kết bạn. Do đó trong kinh nói: "Tâm ngay thẳng là đạo tràng". Vốn là không hư giả chút nào!

Thứ hai- PHẦN TRÁ THÂN (Giả làm người thân).

Như kinh Tạp Bảo Tạng nói: "Tất cả những người gian trá xảo quyệt nịnh hót giả dối phỉnh phờ mê hoặc, bên ngoài hình dáng tựa như chân thật mà lòng dạ bên trong gian trá vô cùng, vì vậy người có trí cần phải quan sát thật- giả rõ ràng. Bởi vì như xưa kia có Bà-la-môn, tuổi đã già mà ham lấy vợ bé, cô vợ chê chồng già kề bên dâm dật mãi không thôi, khuyên chồng mở hội mời những hạng Bà-la-môn trai trẻ. Chồng nghi ngờ có điều xằng bậy nên không chịu mời đến. Con của người vợ trước rơi vào trong lửa, lúc bấy giờ vợ bé mắt nhìn thấy mà không giữ lại. Bà-la-môn nói: Nay con rơi vào lửa tại sao không giữ lại? Vợ bé liền đáp rằng: Thiếp từ nhỏ tới giờ chỉ gần chồng mình chứ không gần người đàn ông khác, tại sao khiến thiếp phải nắm lấy người đàn ông này? Ông chồng già nghe rồi, nói như lời ấy, liền mở hội lớn quy tụ

những Bà-la-môn. Lúc bấy giờ, cô vợ trẻ thì cùng thông đồng với nhau, ông chồng già trông thấy rồi lòng dạ vô cùng căm hận, liền lấy vật báu bỏ vợ mà đi. Đi đến giữa đường gặp một Bà-la-môn, liền làm bạn với nhau, đến chiều tối cùng nhau trú lại. Sáng sớm đi trước, nói với Bà-la-môn già rằng: Đêm qua ở lại nơi nhà ấy có một lá cỏ dính vào áo quần tôi, tôi từ nhỏ đến nay không chạm đến vật gì của thế gian, muốn mang lá cỏ trả lại cho người chủ ấy, ông tạm thời ở lại đợi tôi quay về. Bà-la-môn già rất tin lời đó, sinh lòng cung kính gấp bội, hứa là sẽ đứng đợi. Kẻ lừa gạt cầm lá cỏ đi vào khe nằm ngữa, rất lâu mới quay lại, nói rằng trả lá cỏ rồi. Bà-la-môn già bởi vì muốn đại tiện, cho nên liền lấy vật báu mà đưa nhờ giữ giùm. Kẻ lừa gạt ngay sau đó ôm vật báu mà chạy. Bà-la-môn già thấy trộm mất vật báu của mình nên than thở tiếc rẻ mãi không thôi. Một lát tiếp tục đi về phía trước, nghỉ chân dưới một tán cây, thấy một con chim Quán Tước trong miệng ngậm cỏ, nói với những con chim rằng: Chúng ta cùng thương xót lẫn nhau, tụ tập lại một nơi mà cùng chung sống với nhau. Bấy giờ những con chim đều tin lời đó mà tụ tập lại. Lúc ấy con chim Quán Tước hướng về nơi sau khi những con chim bay đi, đến ổ chim khác mổ trứng mà ăn, khi những con chim sắp đến thì lại tiếp tục ngậm cỏ. Những con chim biết là phỉnh nịnh nên tất cả bỏ mà đi. Ở dưới tán cây này tiếp tục trải qua một lúc, thấy một người ngoại đạo xuất gia thân khóac áo bá nạp, đi từng bước chầm chậm mà miệng nói hãy đi đi? Ngoại đạo đáp rằng: Tôi là người xuất gia thương xót tất cả chúng sanh, sợ tổn thương sâu kiến cho nên như vậy mà thôi. Lúc bấy giờ Bà-la-môn già thấy người đó nói lời này rồi thì sanh lòng tín ngưỡng sâu sắc. Tìm đến nhà ấy ở lại đêm trong nhà ấy, nhưng nghe tiếng đàn ca xướng hát, liền ra ngoài nhìn xem, mới thấy người ngoại đạo xuất gia đứng tại nhà đó, có một chỗ hỗng bên trong có phụ nữ, cùng đi lại vui vẻ với nhau, cùng đánh đàn múa may bỡn cợt bên nhau. Bà-la-môn già thấy rồi, vạn vật giữa thiên hạ không có một cái gì đáng tin, cho nên nói kệ rằng:

Không nắm tay người đàn ông khác,
Đem ngọn cỏ trả lại người chủ,
chim Quán Tước giả vờ ngậm cỏ,
Ngoại đạo sợ tổn thương sâu kiến,
miệng nói oang oang hãy đi đi,
Mọi giả dối lửa phỉnh như vậy,
đều không có gì đáng tin cả,
Khổ đời sau thật là khó tưởng".

Vì thế trong kinh Niết-bàn nói: "Đức Phật dạy: Như Ta ngày xưa đã thuyết kệ rằng:

Tất cả sông suối khe sâu, ắt có uốn khúc quanh co,
Tất cả rừng rậm núi cao, ắt có cây cối to lớn,
Tất cả người nữ trên đời, ắt có nịnh hót gièm pha,
Tất cả không bị ràng buộc, chắc chắn sống trong an lạc".

Thứ ba- **PHẦN TRÁ ĐỘC**

Như kinh Tạp Bảo Tạng nói: "Lúc ấy Đề-bà-đạt-Đa làm đủ loại nhân duyên, muốn giết hại Đức Phật nhưng không thể nào hại được. Lúc ấy ở nước Nam Thiên Trúc có Bà-la-môn đi đến, khéo biết chú thuật hòa hợp thuốc độc. Đề-bà-đạt-đa liền đến học cách pha chế thuốc độc để rải trên Đức Phật, gió thổi thuốc độc này ngược lại rơi trên đầu mình, lập tức mê man bất tỉnh ngã nhào xuống đất sắp chết, thầy thuốc không thể chữa trị được. A-nan thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn, Đề-bà-đạt-đa bị thuốc độc sắp chết. Đức Phật thương xót cho nên nói lời chân thật rằng: Ta từ lúc là Bồ-tát thành Phật đến nay, đối với Đề-bà-đạt-đa thường sanh khởi Từ bi chứ không có ác tâm cho nên thuốc độc sẽ tự nhiên không còn. Ngoài nói lời này xong thì thuốc độc lập tức tiêu hết. Các Tỳ kheo thưa: Thưa Đức Thế tôn thật là hiếm có, Đề-bà-đạt-đa luôn luôn khởi tâm ác đối với Như lai, tại sao Như lai hãy còn cố ý cứu chữa? Đức Phật dạy: Không những hôm nay có ác tâm đối với Ta, mà thời quá khứ cũng như vậy. Ngay lúc ấy thưa hỏi Đức Phật rằng: Ác tâm đối với Đức Phật, sự việc ấy như thế nào? Đức Phật bảo rằng: Thời quá khứ trong nước Ca Thi có thành Ba-la-nại, có hai Phụ Tướng, một vị tên là Tư Na, một vị tên là Ác ý. Tư Na thường thuận theo pháp hành, Ác ý luôn luôn gây ác hạnh thích làm điều gièm pha xúc xiểm, mà nói với nhà vua rằng: Tư Na muốn làm điều ác nghịch. Nhà vua lập tức bắt giam, chư Thiên thiện thần ở giữa hư không phát tiếng mà nói rằng: Người tài đức như vậy thật sự không có lỗi lầm gì, tại sao bắt giam? Lần thứ hai Ác ý cướp kho tàng của nhà vua nhưng đặt vào chỗ của Tư Na, nhà vua cũng không tin. Nhà vua nói: Bắt Ác ý này giao cho Tư Na mong Tư Na quyết định qiúp cho! Tư Na liền khuyên bảo Ác ý đến sám hối nhà vua. Ác ý tự biết mình có tội, bèn đi đến chỗ vua Tỳ-đề-hê, làm một cái tráp bằng vật báu chứa hai con rắn độc, thấy độc đầy đủ khiến vua Tỳ-đề-hê sai sứ giả chuyển tặng cho vua nước ấy và Tư Na, hai người cùng xem chứ không chỉ cho người khác biết. Nhà vua trông thấy cái tráp bằng vật báu trang hoàng rất đẹp, tâm vô cùng hoan

hỷ, lập tức gọi Tư Na muốn cùng mở ra xem. Tư Na trả lời rằng: Vật từ xa đưa đến không được tự mình xem, hoa quả thức ăn từ xa đưa đến không được tự mình ăn, tại vì sao? Bởi vì nơi ấy có người ác, hoặc là có thể dùng vật xấu ác để làm cho bị tổn thương. Nhà vua nói: Ta nhất định muốn xem. Ba lần can ngăn rất ân cần, nhưng nhà vua không chịu nghe lời. Lại thưa với nhà vua rằng: Không cần đến lời can ngăn của ha thần thì nhà vua tự xem một mình, hạ thần không thể nào xem được. Nhà vua liền mở xem, hai mắt tối mù không trông thấy vật gì. Tư Na ưu sầu khổ sở tiều tụy muốn chết, sai người đi khắp nơi qua các nước xa xôi tìm kiếm thuốc tốt. Đã có được thuốc hay để chữa trị đôi mắt của nhà vua, thế là bình phục như cũ.

Đức Phật bảo rằng: Nhà vua lúc bấy giờ chính là Xá-lợi-phất ngày nay. Tư Na lúc bấy giờ chính là thân Ta hôm nay. Ác ý lúc bấy giờ chính là Đề-bà-đạt-đa ngày nay".

Thứ tư- PHẦN TRÁ QUÝ

Như trong Tăng Kỳ Luật nói: "Đức Phật bảo các Tỳ kheo: Vào thời quá khứ, có thành tên là Ba-la-nại, nước tên là Ca Thi. Lúc ấy có Phất-lô-hê là Đại học sĩ Bà-la-môn, làm Thầy của Quốc vương thường dạy học cho năm trăm đệ tử. Bấy giờ trong nhà Bà-la-môn có một đầy tớ tên là Ca-la-ha, thường sai khiến cung cấp đồ dùng cho các Đồng tử, đầy tớ này lợi căn tớ tên là Ca-la-ha, thường sai khiến cung cấp đồ dùng cho các Đồng tử, đầy tớ này lợi căn nghe lời thuyết pháp đều có thể nhớ hết. Đầy tớ này trong một lúc cùng với các Đồng tử có chút xích mích, bèn đi đến nước khác, tự mình giả dạng nói rằng: Tôi là con của Bà-la-môn Phất-lô-hê, tên là Da nhã đạt đa. Nói với vị Thầy nước này rằng: Tôi là con của Bà-la-môn Phất-lô-hê thầy của vua nước Ba-la-nại, cố ý đi đến đây muốn theo Đại Sư học pháp Bà-la-môn. Vị Thầy trả lời rằng: Có thẻ như vậy. Đầy tớ này thông minh trước đã từng nghe, nay tiếp tục nghe lại, nghe đều có thể nắm giữ. Vị Thầy ấy rất thích, bèn khiến giảng dạy cho năm trăm môn đồ: Ông thay Ta giảng dạy, Ta phải đi đến chỗ Vương gia. Vị Thầy này không có con trai, chỉ có một cô con gái, liền nói cho biết rằng: Này Da Nhã Đạ Đa nên nghe lời Ta, ông đừng trở về nước, nay Ta đem con gái gả cho ông. Đáp rằng: Xin thuận theo lời dạy! Cùng nhau làm cho đời sống trong gia đình dần dần dồi dào vui sướng. Da Nhã Đạt là người khó thích hợp, vợ làm thức ăn nhưng luôn luôn bị mắng là sống - chín không làm sao vừa miệng được. Người vợ thường nghĩ rằng: Nếu như có người đi đường từ nước Ba-la-nại đến, sẽ

theo người ấy học cách làm đồ ăn thức uống sau đó cung dưỡng chồng mình tốt hơn. Bà-la-môn Phất-lô-hê kia, nghe tất cả sự việc này, liền dấy lên nghĩ rằng: Đầy tớ Ca Ma-ha của mình trốn ở nước khác, nên đến bắt về, hoặc có thể đi thẳng đến nước kia gặp xem sao. Lúc ấy đầy tớ cùng với các môn đồ đến khu vườn dạo chơi, đang trên đường thì từ xa nhìn thấy chủ cũ, thế là kinh hãi bí mật nói với môn đồ: Các người trở về hãy tự mình học hành luyện tập! Môn đồ đi rồi liền đến trước mặt chủ cũ, đầu mặt lạy dưới chân thưa với người chủ rằng: Con đến nước này nói Đại gia là cha của con, nhân tiện tìm đến vị Thầy của nước này học nhiều kinh điển, gả con gái làm vợ, mong Đại gia hôm nay đừng làm rõ sự tình của con, hãy cho đầy tớ trực tiếp phụng mạng với Đại gia chủ của con! Bà-la-môn khéo hiểu sự đời bèn trả lời rằng: Ông thật là con Ta, hãy sớm đưa Ta đi. Đầy tớ liền dẫn chủ mình trở về nhà, nói với mọi người trong nhà rằng: Cha của tôi đến. Người vợ vui mừng làm đủ các loại đồ ăn thức uống, dâng cơm nước xong rồi đợi lát sau rảnh rỗi, kín đáo lễ lạy dưới chân Bà-la-môn mà thưa hỏi rằng: Con tôn kính hầu hạ chồng cung dưỡng đồ ăn thức uống luôn luôn không vừa ý, mong cha chỉ bày cho lúc trước ở nhà ăn uống như thế nào, sẽ như cách trước kia để làm đồ ăn thức uống. Bà-la-môn khách tức thì giận dữ mà dấy lên nghĩ rằng: Như vậy như vậy làm khốn khổ con gái người ta! Con hãy nhanh chóng chuẩn bị cho Ta lên đường, lúc Ta sắp đi sẽ dạy cho con một bài kệ khiến chồng không nói gì nữa. Cô gái nghe lời vui vẻ xin phép mà lui ra. Ngay lúc ấy nói với chồng rằng: Cha vốn từ xa đến nên sớm đưa cha trở về. Người chồng liền nghĩ rằng: Như vợ mình đã nói nên sớm đưa đi đừng để ở lại lâu, sợ rằng nói lộ chuyện thì mình tổn hại không ít. Thế là đưa cho nhiều tiền bạc đồ vật bảo vợ làm bữa cơm tự mình làm cơm đưa tiễn cha. Người chồng là người đứng đầu mọi người, tìm bạn không ở nhà được. Người vợ dâng cơm nước xong lễ lạy dưới chân Từ biệt mà thỉnh cầu bài kệ đã hứa. Bà-la-môn liền dạy cho bài kệ rằng:

Không thân thích đi đến phương xa,
Lừa dối phỉnh phờ người thiên hạ,
Thức ăn dở thì vẫn thường ăn,
Thức ăn ngon còn chê nỗi gì.

Nay cho con bài kệ này, nếu lúc chồng con giận dữ chê thức ăn dở, thì con ở bên chồng hay sau lưng tụng nhỏ làm cho nghe thấy! Dạy bảo như thế xong thì trở về nước mình. Đầy tớ này đưa chủ cũ đi rồi, cứ đến giờ ăn vẫn trở lại giận dữ, vợ ở bên cạnh chồng thử tụng bài kệ ấy,

chồng nghe kệ này thì tâm không vui, liền dấy lên nghĩ rằng: Lão già quái gỡ này nói ra những tồi tệ của mình với người khác chăng? Từ đó về sau thường nói lời mềm mỏng cầu mong với vợ chứ không gận dữ, sợ rằng vợ đến chỗ người ta nói hết xấu xa đen tối của mình. Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Chủ cũ Phất-lô-hê Bà-la-môn lúc ấy chính là thân Ta bây giờ. Đầy tớ Ca-la-ha lúc ấy nay chính là Tỳ kheo Xiển đà. Người ấy vào lúc bấy giờ đã từng cậy thế Ta lấn át người khác, nay lại như vậy, cậy vào thế lực của Ta mà lấn át coi thường người khác".

***Thứ năm*- PHẦN TRÁ BỐ**

Như trong Trí Độ Luận nói: "Tất cả các pháp là hư dối, chúng sanh ngu si không biết thân sơ, giận dữ mắng nhiếc cho đến giành lấy mạng sống, dấy lên tội lỗi sâu nặng này cho nên rơi vào ba đường ác nhận chịu vô lượng khổ đau. Ví như trong núi có một chùa Phật, trong đó có một căn phòng tách biệt, trong phòng có con quỷ nhiều lần đến dọa nạt làm phiền muộn Đạo nhân, cho nên các Đạo nhân đều bỏ phòng mà đi. Có một khách Tăng đến, Duy-na phân chỗ khiến đến ở căn phòng này, mà nói cho biết rằng: Trong phòng này có quỷ thần thích làm phiền người ta, có thể ở được trong đó thì ở. Khách Tăng tự cho mình có khả năng trì giới và đa văn cho nên nói: Quỷ nhỏ có khả năng gì quấy nhiễu được, tôi có thể làm cho khuất phục. Thế là đi vào phòng mà ở. Chiều tối lại có một vị Tăng đến cầu xin ở lại nơi này. Duy-na cũng khiến ở lại trong phòng này, cũng nói cho biết là có quỷ não loạn người. Người đó cũng nói: Quỷ nhỏ có gây ra điều gì, tôi sẽ làm cho hàng phục. Người vào trước đóng cửa ngồi nghiêm trang chờ quỷ, người đến sau giữa đêm tối gõ cửa xin vào. Người vào trước nói rằng chính là quỷ nên không mở cửa, người đến sau hết sức gõ cửa. Đạo nhân ở bên trong dùng sức chống lại, người bên ngoài mạnh hơn đẩy cửa vào được. Người bên trong đánh - người bên ngoài cũng đánh, đến sáng trông thấy nhau thì chính là bạn cùng học ngày xưa, nhận biết nhau rồi thì ai cũng hổ thẹn nhận lỗi với nhau. Mọi người tụ tập lại cười mà cảm thấy quái lạ. Chúng sanh cũng lại như vậy. Năm ấm đều giả dối không có Ngã - không có Nhân, lại đấu tranh với nhau thật tàn khốc mà còn làm hại rất ác hiểm, nếu bị chém chặt nằm trên mặt đất thì chỉ có xương thịt, chứ không có Nhân - không có Ngã. Vì vậy Bồ-tát nói với chúng sanh rằng: Các người đừng đánh nhau ở trong chỗ vốn không có gì, thân người hãy còn không có được, huống hồ mong gặp Phật!"

***Thứ sáu*- PHẦN TRÁ SÚC**

Như trong kinh Cựu Tạp Thí Dụ nói: "Xưa có người phụ nữ giàu có, rất nhiều vàng bạc, cùng với người đàn ông đi lại kết giao, đem hết vàng bạc áo quần đồ đạc cùng đi theo nhau. Đến bên một dòng sông nước chảy xiết, người đàn ông nói rằng: Em mang tiền bạc của cải đến, anh vượt qua trước rồi sẽ quay lại đón em. Người đàn ông qua rồi thì đi luôn không trở lại, người phụ nữ đứng một mình bên dòng nước buồn lo khổ sở không người nào có thể cứu được, chỉ thấy một con cáo hoang bắt được một chim ưng, lại thấy cá sông mà bỏ chim ưng để nhặt cá, cá đã không có được mà lại mất chim ưng vốn có. Người phụ nữ nói với con cáo rằng: Sao mày quá ngu si ham bắt cả hai mà không có được một cái? Con cáo nói: Tôi ngu si hãy còn được, cô ngu si còn hơn cả tôi kìa!"

Lại trong Tăng Kỳ Luật nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Vào thời quá khứ, mưa trái thời liên tục bảy ngày không dứt, các loài vật chăn thả suốt bảy ngày không ra ngoài. Lúc ấy có con sói đói bụng đi tìm thức ăn, đi qua bảy thôn cũng không có được gì, thì tự trách mình rằng: Sao phận mình bạc phước thế này, đi qua bảy thôn cũng không có gì ăn được, không bằng giữ trai ở lại trong núi rừng. Tự mình đào hang chú nguyện rằng: Khiến cho tất cả chúng sanh đều được yên ổn. Sau đó thu thân mình lại ngồi yên nhắm mắt. Đế Thích đến ngày trai, cưỡi Y La Bạch Long Tượng đi quan sát thế gian, xem người nào trì giới - người nào phá giới, đến núi kia thấy con sói nhắm mắt tư duy, thì dấy lên nghĩ rằng: Quái lạ thay, con sói là loài thú thật là lạ lùng, con người hãy còn không có tâm như vậy, huống là con sói này là lòai thú mà có thể như vậy ư! Nhân tiện muốn thử để biết thực hư thế nào. Đế Thích liền đổi thân hóa làm một con dê, đứng ở trước cửa hang, cao tiếng gọi bầy. Lúc ấy con sói thấy con dê thì dấy lên nghĩ rằng: Kỳ lạ thay báo ứng của phước thiện trai giới bỗng nhiên đến, mình đi khắp bảy thôn tìm thức ăn không có được, nay giữ trai trong chốc lát thì cơm ngon tự nhiên xuất hiện, nhà bếp cung cấp đã đến, chỉ nên ăn xong sau đó lại giữ trai. Thế là đi ra ngoài hang hướng về chỗ con dê. Con dê thấy con sói đến thì kinh hãi bỏ chạy, con sói lập tức đuổi theo con dê mà không dừng lại. Duổi theo đã xa thì con dê hóa thành con chó, miệng vuông tai cụp quay lại đuổi theo con sói, cất tiếng sủa dữ dằn. Con sói trông thấy con chó chạy đến thì sợ hãi bỏ chạy. Con chó vội vàng đuổi theo, vội chạy hết sức mới thoát được. Trở về đến trong hang thì dấy lên nghĩ rằng: Mình muốn ăn thịt con dê thì con chó lại muốn ăn thịt mình. Bấy giờ Đế

Thích lại ở trước hang con sói, làm con dê què chân mà đứng kêu gào. Con sói dấy lên nghĩ rằng: Trước đây là con chó, mình đói mệt hoa mắt nói đó là con dê, nay đã trông thấy đây thật sự là con dê. Lại tiếp tục quan sát kỹ càng, thấy tai, sừng và bộ lông, thực sự là con dê, liền đi ra đuổi theo. Con dê lại kinh hãi bỏ chạy, đuổi nhanh đến lúc sắp bắt được lại hóa làm con chó, quay lại đuổi theo con sói cũng lại như trước, mình sắp ăn thịt con dê nhưng con chó lại muốn ăn thịt mình. Lúc ấy Thiên Đế Thích liền ở trước hang con sói, hóa làm con dê non, kêu bầy gọi mẹ thảm thiết, con sói liền giận dữ nói rằng: Ông làm khúc thịt Ta hãy còn không ra, huống là làm con dê non mà muốn lừa được Ta ư? Lại tiếp tục giữ trai lắng lòng tư duy. Lúc ấy Thiên Đế Thích biết tâm niệm con sói vẫn còn giữ trai, nhưng vẫn làm con dê non đứng ở trước hang con sói, con sói liền nói kệ rằng:

Nếu như thật sự chính là dê,
Hãy còn cố tình không thể ra,
Huống là lại làm điều hư vọng,
Để dọa ta sợ giống như trước,
Thấy ta trở lại giữ trai rồi,
Ông lại đến để thử thách ta,
Giả sử đó là một miếng thịt,
Ta hãy còn không thể nào tin,
Huống là hóa làm con dê non,
Mà giả vờ kêu tiếng be be.

Ngay sau đó Đức Thế tôn bèn thuyết kệ rằng:

Nếu như có người đã xuất gia,
Tâm trì giới xoay chuyển bập bềnh,
Không thể nào lìa bỏ lợi dưỡng,
Thì giống như con sói giữ trai".

Lại trong Ngũ Phần Luật nói: "Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Quá khứ lâu xa trước kia có một Ma Nạp, ở trong hang đá tụng sách của hàng Sát Lợi, có một con cáo hoang ở hai bên chỗ ấy, chuyên môn nghe tụng sách mà tâm có sự hiểu biết, dấy lên nghĩ rằng: Mình hiểu được sách này, nói ra đủ có thể làm vua trong các loài thú. Nghĩ như vậy rồi liền đứng dậy đi lang thang khắp nơi, gặp con cáo hoang gầy ốm, liền muốn giết hại. Con cáo kia nói: Tại vì sao giết tôi? Đáp rằng: Ta là vua các loài thú, ông không hàng phục ta thì ta sẽ giết ông. Con cáo kia nói: Xin đừng giết tôi, tôi sẽ đi theo ông. Thế là hai con cáo liền cùng nhau lang thang khắp nơi, lại gặp một con cáo vẫn muốn giết hại, hỏi đáp như

trước, cũng nói thuận đi theo. Như vậy lần lượt khuất phục tất cả loài cáo, liền dùng bầy cáo khuất phục tất cả loài voi, lại dùng bầy voi khuất phục tất cả loài hổ, tiếp tục dùng bầy hổ khuất phục tất cả sư tử, liền giành quyền được làm vua. Đã làm vua rồi lại dấy lên nghĩ rằng: Nay mình làm vua trong các loài thú, không nên lấy loài thú làm vợ. Thế là cỡi voi trắng dẫn theo các bầy thú đông không kể xiết, vây quanh khu thành Ca di mấy trăm ngàn vòng. Nhà vua sai sứ giả ra hỏi nguyên cớ: Các bầy thú chúng mày tại vì sao như vậy? Con cáo hoang đáp rằng: Tôi là vua các loài thú phải lấy con gái ông làm vợ, gả cho tôi thì tốt, nếu không gả cho tôi thì tôi sẽ tiêu diệt đất nước của ông. Trở lại thưa bày như vậy, nhà vua tập trung quần thần cùng bàn bạc, chỉ trừ ra một vị quan còn lại đều nói là nên gả cho, nguyên cớ thế nào? Bởi vì sự trông đợi của đất nước chỉ nhờ vào voi ngựa, ta có voi ngựa mà bên kia thì có sư tử, voi ngựa ngửi thấy mùi sư tử đã kinh hoàng nằm xuống sát đất, đánh nhau thì chắc chắn không bằng mà sẽ bị tiêu diệt, sao tiếc một cô gái mà tan tác cả đất nước? Lúc ấy một vị Đại Thần thông minh nhìn sâu xa mọi việc, bèn thưa với nhà vua rằng: Hạ thần xem xét từ xưa đến nay chưa hề nghe thấy chuyện con gái của vua cõi người gả cho loài thú vật thấp hèn, hạ thần tuy ngu muội kém hèn mà cần phải giết con cáo này, khiến các bầy thú đều bỏ chạy tan tác. Nhà vua liền hỏi rằng: Kế sách đưa ra thế nào? Đại Thần đáp rằng: Nhà vua chỉ giao hẹn ngày nào đánh nhau, trước tiên nên từ phía kia yêu cầu một nguyện vọng, mong là khiến cho sư tử đánh nhau trước mà gầm gào sau, bên kia cho rằng ta sợ ắt phải khiến sư tử gầm gào trước mà đánh nhau sau, nhà vua đến ngày đánh nhau nên trong cho trong thành đều phải nhét chặt đôi tai. Nhà vua làm theo lời ấy sai sứ giả giao hẹn ngày đánh và cầu như nguyện vọng trên. Đến ngày hẹn đánh nhau lại sai sứ giả yêu cầu giữ chữ tín, sau đó mới ra quân. Độ quân đi đầu sắp giao chiến thì quả nhiên con cáo hoang lệnh cho sư tử gầm gào trước. Con cáo hoang nghe tiếng gầm mà tim vỡ thành 7 phần, liền từ trên mình voi ngã nhào xuống đất, thế là bầy thú trong chốc lát bỏ chạy tán loạn. Đức Phật dùng chuyện này mà thuyết kệ rằng:

Con cáo hoang kiêu mạn vô cùng,
Mong muốn tìm cầu quyến thuộc mình,
Đi đến cung thành của Ca di,
Tự xưng mình là vua loài thú;
Con người kiêu mạn cũng như vậy,
Thống lĩnh tất cả các đồ chúng,

Ở tại đất nước Ma Kiệt kia,
Pháp chủ cũng tự mình xưng gọi.

Vua Ca di lúc bấy giờ chính là Thân Ta ngày nay. Đại Thần thông minh trí tuệ lúc ấy chính là Xá-lợi-phất bây giờ. Con cáo hoang làm vua lúc ấy nay chính là Điều Đạt. Các Tỳ kheo, xưa kia Điều Đạt lừa phỉnh có được quyến thuộc, nay cũng như vậy. Vì thế Đức Phật thuyết kệ rằng:

Người thiện cùng tụ hội thì dễ,
Người ác cùng tụ hội thì khó,
Người ác cùng tụ hội thì dễ,
Người thiện cùng tụ hội thì khó".

Lại trong kinh Phật Bổn Hạnh nói: "Lúc bấy giờ Đức Phật bảo với các Tỳ kheo rằng: Ta nhớ xưa kia, có một dòng sông tên là Ba lợi da đa (Thời Tùy gọi là Bỉ Tiết), lúc ấy bên bờ sông kia có một người, là bậc thầy kết Hoa Man. Người ấy có khu vườn ở bên cạnh dòng sông kia, mà trong dòng sông kia lúc ấy có một con rùa từ dòng nước nổi lên, đến trong vườn tìm kiếm thức ăn, nhưng đi khắp nơi trải qua mọi chỗ đạp nát hoa lá trong vườn. Lúc ấy chủ khu vườn kia thấy con rùa làm hư hoại hoa lá, liền bắt bỏ vào trong một cái lồng muốn mổ thịt mà ăn. Con rùa ấy nghĩ rằng: Làm sao thoát được nạn này, làm cách nào lừa được chủ vườn này? Thế là hướng về chủ khu vườn mà nói kệ rằng:

Tôi từ trong nước nổi lên thân có bùn,
Ông hãy đặt hoa rửa sạch thân thể tôi,
Thân tôi đã có bùn không được sạch sẽ,
Sợ rằng làm bẩn lồng và hoa của ông..

Lúc ấy chủ khu vườn kia dấy lên nghĩ như vậy: Khéo thay con rùa này, khéo nói lời chỉ bày cho mình, nay không thể nào không chọn lấy lời đó, trước tiên mình rửa sạch thân nó đừng để cho bùn làm bẩn lồng và hoa của mình. Dấy lên ý nghĩ này rồi liền tự tay nắm con rùa mang đến nơi dòng nước muốn rửa sạch thân rùa. Lúc này người kia đã đưa con rùa ra ngoài đặt ở trên tảng đá, lấy nước sắp rửa. Lúc ấy con rùa kia phát ra sức lực rất mạnh bất ngờ nhảy xuống dòng nước. Lúc Hoa Man Sư thấy con rùa chìm vào nước, dấy lên nói như vậy: Kỳ lạ thay con rùa này, quả là có khả năng phỉnh phờ đối với mình như vậy, nay mình vẫn có thể phỉnh phờ dụ dỗ con rùa này khiến cho phải nổi lên mặt nước. Lúc ấy Hoa Man Sư liền hướng về con rùa kia mà nói kệ rằng:

Con rùa hiền hậu lắng nghe ý của tôi,
Thân thuộc xưa kia của rùa nay nhiều lắm,

Tôi làm vòng hoa đẹp đeo vào cổ rùa,
Để rùa trở về nhà vui với mọi người.

Lúc bấy giờ con rùa kia dấy lên nghĩ như vậy: Hoa Man Sư này nói xằng bậy lừa gạt mình, mẹ của ông ấy bệnh hoạn nằm liệt giường, em gái ông ta nhặt hoa làm chuỗi, mong bán được để dùng nuôi sống thân mạng, nay nói ra lời này, chắc chắn là lừa gạt mình, muốn ăn thịt mình cho nên dụ mình xuất hiện mà thôi. Lúc ấy con rùa kia hướng về Hoa Man Sư mà nói kệ rằng:

Nhà ông làm rượu muốn quy tụ người thân,
Làm nhiều những món ăn đủ loại mùi vị,
Ông đi vào trong nhà nói lời như vậy,
Thịt rùa nấu rồi mỡ chảy đầy rất ngon.

Lúc bấy giờ Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Này các Tỳ kheo, phải biết rằng con rùa nhảy vào nước lúc ấy chính là thân Ta bây giờ. Hoa Man Sư lúc ấy chính là Ma ba tuần bây giờ. Vào lúc bấy giờ muốn lừa phỉnh mê hoặc đối với Ta nhưng không thể nào chạm đến được, nay lại muốn lừa gạt thì làm sao có thể được?

Tiếp đó Đức Phật bảo với các Tỳ kheo rằng: Ta nhớ xưa kia, ở trong biển lớn có một con rồng lớn, con rồng ấy có vợ thân đang mang thai, bỗng nhiên nghĩ đến muốn ăn tim loài khỉ, vì nhân duyên này mà thân thể gầy ốm, tiều tụy võ vàng trằn trọc run rẩy không yên. Lúc ấy chỉ có con rồng kia thấy thân thể vợ mình gầy ốm nhan sắc tiều tụy như vậy, thấy rồi hỏi rằng: Hỡi người hiện thiện nhân hậu, nàng lo buồn điều gì ý muốn nghĩ đến món ăn nào, ta không nghe nàng đòi món ăn nào từ nơi ta, tại sao như vậy? Lúc ấy con rồng cái im lặng không trả lời. Ông chồng lại hỏi: Nay nàng vì sao không nói gì với ta? Vợ trả lời chồng rằng: Nếu như chàng có thể cho thiếp tùy theo tâm nguyện của mình thì thiếp sẽ nói, nếu như không thể thì thiếp có gì để nói đâu! Chồng lại đáp rằng: Nàng hãy nói thử xem, nếu như có thể hợp lý thì ta sẽ tìm cách kiếm cho bằng được. Vợ liền nói rằng: nguyện vọng của thiếp bây giờ là muốn ăn tim loài khỉ, chàng có thể làm được không? Chồng liền trả lời rằng: Nhu cầu của nàng thì điều này thật khó, vì sao như vậy? Bởi vì ta ở biển rộng mà khỉ ở cây trên núi, làm sao có thể được? Vợ nói rằng: Làm sao đây, nếu không có được vật này thì thai này ắt phải hỏng thôi, thân thiếp không bao lâu sợ rằng sẽ nhận lấy cái chết. Lúc này chồng lại nói với vợ rằng: Hỡi người hiền thiện nhân ái, nàng tạm thời chịu đựng, nay ta sẽ đi tìm, nếu thành tựu việc này thì thật là không thể nào nói được, ta sẽ trao cho nàng, chúng ta đều chúc mừng vui vẻ!

Lúc bấy giờ rồng đực kia liền Từ biển sâu vượt lên đến ở trên bờ, cách bờ không xa có một cây to tên gọi Ưu-đàm-bà-la (Thời Tùy gọi là Cầu Nguyện). Lúc ấy trên cây kia có một con khỉ lớn, đang ở ngọn cây hái quả cây để ăn. Lúc này rồng đực kia đã thấy con khí ở trên cây đang ngồi ăn những quả cây vừa hái, thấy rồi từ từ đến ở dưới cây, đến rồi thì nhân tiện cùng chuyện trò thăm hỏi với nhau, dùng lời hay ho nói rằng: Hỏi thăm sức khoẻ ông khỉ, tốt lành thay tốt lành thay, Bà Tư Sư Tra ở trên cây này làm việc gì vậy, không quá vất vả cần cù chịu đựng khổ não chứ, kiếm ăn dễ dáng có được không mệt nhọc rã rời gì lắm chăng? Con khỉ trả lời rằng: Đúng vậy người nhân ái, nay tôi không chịu đựng khổ não gì nhiều. Con rồng lại tiếp tục hỏi thăm trò chuyện với con khỉ rằng: Ông ở tại cây này ăn uống những thứ gì? Con khỉ trả lời rằng: Tôi ở trên cây Ưu-đàm-bà-la ăn hoa quả của cây này. Lúc ấy con rồng lại nói với con khỉ rằng: Nay tôi gặp ông thật vô cùng hoan hỷ, khắp nơi thân thể chan chứa không làm sao tự kìm mình được, tôi mong muốn cùng ông kết thành bạn tốt - cùng kính mến lẫn nhau, ông theo lời tôi thì cần gì ở lại nơi này, vả lại cây này ít trái không có nhiều lắm, tại sao có thể mong cầu vui vẻ ở nơi này, ông có thể xuống đây đi theo với tôi, tôi sẽ mang ông vượt qua biển rộng, bờ bên kia có khu rừng rộng lớn khác lạ, đủ các loại cây - hoa quả dồi dào lắm. Con khỉ hỏi rằng: Tôi làm sao đến được chỗ ấy, nước biển sâu rộng rất khó vượt qua, làm sao có thể qua được? Lúc ấy con rồng kia trả lời con khỉ rằng: Lưng tôi cõng ông sẽ vượt qua bờ bên kia, nay ông chỉ cần từ trên cây trèo xuống đến cưỡi trên lưng tôi. Lúc bấy giờ tâm con khỉ không còn nhất định nữa, tâm hẹp hòi kém cõi ngu si sanh ra hoan hỷ, từ trên cây mà trụt xuống, leo lên trên lưng con rồng muốn đi theo con rồng. Trong tâm con rồng ấy sinh ra ý niệm như vậy: Tốt lành thay tốt lành thay, nguyện mình đã thành. Lập tức muốn đưa nhau đến chỗ ở của mình, cùng với con khỉ đều chìm xuống nước. Con khỉ hỏi con rồng rằng: này bạn tốt vì sao bỗng nhiên chìm vào trong nước vậy? Con rồng liền trả lời rằng: Vợ tôi mang thai, nàng ấy suy nghĩ như vậy và muốn ăn tim của ông, vì nhân duyên này nên tôi đem ông về. Lúc bấy giờ con khỉ dấy lên nghĩ như vậy: Than ôi, nay mình thật không may mắn, tự nhiên chuốc lấy tai họa vào thân, làm cách nào mà có thể thoát được ách nạn nguy cấp này không mất đi thân mạng của mình? Lại nghĩ như vậy: Mình cần phải lừa con rồng. Dấy lên ý nghĩ này rồi bèn nói với con rồng rằng: Này người bạn tốt lành nhân ái, tim của tôi để lại và cất giữ ở trên cây Ưu-đàm-bà-la, không mang đi theo, người nhân ái vào lúc ấy tại sao không y theo sự thật nói cho tôi

biết là trước mắt cần đến tim của tôi, tôi ngay lúc ấy sẽ mang đi theo, bạn tốt hãy quay trở lại để cho tôi lấy tim, được rồi sẽ quay về! Lúc bấy giờ con rồng kia nghe con khỉ nói rồi, cả hai ra khỏi biển sâu. Con khỉ thấy con rồng ra khỏi mặt nước sắp đến bờ, lúc này con khỉ lập tức gắng hết sức, nhanh chóng nhảy qua, phát ra sức lực mãnh liệt vô cùng từ trên lưng con rồng nhảy xuống, bám vào trên ngọn cây Ưu-đàm-bà-la to lớn kia. Con rồng ở bên dưới đứng chờ một lát, thấy con khỉ nấn ná không xuống, bèn nói với con khỉ rằng: Bạn tốt lành thân mật ơi, ông nhanh chóng xuống đây, cùng với ông đưa nhau đến nhà tôi. Con khỉ im lặng không chịu xuống dưới cây, con rồng thấy con khỉ đã lâu mà không xuống, bèn nói kệ rằng:

Bạn khỉ tốt lành ơi có được tim rồi,
Mong từ trên cây nhanh chóng xuống đi thôi,
Tôi sẽ đưa ông đến khu rừng nơi ấy,
Có nhiều cây cối đủ các loại quả tươi.

Lúc bấy giờ con khỉ dấy lên tư duy rằng: Con rồng này không có trí. Bèn nói kệ rằng:

Mưu của ông rồng tuy có thể sâu rộng,
Mà tâm trí suy nghĩ thật là nông cạn,
Ông hãy xem xét kỹ càng tự suy nghĩ,
Tất cả các loài vật ai không có tim,
Khu rừng kia tuy là hoa quả dồi dào,
Đầy đủ các loại quả quý như Am la...,
Nay ý tôi thật sự không ở nơi ấy,
Thà rằng tự ăn quả cây Ưu Đàm này.

Đức Phật bảo với các Tỳ kheo rằng: Nên biết con khỉ lớn lúc ấy nay chính là thân Ta. Con rồng lúc ấy nay chính là Ma ba tuần. Lúc ấy hãy còn lừa dối mê hoặc đối với Ta mà không thể được, nay lại muốn đem năm thứ dục lạc của thế gian mà đến dụ dỗ Ta, há có thể lay động chỗ ngồi này của Ta ư?"

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: "Xưa có con quạ và con chim Hiêu cùng oán ghét lẫn nhau, con quạ chờ đến ban ngày biết là chim Hiêu không thấy gì, bèn giết hại bầy chim Hiêu để ăn thịt, chim Hiêu thì vào đêm tối biết là mắt quạ như mù, lại đến mổ bầy quạ xé toạc bụng, lại cũng ăn thịt để trả thù, loài thì sợ ban ngày - loài thì sợ ban đêm không có lúc nào chấm dứt. Có một con quạ mưu trí nói với bầy quạ rằng: Đã trở thành thù oán thì không thể cầu mong trừ bỏ, cuối cùng giết hại lẫn nhau làm cho hai bên không được yên ổn, nên tìm

cách tiêu diệt hết loài chim Hiêu, sau đó chúng ta mới có thể vui sướng, nếu không như vậy thì cuối cùng sẽ bị thất bại thảm thương. Bầy quạ đáp rằng: Nên làm cách gì có thể tiêu diệt kẻ thù? Con quạ mưu trí đáp rằng: Bầy quạ các người nhổ bộ lông của tôi - mổ toạc đầu tôi, tôi sẽ sắp xếp kế hoạch cần phải làm cho kẻ thù bị tiêu diệt Tức thì như lời đã nói mà làm, hình hài dung mạo tiều tụy, đi đến ngoài hang chim Hiêu mà tự mình kêu gào thảm thương, nghe tiếng đó rồi liền nói: Nay ông vì sao bị tổn thương mà đi đến chổ tôi? Quạ nói với chim Hiêu rằng: Bầy quạ thù oán tôi không cho tôi sống được, vì vậy đi đến nơi này để tránh oán thù ác hiểm. Lúc ấy chim Hiêu thương xót liến thuận lòng nuôi dưỡng che chở, thường cho thịt còn thừa lại. Ngày tháng trôi qua bô lông đã bình phục, quạ tiến hành kế hoạch rất tinh vi, ngậm cành cây khô và các loại cỏ cây đặt vào trong hang chim Hiêu, giống như là đền ân. Chim Hiêu nói với quạ rằng: Đâu cần phải làm như vậy. Quạ liền đáp rằng: Trong hang trống toàn là đá lạnh, dùng cỏ cây này để phòng khi gió lạnh. Chim Hiêu cho là như vậy nên im lặng không trả lời, mà quạ thì ngay sau đó xin được trông con hang trống để tiến hành cung cấp chu đáo, lấy đó tỏ lòng đền đáp ân tình. Lúc ấy gặp dịp tuyết rơi gió lạnh hun hút, bầy chim Hiêu không suy nghĩ gì cả mà đến tập trung trong hang. Quạ được dịp thuận tiện liền sinh lòng vui sướng, ngậm lửa của người chăn nuôi dùng để đốt cháy hang chim Hiêu. Cả bầy chim Hiêu lập tức bị chết cháy ngay trong hang của mình. Lúc bấy giờ chư Thiên nói kệ rằng:

"Chúng sanh vốn có điều hiềm khích,
Không nên sinh lòng tin thương xót,
Như quạ giả vờ mượn báo ân,
Đốt cháy thân mạng bầy chim Hiêu".

Lại trong kinh Lục Độ Tập nói: "Xưa có Bồ-tát làm thân chim chúa Khổng Tước, nghe theo bạn cũ mà bỏ năm trăm người vợ của mình, muốn lấy Thanh Tước làm vợ. Thanh Tước ấy chỉ ăn quả ngon Cam lộ, Khổng Tước vì vợ mà ngày ngày đi lấy quả cây. Phu nhân của nhà vua nước ấy có bệnh, mộng thấy Khổng Tước nói rằng: Thịt đó có thể làm vị thuốc. Tỉnh giấc rồi kể lại điều nghe được, nhà vua lệnh cho thợ săn nhanh chóng đi tìm loài chim ấy. Phu nhân nói: Có ai có thể bắt được, thì gả con gái út và ban tặng một ngàn cân vàng. Các thợ săn trong nước chia ra khắp nơi đi tìm, trông thấy chim chúa Khổng Tước đi theo một cô Thanh Tước ở nơi thường ăn, bèn lấy bột rang trộn mật đến chỗ ấy xoa trên cây, Khổng Tước nhất định đến lấy để cung cấp cho

vợ mình. Thợ săn lấy bột rang trộn mật xoa trên thân thể ngồi xổm mà chờ. Khổng Tước đến lấy bột rang, người thuận tay bắt được gọn gàng. Khổng Tước nói: Thân ông chịu khó chắc chắn vì lợi dưỡng, tôi chỉ cho ông núi vàng có thể làm vật báu không cùng tận, mong ông tha mạng cho tôi! Thợ săn lại nói: Đại vương ban cho tôi một ngàn cân vàng và gả con gái út cho tôi, há tin lời ông nói hay sao, tôi đã hẹn ngày chuyển dâng ông rồi. Khổng Tước gặp nhà vua, nói rằng: Đại vương lòng dạ nhân hậu làm lợi ích cho mọi nơi, nguyện tiếp nhận lời nói nhỏ bé này, cầu xin được chút nước, tôi dùng lòng Từ chú nguyện, uống vào bệnh sẽ chữa khỏi, nếu như không có hiệu quả thì nhân chịu tội lỗi cũng không muộn. Nhà vua thuận theo ý đó. Phu nhân uống vào thì các bệnh tật đều lành hẳn, nhan sắc sáng ngời như hoa, người trong cung đều như vậy. Cả nước ca ngợi nhà vua rộng lòng thương yêu tha mạng cho Khổng Tước, đạt được tuổi thọ kéo dài của cả một đất nước. Khổng Tước nói: Nguyện được dấn thân vào ở hồ lớn kia và chú nguyện cho nước hồ ấy, làm cho dân chúng được chữa lành mọi bệnh tật, nếu có nghi vọng xin dùng gậy đánh què chân tôi. Nhà vua nói: Có thể thử xem. Khổng Tước làm đúng như lời nói. Nhân dân trong nước uống nước ấy đều được sức khỏe, đui điếc câm ngọng què quặt bại liệt, tất cả các bệnh tật đều được chữa lành. Bệnh của phu nhân trừ khỏi, người trong nước đều được khỏi bệnh đều nhờ vào tâm không tổn hại của Khổng Tước. Khổng Tước biết tất cả hướng đến nhà vua trình bày rằng: Thọ ân nhà vua giữ lại mạng sống, tôi đền đáp cứu giúp tính mạng của cả một đất nước, đền đáp xong xim rút lui. Nhà vua nói: Có thể như vậy. Khổng Tước liền bay lượn vòng rồi đậu lại trên nói rằng: Thiên hạ có ba loại ngu si. Nhà vua nói: Cái gì gọi là ba loại vậy? Khổng Tước nói: Một là tôi ngu si, hai là thợ săn ngu si, ba là Đại vương ngu si. Nhà vua nói: Nguyện giải thích điều ấy! Khổng Tước nói: Giới trọng của chư Phật, dùng sắc làm ngọn lửa, đốt thân tổn hại tính mạng bởi vì tham sắc, tôi bỏ sự cung dưỡng của năm trăm người vợ mà ham theo Thanh Tước, tìm thức ăn cung cấp cho cô ta giống như nô lệ phục dịch, bị cuồng vọng bưng bít mà phải gặp tai ách nguy hiểm đến thân mạng, đây là sự ngu si của tôi. Ngu si của thợ săn là không tin tôi nói lời chí thành bỏ cả một núi vàng, bỏ vật báu vô cùng tận, mà tin theo lời lừa dối tà ngụy của phu nhân, hứa gả cho cô gái út. Nhìn thấy thế gian cuồng vọng ngu si đều tương tự như vậy, phá hủy giới luật chân thành của Phật, tin theo sự lừa dối của ma quỷ mà đam mê rượu chè dâm loạn, hoặc sống trong tai họa nhà tan cửa nát, hoặc chết đi vào địa ngục đời đời, đau khổ vô cùng tận. Suy nghĩ

lại là người giống như chim không có cánh mà muốn bay vút lên Trời cao, há không phải là quá khó ư? Dâm phụ mê hoặc lòng người ví như loài quỷ quái kia, không có ai không vì nó mà mất nước hại thân, nhưng người ngu si tôn sùng; muôn lời không một lời thành thật, mà thợ săn vẫn tin theo. Đây gọi là người thợ săn ngu si. Nhà vua có được vị thuốc linh nghiệm trừ khỏi bệnh tật cho cả đất nước, các chất độc đều bị tiêu diệt - nhan sắc như hoa nở rộ, lớn nhỏ vui mừng nương nhờ, mà nhà vua không tin khi thả tôi ra. Đây gọi là nhà vua ngu si.

Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Chim chúa Khổng Tước ấy từ đó về sau đi khắp nơi thế gian, nhất định là dùng thần dược Từ Tâm bố thí chữa lành bệnh tật cho chúng sanh. Chim chúa Khổng Tước lúc ấy chính là thân Ta bây giờ. Quốc vương lúc ấy chính là Xá-lợi-phất ngày nay. Thợ săn lúc ấy chính là Điều Đạt bây giờ. Phu nhân lúc ấy chính là vợ Điều Đạt ngày nay. Bồ-tát dùng Từ bi trí tuệ cứu độ vô cùng vô tận thực hành bố thí làm lợi ích chúng sanh như vậy".

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: "Đức Phật dạy: Thời quá khứ xưa kia có hồ hoa sen, có nhiều loài chim ở nước cư trú trong hồ. Lúc ấy có con chim Quán Tước ở trong hồ chầm chậm bước đưa cao chân, các loài chim đều nói: Con chim này khéo đi oai nghi chầm chậm thứ tự không khuấy động của không có tính lẳng lơ. Lúc ấy có Thiên Nga trắng bèn nói kệ rằng:

Đưa cao chân mà đi chầm chậm,
Âm thanh phát ra thật mền mại,
Lừa dối ức hiếp ở thế gian,
Ai không biết nịnh hót gièm pha.

Quán Tước nói rằng: Vì sao phát ra lời như vậy, hãy cùng nhau làm cho thân thiện! Thiên Nga trắng đáp rằng: Tôi biết ông nịnh hót gièm pha hoàn toàn không thân thiện, ông muốn biết cứ mặc ý!

Đức Phật bảo rằng: Thiên Nga trắng lúc bấy giờ chính là thân Ta ngày nay. Quán Tước lúc ấy nay chính là Đề-bà-đạt-đa".

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: Đức Phật dạy: Vào thời quá khứ, cạnh núi Tuyết có con gà rừng chúa, dẫn theo nhiều gà dân đi theo bên cạnh, mào gà rất đỏ - thạn thể rất trắng, nói với những gà dân rằng: Các người xa rời thành ấp thôn xóm, đừng qua lại với dân chúng mà bị ăn thịt, chúng ta có nhiều kẻ oán ghét ghen tỵ, hãy tự mình giữ gìn cẩn thận! Lúc ấy trong thôn cóm có một con mèo, nghe nơi ấy có gà thì đi đến tìm hiểu, ở dưới tán cây đi chầm chậm đầu cúi thấp xuống xem xét, mà nói với gà rằng: Tôi là vợ của ông, ông là chồng của tôi, mà thân

hình ông đoan chánh đáng yêu, mào đỏ trên đầu - thân thể đều trắng, tôi tự mình đi theo hầu hạ yên ổn vui vẻ với nhau! Gà nói kệ rằng:

Con mèo mắt vàng loài ngu si bé nhỏ,
Gặp chuyện lòng ác hiểm chỉ muốn ăn thịt,
Không thấy có ai nuôi cô vợ như vậy,
Mà có được thọ mạng yên ổn dài lâu.

Đức Phật bảo rằng: Gà chúa lúc bấy giờ chính là thân Ta ngày nay. Con mèo lúc bấy giờ chính là Đề-bà-đạt-đa hôm nay. Xưa ở quá khứ muốn dụ dỗ lừa phỉnh Ta, ngày nay cũng lại muốn dụ dỗ lừa phỉnh Ta để giành lấy đồ chúng của Ta”.

Tụng rằng:

Gian ngoa lừa dối ngu si,
Khiến tin theo chẳng nghi ngờ,
Giả thân tình đến nương tựa,
Lừa dối để thuận đi theo,
Ngoài thân thiện trong mưu hại,
Đợi chờ cơ hội ra tay,
Cùng nhau chung sống lâu ngày,
Mới biết là lừa dối nhau.

***Thiên thứ 61:* ĐẠO MẠN** (Lười nhác).

Thiên này có 2 phần: Thuật ý, Dẫn chứng.

***Thứ nhất-* PHẦN THUẬT Ý**

Sở dĩ con người không đạt đến đạo, là bởi vì tâm thần tối tăm mê hoặc; sở dĩ tâm thần tối tăm mê hoặc, là bởi vì cảnh vật bên ngoài quấy nhiễu. Có nhiều cảnh vật quấy nhiễu, điều ấy sơ lược có ba: Một là quyền thế danh lợi phù hoa, hai là lẳng lơ không chịu gắng sức, ba là hưởng thụ dục lạc quá mức. Danh lợi phù hoa tuy là sử dụng hàng ngày mà đối với tâm chắc là không có lúc nào cảm thấy mệt mỏi, lẳng lơ không chịu gắng sức mới làm cho ngày càng sâu đậm, hưởng thụ dục lạc quá mức làm cho tích lũy thật khẩn thiết, tất cả mọi việc đều là cành lá của ba điều ấy mà thôi. Thánh nhân biết không đoạn dứt ba điều này do đó cầu đạo không biết từ đâu mà đạt được, giống như nước với lửa, dập tắt và đun nấu thích hợp thì hoạt dụng ấy càng hoàn thiện, tách rời và phân tán tùy tiện thì công lao của nó càng ít ỏi. Vì thế Luận nói: " Tính chất tinh vi thì xu thế sâu nặng, tính chất thô kệch thì hình thế kém cỏi". Do đó suy nghĩ nhận thức kỹ càng, thật sự nhờ công lao chịu khó mà ngộ đạo; lười nhác khinh mạn tùy tiện, bởi vì tham đắm Sắc – Thanh mà ngăn cách với Thánh Hiền. Vì lẽ đó, Thích Thị chấn động trống giáo pháp tại Lộc Uyển, Phu Tử truyền đi âm vang đạo đức ở Trâu Lỗ, hãy còn tai mắt mà không nghe thấy, lẽ nào tâm thức có thể hợp nhau ư?

***Thứ hai-* PHẦN DẪN CHỨNG**

Như trong Tát Bà Đa Luận nói: "Giới là Ba la đề mộc xoa, trong năm đường mà nói, chỉ riêng loài người có được giới, bốn đường còn lại không có được. Như loài Trời vì say đắm dục lạc sâu nặng nên không có năng lực đạt được giới. Như xưa kia có một lúc, Đại Mục-kiền-liên vì đệ tử có bệnh, cho nên lên trên cõi Trời Đạo Lợi để hỏi Kỳ Bà, đúng lúc gặp chư Thiên đi vào khu vườn Hoan Hỷ. Lúc bấy giờ Mục-kiền-liên ở bên cạnh đường đứng chờ, tất cả chư Thiên không có ai ngoái đầu nhìn xem, chỉ riêng Kỳ Bà đến sau, nhìn thấy Mục-kiền-liên nên hướng về đưa lên một tay, cưỡi xe băng qua. Mục-kiền-liên tự nghĩ: Người này trước đây ở trần gian là đệ tử mình, nay được phước báo cõi Trời nhưng vì đắm say dục lạc cõi Trời mà đã mất đi tâm ban đầu. Liền dùng thần lực ghìm xe làm cho đứng lại, Kỳ Bà xuống xe lạy dưới chân Mục-kiền-liên. Mục-kiền-liên quở trách vì nhiều nhân duyên, Kỳ Bà trả lời Mục-kiền-liên rằng: Bởi vì con trước đây trong loài người làm đệ tử của Đại

Đức, cho nên đưa tay lên chào hỏi, có thể thấy chư Thiên có ai như vậy không? Lúc ấy Mục-kiền-liên khuyên nhắc Thích Đề Hoàn Nhân rằng: Thời Phật khó được gặp, sao không thường xuyên gần gũi học hỏi tiếp nhận Chánh Pháp? Đế Thích mong muốn hiểu ý Mục-kiền-liên cho nên sai người truyền gọi một vị Thiên Tử theo lệnh mà đến. Nhiều lần gọi đến mà còn cố tình không đến, sau vì bất đắc dĩ mà phải đến. Đế Thích thưa với Mục-kiền-liên rằng: Thiên tử này chỉ có một Thiên nữ - một món kỹ nhạc để tự mình vui thú, bởi vì say đắm dục tình sâu đậm, tuy là tôn trọng mệnh lệnh nhưng mà không thể nào tự cắt bỏ được, cho nên không chịu đến; huống là làm vị Thiên Vương, lâu dài cung điện nguy nga với vô số Thiên nữ, muốn ăn thì trăm vị tự nhiên hiện ra, có trăm ngàn loại âm nhạc vi diệu để vui thú tự nhiên, nhìn cái này quên cái kia hay sao? Tuy biết rằng thời Phật khó gặp - Chánh pháp khó nghe, mà bởi vì đắm sắc dục lạc nên bị ràng buộc không tự tại được, biết nhưng làm gì được? Ba đường dữ đầy rẫy khổ đau tai họa không có duyên gì đạt được giới. trong loài người chỉ có ba thế giới là đạt được giới, Bắc uất đan việt không có Phật pháp cho nên không đạt được giới, bởi vì phước báo làm cho chướng ngại và vì ngu si cho nên không tiếp nhận được Chánh Pháp vi diệu”.

Lại trong Thiện Kiến Luật nói: “Lúc ấy có Lục quần Tỳ kheo, tự mình ở dưới thấp người thỉnh cầu pháp thì ở trên cao, mà thuyết pháp cho họ. Bởi vì khinh mạn đối với giáo pháp cho nên bị Đức Phật quở trách. Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Xưa kia ở nước Ba-la-nại có một cư sĩ, tên gọi Xa Ba Gia, vợ cư sĩ mang thai nhớ đến quả Am La, nói với chồng mình rằng: Em nghĩ đến quả Am La, anh đi kiếm cho em nhé! Người chồng đáp rằng: Mùa này không có quả, anh làm sao kiếm được? Người vợ nói với chồng rằng: Nếu anh không kiếm được thì em nhất định phải chết thôi. Chồng nghe vợ nói trong lòng tự nghĩ rằng: Chỉ riêng trong khu vườn của nhà vua mới có quả cấy trái mùa, mình sẽ đến đó hái trộm. Dấy lên ý nghĩ này rồi, ngay trong đêm đi vào khu vườn của nhà vua, hái quả chưa được mà mặt Trời đã mọc, không ra khỏi khu vườn được, thế là leo lên cây ẩn trốn. Lúc ấy nhà vua cùng với Bà-la-môn đi vào khu vườn muốn ăn quả Am Bà La. Bà-la-môn ở dưới thấp, nhà vua ở trên tòa cao, Bà-la-môn thuyết pháp cho nhà vua. Người hái trộm quả trốn trên cây tự nghĩ rằng: Mình hái trộm quả thì việc này phải đáng tội chết, nhờ nhà vua nghe Bà-la-môn thuyết pháp cho nên nay mình được thoát nạn, nay mình không có cách gì - nhà vua cũng không có cách gì, Bà-la-môn cũng không có cách gì, tại vì sao? Mình vì vợ cho

nên hái trộm quả của nhà vua, nhà vua vì kiêu mạn cho nên bậc thầy ở chỗ ngồi dưới thấp, mình ở chỗ ngồi trên cao mà nghe thuyết pháp, Bà-la-môn vì tham lợi dưỡng chẳng tự mình ngồi ở dưới thấp mà thuyết pháp cho nhà vua. Nay mình gồm có ba người cùng với nhau không có cách gì, trước mắt mình được thoát nạn. Thế là tụt xuống cây đi đến trước mặt nhà vua mà nói kệ rằng:

Cả hai người không biết cách thức,
Cả hai người không thấy cách thức,
Người dạy không dựa vào cách thức,
Người nghe không hiểu biết cách thức,
Bởi vì tất cả do ăn uống,
Tôi nói là không có cách gì,
Tất cả bởi vì danh và lợi,
Mà phá hủy gia pháp của ông.

Nhà vua nghe kệ này bèn tha tội cho người hái trộm quả. Lúc Ta còn là phàm phu mà còn thấy điều phi pháp, huống là nay đã thành Phật. Các ông là đệ tử thuyết pháp cho người ở dưới thấp hãy nhớ đúng pháp. Người hái trộm quả lúc ấy chính là thân Ta bây giờ".

Lại trong Trí Độ Luận nói: "Như thời Phật Ca-diếp, có hai anh em xuất gia cầu đạo, một người chuyên trì giới tụng kinh ngồi thiền, một người cầu tìm nhiều đàn việt tu dưỡng các phước nghiệp. Đến khi Đức Phật Thích Ca xuất thế, một người sanh vào nhà Trưởng giả, một người làm thân voi trắng to lớn, năng lực có thể phá tan quân giặc. Con Trưởng giả xuất gia học đạo đạt được 6 thần thông thành tựu quả A-la-hán, mà bởi vì phước mỏng cho nên khất thực khó có được. Ngày nọ ôm bình bát đi vào thành khất thực, đi khắp nơi mà không làm sao có được, đến chuồng voi trắng thấy nhà vua cung cấp cho voi đầy đủ các loại, bèn nói với voi rằng: Tôi và ông cùng có tội lỗi. Voi liền cảm động tin theo mà bỏ ăn ba ngày. Người trông voi sợ hãi tìm kiếm Đạo nhân, gặp rồi hỏi rằng: Ông làm phép thuật gì khiến cho voi trắng của nhà vua lâm bệnh không thể nào ăn được vậy? Đáp rằng: Voi này là em trai đời trước của tôi, vào thời Phật Ca-diếp cùng nhau xuất gia học đạo, tôi chỉ trì giới tụng kinh ngồi thiền chứ không thực hành bố thí, em trai tôi chỉ tìm cầu nhiều đàn việt làm những điều bố thí chứ không trì giới - không học hỏi, bởi vì không trì giới tụng kinh ngồi thiền chẳng nay làm thân voi này, vì tu nhiều hạnh bố thí cho nên ăn uống đầy đủ các loại phong phù sung túc. Tôi chỉ hành đạo chứ không tu hạnh bố thí cho nên nay tuy đạt được đạo quả mà khất thực không thể nào có được. Bởi vì điều

này vốn có nhân duyên khác nhau, tuy gặp được thời Phật xuất thế mà vẫn còn nghiệp duyên cho nên phải đói khát".

Lại trong Kinh Bách Dụ nói: "Xưa vào ngày lễ hội chúc mừng của nước khác, tất cả phụ nữ đều mang hoa Ưu-bát-la để làm vật trang điểm cho mái tóc mượt mà. Có một người nghèo khó gặp người phụ nữ nói rằng: Nếu chàng có thể hái được hoa Ưu-bát-la mang đến cho em thì em sẽ làm vợ cho chàng, nếu không có thể hái được thì em bỏ chàng mà đi. Người đó từ trước đến nay thường có sở trường bắt chước tiếng hót của chim Uyên ương, liền đi vào hồ của nhà vua giả làm chim Uyên ương hót vang mà trộm lấy Ưu-bát-la. Lúc ấy người giữ hồ bèn lên tiếng hỏi rằng: Người nào ở trong hồ? Thế là người nghèo khó này buộc miệng đáp rằng: Tôi là chim Uyên ương. Người giữ hồ bắt được mang đến chỗ nhà vua, mà ở giữa đường lại tiếp tục hòa thanh làm tiếng hót của chim Uyên ương. Người giữ hồ nói: Trước đây ông không hót lên mà nay hót lên nào có ích gì? Người ngu si ở thế gian cũng lại như vậy, suốt đời làm thương tổn gây ra những ác nghiệp, không luyện tập tâm hạnh khiến cho điều thuận tốt lành, lúc sắp mạng chung mới nói bây giờ tôi muốn được tu thiện, ngục tốt mang đi giao cho Diêm La Vương, tuy muốn tu thiện mà cũng không còn kịp nữa, giống như người ngu si kia sắp đến chỗ nhà vua mới cất lên tiếng hát của chim Uyên ương".

Lại trong Kinh Bách Dụ nói: "Xưa có Trưởng giả rất giàu, xung quanh muốn lấy lòng Trưởng giả cho nên đều hết mực cung kính. Lúc Trưởng giả nhổ nước bọt, người hầu hai bên lấy chân chà đi. Có một người ngu chà không kịp được, bèn dấy lên nói rằng: Nếu nhổ nước bọt xuống đất thì mọi người chà đi mất, lúc sắp nhổ nước bọt thì mình nên chà trước. Thế là đang lúc Trưởng giả muốn cho họ khạc, thì người ngu này lập tức đưa chân chà miệng Trưởng giả, làm cho tọac môi gãy răng. Trưởng giả nói rằng: Tại vì sao ông chà môi miệng ta? Người ngu trả lời đầy đủ nguyên cớ của mình, vì vậy nước bọt sắp nhổ ra đưa chân chà trước mong vừa ý ông ấy mà. Tất cả mọi điều cần phải hợp thời, lúc thời cơ chưa đến thì gắng gượng dốc hết công sức thực hiện đã không ích gì mà còn nhận lấy vô vàn khổ não. Vì nguyên cớ này, người sống ở thế gian nên biết đúng lúc và không đúng lúc!"

Tụng rằng:

Nhác học hành mê muội ba Giáo,
Người hỏi không biết một chút gì,
Đài hoa khép lại không kết hạt,
Hoa nở sao có được quả tròn?

Sống uổng phí tâm luôn cao ngạo,
Xúc phạm người toàn nghiệp sai trái,
Rơi vào nẻo u ám mịt mù,
Đóng cửa giam vào chốn tối tăm.
Một khi vào đến trăm ngàn năm,
Vạn ức khổ đau luôn bức bách,
Đứng trước biển khổ chẳng biết gì,
Còn bởi vì lười nhác phải chịu.
Thánh nhân khéo chọn lấy ví dụ,
Ngu - trí cần phải biết rõ luật,
Anh hùng lúc khinh mạn phép tắc,
Làm sao biết hối hận hôm nay?

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra 8 chuyện: 1. Để Thế Thường phụng pháp thời Tấn; 2. Trang Tử; 3. Liệt Nữ truyện; 4. Văn Tử; 5. Tôn Khanh Tử; 6. Diêm Thiết Luận; 7. Tấn Bình Công; 8. Luận Hoành.

1. Thời nhà Tấn có Để Thế Thường, đến giữa thời Tấn Thái Khang có người rất giàu. Lúc ấy cấm người Tấn làm Sa môn. Thế Thường phụng pháp không sợ lệnh cấm đã ban ra, bí mật ở trong nhà xây dựng tinh xá cúng dường Sa môn. Lúc ấy Pháp Lan cũng ở trong đó, Tỳ kheo đến không ngại gì. Sau có vị Tăng đến, dung mạo hình dáng thô lậu - áo quần rách rưới - chân dính bùn đất, Thế Thường liền đến làm lễ, sai người hầu rửa chân cho Tăng. Vị Tăng nói: Thế Thường tự tay rửa đâu cần gì đến người hầu! Thế Thường nói: Bệnh không rửa được, để người hầu-làm thay mình. Vị Tăng không đồng ý, Thế Thường ngầm mắng mà bỏ đi. Vị Tăng hiện ra thân hình cao tám thước, dung mạo uy nghi sáng ngời vút lên cao mà đi mất. Thế Thường vỗ ngực tự nhiên ngã nhào giữa bùn đất. Tăng Ni trong nhà và người đi đường khoảng năm mươi-sáu mươi người, trông thấy giữa hư không mấy chục trượng rõ ràng, mùi hương kỳ lạ ngào ngạt còn lại trong nhà cả tháng.

2. Trang Tử nói: "Người mà không học, nói đó là thân thịt hiện có; học mà không thực hành, thân mạng đó gọi là cái túi đựng vật mà thôi".

3. Liệt Nữ Truyện nói: "Lạc Dương Tử ở vùng Hà Nam, đã từng đi đường nhặt được vàng người ta đánh rơi mang về đưa cho vợ. Vợ nói: Thiếp nghe bậc chí sĩ không uống trộm nước suối, người liêm khiết không chịu ăn thức ăn nơi khác đưa đến, huống hồ nhặt của rơi cầu lợi

dưỡng để vấy bẩn đức hạnh của mình ư? Dương Tử hổ thẹn đem vàng bỏ ở ngoài đồng, đi xa tìm thầy mà học hỏi”.

4. Văn Tử nói: “Người bậc Thượng học thì dùng thần thức mà lắng nghe, người bậc Trung học thì dùng tâm tư mà lắng nghe, người bậc Hạ học thì dùng tai mà lắng nghe”.

5. Tôn Khanh Tử nói: “Không leo lên núi cao thì không biết Trời là cao, không nghe đạo lý của Tiên Vương nói ra thì không biết cái to lớn của sự học vấn. Cái học của bậc quân tử thì đi vào bằng lỗ tai mà giữ lại ở nơi tâm tư, tỏa ra ở tay chân mà thể hiện bằng động hay tịnh. Cái học của tiểu nhân ở trong bốn tấc hạn hẹp, đi vào lỗ tai rồi đi ra bằng lỗ miệng, lỗ tai làm sao đủ để làm cho đẹp thân hình bảy thước?”

6. Diêm Thiết Luận nói: “Bên trong không có tính chất ấy mà bên ngoài học theo văn tự ấy, cho dù có thầy giỏi bạn tốt, mà cũng giống như vẽ trên mỡ – khắc trên băng, hao phí thời gian mất toi công lao. Vì vậy thầy giỏi không thể nào tô điểm thành Tây Thi, hồ thơm không thể nào chứa thêm Mô Mẫu”.

7. Thuyết Uyển nói: “Tấn Bình Công hỏi Sư Khoáng rằng: Năm nay tôi 70 tuổi mà muốn học, sợ rằng đã muộn rồi chăng? Trả lời rằng: Muộn sao không cầm đuốc vậy? Hạ thần nghe tuổi trẻ mà học thì giống như ánh mặt Trời mới mọc, tuổi trưởng thành mà học thì giống như ánh mặt Trời buổi trưa, tuổi già mà học thì giống như ánh sáng của ngọn đuốc. Ánh sáng của ngọn đuốc thì ai có thể che giấu được việc làm? Tấn Bình Công nói: Tốt lành thay!”

8. Luận Hoành nói: “Trong tay không có tiền mà đến chợ nhất định mua hàng hóa, chủ bán hàng hóa chắc chắn không bán cho. Người trong lòng không có học hành, cũng giống như trong tay không có tiền bạc vậy”.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 55

Thiên thứ 62: PHÁ TÀ

Thiên này có 2 phần: Thuật ý, Dẫn chứng.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Bởi đã từng nghe: Ba cỗ xe mở đường, các con tránh khỏi tai họa của nhà lửa; tám đường thẳng mở thông, chúng sanh biết được kết quả của vô vi. Vì vậy, vầng mây Từ bi tuôn mưa tưới thấm không phân biệt cọng cỏ cành lan, mặt Trời trí tuệ chiếu rọi ánh sáng há phân chia bờ cao hang sâu? Vả lại, thiết lập giáo pháp lưu truyền quy phạm tận cùng vi diệu, gợi mở chí hướng phát sinh tâm tình khó suy lường được. Tuy nho thuật của Chu - Khổng hay huyền phong của Trang- Lão, mà mong muốn tại phương này vẫn khác xa chứ không mô phỏng như nhau được, nơi ấy có bao đời vua chúa hiền sĩ - bao đấng minh quân từ xưa đến nay, đều cùng nhau tôn sùng không trái với niềm kính ngưỡng. Muốn làm cho ngọc - đá khác nhau về giá trị, sông Kinh - sông Vệ trong đục thật rõ ràng, chế định 6 Sư mà chấn chỉnh 8 Tà, chuyển đổi 4 Đảo mà quy về một Vị, diệt trừ thói quen tự nhiên của nhiễm tục, phát triển con đường đúng đắn của nhân quả, ngăn chặn sự giả dối của trí tuệ tà vạy, bít chặt lời xằng bậy của cách nhìn quái lạ, cầu ngọc báu của tâm thông suốt, nhìn voi giả của Thức chính trực, đương nhiên không phải là Đức sánh bằng Chân Tế - Thể phù hợp Vô Sanh, há có thể hợp với huyền môn này mà thực hiện Nhất Thật sao?

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như trong kinh Tăng Nhất A-hàm nói: “ Lúc bấy giờ có Trưởng giả tên gọi A na Mân-để, gia đình rất giàu không thể tính được. Bấy giờ trong thành Mãn Phú có Trưởng giả, tên gọi Mãn tài, cũng rất giàu có, lại là bạn cũ thưở trẻ của Mân-để và rất kính mến lẫn nhau. Trưởng giả Mân-để thường có ngàn vạn hàng hóa quý báu, buôn bán ở trong

thành Mãn Phú, dùng Trưởng giả Mãn tài làm người tính toán Và quản lý. Nhưng Trưởng giả Mãn Tài cũng có mấy ngàn vạn vật báu, buôn bán ở trong thành Xá Vệ, dùng Mân-để làm người trù tính và quản lý. Lúc ấy Mân-để có cô con gái tên gọi Tu-ma-đề, dung mạo đoan chánh như sắc đẹp hoa đáo, hiếm có ở thế gian. Lúc bấy giờ Mãn Tài trông thấy cô gái Tu-ma-đề đoan chánh, thấy rồi hỏi Mân-để rằng: Đây là con gái nhà ai? Mân-để trả lời rằng: Là con gái của tôi đây. Mãn Tài nói: Tôi có con nhỏ chưa có nơi kết bạn, có thể hợp với nhà nghèo hay không? Lúc ấy Mân-để trả lời rằng: Sự việc không nên như vậy. Mãn Tài hỏi rằng: Vì nguyên nhân như thế nào? Mân-để trả lời rằng: Dòng họ và của cải đủ để sánh được với nha, nhưng sự tôn thờ lễ cúng thần linh cùng với tôi không giống nhau, con gái tôi thờ Phật, con ông thờ ngoại đạo, vì lẽ đó cho nên mục đích đến là không phù hợp. Mãn tài trả lời rằng: Sự thờ phụng của chúng tôi đương nhiên sẽ cúng tế riêng, con gái ông thờ phụng thì tự nhiên cúng dường theo cách riêng. Mâu Để trả lời rằng: Con gái tôi giả sử thích hợp với nhà ông, thì hai bên đều chi ra tiền của châu báu không thể tính kể. Mãn Tài hỏi rằng: Nay ông đòi bao nhiêu tiền của châu báu? Mân-để trả lời rằng: Nay tôi cần sáu vạn lượng vàng. Lúc ấy Mãn Tài lập tức trao cho sáu vạn lượng vàng. Mân-để dùng phương tiện trước đó nhưng lại giống như không thể nào khiến cho dừng lại, nói với Trưởng giả kia rằng: Giả sử tôi gả con gái thì nên đến thưa hỏi Đức Phật, nếu có dạy bảo thì tôi nên vâng mạng làm theo lời dạy. Lúc ấy A na Mân-để liền đi đến nơi Đức Thế tôn, thưa với Đức Thế tôn rằng: Con gái đệ tử là Tu-ma-đề được Trưởng giả Mãn tài trong thành Mãn Phú cầu xin, là có thể nhận lời hay không? Đức Thế tôn bảo cho biết rằng: Dường như con gái Tu-ma-đề thích hợp với nước ấy, có nhiều lợi ích, độ thoát cho nhân dân không thể tính được. Nghe rồi lễ lạy mà lui ra, về đến trong nhà, cùng sắp xếp đồ ăn thức uống, mời Trưởng giả Mãn Tài tham dự. Mãn Tài hỏi rằng: Tôi không cần thiết phải ăn, chỉ gả con gái cho con tôi được hay không vậy? Mân-để trả lời rằng: Mong muốn như vậy thì có thể trở về, mười lăm ngày sau đem con trai đến đây. Nói lời này xong thì Mãn Tài lui bước mà trở về. Lúc ấy Mãn Tài sắp xếp đầy đủ những thứ cần thiết, ngồi xe báu trang hoàng đẹp đẽ, đem theo tám mươi người trong học hàng từ phương xa mà đến. Mân-để cũng trang điểm nghiêm túc cho con gái mình, ngồi xe báu trong hoàng rực rỡ, đem con gái đến đón và gặp nhau giữa đường, Mãn Tài cưới được con dâu liền dẫn về. Nhân dân trong thành Mãn Phú, đều có hạn định: Nếu trong thành này có con gái đi lấy chồng nước

khác, thì phải xử phạt nặng; nếu cưới người nước khác làm vợ mang về trong nước, cũng phải xử phạt nặng. Lúc bấy giờ nước ấy cũng có sáu ngàn Phạm Chí, mọi người trong nước đều tôn thờ, chế định rằng có ai nói lời vi phạm thì phải mời cơm sáu ngàn Phạm Chí. Trưởng giả tự biết mình phạm vào hạn định nên làm cơm mời sáu ngàn Phạm Chí. Thức ăn của Phạm Chí thì ăn toàn thịt heo và uống rượu ngon, vả lại y phục của Phạm Chí mặc thì hoặc là vải bông trắng, hoặc là áo lông tơ, dùng áo chỉ khóac bên vai phải mà nửa thân còn lại bày rõ ra. Ngay từ sáng sớm đã đến trong nhà Trưởng giả, Trưởng giả thấy đến thì đi bằng đầu gối đến phía trước đón tiếp cung kính làm lễ, Phạm Chí lớn nhất đưa tay khen ngợi, ôm cổ Trưởng giả rồi đi đến chỗ ngồi, tất cả thuận theo ngồi vào chỗ xong. Lúc ấy Trưởng giả bảo với con dâu Tu-ma-đề rằng: Con tự mình trang nghiêm đến lễ lạy Thầy ta! Nàng dâu Tu-ma-đề trả lời rằng: Đừng, đừng thưa cha! Con không có thể tùy tiện đến lễ lạy người lõa hình đâu. Trưởng giả trả lời rằng: Đây là phải là lõa hình, nhưng áo đang mặc là pháp phục của họ. Nàng dâu Tu-ma-đề trả lời rằng: Đây là người không biết hổ thẹn, tất cả đều phô bày thân hình, có gì là công dụng của pháp phục đâu. Đức Thế tôn đã thuyết: Người dời đáng tôn trọng nhất là có lòng hổ thẹn, nếu không có hổ thẹn thì trên dưới không khác nhau, cùng với heo chó nào khác gì? Con thật sự không có thể đến lễ lạy được! Lúc ấy chồng của nàng Tu-ma-đề nói với vợ mình rằng: Nay nàng nên đứng dậy đến làm lễ thầy tôi, những người này đều là các bậc mà tôi tôn thờ giống như Trời. Vợ trả lời rằng: Hãy dừng lại, thiếp không thể lạy người lõa hình không biết hổ thẹn như vậy, đừng bảo thiếp đến làm lễ lừa - chó! Chồng nói: Đừng nói lời như vậy, tự giữ miệng nàng đừng có gì xúc phạm, đây không phải lừa - chó, nhưng áo của họ đang mặc chính là pháp y. lúc ấy nàng Tu-ma-đề rơi lệ buồn bã nhan sắc thay đổi, đồng thời nói lời rằng: Thà rằng chấm dứt mạng căn chứ không chịu rơi vào trong tà kiến như vậy! Lúc ấy sáu ngàn Phạm Chí đều cùng lên tiếng: Vì sao để đầy tớ mắng chưởi như vậy? Các Phạm Chí này đã ăn chút ít rồi đi ngay. Lúc ấy Trưởng giả Mãn tài ở trên lầu cao phiền muộn rầu rĩ vô cùng, nay mình chọn lấy người này mang về, thì làm cho gia đình tan nát bôi nhọ dòng họ mình. Lúc ấy có Phạm Chí tên gọi Tu Bạt, đạt được năm thần thông đi đến nhà Trưởng giả, lên trên lầu cao, cùng với Trưởng giả gặp nhau. Phạm Chí hỏi Trưởng giả rằng: Tại sao buồn phiền? Trưởng giả trả lời rằng: Bởi vì hôm qua con trai tôi cưới vợ; nói lại đầy đủ duyên cớ trước đó. Phạm Chí trả lời rằng: Bậc Thầy của cô gái này tôn thờ, đều là những người Phạm hạnh, hôm nay

gặp tình cảnh thật là lạ lùng nên mới như vậy. Trưởng giả hỏi rằng: Ông là ngoại đạo học pháp kỳ lạ, tại sao ca ngợi Sa môn Thích Tử, có thần kỳ đức hạnh gì, có thần thông biến hóa ra sao? Phạm Chí trả lời rằng: Muốn nghe về thần kỳ đức hạnh thì nay sơ lược nói về nguồn gốc. Vị thầy mà cô gái này tôn thờ là một đệ tử nhỏ nhất, tên gọi Quân Đầu Sa Di, bay đi đến dòng suốt chảy ra từ hồ A-nâu-đạt để giặt y bẩn. Đại thần - Trời rồng - quỷ thần - ở hồ A nậu đạt đều đứng dậy đi đến phía trước đón chào cung kính hỏi thăm, bậc thầy của loài người đến đây có thể an tọa nơi này. Sau đó ngồi ăn, ăn xong rửa bát đặt trên bàn vàng, ngồi xếp bằng tròn thân hình ngay thẳng lần lượt đi vào chín Định theo thứ tự. Lúc ấy Trời rồng - quỷ thần cùng nhau đem y giặt giũ đưa lên giữa hư không mà hong làm cho khô. Lúc ấy Sa di đó thâu nhận lại y rồi, liền bay vào giữa hư không trở về nơi cư trú.

Trưởng giả nên biết rằng, đệ tử nhỏ nhất mà có thần lực như vậy, huống là bậc lớn nhất ư, huống là Đức Như lai Chánh Đẳng Chánh Giác, mà có thể sánh kịp hay sao? Lúc ấy Trưởng giả nói với Phạm Chí rằng: Chúng tôi có thể gặp được vị thầy của cô gái này tôn thờ chăng? Phạm Chí trả lời rằng: Có thể hỏi lại cô gái này! Lúc ấy Trưởng giả hỏi nàng Tu-ma-đề rằng: Nay cha muốn được gặp vị thầy mà con tôn thờ, có thể mời đến hay không? Nàng dâu nghe lời mà hoan hỷ không thể nào kìm mình được, nguyện lập tức lo liệu đầy đủ đồ ăn thức uống, ngày mai Như lai sẽ đến nơi này, cùng với chúng Tỳ kheo tăng. Trưởng giả trả lời rằng: Nay con tự mình thỉnh cầu, ta không biết cách thức ra sao! Lúc ấy nàng dâu của Trưởng giả tắm gội thân thể - tay bưng hương đèn, lên trên lầu cao chấp tay hướng về Đức Như lai, mà ca ngợi rằng:

Thần thông biến hóa không tính được,
Đều làm cho Chánh đạo vững vàng,
Nay con lại gặp phải tai ách,
Chỉ nguyện Thế tôn hiện thần thông!
Lúc bấy giờ hương như vầng mây,
Bồng bềnh ở giữa cõi hư không,
Tỏa khắp trên tinh xá Kỳ-hoàn,
Tụ tại ở phía trước Như lai.
Chư Thiên - Đế Thích giữa hư không,
Hoan hỷ mà cúi đầu lễ lạy,
Lại thấy làn hương ở trước mặt,
Biết Tu-ma-đề đã thỉnh cầu.
Mưa xuống các loại hoa vi diệu,

Mà số lượng không sao tính được,
Đầy khắp nơi rừng cây Kỳ-hoàn,
Như lai mỉn cười tỏa ánh sáng.

Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các Tỳ kheo có đủ thần thông như Đại Mục-kiền-liên - Đại Ca-diếp - A-na-luật cho đến Sa di Quân Đầu... Các ông dùng thần túc đi đến trong thành ấy trước đi! Các Tỳ kheo thưa rằng: Thưa Đức Thế tôn, chúng con làm như vậy. Lúc ấy chúng Tăng bảo với người tên gọi Càn Đồ: Ngày mai tư mình vác nồi lớn bay ở giữa hư không hướng đến thành kia, lượn quanh ba vòng rồi đến nhà Trưởng giả. Lúc ấy Sa di Quân Đầu hóa làm năm trăm cây hoa, bao nhiêu loại màu sắc thảy đều phô bày đẹp đẽ. Lúc ấy Bàn-đặc hóa làm năm trăm con trâu, bộ lông đều xanh đen, ở giữa hư không mà đi đến thành ấy. Lúc bấy giờ La Vân lại hóa làm năm ngàn con chim Khổng Tước, bao nhiêu loại màu sắc rực rỡ, ở trên chỗ ngồi hướng đến thành ấy. Lúc ấy Ca diên Na hóa làm năm trăm con chim cánh vàng, rất là dũng mãnh, ở trên chỗ ngồi hướng đến thành ấy. Lúc bấy giờ Ưu Tỳ Ca-diếp hóa làm năm trăm con rồng, đều có bảy đầu ở trên chỗ ngồi hướng đến thành ấy. Lúc ấy Tu-bồ-đề hóa làm núi lưu ly, vào bên trong ngồi xếp bằng tròn hướng đến thành ấy. Lúc bấy giờ Đại Ca-chiên-diên lại hóa làm năm trăm con chim Hạc, màu sắc trắng tinh, hướng đến thành ấy. Lúc ấy Ly Việt hóa làm năm trăm con hổ, ở trên chỗ ngồi hướng đến thành ấy A-na-luật hóa làm năm trăm con sư tử, thật là dũng mãnh, ở trên chỗ ngồi hướng đến thành ấy. Lúc ấy Đại Ca-diếp hóa làm năm trăm con ngựa, đều là đuôi màu đỏ, trang điểm vàng bạc rực rỡ, ở trên chỗ ngồi hướng đến thành ấy. Lúc ấy Mục-kiền-liên hóa làm năm trăm con voi trắng, đều có sáu ngà, bảy chỗ bằng phẳng, trang sức bằng vàng bạc rực rỡ, ở trên chỗ ngồi hướng đến thành ấy. Hiện bày thần thông biến hóa như vậy, đều đi quanh thành ba vòng rồi đến nhà Trưởng giả. Lúc ấy Đức Thế tôn biết đã đến lúc, ở giữa hư không cách mặt đất bảy Nhẫn, A Nhã Câu lâu ở bên phải, Xá-lợi-phất ở bên trái, A-nan ở phía sau mà tay cầm phất trần, một ngàn hai trăm đệ tử vây tròn trước sau, Như lai ở giữa; còn lại chư Thiên Đế Thích và các Thiên Vương, đều hiện bày thần thông biến hóa rõ ràng ở giữa hư không, trỗi lên mấy ngàn vạn loại âm nhạc vi diệu, mưa xuống các loại hoa Trời rải trên Đức Như lai. Dân chúng trong thành Xá vệ đều trông thấy Như lai ở giữa hư không cách mặt đất bảy Nhẫn, lòng dạ đều hoan hỷ không làm sao tự kìm mình được.

Lúc ấy Trưởng giả Mãn Tài từ xa trông thấy tướng tốt của Như lai,

giống như kho vàng phát ra ánh sáng chói lòa, bèn dùng kệ hỏi nàng dâu Tu-ma-đề. Nàng Tu-ma-đề lại dùng kệ trả lời, Trời người và Phạm Chí đều tự nhiên quy mạng chân thành. Lúc ấy sáu ngàn Phạm Chí trông thấy thần thông biến hóa như vậy, đều nói với nhau rằng: Chúng ta nên rời xa nước này để tiếp tục đi đến nơi khác! Giống như loài cầm thú, tất cả chạy trốn theo hướng của mình, các Phạm Chí này nghe âm hưởng của Đức Như lai, tất cả đều chạy nhanh chứ không thể tự yên ổn được, bởi vì Như lai có uy lực vĩ đại cho nên tà đạo không tự nhiên yên ổn được .

Lúc ấy Như lai thâu nhiếp lại thần túc đi vào thành, đưa chân giẫm trên ngạch cửa, lúc này Trời đất chấn động dữ dội - chư Thiên thần tung hoa rực rỡ. Đến nhà Trưởng giả đi vào chỗ ngồi mà ngồi, Đức Thế tôn từ từ thuyết giới - luận về bố thí sanh cõi Trời cho Trưởng giả và tám vạn bốn ngàn dân chúng cùng nghe, chỉ trích tham dục bất tịnh - chỉ có xuất gia là chủ yếu, tất cả ở trên chỗ ngồi đều diệt hết các trần cấu đạt được Pháp Nhãn Tịnh, đều tự quy y Tam bảo thọ trì năm giới. Nàng Tu-ma-đề này và tám vạn bốn ngàn người, đều nhờ vào thời quá khứ xa xưa đã cúng dường bốn sự đối với Phật Ca-diếp, đó là: 1- Bố thí, 2- Kính mến. 3- Lợi ích cho người, 4- Lợi ích bình đẳng. Vì vậy không sanh vào nhà nghèo khó, đời tương lai cũng sẽ tiếp tục được tôn quý như vậy khiến cho mình không chuyển thân nữ mà đạt được pháp Nhãn Tịnh. Lúc ấy nhân dân trong thành nghe con gái của vua Ai Mẫn phát ra thệ nguyện như vậy, mọi người đều tùy hỷ nguyện này. Vua Ai Mẫn lúc bấy giờ, nay chính là Trưởng giả Tu Đạt. Con gái nhà vua lúc bấy giờ nay chính là Tu-ma-đề. Nhân dân trong đất nước lúc bấy giờ nay chính là tám vạn ngàn người. Bởi thệ nguyện xưa kia cho nên nay được gặp Ta và đích thân nghe pháp đạt được đạo quả”.

Lại trong Trí Độ Luận nói: “Có Phạm Chí tên gọi Trường Trảo (kinh khác tiếng Phạn gọi là Lao Đậu Xoa), là bậc thầy luận nghị có tiếng ở cõi Diêm-phù-đề, nói rằng tất cả luận thuyết có thể phá tan, tất cả ngôn từ có thể hủy hoại, tất cả chấp trước có thể chuyển hóa, không có pháp nào chân thật đáng tin - đáng cung kính; người này tên là Maha Câu-hi-la - cậu của Xá-lợi-phất, cùng với chị gái là Xá-lợi tranh luận không hơn được. Câu-hi-la tư duy nghĩ rằng: Không phải là năng lực của chị, chắc chắn là mang thai người trí nhờ miệng mẹ phát lời, chưa sanh ra mà như vậy, đến khi sanh ra và trưởng thành thì sẽ như thế nào? Tư duy như vậy rồi sanh tâm kiêu mạn, vì mở rộng tài năng luận nghị cho nên xuất gia làm một Phạm Chí, đi vào nước phía Nam Thiên trúc

bắt đầu học kinh thư. Mọi người hỏi rằng: Chí hướng của ông mong điều gì? Trường Trảo đáp rằng: Muốn học hết tất cả mười tám loại Đại Kinh. Mọi người nói rằng: Hết thọ mạng của ông hãy còn không thể nào biết được một phần, huống hồ có thể là tất cả ư? Trường trảo tự nghĩ: Xưa dấy lên kiêu mạn phải thắng được chị mình, nay những người này lại có thể xem là bị coi thường. Vì hai điều này cho nên tự phát lời thề rằng: Tôi không cắt móng tay chân vì muốn học hết mười tám loại kinh thư. Mọi người thấy móng tay chân rất dài vì vậy gọi là Trường Trảo Phạm Chí. Người này dùng các loại kinh thư, châm chích đúng sai phá tan luận nghị của người khác, ví như voi điên rất mạnh chà đạp không có năng lực nào chế ngự được. Như vậy Phạm Chí Trường Trảo bẻ gãy làm cho Luận sư phải hàng phục rồi, trở về đến thôn làng Na La Đà trong thành Vương xá thuộc nước Ma-Già-đà là nơi sinh sống trước đây của mình. Hỏi thăm mọi người rằng: Chị tôi sanh con nay ở nơi nào? Có người nói rằng: Con của chị ông, sanh ra được tám tuổi học hết tất cả các kinh thư, đến năm mười sáu tuổi luận nghị hơn hẳn tất cả mọi người, có Đạo nhân dòng Thích Ca - họ Cù Đàm nhận làm đệ tử rồi. Trường Trảo nghe tin lấp tức dấy lên kiêu mạn, sanh tâm không tin tưởng mà nói lời rằng: Nếu như con của chị ta thông minh như vậy, người kia dùng pháp thuật gì mà dụ dỗ lừa phỉnh để cạo đầu làm đệ tử? Nói lời này xong dứt khoát đi đến chỗ Phật.

Lúc bấy giờ Xá-lợi-phất mới thọ giới nửa tháng đang đứng hầu bên cạnh Đức Phật, dùng quạt quạt cho Đức Phật. Trường Trảo gặp Đức Phật chào hỏi xong ngồi về một phía dấy lên nghĩ rằng: Tất cả luận thuyết có thể phá tan, tất cả ngôn ngữ có thể hủy hoại, tất cả chấp trước có thể chuyển hóa, trong này cái gì là Thật Tướng của các pháp, cái gì là Đệ nhất nghĩa, ví như biển rộng muốn cạn khô tới đáy, cầu mong đã lâu không có một pháp nào đạt được, người kia dùng luận nghị gì mà đạt được, làm cho con của chị mình thuận theo? Dấy lên tư duy như vậy rồi bèn nói với Đức Phật rằng: Này ông Cù Đàm! Tôi không tiếp nhận tất cả các pháp.

Lúc Đức Phật hỏi Trường Trảo: Ông không tiếp nhận tất cả các pháp, là thấy tiếp nhận hay không? Phật đã chất vấn - nghĩa lý ông đã lĩnh hội, tà kiến độc hại hừng hực khiến phát ra khí độc này mà nói là không tiếp nhật tất cả các pháp, thì thấy ông tiếp nhận hay không? Lúc bấy giờ Trường Trảo giống như ngựa tốt thấy roi nhìn bóng cảm thấy sợ hãi, liền đi vào dường thẳng. Phạm Chí Trường Trảo đã được nghe lời Đức Phật chỉ bày, bóng roi đưa vào tâm tư, lập tức bỏ cao ngạo cúi đầu

xấu hổ, tư duy như vậy: Đức Phật đưa mình đứng giữa hai nơi chắc chắn thua cuộc. Nếu mình nói là thấy mình tiếp nhận, thì phần thua này là thô cho nên mọi người đều biết, tại sao tự mình nói là không tiếp nhận tất cả các pháp? Nay tiếp nhận là thấy, vậy thì hiện tại trước mắt là nói bậy, phần thua này là thô rất nhiều người đã biết. Phần thua thứ hai là đế, mình muốn tiếp nhận điều này, bởi vì rất ít người biết. Dấy lên ý niệm này rồi trả lời Đức Phật rằng: Thưa Ngài Cù Đàm, không tiếp nhận tất cả các pháp, cái thấy này cũng không tiếp nhận. Đức Phật nói với Phạm Chí: Ông không tiếp nhận tất cả các pháp, cái thấy này cũng không tiếp nhận, thì không có gì bị phá vỡ, cùng với mọi người không khác, đâu cần phải tự cao mà sinh ra kiêu mạn như vậy? Trường trảo không thể nào trả lời Đức Phật được, tự biết mình rơi vào phần thua, liền đối với trí tuệ Đức Phật phát khởi niềm tin cung kính, tâm tự tư duy rằng: Mình rơi vào phần thua, Thế tôn không đưa ra rõ ràng, không nóu đến đúng sai, không cho là đắc ý, tâm Phật mềm mỏng thanh tịnh bậc nhất, đạt đến nơi sâu xa vô cùng - đáng cung kính nhất, không có ai hơn được Đức Phật! Đức Phật thuyết pháp cho nghe đoạn trừ tà kiến của mình, ngay tại chỗ ngồi xa lìa mọi trần cấu đạt được Pháp Nhãn Tịnh. Lúc ấy Xá-lợi-phất nghe được lời này thì đạt đến quả vị A-la-hán, Phạm Chí Trường Trảo này xuất gia làm Sa môn đạt được A-la-hán”.

Lại trong kinh Phật Thuyết Nhũ Quang Phật nói: “Lúc ấy Đức Phật Thế tôn vừa bị trúng gió đang cần đến sữa trâu. Bấy giờ tại nước Duy da ly có Phạm Chí tên gọi Ma-da-lợi, làm bậc thầy của năm vạn đệ tử, lại được Quốc vương - Đại thành và nhân dân đều kính trọng, nhưng gặp phải gia đình giàu có tham lam ganh ghét không tin Phật pháp chỉ thích ngoại đạo. Thế là Đức Phật bảo với A-nan: Con mang danh nghĩa Như lai đi đến nhà Phạm Chí Ma-da-lợi, từ nơi nhà ấy cầu xin sữa trâu mang về đây. A-nan vâng theo lời dạy, khóac y ôm bát đến ngoài cổng nhà ấy. Phạm Chí Ma-da-lợi, đúng lúc ấy cùng với năm trăm đệ tử thượng túc, sắp đi vào cung tiếp kiến với nhà vua. Lúc vừa ra khỏi nhà thì gặp A-nan, vì vậy hỏi rằng: Sáng sớm ông đến đây muốn cầu xin điều gì? A-nan đáp rằng: Đức Phật Thế tôn thân thể có chút bất an, bảo tôi đến xin sữa. Phạm Chí im lặng không trả lời, tự mình tư duy rằng: Nếu mình không mang sữa trâu ra cho thì nói là mình keo kiệt, nhưng mang sữa ra cho thì các Phạm Chí khác sẽ lại nói rằng mình tôn thờ đạo lý của Cù Đàm. Tiến thoái làm sao cho thích hợp? Tuy vậy nhưng trước mắt chỉ trao cho trâu dữ khiến tự vắt lấy, sẽ làm cho con trâu đực giết chết, làm cho đạo ấy phải nhục nhã ê chề, thì bị coi là vứt bỏ đi,

mình vẫn được mọi người tôn kính, nếu như không được sữa thì biết rõ là mình không luyến tiếc. Suy tính như vậy rồi liền bảo với A-nan rằng: Trâu sáng sớm đã thả vào trong hào kia, ông tự đến đó vắt sữa! Ma-da-lợi bảo với con trai rằng: Con dẫn A-nan chỉ chỗ con trâu ấy, cẩn thận đừng nắm giúp gì! Lúc ấy năm trăm đệ tử nghe thầy nói như vậy, đều vô cùng hoan hỷ.

Lúc bấy giờ Duy-ma-cật muốn đến chỗ Phật, đường đi qua trước cổng nhà Phạm Chí nhân thấy A-nan, liền nói rằng: Vì sao sáng sớm mang bình bát đứng đây muốn cầu xin điều gì? A-nan đáp rằng: Như lai thân có chút cảm gió, đang cần sữa trâu, cho nên bảo tôi đến đây xin sữa. Duy-ma-cật liền bảo với A-nan: Đừng nói lời như vậy, Như lai Chánh Giác có thân giống như Kim Cang, mọi điều ác đã đoạn - chỉ có những điều thiện, Ngài đang có bệnh gì, hãy im lặng mà làm đừng để ngoại đạo phỉ báng Như lai, đừng làm cho thiên long thần chúng cùng nghe được tin này, mười phương Bồ-tát - A-la-hán nghe được lời này, Chuyển Luân Thánh Vương hãy còn được tự tại, huống là Như lai ư? A-nan đừng vì xấu hổ mà nhanh chóng đi lấy sữa, cẩn thận đừng nói nhiều! A-nan nghe như vậy, tự nhiên vô cùng hổ thẹn sợ hãi, nghe giữa hư không có tiếng nói rằng: Này A-nan như Trưởng giả đã nói, chỉ vì Đức Như lai ở đời đầy rẫy năm trược thị hiện hạnh nguyện độ thoát tất cả ba độc, lúc đến lấy sữa, trước đây Duy-ma-cật tuy có nói lời như vậy, nhưng đừng cần phải xấu hổ! Thế là năm trăm Phạm Chí nghe tiếng nói giữa hư không, thì không còn hồ nghi gì nữa, đều vô cùng vui sướng, tất cả đều phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lúc bấy giờ quyến thuộc nội ngoại của Ma-da-lợi, của tất cả mấy ngàn người trong thôn xóm, đều đi theo A-nan đến xem trâu dữ. A-nan liền đứng cạnh trâu tự nghĩ rằng: Nay tôi vâng theo phép tắc thờ Thầy, kd tự tay mình vắt sữa. Nói vừa dứt lời, Thiên Đế từ cõi Trời Đao Lợi thứ hai liền từ cõi Trời xuất hiện, hóa làm Phạm Chí nhỏ tuổi, mặc áo đứng dựa bên trâu. A-nan trông thấy tâm rất hoan hỷ, nói rặng: Phạm Chí nhỏ tuổi ơi xin lấy giúp nước sữa cho tôi! Tức thì trả lời A-nan rằng: Tôi không phải Phạm Chí mà chính là Thiên Đế Thích, tôi nghe Như lai muốn có được sữa trâu, cho nên đi đến chỗ này, A-nan nói: Địa vị Thiên Đế cao quý, sao có thể đến gần con trâu hôi hám dơ bẩn này? Đế Thích đáp rằng: Tuy tôi cao quý nhưng mà sao bằng Như lai tôn quý hãy còn không biết mệt mỏi vun bồi công đức, huống là địa vị Trời bé nhỏ ư? A-nan trả lời Đế Thích: hãy lấy sữa giúp tôi, xin nguyện dùng kịp thời ! Đế Thích đáp rằng: Vâng. Lập tức mang đồ dùng đi đến trước chỗ trâu,

lúc ấy trâu đứng yên không dám nhúc nhích. Người đến xem đều cảm thấy vô cùng kinh ngạc. Lúc bấy giờ Đế Thích bèn nói kệ rằng:

Nay Phật thị hiện chút bệnh tật,
Ông cho ta lấy ít nước sữa,
Nay Phật uống vào được khỏi bệnh,
Đạt đến phước thiện không tính nổi,
Phật tôn quý - Thầy của Trời người,
Tâm luôn Từ bi-luôn lo nghĩ,
Dù là loài bò bay máy cựa,
Đều muốn làm cho được giải thoát.

Lúc bấy giờ trâu mẹ liền vì Thiên Đế Thích mà nói kệ rằng:

Tay này sờ mó bầu vú tôi,
Tại sao thẳng thắn đến như vậy,
Lấy hai bầu nước sữa của tôi,
Để lại cho tôi còn về sau,
Nuôi giữ con nhỏ được chu toàn,
Sáng sớm đến nay chưa được bú,
Tuy biết rằng có nhiều phước thiện,
Mà ý thực hiện nên bình đẳng.

Ngay sau đó trâu con liền vì mẹ mà nói kệ rằng:

Con từ vô số kiếp đến nay,
Bây giờ mới được nghe tiếng Phật,
Tức thì nói mang phần của con,
Dùng tất cả dâng lên Đức Phật,
Thế tôn là Thầy của tất cả,
Rất khó mà được gặp lần nữa,
Con ăn cỏ non uống nước suối,
Có thể tự no đủ hôm nay,
Từ khi con làm người đến nay,
Uống dòng sữa mẹ thật dài lâu,
Và ở trong sáu loài súc vật,
Cũng như vậy không thể tính được.
Người thế gian ngu si mê muội,
Cũng thật là có nhiều vô số,
Không biết đến Phật và bố thí,
Về sau hối hận không ích gì.
Con chính là ở đời kiếp trước,
Vì tham lam keo kiệt tính toán,

Lại thuận theo bạn bè xấu ác,
Không tin vào kinh giới của Phật.
Khiến cho con làm thân trâu ngựa,
Cho đến bây giờ mười sáu kiếp,
Nay mới biết là có Đức Phật,
Như bệnh gặp thầy và thuốc chữa.
Hãy mang phần sữa dành cho con,
Tất cả cứ chứa đầy bình bát,
Để cho con có được trí tuệ,
Nguyện như Phật đạt được đạo quả.

Lúc ấy Thiên Đế Thích liền lấy sữa đầy bình bát. A-nan có được sữa trong lòng rất hoan hỷ. Ngay sau đó Phạm Chí từ trong làng đi ra, nghe mẹ và con trâu này đã nói đều cảm thấy kinh ngạc vô cùng, con trâu này dữ dằn nên người không đến gần được, hôm nay vì sao mềm yếu hiền lành như vậy, nghĩ rằng A-nan đã cảm hóa làm cho như vậy mà thôi. Đệ tử của Cù Đàm hãy còn có năng lực như vậy, huống là đức hạnh uy thần biến hóa của Đức Phật, mà chúng ta không tin giáo pháp ấy sao? Lúc ấy nam nữ Phạm Chí tất cả hơn vạn người, thảy đều vui sướng, xa lìa trần cấu đến được Pháp Nhãn. A-nan mang sữa về đến chỗ Đức Phật, thưa lại đầy đủ nguyên cớ xảy ra. Đức Phật bảo với A-nan: Thật sự như trâu mẹ và trâu con đã nói, trâu mẹ và trâu con này, chính là túc mạng xưa kia từng làm Trưởng giả, giàu có tiền của vô số, nhưng lại keo kiệt không bố thí, không tin theo kinh giới của Phật,, không biết gì đến sanh tử, thường thích chi tiền bạc, thuận theo người ngoại đạo, ngày tháng vừa đúng lúc, vui thú nhiều sinh nợ, không có đạo lý gì, đã bồi thường hết tiền, lại bài báng người ta, nói không sao hết được, chỉ vì nguyên cớ này mà đọa vào trong súc sanh mười sáu kiếp, nay nghe được danh hiệu của Ta hoan hỷ làm sao, tội lỗi của súc sanh cũng được kết thúc, thì trâu mẹ và trâu con ấy sau khi mạng sống chấm dứt, bảy lần sanh ở thế gian, được làm người giàu sang không sanh vào đường ác, ở nơi ấy thường được biết rõ túc mạng, được cúng dường chư Phật đốt hương tụng kinh. Trâu mẹ thuận theo nhân duyên này, cuối cùng sẽ gặp được Đức Phật Di-lặc và được làm Sa Môn, tinh tiến không bao lâu được quả vị La hán, trâu con cũng sẽ như vậy, trên dưới hai mươi kiếp xong rồi sẽ được làm Phật, danh hiệu là Nhũ Quang, con của trâu mẹ cùng được độ thoát. Trong pháp hội lúc ấy có năm trăm vị Trưởng giả đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, ba ngàn tám trăm Phạm Chí ngay lúc ấy đạt được quả vị Tu-đà-hoàn".

Lại trong kinh Phật Thuyết Tâm Minh nói: “Đức Phật du hóa qua núi Linh Điểu - thành Vương xá, cùng với năm trăm Tỳ kheo và bốn bộ chúng quy tụ, đi đến một huyện nhỏ mà khất thực, chư Thiên - Long thần đi theo hầu ở phía trên, đến ngoài cổng nhà Phạm Chí mà dừng lại, Đức Phật phát ra ánh sáng to lớn chiếu rọi khắp nơi mười phương. Lúc ấy vợ Phạm Chí đem bếp nhóm lửa làm cơm, được ánh sáng chiếu rọi vào thân nên thân được an lành, vui thích vô cùng. Quay đầu lại nhìn trông thấy Đức Phật đoan chánh trang nghiêm lạ kỳ, càng vui sướng gấp bội, lại tự mình suy nghĩ: Nay được nhìn thấy Đức Phật và các đệ tử của Ngài, quả thật thỏa mãn nguyện ước vốn có, muốn đem cơm và thức ăn dâng lên bậc Chánh Giác, kín đáo quan sát người chồng ngu muội không tin đạo đức mà tâm chí còn nghi ngờ tà vạy, thấy vợ mình cúng dường ắt sẽ dấy lên kết thành oán hận, không biết cách nào thì nên làm sao đây? Thế là xới cơm lấy một thìa nước, đem dâng lên Đức Phật. Đức Phật dùng uy thần tự nhiên trong bình bát có đủ thức ăn ngon lành, Đức Phật lúc ấy thọ nhận (đạt sấn), miệng khen ngợi rằng:

Giả như đem một trăm con ngựa,
Yên cương trang điểm bằng vàng bạc,
Dùng để ban ân giúp cho người,
Không bằng giúp một thìa cơm nước.
Giả sử dùng xe bằng bảy báu,
Chở đầy các loại ngọc ngà hiếm,
Cúng dường Đức Phật một bữa cơm,
Phước thiện này hơn xa phước kia.
Nếu bố thí trăm con voi trắng,
Trang hoàng đủ minh châu anh lạc,
Cúng dường Đức Phật một bữa cơm,
Phước thiện này hơn hẳn phước kia.
Giống như bậc chuyển Luân Thánh vương,
Phổ Hiền - Ngọc Nữ và Hoàng Hậu,
Đoan chánh không có gì sánh kịp,
Bảy báu - anh lạc đeo trên thân,
Mọi điều vi diệu cũng như vậy,
Số ấy tất cả có rất nhiều,
Đều dùng để bố thí cho người,
Không bằng một bữa cơm - thìa nước.

Ngay lúc ấy Phạm Chí đứng yên lặng mà lắng nghe Đức Phật đã khen ngợi, trong lòng đầy nghi hoặc, tiến lên hỏi Đức Phật rằng: Một

bữa cơm - thìa nước đáng giá trị thế nào, mà lại khen ngợi giống như bố thí vật báu, bao nhiêu vật báu mà nói không bằng bố thí một bữa cơm - thìa nước, cơm - nước này không đáng giá một đồng tiền, nhưng lại khen ngợi là gấp vạn ức lần vật báu, ai có thể tin vậy được? Thế là Đức Phật lập tức hiện bày rõ ràng tướng lưỡi rộng dài, để che phủ mặt mình lên đến cõi Phạm Thiên, bảo với Phạm Chí rằng: Ta từ vô số ức trăm ngàn kiếp đến nay, luôn luôn thực hành rất chân thành mới có được tướng lưỡi này, lẽ nào dùng lời dối gạt mà có thể đạt được hay sao? Ta muốn hỏi ông, ông hãy thành thật trả lời, ông đã từng qua lại giữa hai nước Xá vệ và La duyệt, giữa đường có cậy tên gọi Ni Câu Loại, bóng mát che phủ mọi người và năm trăm cỗ xe chăng? Đáp rằng: Quả nhiên có cây ấy, đã từng trông thấy. Đức Thế tôn lại hỏi: Hạt cây đó lớn nhỏ? Đáp rằng: Hình dạng chỉ bằng hạt cải. Đức Phật bảo với Phạm Chí: Ông thật là hai lưỡi, hạt chỉ bằng hạt cải, sao cây to như vậy? Đáp rằng: Xem thấy đúng như vậy không dám lừa dối đâu. Đức Phật lại bảo rằng: hạt giống chỉ bằng hạt cải sinh ra cây to lớn, gieo trồng lớn lên từ đất, thích hợp không có gì tổn hại, thì sự che phủ càng rộng ra, huống hồ Như lai là bậc Vô Thượng Chánh giác hội tụ vô lượng phước thiện, làm lợi ích cho tất cả chúng sanh ư? Lòng Từ bi rộng lớn không có nơi nào không cứu giúp, dùng cơm nước cúng dường sẽ có công đức khó mà tính được. Phạm Chí im lặng không thể trả lời được.

Đức Phật bảo với A-nan: Người vợ này mạng chung sẽ được chuyển thân nữ trở thành thân nam sanh lên trên cõi Trời, sanh xuống làm người hiểu sâu sắc diệu pháp, sau mười ba kiếp sẽ được làm Phật, danh hiệu là Tâm Minh Như lai. Tâm Phạm Chí thuần phục năm vóc lễ sát đất, dốc lòng tự trách và quy mạng đối với Đức Phật, ban ân thương xót tiếp nhận khiến cho được xuất gia. Đức Phật liền tiếp nhận cho làm Sa môn, Đức Phật giảng về Tứ đế ý hiểu được thông suốt rõ ràng".

Lại trong kinh Niết-bàn nói: "Lúc bấy giờ mười vị Tiên ngoại đạo muốn cùng với Đức Phật thi đấu về thần lực. Vua A-xà-thế nói cho ngoại đạo biết rằng: Nay các ông muốn dùng móng tay để ôm núi Tu di, hay là dùng hàm răng gặm Kim Cang? Này các Đại sĩ, ví như người ngu trông thấy sư tử chúa lúc đói thì nằm ngủ mà muốn đánh thức, như người lấy tay đặt vào miệng rắc độc, như muốn lấy tay chạm vào tro che ngọn lửa, nay các ông cũng lại như vậy. Này người thiện nam, ví như con cáo hoang giả tiếng gầm của sư tử, giống như con muỗi cùng với chim vàng thi đấu tốc độ di chuyển nhanh chậm, như con thỏ vượt biển muốn đến tận nơi cuối cùng, các ông nay cũng lại như vậy. Nay các ông

dấy lên ý này, giống như kiến bay lao vào ngọn lửa, các ông nghe theo lời Ta nói đừng tiếp tục nói thêm gì nữa!"

Lại trong Đại Trang Nghiêm Luận nói: "Lúc ấy Kiều Thi Ca hướng về ngoại đạo nói kệ rằng: Những việc làm của hạng ngoại đạo, đều là hư vọng không chân thật,

Giống như trò đùa của con trẻ,
Vun đất đá làm ra thành quách,
Gặp voi say đưa chân giẫm đạp,
Hủy hoại không có gì sót lại,
Đức Phật phá tan các tà thuyết,
Sự việc ấy cũng giống như vậy.

Lại trong kinh Bách Dụ nói: "Xưa có người ngu nấu thạch mật đen thui, có một người giàu đi đến nhà đó, lúc ấy người ngu này lấy thạch mật đậm đặc nấu cho người giàu, liền ở trước ngọn lửa dùng quạt để quạt, mong làm cho mau nguội. Người bên cạnh nói rằng: Dưới không bớt ngọn lửa, dùng quạt quạt mãi không thôi, làm sao nguội được? Lúc bấy giờ mọi người đều chế giễu cười nhạo. Điều ấy giống như ngoại đạo không dập tắt ngọn lửa phiền não đang hừng hực cháy, mà lại thực hành khổ hạnh nằm trên gai góc, ăn cám uống nước lã đoạn tuyệt lúa gạo tự giam đói mình, 5 dục cháy bỏng thân tâm mà mong đạt được đạo quả tịch tịnh thanh lương, thì điều này hoàn toàn không có, chỉ làm cho người trí cười chê, chịu đau khổ trong hiện tại mà gây họa cho kiếp sau".

Lại trong Kinh Bách Dụ nói: "Xưa có người ngu, người vợ đoan chánh nên tình cảm rất yêu thương tha thiết, nhưng người vợ này không chân thật đáng tin. Về sau cùng với người khác quan hệ qua lại, tâm tà dâm hừng hực, muốn đi theo người chồng vụng trộm, rời bỏ chồng chính thức của mình. Thế là bí mật nói với một bà lão rằng: Sau khi tôi đi, bà hãy mang xác một phụ nữ đã chết đặt vào trong nhà và nói với chồng tôi rằng tôi đã chết! Bà lão sau đó chờ khi người chồng ấy không có nhà, lấy một xác chết đặt trong nhà ấy, đến lúc ông chồng quay về thì bà lão nói cho biết rằng: Vợ ông đã chết. Người chồng lập tức đến nhìn và tin là vợ mình, khóc lóc đau thương vô cùng, dùng nhiều củi khô và dầu để thiêu lấy xương cốt vợ mình, dùng túi cất giữ ngày đêm mang theo bên mình. Người vợ về sau thì tâm chán ghét người chồng phụ, bèn trở về nhà nói với người chồng ấy rằng: Em là vợ chàng. Người chồng trả lời rằng: Vợ tôi chết từ lâu, cô là ai vậy, sao nói bậy là vợ tôi? Cho đến nhiều lần như vậy, nhưng hãy còn cố chấp không tin. Giống như

ngoại đạo kia nghe tà thuyết nơi khác, tâm sinh đắm trước mê hoặc, nói là chân thật, vĩnh viễn không thể nào thay đổi, cho dù nghe chánh giáo nhưng vẫn không tin tưởng để thọ trì".

Lại trong kinh Bách Dụ nói: "Xưa có hai người khách buôn cùng đi buôn bán, một người bán vàng ròng, một người bán lụa Đâu-la. Có người đến mua vàng ròng, dùng lửa đốt mà thử vàng. Người bán lụa liền trộm lấy vàng bị đốt nóng của người ta giấu vào trong lụa Đâu-la. Lúc ấy vàng đang nóng cho nên dốt cháy sạch sẽ lụa là, sự tình đã lộ ra, hai chuyện đều thất bại. Giống như ngoại đạo kia trộm lấy Phật pháp đưa vào trong pháp của mình, ngông nghênh nói là đã có chứ không phải là Phật pháp. Vì nguyên cớ này kinh điển của ngoại đạo bị tiêu diệt không lưu hành ở thế gian; giống như người ngu kia trộm vàng thì sự tình đã hiện rõ ràng, cũng lại như vậy".

Lại trong kinh Bách Dụ nói: "Thời quá khứ có một người rợ Khương, trộm đồ vật trong kho của nhà vua mà chạy trốn đi xa. Lúc bấy giờ Quốc vương sai người đi khắp nơi truy nã, tìm kiếm bắt được mang đến bên nhà vua. Nhà vua liềntra hỏi vì sao có được áo quần quý báu này? Người rợ Khương đáp rằng: Áo quần của tôi chính là vật của ông nội tôi để lại. Nhà vua sai mặc áo quần, thật sự không phải là vật vốn của của người rợ Khương, cho nên không biết mặc thế nào, nên mặc vào tay thì lại mặc vào dưới chân, nên mang vào hông nhưng lại đeo trên đầu. Nhà vua thấy đúng là kẻ trộm, tập trung các quan cùng làm rõ chuyện này, mà nói cho biết rằng: Nếu là áo quần đồ vật của ông nội ngươi để lại, thì phải biết cách mặc chứ tại sao lại trái ngược, lấy trên làm dưới, lấy dưới làm trên? Bởi vì không biết, cho nên biết chắc chắn áo quần của ông nhất định là ăn trộm mà có chứ không phải là vật của tổ tiên người để lại. Mượn đây làm ví dụ, nhà vua dụ như Đức Phật, kho báu dụ như Phật pháp; người rợ Khương ngu si giống như ngoại đạo, trộm lấy lời dạy của Đức Phật đưa vào trong pháp của mình cho là tự mình có. Nhưng mà không hiểu cho nên bố trí Phật pháp sai lạc hỗn loạn từ trên xuống dưới, không thể nào biết được pháp tướng ra sao. Giống như người rợ Khương kia trộm được áo quần quý báu của nhà vua nhưng không biết thứ tự mà mặc trái ngược tùy tiện, cũng lại như vậy".

Lại trong kinh Bách Dụ nói: "Xưa có một người, hình dung đoan chánh - trí tuệ đầy đủ, lại nhiều tiền bạc, mọi người ở thế gian không có ai không ca ngợi. Lúc ấy áo người ngu thấy chuyện như vậy, liền nói là nah trai của mình. Gặp rồi về sau trả nợ lại nói rằng chẳng phải anh trai của mình. Người xung quanh nói rằng: Ông là người ngu, tai sao

cần đến tiền bạc mà lại nhận người khác làm anh mình, đến khi trả nợ thì lại nói là không phải anh mình? Người ngu đáp rằng: Tôi vì mong có được tiền bạc của cải của người ấy cho nên nhận làm anh mình, chứ thật sự không phải là anh mình. Mọi người nghe nói vậy không có ai không cười nhạo. Giống như ngoại đạo kia nghe lời nói tốt lành của Đức Phật, liền trộm lấy mà sử dụng và cho là mình có, thậm chí người xung quanh chỉ bày khiến cho tu hành mà không chịu tu hành, nhưng nói lời như vậy: Bởi vì lợi dưỡng cho nên trộm lấy giáo thuyết của Đức Phật để cảm hóa dẫn dắt chúng sanh, chứ không có gì thật sự, tại sao phải tu hành? Giống như người ngu trước đây bởi vì muốn có được tiền bạc, cho nên nói là anh mình, và đến khi trả lại món nợ ấy thì lại nói không phải anh mình; điều này cũng như vậy".

Tụng rằng:

Tà-chánh trái ngược như tối-sáng,
Thiện-ác khác nhau tự biểu lộ,
Đại Từ làm Phạm chí khuất phục,
Dựa vào không đều thay hình hài,
Sáu ngàn Phạm chí đều bỏ chấp,
Bảy chúng cùng gặp đều tốt lành,
Hạng tà vạy chí giả như nhau,
Lá đồng buộc bụng cầu danh lợi,
Thân Tử nhiều tài hoa trí tuệ,
Cảm hóa tùy theo mọi cơ duyên,
Bốn biện tài không gì không được,
Sáu thần thông phấn chấn anh hùng,
Dựa vào cơ biến phá tà đạo,
Tà kiến trốn biệt vào sâu xa,
Tự biết ánh đom đóm lập lòe,
Không sánh kịp ánh sáng vầng dương.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra sáu mục: 1- Biện Thánh chân ngụy; 2- Tà chành tương phiên; 3- Vọng truyền tà giáo; 4- Yêu hoặc loạn chúng; 5- Đạo giáo kính Phật; 6- Xả tà quy chánh.

1. Biện Thánh chân ngụy: Nói đến tà chánh xen lẫn nhau – họa phước vô cùng phức tạp, đương nhiên không phải bậc Thánh cao nhất thì làm sao có năng lực khai bày dạy dỗ? Vì vậy chín mươi lăm loại tôn chỉ của thần tiên cõi trên cao, hai mươi lăm loại kế sách của chúng sanh

phàm phu tăm tối, đều bày tỏ Chánh pháp cùng xưng là cứu giúp tất cả. Loại có Lỗ Bang - Khổng Thị, dẫn dắt lễ nghi an lạc ở Cửu Châu; Sở Quốc - Lý Đam, mở thông huyền vi hư giả tại Ngũ Nhạc, các quan lại hướng về công việc then chốt, cùng phân rõ đối với khu vực hạn định, biện giải ngăn chặn sự ngang ngược – lý lẽ rõ ràng sửa trị bao nỗi đam mê, khiến cho mê hoặc giăng đầy che lấp tâm tư không biết tìm về nơi đâu. Không bằng giác ngộ rộng lớn vô tư-đạo lý cứu giúp chúng sanh, u hiển quy về nới tâm, phàm Thánh cúi đầu lễ lạy. Ví như bầu Trời không thể có hai mặt, một nước không thể có hai vua. Vì vậy trên cõi Trời, dưới trần gian đều xưng là Độc Tôn, ba ngàn Đại thiên thế giới đều xưng là Chánh Giác, là người đứng đầu dẫn dắt bốn loại chúng sanh, làm con tàu ngược xuôi giữa 6 nẻo khổ đau. Vì vậy trong Sử sách có chi: "Thái tể hỏi Khổng Tử rằng: Phu Tử là Thánh nhân ư? Đáp rằng: Không phải, biết nhiều nhớ nhiều không phải là Thánh nhân. Lại hỏi: Tam Vương là Thánh nhân chăng? Đáp rằng: Tam Vương khéo dùng trí dũng, bậc Thánh không phải Khâu tôi biết được.

Lại hỏi: Ngũ Đế là Thánh nhân chăng? Đáp rằng: Ngũ Đế khéo dùng chân nghĩa, bậc Thánh không phải Khâu tôi biết được. Lại hỏi: Tam Hoàng là Thánh nhân chăng? Đáp rằng: Tam Hoàng khéo dùng tình hình đương thời, bậc Thánh không phải Khâu tôi biết được. Thái Tể rất kinh hãi nói rằng: Vậy thì ai là Thánh nhận vậy? Phu Tử lộ vẻ xúc động mà đáp rằng: Khâu tôi nghe ở cõi Tây phương có bậc Thánh như vậy, không sửa trị mà không hỗn loạn, không nói năng mà tự tin theo, không cảm hóa mà tự thực hành, vĩ đại thay đối với loài người không có ai có năng lực nói ra như vậy". Căn cứ vào đây mà nói, thì Khổng Tử biết sâu sắc Đức Phật là bậc Đại Thánh, thời duyên chưa lên cao cho nên im lặng mà biết, có cơ hội cho nên tiến hành, nhưng chưa có thể nói thẳng mà tạm thời bày tỏ thôi. Lại trong thời Hậu Hán, Sử Quan Truyền Nghị kiên quyết tiến hành hiển bày Phật hóa, soạn ra Pháp Bổn Nội Truyện rằng: "Năm thứ ba niên hiệu Vĩnh Bình thời Hán Minh Đế, trong giấc mộng thấy người Thần, thân sắc vàng trượng sáu sau gáy có ánh sáng màu trắng. Tỉnh giấc rồi hỏi các quan, Truyền Nghị trả lời cho biết, có Đức Phật xuất hiện ở Thiên Trúc. Thế là sai sứ đến cầu tìm, có được kinh tượng và hai vị Tăng. Nhà vua mới xây dựng chùa Phật họa trên bức tường, ngàn vạn người cưỡi ngựa đi vòng quanh tháp ba vòng. Lại ở đài Thanh Lương - Nam Cung và nơi Hiển Tiết Lăng trên cổng Cao Dương họa hình Đức Phật dựng lên hình tượng, đồng thời niêm phong kinh Tứ Thập Nhị Chương ở Lan Đài nhà bên ểai". Rộng ra như

trước đã thuật lại trong thiên Kính Tam bảo. Truyện nói: "Lúc ấy có Sa môn Ca Nhiếp Ma Đằng Trúc Pháp Lan, địa vị công hạnh khó lường - chí hướng thuộc về khai hóa, Thái Âm sai sứ đến thỉnh Ma Đằng đi đến phương Đông, không theo khu vực mà thuận tiện đến Lạc Dương, chỉ bảo cho biết cái lẽ của sự vật - sùng kính làm cho sáng tỏ nguồn gốc của niềm tin. Nhà vua hỏi Ma Đằng: Pháp Vương xuất thế vì sao tự cảm hóa không đến được nơi này? Đáp rằng: Ca-tỳ-la-vệ là trung tâm của trăm ức mặt trăng mặt Trời trong ba ngàn Đại Thiên thế giời, ba đời chư Phật đều giáng sanh tại đó, cho đến thiên long quỷ thần hễ có nguyện hạnh đều sanh vào chỗ đó, tiếp nhận Chánh pháp giáo hóa của Đức Phật đều được ngộ đạo, chúng sanh nơi khác không có duyên cảm với Phật thì Phật không đến, tuy Phật không đến mà ánh sáng soi chiếu khắp nơi, hoặc là năm trăm năm, hoặc là một ngàn năm, hoặc là hơn một ngàn, đều có Thánh nhân trong bà thanh giáo của Đức Phật mà cảm hóa dẫn dắt chúng sanh".

Truyện nói: "Ngày mồng một tháng Giêng năm thứ mười bốn thời Hán Vĩnh Bình, đạo sĩ các núi vùng Ngũ Nhạc theo thứ tự đang triều kiến, tự truyền tin cho nhau rằng: Thiên Tử bỏ đạo pháp của mình đi xa cầu mong giáo pháp của người Hồ, nay nhân dịp triều kiến tập trung lại có thể bày tỏ sự chống đối này. Tấu biểu ấy sơ lược rằng: Đệ tử và các thiện tín ở ba động Thái Thượng - đạo quán mười tám núi thuộc vùng Ngũ Nhạc gồm sáu trăm chín mươi người, còn như phương thuật thì không ai không có năng lực, nguyện cho phép đọ sức với Tăng xứ Tây vực để phân rõ thật - giả, nếu đọ sức không bằng thì tùy ý quyết định, nếu như có trội hơn thì cầu xin loại bỏ điều hư vọng! Sắc chỉ sai Thượng Thư lệnh Tống Tường dẫn vào cung Trường Lạc, vào ngày mười lăm tháng này có thể tập trung tại chùa Bạch Mã. Các Đạo sĩ thì thiết lập ba đàn, mỗi đàn mở ra hai mươi bốn cửa, Đạo sĩ vùng Ngũ Nhạc đều ôm Đạo kinh đặt vào ba đàn, nhà vua thân hành đến tại sảnh đường ở cửa phía Nam chùa, Xá-lợi Phật và kinh tượng đặt ở đường phía Tây. Ngày mười lăm thọ trai xong, các Đạo sĩ dùng củi cây cói và trầm đàn hương làm đuốc, đi vòng quanh kinh điển rơi nước mặt, khởi bạch Thiên Tôn cầu xin ứng nghiệm, châm lửa đốt kinh. Kinh theo ngọn lửa thiêu cháy tất cả trở thành tro tàn, Đạo sĩ vùng Ngũ Nhạc nhìn nhau thất sắc, vô cùng sợ hãi, Đạo sĩ vùng Nam Nhạc là Phí Thúc Tài tự thất vọng mà chết. Đại Truyền Trương Diễn nói với các thiện tín rằng: Các ông đã thi không có linh nghiệm, tức là hư vọng, nên xác định giáo pháp đến từ Tây Vực là pháp chân thật. Các thiện tín nói: Mao Thành Tử nói rằng:

"Thái Thượng ấy chính là Linh Bảo Thiên Tôn, thực hiện tạo hóa, gọi là Thái Tố", điều này há giả dối ư? Trương Diễn nói: Thái Thượng có tiếng là quý đức, không có danh xưng của ngôn giáo, nay Thành Tử nói có ngôn giáo, tức là giả dối vậy. Các thiện tín nghe mà im lặng không trả lời. Lúc ấy Xá-lợi Phật phát ra ánh sáng năm màu, thẳng lên giữa hư không xoay tròn như cái lọng, che khắp đại chúng sáng rực làm khuất ánh sáng mặt Trời, Pháp sư Ma Đằng vút mình bay lên cao, ngồi nằm giữa hư không hiện bày những thần thông biến hóa. Lúc ấy Trời mưa hoa báu rải trên Phật và Tăng, lại nghe nhạc Trời cảm động tình người, đại chúng đều vui mừng ca ngợi chưa từng có, đều vây quanh Pháp Lan, nghe thuyết về pháp chủ yếu và nói ra Phạm âm ca ngợi công đức của Phật. Bắt đầu xây dựng chùa Phật số lượng giống như Phạm Phước. Kì Lưu Tuấn là quan Tư Không tại thành Dương, cùng với các quan nhân sĩ thứ có hơn một trăm người xuất gia; các Đạo sĩ Tứ Nhạc là Lữ Tuệ Thông cùng với sáu trăm hai mươi người xuất gia; Âm phu nhân - Vương Tiệp Dư..., cùng với các cung nhân phụ nữ có hai trăm ba mươi người xuất gia. Thế là xây dựng mười ngôi chùa, bảy ngôi ở ngoài thành bố trí cho Tăng, ba ngôi trong thành bố trí cho Ni. Từ đây về sau mở rộng ra khắp thiên hạ". Truyện có năm5 quyển, sơ lược không ghi lại đầy đủ, có người ngờ vực truyện này xuất hiện gần đây, vốn không có sự việc về đấu sức. Dựa vào Ngô Thư nghi rõ là Phí Thúc Tài có thất vọng mà chết, cho nên truyện là ghi lại sự thật chứ không giả dối.

Ngô Thư nói: "Tôn Quyền Xích Ô năm thứ bốn có Sa môn nước Khang Cư tên là Tăng Hội - họ Khang, đi đến nước Ngô, liền cảm được Xá-lợi, ánh sáng năm màu chiếu sáng Trời đất, chày đánh càng cứng, lửa đốt không cháy, ánh sáng phát ra ngọn lửa làm thành đóa hoa sen to lớn chiếu sáng bừng cung điện. Vua quan kinh hãi ca ngợi là điềm lành hiếm có, vì vậy mà xây dựng chùa tháp độ người xuất gia. Lại bởi vì giáo pháp mới phát triển cho nên gọi là chùa Kiến Sơ. Hạ chỉ hỏi Thượng Thư lệnh Khám Trạch rằng: Từ thời Hán Minh Đế đến nay gồm có bao nhiêu năm, Phật giáo truyền vào đất Hán đã lâu, vì sao chỉ mới đến vùng Giang Đông? Khám trạch nói rằng: Từ năm thứ mười niên hiệu Vĩnh Bình - Hán Minh Đế thì Phật pháp bắt đầu truyền vào, cho đến bây giờ là năm thứ tư niên hiệu Xích Ô, thì được một trăm bảy mươi năm rồi. Đầu năm thứ mười bốn niên hiệu Vĩnh Bình, Đạo sĩ vùng Ngũ Nhạc cùng với Ma Đằng đấu sức, lúc ấy Đạo sĩ không sánh bằng, Đạo Sĩ Nam Nhạc là Phí Thúc Tài cùng các thiện tín, ở đấu trường tự thất vọng mà chết, môn đồ đệ tử trở về chôn cất tại Nam Nhạc không có ý

định xuất gia, không có người lưu truyền rộng ra, sau gặp lúc triều nhà Hán suy sụp binh loạn không dứt, trải qua đến nay đã nhiều năm mới được lưu hành trở lại”.

Lại nói: “Khổng Khâu - Lý lão có thể so sánh cùng với Phật hay không? Kham Trạch nói: Hạ thần nghe Khổng Khâu ở nước Lỗ là bậc anh tài xuất sắc đức hạnh cao vời khác người, thế gian gọi là Tố Vương, biên soạn kinh điển, khuyên răn dạy bảo đạo lý chu toàn, giáo hóa để hòa hợp với nhau, là phong các của bậc thầy Nho giáo, ân huệ thấm nhuần xưa nay. Cũng có người ở ẩn như Hứa Thành Tử - Nguyên Dương Tử - Trang Tử - Lão Tử..., Bách Gia Tử Thư đều là tu thân tự mình thưởng thức, làm cho thông suốt hang núi mặc dù vất bỏ tâm tư, học hỏi trở về cuộc sống thanh đạm, việc làm khác với tiết tháo lớn nhỏ của Nhân luân, cũng trái với phong cách làm yên thế tục cảm hóa dân chúng. Đến thời Hán Cảnh Đế thì Hoàng Tử - Lão Tử hiểu ý nghĩa càng sâu sắc, Cải Tử làm kinh, mới lập ra Đạo học, sắc lệnh cho triều đình và dân gian đều đọc tụng. Nếu lấy hai giáo Khổng - Lão, so với Phật pháp, xa thì xa rồi. Vì sao như vậy? Bởi vì hai giáo Khổng - lão là đạo lý tự nhiên dùng sức mạnh để rằng buộc, không dám làm trái tự nhiên. Chư Phật thiết lập giáo pháp, thiên thần noi theo phụng hành, không dám làm trái lời dạy của Phật. Vì vậy mà nói, thật sự không thể so sánh được. Nay thấy Chương Tiếu giống như phong tục thờ cúng thần linh sắp đặt rượu thịt đàn ca xướng hát thật rộn ràng. Chúa Ngô rất vui lòng, dùng Kham Trạch làm thầy dạy cho Thái tử”.

Tống Văn Đế là con thứ ba của Cao Tổ, thông minh sáng suốt có tài năng và trí tuệ hơn người, tên gọi thường ngày là Lệnh Đạt, tại vị 30 năm. Thường vào ngày rãnh rang thong dong mà thăm hỏi Thị Trung Hà Thượng Chi - Lại Bộ Dương Huyền Bảo rằng: Trẫm từ trẻ đến nay học kinh không nhiều, gần đây lại không có thời gian rỗi, nhân quả ba đời không phân rõ trong lòng, mà lại không dám thiết lập điều gì khác, đích thực vào lúc các khanh xuất sắc thẳng thắn làm cho tin tưởng cung kính. Đáp rằng: Phạm Thái - Tạ Linh vận thường nói “ Văn trong 6 kinh điển vốn thuộc về cứu đời làm công việc, ắt phải cầu mong tánh linh thật sự sâu xa”, lẽ nào có thể không lấy Phật lý làm kim chỉ nam ư? Nhà vua nói: Thích Môn có khanh, cũng giống như Khổng Môn có Quý Lộ, đó gọi là nói xấu xa không đi vào lỗ tai vậy. Từ đó văn Đế thăm hỏi mà quyển kinh Phật không rời tay.

2. Tà chánh tương phiên: Tà Hoặc hỏi rằng: Bởi vì nghe Thích Ca giáng sanh tại Thiên Trúc, Tu Đa la xuất hiện từ Tây Phồn, danh hiệu

không truyền bá ở Chu Khổng, công đức không nói ra ở Điển Mô, thật sự xa mà rợ Di tôn kính, không phải là Sư Nho của Trung Hạ, xây nhiều tinh xá nhà cửa khắp nơi, hao phí vàng bạc lụa là mà phước lợi ở chỗ nào? Không bằng trừ bỏ tượng mà đoạn tuyệt đúc chạm, làm thành tiền tệ lưu hành có thể không tổn hại, hủy kinh để ngăn cấm sao chép, phế bỏ Tăng mà sắp xếp theo địa vị xã hội của gia đình, trộm cho rằng ích nước lợi dân, gia đình hưng thịnh, nhiều phước đức hơn.

Phương Ngoại đáp rằng: Xét rằng đây là sự việc hỗn loạn quá mức chứ không phải là đạo của trung hiếu. Nói đến bề tôi trung thành phụng sự đất nước, nguyện vọng thụ hưởng phước thiện không tận cùng; con cái hiếu thảo làm yên lòng cha mẹ, cốt phải phòng ngừa tai họa từ lúc chưa xảy ra. Nghe nhiều nhân duyên của phước, mưu cầu mà dường như không kịp; nhìn thấy mần tai họa xảy ra, phòng ngừa mà giống như tìm cách loại bỏ. Đất nước coi trọng sự cầu khấn Trời đất, hy vọng bởi phước thiện. Gia đình phòng ngừa sự xung khắc của âm dương, xung khắc ấy là tai họa. Phước thiện nghi ngờ thuận theo mà lấy, tai họa nghi ngờ thuận theo mà bỏ, là tình ý của con người vậy. Đạo của trung hiếu ở đâu? Con mà bỏ của người thì đó gọi là phước, lấy của người thì đó gọi là họa, há đúng là kế sách của bề tôi trung thành làm lợi ích cho quốc gia, chứ không phải là phương pháp của con cái hiếu làm yên lòng cha mẹ? Nếu như phế bỏ ngũ cốc dâng cúng nơi tông miếu, thêm vào cá thịt cho con cháu, phá hủy mũ miện đã từng đội trên đầu, làm đầy đủ áo quần cho thê thiếp tôi tớ, tùy tiện mưu cầu ân huệ dưới thấp, không chú trọng phước thiện trên cao, hối hận nuôi dưỡng cha mẹ tốn cơm, suy nghĩ phế bỏ nuôi dưỡng cha mẹ có lợi cho vợ con, như vậy có thể gọi là đạo lý trung hiếu chăng?

Trí tuệ thông suốt ba cõi, trăm vị Thần không thể tương tự với sự thông suốt ấy; tôn quý có đủ mười lực, ngàn vị Thánh không đủ làm bạn với sự vĩ đại ấy, muôn vạn mê hoặc đã diệt hết, muôn vạn công đức đã đầy đủ, Phạm Thiên kính trọng khâm phục, Đế Thích tôn xưng bậc thầy, đạo lý cứu giúp bốn loại chúng sanh, giáo hóa tất cả ba cõi, bạt trừ sanh tử mãi luân hồi, thị hiện Niết-bàn luôn an lạc, Chu Khổng không đủ để bàn luận, thực hiện cứu giúp tất cả mọi nơi, Nghiêu Thuấn xưa kia hãy còn các bệnh, bình đẳng Từ bi mà không bỏ loài nào, có thể không nói là nhân ái ư? Đầy đủ trí tuệ mà có Diệu Giác, có thể không nói là bậc Thánh ư?

Nói đến đạo lý cao nhất của thể chất, nhân ái, Thánh hiền ấy có lẽ nào là lời xảo trá lừa dối tùy tiện hay sao? Lặng yên mà suy nghĩ

thì niềm tin càng kiên cố rồi. Còn như công lao tạo dựng chùa chiền thì sâu rộng sánh bằng biển cả, phước thiện tiếp độc chúng Tăng chồng chất sánh tựa núi cao, đấng Pháp Vương đã nói rõ ràng, hàng Khai Sĩ đã khuyên chân thành, nếu như phát triển thì tăng thêm niềm vui lợi ích cho đất nước, không phải cũng là to lớn ư? Cung kính thì phát sinh thiện nghiệp làm lợi ích cho đất nước, không phải cũng là rộng lớn ư? Hoặc là tổn hại ít mà lợi ích nhiều, há không phải là điều nên chú trọng của quốc gia ư? Hoặc là lợi ích nhỏ mà tổn hại lớn, há không phải là điều nên phòng ngừa của dân chúng ư? Bề tôi không có sự cẩn thận này đối với nhà vua của mình, thì không phải là bề tôi trung thành. Con cái không có sự suy nghĩ này đối với cha mẹ của mình, thì không phải là con cái hiếu thảo.

Tà Hoặc hỏi rằng: Phật pháp vốn xuất hiện từ Tây Phồn, không nên tôn thờ ở Trung Quốc như vậy?

Phương Ngoại đáp rằng: Bởi vì tôi xuất hiện từ Tây Nhung, giúp đỡ Tần Mục để mở rộng sự nghiệp bá chủ; Nhật Đê sanh ra tại Bắc Địch, hầu hạ Hán Vũ mà loại trừ nguy cơ tổn hại, bề tôi đã có thì bậc thầy cũng nên như vậy, việc gì phải chọn lấy phong tục giống nhau mà loại bỏ xứ sở khác biệt như vậy? Bậc thầy lấy đạo to lớn làm cao quý, không màng đến chỗ này chỗ kia; giáo pháp lấy thiện cao xa làm hơn hẳn, không phân biệt đối với gần xa. Há có thể vì sanh ra ở khu vực khác mà coi rẻ đạo lý của họ, xuất hiện ở xứ sở xa mà cất bỏ vạt báu của họ ư?

Nói đến con ngựa tốt nhất đàn, không phải chỉ là sản nghiệp của thành ấp trung tâm, là vật báu của thế gian không ai sánh kịp, không cần đến những đồ vật trang sức đẹp đẽ. Nước Hán cầu mong con ngựa nổi tiếng của Tây Vực, nước Ngụy thâu nhận ngọc quý sáng ngời của Nam Hải, dâng tặng ngà voi, sừng tê giác, chọn lấy bộ lông của chim phỉ thúy; vật sanh ra ở khu vực xa cách không thể không quý trọng, Phật xuất hiện ở phương xa làm sao chỉ có vất bỏ hẹp hòi? Như vật làm thuốc sanh ra tại Nhung, Di, chú thuật cấm đoán dấy lên tại Hồ-Việt, nếu như có thể diệt trừ tà vạy mà còn loại bỏ bệnh tật, thì lẽ nào vì xuất hiện ở phương xa mà không cần sử dụng hay sao?

Diệt trừ ba độc để chứng đến vô vi, thì loại bỏ tà vạy đó cũng nhiều rồi; trừ bỏ tám khổ mà khiến cho thường an lạc, thì chữa lành căn bệnh ấy cũng sâu sắc rồi. Sao cần phải hạn chế Di, Hạ mà phân biệt đối với thân sơ? Ví như dưới trăm ức mặt trăng mặt Trời- trong ba ngàn Đại thiên thế giới, thì trung tâm thuộc về khu vực ấy chứ không nằm ở

xứ này vậy.

Tà Hoặc hỏi rằng: Thi thư chưa hề nói, lấy làm Tu Đa la, không để tôn sùng đâu!

Phương Ngoại đáp rằng: Nói đến sự bí mật khó hiểu của thiên văn lịch tượng, sự cao vút kỳ lạ của địa lý sơn xuyên, sự chẩn đoán kiểm tra về kinh mạch khổng huyệt, sự pha chế phương thuật của châm dược phù chú, thì trong Thy Thư có nơi không ghi lại, bởi lẽ Chu Khổng không nói rõ ràng, nhưng kiểm tra sự lành dữ đã có biểu hiện rồi, quan sát công dụng thực hành đó đã có nhiều hiệu quả to lớn. Vả lại Chu Khổng không nói đến vật khác, bởi lẽ lộn xộn vô cùng tận; Thy Thư không ghi lại cách thức, bởi lẽ mênh mông nào giới hạn, tin rằng viết không hết lời, nói không hết ý, sao có thể trói buộc hạn chế giáo pháp trong 6 kinh, mà rời bỏ chỉ nối thông của Tam Thừa như vậy? Nói đến việc có thể làm chưa xuất hiện ở thời xa xưa, Thánh nhân mở ra thực hiện cho thời đại sau, cho nên nóc nhà dễ dàng làm thành tổ chim cư trú, chữ viết thay thế dây thừng dùng sức mạnh để ràng buộc. Loài sống nuốt tươi, thì trước tiên sử dụng mà không coi trọng; công nấu chín gạo để ăn, tuy làm sau mà không phải là tệ hại. Cũng giống như lúc còn nhỏ ăn lá đậu rau lê, lớn lên ăn cơm ngon thịt ngọt; trẻ mặc áo vải, già gặp lụa quý, há có thể vì lá đậu ra lê trước kia đã gặp mà nói là hơn hẳn mùi vị của cơm ngon thịt ngọt, gấm lụa cao sang về sau mới gặp không quý bằng áo vải đã mặc ngày xưa ư?

Bởi lẽ vạn vật có thay đổi, Tam bảo mãi mãi còn, vắng lặng không lay chuyển, cảm mà hóa hiện khắp nơi, không phải là ban đầu sinh ra tại Vương cung, cuối cùng lìa trần nơi Song Thọ, sao có thể luận bàn về sanh diệt, phú cảm dài ngắn nào có đến có đi?

Tà Hoặc hỏi rằng: Phật là sức lực của yêu quái tà ma, chùa là nơi cúng tế của hạng dâm tà, há có thể làm bậc Thầy mẫu mực của người Trung Hạ?

Phương Ngoại đáp rằng: Yêu quái chỉ làm điều ác nghiệp, lẽ nào mở rộng mười thiện nghiếp giáo hóa; ma quỷ chắc chắn là dựa vào tà vạy, lẽ nào phát triển 8 chánh đạo tu hành? Yêu quái hãy còn sợ chó, ma quỷ cũng sợ hồ li, làm sao hàng phục được tâm cao xa của Đế Thích, làm sao đánh bại được sức lực to lớn của Thiên Ma? Lại như Đồ Trừng - La Thập là bạn bè, Đạo An - Tuệ Viễn là chung lứa, đức hạnh cao vời danh tiếng lẫy lừng không ngông cuồng không say sưa, lẽ nào cho phép chối bỏ tình thương và địa vị cao quý, cầu mong tà đạo của hạng yêu ma quỷ quái? Lẽ nào mình chịu khó chịu khổ giữ tiết tháo, tôn thờ loại thần

kỳ yêu quái tà ma? Vả lại, từ thời Đông Hán đến Đại Đường ta, thời đại nào cũng ngăn cấm tà thuyết mê hoặc người, khắp mọi nơi đều đoạn trừ cúng tế vô ích, lẽ nào cho phép hao phí tiền bạc sức lực của mình, hủy hoại dân chúng trong đất nước mình, xây dựng chùa tháp của yêu quái, tiếp nhận đồ chúng của tà Ma-hay sao? Vả lại, vua tôi từ thời thượng cổ chú trọng nhất là luân lý làm người, cùng vâng theo giáo pháp mà quy y, dốc lòng để sùng kính tin tưởng, lẽ nào cho phép tôn sùng yêu quái hầu hạ ma quỷ mà tự mình khuất phục hay sao? Bởi lẽ nhìn thấy vi diệu biết là chân thật mà khiến cho như vậy thôi. Vua chúa sáng suốt bề tôi tài đức mưu cầu phước đức ấy, tất cả những người.

Phương Ngoại đáp rằng: Điều này lại nói mà không suy nghĩ. Bởi lẽ tôn sùng tạo ra hình tượng linh thiêng mô tả tướng mạo cao quý, vốn sử dụng nhiều cách, không phải chỉ có bùn đất gạch ngói, hoặc là chạm trổ hoặc là đúc nắn, thì dùng sắt thép gỗ đá vàng đồng mà họa vẽ mà thêu dệt thành hình tượng; cũng thuộc về mùa sắc đỏ xanh, lụa là tốt đẹp, lại nói là gái trái ở Tây Vực đều thuận theo vật này mà sinh sống ư? Vả lại, miếu thờ của Trung Quốc dùng gỗ cây làm chính, thì nói là quy định lễ nghĩa vua tôi đều từ cây gỗ mà phát sinh ư? Cha mẹ không thể quên cho nên làm ra tông miếu thờ phụng, Đức Phật không thể quên cho nên tạo lập hình tượng tôn thờ, để bày tỏ tâm tư không tận cùng, cung kính giống như vẫn tồn tại, kính trọng Thánh nhân ngưỡng mộ đức hạnh, có gì sai trái đâu? Nếu tháp miếu thờ phụng hình tượng toàn là bùn đất cây gỗ đáng cung kính, thì hình tượng thờ cúng nơi miếu đền trong nước chủ yếu là cây gỗ cũng không đáng cung kính ư? Bởi lẽ lấy điều thiện làm sai lầm, cho nên cũng lấy điều ác làm công lao rồi.

Tà Hoặc hỏi rằng: Không có Phật thì đất nước thái bình dài lâu, có Phật thì chính sách tàn bạo phước lộc ngắn ngủi như vậy?

Phương ngoại đáp rằng: Điều này lại nói mà không suy nghĩ hành vi sai trái nhất định phát ra bởi lời nói này. Người ngu nói là bậc năng Nhân thiết lập giáo pháp, đều là phong cách nói rõ những điều tàn bạo; Bồ-tát xây dựng lời nói, chuyên mở rộng việc làm của Kiệt, Trụ; theo thực tế mà luận bàn thì thật không phải như vậy rồi: Rằng nhà Ân mất ngôi báu tai họa nổi lên lời nói của Thư Phi, nhà Chu mất chư hầu họa hoạn do nụ cười của Bao Tự, ba đời suy vong đều co tình cảnh này, giáo pháp của Tam Thừa lẽ nào chú trọng điều này sao? Đạo lý của Phật là Từ bi Hỷ Xả, oán thân đều che chở, vật và mình cùng bình đẳng, ân đức đã rộng lớn, hiền ngu ngưỡng mộ đạt đến. Giả sử đức của Hy Thuấn Vũ, thuộc về sáu Độ mà bao bọc phủ che; lỗi của Nghệ Trạc Quý Tân, tất

cả mười ác mà phòng ngừa cấm chỉ; giả sử vua Kiệt mở rộng giáo pháp Thiểu Dục, vua Trụ thuận theo đạo lý Đại Từ, Y Lữ không sử dụng mưu kế của mình, Thang Vũ làm sao có thể tiến hành đánh dẹp; có thể làm cho Minh Điều tránh được họa mất nước, Mục Dã chấm dứt loạn trở giáo, Hạ Hậu thuận theo ca khúc của Lạc Nhuế, Sở Tử không còn than thở bởi Càn Khê. Vậy thì sự giáo hóa của Thích Thị, làm lợi ích không phải là nhỏ, kéo dài phước thiện tốt lành đến vô cùng, ngăn chặn nguy cơ diệt vong từ khi chưa báo trước.

Tà Hoặc hỏi rằng: Có thì làm cho tổn hại, không có thì làm cho lợi ích, vì vậy trước khi chưa có Phật pháp , mọi người đều chất phác hòa thuận, thế gian không có soán nghịch; từ khi Phật pháp truyền đến thì nổi lên nhiều điều sai trái hỗn loạn như vậy?

Phương Ngoại đáp rằng: Loại ngu si đần độn không suy nghĩ thì phát ra hành động hung ác sai trái đến hạng dân đen loạn đức, há không phải là thời gian không có Phật ư? Mầm mống nghịch mạng, không phải là về sau cần có phép tắc ư? Cuối thời Hạ - Ân, nào có chất phác hòa thuận? Trong thời Xuân - Thu, lẽ nào không có soán nghịch? Giặc cướp gian trá hung tàn, làm cho mạng người quay về với lỗi lầm; Hiểm Doãn - Khổng Xí, nhờ người làm thay ở Cát Phủ, mà người ngu nói rằng: Phật làm cho soán nghịch dấy lên, pháp làm hư hoại sự chất phác hòa thuận, chuyên tạo ra lời nói giả dối đều trái với sự thật đã ghi; trộm một vật nhỏ, Phật hãy còn ngăn cấm, há là loạn soán nghịch muôn đời ư? Tranh nhau một lời, Phật cũng ngăn ngừa, sao nỡ làm hỏng đạo lý chất phác hòa thuận ư? Chỉ có Phật mới là người dạy bảo, khuyên bề tôi theo lòng trung thành, khuyên con cái giữ lòng hiếu thuận, khuyên đất nước giữ gìn yên ổn, khuyên gia đình giữ gìn hòa thuận, mở rộng điều thiện chỉ rõ niềm vui của thiên đường, ngăn chặn điều sai nêu ra nỗi khổ của địa ngục; không phải chỉ riêng một chữ mà cho rằng có thể bình luận được, há ngăn lại 5 hình phạt mà làm cho cảnh giác ư? Chính là nói rằng cản trở hòa thuận mà muôn đời hỗn loạn, cũng không phải là vu cáo bài báng quá đáng hay sao? Cũng có gì tổn hại đối với vầng dương Phật pháp đâu, mà chỉ tự mình ra vào trong biển khổ mịt mù rồi! Coi thường mà không phòng ngừa, thật là đáng thương thay!

Tà Hoặc hỏi rằng: Đạo Trời không có thân thiết mà bỗng nhiên thành hư giả rõ ràng, họa phóng túng phước thiện vì cớ gì sai sót vậy? Vì sao người làm tổn hại suy tàn lại trở thành hưởng thụ tuổi cao? Người tôn sùng kính trọng cuối cùng lại không hưởng được tuổi thọ của họ? Nghĩ rằng làm phước gặp điều vui mừng, tạo ác chuốc lấy tai ương, sao

lại tiến lùi mâu thuẫn như vậy? Tình trạng rõ ràng như vậy, lấy bỏ tự trái ngược nhau, dường như là ứng đối vậy?

Phương Ngoại đáp rằng: Đạo giáo nông nổi sơ sài có lẽ nào hiểu rõ về báo ứng ba đời? Nho tông không sáng suốt chỉ nói đến một đời hiện tại. Vì vậy Trọng Ni trả lời Quý Lộ rằng: Cuộc đời cùng với việc người mà ông hãy còn chưa biết, cái chết cùng cới quỷ thần thì ông làm sao có thể tham gia được? Trong Viên Hồng Hậu Hán Thư nói: "Đạo gia thì phát sinh ra từ Lão Tử, lấy sự yên lặng rỗng rang đạm bạc làm chính, giúp đỡ điều thiện - ghét bỏ đều ác làm giáo lý. Nuôi dưỡng vợ con sử dụng bùa chúa, họa phước báo ứng ở trong một đời". Đây đều là khởi xướng gần gũi trong khu vực, không phải là bàn luận xa xôi ngoài chỗ khác. Vì lẽ đó vui lòng tùy tiện, nghi ngờ lớn lên, lịch sử thay đổi càng thêm mê hoặc, thậm chí như Đường Ngu Thượng Thánh mới nuôi nấng Chu Quân, Cổ Tẩu Hạ Ngu thì sanh ra Hữu Thuấn, Nhan Hồi Đại Hiền mà chết yểu, Thương Thần cực ác mà con cháu hưng thịnh, Đạo Chích trộm cướp mà phước suốt đời, Di Thúc rất nhân hậu mà chết đói, Trương Thang làm quan mà tàn bạo 7 đời lưu truyền bổng lộc, Tỉ Can là bề tôi thẳng thắn mà một mình bị tàn sát. Những loại như vậy nêu ra sao có thể kể xiết, phần lớn có lẽ là dẫn đến nghi ngờ vốn dĩ thường tình mà thôi. Vì lẽ đó chỉ có đạo lý giác ngộ của Phật được gọi là Chánh Biến Tri, nói rõ hai đời xa xôi phô bày rộng về báo ứng ba đời, muốn làm cho mù nghi ngờ cuộn lại, mây đen vần vũ bao kiếp tách ra, lời vàng ngọc nói rõ tất làm cho hiển bày đầy đủ. Cho nên trong kinh nói: "Có nghiệp hiện tại khổ mà có báo ứng khổ, có nghiệp hiện tại khổ mà có báo ứng vui, có nghiệp hiện tại vui mà có báo ứng vui, có nghiệp hiện tại vui mà có báo ứng khổ". Có lẽ là phước còn lại chưa hết cho nên quả ác không lập tức xảy ra, hoặc là tai ương vốn có hãy còn thiện duyên nên lập tức phát ra. Như tro che khuất ngọn lửa, há nhất định nói là không có hay sao? Như trong tối tăm tìm theo tiếng vang nên biết rằng nhất định phải có. Vả lại, thiện ác không hề sai lạc, giống như kỳ lân đánh nhau mà mặt Trời khuất bóng; báo ứng có chỗ quay về, giống như cá kình chết mà sao Trời xuất hiện. Chỉ xem kỹ trong phần Cảm Thông, thì đủ sáng tỏ về báo ứng của thiện ác vậy.

3. Vọng truyền tà giáo: Trộm nghe rằng ngựa trắng đi đến phương Đông, Tam Tạng bắt đầu từ đây mà phát khởi; trâu xanh đi về phương Tây, Nhị Thiên từ nơi này mà lưu hành xuất hiện. Hoặc là nói rõ Huyền Huyền để cảm hóa dân chúng, hoặc là trình bày không không mà cứu giúp mọi loài. Nghiệm xét văn bản tôn chỉ rõ ràng như dựa vào lòng

bàn tay có thể biết, cho nên biểu đạt hiển bày mục đích cuối cùng ở tại thế gian này. Thời đại phiên dịch của Thích Giáo rõ ràng như vậy, văn chương sử sách đầy đủ làm sáng tỏ khiến cho dân chúng không mê hoặc, còn như sách vở sâu xa khó hiểu của Đạo Gia, thì không phải như vậy. Chỉ có Nhị Thiên của Lão Tử mà Lý Đam tự mình nói rõ, các kinh giáo còn lại đều xen lẫn phàm tình. Tại vì sao? Bởi lẽ thời Tiền Hán có Vương Bao tạo ra kinh Động Huyền, thời Hậu Hán có Trương Lăng tạo ra kinh Linh Bảo và Chương Tiếu Đẳng Đạo Thư gồm hai mươi bốn quyển, thời Ngô có Cát Hiếu Tiên tạo ra kinh Thượng Thanh, thời Tấn có Đạo sĩ Vương Phù tạo ra kinh Minh Uy Hóa Hồ, lại có Bảo Tịnh tạo ra kinh Tam Hoàng, thời Tề có Đạo sĩ Trần Hiển Minh tạo ra kinh Chân Bộ Hư Phẩm gồm sáu mươi bốn quyển, thời Lương có Đào Hoằng Cảnh tạo ra Kinh Thái Thanh và Chúng Tiếu Nghi gồm 10 quyển. Thời Hậu Chu Vũ Đế tiêu diệt hai giáo, có Đạo sĩ Trương Tân trước ở Hoa Châu, dạy bảo truyền cho Thứ Sử Châu này; Đạo sĩ Tiêu Tử Thuận trước ở Trường An, cùng tên gọi Đạo Hàng, tuyển được Khai Phủ; Đạo sĩ Mã Dực trước ở Phù Phong, Biệt Giá Ung Châu là Lý vận cùng với 4 người; vào năm thứ 5 niêm hiệu Thiên Hòa nhà Chu, ở tại cháu Vũ Chân trong Cố Thành sao chép lấy kinh Phật giả làm kinh của Đạo Gia hơn một trăm quyển. Lúc bấy giờ người ở huyện Vạn Niên tìm vật trang hoàng, chỉ gặp ở nơi Chân Loan Tiếu Đạo Luận, tất cả đều thay đổi loại bỏ. Gần như những năm cuối thời Đại Nghiệp nhà Tùy, có Đaộ sĩ Phụ Tuệ Tường ở Ngã Thông đạo quán, suốt ba năm không nói, bởi vì thay đổi kinh Niết-bàn làm thành kinh Trường An. Lúc bấy giờ ngăn cấm không cho phép Đạo sĩ ra khỏi cổng thành, người ta thấy Đạo sĩ mặc áo vàng bên trong, bắt đưa đến giao cho lính giữ cổng, chuyện thay đổi kinh bị phát hiện nên Thượng Thư Vệ Văn Thăng tấu trình nhà vua, truyền lệnh chém đầu ở ngoài cổng Kim Quang. Đây là sự việc tiếp cận mà mọi người cùng chứng kiến. Vả lại, trong Chân Loan Tiếu Đạo Luận nói: “Đạo Gia nghi chép tùy tiện ba trăm năm mươi quyển của các đạo giáo khác làm thành kinh của Đạo Gia. Lại tra xét trong Huyền Đô Mục Lục, tùy tiện chọn lấy tên gọi của Nghệ Văn Chí Thư, sửa chữa ghi chép lại tám trăm tám mươi bốn quyển làm thành kinh của Đạo Gia”. Căn cứ vào đây mà nói, đủ để biết là sai trái giả dối vô cùng. Lại vào năm thứ nhất niên hiệu Lân Đức thời Đường, Đạo sĩ các đạo quán vùng Tây Kinh như Quách Hành Chân..., lúc ấy các Đạo sĩ thấy Hành Chân có ân huệ nhà vua ban tặng nênxúi giục, mượn danh nghĩa Thiên Uy làm rối lòng dân chúng, lại kích động lẫn nhau, lựa chọn quy tụ Đạo sĩ

Đông Minh Quán là Lý Vinh - Diêu Nghĩa Huyền - Lưu Đạo, hợp với Đạo sĩ Hội Thánh Quán là Được tiền Nhân Tuệ - Quách Cái Tông..., tổng tập các kinh ngụy tạo của các Đạo sĩ từ xưa đến nay đã làm ra mà từ đầu đến cuối che giấu không lưu hành, lại tiếp tục sửa đổi, trộm lấy kinh Phật chọn ra tóm tắt nội dung chủ yếu, thay đổi câu chữ sửa chữa lại lời Phật, Nhân Pháp - Danh số- Tam Giới - Lục Đạo - Ngũ Ấm - Thập Nhị Nhập - Thập Bát Giới - Tam Thập Thất Đạo Phẩm, pháp môn Đại - Tiểu đều trộm lấy xếp vào kinh của Đạo Gia mong làm thành Hoa Điển. Lễ cúng tế rượu trong kinh Đạo Gia trước đây, đều có thịt hươu khô, rượu trắng, nay đổi mới nên sắp vào quả táo khô, nước trong, nhưng ngôn từ trong kinh Đại Gia vụng về tối nghĩa, pha tạp điều ác mà hoàn toàn bị trừ bỏ. Như giữa niên hiệu Đại Nghiệp nhà Tùy, Đạo Sĩ Phụ Tuệ Tường ở Ngũ Thông đạo quán sửa đổi kinh Niết-bàn làm thành kinh Trường An, bị chém đầu không lưu hành, nay lại lấy để sữa chữa làm thành kinh Thái Thượng Linh bảo Nguyên Dương, lại tiếp tục sửa đổi các kinh Phật, gọi khác đi là kinh Thắng Mâu Ni, hoặc gọi là kinh Thái Bình... Như trong kinh Đạo Gia vốn không có tên gọi của Ưu Bà tắc Bà Di - Đàn Việt - Hiền Giả - Đạt Sấn, nay các Đạo Sĩ đều lấy trộm mà sử dụng, không biết tên gọi này là của Hán Ngữ hay là Phạn Âm. Nếu như là Hán Ngữ thì tại sao các sách sử không có ghi chép? Nếu như là Phạm Âm thì không biết chữ này phiên ra bày tỏ nghĩa gì? Trang - Lão lại không phải là người tây Vực, cho nên biết là trộm mà sử dụng, thật, giả có thể biết rõ. Như Lão Tử dựa vào xưa kia thì chính là thời Chu đã đưa vào sách sử, giữ lại bản văn xưng là bề tôi, cùng với thế tục không khác gì nhau. Bây giờ thì đưa vào đạo quán riêng biệt giống như chốn Già Lam, Thiên Tôn Lão Tử đều xoa sắc vàng sáng rực, như kinh Phật trước đây xưng Phật là Thiên Tôn, lại chính là trộm lấy mà sử dụng. Như thời Hán - Ngụy đến nay cho đến thời Phù - Diêu, đều gọi Tăng theo tên gọi Đạo sĩ, lại trộm lấy đem sử dụng cho mình, vì Đạo sĩ trước kia gọi là Tế Tửu. Như trong kinh Đạo Gia vốn không có Kim Cang Sư Tử, nay đầu cổng Đạo quán đều bắt chước Phật giáo mà đặt tên, không biết Kim Cang Sư Tử, ở đất Hán này nào đã từng có, nay bỗng nhiên tùy tiện tạo ra như trong giáo của mình. Trong kinh Phật thì Đức Thế tôn và Ma-ha Ca-diếp, đều là thân sắc vàng, y theo kinh làm đúng như pháp. Lại trong kinh Phật thì Tu Đạt mua vườn xây dựng Già Lam cúng dường Đức Phật, đều dựa vào Thánh Giáo, như vậy lần lượt nối thông khắp cả 10 phương; và Đức Thế tôn thành đạo cảm được năm trăm Kim Cang, năm trăm voi trắng, năm trăm sư tử, những việc làm như vậy đều

dựa vào Thánh giáo. Nếu y theo kinh Phật, thì chư Phật - Bồ-tát - Phạm Thiên Đế Thích ở phương này hay phương khác, đã hiện ra vật báu trang nghiêm và các vật dụng cúng dường, vô lượng vô biên không thể nào kể hết, đầy đủ trong các kinh văn; ngay lúc ấy tạo ra thì trong muôn phần không nói được một phần. Lúc này trong năm ngàn bản văn, hai quyển của Lão Tử, nào đã từng có sự trang nghiêm này? Nếu như trích từ kinh khác, thì kinh khác không phải là chân thật. Như vậy sự thay đổi sửa chữa kinh Phật mà trộm lấy đưa vào kinh của Đạo gia, xưa nay có hơn mấy ngàn quyển. Như Kinh Đức Phật thuyết ra, đều thiết lập ngay từ đầu kinh là "Tôi nghe như vậy, thời gian thuyết, xứ sở thuyết..." để chứng minh không do Đức Phật tuyên thuyết mà sanh khởi niềm tin.

Ngay như từ thời Đại Đường Thái Tông Hoàng Đế cho đến Hoàng Đế bây giờ, sắc chỉ cho Triều Tán Đại Phu Vệ Úy Tự-Thừa Thượng Hộ Quân Lý Nghĩa Biểu - Phó Sứ Tiền Dung Châu Hoàng Thủy Huyện Lệnh Vương Huyền Sách cùng hai mươi hai người, đi sứ đến Tây Vực trước sau ba lần, lại phái nghĩa người khác; và người đi sứ trước sau của hàng Đế Vương xưa kia, qua lại thăm viếng không phải là ít, đều đích thân trông thấy Thánh tích già lam, nơi chốn, thời gian thuyết kinh của Đức Thế tôn, và từ Thất Phật đến nay vốn có điềm lành biểu hiện, linh cảm biến ứng còn đầy đủ trong 10 quyển Tây Quốc Chí, hiện tại truyện vẫn lưu hành, vua quan dân chúng đều biết. Không biết Thiên Tôn Lão Tử đã trích ra từ kinh sách nào vậy? Lúc bấy giờ nơi thuyết ở đâu, thuyết cho người nào? Thời gian thuyết, xứ sở thuyết có điều gì linh nghiệm? Vị vua nào, thời đại nào thuyết những kinh này? Nếu như có thời gian, nơi chốn thì phải có điềm lành ứng hiện, vì sao năm kinh không có văn từ, các sử sách không hề ghi chép? Chỉ muốn tùy tiện giữ lại sự giống nhau và khác biệt, sử dụng lưu hành nhiều lừa dối đối với cỏ rau đất đá, hạng không có kiến thức thì không biết, người quân tử có kiến thức thì từ lâu đã biết sự giả dối ấy. Bởi lẽ từ thời nhà Hán xuất hiện hạng tà gian Hoàng Cân, năm đấu gạo, trước sau nối tiếp theo nhau đến nay không trừ bỏ. Vì thế các kinh Niết-bàn - Bách Dụ... đã nói, "Sau khi Ta Niết-bàn có các ngoại đạo, trộm lấy lời của Đức Phật vào trong pháp của mình, cho là tự mình có. Bởi vì không hiểu nên bố trí bừa bãi sai lạc trên dưới, ví như người rợ Khương, trộm được áo quần quý náu của nhà vua, tuy có được nhưng không biết thứ tự mà lại mặc trái ngược; cũng nhờ chó ăn vụng ban đêm đi vào nhà người ta nhưng không biết nơi nào ăn được". Đức Phật đã báo hiệu trước thì không thể không tin. Bây giờ Đạo sĩ trộm lấy kinh Phật đem làm thành pháp của mình, cũng

không nên cảm thấy quái lạ. Nếu như bây giờ nói là không trộm kinh Phật thì nói dối, không phải là bậc Đại Thánh Nhân. Do đó chúa Ngô là Tôn Quyền hỏi Thượng Thư Lệnh Khám Trạch rằng: Tiên có pháp Linh Bảo, giáo đó như thế nào? Khám Trạch trả lời rằng: Nói đến Linh Bảo ấy, thì một là không có dòng họ đáng nương tựa, hai là không có xứ sở thành đạo, giáo phát xuất từ hang núi không phải loài người biết được, thực sự là ở nơi sâu thẳm của nguồn cội mà nói ra, chứ không phải là Thánh Nhân đặt ra. Chúa Ngô khen ngợi là đối đáp hay làm sao! Vốn nói là danh hiệu Thiên Tôn ấy phát xuất từ trong kinh Phật, trộm lấy dấu tích trong Thánh giáo của Phật làm thành kinh điển của mình, vì sao? Bởi vì đối chiếu trong Ngũ Kinh Chánh Sử, từ thời Tam Hoàng đến nay hoàn toàn không nói là có riêng đấng Thiên Tôn nào ở trên cõi Trời, mà chỉ nói là Chu Công Khổng Tử chế định lễ nghi, cắt bỏ thi ca, cho nên Ngũ Điển Tam Phần, không thấy chỗ nào xưng là Đại La; bao đời Vương Đế, không nghe tên gọi của Giao Tự, lẽ nào có chuyện cầm ngọc Chương Khóac Hoàng Hạt, xóa Tố Phát đội Kim Quan, biệt hiệu là Thiên Tôn, chắp tay trang nghiêm trên điện Cửu Hoa, một mình xưng Đại Đạo, cai quản tất cả các cung Thất Anh hay sao? Cho dù có Đạo giáo biện giải về Thiên Tôn, các sách bàn luận về Linh Bảo, thì đây chính là lời truyền miệng, không đủ để có thể dựa theo, đích thực là sách bỡn đời, chẳng liên quan gì đến Quốc Sử. Vả lại, sự tích trai nghi chế định thay đổi có thể tìm thấy, không có gì không bày ra nhiều vàng bạc, sặc sỡ lấm màu sắc, đều là Tam Trương kể ra xảo trá, Tu Tịnh nói lời dối gạt, gạt bỏ hay giữ lại hoàn toàn như trong Lâm Luận. Còn tên gọi của Đạo Sĩ, thì Lão giáo trước kia không có; ngôn từ của Hà Thượng, thì Nho tông không biện giải được. Vì sao? Bởi vì trong Diêu Thư nói: “Bắt đầu từ Hán - Ngụy cuối cùng đến Phù - Diêu, đều xưng gọi chúng Tăng theo danh từ Đạo Sĩ. Đến thời Ngụy Thai Vũ, có người hiềm khích chúng tăng, mới trộm lấy tên gọi của Đạo Sĩ, tự mình thay đổi danh xưng của Tế Tửu”. Đây há là sự ức đoán xằng bậy ư, mà chính là sách sử có ghi chép rõ ràng. Còn trong Ban Cố Hán Thư nói: “Văn Đế truyện và Phan Nhạc Quan Trung Ký - Kê Khang Hoàng Phủ Bật cao Sĩ truyện và tìm hiểu các bậc bô lão, đều không có nơi nào có chuyện Hà Thượng Công bện cỏ làm am hiện bày thần thông biến hóa, hoàn toàn sai lạc không thật mà chẳng liên quan gì đến mô phạm chuẩn mực, hư cấu làm cho nổi bật, xúc động thành ra như vậy chứ đâu có thật”. Ngày nay Chúa Thượng rủ lòng đến hỏi đạo bởi vì hướng về chín họ mà đã gần gũi bình đẳng như trăm họ, thật sự là nên bãi bỏ phép

thuật xấu ác của Tam Trương, nói rõ Diệu môn của ngũ Thiên!

Lại dựa theo năm thứ mười bốn niên hiệu Vĩnh Bình thời Hậu Hán Minh Đế, Đạo sĩ Chử Thiện Tín cùng sáu trăm chín mươi người, nghe Phật giáo truyền đến Lạc Dương nên thỉnh cầu đọ sức, mang toàn bộ Kinh thư của Đạo Gia gồm có ba mươi bảy bộ bảy trăm bốn mươi bốn quyển, trong đó có năm mươi ba quyển là kinh của Đạo Gia, còn lại hai trăm ba mươi lăm quyển là sách của các học phái khác. Còn dựa vào Tấn Cát Hồng Thần Tiên Truyện nói: "Đạo giáo vốn có phương pháp tiêu tai độ thế, gồm có chín trăm ba mươi quyển, các loại Phù Thư có bảy mươi quyển, toàn bộ là một ngàn quyển". Lại dựa theo năm thứ bảy niên hiệu Tống Thái Thỉ, Đạo sĩ Lục Tu Tịnh trả lời Minh Đế rằng: "Kinh thư của Đạo Gia và dược phương phù đồ..., toàn bộ có một ngàn hai trăm hai mươi tám quyển, một ngàn không trăm chín mươi quyển đã lưu hành ở thế gian, một trăm ba mươi tám quyển hãy còn giữ lại ở Thiên cung". Đối chiếu Huyền Đô Kinh Mục bây giờ nói: "Dựa theo hạng mục nói trên của Lục Tu Tịnh người thời Tống, nay mới nói là có sáu ngàn ba trăm sáu mươi ba quyển, hai ngàn không trăm bốn mươi quyển thấy có bản đó, bốn ngàn ba trăm hai mươi ba quyển nói rằng hoàn toàn không thấy". Lấy điều này kiểm tra kỹ càng thì sự tích có thể biết, đều là gian trá xằng bậy làm cho Quốc Sử bị lẫn lộn. Nếu như căn cứ vào lời bàn của Tiêu Ôn..., thì chỉ có hai Thiên nói về Đạo Đức. Nếu như lấy Hán Đế mà so sánh, thì phải hơn bảy trăm quyển. Dựa theo thuyết của Cát Hồng Thần Tiên, thì chỉ có một trăm quyển. Theo trong hạng mục nói trên của Lục Tu Tịnh, vượt hơn trước chín mươi quyển. Lại kiểm tra trong Huyền Đô Kinh Lục thì lại càng nhiều hơn, trước sau đã không giống nhau, rõ ràng là hư vọng rồi. Tăng thêm quyển tập, thêm vào chương bài, dựa vào kinh Phật thay trước đổi sau, hoặc nói là núi lớn có tiếng tự xuất hiện, lúc thì nói là hang động Thần Tiên bay đến, đâu chỉ có Hoàng Lĩnh biết một mình, Anh Hiền không nhìn thấy, sách sử không nghe đến, sách vở không ghi lại, xin hỏi Đạo sĩ ngày nay mở rộng sửa chữa sau đó đưa ra kinh, hay là Lão Tử trình bày nơi khác, hay là Thiên Tôn tiếp tục tuyên thuyết? Cho dù đó là tuyên thuyết thì cũng phải có thời gian, xứ sở, thầy trò và địa điểm tuyên thuyết, hay là thời đại nào, đất nước nào, năm nào, tháng nào chứ? Nếu như có chứng cứ thì có lẽ lưu hành được, nếu như cũng là dối thì theo lý cần phải đốt bỏ. Ngày nay sáng tỏ cai quản thiên hạ kế thừa sự nghiệp các bậc quân vương, Thánh Thượng mô phỏng theo sự nghiệp to lớn thích ứng hạn kỳ ngàn năm, mới mong muốn phát triển năm giáo, diệt sạch sách vở tà ác

xằng bậy; thuật lại chín loại, mở rộng dạy bảo về đạo lý quan trọng, há dám lấy bầy kỳ lân châm biếm hướng lên trên, hạng lừa ngựa mỉa mai ngoảnh mặt, chỉ bởi vì không biết Hoàng Cân lẫn lộn thật giả, dù trông thấy Đạo sĩ cũng không phân biệt đúng sai. Vò lẽ đó mượn so sánh với người Tấn ví như thô lỗ dung tục, giống như rồng ngựa bắt chước Càn Khôn, lẽ nào Trời đất thì có thể vọt lên cao? Lý cố nhiên không phải như vậy, trách mắng thế nào đây?

4. Yêu hoặc loạn chúng: Trộm nghe rằng tiếng thuận âm hòa, hình ngay bóng thẳng, chưa hề thấy dùi lửa được băng, trồng đậu hái cà. Vì lẽ đó Tô Trương gặp ở Quỷ Cốc, trước tiên giải quyết nông nổi giả dối; Nhan Mẫn gặp ở Khổng Môn, bắt đầu nêu cao đức hạnh sáng ngời. Do đó biết luyện tập cảm hóa Nhị Thiên, cầu mong vô vi tuyệt diệu, thực hành phong cách Tam Trương, tìm cách làm loạn đứng đầu. Tại vì sao? Bởi vì thời Hậu Hán Thuận Đế, Trương Lăng là người vùng Bái đi lại các nơi trong nước Thục, nghe cổ xưa tương truyền rằng: Xưa kia Hán Cao Tổ ứng hai mươi bốn hiện tượng, cúng tế hai mươi bốn lễ đàn, thì nhà vua có được thiên hạ. Trương Lăng không nghĩ đến đức hạnh của mình, liền tiến hành mưu kế này, giết trâu cúng tế hai mươi bốn chỗ, lập ra đàn lễ bằng đất, che phủ làm mái nhà cỏ, nói là hai mươi bốn lỵ sở, dinh quán lỵ sở xuất hiện bắt đầu từ đây; hai mươi ba chỗ nằm ở đất Thục Doãn Hỷ là một chỗ nằm ở Hàm Dương. Thế là lừa gạt dụ dỗ dân chúng ngu dại - triệu tập bè đảng hung ác, thu gom tô thuế thóc lúa mưu làm loạn xã hội, lúc ấy gặp phải con rắn nuốt chửng nên âm mưu phản nghịch không xảy ra. Còn Lăng Tôn Trương Lỗ thực hiện phép thuật của Tổ tiên mình, sau ở Hán Trung tự xưng là thầy của vua, họa loạn mới dấy lên, đã bị Tào Công tiêu diệt. Lại vào năm thứ nhất thời Hán Trung Bình, Trương Giác là người vùng Cự Lộc, tự xưng là Hoàng Thiên Bộ Sư, có ba mươi sáu tướng, đều đội khăn vàng, từ xa tương ưng với Trương Lỗ, binh lính đến mười vạn, đốt cháy Nghiệp Thành. Nhà hán sai phủ doãn Hà nam là Hà Tiến đem quân đánh dẹp. Lại vào năm thứ hai niện hiệu Hàm Minh thời Tấn Vũ Đế, có Đạo sĩ Trần Thuy dùng tà đạo mê hoặc mọi người, tự nói là Thiên Sư, đồ chúng đông tới mấy ngàn, tích tụ qua năm tháng, sau đó bị Thứ sử Ích Châu là Vương Tuấn tiêu diệt. Lại vào năm thứ nhất niên hiệu Thái Hòa thời Tấn Văn Đế, Đạo sĩ Lô Tủng ở Bành Thành, tự xưng là Đại Đạo Tế Tửu, dùng tà thuật mê hoặc mọi người, tụ tập đồ đảng, đến sáng sớm tiến đánh vào cổng Quảng Hán nói rằng: Nghênh đón Hải Tây Công. Lúc ấy trong điện Hoàn Bí đều biết là muốn đánh nhau, trong chốc lát kẻ phản nghịch bị chém

đầu. Lại vào năm thứ năm niên hiệu Đại Đồng thời Lương Vũ Đế, Đạo sĩ Viên Cảm tự khoa trương dùng tà thuyết mê hoặc mọi người, đi qua vùng núi cấm xâm phạm, bị quan quân bắt nhốt sau đó bị chém chết. Lại vào năm thứ mười niên hiệu Khai Hoàng thời Tùy Văn Đế, có Đạo sĩ Bồ Đồng ở huyện Xương Long, Miên Châu cùng với hai người giúp việc tà vạy, ở dinh quán Băng Khê, tự nói là đạt được Thánh quả, lừa gạt làm mê hoặc nhân dân, xếp giường đến nhà mà ngồi trên đó nói rằng: Đồng nữ mười lăm tuổi mới có thể tiếp nhận pháp thuật. Khiến Đồng nữ leo lên giường, dùng màn che xung quanh tức thì thuận tiện che giấu việc gian dâm. Như vậy qua mấy ngày sau thì sự việc bị phát giác, vì thế lập tức trốn đi nơi khác. Lại vào năm thứ 18 hiệu Khai Hoàng nhà Tùy, Đạo sĩ Hàn Lãng ở Ích Châu, Đạo sĩ Hoàng Nho Lâm ở Miên Châu, mê hoặc xúi bẩy Thục Vương khiến dấy lên phản nghịch rằng: Muốn dựng lên sự nghiệp to lớn thì cần phải dựa vào duyên tốt đẹp. Liền bày cho Thục Vương dốc hết kho tàng tạo ra tượng Đạo sĩ ngàn thước, tổ chức trai hội to lớn cho ngàn người, họa hình ảnh Tiên Đế, lại buộc đầu và tay chú nguyện mà làm cho khuất phục. Hà Bắc Công Triệu Trọng Khanh kiểm tra quan sát được sự thật, đích thân đưa đến kinh thành bị tra hỏi nên phải nhận tội, cuối cùng bị hành hình ở chợ. Gần đây như vào năm thứ ba niên hiệu Vũ Đức, Đại Đường, có Lý Vọng là người ở huyện Xương Long - Miên Châu, trước đây tôn thờ Hoàng Lão thường làm điều yêu tà mê hoặc; đến cuối thời Đại Nghiệp nhà Tùy, có Đạo sĩ Bồ Tử Chân, sử dụng đạo thuật tinh vi bị đưa đến Đông Kinh, đến Lạc Dương thì chết, vì vậy chôn tại đó, mà Lý Vọng cải chính rằng: Tử Chân sắp trở về. Lại ở cạnh núi thuộc huyện ấy có một hang đá, hang núi u ám lạnh lùng nên người ta không ai dám nhìn trộm, Lý Vọng mới dựa vào đó để làm điều tà ác lừa gạt. Ở nơi sáng sủa há họng nói to dẫn dắt đưa vào loan truyền thông suốt, vào chỗ tối tăm thì nín hơi nói nhỏ giả vờ trình bày về họa phước, liền khiến các Đạo sĩ truyền nhau thuật lại đồn khắp huyện đến châu, quan lại bắt đầu tra tìm thảy đều tin nhận. Sau đó Thứ sử Quý Đại Lễ nói rằng: Sự việc này không thể khinh thường nhất định phài tấu trình rõ ràng, cần phải giả thân cận để nghiệm xét mới xác định được đúng sai. Thế là cùng với quan lại và Đạo sĩ cả châu gồm hơn một trăm người cưỡi ngựa, cùng nhau đến nơi hang tiếp tục thỉnh bái mong cầu. Lúc ấy Lý Vọng giả vờ trả lời. Người nghe cùng một hướng về, chỉ riêng huyện lệnh Ba tây là Lạc Thế Chất, rất hiểu cơ tịnh và biết sự lừa gạt gian trá đó, đi vào chỗ tối bí mật chờ xem Lý Vọng nén tiếng. Thế Chất lập tức quát to, Ly Vọng liền khẩn khoản cúi đầu thừa nhận.

Bắt giam vào trong ngục của châu phủ, đang cần phải xét định tội lỗi, không được mấy ngày Lý Vọng bèn uống thuốc độc mà chết. Gần đây vào năm thứ mười ba niên hiệu Trinh Quán nhà Đường, có Đạo sĩ Tần Anh Hội ở Tây Hoa quán vùng Tây Kinh, Đạo sĩ Vi Linh Phù ở Thánh quán - Đạo sĩ Chu Linh Cảm đã hoàn tục, đều ít hiểu về Chương Tiếu sắc lệnh hầu hạ Đông Cung, làm cho Đông Cung mê hoặc rối loạn, kết hợp bàn bạc ý đồ to lớn, vì sự việc bại lộ nên Tần Anh Hội - Linh Cảm đều bị chém đầu, nhà cửa tiền của và cả vợ con đều bị sung vào quan phủ. Lại đến năm thứ 3 niên hiệu Long Sóc nhà Đường, Đạo sĩ Quách Hành Chân ở Tây Hoa quán, gia nghiệp hèn mọn vốn là nhà nghèo, cũng ít hiểu về Chương Tiếu mà lạm dụng nhận sự cung phụng, sắc lệnh tìm đến núi Long Tầm hái thuốc, lại dựa vào Thiên Uy làm cho trăm họ mê hoặc rối loạn, lấy nhiều tiền bạc của cải mưu kế gian trá vô cùng, hợp cùng Đạo sĩ ở Kinh Thành trộn lẫn Kinh Phật trộm đưa vào làm pháp của Đạo gia. Thánh Thượng xem xét biết rõ là pháp ngụy tạo đưa ra, quan tòa tra khảo rất khổ sở mới nhận tội, sắc chỉ ban ân tha cho tội chết đày đến châu xa, vợ con tiền của vốn có đều tịch thu đưa vào quan phủ. Vậy thì biết những thói quen không chính đáng cứ tranh chấp phản nghịch như cũ, tà đạo thọ tục làm cho nỗi nục này không ngừng phát sinh rồi. Sắc lệnh Đạo sĩ Triều Tán Đại Phu Kỳ Đô Úy Quách Hành Chân, tài năng hiểu biết không chọn lấy, đạo lý chuẩn mực thiếu sót như vậy, vì ít hiểu biết về y dược, không quen chương tiếu, nên được Hoàng Thái tử khoan hồng, chữa trị được giảm bệnh, ghi nhận công hiệu đó, được nhờ giảng dạy mà vinh hạnh cho điều về, nhưng vì sự xúi giục trước kia, tùy tiện gây ra uy thế tai họa và vì giao kết chọn lựa bạn bè đảng, bắt mối làm quen phỏng theo quan lại mà chuyên làm những điều dối trá lường gạt, lấy tiền bạc đồ vật của người khiến kiếm công đức, ngấm ngầm trộm cắp rất nhiều, màu son màu tím chẳng phân biệt, mà lại ngụy tạo diễn bày đến giáo pháp, cây đậu cây mạch nào biết được, mà bí mật đọc sách cấm không biết đến tôi tớ thê thiếp, chỉ vì mong cầu ruộng đất nhà cửa làm sự nghiệp, tuy suối linh thiêng chảy dài ngàn nhẫn mà sao có thể gột sạch bản chất dơ bẩn ấy, đan được thần kỳ chứa đủ chín loại, há có thể tẩy trắng tâm tư đen tối kia? Nhổ tóc không tính được sai lầm ấy, chặt tre nào ghi hết tội lỗi kia? Luận về tội lỗi tranh chấp này thì nên thuận theo pháp sẽ bị đền tội, nhưng bởi vì tìm hiểu dấu tích môn đạo ấy nên tình vốn không đành lòng, có thể xóa thân tên mãi mãi sung vào đày đến Ái Châu. Vẫn lập tức khởi sự phái Lệnh trưởng kiên quyết dẫn đi chuyển đến nơi ấy, quan quân điều khiển kiểm

tra nghiêm ngặt không được để cho ra ngoài khu vực huyện phủ. Tất cả của cải, tôi tớ hầu hạ, ruộng vườn nhà cửa, ao hồ cây cối, xe cộ trâu ngựa..., đều nên tịch thu sung vào của chung!

Ngày mười bốn tháng mười hai năm thứ ba niên hiệu Long Sóc nhà Đường tuyên chỉ.

Trộm nghĩ rằng giặc trang sức bằng khăn vàng dấy lên ở Cự Lộc, quỷ viết chữ lên thẻ son khởi sự từ Bình Dương, mà nói rằng thuyết phục voi dữ bằng cồng vân la. Lời nói này khác nhau rất xa. Ăn mặc giống như Vũ Cốc không hợp tình người, lẽ nào có chuyện cưỡi hạc cưỡi rồng mà khoác khăn vải đen, thúc loan giục phượng mà đầu đội mũ da? Vì lẽ đó các loại đá trắng tùng đỏ, đều là quỷ quái sai trái; những hạng nghèo hèn giả vua, đều là kẻ cướp mạo danh. Vả lại, Lý Đam tôn thờ giấc của nhà Chu, ăn mặc giống như Nho Mặc; Công Kỳ bàn bạc ngày tháng của nhà Hán, bắt đầu xuất hiện Hoàng Cân. Nếu như Tổ tập Bá Dương thì Đạo sĩ đều nên triều bái. Nếu cũng là Tông Kỳ chọn lấy phép tắc, thì tệ nạn này chỉ đáng trừ diệt mà thôi.

5. Đạo giáo kính Phật: Thuật rõ rằng: Những loại trên đây đều dẫn ra từ sách cổ, tà chánh rõ ràng dễ thấy, lên xuống hai nẻo khác nhau, lẽ nào có thể dùng ánh sáng của ngọn đuốc, tranh với ánh sáng của mặt trăng mặt Trời? Bụi đất gom lại, sao giống như núi lớn Thái Nhạc được? Do đó biết rằng Phật pháp sâu xa thâm thúy không phải phàm tình mà suy lường được, Tăng chúng cao xa cũng không phải bạn bè trang lứa của hạng mũ vàng thô lậu. Nói đến người xuất gia, thì bên trong Từ biệt thân thích yêu thương, bên ngoài xả bỏ chức quyền danh lợi, chí hướng cầu được Vô Thượng Bồ Đề, hạnh nguyện vượt ra biển khổ sanh tử. Vì lẽ đó vất bỏ áo quần của triều tông, khóac mặc pháp y của phước điền, hành đạo để đền đáp bốn ân nặng, lập đức để giúp đỡ ba cõi khổ. Đây là ý chính của xuất gia. Tin tưởng và biết rõ địa vị sâu nặng của Tam bảo, há giống như hai giáo Khổng, Lão? Vì vậy tìm hiểu kinh thư của Khổng - Lão, từ thời Hán - Ngụy đến nay với nhiều sách sử trong, ngoài, sơ lược dẫn ra văn kính Phật Tăng trong kinh của ngoại đạo, nêu bày đầy đủ như sau: Đã cung kính đối với Chánh đạo, thì dựa vào pháp tuân theo Phật, mong muốn điều phục tà vạy ngu si nương theo Chánh đạo chuẩn mực.

Sơ lược dẫn ra văn khiến cho cung kính Tam bảo trong hai mươi hai kinh ngoại đạo:

Một- Y theo kinh Đạo Sĩ Pháp Luân, Thiên Tôn thuyết kệ khuyên nhủ Đạo sĩ cố gắng rằng:

"Nếu như gặp chùa tháp thờ Phật,
Thì suy nghĩ công đức vô lượng,
Nên nguyện cầu tất cả mọi người,
Đều được tiến vào trong giáo pháp.
Nếu như gặp các vị Sa môn,
Nên suy nghĩ công hạnh vô biên,
Nguyện cho mình sớm được xuất thân,
Để luyện tập chân thật như Phật".

Hai- Y theo Kinh Thái Thượng Thanh Tịnh Tiêu Ma Bảo Chân An Chí Trí Tuệ Bổn nguyện Đại Giới Thượng Phẩm, trong bốn mươi chín nguyện, Thiên Tôn thuyết nguyện văn: "Nếu như gặp Sa môn Ni, nên nguyện cầu tất cả hiểu rõ ràng pháp cứu độ đạt được đạo quả như Đức Phật".

Ba- Y theo Kinh Lão Tử Thăng Huyền nói: " Thiên Tôn bảo với Đạo Lăng: Người đi sứ đến phương Đông thăm viếng tiếp nhận giáo pháp". Thăng Huyền lại nói: "Như lai phương Đông phái Đại sĩ Thiện Thắng, đến nơi Thái Thượng nói rằng: Như lai Lão Tử thuyết pháp cho Trương Lăng, vì vậy phái tôi đến xem. Lão Tử nói với Trương Lăng rằng: Khanh theo ta đi đến chỗ Phật, nên để cho Lão Tử được thấy điều chưa được thấy, nghe điều chưa được nghe. Trương Lăng liền lễ lạy Đại sĩ, đi theo đến chỗ Phật mà nghe pháp".

Bốn- Y theo Đạo Sĩ Trương Lăng Biệt Truyện nói: "Trương Lăng ở trong núi Hộc Minh, cúng dường hình tượng sắc vàng đọc tụng kinh Phật".

Năm- Y theo Kinh Lão Tử tây Thăng nói: "Thầy tôi hóa thân dạo qua Thiên Trúc khéo đi vào Niết-bàn". Còn Phù Tử nói: "Thầy của Lão Tử tên gọi Thích Ca Văn Phật".

Sáu- Y theo kinh Trí Tuệ Quán Thân Đại Giới nói: "Đạo học nên nghĩ trở về Đại Phạm lưu lại hình ảnh trong cung lễ lạy Đức Phật".

Bảy- Y theo kinh Thăng Huyền nói: "Nếu có Sa môn muốn đến nghe kinh, nên quán sát cung kính tôn trọng, không được tính toán ăn uống hao phí, ngăn chặn không nghe theo, mà nên nhường đưa vào ghế hàng đầu còn kinh sư Đạo sĩ tự mình ở phía sau". Thăng Huyền lại nói: "Đạo sĩ thiết trai cúng dường, nếu có Tỳ kheo đến, nên nhường cho ghế hàng đầu sắp xếp cúng dường tốt đẹp, còn Đạo sĩ kinh sư tự mình ở phía sau. Nếu Sa môn Ni đến nghe pháp, thì nên kín đáo xử lý để sắp xếp nhường lại ghế hàng đầu, cung kính tôn trọng như pháp cũng không được ngăn cản".

Tám- Y theo kinh Hóa Hồ: “Thiên Tôn cung kính Đức Phật mà nói kệ rằng: Nguyện hái những đóa hoa Ưu Đàm, nguyện xông đốt hương thơm Chiên Đàn,

Cúng dường chân thân ngàn Đức Phật, cúi rập đầu lạy Đức Định Quang.

Con sinh ra muộn màng làm sao, Đức Phật Niết-bàn sao quá sớm,

Không gặp được Đấng Thích Ca văn, trong lòng luôn xót xa ân hận”.

Chín- Y theo kinh Linh Bảo Tiêu Ma An Chí: “Thiên Tôn nói kệ rằng:

Đạo lấy trai giới làm đầu tiên, chịu khó thực hành sẽ làm Phật,

Vốn xây dựng chiếc cầu Đại Pháp, hóa độ tất cả mọi chúng sanh”.

Mười- Y theo kinh Lão Tử Đại Quyền Bồ-tát nói: “Lão Tử là Bồ-tát Ca-diếp, hóa thân đi đến xứ sở Chấn Đán”.

Mười một- Y theo Kinh Linh Pháp Luân nói: “Cát Tiên Công sanh ra mới mấy ngày, có Sa môn nước khác, thấy Tiên Công liền lễ bái ôm giữ, mà nói với cha mẹ Tiên Công rtằng: Đứa trẻ này là Bồ-tát Thiên Kiến ở Tây Phương, nay đến đất Hán để giáo hóa chúng sanh, sẽ đi lại trong cõi Tiên ban ngày lên trên Trời cao. Tiên Công tự mình nói với con cháu rằng: Thầy ta họ là Ba Duyệt Tông, tên là Duy-na Ha, là người xứ Tây Vực”.

Mười hai- Y theo kinh Tiên Nhân Thỉnh vấn Chúng Thánh Nạn nói: “Cát Tiên Công bảo với đệ tử rằng: Xưa kia Ta cùng bốn người là Thích Đại Vi - Trúc Pháp Khai, Trương Thái và Trịnh Tư Viễn, cùng lúc phát nguyện, hai người nguyện làm Sa môn là Đạo Vi và Pháp Khai, Trương Thái và Trịnh Tư Viễn nguyện làm Đạo sĩ”.

Mười ba- Y theo Tiên Công Khởi Cư Chú nói: “Lúc ấy sanh vào nhà Cát Thượng Thư, Thượng Thư tuổi hơn tám mươi mới có một người con. Lúc ấy có Sa môn tự xưng là Tăng ở xứ Thiên Trúc, vào chợ mua nhiều hương thơm. Người bán ngạc nhiên hỏi thăm Tăng rằng: Đêm qua tôi mộng thấy Bồ-tát Thiện Tư hạ sanh trong nhà Cát Thượng Thư, tôi mang hương này tắm rửa, đến lúc sanh ra, Tăng đi đến đốt hương, đi quanh về phía phải bảy vòng, lễ bái cung kính, tắm rửa xong mà dừng lại”.

Mười bốn- Y theo kinh Tiên Công Thỉnh Vấn Thượng nói: “Cùng với Sa môn Đạo sĩ chuyện trò, thì chí hướng ở Đức Phật, cung kính đối

với Tăng”.

Mười lăm- Y theo phẩm Hiệu Lượng Công Đức trong kinh Thượng Phẩm Đại Giới nói: “Cúng dường tháp miếu thờ Phật được phước báo gấp ngàn lần, bố thí Sa môn được phước báo gấp tăm lần”.

Mười sáu- Y theo Kinh Thăng Huyền Nội Giáo nói: “Hoặc lại có người, lúc bình thường không có một tháng làm phước, gặp Sa môn Đạo sĩ thuyết pháp khuyến khích hành thiện, hoàn toàn không thuận theo ý muốn”.

Mười bảy- Y theo văn Tác Lễ Phật một quyển của Đạo sĩ Đào Ẩn Cư.

Mười tám- Y theo kinh Trí Tuệ Bổn Nguyện Giới Thượng Phẩm nói: Mỗi ngày chỉ cúng dường tất cả Phật Tăng được một bữa ăn, cúng dường chùa tháp một đồng tiền trở lên, đều có được hai vạn bốn ngàn phước báo. Công lao nhiều thì phước báo nhiều, đời đời có đức tài và sáng suốt, thưởng thức tốt lành không cùng tận, bảy đời tổ tông đều được tiến vào vô lượng cõi Phật”.

Mười chín- Y theo kinh Tiên Công Thỉnh vấn nói: “Lại có người phàm tục thực hành công đức này, nguyện làm Sa môn Đạo sĩ hiểu biết nhiều, đến đời sau sẽ làm Sa môn, học nhiều Phật pháp làm Pháp sư cho mọi người. Lại có một người thấy Sa môn Đạo sĩ trai giới thỉnh cầu đọc tụng kinh pháp bèn cười nhạo rằng: Người ấy hướng về hư không mà ngâm nga kinh pháp là muốn cầu mong gì vậy, bụng rỗng một bữa cơm buổi trưa đây là kẻ có tội mà thôi. Đạo sĩ bèn đem tâm Từ bi nói cho biết, nhưng nghiệp báo vốn cổ của ý không sai, chết đi vào địa ngục, chịu nhiều nỗi khổ ác hiểm vô cùng”.

Hai mươi- Y theo kinh Tiên Công Thỉnh vấn nói: “ngũ Kinh là sự nghiệp của Nho tục, Phật Đạo đều ca ngợi giáo pháp ấy là Đại Sư của điều thiện”.

Hai mươi mốt- Y theo kinh Thái Thượng Linh Bảo Chân Nhất Khuyến Giới Pháp Luân Diệu nói: “Ta quán xét tất cả chư Thiên từ vô số kiếp đến nay trông thấy Đạo sĩ, người nam người nữ khắp nơi thế gian đã đạt được đạo quả Vô Thượng Chánh Chân, Cao Tiên Chân Nhân tự nhiên mười phương Phật, đều thọ nhận đời trước chịu khó chịu khổ cầu đạo không thể tính kể hết được”.

Hai mươi hai- Y theo Kinh Pháp Luân Diệu nói: “Đạo nói rằng vòng luân chuyển bất diệt, được trở lại sanh trong loài người, có Đại trí tuệ thông hiểu sáng suốt, là từ vô số kiếp đến nay sự học đã thành tựu. Chân Nhân Cao Tiên tự nhiên mười phương Phật, là không có ai không

từ hành nghiệp mà dẫn đến".

Kinh của Đạo Gia đã đến trên đây, mà không biết kinh này là thật hay là giả? Nếu như là kinh thật thì thời nay Đạo sĩ - Nữ quan không lễ kính Tam bảo, ắt là làm trái lời dạy của Thầy - Thiên Tôn Lão Tử, tức là người tà kiến chứ không phải là đệ tử chân thật, thì giống như hạng không có tri thức đâu cần phải tôn kính bậc Thầy. Kinh này nếu là giả thì tất cả kinh điển của Đạo Gia đều cần phải trừ bỏ, tiến thoái đều sai lạc và suy tàn như vậy thì cuối cùng làm cho thế gian trở thành hỗn loạn.

6. Xả tà quy chánh: Lương Cao Tổ Vũ Hoàng Đế, năm 38 tuổi lên ngôi, trị vì 49 năm, tuy rất nhiều sự việc quan trọng mà sách vẫn không rời tay, nội kinh ngoại điển không có gì không ôm ấp trong lòng, đều làm nguyên tắc chuẩn mực giải thích nghĩa lý hơn mấy ngàn quyển, mà tiết kiệm tự giữ mình không mặc lụa là gấm vóc, lại cư xử khiêm tốn ngày đêm không uể oải, đến mức có khi mặc áo vải ngồi chiếu cỏ mang giày rách đội khăn mây, bắt đầu đối diện với vật báu to lớn thì có đủ việc này, ngày chỉ ăn một bữa tuyệt đối không dùng các vị cay chua béo ngậy. Từ khi có hàng Đế Vương đến nay hiếm có ai có thể sánh kịp như vậy. Trước kia tôn thờ Lão Tử ngưỡng mộ phù chú, tìm hiểu cùng tận căn nguyên có điểm giống như vọng tác, Hoàng Đề bèn tự mình vận dụng tinh thần viết ra chiếu chỉ, tiến hành xả bỏ Đạo Gia, văn viết rằng:

Tiếp nối Vương nghiệp vào ngày mồng tám tháng tư năm thứ ba niên hiệu Thiên Giám, Hoàng Đế nước Lương là Lan Lăng Tiêu Diễn, cúi rập đầu đảnh lễ mười phương chư Phật - mười phương Tôn Pháp - mười phương Thánh Tăng. Cúi đầu thừa nhận thấy trong kinh nói: Phát tâm bồ đề, đó chính là tâm Phật. Còn lại các điều kiện không có thể làm ví dụ, luôn luôn khiến cho chúng sanh vượt ra khỏi cánh cửa khổ đau của tam giới, tiến vào con đường tốt đẹp của Vô vi, cho nên Như lai hết phiền não, trí tuệ tích lại thành giác ngộ, đạt đến đạo quả thông suốt căn cơ, công đức tròn đầy chọn lấy Thánh quả, đuốc tuệ bừng lên để soi sáng mê lầm, gương pháp lưu thông mà lắng trong cáu bẩn, mở ra dấu tích tốt lành ở giữa Trời cao, lập lòe hình dáng linh thiêng ở ngoài vạn tượng, cứu độ quần sanh ở biển sâu dục vọng, dẫn dắt hàm thức quay về với Niết-bàn, bước lên núi cao của Thường Lạc, vượt ra khỏi đáy sâu của sông Ái. Ngôn từ trái với Tứ cú, lời lẽ bặt dứt Bách phi, thị hiện dấu tích Sa bà, Vương cung hoa nở Đản Sanh, bước qua Tam giới mà trở thành tôn quý, rộng khắp Đại thiên mà lưu truyền chiếu rọi. Chỉ

vì căn cơ tâm địa nông cạn thích sống thỏa mãn lười nhác, thế là nói sâu xa về thường còn trọn vẹn, cũng tiếp tục bí mật chiếu soi đến Hạc Thọ, Xà Vương diệt sạch tội lỗi, Bà Tẩu loại bỏ tai ương, nếu như không gặp được Đại Thánh Pháp Vương, thì ai có năng lực cứu giúp tiếp nhận nỗi khổ đau này? Ở dấu tích tuy là ẩn kín mà đạo ấy không có gì thiếu sót, đệ tử từ lâu lần lữa mê muội đã sai lầm say đắm tôn thờ Lão Tử, trải qua thời kỳ nối tiếp theo nhau vướng vào tà pháp này, tập khí nhân duyên tốt lành gợi mở cửa xả bỏ mê lầm biết nẻo quay về, nay lìa xa thầy thuốc cũ xưa trở về nương tựa bậc Chánh Giác, nguyện làm cho vị lai sanh ra giữa đời làm Đồng Nam xuất gia mở rộng kinh giáo, hóa độ hàm thức cùng nhau thnàh tựu Phật quả. Thà rằng ở trong Chánh Pháp mãi sa vào đường ác, chứ không thích dựa theo giáo điển Lão Tử tạm thời được sanh lên cõi Trời. Trải qua tâm Đại thừa xa rời ý niệm Nhị thừa, đích thực nguyện cầu chư Phật chứng minh, Bồ-tát Nhiếp thọ! Đệ tử Tiêu Diễn kính lạy.

Lúc ấy Hoàng Đế cùng với đạo, tục hơn hai vạn người, ở trong lâu đài nơi cung điện Trùng vân, tự tay viết văn này phát tâm Bồ đề. Đến ngày mười một tháng tư, lại sắc chỉ cho môn hạ rằng: Trong Đại kinh nói Đạo có chín mươi sáu loại, chỉ riêng một đạo lý của Đức Phật là chánh đạo, chín mươi lăm loại còn lại gọi là Tà đạo.

Trẫm xả bỏ tà giáo ngoại đạo để tôn thờ Chánh pháp nội điển của chư Phật Như lai, nếu có Công-Khanh nào có thể tham gia lời thề này, thì tất cả nên phát tâm bồ đề. Lão Tử - Chu Công - Khổng Tử..., tuy là đệ tử của Như lai, mà hóa hiện dấu tích sai lạc, chỉ là thiện nghiệp của thế gian, không có năng lực chuyển phàm thành Thánh. Công - Khanh bách quan dòng dõi Vương Hầu, nên rời xa Ngụy tìm đến Chân, lìa bỏ Tà đi vào Chánh! Cho nên kinh giáo Thành Thật Luận nói: “Nếu tâm tôn thờ ngoại đạo sâu nặng, thì tâm Phật pháp nông cạn, tức là tà kiến. Nếu tâm ngang bằng như nhau, thì chính là tánh vô ký không chủ quản thiện ác. Nếu tâm tôn thờ Phật mạnh hơn thì tâm Lảo Tử suy yếu, đây chính là Thanh Tín, nói là Thanh Tín, Thanh là trong ngoài đều trong sáng, cáu bẩn mê hoặc phiền lụy đều trừ sạch; Tín là tin theo Chánh pháp chứ không tin theo tà giáo, cho nên nói là đệ tử Phật thanh tín. Những niềm tin còn lại đều là tà kiến, không có thể xưng là Thanh Tín”, vì vậy các môm hạ hãy nhanh chóng thi hành!

Đến ngày mười bảy tháng tư, Thị Trung An Tiền Tướng Quân là Đan Dương Doãn Thiệu Lăng Vương tiến lên khởi tấu rằng:

Hạ thần thường nghe: Như lai tướng tốt trang nghiêm, uy nghi vĩ

đại sánh bằng Hữu Đảnh, sắc thân vô cùng vi diệu, thanh tịnh hiển bày khắp cả mười phương, mượn vòng vàng mà dẫn dắt mọi vật, nhờ thóc bạc để thuận với phàm tình, dùng dao sắc của Bát nhã, lấy diệu quả của Niết-bàn, dạo khắp biển khổ của sanh tử, cứu giúp đến bến bờ an lạc. Cho nên luôn luôn tỏa vầng mây Từ bi rưới làn mưa Cam Lộ, bảy xứ tám hội nghĩa lý giáo hóa không cùng tận, bốn đế năm thời phương tiện lợi ích không giới hạn; hoàn toàn trong sáng chói chang làm cho mây mù tản hết, ngọn đuốc bừng soi làm cho bụi trần tự lắng; có thể nói là đi vào cõi tục làm thay đổi tận cùng trong rừng rậm tà kiến, dựa theo pháp môn mà không biết mệt mỏi, người khao khát mò mẫn nghễng ngãng, ưa thích tìm hiểu sâu xa mà biết lối quay về. Cây đạo bắt đầu từ Ca Duy, tiếng đức nồng đượm ở Kinh Lạc, mặt Trời không xuất hiện Chu xem kỹ điềm báo mang thai, dung mạo như trăng tròn Hán cảm ứng giấc mộng đêm lành, năm pháp lưu truyền vạn đức mới báo, Hoa tục tiềm ẩn tranh nhau dâng cao. Cung cấp tam Minh này chiếu rọi sự sai lạc của con đường mê muội, dựa vào Thất Giác ấy bạt trừ nỗi khổ đau của đêm dài tăm tối, gia đình thân thuộc gặp được Hoàng Đế Bồ-tát, thuận lẽ Trời cai quản vật, dựa bình Phong đứng trước dân, ánh sáng bao trùm vũ trụ soi chiếu rõ ràng biển trong, phát ra biện tài vô ngại để tiếp nhận tất cả mọi người; dùng nguyện lực vốn có nhiếp thọ chúng sanh, cho nên luôn luôn tùy nơi cho thuốc, nêu rõ Quyền biểu hiện Chánh, tôn sùng ý chỉ của Nhất Thừa, mở rộng nền tảng của Thập Địa. Vì vậy khắp nơi hướng về cùng vâng theo kiến thức chính đáng, u hiển thần kỳ đều được nhờ khuyên bảo cứu giúp, người phát khởi ý nguyện Đẳng Giác, vật dấy lên tâm chí Bồ Đề, tất cả đều chịu khó mong mỏi quay về cảnh giới của tổ tông, vui mừng hớn hở trở lại tìm đến nguồn xưa, cùng nhau gìn giữ Từ bi, cùng nhau tu dưỡng Nhẫn Nhục, đó vốn gọi là che chở bảo vệ làm cho lợi ích, xây dựng chiếc cầu dẫn đến bến bờ tốt đẹp. Đạo đã phủ khắp sáng ngời, dân chúng cũng làm thay đổi, thế là ứng hiện chân thật lan tỏa khắp nơi vút cao giữa bầu Trời tiếp nhận bình bóng, phá bỏ tà giáo ngoại đạo kiên quyết giữ gìn đất nước chính trực, già lam tinh xá tháp báu cùng nhau hướng về, pháp hội giảng giải lưu truyền kinh giáo âm vang đức hạnh văng vẳng trong tai. Hạ thần xưa kia chưa thông hiểu cội nguồn chân lý kế thừa tôn thờ ngoại đạo, như mong muốn quả ngọt mà lại gieo trồng giống đắng, muốn trừ cơn khát cháy cổ mà lại đến chỗ nước mặn. Nay tấu khởi về sự mê muội nông cạn mong cầu quay về, thọ Bồ-tát Đại Giới, nhắc nhủ tiết chế thân tâm, rời bỏ thói quen tà vạy của Lão Tử, tiến vào giáo pháp chân thật của dòng pháp chính đáng, cúi

đầu nguyện mong chư Phật Từ bi rủ lòng xót thương tiếp nhận!

Đến ngày mười tám tháng tư, Trung Thư Xá Nhân Thần Nhậm Hiếu Cung tuyên đọc sắc chỉ rằng: Người sửa đổi mê lầm đi vào chính trực, có thể gọi là vốn có gieo trồng nhân tố tốt đẹp, nên dũng mãnh hơn nữa. Chiếu thư phế bỏ đạo pháp của Lý Lão, Bắc Tề Cao Tổ văn Tuyên Hoàng Đế nói: Xưa kia Đạo sĩ Lục Tu Tịnh ở Kim Lăng, hướng về Đạo môn, tại hai triều đại Tống - Tề, noi gương tổ tiên Tam Trương phát triển mở rộng Nhị Cát, kẻ sĩ Hi Trương đóng cửa tiếp nhận ghi chép ngông cuồng thêm vào giải thích rất gượng gạo chế ra nhiều trai nghi, hoang phí vô cùng rắc rối, ú ở chỗ làm cho hàng Vương giả tuân theo mà kính trọng. Đúng lúc Lương Tổ bắt đầu vận dụng hạ chiếu bỏ đạo, Tu Tịnh không nén được giận dữ, liền cùng với học trò đến vùng sát biên giới mà trốn tránh tai họa, phản bội quốc gia tiến vào Bắc tề, lại dốc hết vàng ngọc ban tặng cho các vị khách quý, mượn cớ theo khách bạn mà mong mỏi phát huy đạo pháp, làm cho Hoàng Đế bị mê hoặc. Vào tháng chín năm thứ sáu niên hiệu Thiên Bảo, bèn ban sắc chỉ mời các Sa môn, cùng với Đạo sĩ học hỏi thông đạt gồm mười người, đích thân chứng kiến cuộc đọ sức thi tài. Lúc ấy Đạo sĩ dùng bùa chú làm cho y bát của các Sa môn hoặc bay lên hoặc xoay chuyển, chú thuật làm cho các xà gỗ hoặc nằm ngang hoặc nằm dọc. Sa môn chưa từng học pháp thuật, im lặng không một câu trả lời. Trai gái già trẻ vây quanh ồn ào, sang hèn đều thay đổi tâm tư, tất cả chỉ vì tranh nhau đồ chúng làm hơn hẳn. Các Đạo sĩ đều vui mừng nhảy nhót giống như cá trông thấy Thiên hà, sôi nổi bàn tán tự khoa trương thổi phồng đạo thuận. Vẫn lại xướng to rằng: Thần thông quyền thiết áp chế thừa sức chống lại, Sa môn hiện bày một, tôi sẽ hiện thành hai, nay biểu hiện đôi mắt chút pháp thuật mà từ chối rút lui, thì sự việc cũng có thể thấy. Hoàng đế lệnh cho Pháp sư Thượng Thống cùng với Tu Tịnh thi đấu. Thượng Thống nói: Phương thuật kỹ xảo nhỏ bé thì người thế tục học Nho hãy còn hổ thẹn, huống là người xuất gia ư? Tuy nhiên mệnh Trời khó từ chối, lẽ nào có thể không nói gì? Có thể lệnh cho vị Tăng ở chổ thấp nhất được thi đấu! Liền đi đến tìm kiếm, có vị Tăng tên gọi Phật Tuấn, lại có tên là Đàm Hiển, không biết người ở đâu mà đi khắp nơi không cố định, ăn uống giống như người thế tục. Lúc ấy có lời phát ra biểu hiện sự giác ngộ sâu xa, Thượng Thống biết mức độ sâu sắc ấy, tự mình qua lại kết giao. Đến lúc danh Tăng tụ tập rất nhiều, Đàm Hiển ở chỗ ngồi cuối cùng, uống rượu say bét đang ngồi ngật ngưỡng, quan lại không dám gọi, đem sự việc nói cho Thượng Thống biết. Thượng Thống

nói: Đạo sĩ Tế Tửu đã thực hành đạo pháp thường ngày, chỉ là Đạo nhân uống rượu có thể nói với nhau mà thôi, hãy đỡ giúp cho đến đấy! Thế là tất cả mọi người đều sợ mà tránh ra. Thượng Thống uy quyền mà không dám có lời can ngăn, vậy là hai người dìu Đàm Hiển khiến lên trên tòa cao. Đàm Hiển đã lên chỗ ngồi thì đứng mà mỉn cười nói rằng: Tôi uống rượu quá say mà thôi, nhưng trong tai có nghe rằng, Sa môn hiện bày một, tôi sẽ hiện thành hai, lời này hư, thực ra sao? Đạo sĩ nói: Có thật. Đàm Hiển liền co chân mà đứng, nói rằng: Tôi đã hiện bày một, ông có thể hiện thành hai!

Tất cả không ai trả lời. Đàm Hiển nói: Trước đây dùng chú thuật làm cho y bát - các vật dụng bay lên cao, tôi cố ý mở cửa để thử pháp thuật của ông mà thôi. Sai người lấy y bát của Trù Thiền Sư mà chú nguyện, các Đạo sĩ trong một lúc hăm hở cùng tiến hành phù phép, nhưng không có mảy may lay động. Hoàng đế truyền lệnh lấy y, thậm chí cả mười người cùng đưa lên mà không hề nhúc nhích. Đàm Hiển bèn sai người lấy y xếp lại, các xà gỗ cũng khiến các Đạo sĩ thực hiện chú thuật, vẫn không có gì linh nghiệm. Các Đạo sĩ nhìn nhau không biết làm sao, nhưng vẫn dùng lời lẽ biện luận tự cao mà nói rằng: Nhà Phật tự gọi là nội, nội thì nhỏ bé; nói Đạo Gia chúng tôi là ngoại, ngoại thì to lớn vậy. Đàm Hiển lên tiếng trả lời rằng: Nếu như vậy thì Thiên Tử giải quyết việc bên trong, chắc chắn nhỏ hơn các quan rồi! Tu Tịnh và đồng bọn im miệng không nói gì. Hoàng đế chứng kiến nghiệm xét mà bình luận, liền hạ chiếu rằng: Pháp môn không hai - chân tông thuộc về một, cầu mong con đường chính đáng yên lặng dừng lại làm căn bản, đạo của hạng tế Tửu ấy, thật là giả dối giữa thế gian, người phàm tục không hiểu biết, vẫn cứ phát sinh kính trọng, tìm hiểu tường tận ý vĩ này, thì sự yên lặng rỗng rang ở đâu? Lấm lét nhìn thịt khô ngọt ngào ấy, tâm Từ bi mãi mãi cách xa, trên khác với lòng thờ kính nhân ái, dưới trái với chuẩn mực cúng tế, đều nên cấm tuyệt không tiếp theo tôn thờ hầu hạ được, ban lệnh công bố xa gần đều khiến cho nghe biết. Đạo sĩ quy phục, đều giao cho Chiêu Huyền Đại Thống Thượng Pháp sư độ cho xuất gia, người chưa phát tâm có thể khiến cho phát tâm. Ngày ấy người bị chém đầu không phải là ít. Người tự nói là Thần Tiên, có thể lên trên đài cao ba tầng khiến lao vào hư không bay xuống mà chết. Các Đạo sĩ đều nát thây vấy đầy mặt đất, giả dối xằng bậy từ đây bặt dứt khiến cho đất nước nhà Tề không còn tin theo hai phía. Mãi đến đầu thời nhà Tùy thì dần dần loại bỏ phép thuật ấy, cho đến bây giờ ở vùng Đông Xuyên vẫn còn tông này nhưng mà bé nhỏ không đáng nói

đến. Vào năm thứ hai mươi hai niên hiệu Trinh Quán - Đại Đường, có tù nhân là Lưu Thiệu Lược ở Cát Châu - vợ là Vương Thọ có Ngũ Nhạc Chân Tiên Đồ và kinh Tam Hoàng của Đạo sĩ Bào Tịnh xưa kia tạo ra gồm có mười bốn tờ, trong đó nói: Hễ chư hầu nào có được văn này, thì nhất định là làm Quốc vương; Đại phu nào có được văn này, thì làm cha mẹ của người ta; dân thường nào có được văn này, thì tiền bạc của cải tự nhiên tụ đến; người phụ nữ nào có được văn này, thì chắc chắn trở thành Hoàng hậu. Lúc ấy Tham quân tư pháp vùng Cát Châu là Cát Biện, nhân tra tìm nơi chiếu nằm của tù nhân, mới thâu được ở trong hòm áo quần của Vương Thị, thì truy tìm bọn Thiệu Lược, tra hỏi rằng: Từ trước đến nay Đạo sĩ đã được thọ trì, quan châu lấy làm sách sấm. Vì vậy cất giữ đồ sấm này cùng với kinh, ruổi ngựa trình lên quan tỉnh tâu bày xin sắc chỉ; sắc lệnh cho quan tỉnh điều tra. Lúc đó Triều Nghị Lang Hình Bộ - Lang Trung Ký Hoài Nghiệp..., bèn truy tìm Đạo sĩ Trương Tuệ Nguyên ở Thanh Đô quán vùng Kinh Hạ - Đạo sĩ Thành Vũ Anh ở Tây Hoa quán... để tra hỏi, tất cả đều chân thành nói rằng: Những loại này trước kia do Đạo sĩ Bào Tịnh làm ra, giả làm thành Mặc Thư, chứ không phải Tuệ Nguyên - Vũ Anh này tạo ra.

Sắc chỉ đem đi trừ hủy. Lại được Điền Lệnh Quan tâu rằng: Như Phật giáo, dựa theo trong luật Tăng Ni thọ giới, được Ấm Điền dánh cho mỗi người là ba mươi mẫu; nay Đạo sĩ và Đạo sĩ Nữ, đều y theo kinh Tam Hoàng, thọ Thượng Thanh - Hạ Thanh ấy, thay cho giới xứ của Tăng Ni, cũng gồm có Ấm Điền ba mươi mẫu, kinh này đã ngụy tạo thì nên trừ bỏ, Đạo sĩ và Đạo sĩ Nữ đã không có giới pháp, thì không phù hợp thọ nhận Ấm Điền, thỉnh cầu phế bỏ giống như kinh. Các Đạo sĩ ở Kinh thành, lúc đó sợ hãi phế bỏ Ấm Điền, lén nhờ vào quan tâu bày thỉnh cầu mang Đạo Đức kinh của Lão Tử thế chỗ. Ngày mười lăm tháng năm ấy đưa ra sắc chỉ, Thị Lang Thôi Nhân Sư tuyên chỉ. Sắc chỉ rằng:

Văn tự trong kinh Tam Hoàng đã không đáng truyền bá, còn ngôn ngữ liên quan đến tà ác rằng bậy nêu đều trừ bỏ, thì lấy Đạo Đức Kinh của Lão Tử mà thế chỗ. Có các Đạo quán và dân chúng trăm họ hễ ai có văn này, đều bắt buộc chuyển đến tỉnh lị để trừ hủy!

Mùa Đông năm ấy các Châu kiểm tra khiến đưa vào kinh tập trung lại, bao quát được văn này, tất cả đem đến trước phòng làm việc của Lễ Bộ thượng Thư, cùng tiêu hủy theo ngọn lửa. Vì vậy biết đời đời xuyên tạc chọn lựa xằng bậy thật nhiều, người người ngông cuồng làm ra văn hoa đầy quyển, hạng không có hiểu biết lấy làm Thánh thuyết.

Thời nhà Tấn ở quận Bành Thành có Thích Đạo Dung, người Lâm Lự quận Cấp, mười hai tuổi xuất gia, Thầy của Đạo Dung quý trọng thần thái đó nên trước tiên khiến học ngoại thư, đi đến thôn xóm mượn Luận ngữ nhưng cuối cùng không ôm đi trả. Đối với Luận ngữ ấy đã thuộc lòng, thầy bèn cho mượn bản che phủ không để lại một chữ, đã than thở mà quái lạ làm sao. Thế là cho đi học hỏi khắp nơi. Mãi đến khi tuổi đã trưởng thành có tài năng và trí tuệ hơn người, kinh thư n6ọi ngoại âm thầm thường xuyên di chuyển trong tâm tư. Diêu Hưng nói: Hôm qua thấy Dung Công lại là Thích Tử thông minh hiếm thấy. Sắc chỉ đi vào vườn Tiêu Dao cùng với La Thập tham khảo cải chính rõ ràng bản dịch. Không bao lâu ở nước Sư Tử có một Bà-la-môn, biện giải thông minh nhiều học vấn, Tục thư tây Độ hiếm có loại nào không thuộc lòng, là bậc thầy của ngoại đạo nước ấy. Nghe La Thập ở Quan Đại thực hành Phật pháp, bèn nói với đồ chúng của mình rằng: Lẽ nào có thể cho phong cách của họ Thích một mình truyền bá tại Chấn Đán, mà sự chánh hóa của chúng ta không phù hợp với Đông Quốc hay sao? Thế là cưỡi lạc đà mang sách đi vào trường Am. Diêu Hưng trông thấy mắt miệng người đó thì cảm thấy kỳ quái, có thể cũng làm cho mê hoặc. Bà-la-môn bèn bày tỏ với Diêu Hưng rằng: Đến đạo không có phương hướng thì ai cũng kính trọng điều ấy, nay xin phép cùng với Tăng nhà Tần đấu sức về khả năng biện giải của mình, tùy ai có ưu thế hơn hẳn thì truyền bá giáo pháp của người đó! Diêu Hưng liền đồng ý như vậy. Lúc ấy Tăng chúng vùng Quan trung nhìn nhau ít ỏi như vậy, không có ai dám gánh vác điều ấy. La Thập nói với Đạo Dung rằng: ngoãi đạo này thông minh khác người, thi đấu lời lẽ chắc chắn là thắng, làm cho Đại Đạo Vô Thượng thuộc về chúng ta mà đuối lý, rất đáng đau xót rồi. Nếu để cho ngoại đạo đắc chí, thì bánh xe giáo pháp sẽ bị gãy trục lăn, há có thể như vậy chăng? Như tôi đã nhìn thấy thì quyết định bởi một mình ông mà thôi. Đạo Dung tự nhìn mình năng lực không kém, nhưng mà kinh thư của ngoại đạo chưa mở dọc hết được, mới bí mật sai người ghi lại đề mục kinh thư mà Bà-la-môn đã trì tụng, vừa mở ra liền thuộc lòng. Sau đó hẹn ngày luận bàn về nghĩa lý, Diêu Hưng tự đưa ra, công khanh văn võ đều tập trung, tăng chúng khắp nơi khu vực Quan trung nhất định phải để tựu. Đạo Dung và Bà-la-môn nghĩ cách đối đáp chống cự với nhau, tranh luận sắc sảo sâu xa khó hiểu chẳng bên nào chịu thua. Bà-la-môn tự biết ngôn từ lý lẽ của mình đã có phần thua kém, nhưng vẫn dùng cái học rộng đọc nhiều làm chính, Đạo Dung mới đưa ra kinh thư mà mình đã đọc và danh mục quyện bộ kinh - Sử

của nước Tần, nhiều gấp ba lần so với Bà-la-môn. La Thập nhân đó chế giễu Bà-la-môn rằng: Ông không nghe Đại tần có tiếng học rộng, sao bỗng nhiên khinh suất từ xa đến đây? Bà-la-môn trong lòng hổ thẹn mà ân hận cúi đầu thừa nhận, đầu lạy dưới chân Đạo Dung, trong vòng một tuần không biết vì sao mà ra đi, hình như thời vận hưng thịnh trở lại nên Đạo Dung có năng lực như vậy? Sau trở về Bành Thành thường xuyên giảng thuyết liên tục, người đến nghe đạo có hơn ngàn người, môn đồ nương theo có hơn ba trăm người, tánh tình không suồng sã ồn ào mà thường bước lên lầu cao đọc sách ngắm nhìn, ân cần khéo léo khuyên bảo chung quy dốc lòng làm cho giáo pháp mở rộng. Về sau qua đời ở Bành Thành, hưởng thọ bảy mươi bốn tuổi. Đã biên soạn nghĩa lý về Pháp Hoa - Đại Phẩm - Kim Quang Minh - Thập Địa - Duy Ma..., cùng lưu hành ở đời

Ngụy Thư nói: Chánh Quang năm thứ nhất, Minh Đế mặc triều phục đại xá cho dân chúng khắp nơi, mời học trò hai tông giáo Phật Đạo chiêu đãi trước cung điện. Thọ trai xong Thị trung Lưu Đằng tuyên đọc sắc chỉ, mời các Pháp sư cùng với các Đạo sĩ tranh luận, để giải thích những điều nghi ngờ của các đệ tử. Lúc ấy Đạo sĩ Khương Bân ở Thanh Thông quán và tăng Đàm Mô Tối ở chùa Dung Giác tranh luận với nhau. Minh Đế nói: Phật và lão Tử cùng một thời chăng? Khương Bân nói: Lão Tử từ phương Tây đi vào giáo hóa người Hồ, lúc ấy Phật theo làm người hầu, rõ ràng là cùng một thời. Mô Tối nói: Vì sao biết được? Khương Bân nói: Dựa theo Kinh Lão Tử Khai Thiên, từ đây mà biết được. Mô Tối nói: Lão Tử sanh vào năm thứ mấy, đời vua nào của nhà Chu, đi vào phía Tây năm thứ mấy đời vua nào của nhà Chu? Khương Bân nói: Vào năm Ất Mão, năm thứ ba đời Chu Định Quang lên ngôi, sanh vào giờ Tý trong đêm ngày mười bốn tháng chín9, tại làng Lệ Khanh Khúc Nhân - huyện Trần Khổ - nước Sở, đến năm Đinh Sửu - năm thứ tư đời Chu Giản Vương, thờ nhà Chu làm quan trông coi kho tạng, năm thứ mười ba đời Chu Giản Vương chuyển sang làm Thái Sử, đến năm Canh Thìn, năm thứ nhất đời Chu Kính Vương, tuổi đã tám mươi lăm, thấy đức của nhà Chu sa sút nên cùng với Doãn Hỷ rời quan ải đi về phía Tây thay đổi thành người Hồ, thì đủ để chứng minh rồi. Mô Tối nói: Phật đản sinh vào ngày mồng tám tháng tư năm thứ hai mươi bốn đời Chu Chiêu Vương, diệt độ ngày mười lăm tháng hai năm thứ năm mươi ba đời Chu Mục Vương, tính ra sau khi nhập Niết-bàn trải qua 345 năm, bắt đầu đến năm thứ 3 đời Chu Định Vương, Lão Tử mới sinh ra, sanh rồi trải qua 85 năm, đến năm thứ nhất đời Chu Kính Vương

thì tất cả trải qua 425 năm, mới cùng với Doãn Hỷ trốn về phía tây, căn cứ vào năm tháng như vậy thì chênh lệch xa, không phải là sai lầm chăng? Khương Bân nói: Nếu như thật Phật sanh vào thời Chu Chiêu Vương, thì có văn nào ghi lại? Mô Tối nói: Chu Thư Dị Ký - Hán Pháp Bổn Nội Truyện, đều có văn rõ ràng. Khương Bân nói: Khổng Tử đã là Thánh Nhân chế định phép tắc, lúc đó đối với Phật khác xa không có văn ghi lại, vì sao vậy? Mô Tối nói: Nhân giả hiểu biết giống như một cây Hoan ngấm trộm chứ không sâu xa, dựa theo Khổng Tử có Kinh tam Bị Bốc, nghĩa là Thiên Địa Nhân ấy mà. Văn ngôn của Phật phát ra từ trong Bị, Nhân giả từ lâu tự mình mở ra suy xét không có sự mê muội này. Khương Bân nói: Thánh nhân Khổng Tử không nói mà biết, sao dựa vào Bốc vậy? Mô Tối nói: Chỉ có Phật là vĩ vua của các Thánh, là người đứng đầu dẫn dắt bốn loại chúng sanh, thông hiểu tất cả hàm linh, hai thời gian trước, sau lành, dữ kết thúc và bắt đầu, không dựa vào dự đoán mà xem xét, đương nhiên hơn hẳn các vị Tiểu Thánh, tuy biết lý mà chưa thành sự thật, ắt phải mượn cỏ Thi mai Rùa để thông suốt quẻ bói linh thiêng. Thị Trung Thượng Thư Lệnh Nguyên Văn, tuyên sắc chỉ nói với Đạo sĩ Khương Bân..., luận bàn không có tông chỉ thì nên rời khỏi chỗ ngồi. Lại hỏi: Kinh Khai Thiên từ nơi nào có được, là ai đã thuyết sa? Lập tức sai trung Thư Thị Lang Ngụy Thâu - Thượng Thư Lang Tổ Doanh cùng đến Đạo quán lấy kinh. Minh Đế truyền lệnh bàn luận, Thái Úy Đan Dương Vương Tiêu Tông - Thái Phó Lý Thực - vệ Úy Bá Đào - Lại Bộ Thượng Thư Hình Loan Thâu - Kỳ Thường Thị Ôn Tử Thăng cùng một trăm bảy mươi người đọc xong, tâu trình rằng: Lão Tử chỉ soạn ra năm ngàn chữ, lại không có lời giải thích, chúng thần đã bàn luận, Khương Bân mang tội làm mê hoặc mọi người, xin Hoàng Đế tiến hành cực hình đối với Khương Bân! Lúc ấy có Tam tạng Pháp sư Bồ Đề Lưu Chi, thực hành giáo hóa theo tâm Từ của Phật, can ngăn Hoàng Đế hãy dừng lại, sung vào lính phục dịch tại Mã Ấp.

Hai chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện.

Thời nhà Tân có Trình Đạo Huệ, tự là Văn Hòa, người vùng Vũ Xương, cuộc đời tôn thờ đạo Ngũ Đấu Mễ chư không tin là có Phật, thường nói rằng: Xưa nay Chánh đạo không có đạo nào hơn được Lý lão, tại sao mê muội tin theo lời người Hồ lấy làm giáo pháp hơn hẳn? Năm thứ mười lăm đời Tấn Thái Nguyên bị bệnh mà chết, dưới phần ngực hãy còn ấm, trong nhà không vội tẩm liệm. Qua mấy ngày thì sống lại, nói rằng lúc mới chết thấy mười mấy người, trói lại đem đi gặp một Tỳ kheo bảo rằng: Người này vốn có phước không nên trói buộc. Thế

là cởi trói thả ra mà đi tiếp, đường đi dài và bằng phẳng mà hai bên gai góc ken dày, đại khái là không có thể đặt chân, đuổi các tôi nhân chạy băng trong đó, da thịt bị đâm kêu gào rên rỉ điếc tai, trông thấy Đạo Huệ đi trên đường bằng phẳng, đều ca ngợi hâm mộ rằng: Đệ tử Phật đi trên đường là người tu phước. Đạo Huệ nói: Tôi không tin theo giáo pháp. Người đó cười nói rằng: Ông quên mất mà thôi. Đạo Huệ vì thế tự nhớ lại đời trước tôn thờ theo Phật, đã qua năm lần sanh, năm lần chết nên quên mất chí hướng vốn có, nay sanh ở đời còn nhỏ gặp phải người ác, chưa hiểu được tà, chánh mới mê muội theo tà đạo. Đã đến khu thành lớn dẫn thẳng vào công đường, thấy một người tuổi chừng bốn mươi, năm mươi, ngồi xoay mặt về phía Nam, gặp Đạo Huệ kinh hãi nói rằng: Ông không nên đến đây. Có một người mặc áo mỏng, khăn bịt đầu cầm sổ sách đáp rằng: Người này phá hoại xã hội giết hại người ta, tội lỗi phải đến chỗ này. Tỳ kheo đã gặp trước đây, cũng theo Đạo Huệ đi vào, nói rõ lý lẽ đến cùng, rằng phá hoại xã hội là tội lỗi sai trái, người này vốn có phước rất nhiều, giết người tuy nặng mà báo ứng chưa đến. Người ngồi xoay mặt về phía Nam nói: Nên phạt người đã ghi chép. Truyền lệnh Đạo Huệ đến chỗ ngồi, xin lỗi rằng: Tiểu quỷ lầm lẫn làm sai mà ghi chép không đúng, cũng do ông quên mất túc mạng không biết tôn thờ chánh pháp vĩ đại cho nên như vậy. Sai người dẫn Đạo Huệ trở về, bèn khiến tạm thời cùng với tướng quân đi xem qua các địa ngục mà trở về. Đạo Huệ vui vẻ chào ra ngoài theo người dẫn đường mà đi, đi đến các khu thành, các Khu thành đều là địa ngục, người đông đến số ức đều nhận chịu tội báo. Thấy có chó điên cắn người thành trăm đoạn, thịt da vung vãi máu chảy đầy đất. Lại có bầy chim chiếc mỏ như mũi nhọn, bay đến rất nhanh bỗng nhiên mà xuất hiện, tiến vào trong miệng người làm cho trong ngoài xuyên qua thành lỗ hổng, người đó trằn trọc gào thét xương thịt nát tan. Còn lại những nơi đi qua trông thấy cùng với Triệu Thái-Tiết Thái-Tiết Hà phần lớn hơi giống nhau, không thể ghi lại hết được, chỉ có hai điều này là khác lạ, cho nên ghi lại rõ rằng. Đi xem qua đã khắp, mới dẫn Đạo Huệ quay về, lại thấy Tỳ kheo đã gặp trước đây, đưa cho Đạo Huệ một vật bằng đồng, hình dạng như cái chuông nhỏ, nói rằng: Ông về đến nhà nên bỏ vật này ngoài cửa đừng đem vào trong nhà, đến ngày tháng năm đó ông sẽ có tai ách, khuyên nhắc cẩn thận vượt qua tai ách này, tuổi thọ kéo dài đến chín mươi. Lúc ấy nhà Đạo Huệ ở phía Nam phố lớn chốn Kinh sư, tự nhiên thấy về đến đi qua cây cầu nhỏ hẹp đen ngòm, trông thấy ba người bà con trong họ dừng xe cùng trò chuyện, thương tiếc cho cái chết của Đạo

Huệ. Đến cổng thấy tớ gái vừa đi vừa khóc mà đến chợ mua bán, người ấy và tớ gái đều không trông thấy. Đạo Huệ sắp vào cổng, treo vật bằng đồng trước đây trên cây ở ngoài cổng, ách sáng phát ra từng luồng bay vào bầu Trời, rất lâu nhỏ lại dần rồi bỗng nhiên mà tắt. Đi vào nhà ngửi thấy mùi hôi của xác chết, thương cảm rầu rĩ vô cùng. Lúc ấy khách bạn gần gũi tấp nập đến phúng điếu, bỗng nhiên Đạo Huệ quả thật là không lưỡng lư được, vì thế tiến vào xác chết trong chốc lát mà sống lại. Nói rằng đã gặp người dừng xe và tớ gái đi chợ, tất cả đều phù hợp như nhau. Đạo Huệ về sau làm quan Đình Úy, dự vào Tây Đường phán xét tố tụng, chưa đến lúc đưa ra thì bỗng nhiên cảm thấy mệt mỏi khó chịu, người chẳng hay biết gì đến giữa trưa mới khỏi bệnh. Suy nghĩ thời gian ngày tháng đó chính là Kỳ hạn mà Đạo nhân đã cảnh giác. Không lâu sau chuyển làm Thứ Sử Quảng Châu. Đến năm thứ sáu đời Tống Nguyên Gia, cuối cùng được sống lại sáu mươi chín năm rồi.

Câu chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký.

Thời nhà Đường có Sa môn Thích Bảo Quỳnh ở chùa Phước Thọ - Ích Châu, người dòng họ Mã Thị ở huyện Miên Trúc. Tuổi nhỏ xuất gia đơn thuần sáng suốt vốn có tánh tiết kiệm, đọc tụng Đại Phẩm hai ngày một lần, lấy làm công việc thường xuyên. Khuyến khích nhiều huyện xã vì lợi ích chung nên mỗi ngày tụng một quyển, từ trước đến nay tính ra có một ngàn bộ. Khắp nơi nghe tiếng, đều tỏ lòng khâm phục tôn kính. Ấp này cho đến các huyện như Thập Phương..., đều là dân tôn thờ Đạo Gia chấp tà lâu ngày, tìm nơi nương nhờ chẳng có nơi nào dung chứa. Bảo Quỳnh tuy là ở trong tập tục của quê cha đất tổ mà không tôn thờ Đạo Gia, các tộc họ Lý gặp những lúc mở hội Đạo Gia, mời Bảo Quỳnh tham dự, đến đã sau cùng mà ngồi chứ không lễ lạy, mọi người đều nói là không lễ lạy Thiên Tôn thì khinh thường tông pháp của mình ư? Bảo Quỳnh nói: Tà đạo – chánh đạo khác nhau thì sự tôn thờ đều sai khác, Trời hãy còn không lễ lạy huống gì là Lão quân? Mọi người bàn tán rối rắm có thể phạm làm nhục lẫn nhau, Bảo Quỳnh thấy tranh chấp không ngừng nên trả lời rằng: Tôi lễ lạy trái với sự lễ lạy, sợ rằng để lại mối nhục cho tổ tiên! Thế là lễ một lạy, tượng Đạo Gia và ghế ngồi lập tức lay động. Lại lễ một lạy, ngay cả ghế ngồi trái lại cũng rơi xuống nằm trên đất, thân ghế ngồi dập nát khiến cho dân tôn thờ Đạo Gia xấu hổ, nói to lên phát động tranh nhau đến sửa sang ngay ngắn. Lại lễ lạy vẫn sụp đổ. Bảo Quỳnh nói: Trời trong ấm áp dễ chịu mà nói lời oán hận không có căn cứ chắc chắn, sự ngu si ngờ nghệch của các người không lường được phong cách tôi. Cả chung kinh hãi dốc lòng lễ

lạy Bảo Quỳnh, gần xa nghe biết đều bỏ Đạo quay về với Phật. Đạo tục cả khu vực và bè cách Đạo gia các huyện lân cận cùng than vấn, đều đến cầu xin Bảo Quỳnh thọ Bồ-tát giới. huyện lệnh Cao Đạt, xưa nay có niềm tin chân thành cung kính kế thừa uy đức, lại ở tại chùa trong Châu mời Tăng giảng thuyết làm cho lớn mạnh. Vào năm thứ 8 hiệu Trinh Quán nhà Đường, qua đời ở tại nơi cư trú.

Câu chuyên trên đây trích từ Đường Cao Tăng truyện.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 56

Thiên thứ 63: PHÚ QUÝ

Thiên này có 2 phần: Thuật ý, Dẫn chứng.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Phàm làm điều thiện cảm được vui sướng như bóng thuận theo hình, gây điều ác chuốc lấy khổ đau như tiếng phát ra âm vang. Vì vậy giàu như Chu Bá, sang giống Tiêu Tào, gấm vóc làm áo, vàng bạc làm nhà, đằng trước là mây cuộn rồng bay, phía trên là gió mát phụng kêu, đàn sáo vang vang cung điện rực rỡ, dung mạo thân thiện trước hàng lang dài giày ngọc ở bậc thềm đỏ, mang vòng vàng ở chiếc khóa xanh, ăn thì cao lương mỹ vị đầy mâm, của ngon vật lạ đầy đủ trước mắt, thay mùi đổi vị thường xuyên, hương thơm ngào ngạt sực nức, ngồi thì nhà cao gác đẹp thềm ngọc mành châu, đàn sáo tiêu diệt trầm bổng réo rắt, nằm thì đèn lan chiếu sáng màn thêu rủ bóng, chăn gấm đã bày nệm tơ lướt nhẹ, đi thì xe bốn ngựa kéo bay bổng vút nhanh, kiệu hoa chuông ngân vang động sấm rền, muôn ngàn binh lính hầu hạ mờ mờ ảo ảo nhộn nhịp đầy đường. Sơ lược kể ra nhân của phước đức cảm báo tốt lành như vậy, nhờ vào xưa kia thực hành bố thí mà hưởng thụ lợi ích cao đẹp này.

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh Hiền Ngu nói: "Xưa thời Đức Phật tại thế, trong nước Xá vệ có một Trưởng giả, rất giàu sang phóng khoáng sanh được một cậu con trai, diện mạo đoan chánh hiếm có ở thế gian, cha mẹ vui mừng sung sướng, nhân đó đặt tên cho con là Đàn-di-ly. Tuổi dần lớn lên thì người cha qua đời, vua Ba-tư-nặc liền dùng tước vị của người cha mà phong cho người con. Được nhà vua phong cho tước vị rồi, nhà cửa gia đình ấy thay đổi có nhiều vật báu, trong các kho tàng thảy đều chứa đầy các loại vật quý. Lúc ấy Thái tử nhà vua tên là Tỳ Lưu Ly, gặp

phải bệnh sốt cao đột ngột, các thầy kê đơn thuốc chữa trị thưa với nhà vua rằng: Cần phải có Ngưu Đầu Chiên Đàn dùng để xoa trên thân thể thì sẽ được trừ khỏi căn bệnh. Nhà vua lập tức chiêu mộ tìm kiếm, nếu ai có được, giá trị một lạng sẽ thưởng cho ngàn lượng vàng. Nhưng mà không có ai mang đến cả, có người thưa với nhà vua, trong nhà của Đàn-di-ly có rất nhiều. Lúc ấy nhà vua nghe rồi tự mình đi đến cầu xin, đến trước cổng nhà Trưởng giả Đàn-di-ly, thấy cửa ngoài nhà ấy thuần là bạc trắng, liền sai người làm đi vào thông báo cho biết. Lúc ấy người canh cổng đi vào thưa với tất cả rằng: Vua Ba-tư-nặc nay đang ở ngoài cổng. Trưởng giả nghe rồi lập tức ra ngoài đón tiếp long trọng, mời nhà vua đi vào phòng khách. Nhà vua đi vào trong cổng thấy có một cô gái, dung mạo đoan chánh ở thế gian không ai sánh được, ngồi nơi giường bạc trắng xe sợi bạc trắng, mười người hầu gái đứng hai bên. Lúc ấy nhà vua hỏi rằng: Đây là vợ khanh chăng? Trưởng giả đáp rằng: Là tỳ nữ canh cổng. Người hầu gái ấy có nhiệm vụ là thông báo rõ ràng tin tức. Tiếp tục đi vào cổng giữa thuần là lưu ly đen pha hồng, trong cổng có cô gái ngồi nơi giường lưu ly, dung mạo đoan chánh gấp bội cô gái trước, người hầu hai bên lại gấp bội số trước. Tiếp tục đi vào cổng trong thuần là vàng ròng, trong cổng có một cô gái dung mạo đoan chánh, lại càng đẹp gấp bội, ngồi nơi giường vàng ròng xe sợi vàng ròng, người hầu hai bên lại gấp bội số trước. Nhà vua lại hỏi rằng: Đây là vợ khanh chăng? Trưởng giả đáp rằng: Là tỳ nữ canh cổng. Đi vào đến trong nhà thấy mặt đất là lưu ly, trong phòng chạm khắc các loài thú vật, gió thổi lay động làm cho hình dáng hiện rõ ra trên mặt đất. Nhà vua thấy nói là nước, hãi sợ không dám đi tới, nói với Trưởng giả rằng: Ta đi qua nhiều nơi không có nơi nào làm hồ ở trước cung điện. Đàn-di-ly thưa với nhà vua: Đây là mặt đất bằng lưu ly, chứ không phải là nước. Ngay lúc ấy cởi vòng xuyến bằng vàng trên tay ném vào mặt đất, vướng bức tường mới dừng lại. Nhà vua biết là đất rồi thì cùng đi vào bên trong bước lên cung điện bảy báu. Người phụ nữ ở trong cung điện ngồi nơi giường lưu ly, lại có giường bằng vật báu mời nhà vua ngồi. Lúc ấy người phụ nữ thấy nhà vua mà trong đôi mắt tuôn trào dòng lệ. Nhà vua hỏi rằng: Vì sao không vui mà trong đôi mắt lệ trào? Người phụ nữ đáp rằng: Đại vương, chỉ vì giờ đây ngửi thấy mùi khói trên thân nhà vua, vì vậy mà nước mắt trào ra. Nhà vua bèn hỏi rằng: Tro nhà không nhóm lửa ư? Đáp rằng: Không. Nhà vua lại hỏi rằng: Dùng gì để nấu ăn? Người phụ nữ đáp rằng: Lúc muốn ăn thì mọi thứ tự nhiên hiện ra. Nhà vua lại hỏi rằng: Ban đêm không cần đến ánh sáng ư: Người phụ nữ trả lời nhà vua

rằng: Dùng ngọc ma ni để mà soi chiếu, khắp nhà đều rất sáng. Lúc ấy Đàn-di-ly quỳ thưa với nhà vua rằng: Đại vương, vì sao phải vất vả tinh thần sức lực mà đến nơi này? Vua Ba-tư-nặc đem sự việc trả lời đầy đủ. Trưởng giả nghe rồi liền đưa nhà vua đi vào mọi nơi chỉ rõ các kho tàng chứa đầy bảy báu, hương Ngưu Đầu tích chứa không thể kể hết được. Nhà vua cần gì cứ tùy ý mà lấy! Nhà vua lấy hai lạng hương Ngưu Đầu sai người chuyển về trước. Nhà vua cung kính nói cho biết rằng: Nay có Đức Phật xuất thế, khanh có nghe không vậy? Đàn-di-ly đáp rằng: Thế nào gọi là Phật? Nhà vua bèn giải thích cho nghe, Đàn-di-ly hoan hỷ lập tức đi đến trú xứ Đức Phật. Đức Phật thuyết pháp cho nghe đạt đến quả vị Tu-đà-hoàn, ngay sau đó xuất gia đạt được quả vị A-la-hán, có đủ Tam minh Lục thông và Bát giải thoát. A-nan thấy rồi bèn thưa với Đức Phật rằng: Đàn-di-ly này vốn có gieo trồng nghiệp gì mà sanh ở trong loài người lại thọ nhận phước báo cõi Trời, còn được gặp Thế tôn mà xuất gia đắc đạo? Đức Phật bảo với A-nan: Chính là từ chín mươi mốt kiếp quá khứ, có Đức Phật xuất thế, danh hiệu Ty-bà-thi; sau khi nhập Niết-bàn, ở trong thời Tượng pháp có năm Tỳ kheo, cùng lập yêu cầu thỏa thuận với nhau ở trong một khu rừng, tinh cần hành đạo. Nói với một Tỳ kheo: Nơi này cách xa thành ấp nên khất thực rất vất vả mệt nhọc, ông hãy làm phước suốt mùa Hạ khất thực cung cấp nuôi sống chúng tôi! Tỳ kheo ấy lập tức đi vào thành, khuyến khích các đàn việt hàng ngày đưa thức ăn cơm nước giúp cho. Bốn người yên thân chuyên tinh hành đạo đạt được quả vị A-la-hán, bèn nói với người này: Nhờ vào ông cho nên chúng tôi được yên ổn, công việc đã làm xong, ông nguyện cầu những điều gì? Người ấy nghe rồi hoan hỷ phát nguyện: Khiến cho tôi ở đời sau sanh trong loài người, trên cõi Trời được giàu sang tự nhiên gặp Phật đạt được đạo quả! Nhờ vào công đức này, từ lúc ấy đến nay suốt chín mươi kiếp không rơi vào ác đạo, sanh trong loài người, trên cõi Trời thường ở nơi giàu sang cao quý, những nhu cầu tự nhiên xuất hiện, nay gặp được Ta nên xuất gia đắc đạo".

Lại trong kinh Hiền Ngu nói: "Xưa vào thời Đức Phật tại thế, trong nước Xá Vệ có một Trưởng giả, gia đình rất giàu tiền bạc châu báu vô lượng không thể tính kể được, sanh ra một cậu con trai, thân thể sắc vàng đoan chánh ít người sánh kịp, cha mẹ thấy rồi vô cùng vui mừng sung sướng, nhân đó đặt tên cho con, gọi là Kim Thiên. Ngày cậu bé sinh ra thì trong nhà tự nhiên xuất hiện một giếng nước, dọc ngang tám thước, sâu cũng tám thước, suốt đời sử dụng luôn luôn hợp với ý người, muốn áo có áo, cần ăn có ăn, vàng bạc châu báu và tất cả mọi

nhu cầu, dấy lên nguyện vọng có được như ý liền có được. Cẫu bé đến tuổi trưởng thành thì không hiểu nhiều tài nghệ, người cha nghĩ rằng: Con trai mình đoan chánhdung mạo ít người sánh bằng, phải tìm cô gái danh tiếng dung mạo đẹp đẽ thân thể tuyệt vời giống như con trai mình, mới cầu thân xứng đáng với nhau. Lúc ấy ở nước Xà bà có Đại Trưởng giả, lại sanh được một cô gái tên là Kim Quang Minh, đoan chánh lạ thường, thân thể sắc vàng sáng rực chiếu rọi khác hẳn mọi người. Ngày cô gái sinh ra cũng có giếng nước tám thước tự nhiên xuất hiện, giếng đó cũng luôn luôn có các loại vật báu, áo quần, đồ ăn thức uống tự nhiên xuất hiện, tất cả mọi nhu cầu thích hợp với tình người. Cha mẹ cô gái cũng tự nghĩ rằng: Con gái mình đoan chánh xinh đẹp tuyệt vời giữa mọi người, cần phải tìm được người tài đức thân thể sắc vàng sáng ngời giống như con gái mình, mới cho kết hôn với nhau. Tên gọi của cô gái ấy truyền khắp mọi nơi, Kim Thiên toại nguyện cưới về làm vợ. Sau đó Kim Thiên thỉnh Phật và Tăng cúng dường bữa cơm, bữa cơm xong rồi, Đức Phật thuyết pháp cho nghe, vợ chồng Kim Thiên và cha mẹ của họ, thảy đều đạt được quả vị Tu-đà-hoàn. Vợ chồng Kim Thiên cùng thưa với cha mẹ cầu xin xuất gia, cha mẹ liền thuận theo. Đã xuất gia rồi cả hai vợ chồng đều đạt được quả vị A-la-hán, tất cả mọi công đức thảy đều đầy đủ.

A-nan thấy rồi bèn thưa với Đức Phật rằng: Vợ chồng Kim Thiên vốn có gieo trồng phước thiện gì, mà sanh vào nhà dòng họ cao quý, thân thể sắc vàng lại có giếng nước tám thước tự nhiên xuất hiện sản sinh ra các loại vật dùng như vậy? Đức Phật bảo với A-nan: Trong chín mươi kiếp quá khứ xa xưa, sau khi Đức Phật Ty-bà-thi nhập Niết-bàn, có các Tỳ kheo đi khắp nơi giáo hóa, đến trong một thôn xóm, người trong thôn thấy các vị Tăng nên tranh nhau cùng cúng dường. Lúc ấy có hai vợ chồng, nhà nghèo túng không có gì cả. Người chồng thấy mọi người cúng dường chúng Tăng, về bên vợ khóc nỉ non buồn phiền, nước mắt rơi trên cánh tay người vợ. Người vợ liền hỏi chồng: Vì sao mà khóc nỉ non vậy? Chồng trả lời vợ rằng: Lúc cha tôi còn sống tích trữ tiền của đầy kho giàu có khó mà kể được, cuối cùng trong người tôi nghèo túng khốn khổ hết sức, ngày xưa tuy có mà không bố thí, hôm nay gặp Tăng nghèo thiếu không có gì để bố thí, thân đời trước không bố thí nay khiến cho nghèo thiếu như vậy, bây giờ lại không bố thí thì đời sau càng nghèo khổ hơn, tôi suy nghĩ như vậy mà xót xa buồn phiền quá đỗi. Vợ nói với chồng rằng: Cho dù có ý mà cứ rỗng không thì chẳng có tiền có thể bố thí, biết phải làm thế nào? Vợ lại nói với chồng: Thử đến nhà cũ

tìm kiếm mọi chỗ xem sao, biết đâu sẽ có được! Chồng liền đi đến nhà cũ tìm kiếm được một đồng tiền vàng, mang về nơi vợ. Người vợ lúc bấy giờ có một chiếc gương sáng, còn có được một cái bình, chứa đầy nước trong, đặt đồng tiền vàng vào trong bình, lấy chiếc gương đặt phía trên. Hai vợ chồng một lòng mang đến bố thí Tăng, phát nguyện mà đi. Nhờ vào công đức này, từ lúc đến nay trong chín mươi kiếp không rơi vào ác đạo, sanh trên cõi Trời hay trong loài người luôn luôn vợ chồng, thân thể sắc vàng hưởng thụ phước báo vui sướng, ngày nay được gặp Ta cho nên xuất gia đắc đạo".

Lại trong Kinh Xuất Diệu nói: "Xưa ở thời Phật tại thế, trong nước Ca-tỳ-la-vệ có người em cùng lứa với Mục-kiền-liên, rất giàu có và đầy đủ bảy báu tiền của, kho tạng chứa đầy, nô tỳ tôi tớ không thể nào tính xuể. Lúc ấy Mục-kiền-liên nhiều lần đến nhà em trai mà bảo với em rằng: Nghe em keo kiệt ganh ghét không thích bố thí, Đức Phật thường dạy bố thí đạt được phước báo vô số, nay em bố thí sẽ được vô lượng phước thiện. Người em nghe anh chỉ bảo nên mở kho bố thí, lại làm kho mới mong muốn thọ nhận báo ứng đó, chưa quá một tuần mà tiền bạc châu báu cạn kiệt, kho cũ đều trống rỗng mà kho mới không có báo ứng. Người em buồn phiền đến nơi người anh nói rằng: Trước đây được anh khuyến khích bố thí sẽ có nhiều báo ứng, không dám làm trái lời anh chỉ bảo, mọi người đến cầu xin mở kho bố thí hết, kho cũ đều trống rỗng mà kho mới không có báo ứng, mong rằng không phải vì anh đã nghi ngờ lầm lỡ chăng? Người anh nói: Thôi, thôi! Đừng nói lời như vậy, đừng khiến cho người ngoại đạo tà kiến nghe thấy lời vụng về này, nếu giả sử phước đức là vật có hình dáng, thì cõi hư không bao la cũng không chứa đựng hết được, nay anh tạm thời chỉ rõ cho em một chút báo ứng thôi. Liền dùng thần lực đưa tay nắm người em đi đến cõi Trời thứ sáu, thấy có cung điện bằng bảy báu tạo thành, gió thơm, hồ tắm, kho tạng tràn đầy không thể nào tính xuể, Ngọc Nữ vây quanh mấy ngàn vạn cô, toàn là nữ chứ không có nam. Bèn hỏi anh rằng: Đây là cung điện gì mà nguy nga đồ sộ như vậy? Mục-kiền-liên bảo với em rằng: Em tự mình đến hỏi. Người em liền tự mình đến gần hỏi Thiên nữ rằng: Đây là cung điện gì mà làm thành từ bảy báu, nguy nga đồ sộ lơ lững ở giữa hư không như vậy, ai có phước đức ở trong đó hưởng thụ báo ứng vậy? Thiên nữ trả lời rằng: Trong nước Ca-tỳ-la-vệ thuộc cõi Diêm-phù-đề, Đức Phật Thích Ca có người đệ tử đầy đủ thần thông, tên gọi là Mục-kiền-liên, người ấy có người em trai thảo hiền là một Trưởng giả rất giàu có, nhờ thích bố thí nên sau này sẽ sinh ra ở đây,

mà làm người chủ cho chúng tôi. Người em nghe nói mà hoan hỷ làm cho tâm thiện phát sinh mạnh hơn, về đến chỗ anh nói rõ đầy đũ sự việc ấy. Mục-kiền-liên bảo rằng: Nói là người bố thí thì có báo ứng hay là không có báo ứng vậy nhỉ? Người em trong lòng xấu hổ đến xin sám hối người anh. Sau đó về đến trong nhà lại tu phước thiện nhiều hơn, sau khi mạng chung liền sanh lên cõi Trời, hưởng thụ quả báo này".

Lại trong Kinh Thọ Đề Già nói: "Thời Đức Phật tại thế, có một Trưởng giả rất giàu có, tên là Thọ Đề Già, kho tàng tràn đầy vàng bạc đầy đủ, nô tỳ xếp thành hàng, không có điều gì đang mong cầu nữa. Có một chiếc khăn tay bằng vải bông trắng nõn đang treo bên hồ, vì Trời nổi gió thổi bay đến trước cung điện nhà vua. Nhà vua liền tập trung tất cả quần thần ngồi lại cùng nhau bàn luận tìm hiểu, kể ra các quẻ bói để hỏi, cảm thấy quái lạ về nguyên cớ của chiếc khăn. Các quan đều nói rằng đất nước sắp hưng thịnh nên Trời ban tặng chiếc khăn bằng vải bông trắng nõn. Thọ Đề không nói gì. Nhà vua nói với Thọ Đề: Các quan đều vui mừng, sao khanh không nói gì? Thọ Đề trả lời nhà vua: Không dám dối gì nhà vua, chiếc khăn vải bông trắng nõn này là ở nhà hạ thần lau chìu thân thể, đang treo bên hồ, vì Trời nổi gió thổi bay đến trước cung điện nhà vua, cho nên im lặng không nói. Sau đó mấy ngày có một đóa hoa bằng vàng chín màu, lớn bằng bánh xe, rơi xuống trước cung điện nhà vua. Nhà vua lại tập trung các quan hỏi đáp giống như trước. Thọ Đề trả lời nhà vua rằng: Hạ thần không dám dối gì nhà vua, là đóa hoa úa tàn trong vườn sau nhà của hạ thần rụng xuống, vì Trời nổi gió thổi bay đến trước cung điện nhà vua, cho nên im lặng không nói. Nhà vua nói với Thọ Đề: Nhà khanh có thể như vậy, khanh cần phải trở về tùy ý làm sao cho điều hòa chừng mực, Ta sẽ dẫn hai mươi vạn người, đi đến nhà khanh để xem thử. Thọ Đề trả lời rằng: Mong nhà vua cho cùng đi không cần phải đi trước! Bởi vì nhà của hạ thần tự nhiên có giường chiếu, không cần phải có người sắp đặt, đồ ăn thức uống tự nhiên không cần đến người nấu nướng, tự nhiên bưng đến không cần phải kêu gọi, tự nhiên bưng đi không cần phải nhìn lại. Nhà vua liền dẫn theo hai mươi vạn người, đến cổng phía Nam nhà Thọ Đề Già mà đi vào, có một Đồng tử đoan chánh đáng yêu, nhà vua nói với Thọ Đề rằng: Là con trai của khanh phải không? Đáp rằng: Là tôi tớ giữ cửa của hạ thần. Một lát lại đi về phía trước đến cổng nhà trong, có một Đồng Nữ nhan sắc đoan chánh, màu da tươi sáng như ngọc thật là đáng yêu, nhà vua nói với Thọ Đề rằng: Là con gái khanh hay là vợ khanh vậy? Đáp rằng: Là tỳ nữ giữ cửa của hạ thần. Một lát tiếp tục

đi về phía trước đến trước phòng chính, bạc trắng làm tường- thủy tinh làm đất, nhà vua trông thấy nói là nước nên nghi ngờ không thể đi tới. Thọ Đề tiến lên dẫn đường đưa nhà vua lên phòng chính, ngồi trên sập vàng-gác chân trên ghế ngọc. Vợ của Thọ Đề Già ngồi trong một trăm hai mươi lớp màn che bằng vàng bạc, vén màn mà đi ra, để chào nhà vua, trong đôi mắt rướm lệ. Nhà vua nói với Thọ Đề: Vợ khanh chào Ta tại sao rơi nước mắt? Thọ Đề đáp rằng: Hạ thần không dám dối gì nhà vua, ngửi thấy mùi khói nơi thân nhà vua nên trong đôi mắt tuôn chảy nước mắt. Nhà vua nói: Dân chúng thắp sáng bằng dầu mờ, chư hầu thắp sáng bằng mật, Thiên Tử thắp sáng bằng sơn, sơn cũng không có khói, sao có thể chảy nước mắt? Thọ Đề đáp rằng: Nhà hạ thần có một viên ngọc thần gọi là Minh Nguyệt, treo ở trên phòng chính, ngày đêm không khác nhau, không cần đến ánh sáng lửa đèn. Trước phòng chính của nhà Thọ Đề có mười hai tầng lầu cao, dẫn nhà vua đi lên xem, nhìn thấy bốn phía không rõ ràng như nhìn qua ánh trăng. Đại thần thưa với nhà vua, sách lược quốc gia là chuyện lớn, nhà vua nên trở về. Nhà vua nói trong chốc lát còn có thể chịu được. Lại dạo qua đất vườn bất giác như trải qua cả tháng, hỏi đáp giống như trước. Thọ Đề lấy bảy báu bố thí cùng với lụa là gấm vóc, hai mươi vạn người ngựa đều mang nặng, cùng lúc trở về nước. Nhà vua nói với quần thần: Thọ Đề Già ấy là dân của Ta, vợ con nhà cửa hơn xa đối với Ta, Ta muốn chinh phạt, nên chiếm lấy hay không? Các quan đều nói: Nên chiếm lấy. Nhà vua sau đó dẫn bốn mươi vạn quân binh, đánh chiêng gõ trống bao vây nhà Thọ Đề, hơn mấy trăm lớp. Trong cổng phía Nam nhà Thọ Đề Già có một lực sĩ, tay nắm gậy vàng một mình đánh lại bốn mươi vạn quân binh. Người ngựa đều ngã nhào tay chân bị trói chặt, eo lưng mềm nhũn giống như trạng thái say khướt, đầu óc nặng trĩu không thể nào đứng dậy được. Ngay sau đó Thọ Đề cưỡi xe vân mẫu, đến hỏi mọi người, lúc này cần gì tự làm khổ mình mà nằm dưới đất không đứng lên được? Mọi người trả lời rằng: Đại vương sai đến muốn chinh phạt Trưởng giả, gặp lực sĩ của Trưởng giả tay cầm gậy vàng, một mình đánh bại bốn mươi vạn quân binh, người ngựa đều ngã nhào không thể nào đứng dậy được. Thọ Đề hỏi rằng: Muốn đứng lên được hay không? Mọi người đều nói rất mong được đứng dậy. Thọ Đề liền phát ra thần lực, khiến cho bốn mươi vạn người ngựa đều đứng lên, cùng lúc trở về nước. Nhà vua lập tức sai sứ gọi Thọ Đề Già đến ngồi cùng xe mà đi, hướng đến nơi Đức Phật thưa rằng: Thưa Đức Thế tôn, đời trước Thọ Đề làm công đức gì mà đạt được quả báo như vậy? Đức Phật dạy: Hãy lắng nghe, trước kia

có năm trăm người cùng men theo vùng núi non hiểm trở, trên đường đi gặp Đạo nhân bị bệnh, nhường cho nhà cửa lương thực đèn đuốc của mình; lúc bấy giờ cầu xin nhiều nguyện, Trời tự nhiên cung cấp cho mình, từ hư không xuất hiện, hóa thành thân mười tám thước, phát ra ánh sáng to lớn, chiếu sáng khắp nơi thế giới. Lại nguyện làm Phật phá tan Thiết Vi, vạc nóng nở hoa-địa ngục tỏa ngát chiên đàn, ngạ quỷ làm Sa môn, La sát ngồi tụng kinh; năm trăm người buôn mang nặng vật báu ấy, nhờ cung cấp cho tăng mắc bệnh, thuận theo Tăng cầu xin Trời cung cấp, nay được cảm báo này. Người bố thí lúc ấy nay chính là Thọ Đề Già, Đạo nhân mắc bệnh lúc ấy nay chính là thân Ta, năm trăm người buôn lúc ấy nay đều đạt được quả vị A-la-hán".

Lại trong kinh Bách Duyên nói: "Thời Đức Phật tại thế, trong thành Xá vệ có một Trưởng giả tên gọi là Thiện Hiền, tiền của châu báu vô lượng không thể nào tính xuể, người vợ sinh được một bé gái đoan chánh tuyệt trần hiếm có ở thế gian, trên đỉnh đầu tự nhiên có một hạt ngọc quý báu, ánh sáng chiếu rọi trong thành, cha mẹ vô cùng vui mừng, nhân đó đặt tên cho con, gọi là Bảo Quang. Tuổi dần lớn lên thể tánh thật là điều thuận, ưa thích ban ân huệ giúp người. Hạt ngọc quý báu tên đỉnh đầu khi có người đến cầu xin, liền lấy mà giúp cho, chốc lát lại sanh ra như trước. Cha mẹ hoan hỷ dẫn đến nơi Đức Phật, tâm sinh vui thích mà cầu xin xuất gia. Đức Phật bảo rằng: Thiện lai Tỳ-kheo-ni, tóc trên đầu tự nhiên rụng hết, pháp phục mang trên thân trở thành Tỳ-kheo-ni, tinh cần tu tập đật đến quả vị A-la-hán, chư Thiên và người thế gian đã trông thấy đều rất tôn kính ngưỡng mộ. Lúc ấy các Tỳ kheo thấy sự việc này rồi thưa thỉnh hỏi về nhân duyên, Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: trong chín mươi kiếp quá khứ xa xưa, có Đức Phật xuất thế, danh hiệu là Ty-bà-thi; sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, có vị vua tên là Phạm Ma Đạt Đa, thâu lấy Xá-lợi dựng tháp bằng bốn thứ báu để thờ phụng cúng dường. Lúc ấy có một người đi vào trong tòa tháp này, mang một hạt ngọc quý báu đạt vào đỉnh đầu tòa tháp rồi phát nguyện mà đi. Nhờ vào công đức này, suốt chín mươi kiếp không rơi vào đường ác, sanh lên cõi Trời hay trong loài người thường có hạt ngọc quý báu cùng sanh ra theo mình, hưởng thụ vui sướng tự nhiên, cho đến ngày nay được gặp Ta mà xuất gia đắc đạo. Các Tỳ kheo nghe rồi hoan hỷ vâng mạng thực hành".

Lại trong kinh Bách Duyên nói: "Thời Đức Phật tại thế, trong thành Ca-tỳ-la-vệ có một Trưởng giả, giàu có vô lượng không thể nào kể xiết, người vợ sanh ra một cục thịt tròn, Trưởng giả trông thấy rồi

lòng dạ vô cùng sầu não, nói là điềm chẳng lành, bèn đi đến nơi Đức Phật thỉnh cầu thưa hỏi lành dữ. Đức Phật bảo với Trưởng giả: Ông đừng nghi ngờ kỳ quái, chỉ cần nuôi nấng cho tốt, qua bảy ngày sau ông sẽ tự nhiên thấy mà thôi! Lúc ấy Trưởng giả nghe lời như vậy rồi vui mừng không thể nói được, về đến trong nhà nhắc nhủ nuôi nấng chu đáo. Sau bảy ngày, cục thịt tròn mở ra xuất hiện một trăm cậu bé, diện mạo đoan chánh tuyệt trần hiếm có ở thế gian. Tuổi dần lớn lên được gặp Phật mà xuất gia đạt đến quả vị A-la-hán, chư Thiên và người thế gian mà trông thấy đều rất tôn kính ngưỡng mộ. Lúc ấy các Tỳ kheo thấy sự như vậy rồi bèn thỉnh cầu Đức Phật giảng giải về nhân duyên đắc đạo. Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Trong chín mươi kiếp quá khứ xa xưa, có Đức Phật xuất thế, danh hiệu là Ty-bà-thi; sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, lúc ấy nhà vua nước kia tên là Bàn Đầu Mạt Đế, thâu lấy Xá-lợi dựng tòa tháp bằng bốn thứ báu, cao một do tuần để mà thờ phụng cúng dường. Lúc ấy có hơn một trăm người cùng một ấp trỗi lên các loại âm nhạc, ôm hoa cầm hương cúng dường tòa tháp ấy, tất cả cùng phát nguyện: Nhờ công đức này khiến cho chúng con vào đời sau sanh ở một nơi cùng làm anh em. Phát nguyện này rồi tất cả đều tự quay trở về nhà mình.

Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Cần phải biết rằng một trăm người cùng một ấp lúc ấy nay chính là một trăm Tỳ kheo này. Nhờ vào sức mạnh của lời thề nguyện lúc ấy, cho nên suốt chín mươi kiếp không rơi vào ba nẻo tối tăm, sanh trên cõi Trời hay giữa loài người thường cùng sinh ramột nơi hưởng thụ vui sướng tự nhiên, cho đến bây giờ được gặp Ta, vẫn cùng sanh ra một nơi mà xuất gia đắc đạo. Các Tỳ kheo nghe rồi hoan hỷ phụng hành".

Tụng rằng:

Chứa đá cho rằng chẳng chân thật,
Bình trang hoàng tin là giả tạm,
Trộm áo che đậy trên cổng cao,
Gió thổi bay xuống cửa sổ đen,
Tế phượng chỉ có tâm kinh hãi,
Văn hầu rốt cuộc thích đồng hoang,
Chân tướng há rõ ràng cách thức,
Phù vinh chưa thể nào buông bỏ,
Khách mũ mão hình tích khác lạ,
Xe theo lối cũ mãi ruổi rong,
Đã vậy bỗng ngừng tiếng trịnh trọng,

Tự nhiên loạn chuẩn mực khắp nơi,
Phú quý rổng không tranh danh lợi,
Vinh nhục hư giả mắng chưởi nhau,
Chốc lát gió thổi thành mây khói,
Bọt nước huyễn ảo đâu giữ được?

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra 6 chuyện: 1- Vương Văn Độ thời Tấn; 2- Trương Thị thời Tấn; 3- Lưu Bá Tổ thời Tấn; 4- Thái Thú Lý Thường thời Tấn; 5- Trung Thư Lệnh Sầm văn Bổn thời Đường; 6- Biệt Giá Thẩm Dụ Thiện thời Đường.

1. Thời nhà Tấn có Vương Văn Độ trấn giữ vững Quảng Lăng, bỗng nhiên thấy hai lính hầu cầm tấm bia bắn tên đến mời. Vương Văn rất kinh ngạc hỏi lính hầu rằng tôi làm quan ở đâu? Lính hầu nói: Ngài làm Thứ Sử hai châu Từ - Duyễn và là tướng quân vùng Bắc Bình. Vương Văn nói: Tôi đã làm là quan này tại sao lại mới gọi vậy? Lính hầu nói: Đây là giữa cõi người mà thôi, nay được làm là quan ở trên cõi Trời. Vương Văn rất sợ hãi, chốc lát thấy đến đón quan, người mặc áo đen và binh lính mặc áo làm bia bắn tên rất nhiều. Vương Văn sau đó bệnh mà chết.

Chuyện trên đây trích từ U Minh Lục.

2. Thời nhà Tấn ở Trường An có người tên là Trương Thị, ngày một mình ở trong nhà, có con chim Gáy từ ngoài bay vào đậu trên giường, Trương Thị ngạc nhiên, bày tỏ lòng dạ mà khấn nguyện rằng: Chim Gáy nay đến đây, nếu là họa của tôi, thì bay lên cái lọng che; nếu là phước của tôi, thì bay vào lòng tôi. Chim Gáy vỗ cánh bay vào lòng, thế là hóa thành một cái móc, từ đó tài sản tự nhiên sinh ra vô cùng nhiều.

3. Thời nhà Tấn ở vùng Bác lăng có Lưu Bá Tổ làm Thái Thú Hà Đông, nơi dừng lại ở trên cái lọng che có thần linh luôn luôn nói cho biết, chốn Kinh sư sắp có chiếu thư tuyên bố tin tức, nhất định là báo cho Bá Tổ biết trước. Bá Tổ hỏi rằng thần linh ăn thứ gì? Đáp rằng muốn được ăn gan dê. Liền mua gan dê, ở phía trước mà cắt ra, cắt nhỏ từng miếng theo dao biến mất không hiện ra, hai chiếc gan dê hết sạch. Có một con mèo nhỏ bé ở trước án thư, lính hầu đưa dao muốn chặt đầu, Bá Tổ trách mắng ngăn lại, tự mình nâng lên đặt trên cái lọng che. Chốc lát cười lớn mà nói rằng: Xưa nay ăn gan mê mẩn, bỗng nhiên mất đi hình dáng cùng với Phủ Quân gặp nhau thật là xấu hổ. Sau Bá

Tổ được làm chức quan Tư Lệ, thần linh lại nói cho biết trước, ngày đó tháng đó Bá Tổ sẽ nhận thư đến. Đến kỳ hạn giống như lời báo trước. Đến khi vào phủ Tư Lệ thì thần linh đi theo trên cái lọng che, nhất định là nói rõ sự việc trong tỉnh lỵ. Bá Tổ rất sợ hãi, nói với thần linh rằng: Nay chức quan đang là Thứ Sử, tả hữu quý nhân nghe thần linh ở đây nên có thể làm tổn hại nhau. Thần linh đáp rằng: Như Phủ Quân đã suy nghĩ thì nên rời xa nhau là tốt. Thế là bặt dứt không một tiếng động.

4. Thời nhà Tấn có lý Thường, tự là Nguyên Văn, người nước Tiêu. Lúc trẻ có một Sa môn, đến gặp Lý Thường nói rằng: Phước báo của ông sắp đến, mà lại đối đãi thuận theo, ông có thể giữ nghèo hèn mà tu đạo không ra làm quan, thì phước thiện tăng thêm đối đãi không còn, ông hãy cố gắng lên! Lý Thường tánh tình nóng nảy lại nhà nghèo, chỉ hỏi chuyện làm quan sẽ đến nơi nào chứ hoàn toàn không tìm hiểu về ý tu đạo, vì vậy cho một quyển kinh nhưng Lý Thường không chịu lấy, mà vẫn hỏi về con đường vinh hoa sang hèn như thế nào. Sa môn nói: Được mang đai vàng tía cao nhất tại ba quận, nếu như có thể ở tại một quận mà dừng lại thì cũng là tốt rồi. Lý Thường nói: Tạm thời được phú quý, nào quan tâm đến tai họa về sau. Nhân đó giữ ở lại đêm, Lý Thường ban đêm thức dậy thấy Sa môn, thân nằm đầy cả giường, đi vào gọi người nhà, lớn nhỏ đều nhìn trộm; lại biến thành con chim lớn bay lên đậu tên xà nhà, Trời sáng trở lại thân hình bình thường mà đi. Lý Thường tiễn đưa ra ngoài cổng bỗng nhiên không thấy nữa, biết là người thần, vì vậy thờ Phật mà cũng không thường xuyên tinh chuêyn. Về sau làm Thái Thú quận Tây Dương - Giang Hạ - Lư Giang gặp loạn Long Tương tướng quân Đại Hưng Trung Dự Tiền Phụng mà bị chém chết.

Câu chuyện trên đây trích trong Minh Tường Ký.

5. Thời nhà Đường có Trung Thư Lệnh Văn Bổn, người vùng Giang Lăng, thuở trẻ tin Phật thường niệm tụng phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa, từng chèo thuyền ở Ngô Giang bị hư thuyền nên người trên thuyền chết hết, Văn Bổn chìm vào trong nước, nghe có người nói: Chỉ cần niệm Phật chắc chắn không chết. Như vậy nói ba lần. Lát sau theo làn sóng nổi lên từ trong nước, đã đến được bờ Bắc tức thì thoát chết. Sau ở Giang Lăng thiết trai, tăng đồ quy tụ tại nhà mình, có một khách Tăng đi sau một mình, nói với Văn Bổn rằng: Thiên hạ đang loạn lạc, ông may mắn không gặp phải tai họa ấy, cuối cùng gặp thời thái bình sẽ được giàu sang. Nói xong đi nhanh ra ngoài, tiễn đưa ra bên ngoài thì không thấy nữa. Lát sau Văn Bổn ăn bữa cơm, từ trong bát

cơm của mình gặp được hai hạt Xá-lợi. Về sau quả nhiên giống như lời nói, Văn Bổn tự mình hướng đến nói rõ sự việc như vậy.

6. Thời nhà Đường có Thượng Thư Bộ Hộ Vũ Xương Công Đới Văn Trụ, thường qua lại với Biệt Giá Thẩm Dụ Thiện ở Thư Châu. Văn trụ qua đời vào năm thứ bảy niên hiệu Trinh Quán nhà Đường, đến tháng tám năm thứ tám, Dụ Thiện ở châu phủ mộng thấy chính mình đi đường phố Nam phía Tây phương Nghĩa Ninh ở chốn Kinh sư, bỗng nhiên gặp Văn Trụ mặc áo cũ sách dung mạo thật tiều tụy, trông thấy Dụ Thiện mà vui buồn lẫn lộn. Dụ Thiện hỏi rằng ông ở thuở bình sinh tu phước, nay thì làm gì? Văn Trụ đáp rằng: Tôi ở lúc còn sống tấu sai giết oan người ta, sau khi tôi chết người khác giết mổ trâu dê cúng tôi, bởi vì hai điều này, trả lời biện giải thì khổ đau cay đắng không thể nào nói hết, bây giờ cũng hiểu rõ tình cảnh rồi. Nhân đó nói với Dụ Thiện rằng: Tôi ở thuở bình sinh cùng với ông là bạn tốt, cuối cùng không thể nào tiến cử địa vị quan tước cho ông, trong lòng rất ân hận, nay ông tự mình được làm ngũ Phẩm Văn Thư, đã vượt quá Văn Trụ, vui mừng giúp nhau, cho nên đem báo cho nhau biết. Nói xong mà tỉnh giấc đến nói cho mọi người biết, mong giấc mộng có bằng chứng. Mùa Đông năm ấy Dụ Thiện vào Kinh tham gia tuyển chọn, có bị phạt bằng tiền đồng không được làm quan, lại hướng về mọi người nói là giấc mộng không linh ứng. Mùa xuân năm thứ chín Dụ Thiện trở về Giang Nam, đi đến Từ Châu bỗng nhiên nhận được chiếu thư, trao cho Dụ Thiên tước vị Ngũ Phẩm làm trong phủ Vụ Châu, đến anh làm Lại Bộ Thị Lang, nghe chiếu mới nên Dụ Thiện hỏi rõ như vậy.

Hai chuyện trên đây trích từ Minh Báo Ký.

Thiên thứ 64: BẦN TIỆN

Thiên này có 5 phần: Thuật ý, Dẫn chứng, Tu Đạt, Bần nhi, Bần nữ.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Nói đến giàu nghèo sang hèn thì đều bởi vì nghiệp trước đây, được mất có không thì đều dựa vào hạnh xưa kia. Vì vậy trong kinh nói: "Muốn biết nhân quá khứ, nên nhìn quả hiện tại; muốn biết quả vị lai, nên nhìn nhân hiện tại". Vì lẽ đó, nhà của Nguyên Hiến, phòng của Kiền Lâu, cửa tre vách lá không che nổi gió bụi, chiếc cỏ cửa tranh không ngăn được sương gió; không bện rơm cỏ để làm chiếu nằm, cắt lá sen để làm áo mặc, che hai khuỷa tay thì hai ống tay đều chọc thủng, đưa vào cánh tay thì hai vạt áo đều thiếu hụt; miệng ăn bụng chứa thì nhờ vào thôn xóm, dừng chân cư trú thì dựa vào miếu hoang, đầu đội mũ rách mười năm, thân mang áo vá một trăm mảnh; làng xã đã không có ruộng đất, Lạc Dương lại thiếu mất người chủ, thường xuyên lang thang kiếm ăn qua ngày, tuy xấu hổ với Linh Triếp mà có lỗi lầm che đậy, mới thẹn thùng với Bá Di khiến cho khổ sở đoanh vây; áo quần thiếu thốn, lẽ nào thấy mùa xuân? Gạo cơm đều không, lấy gì lo cuối năm? Tất cả những điều như vậy, đều bởi vì ngày xưa không thực hành ân huệ giúp người mà luôn luôn tích trữ tham lam keo kiệt, khiến cho quả báo một khi đã cảm thì chịu nghèo khổ biết bao! Vì vậy cho nên người thực hành hãy luôn luôn rộng lòng bố thí!

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như trong kinh Đăng Chỉ nói: "Nên biết rằng nghèo khó ví như ở địa ngục, mất đi chỗ nương tựa không có nơi nào gởi gắm, lòng dạ buồn lo ưu sầu tiều tụy. Sắc hoa đã úa tàn thì dung mạo chuyển sanh xấu xí, thân thể gầy còm đói khát bức bách, hố mắt sâu hoắm tay chân trơ xương, da mỏng dính thân gân mạch lộ rõ, đầu tóc rối tung tay chân quều quào, sắc diện vàng vọt toàn thân nứt nẻ. Lại không có áo quần đến trong chỗ dơ bẩn, thu lượm giẻ rách khâu liền với nhau làm cái để mặc, mới che đậy hình hài trần trồng từ trên xuống dưới. Nằm dựa đống phân lại không có giường chiếu, những người thân thích xưa kia thấy mà không biết, đi khắp nơi xin ăn giống như quạ đói, đến bên bạn bè quen biết muốn đi theo xin ăn, người giữ cổng ngăn cản mà không cho phép, đợi dịp thuận tiện thì đi vào lại bị trừ làm nhục, chủ nhà đã đi ra muốn cầm roi đánh đập, khom lưng cúi đầu vái lạy nhận tội. Chủ nhà khinh miệt chẳng cần quay đầu nhìn lại. Giả sử được vào nhà nhưng

vì khinh rẻ cho nên đã không nói chuyện qua lại, cũng không bày chỗ ngồi, ban cho chút đồ ăn thức uống ném vào đồ đựng để cho no đủ đôi chút. Giả sử được hội lớn hy vọng xin được cơm thừa canh cặn, nhưng vì coi khinh cho nên không gọi vào cho ngồi, lại bị đuổi đi ra ngoài. Người bần cùng, ví như cây rừng không có hoa nên các loài ong rời xa. Cỏ bị sương nên lá tự cuốn khô, hồ cạn khô nên chim Hồng chim Nhạn không dạo qua, rừng bị cháy nên hươu nai không hướng đến, ruộng cắt hết mạ không có người thu nhặt. Hôm nay nghèo thiếu thốn nói đến giàu có vui sướng ngày xưa, chỉ gọi là nói suông thì có ai chịu tin? Bởi vì mình bần cùng không có đường nào nhắm đến, ví như cánh đồng bát ngát bị lửa đốt cháy rụi, Người không vui thích nương nhờ. Như cây khô không có bóng mát thì không có loài nào tìm đến nương tựa. Như mạ non bị sương độc mưa đá làm hư hoại không có gì thu hoạch. Như rtắn độc làm hại nên mọi người đều tránh xa. Như thức ăn trộn lẫn chất độc nên không có người nào thưởng thức. Như giữa chốn mồ hoang trống trải nên không có người hướng về. Như nhà xí hôi thối ghê tởm ruồi nhặng bu đầy. Như kẻ tàn ác bị mọi người xa lánh ngăn cách, tuy nói lời hay nhưng người ta cho là sai trái. Nếu làm thiện nghiệp thì người ta cho là thấp hèn, những việc làm nhanh nhạy linh hoạt lại chê là tùy tiện bộp chộp. Nếu lại thong thả kéo dài thì cũng nói là cứ như quan trọng. Giả sử ca ngợi người ta nhưng người ta nói là khen ngợi để nịnh bợ. Nếu như không khen ngợi thì lại sanh ra phỉ báng, nói người nghèo khó này thường nói lời không tốt. Nếu như giảng dạy thì lại nói là lừa dối không thật. Nếu như nói năng giải thích rộng ra thì người ta nói là nhiều lưỡi. Nêu như im lặng không nói thì người ta nói là che đậy tình ý. Nếu như nói lời chính trực thì lại cho rằng thô lỗ. Nếu như cầu mong ý người thì lại nói là nịnh bợ quanh co. nếu như nhiều lần gần gũi thì lại nói là làm cho người ta mê hoặc. Nếu như không gần gũi thì lại nói là cao ngọa. Nếu như thuận theo lời người khác nói ra thì lại nói là lừa gạt lấy ý người ta. Nếu như không thuận theo thì lại nói là tự nắm giữ một mình. Nếu như bỏ ý mình mà không ngờ lại bị mắng rằng hèn hạ bỉ ổi. Nếu như ý không khuất phục thì bị nói là người nghèo hèn hãy còn cố tình chấp ngã. Nếu có chút tự nhiên phóng khoáng thì nói là kẻ ngu si mà không có hạn chế kiêng kị. Nếu tự mình tiếp nhận thì nói là kẻ không có liêm khiết mà giả vờ tự mình đoan trang nghiêm túc. Nếu như thích nhàn tản thì nói là hạng phóng túng buông thả giống như người điên. Nếu như ưu sầu buồn thảm thì nói là hạng ngậm độc không có tâm hoan hỷ. Nếu như nghe lời người khác nói có những điều không hết

nghĩa mà vì họ giải thích rõ ràng, thì nói là hạng thâm thất lấy ngu thay trí thật là xấu xa. Nếu như im lặng thì nói là ngu dốt không biết đạo lý. Nếu như có chút lý luận thì nói là kẻ không tin tội phước. Nếu như có những mong cầu thì nói là kẻ tùy tiện mong cầu không biết gì liêm sỉ. Nếu như không mong cầu điều gì thì nói nay tuy không cầu mà mong sau này được nhiều điều to lớn. Nếu như lời nói dẫn ra kinh sách thì lại nói là giả vờ làm vẻ thông minh. Nếu như nói lời mộc mạc chất phác thì lại chê là dốt nát chậm chạp. Nếu như công khai nói về sự thật thì lại nói là gắng gượng giải thích. Nếu như tự mình ngăn cản mà nói lời đúng đắn thì lại nói là gièm pha nịnh bợ. Nếu như mặc áo mới thì lại nói là mượn để trang sức vẻ bên ngoài. Nếu như mặc áo cũ rách thì lại nói là hèn kém xấu xa. Nếu như ăn uống nhiều thì lại nói là hạng đói khát ham ăn. Nếu như ăn uống ít thì lại nói là trong bụng đói meo mà giả vờ ra vẻ thanh liêm. Nếu như giải thích kinh luận thì nói là bày tỏ cái biết của mình làm rõ ràng sự tối tăm u ám của mình. Nếu như không giải thích gì đến kinh luận thì nói là ngu si không hiểu biết nên dùng để chăn trâu. Nếu như tự mình nói đến sự nghiệp ngày xưa thì nói là khoa trương cao ngọa tự khen ngợi mình. Nếu như tự mình ngậm miệng im lặng thì nói là tự cách gia đình thiếu kiến thức.

Những người bần cùng, đi lại ăn ở nói năng hành động, nhất cử nhất động đều là tội lỗi sai lầm. Những người phú quý làm những điều phi pháp cũng không có gì sai lầm tội lỗi, hành động của họ thì đều có những thuận lợi. Người bần cùng giống như quỷ dựng lên xác chết làm cho tất cả đều sợ hãi, như gặp phải căn bệnh hiểm nghèo khó có thể chữa trị, như giữa đồng hoang mênh mông gặp nơi nguy hiểm cùng đường không có nguồn nước và đồng cỏ, như rơi vào biển rộng chìm giữa dòng nước lớn, như người tắc họng không thể nào thở được, như căn bệnh trong mắt không biết đi đến nơi đâu, như cáu bẩn sâu dày khó có thể rửa sạch, cũng hư kẻ thù tuy cùng chung cơm áo không từ bỏ ác tâm, như mùa Hạ nóng bức người đi vào giếng sâu mà tắt thở, như bước vào bùn sâu không thể nào thaót ra được, như nước dữ dội từ trên núi chảy xuống cuốn phăng phá tan mọi chướng ngại trên đường, bần cùng cũng như vậy, quả thật là lắm gian nan.

Nói đến người phú quý, thì có uy đức tốt đẹp, dung mạo thong dong, tâm ý rộng rãi khoan hồng, lễ nghĩa tranh nhau phát triển luôn luôn sanh ra trí tuệ dũng khí, gia nghiệp tăng thêm quyến thuộc hòa thuận, danh tiếng tốt lành truyền rộng gần xa. Lấy điều này mà quán xét, tất cả người ở thế gian thì sự phú quý vinh hoa không đáng để tham

lam đắm trước, đối với sự tôn quý của các hàng Trời người thì không nên hưởng thụ quá mức. Nên biết rằng bần cùng là nỗi đau khổ to lớn, muốn đoạn trừ bần cùng thì không nên tham lam keo kiệt. Vì vậy cho nên trong kinh nói rằng cuộc đời bần cùng thật là khốn khổ vô cùng".

***Thứ ba-* PHẦN TU ĐẠT**

Như trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: "Xưa ở thời Đức Phật tại thế, Trưởng giả Tu Đạt cuối cùng nghèo khó khốn khổ tiền bạc tài sản đều khô cạn. Đi khắp nơi làm mướn cố gắng kiếm được bốn thăng gạo nhóm lửa nấu cơm ăn, gặp A-na-luật đi đến khất thực, vợ Tu Đạt liền lấy bình bát xới đầy cơm trao cho. Sau đó Tu-bồ-đề - Ca-diếp - Mục-kiền-liên - Xá-lợi-phất..., theo thứ tự đến khất thực đều bố thí đầy bình bát. Cuối cùng Đức Phật đến, cũng cúng dường đầy bình bát. Tu Đạt ở bên ngoài về đến nhà, bảo vợ lấy cơm ăn. Vợ Tu Đạt liền nói với chồng rằng: Nếu như Tôn giả A-na-luật đến, thì chàng sẽ tự nhiên ăn hay là cúng dường Tôn giả nhỉ? Tu Đạt đáp rằng: Thà rằng tự mình không ăn để được cúng dường Tôn giả. Người vợ lại nói rằng: Nếu như tiếp đến có Ca-diếp - Đại Mục-kiền-liên - Tu-bồ-đề và Xá-lợi-phất ngay cả Đức Phật cũng đến, thì chàng sẽ làm thế nào? Chồng đáp vợ rằng: Thà rằng tự mình không ăn để đem tất cả cúng dường các vị ấy. Người vợ liền nói với chồng rằng: Sáng nay các bậc Thánh đều đến khất thực, tất cả cơm nước đều cúng dường hết. Chồng nghe nói vô cùng hoan hỷ, bèn nói với vợ rằng: Tội lỗi chúng ta không còn thì phước đức sẽ sinh ra. Liền mở kho tạng thì lúa gạo đậu mè, lụa là gấm vóc, đồ ăn thức uống thảy đều đầy đủ, dùng hết lại sinh ra. Quả báo như vậy không thể nào nói hết".

Lại trong kinh Tạp Thí Dụ nói: "Xưa kia Trưởng giả Tu Đạt bảy đời nghèo khó, đời cuối cùng nghèo khó cùng quẫn nhất, quả là không có một đồng tiền. Sau đó nhặt được một cái Thăng bằng gỗ từ trong chỗ rác rưởi. Thực ra là bằng gỗ chiên đàn, đem ra chợ bán mua được bốn thăng gạo, nói với vợ lấy một Thăng để thổi cơm, còn mình sẽ đi lấy rau làm thức ăn, lúc quay lại cùng ăn với nhau. Đức Phật nghĩ rằng: Nên độ Tu Đạt khiến cho phước đức tiếp tục phát sinh. Gạo thổi cơm vừa chín. Xá-lợi-phất - Mục-kiền-liên - Ca-diếp và Đức Phật xuất hiện, bốn thăng gạo lần lượt nấu hết, mong muốn sau này giàu có lại thỉnh Đức Phật và chúng Tăng cúng dường đến hết. Đức Phật thuyết pháp cho nghe và đạt được đạo quả".

Lại trong kinh Bồ-tát Bổn Hạnh nói: "Lúc ban đầu gia đình Trưởng giả Tu Đạt nghèo khó vô cùng, được Đức Phật thuyết pháp nên thân

thâm thanh tịnh đạt đến quả vị A-na-hàm; chỉ có năm đồng tiền vàng, một ngày mang một đồng tiền cúng dường Phật, một đồng tiền cúng dường Pháp, một đồng tiền cúng dường Tăng, một đồng tiền tự mình ăn uống, một đồng tiền làm vốn. Ngày từng ngày như vậy, luôn luôn có một đồng tiền cuối cùng không có khi nào hết sạch. Thế là thọ trì năm giới, tâm mong cầu đã đoạn, tất cả phụ nữ đều tùy theo niềm vui của mỗi người. Có một người phụ nữ rang ngũ cốc làm thành bột, sơ suất làm cho lửa cháy lan ra họa đến người và loài vật. Vua Ba-tư-nặc sắc chỉ các quan đưa ra hạn định: Từ nay trở đi ban đêm không được nhóm lửa và khắp đèn đuốc, nếu có ai vi phạm thì phạt một ngàn lạng vàng. Lúc bấy giờ Tu Đạt đắc đạo ở nhà, ngày đêm ngồi thiền nhập định, nửa đêm gà gáy thắp đèn ngồi thiền. Lính canh quan sát bắt được, nắm đèn đến thưa với nhà vua, nên phải bị phạt vạ. Tu Đạt thưa với nhà vua: Nay tôi bần cùng không có tiền bạc tài sản, nên lấy gì chịu phạt đây? Nhà vua tức giận truyền lệnh giam vào trong ngục, lập tức dẫn Tu Đạt giao cho cai ngục canh giữ. Tứ Thiên Vương trông thấy, đầu đêm Tứ Thiên Vương đến nói với Tu Đạt rằng: Tôi mang tiền cho ông, dùng để nộp phạt cho nhà vua, có thể đến nạp mà ra. Tu Đạt thuyết kinh cho Tứ Thiên Vương xong thì họ ra đi. Đến giữa đêm thì Thiên Đế lại đến thăm, Tu Đạt thuyết pháp cho nghe xong thì Đế Thích ra đi. Tiếp đến cuối đêm thì Phạm Thiên lại xuống thăm, Tu Đạt thuyết pháp cho Phạm Thiên xong, Phạm Thiên lại ra đi. Lúc ấy nhà vua trong đêm ở trên lầu cao nhìn thấy trong ngục có ánh sáng ngọn lửa, vào sáng sớm nhà vua lập tức sai người đến nói với Tu Đạt: Vì lửa bị phạt giam mà không xấu hổ, lại tiếp tục thắp đèn ư? Tu Đạt đáp rằng: Tôi không thắp đèn, nếu như thắp đèn thì phải có khói muội chứ. Lại nói với Tu Đạt: Đầu đêm có bốn ánh lửa, giữa đêm có một ánh lửa, lớn gấp bội ánh lửa trước, cuối đêm lại có một ánh lửa, còn gấp bội so với trước, nói không thắp đèn thì là những cái gì phát sinh? Tu Đạt đáp rằng: Đây không phải là ánh lửa, đầu đêm Tứ Thiên Vương đến thăm tôi, giữa đêm Thiên Đế đến thăm tôi, cuối đêm Phạm Thiên đến thăm tôi, đều là ánh sáng của ngọn lửa trên thân chư Thiên, chứ không phải là lửa thật. Lính hầu nghe lời ấy liền đến thưa với nhà vua, nhà vua nghe như vậy mà tâm kinh hãi sởn tóc gáy. Nhà vua nói: Người này phước đức đặc biệt mới như vậy, nay Ta vì sao mà hủy nhục đến họ? Lập tức truyền lệnh cho lính hầu rằng: Nhanh chóng thả ra đi, đừng làm cho chậm trễ. Vâng lệnh liền thả khiến đi đi, Tu Đạt được ra ngoài, đi đến nơi Đức Phật lễ lạy Đức Phật rồi nghe pháp. Vua Ba-tư-nặc lập tức trang nghiêm xe ngựa tìm đến nơi

Đức Phật. Nhân dân trông thấy nhà vua thì đều đứng dậy tránh đường, chỉ có Tu Đạt vì tâm còn giữ pháp vị nên thấy nhà vua mà không đứng dậy, tâm nhà vua hơi oán hận, người này là dân của Ta mà trong lòng khinh mạn thấy Ta không đứng dậy, thế là trong tâm ôm giữ căm giận. Đức Phật biết ý nhà vua nên dừng lại không thuyết pháp, nhà vua thưa với Đức Phật rằng: Nguyện xin thuyết pháp. Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Nay không phải là lúc vì nhà vua mà thuyết pháp, vì sao không phải lúc? Bởi vì lúc con người khởi tâm sân giận kết buộc không cởi bỏ, tham dâm nữ sắc tự đại không tôn trọng, tâm tư cấu trược nghe pháp vi diệu mà không thể nào hiểu được, vì lý do này, bây giờ không phải là lúc vì nhà vua mà thuyết pháp. Nhà vua nghe Đức Phật giải thích, ý tự nghĩ rằng: Bởi vì người này, khiến cho mình hôm nay có hai điều sút giảm, lại khởi tâm sân giận mà không được nghe pháp. Vì vậy đảnh lễ Đức Phật mà lui ra, đi ra đến bên ngoài truyền lệnh cho tả hữu biết: Nếu người này đi ra thì dứt khoát chém đầu cho Ta. Nói lời này xong ngay lập tức bốn phía xuất hiện hổ lang sư tử và các loài thú độc đều đến bao vây quanh nhà vua. Nhà vua trông thấy sợ hãi quay trở lại nơi Đức Phật. Đức Phật hỏi Đại vương vì sao quay trở lại? Nhà vua thưa với Đức Phật rằng: Thấy sợ hãi nên quay trở lại. Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Biết người này hay không? Nhà vua thưa: Không biết. Đức Phật bảo rằng: Người này đã đạt được quả vị A-na-hàm, bởi vì khởi lên Ác ý nhằm vào người này, vì vậy khiến cho như thế, nếu không quay lại thì nhà vua ắt phải chịu tổn hại chứ không thể nào cứu giúp an toàn được.

Nhà vua nghe Đức Phật giải thích thì vô cùng sợ hãi, lập tức hướng về Tu Đạt lễ lạy sám hối, bốn bề im phăng phắc, ở trước Tu Đạt nhà vua nói: Đây là dân của mình mà hướng về làm cho khuất phục nhục nhã, thật là rất khó. Tu Đạt lại nói: Mà tôi bần cùng thực hành bố thí, cũng lại rất khó; Thi La Sư Chất là nước bằng phẳng vuông vức bị giặc đã nắm giữ, lâm chung không phạm vào vọng ngữ, giặc liền tha cho, thật là rất khó. Lại có vị Trời tên gọi Thi Ca Lê, nằm ở trên lầu cao có Ngọc Nữ cõi Trời xuất hiện, vì giữ cấm giới mà không hưởng thụ, thật là rất khó. Thế là 4 người này ở trước Đức Phật đều nói kệ rằng:

Bần cùng bố thí thật là khó,
Hào quý nhẫn nhục thật là khó,
Nguy hiểm trì giới thật là khó,
Trai trẻ xả dục thật là khó.

Đức Phật thuyết kệ xong, nhà vua và thần dân đều vô cùng hoan hỷ, đảnh lễ mà lui về vâng mạng thực hành”.

***Thứ tư-* PHẦN BẦN NHI**

Như trong kinh Biện Ý Trưởng Giả Tử nói: "Ngay sau đó Trưởng giả tử Biệt Ý hướng về Đức Phật đảnh lễ, vòng tay thưa với Đức Phật rằng: Chỉ nguyện Đức Thế tôn, Từ bi đến chỗ nghèo hèn, và thỉnh các chúng hội ngày mai vui lòng đến nhà dùng cơm. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn im lặng nhận lời. Các Trưởng giả tử đảnh lễ Đức Phật mà lui về. Đến nhà chuẩn bị cơm nước chu đáo, ngày mai Đức Thế tôn và các Đại chúng, đi đến nơi ấy vào chỗ ngồi trang nghiêm, Biện Ý thưa với cha mẹ và các quyến thuộc, tiến lên lễ dưới chân Đức Phật rồi đều tự cung kính hầu hạ. Biện Ý bắt đầu tiến hành rót nước rửa mặt tôn kính dâng lên các món thức ăn. Sắp dọn thức ăn chưa xong thì có một người ăn xin, tiến lên đi qua từng chỗ ngồi xin ăn. Đức Phật chưa chú nguyện nên không ai dám cho, đi khắp không được gì nên tức giận mà bỏ đi, liền sinh ra ý niệm xấu ác: Những Sa môn này phóng dật ngu si mê hoặc, có đạo lý gì đâu, kẻ nghèo thiếu đi xin chẳng có tâm mà giúp cho; Trưởng giả ngu si mê hoặc dùng mọi thứ cung cấp như vậy, không có ý niệm Từ bi gì cả, ta làm vua sẽ dùng vành bánh xe bằng sắt cán đứt đầu của họ. Nghĩ như vậy rồi ra đi. Đức Phật chú nguyện thọ thực đã xong, lại có một người ăn xin đến đi vào xin ăn, mọi người trong chỗ ngồi ai cũng giúp cho, được nhiều cơm và thức ăn mà vui vẻ ra đi, liền sinh ra ý nghĩ rằng: Những Sa môn này đều có tâm từ, thương mình nghèo đói khốn khổ giúp cho ăn uống no đủ, được lợi ích qua mấy ngày, tốt lành thay tốt lành thay! Trưởng giả ơi, quả là có thể cúng dường cung kính các Đại sĩ như vậy, phước thiện ấy vô lượng, tôi làm vua chúa thì sẽ cúng dường Đức Phật và cúng đệ tử, thậm chí bảy ngày còn không đền đáp được ân cứu giúp đói khát hôm nay. Nói xong liền ra đi. Đức Phật thọ thực đã xong, thuyết pháp rồi thì trở về trong tinh xá. Đức Phật bảo với A-nan: Từ nay về sau thọ thực xong rồi dùng cơm, lấy đây làm thường lệ.

Lúc ấy hai người ăn xin lần lượt xin ăn đến trong nước khác, nằm trong đám cỏ rậm ở bên đường. Lúc ấy nhà vua nước kia bỗng nhiên băng hà không có người thừa kế. Lúc ấy tướng sư trong nước hiểu biết về tướng pháp, xem trong sách sấm ghi rằng: Sẽ có người hèn mọn thích hợp để làm vua. Thế là bá quan văn võ ngàn vạn binh lính cưỡi xe cưỡi ngựa đi khắp biên giới quốc gia, tìm ai là người thích hợp để làm vua. Nhìn thấy trong đám cỏ rậm bên đường, phía trên có tán mây che. Tướng sư xem tướng nói: Bên trong có người thần. Tức thì trông thấy người ăn xin có tướng thích hợp để làm vua. Các quan bái kiến đều xưng là hạ thần. Người ăn xin kinh ngạc, tự nói mình là người thấp hèn

chứ không phải là dòng dõi vua chúa, nhưng tất cả đều nói là ứng với tướng chứ không phải là dùng sức mạnh để bắt ép. Đưa về dùng nước ấm pha hương tắm gội rồi mặc áo đội mũ của bậc Đế Vương, tướng mạo sáng ngời trang nghiêm phù hợp tốt đẹp vô cùng, truyền cho tùy tùng trước sau quay xe đưa vào kinh thành. Lúc ấy người ăn xin Ác ý nằm ngủ ở trong đám cỏ rậm chẳng hay biết gì, bị bánh xe cán đứt mất đầu. Nhà vua đến trong nước, âm dương điều hòa bốn mùa hưng vượng hẳn lên, nhân dân an lành vui vẻ ca ngợi đức độ của nhà vua.

Lúc bấy giờ nhà vua tự nghĩ rằng: Xưa là người bần cùng, vì nhân duyên gì mà được làm vua của một nước? Lúc xưa đi ăn xin được nhờ ân của Đức Phật mà có được nhiều đồ ăn thức uống, liền nảy sinh thiện niệm nếu được làm vua thì cúng dường bảy ngày để đền đáp ân đức của Đức Phật, nay đã cảm quả. Lập tức triệu tập quần thần từ xa hướng về nước Xá vệ thắp hương làm lễ, liền phái xứ giả đến thỉnh cầu Đức Phật rằng: Được nhờ Đức Thế tôn để lại ân đức được làm vua cõi người, nguyện cúi đầu thỉnh cầu Thế tôn uy thần xuất hiện giáo hóa nước này, người ngu si tối tăm mong được gặp và được giáo huấn! Thế là Đức Phật bảo với các đệ tử: Hãy nhận lời thỉnh cầu ấy. Đức Phật cùng với rất đông các đệ tử, đi đến nước kia. Lúc ấy nhà vua ra ngoài nghênh đón để làm lễ chào Đức Phật, thỉnh vào cung điện thọ thực xong, nhà vua thỉnh cầu Đức Phật thuyết về nhân duyên được làm vua. Đức Phật giải thích cho biết đầy đủ về nhân duyên như trước, nhờ khởi lên niệm thiện mà nay được làm vua. Người ác niệm lúc ấy không hỉ bị bánh xe cán đứt đầu mà chết, chết rồi lại đi vào địa ngục bị xe lửa cán chết, qua ức kiếp mới thoát ra. Nhà vua nay thỉnh Đức Phật đền đáp lời thề quá sâu nặng, đời đời hưởng thụ phước đức không có tận cùng. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn dùng kệ khen ngợi rằng:

Tâm người là gốc rễ độc hại,
Miệng là cánh cửa của tai họa,
Tâm nghĩ đến mà miệng nói ra,
Thân chịu lấy tội lỗi tai ương.
Không nghĩ đến thiện ác của người,
Tự mình làm thân chịu tai họa,
Ý muốn làm hại đến người ta,
Bất giác bị xe cán đứt đầu.
Tâm là pháp cam lồ vi diệu,
Khiến cho người sanh lên cõi Trời,
Tâm nghĩ đến mà miệng nói ra,

Thân hưởng được phước đức của mình.
Người có nghĩ đến thiện và ác,
Tự làm nguồn gốc để an thân,
Ý nghĩ tất cả đều là thiện,
Như nhà vua được địa vị cao.

Lúc ấy nhà vua nghe kinh vô cùng hoan hỷ, thần dân cả nước đạt được quả vị Tu Đề Hoàn".

Lại trong kinh Hiền Ngu nói: "Đức Phật an trú tại nước Xá vệ, cùng với các đệ tử gồm một ngàn hai trăm năm mươi người quy tụ. Trong nước có năm trăm người ăn xin, thường dựa vào Như lai đi theo chúng Tăng xin ăn tự sống, tâm chán ngán bùng phát bên trong nên cầu mong được xuất gia, cùng nhau thưa với Đức Phật rằng: Như lai xuất thế thật là khó gặp, chúng là hạng thấp hèn được nhờ cứu giúp thân mạng, nay bần cùng xuất gia không biết có cho phép hay không? Đức Phật bảo với những người ăn xin: Pháp của Ta thanh tịnh không có sang hèn, ví như nước trong rửa sạch những thứ bất tịnh, hoặc là sang hay là hèn, nước đã tẩy thì không có gì không sạch sẽ. Lại giống như lửa lớn đã đến nơi, bị lửa thiêu cháy thì không có gì không cháy khô. Lại giống như hư không bao la thì giàu nghèo sang hèn có vào trong ấy đều tùy ý tự nhiên cảm nhận. Những người ăn xin nghe nói thảy đều hoan hỷ, tín tâm phát ra gấp bội nên chân thành quya về xuất gia. Đức Phật bảo rằng: Hãy cố gắng! Đầu tóc tự nhiên rụng hết, pháp y mang trên thân, hình tướng Sa môn lập tức đầy đủ. Đức Phật thuyết pháp cho nghe thành tựu đạo quả A-la-hán. Vào lúc ấy các Trưởng giả giàu có trong nước, nghe độ người ăn xin đều dấy tâm khinh mạn, tại sao Như lai cho phép hạng người thấp kém này ở giữa chúng Tăng? Chúng ta tu phước thỉnh Phật và chúng tăng thọ thực, nay hạng thấp hèn này ngồi trên giường chiếu của mình nắm chén bát đũa muỗng của mình thì làm sao chịu được?

Lúc bấy giờ Thái tử Kỳ Đà thỉnh Đức Phật và chúng Tăng, sai sứ giả đến thưa với Đức Phật: Xin nguyện cầu Đức Thế tôn ngày mai nhận lời thỉnh của con, cùng với Tỳ kheo tăng, những người ăn xin được độ, con không mời họ, xin đừng dẫn đến. Ngày mai vào giờ ăn, Đức Phật bảo với những người ăn xin rằng: Ta nhận lời thỉnh cầu của người ấy mà các ông không được xếp vào, nay nên hướng đến cõi Uất Đa Việt lấy cám gạo chín muồi tự nhiên quay về đế nhà ấy, tùy ý theo thứ tự chỗ ngồi tự nhiên ăn cám gạo. Các Tỳ kheo y như lời dạy, liền dùng thần túc đi đến thế giới ấy, tất cả đều tự lấy đầy bình bát trở về giữ gìn oai nghi, cưỡi mây mà đến, như chi nhạn bay về, tiến vào nhà Kỳ Đà ngồi theo

thứ tự cùng ăn uống. Lúc ấy Thái tử nhìn thấy các Tỳ kheo có oai nghi đi đứng thần túc phước đức đầy đủ, tâm cung kính hoan hỷ ca ngợi là chưa từng có, bèn thưa với Đức Phật rằng: Không biết những vị Hiền Thánh này từ phương Trời nào đến? Đức Phật bảo với Kỳ Đà: Nếu muốn biết thì các vị ấy chính là những người hôm qua đã không được mời. Đức Phật ngay sau đó hướng về Thái tử nói rõ nhân duyên của các vị ấy. Lúc bấy giờ Kỳ Đà nghe nói lời như vậy thì trong lòng vô cùng hổ thẹn, tự ngã ngu si tệ hại không phân biệt được sáng tối, không biết rõ những người này gieo trồng thiện hạnh gì, nay được gặp Đức Thế tôn đặc biệt được nhờ ân huệ tốt đẹp như vậy, lại tạo ra lỗi lầm gì mà phải ăn xin để tự nuôi sống mình? Đức Phật bảo với Kỳ Đà: Thời quá khư lâu xa có đất nước rộng lớn tên là Ba-la-nại, có một vùng núi tên gọi Lợi Sư, chư Phật cổ xưa phần nhiều an trú trong đó, nếu lúc không có Phật thì có hai ngàn vị Bích-chi-Phật luôn luôn cư trú trong đó. Có một Trưởng giả tên là tán Đà Ninh, lúc ấy thế gian xảy ra hạn hán, tiết kiệm sự giàu có của gia đình, bèn hỏi người theo dõi kho tạng: Nay trong kho tạng của Ta có bao nhiêu thóc gạo, muốn thỉnh các Đạo sĩ, không biết cung cấp đủ hay không? Người theo dõi kho tặng trả lời rằng: Vẫn còn rất nhiều đủ để cung cấp. Liền thỉnh hai ngàn vị Bích-chi-Phật thiết trai cúng dường, sai năm trăm người phục vụ cung cấp sắp xếp cơm nước. Lúc ấy những người phục vụ liền sanh tâm chán ghét, những người chúng ta sở dĩ phải vất vả cực nhọc thế này, đều vì những người ăn xin ấy. Lúc bấy giờ Trưởng giả luôn luôn khiến một người báo cho biết là đến giờ ăn, nuôi một con chó ngày ngày theo đến. Bấy giờ người phục vụ cuối cùng gặp một ngày quên không đến báo, con chó đến giờ ăn một mình đi đến nơi thường đến, hướng về các Đại sĩ cao tiếng mà sủa. Các vị Bích-chi-Phật nghe con chó ấy sửa, thì biết là đến giờ ăn, đi đến liền ngồi vào chỗ thọ thực đúng như pháp, nhân đó trình bày với Trưởng giả: Hôm nay Trời sẽ mưa nên có thể gieo giống. Trưởng giả như lời cày ruộng gieo giống, vật được gieo trồng đều biến thành cây bầu, Trưởng giả thấy quái lạ nên thường xuyên tưới nước, sau đến lúc chín đều to lớn, liền bổ ra xem thử. Theo vật đã gieo trồng trở thành lúa mạch tốt lành sạch sẽ chứa đầy trong đó, Trưởng giả vô cùng hoan hỷ, trong nhà đầy tràn lại chia cho họ hàng thân thích, tất cả mọi người trong nước đều được nhờ ân huệ tốt lành. Lúc này năm trăm người lo cung cấp cơm nước nghĩ rằng: Thu hoạch loại quả này thật sự là ân đức của Đại sĩ, tại sao chúng ta nói lời xấu xa đối với các vị ấy? Thế là đi đến nơi ấy thỉnh cầu hối cải, lại lập lời thề rằng: Nguyện khiến cho chúng con, ở đời tương lai được gặp

Hiền Thánh nhờ ân được giải thoát. Vì vậy cho nên trong năm trăm đời thường làm người ăn xin, nhờ vào sự hối cải đó lại lập lời thề, cho nên nay gặp Ta xuất thế nhờ ân được cứu độ.

Thái tử nên biết rằng, Tán Đà Ninh giàu có lúc bấy giờ nay chính là thân Ta; người theo dõi kho tạng lúc ấy nay chính là Tu Đạt; người ngày ngày báo đến giờ ăn lúc ấy nay chính là Ưu Điền Vương; năm trăm người lo cung cấp cơm nước lúc ấy nay chính là năm trăm vị A-la-hán này vậy. Lúc bấy giờ Kỳ Đà và người trong pháp hội, nhìn thấy sự thần thông biến hóa đó đều đạt được bốn quả vị".

***Thứ năm*- PHẦN BẦN NỮ**

Như kinh Hiền Ngu nói: "Xưa ở thời Đức Phật tại thế, Tôn giả Ca-chiên-diên ở tại nước A-bàn-đề, lúc ấy trong nước đó có một Trưởng giả, rất giàu có lắm tiền của. Trong nhà có một người hầu gái, có chút lầm lỗi, bị Trưởng giả đánh roi, ngày đêm đi làm đầy tớ, áo quần không che đủ thân bình, cơm nước không đủ miệng ăn, tuổi già vất vả cực nhọc nghĩ đến cái chết không được, đúng lúc mang vò đến sông lấy nước, cất tiếng khóc òa nức nở. Lúc bấy giờ Tôn giả nghe tiếng khóc ấy, đi đến nơi đó hỏi han biết rõ nhân duyên, liền nói rằng: Nếu bà nghèo thì sao không bán nó đi? Bà cụ đáp rằng: Ai mà mua cái nghèo khó? Ca-chiên-diên nói: Nghèo khó thật sự có thể bán. Bà cụ thưa rằng: Nghèo khó có thể bán, thì bán nó thế nào? Ca-chiên-diên nói: Nếu như bà cụ bán thì chỉ thuận theo lời tôi nói. Bảo rằng trước tiên hãy gội rửa, gội rửa xong bày cho cách làm. Bà cụ thưa với Tôn giả: Nay tôi bần cùng áo quần trong người không có chỗ nào lành lặn, chỉ có mỗi chiếc vò này, thì của Đại gia cho phép, nên lấy cái gì để làm? Tức thì mang bình bát đưa cho và bảo lấy nước bố thí, nhận lấy chú nguyện cho, sau đó truyền giới cho bà cụ, cuối cùng dạy cho niệm Phật xong hỏi rằng: Bà cụ ở nơi nào? Người hầu gái liền đáp rằng: Không có chổ ở nhất định, hễ giã gạo nhóm lửa làm cơm nơi nào thì ở lại nơi đó, có lúc nằm trong đống rác. Tôn giả nói rằng: Bà cụ nên chịu khó dốc lòng kính cẩn làm theo, chờ lúc tất cả mọi người trong nhà ông chủ ngủ hết, trộm mở cửa đi vào, ở trong cửa ấy trải cỏ mà ngồi, tư duy quán tưởng Đức Phật. Bà cụ tiếp nhận lời dạy rồi đến đêm tối vào nơi chỗ ngồi, mạng chung bên trong cửa mà sanh lên cõi Trời Đạo Lợi. Ông chủ sáng sớm trông thấy nổi giận mà nói: Người hầu gái này bình thường không cho phép vào nhà, sao bỗng nhiên chết nơi này? Liền sai người lấy cỏ buộc chân, mang đặt trong rừng lạnh lẽo. Người hầu gái này sanh lên cõi Trời, cùng

với năm trăm người Trời lấy làm quyến thuộc, bèn dùng Thiên nhãn quan sát thấy được nhân duyên sanh lên cõi Trời của thân trước đó, lập tức dẫn theo năm trăm người Trời kia, ôm hoa cầm hương đến trong khu rừng lạnh lẽo, đốt hương rải hoa cúng dường tử thi, phát ra ánh sáng cõi Trời chiếu rọi thôn xóm ven rừng. Ông chủ thấy quái lạ bèn bảo cho xa gần đều biết, đến khu rừng quan sát thế nào. Trông thấy rồi nói rằng: Người hầu gái này đã chết vì sao mà cúng dường? Người Trời trả lời rằng: Đây là thân trước của tôi. Thế là nói cho nghe đầy đủ về nhân duyên sanh lên cõi Trời. Sau đó đều quay lại đến nơi Ca-chiên-diên lễ lạy cúng dường. Nhờ vào duyên thuyết pháp, năm trăm người Trời thảy đều đạt được quả vị Tu-đà-hoàn. Đã đạt được quả vị rồi trở về cõi Trời. Bởi vì nhân duyên này, người có trí thuận theo nên học như vậy mà thực hành".

Lại trong kinh Phật thuyết Ma-ha Ca-diếp Độ Bần Mẫu nói: " Đức Phật an trú tại nước Xá Vệ, lúc này Ma-ha Ca-diếp, một mình thực hành giáo hóa đến thành Vương xá, thường thực hành lòng thương xót lớn lao làm phước cho chúng sanh, rời các nhà hào phú mà đi theo những người nghèo khổ xin ăn. Lúc ấy sắp đi khất thực trước tiên nhập Tam muội, nơi nào có người khốn quẫn nghèo túng thì mình nên làm phước thiện. Thế là đi vào trong kinh thành Vương xá, thấy một bà cụ đơn độc, vô cùng nghèo túng khốn khổ, nằm ở trong đống rác to bên đường phố, khoét đống rác bên đường để làm nơi trú ngụ, gầy còm tật bệnh thường nằm trong đó, cô quạnh một mình không chốn nương tựa không có cơm ăn áo mặc, thuận tiện ở trong đống rác làm thành hàng rào nhỏ, dùng để che chắn hình hài khốn khổ. Ca-diếp từ trong Tam muội biết người này đời trước không gieo trồng phước thiện vì vậy nay bần cùng khốn khổ, biết thọ mạng của bà cụ đang gần ngày chấm dứt, nếu như mình không cứu độ thì vĩnh viễn mất đi phần phước thiện. Bà cụ thì đói khát khốn khổ, gặp nữ tỳ của Trưởng giả đem vất bỏ nước gạo, hôi thối khó mà nói được, bà cụ đi theo xin lấy, liền dùng mảnh ngói bể chứa đầy hai bên. Ca-diếp đến nơi chú nguyện đi theo nài xin, nhiều ít bố thí cho tôi có thể được phước lớn. Lúc bấy giờ bà cụ liền nói kệ rằng:

Toàn thân mang đầy những tật bệnh,
Cô quạnh bần cùng sao nói hết,
Nghèo khốn nhất trong cả đất nước,
Cơm áo không nuôi nổi thân hình,
Cuộc đời có người không yêu thương,
Hãy còn thấy thương hại quan tâm,

Vì sao nói yêu thương đau xót,
Mà không biết nỗi khốn khổ này?
Bần cùng khốn khổ khắp thế gian,
Không có ai hơn được thân tôi,
Nguyện thấy thương xót tha thứ tôi,
Thật không luyến tiếc vì nhân ái.

Ma-ha Ca-diếp liền đáp kệ rằng:

Phật là tôn quý nhất Tam giới,
Tôi có đủ thuộc về trong đó,
Muốn trừ bỏ nghèo đói cho bà,
Vì vậy đi theo xin nghèo khó,
Nếu có thể giảm bớt thân miệng,
Chia chút ít để làm bố thí,
Đêm dài tăm tối được giải thoát,
Đời sau sinh ra được giàu có.

Lúc bấy giờ bà cụ nghe kệ hoan hỷ, tâm nghĩ đến hôm kia có nước gạo hôi thối, muốn đem bố thí mà không thể uống, từ xa nói với Ca-diếp: Thương xót tôi có nhận không? Ca-diếp đáp rằng: Rất tốt. Bà cụ liền vào hang nằm rạp xuống lấy, hình hài thân thể tàn truồng không thể mang ra được, nghiêng thân hình cúi khom người trong hàng rào mà trao cho. Ca-diếp nhận lấy, miệng kính trọng chú nguyện khiến cho gặp được phước thiện an lành. Ca-diếp trong lòng nghĩ rằng: Nếu mình đem đi bỏ vào chỗ khác mà uống, thì bà cụ không tin mà nói là mình vứt đi. Ngay lúc ấy trước mặt bà cụ uống hết sạch trong bát, đặt trở lại trong túi, thế là bà cụ lại đặc biệt chân thành tin tưởng. Ca-diếp tự nghĩ rằng: Nên hiện bày thần túc làm cho bà cụ này chắc chắn được an lạc. Lập tức ở giữa hư không hiện ra nhiều điều thần kỳ biến hóa. Lúc bấy giờ bà cụ trông thấy như vậy thì nhảy lên mừng rỡ, nhất tâm quỳ thẳng từ xa nhìn thấy Ca-diếp, Ca-diếp nói cho biết rằng: Nay trong ý bà cụ nguyện cầu những điều gì? Bà cụ liền bày tỏ với Ca-diếp: nguyện nhờ chút phước thiện được sanh lên cõi Trời. Ngay lúc ấy Ca-diếp bỗng nhiên không còn thấy nữa, mấy ngày sau bà cụ mạng chung lập tức sanh lên cõi Trời Đạo Lợi, uy đức trang nghiêm chấn động Trời đất, ánh sáng phát ra rực rỡ chói lòa ví như 7 mặt Trời cùng lúc đầu mọc lên, soi chiếu rạng ngời Thiên cung. Đế Thích sợ hãi ngạc nhiên, người nào có phước đức cảm động hơn hẳn mình như vậy? Liền dùng Thiên nhãn thấy phước đức của Thiên nữ này khiến cho như vậy, thì biết Thiên nữ từ nơi nào sanh đến. Lúc bấy giờ Thiên nữ liền tự nghĩ rằng: Phước báo

này nhờ vào đời trước cúng dường Ca-diếp mà có được, giả sử cho rằng dùng trăm ngàn các loại châu báu trên cõi Trời để dâng lên cúng dường Ca-diếp, vẫn còn chưa thể đền đáp ân đức trong chốc lát. Lập tức dẫn thị nữ mang hương hoa cõi Trời, bỗng nhiên đi xuống, ở giữa hư không rải trên Ca-diếp, sau đó xuống đến nơi rạp lạy sát đất, lễ lạy xong lùi lại đứng một bên, vòng tay ca ngợi rằng:

Ba ngàn đại thiên thế giới,
Tôn quý nhất là Đức Phật,
Tiếp theo có Đại Ca-diếp,
Có thể đóng cửa tội lỗi,
Xưa ở cõi Diêm-phù-đề,
Đứng trước hang rác dơ bẩn,
Vì bà cụ nghèo hèn ấy,
Bắt đầu nói lời chân thật,
Lúc ấy bà cụ hoan hỷ,
Dâng lên nước gạo hôi thối,
Bố thí chỉ bằng hạt cải,
Báo ứng đạt được như núi.
Tự nhiên trở thành Thiên nữ,
Hưởng thụ phước thiện vô cùng,
Vì vậy cho nên đến đây,
Quy y đảnh lễ phước điền.

Thiên nữ trình bày xong thì tất cả trở về cõi Trời. Tâm Đế Thích nghĩ rằng: Người nữ bố thí nước gạo hôi thối mà cảm đến phước này, Ca-diếp vô cùng thương xót chỉ cảm hóa người kém phước chứ không đến nơi giòng họ cao quý, mình nên làm cho thật hưng thịnh. Thế là cùng với Thiên Hậu mang thức ăn trăm vị, đựng trong chiếc bình nhỏ đến thành Vương xá ở ven đường làm ngôi nhà nhỏ rách nát, thay đổi hình dáng của mình giống như ông lão, thân thể gầy nhom còng lưng mà bước đi. Hai vợ chồng ông lão bèn cùng nhau đan chiếu, tình cảnh bần cùng không thể tích trữ đồ ăn thức uống. Sau đó Ca-diếp đi khất thực, trông thấy người nghèo túng này mà đến khất thực. Ông lão nói: Rất nghèo túng không có gì thì biết làm sao? Ca-diếp chú nguyện rất lâu chứ không đi. Ông lão nói: Vợ chồng chúng tôi rất già yếu đan chiếu không có gì mà nài xin, chỉ có ít cơm đúng lúc muốn ăn, nghe Ngài nhân từ đức hạnh chỉ đến nài xin người nghèo túng, mong làm cho được phước thiện, nay tuy cùng quẫn khốn khổ mà ý tự mình chia bớt để bố thí Hiền giả, quả thực như đã nói khiến cho tôi được phước. Hương

thơm thức ăn cõi Trời không phải ở thế gian mà được ngửi thấy, dường như mùi thơm ngào ngạt tỏa ra trước khi mở bình, Ca-diếp biết rõ nên hoàn toàn không chịu nhận lấy. Ông lão liền nói: Thưa Đạo nhân, thức ăn hèn mọn không nhiều hãy đem bát đến lấy! Ca-diếp liền dùng bát nhận lấy chú nguyện cho người bố thí, hương thơm ấy tỏa ngát khắp kinh thành Vương xá và trong phạm vi đất dước ấy. Ca-diếp thì không vừa ý với hương thơm ấy, vợ chồng ông lão rời thân nhanh chóng bay vào giữa hư không và bật ngón tay hoan hỷ vô cùng. Ca-diếp tư duy thì biết Đế Thích hóa thành ông lão mà làm phước thiện, nhưng nay mình đã nhận thì không nên trả lại. Ca-diếp khen ngợi, Đế Thích gieo trồng phước thiện không chán, nén chịu đựng chủng loại tồi tệ như vậy để xuống trần gian gieo trồng phước thiện, chắc chắn đạt được báo ứng như mong cầu, Đế Thích và Thiện Hậu bội phần vui mừng hớn hở. Lúc này trên cõi Trời tiếng nhạc vang lừng đến nghênh đón, Đế Thích về đến cung điện hoan hỷ càng thêm gấp bội".

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Thời nhà Hán có Âm Sanh, là đứa trẻ ăn xin dưới cầu Vị Hà - Trường An. Thường ở nơi chợ búa để xin ăn no nê trong phố thị, lấy rác tung khắp nơi, chốc lát lại thấy giặt áo đen thui, không vấy bẩn như cũ. Quan lớn biết được thử trói vào một chỗ, mà vẫn tiếp tục xin ăn nơi chợ búa; thứ muốn giết thế là bỏ đi, nhà cửa của người đã cố tình làm hại thì tự nhiên hư hoại, làm chết hơn mười người. Trong thành Trường An loan tin rằng: Thấy kẻ ăn xin cho rượu ngon, để tránh tai họa bị sập nhà. (Xem trong Sưu Thần Ký)

Tụng rằng:

Gió nghiệp thường lan tràn khắp nơi,
Biển khổ ầm vang tiếng sóng trào,
Đẩy mình luôn nổi trôi lang thang,
Lìa xa dần nơi chốn Niết-bàn.
Lúc nào con thuyền yêu thương đến,
Chở mình vượt qua dóng ái nhiễm?
Thật sự nhờ ưa thích bố thí,
Lập tức xa cảnh tình bần cùng,
Tội lỗi dơ bẩn được trừ sạch,
Hạt ngọc thần dẫn dắt thoát ra,
Cửa giàu sang cảnh vật chói lòa,
Nghiệp nghèo hèn vĩnh viễn chấm dứt,

Chí hướng mong cầu tám giải thoát,
Thề nguyền từ bỏ sáu trần lao,
Nếu như gặp cha hiền dạy bảo,
Trong lòng con tim đập rộn ràng.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 57

Thiên thứ 65: TRÁI PHỤ

Thiên này có hai phần: Thuật ý, Dẫn chứng.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Khuyến khích điều thiện cảnh báo sai lầm là tâm thường hằng của Đại sĩ, rời bỏ điều ác thực hành phước lợi là nguyện luôn có của Bồ-tát. Vì vậy vận nghiệp của thiện ác, giống như hình và ảnh theo nhau; tai họa của nợ nần, gieo trồng quả khổ của báo ứng ba đời. Hoặc có người hiện tại mắc nợ thì hiện tại cảm báo, hoặc có người hiện tại mắc nợ mà tiếp đời sau bị cảm báo, hoặc có người hiện tại mắc nợ mà cách đời sau bị cảm báo. Ba thời kỳ như vậy đi theo món nợ dù chỉ mảy may, cự tuyệt mà không trả thì chắc chắn nhận chịu khổ đau. Vì vậy trong kinh nói: "Người trộm cướp trước tiên phải đi vào địa ngục ngạ quỷ súc sanh, sau mới được thân người nhưng phải chịu hai loại quả báo, một là thường ở trong hoàn cảnh bần cùng, hai là tuy có được đôi chút tài sản mà luôn luôn bị người ta chiếm đoạt". Lời này có bằng chứng nên ngẫm lại mình để làm người!

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh Pháp Cú Dụ nói: "Xưa vào thời Đức Phật tại thế, có người lái buôn tên là Phất Ca Sa Nhân, Tỳ kheo đi vào thành La Duyệt khất thực, vào trong cửa thành gặp một con trâu cái mới sinh húc chết người lái buôn. Chủ con trâu sợ hãi bán trâu cho người khác, người mua dắt trâu muốn uống nước, con trâu từ phía sau lại húc chết chủ mua. Người nhà chủ mua tức giận đem trâu giết chết, vào chợ bán thịt. Có người nhà làm ruộng mua lấy đầu trâu, buộc dây gánh đem về nhà, đi hơn dặm ngồi nghỉ dưới bóng cây, đem đầu trâu treo trên cành cây, chốc lát dây đứt, đầu trâu rơi xuống ngay trên người đó, sừng trâu đâm vào người lập tức bỏ mạng. Trong một ngày có ba người chết. Bình Sa

Vương nghe chuyện ấy, cảm thấy lạ lùng như vậy, liền cùng với quần thần đi đến nơi Đức Phật, thưa hỏi đầy đủ ý đó. Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Xưa kia có ba người lái buôn, đến trong nước khác tính kế làm ăn, ở nhờ nhà một bà cụ đơn độc không có con cháu, đồng ý trả tiền thuê nhà. Thấy bà cụ một mình cô quạnh nên ức hiếp không muốn trả lời, đợi khi bà cụ không có nhà bèn lặng lẽ ra đi không trả tiền thuê nhà. Bà cụ trở về không thấy những người khách trọ, bèn hỏi hàng xóm, mọi người đều nói là họ đã đi. Bà cụ tức giận lập tức đuổi theo, mệt mõi rã rời mới tìm được, nhưng ba khách trọ lại mắng rằng trước đây chúng tôi đã trả đủ, tại sao lại tìm đòi thêm, cùng nhau lên tiếng chống cự không chịu trả tiền. Bà cụ một mình yếu thế không thể làm gì được, buồn phiền nguyền rủa rằng: Nay tôi cùng quẫn khốn khổ sao nhẫn tâm lừa dối không trả tiền, tôi nguyện đời sau sinh ra nơi nào, nếu như sẽ gặp nhau thì cần phải giết chết các ông, cho dù đắc đạo cũng không thể nào bỏ qua chuyện này. Đức Phật nói cho Bình Sa Vương biết: Bà cụ lúc bấy giờ nay chính là con trâu cái này, ba người lái buôn ấy nay chính là ba người như Phất Ca Sa Nhân... bị trâu húc chết vậy. Ngay sau đó Đức Thế tôn liền thuyết kệ rằng:

“Lời mắng chưởi xấu xa,
Kiêu ngạo xúc phạm người,
Dấy lên hành vi này,
Thù oán liền sinh ra.
Lời nói thật khiêm cung,
Tôn trọng đối với người,
Nhẫn nhịn bỏ oán thù,
Oán hận tự tiêu tan.
Sống làm người hiểu biết,
Búa rìu nằm trong miệng,
Cho nên hại đến thân,
Bởi vì lời nói ác”.

Lại trong kinh Xuất Diệu nói: “Xưa trong nước Kế Tân có hai anh em, người anh xuất gia đạt được quả vị A-la-hán, người em ở trong nhà quản lý xây dựng giữ gìn cơ nghiệp. Lúc ấy người anh nhiều lần đến chỉ dạy khuyên nhủ em, cố gắng bố thí trì giới tu thiện làm phước, hiện tại có danh dự, chết sanh đến nơi tốt lành. Nhưng người em trả lời rằng: Nay anh xuất gia không lo nghĩ gì đến chuyện chung chuyện riêng, không nghĩ đến chuyện gia đình vợ con, ruộng vườn gia nghiệp tiền của châu báu, em có trách nhiệm như vậy thì em phải lo liệu. Người

anh nhiều lần chỉ bảo nhưng không làm theo lời anh khuyên nhủ, sau mắc bệnh qua đời đầu thai vào trong loài trâu, bị người ta cưỡng bức thồ muối vào trong thành. Người anh từ trong thành đi xa trông thấy, liền vì em mà thuyết pháp, lúc ấy trâu nghe rồi đau buốn xót xa không vui. Chủ trâu thấy rồi nói với Đạo nhân rằng: Ông đã nói gì mà khiến cho trâu của tôi buồn rầu không vui như vậy? Đạo nhân trả lời rằng: Trâu này đời trước vốn là em trai tôi, ngày xưa mắc nợ ông một đồng tiền muối, cho nên sanh trong loài trâu để đền trả sức lực cho ông. Chủ trâu nghe rồi nói với Đạo nhân rằng: Em trai của ông ngày xưa là bạn thân với tôi. Lúc này chủ trâu liền nói với trâu rằng: Nay tôi thả ông không tiếp tục sử dụng sức lực của ông nữa. Trâu nghe mà cảm kích nên chí tâm niệm Phật, tự lao xuống khe sâu lập tức mạng chung, được sanh lên cõi Trời hưởng thụ vui sướng vô cùng. Vì nhân duyên này, nếu như người mắc nợ thì không thể không trả".

Lại trong Thành Thật Luận nói: "Nếu người mắc nợ mà không trả thì đầu thai trong các loài trâu dê, hươu, nai, lừa, ngựa... để đền trả món nợ đời trước của mình".

Lại trong kinh Bách Duyên nói: "Đức Phật đi vào thành Xá Vệ khất thực, đến trong một ngõ phố gặp một Bà-la-môn, lấy tay vạch vào đất không kể Đức Phật đi qua, nói với Đức Phật rằng: Nay ông trả tôi năm trăm đồng tiền vàng, thì ông mới tùy ý đi qua, nếu như không trả cho tôi thì cuối cùng không cho phép đi qua. Đức Phật im lặng dừng lại chứ không thể nào tiến lên được. Vua Ba-tư-nặc và mọi người nghe Đức Phật bị gây khó dễ, mọi người cùng đưa châu báo cho Bà-la-môn nhưng không chịu nhận. Tu Đạt nghe tin liền lấy năm trăm đồng tiền vàng trả cho Bà-la-môn, mới để cho Đức Phật đi qua. Tỳ kheo thưa hỏi Đức Phật: Nguyên cớ gì như vậy? Đức Phật dạy: Thời quá khứ có Thái tử của vua Phạm Ma Đạt nước Ba-la-nại tên là Thiện Sanh, đi dạo chơi thấy một người làm trò cùng với con trai quan Phụ Tướng chơi gieo xúc xắc, đánh cược năm trăm đồng tiền vàng. Lúc ấy con trai quan Phụ Tướng thua tiền người làm trò, đòi lấy nhưng không trả. Thái tử nói cho biết rằng: Nếu người kia không trả thì Ta trả thay. Sau đó hoàn toàn không trả như đã nói. Từ lúc ấy đến nay trong vô lượng đời thường làm người diễn trò đi theo ta đòi tiền. Đức Phật dạy: Thái tử xưa kia nay chính là thân Ta, con trai quan Phụ Tướng lúc ấy nay chính là Tu Đạt, người diễn trò ngày xưa nay chính là Bà-la-môn".

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: "Xưa trong nước Kế Tân có vị A-la-hán, tên gọi là Ly Việt, ngồi thiền ở trong núi. Lúc ấy có một

người mất trâu đi theo dấu chân đến chỗ Ly Việt, thì gặp lúc Ly Việt nấu cỏ nhuộm áo, áo liền tự nhiên biến thành da trâu, nước nhuộm tự nhiên biến thành máu trâu, cỏ nhuộm đang nấu biến thành thịt trâu, đồ dùng đang cầm biến thành đầu trâu. Chủ trâu thấy rồi lập tức bắt trói lại dẫn đến chỗ nhà vua. Nhà vua liền giao cho cai ngục, trải qua 12 năm, luôn luôn cùng với lính cai ngục chăn ngựa, dọn phân. Đệ tử của Ly Việt có năm trăm người đạt đến quả vị A-la-hán, tìm xem thầy mình không biết ở nơi nào. Nghiệp duyên sắp hết thì có một đệ tử, quan sát thấy Thầy còn trong ngục ở nước Kế Tân, liền đến trình bày với nhà vua rằng: Thầy tôi ở trong ngục, mong nhà vua quyết định theo lý! Nhà vua liền sai người đến ngục kiểm tra rõ ràng. Sứ giả đến trong ngục chỉ thấy có người dung mạo tiều tụy râu tóc rất dài, mà lại làm lính cai ngục chăn ngựa, dọn phân. Sứ giả trở về thưa với nhà vua: Trong ngục cũng không thấy có Sa môn nào. Đệ tử của Ly Việt lại thưa với nhà vua rằng: Mong nhà vua thuyết giáo, có Tỳ kheo thì đều cho phép ra khỏi ngục. Nhà vua liền truyền lệnh có Tăng thì đều cho phép ra khỏi ngục. Ly Việt nghe rồi râu tóc tự nhiên rơi rụng ca sa mang trên thân, vút lên giữa hư không hiện bày 18 loại biến hóa. Nhà vua trông thấy sự việc này rạp lạy sát đất, thưa rằng: Thưa Tôn giả, nguyện xin nhận sự sám hối của con! Nhà vua liền hỏi rằng: Vì nghiệp duyên gì mà ở trong ngục nhận chụi khổ sở? Ly Việt đáp rằng: Tôi vào xưa kia cũng đã từng mất trâu, đi theo dấu chân tìm kiếm vu oan người ta trải qua một ngày một đêm, sau rơi vào ba đường ác nhận chịu vô lượng khổ đau, tai ương còn lại chưa hết, nay đạt được quả vị La hán mà hãy còn bị vu oan giá họa. Vì nhân duyên này, tất cả chúng sanh nên giữ gìn khẩu nghiệp đừng vu oan giá họa cho người. Ly Việt xưa kia đã vu oan cho người là một vị Bích-chi-Phật, vì nhân duyên này cho nên gặp phải báo ứng như vậy". Y theo kinh Pháp Hoa giải thích, bài báng người ta tụng kinh, hoặc là thật hay là không thật, trong đời hiện tại mắc phải bệnh lở loét ung nhọt.

Lại trong Tỳ Bà Sa Luận nói: "Từng nghe có một người nữ bị ngạ quỷ bắt giữ, liền dùng chú thuật mà hỏi quỷ rằng: Vì sao tức giận với người nữ khác loại? Quỷ trả lời rằng: Người nữ này chính là kẻ thù của tôi, trong năm trăm đời đã luôn luôn giết hại tôi, tôi cũng trong năm trăm đời đoạn dứt mạng căn của người đó, nếu người kia có thể rời bỏ tâm niệm oán thù trước đây, thì tôi cũng có thể rời bỏ. Lúc bấy giờ người nữ bèn nói lời như vậy: Nay tôi đã rời bỏ tâm oán thù. Quỷ quan sát người nữ tuy miệng nói xả bỏ mà tâm không buông tha, liền đoạn

dứt tính mạng của người đó”.

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: “Mục-kiền-liên đến bên sông Hằng, trông thấy năm trăm ngạ quỷ tu tập đến lấy nước, có quỷ trông coi dòng nước dùng gậy sắt xua đuổi khiến không có thể đến gần. Thế là các quỷ đi thẳng đến chỗ Mục-kiền-liên, lễ lạy dưới chân Mục-kiền-liên, tất cả đều được Mục-kiền-liên quan tâm nên hỏi về tội lỗi của mình.

Một quỷ nói: Con thọ nhận thân này luôn luôn mắc phải sự nóng bức cháy khát, trước đây nghe nước sông Hằng đã trong mà lại mát, hoan hỷ hướng về, nhưng nóng bỏng hủy hoại thân thể, uống thử một ngụm, ngũ tạng cháy nát họi thối không thể chịu được, vì nhân duyên gì mà nhận chịu tội lỗi như vậy? Mục-kiền-liên đáp rằng: Vào đời trước ông đã từng làm thầy tướng xem tướng lành dữ cho người, thật thì ít mà giả dối thì nhiều, hoặc hủy báng hoặc ca ngợi, tự xưng là biết tường tận để làm động tâm người, gạ gẫm mê hoặc lừa dối để mong cầu tiền của lợi dưỡng, làm mê hoặc chúng sanh mất đi sự việc như mong muốn.

Lại có một quỷ nói: Con thường làm đền thờ Trời đất, có con chó răng nhọn sắc màu lông đỏ trắng, đến ăn thịt con, chỉ còn có xương, gió lại thổi đến thịt tiếp tục sanh ra như trước, con chó lại đến ăn, khổ đau như vậy bởi vì sao? Mục-kiền-liên đáp rằng: Vào đời trước kia ông làm chủ đền thờ Trời đất, thường bảo chúng sanh giết trâu dê lất máu cúng tế Trời đất, ông tự mình ăn thịt, vì vậy ngày nay lấy thịt mà trả nợ trước.

Lại có một quỷ nói: Trên thân con luôn luôn có phân xoa đầy khắp nơi, lại cũng ăn loại phân đó, tội lỗi này tại vì sao? Mục-kiền-liên đáp rằng: Vào đời trước đây ông làm Bà-la-môn, tà ác không trung tín, Đạo nhân khất thực ông lấy bình bát đựng đầy phân, lấy cơm đặt phía trên, mang đưa cho Đạo nhân, Đạo nhân mang về dùng tay ăn cơm nên phân vấy bẩn vào tay, vì vậy ngày nay nhận chịu tội báo như vậy.

Lại có một quỷ nói: Bụng con rất to giống như cái vò, cổ họng tay chân thì nhỏ như cái kim, không thể nào ăn uống được, vì sao khốn khổ như vậy? Mục-kiền-liên đáp rằng: Vào đời trước đây ông làm người đứng đầu thôn xóm, tự cậy thế mình giàu sang uống rượu thả sức và khinh khi ức kiếp người khác, giành lấy đồ ăn thức uống làm cho chúng sanh đói khát khổ sở.

Lại có một quỷ nói: Con thường đến nơi nhà xí muốn ăn phân dơ, có bầy quỷ đông cầm gậy xua đuổi con, không được đến gần nhà xí, trong miệng khát sữa hôi thối đói khát khốn khổ không nơi nương dựa,

vì sao như vậy? Mục-kiền-liên đáp rằng: Vào đời trước đây ông làm chủ chùa Phật, có những người bạch y cúng dường Tăng cung cấp mua sắm đồ dùng ăn uống, ông lấy đồ vật thô thiển cung cấp bố thí khách Tăng, đồ vật tinh túy thì tự mình sử dụng.

Lại có một quỷ nói: Trên thân con mọc lưỡi khắp nơi, lấy rìu chặt lưỡi, đứt rồi tiếp tục mọc ra, như vậy mãi không thôi, vì nguyên nhân gì như vậy? Mục-kiền-liên đáp rằng: Vào đời trước kia ông làm Đạo nhân, chúng Tăng sai làm nước mật, viên đường to khó tan, dùng dao chặt ra, khởi tâm trộm cắp ăn một miếng, vì nhân duyên này cho nên chặt lưỡi trả lại.

Lại có một quỷ nói: Con thường có bảy viên sắt nóng, đi thẳng vào miệng con nuốt vào bụng làm cho ngũ tạng cháy nát, ra rồi lại vẫn đi vào, vì nguyên cớ gì mà nhận chụi tội báo như vậy? Mục-kiền-liên đáp rằng: Vào đời trước kia ông làm Sa di lúc cắt chia quả dưa, đến nơi thầy mình vì kính trọng vị thầy cho nên tâm thiên vị trao cho phần nhiều, thật sự nhiều hơn bảy miếng so với vị khác.

Lại có một quỷ nói: Con thường có hai vòng sắt nóng xoay chuyển ở dưới hai nách của con, thân thể bị cháy nát, vì nguyên cớ gì như vậy? Mục-kiền-liên đáp rằng: Vào đời trước kia ông cùng với chúng Tăng làm bánh, khởi tâm trộm cắp lấy hai cái kẹp dưới hai nách, vì vậy nhận chịu khổ báo này.

Lại có một quỷ nói: Con có cái bướu ở cổ rất to giống như cái vò, lúc đi vắt lên trên vai như gánh nặng, đứng lại thì ngồi lên trên, đi lại đứng ngồi ưu sầu khổ sở, vì nguyên cớ gì như vậy? Mục-kiền-liên đáp rằng: Vào đời trước kia ông làm kẻ cai quản chợ búa, thường dùng cân nhẹ đấu nhỏ đưa cho người, cân nặng đấu lớn thì tự mình lấy, thường tự mong muốn được lợi lớn cho mình mà xâm phạm chiếm đoạt của người khác.

Lại có quỷ nói: Con thường có mắt phải nằm trên hai vai, ngực có mũi miệng luôn luôn không có đầu, vì nguyên cớ gì như vậy? Mục-kiền-liên đáp rằng: Vào đời trước kia ông thường làm đệ tử đứng đầu những kẻ đao phủ, nếu lúc giết hại tội nhân, ông thường vui mừng trong lòng dùng dây thừng buộc búi tóc họ mà kéo.

Lại có một quỷ nói: Con thường có kim nhọn bằng sắt nóng ra vào nơi thân thể con, nhận chụi khổ đau không gián đoạn, vì nguyên cớ gì như vậy? Mục-kiền-liên đáp rằng: Vào đời trước kia ông làm bậc thầy điều phục ngựa, hoặc làm bậc thầy thuần phục voi, voi ngựa nào khó chế ngự, ông dùng kim nhọn bằng sắt đâm vào chân, lại có lúc trâu đi

chậm chạp cũng dùng kim nhọn để đâm.

Lại có một quỷ nói: Thân con thường có lửa phát ra tự nhiên thật buồn phiền, vì nguyên cớ gì như vậy? Mục-kiền-liên đáp rằng: Vào đời trước kia ông làm Phu nhân Quốc vương, lại có một Phu Nhân được Quốc vương rất sủng ái, nên thường sanh lòng ganh ghét chờ đợi cơ hội muốn làm tổn hại, gặp lúc nhà vua ngủ dậy ra đi, Phu nhân được sủng ái ngủ còn chưa dậy mặc áo, liền nảy sinh ác tâm, đúng lúc ấy gặp khi làm bánh có dầu mè nóng, liền lấy tưới trên bụng Phu nhân đang ngủ, bụng chín nát mà chết, vì thế nhận chịu khổ báo như vậy.

Lại có một quỷ nói: Con thường có làn gió xoay tròn chuyển động quanh thân con, con không thể nào tự tại tùy ý một chút nào, tâm luôn luôn buồn phiền khó chịu, vì nguyên cớ gì như vậy? Mục-kiền-liên đáp rằng: vào đời trước kia ông thường làm thầy xem bói, có lúc nói thật, có lúc nói xằng bậy, làm cho tâm người bị mê hoặc không thể tùy ý mình được.

Lại có một quỷ nói: Thân con thường giống như cục thịt, không có tay chân mắt tai mũi..., thường bị sâu bọ chim chóc ăn nuốt, tội lỗi khốn khổ khó chịu đựng nổi, vì nguyên cớ gì như vậy? Mục-kiền-liên đáp rằng: Vào đời trước kia ông thường cho người ta uống thuốc làm hư hoại thai nhi đang còn trong bụng mẹ, cho nên cảm hóa khổ đau này.

Lại có một quỷ nói: Con thường có cái hòm bằng sắt nóng che phủ trên thân con, làm cho cháy bỏng thật áo não, vì nguyên cớ gì nhận chịu khổ báo này? Mục-kiền-liên đáp rằng: Vào đời trước kia ông thường lấy lưới giăng vây bắt cá chim, cho nên phải chịu quả báo này.

Lại có một quỷ nói: Con thường lấy vật tự che kín đầu mình, cũng thường sợ người ta đến giết con, tâm luôn luôn sợ hãi không thể nào chịu đựng nổi, vì nguyên cớ gì như vậy? Mục-kiền-liên đáp rằng: Vào đời trước kia ông dâm dật phạm vào ngoại sắc nên luôn luôn sợ người ta nhìn thấy, hoặc là vợ chồng của người ta bắt trói đánh chết, hoặc là sợ pháp luật quan quyền giết chết bêu đầu nơi chốn chợ búa, vì thế mà luôn luôn sợ hãi khổ sở.

Lại có một quỷ nói: Con nhận chịu thân này, trên vai thường có bình thường bằng đồng, trong bình chứa đầy nước đồng sôi, tay nắm một cái thìa tự lấy rót trên đầu mình, cả thân thể cháy khô nát nhừ, nhận chịu đau khổ như vậy thật không sao nói được, bởi vì có tội lỗi gì? Mục-kiền-liên đáp rằng: Vào đời trước kia ông xuất gia làm Đạo nhân trông coi đồ ăn thức uống cho Tăng, lấy một bình sữa cất riêng nơi khác, có Đạo nhân phương xa đến thì không chu cấp, đi rồi lấy sữa ra chia cho

Tăng trong chùa, bình sữa này là vật của thập phương Tăng tất cả đều có phần, người này cất giấu tuy có phân chia nhưng không bình đẳng, bởi vì duyên này cho nên nhận chịu tội báo như vậy”.

Trong kinh Thí Dụ nói: “Xưa ở nước khác có người chết, hồn vía trở về tự cầm roi quất vào thây xác. Người xung quanh hỏi rằng: Người này đã chết, vì sao lại bị quất roi? Trả lời rằng: Đây là thân cũ của tôi, vì tôi làm điều ác, gặp kinh giới không đọc, trộm cắp bịp bợm phạm thân thể vợ con của người ta, không hiếu thảo với cha mẹ - không hòa thuận với anh em, tham tiếc tiền của không chịu bố thí, nay chết đi khiến tôi đọa vào trong đường ác, đau khổ thường xuyên ác hiểm vô cùng không làm sao nói được, vì vạy cho nên đến quất roi mà thôi”. Dựa vào kinh Vô Lượng Thọ nói: “Kiều Phạm Ba Đề, đời quá khứ từng làm Tỳ kheo, ở bên ruộng lúa của người ta ngắt một cành lúa, quan sát lúa chín hay sống, làm tơi xuống đất mấy hạt, trong năm trăm đời làm trâu để đền trả”.

Tụng rằng:

Giàu nghèo khác hẳn với nhau,
Cho vay, mắc nợ trái nhau,
Đưa tiền cho vay không trả,
Kết nghiệp luôn luôn theo đuổi.
Tâm không hối hận đền trả,
Khổ báo nào có nghi ngờ,
Rơi vào trong đường ác này,
Mãi mãi không hề quay lại.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra mười chuyện: 1. Sa môn Thích An Thanh thời Hán; 2. Sa môn Thích Bạch Viễn thời Tấn; 3. Hầu Khánh người Nam Dương thời Lương; 4. Biện Sĩ Du người Dương Châu thời Tùy; 5. Vương Ngũ Giới người Lạc châu thời Tùy; 6. Cảnh Phục Sanh người Kí Châu thời tùy; 7. Phụ nữ Chu Thị người Trịnh Châu thời Đường; 8. Lộ Bá Đạt người Phần Châu thời Đường; 9. Trình Hoa người Ung Châu thời Đường; 10. Lý Hiệu Úy người Lộ Châu thời Đường; 11. Phu nhân Trần Thị vùng Ung Châu thời Đường.

1. Thời nhà Hán ở vùng Lạc Dương có Sa môn an Thanh tự là Thế Cao, Thái tử của chính cung Hoàng hậu nhà vua nước An Tức. Thưở nhỏ lấy hiếu hạnh làm đầu nên được mọi người khen ngợi, lại thêm chí nghiệp thông minh kiềm chế tâm ý, ham thích học hỏi, sách vở của

nước khác và thiên văn địa lý, phương pháp chữa trị thuốc thang bệnh tật, phép thuật kỳ lạ, cho đến tiếng của chim thú không có gì không tổng hợp thông suốt. Đã từng đi chơi thấy có bầy chim Yến, bỗng nhiên nói với bạn cùng đi rằng: Chim Yến nói sẽ có người đưa cơm đến. Quả nhiên lát sau có sự việc dẫn đến như vậy, mọi người đều cho là hiện thấy, vì vậy thanh danh của người có tài trí kỳ lạc sớm truyền vang Tây Vực. Thế Cao tìm hiểu cùng tận lý tánh, tự biết túc duyên nghiệp hạnh có nhiều dấu tích thần kỳ, thế gian không có ai có thể sánh được. Ban đầu Thế Cao tự nói rằng: Đời trước đã từng xuất gia, có một người bạn cùng học nhiều sân giận đi khất thực, gặp thí chủ không thuận lòng thì nhất định oán hận mắng mỏ. Thế Cao nhiều lần trách mới khuyên can nhưng cuối cùng không chịu hối cải. Như vậy trải qua hơn 20 năm, mới cùng với bạn đồng học chia tay rời xa rằng: Tôi phải đến Quảng Châu để kết thúc oán đối của đời trước, ông hiểu kinh luật tinh cần không kém gì tôi, mà đánh còn nhiều nóng giận, mạng sống đi qua sẽ nhận chịu hình hài xấu ác, nếu tôi có năng lực thì nhất định sẽ cứu độ nhau. Lâu sau liền đi về Quảng Châu, gặp phải giặc cướp thật là hỗn loạn, đường đi gặp một người trẻ tuổi, nhổ nước bọt tay rút dao nói: Thật sự gặp được ông rồi. Thế Cao cười rằng: Thân mạng đời trước tôi mắc nợ ông, cho nên từ xa đến đền trả sự phẫn nộ cho ông, đây chính là ý của đời trước kia vậy. Tức thì đưa cổ nhận lấy nhát dao, vẻ mặt không có gì sợ hãi, tên giặc liền chém chết. Người xem đầy đường không có ai không kinh hãi lạ lẫm trước sự việc ấy. Nhưng mà thần thức này trở lại làm Thái tử của vua nước An Tức, chính là thân Thế Cao lúc này. Thế Cao du hóa trong nước truyền bá kinh điển đã xong, gặp cuối thời Hán Linh Đế vùng Quan Lạc rối ren, bèn chống tích trượng tại Giang Nam nói: Tôi sẽ đi qua Lô Sơn hóa độ bạn đồng học ngày xưa. Đi đến miếu Hồng Đình ở Hồ Châu, miếu này trước đây có uy thế linh thiêng, người buôn bán đường dài cầu khấn mới phân chia phạm vi xuôi ngược, tất cả không có gì đình trệ. Đã từng có người xin cây trúc thần, chưa cho phép mà vội lấy, thì thuyền lập tức bị lật chìm, còn cây trúc thần tự nhiên trở về chỗ cũ, tất nhiên là người đi thuyền đều kính sợ vô cùng, không có ai không giữ lại cảnh tượng lúc ấy. Thế Cao cùng với hơn 30 người đi chung thuyền, chủ thuyền dâng súc vật tế thần để cầu phước, Thần mới giáng xuống bảo rằng: Thuyền có Sa môn nên tiếp tục gọi lên phía trên. Khách đi thuyền đều kinh ngạc mời Thế Cao vào miếu. Thần nói với Thế Cao rằng: Tôi là người nước khác cùng với ông đều xuất gia học đạo với nhau, thích thực hành bố thí, mà tánh lắm nóng giận, nay

làm Thần miếu Hồng Đình, vòng quanh ngàn dặm nơi đây đều là do tôi cai quản, nhờ bố thí cho nên đồ vật quý báu rất nhiều, bởi vì nóng giận cho nên ra vào báo ứng làm Thần nơi này, nay gặp bạn đồng học, vui buồn không thể nói được, thọ mạng hết đến nơi, mà thân hình to lớn xấu xí, nếu ở nơi này bỏ mạng thì làm ô uế sông hồ, nên đi qua và vào trong đầm ở phía Tây núi, sau khi thân này diệt đi sợ rằng sẽ đọa địa ngục, tôi có một trăm xấp hụa và nhiều đồ vật quý báu, có thể lập đàn cúng tế - xây dựng chùa tháp khiến cho sanh đến nơi tốt đẹp giúp tôi! Thế Cao nói: Xưa nay cùng giúp nhau sao không hiện rõ hình hài? Thần nói: Hnình hài thật xấu xí kỳ dị sợ rằng mọi người phải kinh hoàng. Thế Cao nói: Chỉ cần xuất hiện, mọi người không cảm thấy quái lạ đâu. Thần từ sau bệ thờ nhô đầu ra, chính là con mãng xà to lớn, không biết phần đuôi dài ngắn bao nhiêu, đến bên đầu gối Thế Cao. Thế Cao dùng lời kinh tiếng kệ bằng tiếng Phạm ca ngợi nhiều cách thỏa thuận với nhau, mãng xà đau xót tuôn nước mắt như mưa, chốc lát đã ẩn đi. Thế Cao liền lấy lụa và đồ vật Từ biệt mà đi. Bạn thuyền giương buồn nhổ neo, mãng xà lại hiện thân leo lên núi mà nhìn, mọi người đưa tay vẫy chào sau đó mới mất đi. Trong chốc lát thì đến vùng Dự Chương, lập tức dùng đồ vật lấy trong miếu làm ngôi chùa ở phía Đông. Sau khi Thế Cao ra đi Thần liền kết thúc thọ mạng. Chiều tối có một người trẻ tuổi, lên thuyền quỳ thẳng trước Thế Cao nhận lời chú nguyện rồi, bỗng nhiên không thấy nữa. Thế Cao nói với mọi người trên thuyền rằng: Người trẻ tuổi trước đây chính là Thần miếu Hồng Đình, được xa lìa hình hài xấu ác rồi. Thế là Thần miếu không còn nữa, cũng không còn gì linh nghiệm. Sau đó người ta vào trong đầm ở phía Tây núi thấy một con mãng xà chết, từ đầu đến đuôi dài mấy dặm. Nay chính là thôn Xà ở quận Tầm Dương vậy. Thế Cao sau lại đến Quảng Châu, tìm người trẻ tuổi đời trước đó đã hại mình, lúc ấy người trẻ tuổi xưa kia hãy còn sống, Thế Cao đi thẳng đến nhà người ấy nói rõ sự việc đền trả của ngày xưa, đồng thời kể lại duyên vốn có, hoan hỷ cùng hướng về nói rằng: Tôi hãy còn có báo ứng sót lại, nay phải đi đến Cối Kê để kết thúc nợ nần. Người ở Quảng Châu hiểu rằng Thế Cao không phải là người phàm, ý lĩnh hội rõ ràng, tìm lại căn nguyên tội lỗi trước kia mà ân hận vô cùng, cung cấp giúp đỡ nhau thật sâu đậm, theo Thế Cao đi về phía Đông thì đến được Cối Kê. Đến nơi thuận tiện đi vào chợ, đúng lúc gặp trong chợ có loạn, người đánh nhau lỡ tay đánh vào đầu Thế Cao, lập tức mất mạng. Người ở Quảng Châu liên tiếp nghiệm đúng 2 báo, liền tinh cần học hỏi Phật pháp nói đầy đủ duyên cớ sợ việc, xa gần nghe

biết không có ai không than thở xót xa, rõ ràng có bằng chứng của quả báo 3 đời vậy.

2. Thời nhà Tấn ở vùng Trường An có Bạch Viễn tự là Pháp Tổ, vốn người họ Vạn Thị vùng Hà Nội, tài trí thông minh nhanh nhạy vô cùng, tụng kinh mỗi ngày tám, chín ngàn lời, nghiềm ngẫm ý vị Phương Đẳng khéo léo hòa nhập vào chỗ sâu xa vi diệu, mồ mả thế tục xưa nay quả thật là xuyên suốt đầy đủ. Pháp Tổ đến cuối thời Tấn Huệ Đế, muốn ẩn tích trong vùng Lũng Hữu, để giữ gìn phẩm hạnh cao nhã đúng lúc Trương Phục làm Thứ sử Tần Châu. Trước kia có Quản Phồn là người ở châu này, cùng với Pháp Tổ tranh luận nhiều lần nhưng đuối lý nên rất căm hận, bèn đến chỗ Trương Phụ mà gièm pha. Trương Phụ bắt giữ tiến hành xử phạt, mọi người đều cảm thấy quái lạ mà than thở thương tiếc. Pháp Tổ nói: Tôi đã kết thúc nợ nần, túc mạng này kết buộc đã lâu, không phải là sự việc hôm nay. Thế là xưng niệm mười phương Phật, tội duyên đời trước của Pháp Tổ nay hoan hỷ kết thúc nợ nần, nguyện từ nay về sau cùng với Trương Phụ trở thành thiện tri thức, không để cho nhận chịu tội báo giết người. Tức thì quất roi mới năm lần mà bỗng nhiên mạng chung. Trương Phụ sau đó nghe đầy đủ sự việc, mới ân hận xót xa vô cùng. Đạo tục chảy nước mắt, mọi người đều phẫn kích, cùng phân chia thi thể của Pháp Tổ mà cùng dựng tháp miếu phụng thờ. Trương Phụ tuy có tài trí hiểu biết mà độc ác chứ không theo lý lẽ, ngang ngược giết hại Tăng nhân đức hạnh; Thái Thú quận Thiên Thủy là Phong Thượng, bị dân chúng nghi ngờ kinh hãi mượn cớ nổi loạn mà chém đầu trương Phụ,. Quản Phồn cũng chết. Lúc ấy có người họ Lý tên Thông, chết mà sống lại nói rằng: Thấy Pháp Tổ ở nơi Diêm La Vương giảng kinh Thủ Lăng Nghiêm cho Diêm Vương, nói rằng giảng xong sẽ đến cõi Trời Đao Lợi. Lại thấy Tế Tửu Vương Phù, vừa nói là Đạo sĩ Cơ Công, sau đó bị gông xiềng cầu xin sám hối Pháp Tổ. Ngày xưa Pháp Tổ cùng với Vương Phù cứ mỗi khi tranh luận về tà chánh, Vương Phù nhiều lần bị làm cho khuất phục, đã nóng giận không tự nhẫn nại, mới làm ra kinh Lão Tử Hóa Hồ để vu cáo bài báng Phật pháp, tai ương có chỗ quy tụ cho nên chết đi mới suy nghĩ hối hận. Tôn Xước Đạo Hiền Luận, dùng Pháp Tổ sánh với Kê Khang, luận rằng: Bạch Tổ tranh luận bắt đầu từ Quản Phồn nữa chừng gặp họa tạo thành oán kết gặp nhau, hai bậc Hiền đều vì chí khí tài cao xa, làm mờ ám suy nghĩ về thân thể ấy, dùng tâm tư ở ngoài sự vật, khinh đời chuốc lấy tai họa, nguy không lạ lùng gì. Người ấy gặp nói lại như vậy.

Hai chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện.

3. Thời nhà Lương ở vùng Nam Dương có người tên là Hầu Khánh, có một pho tượng đồng, cao khoảng chừng hơn thước. Hầu Khánh có một con trâu, muốn bán để làm thành sắc vàng, gặp lúc có việc khẩn cấp, liền đem trâu giao cho người khác sử dụng. Trải qua hai năm, vợ Hầu Khánh là Mã Thị, bỗng nhiên mộng thấy pho tượng nói rằng: Vợ chồng người mang nợ sắc vàng của Ta đã lâi mà không trả, nay lấy con của người thật là xấu xí để làm cho đủ sắc vàng. Mã Thị tỉnh giấc mà tâm không yên, đến sáng đứa con thật là xấu xí mắc bệnh mà chết. Hầu Khánh tuổi đã hơn năm mươi mà chỉ có một người con trai, đau xót khóc lóc làm cảm động đến người đi đường. Ngày đứa con thật là xấu xí qua đời thì pho tượng bỗng nhiên tự có sắc vàng sáng ngời soi chiếu khắp xóm làng, trong xóm làng đều ngửi thấy mùi thơm. Đạo tục lớn nhỏ đều đến xem điều kỳ lạ đã xảy ra. Thượng Thư tả Bộc Xạ nguyên Tích, nghe trong xóm làng nhiều lần xuất hiện những điều quái dị, liền đổi tên làng Phụ Tài thành làng Tề hài.

Chuyện này thấy trong Lạc Dương Tự Ký.

4. Thời nhà Tùy ở vùng Dương Châu có người tên là Biên Sĩ Du, cha Sĩ Du ở thời nhà Tùy, theo Bình Trần Công trao cho lễ vật để cùng tham ô, đã từng thuê người xây dựng nhà cửa mà không trả tiền công cho họ. Người làm thuê đến xin lấy tiền, cha Sĩ Du quất roi giận dữ nói: Nếu thật sự mắc nợ thì ta sẽ làmtrâu cho ông, không bao lâu cha sĩ Du chết, năm ấy người làm công có con trâu có chửa sanh ra một con nghé vàng, hông có viền đen vòng quanh có mạng lông như tơ lưới nằm ngang, giống như người mang đai nơi hông, chân phải có viền trắng, nối liền nằm nghiêng theo lớn nhỏ, đích thực giống như hình cái hốt ngà của quan lại. Chủ trâu thở dài nói rằng: Biện Công sao phải mắc nợ tôi? Con nghé liền gập gối trước để đầu chạm đất. Sĩ Du lấy mười vạn đồng tiền để chuộc con nghé, nhưng chủ trâu không đồng ý, khi chết mới đem đi chôn. Sĩ Du là người đến tự nói như vậy.

5. Trong thời Đại Nghiệp nhà Tùy, ở vùng Lạc Dương có người họ Vương, thường trì ngũ giới, luôn nói đến khi sự việc chưa xảy ra, người trong làng xóm rất tôn kính tin tưởng. Một hôm bỗng nhiên nói với người ta rằng: Hôm nay sẽ có người cho tôi một con lừa. Đến giữa trưa quả nhiên có người dắt một con lừa giao cho, rơi nước mắt nói rằng: Cha mất sớm mẹ cô quạnh một mình, nuôi hai con một trai một gái, con gái gả chồng thì mẹ mất, đã 20 năm rồi. Ngày tiết Hàn Thực mang rượu và thức ăn đi cúng vái mồ mả, người này cưỡi lừa mà đi, mộ nằm ở phía Đông sông Y, muốn vượt qua sông Y mà con lừa không chịu vượt qua,

nên quất roi vào đầu mặt làm tổn thương máu me đầm đìa. Đã đến nơi phần mộ thì thả con lừa ăn cỏ mà cúng vái, lát sau lạc mất con lừa, tìm lừa trở về nơi chỗ cũ. Ngày đó cô em gái một mình ở tại nhà anh, bỗng nhiên trông thấy mẹ mình đi vào, đầu mặt máu chảy đầm đìa, hình hài dung mạo tiều tụy, khóc lóc nói với con gái rằng: Lúc mẹ còn sống giấu anh con, mang đến cho năm thăng gạo, bởi vì vậy mà phải chịu tội báo thọ nhận thân lừa này, đền nợ anh em đã năm năm rồi, hôm nay anh con muốn vượt qua sông Y, nước sâu nên mẹ sợ không dám vượt qua, anh con quất roi vào đầu mặt mẹ làm cho tổn thương, vẫn mong trở về nhà, tiếp tục đánh đập mẹ rất khổ sở, mẹ đi đến để nói cho con biết, nai mẹ đền nợ gần xong, sao làm đau khổ cho nhau phi lý quá mức vậy! Nói xong đi ra, chốc lát không thấy mẹ mình đâu nữa. Người anh lát sau trở về, cô em nhìn con lừa đầu mặt máu chảy đầm đìa, giống như trông thấy hình dáng đau thương của mẹ mình, cô em ôm lấy khóc nức nở. Người anh cảm thấy kỳ quái mới hỏi nguyên cớ, cô em đem tình cảnh nói cho anh biết, người anh cũng nói: Ban đầu không chịu vượt qua..., cho đến lạc mất rồi tìm lại được ... Nói lại tình cảnh phù hợp như nhau, thế không anh em ôm lấy con lừa khóc lóc thảm thiết, con lừa cũng nước mắt tuôn trào không ăn uống gì. Anh em quỳ xuống cầu khẩn, nếu như là mẹ thì mong hãy vì con mà ăn uống! Con lừa liền ăn uống, lát sau lại ngừng. Anh em không ai biết làm thế nào, liền chuẩn bị thóc lúa đưa đến chỗ Vương Ngũ Giới, mới chịu ăn uống trở lại. Về sau con lừa chết, anh em nhận về chôn cất chu đáo.

Hai chuyện trên đây trích từ Minh Báo Ký.

6. Thời nhà Tùy ở phía Đông huyện Lâm Hoàng - Kí Châu, có người tên Cảnh Phục Sanh, nhà ấy có chút tài sản, năm thứ mười một thời Tùy Đại Nghiệp, mẹ Phục Sanh là Trương Thị giấu chồng lấy hai xấp lụa cho con gái. Mấy năm sau mẹ qua đời, biến làm con heo mẹ, sanh ra ở trong nhà ấy, lại đẻ ra hai heo con, Phục Sanh đều đã ăn hết heo mẹ liền làm cho không đẻ nữa, Phục Sanh bèn gọi người hàng thịt để bán heo. Trong khi chưa bắt có một khách Tăng, đến nhà Phục Sanh khất thực, thì dừng lại một lúc ở nhà Phục Sanh, dẫn một Đồng tử đi vào trong chuồng heo chơi đùa. Heo nói rằng: Tôi là mẹ của Phục Sanh, bởi vì ở trước kia giấu cha Phục Sanh lấy hai xấp lụa cho con gái, tôi vì tội này mà biến làm heo mẹ, sanh được hai heo con bị Phục Sanh ăn hết, trả nợ đã xong lại không còn nợ nần gì nữa, sao muốn gọi người hàng thịt để bán tôi, xin báo cho biết giùm tôi! Đồng tử đến chỗ thầy trình bày đầy đủ, lúc ấy thầy giận dữ nói rằng: Ông thật điên cuồng,

heo làm sao biết nói lời như vậy? Thế là nằm ngủ không nói gì nữa. Lại qua một ngày, heo thấy Đồng tử, lại nói cho biết: Người hàng thịt sẽ đến tại sao không báo giúp vậy? Đồng tử lại thưa với thầy, nhưng cũng không đồng ý. Một lát người hàng thịt liền bắt heo, heo nhảy qua chuồng bỏ chạy ra ngoài, mà lại hướng về nằm dưới giường của Tăng. Người hàng thịt đuổi theo đến phòng Tăng, Tăng nói: Theo tìm đến chỗ tôi, nay tôi chuộc lấy heo vạy. Liền đưa ra ba trăm đồng tiền để chuộc lấy heo. Sau đó mới nói nhỏ với Phục Sanh rằng: Trong nhà đã từng mất lụa phải không? Phục Sanh trả lời tăng rằng: Ngày cha tôi còn sống đã từng mất hai xấp lụa. Lại hỏi: Chị em gái có mấy người? Phục Sanh lại trả lời rằng: Chỉ có một cô chị gái, chị gả cho nhà Công Thừa ở phía Bắc huyện này. Tăng liền trình bày đầy đủ những gì Đồng tử đã nói. Phục Sanh Nghe chuyện đau lòng rợi lệ không thể nào nén được, lại đặc biệt gia tâm cung cấp nuôi dưỡng heo mẹ. Trải qua mấy hôm heo bỗng nhiên mà chết, dựa vào cô gái báo mộng rằng trả nợ đã xong được sanh đến chỗ tốt lành, và khuyên nhủ cô con gái tiếp tụctu tạo công đức.

7. Thời nhà Đường ở huyện Dương Vũ - Trinh Châu có người phụ nữ họ Chu, người chồng trước đó mắc nợ người huyện khác một trăm xấp lụa. Sau khi chồng chết thì không có để trả nợ, cuối thời Trinh Quán phụ nữ họ Chu bị bệnh mà chết, qua mấy đêm sau mà sống lại, tự nói rằng bị người ta bắt đến một nơi, gặp một người nói: Tôi là Tư Mạng Phủ Lại, chồng bà lúc sống mắc nợ nhà tôi bấy nhiêu xấp lụa, cho nên truy tìm đến bà, nay tha cho bà trở về, nên mau chóng chuẩn bị đồ vật đến nhà đó thôn đó huyện đó để giao trả cho mẹ tôi, nếu như không chuyển trả thì sự bắt bớ cùng dữ dằn hơn, và nói giúp với mẹ tôi rằng cố gắng thay tội tạo tượng tu phước. Phụ nữ họ Chu liền xin Từ biệt, trở lại bình thường trong làng xóm, tìm đủ lụa chuyển trả cho mẹ người đó, nói đầy đủ về hình dáng dung mạo của con trai bà mẹ, có những điểm giống như thuở bình sinh, người mẹ cũng thấy đúng mà rơi nước mắt nức nở nghẹn ngào.

8. Thời nhà Đường có Lộ Bá Đạt là người huyện Hiếu Nghĩa - Phần Châu, vào giữa thời Đường Vĩnh Huy, mắc nợ người cùng huyện một ngàn đồng tiền, sau đó bèn làm trái văn khế cự tuyệt không trả, cho đến cuối cùng cầm văn khế làm bằng chứng, liền cùng với chủ cho vay tiền ở trước Phật để thề thốt chắc chắn rằng: nếu tôi chưa trả cho ông, nguyện sau khi tôi chết sẽ làm trâu cho nhà ông. Nói xong không đầy một năm mà chết. Đến hai năm sau thì nhà của chủ cho vay tiền tước đây có con trâu cái đẻ một con nghé lông đỏ, trên trán có vạch

lông trắng làm thành ba chữ Lộ Bá Đạt. Con cháu người ấy đều xấu hổ vô vàn, mang năm ngàn đồng tiền cầu xin chuộc lại, nhưng chủ trâu không cho chuộc. Thế là giúp cho Tăng Chân Như ở chùa Khởi Phước huyện Tập Thành, giúp đỡ làm thành tòa tháp mười lăm bậc, mọi người có trông thấy thì phát tâm ngăn lại điều ác, tranh nhau đem tiền của để bố thí.

Ba chuyện trên đây trích từ Minh Báo Thập Di Ký.

9. Năm thứ năm thời Đường Vĩnh Huy, phía Đông Nam ở ngoài kinh thành có sườn núi tên là Cẩu Gia Chủy, có dòng suối linh thiêng đứng đầu làng xóm là người họ Trình tên Hoa; đến mùa Thu chuyển vận than gỗ; lúc ấy Trình Hoa đã lấy đủ tiền của một người làm than, người này nhà nghèo lại không biết chữ, không giữ lấy giấy sao chép của người ta. Sau đó Trình Hoa lại đi theo người làm than đòi lấy than. Người làm than không chấp nhận, trình Hoa nói: Nếu tôi lấy được tiền của ông, sẽ đưa giấy sao chép cho ông rồi chứ. Người làm than nói: Tôi không biết chữ, ông nói cho biết rằng ông đã lấy đủ tiền của tôi không cần phải sử dụng giấy tờ sao chép làm gì, tôi nghe nói như vậy liền tin tưởng không lấy, tại sao hôm nay lại đi theo tôi đòi lấy tiền? Trình Hoa không tin nhân quả, liền vì người làm than ấy lập lời thề rằng: nếu tôi đã lấy tiền của ông, nguyện sau khi tôi chết sẽ làm trâu cho ông. Người làm than buồn phiền lấy tiền khác đưa cho. Trình Hoa không lâu sau thì mất mạng, liền đầu thai trong bụng con trâu cái của người làm than, sau sinh ra một trâu nghé, toàn thân đều màu đen nhưng trên trán có một cặp lông trắng, chữ Trình Hoa rõ ràng. Mọi người trông thấy đều biết là trình Hoa, con cái đem tiền bồi thường gấp bội, mong chuộc lấy nhưng chủ trâu không cho phép. Nhân quả không sai chút nào!

Chuyện trên đây người gần thôn cùng thấy mà kể lại.

10. Năm thứ nhất thời Đường Long Sóc, ở Hoài Châu có người đến Lộ Châu mua heo đem về Hoài Châu để bán. Có một con heo đặc biệt, mua ở Lộ Châu ba trăm đồng tiền, mang đến Hoài Châu bán cho lò mổ được 600 đồng tiền. Đến tháng mười một mùa Đông năm ấy, ở Lộ Châu có người, họ Lý không biết tên, nhậm chức Hiệu Úy đến Hoài Châu lần đầu, nhân đó đến chợ muốn mua thịt về ăn, trông thấy con heo đặc biệt này, đã trói bốn chân ở trước cửa hàng, sắp đem đi mổ thịt, thấy vị Hiệu Úy này liền nói rằng: Ông là con gái tôi, tôi là bà ngoại của ông, trước đây vì nhà ông nghèo thiếu, mẹ ông nhiều lần đến chỗ tôi xin lấy lương thực, vì nhiều lần đến lấy nên không thể cung cấp đầy đủ, con trai lớn của tôi không bằng lòng, tôi thương xót mẹ con ông, trộm

giấu con traio lấy cho mẹ năm đấu gạo, nay tôi làm heo đền trả món nợ ăn cắp ấy, sao ông không cứu tôi? Hiệu Úy nghe vậy, đi theo người hàng mổ chuộc lấy heo. Người hàng mổ ban đầu không tin, người khác không hiểu lời heo này nói, chỉ riêng Hiệu Úy hiểu được mà thôi. Người hàng mổ nói rằng: Đích xác nếu như là bà ngoại của ông, thì tôi sẽ cởi trói thả heo. Ông đối diện với tôi lại xin heo cùng nói rõ ràng. Người hàng mỏ vì thế cởi trói thả heo rồi, Hiệu Úy lại xin heo nói rằng: Nay con đang ở một tháng đầu tiên, không thể đưa bà về nhà được, không biết sắp xếp nơi nào cho bà? Heo liền nói với Hiệu Úy rằng: Nay tôi đã ngăn cách với đời nhận chịu hình hài xấu xí này, cho dù ông xong công việc, cũng không cần phải đưa tôi trở về, mẹ ông đang còn, ông lại là Hiệu Úy, quyến thuộc ở quê nhà thấy tôi hình hài như vậy, chắc chắn là không vui, sợ rằng làm tổn thương ô nhục cho gia môn của ông, tôi nghe ở chùa đó có heo dê trường sanh, ông sắp xếp cho tôi ở chùa ấy. Hiệu Úy lại nói với heo rằg: Nếu bà có nghiệm đúng thì tự hướng đến chùa trước. Heo nghe nói vậy liền chạy đi hướng vè chùa. Tăng trong chùa ban đầu không chịu tiếp nhận, Hiệu Úy nói rõ về điều linh nghiệm này cho Tăng trong chùa chùa biết, tất cả tăng trong chùa nghe rồi đều cảm thấy xấu hổ của thương xót biết bao, liền làm nhà che chắn sắp xếp nơi ở cho heo, Hiệu Úy lại để lại tấm chăn nhỏ cho heo nằm. Tăng trong chùa và đạo tục thay nhau giúp cho ăn uống, lâu sau Tăng trong chùa đều hiểu lời heo nói. Hiệu Úy xong công việc, từ giả trở về châu cũ, nói cho mẹ biết sự việc như vậy. Sau đó mẹ tự mình đến thăm heo, mẹ con gặp lại nhau cùng khóc òa nức nở. Heo đến năm thứ nhất thời Đường Lân Đức hãy còn nghe vẫn bình an.

Chuyện này do Đông Cung dẫn theo Lương Nạn Địch người vùng Tích Châu. Cải Nhậm người vùng Hoài Châu và Quách hạ - Thiệt Xung cùng thấy mà kể lại.

11. Năm thứ 3 thời Đường Long Sóc, ở phường Thông Quỹ trong thành Trường An có Tam vệ Lưu Công Tín, vợ là Trần Thị, mẹ mất sớm nên Trần Thị vì thế mà ưu sầu đột ngột qua đời, thấy có người dẫn đi vào địa ngục, trông thấy đủ các loại khổ đau, không làm sao kể lại hết được. Cuối cùng thấy một địa ngục, cửa đá vững chắc, có hai quỷ lớn hình dung to cao, giữ hai bêm cửa mắt trơn trừng quát hỏi Trần Thị: Người là người nơi nào đến đây? Thấy cửa đá bỗng nhiên mở ra, mẹ đã mất ở trong đó nhận chịu khổ đau, không thể nào nói hết. Nhận chịu khổ đau hơi dừng lại nên đến gần cửa, mẹ con trông thấy nhau từ xa có thể cùng nói chuyện. Mẹ cùng nói chuyện. Mẹ nói với con gái rằng: Con trở về

cố gắng viết kinh giúp mẹ! Con gái hỏi mẹ muốn viết kinh gì? Mẹ bảo rằng: hãy viết kinh Pháp Hoa cho mẹ. Nói xong cửa đá liền đóng lại. Trần Thị được sống lại, nói mọi chuyện cùng chồng, chồng liền nhờ em rể là Triệu Sư Tử mong viết giúp cho kinh Pháp Hoa. Triệu Sư Tử trước kia biết viết không, có một người viết kinh, đem đến một bộ Pháp Hoa mới viết nhưng chưa trang hoàng; người ấy trước đây qua lại với người khác nhận viết kinh mướn, chủ thuê viết kinh là người họ Phạm, người viết kinh này đem Pháp Hoa của người ta chuyển đến chỗ triệu Sư Tử đổi lấy hai trăm đồng tiền mà thí chủ không biết là trao đổi lấy tiền. Sư Tử lại nói với anh vợ rằng: Nay đã muốn có kinh ở nhà, thì có một bộ Pháp Hoa, anh chuộc lấy kinh này, giá trị trước kia là một ngàn đồng tiền. Chồng của Trần Thị đem bốn trăm đồng tiền chuộc được, trang hoàng chu đáo từ đầu đến cuối, đem về nhà vì mẹ mà cúng dường cầu nguyện. Con gái là Trần Thị sau đó mộng thấy mẹ đi theo con gái lấy kinh, nói rằng trước đây mẹ bảo con viết cho mẹ một bộ kinh Pháp Hoa, vì sao mãi đến nay không nhận được? Con gái trả lời mẹ rằng: Đã vì mẹ chuộc được một bộ kinh Pháp Hoa, hiện giờ đã trang hoàng xong đang cúng dường tại nhà. Mẹ nói với con gái rằng: Chỉ vì kinh này mà mẹ lại nhận chịu khổ đau, trong chốn âm cung mẹ bị ngục tốt đánh gãy xương sống, con hãy xem thân mẹ tàn tạ, ngục quan nói rằng tại sao ngươi lấy kinh của nhà vua họ Phạm kia để làm thành kinh của mình, ngươi đâu có phước thiện, tội lỗi của ngươi thật lớn. Con gái nghe mẹ nói như vậy, lại viết bộ kinh Pháp Hoa khác cho mẹ, kinh ấy viết chưa xong, con gái trong giấc mộng lại thấy mẹ đến giục lấy kinh, thì thấy một vị Tăng, tay cầm một quyển kinh Pháp Hoa nói với mẹ mình rằng: Con gái bà đã viết cho bà được quyển thứ nhất trong bộ kinh, công đức đã thành tựu, vì sao lại đến thúc giục, hãy chờ đến khi viết xong, cần gì phải vội vàng? Sau đó viết kinh đã hoàn tất, mẹ đến báo cho con gái biết rằng: Nhờ con viết kinh cho mẹ, nay đã được ra khỏi chốn âm ty, đầu thai đến nơi tốt lành, nhận được ân nghĩa của con cho nên đến báo để con biết, con nên giữ gìn tốt đẹp, cố gắng thực hành theo lễ tiết người vợ, tín tâm làm gốc. Nói xong buồn bã rơi lệ cùng Từ biệt nhau. Về sau tìm hỏi người chủ của bộ kinh Pháp Hoa đã chuộc trước kia, quả nhiên là người họ Phạm; nhà họ Phạm tuy không có được kinh, mà kinh ấy đã thành tựu, phước thiện giúp đỡ đã tròn đầy, người sau chuyển sang trao đổi mua bán thì tự mình nhận lấy tội lỗi, vợ của họ Lưu đem tiền chuộc lấy chỉ có được chút phước thiện nhỏ nhoi, mà mẹ đã mất không nhờ cậy được.

Thiên thứ 66: TRANH TỤNG

Thiên này có 2 phần: Thuật ý, Dẫn chứng.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Nói lời yêu thương vừa phát ra thì Trời người đều mỉn cười, lời nói thô lỗ vừa mở miệng thì u hiển đều tức giận; sợ rằng tương lai nghe tiếng lưu truyền xấu xa vĩnh viễn ngăn cách lòng dạ nghĩ suy, thấy thiện trong lòng thân thiết mãi mãi giống như con đẻ yêu thương. Đã biết tà chánh khác biệt đường đi, thiện ác không hề chung lối, khuyên nhủ dừng lại lời lẽ hung ác của ba độc tham sân si, phát triển lòng dạ thuận theo cung kính hợp với thiện tâm. Vì lẽ đó bậc Đại Thánh dạy bảo tu dưỡng vội gốc trừ bỏ cành ngọn, chính tâm của mình là chủ ác hiểm, miệng của mình là nơi chứa đầy tai họa, bởi vì việc làm trở thành tai họa men theo dòng chảy đi vào đường ác, chưa hề có tranh tụng làm trái hình thể mà giữ lại sự cảm hóa to lớn vậy.

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh Trung A-hàm nói: “Lúc bấy giờ trong Tinh xá Kỳ-hoàn có hai Tỳ kheo nổi lên tranh cãi, một người mắng nhiếc chưởi bới, một người im lặng không nói gì. Người mắng nhiếc chưởi bới ấy, liền ân hận thay đổi đến sám hối nhận lỗi với người kia, nhưng Tỳ kheo kia không chấp nhận sự sám hối ấy. Bởi vì không chấp nhận cho nên rất nhiều Tỳ kheo cùng nhau khuyên nhủ can ngăn mà cao tiếng làm cho náo loạn. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn dùng Thiên nhĩ thanh tịnh hơn hẳn tai nghe của người, nghe thấy tiếng náo loạn trong tinh xá Kỳ-hoàn, nghe rồi từ trong thiền định trở lại tinh xá, ở trước đại chúng trải tọa cụ mà ngồi, bảo với các Tỳ kheo: Nay Ta vào rừng An Đà tọa thiền, nghe trong tinh xá lớn tiếng náo loạn, cuối cùng là do ai? Tỳ kheo thuật lại đầy đủ sự việc trước đó mà trình bày với Đức Phật. Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Người ngu si làm sao, người ta hướng về sám hối nhận lỗi mà không chấp nhận sự sám hối ấy? Nếu người ta sám hối nhận lỗi mà không chấp nhận, thì đó là người ngu si, trong tâm đêm dài tăm tối sẽ nhận chịu khổ đau càng lắm. Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Vào đời quá khứ Thích Đề Hoàn Nhân có ba mươi ba vị Trời cùng nhau tranh cãi, thuyết kệ chỉ bày nhắc nhở rằng:

Tâm không tổn hại đối với người,
Sân giận cũng không thể ràng buộc,
Lòng dạ căm hận không giữ lâu,

Vì không dừng lại ở sân giận,
Cho dù sân giận luôn hừng hực,
Mà không phát ra lời thô lỗ,
Không mong kềm chế được người ta,
Rêu rao lỗi lầm làm xấu người.
Luôn luôn nên tự phòng hộ mình,
Lấy nghĩa xét kỹ tỉnh ngộ mình,
Không tha thứ cũng không giả dối,
Thường cùng với Hiền Thánh chung lối.
Nếu như cùng người ác giống nhau,
Cang cường giống như hòn núi đá,
Có thể tự chế ngự sân giận,
Như kềm chế ngựa xe rong ruổi,
Ta nói là bậc Thầy tốt lành,
Không nói là người cầm dây cương.

Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các Tỳ kheo: vào đời quá có Thiên Đế thích, cùng với Thiên - A-tu-la dàn trận muốn đánh nhau, Thích Đề Hoàn Nhân nói với chúng ở ba mươi ba cõi Trời rằng: Hôm nay chư Thiên cùng với quân đội A-tu-la đánh nhau, chư Thiên đánh nhau thắng - A-tu-la không hơn, thì sẽ bắt sống vua A-tu-la Ma chất Đa la dùng dây Ngũ Hệ trói lại dẫn về Thiên cung. A-tu-la lại nói lời như vậy: Đang lúc đánh nhau mà chư Thiên không hơn -A-tu-la đánh thắng, thì sẽ bắt sống Đế Thích dùng dây Ngũ Hệ trói lại dẫn về cung điện chúng tôi. Lúc đánh trận ấy chư Thiên được thắng lợi mà A-tu-la thua trận, chư Thiên dùng dây ngũ Hệ trói vua A-tu-la dẫn về Thiên cung, trói ở dưới cổng cung điện Đoạn Pháp của Thiên Đế Thích. Lúc Đế Thích ra vào theo cổng này, vua A-tu-la bị trói ở bên cổng, mắng mỏ giận dữ, lúc ấy người đánh xe cho Đế Thích, thấy vua A-tu-la thân bị dây Ngũ hệ trói ở bên cổng, lúc Đế Thích ra vào thì mắng nhiếc giận dữ, thấy rồi liền nói kệ thưa với Đế Thích rằng:

Đế Thích nay vì sợ người kia,
Hay là không có đủ sức mạnh,
Mà luôn nhẫn nhịn A-tu-la,
Mắng nhiếc làm nhục ngay trước mặt?
Đế Thích liền đáp kệ rằng:
Không vì sợ hãi mà nhẫn nhịn,
Cũng không phải không đủ sức mạnh,
Người nào có trí tuệ thông minh,

Mà cùng người ngu si đối đáp?

Người đánh xe lại thưa rằng:

Nếu người chỉ thực hành nhẫn nhịn,
Đối với sự việc có thiếu sót,
Hạng người ngu si sẽ nói rằng,
Vì sợ hãi mà chịu nhẫn nhịn,
Vì vậy nên trừng trị nghiêm khắc,
Dùng trí để chế ngự ngu si.

Đế Thích đáp rằng:

Ta đang quan sát ngu si kia,
Chế ngự tâm của kẻ ngu si,
Thấy ngu si hừng hực giận dữ,
Trí tuệ dùng im lặng điều phục,
Không sức mạnh mà thành sức mạnh,
Sức mạnh của hạng ngu si kia,
Ngu si làm trái xa rời pháp,
Đối với đạo thì chẳng có gì.
Nếu như có sức mạnh to lớn,
Có thể nhẫn nhịn người yếu kém,
Đây chính là nhẫn nhịn cao nhất,
Không có sức sao có nhẫn nhịn?
Đối với người mắng nhiếc làm nhục,
Người sức mạnh luôn luôn nhẫn nhịn,
Đây chính là nhẫn nhịn cao nhất,
Không có sức sao có nhẫn nhịn?
Đối với mình và với người khác,
Khéo giữ gìn vô cùng sợ hãi,
Biết sân giận kia đang hừng hực,
Trở lại tự giữ mình im lặng.
Đối với hai nghĩa đều có đủ,
Tự lợi mình cũng lợi cho người,
Nghĩa là nói người ngu si ấy,
Bởi vì họ không thấy giáo pháp.
Người ngu si nói hơn là nhịn,
Lại tăng thêm những lời độc địa,
Không biết nhịn sự mắng nhiếc kia,
Đối với điều ấy thường được thắng.
Được thắng rồi thực hành nhẫn nhịn,

Thì gọi là sợ hãi nhẫn nhịn,
Đối với người ngang sức hành nhẫn,
Thì gọi là nhẫn tranh với nhẫn,
Đối với người thua kém mà nhẫn,
Thì gọi là nhẫn nhịn cao nhất.

Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Thích Đề Hoàn Nhân đối với ba mươi ba cõi Trời là người tự tại nhất, thường thực hành nhẫn nhục, ca ngợi đối với hạnh nhẫn nhục. Tỳ kheo các ông, chánh tín xuất gia học đạo khác với người thế tục, cũng nên như vậy thực hành nhẫn nhục, ca ngợi hướng về nhẫn nhục, cần phải chịu khó học tập!"

Lại trong kinh Khởi Thế nói:"Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Xưa kia chư Thiên và A-tu-la nổi lên đánh nhau dữ dội. Lúc bấy giờ Đế Thích bảo với những người dẫn dắt trong ba mươi ba cõi Trời rằng: Này các vị Nhân giả! Chư Thiên các ông, nếu cùng với A-tu-la tiến hành đánh nhau, thì nên trang nghiêm tốt đẹp và cố gắng giữ gìn binh khí đồ dùng, nếu như Thiên thắng trận - A-tu-la thua trận, thì các ông nên cùng nhau bắt sống vua A-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la, dùng dây Ngũ Hệ trói lại, dẫn đến nơi chư Thiên tụ hội ở trước Thiện pháp Đường. Ba mươi ba tướng lãnh các cõi Trời nghe mệnh lệnh của Đế thích, y theo lời dặn vâng mạng thi hành. Lúc bấy giờ vua A-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la, cũng lại bảo với các A-tu-la rằng: Nếu chư Thiên thua trận, thì nên bắt sống Đế Thích Thiên Vương dùng dây Ngũ Hệ trói lại, dẫn đến đứng trước ta ở nơi tụ hội của các A-tu-la bảy đầu. Các A-tu-la cũng tiếp nhận lời dạy mà thi hành. Trong trận chiến lúc ấy, quân đội Đế Thích giành được thắng lợi, tức thì bắt sống vua A-tu-la, dùng dây Ngũ Hệ trói lại, dẫn đến nơi chư Thiên quy tụ phía trước Thiện Pháp Đường, đứng hướng về Đế Thích. Lúc bấy giờ vua Tỳ-ma-chất-đa-la dường như dấy lên nghĩ rằng: Nguyện cầu các A-tu-la đều tự nhiên bình an tốt lành, nay ta không sử dụng các A-tu-la, ta nên ở nơi này cùng với chư Thiên chung sống, cùng hưởng thụ vui vẻ, thật là hợp với ý ta. Lúc dấy lên ý niệm này thì thấy dấy Ngũ Hệ trói chặt thân mình đều cởi ra, công đức ngũ dục đều hiện rõ ở trước mắt. Hệ lại dấy lên nghĩ rằng: nay mình không sử dụng ba mươi ba cõi Trời, nguyện cầu chư Thiên đều tự nhiên bình an tốt lành, mình nguyện trở về cung điện của A-tu-la. Lúc dấy lên ý niệm này thì dây ngũ hệ lập tức trở lại trói chặt thân hình, công đức Ngũ dục thoát đã tản mác không còn. Vua A-tu-la có những ràng buộc vi tế như vậy, ràng buộc của các ma quân lại vi tế hơn vậy, nguyên cớ do đâu? Này các Tỳ kheo, lúc tư duy tà vạy thì bị ràng buộc, lúc tư duy chính đáng thì

được giải thoát. Lúc bấy giờ vua A-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la, trước khi chưa đánh nhau dấy lên ý nghĩ như vậy: Mình có uy thần công đức sức mạnh như vậy, cung điện mặt trăng mặt Trời và ba mươi ba cõi Trời, tuy ở phía trên mình vận chuyển lưu hành vòng quanh, mà sức mạnh của mình có thể lấy để làm cái khuyên tai, đi khắp nơi không bị gây trở ngại. Lúc bấy giờ vua A-tu-la đến gọi La-hầu-la, tự mặc các loại trang nghiêm trên thân và mang binh khí đồ dùng, cùng với vua Bính Ma chất Đa la hăng hái biến hóa kỳ ảo, các Tiểu Vương và quyến thuộc vây tròn trước sau, từ trong thành trì của A-tu-la đi theo mà ra ngoài, muốn cùng nhau đến khiêu khích gây chiến sự dữ dội với chư Thiên cõi Đao Lợi. Lúc bấy giờ hai Đại Long Vương là Nan-đà - Ưu-ba-nan-đà từ cung điện của mình đi ra, tất cả đều dùng thân vòng quanh núi Tu di, quấn quanh bảy vòng làm chấn động trong một lúc, chấn động rồi lại tiếp tục chấn động, dùng đuôi đập vào biển cả, khiến cho một cột nước vọt lên ở giữa hư không phía trên đỉnh núi Tu di. Lúc này Đế Thích bảo với chư Thiên rằng: Các ông thấy đất bằng nơi đây chấn động như vậy hay không? Giữa bầu Trời mờ mịt giống như mây cuộn mưa tuôn, lại tựa như sương mù lớp lớp phủ che, nay Ta biết chắc chắn các A-tu-la muốn đánh nhau với chư Thiên. Ngay sau đó các rồng từ trong biển đều trang bị binh khí đồ dùng mà xuất hiện. Lại hướng về nói với chư Thiên 6 cõi Dục, tất cả đều trang bị binh khí đồ dùng vượt hư không mà đến. Tu Dạ Ma Thiên Vương cùng với vô lượng trăm ngàn vạn số chư Thiên tùy thuộc, đi đến tại phía Đông trên đỉnh núi Tu di, dựng đứng ngọn cờ Nan Hàng Phục thuần màu xanh, dựa vào đỉnh núi mà đứng. Lúc bấy giờ Đâu Suất Đà Thiên Vương cùng với vô lượng trăm ngàn vạn chúng tùy thuộc, trong một lúc tập hợp trên đỉnh núi Tu di, ở tại phía Nam đỉnh núi, dựng thẳng ngọn cờ Nan Hàng Phục thuần màu vàng, dựa vào đỉnh núi mà đứng. Lúc bấy giờ Hóa lạc Thiên Vương cùng với vô lượng trăm ngàn vạn chư Thiên tùy thuộc, xuống đến đỉnh núi Tu di, ở phía Tây đỉnh núi, dựng thẳng ngọn cờ Nan Hàng Phục thuần màu đỏ, dựa vào đỉnh núi mà đứng. Lúc bấy giờ Tha Hóa Tự Tại Thiên Vương cùng với vô lượng trăm ngàn chư Thiên tùy thuộc, xuống đến đỉnh núi Tu di, ở tại phía Bắc đỉnh núi, dựng thẳng ngọn cờ Nan Hàng phục thuần màu trắng, dựa vào đỉnh núi mà đứng.

Lúc bấy giờ Đế Thích thấy chư Thiên phía trên đầu đến tập hợp, thậm chí Dọa Xoa giữa hư không cũng cùng nhau tùy thuận đi theo đứng ở trước Đế Thích. Ngay lúc đó Đế Thích tự mình mặc giáp phục, cùng với chúng chư Thiên vây tròn trước sau, từ thiên cung đi ra sắp cùng

nhau đánh trận dữ dội, các loại binh khí đồ dùng đều nhiều màu sắc đáng yêu, đều làm thành từ bảy báu. Dùng dao gươm binh khí này từ xa ném vào thân của A-tu-la thì không có gì không xuyên thủng, nhưng mà không làm tổn hại, ở trên thân thể của đối phương không thấy dấu vết của lằn sẹo vết thương, chỉ vì nhân duyên xúc chạm cho nên phải chịu đau đớn vô cùng. Binh khí đồ dùng của các A-tu-la cũng là từ bảy báu làm ra, xuyên thủng thân thể của chư Thiên cũng đều dễ dàng, mà không có lằn sẹo vết thương, chỉ vì nhân duyên xúc chạm mà nhận chịu đau đớn".

Lại trong kinh Tăng Nhất A-hàm nói: "Ngày xưa chư Thiên và A-tu-luân luôn luôn đánh nhau, khi chư Thiên giành nhau được chiến thắng, vua A-tu-luân thua trận, thì trong lòng sợ hãi, biến hóa thân hình rất nhỏ theo lỗ trống giữa thân ngó sen mà đi qua, Phật nhãn nhìn thấy được, chứ không phải người khác mà nhìn thấy được".

Lại trong kinh Đại tập nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các Long chúng và A-tu-la rằng: Các ông đừng đánh nhau, mà nên tu hạnh nhẫn nhục. Người nhân ái nếu luôn luôn xa rời nóng giận thì thành tựu nhẫn nhục mau chóng đến được mười nơi. Những gì là mười nơi? Đó là: 1. Được làm vua, làm vị Luân Vương tự tại đứng đầu bốn thế giới; 2. Làm Thiên Vương Tỳ lâu Bác Xoa; 3. Làm Thiên Vương Tỳ lâu lặc Xoa; 4.. Làm Thiên Vương Đề Đầu lại tra; 5. Làm Thiên Vương Tỳ Sa Môn; 6. Làm Thiên Vương Đế Thích; 7. Làm Thiên Vương Tu Dạ Ma; 8. Làm Thiên Vương Đâu Suất Đà;9. Làm Thiên Vương Hóa Lạc; 10. Làm Thiên Vương Tha Hóa Tự Tại. Này những người nhân ái, nếu như có đầy đủ nhẫn nhục, thì người này nhanh chóng đạt được mười nơi như vậy và tiến gần kết quả nhẫn nhục".

Lại trong kinh Trung A-hàm nói: " Đức Thế tôn thuyết bài tụng rằng:

Nếu như có tranh chấp luận bàn,
Ý lẫn tạp lòng đầy cao ngạo,
Chẳng phải Thánh phá hủy đức này,
Tất cả đều mong cầu dễ dàng,
Chỉ mong cầu người khác sai lầm,
Ý muốn làm người ta hàng phục,
Thì cùng nhau mà cầu thắng lợi,
Bậc Thánh không cói điều như vậy".

Lại trong Kinh trung A-hàm nói: "Đức Thế tôn bảo với các Tỳ kheo: Các ông đừng đấu tranh với nhau, nguyên cớ do đâu? Bởi vì:

Nếu lấy tranh chấp ngăn tranh chấp,
Đến cuối cùng không ngăn lại được,
Chỉ nhẫn nhịn ngăn được tranh chấp,
Pháp này thật sự tôn quý nhất.
Ngay sau đó Đức Thế tôn không đồng ý,
Các Tỳ kheo Câu Xá Di tranh cãi xong,

Liền từ chỗ ngồi đứng dậy mà nói tụng rằng:

Dùng biết bao ngôn từ lời lẽ,
Phá hoại Tăng chúng tôn nghiêm nhất,
Lúc phá hoại Thánh chúng trang nghiêm,
Không ai có thể ngăn lại được,
Tan thân nát thịt đến mất mạng,
Tổn thất tài sản voi ngựa trâu,
Phá tan đất nước hủy diệt hết,
Người kia hãy còn cố hòa giải,
Huống hồ các ông mắng đôi lời,
Mà không thể làm cho hòa hợp?
Nếu không suy nghĩ nghĩa chân thật,
Thì oán kết nào được chấm dứt,
Mắng chưởi chỉ trích nhiều lần nói,
Mà có thể kềm chế hòa hợp;
Nếu suy nghĩ nghĩa lý chân thật,
Thì oán kết được dừng lại,
Nếu lấy tranh chấp ngăn tranh chấp,
Đến cuối cùng không ngăn lại được,
Chỉ nhẫn nhịn ngăn được tranh chấp,
Pháp này thật sự đáng tôn quý.
Sân hận hướng về người trí tuệ,
Miệng nói không dựa vào ngôn từ,
Phỉ báng bậc Thánh Giả Mâu Ni,
Là người hèn mạt chẳng có trí”.

Lại trong Kinh Phật Bổn Hạnh nói: “Đức Phật vì năm Tỳ kheo thuyết kệ rằng:

Trong một tháng hơn ngàn lần tranh chấp,
Khi tranh chấp trăm phần thắng được người,
Nếu có thể tin theo Phật Thế tôn,
Luôn hơn hẳn mười sáu phần như thế.
Trong một tháng hơn ngàn lần tranh chấp,

Khi tranh chấp trăm phần thắng được người,
Nếu có thể tin theo pháp chân thật,
Luôn hơn hẳn mười sáu phần như thế.
Trong một tháng hơn ngàn lần tranh chấp,
Khi tranh chấp trăm phần thắng được người,
Nếu có thể tin theo tăng thanh tịnh,
Luôn hơn hẳn mười sáu phần như thế.
Trong một tháng hơn ngàn lần tranh chấp,
Khi tranh chấp trăm phần thắng được người,

Nếu có thể tư duy Pháp tánh Không, luôn hơn hẳn mười sáu phần như thế".

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: "Xưa có một người hầu gái, bẩm tánh ngay thẳng cẩn thận, thường vì chủ nhân trông coi lúa mạ, đậu mè. Lúc ấy trong nhà có một con dê đực đã thiến chờ khi không có ai liền trộm ăn thóc lúa đậu mè, số lượng hao hụt bị chủ trách mắng, tin mình đã không lấy mà đều do con dê ăn. Vì nguyên cớ này cho nên người hầu gái thường xuyên giữ hiềm khích, hàng ngày tự cầm gậy dùng để đánh con dê đực bị thiến. Con dê đực bị thiến cũng ngậm hờn để chống lại người hầu gái. Như vậy xúc phạm nhau trước sau không phải là ít. Nhân một hôm người hầu gái tay không lấy lửa, con dê thấy không có gậy liền lao thẳng đến húc người hầu gái, người hầu gái bởi vì khẩn cấp cho nên dùng que lửa đã lấy đánh trên gáy con dê, con dê bị lửa nóng ở chỗ tiếp xúc, chạy lao vào dốt cháy thôn xóm của người, lan ra cho đến núi rừng ao đầm. Lúc ấy trong núi có năm trăm con khỉ, ngọn lửa lan đến rừng rực nên không kịp chạy tránh chỗ khác, lập tức đều trong một lúc bị lửa thiêu chết. Chư Thiên thấy rồi bèn nói kệ rằng:

Nóng giận trong thời gian đấu tranh,
Không chịu dừng lại cứ kéo dài,
Dê đực cùng hầu gái đánh nhau,
Làm chết bầy khỉ - người trong thôn".

Tụng rằng:

Giàu sang tranh chấp nhau nhân ngã,
Nghèo hèn tự nhiên cảm thấy nhục,
Mạnh yếu không tương xứng với nhau,
Tranh chấp chưa bao giờ dừng nghỉ,
Nhục nhã căm hận xâm đoạt nhau,
Tìm kiếm cơ hội trả mối thù,
Oán kết luôn luôn tìm gặp lại,

Nhiều kiếp thường khổ đau sầu muộn.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra hai chuyện: 1- Thời Hán Cảnh Đế có quạ cổ trắng đánh nhau với quạ đen; 2- Giữa thời Hán Trung Bình có chim tước đánh nhau.

1. Tháng 11 năm thứ 3 thời Hán Cảnh Đế, có bầy quạ cổ trắng cùng với bầy quạ đen đánh nhau ở huyện Lữ nước Sở, quạ cổ trắng không hơn nên rơi vào trong dòng sông Tứ chết đến mấy ngàn con. Lưu Hướng cho rằng mấy ngày qua có điều không tốt. Sở Vương Mậu bạo nghịch vô đạo làm nhục Thân công bằng hình phạt, cùng với Ngô mưu phản. Bầy quạ đánh nhau ấy là hiện tượng của quân đội đánh nhau vậy. Quạ cổ trắng là nhỏ, rõ ràng nhỏ thì thất bại. Rơi vào nước thì sẽ chết nơi sông nước. Vương mâu không hiểu được, liền cử binh thuận theo Ngô cùng với Hán đánh nhau dữ dội, binh lính tan tác mà chạy, đến nơi Đan Đồ bị người Việt chém chết, quả là rơi xuống sông Tứ. Kinh Phòng Bị Truyện nói: Chống lại cha mẹ thì cha mẹ của mình như mặt Trời xế bóng, quạ đen đánh nhau ở trong đất nước, Yên Vương lại mưu phản vậy. Lại có một con quạ và một con chim khách, đánh nhau ở trong cung nước Yên, quạ rơi xuống đất mà chết. Ngũ Hành Chí cho rằng Sở – yên rời bỏ ruột thịt, bề tôi ngoại tộc kiêu ngạo buông thả mà mưu mô bất nghĩa, đều có điềm của quạ và chim khách đánh nhau đến chết, việc làm giống nhau mà xem bói thì thật khớp nhau, đây là bày tỏ rõ ràng quan hệ của Trời và người vậy. Âm mưu của Yên Vương chưa phát ra, một mình Vương tự sát ở trong cung, cho nên một con quạ mà màu sắc của nước ấy là cái chết. Sở Cang Dương dấy binh, binh tướng thất bại nặng nề ở đồng hoang, vốn là bầy quạ mà màu sắc như vàng ấy là cái chết, chính hiệu quả tinh vi của lẽ Trời. Kinh Phòng Dị truyện nói:” Ngu muội chinh phạt để giết chóc là yêu tà hôn mê khiến cho quạ và chim khách đánh nhau vậy.

2. Tháng 8 năm thứ 3 thời Hán Trung Bình, trong vùng Hoài Lăng có hơn vạn con chim tước, trước đó đã kêu lên vô cùng đau thương, vì vậy đánh nhau hỗn loạn mà tàn sát nhau, đều đứt đầu treo lơ lửng trên cành cây táo chua. Đến năm thứ 6 Linh Đế băng hà. Nói đến Lăng ấy là hiện tượng của sự cao lớn. Tước ấy là tước vị. Thiên Giới Nhã nói: Ôm ấp tước vị và bổng lộc mà tôn sùng sâu nặng, tự trở lại tàn hại nhau đến nỗi diệt vong vậy.

Hai chuyện trên đây trích từ Sưu Thần Ký.

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 58

***Thiên thứ 67:* MƯU BÁNG** (Phần 1).

Thiên này có 5 phần: Thuật ý, Chú tổ, Phỉ báng, Tị cơ, Túc chướng.

***Thứ nhất-* PHẦN THUẬT Ý**

Nói rằng tâm là nguồn của mọi căn bệnh, miệng là gốc của sự khen chê, cùng phát sinh tên gọi sai khác tạo họa phước chẳng chung đường lối. Vì vậy biết ba nghiệp thân miệng ý, đều là nhân tạo thành tai họa; sáu tình của tai mắt, đều là mầm chuốc lấy hiềm khích, khiến cho tìm cách bài báng Thánh phàm, áp bức oan uổng lương thiện, bất ngờ nhận chịu ba căn, mãi mãi từ bỏ bảy chúng. Nhưng sống chết có mạng, giàu sang do nghiệp, cho dù thêm rượu độc mà độc tố không thể làm tổn thương, ngoại đạo dấy lên tìm cách bài báng mà mưu mô không thể hại được, chỉ có dấy tâm bài báng giả tạo thi hành cúng tế cầu xin. Do đó Ban Tiệp Hảo nói: Tu thiện hãy còn không gặp được phước, làm điều tà mong lấy gì hướng đến? Nếu quỷ thần có biết, thì không chấp nhận lời nói tà nịnh; nếu quỷ thần không biết, thì bày tỏ nào có ích gì? Bởi lẽ thảo dược trong núi Tuyết, thật giả không thể biện giải; trái quý cây Am La, sống chín khó phân biệt. Cho nên Như lai tại thế hãy còn không tránh khỏi bị vu cáo, huống hồ nay là phàm phu, lẽ nào tránh được món nợ này? Nợ là tai họa vốn có đến lúc cần phải nhận chịu, đây cũng là chuyện của mình, đâu cần phải căm hận người ta? Nhưng tội lỗi của sự vu cáo bịa đặt, thì tự mình chuốc lấy khốn khổ, giống như môi miệng là cây cung, tâm tư như dây cung, âm thanh như mũi tên; đêm dài phát ra trống rỗng chỉ có vấy bẩn thân miệng, đặc biệt cần phải tự tỉnh ngộ im miệng cẩn thận giữ tâm vậy!

Thứ hai- **PHẦN CHÚ TỔ** (nguyền rủa).

Như kinh Đại Phương Quảng Tổng trì nói: “Đức Phật dạy: Này

người thiện nam! Sau khi Phật diệt độ, nếu có Pháp sư khéo tùy thuận niềm vui muốn nói pháp cho người, có thể làm cho người học pháp dt Bồ-tát và các đại chúng có phát khởi một chút tâm hoan hỷ, thậm chí tạm thời rơi một giọt nước mắt, thì nên biết đều là do thần lực của Phật. Nếu có người ngu si, thật không phải là Bồ-tát mà giả xưng là Bồ-tát, vu cáo Bồ-tát thật sự và những pháp hành của họ. Lại nói lời như vậy: Người kia nào biết gì, người kia nào hiểu gì? Nếu hai bên hòa hợp thì có thể nắm giữ và lưu thông giáo pháp của Ta. Nếu hai bên tranh chấp làm trái nhau thì Chánh pháp không thể lưu hành. Người bài báng giáo pháp này chuốc lấy tội nghiệp vô cùng lớn, rơi vào ba đường dữ khó được thoát ra. Nếu có người ngu si, đối với những gì Đức Phật đã thuyết giảng mà không tin nhận, cho dù đọc tụng ngàn bộ kinh điển Đại thừa vì người giải thích đạt được Tứ thiền, nhưng bởi vì vu cáo người tất cả cho nên trong bảy mươi kiếp nhận chịu lắm thứ khổ não. Huống hồ người ngu kia thật sự không biết gì mà tự cao ngạo, cho đến phỉ báng một bài kệ bốn câu, nên biết nghiệp này chắc chắn rơi vào địa ngục mãi mãi không thấy được Phật. Dùng ánh mắt dữ dằn nhìn người phát tâm bồ đề, vì vậy phải chịu quả báo không có mắt. Vì miệng xấu xa vu cáo cho người phát tâm bồ đề, cho nên phải chịu quả báo không có lưỡi".

Lại trong kinh Hiền Ngu nói: "Xưa thời Phật tại thế, có Tỳ-kheo-ni Vi Diệu đạt được quả vị A-la-hán, cùng với các Ni chúng tự nói về nghiệp hạnh quả báo thiện ác của mình đã tạo xưa kia. Nói cho Ni chúng biết rằng: Quá khứ trước kia có một Trưởng giả, nhà ấy rất giàu nhưng không có con trai nối dõi, lại lấy thêm cô vợ bé được chồng rất yêu thương, sau sinh được một bé trai, vợ chồng càng quý trọng tôn kính nhau không chán. Vợ lớn trong lòng ganh ghét, tự mình nghĩ rằng: Đứa bé này nếu lớn lên thì sẽ thâu giữ gia nghiệp, mình uổng công vất vả cực nhọc tích góp nào ích gì, chi bằng giết chết nó đi! Thế là lấy kim sắt đâm vào trong má đứa bé. Sau đó đứa bé liền mạng chung. Vợ bé nghi là vợ lớn giết hai, nên nói lời rằng: Bà giết con tôi. Bấy giờ vợ lớn cho rằng không có tai ương đền trả báo ứng của tội phước, nên cùng thề thốt rằng: Nếu tôi giết con cô, thì khiến cho tôi đời đời gặp cảnh chồng bị rắn độc cắn, con cái tôi sinh ra bị nước cuốn trôi và lang sói ăn thịt, tự mình ăn thịt con, thân hiện tại bị chôn sống, cha mẹ ở nhà lửa cháy mà chết! Thề thốt như vậy rồi sau đó lập tức mạng chung. Bởi vì giết trẻ cho nên rơi vào địa ngục nhận chịu vô lượng khổ đau. Tội trong địa ngục chấm dứt được sanh vào loài người, làm con gái Phạm Chí, tuổi dần trưởng thành nên đi lấy chồng về ở nhà chồng, sinh được một bé trai. Sau lại

mang thai đủ tháng sắp sinh, vợ chồng cùng dắt nhau đi đến nhà cha mẹ. Đến giữa đường đau bụng liền sinh con, trú đêm dưới tán cây, lúc ấy chồng nằm chỗ khác. Trước đã thề thốt cho nên nay đều nhận chịu, lúc ấy có con rắn độc cắn chết người chồng. Vợ thấy chồng chết nên buồn bã ngất đi, sau mới tỉnh lại được. Đến lúc Trời sáng bèn mang đứa lớn đặt lên trên vai, đứa nhỏ ẵm trong lòng, khóc tức tưởi mà tiến bước. Đường đi có một dòng sông, sâu mà lại rộng, liền để đứa lớn ngồi lại ở bờ bên này, trước tiên ẵm đứa nhỏ vượt qua đặt ở bờ bên kia, rồi trở lại đón đứa lớn. Đứa trẻ thấy mẹ liền bước vào nước hướng về phía mẹ, bị dòng nước lập tức cuốn trôi, mẹ đuổi theo cứu con, nhưng sức không thể cứu được, trong chốc lát đứa trẻ đã chết chìm trong dòng nước. Trở lại nơi đứa nhỏ thì lang sói đã đến ăn thịt rồi, chỉ thấy máu me giây đầy trên đất. Người mẹ lúc ấy ngất lịm rất lâu mới tỉnh lại, liền tiến lên đi về phía trước gặp một Phạm Chí, là bạn thân của cha mình, bèn bày tỏ với Phạm Chí những nỗi cay đắng đã trải qua. Phạm Chí xót thương cùng rướm lệ chia xẻ. Lại hỏi thăm trong gia đình cha mẹ bình an hay không? Phạm Chí đáp rằng: Cha mẹ và quyến thuộc lớn nhỏ gần đây bị hỏa hoạn nên chết hết trong một lúc. Nghe tin buồn phiền chết ngất mà tỉnh lại. Phạm Chí mang về cung cấp nuôi dưỡng như con gái. Sau lại đi lấy chồng thân mang thai sắp sinh, chồng ra ngoài uống rượu tối ngày mới trở về, vợ trong đêm tối đóng cửa ngồi một mình ở nhà, chốc lát vợ sinh con. Chồng ở ngoài cửa gọi vợ, nhưng vợ sinh chưa xong, không có người đến mở cửa. Chồng phá cửa đi vào nắm lấy vợ đánh đập, vợ trình bày rõ ý đanh sinh đẻ, chồng giận dữ cho nên lập tức đem đứa trẻ giết chết, lấy bỏ nấu chín ép buộc vợ phải ăn. Vợ ăn thịt con mà trong lòng chua xót vô cùng, tự nghĩ mình bạc phước mới gặp phải người này, liền bỏ trốn đi đến nươc Ba-la-nại. Đến ngồi nghỉ dưới tán cây trong một khu vườn, có vị Trưởng giả có vợ mới qua đời, ngày ngày đến trước phần mộ thương nhớ khóc lóc nỉ non. Trông thấy người phụ nữ này ngồi một mình dưới tán cây, bèn đến hỏi han, thế là trở thành chồng vợ, trải qua mấy ngày người chồng bỗng nhiên qua đời. Lúc ấy pháp luật của nước ấy quy định, nếu như lúc còn sống vợ chồng yêu thương nhau, thì lúc chồng chết chôn theo người vợ đang sống. Lúc ấy có bọn cướp đến mở phần mộ ấy, tướng cướp thấy cô vợ mặt mày đoan chánh, liền thu nhận làm vợ. Trải qua mấy tuần, chồng phá phần mộ của người ta bị chủ nhân giết chết, đồng bọn mang xác đến giao cho vợ của tướng cướp, lại chôn sống theo chồng. Trải qua ba ngày lang sói đào bới phần mộ, vì vậy được thoát ra, tự trách móc rằng: Xưa có tội lỗi gì mà trong mười

ngày gặp phải tai họa khốn khổ này, chết rồi sống lại, nay trở về nơi đâu để được giữ trọn mạng sống còn lại? Nghe Phật Thích Ca ở trong tinh xá Kỳ-hoàn, liền đến nơi Phật cầu xin cho được xuất gia. Bởi vì ở đời quá khứ bố thí cơm ăn cho vị Bích-chi-Phật, nhờ nguyện lực phát ra mà nay được gặp Phật để xuất gia tu đạo đạt đến quả vị A-la-hán, biết rõ nghiệp sát sinh của đời trước đã gây tạo lời thề độc địa mà rơi vào địa ngục, hiện tại nhận chụi ác báo chua xót này không có ai thay thế được cho mình! Vi Diệu tự nói: Vợ lớn xưa kia nay chính là thân tôi, tuy đạt được quả vị A-la-hán, nhưng luôn luôn bị kim sắt nóng đi vào từ trên đỉnh đầu mà đi ra ở dưới chân, tai họa này ngày đêm không thể nào chịu đựng nổi, tai họa như vậy cuối cùng không thể hư hoại".

Lại trong kinh Cựu Thí Dụ nói: "Thời Phật tại thế, có một họ lớn thường thích làm phước bố thí, sau sinh được một bé trai, không có tay chân, hình hài thân thể giống như con cá, tên gọi là Ngư Thân. Cha mẹ qua đời nên cậu bé tiếp tục duy trì gia nghiệp, nằm ngủ trong nhà nhưng người ta không ai trông thấy. Lúc ấy có Lực sĩ xưa nay làm đầu bếp nấu ăn cho nhà vua, mà bụng dạ thường đói ăn thiếu thôn, một mình kéo mười sáu xe củi đi bán để tự cung cấp cho mình, mà thân lại luôn luôn không đầy đủ. Ngư Thân mời qua lại gặp nhau chỉ rõ hình hài thân thể của mình. Lực sĩ tự suy nghĩ: Sức mình quả là như vậy, mà chẳng bằng người không có tay chân. Thế là đi đến chỗ Phật thưa hỏi điều thắc mắc ấy. Đức Phật bảo rằng: Xưa ở thời Phật Ca-diếp, Ngư Thân và vị vua này cùng dâng cơm cúng Phật, lúc ấy ông nghèo túng giúp đỡ xúi giục họ, Ngư Thân đã chuẩn bị đầy đủ cùng nhà vua tiến hành, mà nói vơi nhà vua rằng: Hôm nay có việc không thể đi cùng được, nếu đi thì không khác gì chặt đứt tay chân tôi. Người đi lúc ấy nay chính là nhà vua, người nói không đi nay chính là Ngư Thân, người giúp đỡ lúc ấy nay chính là thân ông vậy. Lực sĩ hiểu ý, liền làm Sa môn, đạt được quả vị A-la-hán".

Lại trong kinh Bách Duyên nói: "Thời Phật tại thế, trong thành Xá Vệ có một Trưởng giả, tiền của châu báu vô lượng không thể tính được. Người vợ Trưởng giả sinh được một bé trai nhưng không có tay. Sinh ra thì có thể nói được, phát ra lời nói rằng: Nay tay này thì thật là khó có được, thật là đáng quý làm sao! Cha mẹ cảm thấy lạ lùng, nhân đó đặt tên gọi cho con là Ngột Thủ. Tuổi dần trưởng thành, gặp Phật nghe pháp đạt được quả vị Tu-đà-hoàn, cầu xin Đức Phật được xuất gia. Đức Phật bảo rằng hãy cố gắng, thì râu tóc tự nhiên rơi rụng, pháp phục mang trên thân, liền trở thành Sa môn, tinh cần tu tập đạt được

quả vị A-la-hán, chư Thiên và người thế gian trông thấy đều tôn kính ngưỡng mộ. Lúc ấy các Tỳ kheo thỉnh cầu Đức Phật giảng giải về nhân duyên vốn có. Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Trong kiếp Hiền này vào thời Phật Ca-diếp, có hai Tỳ kheo, một người là La hán, một người là phàm phu, làm thầy thuyết pháp. Lúc ấy dân chúng tranh nhau cùng thỉnh mời, thường dẫn theo Pháp sư nhận lời đàn việt thỉnh cầu. Sau đó vào một ngày Pháp sư không có mặt, dẫn theo người khác cùng đi, giận dữ mắng rằng: Ta thường vì ông cung cấp sử dụng, nay dẫn theo người khác cùng đi, từ nay trở đi nếu lại vì ông cung cấp sự dụng thì khiến cho ta không có tay. Nói lời này xong, tất cả đều tự từ chối rút lui, dừng lại không đi cùng với nhau. Vì nghiệp duyên này, trong năm trăm đời nhận chịu quả báo này. Vì vậy nói to rằng: Nay tay này thì thật là khó có được. Bởi vì lúc ấy cung cấp giúp đỡ Thánh nhân, cho nên nay được gặp Ta mà xuất gia đắc đạo. Các Tỳ kheo nghe xong hoan hỷ vâng lời thực hành".

Lại trong kinh Bách Duyên nói: "Thời Phật an trú trong tinh xá Trúc Lâm ở Ca-lan đà thuộc thành Vương xá, lúc ấy Tôn giả Na-la-đạt-đa mang y ôm bát đi vào thành khất thực rồi trở về lại trú xứ của mình, từ xa trông thấy tinh xá Kỳ-hoàn đỏ như màu máu, cảm thấy quái lạ cho nên liền đi đến xem sao. Thấy một ngạ quỷ gầy gò chỉ còn da bọc xương, một ngày một đêm sinh ra năm trăm người con, gầy ốm kém cỏi sức lực không có là bao. Lúc đang sinh đẻ mê loạn ngất đi như chết, tay chân rời ra từng đoạn, cuối cùng bị sự đói khát bức bách quá đỗi, cứ sinh ra là ăn thịt mà rốt cuộn không no đủ chút nào. Lúc ấy Na-la-đạt-đa liền đi đến hỏi rằng: Người tạo nghiệp gì mà nay chịu báo ứng này? Ngạ quỷ đáp rằng: Nay thầy có thể tự mình thưa hỏi Đức Phật, Ngài sẽ giải thích cho thầy biết. Lúc ấy Na-la-đạt-đa liền đi đến chỗ Phật, thưa hỏi đầy đủ về quả báo này. Đức Phật bảo với Na-la-đạt-đa rằng: Trong kiếp Hiền này ở nước Ba-la-nại có một Trưởng giả, vàng bạc châu báu nô tỳ tôi tớ voi ngựa trâu dê nhiều không kể xiết, chỉ có một phu nhân mà không có con trai nối dõi, cúng bái cầu xin thần linh mong ước cho có một đứa con, mà rốt cuộc không thể có được. Lúc ấy Trưởng giả kia bèn tiếp tục lấy con gái của người trong họ, không bao lâu thì cảm thấy có thai. Phu nhân lớn ấy thấy cô vợ bé có thai, thì sinh lòng ganh ghét, bí mật cho uống thuốc độc để làm thai kia hư hoại. Chị em quyến thuộc liền đến nơi ấy, cùng với người vợ lớn kia quyết đấu tranh tới cùng, thế là dùng gậy đánh nhau hỏi rõ sự việc thật hư thế nào. Người vợ lớn ầy chỉ muốn nói sự thật nhưng sợ bà con treo cổ giết chết mình, chì vì trái đạo

nên đau khổ không thể nói, bị bức bách quá mức mà phát ra lời nguyện rằng: Nếu tôi thật sự làm hư thai của cô, thì khiến tôi chết đi sanh vào trong ngạ quỷ, một ngày một đêm sinh ra năm trăm người con, sinh rồi liền ăn rốt cuộc không thể no đủ được. Nói lời thề này xong thì lập tức tha cho đi. Đức Phật bảo với Na-la-đạt-đa rằng: Cần phải biết người vợ lớn lúc ấy nay chính là ngạ quỷ ấy vật. Lúc Đức Phật giải thích điều này xong, các Tỳ kheo đều bỏ tâm ác đạt được bốn Sa môn, có người phát tâm bồ đề vô thượng, tất cả đều hoan hỷ vâng lời tu hành tinh tiến".

Lại trong kinh Pháp Cú Dụ nói: "Vua Lưu Ly tiếp nhận mưu kế gian trá của những nịnh thần như A tát đà..., bước lên Đại điện liền đem quân đến Kỳ-hoàn, không thể trở về cung, cùng với quan lại liên tục đánh nhau. Vua và phu nhân trong đêm đi đến vào thành Vương xá, trong nước nói gặp nạn đói ăn rễ lau lách, phình bụng mà chết. Thế là vua Lưu Ly rút kiếm đi vào Đông cung chém chết Huynh Kỳ. Kỳ biết vô thường nên tâm không hề sợ hãi, mạng sống chưa dứt, tự nhiên giữa hư không phát ra âm nhạc nghênh đón linh hồn thần thức ấy. Vua Lưu Ly lại vì chém giết dòng họ Thích, trong Phật Ký và Thái Sử Ký, ghi là sau bảy ngày sẽ bị lửa địa ngục thiêu chết".

Lại trong luận Nhập Đại thừa nói: "Bồ-tát Kiên Ý thuyết kệ rằng:

Tội lỗi phỉ báng pháp Đại thừa,
Quyết định hướng đến đường xấu ác,
Lửa dữ thiêu đốt khổ đau,
Nghiệp báo tội lỗi tin như vậy.
Nếu như từ địa ngục thoát ra,
Lại nhận chịu ác báo còn lại,
Các căn thường thiếu sót xấu tệ,
Vĩnh viễn không được nghe pháp âm.
Giả sử có nghe được giáo pháp,
Lại sinh tâm phỉ báng chánh pháp,
Vì nhân duyên phỉ báng chánh pháp,
Vẫn rơi vào địa ngục khổ đau.

Chúng sanh phỉ báng chánh pháp, nghe giải thích như vậy nên ở trong pháp Đại thừa liền sinh tâm nghi ngờ như Tôn giả Đề Bà đã thuyết kệ:

Người phước thiện ít ỏi,
Không sinh tâm nghi ngờ,
Người luôn sinh nghi ngờ,

Ắt phá tan quả báo".

Trong kinh Đại bi Phân Đà Lợi có kệ rằng:

"Chúng sinh vì sinh lão bệnh tử,
Chìm đắm trong biển khơi ác nhiễm,
Ở tại lao ngục của Tam giới,
Các khổ đau luôn luôn trói buộc.
Uống máu độc làm hại lẫn nhau,
Từ vô thỉ bị lửa thiêu đốt,
Si mê mù quáng mất nẻo thiện,
Không thể nào thấy được đường ngay.
Sinh tử ngu dại đầy tăm tối,
Đều do chấp trước thấy tà vạy,
Xoay chuyển qua lại trong năm đường,
Ví như bánh xe luôn chuyển động".

***Thứ ba-* PHỈ BÁNG**

Như kinh Phát Giác Tịnh Tâm nói: "Lúc ấy có sáu mươi Bồ-tát mới phát tâm, cùng đến nơi Phật, năm vóc sát đất lạy dưới chân Phật rồi, ở dưới đất không đứng dậy mà đau xót khóc lóc nước mắt tuôn trào, hướng về Đức Phật chắp tay thưa lời như vậy: Lành thay Đức Thế tôn! Nghiệp chướng chúng con nguyện giảng giải phân biệt, khiến cho hạng chúng con tự thanh tịnh tâm tư đừng tiếp tục tạo ra nữa! Đức Phật bảo với các Bồ-tát ấy rằng: Này những người thiện nam! Đời quá khứ các ông ở trong giáo pháp của Câu Lưu Tôn Như lai mà xuất gia học đạo. Đã xuất gia rồi trú vào cấm giới mà phóng túng đối với cấm giới, trú vào đa văn mà phóng túng đối với đa văn, trú vào công đức Đầu đà thảy đều làm cho sút kém. Lúc ấy có hai Tỳ kheo Pháp sư, các ông đối với họ mà phỉ báng dâm dục; vì nhân duyên nhiều lợi dưỡng danh tiếng, đối với nhà thí chủ thân hữu của họ sinh ra ganh ghét tham lam. Đối với những đàn việt thân hữu của hai Pháp sư, các ông lại phá hoại làm cho ly tán, hủy nhục sai trái làm cho sinh tâm nghi hoặc, không sinh tín tâm, tin không đầy đủ, nói điều không tốt. Lúc ấy tất cả chúng sinh của hai Pháp sư, sinh tâm kính tín tùy thuận các ông, khiến cho bọn đoạn mất những thiện căn, gây ra bao chứng ngại. Các ông vì nghiệp này làm cho chướng ngại, vì thế ở trong sáu ngàn hai trăm ngàn năm, rơi vào Địa địa ngục A tỳ. Lại ở trong bốn vạn năm rơi vào địa ngục Hoạt. Lại ở trong hai vạn năm rơi vào địa ngục Hắc thằng. Lại ở trong tám trăm ngàn năm rơi vào địa ngục Nhiệt. Lại ở nơi đó bỏ mạng rồi, sau

trở lại được làm thân người, ở trong năm trăm đời sinh ra đui mù không có mắt. Bởi vì nghiệp chướng cho nên ở nơi sinh ra, tất cả đều ám độn quên mất tâm vốn có, thiện căn bịt kín uy lực ít ỏi, mọi người đều rời bỏ, thường bị ức hiếp trở thành người xấu xa khó gần, phỉ báng mọi điều xấu tốt, thường sinh ở biên địa nghèo hèn, trong gia đình thấp kém thô tục, ít lợi dưỡng ít danh tiếng, không được người khác cung kính cúng dường, cũng không được tôn trọng, mọi người đều chán ghét, chẳng ai thích gần gũi. Các ông từ đây xả bỏ thân mạng rồi, về sau trong năm trăm năm vào lúc chánh pháp diệt đi, lại sinh vào gia đình thấp kém hèn mọn trong dòng họ tầm thường, sống giữa những người ác nơi đất nước tệ hại, bị người khác phỉ báng, quên mất tâm niệm ban đầu, mà đối với thiện căn thường có những chướng ngại, cho dù tạm thời gặp được ánh sáng nhưng vẫn bị tối tăm che phủ. Các ông vào sau năm trăm ấy, tất cả nghiệp chướng bấy giờ mới diệt hết, sau đó được sinh về thế giới Cực lạc của Phật A-di-đà, lúc ấy Đức Phật mới thọ ký cho các ông thành tựu quả vị A Nậu Bồ Đề.

Lúc bấy giờ 600 Bồ-tát đã nghe như vậy rồi, đặt tay lên ngực tuôn nước mắt kinh hãi sởn gai ốc, mà lên tiếng thưa rằng: Chúng con từ nay sinh tâm nóng giận sai lầm mà tạo thêm nghiệp chướng, thì hôm nay chúng con ở trước Đức Thế tôn thảy đều sám hối, ở nơi Đức Thế tôn lập nên thệ nguyện to lớn, ở tất cả mọi nơi không dấy lên những sai sót! Bấy giờ Đức Thế tôn khen ngợi sáu mươi Bồ-tát ấy rằng: Các ông gợi mở phát khởi thiện tâm thực hiện nguyện hạnh này, sẽ không còn tất cả nghiệp chướng, sẽ đạt được thiện căn thanh tịnh. Bấy giờ Đức Thế tôn bèn thuyết kệ rằng:

Đừng đối với người thấy sai lầm của họ,
Đừng nói đến chuyện đúng sai của người khác,
Không vướng bận đời sống thanh tịnh của người,
Những lời nói tệ hại cần phải rời bỏ.
Xa rời nơi đông người ồn ào náo loạn,
Tỳ kheo không phép tắc đừng gần gũi họ,
Nên tu tập vắng lặng như Phật khen ngợi,
Không tham lợi dưỡng cho nên được Niết-bàn".

Lại trong kinh Niết-bàn nói: "Thời Phật tại thế, trong thành Chiêm Ba có Đại Trưởng giả không có con thừa tự, cùng thờ kính Lục sư thỉnh cầu con trai nối dõi, sau đó không lâu thì người vợ mang thai. Trưởng giả biết rồi đi đến chỗ Lục sư hỏi rằng: Là con trai hay là con gái? Lục sư đáp rằng: Sinh ra chắc chắn là con gái. Trưởng giả buồn phiền vô

cùng. Lại có người hiểu biết, nói với Trưởng giả rằng: Trước đây không nghe anh em Ưu lâu Ca-diếp là đệ tử của ai. Lục sư nếu như là Nhất Thiết Trí, thì tại sao Ca-diếp bỏ mà theo Phật?

Vả lại, Xá-lợi-phất - Mục-kiền-liên và Vua Tần Bà-sa-la, cùng phu nhân các nhà vua và Mạt Lợi phu nhân, Đại Trưởng giả các nước như Tu Đạt..., những người như vậy đều là đệ tử của Phật. Như lai Thế tôn đối với tất cả các pháp đều thấy biết không ngăn ngại, cho nên tôn xưng là Phật. Nay Ngài an trú gần nơi này, nếu muốn biết chính xác thì nên đến chỗ Phật! Lúc bấy giờ Trưởng giả lập tức đi đến chỗ Phật đem sự việc thưa hỏi Đức Phật. Đức Phật bảo rằng: Này Trưởng giả! Vợ ông mang thai là con trai chứ không nghi ngờ gì, đứa bé này có phước đức không ai sánh bằng. Trưởng giả hoan hỷ vô cùng, vì thế Lục sư sinh tâm ganh ghét, lấy quả Am la trộn lẫn với thuốc độc, mang đến đưa cho Trưởng giả và nói rằng: Vợ ông đến thàng sinh nở nên uống vị thuốc này, thì đứa bé đoan chánh và mẹ sinh nở không có gì lo lắng. Trưởng giả nhận lấy rồi đưa cho vợ bảo uống, uống rồi liền chết. Lục sư hoan hỷ đi khắp thành thị nói to rằng: Sa môn Cù Đàm nói vợ của Trưởng giả ấy sẽ sinh con trai, nay đứa bé chưa sinh mà mẹ đã mất mạng. Lúc bấy giờ Trưởng giả lại đối với Ta đã sinh tâm không tin tưởng, liền tẩm liệm mang quan tài hỏa táng. Ta thấy sự việc này muốn đi đến phá tan sự tà vạy, Lục sư từ xa trông thấy Phật đi đến nên tất cả nói với nhau rằng: Sa môn Cù Đàm đến nơi phần mộ này muốn ăn thịt ư? Người chưa đạt được pháp nhẫn đều cảm thấy trong lòng xấu hổ sợ hãi, bèn thưa với Đức Phật rằng: Vợ cũng Trưởng giả đã chết mong Thế tôn không cần phải đến đó. Bấy giờ A-nan nói với mọi người rằng: Hãy chờ một lát, không lâu nữa Như lai sẽ mở rộng nói rõ về cảnh giới chư Phật. Đức Phật đến chỗ Trưởng giả, Trưởng giả chất vấn rằng: Lời nói không khác nhau, mẹ và con đã qua đời sao nói là sinh con? Ta nói: Này Trưởng giả, vào lúc bấy giờ ông cũng không hỏi gì đến mạng sống của người mẹ dài ngắn, mà chỉ hỏi mang thai là con trai hay là con gái. Chư Phật Như lai mở lời nói không sai khác, vì vậy nên biết chắc chắn là có được con trai. Lúc ấy tử thi đang hỏa thiêu nên phần bụng nức ra, đứa trẻ từ bên trong xuất hiện, ngồi trang nghiêm giữa ngọn lửa như đài hoa sen. Lục sư thấy rồi nói là huyễn thuật. Trưởng giả thấy mà vui mừng liền trách mắng Lục sư: Nếu nói là huyễn thuật thì tại sao các ông không làm? Ta vào lúc bấy giờ bảo với Kỳ Bà: Ông đi đến giữa ngọn lửa ẵm đứa bé này lại đây! Kỳ Bà tiến tới đi vào ngọn lửa, giống như đi vào dòng sông lớn mát lạnh, ẵm đứa bé này trở lại, Ta nhận đứa bé rồi bảo với Trưởng

giả rằng: Tất cả chúng sanh đều có thọ mạng không nhất định, như bong bóng trên mặt nước, chúng sanh nếu có quả báo nghiệp nặng, thì lửa và chất độc hoàn toàn không thể nào làm hại được. Chẳng phải Ta làm ra, mà chính là đứa bé sinh ra từ giữa ngọn lửa dữ, lửa gọi là Thọ Đề, vì vậy đặt tên là Thọ Đề”.

Lại trong kinh Hiền Ngu nói: “Lúc bấy giờ trong nước Xá vệ có một Bà-la-môn, tên là Sư Chất, gia đình rất giàu nhưng không có con trai nối dõi, đến nơi Lục sư hỏi về nhân duyên ấy. Lục sư đáp rằng: Tướng ông không có con. Vợ chồng buồn phiền đau khổ, đi đến hỏi Đức Thế tôn. Đức Thế tôn bảo rằng: Ông sẽ có con, phước đức đầy đủ đến khi trưởng thành sẽ xuất gia. Sư Chất nghe nói vô cùng vui mừng, mà phát ra lời nói rằng: Chỉ khiến cho có con thì học đạo đâu có gì là khổ! Nhân đó thỉnh Phật và Tăng ngày mai đến nhà dùng cơm. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn mặc nhiên nhận lời. Ngày mai đến giờ Phật và chúng Tăng đi đến nhà ấy, dùng cơm xong trở về, đường đi qua một đầm nước, dòng nước trong mát sạch sẽ, Đức Phật cùng các Tỳ kheo liền dừng lại nghỉ ngơi. Lúc ấy các Tỳ kheo đều tự sửa sạch bình bát của mình. Có một con khỉ đi theo A-nan cầu xin bình bát ấy, A-nan sợ rằng sẽ làm vỡ nên không muốn đưa. Đức Phật bảo với A-nan: Mau đưa cho nó chớ lo lắng! Vâng theo lời dạy liền đưa bình bát cho con khỉ. Con khỉ có được bình bát, mang đến bọng mật chứa mật đầy bát, đem dâng lên Đức Phật. Đức Phật bảo rằng: Hãy bỏ đi những vật không sạch trong đó. Con khỉ lập tức nhặt bỏ trùng ong làm cho thật sạch sẽ. Đức Phật liền bảo rằng: Lấy nước hòa vào. Như lời dạy lấy nước hòa vào xong rồi dâng lên Đức Thế tôn. Đức Thế tôn nhận rồi phân chia cho tất cả chúng tăng, mọi người cùng uống, ai cũng có phần. Con khỉ hoan hỷ nhảy nhót múa may thật là phấn khởi, bất chợt rơi vào trong hố sâu lập tức mạng chung, linh hồn trở về đầu thai vào nhà Sư Chất, vợ Sư Chất liền cảm thấy có thai. Ngày tháng đã đủ sinh ra một bé trai, đoan chánh ít người sánh kịp. Lúc đang sinh thì đồ vật trong nhà tự nhiên chứa đầy mật ngọt, vợ chồng Sư Chất vui mừng không thể tả xiết, nói với các Tướng sư, các Tướng sư xem quẻ rất tốt; vì ngày mới sinh ra mà mật ngọt là điềm tốt lành, nhân đó đặt tên là Mật Thắng. Đứa bé đã trưởng thành, Từ biệt cha mẹ mà xuất gia đạt được quả vị A-la-hán, cùng với các Tỳ kheo du hóa khắp thế gian. Nếu lúc khát nước thì ném bình bát lên giữa hư không, tự nhiên chứa đầy mật ngọt, mọi người cùng uống đều được đầy đủ. A-nan thưa với Đức Phật: Có nhân duyên gì mà sanh trong loài khỉ? Đức Phật bảo với A-nan: Quá khứ xưa kia vào thời Phật Ca-diếp, có Tỳ kheo trẻ tuổi,

thấy Sa môn khác nhảy qua mương nước, bèn phát lời nói rằng: Người ấy nhanh nhẹn thành thạo giống như loài khỉ. Sa môn nói rằng: Ta chứng bốn quả mọi việc đã xong. Tỳ kheo trẻ tuổi nghe rồi toàn thân rởn gai ốc, rạp lạy sát đất cầu xin sám hối. Bởi vì hối hận về sai lầm của mình cho nên không rơi vào địa ngục. Bởi vì có biểu hiện nói xấu La hán, cho nên trong năm trăm đời luôn luôn làm loài khỉ. Nhờ trước kia xuất gia giữ gìn cấm giới cho nên nay được gặp Ta, tắm gội sạch sẽ hóa giải được tất cả các khổ đau".

***Thứ tư*- PHẦN TỊ CƠ** (tránh cơ hiềm).

Như trong luận Tát Bà Đa nói: "Tỳ-kheo-ni Cù Đàm Di là dì ruột của Phật, lúc đến thăm Đức Phật, lễ lạy xong không ngồi, bởi vì người nữ tôn kính thì khó mà tình ý thì nhiều, cho nên không ngồi. Lại không rộng rãi thuyết pháp cho Ni do không ngồi. Lại vì ngăn chặn sự phỉ báng cho nên không ngồi. Nếu như ngồi nghe pháp thì ngoại đạo sẽ nói: Sa môn Cù Đàm lúc ở Vương cung, cho phép các cung phi mỹ nữ cùng ở một chỗ, ngày nay xuất gia cùng với xưa kia không khác. Muốn trừ diệt những sự cơ hiềm tệ hại như vậy, vì thế mà không ngồi".

Lại trong kinh Đại thừa Phương Tiện nói: "Lúc bấy giờ Tôn giả A-nan thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn! Sáng sớm hôm nay con đi vào thành Xá vệ theo thứ tự khất thực, thấy Bồ-tát Chúng Vương và một người nữ cùng ngồi chung một chỗ. A-nan trình bày lời này xong, lập tức mặt đất vang lên sáu thứ chấn động. Bồ-tát Chúng Tôn Vương, ở giữa đại chúng vút lên cao giữa hư không, cao bằng một cây Đa la, nói với A-nan rằng: Tôn giả ơi có người nào phạm tội mà có năng lực đứng giữa hư không vậy chăng? Có thể đem sự việc này thưa hỏi với Đức Thế tôn, sao nói là tội pháp, sao nói là phi pháp? Bấy giờ A-nan rầu rỉ hướng về Đức Phật hối hận vì sai lầm của mình: Đại Long như vậy mà con nói là phạm tội, con cầu mong sửa chữa sai lầm ấy. Thưa Đức Thế tôn! Nay con hối hận vì sai lầm của mình, chỉ nguyện cầu tha thứ cho con! Đức Phật bảo với A-nan: Ông không nên đối với Đại sĩ Đại thừa tìm hiểu xoi mói lỗi lầm của họ. Này A-nan, các ông là người Thanh Văn, ở nơi ngăn ngại thực hành Tịch diệt định, không có gì gây khó dễ đoạn trừ tất cả các phiền não, Bồ-tát thành tựu tâm Nhất Thiết Trí, tuy ở trong cung cùng nhau vui vẻ với cung phi mỹ nữ, mà không dấy khởi ma sự và những điều gây khó dễ, vẫn đạt được Bồ đề. Đức Phật bảo với A-nan: Người nữ ấy, ở trong năm trăm đời quá khứ làm vợ của Bồ-tát Chúng Tôn Vương, người nữ ấy vì tập khí vốn có cho nên trông thấy

thì sinh tâm ái trước ràng buộc không bỏ, nếu Bồ-tát Chúng Tôn Vương có thể cho mình cùng ngồi một chỗ, thì mình sẽ phát tâm A nậu Bồ đề. Lúc bấy giờ Bồ-tát biết ý nghĩ tâm người nữ ấy, liền đi vào nhà đó, lập tức tư duy:" Pháp môn như vậy, như Địa đại bên trong, như Địa đại bên ngoài, là tâm của một Đại địa. Thế là nắm tay của người nữ cùng ngồi chung một chỗ, sau đó trên chỗ ngồi mà nói kệ rằng:

Như lai không hề khen ngợi,
Sự hành dục của phàm phu,
Xa lìa tham dục - ái nhiễm,
Mới thành bậc thầy Trời - người.

Lúc ấy người nữ kia nghe kệ này xong, tâm vô cùng hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy hướng về Bồ-tát Chúng Tôn Vương, cung kính lạy sát chân, nói bài kệ rằng:

Tôi không tham đắm ái dục,
Tham dục bị Phật quở trách,
Xa lìa tham dục - ái nhiễm,
Mới thành bậc thầy Trời - người.

Nói kệ này xong, trước đây vì mình đã sinh tâm ái dục xấu xa, nay nên hối hận về sai lầm của mình mà phát tâm bồ đề, nguyện cầu lợi ích cho tất cả chúng sinh. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn thọ ký cho người nữ ấy, từ đây mạng chung được chuyển thân nữ, sẽ trở thành thân nam, vào đời đường lai được thành tựu quả Phật, có danh hiệu là Vô Cấu Phiền Não.

Này người thiện nam, Ta nhớ quá khứ A-tăng-kỳ hiếp, lại vượt quá số này, lúc ấy có Phạm Chí tên gọi là Thọ Đề, vào năm bốn hai ức tuổi ở trong rừng vắng lặng thường tu tập phạm hạnh. Lúc ấy Phạm Chí vượt qua số tuổi này rồi, từ trong rừng đi ra, tiến vào thành Cực lạc, gặp một người nữ. Lúc ấy người nữ trông thấy Phạm Chí này có nghi dung đoan nghiêm, liền dấy khởi tâm dục tìm đến chỗ Phạm Chí, dùng tay giữ lấy thì lập tức ngã nhào xuống đất. Lúc bấy giờ Phạm Chí bảo với người nữ rằng: Chị cầu mong điều gì? Người nữ nói: Tôi cầu mong Phạm Chí. Phạm Chí nói: Tôi không hành dục. Người nữ nói: Nếu không thuận theo tôi, thì bây giờ tôi sẽ chết. Lúc bấy giờ Phạm Chí tư duy như vậy: Đây không phải là pháp của mình cũng không phải là thời của mình, mình vào năm bốn hai ức tuổi tu tập phạm hạnh thanh tịnh, tại sao giờ đây mà chấp nhận bị hủy hoại? Lúc ấy Phạm Chí cương quyết tự mình giải quyết bằng cách rời xa được bảy bước, rời xa bảy bước rồi sinh tâm thương xót, tư duy như vậy. Tuy mình phạm giới đọa vào đường ác, mà

mình có thể chịu đựng được nỗi khổ của địa ngục, nay mình không đành lòng thấy người nữ này chịu sự khổ não như vậy, không thể để người nữ này vì mình mà dẫn đến cái chết. Lúc bấy giờ Phạm Chí quay trở lại nơi người nữ, dùng tay phải nắm lấy và nói lời như vậy: Chị đứng dậy tùy ý ham muốn của chị. Bấy giờ Phạm Chí ở trong mười hai năm cùng làm thành gia đình, qua mười hai năm rồi thì lại xuất gia, lập tức vẫn có đủ bốn tâm Vô Lượng, đầy đủ rồi mạng chung sinh trong cõi Phạm Thiên.

Phạm Chí lúc bấy giờ nay chính là Thân Ta, người nữ lúc ấy nay chính Cù Di. Ta vào lúc bấy giờ vì người nữ ấy ham muốn mà tạm thời dấy khởi tâm Bi, thì có thể vượt qua nỗi khổ sanh tử của trăm ngàn kiếp vậy".

Lại trong kinh Tuệ thượng Bồ-tát nói: "Xưa vào thời Phật Câu lâu tần, có một Tỳ kheo tên gọi là Vô Cấu, ở nơi hang đá gần biên giới quốc gia không màng đến thế gian xa hoa. Cách nơi đó không xa có năm vị Thần Tiên, có một người nữ đi đường gặp cơn mưa lớn nên vào hang đá của Tỳ kheo trú mưa, mưa tạnh thì ra đi. Lúc ấy năm vị Tiên trông thấy thì tất cả đều nói rằng: Tỳ kheo gian dâm bẩn thỉu. Vô Cấu nghe được, lập tức tự vút thân mình lên ở giữa hư không, cách mặt đất bốn trượng chín thước. Các vị Tiên trông thấy bay lượn ở giữa hư không, đều nói rằng: Như kinh điển chúng ta đã ghi nhận, người nhiễm dục trần thì không thể bay được. Thế là năm vóc sát đất cúi đầu tìm cách sửa đổi sai lầm. Giả sử Tỳ kheo không hiện bày thần thông biến hóa, thì năm vị Tiên ấy rơi vào địa ngục lớn. Tỳ kheo Vô Cấu lúc ấy nay chính là Bồ-tát Từ Thị ấy mà".

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 59

Thiên thứ 67: MƯU BÁNG (Phần hai).

***Thứ năm-* PHẦN TÚC CHƯỚNG**

Lược dẫn ra 10 duyên: 1. Duyên về Tô đà lợi báng Phật; 2. Duyên về Xa di bạt báng Phật; 3- Duyên về Phật mắc bệnh đau đầu; 4. Duyên về Phật mắc bệnh đau nhức khớp xương; 5. Duyên về Phật mắc bệnh đau lưng; 6. Duyên về Phật bị cây va đâm vào chân; 7. Duyên về Phật bị Đề-bà-đạt-đa ném đá chảy máu; 8. Duyên về Phật bị Bà-la-môn nữ Chiên Sa Vũ phỉ báng Phật; 9. Duyên về Phật ăn lúa mạch của ngựa; 10. Duyên về Phật chịu đựng khổ hạnh.

- Thứ nhất: Duyên về Tôn đà lợi báng Phật.

Như kinh Hưng Khởi Hạnh nói: "Như lai căn dặn năm trăm La hán, thường lấy ngày mười lăm hằng tháng tập trung lại để thuyết giới. Nhân đó Xá-lợi-phất thưa hỏi Đức Phật về mười điều. Xá-lợi-phất tự nhiên từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục chỉ để trần cánh tay phải - đầu gối phải quỳ sát đất hướng về Đức Phật, vòng tay thưa hỏi Đức Thế tôn rằng: Thưa Đức Thế tôn! Ngài là đấng vĩ đại không điều gì không thấy, không điều gì không nghe, không điều gì không biết, Thế tôn là bậc không có ai sánh được, mọi điều ác diệt hết, những điều thiện đầy đủ trọn vẹn, tất cả chúng sanh đều mong hóa độ. Nay Thế tôn cố tình hiện bày, có những nhân duyên còn lại, nguyện Đức Phật tự nhiên giải thích để cho Trời người được biết! Vì nhân duyên gì bị Tôn Đà Lợi báng bổ? Vì nhân duyên gì bị Xa Bạt Đế báng bổ? Vì nhân duyên gì Thế tôn tự nhiên mắc bệnh đau đầu? Vì nhân duyên gì Thế tôn tự nhiên mắc bệnh đau nhức khớp xương? Vì nhân duyên gì Thế tôn tự nhiên mắc bệnh đau lưng? Vì nhân duyên gì bị cây va đâm vào chân? Vì nhân duyên gì bị Điều Đạt ném đá chảy máu? Vì nhân duyên gì bị người nữ lắm mồm Vũ Vu giữa đại chúng mà phỉ báng? Vì nhân duyên gì ở tại ấp Tỳ Lan cùng với năm trăm Tỳ kheo ăn toàn lúa mạch của ngựa? Vì

nhân duyên gì tại vùng Uất Bí chịu khổ hạnh sáu năm?

Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Hãy trở lại chỗ ngồi, Ta sẽ vì ông mà nói nhân duyên trước kia. Xá-lợi-phất liền trở lại chỗ ngồi. Đại Long Vương A Nậu nghe Đức Phật sẽ giải thích, hoan hỷ phấn chấn liền vì Đức Phật làm ra tán che bằng bảy báu, giữa tán che rải xuống bột hương chiên đàn; vô số chư Thiên bát bộ khắp nơi đều đi đến nơi Đức Phật làm lễ mà đứng yên lặng lắng nghe. Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Quá khứ xưa kia trong thành Ba-la-nại có người biết nhiều trò chơi, tên là Tịnh Nhãn. Lúc ấy có dâm nữ, tên là Lộ Tướng, đoan chánh xinh đẹp vô cùng. Bấy giờ Tịnh Nhãn nói với Lộc Tướng rằng: Nên đến trong vườn cùng nhau vui chơi. Cô gái nói có thể được. Lộc Tướng liền trở về trang nghiêm áo quần, lúc ấy cùng sửa soạn xe ngựa đến vườn vui chơi trải qua ngày đêm. Tịnh Nhãn khởi lòng tham nên giết cô gái này để lấy áo quần. Lại nghĩ giết rồi nên giấu chỗ nào đây? Lúc ấy trong khu vườn này có vị Bích-chi-Phật, tên là Lạc Vô Vi, cách chỗ ấy không xa. Đợi sau khi vị ấy đi khất thực, chôn trong nhà ấy lấy áo mà đi, thì ai biết mình ở đâu. Nghĩ rồi đem người bị giết chôn xong san bằng đất như cũ, cưỡi xe mà đi, theo cổng khác đi vào thành. Bấy giờ Quốc vương tên gọi là Phạm Đạt, người trong nước không thấy Lộc Tướng, liền đến trình với Quốc vương. Vương triệu tập quần thần, tìm kiếm khắp thành nhưng không thấy, đi đến căn nhà nhỏ trong vườn tìm kiếm thì gặp xác chết, các quan nói với Vô Vi rằng: Đã làm điều bẩn thỉu tại sao giết chết? Vị Bích-chi-Phật im lặng không đáp. Ba lần hỏi như vậy nhưng không đáp, vị Bích-chi-Phật thì tay chân dính đầy đất. Đây vốn là nhân duyên đời trước. Các quan liền trở lại trói vị Bích-chi-Phật tra khảo hỏi tội. Thọ thần hiện ra cửa người nói với các quan rằng: Các ông đừng tra khảo người này. Các quan nói: Vì sao không tra khảo? Thọ thần nói: Người này không làm chuyện này, hoàn toàn không làm điều sai trái. Các quan tuy nghe nhưng không chịu nghe lời, bèn dẫn đến chỗ Vương. Vương nghe chuyện nên giận dữ, lệnh cho các quan lập tức trói vào con lừa đánh trống mang đi khắp nơi, đi ra cổng thành phía Nam mang đến dưới tán cây, dùng cái mâu đâm vào, xâu treo lên đầu cột, cuối cùng dùng súng mà bắn, nếu không chết thì lập tức đập vỡ đầu kẻ ấy. Các quan vâng lệnh thi hành, người trong nước đều cảm thấy kỳ quái, hoặc là tin hay không tin nhưng mọi người đều bị thương. Lúc ấy Tịnh Nhãn ở trong bức tường đổ, nấp nghe mọi người nói, trộm nhìn rồi đi theo, trông thấy rồi nghĩ rằng: Đạo nhân này chết oan. Nghĩ rồi chạy đến ở giữa mọi người kêu lên rằng: Quan lớn đừng giết oan người này, chính là tôi

giết đây, xin tha cho Đạo nhân mà trói tôi để trị tội. Các quan đều kinh ngạc nói rằng: Sao có thể nhận tội thay cho người khác? Lập tức cùng cởi trói cho Bích-chi-Phật, liền trói Tịnh Nhãn thay vào chỗ như trước. Các quan lớn đều cùng nhau hướng về vị Bích-chi-Phật làm lễ mà sám hối: Chúng tôi ngu si, vô cớ làm oan cho Đạo nhân, hãy đem lòng Đại Từ tha thứ cho tội lỗi chúng tôi đã phạm, đừng để cho đời sau phải nhận chịu tai ương nặng nề như vậy. Như vậy đến ba lần, Bích-chi-Phật không trả lời. Bích-chi-Phật nghĩ rằng không nên tiếp tục đi vào thành Ba-la-nại để khất thực, mình nên ở trước mọi người chọn lấy sự diệt độ mà thôi. Thế là ở trước mọi người vút cáo giữa hư không, ở trong hư không qua lại ngồi nằm đi đứng hiện bày mười tám loại thần biến: 1.Từ eo lưng trở xuống phát ra khói - từ eo lưng trở lên phát ra lửa. 2. Hoặc từ eo lưng trở xuống phát ra lửa, từ eo lưng trở lên phát ra khói. 3. Hoặc sườn bên trái phát ra khói, sườn bên phải phát ra lửa. 4. Hoặc sườn bên trái phát ra lửa, sườn bên phải phát ra khói. 5. Hoặc trước bụng phát ra khói , trên lưng phát ra lửa. 6. Hoặc trước bụng phát ra lửa - trên lưng phát ra khói. 7. Hoặc từ eo lưng trở xuống phát ra lửa- từ eo lưng trở lên tuôn nước. 8. Hoặc từ eo lưng trở xuống tuôn nước, từ eo lưng trở lên phát ra lửa. 9. Hoặc sườn bên trái tuôn nước, sườn bên phải phun lửa. 10. Hoặc sườn bên trái phun lửa, sườn bên phải tuôn nước. 11. Hoặc trước bụng tuôn nước, trên lưng phun lửa. 12. Hoặc trước bụng phun lửa, trên lưng tuôn nước. 13. Hoặc vai trái tuôn nước- vai phải phun lửa. 14. Hoặc vai trái phun lửa- vai phải tuôn nước. 15. Hoặc hai vai phun nước, hoặc hai vai phun lửa. 16. Hoặc toàn thân bốc khói. 17. Hoặc toàn thân phun lửa. 18- Hoặc toàn thân tuôn nước. Tức thì ở giữa hư không đốt thân hình mà diệt độ, thế là mọi người đều thương xót khóc than, hoặc có người sám hối, hoặc có người làm lễ lấy Xá-lợi ấy, ở tại ngã tư đường dựng lên tháp thờ. Các quan liền dẫn Tịnh Nhãn đến chỗ Vương, tay chân lại bám lấy đất. Vương giận dữ y như trước mà giết.

Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Tịnh Nhãn lúc bấy giờ nay chính là thân Ta. Cô gái Lộc Tướng lúc ấy nay chính là Tôn Đà Lợi. Quốc vương Pạm Đạt lúc bấy giờ nay chính là Chấp Trượng họ Thích. Ta vào lúc bấy giờ bởi vì giết Lộc Tướng làm oan cho Bích-chi-Phật, bởi vì nhân duyên tôi lỗi này, vô số ngàn năm đọa vào địa ngục, vô số ngàn năm đọa vào súc sanh, vô số ngàn năm đọa vào trong ngạ quỷ. Tai ương còn lại lúc bấy giờ đến nay tuy làm Phật mà vẫn gặp phải sự báng bổ này”.

- Thứ hai: Duyên về Xa di bạt báng Phật.

Trong kinh Hưng Khởi Hạnh nói: “Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất:

Chín mươi kiếp lâu xa thời quá khứ, lúc ấy có vị vua tên gọi là Thiện Thuyết Sở Tạo. Có một Bà-la-môn tên gọi Diên Như Đạt, ham học hiểu biết nhiều, thường ngày dạy dỗ năm trăm trẻ nhỏ con nhà dòng dõi cao quý. Lại có một Bà-la-môn tên gọi là Phạm Thiên, giàu có tiền của rất nhiều, người vợ tên gọi Tịnh Âm, dung mạo xinh đẹp bậc nhất, tánh hạnh hòa hài thuận thảo không có tâm ganh tỵ ghen ghét. Diên Như Đạt có Phạm Thiên làm đàn việt, vợ Phạm Thiên là Tịnh Âm cùng chồng cúng dường Diên Như Đạt đầy đủ không thiếu gì. Có một Bích-chi-Phật, tên gọi là Thọ Học, đi vào trong thành khất thực, tình cờ đến nhà Phạm Thiên, Tịnh Âm thấy Bích-chi-Phật áo quần chỉnh tề bước đi chậm rãi khoan thai, nên trong lòng rất hoan hỷ, bèn xin cúng dường từ nay trở đi thường nhận lời thỉnh cầu của mình, liền lấy cơm thơm đầy bát trao cho. Bích-chi-Phật nhận rồi vút lên hư không xoay tròn 7 vòng rồi bay trở về. Lúc ấy người trong thành trông thấy sự thần biến như vậy, nên cả nước hoan hỷ cúng dường không biết chán. Tịnh Âm cúng dường Bích-chi-Phật ngày càng nhiều, hầu hạ Diên Như Đạt thì ít đi, vì thế Diên Như Đạt liền sinh lòng ganh ghét, phỉ báng rằng: Đạo nhân này thật sự không có tài đức mà làm điều bất tịnh. Liền nói với năm trăm đệ tử rằng: Đạo nhân này phạm giới không tinh tiến tu hành. Các trẻ nhỏ đều về nhà loan truyền cho biết rằng: Đạo nhân này không có đức hạnh thanh tịnh, cùng với Tịnh Âm thông đồng với nhau. Người trong nươc đều nghi ngờ, thần thông biến hóa như vậy mà có tiếng tăm bẩn thỉu vậy? Tai tiếng sai lạc trải qua bảy năm mới chấm dứt. Sau đó Bích-chi-Phật hiện bày mười tám loại biến hóa chọn lấy sự diệt độ, mọi người mới biết Diên Như Đạt vu cáo điều cho Bích-chi-Phật mà thôi.

Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Diên Như Đạt lúc bấy giờ nay chính là thân Ta. Phạm Thiên lúc bấy giờ nay chính là Ưu Điền Vương Tịnh Âm lúc bấy giờ nay chính là Xa di bạt. năm trăm trẻ nhỏ lúc bấy giờ nay chính là năm trăm La hán. Đức Phật nói cho Xá-lợi-phất biết: Ta ở lúc bấy giờ bởi vì cùng được cúng dường cho nên sinh lòng ganh ghét, cùng với các ông đã phỉ báng Bích-chi-Phật. Vì nhân duyên này cùng rơi vào địa ngục, vạc nóng đun nấu vô số ngàn năm, do tai ương còn lại này, nay tuy thành Phật mà xưa kia gieo nhân cho các ông nên có sự phỉ báng của Xa Di Bạt như vậy”.

- Thứ ba: Duyên về Phật mắc bệnh đau đầu.

Trong kinh Hưng Khởi Hạnh nói: “Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Thời lâu xa trong quá khứ, ở trong thành La Duyệt, lúc ấy thế gian thóc lúa đắt đỏ đói kém khốn khổ cùng cực, mọi người đều nhặt lấy xương

khô để nấu làm nước uống, đào rễ các loại cỏ để duy trì mạng sống nhỏ nhoi, dùng một thăng vàng để đổi lấy một thăng thóc sống cầm hơi. Lúc bấy giờ thành La Duyệt Kỳ có thôn lớn mấy trăm gia đình sinh sống, tên gọi là Chi Việt, phía Đông thôn không xa có hồ nước tên gọi là Đa Ngư. Người trong thôn Chi Việt đem vợ con đến hồ Đa Ngư bắt cá để ăn. Bắt cá đặt trên bờ nằm trên đất mà nhảy, Ta vào lúc bấy giờ là trẻ con, vừa được bốn tuổi, thấy cá nhảy mà vui. Lúc ấy trong hồ có hai loại cá, một loại tên là Phu, một loại tên là Đa Thiệt. Cá trong hồ này tự nói với nhau rằng: Chúng ta không phạm lỗi mà người hung ác đến giết hại chúng ta, đời sau sẽ đền trả báo ứng.

Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Người lớn nhỏ trai gái trong thôn Chi Việt lúc bấy giờ nay chính là những người dòng họ Thích trong thành Ca Tỳ La Vệ. Đứa trẻ lúc bấy giờ nay chính là Thân ta. Loài cá Phu lúc bấy giờ nay chính là nhà vua Tỳ lâu lặc. Loài cá Đa Thiệt lúc bấy giờ, nay chính là tướng sư Bà-la-môn tên gọi Ác Thiệt của nhà vua. Con cá nhảy lúc bấy giờ, Ta lấy gậy nhỏ đánh vào đầu cá. Vì nhân duyên này rơi vào trong địa ngục vô số ngàn năm. Nay tuy thành Phật nhưng do duyên này còn lại cho nên bị vua Tỳ lâu Lặc đánh dòng họ Thích, lúc ấy Ta bị đau đầu.

Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Lúc Ta mới đau đầu nói với A-nan rằng, lấy bình bát bốn đấu chứa đầy nước lạnh mang đến. A-nan như lời dạy mang đến, lấy tay lau mồ hôi trên trán, giọt xuống rơi vào trong nước, nước lập tức tiêu mất, giống như lửa nóng làm khô cạn. Suốt ngày cũng như nấu nồi to trống rỗng, mà nhỏ vào một giọt nước thì nước lập tức khô đi. Sức nóng của căn bệnh đau đầu thì trạng thái ấy như vậy, giả sử khiến chi hai bên núi Tu di tách xa khỏi bờ một do tuần đến trăm do tuần, giữ cho yên sức nóng của căn bệnh đau đầu của Ta thì như vậy cũng sẽ tiêu tan hết".

- Thứ tư: Duyên về Phật mắc bệnh đau nhức khớp xương.

Trong kinh Hưng Khởi Hạnh nói: "Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Thời lâu xa trước kia, ở trong thành La Duyệt có một Trưởng giả, mắc bệnh sốt rất khốn khổ, trong thành ấy có một vì thầy thuốc nổi tiếng, phân biệt biết rõ các vị thuốc có thể chữa trị các căn bệnh. Vị Trưởng giả nói với vị thầy thuốc rằng: Hãy chữa bệnh cho tôi, được lành bệnh thì tôi trả cho ông nhiều tiền bạc châu báu. Vị thầy thuốc liền chữa bệnh cho Trưởng giả. Bệnh đã khỏi bệnh rồi sau đó không trả công. Trưởng giả về sau lại phát bệnh. Chữa lành đến lần thứ ba vẫn không trả công, sau lại phát bệnh, tiếp tục gọi đến chữa trị. Vị thầy thuốc nghĩ rằng:

Trước đã ba lần chữa trị ba lần khỏi bệnh, mà không thấy trả công, thấy lừa dối như vậy, nay mình chữa trị lần này nên làm cho mất mạng. Thế là cho thuốc không đúng bệnh, bệnh tức thì tăng mạnh khiến cho tử vong.

Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Vị thầy thuốc lúc bấy giờ nay chính là thân Ta. Người bệnh lúc bấy giờ nay chính là Điều Đạt. Ta vào lúc bấy giờ cho người này vị thuốc không đúng bệnh khiến cho tử vong. Vì nhân duyên này ở trong mấy ngàn năm nhận chịu khổ đau chốn địa ngục, cho đến khổ đau của súc sinh và ngạ quỷ. Bởi vì duyên này còn lại, cho nên nay tuy thành Phật mà vẫn có căn bệnh đau nhức khớp xương phát sinh"

- Thứ năm: Duyên về Phật mắc bệnh đau lưng.

Trong kinh Hưng Khởi Hạnh nói: "Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Thời lâu xa trước kia, ở trong thành La Duyệt, lúc ấy gặp ngày lễ lớn tụ hội đông đức. Trong nước lúc ấy có lực sĩ hai họ. Một họ thuộc dòng Sát-đế-lợi, một họ thuộc dòng Bà-la-môn. Lúc ấy cùng nhau đấu sức, Bà-la-môn nói với Sát-đế-lợi: Ông đừng đánh tôi, tôi sẽ trả ông nhiều tiền bạc châu báu. Sát-đế-lợi vì thế không dốc sức làm cho Bà-la-môn khuất phục. Hai người cùng được cuộc và đều nhận phần thưởng của nhà vua. Lúc ấy Bà-la-môn cuối cùng không trả cho Sát-đế-lợi. Đến ngày lễ sau lại đến đấu sức với nhau, vẫn lại yêu cầu với nhau và chấp nhận với nhau như trước. Sát-đế-lợi nhiều lần không đánh, được ban thưởng như lần trước. Như vậy đến ba lần không trả. Lễ hội sau lại gặp mặt, Bà-la-môn lại nói với Sát-đế-lợi rằng: Trước sau đã hứa sẽ gom trả xong một lúc. Sát-đế-lợi trong lòng nghĩ rằng: Người này nhiều lần lừa dối mình, đã không trả nợ cho mình, lại xâm phạm vào phần của mình, hôm nay mình nên khiến cho Bà-la-môn bị tiêu diệt. Liền gượng cười mà nói rằng: Ông lừa dối tôi đủ ba lần, nay không cần đồ vật của ông. Thế là tay phải kềm gáy, tay trái nắm lưng quần, hai chân đá thốc vào, chèn lấy sống lưng Bà-la-môn như bẻ gãy cây mía, nâng lên xoay tròn ba vòng để cho mọi người trông thấy, sau đó thả xuống đất chết liền. Nhà vua và quần thần đều rất vui mừng, ban thưởng mười vạn đồng tiền vàng.

Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Sát-đế-lợi lúc bấy giờ nay chính là thân Ta. Bà-la-môn lúc bấy giờ nay chính là Đề-bà-đạt-đa. Ta vào lúc bấy giờ vì tham giận cho nên đánh chết lực sĩ Bà-la-môn. Vì nhân duyên này đọa vào trong địa ngục trải qua mấy ngàn năm. Nay tuy thành Phật đã hết các phiền não, mà duyên bấy giờ còn lại đến nay cho

nên phát sinh căn bệnh đau xương sống như vậy”.

- Thứ sáu: Duyên về Phật bị cây va đâm vào chân.

Trong kinh Hưng Khởi Hạnh nói: “Đức Phật an trú trong tinh xá Trúc Viên thuộc thành La Duyệt Kỳ, cùng với năm trăm vị Đại Tỳ kheo tăng quy tụ. Sáng sớm mang y ôm bát, cùng với năm trăm Tỳ kheo Tăng và A-nan, cùng đi vào thành La Duyệt Kỳ khất thực, lần lượt đến khắp mọi nhà, thấy trong lòng này có cây gỗ vừa mới chẻ ra một mảnh gỗ dài một thước hai, đứng ở phía trước Đức Phật. Đức Phật liền tâm niệm: Đây là duyên vốn có, Ta tự gây ra như vậy, đương nhiên phải nhận chịu. Mọi người nghe thấy đều cùng nhau tụ tập đến xem, đại chúng trông thấy mà kinh ngạc thất thanh kêu lên. Đức Phật lại tâm niệm rằng: nay sẽ hiện bày đền trả báo ứng của duyên ngày xưa, khiến cho mọi người trông thấy tin hiểu tai ương đối đầu mà không dám làm điều ác. Đức Phật liền vút lên ở giữa khoảng không, cách mặt đất một nhẫn (= tám thước), cây gỗ đuổi theo Phật, cũng cao một Nhẫn đứng ở phía trước Đức Phật. Đức Phật lại lên cao hai Nhẫn rồi bốn Nhẫn cho đến bảy Nhẫn, cây gỗ cũng cao lên theo đến bảy nhẫn. Đức Phật lại lên cao một Đa la, cây gỗ này cũng cao một Đa la. Đức Phật tiếp tục lên cao cho đến bảy Đa la, cây gỗ cũng cao lên theo đứng ở phía trước Đức Phật. Đức Phật tiếp tục lên cao bảy dặm, cho đến lên cao bảy do tuần, cây gỗ cũng đi theo. Đức Phật ở giữa hư không hóa làm tảng đá xanh, dày sáu do tuần, ngang dọc mười hai do tuần, Đức Phật đứng ở trên đó, cây gỗ liền xuyên thủng tảng đá hiện ra đứng ở trước Phật. Đức Phật lại ở giữa hư không hóa hiện thành hồ nước, ngang mười do tuần, dọc hai do tuần, sâu sáu do tuần, đứng ở trên mặt nước, cây gỗ cũng vượt qua nước đứng ở trước Phật. Đức Phật lại ở giữa hư không hóa làm đống lửa lớn, ngang dọc mười hai do tuần, cao sáu do tuần, đứng ở trên đống lửa ấy, cây gỗ cũng vượt qua đống lửa đến đứng trước Phật. Đức Phật lại ở giữa hư không hóa làm gió xoáy, dọc ngang mười hai do tuần, cao sáu do tuần, đứng ở trên làn gió, cây gỗ từ bên cạnh đến đứng phía trước Phật. Đức Phật lại lên đến Tứ Thiên Vương cung như vậy lần lượt cho đến cõi Phạm Thiên, cây gỗ đi theo trải qua ba mươi ba cõi Trời, theo thứ tự mà lên cho đến cõi Phạm Thiên, đứng ở phía trước Phật. Chư Thiên đều nói với nhau rằng: Phật sợ cây gỗ này mà bỏ đi, nhưng cây gỗ đuổi theo không dừng lại. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn nói cho Phạm Thiên biết về pháp túc duyên của mình. Từ cõi Phạm Thiên lại lần lượt trở về thành La Duyệt Kỳ, đi qua các cõi Trời đều nói cho biết pháp túc duyên, cây gỗ cũng đi theo từ trên xuống đến thành La Duyệt Kỳ,

Đức Phật cũng nói cho người trong thành La Duyệt Kỳ biết về pháp túc duyên. Đức Phật cùng với Tỳ kheo Tăng rời khỏi thành La Duyệt Kỳ, cây gỗ cũng tìm đi theo sau Phật. Người trong nước đều đi theo Đức Phật ra ngoài thành, Đức Phật hỏi mọi người: Các người muốn đi đến nơi nào? Mọi người trả lời rằng: Muốn đi theo Đức Như lai để xem nhân duyên này! Đức Phật bảo với mọi người: Tất cả hãy tự quay về, Như lai tự biết thời tiết thế nào. A-nan thưa hỏi Đức Phật: Vì sao Như lai bảo mọi người quay về? Đức Phật bảo với A-nan: Nếu mọi người thấy Ta đền trả túc duyên này, thì đều sẽ thề chết rơi xuống đất. A-nan liền im lặng. Đức Phật thì trở về tinh xá trúc Viên, tự ở trong phòng mình, bảo với các Tỳ kheo, tất cả hãy tự trở về phòng. A-nan thưa hỏi Đức Phật: Con nên làm thế nào? Đức Phật bảo với A-nan: Ông cũng trở về phòng. A-nan liền trở về. Đức Phật liền tâm niệm: Duyên này xưa kia Ta tự tạo ra ắt phải đền trả. Thế là lấy Đại y xếp thành bốn lớp, trở lại ngồi nơi chỗ ngồi của mình, Đức Phật liền duỗi chân ra. Cây gỗ theo cổ chân từ trên đâm xuống dưới đi xuyên qua, vào sâu trong lòng đất sáu vạn tám ngàn do tuần; đi qua đất đến vùng nước, nước sâu cũng sáu vạn tám ngàn do tuần; đi qua nước đến phần lửa, lửa cao sáu vạn tám ngàn do tuần; đến phạm vi của lửa mới cháy rụi đi. Đang lúc như vậy thì mặt đất vang dội vì sáu lần chấn động. A-nan và các Tỳ kheo, đều tự tâm nghĩ rằng: nay mặt đất này chấn động thì cây gỗ ấy ắt là đâm vào chân Phật rồi. Đức Phật bị tổn thương rồi đau đớn vô cùng. A-nan liền đến chỗ Phật, thấy chân Phật bị đâm toạc, liền ngất lịm ngã nhào xuống đất. Đức Phật lấy nước vẩy, A-nan mới dậy được. Dậy rồi lạy sát chân Phật, vuốt nhẹ chân Phật mà nghẹn ngào nức nở rơi nước mắt, Đức Phật dùng chân này đi đến dưới tán cây để hàng mà, lên đến cõi Trời thứ ba mươi ba thuyết pháp cho mẹ, Thân Kim cang của Thế tôn, làm nhân duyên gì mà bị cây gỗ hại? Đức Phật bảo với A-nan: hãy dừng lại đừng khóc, nhân duyên thế gian luân chuyển trong sinh tử có khổ đau buồn lo như vậy. A-nan thưa hỏi Đức Phật: Nay vết thương đau đớn tăng giảm như thế nào? Đức Phật bảo với A-nan: Dần dần có giảm xuống. Xá-lợi-phất và các Tỳ kheo đến lễ lạy Đức Phật, hỏi đáp cũng lại như vậy. Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Hãy đừng khóc nữa, chính là đời trước Ta tự làm ra duyên này, cần phải nhận chịu, không thể nào tránh được. Đối với duyên này không phải là cha mẹ đã làm, cũng không phải là Thiên Vương - Sa môn... tạo ra, mà Phật tự làm tự chịu. Những người đã hết các lậu - đạt được thần thông, đều tự nhiên im lặng, tư duy ngày xưa đã từng thuyết kệ rằng:

Những việc người thế gian đã làm,
Hoặc làm điều thiện hay điều ác,
Việc làm này trở lại nơi thân,
Chung quy không hủy hoại mất đi.

Lúc ấy Kỳ Bà - A-xà-thế Vương..., nghe Đức Phật bị cây gỗ đâm vào chân, từ trên chỗ ngồi ngất lịm ngã nhào xuống đất hồi lâu mới tỉnh lại, làm cho cả cung thành kinh hãi. Nhà vua đứng dạy khóc nức nở truyền lệnh cho các quan rằng: Nhanh chóng chuẩn bị xe cộ nghiêm túc, Ta muốn đến chỗ Đức Phật. Các quan vâng theo lệnh truyền lập tức trang nghiêm xe cộ, nhà vua lên xe ra khỏi cung thành. Quyến thuộc nam nữ bốn dòng họ trong thành cả trăm ngàn người vây quanh lớp lớp, cùng nhau đến chỗ Đức Phật. Đức Phật nằm nghiêng hông bên phải, nhà vua lễ lạy Đức Phật xong, tay nắm chân Đức Phật vuốt nhẹ mà miệng nghẹn ngào thưa rằng: Thưa Đức Thế tôn, vết thương đau đớn có giảm nhẹ không? Đức Phật an ủi nhà vua rồi, bảo nhà vua hãy ngồi. Nhà vua thưa: Con theo Như lai nghe thân Phật là Kim cang bất hoại, nay vì bị cây gỗ đâm toạc như vậy? Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Tất cả các pháp đều là duyên đối đầu, thân Ta tuy là Kim cang không phải cây gỗ có thể làm hư hoại, mà bị túc duyên này đối đầu nên phải hư hoại. Tức thì thuyết bài tụng rằng:

Những việc người thế gian đã làm,
Đều tự mình thấy việc làm ấy,
Làm điều thiện được quả báo thiện,
Làm điều ác chịu quả báo ác.

Vì vậy cho nên Đại vương, hãy bỏ ác làm thiện, ngu ngốc không học hỏi, không biết đến đạo chân thật, cười đùa coi thường tội lỗi lại phải kêu gào khóc lóc, không thể nào vì vui đùa mà gây ra tội lỗi về sau nhận chịu tai họa vô cùng. Nhà vua nói với Kỳ Bà: Ông lấy thuốc tốt rửa sạch vết thương chữa trị cẩn thận, nhất định phải làm cho nhanh chóng bình phục. Kỳ Bà vâng dạ nhận lời. Kỳ Bà liền lễ lạy Đức Phật để rửa chân xoa thuốc. Sau đó tiếp tục ngăn lại sự đau đớn. Kỳ Bà chi ra trăm ngàn đồng vàng mua vải bông dùng để lót chân Đức Phật, lấy tay vuốt chân, mà miệng nghẹn ngào nói: Nguyện Đức Phật trường thọ - tai họa này sớm trừ, tất cả chúng sanh khổ đau trong đêm dài tăm tối cũng được giải thoát. Xong rồi đứng dậy lễ lạy Đức Phật mà đứng về một bên. Đức Phật ngay sau đó vì nhà vua và tất cả chúng hội thuyết về pháp Tứ Đế, sáu mươi Tỳ kheo đạt được lậu tận ý giải, một vạn một ngàn người đạt được pháp nhãn tịnh.

Lại có trăm ngàn chư Thiên lần lượt nói cho nhau biết, đều đến thăm hỏi Đức Phật, nói kệ ca ngợi xong lễ lạy Đức Phật mà đi.

Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Xưa kia trong vô số A-tăng-kỳ kiếp về trước có hai nhóm khách buôn, mỗi nhóm có năm trăm người ở tại nước Ba-la-nại, tất cả gom góp tiền của trang bị tàu thuyền vượt qua biển cả, thuận gió thẳng tiến liền đến hòn đảo châu báu. Trên đất rất phong phú, áo quần đồ ăn thức uống và phụ nữ xinh đẹp, các loại châu báu ngọc ngà không thứ gì không có. Một nhóm khách buôn nói với mọi người rằng: Chúng ta mong cầu đã được nay nên ở lại đây lấy 5 dục lạc để tự vui thú. Tát bạc thứ hai nói với người trong nhóm mình rằng: Không nên ở lâu dài tại đây. Lúc ấy giữa hư không xuất hiện một Thiên nữ, thương xót cho hạng này, liền ở giữa hư không nói với những khách buôn rằng: Nơi này tuy có tiền của châu báu phụ nữ xinh đẹp cơm ăn áo mặc nhưng không đáng dừng lại lâu dài, sau bảy ngày nữa thì vùng này đều sẽ chìm trong nước. Nói xong liền biến mất. Lại có ma nữ muốn để cho chìm hết, can ngăn không nên đi, trước đây Thiên nữ đã nói sẽ nhấn chìm nơi này, đều là lời giả dối, không đáng tin đâu. Nói xong thì biến mất. Tát Bạc thứ nhất không tin lời Thiên nữ nói, vui vẽ ở lại không đi. Tát Bạc thứ hai sợ nước nhấn chìm nên không dừng lại. Cách bảy ngày sau như lời Thiên nữ đã nói trước đó cả vùng này bị ngập nước, nên trước tiên chuẩn bị tàu thuyền nghiêm túc khi ngày đó chưa đến, đã đem mọi người trong nhóm lên thuyền an ổn. Tát Bạc thứ nhất trước đó không chuẩn bị tàu thuyền, ngày nước ập đến mới cùng nhau sửa sang trang bị lại tàu thuyền, cầm mâu nắm gậy cùng đánh lẫn nhau. Tát Bạc thứ hai dùng giáo nhọn đâm xuyên qua chân tát Bạc thứ nhất, làm cho lập tức mạng chung.

Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Ông biết rằng Tát Bạc thứ nhất lúc ấy nay chính là Đề-bà-đạt-đa. Tát bạc thứ hai lúc ấy nay chính là thân Ta. Năm trăm người trong nhóm khách buôn thứ nhất lúc ấy, thì nay chính là năm trăm đệ tử của Đề-bà-đạt-đa. năm trăm người trong nhóm khách buôn thứ hai lúc ấy, thì nay chính là năm trăm La hán vậy. Thiên nữ thứ nhất lúc ấy, thì nay chính là Xá-lợi-phất. Ma nữ thứ hai lúc ấy, thì nay chính là Tỳ kheo Mãn Nguyệt đệ tử của Bà-la-môn.

Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Xưa kia Ta làm tát Bạc, tham tiền của sợ chết, vượt biển cùng với người kia tranh giành tàu thuyền, dùng giáo nhọn đâm vào chân tát Bạc. Vì nhân duyên này, vô số ngàn năm chịu đựng khổ đau chốn địa ngục, rơi vào trong loài súc sanh bị người ta bắn chết, vô số ngàn năm ở trong ngạ quỷ giẫm trên kim sắt. Nay tuy

được thâm Kim cang, nhưng vì tai ương còn lại này, cho nên nay bị cây gỗ đâm tổn thương”.

Lại trong kinh Đại thừa Phương Tiện nói: “Xưa trong thành Xá Vệ có hai mươi người, đều là thân ở đời cuối cùng, hai mươi người ấy lại có oan gia, hai mươi người đều tự mình tư duy rằng: Mình nên làm thành bạn thân mà đến nhà họ, làm mất đi mạng căn của họ, không nói cho người ta biết. Lúc ấy bốn mươi người nhờ thần lực của Phật cho nên cùng đi đến chỗ Phật. Lúc bấy giờ Như lai vì điều phục bốn mươi người này, cho nên ở giữa đại chúng bảo với Đại Mục-kiền-liên rằng: Nay mặt đất này xuất hiện gai nhọn Khư Đạt la muốn đâm vào chân trái của ta. Lúc chưa đến chân thì gai nhọn Khư Đạt La này lập tức từ mặt đất dài ra một khuỷu tay. Đang lúc mọc ra thì Mục-kiền-liên thưa với Đức Phật rằng: Nay con nên lấy gai nhọn này bỏ vào thế giới phương khác được không? Đức Phật bảo với Mục-kiền-liên: Không phải là năng lực của ông, gai nhọn này ở mặt đất ông không thể nhổ được. Lúc bấy giờ Mục-kiền-liên dùng Đại thần lực, tiến lên nhổ lấy gai nhọn này. Lúc ấy ba ngàn đại thiên thế giới đều chấn động dữ dội, tất cả thế giới theo gai nhọn mà cao lên, nhưng không hề lay động thậm chí một mảy lông. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn dùng sức thần thông lên trên Tứ Thiên Vương Thiên, gai nhọn ấy cũng đi theo Đức Phật như vậy, lần lượt cho đến cõi Phạm Thiên cũng lại như vậy. Bấy giờ Như lai từ cõi Phạm Thiên trở về đến cõi Diêm-phù-đề nơi chỗ ngồi của mình, gai nhọn cũng theo về, đến giữa mặt đất này dựng đứng hướng về Như lai. Lúc bấy giờ Như lai liền dùng tay phải nắm lấy gai nhọn, tay trái dựa vào mặt đất, chân phải đạp chặt. Bấy giờ ba ngàn đại thiên thế giới đều chấn động dữ dội. Lúc ấy Tôn giả A-nan chắp tay hướng về Đức Phật, mà thưa lời rằng: Thưa Đức Thế tôn, xưa kia làm những nghiệp gì mà gặp phải báo ứng như vậy? Đức Phật bảo với A-nan: Đời quả khứ Ta đi vào giữa biển lớn, lấy giáo nhọn đâm người làm đoạn dứt mạng căn của họ, vì nhân duyên này nên chịu báo ứng như vậy. Này người thiện nam, Ta giải thích về nghiệp duyên này rồi.

Hai mươi người oán thú kia muốn làm hại hai mươi người ấy, dấy lên tư duy rằng: Như lai là bậc Pháp Vương hãy còn gặp báo ứng của ác nghiệp như vậy, huống hồ bọn chúng ta mà không nhận chịu báo ứng này ư? Lúc ấy hai mươi người này liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu mặt lễ lạy Đức Phật mà thưa lời như vậy: Chúng con hôm nay hướng về Đức Phật sám hối vì sai lầm của mình, không dám che giấu, chúng con trước đây dấy khởi ác tâm muốn làm hại người kia, nay lại hối hận vì

sai lầm của mình, không dám che giấu. Lúc ấy hai mươi người lập tức đạt được kiến giải chính đáng và bốn vạn người cũng đạt được kiến giải chính đáng. Vì vậy cho nên Như lai thị hiện gai nhọn Khư Đạt la đâm vào chân, đây gọi là Như lai phương tiện mà hóa độ".

- Thứ bảy: Duyên về Phật bị Đề-bà-đạt-đa ném đá chảy máu.

Trong kinh Hưng Khởi Hạnh nói: " Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Thời quá khứ xưa kia, lúc ấy ở trong thành La Duyệt có Trưởng giả, tên gọi là Tu Đàn, giàu có vô cùng tiền của châu báu dồi dào sản nghiệp đầy đủ sung túc, có con trai tên là Tu-ma-đề. Cha là Tu Đàn bỗng nhiên mạng chung, Tu-ma-đề có người em trai cùng cha khác mẹ tên là Tu Da Xá. Tu-ma-đề trong lòng nghĩ rằng: Mình nên làm sao tìm cách không cho Tu Da Xá phân chia tài sản, chỉ nên giết đi mới có thể không cho được. Tu-ma-đề nói với Tu Da Xá rằng: Anh và em đi lên núi Kỳ Xà Quật để cùng bàn luận. Tu Da Xá nói: Đồng ý như vậy. Tu-ma-đề liền nắm tay em trai đi lên núi, đem đến chỗ rất cao, liền đẩy xuống vách núi lấy đá xô xuống, làm cho người em lập tức mất mạng.

Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Ông nên biết Trưởng giả Tu Đàn lúc bấy giờ, nay chính là vua cha Chân Tịnh. Con trai lớn Tu-ma-đề lúc ấy, nay chính là thân Ta. Người em trai Tu Da Xá lúc ấy, nay chính là Đề-bà-đạt-đa.

Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Ta vào lúc bấy giờ vì ham tiền của mà làm hại em mình. Bởi vì tội lỗi này cho nên vô số ngàn năm ở trong địa ngục thiêu đốt, bị núi sắt chèn ép. Duyên lúc bấy giờ còn lại, nay tuy thành Phật nhưng không thể nào tránh khỏi oán đối vốn có này. Ta ở tại núi Kỳ Xà Quật kinh hành, bị Đề-bà-đạt-Đa lấy vách đá dài sáu trượng rộng ba trượng, đem ném trên đầu Phật. Sơn Thần tên gọi Kim Bì La, dùng tay đón nhận rõ ràng, mảnh nhỏ bên tảng đá tóe ra rơi xuống trúng ngón chân cái của Phật, tức thì rách ra và chảy máu".

- Thứ tám: Duyên về Phật bị Bà-la-môn nữ Chiên Sa Vu Vũ phỉ báng Phật.

Trong kinh Hưng Khởi Hạnh nói: "Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: A-tăng-kỳ kiếp xưa kia, có Đức Phật danh hiệu là Tận Thắng Như lai, có hai loại Tỳ kheo, một loại tên gọi Vô Thắng, một tên gọi Thường Hoan. Tỳ kheo Vô Thắng đạt được sáu thần thông, Tỳ kheo Thường Hoan kết sử chưa trừ diệt. Lúc bấy giờ trong thành Ba-la-nại có Trưởng giả tên gọi Đại Ái, tiền của nhiều vô cùng, vợ Trưởng giả tên là Thiện Đa, đoan chánh tuyệt vời. Hai vị Tỳ kheo, qua lại thăm viếng nhà ấy, lấy làm đàn việt của mình. Thiện Đa cúng dường Tỳ kheo Vô Thắng

đầy đủ bốn sự cần thiết không thiếu gì, Tỳ kheo Thường Hoan thì ít ỏi thiếu thốn, vì vậy mà ganh tỵ nên nhiều lần sinh ra phỉ báng rằng: Tỳ kheo Vô Thắng cùng Thiện Đa thông đồng với nhau, không vì đạo pháp để cúng dường, đương nhiên vì ân ái để cúng dường mà thôi.

Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Tỳ kheo Thường Hoan lúc ấy nay chính là thân Ta. Người vợ tên gọi Thiện Đa lúc ấy nay chính là Bà-la-môn nữ tên gọi Chiên Sa Vu Vũ. Ta vào lúc bấy giờ vô cớ phỉ báng La hán Vô Thắng, vì nhân duyên tội lỗi này, vô số ngàn năm đọa vào địa ngục nhận chịu những nỗi khổ đau. Nay tuy thành Phật, nhưng bởi vì tai họa còn lại cho nên bị Đồng nữ nhiều lưỡi là Vũ Vu độn bụng to lên đi đến trước Ta nói rằng: Sa môn vì sao không tự nói việc nhà mình, mà lại nói chuyện người ta, vì ông hôm nay một mình tự hoan lạc, không biết nỗi khổ của tôi, trước đây ông cùng tôi đi lại với nhau khiến cho tôi có thai, nay sắp đến tháng đẻ, trách nhiệm cần phải lo bơ sữa nuôi con trẻ, tất cả nên cung cấp cho tôi! Lúc bấy giờ chúng hội đều cúi đầu im lặng. Lúc ấy Thích Đề Hoàn Nhân cầm quạt đứng hầu phía sau, dùng thần lực hóa làm một con chuột, vào trong áo người ấy cắn đứt vật độn bụng của Vũ Vu, bỗng nhiên rơi xuống đất. Bấy giờ bốn chúng đệ tử và đồ chúng của Lục sư, trông thấy vật độn bụng rơi xuống đất đều rất hoan hỷ, cất tiếng ca ngợi vui mừng vô cùng, tất cả đều mắng rằng: Cô chết cũng không hết tội, vì sao có thể dấy lên Ác ý này mà phỉ báng bậc thanh tịnh chính trực không gì hơn, đất này không biết gì mới có thể dung chứa vật xấu xa như vậy? Mọi người đều nguyền rủa kẻ vu cáo. Lúc này đất liền nứt ra, bốc lên ngọn lửa ngùn ngụt , người nữ liền rơi vào trong đó thẳng đến giữa Đại địa ngục A tỳ. Đại chúng trông thấy thân hiện tại của người nữ rơi vào trong địa ngục, vua A-xà-thế thì kinh sợ vô cùng, toàn thân sởn gai ốc, liền đứng dậy vòng tay quỳ thẳng thưa rằng: Người nữ này đã rơi xuống nay ở nơi nào? Đức Phật bảo rằng: này Đại vương, người nữ này đã rơi vào nơi gọi là địa ngục A tỳ. Vua A-xà-thế lại hỏi: Người nữ này không giết người, cũng không trộm cắp dối trá, vì sao lập tức rơi vào địa ngục A tỳ như vậy? Đức Phật bảo với vu A-xà-thế: Ta đã nói về pháp nhân duyên, có hành nghiệp của thân miệng ý ở ba mức độ thượng trung hạ. Vua A-xà-thế lại hỏi: Thế nào là thượng, thế nào là trung, thế nào là hạ? Đức Phật bảo với vua A-xà-thế: Hành nghiệp của ý thuộc mức độ bậc thượng, hành nghiệp của miệng thuộc mức độ bậc trung, hành nghiệp của thân thuộc mức độ bậc hạ. Nhà vua lại thưa hỏi Đức Phật. Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Hành nghiệp của thân là cử chỉ hiện ra thô kệch, điều này có thể thấy, hành

nghiệp của miệng là tai nghe, hai điều này thì thế gian nghe được và thấy được. Hành nghiệp của ý phát khởi tâm niệm thì không thấy cũng không nghe, đây là việc bên trong. Các hành nghiệp bị ý thúc giục mà ràng buộc, như người muốn thực hiện ba nghiệp sát đạo dâm của thân, muốn thực hiện bốn nghiệp sai lầm của miệng là nói dối - nói thêu diệt - nói ác hiểm - nói hai lưỡi, trước tiên tâm suy nghĩ tính toán rồi sau đó mới thi hành, vì vậy gắn liến với ý thức giục chứ không thuộc về thân và miệng. Thế là Đức Thế tôn liền thuyết kệ rằng:

Trong ý tư duy thành thục rồi,
Sau đó mới thực hành hai việc,
Dần dần lộ bày nơi thân miệng,
Tâm ý chưa từng thấy hổ thẹn.
Trước tiên nên xấu hổ nơi ý,
Sau đó hổ thẹn đến thân miệng,
Hai việc này không xa rời thân,
Cũng không thể thực hành riêng biệt.

Lúc ấy vua A-xà-thế nghe Đức Phật thuyết pháp, cảm động đau thương mà khóc nức nở. Đức Phật hỏi nhà vua: Vì sao mà khóc vậy? Nhà vua thưa với Đức Phật: Bởi vì chúng sanh không có trí không hiểu ba sự việc luôn luôn có sút giảm, vì vậy đau thương mà thôi. Những chúng sanh này chỉ cho rằng thân miệng là quan trọng, chứ không biết ý niệm là sâu sắc. Như người giết hại sinh mạng - trộm cắp - dâm dật, thiên hạ đều trông thấy, miệng gây ra bốn điều thiên hạ đều nghe, ba quan hệ của ý thì không phải tai mà nghe được, không phải mắt mà thấy được, vì vậy chúng sanh lấy mắt thấy tai nghe làm quan trọng. Nay Đức Phật giải thích mới biết tâm ý là quan trọng còn thân miệng chỉ là phụ thuộc, vì vậy cho nên hai việc làm từ thân miệng là thuộc về ý thúc giục. Như người nữ lắm chuyện muốn vu cáo làm xấu Đức Phật thì trước tiên suy nghĩ nên dùng vật độn bụng to lên ở giữa đại chúng nói điều vu cáo, cho nên biết ý là quan trọng mà thân miệng chỉ là phụ thuộc.

Đức Phật bảo rằng: Lành thay, lành thay! Đại vương khéo hiểu rõ đều này, hãy thường xuyên học điều này: Ý là quan trọng còn thân miệng chỉ là việc phụ thuộc! Lúc thuyết về pháp này, có tám ngàn Tỳ kheo đạt được lậu tận ý giải, hai trăm Tỳ kheo đạt được quả vị A-na-hàm, bốn trăm Tỳ kheo đạt được quả vị Tư-đà-hàm, tám trăm Tỳ kheo đạt được quả vị Tu-đà-hoàn, tám vạn Trời người đạt được Pháp nhãn tịnh, mười vạn người và loài chẳng phải người đều thọ trì Ngũ giới, hai mươi vạn quỷ thần thọ pháp Tam tự quy”.

Lại trong kinh Sanh nói: “Lúc bấy giờ Đức Thế tôn cùng với một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ kheo quy tụ, đi vào thành Xá Vệ sắp đến cung vua Ba-tư-nặc thọ nhận cúng dường. Lúc ấy có Tỳ-kheo-ni, tên gọi là Bạo Chí, dùng khúc cây buộc vào bụng giống như đang mang thai, đi theo kéo y Phật và nói rằng: Ngài là chồng tôi, làm cho tôi có thai, không cung cấp cơm áo, chuyện này là thế nào? Lúc ấy các Đại chúng Trời, người - Thích Phạm Tứ Vương - chư Thiên quỷ thần và nhân dân trong nước không có ai mà không kinh hoàng, Phật là bậc tôn quý của hết thảy ba cõi, tâm Ngài thanh tịnh vượt xa ngọc ma ni, ánh sáng trí tuệ và Ngài vượt lên trên mặt Trời mặt trăng, một mình Ngài đi giữa ba cõi không có ai có thể sánh kịp, ví như bầu hư không không thể nào nhuốm bẩn được, tâm Phật hơn hẳn tất cả, không có ai có thể sánh bằng, mà Tỳ-kheo-ni này đã là đệ tử của Phật, tại sao lòng dạ xấu xa muốn vu cáo Như lai? Lúc ấy Đức Thế tôn thấy rõ tâm niệm của mọi người, muốn giải quyết nghi ngờ cho mọi người, Ngài ngước nhìn lên phương phía trên, thì Thiên Đế Thích lập tức xuất hiện, hóa làm một con chuột cắn đứt sợi dây buộc bụng giả, bụng giả liền rơi xuống đất. Đại chúng đều nhìn thấy, mừng giận lẫn lộn, cảm thấy quái lạ làm sao. Lúc ấy Quốc vương tức giận vô cùng, bởi lẽ Tỳ-kheo-ni này bỏ gia đình xa sự nghiệp trở thành đệ tử của Phật, đã không có năng lực báo ân, mà lại mang lòng ganh tỵ kết thành hiềm khích đối với bậc Đại Thánh vậy ư? Lập tức truyền lệnh đào đất làm hố sâu đẩy xuống chôn vùi. Lúc ấy Đức Phật giải thích cho biết và khuyên chớ làm như vậy, đây là tội lỗi xưa kia của Ta chứ không phải chỉ là tai ương của người ấy. Vào thời lâu xa trong quá khứ xưa kia, lúc ấy có khách buôn đem bán châu ngọc giá trị tuyệt vời, kể ra có nhiều hạt ngọc rất đẹp. Lúc ấy có một cô gái thỏa thuận sắp mua ngọc, có một chàng trai nâng giá thêm gấp bội, một mình mua được ngọc quý mang đi. Cô gái không mua được nên trong lòng căm hận, có lúc đi theo xin xem nhưng lại không chịu cho xem, lòng dạ càng thêm oán giận nói rằng: Ông hủy nhục tôi, dù sinh ra ở đâu tôi cũng phải báo thù ông vì nỗi oán hận này, sự hủy nhục này hối hận không thể nào bằng.

Đức Phật bảo với nhà vua và đại chúng rằng: Chàng trai mua ngọc lúc bấy giờ nay chính là thân Ta. Cô gái lúc bấy giờ nay chính là Tỳ-kheo-ni Bạo Chí. Bởi vì lòng căm hận ấy mà sinh ra nơi đâu cũng luôn luôn muốn vu cáo nhau. Đức Phật giải thích như vậy, đại chúng thảy đều từ bỏ nghi ngờ, không có ai là không hoan hỷ”.

- Thứ chín: Duyên về Phật ăn lúa mạch của ngựa.

Trong kinh Hưng Khởi Hạnh nói: "Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Vào thời lâu xa đời quá khứ, có Đức Phật danh hiệu là Tỳ Bà Diếp Như lai, ở trong thành Bàn đầu ma bạt có vị vua tên gọi Bàn Đầu, cùng với quần thần dân chúng, dùng bốn sự cúng dường Như lai và chúng Tăng, không bao giờ thiếu hụt gì. Lúc bấy giờ trong thành có Bà-la-môn, tên gọi Nhân đề kỳ lợi, thông hiểu sách vở bốn bộ Vi Đà của dòng Phạm Chí, cũng biết thuật toán số của Ni-kiền và dạy dỗ cho năm trăm Đồng tử. Lúc ấy nhà vua tổ chức lễ hội, trước đó thỉnh Phật và các chúng tăng. Đức Phật thấy đến lúc nên cùng chúng Tăng đi đến Vương cung vào chỗ ngồi mà ngồi. Nhà vua liền mang thức ăn tự tay sắp xếp các loại đồ ăn thức uống. Có một Tỳ kheo, tên là Di-lặc, lúc ấy bệnh không đi được, Phật và Đại chúng dùng cơm xong đều trở về trú xứ của mình, giữa đường gặp Phạm chí Sơn Vương, thấy thức ăn thơm ngon liền dấy lên ý ganh tỵ rằng: Sa môn cạo trọc đầu này đúng là nên ăn lúa mạch của ngựa, không nên ăn thức ăn cúng dường ngon lành tốt đẹp này. Thế là nói với các Đồng tử rằng: Các ông thấy Đạo nhân cạo trọc đầu này ăn uống toàn những thức ngon lành cao sang hay không? Các Đồng tử nói rằng: Thật sự trông thấy như vậy, vị Sư đứng đầu này cũng nên ăn chỉ là lúa mạch của ngựa mà thôi.

Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Ông nên biết Bà-la-môn Sơn Vương lúc ấy nay chính là thân Ta, năm trăm Đồng tử lúc ấy nay chính là năm trăm La hán. Tỳ kheo Di-lặc bị bệnh lúc ấy nay chính là Bồ-tát Di-lặc. Ta vào lúc bấy giờ bởi vì dấy lên ý niệm ganh tỵ, mắng rằng không nên ăn những thức ăn ngon lành ấy, mà đúng ra nên ăn lúa mạch của ngựa, các ông cũng nói như vậy. Vì nhân duyên này, Ta và các ông trải qua địa ngục vô số ngàn năm, nay tuy thành Phật mà duyên lúc ấy còn lại, Ta và các ông ở tại ấp Tỳ Lan ăn lúa mạch của ngựa trong 90 ngày. Ta vào lúc bấy giờ không nói cho Phật ăn lúa mạch của ngựa, mà chỉ nói cho Tỳ kheo ăn, vì vậy cho nên nay Ta được ăn lúa mạch của người giã. Bởi vì các ông nói thêm là nên cho Phật ăn lúa mạch của ngựa, cho nên hôm nay các ông được cám lúa mạch mà thôi".

Lại trong kinh Đại thừa Phương Tiện nói: "Vì nhân duyêngì mà Như lai và chúng Tăng ở nơi tụ cư của Bà-la-môn Tỳ Lan Nhã, trong ba tháng ăn toàn lúa mạch của ngựa như vậy? Đức Phật bảo rằng: Này người thiện nam! Ta vào lúc xưa kia biết Bà-la-môn này chắc chắn bố thí nên mới bắt đầu thỉnh Phật và Tăng, mà tâm không cung cấp đồ ăn thức uống cho Ta, nhưng vẫn cố tình đi đến thọ nhận cúng dường. Tại vì sao? Bởi vì năm trăm con ngựa ấy. năm trăm con ngựa này trong

đời trước đã học Bồ-tát Thừa, đã từng cúng dường chư Phật quá khứ mà gần gũi với ác tri thức gây ra nghiệp duyên xấu ác, cho nên rơi vào trong loài súc sinh. Năm trăm con ngựa có một con ngựa đầu đàn, tên gọi là Nhật Tạng, là một Đại Bồ-tát, quá khứ ở giữa loài người, đã từng khuyến khích năm trăm con ngựa nhỏ phát tâm bồ đề, vì muốn độ cho năm trăm con ngựa này mà hiện thân sanh trong loài ngựa. Nhờ uy đức của con người đầu đàn, khiến cho năm trăm con ngựa tự biết rõ túc mạng, vốn bị mất tâm mà nay lại thấy được. Ta xót thương năm trăm Bồ-tát kia rơi vào trong loài ngựa, muốn khiến cho được thoát khỏi từ kiếp súc sinh, vì vậy Như lai biết cho nên thọ nhận thỉnh cầu. Lúc ấy năm trăm con ngựa, bớt đi phần nữa lúa mạch mình ăn để mang đến bố thí chúng Tăng, phần nửa của con ngựa đầu đàn dâng lên cúng dường Như lai. Lúc bấy giờ con ngựa đầu đàn, vì năm trăm con ngựa, dúng âm thanh loài ngựa để mà thuyết pháp chỉ bày cách thức hối hận về sai lầm của mình, khiến nên lễ lạy Đức Phật và Tỳ kheo tăng. Nói sự việc này xong lại bày tỏ rằng: Các ông nên dùng phần nửa thức ăn của mình để cúng dường cho Tăng! Bấy giờ năm trăm con ngựa hối hận về sai lầm của mình rồi, đối với Phật và Tăng phát sinh tín tâm thanh tịnh, qua ba tháng rồi sau đó không lâu năm trăm con ngựa này mạng chung sanh lên cõi Trời Đâu Thuật. Lúc ấy năm trăm Thiên tử, liền từ cõi Trời đi đến chỗ Phật, nghe thuyết pháp xong chắn chắn được thành tựu A nậu bồ đề. năm trăm con ngựa vào đời tương lai đạt đến địa vị Bích-chi-Phật, ngựa đầu đàn Nhật Tạng ấy ở đời tương lai lại được làm Phật, danh hiệu là Thiện Điều Như lai. Tuy ăn cỏ cây đất đá gạch ngói, mà trong đại thiên thế giới không có gì bằng mùi vị này. Lúc bấy giờ trong lòng A-nan sinh ra buồn phiền, dòng dõi chuyển Luân Thánh Vương xuất gia học đạo, mà giống như người hèn mọn ăn lúa mạch của ngựa như cậy! Ta vào lúc bấy giờ thấy rõ tâm niệm của A-nan, liền đưa cho một hạt lúa mạch và bảo với A-nan rằng: Ông nếm thứ lúa mạch này, có mùi vị là như thế nào? A-nan nến xong tâm hy hữu thưa rằng: Con sinh ra trong gia đình vua chúa đến nay chưa từng biết được mùi vị như vậy. A-nan ăn hạt lúa mạch này rồi, trong bảy ngày 7 đêm không có ý tưởng đói khát. Như lai lại biết năm trăm Tỳ kheo, nếu ăn thức ăn cao cấp thì tâm tham dục tăng nhiều, nếu ăn thức ăn sơ sài thì tâm không bị tham dục làm cho mờ mịt, các Tỳ kheo ấy qua ba tháng rồi thì tâm xa lìa dâm dục chứng đến quả vị A-la-hán.

Này người thiện nam! Vì điều phục năm trăm Tỳ kheo và hóa độ năm trăm con ngựa tiền thân là Bồ-tát, cho nên Như lai dùng sức

phương tiện nhận chịu duyên ăn lúa mạch của ngựa trong ba tháng chứ không phải là nghiệp báo đâu”.

- Thứ mười: Duyên về Phật chịu đựng khổ hạnh.

Trong kinh Hưng Khởi Hạnh nói: “Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Xưa kia bên thành Ba-la-nại, cách thành không xa có ấp Đa Thú, trong ấp có Bà-la-môn, là Thái Sử của nhà vua, bậc nhất trong nước, có một người con trai, trên đầu tự nhiên có búi tóc như ngọn lửa, nhân đó lấy làm tên gọi. Hỏa Man diện mạo đoan chánh có ba mươi tướng, điển tịch đồ thư Sấm Ký của Phạm Chí không có việc gì không thông hiểu. Lúc ấy có một người làm nghề thợ gốm, tên là Nan Đề bà La, ở đây gọi là Hộ Hỷ, cùng với Hỏa Man kết giao thân thiết từ bé, tâm tôn trọng nhau và nghĩ đến nhau không quên dù chốc lát. Người thợ gốm tinh tiến nhân từ hiếu thuận, cha mẹ đều mù lòa, cung dưỡng cha mẹ không hề có gì thiếu sót, tuy làm thợ mà tay không hề đào đất, cũng không sai người khác đào, chỉ lấy tường sập, bờ sụt, chuột đào hang đùn đất lên... đem hòa lẫn để làm đồ dùng tốt đẹp không gì sánh được. Nếu có người nam người nữ nào muốn đến mua đồ dùng, thì không tranh giành giá cả số lượng, không lấy vàng bạc tiền của lụa là, chỉ lấy đậu mè thóc gạo để cúng dường mà thôi. Như lai Ca-diếp an trú trong tinh xá, các ấp không xa, cùng với chúng Đại Tỳ kheo gồm hai vạn người quy tụ, đều là bậc A-la-hán. Hộ Hỷ nói với Hỏa Man rằng: Cùng nhau đi đến gặp Như lai Ca-diếp không? Hỏa Man trả lời rằng: Cần gì gặp Đạo nhân cạo trọc đầu này, vì thật sự chỉ là người cạo trọc đầu mà thôi, nào có đạo lý gì đâu? Như vậy đến ba lần. Ngày sau lại nói Hỏa Man rằng: Cùng nhau vào trong nước tắm rửa vậy. Hỏa Man đáp rằng: Đồng ý như vậy. Liền cùng nhau đi đến dòng sông tắm rửa. Mặc áo quần xong, Hộ Hỷ đưa tay phải từ xa chỉ rõ và nói: Tinh xá của Như lai cách đây không xa, có thể cùng nhau đến xem một lát được không? Hỏa Man đáp rằng: Đâu cần đến xem Đạo nhân đầu cạo trọc này làm gì, đâu có Phật đạo khó được? Hộ Hỷ liền nắm áo kéo không đi. Hỏa Man thì cởi áo bỏ đi, Hộ Hỷ đuổi theo đàng sau, nắm dây lưng kéo lại nói: Có thể tạm thời cùng nhau đến gặp Phật rồi lập tức trở về vậy. Hỏa man lại cởi dây lưng bỏ chạy mà nói: Tôi không muốn gặp Sa môn trọc đầu này. Hộ Hỷ liền túm đầu bạn mình dắt đi và nói: Hãy đi đến gặp Phật một lần thôi! Lúc bấy giờ trong kiêng kỵ nắm đầu người ta, người nắm đều bị chém đầu. Hỏa Man kinh hãi, trong lòng thầm nghĩ rằng: Người thợ gốm này không sợ chết tóm lấy đầu mình, điều này không phải là chuyện nhỏ, ắt phải có chuyện tốt lành mới khiến cho người này không sợ chết mà nắm đầu mình. Hỏa

Man nói: Anh thả đầu tôi ra, tôi sẽ đi theo anh! Hộ Hỷ lập tức thả ra, cùng nhau đi đến chỗ Phật. Hộ Hỷ lễ lạy chân Như lai rồi ngồi về một bên. Hỏa Man đưa tay chào hỏi xong liền ngồi. Hộ Hỷ vòng tay thưa với Phật Ca-diếp rằng: Đây là Hỏa Man, con trai của Thái Sử trong ấp Đa Thú, là bạn thân từ lúc nhỏ của con, nhưng người ấy không biết đến Tam Tôn, không tin Tam bảo, nguyện xin Thế tôn gợi mở cảm hóa ngu si đen tối khiến cho người ấy tin hiểu. Cậu bé Hỏa Man nhìn kỹ càng Thế tôn, từ đầu đến chân nhìn thấy tướng tốt của Phật, dung mạo uy nghiêm vô cùng – các căn thuần thục điều hòa; dùng 32 tướng tốt trang nghiêm cho thân thể, tám mươi vẻ đẹp để làm thành dung mạo diệu kỳ; giống như đóa hoa trên cây Sa La; thân thể giống như núi Tu di, không thể nào trông thấy đỉnh cao; khuôn mặt giống như trăn tròn, ánh sáng giống như mặt Trời rực rỡ, thân có sắc màu như vàng ròng. Hỏa Man trông thấy tướng tốt của Phật, thì trong lòng nghĩ rằng: Sấm ký dòng dõi Phạm chí của mình đã ghi những tướng tốt, nay Phật có tất cả, chỉ có điều là không có hai việc, một là tướng âm mã tàng, hai là tướng nhả lưỡi liếm mặt. Thế là nói kệ rằng:

Đã nghe ba mươi hai tướng tốt,
Tám mươi vẻ đẹp của Đại sĩ,
Đối với người này được tôn quý,
Nhưng không nhìn thấy có hai điều.
Lẽ nào có thân thể trượng phu,
Mà giống như mã tàng hay không?
Lẽ nào có tướng lưỡi rộng dài,
Che kín mặt, liền thấu đầu không?
Nguyện nhả lưỡi nêu rõ cho thấy,
Khiến con dứt sạch những hoài nghi,

Con trông thấy mới biết chính xác, giống như kinh ghi chép hay không? Ngay sau đó Như lai liền đưa ra tướng lưỡi rộng dài, để cho kín khuôn mặt lên đến nhục kế, và che phủ hai tai. Bảy lần liếm đầu, co lưỡi vào miệng, màu sắc ánh sáng phát ra soi chiếu đại thiên thế giới, che lấp ánh sáng mặt trăng mặt Trời cho đến cõi Trời A Ca Nhị Tra, ánh sáng trở lại vòng quanh thân bảy vòng rồi từ trên đỉnh đi vào, dùng sức thần thông hiện rõ tướng âm mã tàng, khiến cho một mình Hỏa Man trông thấy, mà những người khác không nhìn thấy. Cậu bé Hỏa man trông thấy đầy đủ 32 tướng của Phật không thiếu một tướng nào, hoan hỷ nhảy nhót không thể nào tự kìm mình được. Như lai thuyết pháp cho Hỏa man, ngăn lại ba nghiệp ấy khiến cho thực hành Bồ-tát hạnh. Hỏa

man liền lạy sát chân Phật rồi quỳ thẳng thưa rằng: Nay con sám hối, những gì thân không đáng làm mà làm, những gì miệng không nên nói mà nói, những gì ý không được nghĩ mà nghĩ, nguyện xin Thế tôn chấp nhận sự sám hối này của con, từ nay về sau không dám phạm nữa! Như vậy đến ba lần, Như lai Ca-diếp im lặng chấp nhận. Cậu bé Hỏa Man và cậu bé Hộ Hỷ, cùng lễ lạy lui về. Sau đó tự mình trách móc ân hận không sớm được nghe làm mất đi lôi ích đối với đạo. Thế là cậu bé Hỏa man nói kệ ca ngợi Hộ Hỷ rằng:

Nhân ái làm bạn tốt của tôi,
Bạn pháp không có gì tham trước,
Dẫn dắt cho tôi theo chánh đạo,
Bạn này được Đức Phật khen ngợi.

Sau đó hai người tìm đến chỗ Phật cầu xin xuất gia thọ cụ túc giới. Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Cậu bé Hỏa Man lúc ấy nay chính là thân Ta. Cha của Hỏa Man lúc ấy nay chính là vua cha Chân Tịnh của Ta. Cậu bé làm thợ gốm tên là Hộ Hỷ lúc ấy, lúc Ta làm Thái tử ở trong cung của thể nữ, đến nửa đêm làm Bình Thiên Tử để nói với Ta rằng: Ngày giờ đã đến, nên xuất gia đi. Người dẫn dắt cho ta ấy là Xá-lợi-phất. Hộ Hỷ này nhiều lần khuyến khích Ta xuất gia, là thiện tri thức vậy. Ta trước đây hướng về Hộ Hỷ phát ra lời nói tệ hại rằng: Phật Ca-diếp chỉ là Sa môn trọc đầu, Phật đạo có gì khó được? Vì lời nói tệ hại này, cho nên trước lúc thành Phật phải chịu khổ hạnh sáu năm, mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè hạt gạo hoặc là đậu lớn đậu nhỏ, tuy chịu đựng vất vả cực nhọc mà đối với pháp chẳng có ích gì. Xá-lợi-phất ơi, Ta khổ hạnh sáu năm ấy là đền trả duyên đối đầu trước kia, xong rồi sau đó mới được thành Phật.

Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất: Ông xem Như lai đã hết những ác niệm, chư Thiên-người – quỷ thần và tất cả chúng sanh đều mong muốn hóa độ, mà Ta hãy còn không tránh khỏi oán tối vốn có, huống là hạng ngu si tăm tối không đến được đạo ư! Này Xá-lợi-phất, nên giữ gìn ba nghiệp của thân, bốn nghiệp của miệng và ba nghiệp của ý, nên học như vậy!

Lúc Đức Phật giải thích về nhân duyên của đời trước, có một vạn một ngàn người cõi Trời đạt được quả vị Tu-đà-hoàn, tám ngàn chúng sinh loài rồng đều thọ Ngũ giới, năm ngàn Dạ xoa thọ tam tự quy. Đức Phật thuyết kinh này xong, Xá-lợi-phất và năm trăm La hán, A nậu đạt Long vương và tám bộ Quỷ Thần, hoan hỷ vâng lời thực hành”.

Tụng rằng:

Chỉ riêng bậc trí tuệ này,
Gặp nhiều mưu kế oan ức,
Đục trong khó mà phân biệt,
Người thiện giăng đầy ác nghiệp,
U hiển biết rõ sâu xa,
Thật giả xem xét kỹ càng,
Tự quán sát nghiệp đối đầu,
Như hình ảnh giữa hư không.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 60

Thiên thứ 68: CHÚ THUẬT (Phần một)

Thiên này có 7 phần: Thuật ý, Sám hối, Di Đà, Di-lặc, Quán Âm, Diệt tội, Tạp chú.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Nói đến thần chú thì đó là công dụng, nâng cao tín tâm đang mê muội, dẫn dắt minh tuệ thêm chân chính, xé toạc ngăn cách của mây che, diệt trừ bệnh nặng của nhiếu kiếp, ác nghiệp đã gột sạch thì pháp đen tối không còn, vì lẽ đó bậc Thánh nhiếu lần nói rõ cách thức, tinh thần chúng sanh có chỗ nương nhờ, cho nên Ba Tuần tôn trọng thần chú hướng về bạch thọ, Phạm Vương hiển bày nghi thức ở tại xích kì, Thất Phật truyền bá chánh đạo hợp với thời duyên, Bồ-tát bày tỏ chân thành ở nơi pháp hội, rộng lớn mênh mông càng khó mà ghi chép đầy đủ. Nhưng mà Đà-la-ni ấy, là Phạm âm của Tây Thiên, người Đông Hoa dịch thì nói là Trì, là đều tụng để giữ cho điều thiện không mất, giữ cho điều ác không sanh. Dựa vào đây mà nói, khắp nơi thất chặt cùng làm thay đổi, y theo pháp mà thi hành, công dụng lập tức linh nghiệm. Hoặc là đá nát cây đổ, hoặc là diệt bệnh trừ nguy, tùy theo âm thanh phát ra mà đau khổ không còn, tùy theo tiếng vang bay bổn mà sự việc dấy lên. Hoặc là triệu tập quỷ thần, hoặc là chế ngự rồng say, mây cuộn khắp nơi mà tuôn mưa tưới thấm, đốc thúc tâm chí mà điềm lành quy tụ. Cảm ứng không cùng tận, điều ấy đã có từ lâu.

Thứ hai- PHẦN SÁM HỐI

Lời thuật: Nói đến thần chú là do ba đời chư Phật đã thuyết ra, nếu luôn luôn chí tâm thọ trì, thì không có gì không linh nghiệm. Gần đây thấy đạo tục, tuy có tụng trì mà công hiệu không nhiều, tự mình không có chí thành mà phỉ báng là không có dấu hiệu linh nghiệm. Hoặc là có văn tự sai lạc, hoặc là do âm vận không chuẩn mực, hoặc là

uống rượu ăn thịt, hoặc là ăn các loại cay nồng, hoặc là nhà cửa ô uế, hoặc là nói lời thô tục, hoặc là áo quần không sạch, hoặc là nơi chốn không nghiêm túc, khiến cho quỷ thần không được dịp thuận tiện, trái lại còn nhận chịu tai ương. Nếu muốn sám hối thì trước tiên phải thiết lập đạo tràng, treo phan lọng trang nghiêm đốt các loại hương quý, bốn cửa giữ gìn sạch sẽ ngăn cấm mọi người lẫn tạp. Cứ mỗi khi ra vào đều cần phải tắm rửa, kiếm nhiều loại hương thơm thường ngậm trong miệng, chí thành thiết tha tự trách bản thân mình, hổ thẹn nhận lỗi trước tất cả Hiền Thánh mười phương, sau đó vì tất cả bốn loại chúng sinh trong sáu đường, từng tâm niệm tiếp nhau không lơi lỏng trong chốc lát. Chân thành như vậy thì nhất định ứng nghiệm không nghi ngờ. Vì vậy trong kinh Bồ-tát Thiện Giới nói: “ Bồ-tát vì phá trừ các loại ác hạnh cho chúng sanh nên thọ trì thần chú, vốn có 5 điều không được làm: 1- Không ăn thịt; 2- Không uống rượu; 3- Không ăn năn thứ cay nồng; 4- Không dâm dục; 5- Không ăn ở trong nhà bất tịnh. Bồ-tát đầy đủ 5 điều như vậy, có thể làm lợi ích to lớn cho vô lượng chúng sanh, các quỷ thần xấu ác, các bệnh tật hiểm độc không có loại nào không thể chữa trị được.

Thiên Chuyển Đà-la-ni thần chú, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tuyên thuyết.

Chú này phát sinh từ Tây Phạm, từ lúc phát sinh cho đến bây giờ truyền rộng khắp nơi. Đến đầu thời Tùy Đại nghiệp, Tam Tạng Kiệp Đa ở tại cung quán phiên dịch kinh điển thuộc vùng Lạc Dương - Đông Đô, dịch ra chú này để tạo thuận lợi cho người học lúc bấy giờ này phân bố khắp vùng Hoa Di. Lúc ấy, có Luật sư Huyền Uyển chùa Diên Hưng ở Trường An và Pháp sư Tịnh Lâm chùa Hoằng Pháp... đều là bậc đạo hạnh sáng ngời-uy đức vang lừng khắp nơi, bước đầu truyền bá rộng rãi trừ sạch bao điều khiếm khuyết, cho dù ở viện khác nhưng vẫn thành lập đạo tràng. Cứ mỗi khi đến đầu mùa Xuân là thọ giới Sa di và đạo tục nơi khác nối tiếp nhau không dứt, cảnh tượng linh thiêng nhiều lần xuất hiện. Cho đến bây giờ hơn năm mươi năm, thì dần dần sai lạc, sợ rằng người đời sau không biết đầu đuôi thế nào, vì vậy tích góp thuật lại đầy đủ. Nhưng mà phần lớn tập hợp các kinh và Đà-la-ni làm thành mười quyển, trình bày nhiều về các loại thần chú, không chép lại tất cả bởi vì vừa nhiều vừa rối. Nay lại lần lượt chọn điều cốt yếu cần thiết mà có ích cho hiện tại, ý giữ lại sự diệt tội trừ chướng, trích ra hơn bốn mươi bài, chỉ có những tạp thuật về trừ bệnh - cứu nghèo - bảo vệ sự sống và kéo dài tuổi thọ. Cũng sơ lược kể ra hơn hai mươi loại, có lẽ nơi này

không có văn tự mà ở Tây Vực có bản gốc, do Tam Tạng truyền khẩu. Muốn sử dụng thần chú ấy, cũng phiên ra nhiều lượt, truyền nhau mà lưu hành. Số còn lại rất nhiều thì hy vọng tìm trong Đại Bản.

Đức Phật tuyên thuyết thần chú rằng: Man mộ át la đát na, đát la da dạ, man ma a la da, a phệ lô cát đê, thấp phệ la dạ, bồ đề tát đa bà tà, Ma-ha đát đỏa bà đà, Ma-ha ca rô nhị, ca dạ đát đà, thệ duệ thệ duệ, thệ dạ bà hê, nhĩ thệ du đát lê, ca la ca la, ma la ma la, Đa la đa la, giá la giá la, bát la giá la, bát la giá la, khí nã khí nã, tát bà kiệt ma, phệ la nã nhĩ, mê bà già phục để, sách ha tát la phệ la đê, tát bà bột đà, phệ lô cát đê, chích sô thuật lô, đát là yết la, nã thực cáp bà, ca dạ mạt nô tỉ, xà dạ na tỉ, thâu đạt nhĩ, tố rô tố rô, bát la bát la, tố rô tố rô, tát bà bột đà, át địa sắt rỉ, na cập bà ha, đạt ma đà thạch, yết lợi bính cập bà ha, a la bà bà, cập bà bà, bà tát bà đạt ma, bà bồ đạt nhĩ, cập bà ha.

Công năng của chú này, dù nghiệp chướng tích tụ từ ngàn kiếp mà một khi tụng rồi thì thảy đều trừ hết, liền được ngàn Đức Phật tích góp thiện căn, sẽ được rời xa ngàn kiếp lưu chuyển trong bến bờ của sinh lão bệnh tử, chuyển qua đời này rồi được thấy ngàn vị Chuyển Luân Vương. Người muốn sanh đến cõi Phật thanh tịnh, thì ngày ba thời - đêm ba thời, trong mỗi một thời đều tụng hai mươi mốt biến, đến hai mươi mốt ngày, nếu có mong cầu liền được như ý. Mình thấy hình tượng Đức Phật sắc thân vàng rực và hình tượng Bồ-tát, tức là tướng đầu tiên, mạng chung rồi sau đó sẽ sanh trong xứ sở của các vị Bồ-tát tụ hội.

Thứ ba- **PHẦN DI ĐÀ**

Nếu người muốn đọc tụng thần chú A-di-đà này, thì nhiều miệng dựa vào chữ đều y theo âm gốc mà chuyển. Nói là không có miệng ấy thì dựa vào chữ mà đọc, vẫn cần phải có thầy giảng dạy. Thanh vận hợp với Phạm âm, mức độ nặng nhẹ đúng phương pháp, y theo tu hành chắc chắn có linh nghiệm.

Na mô bồ đà dạ, na mô đà la ma dạ, na mô tăng già dạ, na ma a nhị đa bà dạ, đà tha Già-đa dạ, a la ha đê, tam miệu tam bồ đà dạ, đà diệt tha, a nhị lợi đê, a nhị lợi đô bà bề, a nhị lợi đà tam bà bề, a nhị lợi đà tị Ca-lan đê, già nhị nhĩ, già già na, kê lợi để, ca lợi sa, la bà bà, ba phả xoa, diệm ca lợi, sa bà ha.

Đây là thần chú trước kia đã lưu hành, công năng lợi ích không thể nào nói hết. Vào lúc sáng sớm đánh răng súc miệng sạch sẽ rồi rải hoa thắp hương, chắp tay quỳ thẳng ở trước hình tượng Đức Phật, miệng tụng bảy biến, hoặc là mười bốn hay hai mươi mốt biến, diệt trừ các tội

Tứ trọng, Ngũ nghịch, thân hiện tại không bị các tai họa bất ngờ làm cho buồn phiền, mạng chung về cõi nước Vô Lượng Thọ nữa, chú này có năng lực chuyển thân nữ để thành thân nam. Nay chỉ so sánh bản tiếng Phạn, và hỏi chính xác các vị Bà-la-môn Tăng, thì chú này có uy lực không thể nghĩ bàn được, chỉ vào lúc sáng trưa chiều mỗi thời tụng một trăm biến, có năng lực diệt trừ tội Tứ trọng Ngũ nghịch, loại bỏ tất cả gốc rễ tội lỗi được sanh về Tây phương. Nếu luôn luôn tinh thành tụng đủ hai mươi vạn biến, thì mần bồ đề phát sinh được bất thối chuyển; tụng đủ ba mươi vạn biến, thì chính mình được thấy Đức Phật A-di-đà, quyết định được sanh đến Tịnh độ An Lạc. Lại trong kinh Đà-la-ni Tạp tập nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế tôn bảo với các Tỳ kheo: Nay Ta sẽ vì các ông mà diễn thuyết ở thế giới Cực lạc Tây Phương nay hiện có Đức Phật danh hiệu A-di-đà, nếu có bốn chúng đệ tử có thể đích thực thọ trì danh hiệu Đức Phật ấy, nhờ công đức này đến lúc sắp mạng chung, Đức Phật A-di-đà liền cùng với đại chúng, đi đến nơi người này khiến cho họ được trông thấy, thấy rồi liền sanh tâm vui mừng tăng thêm phần công đức. Nhờ nhân duyên này, nơi sinh ra vĩnh viễn xa lìa hình hài ô uế dục vọng của bào thai, chỉ ở trong hoa sen báu tươi sáng tuyệt vời, tự nhiên hoa sanh có nhiều thần thông; hằng sa chư Phật khắp mười phương đều cùng ca ngợi thế giới An Lạc ấy, vốn có Phật pháp không thể nghĩ bàn, thần thông hóa hiện các loài phương tiện không thể nghĩ bàn. Nếu có chúng sanh nào có thể tin sự việc như vậy, thì nên biết người này là không thể nghĩ bàn, nghiệp báo đã đạt được cũng không thể nghĩ bàn. Cõn nước đó gọi là Thanh Thái, là nơi an trú của Đức Thánh Vương, thành đó ngang dọc mười ngàn do tuần, trong đó rất nhiều chủng loại Sát lợi, A-di-đà Phật có cha tên gọi Nguyệt Thượng Chuyển Luân Thánh Vương, mẹ Ngài tên gọi Thù Thắng Diệu Nhan, Ngài tên là Nguyệt Minh, đệ tử phụng sự tên là Vô Cấu Xưng, đệ tử trí tuệ tên là Tuệ Quang, thần túc tinh cần tên gọi là Đại Hóa. Lúc bấy giờ Ma Vương tên gọi là Vô Thắng, có Đề-bà-đạt-đa tên là Thắng Tịch, A-di-đà Phật cùng Đại Tỳ kheo gồm sáu vạn người quy tụ. Nếu có ai thọ trì danh hiệu Đức Phật ấy, tâm mình kiên cố nhớ nghĩ không quên, thí mười ngày mười đêm trừ bỏ tán loạn, tinh cần tu tập Niệm Phật Tam Muội, thọ trì đọc tụng Cổ Âm Thanh Vương Đại Đà-la-ni này. Nếu mười ngày mười đêm sáu thời chuyên niệm, năm vóc sát đất lễ kính Đức Phật ấy thì chánh niệm kiên cố trừ hết tán loạn. Nếu luôn luôn khiến cho tâm niệm niệm không dứt, thì trong mười ngày chắc chắn được thấy Đức Phật A-di-đà, và thấy các Đức Phật Như lai khắp

mười phương thế giới cùng trú xứ của các Ngài. Chỉ trừ ra người độn căn nghiệp chướng sâu dày, giờ đây không bao lâu mà không thể nhìn thấy được, tất cả các điều thiện đều hồi hướng hết nguyện được vãng sanh thế giới An Lạc, ngày sắp mạng chung, Đức Phật A-di-đà và các đại chúng hiện rõ trước mắt người ấy, an ủi khen điều tốt lành, người này lập tức sinh tâm vui mừng vô cùng. Nhờ nhân duyên này, như tâm nguyện đó liền được vãng sanh.

Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Như thế nào gọi là Cổ Âm Thanh Vương Đại Đà-la-ni, nay Ta sẽ nói, các ông cố gắng lắng nghe, chỉ như vậy mà tiếp nhận lời dạy. Ngay sau đó Đức Thế tôn liền thuyết thần chú rằng:

Đa phục tha, bà ly, a bà ly, sa ma bà la, ni địa xa, nặc xà đa di, nặc phiệt da, nặc phiệt tiên, xà la bà la xa đà di, túc khư ba đề nặc địa xa, a di đa do bà ly, a di đa xà ba ba la, sa đà di, niết phù đề, a ca xá nặc phù đà, a ca xá nặc đề xa, a ca xá nặc xà đế, a ca xá cữu xá ly, a ca xá đạt xa ni, a ca xá đề tha di, lưu ba nặc đề xa, giá đỏa lỵ đạt ma ba la sa đà di, giá đỏa lỵ a lợi xà sa đế xà ba la sa đà di, giá đỏa lỵ mạt già bà na ba la sa dà di, bà la tỳ lê da ba la sa đà di, đạt ma thân tha di, cữu xá ly, cữu xá ly nặc đề xa, cữu xá la ba la đề tha di, Phật đà cữu xá ly, tỳ Phật đà ba la ba tư đạt ma ca la di, nặc chuyên đề, nặc phù đề, tỳ ma ly, tỳ la xà, la xà , la tư, la sa kỳ, la bà già la bà ly, la Sa-già-la a địa tha di, cữu xá ly, ba la đề cữu xá ly, tỳ cữu xá ly, tha đề, tu đà đa chí đề, tu ba la xá đa chí đề, tu ba la đề si đề, tu ly, tu mục tiên, đạt miết, đạt đạt miết, ly bà, giá bà ly, a nậu xá bà ly, Phật đà ca xá nặc cầu di, Phật đà ca xá cầu di, sa bà ha.

Đây là A-di-đà Cổ Âm Thanh Vương Đại Đà-la-ni. Nếu có Tỳ kheo - Tỳ-kheo-ni - thiện nam tín nữ nào, thường thuận theo chí thành thọ trì đọc tụng tu hành như thuyết, thì lúc hành trì pháp này, nên ở nơi vắng lặng, tắm gội thân thể, mặc áo quần mới sạch sẽ, ăn uống chay tịnh, không uống rượu ăn thịt và các thứ cay nồng, luôn luôn tu phạm hạnh, dùng hương hoa tốt đẹp cúng dường A-di-đà Như lai và chúng Đại Bồ-tát trong đạo tràng của Phật, thường thuận theo như vậy chuyên tâm bận lòng phát nguyện cầu sanh đến thế giới An Lạc, tinh cần không lười nhác, như nguyện cầu ấy chắc chắn được vãng sanh".

Thứ tư- **PHẦN DI LẶC**

Trong kinh Thất Phật Sở Thuyết Thần Chú nói: "Lúc bấy giờ Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi đã tuyên thuyết Đà-la-ni, tên gọi Diêm Ma Đâu

(Thời Tấn nói là Giải Chúng Sinh Hệ Phược), làm cho các bệnh khổ hiện tại đều được tiêu trừ, có thể đẩy lùi sự chướng ngại đạo và nhổ sạch mũi tên của ba độc, 98 sử dần dần bị tiêu trừ, diệt độ ba hữu lưu, thân hiện tại đạt đến đạo, liền thuyết thần chú rằng:

Chi bất đa nại đế, Diêm-phù chi nại đế, tô xa bất chi nại đế, ngột kì bất chi nai đế, ô tô đa chi nại đế, sa giá bất chi nại đế, diêm ma lại trường chi nại đế, a thứ bà lại trường chi nại đế, thứ ba đế chi nại đế sa ha.

Tụng thần chú này ba biến, kết chỉ ngũ sắc làm thành hai vòng đeo trên cổ. Đà-la-ni này, bốn hai ức chư Phật đã thuyết ra, nếu những người thực hành luôn luôn biên chép đọc tụng thần chú này, thì đời hiện tại sẽ được ngàn Đức Phật che chở, người này mạng chung về sau không rơi vào ác đạo, sẽ sanh lên cõi Trời Đâu Suất chính mình nhìn thấy Di-lặc. Lại có chúng sanh nào có thể tu hành thnầh chú này, nhịn ăn bảy ngày, chỉ uống sữa trâu, chỉ ăn một bữa trưa lại không ăn lẫn tạp, một ngày đêm 6 thời sám hối, tất cả tội nặng đã làm trong ức ngàn vạn kiếp trước kia, trong một lúc đều trừ sạch, được thấy ngàn Đức Phật đưa tay xoa đầu người ấy liền thọ ký cho, tội lỗi ác nghiệp vốn có đều diệt sạch không còn lại gì".

Thần chú nguyện được thấy Phật Di-lặc (do Tam Tạng nước Tây trúc truyền miệng mà có được): Nam mô di đế lệ da dạ, bồ đề tát đỏa dạ, đa điệt tha, di đế lệ di đế lệ, di Đa la ma na tê, di Đa la, tam bà bính, di đa rô bà bính, sa bà ha.

***Thứ năm-* PHẦN QUÁN ÂM**

Quán Thế Âm tùy tâm chú:

Nam mô hạt la đát na, đát la dạ, nam mô a lợi da, bà lô cát đế, thấp bà la da, bồ đề tát đỏa la, Ma-ha bồ đề, tát đỏa da, Ma-ha ca lô nhị ca da, đát điệt tha, đa lợi da lợi, đốt đa lợi, đốt đốt đa lợi đốt lợi, tát bà ha.

Thỉnh Quán Thế Âm Đại Thế Chí Bồ-tát chú pháp.

Trong kinh Đà-la-ni chú nói: "Đức Phật ở tại nước Xá Vệ, lúc ấy có Dạ xoa năm đầu, mặt đen như mực, mà lại có năm mắt, răng nhọn chĩa ra ngoài, hút tinh khí của người, mắt đỏ như máu, hai tai chảy mủ, trong mũi chảy máu, lưỡi ngậm cứng không nói ra tiếng, đồ ăn hóa thành thô ráp, 6 thức bị đóng chặt, là quỷ đã khiến cho nhân dân gặp phải tai họa, đem mạng sống tìm đến chỗ Phật, liền khiến thỉnh cầu Bồ-tát Quán Thế Âm trừ khử độc hại".

Thứ nhất: tên gọi là kinh Thỉnh Quán Thế Âm Bồ-tát Tiêu Phục Độc Hại Đà-la-ni chú, đây là vào thời Nam Tống người nước ngoài tên là Bách Chủ trúc Nan Đề dịch ra. Kinh nói: "Tất cả chúng sanh có nỗi sợ hãi ba độc, sợ chết, sợ lạnh, sợ phá phạm hạnh, sợ gây ra mười ác nghiệp, sợ lao ngục giam cầm, sợ nước lửa quỷ thần làm cho bức não, đều nên quy y Bồ-tát Quán Thế Âm, vì vậy thế giới Sa bà đều xưng hiệu Ngài là bậc Thí vô úy, có quán đảnh chương cú Đà-la-ni thần chú, chắc chắn được tốt lành, người nghe được lợi ích. Nếu người muốn đọc tụng, thì giữ gìn trai giới đầy đủ không gần người nữ, không nghĩ đến những điều xấu xa, chỉ chuyên tâm nghĩ đến chư Phật mười phương và Thất Phật cùng Bồ-tát Quán Thế Âm. Nhất tâm tụng trì, thân hiện tại được thấy Bồ-tát Quán Thế Âm, các nguyện được thành tựu, đời sau sinh ở trước Phật, mãi mãi cách xa khổ đau. Hoặc là hai mươi mốt ngày hoặc là bốn mươi chín ngày, mới thành lập đạo tràng thuận theo sáu ngày trai, đầu tiên xây dựng trang nghiêm dùng hương nhão xoa đất, treo các phan lọng đặt tượng Phật hướng về phía Nam, tượng Quán Thế Âm đặt riêng biệt hướng về phía Đông, mỗi ngày thường dùng cành dương vẩy nước sạch, thắp hương rải hoa cúng dường. Người thực hành thích hợp là từ mười người trở lại để thực hành, sợ rằng nhiều người sẽ bị nhiễm loạn. Nên trải chiếu ngồi trên mặt đất, mặt hướng về phía Tây. Nếu mặt đất ẩm thấp thì hạ chân giường xuống thấp. Nên cởi áo sạch ra vào hai bên, tắm gội xong mặc áo quần sạch sẽ. Nên ngày ngày dốc sức cúng dường. Nếu không lo liệu nổi thì ngày đầu tiên không thể không bố thí. Đã sắp xếp xong rồi thì tất cả đều bưng lò hương, toàn tâm toàn ý hướng về phía Tây, năm vóc sát đất khiến cho âm thanh rõ ràng mà xướng lên rằng: Cung thỉnh thập phương Thất Phật Quán Âm Đại Thế Chí Bồ-tát..., nay con đã chuẩn bị cành dương và nước sạch, chỉ nguyện cầu Đại Từ bi thương xót nhiếp thọ, nguyện cứu tai ách cho con, phát ra ánh sáng to lớn diệt trừ bóng tối ngu si, đến nơi con ban cho con niềm vui to lớn, nay con cúi đầu quy y phụng thỉnh giáng lâm (như vậy nói ba lần). Sau đó tiếp tục nhất tâm thanh tịnh ý niệm, chuyên nghĩ đến Quán Âm Đại Thế Chí ở Tây phương, tụng chú bảy biến:

Đa điệt đà, ô hô nhị, mô hô nhị, diêm bà nhị, đam bà nhị, an đồ lị, bàn đồ lị, thủ bí đề, bàn đồ la, bà tư nhị, đa chí tha, mị lê đề thủ lê, ca ba lê, khư đề đoan kì, chiên đà lê, ma đăng kì lặc xoa lặc xoa, tát bà tát đỏa, tát bà bà da ti, sa ha.

Đa đồ tha, già đế già đế, nhị già đế, tu lưu tu lưu tì, lặc xoa lặc xoa, tát bà tát đỏa, tát bà bà da ti, sa ha.

Nếu thân tâm luôn luôn sạch sẽ cố gắng tụng chú này, thì cảm được Quán Âm Đại Thế Chí, Đại Từ Đại bi dùng thần thông đi lại khắp nơi năm đường, luôn luôn dùng sự tu tập tốt lành mà cứu giúp cho tất cả, lìa xa sinh tử khổ đau được đến nơi yên lành, thoát khỏi các phiền não đến được chốn Niết-bàn.

Thứ hai: lại xưng niệm danh tự Tam bảo, tụng chú phá ác nghiệp chướng tội lỗi:

Nam mô Phật đà, nam mô Đạt ma, nam mô Tăng già, nam mô Quán Thế Âm, bồ đề tát đỏa, Ma-ha bồ đề tát đỏa.

Đại Từ Đại bi chỉ nguyện thương xót con cứu hộ khổ não cho con, cũng cứu giúp tất cả chúng sanh đang sợ hãi khiến cho được sự che chở to lớn.

Đa điệt tha, a hô nhị, mô hô nhị, diêm bà nhị, đam bà nhị, a bà hi, mô hô nhị, phân đồ lê, bàn đồ lê, luân bính đế, bà tư nhị, hưu lâu hưu lâu, phân đồ lê, Đâu-lâu Đâu-lâu, bàn đồ lê, chu lâu chu lâu, bàn đề lê, đậu phú đậu, bàn đồ la, bà tư nhị, thẩn trì chẩn trì nhị chẩn trì, tát bà ha bà da kiệt đa, tát bà đát bà sa đà, a bà da, ti ly đà bế điện sa ha.

Đức Phật dạy: Nếu bốn chúng đệ tử thọ trì danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, tụng thần chú này một biến đến bốn mươi chín biến, thì thân tâm an ổn, tất cả nghiệp chướng như lửa đốt cháy củi vĩnh viễn trừ sạch không sót lại gì, cho đến ba độc cũng được tiêu trừ tất cả, như trong kinh nói rộng.

Thứ ba: tiếp tục xưng niệm danh tự Tam bảo, tụng chú Lúc tự chương cú:

Đa điệt tha, an đà lị, bàn chất thư, man đa lị, bà già lị, a lô di, bạc cưu lị, mạc cưu lệ, đâu tỳ lệ, sa ha.

Đức Phật dạy: Nếu bốn chúng đệ tử nhận chịu những sự khổ não, một ngày đến mười ngày, một tháng đến năm tháng, tịnh tâm lắng lòng quy y Tam bảo, ba lần xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm mà tụng trì thần chú này, thì tất cả tai họa đối đầu không có gì không rời xa và giải thoát những sự khổ não, đời này được an lành, đời sau sinh ra gặp Phật. Thần chú này chính là ba đời chư Phật mười phương đã thuyết ra, thường được chư Phật - chư đại Bồ-tát cùng hộ trì. Nếu có người nghe mà tu hành như lời Phật dạy, thì tội lỗi tiêu diệt không còn, thân hiện tại được thấy tám mươi ức Đức Phật, đều đến trao tay, liền được không quên Đà-la-ni này dù chỉ trong chốc lát. Nếu như có tội lỗi từ đời trước và hiện tại tạo ra nghiệp ác rất nặng nề, thì trong mộng được thấy Bồ-tát Quán Thế Âm, như luồng gió rất mạnh thổi vào mây dày, được

xa lìa tội lỗi nghiệp chướng mà sanh ở trước chư Phật.

Thứ tư: lại thuyết cho nghe thần chú quán đảnh cát tường Đà-la-ni:

Đa điệt tha, ô đam tỳ lị, đâu tỳ lị, đam bì, ba la đam bì, nại tra, tu nại tra, chỉ bạt tra, mâu na da, tam ma da đàn đề, nhị la, chỉ thị, bà la cưu tì, ô lị, nhướng cù lị sa ha.

Nếu có người nam người nữ, nghe kinh chú này, thọ trì viết chép đọc tụng giảng giải, thì được vượt qua tội chướng sinh tử của vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, độc hại tiêu trừ không cho tai họa đối đầu, cho đến đầy đủ thiện căn sanh đến cõi Phật thanh tịnh".

Dựa theo Tây Vức Truyện: Bên bờ Nam Hải có chùa núi, Bồ-tát Quán Thế Âm thường dừng lại trong đó, hễ có người niệm là ứng hiện như tiếng vang không đâu không cảm đến. Nếu đến chùa núi nhịn ăn bảy ngày, thì thấy Thánh giả địch thân thuyết pháp cho nghe. Bởi vì nhịn ăn tâm niệm mạnh mẽ cho nên cảm thấy được thông suốt rõ ràng. Phương pháp thực hành như trên thì nhịn ăn cũng như vậy.

Thứ sáu- **PHẦN DIỆT TỘI**

Trong kinh Đông Phương Tối Thắng Đăng Vương Như lai nói: "Đông phương cách đây vượt qua trăm ngàn ức cõi Phật, có một cõi Phật tên là thế giới Vô Biên Hoa, trong thế giới ấy có một Đức Phật danh hiệu là Tối Thắng Đăng Vương Như lai, hiện đang tiêu dao thuyết pháp, cử hai Bồ-tát đến thế giới Sa Bà này, một vị tên là Bồ-tát Đại Quang, một vị tên là Bồ-tát Cam Lộ Quang. Đức Phật dạy: Hai Bồ-tát các ông đi đến thế giới Sa Bà, thế giới ấy có một Đức Phật danh hiệu là Thích Ca Mâu Ni, đem Đà-la-ni chương cú này thuyết cho các chúng sanh, bởi vì sự an lạc, vì công đức, vì tăng thêm lợi ích, vì danh tiếp, vì phát sinh sức lực, vì tùy theo ý thực hành, vì được hưởng thụ vui vẻ, vì không nhiễu loạn, vì không giết hai chúng sanh, vì được ủng hộ, mà tuyên thuyết thần chú:

Đa diệt tha ưu ba sai nê, đổ sai nê, la xoa nậu cù, ba đà duệ ba la xà bà lệ xà bà lệ, xà bà lệ Ma-ha xà bà lệ, xà bà lăng già đế, xà bà lệ xà bà lê ni, Ma-ha xà bà lê ni.

Xà bà la mộc tiên sa lợi, ma sa lợi, a ca lệ ma ca lệ, a tiên ma tiên na tiên ra bà lệ, Ma-ha sa bà lệ, tam bà ly, úc cú, tam ma đế, Ma-ha tam ma đế đế, tam ma đế, Ma-ha tam ma đế, Ma-ha xà bà lệ, sa duệ, sa la di, mục cú xa di, Ma-ha xa di, tam ma đệ, Ma-ha tam ma đệ, tam mục tị, tỳ mục tị, a la tế, Ma-ha a la tế, ma na đế, ma na tế, ma na tế đề ti

tê, sa bà ha.

Lúc bấy giờ hai Bồ-tát thọ trì Đà-la-ni này rồi, ví như khoảnh khắc tráng sĩ co duỗi cánh tay, đến nơi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, cung kính lễ lạy xong, trình bày đầy đủ mục đích đến mà nói lời rằng: Hoặc bị các quỷ thần não hại, hoặc bị các loại trùng độc làm hại, hoặc bệnh do đầu độc, hoặc có bệnh do xác chết, hoặc có bệnh sốt cao tột ngột, từ các loại bệnh do quỷ quấy rối..., mà Đức Tối Thắng Đang Vương Như lai cử chúng con mang thần chú Đà-la-ni này đến, làm lợi ích cho các chúng sanh, nên tuyên thuyết thần chú trước đây.

Bấy giờ Đức Phật bảo với A-nan rằng: Ông giữ gìn thần chú này vì người khác giảng giải truyền bá lưu thông khắp nơi. Đức Phật xuất thế khó gặp được, thần chú này lại rất khó được nghe. Nếu có người có thể thọ trì Đà-la-ni này, thì lửa không thể nào đốt cháy, dao gậy không tổn thương được, các loại chất độc không làm hại được, quan quyền không giết hại, Phạm Thiên không oán hận, người ấy bảy đời thường biết túc mạng. Thần chú này bảy mươi bảy ức chư Phật quá khứ đã tuyên thuyết, nếu có người nào hủy báng thần chú này, tức là hủy báng chư Phật quá khứ. Nếu có quỷ thần không kính trọng thần chú này, hoặc cho phép mình đoạt lấy uy lực của người nào đó, hoặc đã đoạt thần chú mà không trả lại, thì đầu của quỷ thần kia vỡ ra làm bảy phần.

Lúc bấy giờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo với các Tỳ kheo: Nay Ta cũng tuyên thuyết Đà-la-ni chương cú, vì lợi ích cho chúng sanh, vì tăng trưởng công đức, vì tăng trưởng uy đức, vì tăng trưởng sắc thân, vì tăng trưởng danh tiếng, vì tăng trưởng sức mạnh, vì tùy ý hưởng thụ vui vẻ, vì tùy việc làm mà được an lành, vì không nhiễu loạn, vì không sát hại, vì che chở giữ gìn, mà tuyên thuyết thần chú:

Đa điệt tha a tri bạt tri na tri câu na tri ca na tri tra la, bạt nê, Đa la xí nê, để ta la duệ a la, bà chỉ tra, chỉ tra đồ chỉ la lâu mê hô lô mê sa, lê Ma-ha sa lệ sai mê, Ma-ha sai mê lợi lê, lâu lợi lệ hề lệ, chỉ lệ hề lệ, mị lệ, y lệ, thi lệ thi lệ, thi thi lợi thi là bạt tri, a trệ bà trệ na trệ câu na trệ pha na bạt đế ba, na bạt đế, a ca đế ma ca tế ca tế ca sa, ca tế pha tế pha sa, pha tế Ma-ha pha sa, pha tế y, nê mị nê đa đá đa đá ba đa bà đa đá sa bà ha.

Lúc bấy giờ Đức Phật bảo với A-nan: Ông giữ gìn thần chú này vì người khác mà giảng giải truyền bá lưu thông khắp nơi. Đức Phật bảo với A-nan: Nghe Đà-la-ni này lại rất khó bội phần, nếu có người có thể tiếp nhận thần chú thì này lại khó gấp bội. Nếu có người có thể thọ trì đọc tụng, có thể vì người khác mà truyền bá lưu thông giải thích rõ

ràng, thì người ấy có thể biết sự việc của hai mươi mốt đời trong vị lai. Đà-la-ni này do chín mươi chín ức chư Phật quá khứ thuyết ra, nếu có người không tin tưởng thực hành mà con hủy báng, thì người ấy đã hủy báng chư Phật quá khứ. Nếu có người thọ trì thần chú này, kết giới giữ gìn bảo vệ thực hành đúng pháp, còn có thể khiến cho cây khô kia đâm chồi nẩy lộc đơm hoa kết trái, huống gì chúng sanh có ý thức thọ trì thần chú này mà không khác nhau, thì điều này là vô lý. Quy mạng hết thảy chư Phật, nguyện cho con thành tựu thần chú này, sa bà ha!

Lúc bấy giờ Đức Thế tôn lại tuyên thuyết thần chú:

Đa điệt tha, a trách bà trách, tra khể tra la khể, tra lô mạt để, đổ lô mạt để, đâu lệ, đổ la đâu lệ bà lệ sa lệ, đổ lệ, độ lệ, độ độ lệ tô lệ bà, thẩn thẩn bà thẩn lợi, hề lợi, tất lợi, để lợi, sa bà ha.

Bấy giờ Đức Thế tôn bảo với A-nan rằng: Nếu có người nào thọ trì thần chú này vì người khác mà lưu trong thông suốt, thì người ấy biết được sự việc của 28 đời. Đà-la-ni này do hằng hà sa chư Phật quá khứ đã thuyết ra. Nếu có người nào hủy báng thần chú này, thì chính là hủy báng hết thảy chư Phật quá khứ, tức là xa rời chư Phật quá khứ. Thần chú này có công năng to lớn, tất cả chư Thiên long thần ma quỷ - quan quyền - giặc cướp - các loại sâu độc..., đều không thể làm hại được; tất cả các bệnh tật ác hiểm cũng không thể làm hại được, chỉ trừ ra tai họa vốn có do nghiệp báo đã tạo ra". (Sơ lược thuận lại như vậy, còn phần công đức ở trong kinh nói nhiều).

Trong kinh Đại Phương Đẳng, Thất Phật thuyết ra thần chú Diệt Tội rằng:

"Ly bà ly bà đế, cừu ha cừu ha đế, đà la ly đế, ni ha la đế, tỳ ma ly đế sa ha".

Hai thần chú trên đây, chư Phật cùng thuyết ra, có công năng lợi ích diệt tội trừ chướng đầy đủ ở trong kinh văn, ở đây không thuật lại tất cả.

Phần thứ 6 quyển thứ năm trăm bảy mươi mốt kinh Đại Bát Nhã bản Tân dịch, nói rằng:

"Lúc bấy giờ Tối Thắng Thiên Vương lại thưa với Đức Phật rằng: Các vị Bồ-tát Ma-ha tát thực hành vào sâu Bát nhã Ba-la-mật đa, tu hạnh như thế nào để hộ trì chánh pháp? Đức Phật bảo với Tối Thắng Thiên Vương: Nên biết rằng nếu Bồ-tát Ma-ha tát thực hành sâu vào Bát nhã Ba-la-mật đa, thì việc làm không trái với lời nói, tôn trọng thầy dạy tùy thuận chánh pháp, điều hòa tánh tình chí hướng thuần chất các căn vắng lặng, xa lìa tất cả những việc làm xấu xa bất thiện, tu tập

thiện căn gọi là hộ trì chánh pháp. Thiên Vương nên biết, nếu các Bồ-tát Ma-ha tát thực hành sâu vào Bát nhã Ba-la-mật đa, thì tu dưỡng ba nghiệp thân ngữ ý theo hạnh Từ bi, không câu nệ lợi ích danh dự trì giới thanh tịnh, xa lìa cách nhìn, đó gọi là hộ trì chánh pháp. Thiên Vương nên biết, nếu Bồ-tát Ma-ha tát thực hành vào sâu Bát nhà Ba-la-mật đa, thì tâm không thuận theo các hành động yêu-ghét-sợ-hãi-si mê, đó gọi là hộ trì chánh hạnh; tu tập tàm quý, đó gọi là hộ trì chánh pháp; thuyết pháp và tu hành đều như điều đã nghe, đó gọi là hộ trì chánh pháp; thuyết pháp và tu hành đều như điều đã nghe, đó goịo là hộ trì chánh pháp. Thiên Vương nên biết, chư Phật ba đời vì hộ trì chánh pháp mà tuyên thuyết Đà-la-ni, để giúp đỡ che chở cho các Thiên Vương và Nhân Vương, khiến bảo vệ chánh pháp tồn tại lâu dài giữa thế gian, làm lợi ích to lớn cho các loài hữu tình. Thuyết ra Đà-la-ni rằng:

Đát điệt tha, a hổ lạc, ni lạc phạt để, hổ lạt nã sa, lũ đồ giả giá giả giá, chiết ni, a bôn nhã sát đa sát đa sát diên đa sát dã sa ha. Lăng mạt ni kiệt lạc, ô lỗ, ô lỗ phạt để ca, la bạt để ca, a bích xa để ni, sa lạt ni đỗ xà, đổ xà mạt để, a phạt thỉ ni phạt thi phạt đa phạt đa nô sa lý ni, bộ đa nô tất một lật để, đề phạt đa nô, tất một lật để, sa ha.

Thiên Vương nên biết, Đại thần chú này có năng lực khiến cho tất cả loài người và loài chẳng phải người đều được an lạc, Đại thần chú này là chư Phật ba đời vì hộ trì chánh pháp, và che chở cho tất cả loài người, loài chẳng phải người khiến được an lạc, dùng sức phương tiện mà cần phải thuyết ra. Vì vậy Thiên Vương và Nhân Vương..., vì hộ trì chánh pháp làm cho tồn tại lâu dài giữa thế gian, vì chính mình và quyến thuộc được yên vui, vì cõi nước và chúng sanh không nhận chịu tai nạn, tất cả nên tinh cần chí thành mà tụng niệm. Như vậy thì làm cho giặc thù, tai nạn, ma sự chướng pháp thảy đều tiêu diệt, do vậy mà chánh pháp tồn tại lâu dài giữa thế gian, làm lợi ích to lớn cho các loài hữu tình...”

Phần Bát Nhã Lý Thú thứ nhất trong quyển năm trăm bảy mươi tám nói rằng: “Lúc bấy giờ Như lai liền tuyên thuyết thần chú:

Nạp mộ bạc già phiêt, bát lạt nhương ba la dự đa duệ, bạc để phiêt quỹ la duệ, yểm phả lữ nhị đa lũ nã duệ, tát phược đát tha yết đa phả lữ bố thị đa duệ, tát phược đát tha yết đa nô nhương đa đất nhương đa duệ, đát điệt tha, bát lạt hề bát lạt hề, mạc ha bát lạt hề, bát lạt nghương bà sa kiệt lệ, bát lạt nhương lô ca kiệt lệ, án đà ca la tỳ đàm mạt nê, tất đệ, tô tất đệ, tất điện đô mạn bạc già phiệt để, tát phòng già tôn đạt lệ, bạc để phiệt quỹ lệ, bát lạt sa lữ đa hát tất đế, tham ma kinh phạ sa kiệt lệ,

bột đà bột đà, tất đà đất đà, kiếm ba kiếm ba, chiết la chiết la, hạt la phạ hạt la phạ, a yết xa a yết xa, bạc già phiệt để, ma tỳ lạm bà, sa ha.

Thần chú như vậy chư Phật ba đời đều cùng tuyên thuyết, cùng chung sự hộ niệm, có năng lực thọ trì thì tất cả chướng ngại bị tiêu diệt, tùy tâm đã mong cầu không có gì không thể thành tựu, mau chóng chứng được Vô Thượng Chánh đẳng Bồ đề. Lúc bấy giờ Như lai lại thuyết thần chú:

Nạp nộ bạc già phiệt đế, bát lạt nhưỡng ba la nhị đa duệ, đát điệt tha, mâu ni đạt mê, tăng yết lạc ha đạt mê, át nô yết lạc ha đạt mê, tỳ mục để đạt mê, tát đà nô yết lạc ha đạt nê, phệ thất lạc mạt nã đạt mê, tham mạn đa nô phả lữ phiệt lạt đát na đạt mê, lũ nã tăng yết lạc ha đạt mê, tát phược ca la phả lữ ba lạt na đạt mê, sa ha.

Thần chú như vậy là mẹ của chư Phật, có năng lực tụng trì thì tất cả tội lỗi tiêu diệt, thường thấy chư Phật đạt được trí túc trú, mau chóng chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Lúc bấy giờ Như lai lại thuyết thần chú:

Nạp mộ bạc già phiệt đế, bát lạt nhưỡng ba la nhị đa duệ, đát điệt tha, thất lệ duệ, thất lệ duệ, thất lệ duệ, thất lệ duệ tế, sa ha.

Thần chú như vậy đầy đủ uy lực to lớn, có năng lực thọ trì thì nghiệp chướng tiêu trừ, được nghe chánh pháp nắm giữ tất cả không quên, mau chóng đạt được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề".

Ba thần chú dưới đây, là do Pháp sư Tăng Huyền Mô phiên dịch kinh điển vào thời Đại Đường ở chùa Hưng Thiện - Tây Kinh, từ nơi Tam tạng Ba Phả và các Đại Đức Bà-la-môn, trong miệng mà cơ bản đạt được; các kinh trước đây không có bản chính, xưa kia dựa vào Bà-la-môn mà phiên dịch được, vì văn sai và sơ lược không y theo bản tiếng Phạn đích thực, cho nên phiên dịch lại, tuy có thêm bớt nhưng không làm cho đến nỗi mê hoặc.

Thứ nhất: Chú Đại Bát nhã rằng:

Nam mô bạc già bà đế, Ma-ha bát la thận nhã Ba-la-mật đa thương át bát, lị mật đa, cù na thương tát bà đát tha Già-đa bát, lị phủ lị đa thương, tát bà đát tha Già-đa thận nhã đa tỳ thận nhã đa thương, đát điệt tha bát la thận nhã Ma-ha bát la thận nhã, bát la thận nhã bà tắc kiệt kệ bát la thận nhã lô ca kiệt lệ, át bát la thận nhã nam tỳ đà mạt nê tất đề, tô tất đề, tất điền đô man bạc già bà để, tát la ương già tôn đạt lệ bạc để bạc lệ bát la sa lị đa hạt tát đế, tam ma niết la tát na kiệt lệ, đát điệt tha, học điệt học điệt, tất điệt tất điệt, kiếm ba kiếm ba chiết là chiết la la bà la bà a yết xa a yết xa bạc già bà để ma tỳ lam bà, tát bà ha.

Công đức của chú này trong các kinh nói đầy đủ, thọ pháp biệt truyền chú có hai mươi bảy câu gồm sáu mươi hai chữ, nay dịch ra thành một trăm bảy mươi mốt chữ, chữ có thêm bớt không cần phải ngạc nhiên lạ lùng gì, các Đại đức ở Tây phương vốn có cải chính lại căn này. Người thọ trì thần chú này, còn phải tạo một pho tượng của mẹ Bát nhã, nên chọn lấy cây Dướng làm giấy không có con để làm hình tượng ngồi nghiêm trang đủ các loại trang nghiêm mở rộng tay phải. Chọn ngày trai để tạo tượng, thợ tạo tượng cần phải trì pháp Bát quan trai, trong màu sắc sử dụng không được dùng keo, chỉ được sử dụng các loại dầu hồ đào, huân lục hương và nước sữa. Người muốn trì thần chú này, thì lấy bùn thơm xoa trên mặt đất, cần phải có tám chiếc bình sành mới, để lúc cần thiết rải hoa đặt nơi đạo tràng, đồng thời cắm vào bình. Trong bình chứa tám loại nước, là các loại nước thạch lưu, bồ đào, nước sữa, sữa đặc, mật, thạch mật, mật mía, rượu, và làm các đồ ăn chay, phân ra làm tám phần. Đốt các loại hương thơm quý để cúng dường hình tượng, và thắp tám ngọn đèn sáp. Người tụng thần chú ấy mặc áo quần sạch sẽ, trì giới nghiêm trang, bảy ngày về trước, ngày đêm thắp hướng lễ bái, tụng chú đủ một vạn biến, qua bảy ngày sau nhịn ăn một ngày, từ đây ngày đêm tụng chú đủ tám ngàn biến, sau đó ăn uống trở lại như trước. Thực hành theo pháp này thì ở trong mộng thấy hình tượng mẹ Bát nhã, tùy nguyện đều được thành tựu.

Thứ hai: Chú diệt tội chiêu phước.

Na mô hạt la đá na, đát la đá dạ, na ma thận nhương na Sa-già-la bùi lô giả na, đát tha yết đa dạ, na ma a lị da bạt lô hỉ đê, thước phiệt la dạ, bồ đề tát đà bà dạ, mạc ha tát đà bà dạ, mạc ha ca rô nãi ca dạ, na ma tát la bà đát tha yết đê phiêu, hạt la lá hát đà đệ, tam miệu tam bồ đề phiêu, đà điệt tha, ô hồng, đà la đà la, đề lị đề lị, đỗ rô đỗ rô, y tề bà tề, giả lê giả lê, bát la giả lê bát la giả lê, cử tô mê, cử tô ma bạt lê, y ly nhị ly, chỉ ly chỉ tri, xà la ma bạt nại dạ, bát la mạt du đà tát đà bà, mạc ha ca rô nãi ca, sa bà ha.

Nếu có người thiệm nam người thiện nữ nào, có năng lực đọc tụng thần chú này, ngày đêm tinh cần đừng làm cho quên mất, vào lúc sáng sớm trước tiên tắm gội sạch sẽ, nếu không tắm gọi thì súc miệng rửa mặt mày tay chân sạch sẽ gắng sức trì tụng thần chú này, thân hiện tại sẽ được 10 loại quả báo: 1- Thân sẽ không bệnh tật; 2- Luôn luôn được mười phương chư Phật che chở; 3- Tất cả tài vật áo quần ăn uống tự nhiên đầy đủ luôn luôn không thiếu hụt; 4- Phá tan tất cả giặc thù; 5- Có thể làm cho tất cả loài hữu tình đều nảy sinh Từ tâm; 6- Tất cả sâu

trùng độ hại và bệnh sốt cao đột ngột không có thể xâm hại; 7- Tất cả dao gậy vũ khí không có thể làm tổn hại; 8- Tất cả nạn nước không có thể làm cho chìm được; 9- Tất cả nạn lửa không thể nào đốt cháy làm hại; 10- Không nhận chịu tất cả mọi cái chết ngột. Lại cảm được bốn loại quả báo: 1- Lúc sắp mạng chung được thấy vô lượng chư Phật khắp mười phương; 2- Vĩnh viễn không rơi vào địa ngục; 3- Không bị tất cả các loài cầm thú ăn thịt; 4- Sau khi mạng chung sanh về cõi nước của Đức Phật Vô Lượng Thọ. Nếu có người tại gia hay xuất gia phạm vào tội Tứ trọng ngũ nghịch, thì cần phải tự mình cố gắng y theo pháp tắm gội thân tâm sạch sẽ, đọc tụng thần chú này một biến cho đến nhiều biến, làm cho tất cả tội nặng căn bản đều được trừ diệt, ngoại trừ người không chí tâm.

Thứ ba: chú lễ Phật diệt tội, cũng gọi là chú Phật Mẫu.

Na mô đạt xa na hợp, bồ đà câu trí na hợp, ô hợp, hộ rô hộ rô, tất đà lô giả di, sa la bà la tha, sa đạt di, sa bà ha.

Thần chú này mười câu chi chư Phật đã tuyên thuyết.

Tôi nay cũng vì thương xót tất cả chúng sanh mà trì tụng thần chú này, có thể làm cho tất cả chúng sanh nóng giận hung ác thảy đếu hoan hỷ. Nếu có thể ngày ngày ba thời tụng chú lễ lạy, thì hơn hẳn công đức lễ lạy ngàn vạn câu chi chư Phật, sau khi mạng chung được sanh đến cõi nước Đức Phật Vô Lượng Thọ ở Tây phương. Trước đây phiên dịch vốn nói rằng: Lúc sắp mạng chung được chư Phật đến đón, ở đời vị lai gặp ngàn vị Phật thuộc kiếp Hiền, đều được đích thân phụng thờ cúng dường tất cả các Ngài. Chỉ có người có năng lực thường xuyên tụng trì thần chú này, mới thật là không thể nghĩ bàn được!

***Thứ bảy*- PHẦN TẠP CHÚ**

Trong kinh Phật Thuyết Hộ Chư Đồng tử Đà-la-ni Chú (dưới đây đều trích chép từ kinh Đà-la-ni tạp tập - do Tam Tạng Bồ Đề Lưu Chi thời Hậu Ngụy dịch ra.

“Lúc bấy giờ Như lai mới thành Chánh Giác, có một Đại Phạm Thiên Vương, đi đến nơi Phật cung kính lạy sát chân Phật, mà nói lời như vậy:

Nam môn Phật đà da tôn quý
Nam mô Đạt Ma-gia tôn quý
Nam môTăng già da tôn quý
Con cúi đầu lạy Phật Thế tôn
Đại Pháp Vương soi chiếu thế gian

Quyết định ở cõi Diêm-phù-đề
Lúc ban đầu tuyên thuyết thần chú
Pháp cam lồ thanh tịnh thù thắng
Và đảnh lễ Tăng già vô trước
Đã lễ lạy sát chân Mâu Ni

Ngay lập tức thuyết kệ nói rằng:

Thế tôn và các Đức Như lai,
Thanh Văn cùng với Bích-chi-Phật
Các Tiên - Vương bảo vệ thế gian,
Đại lực sĩ - Trời - rồng - thần thánh
Các chúng thuộc đẳng cấp như vậy
Đều sinh ra từ trong loài người
Có các loài Dạ xoa - La sát
Thường thích ăn nuốt thai con người,
Chẳng phải cảnh giới của Nhân Vương,
Sức mạnh vốn không chế ngự được,
Luôn luôn khiến người không có con,
Làm tổn thương ở tại bào thai,
Lúc nam nữ giao hợp với nhau,
Khiến cho ý họ bị mê loạn,
Mang thai không thể nào thành tựu,
Hoặc là Ca-la-hay An phù,
Không có con vì làm hại thai,
Đến lúc sinh làm mất mạng sống,
Đều là do các ác quỷ này,
Bị loài ấy làm cho tổn hại,
Nay con nói về tên gọi ấy,
Nguyện Đức Phật cho phép con nói.

Thứ nhất tên là Di Thù Ca, thứ hai tên là Di Già Vương, thứ ba tên là Khiên Đà, thứ tư tên là A Ba Tất Ma La, thứ năm tên là Mâu Trí Ca, thứ sáu tên là Ma Trí Ca, thứ bảy tên là Xà Di Ca, thứ tám tên là Ca di Ni, thứ chín tên là Lê Bà Để, thứ mười tên là Phú Đa Na, thứ mười một tên là Man ĐA-nan Đề, thứ mười hai tên là Xá Cứu Ni, thứ mười ba tên là Kiện Tra Ba Ni, thứ mười bốn tên là Mục Khư Man Đồ, thứ mười lăm tên là Lam Bà.

Mười lăm quỷ thần này, thường đi khắp nơi thế gian vì trẻ sơ sinh nhỏ dại mà làm cho sợ hãi. Nay con nói về hình tướng kinh khủng của các quỷ thần này, vì các hình tướng này làm cho những trẻ thơ đều sinh

ra kinh sợ.

Loài Di Thù Ca ấy, hình dáng của nó giống như trâu.

Loài Di Già Vương ấy, hình dáng của nó giống như sư tử.

Loài Khiên Đà ấy, hình dáng của nó giống như Trời Cưu Ma La.

Loài A ba tất Ma La ấy, hình dáng của nó giống như con cáo hoang.

Loài Mâu trí Ca ấy, hình dáng của nó giống như vượn khỉ.

Loài Ma Trí Ca ấy, hình dáng của nó giống như La Sát nữ.

Loài Xà Di Ca ấy, hình dáng của nó giống như con ngựa.

Loài Ca di Ni ấy, hình dáng của nó giống như phụ nữ.

Loài Lê Bà Để ấy, hình dáng của nó giống như con chó.

Loài Phú Đa Na ấy, hình dáng của nó giống như con heo.

Loài Man ĐA-nan Đề ấy, hình dáng của nó giống như con mèo.

Loài Xá Cứu Ni ấy, hình dáng của nó giống như con chim.

Loại Kiện Tra Ba Ni ấy, hình dáng của nó giống như con gà.

Loài Mục Khư Man Đồ ấy, hình dáng của nó giống như con cáo hun khói.

Loài Lam Bà ấy, hình dáng của nó giống như con rắn.

Mười lăm quỷ thần này chạm vào các trẻ thơ cho những trẻ thơ kinh sợ. Con sẽ tiếp tục nói về tướng trạng sợ hãi của những trẻ thơ.

Quỷ Di Thù Ca chạm vào, khiến cho đôi mắt trẻ thơ xoay chuyển liên tục.

Quỷ Di Già Vương chạm vào, khiến cho trẻ thơ nôn mửa nhiều lần.

Quỷ Khiên Đà chạm vào, khiến chi hai vai của trẻ thơ lay động.

Quỷ A bà tất Ma la chạm vào, khiến cho trong miệng trẻ thơ chảy nước bọt.

Quỷ mâu trí Ca chạm vào, khiến cho trẻ thơ nắm chặt tay không buông ra.

Quỷ Ma Trí Ca chạm vào, khiến cho trẻ thơ tự cắn vào lưỡi mình.

Quỷ Xà Di Ca chạm vào, khiến cho trẻ thơ thích khóc thích cười bất chợt.

Quỷ Ca di chạm vào, khiến cho trẻ thơ thích bám chặt người nữ.

Quỷ Lê Bà Để chạm vào, khiến cho trẻ thơ hiện bày các loại tướng trạng hỗn tạp.

Quỷ Phú Đa Na chạm vào, khiến cho trẻ thơ trong giấc ngủ kinh hãi khóc nỉ non.

Quỷ Man ĐA-nan Đề chạm vào, khiến cho trẻ thơ trong đêm thích khóc thích cười.

Quỷ Xá Cứu Ni chạm vào, khiến cho trẻ thơ không chịu uống sữa.

Quỷ Kiện Tra Ba Ni chạm vào, khiến cho trẻ thơ bị đau họng tắt tiếng.

Quỷ Mục Khư Man Đồ chạm vào, khiến cho trẻ thơ bị bệnh thời khí rốt cao sau đó chuyển sang kiết lỵ.

Quỷ Lam Bà chạm vào, khiến cho trẻ thơ nhiều lần nấc nghẹn nhiều lần nôn ọe.

Mười lăm quỷ thần này, dùng những hình dáng như vậy làm cho những trẻ thơ sợ hãi, và tướng trạng kinh sợ của những trẻ thơ ấy, con đều đã nói. Lại có Đại quỷ thần Vương tên là Chiên Đan Càn Thát Bà, đối với các quỷ thần thật là thủ lĩnh cao nhất, nên dùng chỉ ngũ sắc tụng Đà-la-ni này, một biến thắt một nút, làm thành 108 nút thắt, và viết tên gọi của quỷ thần ấy, khiến người đem thư và dây thắt nút này, nói với sứ giả kia rằng: nay ông nhanh chóng đi, đi nhanh như gió, đến khắp bốn phương, thuận theo nơi cư trú của 15 quỷ thần kia, đưa cho Đại quỷ thần Vương tên là Chiên Đàn Càn Thát Bà, khiến dùng dây ngũ sắc trói các quỷ thần ấy, và dùng các loại đồ ăn thức uống thơm ngon, hương hoa, đèn sáng cùng với cháo sữa cúng dường Thần Vương.

Lúc bấy giờ Đại Phạm Thiên Vương lại thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế tôn, nếu có người nữ nào không sanh được con cái, hoặc còn trong thai mà hư hoại sa sút, hoặc sanh ra ra rồi mà mất đi mạng sống, những người nữ này đều mong cầu con trai nối dõi bảo vệ tính mạng được sống lâu, thì luôn luôn nên dốc lòng tu hành thiện pháp, vào ngày mồng 8 - 15 hằng tháng thọ trì 8 giới, tắm gội sạch sẽ mặc áo quần mới sạch, lễ lạy mười phương Phật, còn như trong đêm lấy một ít hạt cải đặt trên đỉnh đầu mình, tụng thần chú Đà-la-ni mà con đã nói, khiến cho người nữ này liền được như nguyện, sinh ra con trẻ an ổn không lo sợ gì, thọ mạng đến suốt đời không bị chết yểu. Nếu có quỷ thần nào không thuậnn theo lời chú của con, thì con sẽ làm cho đầu của nó vỡ ra làm bảy phần, giống như cành cây A Lê. Ngay lúc ấy thuyết ra thần chú Đà-la-ni bảo vệ trẻ thơ rằng:

Đát điệt tha, A-già-la, già nê, na già già nê, sa lậu lệ, kỳ lệ, già bà lệ, bát lệ, bất lệ, la thâu nhĩ, tu la tỉ, giá la tỉ, bà đà ni, ba la a hạt lợi sa ni na dị, dị na dị, tô bà ha.

Thưa Đức Thế tôn! Nay con thuyết ra thần chú Đà-la-ni này, vì

bảo vệ cho các trẻ thơ khiến được yên ổn giữ gìn tuổi thọ lâu dài cho họ.

Lúc bấy giờ Đức Thế tôn là bậc Nhất thiết chủng trí liền thuyết thần chú rằng:

Đát điệt tha, bồ đà bồ đà bồ đà, nậu na đế, bồ đề bồ đề, ma lệ, thức xoa dạ sa Xá-lợi, sa đạt nhĩ, sa la địa, đầu lệ đầu lệ ba lạp đa đầu lệ, xá ma nhị, xoa bính xoa lệ, ba lạp đế xoa lam xá di đế, bàn tha bàn hi, ba ha nhị, kỳ ma nhị, đà ba nhị, tô bà ha, nhị bà la nhị, tô bà ha.

Mười lăm quỷ thần này thường ăn máu thịt, bởi vì năng lực của thần chú Đà-la-ni này, cho nên tất cả đều rời xa không sinh tâm ác, khiến cho các trẻ thơ xa rời những sự sợ hãi mà được yên ổn không còn lo lắng, ở trong thai sinh ra không có những hoạn nạn. Người tụng thần chú này, hoặc ở nơi làng xóm thành ấp, tùy theo nơi cư trú ấy cũng có thể làm cho trẻ sơ sinh thơ dại kia luôn luôn được yên lành, bảo vệ tuổi thọ đến cuối đời, Nam mô Phật Đà. Thành tựu thần chú này bảo vệ các trẻ thơ, không bị các quỷ thần xấu ác làm cho tổn hại rối loạn, tất cả các tai nạn tất cả những sự sợ hãi thảy đều xa lìa, Tô Bà Ha. Lúc này Phạm Thiên nghe thuyết thần chú này vô cùng hoan hỷ vâng lời thực hành".

Trong Kinh Đà-la-ni Tập, Đức Phật thuyết ra thần chú Đà-la-ni làm cho người nữ ngăn lại căn bệnh về máu huyết rất khốn đốn rằng:

"Na mô tát lợi bà, phục đà nam, tị tất xỉ lê nã, đa địa đạ tha, chí lợi di chú lộ di, nhĩ ly phả nhĩ ly, sa bà ha, đế sử thác đâu, lộ địa giám, bà đế kiếm, tì đế kiếm thi ly sa miết kiếm sa nhĩ bà đế kiếm, tát lợi bà phục đà man, để kỳ na, đế sử thác đâu, lô địa lạm, ma sa la bà đâu, mạt già la đâu, ma bà ha đâu, sa bà ha.

Nếu thực hành pháp này, thì cần phải sử dụng chỉ màu đỏ làm dây, tụng chú bảy biến thắt làm bảy nút buộc vào eo lưng, máu liền dừng lại, chữa trị căn bệnh băng huyết của phụ nữ vậy".

Đức Phật thuyết liền thần chú Đà-la-ni cứu giúp phụ nữ sinh để gặp khó khăn:

"Mục đa tu lợi dạ, xá thi già la, tất xỉ, La-hầu thất Chiên-đà-la, ba la mục chí dã đâu mục đa tát bà bà ba, Phật đồ na lê già la, ba la mục giá dã đâu, đa điệt tha, a tra tỳ sa ha, bà tra sa ha, a tra bà, bà tra tỳ, sa ha, mộ giá nhân địa lợi dạ, Già-đa nãi, tỳ xá lệ dạ, bà bà đâu Xá-lợi dạ, di giá lợi, a dư ma dạ, y miết giá ma mộ diệu, xá lô dạ, tát bính xá lô, ba la mục giá đâu, sa ha.

Pháp thực hành thần chú này, thì chú nguyện vào dầu bảy biến xoa vào cửa mình sản phụ, trẻ liền sinh ra dễ dàng".

Đức Phật thuyết thần chú trừ tai họa da các tà ma độc hại làm khổ sở:

"Nhân sỏa ma dạ du lô đa miết, ca tất để, tam ma dạ bà già sỏa, xá la bà tất kiếm, tị ha la để tất ma, bạt đa bà nhĩ, a na tha tỉ đồ, đạt đà la miết, đa Đa la bà già sỏa, thử súc man man Đa la da để tất ma, ô kỳ lữ hề nã đa bà nA-nan đai y, lăng sa đồ xoa lê kiếm, tỉ đạm đà la dạ, bà giá dạ, già la ha dạ bát lợi dạ bất na, bát lê ư giá tỉ tất xỉ lê nã, tam bà la, ca xá da, đa địa dạ tha thiểm bính ly đạm bính ly, tra tra chi, tra tra chi, sa bà ha.

Dùng pháp này thực hành thì cần phải có lông dê đen làm dây chú nguyện bảy biến rồi buộc vào cánh tay trái. Nếu không có lông dê thì dùng chỉ màu đen cũng được. Nếu mắc bệnh sốt cao đột ngột ba, bốn ngày, thì chú nguyện vào dây chỉ màu đen buộc vào cánh tay trái. Nếu mắc bệnh đau đầu thì tụng chú bảy biến, dùng tay xoa trên đầu. Nếu mắc bệnh tai đếc, chú nguyện vào gỗ bảy biến rồi nhét vào tai. Nếu đau răng thì chú nguyện vào tăm xỉa răng bảy biến mà nhai. Nếu mắc bệnh đau bụng thì chú nguyện vào nước nóng pha muối bảy biến mà uống. Nếu gặp sinh đẻ khó khăn thì chú nguyện vào sợi chỉ đen bảy biến rồi buộc vào cổ sản phụ, trẻ liền sinh ra dễ dàng. Nếu gặp ăn mà đêm không tiêu thì dùng tay chú nguyện để xoa bụng, lập tức sẽ nôn ra. Nếu gặp những tai nạn khác thì có thể bảo vệ được thân thể, không sợ nước-lửa-binh đao-thú dữ độc hại, tất cả các điều tệ hại không có thể làm hại được. Trừ ra người không dụng tâm - không cẩn thận với các khẩu vị xấu ác bất tịnh, thì không có sự thần nghiệm".

Đức Phật thuyết thần chú Đà-la-ni làm cho nghe nhiều nhớ kỹ:

"Phù đa phất bà, ma-nan triệu, át đế, thâu lô, na ma tỉ trạng, đạt la la, xà bà phù bà, sa y man, tỉ trạng ba la đầu sử ca lê sử đa, địa dạ tha tất địa, na tát để, át tam để, ca trí tị ca trí, bất tộ bài dạ la để, a già để tam ma hề để, tất địa tam ma tỉ để".

Đức Phật bảo với A-nan: Nếu thực hành theo pháp này, thì ông lấy 3 thứ là Ba la di- Chi đa sí (bạch ha lê lặc) - Tất bát lê, hợp lại vào lúc sáng sớm chú nguyện đủ một ngàn biến, dùng tô mật hòa vào mà uống, sẽ được nghe nhiều nhớ kỹ".

Thần chú Đà-la-ni hành đạo cầu nguyện Bồ-tát Quán Thế Âm:

"Nam mô la đa na, Đa la da da, nam mô a lợi da, bà lô cát để, xa bà la da, bồ đề tát đỏa da, Ma-ha bồ đề tát đỏa da, Ma-ha tát đỏa da, Ma-ha ca lưu ni ca, đa điệt tha, ô tô miết sa đà da, tô di bà đế bà đà da, thủ cát lợi sa đà da, thủ bính sa đà da, y tư di tư tất triền nê ba la da xa,

tất bà ha.

Thực hành theo pháp này, ở trước hình tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, dùng hương nhão xoa trên mặt đất, cúng dường hương hoa, ngày đêm 6 thời tụng chú, ở trong mỗi thời tụng đủ 120 biến, tùy theo sự mong cầu mà Bồ-tát Quán Thế Âm vì người thực hành ấy ứng hiện thân tướng của mình khiến cho người ấy được thấy, những mong cầu đạt được đều như tâm nguyện vốn có".

Thần chú Đà-la-ni cầu xin mưa:

Trong kinh Đại Vân nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế tôn dùng sức thần thông, cuộn lên bốn áng mấy đen, làm cho tuôn mưa khắp nơi, dấy lên ba loại mây, gọi là hạ - trung - thượng phát ra tiếng mưa ngọt ngào như âm nhạc cõi Trời, tất cả chúng sanh đều thích nghe. Bấy giờ Đức Thế tôn, liền tuyên thuyết thần chú rằng:

Kiệt đế, ba lợi đế, tăng kiệt đế, ba la tăng kiệt đế, ba la ti, la diên đế, tam ba la ti la diên để, sa la sa la ba sa la sa la, ma mẫn xà ma mẫn xà ma mẫn xà giá la để giá la để, ba giá la để ba giá la để, ba giá la để, tam ba la giá la để, tỉ đề hi lê hi lê, tát lệ hê, tát lệ hê, phú lô phú lô, sa ha.

Nếu có các rồng nghe thần chú này rồi mà không tuôn mưa ngọt ngào xuống thì đầu vỡ ra làm 7 phần".

Thần chú Đà-la-ni làm cho cơn đau răng dừng lại:

"Nam mô Phật, nam mô Pháp, nam mô Tỳ kheo Tăng, nam mô Xá-lợi-phất, Đâu-lâu, Ma-ha Mục Liên Tỳ kheo, nam mô Hiền giả Giác ý Danh Văn khắp mười phương. Núi Kiện Đà Ma-ha Diễn ở phương Bắc, nơi ấy có Trùng Vương tên là Tu Hưu Vô Đắc, ở trong răng đó. Nơi ấy nên phái sứ giả, không dám ăn răng đó và ở gốc răng, giữa răng, bên răng, nếu trùng không mau chóng rời ra thì đầu sẽ bị vỡ làm bảy phần. Như Cưu La Lặc Thiện, Phạm Thiên khuyến khích giúp đỡ thần chú này. Nam mô Phật, nay con đã chú nguyện lập tức thuận theo như nguyện.

Nếu thực hành theo pháp này thì lấy nước sạch ngậm vào miệng chú nguyện một biến, sau đó nhổ vào trong đồ đựng thì hết đau".

Thần chú Đà-la-ni chú nguyện hạt giống gieo xuống khiến không có tai họa sâu bọ xảy ra:

"Đa trịch tha, bà la bạt đề, na xà bà đề".

Nếu lúc sắp gieo hạt, thì lấy một Thăng hạt giống, chú nguyện 21 biến, đem hạt giống đi gieo vào ruộng, cuối cùng được tốt tươi, bị sâu bọ cắn phá, không có tai họa châu chấu xảy ra.

Thần chú Đà-la-ni chú nguyện vào ruộng đất:

"Nam mô Phật đà xà, nam mô Đạt ma xà, nam mô Tăng già xà, nam mô Di lưu kiệt tì, bồ đề tát đỏa đát đề tha đam bà Phật kì, tỉ luật trá Phật kì, cụ kỳ lê tỉ luật trá Phật kì, di lâu xà bà, kiệt trù ba Phật kì hô mộng a nê bà Phật kì, ma la a bạt đa Phật ni mộng phù Phật kì".

Nếu sợ rằng ruộng mạ không tốt, thì dùng Đà-la-ni này chú nguyện vào một Hộc đất, đủ hai mươi mốt biến và lấy đất này rải trên lúa mè, cũng khiến cho các ác quỷ không được hút tinh túy của các loại lúa mè này. Nếu ăn các loại hoa màu này thì đầu quỷ bị vỡ làm bảy phần. Có thể trừ diệt tất cả tai họa do côn trùng cắn phá và những điều xấu không xảy ra.

Thần chú Đà-la-ni ngăn ngừa rắn rít độc hại"

"Nam mô lặc na yểm bà la đẳng nã, đa trịch tha, hưu lâu phù nê lâu phù, ha lê ha lê ha, sa ha, nam mô cư lực nã di yểm lặc na, đa trịch tha, nhân lũ lợi, tần lũ lợi phù, sa ha".

Dùng thần chú Đà-la-ni này chú nguyện hai mươi mốt biến, cứ bảy biến một lần thì cho một ngụm nước, chú nguyện ba lần cho ba ngụm nước, tức thì chữaa khỏi.

Thần chú Đà-la-ni chữa trị các bệnh và các chất độc:

"Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát, đát đề tha, a la ni, Đa la ni, tát phiệt đậu trá, phiệt la ni, tát phiệt đạt trá, bàn đãng di, da phiệt đà lê, nam một giá tất đản đâu, man tha bà đà, sa ha".

Thực hành theo pháp này, nên dùng chỉ trắng tụng một biến thắt lại một nút, tụng bảy biến thắt nút. Nếu có người bệnh hoạn khốn khổ thì buộc vào dưới cổ khiến cho mọi bệnh tật và các chất độc đều được trừ khỏi.

Bồ-tát Quán Thế Âm thuyết thần chú Đà-la-ni diệt tội được như nguyện:

"Nam mô lặc nang lợi xà xà, nam mô a lợi xà, bà lộ cát để xá phục la xà, bồ đề tát đỏa xà, Ma-ha tát đỏa xà, đa trịnh đa, đâu lưu đâu lưu, a tư, ma tư ma lợi ni, thị ba ma lợi, đậu đậu tì, na mộ na mộ, sa ha".

Nếu thực hành theo pháp này, thì ở trước hình tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, xông hương đốt trầm tốt lành chí tâm sám hối, ở trong sáu thời lễ tụng hành đạo, trong mỗi một thời đều tụng ba biến, có thể trừ diệt tất cả tội lỗi nghiệp chướng từ vô thỉ đến nay và thu được công đức to lớn không thể nghĩ bàn. Muốn cầu nguyện điều gì thì chắc chắn được như nguyện.

Bồ-tát Quán Thế Âm thuyết thần chú Đà-la-ni trừ hết căn bệnh

đau bụng:

"Nam mô lặc nang lợi xà xà, nam mô a lợi xà, bà lộ cát để, xá phục la xà, bồ đề tát đỏa xà, Ma-ha tát đỏa xà, đa trịch đa, cứu chi cứu chi, la chi la chi, a na tam bà đà ni di, sa ha".

Nếu người bỗng nhiên bị căn bệnh đau bụng làm cho khốn đốn, nên mau chóng chú nguyện vào nước pha muối ba lần, khhiến người đau bụng uống vào, thì cơn đau lập tức chữa lành.

Bồ-tát Quán Thế Âm thuyết thần chú Đà-la-ni trừ trúng độc thậm chí đã chết:

"Nam mô lặc nang lợi xà xà, nam mô a lợi xà, bà lộ cát để, xá phục la xà, bồ đề tát đỏa xà, Ma-ha tát đỏa xà, đa trịnh đa, sa lê, sa lê, tỳ sa lê tỳ sa lê, tát bà tỳ sa na xá ni, sa ha".

Nếu người gặp phải các chất độc lẫn tạp mà trúng độc sắp chết, hoặc là người đã chết, thì nhanh chóng dùng thần chú này, chú nguyện vào trong tai họ, lập tức sẽ khỏi, cho dù chết đột ngột nhưng vẫn sống lại.

Bồ-tát Quán Thế Âm thuyết thần chú Đà-la-ni trừ diệt các loại bệnh ghẻ lở cho đến vết thương bị lở loét:

"Nam mô lặc nang lợi xà xà, nam mô a lê xà, bà lộ cát để, xá phục la xà, bồ đề tát đỏa xà, Ma-ha tát đỏa xà, đa trịch đa, tu mục xí, tỳ mục xí, hưu lưu, hưu lưu, tu mục lưu, tỉ tu mục lưu, du na ninh, tỳ du na ninh, ma tư đa bà đâu ma thủ la đâu, ma đương để, bà ba đê, đa bà thủ, sa đâu, sa ha".

Nếu người bị bệnh ghẻ lở, hoặc phong trắng, hoặc phong đỏ, chí thành sám hối hành đạo thường tụng thần chú này thì chữa lành. Nếu điên cuồng dùng răng mà cắn, hoặc là thân mắc bệnh lở loét, hoặc là bị đao tên làm tổn thương mà vết thương vỡ toác, thì dùng thần chú này, chú nguyện vào đất rồi xoa lên vết lở, lập tức được chữa lành.

Bồ-tát Quán Thế Âm thuyết thần chú Đà-la-ni chú nguyện vào cây Xương Bồ năm loại màu uống vào được nghe chớ không quên:

"Nam mô lặc nang lợi xà xà, nam mô a lợi xà, bà lộ cát để, xá phục la xà, bồ đề tát đỏa xà, Ma-ha tát đỏa xà, đa trịch đa, kiền trừ phú na li, ba la bà li, sa ha".

Thực hành thần chú này, ở trước hình tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, đốt hương trầm thủy dâng lên, chí thành chú nguyện vào gốc cây Xương Bồ trắng, đủ tám trăm biến rồi uống vào thì được nghe nhớ không quên. Tất nhiên là bốn loại Xương Bồ đen-đỏ-xanh-vàng khác cũng có chú riêng biệt, văn nhiều nên không thuật lại hết được.

Thần chú chữa trị quỷ hôi nách:

"Nhược đa no tri, hầu hầu hầu hầu đa nô tri, phù lưu lưu lưu lưu đa nô tri, na lại đế đa nô tri, a na na na na đa nô tri, sa ha".

Nếu thực hành theo pháp này, thì dùng ba Thăng đá vôi ba thăng rượu đắng, hòa vào trong chậu chú nguyện hai mươi mốt biến, vê tròn thay đổi lẫn nhau, nam đặt dưới nách trái, nữ đặt dưới nách phải, sẽ chữa trị khỏi.

Thần chú chữa trị quỷ bệnh sốt rét:

"Tu mật đa, a nhị tra, ca tri nhị tra, ô hô na tu mật đa, chi ba hô hầu tu mật đa, y tri nhị tra tra tu mật đa, sa ha".

Nếu thực hành theo pháp này, cần phải có dây tơ ngũ sắc chú nguyện làm thành 7 nút thắt, nếu đau từ đầu xuống thì trước tiên buộc vào cổ rồi buộc vào chân-buộc vào tay, giả sử rất cấp bách thì chú nguyện vào nước 3 biến mà uống, sẽ chữa khỏi bệnh.

Thần chú chữa trị quỷ ăn không tiêu được:

"Hồ ma đâu, ô xa hầu hầu hồ ma đâu a nậu, kiệt ti hồ ma đâu kiệt ti hồ ma đâu, phá ba la hồ ma đâu, sa ha".

Cần phải chú nguyện vào nước bảy biến, đưa cho người bệnh uống, không quá vài lần thì chữa khỏi.

Phật thuyết kinh thần thủy chú chữa trị tất cả các bệnh:

"Nam mô Phật, nam mô Pháp, nam mô Tỳ kheo Tăng, nam mô quá khứ Thất Phật, nam mô chư Phật, nam mô chư Phật đệ tử, nam mô chư Hiền Thánh Sư, nam mô chư hầu Hiền Thánh đệ tử (cùng tụng danh hiệu Thất Phật). Thứ nhất Duy Vệ Phật, thứ hai Thức Khí Phật, thứ ba Tùy Diếp Phật, thứ tư Câu Lưu Tần Phật, thứ năm Câu NA-hàm Mâu Ni Phật, thứ sáu Ca-diếp Phật, thứ bảy Thích Ca Mâu Ni Phật".

Đây là Đức Phật tuyên thuyết thần chú, thuận theo chú nguyện vào giếng hồ sông suối, chú vào ba biến, người uống thì mọi bệnh tật đều trừ khỏi.

Bồ-tát Quán Thế Âm thuyết thần chú Đà-la-ni tùy nguyện:

"Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát, thản đề tha khư la bà đa khư la bà đa, già ha bà đa, già bà đa, già phiệt đa, sa ha".

Người thực hành theo pháp này, nên cần phải trong sạch ba nghiệp ở nơi vắng lặng, trong điện Phật - chùa tháp chuyên tinh lễ lạy nhiễu tháp đọc tụng Đà-la-ni này, đủ một vạn hai ngàn biến, sẽ được thấy Bồ-tát Quán Thế Âm, tất cả mọi sự cầu nguyện tùy ý đều đạt được.

Đức Phật thuyết thần chú Đà-la-ni xoa bùn giúp cho binh lính:

"Đa trịch đa, y lợi phú lợi trì lợi phú luân đề, a vị phu, ma vị phu,

bà vị phu, tỉ chí vị phu, tỉ tư để phu, ma sất đề phu, ô tư la bà vị phu, sa ha”.

Nếu có người muốn đi vào trong quân giặc, thì chú nguyện vào bùn 3 biến mà xoa lên thân mình. Nếu xoa lên cờ hiệu chỉ huy và trống trận, tù và-các loại nhạc cụ, thì chắc chắn có thể được thắng trận. Nếu bị trùng độc đã cắn, hoặc có bị chất độc, hoặc thân thể có chỗ sưng tấy, thì dùng chú để chú nguyện vào bùn mà xoa lên, dùng phẩm xanh đen quy định phạm vi trên ấy, tức khắc chữa lành.

Tụng rằng:

Trầm kha quả thật đã lâu ngày,
Bệnh lâu thực sự khó chữa lành,
Bốn ma luôn luôn phiền nhiễu nhau
Sáu giặc tranh đua đến dắt đi,
Khốn ách không có người cứu giúp
Chỉ mừng là Đại Từ thương xót,
Xa thương cho tâm ngu mê muội
Chấn tích trượng nhờ khói bay xa.
Trao cho vị thuốc cam lồ ấy
Tà đạo chẳng thể nào biết được,
Tiêu tai trừ nghiệp bao đời trước
Cứu giúp nỗi khổ hành hạ nhau,
Ân tình trong chấn động huyền giáo
Lợi ích khắp tất cả Đại Thiên
Đương nhiên không phải sức thần chú
Sao có thể dài thêm năm tháng?

** Na mô bồ đà dạ, na mô đà la ma dạ, na mo tăng già dạ, na ma a nhị đa bà da, đà tha Già-đa dạ, a la ha đê, tam miệu tam bồ đà da, đà điệt tha, a nhị lị đê, a nhị lị đô bà bề, a nhị lị đa tam bà bề, a nhị lị đa tị Ca-lan đê, già nhị nhĩ, già già na, kê lị dạ, ca lị bà, la bà bà, ba phả xoa, diệm ca lị, sa bà ha.

Đa điệt tha, a trị bạt tri na, tri cân na tri ca, na tri tra la, bạt nê Đa la, bạt nê đô Đa la, duệ a la bà chỉ tra, chỉ tra đồ tra đồ chỉ la lâu mê, hô lô mê sa, lê Ma-ha sa lệ sai mê đế ha sai mê, lê lệ lâu lê lệ hề lệ, chỉ lệ hề lệ, mị lệ y lệ, thi lệ thi lệ, thi thi lợi thi la bạt tri, a trệ bà trệ, na trệ câu na trệ, pha na bạt đế, ba na bạt đế, a ca tế, ma ca tế, ca tế ca sa, ca tế pha tế, pha sa pha tế, Ma-ha pha sa pha tế, y nê mị nê, đa đá đa đá, ba đa đá đa, bà đa đá, sa bà ha.

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 61

Thiên thứ 68: CHÚ THUẬT (Phần hai)

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra tám chuyện: 1. Cát Do thời Tiền Chu; 2. Thích Kỳ-vực thời Tấn; 3. Trúc Phật Đồ Trừng thời Tấn; 4. Trúc Pháp Ấn thời Tấn; 5. Thích Bảo Ý thời Tống; 6. Thích Bôi Độ thời Tống; 7. Thích Huyền Sướng thời Tống; 8. Tạp tục huyễn thuật.

1. Thời Tiền Chu có Cát Do, là người tộc Khương nước Thục. Thời Chu Thành Vương, thích khắc chạm cây gỗ làm dê để bán, một hôm chở dê gỗ đi vào trong nước Thục, vương hầu quý nhân trong nước Thục xua đuổi lên núi Tuy. Núi Tuy nằm về phía Tây Nam núi Nga Mi, cao chọc Trời. Người đi theo không thể trở về, đều đạt được Tiên đạo. Vì vậy người trong làng bàn luận rằng: Được một quả đào trên núi Tuy, tuy không có thể thành Tiên mà cũng đủ để phóng khoáng thong dong. Sau đó dưới chân núi lập đền thờ mấy chục nơi.

Chuyện này xem trong Sưu Thần Ký.

2. Thời nhà Tấn ở vùng Lạc Dương có Thích Kỳ-vực, là người Thiên Trúc, đi khắp nơi Hoa Nhung không có chỗ nào cố định, mà hào phóng thần kỳ tùy hứng không để ý đến thế tục, cử chỉ và thái độ không bình thường, người lúc ấy không ai có thể đoán được. Xuất phát từ Thiên Trúc đi đến Phù Nam, trải qua các bờ biển, liền vượt qua những nơi xa rộng, đều xuất hiện nhiều điềm linh dị. Đã đến Tương Dương, muốn đi nhờ qua sông, người chèo thuyền thấy Sa môn nước Hồ y phục rách rưới, khinh thường nên không chở, thuyền đến bờ Bắc thì Kỳ-vực đã qua rồi. Đi về phía trước thấy hai con hổ ngoắc tai vẫy đuôi, Kỳ-vực đưa tay xoa đầu hổ, hổ nhường đường mà đi, người hai bên bờ trông thấy cứ đi theo thành đoàn. Vào cuối thời Tấn Huệ Đế đi đến vùng Lạc Dương, các Đạo nhân thảy đều làm lễ, Kỳ-vực vẫn ngồi thản nhiên không thay đổi vẻ mặt. Có lúc nói với mọi người là theo thân đời trước

mà tiếp tục, nói rằng Chi Pháp Uyên từ trong loài dê mà đến, Trúc Pháp Hưng từ trong loài người mà đến. Lại chê bai các chúng Tăng, y phục hoa lệ không hợp với pháp vốn có. Thấy cung thành Lạc Dương thì nói: Dường như là cung Trời Đạo Lợi, nhưng tự nhiên cùng với sự đời không giống nhau mà thôi. Kỳ-vực nói với Sa môn Kỳ Xà Mật rằng: Người làm cung điện này từ cõi Trời Đạo Lợi đến, hoàn thành thì trở về cõi Trời rồi. Dưới mái ngói trên nóc nhà phải có một ngàn năm trăm đồ vật để làm, lúc ấy đều nói rằng: Xưa nghe người thợ này thật sự lấy đồ vật đặt dưới mái ngói. Lại nói: Sau khi cung điện hoàn thành, tìm ra thì đã bị hại rồi. Đằng Vĩnh Văn ở Nam Dương làm quan ở Hoành Dương, đến Lạc Dương ở nhờ trong chùa Mãn Thủy mà mắc bệnh, suốt năm không chữa khỏi, hai chân co quắp không thể nào đứng lên đi lại. Kỳ-vực đến thăm mà nói rằng: Ông muốn bệnh được chữa lành hay không? Nhân đó lấy một chén nước sạch và một cành dương liễu, tiện thể lấy cành dương chấm nước đưa tay hướng về Vĩnh Văn mà chú nguyện. Như vậy ba lần, sau đó đưa tay cầm đầu gối Vĩnh Văn đứng dậy, liền đứng dậy bước đi như xưa. Trong chùa này có loại cây Tư duy, cả mấy chục cây đều chết khô. Kỳ-vực hỏi Vĩnh Văn: Lúc cây chết đến nay bao lâu rồi? Vĩnh Văn nói: Nhiều năm rồi. Kỳ-vực liền hướng về cây chú nguyện, như cách chú nguyện cho Vĩnh Văn, cây liền đâm chồi nẩy lộc hoa lá sum suê.

Trong kinh Thượng Phương có một người bệnh sắp chết, Kỳ-vực lấy bình bát đặt trên bụng của người bệnh, dùng vải trắng che phủ tất cả, chú nguyện mấy ngàn lời, liền có mùi thối nồng nặc cả căn phòng, người bệnh nói: Tôi sống rồi. Kỳ-vực khiến người cuốn vải, trong bình bát có vật giống như bùn lắng, hôi thối không thể đến gần, người bệnh liền sống yên ổn. Lạc Dương sắp loạn lạc, từ giã trở về Thiên Trúc, trong vùng lạc Dương có Sa môn Trúc Pháp Hành, là bậc Tăng cao túc. Lúc ấy mọi người yêu cầu thưa thỉnh với Kỳ-vực rằng: Thượng nhân là vị Tăng đã đắc đạo, nguyện xin để lại một lời làm lời khuyên nhủ lâu dài. Kỳ-vực nói: Hãy tập trung tất cả mọi người lại! Mọi người đã tập trung, Kỳ-vực bước lên tòa cao nói kệ rằng:

Giữ gìn miệng thu nhiếp thân ý,
Cẩn thận đừng phạm những điều ác,
Tu hành tất cả những điều thiện,
Như vậy nhất định vượt thế gian.

Nói xong thì im lặng ngồi thiền, Pháp Hành lại thưa thỉnh: Nguyện xin Thượng nhân hãy giảng dạy điều chưa được nghe, nghĩa bài kệ như

vậy, trẻ con tám tuổi cũng đã thuộc lòng, không phải là sự mong mỏi của người đắc đạo. Kỳ-vực cười nói: trẻ con tám tuổi tuy thuộc lòng mà trăm tuổi không thực hành, thuộc lòng nào ích gì? Mọi người đều biết tôn kính người đắc đạo, mà không biết thực hành để tự mình đắc đạo. Thương thay lời ta nói tuy ít, mà thực hành thì lợi ích nhiều! Ngay sau đó từ giã mà đi. Mấy trăm người đều thỉnh cầu Kỳ-vực dùng bữa trưa, Kỳ-vực đều nhận lời đến dự. Sáng ngày mai cả năm trăm nhà đều có một Kỳ-vực, mới nói là chỉ đến nhà mình; đi đến hỏi thăm nhau, mới biết là phân thân mà đến vậy. Đã lên đường thì các Đạo nhân tiễn đưa thành Hà Nam, Kỳ-vực đi chầm chậm mà người đuổi theo không kịp. Kỳ-vực bèn dùng gậy viết trên mặt đất rằng: Giã biệt từ đây rồi. Hôm ấy có người từ Trường An đến, thấy Kỳ-vực ở trong chùa ấy. Lại có khách buôn là Hồ Thấp Đăng, ngay hôm đó sắp tối, gặp Kỳ-vực ở trong vùng Lưu Sa, tính ra thấy đã đi hơn chín ngàn dặm. Đã trở về tây quốc, không biết kết thúc thế nào?

3. Thời nhà Tấn ở vùng Nghiệp Trung có Trúc Phật Đồ Trừng, là người xứ Tây Vực, vốn là người họ Bạch, tuổi trẻ xuất gia trong sáng chất phác theo đuổi sự học, tụng kinh mấy trăm vạn lời, khéo hiểu văn nghĩa, tuy chưa đọc Nho Sử của vùng này, mà cùng với các học sĩ luận bàn phân rõ những chỗ vướng mắc nghi ngờ, đều ngấm ngầm như phù hợp với nhau, không ai có năng lực làm cho khuất phục. Tự mình nói rằng: Tiếp tục đến nước Kế Tân được giảng giải. Danh sư xứ Tây Vực đều gọi là người đắc đạo.

Vào năm thứ tư niên hiệu Vĩnh Gia thời Tấn Hoài Đế vừa đến Lạc Dương, chí hướng hoằng dương Đại pháp, khéo tụng thần chú, có năng lực sai khiến quỷ thần, dùng dầu mè trộn lẫn với cỏ Nhân Chi xoa vào bàn tay, việc ngoài ngàn dặm đều thấy rõ trong lòng bàn tay giống như ở trước mặt vậy, cũng có thể khiến cho người trai gái thanh tịnh cùng trông thấy. lại nghe âm vang tiếng chuông để nói sự việc, không có gì không hiệu nghiệm. Thế là ẩn mình sống trong chốn dân dã để quán sát sự biến đổi của cuộc đời. Lúc ấy Thạch Lặc đóng quân ở Cát Pha, chuyên dùng sự chém giết làm uy lực, Sa môn bị hại rất nhiều. Đồ Trừng nghĩ thương trăm họ, muốn dùng đạo cảm hóa Thạch Lặc, thế là cầm gậy đi đến chỗ đóng quân. Đại tướng của Thạch lặc là Quách Hắc Lược vốn có phụng pháp, Đồ Trừng liền tìm đến ngay nhà Hoắc Lược, thuận theo thọ năm giới, kính trọng theo lễ của đệ tử. Thạch Lặc mời Đồ Trừng đến hỏi rằng: Phật đạo có gì linh nghiệm? Đồ Trừng biết Thạch lặc không hiểu được lý sâu xa, đích thực nên dùng

đạo thuật để chứng minh, vì vậy mà nói rặng: Đến được đạo tuy xa mà cũng có thể dùng sự việc gần để chứng thực. Tức thì lấy bình bát chứa đầy nước, thắp hương chú nguyện, chốc lát mọc lên đóa hoa sen xanh, màu sắc sáng ngời lóa mắt. Thạch Lặc từ đó tin phục. Đồ Trừng vì vậy mà khuyên nhủ: Rằng người làm vua lấy đức cảm hóa đầy đủ ở dưới vòm Trời, thì Tứ linh biểu hiện điềm lành; chính quyển tệ hại đạo lý mất dần, thì sao chổi rực sáng hiện ra ở trên cao, dáng vẻ bình thường trông thấy được, lành dữ tùy theo việc làm, đây chính là hiện tượng bình thường của xưa và nay, Trời người cảnh cáo rõ ràng. Thạch lặc rất vui mừng, tất cả những người phải bị giết còn lại, nhờ đó mà được lợi ích, có mười tám, mười chín người. Thạch Lặc sau đó bởi vì tức giận muốn hại các Đạo sĩ, cũng muốn làm khổ Đồ Trừng, Đồ Trừng bèn tránh đến nhà Hắc Lược, nói với đệ tử rằng: Nếu tướng quân đưa tin đến hỏi ta ở chỗ nào, thì đáp rằng không biết ở đâu. Người đưa tin liền đến tìm Đồ Trừng không được, nên trở về báo cho Thạch Lặc. Thạch Lặc kinh hãi nói: Ta có ý ác đối với Thánh nhân, Thánh nhân bỏ ta mà đi rồi. Suốt đêm không ngủ suy nghĩ mong gặp Đồ Trừng. Đồ Trừng biết ý Thạch lặc đang hối hận, sáng sớm đến chỗ Thạch lặc. Thạch Lặc nói: Đêm qua đi đâu? Đồ Trừng nói: Đêm qua ông sinh tâm giận dữ cho nên tạm thời tránh đi, nay ý ông thay đổi vì vậy mới dám đến. Thạch lặc cười lớn nói: Đạo nhân lầm mà thôi. Nguồn nước quanh hào thành nước Tương ở phía Tây Bắc của thành năm dặm do Hoàn Lan cúng tế mà được, dòng nước đó bỗng nhiên khô cạn. Thạch lặc hỏi Đồ Trừng rằng: Dùng cách gì dẫn nước đến? Đồ Trừng nói: Nay nên trong lệnh cho rồng. Thạch lặc tự là Thế Long, nói là Đồ Trừng chế giễu mình, nên đáp rằng: Chính vì rồng không có năng lực dẫn nước đến, cho nên hỏi nhau mà thôi. Đồ Trừng nói: Đấy là lời chân thành chứ không phải đùa cợt đâu nguồn của dòng nước, chắc chắn có thần rồng cư trú, nay đến truyền lệnh thì nước nhất định có được. Thế là cùng với đệ tử Pháp Thủ và mấy người nữa đi lên phía trên nguồn nước, nguồn đó vốn ở nơi lâu ngày đã khô cạn nức nẻ như vết bánh xe, người đi theo trong lòng nghi ngờ sợ rằng nước khó mà có được. Đồ Trừng ngồi trên giường dây thắp hương An Tức chú nguyện mấy trăm lời, ba ngày như vậy nước bỗng nhiên chảy ra dòng nhỏ, có một con rồng nhỏ, dài khoảng năm, sáu tấc, theo dòng nước mà xuất hiện, các Đạo sĩ tranh nhau đến xem. Đồ Trừng nói: Rồng có khí độc đừng đến gần trước nó! Một lúc sau dòng nước lớn chảy tràn, hào cạn đều tràn đầy. Đồ Trừng dự đoán điềm sắp xảy ra, khó có thể thuật lại hết được. Sau khi Thạch lặc lên ngôi, tôn thờ Đồ Trừng càng sâu nặng. Lúc

Thạch Thông sắp làm phản, năm ấy Đồ Trừng nhắc nhủ Thạch Lặc rằng: Năm nay trong cây hành (Thông) có sâu ăn chắc chắn làm hại người, nên khiến cho trăm họ đừng ăn hành! Thạch Lặc ban lệnh tuyên bố trong khu vực cẩn thận không được ăn hành. Đến tháng 8 Thạch Thông quả nhiên bỏ chạy, Thạch Lặc càng thêm tôn trọng, có việc thì nhất định hỏi han rồi sau đó mới thực hiện, gọi là Đại hòa thượng. Thạch Hổ có con trai tên là Bân, sau làm con của Thạch Lặc, yêu quý rất sâu nặng, bỗng nhiên bệnh nặng đột ngột mà chết, đã trải qua hai ngày. Thạch lặc nói: Trẫm nghe tin Thái tử chết mà Biển Thước có thể cứu sống, Đại hòa thượng là người thần của đất nước, hãy gấp rút đến báo tin, chắc chắn có năng lực tạo nên phước lành. Đồ Trường bèn lấy cành dương chú nguyện, chốc lát có thể đứng dậy, một lúc sau thì bình phục. Vì vậy các con trẻ thơ dại của Thạch Lặc phần nhiều được nuôi dưỡng ở trong chùa Phật. Mỗi khi đến ngày mồng tám tháng tư, Thạch Lặc tự mình đến chùa tắm Phật, vì con trẻ phát nguyện. Đến tháng tư năm thứ tư thời Tấn Kiến Bình, Trời lặng không gió mà trên tháp có một cái linh tự nhiên phát ra tiếng, Đồ Trừng nói với mọi người rằng: Âm vang của tiếng linh nói là đất nước có Đại tang không qua khỏi năm nay rồi. Tháng bảy năm ấy Thạch lặc qua đời, Tử Hoằng tiếp tục ngôi vị, thưở trẻ Thạch Hổ bị phế bỏ nên Tử Hoằng tự mình lên ngôi, dời đô về vùng Nghiệp, xưng là Nguyên Kiến Vũ, dốc lòng thờ kính Đồ Trừng có phần sâu nặng hơn Thạch Lặc, thế là đưa thư nói rằng: Hòa thượng là Đại bảo của đất nước, tước vị vinh hoa không thêm, bổng lộc cao sang không nhận, vinh hoa bổng lộc không dốc hết thì dùng cách gì để nêu cao đức hạnh? Từ đây trở đi đương nhiên áo quần dùng gấm vóc, xe cộ dùng loan giá. Ngày triều kiến đông đủ Hòa thượng lên Đại diện, luôn luôn hầu hạ trở xuống đều giúp đỡ đưa kiệu đón rước, Thái tử công hầu giúp đỡ mà đi lên, người đứng đầu xướng to Đại hòa thượng đến, mọi người ngồi đều đứng dậy để bày tỏ sự tôn trọng của mình. Lại truyền cho Ngụy Tư Không Lý Nông sớm tối gần gũi thăm hỏi, Thái tử công hầu năm ngày một lần triều kiến tỏ lòng trẫm cung kính ra sao!

Lúc ấy Đồ Trừng ở chùa trong phạm vi Nghiệp Thành, sai đệ tử Pháp Thường, từ phía Bắc đến nước Tương, đệ tử Pháp Tá từ nước Tương trở về, gặp nhau ở dưới thành Lương Cơ nên cùng trú lại, hợp xe lại trò chuyện suốt đêm, nói đến Hòa thượng, gần đây ngày nào cũng đi. Pháp tá đến mới vào lễ chào Đồ Trừng, Đồ Trừng đón và cười rằng: Đêm qua cùng với Pháp Thườn kết xe cùng nói thầy của ông chăng? Tiên Dân có nói: Không nói là cung kính chăng? Thầm kín mà không thay đổi.

Không nói là cẩn thận chăng? Một mình mà không uể oải. Thầm kín một mình là gốc của cung kính và cẩn thận, ông không biết chăng? Phật Tá ngạc nhiên hổ thẹn sám hối. Ngay sau đó người trong nước cứ mỗi khi cùng nhau trò chuyện đều nói: Đừng dấy lên tâm ác, Hòa thượng biết ông đấy. Và nơi ở của Đồ Trừng, không có ai dám hướng mặt đến mà khạc nhổ bừa bãi. Lúc ấy Thái tử Thạch Thúy có hai con trai ở nước Tương, Đồ Trừng nói với Thạch Thúy rằng: Con nhỏ là A Di gần đây đang gặp bệnh tật, nên đến đón về. Thạch Thúy liền tin lời đi đến xem sao, quả nhiên đã mắc bệnh. Đại y Ân Đằng và Đạo sĩ nước ngoài, nói tự mình có thể chữa trị. Đồ Trừng bảo với đệ tử Pháp Nha rằng: Cho dù Thánh nhân tiếp tục xuất hiện, cũng không chữa lành căn bệnh này, huống là hạng này ư? Sau ba ngày quả nhiên qua đời. Sau đó quân tấn rút khỏi Hoài Tứ, Lũng Bắc và Ngõa Thành đều bị xâm phạm bức bách, ba chốn cấp báo xin cứu viện mà tình người nguy ngập hỗn loạn. Thạch Hổ mới giận dữ nói rằng: Ta tôn thờ Phật cúng dường Tăng, mà lại dẫn đến nạn gặc ngoại xâm, Phật không có thần diệu rồi. Đồ Trừng sáng sớm đã vào cung, Thạch Hổ đem sự tình hỏi Đồ Trừng. Đồ Trừng nhân đó can gián Thạch Hổ rằng: Nhà vua đời quá khứ đã từng làm chủ buôn lớn, đến chùa Kế tân đã từng cúng dường hội lớn, trong đó có sáu mươi La hán, than bé nhỏ này của tôi cũng tham dự hội này, lúc ấy người đắc đạo nói với tôi là người chủ này mạng chung sẽ trải qua thân gà sau đó làm vua đất Tấn, nay nhà vua làm chủ, há không phải là phước ư, chiến trường quân giặc là chuyện thường tình của đất nước mà thôi, vì sao oán trách hủy báng Tam bảo trong đêm dấy lên ý niệm độc địa như vậy? Thạch Hổ mới tin và tỉnh ngộ, quỳ mà nhận lỗi vậy. Thạch Hổ đã từng hỏi Đồ Trừng: Phật pháp cấm không giết hại, trẫm làm chủ thiên hạ, không dùng hình phạt giết hại thì không thể nào dẹp yên đất nước, đã làm trái giới cấm sát sanh, tuy rằng thờ kính Phật mà có lẽ nào được phước ư? Đồ Trừng nói: Đế Vương thờ kính Phật, nên thuộc về thân cung kính tâm thùy thuận hiển dương Tam bảo mà không làm điều bạo ngược không hại người vô tội, còn đối với kẻ hung ác ngu si bất chấp đạo lý không phải cảm hóa mà làm cho thay đổi, có tội không thể nào không giết, có ác không thể nào không xử phạt, nhưng nên giết kẻ đáng giết – nên xử phạt kẻ đáng xử phạt mà thôi. Nếu bạo ngược tùy ý giết hại phi pháp, thì tuy rằng dốc hết tài sản tôn thờ giáo pháp mà không hiểu gì về tai họa nghiệp báo cũng nào ích gì. Nguyện bệ hạ tỉnh ngộ muốn phát triển tình thương rộng đến tất cả, làm cho Phật giáo mãi mãi thịnh vượng phước tộ mới lâu dài. Thạch Hổ tuy không có thể làm theo

hết được, nhưng là lợi ích không phải là ít.

Trương Ly và Trương Lương là quan Thượng thư của Thạch Hổ, nhà giàu thờ kính Phật, đều xây dựng tháp lớn Đồ Trừng nói rằng: Thờ kính Phật quyết định bởi sự thanh tịnh không tham muốn và lấy Từ bi làm tâm, đàn việt tuy theo lễ nghi tôn thờ Đáo pháp mà tham tiếc chưa dứt, đi lại săn bắn không kiềm chế tích tụ không cùng tận, còn nhận chịu tội lỗi của đời hiện tại, phước báo đâu mà đáng hy vọng vậy? Trương Ly - Trương Lương về sau đều bị tiêu diệt hết.

Đồ Trừng đã từng sai đệ tử đi đến Tây Vực mua hương, đã lên đường. Đồ Trừng bảo với đệ tử còn lại rằng: Trong bàn tay thấy đệ tử mua hương ở chỗ đó bị cướp gần chết. Vì vậy thắp hương chú nguyện, từ xa mà cứu giúp. Sau đó đệ tử trở về nói: Ngày đó tháng đó ở chỗ đó bị giặc cướp, lúc sắp bị giết bỗng nhiên ngửi thấy mùi hương, giặc cướp vô cớ tự nhiên kinh sợ nói rằng cứu binh đã đến, bỏ đó mà chạy. Thạch Hổ mỗi khi muốn chinh phạt nước Yên, Đồ Trừng can ngăn rằng: Quân nước Yên chưa hết, cuối cùng khó có thể chiến thắng. Thạch Hổ nhiều lần tiến hành mà thất bại thảm hại, mới tin Đồ Trừng khuyên nhủ. Lại trong Hoàng hà trước đây không có loài ba ba sinh sống, bỗng nhiên bắt được một con đem dâng tặng Thạch Hổ, Đổ Trừng trông thấy mà than rằng: Hoàn Ôn đi vào sông không lâu, Ôn tự là Nguyên Tử. Về sau quả nhiên như lời nói. Đồ Trừng đã từng cùng với Thạch Hổ bước lên giữa nhà chính, Đồ Trừng bỗng nhiên kinh hãi nói: Có biến nguy cấp, U châu đang xảy ra hỏa hoạn. Vẫn lấy rượu mà vẩy, lâu sau mà cười rằng: Đã cứu được rồi. Thạch Hổ sai người kiểm chứng sự việc ở U châu về thưa rằng: Ngày ấy lửa từ bốn cổng bốc lên, phía tây nam có áng mây đen xuất hiện bỗng nhiên tuôn mưa dập tắt lửa, mưa cũng có thể mùi rượu. Đến tháng bảy năm thứ mười bốn thời Kiến Vũ - Thạch Hổ, Thạch tuyên và Thạch Thao có ý đồ giết hại lẫn nhau, lúc Thạch Tuyên đến chùa cùng với Đồ Trừng ngồi trò chuyện, một cái linh trên tòa tháp tự nhiên phát ra tiếng vang. Đồ Trừng nói với Thạch Tuyên: Hiểu tiếng vang của cái linh hăng? Linh nói rằng: Người liều lĩnh gặp suy tàn. Thạch Tuyên biến sắc nói: Là nói về điều gì vậy? Đồ Trừng nói lảng rằng: Giỏi liều lĩnh vì đạo không thể nào ở núi được, không nói gì đến ăn ngon mặc đẹp, há không phải là suy tàn ư? Thạch Thao sau đó mới đến, Đồ Trừng nhìn kỹ rất lâu, Thạch Thao sợ hãi mà lại đối diện với Đồ Trừng, Đồ Trừng nói: Quái lạ làm sao mà ông hôi mùi máu, vì vậy nhìn nhau mà thôi. Đến tháng tám Đồ Trừng sai mười người đệ tử trì trao ở phòng khác, Đồ Trừng lúc ấy tạm thời đi vào cửa nhỏ phía Đông, Thạch Hổ và

Hoàng hậu Đỗ thị hỏi thăm sức khỏe Đồ Trừng nói: Phía dưới sườn có giặc trong mười ngày không nên ra ngoài, từ Phật đồ về phía Tây, từ điện này về Phía Đông, sẽ có máu chảy, cẩn thận đừng đi về phía Đông. Hoàng hậu Đỗ thị nói: Hòa thượng hoa mắt chăng, chỗ nào có giặc? Đồ Trừng liền nói đơn giản rằng: Sáu tình đã thọ nhận thảy đều là giặc, già tự nhiên phải hoa mắt, nhưng khiến cho người trẻ không mê muội, liền dùng lời ngụ ý chứ không thể làm sáng tỏ được. Sau đó hai ngày Thạch Tuyên quả là sai người làm hại Thạch Thao ở trong chùa Phật, muốn nhân dịp Thạch hổ đến dự tang lễ mà tiến hành Đại nghịch. Thạch Hổ nhờ Đồ Trừng cảnh báo trước cho nên được tránh khỏi, đến khi Thạch Tuyên tiến hành sự việc thì bị bắt. Đồ Trừng can ngăn Thạch Hổ rằng: Đã là con của bệ hạ, vì sao lại gặp tai họa lớn vậy? Nếu bệ hạ trong lòng tha thứ mà càng yêu thương, thì còn có hơn sáu mươi năm nữa. Nếu nhất định phải giết, thì Thạch Tuyên sẽ làm sao chổi xuất hiện quét sạch Nghiệp Cung này. Thạch Hổ không thuận lời, dùng gông cùm trói chất Thạch Tuyên dẫn ra pháp trường, chất củi mà tốt. Bắt giữ hơn ba trăm người thuậc về cung cấp, đều dùng xe phanh thây mà ném xuống sông Chương, Đồ Trừng bèn truyền cho đệ tử thôi trì trai ở phòng khác. Ngày khác vào tháng sau có một yêu quái, thân ngựa và đuôi, bờm đều có hình dạng giống như lửa cháy, đi vào cổng Trung Dương đi ra cổng Hiển Dương, Đông cung đầu phía Đông đều không thể vào được, đi về phía Đông Bắc trong phát chốc không còn thấy nữa. Đồ Trừng nghe nói mà than rằng: Tai họa ấy đến rồi! Đến tháng mười một Thạch Hổ đãi tiệc cho tất cả quần thần ở trước điện Thái Vũ, Đồ Trừng ngâm vịnh rằng: Cung điện cung điện ư, cây táo chua mọc thành rừng, sẽ làm toạc ác của người. Thạch Hổ sai người mở cung điện ra lật đá phía dưới xem xét, quả nhiên có cây táo chua mọc lên vậy. Đồ Trừng trở về chùa nhìn thấy tượng Phật, nói rằng: Buồn giận không thể trang nghiêm được. Một mình nói rằng: Được ba năm ư? Tự đáp rằng không được. Lại nói: Được hai năm, một năm, một trăm ngày, 1 tháng chăng? Tự đáp rằng không được. Thế là không nói gì nữa. Trở về phòng nói với đệ tử Pháp Tộ rằng: Năm Mậu Thân họa loạn dần dần phát sinh, đến năm Kỷ Dậu nhà họ Thạch sẽ tiêu diệt, ta trước khi loạn ấy chưa xảy ra đã hóa thân rồi. Liền sai người đến chia tay Thạch Hổ rằng: Cái lý của sự vật chắc chắn phải thay đổi, than mạng không phải là vật bảo đảm, thân thể của bần đạo là tai họa huyễn ảo, thời kỳ thay đổi đã đến, đã nhờ ân rất sâu nặng, cho nên báo trước để mong rằng nghe biết. Thạch Hổ đau buồn nói: Không nghe Hòa thượng có bệnh tật gì, thế mà bỗng nhiên bảo là

kết thúc! Lập tức tự mình ra khỏi cung đến chùa mà thăm hỏi rõ ràng chuyện này. Đồ Trừng nói với Thạch Hổ rằng: Sinh ra và chết đi là quy luật thường tình không thay đổi, phân định dài ngắn không phải năng lực của mình mà trì hoãn được. Nói rằng đạo là chú trọng vào thực hành trọn vẹn, đức thì quý ở sự không lười nhác, nếu như việc làm không có gì thiếu sót, thì tuy chết mà như còn, sai trái mà kéo dài thì đó không phải là nguyện cầu vốn có. Nay ý chưa hết ấy là bởi vì quốc gia mà tâm giữ lại Phật lý, tôn thờ giáo pháp không có gì tiếc nuối, xây dựng chùa miếu cao to tráng lệ, thì đây gọi là đức vậy. Nên hưởng hạnh phúc tốt lành, mà phân bố chính sách mãnh liệt, quá nhiều hình phạt tàn khốc, biểu hiện trái với Thánh điển, sâu xa rời bỏ phép tắc nhắc nhủ, không tự mình răn đen sửa đổi, rốt cuộc không có phước thiện chở che. Nếu tâm thuần thục thay đổi suy nghĩ tạo thuận lợi cho dân chúng, thì phúc lành của đất nước kéo dài đạo tục vui mừng được nhờ cậy, cuối cùng mạng sống chấm dứt cả một đời không có gì an hận. Thạch Hổ đau thương nghẹn ngào, biết là chắc chắn ra đi, lập tức sai người đào huyệt mộ lo liệu trước tang lễ. Đến ngày mồng tám tháng mười hai qua đời ở chùa Nghiệp Cung, là năm thứ bốn niên hiệu Vĩnh Hòa thời Tấn Mục Đế vậy. Quan lại dân chúng đau thương khóc lóc khắp nơi đất nước, hưởng thọ mười một bảy tuổi. Vẫn quyết định đưa đến Tử mạch, chương Tây, tức là nơi Thạch Hổ đã xây dựng phần mộ. Phút chốc Lương Độc làm loạn, năm sau Thạch Hổ qua đời, Nhiễm Mẫn cướp ngôi, giết sạch dòng họ Thạch. Nhiễm Mẫn lúc nhỏ tên là Cứu Nô, Đồ Trừng trước đây đã nói cây táo chua mọc thành rừng là vậy. Bên phần ngực trái của Đồ Trừng trước kia có một lỗ hổng, chu vi bốn, năm tấc thông suốt vào trong bụng, có lúc ruột từ trong đó ra ngoài, hoặc dùng xơ bông nhét vào lổ hổng, đêm muốn đọc sách, nhất định là rút xơ bông ra thì cả căn nhà sáng rực. Lại vào ngày trai thì đến bên bờ nước kéo ruột ra rửa sạch rồi đưa trở lại bên trong. Đồ Trừng thân cao tám thước, phong độ tư thái trong sáng mẫu mực, khéo hiểu sâu sắc kinh pháp, thông suốt sách vở thế gian, ngày giảng thuyết đích thực nêu rõ ý nghĩa tôn chỉ, khiến cho văn từ đầu đuôi rất rõ ràng có thể hiểu. Lại thêm lòng Từ sâu rộng cứu giúp tai ách khổ sở cho muôn dân, đang lúc hai người họ Thạch hung ác tàn bạo vô đạo, nếu không cùng thời gian với Đồ Trừng, thì ai có thể nói được như vậy, chỉ mong trăm họ được lợi ích, sử dụng hàng ngày không biết mà thôi. Phật Điều Bồ Đề cùng mấy chục danh Tăng, đều xuất phát từ Thiên Trúc - Khang Cư, lộ trình mấy vạn dặm không xa, chân vượt qua vùng Lưu Sa, đến nhận sự huấn luyện của Đồ Trừng, Phàn Hà

Thích Đạo An, Trung Sơn Trúc Pháp Nhã, đều vượt qua Quan Hà, nghe Đồ Trừng giảng thuyết, đều khéo thông hiểu lý lẽ tinh hoa nghiên cứu tận cùng nơi sâu xa thâm thúy. Đồ Trừng tự nói về nơi sinh ra của mình cách vùng Nghiệp hơn chín vạn dặm, bỏ nhà đi vào đạo một trăm lẻ chín năm, rượu không vượt qua răng, quá ngọ không ăn, điều trái giới luật không làm, không ham muốn không mong cầu, nhận chịu nghiệp báo đi theo, luôn luôn có đến vài trăm, môn đồ trước sau chứng trên một vạn, đã trải qua các châu quận dựng lên chùa Phật gồm tám trăm chín mươi ba nơi, hoằng pháp hưng thịnh chẳng có ai hơn được vậy. Ban đầu Thạch Hổ tẩm liệm Đồ Trừng, lấy tích trượng và bình bát lúc còn sống hay sử dụng đặt vào trong quan tài, sau đó Nhiễm Mẫn cướp ngôi mở quan tài, chỉ được bình bát và tích trượng chứ không thấy có thi hài. Có người nói tháng Đồ Trừng qua đời, có người gặp ở vùng Lưu Sa, Thạch Hổ ngờ là không chết nên mở quan tài thì thấy thi hài. Về sau Mộ Dung Tuấn dời đô về vùng Nghiệp ở trong cung của Thạch Hổ, thường mộng thấy Thạch Hổ cắn cánh tay mình, ý nói là Thạch Hổ vì kính trọng, thế là chiêu mộ tìm kiếm thi hài Thạch Hổ vào Đông Minh Quán đào lên mà có. Thi hài khô cứng không hư hoại, Dung Tuấn chà đạp mắng rằng: Chết rồi sao dám làm cho Thiên Tử đang sống phải sợ hãi, ông làm cung điện xong xuôi, nhưng bị con ông đã toan tính, huống gì là người khác ư? Dùng roi đánh mà hủy nhục rồi ném xuống sông Chương, thi hài dựa vào trụ cây không di chuyển, tướng nhà Tần là Vương Mãnh bèn thâu lấy mà mai táng. Ma Nhu đã đoán là có một cái cột cung điện. Ma Nhu ấy tức là dân lưu lạc ở huyện Ngụy, chẳng biết họ hàng ở đâu, luôn luô mang áo vải Ma Nhu xin ăn ở chợ, tựa như điên cuồng mà chính là người hiền, người ta nói cùng với Đồ Trừng qua lại rất là mật thiết. Mới đầu gặp Thạch Hổ cùng nhau trò chuyện biết là không lạ lùng, lời nói chỉ nói rằng bệ hạ đến lúc cuối cùng ở dưới một cây cột cung điện. Sau Phù Kiên chính phạt vùng Nghiệp, Tuấn Tử Vĩ bị Đại tướng của Phù Kiên là Quách Thần Hổ bắt giữ. Thật sự trước kia mộng thấy Thạch Hổ là linh nghiệm.

Điền Dung Triệu Ký nói: Đồ Trừng chưa mất trước đó mấy năm đã tự lo liệu phần mộ rồi, Đồ Trừng đã biết phần mộ ắt phải mở ra. Còn thi hài không ở trong quan tài, sao Mộ Dung biết trước mà sợ hãi? Điền Dung sai lầm rồi. Đồ Trừng hoặc nói là Phật Đồ Đăng, hoặc nói là Phật Đồ Trành, hoặc nói là Phật Đồ Trừng, đều lấy âm tiếng Phạn không như nhau mà thôi.

4. Sa môn Trúc Pháp Ấn thời nhà Tấn, trong thời Tấn Thái Nguyên

xưng là Chuy Lưu, rất được trọng dụng. Tướng quân vùng An Bắc là Thái Nguyên Vương Văn Độ kết bạn rất thân thiết, thường cùng nhau bàn luận về sanh tử báo ứng, mơ hồ khó mà sáng tỏ, vì trước mắt thừa nhận về lý lẽ ấy mà thôi, nhưng chưa có thể biết thực sự về điều ấy. Vì vậy kết thành lời thề: Ai chết mà có biết quả báo và thấy rõ tội phước thì nên nói cho nhau để rõ hơn về điều đó. Pháp Ấn sau đó ở Cối Kê quanh năm mà chết, Vương ở kinh đô không hay biết gì, bỗng nhiên thấy Pháp Ấn xuất hiện, Vường vừa sợ vừa vui cùng thăm hỏi lẫn nhau. Pháp Ấn nói: Bần đạo vào lúc ấy bệnh mà chết, tội phước không hư dối, thuận theo nhau như hình bóng như tiếng vang, đàn việt nên siêng năng tu dưỡng đạo đức để lên cao trở thành thần linh sáng suốt, đã có hẹn ước trước đây cho nên đến báo cho nhau biết. Nói xong thoắt đã không còn thấy nữa, Vương từ đó về sau mới cần cù tin tưởng hướng về.

5. Thời nhà Tống trong chùa Trung Hưng ở chốn kinh sư có Sa môn Bảo Ý, tiếng Phạn nói là A Na Ma Đê, vốn là người họ Khang ở nước Khang Cư, nhiều đời ở Thiên Trúc, vào giữa thới Tống Hiếu Kiến đến cư ngụ tại kinh sư, khéo hiểu rõ kinh luận, cũng gọi là Tam Tạng. Thường xuyên chuyển đọc mấy trăm bối tử, lập tức biết lành dữ, có sở trường về thần chú, dùng hương xoa bàn tay, cũng thấy việc trước kia. Tống Thế Tổ ban cho một ống nhổ bằng đồng, cao khoảng hai thước, thường đặc ở trước giường. Bỗng nhiên có người lấy trộm, Bảo Ý lấy một chiếc chiếu ngồi, uốn tròn lại chú nguyện lên đó mấy biến, trải qua ba đêm, ống nhổ trả về lại ở trong chiếc chiếu, chẳng ai biết điều ấy thế nào. Thế là đạo tục khắp nơi đều tôn kính mà lạ lùng lắm!

6. Thời nhà Tống ở chốn kinh sư có Sa môn Thích Bôi Độ, không biết họ hàng tên tuổi là gì, thường cưỡi trên cái chén gỗ đi qua sông nước, vì vậy mà ai cũng xem. Ban đầu thấy ở Kí Châu không tu dưỡng tế hạnh, thần lực tuyệt vời thế gian không ai có thể đoán được gốc gác của vị ấy. Đã từng đến phương Bắc ở nhờ một nhà, trong nhà có một pho tượng bằng vàng Bôi Độ trộm lấy mà mang đi, chủ nhà biết được bèn đuổi theo, thấy Bôi Độ đi chậm rãi ngựa đuổi thao mà không kịp. Đến bến sông Mạnh có cái chén gỗ nổi trên mắt nước, dựa vào đó vượt qua sông, không mượn gió, không có mái chèo, mà lướt nhanh như bay. Chốc lát qua đến bờ đi vào kinh sư, thấy lúc ấy tuổi khoảng bốn mươi hơn, áo quần rách rưới hầu như không che kín thân, nói năng ẩn hiện vui buồn không lường được. Có lúc ngày Đông giá rét mà tắm gội bình thường, có lúc mang guốc lên núi, có lúc đi lang thang vào chợ, chỉ vác một chiếc sọt lau, lại không có vật gì khác. Thoạt đầu đi đến chỗ Đạo

nhân Pháp Ý ở chùa Diên Hiền, Pháp Ý dùng phòng đặc biệt mà tiếp đãi, sau đó muốn đến Qua Châu, đi bộ đến bên sông gặp người chèo thuyền nói muốn qua sông, nhưng người chèo thuyền không chịu chở qua. Lại đặt chân trong cái chén quay đầu lại nhìn mà ngâm vịnh, cái chén tự nhiên trôi đi, vượt thẳng qua bờ Bắc. Hướng về Quảng Lăng gặp làng xóm, có nhà họ Lý tổ chức Bát quan trai, trước đây không quen biết nhau, thế là đi thẳng vào trai đường mà ngồi, đặt cái sọt lau ở giữa sân, mọi người vì thấy hình dáng tho lỗ nên tâm không cung kính. Họ Lý thấy sọt lau giữa đường, muốn dời đi đặt vào cạnh tường, mấy người đưa lên mà không thể nào nhúc nhích. Dùng cơm xong xách sọt mà đi, cười rằng: Tứ Thiên Vương. Phúc cho nhà họ Lý vào lúc ấy có một đầy tớ nhỏ, nhìn trộm trong sọt ấy thấy bốn đứa trẻ, đều cao chừng vài tấc, mặt mũi đoan chánh áo quần đẹp đẽ. Ngay sau đó truy tìm nhưng không biết ở nơi nào. Sau đó ba ngày mới thấy ngồi dưới gốc cây Mông Long ở ranh giới phía Tây, họ Lý lễ lạy thỉnh cầu về nhà cúng dường một thời gian. Bôi Độ không sao trì trai mà chỉ uống rượu ăn thịt, đến mức cay đắng vui sướng cùng với phàm tục không khác nhau, trăm họ dâng lên, hoặc nhận hoặc không nhận chẳng hề bận tâm. Lưu Hưng Bá ở nước Bái làm Thứ Sử Duyễn châu, sai sứ mời gọi, vác sọt lau mà đến, Hưng Bá sai người nâng lên xem sao nhưng mười mấy người không đưa lên được. Hưng Bá tự mình nhìn xem chỉ thấy một chiếc áo rách và một cái chén gỗ. Sau đó trở về nhà họ Lý ở lại hơn hai mươi ngày, sáng sớm bỗng nhiên nói muốn có được một chiếc ca sa, giữa trưa phải làm cho xong. Họ Lý lập tức lo liệu để làm, đến trưa chưa xong được, Bôi Độ nói tạm thời đi ra ngoài. Đến tối mịt không thấy trở về, thế là cả vùng nghe có mùi hương kỳ lạ, nghi là có điều lạ lùng xảy ra, đi khắp nơi tìm Bôi Độ, mới thấy ở dưới sườn núi phía Bắc trải ca sa rách trên đất nằm đó mà chết, trước đầu sau chân đều mọc lên hoa sen, hoa rất tươi sáng và thơm ngát, qua một đêm mới héo tàn, mọi người trong thôn ấp cùng nhau tẩm liệm mai táng. Sau đó mấy ngày có người từ phía Bắc đến nói rằng thấy Bôi Độ vác sọt lau đi về Bành Thành. Thế là cùng nhau mở quan tài chỉ thấy đôi giày còn lại. Đã đến Bành Thành gặp có người bạch y là Hoàng Hân thâm tín Phật pháp, thấy Bôi Độ liền lễ lạy mời về nhà, nhà rất nghèo chỉ có cơm lúa mạch mà thôi, Bôi Độ làm cho người ta thỏa mãn, vui vẻ ở lại được nửa năm. Bổng nhiên nói với Hoàng Hân rằng: Có thể tìm cho tôi ba mươi sáu chiếc sọt lau, tôi cần dùng loại đó. Đáp rằng: Ở đây chỉ có khoảng chừng mười chiếc, nhà nghèo không có cách gì mua được, sợ rằng không mua nổi. Bôi Độ nói: Ông chỉ cần

tìm kiếm trong nhà sẽ có. Hoàng Hân liền tìm kiếm mọi nơi trong nhà, quả nhiên có được 36 chiếc, bày ra giữa sân, tuy có đủ số mà cũng có nhiều chiếc bị rách toạc rồi. Hoàng Hân lần lượt nhìn kỹ thì thấy đều đã làm mới tất cả. Bôi Độ che kín những chiếc sọt, nhân đó bảo Hoàng Hân hãy mở ra, mới thấy sọt nào cũng đầy tiền bạc lụa là, có lẽ nhiều đến trăm vạn. Người hiểu biết nói là Bôi Độ phân thân đến cõi khác đã nhận được sự bố thí, quay về để giúp cho Hoàng hân. Hoàng hân tiếp nhận đều làm việc công đức, trải qua hơn một năm Bôi Độ cáo từ ra đi. Hoàng Hân lo liệu lương thực cho Bôi Độ, sáng sớm thấy lương thực còn đầy đủ, không biết Bôi Độ ở đâu. Trải qua hơn một tháng sau đến kinh sư, lúc ấy ở Triều Câu có Chu Văn Thù, là người trẻ tuổi tôn thờ giáo pháp, Bôi Độ nhiều lần đến nhà ấy, Văn Thù nói với Bôi Độ rằng: Đệ tử nếu như xả thân chím ở trong đau khổ, nguyện được cứu giúp; nếu như ở nơi tốt lành, nguyện làm pháp lữ với nhau. Bôi Độ không đáp. Văn Thù vui mừng nói: Phật pháp im lặng đã là đồng ý rồi.

Sau đó đi về phía Đông vào quận Ngô, giữa đường gặp người câu cá, nhân đó đi đến xin cá, người câu cá cho một con cá chết, Bôi Độ đưa tay thong thả lật qua lật lại rồi thả vào trong nước, cá sống lại bơi lội mà đi. Lại thấy người giăng lưới nên tiếp tục đi theo xin cá, người giăng lưới tức giận mắng nhiếc không cho, Bôi Độ bèn nhặt lấy hai hòn đá ném vào trong nước, chốc lát có hai con trâu đánh nhau trong màng lưới ấy, lưới đã bị rách toạc thì không thấy trâu đâu nữa. Bôi Độ cũng ẩn mình đi đến Tùng Giang, thế là ngữa cái nắp ở trong nước, cưởi lên mà qua bở bên kia, trải qua Cối Kê - huyện Diệm, leo lên núi Thiên Thai mấy tháng rồi quay lại. Lúc ấy ở chốn kinh sư có Đạo nhân nước ngoài, tên là Tăng Khư Tra, ở nhờ trong chùa Trường Can dưới đô thành, có khách tăng tên là Tăng ngộ, cùng phòng với Khư Tra vào ban đêm từ trong khe hở cửa sổ, thấy Khư Tra lấy chùa tháp nâng lên đi vào mây sau đó mang trở lại. Tăng Ngộ không dám nói, nhưng vô cùng kính trọng và ngưỡng mộ. Lúc ấy có một người họ Trương tên Nô, không biết người ở nơi nào, không thấy ăn uống gì mà thường tự nhiên mập mạp vui vẻ, mùa Đông mùa hạ mặc áo vải mỏng, Khư Tra ở đường đi gặp Trương Nô, vui mừng mà cười, Khư Tra nói: Tôi ở phía Đông gặp Thái Đồn, phía Nam hỏi Mã Sinh, phía Bắc gặp Vương Niên, nay muốn đến chỗ Bôi Độ, có thể cùng ông gặp nhau chăng? Trương Nô bèn viết lên cây Hòe mà than rằng: Lất phất trong cảnh tượng bao la, chiếu rọi thật hiển bày rõ ràng, ông mê mờ tối tăm việc gì, mà nghi h tự chuốc tai ương, nơi an vui ít người hướng đến, chốn khổ đau như cái túi rách,

không có chí hướng của tùng bách, đâu cần bắt chước thói phong sương, nhàn tản bày tỏ theo khí tím, ngâm nga mãi ra khỏi Trời xanh, tinh thần trong sáng không ngoài sắc, thuận theo thấy có duyên quê hương, năm tháng giúp thêm cho Hán Hậu, ngày giờ nương tựa vào Ân Vương, ông và tôi không phải người Tiên, dấu tích mơ màng ở mọi nơi, cũng trông thấy rơi vào phàm tục, mắt tiếp xúc khiến cho đau xót, quán xét lời đồn có ý niệm, lẽ nào nói hết những đau thương?

Khư Tra nói: Trước đây gặp tiên sinh, thiền định tư duy trong núi sâu hoang vắng, một lần ngồi suốt cả trăm năm, Đại Từ xông ướp trong lòng, dẹp yên ý niệm loạn động, hình hài khô khan tiều tụy, cũng viết ra bài tụng nói rằng: Cuộc đời dài trống rỗng, hoặc phát sinh thêm bớt, khiến dục trần vấy nhiễm, xuất hiện những đam mê, chỉ có người hiểu biết, tỏ ngộ sâu cảnh thấy, nghĩ thân như bọt nước, nhìn ảnh như chớp điện, vấp ngã theo tiếng ồn, hồn mộng theo công danh, thấy sắc tỏ ngộ không, ngắm vật ngán đổi thay, xả bỏ những cái có, đoạn trừ mọi tập khí, gột sạch hết ấm chất, mần cỏ đã nảy sinh, dựa bờ ruộng tưới vừng, cạnh sườn dốc thèm uống, định tuệ soi sáng ngời, diệu chân tỏa khắp nơi, Từ bi có tăng lên, nghĩ sâu xa không chán".

Nói xong cả hai cùng ra đi, từ ngày tháng ấy về sau không thấy hai người này nữa. Truyện thuật rằng: Dẫn Tăng Ngộ cùng đi vào Nam Nhạc không trở lại. Trương Nô cùng với Bôi Độ gặp nhau, nào có nói gì. Người ta vốn không hiểu, Bôi Độ hãy còn dừng lại chốn đô thành một thời gian lúc đi lúc dừng không nhất định, thỉnh cầu có lúc đến có lúc không đến. Lúc ấy ở Nam châu có nhà họ Tuần, có cơm ăn áo mặc đầy đủ, Bôi Độ đến nhà ấy được coi là rất chu đáo, nghe nói dưới đô thành lại có một Bôi Độ khác, cha con họ Trần cả năm người đều không tin, vì thế xuống đô thành xem sao. Quả nhiên giống như Bôi Độ ở nhà họ, hình tướng như nhau, vì vậy họ Trần làm một hộp mứt gừng, vá các thứ như dao con, huân lục hương-khăn mặt... bày ra, Bôi Độ liền ăn mứt gừng đến hết, các vật còn lại rõ ràng ở trước đầu gối. Cả năm cha con nhà ấy sợ rằng chính là Bôi Độ nhà mình, nên để lại người em trai thứ hai, dừng chân trong chùa ở đô thành coi xét, ba người còn lại trở về nhà. Bôi Độ trong nhà vẫn như trước, phía trước đầu gối cũng có các thứ như dao con-hương..., chỉ có không ăn mức gừng là khác thôi. Thế là nói với họ Trần rằng: Dao con cùn rồi đem đi mài. Người em trai thứ hai từ đô thành trở về nói rằng: Bôi Độ ấy đã đi đến chùa Linh Thứu. Bôi Độ nhà ấy bỗng nhiên xin hai tấm giấy vàng để viết thư, thư viết không thành chữ, tất cả giống như mặt sau tấm giấy. Họ Trần hỏi rằng Thượng

nhân làm giấy tờ viết gì vậy? Bôi Độ không trả lời. Cuối không đoán được điều ấy thế nào, từ đó mất dấu vết rồi. Bôi Độ ở cùng dưới đô thành hãy còn qua lại nơi chốn xóm núi, nhiều lần thực hiện thần chú. Lúc ấy tớ gái Dữu Thường lấy trộm đồ vật mà phản bội, truy tìm mọi nơi không bắt được, bèn hỏi Bôi Độ. Bôi Độ nói: Đã chết, ở trong phần mộ trống bên sông Kim Thành. Đến xem thì quả nhiên như lời đã nói. Khổng Ninh Tử lúc ấy làm Hoàng môn thị lang, ở công đường mắc bệnh kiết lỵ, sai người đưa tin thỉnh cầu Bôi Độ, Bôi Độ chú nguyện xong nói rằng khó qua khỏi, thấy có bốn con quỷ đều bị chém đứt thân hình. Ninh Tử khóc nói rằng: Xưa Tôn An làm loạn, nhà bị quân lính tàn phá, cha mẹ và người chú đều bị đau đớn vô cùng. Sau đó quả nhiên Ninh Tử qua đời. Lại có Tề Hài vì mẹ vợ là Hồ Thị mắc bệnh, chữa trị mọi cách không khỏi, sau đó Tề Hài thỉnh Tăng thiết trai, trong trai đường có Đạo nhân Tăng Thông khuyên đón mời Bôi Độ. Bôi Độ đã đến vừa chú nguyện thì người bệnh liền khỏi. Tề Hài kính phục thờ làm thầy, vì vậy làm thành truyện ký, sự thần dị ấy từ trước tới nay đại khái cùng với trên giống nhau. Đến tháng chín năm thứ ba thời Tống Nguyên Gia, Từ biệt Tề Hài đi vào phía Đông, để lại một vạn đồng tiền và đồ vật nhờ Tề Hài chi trả cho việc lo liệu thiết trai, ngay sau đó chia tay mà đi. Đi đến Xích Sơn vùng Hồ châu, mắc bệnh kiết lỵ mà chết. Tề hài liền lo liệu việc thiết trai giúp thầy, và đón nhận thi hài về mai táng ở núi Phúc Châu vùng Kiến Nghiệp.

Đến năm thứ bốn có Thiệu Tín ở Ngô Hưng, là người rất tôn thờ giáo pháp mắc phải căn bệnh thương hàn, không người nào dám chăm sóc, thế là khóc lóc đau buồn mà niệm Quán Thế Âm, bỗng nhiên thấy một vị Tăng đến nói rằng: Là đệ tử của Bôi Độ. Nói cho biết rằng đừng lo buồn. Các sư tìm đến thăm hỏi nhau, đáp rằng: Bôi Độ có kinh nghiệm đã chết, sao có thể đến được? Đạo nhân nói: Trở lại nào khó gì! Liền từ đầu đại áo lấy ra một hộp thuốc bột cho uống, bệnh lập tức chữa lành. Lại có Đỗ tăng Ai, là người ở phía dưới đồi Nam, xưa đã từng kính phục tôn thờ Bôi Độ, có con trẻ mắc bệnh rất nặng, bèn suy nghĩ và tiếc rằng không được Bôi Độ luyện cho thần chú. Hôm sau bỗng nhiên thấy Bôi Độ đến nói năng như bình thường, liền chú nguyện cho người bệnh thì bệnh chữa lành. Đến ngày mồng tám tháng ba năm thứ năm Bôi Độ lại đến nhà Tề Hài, Lữ Đạo Tuệ nghe người đau buồn nên cùng với Khâu Hi cầu Trời mong cơn nguy hại, tất cả cùng trông thấy Bôi Độ nên đều kinh sợ vô cùng lập tức đứng dậy lễ lạy. Bôi Độ nói với môi người rằng: Năm nay sẽ rất xấu, nên chịu khó tu tạo phước nghiệp, Đạo nhân

Pháp ý rất có đức hạnh, có thể đến nơi ấy tu sửa xây dựng, chùa cũ để cầu khẩn tránh được tai họa! Chốc lát trên cổng có một vị Tăng gọi Bôi Độ, Bôi Độ liền từ giã mà đi, nói rằng bần đạo sẽ đến nơi xa xôi nên không thể đến được nữa. Tề Hài cùng mọi người vái lạy tiễn đưa thật thiết tha ân cần. Thế là từ đó không còn dấu tích, cả thế gian cũng nói. Lúc ấy vì người không thấy đích thực sự việc ấy, nên không có thể tùy tiện truyền bá vậy.

7. Thời nhà Tống ở vùng núi Tề Hậu nước Thục có Thích Huyền Sướng, người họ Triệu vùng Kim Thành - Hà Tây, thưở nhỏ gia đình bị giặc Hồ Lỗ tiêu diệt, tai họa sắp giáng đến Huyền Sướng, tướng quân Lỗ trông thấy Huyền Sướng mà ngăn lại rằng: Đứa bé này có ánh mắt phát ra ngoài, không phải là đứa trẻ bình thường. Thế là được thoát nạn, bèn đi đến Lương châu xuất gia. Sau đó quân Lỗ tàn bạo tiêu diệt Phật pháp làm hại các Sa môn, chỉ riêng Huyền Sướng chạy thoát. Vào ngày mười bảy tháng năm nhuận năm thứ hai mươi hai thời Tống Nguyên Gia, xuất phát từ Bình Thành đường đi qua quận Đại vào hang núi, phía Đông vượt qua Thái Hành trải qua U Kí, phía Nam chuyển hướng gần đến Mạnh tân, tay chỉ cầm một bó cành dương một nắm lá hành, quân Lỗ cưỡi ngựa đuổi theo gần kịp, sắp đến bèn dùng cành dương vỗ cát, cát tung lên mù Trời, người ngựa không thể nào tiến lên được. Một lát sau cát dừng lại thì quân lính đã lại đến, thế là lao mình vào giữa sông, chỉ dùng là hành gắn vào trong lỗ mũi, làm cho thông khí vượt qua sông. Vào ngày mồng một tháng tám đến được Dương châu. Thấy hiểu kinh luật đi sâu vào nội dung quan trong của thiền, xem đoán lành dữ không điều gì không chính xác. Tống Văn Đế vô cùng khen ngợi và tôn trọng, mới làm thầy dạy cho Thái tử. Sau dời đến Kinh châu cư trú tại chùa trường Sa, xòe tay có mùi thơm, trong bàn tay có nước chảy ra, không ai đoán được tại sao. Đến năm cuối triều đại nhà Tống, bèn đưa thuyền đi thật xa, về phía Tây đến Thành đô, ban đầu ở lại chùa Đại Thạch, chính tay mình họa làm mười sáu hình tượng các vị thần Kim Cang Mật Tích. Đến năm thứ ba thời Tống Thăng Minh, lại đi đến biên giới phía Tây ngắm nhìn đỉnh Mân Sơn, mới vào ranh giới huyện Quảng Dương phía Bắc quận Mân Sơn thấy núi Tề hậu, liền có chí khí hướng cuối cùng ở chỗ này, thế là dựa vào hang đá bên cạnh mỏng núi bện có làm am. Đệ tử Pháp Kỳ thấy có người thần cưỡi ngựa mặc áo mỏng màu xanh vây quanh núi một vòng rồi trở lại chỉ rõ nơi tạo tháp. Vào ngày hai mươi ba tháng tư năm thứ nhất thời Tề Kiến Nguyên, xây tháp dựng chùa, tên gọi là Tề Hưng, chính là ngày được tề Thái Tổ ban cho mệnh lệnh, thời

cơ đến thì việc mà người có thể làm được hợp với vạn dặm xa xôi. Lúc ấy Phó Diễm trấn giữ phía Tây của Thành đô, kính trọng phong cách mô phạm của Huyền Sướng nên đối đãi cung kính theo bậc thầy. Sau khi Huyền Sướng dựng chùa, mới gởi thư cho Phó Diễm nói rằng:

Bần đạo dừng lại Kinh châu đã lâu, tuổi già lắm bệnh, ngán hiểm ác đông người ồn ào, cho nên đi xa nhờ cậy ranh giới Mân Sơn, chọn nơi ở tại núi đất này, thuộc về phía Đông của Quảng Dương, cách xa đô thành ngàn Bộ, uốn lược quanh co kéo dài liên tục, núi cao nối liền trùng điệp, dãy núi lớn mở ra bốn khe suối, bày ra năm đỉnh cao liên tiếp, bao quanh thành quách ôm lấy làng mạc, quay lại nhìn về ba hướng, núi dựa vào lưng núi cao, nhìn xa về chín dòng chảy. Vào ngày hai mươi ba tháng tư năm ngoái, bắt đầu công việc lại thiếu thốn, mùa Đông trước đến đây tìm hiểu kế thừa, ngày nay chính là ngày rồng bay của bệ hạ. Bởi vì nghe đạo xứng với Thái cực, thì điềm tốt lành tự nhiên hiển bảy; đức giống với Nhị nghi, thì thần cảm ứng nhất định sáng tỏ. Vì lẽ đó Hà lạc sáng láng xuất hiện điềm báo của Hữu Chu, Linh Thạch bày tỏ rõ ràng hiện tượng của Đại Tấn, cúi đầu thừa nhận rằng núi này là lá bùa linh nghiệm, há không phải là sự linh ứng của Hoàng đế nhà Tề ư? Đàn Việt phụng sự đất nước ân tình sâu đậm, hết sức làm cho thời cơ và hiện tượng nối liền với nhau, không thể nào quên mất tâm tư, há có thể còn lưu lại sự tích, nhất định là núi thưa rừng vắng khen ngợi một bài, để thổ lộ sự ngu trong lòng.

Khen ngợi rằng: Tề Sơn cao vút, xuất hiện từ trong sâu thẳm, tiềm ẩn bao điềm lành xa xưa, Hoàng đế gọi mới sáng tỏ; núi cao đội Trời, tên gọi báo phúc lành, gốc núi kéo dài tận chân mây, đỉnh cao mây màu sáng lạn; mỏn núi mô phỏng như chùa tháp, kết thành dãy nối liền nhau, ngày bắt đầu xây dựng, rồng bay hiện rõ khắp nơi hợp với Trời đất, khắp cõi chung tình cảm, suốt đời mang phúc lành, núi đức bày tỏ điềm linh.

Phó Diễm đã nghe đầy đủ lời bày tỏ, sắc lệnh miễn tô thuế cho trăm nhà để sung làm bổng lộc chu cấp. Sau đến thời Tề Vũ Đế lên ngôi, Tư Đồ Văn Tuyên Vương ban sắc lệnh bơi thuyền du ngoạn xuống phía Đông, giữa đường phát bệnh mang tai họa đến kinh đô, mọi người hy vọng chữa lành, dừng lại ở Linh Căn, không bao lâu mà qua đời, hưởng thọ sáu mươi chín tuổi.

Sáu chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng truyện.

8. Thời nhà Tấn có Triệu Hầu, trẻ tuổi thích học các phép thuật, hình dáng xấu xí cao không đầy vài thước, lấy chậu nước nhắm mắt làm

phép, cá rồng lập tức trông thấy Triệu Hầu có gạo trắng, bị chuột ăn trộm, vẫn che đầu nắm dao sẽ vào mặt đất làm lao ngục, cửa bốn mặt hướng về phía Đông mà kêu, bầy chuột cùng đến, chú nguyện rằng: Hễ con nào không ăn thì đi qua. Hơn mười con dừng lại, bắt mổ bụng xem trong ruột, thì có gạo còn ở đấy. Đã từng đi chân đất không cần đến giày dép, nhân đó ngước đầu ngâm nga khe khẽ, đôi dép tự nhiên đến. Người có cười cợt hình dáng của mình, thì bắt đầu bày ra chén rượu, nhìn vào miệng lập tức ngậm lại, mũi không thở được, nhiều lần cúi đầu nhận lỗi, chạm vào đất không đứng dậy được. Tấn Vĩnh Khang có núi lập tức rơi đầu. Nay hãy còn ở dưới chân núi.

Chuyện trên đây trích từ Dị Uyển.

Bão Phát Tử nói: Xưa chúa Ngô sai Hạ tướng quân đánh dẹp giặc cướp ở trong núi, trong giặc cướp có người giỏi về phép thuật, mỗi lần đang lúc đánh nhau, thì làm cho quan quân đều không thể rút được dao kiếm, cung nỏ bắn ra thì mũi tên đều hướng trở về người bắn, nhất định là gây nên thế bất lợi. Hạ tướng quân trong lòng luôn luôn có suy nghĩ, bèn nói: Ta nghe vàng có dao thì có thể ngăn được, trùng có độc thì có thể ngăn cản, không có dao và độc ấy thì không thể ngăn được, phép thuật ấy chắc chắn là có năng lực ngăn được binh lính của ta, nhưng chắc chắn không thể nào ngăn được dao và vật không có. Thế là làm chuyện gậy gỗ cứng chắc, tuyển chọn năm ngàn người lính rất mạnh khỏe làm tiền đao tiến lên, tất cả đều cầm gậy gỗ. Giặc cướp trong núi kia cậy thế có người giỏi về phép thuật, đã không phòng bị nghiêm ngặt. Thế là quan quân dùng gậy gỗ tiến đánh, phép thuật kia không còn tác dụng, giặc cướp bị tiêu diệt hoàn toàn.

Phạm Diệp Hậu Hán Thư nói: Năm thứ nhất thời Hán Vĩnh Ninh vua nước Di Thiền phía Tây Nam đến cung điện dâng tặng lễ vật và người huyền ảo, có thể biến hóa kỳ ảo như nhả ra lửa, tự cắt tay chân, thay đổi thành đầu trâu mặt ngựa. Năm sau nguyên Hội thực hiện tại triều đình, An Đế và quần thần cùng xem rất là kinh ngạc.

Hậu Hán Thư nói: Năm thứ chín thời Trinh Quân nước Duyệt Ân sai sứ triều kiến dâng lễ vật, và tặng người huyền ảo, nói là có thể cắt cổ họng của người khiến cho đứt lìa, đánh vào đầu người khiến do xương lún xuống, tất cả đều chảy máu dầm dề, hoặc là mấy thăng, hoặc là đầy thăng, lấy cỏ thuốc ngậm vào trong miệng, khiến nhai và nuốt hết, chốc lát máu dừng chảy. Thế Tổ nói: Là không thật. Bèn đem tử tù, làm thử thì đều linh nghiệm. Lại có thể làm cho mưa dầm, gió mạnh, tuyết rơi và ao hồ tràn nước.

Thôi Hồng Thập Lục Quốc Xuân Thu Bắc Lương Lục nói: Tháng bảy năm thứ 14 thời Huyền Thỉ, Tây Vực cống nạp người có kỹ năng đặc biệt như nuốt dao, ăn lửa và nhiều phép thuật biến hóa kỳ ảo bí mật.

Tây Kinh tạp Ký nói: Khúc Đạo Long có sử trường thực hiện các phép thuật biến hóa, nói rằng Hoàng công là người vùng Đông hải, thưở trẻ có thể thuần phục rắn – sai khiến hổ, lập tức làm ra mây mù, tự dưng trở thành núi sông. Trong thời Tấn Vĩnh Gia có người Hồ ở Thiên trúc đến vượt qua Giang Nam, người ấy có nhiều phép thuật, có thể cắt đứt lưỡi – nối lại lưỡi đứt- nhả ra lửa. Mọi người trong vùng tụ tập cùng nhau xem thử, người ấy trước khi sắp cắt lưỡi thì thè ra để chỉ rõ cho khách xem thấy, sau đó mới dùng dao cắt đứt lưỡi máu chảy đầy đất, bèn lấy bỏ vào trong đồ đựng chuyền khắp để mọi người xem, nhìn thấy cái lưỡi chỉ còn lại nửa lưỡi. Lát sau trở lại lấy gắn vào liền nhau. Một lát sau ngồi để mọi người thấy, cái lưỡi đã lành lại như cũ, không biết thật sự có cắt đứt không vậy. Tiếp theo phần cắt lưỡi ấy lại lấy vải lụa đưa cho người con, tất cả cầm lấy một đầu đối diện mà cắt, khi đã cắt đứt rồi mà lấy hai đoạn rời nhau, hợp lại đem chú nguyện, thì lại nối liền như cũ, tấm lụa không khác gì trước đây vốn là một tấm vậy. Lúc ấy nhiều người nghi ngờ cho là biến hóa kỳ ảo, bèn âm thầm thử xem, quả là tấm lụa cũ đã được nối liền vậy. Người ấy trước khi nhả lửa có thuốc ở trong đồ dựng, lấy một viên cho thêm đường hòa vào, thổi phù phù nhiều lần rồi mà há miệng, lửa đầy trong miệng, nhân đó đến đốt đèn, lấy để đun nấu thì lửa phát ra. Lại lấy giấy viết thư và dây thừng ném vào trong lửa, mọi người cùng nhìn thấy, trông thấy lửa đốt cháy tiêu tan tất cả, thế là gạt giữa tro tàn lấy mà đưa ra, chính là những vật trước đây.

Linh Quỷ Chí nói: Năm thứ mười hai thời Thái Nguyên có Đạo nhân nước ngoài đến, có thể nuốt dao-nhả lửa-nhả ra châu ngọc vàng bạc, tự nói pháp thuật đã tiếp nhận ấy là từ người bạch y chứ không phải là Sa môn. Đi đường gặp một người gánh hàng, trong gánh có cái lồng nhỏ, có thể chứa được hơn một thăng. Nói với người gánh hàng rằng: Tôi đi bộ rất mệt mỏi nhờ ông gánh hộ. Người gánh hàng rất lấy làm lạ, nghĩ là người điên, liền nói rằng: Tự nhiên có thể như vậy mà thôi, ông muốn nơi nào thì tự đặt vào vậy. Người đó đáp rằng: Nếu được cho phép vậy mà thôi, ông muốn nơi nào thì tự mình đặt vào vậy. Người đó đáp rằng: Nếu được cho phép thì chính là muốn vào trong cái lồng. Người gánh hàng càng lạ lùng hơn, đặt gánh xuống để người kia đi vào trong

lồng, cái lồng không lớn hơn, người kia cũng không nhỏ lại, cái gánh cũng không cảm thấy nặng so với trước. Đã đi được mấy chục dặm, dừng dưới tán cây để ăn cơm, người gánh hàng gọi cùng ăn, nói rằng tôi tự có cơm chứ không chịu ra. Đang ở trong lồng lấy ra đồ ăn uống, bày la liệt các món ngon lànhphong phú cũng không kém, lại gọi người gánh hàng cùng ăn, chưa được nửa thì nói với người gánh hàng: Tôi muốn cho vợ cùng ăn. Liền từ trong miệng đi ra một người con gái, tuổi chừng hai mươi, dung mạo áo quần rất đẹp, hai người liền cùng nhau ăn uống. Ăn gần xong, người chồng liền nằm ngủ, người vợ nói với người gánh hàng: Tôi có người chồng khác, muốn đến cùng ăn cơm, chồng tôi thức dậy ông đừng nói gì. Người vợ liền từ trong miệng lấy ra một người đàn ông trẻ tuổi cùng nhau ăn uống. Trong cái lồng đã có ba người, mà chuyện rộng hẹp lại cũng không khác gì hơn. Một lát sau người chồng ấy động đậy như sắp tỉnh giấc, người vợ lấy người chồng khác đứng dậy nói với người gánh hàng rằng: có thể tiếp tục. Liền đem người vợ bỏ vào trong miệng, sau đó đến đồ dùng ăn uống. Người này đã về đến, trong nước có một người, nhà rất giàu tiền của châu báu hàng vạn mà tánh rất bủn xỉn, nói với người gánh hàng: Tôi thử vì ông mà phá bỏ tính của kẻ bủn xỉn. Liền đi đến nhà đó, có con ngựa tốt rất quý báu, buộc ở dưới chân trụ bỗng nhiên mất đi, tìm kiếm không biết chỗ nào. Hôm sau thấy con ngựa ở trong hủ sành năm thăng, rốt cuộc không thể đập vỡ được. Thế là nói rằng: Ông làm bữa cơm cho trăm người ăn, mà đầy đủ không thiếu, thì con ngựa nhất định ra được thôi. Người chủ lập tức lo làm cho xong thật là khốn đốn, con ngựa trở về lại ở dưới chân trụ. Sáng hôm sau cha mẹ già của người ấy ở trên nhà chính, bỗng nhiên không thấy đâu nữa, cả nhà hốt hoảng không biết ở đâu, mở các đồ dùng trong nhà bỗng thấy cha mẹ ướt át trong chiếc bình, không biết làm sao mà ra được. Lại đến chỗ người trông coi cầu thỉnh, người ấy nói: Nên tiếp tục làm bữa cơm cho hơn ngàn người ăn đang nghèo khó, thì sẽ ra được. Làm theo như lời thì cha mẹ người ấy tự nhiên ở trên giường.

U Minh Lục nói: An Khai là thầy mo thông thường ở An thành, có sở trường về phép thuật huyễn ảo, mỗi khi đến miếu thờ thần linh, thì đánh trống giết thịt ba loại gia súc để cúng tế, chất củi đốt lửa hừng hực, thắt đai đi vào trong lửa, ấn giấy cháy hết mà thân hình áo quần của An Khai giống như lúc đầu. Lúc ấy nhà vua nghi ngờ việc làm ở Giang châu chưa xác định được. Chờ đợi nhà vua đang ở Hành Dương mà giả làm vua đầu cài trâm lá sen, bởi vì chiếc mũ là có khác biệt, sau khi đến ngồi, là sen mới lộ ra, mọi người rất kinh hãi.

Dị Uyển nói: Tẩu Dân ở Tân Thành - Cao Dương, trong thời Tấn Hàm Ninh làm nhiều đền thờ huyền ảo mê hoặc lòng người, thay quyền bố trí quan lại, đồng thời lấy nước tự xem xét, nhất định là trông thấy được người đã thay quyền bố trí, áo mũ đẹp đẽ vô cùng, trăm họ tin theo làm cho mê hoặc, kinh đô thâu tóm lại, bắt mà chém đầu.

Dị Uyển nói: Tôn Khê Nô ở Thượng Ngu, có nhiều kỹ năng biến hóa kỳ ảo. Vào đầu thời Nguyên Gia làm phản, vào thời Kiến An bị trừng trị, sau ra chốn dân gian phá bỏ thói đam mê xấu xa vốn có, thẳng vào trong bụng mà làm cho không đau đớn, chữa trị bệnh phong cho người mà đầu chảy máu đầm đìa, hà hơi thì dứt vết thương lại lập tức lành lặn. Hổ làm thương tổn - rắn cắn bị độc gần chết, phép thuật bảo vệ đều chữa lành. Hướng lên hư không hú dài thì bầy chim tước bay đến tụ hội, đêm chú nguyện thì ruồi muỗi đều chết ở bên cạnh. Đến năm thứ mười ba ở tại Trường Sơn làm chủ cũ đạt được ý nguyện, biết có phép thuật ngăn cấm thì nghĩ rằng ắt phải chết vì bị làm phản, cần phải trói chặt gông xiềng rất là kỹ càng, mấy ngày sau đã thoát ra không còn trong ngục.

Liệt Tử nói: Thời Chu Mục Vương ở nước Tây Cực có người biến hóa đi đến, vào trong nước lửa xuyên qua vàng đá, lật nhào núi đồi chuyển dời thành ấp, đi giữa hư không chẳng rơi chạm vào tường vách đi qua không ngăn ngại, thiên biến vạn hóa không thể cùng tận. Đã thay đổi hình dáng của vật, lại còn biến chuyển suy nghĩ của con người (có thể khiến cho người ta tạm thời quên hết sự hiểu biết vốn có của mình), Mục Vương kính trọng như thần linh.

Hoàn Đàm Tân Luận nói: Đổng trọng Quân là người cầu tiên luyện đan, phạm tội bị giam vào ngục; người sống ở trần gian chết đi thì mắt trũng xuống sâu kiến cắn nát, cho nên biết huyễn thuật không phải là điều không có. Lại có thể mũi thổi, miệng hát, thè lưỡi, dựng lông mày, chuyển động mắt, Kinh châu có tộc Man uống bằng mũi, Nam vực có rợ Di bay đi bằng đầu, không phải là huyền ảo vậy.

Khổng Vĩ Thất Dẫn nói: Người có kỹ thuật làm cho biến hóa kỳ ảo dựa vào thời cơ mà thực hiện. Trồng dưa gieo mạ lập tức mọc lên cả thước, tìm thơm bỏ thối bán vàng đổi trắng, thúc Trời dấy lên mây mù, vẽ đất trở thành sông biển.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 62

Thiên thứ 69: TẾ TỪ

Thiên này có ba phần: Thuật ý, Hiến Phật, Tế từ.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Trộm nghe rằng: Vàng ngọc quý trọng khác nhau mà đối với con người cùng là vật báu, huyền nho nghĩa lý phân biệt nhưng từ xưa đến nay cùng nhau tuân theo, há nhất định là Khổng Tử sanh ra từ nước mình thì cần phải theo thầy, Đức Phật ở tại vùng xa cách có tâm mà vứt bỏ sao? Không thể nào sự việc thiết thực thì bày tỏ ngu dần hay sáng suốt, lý đúng sai không dám tự nắm giữ một mình. Xưa Khổng Khâu Từ biệt ra đi, miếu thờ ngàn năm vẫn quy mô; Thích Ca bày tỏ hướng về, chùa viện muôn đời là linh tháp. Muốn khiến cho thấy hình ảnh khắc sâu ý niệm, đối diện cảnh tượng vui lòng quy phục, kính trọng với thầy, trung thành với chủ, ý nghĩa ấy như nhau. Còn như Đinh Lan thất đai thờ kính hiếu thảo với hình hài mẹ bằng gỗ, Vô Tận Ý cởi chuỗi ngọc dâng lên cúng dường tháp Phật Đa Bảo, nhỏ bé tìm từ xưa đến nay, vời vợi nghĩ trong suốt cõi trần, đã gieo trồng trở thành rừng rậm, đối với lý chẳng thể vượt qua. Lại dựa theo Lễ, bậc Thiên Tử bảy miếu, hàng chư hầu năm miếu, hàng đại thần công khanh đều có thứ bậc; cho nên Thiện gọi là Thần, tế Trời ở gò tròn; Địa gọi là Kì, tế đất ở hồ vuông; Nhân gọi là Quỷ, cúng tế ở tại tông miếu. Rồng quỷ có công lao tuôn mưa, trâu bò đem sức lực kéo cày, do đó có người lập nên hình hài đầy đủ thôn xóm, dựng lên ảnh tượng nhà cửa thành quách, há so sánh với bậc Đại Sư của Tam giới Trời cao Trời thấp, đấng Từ Phụ của Tứ sanh cõi này cõi khác, uy đức làm cho vạn ức đều tuôn theo, phong hóa làm mô phạm cho vạn sinh linh; cho nên người thiện hồi hướng, tựa như muôn sống quay về biển rộng, đại quanh nhiếp thọ, giống như ngàn sao vây quanh nhật nguyệt. Từ Nguyệt Chi để lại bóng hình nào khô cạn, phân thân Xá-lợi lưu truyền khắp mọi nơi, Kỳ-hoàn liền tạo ra là Thánh là

Hiền, dựa vào phước thiện ấy hoặc tôn hoặc quý, mong cho người được an bình vậy.

Thứ hai- PHẦN HIẾN PHẬT

Hỏi rằng: Như ngày rằm tháng bảy, trong Thánh giáo khiến tạo bồn hiến cúng Đức Phật, ở trong ngày này lại có nhiều người khách, không biết đồ vật này đem ra cho người khách nào? Trả lời rằng: Nếu có thí chủ thì đồ vật thông dụng này đem cho khách nào cần dùng, nếu không có thí chủ thì đồ vật thông dụng ấy cần phải dưa vào chùa viện, lớn nhỏ chung riêng không quy định; giống như chùa nhỏ không phải là quốc gia tạo dựng, không có ai hiến cùng, lại không có gì quý hơn đến lúc việc xảy ra mà cân nhắc đắn đo, tùy theo Tăng dồi dào hay tiết kiệm mà trích vật của thường trú Tăng, làm cơm cúng dường Phật và Tăng, điều này cũng không có gì quá. Bởi vì Phật chung ở số Tăng ứng cúng, cho nên các chùa mỗi khi đến lúc đại thực hay tiểu thực, luôn luôn có hai mâm của Phật và Tăng, vì vậy biết có thể sử dụng. Nếu luận về bố tát thuyết giới, thì Phật không nhập vào số Tăng yết ma. Tại vì sao? Bởi vì địa vị Tam bảo khác nhau.

Nếu như là chùa lớn của quốc gia, giống như các chùa Trường An-Tây Minh-Từ Ân..., trừ phần đất lĩnh canh ra còn có ruộng vườn được ban tặng, tất cả mọi sự cung cấp đều là quốc gia cúng dường, cho nên hằng năm tặng bồn hiến cúng các loại tạp vật, và những người khiêng bồn âm nhạc, đồng thời có quan lại binh lính tặng bồn, người đến không phải là ít, không biết trích ra đồ vật như thế nào để cung cấp cho người tham dự? Còn trước khi bồn của quan chức chưa đến, hiến cúng trước Phật và cúng dường tạp sự, lại lấy vật gì để tiến hành? Đáp rằng: Nếu có vật thông dụng thì trước tiên sử dụng vật này; nếu không có vật này, lại không có sự giúp đỡ nào khác, thì chỉ có cách phải trích đồ vật của thường trú Tăng, để tiếp đãi mói người tham dự và làm cơm hiến cúng. Hỏi rằng: Dựa theo luật thì Tỳ kheo ác đến còn không phù hợp để giúp cho, Tỳ kheo đến thì nên giúp đỡ, đây đã là vật của thường trú Tăng, sao có thể loại bỏ tầm thường vậy? Đáp rằng: Như trong Tăng Kỳ, Thập Tụng luật..., thì hàng Quốc vương, đại thần-thợ thầy hay giặc ác, đối với Tăng có thêm bớt, Đức Phật chế định tri sự trích vật của Tăng để tiếp đãi, cũng được chứ không phạm. Đây không phải là người thế tục nên trừ khử. Nhưng chế định tri sự không tiếp đãi, ấy là đồng thời đối với Phật Tăng có tổn hại cho nên loại bỏ tiếp đãi cũng không phạm. Đã biết như vậy, bây giờ quốc gia tạo bồn hiến cúng, bách quan âm nhạc,

Thánh thượng truyền lệnh chuyển giao Phật bồn hiến cúng, há có thể không tiếp đãi? Nếu không tiếp đãi, thì sẽ bị chê trách, lại làm cho người khác mỉa mai, người xuất gia chỉ cầu vật của người ta ma không tự mình bỏ thói bủn xỉn, người thế tục thấy gần chứ không biết xa, nói là hợp nhau, nào biết quả báo về sau? Đức Phật biết lợi và hại, cho nên chế định thuận theo lẽ thường vật. Hỏi rằng: Trước Phật hiến cúng Phật, nếu sử dụng vật của thường trú Tăng để tiến hành, thì xong việc về sau nhất định đưa vào thường trú Tăng, điều này không nghi ngờ gì, không biết có thí chủ khác hiến bồn hiến cúng các loại tạp sự..., như vậy thuộc về nơi nào? Đáp rằng: Đây là tùy theo tình ý của thí chủ mà có thông suốt và giới hạn. Nếu thí chủ dựa vào kinh mà thực hành, thì vốn là cứu giúp cho quyến thuộc người còn hay đã mất, việc làm dựa vào thập phương phàm Thánh Tăng tự tứ khi hết mùa Hạ, mới có năng lực cứu bạt cho thân thích đã khuất, được lìa xa tam đồ xong nợ sanh lên chốn Trời người. Vì lẽ đó sau khi hiến cúng Phật, tất cả đồ ăn thức uống còn lại tăng lên và các loại thuộc về gạo bột cung cấp cho sự sống, đều đưa vào thường trú Tăng, dùng đó để trở lại cung cấp cho Tăng. Đương nhiên ngoài tạp vật như tiền bạc, áo quần, vật dụng...ra, đều đưa vào sau mùa Hạ, khách chủ chia đồng đều, bốn phần kết quả thì thực phẩm trong mùa Hạ không nên phân chia, thuận theo phân chia y phục trong mùa Hạ và y phục tự tứ...

Nếu tâm thí chủ giới hạn chỉ hiến cúng thực phẩm dâng Phật, đưa vào Tăng tự tách ra ngoài tiền bạc tạp vật, hoặc đưa vào Phật, đưa vào Pháp đưa vào hiện tiền Tăng..., tùy ý của người bố thí chứ không được làm trái.

Vì vậy trong Tát Bà Đa Luận nói: “nếu bố thí Phật bảo, thì đặt trong tháp thờ móng tóc cúng dường Pháp thân Phật, bởi vì Pháp thân là thường trú”.

Lại trong Bà Sa Luận: “Hỏi rằng” Lúc Phật tại thế, trong các vật cúng dường Tam bảo thường được phân chia một người, tại sao sau khi Phật diệt độ chỉ lấy một phần? Đáp rằng: Lúc Phật tại thế, sắc thân thọ dụng cho nên lấy phần một người, sau khi diệt độ thì công đức Pháp thân được hơn hẳn Tăng thân cho nên lấy một phần. Nếu bố thí pháp thì phân làm 2 phần, một phần giúp cho kinh, một phần giúp cho người tụng không thuyết pháp. Nếu bố thí Pháp Bảo, thì được an trí trong tháp, cúng dường lý của Pháp bảo. Nếu bố thí Tăng bảo, thì cũng đặt trong tháp, bởi vì cúng dường Đệ nhất nghĩa đế Tăng. Nếu nói bố thí chúng Tăng, thì phàm Thánh đều được, bởi vì nói không có chỗ hướng về. Đã

biết như vậy thì lúc thọ nhận bố thí, cố gắng biết thông suốt hay tắc nghẽn, đừng để sử dụng lẫn lộn, khiến cho có điều sai trái”.

Theo đây thì ngày rằm tháng bảy những gia đình người thế tục đều làm cơm nước hiến cúng dựa vào trong kinh để cứu giúp thân thuộc, xong việc về sau đều cấp phải đưa cơm nước đến chùa, không được tự mình ăn. Nếu vốn được làm ra chỉ mong hiến cúng Phật chứ không đưa vào Tăng, thì tự mình ăn không phạm, nhưng trái với ý nghĩa cứu giúp cho mẹ.

Lại trong Tăng Kỳ Luật nói: “Vật và hoa cúng dường Phật nhiều thì tùy thuận mà bán trao tay, hương đèn hãy còn nhiều, thì lại bán ra để đưa vào trong tài sản vô tận”.

Lại trong Ngũ Bách Vấn Sự nói: “Vật dụng trong tháp Phật có nhiều mà muốn làm Phật sự khác thì được, thì chủ không đồng ý thì không được”.

Lại trong Tứ Phần Luận nói: “Thức ăn cúng dường tháp Phật, người quản lý tháp được ăn”.

Lại trong Thiện Kiến Luận nói: “Hiến cúng thức ăn trước Phật, Tỳ kheo hầu Phật được ăn. Nếu không có Tỳ kheo, thì bạch y hầu Phật cũng được ăn”.

Lời bàn:” Đây là căn cứ vào hạn định, như trước đã quyết định. Nếu nói chung về điều ấy thì đạo tục thiết trai hiến cúng Phật và Thánh Tăng, tình ý của thí chủ thông suốt xướng lên thức ăn còn lại, sau khi hiến cúng vẫn thuộc về thí chủ, không vất vả thu nhận chuộc lại và một mình nắm giữ đưa vào cho người hầu. Vật của Pháp và Tăng tương tự như trước có thể biết rõ.

Hỏi rằng: Ngày rằm tháng bảy đã khai mở cho đạo tục làm bồn hiến cúng, không biết có thể làm bồn quý báu bằng các loại vật quý lẫn lộn để hiến cúng Phật được không? Đáp rằng: Đều được. Nếu dựa theo kinh Tiểu Bồn Báo Ân, thì sơ lược không có vật quý báu; dựa theo kinh Đại Bồn Tịnh Độ, thì vốn là có vật quý báu, “Mười sáu Quốc vương nghe Đức Phật thuyết về Mục-kiền-liên cứu mẹ thoát khỏi ba kiếp khổ đau của ngạ quỷ sanh trong loài người mẹ con gặp nhau. Lúc ấy Bình Sa Vương liền truyền cho quan giữ kho: Làm bồn cho Ta. Quan giữ kho tuân theo lệnh vua, liền dùng năm trăm bồn vàng, năm trăm bồn bạc, năm trăm bồn lưu ly, năm trăm bồn xa cừ, năm trăm bồn mã não, năm trăm bồn san hô, năm trăm bổn hổ phách, mỗi mỗi bồn chứa đầy đồ ăn thức trăm vị, làm đúng như pháp, mang đến cúng dường Phật và Tăng”. Theo đây chắc chắn là được.

Hỏi rằng: Dựa theo Kinh Tiểu Bồn, thì "Đức Phật bảo với Mục-kiền-liên: Mười phương chúng Tăng, ngày rằm tháng bảy vào lúc tự tứ, nên vì cha mẹ bảy đời và cha mẹ hiện tại đang trong ách nạn mà làm cơm, hoa quả trăm vị-bồn chậu múc nước-hương dầu đèn nến-giường nằm màn chiếu các đồ vật đầy đủ, tất cả mọi thứ ngon ngọt đem đặt trong bồn, cúng dường mười phương Đại đức chúng Tăng. Lúc bắt đầu nhận bồn thì trước hãy đặt ở trước tháp Phật, chúng Tăng chú nguyện xong thì tự dùng cơm". Bất luận cúng dường nhiều loại lẫn lộn, ngày nay các chùa có sức lực và tài sản, làm nhiều loại trộn lẫn nhau, hoặc dùng vật báu xen lẫn, hoặc dùng họa vẽ xen lẫn, hoặc dùng gạo bột, hoặc dùng đèn nến, hoặc dùng chì thiếc, hoặc dùng màu sắc trộn lẫn nhau..., cũng có đạo tục coi trọng đẹp đẽ bàn luận chê bai việc này. Mục-kiền-liên vì mẹ sanh ở ngạ quỷ, Đức Phật dạy làm trăm vị đồ ăn thức uống hiến cúng Phật và Tăng, tại sao đem đồ vật quý báu lẫn lộn hoa hòe để hiến cúng Phật Tăng, há có thể ăn những sắc màu lẫn tạp vật quý hoa hòe hay không? Đáp rằng: Không cần phải vì mình hẹp hòi nông cạn mà làm tổn hại phước thiện to lớn của người. Vì vậy trong kinh Đại Bồn nói: "Bình Sa Vương làm năm trăm bát vàng, chứa đầy hoa nghìn sắc; năm trăm bát bạc chứa đầy hương gỗ trắng nghìn sắc; năm trăm bát lưu ly chứa đầy hương vàng tía nghìn sắc; năm trăm bát xà cừ chứa đầy hoa sen vàng nghìn sắc; năm trăm bát mã não chứa đầy hoa sen đỏ nghìn sắc; năm trăm bát san hô chứa đầy hương gỗ xanh nghìn sắc; năm trăm bát hổ phách chứa đầy hoa sen trắng nghìn sắc. Nhà vua nhìn thấy như pháp, liền truyền lệnh quan binh chuẩn bị xa giá cùng mười bốn vạn người, tất cả đến chùa Kỳ-hoàn lễ Phật dâng bồn cúng dường chúng Tăng, đem bồn bát bảy báu cùng cúng dường Phật và Tăng, Tăng thọ dụng xong, quay xa giá trở về nước. Cha mẹ bảy đời vượt qua tội lỗi sanh tử của bảy mươi hai kiếp. Sau đó cư sĩ Tu Đạt, mẹ Tỳ Xá Khư, hai trăm Ưu-bà-di, vua Ba-tư-nặc, phu nhân Mạt Lợi..., ban ra truyền khắp trong nước, dựa theo pháp bồn của Mục-kiền-liên vì mình làm bồn, đều dùng năm trăm bồn vàng tía, bồn vàng thắm, chứa đầy cơm và thức ăn trăm vị, sau dùng năm trăm chiếc kiệu vàng tía, năm trăm chiếc kiệu vàng thắm chất đầy trăm thứ đồ vật, mọi việc đầy đủ, liền đến trước nhà vua và phu nhân. Trông thấy tất cả như pháp, lúc ấy nhà vua lập tức dùng xa giá nghiêm trang, cùng mười tám vạn người đi đến ở trước Phật, dâng lên ngàn bồn vàng và ngàn chiếc kiệu vàng đều xong, cung kính lễ lạy trở về nước. Cha mẹ bảy đời vượt qua tội lỗi sanh tử của bảy mươi hai kiếp".

Hỏi rằng: Như trước đã quyết định, dựa theo kinh thì thí chủ đem bồn quý báu hoa quả tươi đẹp tiến hành hiến cúng như trước. Nếu không có thí chủ, thì có thể dùng vật của thường trú Tăng làm đẹp đẽ để cúng dường Phật hay không? Đáp rằng: Cũng cần phải tùy theo thời gian quán sát trước cái lợi và hại. Nếu như chùa nhỏ không có nhiều đồ vật quý báu tốt đẹp, lại không có người ngoài mỉa mai, thì không nên sử dụng vật của thường trú Tăng để làm cho rực rỡ đẹp đẽ cúng dường trước Phật. Cây trên đất Tăng có hoa, thì có thể lấy cúng dường trước Phật.

Do đó trong Thập Tụng Luật nói: "Cây trong vườn Tăng có hoa tùy ý lấy cúng dường tháp Phật, nếu có quả thì sai người lấy cung cấp cho Tăng ăn uống".

Lại trong Tỳ Nu Mẫu Luận nói: "Đã ở nơi đất lĩnh canh trồng cây được gỗ sau sử dụng sửa chữa nhà cửa, không cần phải trình bày với Tăng dùng sửa chữa tháp, Tăng hòa hợp thì được sử dụng".

Vì vậy kinh Bảo Ấn nói: "Nếu dùng vật của Tăng để tu sửa tháp Phật, thì dựa theo pháp lấy Tăng hòa hợp được sử dụng, không hòa hợp thì khuyến khích thiện nam tín nữ tu sửa".

Lại trong Tát Bà Sa Luận nói: "Đất của tứ phương Tăng không hòa hợp, thì không nên làm tháp Phật mà để trồng hoa quả cúng Phật. Nếu trong Tăng được chia, thì xem xét phán quyết tùy theo ý mà cúng dường. Nếu hoa nhiều không hạn định thì tùy ý sử dụng cúng dường".

Lại trong kinh Bảo Ấn nói: "Người muốn sáng lập chùa viện cúng dường, vật đã bố thí giao phó cho Tăng rồi, không thể trở lại tham gia góp ý được. Nếu như người chủ ban đầu ấy trở lại lấy tiền tài sử dụng, thì đồng thời cần phải hoàn trả bảy lần. Nếu lúc có chùa mới xây dựng, thì Tỳ kheo trình bày rõ với chúng Tăng, trong chùa ấy trồng trọt tất cả hoa quả dâng cúng Phật, cành lá và quả hạt để cho hiện tiền Tăng sử dụng, và bố thí cho tất cả chúng sanh. Nếu không như vậy, không hỏi đến đạo tục, thì người ăn sẽ mang tội".

Lời bàn: Đã biết Tam bảo khác nhau thì không được sử dụng lẫn lộn, lúc mới xây dựng chùa thì điện Phật phòng Tăng đều cần phải phân biệt vị trí. Giống như chùa lớn làm tháp Phật nơi khác, bốn phía thoáng đãng sạch sẽ, tất cả hoa quả trong đó, nếu có được vật này thì sử dụng đều thuộc về tháp, bên ngoài phạm vi của tháp thì thuộc về Tăng sử dụng.

Do đó trong Thập Tụng Luật nói: " Đức Phật tùy theo phạm vi của Tăng và tháp Phật được nuôi người sử dụng và voi ngựa trâu dê..., đều

có phạm vi của mình chứ không được sử dụng lẫn lộn".

Lại trong kinh Bảo Lương Bảo Ân nói: "Đồ vật của Phật và Pháp không được sử dụng lẫn lộn, bởi vì không có ai làm chủ vật của Phật và Pháp, lại không có thể hỏi han rõ ràng, không giống như vật của Tăng, thường trú chiêu đề cùng có những nhu cầu, Tỳ kheo làm việc gì mà Tăng hòa hợp như ý muốn, tiến hành trù liệu hòa hợp thì được sử dụng".

Lại trong Tát Bà Đa Luận nói: "Chùa viện nếu trải qua đói kém, ruộng vườn của Tam bảo không có gì phân biệt có thể hỏi người phân xử; nếu Tăng hòa hợp thì tùy ý sắp xếp; nếu thuộc về tháp thì công sức luôn luôn sử dụng đối với tháp, Tăng sử dụng sẽ mang tội nặng. Nếu công sức do Tăng, thì nên tính toán nhiều ít, Tăng lấy mà sử dụng, đừng để cho vượt quá giới hạn, nếu vượt quá thì mang tội nặng".

Trên đây đã nêu ra chùa nhỏ không có gì mỉa mai tổn hại thì cần phải y như trước đã quyết định. Nếu như bây giờ, hoặc có chùa lớn do quốc gia xây dựng, có sự cung cấp riêng, và có ban tặng ruộng đất, mọi người giàu sang qua lại sớm chiều, đã không có vật thông dụng, lẽ nào có thể không tiếp đãi? Còn như ngày rằm tháng bảy, hiến cúng ở trước điện Phật, há có thể chỉ là trống rỗng? Nếu như không làm nhiều cơm canh hoa quả để cúng dường Phật, chỉ tăng thêm đôi chút so với cơm nước thường ngày để cúng dường Phật được hay không? Nếu như có người quan sát thăm hỏi để điều tra sự việc ở trên bị thế tục bàn tán mỉa mai, nói rằng Tăng bủn xỉn không bằng hàng bạch y, thì không những không cung kính đối với Phật mà cũng không sợ sự việc ở trên vào một ngày nào đó sẽ bị chỉ trích, lẽ nào có thể từ chối trích vật của Tăng mà không nên đem ra cúng dường Phật hay sao? Đã biết như vậy, nếu không có vật thông dụng, thì chỉ được dùng vật của thường trú Tăng, lo liệu đầy đủ các loại hoa quả, đồ ăn thức uống trăm vị để cúng dường Phật, khiến cho người thế tục phát sinh tâm thiện diệt trừ niệm ác, điều này cũng không tổn hại gì. Tuy sử dụng vật của Tăng không có thể cứu giúp quyến thuộc còn mất của người khác, mà cũng tránh được tội lỗi bị thế tục mỉa mai hủy báng vậy.

Như trong Ngũ Phần Luật nói: "Người thế tục đi vào chùa gặp lúc Tăng dùng cơm, Tăng không cung cấp thì bị thế tục mỉa mai hủy báng, Đức Phật khai mở tùy ý giúp cho. Đã cho phép khai mở giúp đỡ mà dùng vật dụng xấu xí chứa đựng đưa cho cũng bị thế tục căm giận, Đức Phật dạy: Cho phép giúp đỡ đồ vật tốt lành". Đây đều là do tri sự tiếp xúc xem xét kỹ càng, đến lúc sự việc xảy ra thì cân nhắc đắn đo, tiến

dừng thích hợp, tức là phù hợp Thánh ý, không được bộp chộp nóng nảy luôn luôn cố chấp. Vì vậy trong Ngũ Phần Luật nói: “ Tuy là Ta nói, nhưng ở nơi chốn khác không thanh tịnh, thì không làm không có gì sai; cho dù không phải Ta nói, mà ở nơi chốn khác thanh tịnh, thi không thể không thực hành”.

Còn trong Kinh Phật Thuyết Trừ Tai Hoạn nói: “Lúc bấy giờ đất nước Duy Da Ly, xảy ra dịch bệnh nghiêm trọng người chết vô số, không có nơi nào cứu được. Quốc vương đại thần tập trung bàn bạc, đất nước gặp phải tai họa không phải là ma dập tắt được, dịch bệnh nghiêm trọng đã làm vô số người chết, nên dùng cách gì thích hợp để trừ tai họa tổn hại? Hoặc có người bàn rằng: Nên ở tại các cổng thành mà lập đàn thờ cùng. Hoặc có người bàn rằng: Nên ở tại đầu ngã tư đường trong thành thiết lập đàn thờ cúng tế lớn để cầu khẩn trừ diệt dịch bệnh tai họa. Lúc ấy trong chúng hội có một Trưởng giả, tên là Đàn Ni (Thời Tấn nói là Tài Minh) tôn thờ Đức Phật thọ trì năm giới tu hành mười thiện, bàn rằng: Chỉ nghe lời đã nói là đất nước gặp phải tai họa người chết vô số, như các vị đề nghị giết hại loài vật cứu mạng người, há có thể đúng chăng? Bởi vì đời kiếp trước kia đã làm điều không tốt, nay gặp phải tai họa này, nên tìm phương pháp lấy thiện loại trừ ác vĩnh viễn cho đau khổ lìa xa, tại vì sao trái lại làm tổn hại để cầu bình an, đm dài tăm tối nhận chụi khổ đau không có hạn kỳ thoát ra như vậy? Lúc ấy mọi người đều hỏi Tài Minh rằng: Nên tìm kế sách gì thích hợp vậy? Tài Minh đáp rằng: Thế gian có bậc thầy của Trời người khắp Đại thiên thế giới, che chở bảo vệ yêu thương tất cả chúng sanh, tôn xưng danh hiệu là Phật, một mình đi giữa ba cõi, nếu Đức Phật hạ cố thương xót che chở cho đất nước chúng ta, thì tai họa sẽ được trừ diệt, người và loài vật an lành vô cùng. Mọi người nghe nói thảy đều ca ngợi tốt lành: Như người nhân ái đã nói, thật là vô cùng vui sướng, nhưng Phật ở nước Vương xá thuộc về vua A-xà-thế, cùng với đất nước chúng ta có mối hiềm khích, lẽ nào sẽ thuận ý để Phật đến đây ư? Tài Minh nói: Đức Phật xuất hiện ở thế gian với chí nguyện cứu khổ, giống như bầu hư không chẳng có gì ngăn ngại vướng mắc, cũng giống như ánh sáng mặt Trời không có loài nào không được nuôi dưỡng, Đức Phật thương xót đất nước gặp tai ách chắc chắn đến chứ không nghi ngờ gì, chỉ cần sai người mang lễ vật đền tặng, ngỏ lời nhận lỗi với vua A-xà-thế, mà được hòa hiệp với nhau, Quốc vương đại thần đều đồng ý nói rằng: Chỉ riêng thanh tín sĩ là Trưởng giả Tài Minh, là đệ tử của Phật có thể làm sứ giả. Bấy giờ Tài Minh nhận làm sứ giả sắp lên đường, mọi người đều đứng dậy hướng về phía

Đức Phật, vòng tay quỳ thẳng năm vóc sát đất mà đảnh lễ Đức Phật. Ngay sau đó Tài Minh nhận sứ mạng làm sứ giả, đến thành Vương xá trình thư dâng lễ vật, trình bày đầy đủ mục đích đến. Nhà vua bảo với Tài Minh: Nên đến nơi Đức Phật trình bày về vận mạng của đất nước. Thế là Tài Minh cáo từ để đến Trúc Lâm. Đi đến tinh xá tiếp kiến Đức Thế tôn, hết lòng cung kính lễ lạy trình bày đầy đủ ý nguyện thỉnh cầu, lúc ấy Đức Phật im lặng đồng ý với sự thỉnh cầu ấy. Tài Minh thấy Đức Phật nhận lời thỉnh cầu nên hoan hỷ vô cùng. Lúc ấy hết thảy thần kỳ thiên long quỷ thần trong phạm vi lãnh thổ của nước Vương xá, biết do nhận lời thỉnh cầu sẽ đến đất nước khác, không có ai không xao động mà đau thương sầu thảm không vui. Ngay sau đó vua A-xà-thế và quần thần cùng tất cả đại chúng mấy ức ngàn người, năm vóc sát đất tự quay lại hối hận về sai lầm của mình, rơi nước mắt tiễn đưa Đức Phật. Đức Phật hiện bày thần thông biến hóa đến nước Duy Da Ly, nhân dân cả nước cúi rạp sát đất làm lễ, tự tìm đến chân Đức Phật quy mạng Tam bảo, hương hoa âm nhạc lọng tàn cờ phướn cung kính đón chào Đức Thế tôn. Hương hoa che kín mặt đất, tìm đường đến cúng dường, ngày ngày không dứt. Đến nơi hoàng thành, Đức Phật và Thánh chúng thiên long quỷ thần, dừng lại trước cổng thành, đưa cánh tay đức tướng sắc vàng, chạm vào bậc cửa của cổng thành, dùng tám loại Phạm âm thanh tịnh, mà thuyết kệ rằng:

Các loại chúng sanh trong ba cõi,
Loài ở trong cảnh giới đất liền,
Loài đi đứng ở trên mặt đất,
Và loài cư trú giữa hư không,
Yêu thương đối với mọi chúng sanh,
Khiến tất cả đều được an lành,
Ngày đêm luôn chịu khó tinh chuyên,
Vâng theo hướng về hoặc pháp thiện.

Thuyết kệ này xong, mặt đất liền xuất hiện sáu lần chấn động dữ dội, Đức Phật đã đi vào thành, quỷ thần giữa hư không vọt lên không trung tản ra hết, quỷ thần đi trên mặt đất tranh cổng mà chạy ra, cổng thành không chịu đựng nổi sự tháo chạy tán loạn của rất nhiều quỷ thần, thành sụp đổ mà thoát ra ngoài. Vào lúc ấy trong thành có những nơi bất tịnh, hố xí hôi thối xấu xa chìm xuống sâu vào lòng đất; gò đồi cao thấp cùng với hố hầm nương máng đều trở thành bằng phẳng; người mù được thấy, người điếc được nghe, người câm nói được, người què đi được, người điên được tỉnh táo, người bệnh được trừ khỏi; voi ngựa trâu dê và

súc vật, kêu gào buồn thảm hòa lại với nhau; các loại nhạc khi không đánh mà tự phát ra tiếng vang, cung thương điều hòa trầm bổng; phụ nữ đeo vàng ngọc chạm vào nhau phát ra âm hưởng tuyệt vời, đồ dùng bình lọ tự nhiên có tiếng vang, êm dịu trong lành họa theo pháp âm vi diệu thông suốt; kho tàng ẩn kín trong lòng đất tự nhiên bày rõ ra. Tất cả chúng sanh như gặp lúc khát cháy mà có được dòng nước mát lạnh, ăn uống tắm gội thanh thản nghỉ ngơi, tất cả mọi căn bệnh trừ khỏi; đều được giải thoát, cũng lại như vậy”.

Lời thuật: Nếu biết rằng thần lực của chư Phật không thể nghĩ bàn, nghiệp lực của chúng sanh cũng không thể nghĩ bàn.

Vì vậy trong Đại Trang Nghiêm Luận nói: “Nếu có thiện nghiệp, thì bởi lực tự nhiên cho nên nhận được nghiệp báo tốt đẹp. Tuy có sức mạnh của Quốc vương che chở, mà không bằng nghiệp lực làm cho nhận chịu quả báo. Xưa Ta từng nghe, có một người nghèo dấy lên suy nghĩ như vậy: Nên đến cúng tế Trời đất cầu cho đời hiện tại thêm nhiều tiền bạc châu báu. Dấy lên ý nghĩ này rồi nói với em trai mình rằng: Em hãy chịu khó làm ruộng cho tốt để kiếm sống, đừng khiến cho trong nhà có điều gì thiếu hụt. Thế là dẫn em trai mình đi đến giữa ruộng, nói rằng nơi này có thể gieo hạt vừng, nơi này có thể gieo thóc lúa, nơi này có thể gieo đậu mè... Chỉ rõ nơi gieo trồng cho em trai rồi đi vào trong đền thờ Trời đất làm đệ tử cúng tế thực hiện trai hội cúng bái Trời đất, cúng dường hương hoa, bùn thơm xoa đất, ngày đêm lễ lạy cầu ân thỉnh phước, hy vọng đời hiện tại được tăng thêm tài sản. Lúc bấy giờ Thiên Thần dấy lên tư duy rằng: Quán sát người nghèo kia ở trong đời trước có thể có nhân duyên công đức bố thí hay không, nếu có chút duyên thì nên tìm cách làm cho có nhiều ích lợi. Quán sát người ấy rồi biết rõ không có một chút nhân duyên bố thí nào cả, lại dấy lên nghĩ rằng: Người kia đã không có nhân duyên, mà nay tinh cần cầu thỉnh hướng về mình, uổng công làm cho vất vả cực nhọc mà sau này không có ích gì, lại sẽ oán trách mình. Thế là hóa làm người em, đi vào trong đền thờ. Lúc ấy người anh nói rằng: Em đã gieo trồng ra sao mà lại đến đây làm gì? Người em biến hóa trình bày rằng: Em cũng muốn đến cầu thỉnh Thiên Thần, khiến cho Thiên Thần hoan hỷ mà cầu xin cơm ăn áo mặc, em tuy không gieo trồng nhưng nhờ lực của Thiên Thần, lúa mè trong ruộng tự nhiên có đủ. Người anh trách người em rằng: Sao có chuyện trong ruộng không gieo hạt giống mà mong có thu hoạch, điều này là vô lý. Liền nói kệ rằng:

Trong mặt đất ở khắp mọi nơi,

Cho đến tận cùng khắp thế giới,
Sao có chuyện không gieo hạt giống,
Mà mong được thu hoạch quả hạt?

Lúc bấy giờ người em biến hóa hỏi anh mình rằng: Thế gian quả là có chuyện không gieo hạt giồng thì không được kết quả ư? Người anh trả lời người em rằng: Thật sự như vậy đấy, không gieo hạt thì không có quả. Lúc ấy Thiên Thần trở lại hình dáng của mình, liền nói kệ rằng:

Bây giờ ông tự mình nói ra,
Không gieo hạt không có kết quả,
Vì thân trước không hề bố thí,
Nay làm sao có được kết quả?
Nay quan sát ông thật vất vả,
Nhịn ăn nhịn uống cúng dường Ta,
Uổng công tự làm mình khổ nhọc,
Lại còn quấy nhiễu làm phiền Ta,
Do đâu có thể khiến cho ông,
Hiện tại có chuyện được nhiều thêm?
Nếu muốn được tiền bạc châu báu,
Từ vợ con cho đến quyến thuộc
Cần phải giữ thân miệng trong sáng
Mà thực hành sự nghiệp bố thí.
Không gieo trồng mà được phước lợi
Mặt Trời mặt trăng và muôn sao
Không thể nào soi chiếu thế gian
Bởi vì soi chiếu được thế gian
Nên biết rằng do nghiệp vốn có
Giữa các cõi Trời trên Trời cao
Cũng đều có những sự khác biệt
Phước lực và uy đức mạnh mẽ,
Phước ít và uy đức nhỏ bé
Vì vậy cho nên biết thế gian,
Tất cả đều căn cứ vào nghiệp
Bố thí được của cải dồi dào,
Trì giới đầu thai lên cõi Trời
Nếu không có nhân duyên bố thí,
Uy đức đời kiếp sẽ giảm mất
Tu tập định tuệ được giải thoát,
Ba điều này đạt được quả báo

Bậc Thập Lực tôn kính đã nói,
Sự gieo trồng này đều là nhân
Không nên làm nhiễu loạn đến ta,
Vì vậy cho nên phải tu nghiệp
Để cầu quả báo trong tương lai".

Lại trong kinh Trường A-hàm nói: "Tất cả nhân dân ở trong nhà cửa của mình, đều có quỷ thần chứ không có nơi nào trống rỗng. Đường lớn ngõ nhỏ lò mổ hiệu buôn, và các núi đồi mồ mả, đều có quỷ thần chứ không có nơi nào trống rỗng. Tất cả các quỷ thần đều tùy theo nơi nương nhờ, thì lấy đó làm tên gọi. Như người mới sinh ra đều có quỷ thần đi theo ủng hộ. Nếu người sắp chết thì quỷ thâu lấy tinh khí. Người làm 10 nghiệp ác, hoặc là trăm hoặc là ngàn, cùng chung một vị thần bảo vệ. Người làm 10 nghiệp thiện, giống như Quốc vương có trăm ngàn người mà hầu hạ bảo vệ".

Lại trong kinh Thập Phương Thí Dụ nói: "Quỷ thần Trời cao Trời thấp biết thọ mạng tội phước của con người, đang đến hoặc chưa đến, không có thể cứu sống người, không có thể giết hại người, không có thể khiến cho người giàu sang hay nghèo hèn, chỉ muốn làm cho người ta tạo điều ác phạm tội chết, dựa vào con người gặp lúc suy hao mà đến làm cho rối loạn, nói đến họa phước của họ, khiến cho người hướng về mong được thiết lập đền thờ cúng tế mà thôi".

Vì vậy biết rằng thờ cúng qủy thần trống rỗng để mong cầu phước báo hiện tại thì khó có thể được sự giúp đỡ.

Lại trong kinh Phổ Diệu nói: "Lúc ấy Ca-diếp, dùng kệ trả lời Đức Phật:

Tự nghĩ lúc thờ cúng đến nay
Đã trải qua tám mươi năm rồi,
Tôn thờ các thần gió - lửa - nước
Mặt trăng - mặt Trời các núi sông,
Ngày đêm không lười nhác bỏ bê
Trong tâm không có ý niệm khác,
Đến cuối cùng không đạt được gì
Gặp được Phật mới thật an lòng".

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: "Ngày xưa có một Bà-la-môn, làm miếu thờ Thiên tôn kính hầu hạ ngày đêm. Thiên liền hỏi rằng: Ông cầu mong những gì? Bà-la-môn nói: Nay tôi cầu làm chủ cúng tế Thiên ở đây. Thiên nói: Đằng kia có bầy trâu, ông hỏi con trâu đi đầu đàn ấy. Liền như lời Thiên nói, đến hỏi con trâu ấy: Ông bây giờ sao

giống như là khổ hay là vui? Trâu liền đáp rằng: Thật là vô cùng khốn khổ, kẹp sát hai bên sườn, ách gỗ tàn ác làm rách sống lưng, kéo xe chở đầy hàng, nặng không được nghỉ ngơi. Lúc ấy lại hỏi rằng: Ông vì duyên gì mà nhận chịu thân hình loài trâu như vậy? Trâu đáp rằng: Tôi là chủ cúng tế Thiên, tự ý làm rất tùy tiện, dùng vật cúng tế Thiên, mạng chung làm thân trâu, nhận chịu khổ não như vậy. Nghe lời này rồi liền trở lại chỗ Thiên. Thiên liền hỏi rằng: Nay ông muốn được làm chủ cúng tế Thiên hay không? Bà-la-môn nói: Tôi trông thấy sự thật này thì không dám làm. Thiên nói: Người làm điều thiện ác tự mình nhận được báo ứng của mình. Bà-la-môn hối hận về sai lầm của mình, liền tu các điều thiện sửa đổi điều ác trước kia".

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: "Xưa có ông lão gia đình giàu có, mà ông lão này nghĩ đến được ăn thịt, giả vờ tìm cách chỉ về cây to đầu bờ ruộng, nói với các con rằng: Sở dĩ khiến cho cơ nghiệp nhà ta hài hòa giàu có, là nhờ ân phước của thần cây này cho nên như vậy, hôm nay các con nên chọn lấy dê trong đàn để làm thịt chúng tế. Lúc ấy những người con theo lời cha bảo, liền bắt dê giết thịt tế tạ ơn thần cây này, ngay ở dưới tán cây lập đàn cúng tế Trời đất. Về sau người cha tuổi thọ đã hết mà qua đời, hành nghiệp đã truy tìm lại sanh vào trong đàn dê của nhà mình. Lúc ấy gặp các con muốn cúng tế thần cây, liền chọn ấy một con dê, gặp đúng là cha của họ đầu thai, đem đi sắp giết thịt, con dê liền nghẹn ngào cười mà nói rằng: Cây này nào có thần linh gì đâu, ta ở lúc trước kia bởi vì nghĩ đến thịt, nói dối khiến cho các người cúng tế, đều cùng với các người ăn chung thịt ấy, nay đền trả tội lỗi, chỉ một mình ta gánh chịu tai họa trước kia. Lúc ấy có vị La hán đi qua vào nhà khất thực, thấy người cha đã mất của họ nhận chịu thân dê, liền cho người chủ nhà mượn đạo nhãn khiến tự mình quán sát, mới biết là cha mình nên lòng dạ xót xa buồn khổ, lập tức phá bỏ thần cây hối hận về sai lầm của mình mà tu phước, không tiếp tục giết hại mạng sống loài vật".

Thứ ba- PHẦN TẾ TỪ

Như kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: "Đức Phật dạy: Hoặc có người nói rằng "Con tu theo pháp thiện, cha làm điều bất thiện, nhờ con tu thiện làm cho cha không đọa vào ba đường ác", thì nghĩa này không đúng, tại vì sao? Bởi vì nghiệp của thân miệng ý đều khác biệt. Nếu cha mất rồi đọa vào trong ngạ quỷ, con làm phước giúp cha, nên biết là vẫn được. Nếu sanh trong cõi Trời thì cũng không nghĩ đến vật trong loài người,

tại vì sao? Bởi vì trên cõi Trời thành tựu quả báo thù thắng tuyệt vời. Nếu vào địa ngục nhận chịu những nổi khổ não, thì không rỗi để suy nghĩ, vì vậy không thể được. Trong loài người và súc sanh cũng lại như vậy. Nếu nói là ngạ quỷ thì vì sao một mình đạt được như vậy? Bởi vì loài ấy vốn có tham ái bủn xỉn cho nên đọa vào ngạ quỷ. Đã làm ngạ quỷ thì thường hối hận về sai lầm của mình, suy nghĩ muốn đạt được, vì vậy cho nên đạt được. Nếu như việc đã làm, sanh vào trong đường khác, quyến thuộc còn lại đọa vào ngạ quỷ, thảy đều đạt được. Vì vậy người trí, nên vì ngạ quỷ khuyến khích làm phước đức.

Nếu có thờ cúng thì ai là người nhận? Tùy theo nơi thờ cúng ấy để mà thọ nhận vậy. Nếu gần rừng cây thì thần cây thọ nhận, nhà cửa sông suối giếng hồ rừng núi gò đồi cũng lại như vậy, người này cúng tế rồi cũng được phước đức, tại vì sao? Bởi vì khiến cho người thọ nhận ấy sinh tâm hoan hỷ, thì phước đức cùng tế có thể bảo vệ thân mạng tài sản. Nêu nói giết hại chúng sinh để thờ cúng được phước, thì nghĩa lý này không đúng, tại vì sao? Bởi vì không hề thấy người thế gian gieo hạt Y Lan mà mọc thành cây Chiên Đàn; đoạn mạng sống chúng sanh mà được phước đức, thì điều này thật vô lý. Nếu như muốn cúng tế, thì nên dùng hương hoa bơ sữa quả trái; làm phước giúp cho vong linh thì có ba mùa, mùa Xuân tháng Giêng, mùa Hạ tháng năm, mùa Thu tháng chín.

Nếu dùng nhà cửa-đồ nằm-thuốc nem-vườn rừng-hồ giếng-voi ngựa trâu dê và các loại tiền của sinh sống, bố thí cho người ta, bố thí rồi mạng chung phước đức người này tùy theo vật đã bố thí, bất Luận sử dụng lâu mau, mà phước đức thường sanh ra, phước này đi theo người như bóng theo hình. Hoặc có người nói rằng: Chết rồi thì mất. Nghĩa này không đúng, tại vì sao? Bởi vì vật hư hoại không sử dụng mất đi giữa hai khoảng thời gian, chứ không phải là mạng sống kết thúc thì mất hết. Nếu người xuất gia bắt chước người tại gia, ngày lễ tết bỏ ăn uống thì thuận theo pháp thế gian vốn không phải là chân thật, cũng tin tưởng theo pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Nếu có thể tùy theo gia cảnh vốn có tốt xấu, thường vui thích bố thí, thì gọi là bố thí tất cả. Nếu dùng thân phận mình cho đến vợ con, là những thứ rất được coi trọng mà bố thí cho người, thì đây gọi là bố thí không nghĩ bàn được".

Lại trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Nếu vì người đã khuất mà tu hành bố thí, thì người sanh trong đường quỷ có lẽ nhận được phước thiện, bởi vì quỷ biết hối hận về tính tham lam bủn xỉn của thân đời trước, cho nên vì họ mà bố thí, lúc ấy họ sẽ hoan hỷ. Nếu sanh trong

đường khác thì phần nhiều không có hiệu quả, như được sanh lên cõi Trời chỉ thọ nhận quả báo vui sướng, không hối hận về nhân vốn có và không có tâm niệm nghĩ về phước thiện. Vì vậy kinh nói: Nếu sanh trong cõi Trời thì cũng không nghĩ đến vật trong loài người, tại vì sao? Bởi vì trên cõi Trời thành tựu quả báo thù thắng tuyệt vời. Nếu vào địa ngục nhận chụi những nổi khổ não, thì không rỗi để suy nghĩ. Súc sanh cũng như vậy".

Do đó trong Bà Sa Luận nói: "Vì ngạ quỷ mà làm phước, quỷ được ăn uống cũng tăng thêm ích lợi cho thân, hôi hám thì được mùi thơm, sắc thân xấu xí được sắc thân tốt đẹp. Lại trong kinh nói: "Như các loài quỷ, sự ăn uống của chúng không giống nhau, hoặc là máu mủ hoặc là phẫn giải, được bố thí như vậy rồi tất cả biến thành màu sắc mùi vị rất tuyệt vời". Nếu quỷ thọ sanh vào nơi khác, lúc thân thích làm việc bố thí, thì nghiệp lực của quỷ ấy, từ xa biết mà sinh tâm vui mừng. Nếu vẫn ở tại nhà nhận chịu quả báo khổ đau, thì người thân làm việc bố thí, quỷ tự mình thấy mà sinh tâm vui mừng".

Lại trong Bà Sa Luận nói: "Có người cầu mong tài vật không như pháp và khi đạt được nó, bởi vì tiếc nuối keo kiệt, đối với quyết thuộc của mình hãy còn không có lòng dạ giúp cho, huống hồ những người khác. Bởi vì không có tâm bố thí, thân hoại mạng chung đọa vào trong ngạ quỷ, nếu ở bên nhà của mình thì trú trong nhà xí hầm phân bất tịnh, những người bà con thân thuộc sinh tâm xót xa buồn khổ, dấy lên ý niệm như vậy: Người ấy tích tụ tiền bạc của cải tự mình không hưởng thụ, cũng không bố thí cho người. Bởi vì xót xa buồn khổ cho nên muốn bố thí ăn uống cho họ, mời các bà con họ hàng bạn bè quan biết, Sa môn và Bà-la-môn bố thí ăn uống thay họ. Lúc bấy giờ ngạ quỷ tự mình trông thấy điều đó, đối với quyến thuộc và tiền bạc của cải sinh ra ý tưởng đã có, dấy lên nghĩ như vậy: Tiền bạc của cái như vậy mình đã tích tụ được, nay bố thí cho người. Trong tâm vô cùng hoan hỷ, đối với phước điền đã sinh tâm tín kính. Nếu sanh trong đường khác thì phần nhiều có công hiệu, dù cho người chết cũng không được phước này. Vì vậy tu thiện tự mình đạt được lợi ích to lớn, giống như dấy khởi tâm Từ tự mình thường được phước thiện".

Lại trong Trí Độ Luận nói: "Như tâm Từ nghĩ đến các chúng sanh làm cho được vui sướng, chúng sanh tuy không có gì đạt được mà người nghĩ có được nhiều phước thiện ấy. Nếu không vui thích bố thí, cho dù sanh cõi Trời đạt quả Thánh mà vẫn thiếu thốn về cơm ăn áo mặc. Cho nên kinh Ưu Bà Tắc Giới nói: "Trì giới tuy đắc quả La hán mà không

ngăn được đói khổ, sanh cõi Trời không có được anh lạc và ăn uống thượng diệu”. Nếu vui thích thực hành bố thí, tuy đọa vào loài quỷ – súc sanh mà thường no đủ không thiếu”.

Lại trong kinh Vị Tằng Hữu nói: “Có vị vua thưa với Đức Phật rằng: Tiên Vương cha con tôn thờ ngoại đạo, thường thực hành bố thí mong cầu phước báo Phạm Thiên, như công đức ấy sanh đến cõi Trời nào vậy? Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Quả báo của vua trước đây nay ở địa ngục. Vì sao như thế? Bởi vì không gặp thời cơ tốt lành, không gặp bạn bè tốt lành, không có phương tiện tốt lành, tuy tu công đức mà không thể nào tránh được tội lỗi, công lao của bố thí không quên mất, về sau tội lỗi kết thúc thì mới được thọ nhận phước báo. Nên biết rằng tu phước không hợp lại với tội lỗi. Tiên Đế của Đại vương có năm loại ác nghiệp sanh trong địa ngục: Một là ngạo mạn đố kị sai lầm, việc làm không có khéo hay vụng, liền dấy lên trừng phạt nghiêm khắc không thể nhẫn nhục; hai là tham lam thọ nhận ngọc ngà châu báu, quyết định sự việc không công bằng, khiến cho thiên hạ ôm lòng oán hận; ba là thường xuyên vui chơi săn bắn, làm cho nhân dân khốn khổ vô cùng, làm hại chúng sanh mà coi trọng mạng mình; bốn là đam mê nữ sắc, có mới bỏ cũ, đối xử không công bằng gây nên oán hận; năm là phá giới”.

Lấy văn này chứng minh cho nên biết tôn thờ tà đạo mà tu phước, thiện ác luôn luôn khác nhau, hai báo ứng khổ vui không lẫn lộn với nhau, huống gì lợi căn đa văn, chánh trí Tam bảo mà lại dẫn đến khổ báo hay sao?

Lại trong kinh Duy Vô Tam Muội nói: “Đức Phật bảo với A-nan: Này người thiện nam, người cầu đạo an thiền trước tiên nên đoạn dứt ý niệm xấu xa, một niệm khởi lên một niệm diệt đi, một ngày một đêm có tám ức bốn ngàn vạn niệm, niệm niệm không ngừng nghỉ, một niệm thiện ấy cũng được quả báo thiện, một iệm ác ấy cũng gặp quả báo ác, như âm vang thuận theo tiếng động, như bóng theo hình. Vì vậy cho nên thiện ác tội phước đều khác biệt”.

Lại trong kinh Trung A-hàm nói: “Nếu vì người chết mà bố thí tế tự, thì giống như sanh vào trong ngạ quỷ mà được cơm ăn. Ngoài ra những đường khác không có được, bởi vì đều có mạng sống mà nuôi ăn. Nếu không sanh vào trong thân tộc, nhưng bố thí thì tự nhiên có được phước ấy, thậm chí thì chủ sanh trong sáu đường, thì phước bố thí thường đi theo. Bởi vì trì giới, tuy được thân người mà nhất định phải có phước còn lại giúp cho báo ứng”.

Trong kinh Vãng Sanh nói: "Làm phước sau khi đã chết, thì bảy phần người chết được một, còn lại thì thuộc về người đang thực hiện".

Lại trong kinh Quán Đảnh nói: "A-nan thưa hỏi Đức Phật rằng: Nếu người mạng chung đưa đến đặt trong núi đồi hoang vắng xây đắp tháp mộ, thì tinh thần linh hồn của người này ở trong đó hay không? Đức Phật bảo rằng: Cũng còn cũng không còn. Nếu lúc người còn sống không gieo trồng thiện căn, không biết đến Tam bảo, mà không làm ác, không có thiện để hưởng phước, không có ác để chịu tội lỗi, không có thiện rti thức, tu phước giúp cho họ, vì vậy tinh thần linh hồn ở trong tháp mộ không có nơi đến, cho nên nói là còn. Hoặc trước đó lúc sống ở đời, tu nhiều phước thiện tinh cần hành đạo, có lẽ sanh lên cõi Trời đến Trời thứ ba mươi ba, ở trong đó thụ hưởng phước báo. Hoặc sanh vào nhà thuộc dòng họ cao quý ở nhân gian, đến nơi tự nhiên tùy ý mà sanh ra. Còn người không ở trong tháp mộ ấy, hoặc trước đó lúc sống ở đời, giết hại sinh vật mà cầu khấn mong mỏi chứ không tin điều chân chánh, tự sống bằng tà mạng nịnh nọt giả dối lừa gạt người ta, đọa vào trong ngạ quỷ súc sanh, nhận chịu tất cả mọi nỗi khổ đau, trải qua nhiều địa ngục, cho nên nói là không ở trong tháp mộ. Hoặc là không ở trong ấy, có lẽ lúc xương cốt ngũ cốt này chưa hư hoại, cho nên có chút linh thiêng; nếu xương cốt hủy hoại thì linh hồn thiêng liêng này lập tức không còn, không có khí thế, cũng không có năng lực gây ra các điều họa phước cho người. Lúc linh hồn chưa mất đi, hoặc là bà con, hoặc là người mạng chung ở đời không có phước, nhưng làm điều tà vạy gian trá nên đọa vào quỷ thần, hoặc làm yêu tinh của cây cối tạp vật, không có phước Trời đáng thọ nhận, địa ngục không thâu nhiếp; cho dù xả bỏ thế gian mà đi lại lang thang nơi thôn xóm của người, đã không có ăn, lại sợ đụng chạm đến người ta, gây ra những sự biến đổi kỳ quái làm kích động lòng người; hoặc có yêu mị tà sư để dựa vào làm phước, tìm kiếm những phước thiện giúp đỡ, muốn được sống mãi. Ngu si tà kiến giết hại sinh vật để cúng tế, chết đi vào địa ngục ngạ quỷ súc sanh, không có thời hạn thoát ra, có thể không cẩn thận hay sao?

Vả lại, nếu như người vào ngày sắp chết, nên vì họ thắp hương đốt đèn soi sáng liên tục, ở trong chùa tháp trên cột cao, treo cờ phướn chuyển mạng, đọc tụng kinh điển, suốt hai mươi mốt ngày. Vì sao như vậy? Bởi vì người mạng chung đang trong thời kỳ Trung ấm, thân giống như trẻ thơ tội phước chưa phân định, nên tu phước cho họ, nguyện người mất giữ gìn tinh thần để sanh, đến vô lượng quốc độ khắp mười phương. Nhờ công đức này chắc chắn được sanh đến. Người chết ở đời,

nếu có tội lỗi phải rơi vào tám vạn khổ, nhờ công đức của cờ phướn đèn sáng chắc chắn được giải thoát. Nếu có thiện nguyện, thuận theo sanh đến cha mẹ ở phương khác nhưng không thể nào nhanh chóng sanh đến, nhờ công đức của cờ phướn đèn sáng đều được nhanh chóng sanh đến, không có gì làm trở ngại. Nếu được sanh rồi thì sẽ làm con phước đức cho người, không bị tà ma quỷ quái nhân cơ hội mà lợi dụng, trở thành chủng tộc cường hào. Vì vậy nên tu phước thiện công đức của cờ phướn đèn sáng. Còn như bốn thứ hệ nam nữ, nếu vào lúc sắp mạng chung, hoặc đã lìa trần, ngày mất của họ nên làm cờ phướn màu vàng treo trên cột, khiến có được phước đức xa lìa tám vạn khổ, được sanh đến Tịnh Độ của chư Phật trong mười phương. Cúng dường cờ phướn lọng tàn, tùy theo nguyện cầu trong tâm, cho đến thành tựu bồ đề. Cờ phướn theo gió xoay chuyển, rách nát cũng không còn, cho đến trở thành bụi nhỏ, gió thổi bụi nhỏ, phước ấy trở thành vô lượng. Lúc cờ phướn chuyển một lần, trở thành địa vị Chuyển Luân Vương, cho đến trở thành bụi nhỏ là địa vị của Tiểu Vương, phước báo ấy là vô lượng. Bốn mươi chín ngọn đèn soi chiếu các cõi u minh, chúng sanh đau khổ được nhờ ánh sáng này, đều có thể trông thấy nhau. Nhờ phước đức này, trừ mọi đau khổ cho chúng sanh kia, đều được an lành”.

Lại trong kinh Tịnh Độ Tam Muội nói: “Tám ngày Vượng thì các Thiên Đế Thích, bề tôi trấn giữ ba mươi hai người, Tứ trấn Đại vương tư mạng tư lục, Ngũ la Đại vương và sứ giả Bát Vương, đều tiến hành đi ra khắp bốn phía; lại gặp bốn Thiên Vương của ngày mười lăm và ngày ba mươi đã tâu bày, tra cứu lựa chọn nhân dân lập hạnh thiện ác; vua địa ngục cũng sai Phụ thần Tiểu Vương, đồng thời cùng đưa ra, có tội thì ghi lại. Tám ngày Vượng trai tịnh về trước phạm vào sai lầm, phước nhiều có cứu giúp, an ổn không có gì khác thì dùng phước mà tha thứ, đến sau ngày trai lại phạm vào nhiều tội, nhiều tội thì giảm tuổi thọ, tên gọi rõ ràng hạn định chờ chết. Năm tháng ngày giờ đưa vào địa ngục, địa ngục nhận được văn thư, lập tức sai ngục quỷ mang danh sách ghi chép họ tên. Ngục quỷ không có lòng Từ tuy ngày chết chưa đến, mà cưỡng bức làm ác khiến cho mạng sống mau hết. Phước nhiều thì tăng thêm tuổi thọ, Trời sai thiện thần tìm cách bảo vệ người đó, chuyển xuống địa ngục trừ bỏ tội danh, loại trừ cái chết nhất định được sống, sau được sanh lên cõi Trời”.lại trong kinh Quán Phật Tam Muội nói: “Lúc bấy giờ quỷ thần Khoáng Dã thưa với Đức Phật rằng: Con luôn luôn ăn thịt người, nay lại không giết hại thì nên ăn vật gì? Đức Phật dạy quỷ vương: Ông chỉ cần không giết hại, Ta bảo đệ tử thường giúp thức ăn cho ông,

cho đến khi giáo pháp diệt hết, nhờ uy lực của Ta khiến cho ông được no đủ. Quỷ vương nghe dạy hoan hỷ thọ trì năm giới của Phật".

Kinh Niết-bàn nói: "Chế định các đệ tử Thanh Văn, trích thức ăn của chúng sanh cứu giúp quỷ thần Khoáng dã".

Còn Trí Độ Luận nói: "Quỷ thần bắt được ít người nên ăn uống không đủ, liền có thể biến hóa khiến cho nhiều hơn để được no đủ".

Lại trong kinh Thí Dụ nói: "Đức Phật cùng với A-nan, đi đến bên bờ sông thấy năm trăm ngạ quỷ ca hát vui vẻ mà đi, lại thấy mấy trăm người tốt khóc nỉ non mà đi qua. A-nan thưa hỏi Đức Phật: Quỷ vì sao múa hát, người vì sao khóc lóc? Đức Phật trả lời A-nan: Con cái thân thuộc trong gia đình ngạ quỷ làm phước cho họ khiến được giải thoát, vì vậy mà ca múa vui vẻ; con cái thân thuộc trong nhà người tốt, chỉ làm điều sát hại chứ không có ai làm phước đức giúp họ, sau bị lửa lớn bức bách, vì vậy mà khóc nỉ non".

Lại trong Kinh Túc Nguyện Quả báo nói: "Xưa có hai vợ chồng người Bà-la-môn, không có con cái, tiền của nhiều vô số. Lúc tuổi thọ sắp hết tự nói với nhau rằng: Mỗi người nên nuốt tiền để làm lương thực giúp cho mình. Luật pháp thông thường của nước ấy thì người chết không chôn, chỉ đem đặt dưới gốc cây. Hai vợ chồng ấy đều nuốt năm mươi đồng tiền vàng, thân hình nát rữa thì tiền vàng lộ ra. Trong nước ấy có một người hiền đức, đi ngang qua thấy mà thương xót, tự nhiên chảy nước mắt đau lòng cho sự tham tiếc của họ, lấy làm phước giúp họ, thỉnh Phật và Tăng dốc lòng lo chuyện cúng dường, dâng cơm lên trước Phật xưng tên chú nguyện. Lúc ấy vợ chồng keo kiệt đang nhận chịu khổ đau trong chốn ngạ quỷ, liền được sanh lên cõi Trời. Bởi vì thỉnh cầu 4 chúng đệ tử, lúc ấy người được sanh cõi Trời, liền có được Thiên nhãn biết người làm phước giúp mình, liền từ cõi Trời đi xuống chỉ làm người nhỏ tuổi phụ giúp công việc cho đàn việt. Đức Phật dạy: Người nhỏ tuổi trong bếp này là đàn việt thực sự, Phật thuyết pháp cho nghe liền đạt được dấu tích của đạo, người hiền đức cũng đạt được dấu tích của đạo, chúng Tăng hoan hỷ đều được sanh lên cõi Trời".

Lại trong Kinh Bách Dụ nói: "Xưa có khách buôn muốn đi vào biển lớn, cần phải có người hướng dẫn, liền cùng nhau tìm kiếm gặp một người hướng dẫn, cùng nhau lên đường đi đến giữa cánh đồng bát ngát, có một ngôi đền thờ Trời, trước mắt cần phải cúng tế một người, sau đó mới được đi qua. Thế là những người buôn cùng nghe suy tính rằng: Chúng ta đều là thân thiết làm sao có thể giết hai, chỉ riêng người hướng dẫn này là thích hợp dùng để tế Trời. Liền giết người hướng dẫn,

để sử dụng cho việc cúng tế, tế Trời xong rồi, lạc mất đường đi, không biết nơi hướng đến, cùng khốn nên chết hết. Tất cả người thế gian cũng lại như vậy, muốn đi vào biển rộng giáo pháp lấy những thứ quý báu, nên tu thiện hạnh để làm người hướng dẫn, mà lại phá hủy thiện hạnh, lạc lối giữa đường sanh tử mịt mù, vĩnh viễn không có hạn kỳ ra khỏi, trải qua ba nẻo khổ đau, nhận chịu tang thương mãi mãi. Như những khách buôn kia muốn vào biển lớn mà lại giết chết người dẫn đường cho mình, lạc mất bến bờ cuối cùng dẫn đến khốn đốn mà chết".

Tụng rằng:

Quỷ thần thật khó lường
Qua lại rất bí mật,
Trao cho gốc phước thiện
Tiến cử để hâm mộ,
Cùng giúp đỡ u đồ
Mong tránh khỏi đói khổ,
Phàm Thành điều thờ cúng
Phước lành không hề sai.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra 13 chuyện: 1. Phía Tây Ích Châu ở Vân Nam có nhiều miếu thần trong hang đá; 2. Bàng Xí thái thú Lư Lăng trước kia thờ thần sâu kiến; 3. Ác Tuyền là vị thần hái thuốc ở Hòa Sơn; 4. Động Tiên của Đại phu Bành Tổ thời Ân có thần hổ; 5. Trưởng Tử Văn thời Hán chết làm vị thần dưới Chung Sơn; 6. Thời Hán ở huyện Sính - Cối Kê có người nữ Ngô Vọng Tử cảm thần; 7. Thời Tấn ở huyện Ba Khâu có thầy mo cảm thần; 8. Thời Tấn có Hạ hầu Huyền bị Tư Mã Cảnh Vương giết mà thành thần; 9. Thời Tấn có cư sĩ Trương Ứng sửa chữa miếu thờ thế tục để thờ Phật có thần linh; 10. Thời Tống có trần An Cư bỏ cúng tế thần linh thờ Phật có thần diệu; 11. Thời Tống có Tề tăng Khâm tinh cần phụng thờ Phật có chứng minh; 12. Thời Lương có Sa môn Thích Tăng Dung có người thế tục cho ngôi miếu có chứng minh; 13. Thời Đường có người họ Nghê mua được vợ là Hoàng Phủ Thị chết đột ngột có hiện tượng chứng minh.

1. Vân Nam ở về phía tây của Ích châu có miếu thờ thần, đục vào núi đá làm hang, phía dưới có dân phụng thờ cúng bái, tự xưng là Hoàng Thạch. Người trong nước nói vị thần này là Trương Lương đã tiếp nhận linh hồn của Hoàng Thạch. Thanh tịnh không giết hại nấu nướng, những ai có cầu khấn điều gì, mang đến một trăm tờ giấy, một đôi bút và một

viện mực, đặt vào trong hang đá mà đến phía trước cầu xin. Trước tiên nghe trong hang đá có tiếng động, lát sau hỏi người đến cầu mong điều gì. Đã bày tỏ rồi thì nói cho biết đầy đủ mọi chuyện lành dữ; không trông thấy hình dáng thần linh, cho đến bây giờ cũng như vậy.

2. Thái thú vùng Thái Nguyên, Lư Lăng trước kia là Bàng Xí, tự là Tử Cập, tự nói tổ tiên lâu xa của mình không biết bao nhiêu đời. Vô cớ bị bắt giam vào ngục mà không biết là tội gì, không chịu nổi tra khảo nên tự mình cúi đầu nhận bừa. Đến khi giam vào trong ngục, có bầy kiến đi lại hai bên thân mình, Tổ bèn nói với sâu kiến rằng: Giả sử các ngươi có thần kỳ có thể cứu cái chết cho ta, không phải là tốt ư? Nhân đó bỏ cơm cho ăn, sâu kiến ăn cơm hết rồi đi. Lát sau lại đến hình thể hơi lớn hơn, ý mỗi khi đến lại khác, thế là lại cho ăn. Như vậy đi lại đến mấy mươi ngày, hình thể lớn như con lợn. Đến cuối cùng báo tin là sẽ hành hình, sâu kiến trong đêm đào chân tường làm thành bố lớn, bèn phá gông cùm theo hố đi ra ngoài. Lâu sau gặp được dịp tha tội mà sống yên ổn, thế là họ Bàng đời đời thường vào bốn ngày lễ cúng tế sâu kiến ở nơi đường cái lớn. Đời sau hơi trễ nãi, không có người tiếp tục chỉ vì cơm nước, bèn bỏ cúng tế mà không phụng thờ chu đáo, chỉ còn lại miếu thờ, cho đến ngày nay hãy còn như vậy.

3. Ác Tuyền là người hái thuốc ở Hòe Sơn. Thích ăn hạt cây thông, hình thể nhỏ bé chỉ cao bảy tấc, hai mătý lại vuông, có thể bay đi nhanh như ngựa chạy. Lấy hạt thông để lại cho Nghiêu, Nghiêu không uống; người lúc ấy được uống, đều sống đến ba trăm năm.

4. Bành Tổ là Đại phu thời nhà Ân. Trải qua triều nhà Hạ mà đến cuối triều nhà Thương tính ra là bảy trăm năm, thường ăn cỏ Chi câu Quế. Lịch Dương có động Tiên Bành Tổ, đời trước nói: Cầu khấn gió mây không có điều gì không ứng, thường có hai con hoặc ở hai bên miếu thờ. Ngày nay miếu thờ không còn, mà mặt đất vẫn có dấu tích của hai con hổ.

Bốn chuyện trên đây trích từ Sưu Thần Ký.

5. Thời nhà Hán có Trưởng Tử Văn, là người vùng Quảng Lăng, ham mê tửu sắc ca múa làm vui, thường tự nói rằng tinh cốt chết đi sẽ làm thần. Cuối thời nhà Hán làm quan úy vùng Mạt Lăng đuổi theo giặc đến dưới Chung Sơn, giặc đánh bị thương ở trán, tự cởi dải lụa mà buộc lại, lát sau thì chết. Đến đầu thời Ngô Tiên Sinh, quan lại trước kia trông thấy Tử Văn ở đầu đường, cưỡi ngựa trắng cầm lông chim trắng, người theo hầu như thường ngày. Người trông thấy kinh hãi bỏ chạy, Tử Văn đuổi thao nói rằng: Tôi đang làm thổ thần nơi này, dùng phước

này ban cho dân chúng mà thôi, ông nói cho mọi người biết lập đền thờ cho tôi, không như vậy thì sẽ có tai họa lớn. Năm ấy vào mùa Hạ xảy ra đại dịch, dân chúng thì sợ hãi kinh động, rất nhiều người đã lập miếu thờ lén rồi. Tử Văn lại nói với Tôn Thị: Trong cung nên lập miếu thờ cho tôi, không như vậy thì làm cho sâu bọ bay vào lỗ tai trở thành tai họa. Chốc lát có con trùng nhỏ như con ruồi vàng bay vào tai mà chết, thầy thuốc không thể chữa trị được, mọi người càng sợ hãi, Tôn Chủ vẫn chưa tin. Lại dùng thầy mo chú nguyện, nếu không cúng tế cho tôi, sẽ còn dùng lửa khiến cho trở thành tai họa. Năm ấy hỏa hoạn phát ra khắp nơi, một ngày mấy chục chỗ, lửa lan đến công đường cung điện, huyện chủ lo sợ, bàn bạc cho rằng: Quỷ có chỗ quay về quả là không làm cho tổn hại, nên có cách gì để ngăn lại? Thế là sai sứ giả,phong cho Tử Văn làm Trung Đô Hầu, lần lượt đệ tử còn lại làm Hiệu Úy Trường Thủy, đều thêm dải lụa đeo ấn để xây dựng miếu đường, đổi hiệu là Chung Sơn, để bày tỏ sự linh thiêng ấy. Nay chính là Tưởng Sơn phía Đông Bắc vùng Kiến Khang vậy. Từ đó tai họa chấm dứt, mọi người liền thờ cúng khắp nơi.

Câu chuyện trên đây trích từ Sưu Thần Ký.

6. Thời nhà Hán ở vùng Đông Dã huyện Sính - Cối Kê có một người con gái, họ Ngô tên là Vọng Tử, tuổi vừa mười sáu, dung mạo đáng yêu. Ở quê nhà của mình có người cổ vũ giải thích sự việc, mong muốn nhân tiện đến xem. Men theo bờ đê mà đi, giữa đường bỗng thấy một người cao quý, đoan chánh lạ thường; người đang ngồi trên thuyền, có hơn mười người khỏe mạnh đứng hầu đều rất chỉnh đốn, sai người hỏi vọng Tử nay muốn đi về đâu. Vọng Tử đem sự việc trả lời đầy đủ. Người cao quý nói: Nay ta đang đi đến chỗ ấy, tiện thể nên xuống thuyền cùng đi. Vọng Tử từ chối không dám, bỗng nhiên không thấy nữa. Vọng Tử đã đến nơi quỳ lạy trước bàn thờ thần, trông thấy người cao quý trong thuyền trước đây ngồi ngay thẳng trang nghiêm, chính là tượng của Tưởng Hầu. Hỏi Vọng Tử sao đến muộn, nhân đó ném cho hai trái quýt, nhiều lần hiện ra hình dáng liền làm cho tình cảm tốt đẹp. Trong lòng Vọng Tử có điều mong muốn, thì giữa hư không mà ban cho. Đã từng nghĩ đến ăn cá lức, một đôi cá chép tươi thuận theo tâm mà đến. Vọng Tử thơm ngát ngửi thấy đến vài dặm, có rất nhiều điều thần nghiệm, cả thôn ấp cùng kính trọng hầu hạ. Trải qua ba năm, Vọng Tử bỗng nhiên sinh con ngoài ý muốn, liền chấm dứt qua lại thăm viếng.

Câu chuyện trên đây trích từ Tục Sưu Thần Ký.

7. Thời nhà Tấn ở huyện Ba Khâu có thầy mo Thư Lễ, vào năm thứ

nhất thời Tấn Vĩnh Xương mắc bệnh mà chết, thần thổ địa đem chuyển đến Thái Sơn. Người thế tục nói rằng thầy mo là người đi đường, đi qua trước cổng nhà phước, thần thổ địa hỏi quan lại đây là nhà của người như thế nào? Quan lại nói rằng: Nhà của Đạo nhân. Thần thổ địa nói: Người này cũng là Đạo nhân. Nhân tiện gửi gắm cho nhau và đưa Thư Lễ vào cổng. Trông thấy mấy ngàn gian nhà ngói, đều treo mành trúc, giường ghế tự nhiên nam nữ khác chỗ, có người tụng kinh, có người ngâm kệ, ăn uống tự nhiên vui sướng không sao nói hết. Văn thư đề tên Thư Lễ đã đến cổng Thái Sơn, nhưng mà thân không thể đến được, tìm thần thổ địa, thần nói rằng: Đường đi thấy mấy ngàn gian nhà ngói, liền hỏi quan lại rằng là Đạo nhân nên đã giao cho họ rồi. Thế là sai thần lấy lại sổ ghi, Thư Lễ xem chưa khắp, thấy có một người tám tay bốn mắt cầm chày vàng đuổi theo muốn đánh, liền kinh hãi chạy ra cổng. Thần đã đón ở cổng, nắm lấy chuyển đến Thái Sơn. Phủ quân Thái Sơn hỏi Thư Lễ:" Khanh ở thế gian đã làm những gì? Thư Lễ nói: Thờ ba vạn sáu ngàn vị thần, giải trừ và thờ cúng giúp người, hoặc giết trâu bò heo dê gà vịt. Phủ quân nói: Tội của ông phải vào vạc nóng. Sai quân lính dắt vào nơi vạc, thấy một vật đầu trâu thân người, cầm chĩa sắt xóc Thư Lễ bỏ vào trong vạc, xoay qua xoay lại làm cho thân thể cháy nát, cầu chết không được. Trải qua một đêm hai ngày, Phủ quân hỏi người đứng đầu: Thọ mạng của Thư Lễ phải hết, hãy lập tức làm mất đi mạng sống ấy. Kiểm tra sổ sách ghi chép khác thì coi như còn lại tám năm. Phủ Quân nói: Ghi chép lại. Người đầu trâu lại dùng chĩa sắt xóc bỏ vào bên vạc. Phủ quân nói: Nay sai khanh quay về cuối cùng hết số còn lại, đừng tiếp tục giết hại sinh mạng quá nhiều để cúng tế. Thư Lễ bỗng nhiên sống lại từ đó không trở lại làm thầy mo nữa.

Câu chuyện trên đây trích từ U Minh Ký.

8. Thời nhà Tấn có Hạ Hầu Huyền, tự là Thái Sơ, cũng là người có tài có tiếng lúc ấy, bị Tư Mã Cảnh Vương ghen ghét mà giết chết. Họ hàng của Hầu Huyền tổ chức cúng tế cho hầu Huyền, thấy Hầu Huyền đến linh tòa, cởi đầu đặt sang bên cạnh, lấy tất cả hoa quả cơm nước rượu thịt bỏ vào trong cổ, xong rồi trở lại tự nhiên, nói rằng: Tôi tố cáo được với Thượng đế rồi. Tư Mã Tử vốn không có con cháu. Không bao lâu Cảnh Vương chết mà không có con, em trai là Văn Vương phong cho con thứ là Tề, kế tiếp Cảnh Vương về sau. Hân chết hãy cón có con tất nhiên là thừa kế lên ngôi vua, lại bị giết. Đến loạn Vĩnh Gia, có thầy mo gặp em trai nói rằng: Gia nghiệp sụp đổ chính là do hai người Tảo Sảng Hạ Hầu Huyền đã tố cáo, oán thù được nói rõ ấy mà.

Châu chuyện này trích từ Oan Hồn Chí.

9. Thời nhà Tấn có trương Ứng, là người vùng Lịch Dương, vốn thờ thần theo phong tục cổ vũ cúng tế quá nhiều. Năm thứ tám thời Tấn Hàm Hòa di cư đến Vu Hồ, vợ gặp bệnh nên Trương Ứng thỉnh cầu khắp mọi nơi, tài sản cạn kiệt dần. Vợ là đệ tử pháp gia, nói rằng: Nay bệnh ngày càng khốn đốn cầu khấn quỷ thần chẳng ích gì, xin hãy làm Phật sự vậy. Trương Ứng đồng ý, đến trong tinh xá gặp trúc Đàm Khải. Đàm Khải nói: Phật như thuốc chữa lành bệnh, gặp thuốc không uống, tuy thấy mà không ích gì. Trương Ứng hứa là sẽ thờ Phật. Đàm Khải cho kỳ hạn, ngày mai đến thiết trai. Trương Ứng trở về đêm mộng thấy một người cao hơn trượng, từ phía Nam đến đi vào cổng nói: Nhà ông bừa bộn bất tịnh như vậy. Trông thấy Đàm Khải theo sau nói: Mới muốn phát tâm, không dám trách móc. Trương Ứng trước đó ngủ ngon, tỉnh giấc liền đốt đèn soi sáng, làm chỗ ngồi cao và chỗ ngồi của quỷ tử mẫu. Đàm Khải sáng sớm đi đến, Trương Ứng kể lại đầy đủ giấc mộng và liền thọ năm giới, trừ bỏ hình ảnh thần linh mà sắp xếp nhiều vật cúng dường cầu phước. Bệnh tình của vợ chỉ trong thời gian ngắn đã được trừ khỏi. Năm thứ 2 thời Tấn Hàm Khang, Trương Ứng đến Mã Câu mua muối, trở về ghé Vu Hồ ở lại, mộng thấy 3 người dùng lưỡi câu thép câu cá, trương Ứng nói: Tôi là đệ tử Phật. Ba người kia kéo lại cứ thế không buông, nói rằng: Hạng tôi tớ phản bội đã lâu. Trương Ứng sợ hãi nói rằng: Thả tôi ra tôi sẽ cho các người một thăng rượu. Điều đình rồi bèn thả ra, nói với Trương Ứng là chỉ sợ người sau lại bắt lấy ông mà thôi. Tỉnh gấc bụng đau quằn quại, về đến nhà vô cùng mệt mỏi. Trương Ứng và Đàm Khải đã không gặp nhau một thời gian dài vì tật bệnh, sai người gọi đến thì đúng lúc không có nhà, Trương Ứng liền dứt hơi trải qua một ngày mà sống lại, nói có mấy người dùng móc thép giữ lại, mang đến phía Bắc đi xuống một bờ dốc, dưới bờ dốc thấy có vạc sôi- dao kiếm và dụng cụ ác hiểm rõ ràng, lập tức hiểu rõ là địa ngục, muốn gọi to tên thầy nhưng quên chữ Đàm Khải, chỉ gọi to Hòa thượng cứu con, cũng lúc ấy gọi to chữ Phật, lát sau có một người từ phía tây đi đến, thân hình cao hơn trượng, cầm chày vàng muốn đánh người níu giữ này, nói là đệ tử của Phật, sao dẫn vào trong này? Người núi giữ sợ hãi chạy tán loạn. Người thân cao lớn dẫn Trương Ứng đi, nói cho biết rằng: mạng ông cũng hết, không sống bao lâu nữa đâu, có thể tạm thời trở về nhà tán tụng ba bài kệ và nhớ lấy tên của Hòa thượng, ba ngày sẽ mạng chung liền sanh lên cõi Trời vậy. Trương Ứng đã tỉnh lại thì tiếp tục bình phục như thường, sau đó trì trai tán tụng suốt ba ngày,

sai người ghi lấy tên của Đàm Khải. Đến buổi trưa ăn cơm xong lễ Phật tán tụng, Từ biệt tất cả mọi người , tắm gội thay áo quần, như trong giấc ngủ mà lìa trần.

10. Thời nhà Tống có Trần An Cư, người huyện Tương Dương. Người bác ruột có phần tôn thờ thầy mo theo phong tục cổ vũ cúng tế, miếu thờ hình ảnh thần linh đầy đủ trong nhà, cha của An Cư chỉ cung kính tin tưởng giáo pháp của Phật, sớm chiều trai giới cẩn thận. Về sau người bác ruột qua đời mà không có con, cha lấy An Cư để kế thừa vậy. An Cư tuy ngay nơi nhà bác ruột mà thực hành siêng năng cầu mong đúng lý, sự việc cúng tế tùy tiện bỏ hết chứ không tiếp tục tổ chức. Ngay sau đó liền mắc bệnh nặng, mà mở miệng thì làm từ khúc ca ngợi thần linh, mê man hồ đồ lạ lùng. Như vậy suốt năm, mà tâm chấp trước càng kiên cố, thường thề rằng: Nếu chí hướng của tôi không mất thì sẽ làm cho mất đi tính mạng. Nhất định trước hết tự cắt đứt tay chân và thế là cứ thực hiện việc ấy. Mọi người đều can ngăn, An Cư không nghe trải qua hai năm liền. Năm thứ nhất thời Tống Vĩnh Sơ phát bệnh liền tuyệt mạng, nhưng dưới ngực còn giữ lại hơi ấm, người nhà không tẩm liệm mà cứ để vậy đến bảy ngày đêm. Người trông coi thi hài, cảm giác phần chân của thi hài như có gió phát ra, làm lay động áo liệm. Ngay sau đó mà tỉnh lại phát ra tiếng động, người nhà ban đầu sợ thi hài đứng dậy nên đều chạy trốn. Lát sau hơi có thể chuyển động, thì cầu xin uống nước, người nhà vui mừng hỏi từ đâu đến. An Cư bèn thuật lại đầy đủ những gì đã thấy qua: Ban đầu có người dường như là sứ giả, cầm dao gọi mấy chục người mang đi, người tùy tùng muốn trói lại, nhưng sứ giả bảo rằng: Người này có phước không đáng bị trói. Đi khoảng chừng ba trăm dặm, đến một phủ thành, lầu đài rất nghiêm túc, sứ giả dẫn đến mấy chỗ giống như những nơi ty cục làm việc, cuối cùng có người trao giấy bút cho An Cư và nói rằng: Hãy viết tên gọi của hai mươi bốn cách chết thông thường. An Cư liền như lời viết ra tên gọi thành mấy tập. Có một người tùy tùng từ bên trong đi ra, cất tiếng gọi lớn rằng: An Cư có thể vào. Đã đi vào liền có lệnh giao cho hai người cai ngục giải quyết, một người nói cho mang gông lớn, một người nói là người này có nhiều phước, chỉ nên mang gông ba thước. Bàn luận phân vân không thể quyết định, bèn cùng xem xét văn thư rất lâu liền cho mang gông ba thước. Lát sau thấy có người cao quý, đi theo hai bên có mấy chục người hình dáng dung mạo đều đẹp đẽ, nói với An Cư rằng: Sao ông có thể đến đây? An Cư kể rõ đầy đủ nguyên do. Người cao quý nói: Bác ruột của ông có tội, chỉ nên theo sổ sách mà trừng trị, nhưng bởi vì trước kia có

gieo trồng chút phước cho nên tạm thời được đi lại mọi nơi, mới dám nói cho ông biết, tất cả và cha của ông thuở nhỏ có làm bạn với nhau, thấy ông giống như bạn cũ của ta nên có thể theo ta cùng đi xem mọi nơi cho biết. Cai ngục không chịu mở gông, nói rằng Phủ Quân không có lệnh, không dám tự ý vi phạm. Người cao quý nói: Chỉ giao cho ta không để cho chạy trốn được đâu. Thế là cởi gông cho đi. Người cao quý dẫn An Cư đến khắp các địa ngục, thấy đủ loại khổ đau, đại khái là phù hợp cùng với kinh văn đã nói. Đi qua chưa hết các nơi, có lệnh truyền đến rằng: Phủ quân gọi An Cư. An Cư sợ hãi không biết chuyện gì nên cầu cứu với người cao quý. Người cao quý nói: Ông tự mình không có tội, chỉ đem sự thật trả lời nhất định không lo lắng gì. An Cư đến công đường, thấy có mấy trăm người bị còng chặt cùng lúc đều tiến vào, An Cư đứng thứ ba. Đã đến dưới thềm, một người mặc áo đội mũ đứng ở trước tù nhân, đọc sổ ghi những tội tội lỗi. Đọc tội lỗi của người thứ nhất rằng: Xưa mới lấy vợ, vợ chồng thề với nhau, có con hay không có con suốt đời không bỏ nhau, nhưng mà người ấy vốn là Tế Tửu, vợ cũng phụng đạo, cùng cảm hóa dẫn dắt đồ chúng có được đệ tử nam nữ, vì vậy gian dâm, liền bỏ vợ của mình, vợ thường oán hận mà tố cáo. Phủ quân nói rằng: Vợ chồng ngươi làm trái lời thề, đại nghĩa không tội lỗi, cả hai cuối cùng tội lỗi như nhau, nghĩa thầy dạy đặt vào thứ ba, mà gian dâm với nhau, thì cha con dâm với không thể khác được, giao cho bộ phận hành pháp nói rõ hình phạt. Tiếp theo đọc bản của người phụ nữ thứ hai, quên tên họ của người ấy, rằng nhà ở làng Hoàng Thủy, huyện Quán Quân, Nam Dương, nhà đặt đồ dùng đun nấu ở cửa đi vào nhà bếp, mà người phụ nữ này ngủ say, trẻ con ở trước nhà bếp bò trên mặt đất mà di chuyển, phân tiểu vấy bẩn trong đồ dùng đun nấu, người phụ nữ này đã tỉnh ngũ, liền cầu khấn nhận lỗi với thành linh, chùi rửa rất kỹ càng, mà bà mợ chưởi mắng người phụ nữ này rằng: Không có đạo Trời quỷ thần gì hết. Đặt người phụ nữ này nhất định làm điều ô uế. Tu mạng nghe hết cho nên ghi chép mà chuyển đến. Phủ quân nói: Ngủ quên đồ dùng đun nấu không phải là lỗi lầm, trẻ con không biết gì, lại đã cầu khấn nhận lỗi với thần linh, thì không có tội. Bà mợ chửi mắng nói là không có đạo lý, báng bổ u linh, đáng ghi chép mang đến đây. Chốc lát liền dẫn đến. Vị quan cầm đến An Cư, người dưới thềm đọc đầy đủ tên gọi văn bản, bị bác ruột tố cáo v.v... Phủ Quân nói: Người này thờ Phật, là người nhiều phước đức. Bác ruột người ấy giết hại loài vật vô tội nói xấu lừa dối trăm họ, tội đáng trừng trị đến cùng, bởi vì xưa có chút phước, cho nên chưa biết tội lỗi mà thôi, nay lại phỉ báng tố cáo

người vô tội nên truyền lệnh mau chóng đem đến đây. Chưa đến kịp mà Phủ quân cho phép An Cư trở về, nói rằng: Nếu được trở về thì hãy cố gắng làm thành sự nghiệp tốt đẹp, được thọ chín mươi ba tuổi, cố gắng nhiều hơn, đừng đến đây nửa. An Cư ra đến cổng, ty cục nói rằng: Ông được xóa tên khỏi sổ chết. Thế là An Cư theo thứ tự rút tên ra. Đã xong rồi mà lại muốn hướng về thăm chỗ của người cao quý. Người cao quý cũng đến nói rằng: Biết ông không việc gì, được trở về rất tốt, cố gắng tu tạo công đức, thân tôi ít phước không được sanh lên cõi Trời thọ nhận báo ứng, ở nơi này phụ giúp Phủ quân cũng nhàn rỗi, có nhiều niềm vui tốt đẹp của chốn thần linh, nhà tôi ở tại Uyển Lăng, họ ấy tên ấy, ông trở về thăm hỏi giúp tôi, dốc lòng thờ kính giáo pháp, đừng phạm vào giới cấm của Phật, nên đem tất cả những gì trông thấy mà chỉ cho mọi người biết vậy. Thế là phái 3 người khỏe mạnh đưa tiễn An Cư. Ra khỏi cổng mấy bước, có người truyền lệnh đưa tặng phù hiệu cho An Cư, nói rằng: Ông có thể giữ phù hiệu này đi qua lính tuần tra mà đưa họ xem, đừng để trộm mất, để trộm mất thì có kẻ bị giáng chức đấy. Nếu có sông nước ngăn ngại thì hãy lấy phù hiệu này bỏ vào trong nước, lập tức đi qua được. An Cư nhận phù hiệu mà trở về. Đi một lúc lâu gặp sông lớn trở ngại không thể nào vượt qua. An Cư theo lời dặn bỏ phù hiệu trong nước, lờ mờ như bị lóa mắt, thế là đến giữa vùng đất phía trước nhà mình. Đúng là nghe trong nhà đang khóc lóc đau thương quá sức, ba người đưa tiễn khuyên trở lại nơi thân thể. Thân của An Cư đã hối thối, tôi không thể nào trở về lại được. Những người này bèn bắt ép đẩy vào, ngã ở trước chân thi hài. An Cư đã trở lại bình thường nên muốn nghiệm xét người phụ nữ ở làng Hoàng Thủy, vì vậy đi đến huyện Quán Quân tìm hỏi, quả nhiên có người phụ nữ này, gặp nhau y hệt như có quen biết nhau từ trước, nói rằng đã chết được sống lại, bà mợ ngay ngày hôm đó mà qua đời, nói những điều thấy nghe cùng với An Cư hoàn toàn giống nhau. Thầy trao cho năm giới, tên là Tăng Mân, người vùng Tương Dương, cuối đời ở Trường Sa, vốn là người cùng làng với An Cư, nghe chính miệng người ấy nói. Cuối cùng An Cư cũng tự mình nhìn thấy, quả nhiên thọ chín mươi ba tuổi vậy.

11. Thời nhà Tống có Tề tăng Khâm, người vùng Giang Lăng, gia đình tôn thờ giáo pháp vào năm hơn mười tuổi, Thiện Tướng xem bói nói: Tuổi không vượt qua mười tám. cha mẹ anh em rất là lo sợ, Tăng Khâm cũng thêm chỉ tôn trọng trai giới rất kiên trì. Đến năm mười bảy tuổi cuối thời Tống Cảnh Bình mắc bệnh nặng nguy hiểm, trong nhà thiết trai cầu khấn càng thiết tha, cũng cúng tế nhiều nơi để cầu phước,

bệnh tình cuối cùng không khỏi. Lúc ấy có một bà mo nói rằng: Chàng trai này phước lực rất mạnh mẽ, ma quỷ cũng không dám gần gũi, tư nhiên có thiện thần che chở, nhưng mà bệnh tình lâu ngày không khỏi, vận mạng hoặc sắp có giới hạn, thế gian có thuật thăm dò số mạng, việc nhỏ thì thiên thần có thể biết rõ số ấy, nên để thử làm theo giúp cho cậu. Ở giữa đồng vắng bày rượu thịt cúng bái, thắp hương đốt đèn cầu nguyện, có lúc giống như ngủ say, chốc lát lại tỉnh dậy, trong đêm một vài lần như vậy. Trải qua bảy ngày bảy đêm nói rằng: bắt đầu có cảm giác trông thấy, thấy các thiện thần, mới cầu khấn cho chàng tai này thêm được hai Toán rồi, bệnh chắc chắn được lành, không có gì lo lắng. Ngay sau đó Tăng Khâm liền khỏi bệnh, càng thêm chí thành tinh chuyên. Sau đó vào năm hai mươi bốn tuổi mà qua đời, như bà mo đã nói, thì một Toán là mười hai năm rồi, hai Toán là hai mươi bốn năm vậy.

Ba chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký.

12. Thời nhà Lương có Sa môn Thích Tăng Dung ở chùa Đông Lâm vùng Lư Sơn - Cửu Giang, dốc chí rộng lớn đi khắp nơi giáo hóa làm nhiệm vụ của mình. Đã từng ở Giang Lăng khuyến khích một gia định thọ giới, nên đem tất cả để bố thí, Tăng Dung liền lấy hết chuyển đến chùa, nhân đó giữ lại làm phước. Đến bảy ngày sau, mẹ của người chủ thấy một con quỷ cầm dây đỏ muốn trói lại, bà mẹ rất hoảng sợ, bèn tiếp tục thỉnh Tăng đọc kinh hành đạo, quỷ quái liền chấm dứt. Buổi tối Tăng Dung trở về Lư Sơn một mình ở lại quán trọ, lúc ấy Trời tuôn mưa tuyết, nữa đêm mới ngủ thấy có lính quỷ, loại ấy rất đông, trong đó có tướng quỷ. Mang giáp kẹp dao, thân hình to lớn khác thường, có người mang giường ghế theo, thế là ngồi phía trước đối diện Tăng Dung, liền nghiêm sắc mặt lớn tiếng nói rằng: Sao ông nói rằng quỷ thần là không linh hiển vậy? Lập tức kéo xuống đất! Các quỷ sắp muốn ra tay, Tăng Dung lặng lẽ niệm Quán Âm, tiếng xưng niệm chưa dứt thì thấy sau giường của mình có một Thiên tướng, cao khoảng hơn trượng, mặc quần da viền vàng, tay cầm vật như chày kim cang, quỷ kinh hãi chạy tán lọan, tất cả giáp trụ bị vỡ nát thành bụi phấn. Tăng Dung đã từng ở Giang Lăng khuyến khích hai vợ chồng, cùng thì trì năm giới. Sau đó bị giặc cướp bắt giữ, chống liền chạy trốn, bắt vợ giam vào ngục, gặp Tăng Dung đi trên đường, đau xót cầu xin cứu giúp. Tăng Dung nói: Chỉ chí tâm niệm Quán Thế Âm, lại không có gì tin hơn. Người vợ sau khi vào ngục thì xưng niệm không nghỉ, nhân đó mộng thấy Sa môn đứng ở phía trước mình đá chân khiến đi. Bỗng nhiên cảm thấy thân hình luồn

qua ba cây gỗ tự nhiên thoát ra, thấy cửa hãy còn đóng, lính canh cửa giữ chặt nhiều lớp, suy tính không có cánh nào ra được, trở lại tiếp tục ngủ thì mộng thấy vị Tăng trước kia nói rằng: Sao không sớm ra ngoài, cửa tự mở rồi. Đã nghe liền vùng dậy, những lớp cửa mở ra thông suốt, liền vượt qua mà đi về phía Đông Nam mấy dặm sắp gặp được thôn xóm dân cư. Trời đêm tối mịt, người chồng trước đã bỏ chạy thì đêm đi ngày ẩn trốn, cả hai bất ngờ gặp nhau đều rất kinh hãi, trong cỏ rậm hỏi kỹ thì chính là chồng mình, liền cùng nhau tìm đến bàn bạc, tránh xa mà được thoát nạn.

Câu chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện.

13. Thời nhà Đường ở Khúc Phụ-Duyễn châu có người họ Nghê mua được vợ là Hoàng Phủ Thị, vì phát sinh bệnh tật nên cầu khấn ở Thái Sơn, được khỏi bệnh phần nào. Bởi vì gặp phải quân binh chốn âm phủ làm cho tính mạng bị rình rập, cứ mỗi khi gặp phải âm binh thì chết, trải qua một hai ngày, cúng bái xong xuôi sau đó trở lại như cũ. Trước sau đã bắt lấy người cũng nhiều rồi. Tự nói rằng: Đã từng bị sai đi bắt nhiều người ở thôn quê và dẫn đầu đội quân tiểu nữ, vì trước sân nhà ấy có trai đàn tụng kinh, lâu nên không thể tiến vào được, chốc lát tiếng tụng kinh hơi bít lại, đồng thời nhân tiện người cầm đuốc đi đến chỗ người nữ bị bệnh, bèn đi theo mà vào, mới bắt đem đi được. Hỏi lý do bắt đi, thì chính là con trai thứ tư của Phủ quân đã ra lệnh, Phủ quân không hay biết. Luận thuyết về địa ngục có đủ hệ thống rất mạch lạc. Lại nói: Trong lòng đất nói ra thì người lạ không phải chỉ có một vài người, mà chỉ là người có phước bảo nhỏ nhoi, truy tìm không thể nào có được. Nếu như có tội tiếp nhận thì dễ. Hoàng Phủ thấy bị sai sử, cho đến bây giờ hãy còn tồn tại. Nay đàn ông làm người rình rập tính mạng người sống, thì ở Duyễn châu thấy có ba - bốn người, nhưng không biết họ tên của họ mà thôi.

Chuyện trên đây trích từ Minh Báo Thập Di Ký.

Thiên thứ 70: CHIÊM TƯỚNG

Thiên này có 2 phần: Thuật ý, dẫn chứng.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Đại giáo không riêng tư, chí đức cùng cảm ứng, phàm tình vì ngăn cách, tạo hóa khác hình hài, tâm cảnh dựa theo nhau, báo khổ vui sai biệt; như ấn bằng sáp in vào bùn, ấn thành thì hoa văn hiện rõ, tướng trạng đó có thể xem thấy. Khiến cho ở người và vật dùng âm thanh để phân biệt, ở Hồ và Hán lấy dung mạo mà đoán định, sang hèn có tối tăm và sáng sủa khác nhau, Thánh phàm có trong sáng và vẫn đục sai biệt vậy.

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như trong kinh Chánh Kiến nói: "Lúc ấy trong hội chúng của Phật có một Tỳ kheo, tên gọi là Chánh Kiến, mới mặc pháp phục vào mà có ý nghĩ thắc mắc rằng: Đức Phật nói có sinh ra đời sau cho đến khi con người chết đi, đều không có báo cho nhau biết, vì sao biết được vậy? Câu hỏi này chưa phát ra, Đức Phật đã đoán biết trước rồi. Đức Phật bảo với các đệ tử: Ví như trồng cây ban đầu dùng một hạt giống gieo xuống nhờ bốn đại chủng nuôi dưỡng tự nhiên làm cho to lớn, mầm lá cành nhánh lần lượt thay đổi, liền trở thành cây lớn, cây lại sinh ra quả, quả lại trở thành cây, năm tháng tăng thêm vô số như vậy. Đức Phật bảo với các đệ tử: Muốn gấp rút quy tụ hoa quả cành nhánh tiếp tục trở lại làm hạt giống, có thể được hay không? Các đệ tử thưa: Không thể được, bởi vì hạt giống đã chuyển đổi, ngày ngày đã mục nát hư hoại, hạt giống tiếp tục sanh ra, sanh ra và diệt đi vô cùng tận như vậy, cuối cùng đều trở về hư hoại, không thể nào tiếp tục trở về khiến cho thành hạt giống ban đầu vậy. Đức Phật bảo với các đệ từ: Sanh tử cũng như vậy, ban đầu do ngu si mà có, lần lượt hợp lại thành mười hai nhân duyên, thần thức chuyển đổi tùy theo hành nghiệp mà hướng tới, lại có cha mẹ lại tiếp nhận hình hài thân thể, không thể nhận biết cho nên không trở lại báo cho biết được. Ví như người luyện kim loại, nham thạch làm thành sắt, đúc sắt làm đồ vật, thành đồ vật rồi có thể khiến cho trở lại làm nham thạch chăng? Chánh Kiến đáp rằng: Thật sự không thể làm cho sắt trở thành nham thạch. Đức Phật dạy: Thần thức lưu chuyển trú vào thân Trung ấm như nham thạch trở thành sắt chuyển sang thọ nhận thân thể khác như sắt trở thành đồ vật, hình thể thay đổi không trở lại được. Vì vậy thần thức tiếp nhận thân người lại có cha mẹ, đã có cha

mẹ thì có sáu bế tắc: 1. Trú vào thân Trung ấm không thể trở lại được; 2. Tùy theo thân đã tiếp nhận trong bào thai; 3. Sinh ra vì đau đớn bức bách cho nên quên mất thức tưởng vốn có; 4. Vì sinh vào địa ngục cho nên thức niệm diệt đi lại khởi lên tưởng thấy mới; 5. Đã sinh ra thì đắm vào ý niệm ăn uống cho nên thức niệm đoạn mất; 6. Từ ngày sinh ra tập khí lớn dần thành những cái mới không trở lại thần thức vốn có.

Đức Phật dạy: Này các đệ tử, thần thức tùy theo việc làm ác, sắp chết tùy theo hành nghiệp mà thấy chứ không phải là than ban đầu, không thể trở lại thần thức cũ mà đối mặt báo cho nhau biết được. Chưa có đạo ý, không có tịnh nhãn, thân chết thì thần thức ra đi, tùy theo hành nghiệp biến hóa, chuyển sang thọ nhận thân thể khác, sao có thể báo cho nhau biết được? Ví như trăng mờ đêm tối lấy vật năm màu đặt trong chỗ tối đen, ngàn vạn ức người không thể nào nhìn thấy vật ấy, nếu có người cầm đuốc soi chiếu, thì đều phân biệt được năm màu. Như người ngu si mờ mịt trong ác đạo, không có được tuệ nhãn qua lại báo cho nhau biết; như đêm tối trăng mờ muốn nhìn thấy năm màu thì cuối cùng không thể nào thấy được. Nếu tu trì kinh giới thâu nhiếp giữ gìn tâm ý, thì như người cầm ngọn đuốc phân biệt rõ ràng năm màu. Vì như không có tay mà muốn viết, không có mắt mà muốn nhìn, đêm tối xâu kim, trong nước tìm lửa thì suốt đời không thể nào có được. Đệ tử các ông, hãy cố gắng thực hành theo kinh giới suy nghĩ sâu sắc về sanh tử, bắt đầu từ đâu đến, cuối cùng trở về chỗ nào, có thể trừ sạch kiết sử tự nhiên hiểu rõ những nghi ngờ. Chánh Kiến nghe xong, hoan hỷ vâng theo thực hành".

Trong kinh A Dục Vương Thái tử Pháp Ích Hoại Mục Nhân Duyên nói: "Sáu đường đều có tướng trạng của mỗi đường.

Thứ nhất là tướng địa ngục:

Căn nguyên của con người
Lang thang trong sanh tử,
Luôn rong ruổi chìm nổi,
Rơi vào năm nẻo đường.
Chết kia sinh nơi này
Đều có những nhân duyên,
Tướng mạo của thân người
Nay sẽ nói cho ông.
Bước đi mà nghiêng ngã
Không tự mình nhận biết,
Ngước nhìn bị mê hoặc

Luôn vui lại quên nhiều.
Cử động nhẹ như bay
Rong chơi nợi đồng rộng,
Người này chính là từ
Địa ngục Hoạt mà đến.
Tay chân nhiều đau nhức
Ngủ giật mình tỉnh giấc
Mộng những điều hung ác
Địa ngục Hắc Thằng đến.
Tóc rối mắt dữ dằn
Răng dài ưa giận dữ,
Tiếng trầm mau nổi nóng
Đại ngục Hợp Hội đến.
Giọng nói luôn to lớn
Không biết gì hổ thẹn
Thích nghe tiếng kêu gọi
Không phân biệt thật giả,
Năm ngủ thường rên rỉ
Mộng gọi to kinh hãi,
Nên biết rằng người này
Từ ngục kêu khóc đến.
Thường ưa khóc buồn đau
Lên cao nhìn ra xa
Thích mọi người đấu đá
Không có người thân sơ
Nói thì khiến cho giận
Đêm dài không có ăn
Người này chính là đến
Từ ngục kêu khóc lớn.
Thân lớn mà chân nhỏ
Sức lực chẳng bao nhiêu,
Nói năng thường ấm ớ
Tiếng như hũ sành vỡ,
Thần thức không yên định
Không có tâm hiếu thuận,
Nên biết rằng người này
Từ ngục A Tỳ đến.
Thân thể thô lại xấu

Đau khổ mãi rùng mình,
Ưa nóng thích khao khát
Tham tiếc và ganh ghét
Thấy người giúp ân huệ
Tự mình sinh phiền não
Người này quả là đến
Từ địa ngục nóng bức.
Thấy lửa luôn kinh sợ
Lại ưa thích nóng ấm
Bước đi thật nhẹ nhàng
Không phòng ngừa hợp thời
Đã làm lại hối hận
Vẫn muốn tiếp tục làm,
Người này lại đến từ
Địa ngục nóng bức lớn.
Mắt nhỏ ưa trợn trừng
Nhận chịu nhiều dối gạt
Tạo ra những hẹp hòi
Lòng dạ không rộng rãi
Thấy lớn mà sợ hãi
Nhìn nhỏ lại vui mừng,
Người này chính là đến
Từ địa ngục Ưu Bát.
Mắt đỏ hình hài xấu
Thường ưa thích kiện tụng,
Phỉ báng các Hiền Thánh
Và những người đắc đạo,
Ngày đêm rình rập người
Làm những điều phi pháp,
Nên biết rằng người này
Từ ngục Bát Đầu đến.
Mắt nhìn thấy ba góc
Bất hiếu với cha mẹ,
Sống thì mạng ngắn ngủi
Từ ngục ràng buộc đến.
Thích mang theo dao kiếm
Khiêu khích người đánh nhau,
Chắc chắn bị người giết

Từ ngục Mân trì đến.
Thân có những thương tích
Hơi miệng hôi nồng nặc,
Không gần gũi với người
Từ địa ngục Khoáng đến.
Hình thể rất cao lớn
Bước đi thì yếu đuối,
Tóc thưa da lại mỏng
Luôn luôn nhiều bệnh hoạn,
Thấy người thì giận dữ
Tham ăn không thỏa mãn,
Nên biết rằng người này
Đến từ địa ngục Diệm
Thân hình trắng mắt xanh
Nói thì chảy nước bọt,
Lời không có đầu đuôi
Thích chơi trò bụi bặm,
Thấy bùn lắng rất nhiều
Thân nằm lên trên đó,
Người này chính là đến
Từ địa ngục sông tro.
Mắt vàng đầu rụt lại
Người nhìn thấy dữ dằn,
Việc xảy ra hoảng sợ
Từ ngục Kiếm Thọ đến.
Tay luôn luôn cầm dao
Nghe đánh nhau thì vui,
Bị dao làm tổn hại
Từ ngục Đao Kiếm đến.
Thân hình đen cổ tắc
Thích ở trong nhà tối,
Miệng nói ra lời ác
Từ ngục Tro nóng đến.
Sức lực chẳng bao nhiêu
Không thể tự tại được,
Đương nhiên những được mất
Chẳng có gì do mình,
Thân làm nghề giết mổ

Không xa rời bên cạnh,
Nên biết rằng người này
Từ ngục Lột da đến.
Giận vui luôn thất thường
Lại biết luôn hối hận,
Lúc có thể từ chối
Không trải qua ngày đêm,
Chân thành trách tâm mình
Như gặp phải hình phạt,
Người này chính là đến
Từ địa ngục Ép lại.
Thích ở chỗ hôi thối
Ưa ăn vật thô tạp,
Mặc những đồ xấu tệ
Từ ngục phẩn giải đến.
Nhan sắc thật xấu xí
Giọng nói thì thô lỗ
Thích xúi người đánh nhau
Từ ngục Thiện Hương đến.
Nên xem tướng mạo này
Vốn từ nơi nào đến
Biết rõ nên xa lìa xa
Như tránh kiếp lửa cháy
Tướng trạng của địa ngục
Nói sơ lược như vậy.

Thứ hai là tướng súc sanh:

Tiếp đến nói súc sanh
Chịu thân hình đổi khác,
Chuyên tâm suy xét kỹ
Không tạo ra duyên ấy.
Nói năng thì chậm chạp
Không dấy lên giận dữ,
Cung kính bậc trưởng thượng
Đến từ trong loài voi.
Thân lớn mà bẩn thỉu
Chịu đựng được Nóng lạnh,
Giận nhiều khó hóa giải
Từ loài Lạc đà đến.

Đi xa ăn thật khỏe
Không tránh mọi hiểm nạn,
Nhớ việc biết chân thật
Từ trong loài Ngựa đến.
Ân hòa thuận nhân ái
Chịu được sự nóng lạnh,
Không nhớ việc đã làm
Từ trong loài Trâu đến.
Lớn tiếng không hổ thẹn
Được nhiều sự kính mến,
Không phân biệt phải trái
Từ trong loài Lừa đến.
Lớn nhỏ không sợ hãi
Thường tham lam ăn thịt,
Mọi việc không khó khăn
Từ loài Sư tử đến.
Thân cao mắt tròn xoe
Đi lại nơi đồng hoang,
Căm ghét với vợ con
Từ trong loài Hổ đến.
Lông dài mắt nhỏ bé
Ít dấy khởi giận dữ,
Không thích ở một chỗ
Từ trong loài Chim đến.
Tánh không hề thay đổi
Thích giết hại côn trùng,
Chỉ vui nơi gò mả
Từ trong loài Cáo đến.
Ít tiếng rất khỏe mạnh
Không có chuyện dâm dục,
Không yêu quý vợ con
Từ trong loài Lang đến.
Không thích áo quần đẹp
Rình bắt những sai trái,
Ngủ ít giận dữ nhiều
Từ trong loài Chó đến.
Thân ngắn mà lông dài
Ăn nhiều ham ngủ nghỉ,

Không thích nơi sạch sẽ
Từ trong loài Heo đến.
Lông vàng luôn bất ngờ
Chỉ thích chốn núi đồi
Tham ăn các hoa quả
Từ loài Vượn khỉ đến.
Gắng gượng nhiều dối gạt
Không sợ gì khó khăn,
Việc làm biết thay đổi
Từ trong loài Quạ đến.
Đa tình với sắc dục.
Ít phân biệt chính nghĩa,
Tâm không có ghi nhớ
Từ loài Bồ câu đến.
Việc làm đầy tội lỗi
Gắng gượng để chịu nhục,
Bất hiếu với cha mẹ
Trong loài chim cốc đến.
Cũng không biết phép tắc
Lại không biết sai trái,
Ngày đêm luôn ngu hoặc
Từ trong loài Dê đến.
Thích ngông ưa trò chuyện
Gần gũi người phóng khoáng,
Được mọi người yếu quý
Trong loài Anh vũ đến.
Những việc làm bất ngờ
Thích ở giữa mọi người,
Nói năng nhiều rắc rối
Trong loài chim sáo đến.
Bước đi thật thong thả
Ý có những quy tắc,
Làm hại nhiều sinh loại
Từ trong loài Hạc đến.
Thân hình nhỏ ham dâm
Ý không chuyên ổn định,
Thấy sắc tâm mê hoặc,
Từ trong Chim tước đến,

Mắt đỏ mà răng ngắn
Nói thì nhổ nước bọt,
Nằm thì thân cuốn lại
Từ trong Rắn độc đến.
Nói năng thì giận dữ
Không xét đến ý nghĩa,
Miệng phát ra ác độc
Từ trong chim trấm đến.
Chỉ giải quyết tham ăn
Âm hưởng ngầm nấc nghẹn,
Đêm thì lại ít ngủ
Từ trong loài Mèo đến.
Đào xuyên tường trộm cắp
Ham của cải rất sợ,
Cũng không có thân sơ
Từ trong loài chuột đến.
Quán xét kỹ tướng mạo
Từ súc sanh mà đến.

Thứ ba là tướng ngạ quỷ:

Thân cao nhiều sợ hãi
Lấy tóc quấn chặt thân,
Áo quần luôn bẩn thỉu
Từ ngạ Quỷ mà đến.
Dâm dật lại tham tiếc
Ghét cái được của người,
Không thích ban ân huệ
Từ ngạ quỷ mà đến.
Bất hiếu với cha mẹ
Lớn nhỏ trong gia đình,
Đụng chạm là tranh cãi
Từ ngạ Quỷ mà đến.
Không tin lời chí thành
Làm việc theo hứng thú,
Sức yếu hiểu biết ít
Từ ngạ Quỷ mà đến.
Âm thanh bị tắc nghẽn
Bất ngờ sinh giận dữ,
Ăn thì thích món nóng

Từ ngạ Quỷ mà đến.
Luôn thiếu hụt tiền bạc
Nghèo hèn ít hiểu biết,
Bị người trí chê cười
Từ ngạ Quỷ mà đến.
Nhà không thờ kính Phật
Không thích nghe giáo pháp,
Đường Trời mãi xa cách
Từ ngạ Quỷ mà đến.
Vợ con không kính trọng
Anh chị em trong nhà,
Mọi người đều căm ghét
Từ ngạ Quỷ mà đến.
Sống thì luôn cô quạnh
Không người nào nhìn ngó,
Chết trở về nơi đến
Không xa lìa duyên xưa.
Ý chí rất hẹp hòi
Không thích sự quang vinh,
Những việc làm khó coi
Từ ngạ Quỷ mà đến.
Việc làm không ích lợi
đã làm điều phiền toái,
Bị mọi người xua đuổi
Từ ngạ Quỷ mà đến.
Hoặc có việc vui buồn
Không xét kỹ căn nguyên,
Không nghe người can ngăn
Từ ngạ quỷ mà đến.
Không thích nơi vắng lặng
Ưa sống nơi nhà xí,
Dung mạo thường xấu xa
Từ thần gió mà đến.
Thân lớn ưa tốt đẹp
Ham thích ăn món thịt,
Chỉ thích thờ thần linh
Từ Duyệt xoa mà đến.
Nóng giận cùng đánh nhau

Thấy vật thì tham đắm,
Không hề có né tránh
Từ Duyệt xoa mà đến.
Người thấy lông dựng đứng
Thẳng về trước nhìn kỹ,
Giống như bị sai lầm
Từ La sát mà đến.
Thân hình nhỏ da mỏng
Vẻ mặt thật dễ gần,
Nghe âm nhạc vui mừng
Từ Càn đạp hòa đến.
Ý tốt lành nhanh nhẹn
Hương xông ướp tự xoa,
Có nhiều những kỹ thuật
Từ Càn đạp hòa đến.
Luôn luôn thích múa hát
Gái trai cùng hầu hạ,
Trước nói sau mỉn cười
Từ chân đà la đến.
Tánh tình thật dịu dàng
Hiểu rõ ràng thời tiết,
Có thể đoạn lậu kết
Từ Chân đà la đến.
Đây là tướng ngạ quỷ
Duyệt xoa của La sát.

Thứ tư là tướng tu la:

Mắt tròn khuôn mặt vuông
Thân màu vàng - tóc vàng,
Đầy đủ các kỹ thuật
Từ A-tu-luân đến.
Thẳng oán thù thì đánh
Từ A-tu-luân đến.
Đây là A-tu-luân
Tướng ấy nói sơ lược.
Thứ năm là tướng loài người:
Biết hướng về nơi sanh
Giữ gìn không quên mất,
Hiểu rõ ràng sự nghiệp

Từ loài người mà đến.
Loại bỏ những hư giả
Ngừng lại không thực hiện,
Việc làm đều bình đẳng
Từ loài người mà đến.
Nói điều thiện-điều ác
Lần đầu không quên mất,
Không tin theo gian dối
Từ loài người mà đến.
Tham dâm và ganh ghét
Tâm chấp chặt khó bỏ,
Biết những cách thông tục
Từ loài người mà đến.
Ý tin hành bố thí
Biết pháp và phi pháp,
Tâm không lệch bên nào
Từ loài người mà đến.
Không sai lạc giờ giấc
Cũng không thể lười nhác,
Cung kính bậc Thánh Hiền
Từ loài người mà đến.
Giả sử gặp Sa môn
Trì giới và đa văn,
Chí tâm để thừa sự
Từ loài người mà đến.
Có thể thờ chư Phật
Chánh pháp và chúng Tăng,
Thường xuyên nghe giáo pháp
Từ loài người mà đến.
Nghe pháp có thể biết
Nghe điều ác không làm,
Nhanh chóng đến Niết-bàn
Từ loài người mà đến.
Đây là tướng loài người
Nói sơ về bên ngoài.

Thứ sáu là tướng loài Trời:

Dựa vào núi Tu di
Có năm chủng loại Trời,

Đã tạo duyên ban đầu
Tướng đó không giống nhau.
Eo lưng nhỏ chân to
Luôn luôn thích mỉn cười,
Người trí nên xét kỹ
Từ loài Khúc thiên đến.
Ý tốt lành vi diệu
Ít hướng về tiền của,
Thấy đánh nhau thì sợ
Từ loài Thi thiên đến.
Thân cao thể trong trắng
Nhan sắc thật đoan chánh
Không thích nhìn ánh lửa
Từ loài Bà thiên đến.
Trong lòng thường vui vẻ
Nghe điều ác không vui,
Không theo người ta chịu
Từ loài Nhạc thiên đến.
Tư duy chịu đựng khổ
Thích phân biệt nghĩa lý,
Từ hiếu với cha mẹ
Từ Tỳ Sa thiên đến.
Ở không thích nhà cửa
Ưa đến nơi núi rừng,
Thường nghĩ đến nữ sắc
Từ cõi Tam thiên đến.
Tiền của tuy không nhiều
Sanh trong nhà hèn mọn,
Nhưng tâm vui thanh tịnh
Từ cõi Tam thiên đến.
Tùy ý mình tự làm
Việc làm không hạn định,
Nhìn xa làm trái nguyện
Từ cõi Viêm thiên đến.
Ý thích dâm người ta
Không giữ gìn vợ mình,
Bị ma quỷ sai khiến
Từ Tha Hóa thiên đến.

Vâng theo thờ cha mẹ
Luôn luôn pháp là nghĩa,
Chẳng phải đạo cầu đạo
Tâm không hề tiếc rẻ
Không vui với tại gia
Từ cõi Phạm thiên đến.
Ý nguyện và tính chất
Luôn luôn ham ngủ nghỉ,
Cũng không hiểu phép tắc
Từ Vô Tưởng thiên đến.
Chúng sanh trong sáu đường
Tất cả không căn bản,
Tánh hạnh không giống nhau
Tiết tháo cũng sai khác".

Tụng rằng:

Thiện ác trái ngược nhau
Phàm Thánh cùng một đạo,
Năm ấm tuy giống nhau
Mà sáu đường khác pháp,
xem tướng quán sát kỹ
Đều biết nghiệp đời trước,
Bỏ ác mà tu thiện
Mới có thể ngăn được.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra sáu chuyện: 1.Hoàng Đầu Lang thời Hán; 2. Chu Á Phu thời Hán; 3. Lưu Linh thời Tống; 4. Sa môn Thích Diễm thời Lương; 5. Sa môn Thích Trí Tạng thời Lương; 6.Cư sĩ Trương Nguyên thời Chu.

1. Hán Văn Đế mộng sắp lên cõi Trời mà không lên được, có một người đầu màu vàng đẩy mà tiến lên, quay đầu lại nhìn mà thấy áo quần người đó xuyên thủng phía sau. Tỉnh giấc đang ở trên đài cao, thấy người đầu mùa vàng là Đặng Thông áo quần xuyên thủng phía sau, chính là người đã thấy trong mộng. Liền có ý ban thưởng sủng ái, cho phép được làm tể tướng. Đang lúc ấy nghèo đói hết mức, bèn ban thưởng núi đồng ở nước Thục Khiến cho tự đúc tiền để cung cấp giúp đỡ, tài sản bằng nửa chốn kinh sư. Văn Đế mắc bệnh ung nhọt, Đặng Thông luôn luôn bị họ. Văn Đế nói: Ai yêu quý Ta nhất? Đặng Thông

trả lời rằng: Yêu quý không ai bằng Thái tử. Khiến Thái tử ho mà sắc mặt khó chịu, vì vậy ôm lòng oán hận. Sau đó Văn Đế băng hà, Cảnh Đế lên ngôi, tra cứu bản án Đặng Thông tự ý đúc tiền, tịch thu tất cả nhà cửa tài sản, cuối cùng mà chết đói.

2. Thời nhà Hán có Chu Á Phu, là con trai thứ của Giáng Hầu Bột. Ban đầu Hứa Phụ xem tướng nói rằng: Ông trong ba năm đến tước Hầu, năm năm mà làm tướng, đại vị cao ấy không gì hơn, nhưng cuối cùng bị chết đói. Á Phu nói: Ồi, tôi vì sao như vậy, nếu đã là địa vị cao quý, lại vì sao mà chết đói? Hứa Phụ nói: Không phải như vậy, thuận theo lý nhập khẩu là pháp luật bỏ đói mà chết. Sau ba năm Giáng Hầu Thế Tử có tội bị cách chứ, mà Á Phu tiếp tục duy trì tước Hầu, đến khi phá tan Ngô Sở có công lớn trở thành Thừa tướng. Vì trung thành cương trực nhiều lần phạm đến ý của Cảnh Đế, cho nên bị giam vào ngục cuối cùng mà chết đói.

Hai chuyện trên đây trích từ Hán Thư.

3. Thời nhà Tống có Lưu Linh, không biết người nơi nào, sống ở thôn trong phạm vi thành đầu đường Đông vùng Tấn Lăng, rất tôn kính giáo pháp, ở trong nhà lập ra một gian tinh xá, thường thiết trai tụ tập đông đủ. Ngày 27 tháng ba năm thứ chín thời Tống Nguyên Gia, cha mắc bệnh đột ngột qua đời, các thầy mo cầu nguyện đều nói rằng: Nhà sẽ tiếp tục có ba người chết. Cạnh nhà có Đạo sĩ thờ ngoại đạo, họ Ngụy tên Phả, thường làm phù ấn giả dối cảm hóa mọi người trong thôn xóm, nói với Lưu Linh rằng: Nhà anh suy sụp tai họa không ngừng, bởi vì tôn thờ thần linh người Hồ đấy, nếu thờ Đại đạo thì chắc chắn được nhờ phước lành che chở, không đổi ý thì tương lai gia đình diệt vong. Lưu Linh liền gấp rút mời Đạo sĩ bỏ không tôn thờ giáo pháp. Ngụy Phả nói: Nên đốt bỏ kinh tượng, thì tai họa mới được trừ diệt mà thôi. Lập tức đóng cửa tinh xá châm lửa đốt sạch, lửa cháy rừng rực suốt ngày mà vật bị cháy thì chỉ có ngôi nhà mà thôi, Kinh tượng cờ phướn vẫn y hệt như cũ, phi tượng ở trong đêm tối lại phát ra ánh sáng chói lòa. Lúc ấy các Đạo sĩ có trên hai mươi người, cũng có vẻ sợ hãi điều linh nghiệm mà tìm cách rời xa. Thầy trò Ngụy Phả hãy còn ý muốn hăng say không dừng lại, xỏa tóc bước đi một mình cầm theo dao và dây thừng, nói rằng đuổi Phật trở về nước Hồ, không được ở lại Trung Hạ làm hại dân chúng. Lưu Linh ngay trong đêm ấy giống như có người đang đánh đập mình, bỗng nhiên ngã nhào xuống đất, mọi người đỡ dậy thấy còn lại hơi thở, liền ủ rủ co quắp không thể nào cử động được. Đạo sĩ Ngụy Phả, lúc ấy trong thân thể phát ung nhọt mỗi ngày chảy ra hai thăng,

không quá một tháng nhận chịu đau khổ mà chết. Đồng bạn từ bên ngoài đều mắc phải bệnh hủi. Người hàng xóm ấy là Thủy Khâu Hòa – Thái thú vùng Đông An, truyền đến Đông Dương không nghi ngờ gì, lúc ấy cũng có nhiều người trông thấy.

Chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký.

4. Thời nhà Lương có Sa môn tên Diễm ở chùa Chiêu Đề, tuổi nhỏ đã xuất gia. Lúc mới làm Sa di, có một người xem tướng, giỏi về tài năng xem bói qua tướng, nói với thầy Diễm rằng:

Đệ tử thấy thầy tuy rất thông minh trí tuệ sắc sảo, nhưng mà mạng ngắn ngủi sống không qua một tuần nữa đâu. Thầy Diễm đã nghe lời này, liền mời các Đại đức cùng nhau bình luận, làm phước gì tốt đẹp để được kéo dài mạng sống. Các Đại đức trả lời rằng: Dựa theo Thánh giáo của Đức Phật thì thọ trì kinh Kim Cang Bát nhã, công đức lớn nhất, nếu có thể cố gắng thọ trì thì chắc chắn được tăng thêm tuổi thọ. Thầy Diễm vâng mạng vào núi lập chí tu dưỡng thân tâm thọ trì kinh Bát Nhã. Hơn năm năm đã thấy là kéo dài tuổi thọ. Sau đó nhân dịp rời núi lại gặp người xem tướng, người xem tướng ngạc nhiên cảm thấy lạ lùng, liền nói với thầy Diễm rằng: Gần đây tu công đức gì mà được tăng thêm thọ mạng như vậy? Thầy Diễm kể lại đầy đủ ý trước đây, cho nên được như vậy. Người xem tướng ca ngợi vui mừng mãi không thôi. Về sau thầy Diễm học hỏi càng tốt đẹp thêm, cố gắng hoằng dương kinh luận nghiên cứu sâu trong Phật pháp, làm vị Đại đức trú trì, tuổi quá chín mươi, mạng chung ở tại chùa này.

5. Thời nhà Lương có Sa môn Trí Tạng ở chùa Khai Thiện - Chung Sơn, người họ Cố Thị ở quận Ngô - nước Ngô. Có bà cụ già giỏi về xem tướng cho người để biết lành dữ, trăm người không sai một người, nói với Trí Tạng rằng: Pháp sư thông minh biện luận sắc sảo hơn người danh tiếng lưu trong khắp thiên hạ, chỉ tiếc là mạng sống không dài, có thể đến ba mươi mốt thôi. Lúc ấy tuổi đã hai mươi chín, nghe nói cho biết thời hạn ngắn ngủi này, thế là lập tức dừng giảng giải dốc lòng tu đạo, phát thệ nguyện to lớn là không ra khỏi cổng chùa. Liền tìm tòi trong kinh tạng gặp được kinh Kim Cang Bát Nhã, thọ trì đọc tụng tôn kính suốt đời. Đến tuổi cuối đời gặp tai ách như đã báo trước, dùng hương thơm trải qua tắm rửa, vào trong phòng vắng lặng tụng kinh để chờ cái chết đến. Chốc lát nghe giữa hư không có tiếng nói rằng: Này người thiện nam, ông trước kia là thọ ba mươi mốt tuổi, thì báo mạng hết kỳ hạn, nhờ uy lực của kinh Bát Nhã mà được thọ mạng gấp bội rồi. Sau đó Trí Tạng ra khỏi núi thử đi qua chỗ người xem tướng trước kia.

Người ấy mới vô cùng kinh ngạc đứng dậy nói: Vì sao hãy còn ở thế gian vậy, trước đây thấy tướng thọ ngắn ngủi, năm nay hoàn toàn không có việc gì, Sa môn quả thật không thể nào xem tướng rồi. Trí Tạng hỏi: Năm nay được đến bao nhiêu? Đáp rằng: Sắc tướng cao quý của Pháp sư hơn sáu mươi tuổi. Trí Tạng nói: Năm mươi làm mạng đã là không chết non, huống hồ vượt qua vậy. Thế là đem nguyên do nói cho người xem tướng biết, người ấy vui mừng kính phục vô cùng, sau đó ghi nhớ đến lúc tận số. Ngay sau đó đạo tục vùng Giang Tả thi nhau tụng trì kinh này, quả thật là có dấu hiệu tốt lành, nhờ vào Trí Tạng mà tất cả đều cảm nhận vậy. Vào ngày mười lăm tháng chín năm thứ ba thời Lương Phổ Thông, tạ thế tại chùa này, hưởng thọ sáu mươi lăm tuổi.

Hai chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện.

6. Vào thời Hậu Chu có Trương Nguyên tự là Hiếu Thỉ, người vùng vạn Thành – Hà Bắc, tuổi vừa mười sáu, ông của Trương Nguyên bị mù mắt, suốt ba năm Trương Nguyên luôn luôn ưu sầu khóc lóc, ngày đêm kinh hành để cầu phước lành gia hộ, lại đọc kinh Dược Sư nói: "Người mà được nhìn thấy". Liền thỉnh bảy vị Tăng thắp bảy ngọn đèn, bảy ngày bảy đêm lần lượt đọc tụng kinh Dược Sư, mỗi ngày hành đạo đều chịu đựng gian khổ cầu nguyện rằng: Trương nguyên là cháu bất hiếu, khiến cho ông bị mù mắt, nay dùng ánh đèn cúng dường khắp nơi pháp giới, mắt ông được sáng lại, trương Nguyên cầu được tối thay ông. Tha thiết cầu nguyện trải qua bảy ngày như vậy, đêm ấy mộng thấy có một ông lão, lấy một chiếc lược bí bằng vàng chữa bệnh mắt cho ông mình, nói với Trương Nguyên rằng: Chớ lo buồn đau thương gì cả, ba ngày về sau mắt của ông con chắc chắn chữa khỏi. Trương Nguyên ở trong mộng vui mừng nhảy nhót không sao nói được. Tức thì lúc ấy giật mình tỉnh giấc, bèn kể lại đầu đuôi giấc mộng cho mọi người trong nhà biết. Quả nhiên sau ba ngày mắt của ông được khỏi bệnh.

Chuyện trên đây trích từ Chu Sử.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 63

Thiên thứ 71: KỲ VŨ

Thiên này có 4 phần: Thuật ý, Kỳ tế, Giáng vũ, Hà hải.

Phần thứ nhất: THUẬT Ý

Thánh đạo rỗng lặng cho nên có năng lực cảm ứng trọn vẹn không ranh giới. Bởi vì cảm ứng không ranh giới cho nên sự cảm ứng không có gì không thích hợp. Ví như bởi âm dương không điều hòa mà xảy ra hạn lớn kéo dài lâu ngày, lễ lạy bày tỏ lâu dài ở bờ đê phía Bắc, rưới mưa không hề thích hợp ở phạm vi phía Tây, Thánh thượng ưu sầu báo trước nhiều người sẽ mất việc làm, sợ rằng việc đồng áng không được như mong muốn, quên ăn bỏ ngủ giảm bớt hình phạt, thức khuya dậy sớm trăn trở âu lo, chân thành suy nghĩ từ trên xuống dưới, non sông gấm vóc ngọc ngà tơ lụa, nước linh thiêng không tưới thấm, mây hy vọng ít tích tụ; ngẩng lên chỉ mong đuốc tuệ bí mật chiếu sáng, không tối tăm nào không soi tỏ, thần thông không thể suy lường, có cảm ứng chắc chắn thông suốt. Vì lẽ đó ngước lên nương nhờ Tam bảo, phô diễn giáo pháp Nhất thừa, đọc tụng kinh chú vi diệu, dựng nên phước thiện to lớn, nguyện cầu giáo pháp bắt đầu mở ra, mây lành tỏa khắp gần xa, lời sâu xa cùng nói rõ, ân huệ tràn đầy hồ xa, lúa tốt nối liền đẹp tươi đồng ruộng, quả ngon khắp nơi sum sê cây rừng, áo quần chỉ mặc toàn tơ lụa, cơm ăn ắt cung cấp đầy đủ, thế giới tươi đẹp như cõi Chúng Hương, muôn loài giống như ở miền An Dưỡng, không thỉnh cầu nào không hài hòa, có hy vọng gì ắt cảm ứng, cùng tắm gội trong dòng nước an định này, kế tục cội nguồn của Thánh trí, loại trừ mạng lưới giăng ái nhiễm kia, vượt lên cảnh giới của có-không. Mong sao được như vậy mới thỏa lòng mong mỏi.

Phần thứ hai: KỲ TẾ (cúng bái cầu khấn).

Như không Đại Vân Luân Thỉnh Vũ nói: "Đức Phật dạy: Như

pháp cầu xin mưa lớn và ngừng mưa, nay ông lắng nghe kỹ càng! Người đứng ra cầu xin tuôn mưa, đối với tất cả chúng sanh khởi tâm Từ bi, thọ tám trai giới, ở nơi trống trải sạch sẽ, nên giăng màn xanh treo mười lá phan màu xanh, dọn dẹp sạch sẽ chỗ ấy dùng phân trâu xoa trên mặt đất nơi ấy, thỉnh Sư tụng chú ngồi tên tòa màu xanh. Nếu người tại gia thọ tám trai giới, hoặc là Tỳ kheo thì cần phải giữ gìn cấm giới, đều mặc áo quần sạch sẽ, đốt các loại hương quý giá, lại dùng hương bột rải trên chỗ ngồi của Pháp sư, nên ăn ba loại, thức ăn thanh tịnh, đó là sữa trâu - bơ và gạo tấm. Lúc tụng phẩm Đại Vân Luân này, ngồi xoay mặt hướng về phía Đông, ngày đêm chí tâm khiến cho tiếng đọc tụng không gián đoạn, cúng dường hết thảy chư Phật, lại dùng nước trong chứa trong bình mới đặt vào bốn góc, tùy theo khả năng tiền bạc của mình mua sắm các loại thức ăn để cúng dường các rồng. Lại dùng hương hoa rải trong đạo tràng, và bốn phía xung quanh. Bốn phía pháp tòa, đều dùng nước phân trâu hoàn toàn mới và sạch, vẽ làm hình rồng (Da Xá Pháp sư Truyện nói: Phong tục địa phương ở Tây Quốc, bởi vì trâu có năng lực cày ruộng sản sinh ra mọi vật, cho nên lấy phân trâu làm sạch. Phạm Thiên – Đế Thích và trâu đều lập miếu thần để thờ cúng. Phật thuận theo tình cảm thế tục cho nên cùng lấy làm sạch vậy). Phía Đông cách pháp tòa ba khuỷa tay họa thành hình rồng, một thân có ba đầu cùng với quyến thuộc của rồng. Phía Nam cách pháp tòa năm khuỷa tay họa thành hình rồng, một thân có năm đầu cùng với các rồng quyến thuộc. Phía Tây pháp tòa bảy khuỷa tay họa thành hình rồng, một thân có bảy đầu cùng với các loài rồng quyến thuộc. Phía Bắc cách pháp tòa chín khuỷa tay họa thành hình rồng, một thân có chín đầu cùng với các rồng quyến thuộc. Pháp sư tụng chú ấy nên tự bảo vệ chính mình, hoặc chú vào nước trong, hoặc chú vào tro trắng, tự tâm nghĩ nhớ mà kết thành giới hạn đàn tràng; hoặc phân định phạm vi một bước cho đến nhiều bước, hoặc là nước hoặc là tro dùng làm ranh giới rõ ràng; hoặc chú vào sợi dây đeo cổ, hoặc la đeo tay hay đeo chân; chú vào nước hay tro thì vấy hoặc rải trên đỉnh đầu, hoặc ở trước trán, nên dấy lên nghĩ rằng: Người có ác tâm không được đi vào ranh giới đàn tràng này; người tụng chú ấy, khởi tâm Từ bi đối với tất cả chúng sanh, khuyến thỉnh hết thảy chư Phật - Bồ-tát xót thương gia hộ, hồi hướng công đức này phân chia giúp cho các rồng. Nếu lúc không có mưa, thì đọc tụng kinh này, một ngày - hai ngày cho đến bảy ngày, âm thanh không gián đoạn cũng như phương pháp trên, chắc chắn có mưa rơi. Nước triều dâng cao ở biển lớn, có thể giữ lại vượt qua giới hạn. Nếu có

thể đầy đủ dựa vào pháp này tu hành mà không tuôn mưa, thì điều này là vô lý, chỉ trừ người không tin tưởng và không chí tâm".

Lại trong kinh Đại Vân Luân Thỉnh Vũ (một quyển) tóm tắt nội dung rằng: "Đức Phật bảo với các Đại Long Vương: Nay Ta sẽ nói về Đà-la-ni đã nghe từ Đại bi Vân Sanh Như lai xưa kia thuyết ra, chư Phật quá khứ đã thuyết ra uy thần, nay Ta cũng sẽ tùy thuận mà tuyên thuyết, vì lợi ích cho tất cả chúng sanh, thương xót ban cho niềm vui. Ở đời vị lại, nếu lúc khô hạn thì có năng lực làm cho tuôn mưa, nếu lúc nước đầy ngập cũng làm cho dừng lại, dịch bệnh chết chóc hiểm nguy hoạn nạn đều được diệt trừ, có năng lực tập hợp các rồng, có năng lực làm cho chư Thiên hoan hỷ phấn chấn, có năng lực phá hủy tất cả cảnh giới của các ma, có năng lực làm cho chúng sanh đầy đủ an lạc. Liền thuyết chú rằng:

Đát điệt tha Ma-ha nhã na bà bà tát ni, thất lê đế thù la khi di, địa lũ đồ tỳ ca la ma bát da la tăng ha đát nhĩ, ba la ma tị la xà, ni ma la cầu na kê đấu tô lật da ba la tỳ, tỳ ma lam già da sư trí, bà ha la bà ha la.

Nam mô nhã na, Sa-già-la tỳ lô giá na da, đa tha kiệt đa da, nam mô tát bà phật đà, bồ đề tát để tỳ ha.

Lại thuyết chú rằng:

Đát tra đát tra, đế trí đế trí, đấu trú đấu trú, Ma-ha ma ni, ma câu tra, mao lâm đạt la ni tỉ sa, vu lưu tất na, tam ma la tha, đế lợi hạt la đát na địa sư tra nam, bạt chiết la đà la tát để na, bạt lợi sa tha y ha Diêm-phù-đề địa tất sa ha.

Lại thuyết chú rằng:

A bà hà dạ mị, tát bà na kiềm, mê đế la chất để na, bồ đề chất đa phât bà kiềm mị na, na la na la, nhĩ lê nhĩ lê, nô lô nô lô, sa ha.

Lại thuyết chú rằng:

Thích ca la tát để na, bát la bà la sa địa, Ma-ha na già, y ha Diêm-phù-đề ti sa ha.

Lại thuyết chú rằng:

A sư tra ma ca, tát để na, bát la bà lợi sa tha, Ma-ha na già, y ha Diêm-phù-đề ti sa ha".

Còn trong kinh Đại Phương Đẳng Đại Vân nói: "Đức Phật dạy: Nếu có quốc độ nào muốn cầu khấn Trời mưa, thì trong sáu ngày trai, nhà vua cần phải thanh tịnh tự mình tắm gội - cúng dường Tam bảo, tôn trọng ngợi ca xưng tên gọi Long Vương. Này người thiện nam! Tánh của bốn đại chủng có thể làm cho thay đổi, tụng trì thần chú này mà Trời không tuôn mưa, điều này thật sự vô lý. Bởi vì trong kinh điển này

có thần chú, vì chúng sanh cho nên chư Phật ba đời đều cùng nhau tuyên thuyết:

Uất cứu lệ, mâu cứu lệ, đầu để, tỉ đầu để, đà ni kiệt để, đà na lại để, đà na tăng, tháp hề”.

Phần thứ ba: GIÁNG VŨ

Như luận Phân Biệt Công Đức nói: “ Trời và rồng đều có năng lực làm cho mưa rơi, lấy gì để phân biệt? Trời làm mưa chính là sương mù nhỏ bé buông xuống, rồng làm mưa thì ào ào trút xuống vậy. Lại vào lúc A-tu-la đánh nhau với Trời, cũng có thể làm cho tuôn mưa, mưa có hai loại, có mưa hoan hỷ, có mưa sân hận. Nếu mưa điều hòa thì đó là làn mưa hoan hỷ. Nếu như chớp giật sáng lòa sấm sét rung chuyển, thì đó là cơn mưa sân hận (Tự tách ra các loại mây mưa sấm chớp, còn lại đều như thiên Nhật nguyệt trước đây đã nói).

Còn trong kinh Tăng Nhất A-hàm nói: “Đức Phật dạy: Thế gian như vậy không thể nghĩ bàn, cảnh giới loài rồng như vậy không thể nghĩ bàn. Sao nói mưa này là từ miệng rồng tuôn ra vậy? Đáp rằng không phải từ miệng rồng. Hay là từ mắt tai mũi thân của rồng phát ra chăng? Cũng không phải từ những nơi này phát ra mà chỉ là ý của rồng đã nghĩ đến. Nếu nghĩ đến ác cũng mưa, hoặc nghĩ đến thiện cũng mưa, cũng do căn bản mà làm ra mưa này. Như núi Tu di, phần bụng có vị Trời tên gọi Đại Lực, biết ý niệm trong tâm của chúng sanh, cũng có thể làm cho tuôn mưa, nhưng mưa không phải là từ miệng mắt tai mũi của vị Trời ấy tuôn ra, mà đều do vị Trời ấy có thần lực cho nên tạo ra mưa này:.

Lại trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Này Phật tử! Ví như rồng lớn tùy tâm làm cho mưa tuôn, mưa không từ bên trong, cũng không từ bên ngoài. Cảnh giới của Như lai cũng lại như vậy, tùy tâm đã nghĩ đến, ở trong từng ý niệm phát sinh ra vô lượng trí không thể nghĩ bàn được, các trí tuệ ấy đều không có nơi đến. Lại nói: Này Phật tử! Tất cả nước trong biển lớn đều dấy lên từ tâm nguyện của Long Vương, trí tuệ của Như lai cũng lại như vậy, đều phát khởi từ Đại nguyện lực. Này Phật tử! Biển trí của Như lai vô lượng vô biên, không thể nói năng giải thích được, không thể nghĩ bàn được.Ta nói một vài ví dụ, nay ông lắng nghe kỹ càng, này Phật tử! Trong cõi Diêm-phù-đề này chảy ra hai ngàn năm trăm dòng sông, đều hòa vào biển lớn. Trong cõi Câu-da-ni chảy ra năm ngàn dòng sông, đều hòa vào biển lớn. Trong cõi Phất bà đề chảy ra tám ngàn bốn trăm dòng sông, đều hòa vào biển lớn. Trong cõi Uất đan việt chảy ra một vạn dòng sông, đều hòa vào biển lớn. Này Phật tử!

Trong bốn cõi này có hai vạn năm ngàn chín trăm dòng sông như vậy, đều hòa vào biển lớn. Này Phật tử! Ý ông nghĩ thế nào, số lượng nước này nhiều hay ít? Đáp rằng: Rất nhiều.

Này Phật tử! Lại có mười Long Vương ánh sáng, tuôn mưa trong biển lớn, đều vượt quá lượng nước trước đây; một trăm Long Vương ánh sáng tuôn mưa trong biển lớn, lại đều vượt quá trước đây. Như vậy cho đến tám mươi ức Long Vương, tất cả đều tuôn mưa trong biển lớn, lần lượt chuyển đổi vượt quá trước đây; Thái tử Long Vương Sa-già-la, tên gọi là Phật Sanh, tuôn mưa trong biển lớn lại đều vượt quá trước đây.

Này Phật tử! mười Long Vương ánh sáng kia đều ở trong hồ sâu, chảy vào biển lớn, lại đều hơn trước; một trăm Long Vương ánh sáng vốn ở trong hồ sâu, chảy vào biển lớn, lại đều hơn trước. Như vậy cùng nói rộng ra cho đến Thái tử Long Vương Sa-già-la vốn ở trong hồ sâu, chảy vào biển lớn, lại đều hơn trước.

Nay Phật tử! Như tám mươi ức Long Vương kia cho đến Thái tử Long Vương Sa-già-la, tuôn mưa trong biển lớn, và ở trong hồ sâu, tất cả đều không bằng Long Vương Sa-già-la đã tuôn mưa trong biển lớn; Long Vương Sa-già-la vốn ở trong hồ sâu, tuôn chảy ra hòa vào biển lớn, lại gấp bội hơn trước. Dòng nước tuôn ra kia có sắc màu lưu ly xanh, tràn đầy biển lớn, tuôn ra có lúc vì vậy thủy triều ở biển luôn luôn không sai thời gian.

Này Phật tử! Biển lớn như vậy mà nước ấy vô lượng, trân bảo vô lượng, chúng sanh vô lượng, đại địa vô lượng. Này Phật tử! Ý ông nghĩ thế nào, nước trong biển lớn kia là vô lượng hay không? Đáp tằng: Thật sự như vậy, nước ấy sâu rộng không thể nào làm ví dụ. Này Phật tử! Nước biển sâu rộng vô lượng như vậy, đối với biển trí vô lượng của Như lai, trăm phần không bằng một phần, thậm chí không thể nào làm ví dụ, chỉ tùy theo sự ứng hóa để làm ví dụ mà thôi".

Phần thứ tư: Hà hải.

Như luận Tân Bà Sa nói: "Ở trong Thiệm bộ châu này có bốn dòng sông lớn, quyến thuộc mỗi dòng sông lớn đều có bốn dòng sông nhỏ, tùy theo phương hướng của nó chảy vào biển rộng. Nghĩa là ngay ở giữa Thiệm bộ châu này có một hồ lớn tên là Vô Nhiệt Não, bắt đầu từ hồ kia chảy ra bốn dòng sông lớn, một tên là Căng Già, hai tên là Tín Độ, ba tên là Phược Sô, bốn tên là Tư Đa. Thứ nhất là dông Căng Già từ miệng voi vàng ở phía Đông của hồ chảy ra, uốn quanh về bên phải hồ một vòng rồi chảy vào biển phía Đông. Tiếp đến là sông Tín Độ từ miệng trâu bạc ở phía Nam của hồ chảy ra, uốn quanh về bên phải hồ

một vòng rồi chảy vào biển phía Nam. Tiếp theo là sông Phược Sô từ miệng phệ lưu ly ở phía Tây của hồ chảy ra, uốn quanh về bên phải hồ một vòng rồi chảy vào biển phía Tây. Cuối cùng là sông Từ Đa từ miệng sư tử pha chi ca ở phía Bắc của hồ chảy ra, uốn quanh về bên phải hồ một vòng rồi chảy vào biển phía Bắc. Dòng sông lớn Căng Già có bốn dòng sông quyến thuộc, đó là: Một gọi là Diêm Mẫu Na, hai gọi là tát Lạc Du, ba gọi là A Thị La Phiệt Đế, bốn gọi là Mạc hê. Dòng sông lớn Tín Độ có bốn dòng sông quyến thuộc, đó là" Một gọi là Tỳ Phả Xa, hai gọi là Ái La Phiệt Để, ba gọi là Thiết Tữ Đồ Lô, bốn gọi là Tỳ Tữ Bà Đa. Dòng sông lớn Phược Sô có bốn dòng sông quyến thuộc, đó là: Một gọi là Phiệt Lạt nã, hai gọi là Phệ Tữ Lạt Ni, ba gọi là Phòng Xa, bốn gọi là Khuất Mẫn Bà. Dòng sông lớn Tư Đa có bốn dòng sông quyến thuộc, đó là: Một gọi là Tát Lê, hai gọi là Tị Ma, ba gọi là Nại Địa, bốn gọi là Điện Quang. Như vậy tạm thời nói về những dòng sông có tiếng tăm, nhưng mà dòng sông lớn thì mỗi một dòng đều có năm trăm dòng sông quyến thuộc, cùng nguồn gốc tất cả có hai ngàn lẻ bốn dòng sông, tùy theo phương hướng của mỗi dòng sông mà chảy vào biển rộng. Như vậy đã nói về hai ngàn lẻ bốn dòng sông, trước khi chưa hòa vào biển rộng, có thể có năng lực nào làm cho không thể hòa vào biển rộng hay không? Không hề có chuyện như vậy, giả sử có người, hoặc dùng thần lực, hoặc dùng chú thuật, nói rộng ra thậm chí khiến cho không được đi vào Thánh đế hiện quán, thì điều này thật sự vô lý".

Lại trong kinh Niết-bàn nói: "Ví như biển rộng có tám điều không thể nghĩ bàn được. Những gì là tám điều? Đó là" 1/ Dần dần trở thành sâu hơn; 2/ Sâu khó biết được tận đáy; 3/ Cùng chung một vị mặn; 4/ Triều dâng không vượt quá giới hạn; 5/ Có các loại vật báu tàng trữ; 6/ Chúng sanh thân lớn cư trú ở trong đó; 7/ Không dung chứa xác chết; 8/ Tất cả mọi dòng chảy cùng mưa lớn đổ vào mà không tăng không giảm".

Lại trong kinh Kim Cang Tam Muội Bất Hoại Bất Diệt nói: "Đức Phật dạy: Này Di-lặc nên biết, hồ lớn A Nậu phát sinh bốn dòng sông lớn, bốn dòng sông lớn này phân ra thành tám dòng sông phụ thuộc, và tất cả các dòng chảy trong cõi Diêm-phù-đề quy về biển rộng, dùng để tưới núi cháy khô mà biển rộng không tăng, bởi vì Kim Cang luân cho nên biển rộng không giảm, Kim Cang luân này thường xuyên xoay chuyển, vì thế làm cho nước trong biển rộng cùng chung một vị mặn".

Lại trong kinh Niết-bàn nói: "Này thiện nam! Như trong sông Căng Già có bảy loại chúng sanh: 1/ Thường ẩn; 2/ Tạm thời hiện rồi

lại ẩn; 3/ Hiện rồi thì an trú; 4/ Hiện rồi thì quan sát khắp bốn phương; 5/ Quan sát khắp rồi thì đi; 6/ Đi rồi lại an trú; 7/ Dưới nước trên đất liền cùng đi. Nói thường ẩn, đó gọi là cá lớn, nhận chịu nhiều ác nghiệp, thân nặng ở chỗ sâu, vì vậy cho nên thường ẩn. Loài tạm thời hiện rồi lại ẩn, giống như cá lớn này nhận chịu ác nghiệp, thân nặng ở chỗ cạn, tạm thời trông thấy ánh sáng, nhờ ánh sáng cho nên xuất hiện, nặng nề do đó lại ẩn đi. Loài hiện rồi thì an trú, đó là loài cá Để di, thân ở chỗ nước cạn thích thấy ánh sáng, cho nên xuất hiện rồi thì an trú. Loài quan sát khắp bốn phương, đó gọi là loài cá Thác, vì kiếm ăn cho nên quan sát khắp bốn phương, vì vậy mà quan sát phương hướng. Quan sát khắp rồi thì đi, đó là loài cá Thác từ xa trông thấy vật khác, nói đều là có thể ăn, thì nhanh chóng đi đến chỗ ấy, vì vậy quan sát khắp rồi liền đi. Đi rồi lại an trú, loài cá này đi đến rồi đã có được cái có thể ăn, thì liền dừng lại, vì thế đi rồi lại an trú. Loài dưới nước trên đất liền cùng đi lại, tức là loài rùa".

(Dụ về bảy loại chúng sanh thì như văn không phiền thuật lại ở đây).

Tụng rằng:

Lời sâu xa bắt đầu nói rõ,
Mây mù cuộn lên trên Trời cao,
Mờ mịt buông xuống tỏa khắp nơi,
Mưa tuôn tưới thấm khắp núi đồi,
Cỏ cây cùng đâm chồi nẩy lộc,
Thóc lúa đều chín vàng ruộng đồng,
Tự nhiên không phải lực phước từ,
Há cảm niềm vui năm được mùa?

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra 22 chuyện: 1. Thời Tần ở huyện Trung Túc có quán đình thờ Thủy thần; 2. Thời Tần ở huyện Đan Dương có miếu thần Mai Cô bên hồ nước; 3. Thời Hán ở đền thờ Trúc Vương độn thủy nước Dạ Lang có thần Trúc Tiết; 4. Thời Hán Trung Bình trong vùng Giang Thủy có quỷ quái ngậm cát phun người; 5. Thời Hán ở huyện Bất Vi quận Vĩnh xương có nước cấm dùng vì khí độc; 6. Phía Đông của Thái Sơn có Phong Tuyền uống vào sử dụng như thần linh; 7. Núi Nhị Hoa đầu nguồn Hoàng Hà có thần sắp xếp phân dòng chảy; 8. Thời Hoàng Đế có Xích Tương Tử Dư có năng lực thuận theo gió mưa trên dưới; 9. Thời Thần Nông có Xích Tùng Tử là thầy cầu mưa có thể uống nước đi

vào lửa; 10. Thời Hán có Sa môn Thiên Cát có tài cầu mưa bị Tôn Sách ghen ghét làm hại chê trách; 11. Thời Hán có Sa môn Trúc Đàm Cái cầu mưa có linh ứng; 12. Thời Tấn có Sa môn Tăng Quần ở ẩn trong núi cảm thần uống nước mà không đói; 13. Thời Tấn ở Lư Sơn có Thích Tuệ Viễn dùng gậy đào đất cảm ứng dòng suối tuôn trào ra; 14. Thời Tấn có Sa môn Vu Pháp Lan cảm ứng khe núi khô cạn tuôn chảy nước trong; 15. Thời Tấn có Sa môn Thiệp Công có thể chú nguyện rồng vào trong bát; 16. Thời Tấn có Sa môn Phật Đồ Trừng có thể cầu mưa mà rồng trắng hai đầu xuất hiện; 17. Thời Tấn có Sa môn trúc Đàm Ma La Sát có thể chú nguyện vào nước khô cạn mà lại chảy; 18. Thời Tống có Sa môn Cầu Na bạt Đà La có thể cầu mưa kịp thời mà tuôn xuống; 19. Thời Tề có Sa môn Đàm Siêu có thần cầu thỉnh Đàm Siêu cầu mưa có linh ứng; 20. Thời Lương ở nhà An Quốc có pho tượng tốt lành ở nơi phát ra ánh sáng có dòng suối hiện ra; 21. Thời Đường có Sa môn Không Tạng có thể cầu mưa rất có linh ứng; 22. Thời Đường có Sa môn Tuệ Tuyền ở ẩn trong núi không có nước cảm thần thỉnh cầu nơi ở có được nước.

1.Thời nhà Tần có vùng Thiên lý thủy ở huyện Trung Túc, dựng quán đình có bệ thờ Giang thần, ai đi qua nơi ấy có điều gì không cẩn thận và cung kính, ắt phải điên cuồng chạy vào núi mà biến thành hổ. Dân huyện Trung Triêu đến Lạc Dương trở về, giữa đường gặp một khách đường xa, gởi nhờ hòm sách vở của mình mà nói rằng: Nhà tôi ở quán đình trước miếu thờ, tức là nơi cây mây treo giữa tảng đá, chỉ đụng vào cây mây tự nhiên có người trả lời. Thế là mang hòm sách về. Như lời nói quả nhiên có hai người, từ trong nước đi ra lấy hòm sách mà ẩn vào nước. Lát sau trở lại nói rằng: Giang Bá muốn gặp ông. Người này bất giác đi theo, thì trông thấy nhà cửa tráng lệ vô cùng, đồ ăn thức uống ngon lành thơm phức, chuyện trò tiếp đãi không khác gì thế gian.

2. Thời nhà Tần bên cạnh hồ nước ở huyện Đan Dương có miếu thờ Mai Cô. Cô lúc còn sống có đạo thuật, có thể mang giày đi trên mặt nước. Sau dựa vào đạo pháp, chồng phẫn nộ mà giết chết, ném xác vào trong nước, thế là dập dềnh trôi nổi theo dòng nước. Cho đến bây giờ ở nơi miếu có người rung chuông bói quẻ, thường khiến khâm liệm, không cần phải có mộ phần chôn cất. Lập tức có cỗ quan tài bằng cây sơn ở dưới đền thờ, ngày cuối tháng và ngày rằm, thì thấy giữa làn sương mù trên mặt nước lờ mờ như có hình dáng mang giày, hai bên miếu thờ không được săn bắn đánh bắt các loài thú vật, nếu ai vi phạm thì xảy ra tai họa làm cho lạc đường hoặc chìm xuống nước. Thầy mo nói: Cô đã chết thảm thương, vì vậy ghét thấy cảnh tàn sát vậy.

3. Thời nhà Hán có đền thờ Trúc Vương độn thủy ở nước Dạ Lang. Xưa có cô gái giặt áo quần ở bờ nước, có đoạn trúc lớn chảy vào giữa chân cô gái, đẩy ra không được, nghe có tiếng khóc của trẻ thơ, nên phá vỡ ống trúc thì thấy có một bé trai, nuôi dưỡng lớn lên có tài năng uy dũng, thế là trở thành anh hùng của các tộc người Di-Liêu, lấy trúc làm họ. Đoạn trúc phá vỡ, bỏ ở đồng hoang, liền mọc lên thành rừng. Trúc Vương đã từng dừng lại ở trên tàng đá làm món canh mà không có nước, liền dùng kiếm gõ vào đá, dòng suối lập tức tuôn chảy ra. Nay dùng nước Trúc Vương và rừng trúc phá đá đều còn. Hán triều sai Đường Mông dụ dỗ mà chém chết. Người Di-Liêu oán hận nói rằng: Trúc Vương không phải sinh ra từ tinh huyết, cầu xin lập đền thờ. Thái thú Ngô Bá dâng biểu phong cho ba người con làm Hầu. Nay hãy còn có miếu thờ Trúc Vương Tiết.

Ba chuyện trên đây trích từ Dị Uyển.

4. Thời nhà Hán trong niên hiệu Trung Bình có vật ở trong vùng Giang Thủy, tên gọi của nó là Vực, còn gọi là Đoản Hồ, thường ngậm cát phun vào người ta, người bị phun trúng thì thân thể rã rời đầu đau phát sốt, nặng thì dẫn đến tử vong. Người bên sông dùng chú thuật để áp chế, thì bị cát đá bay vào trong thức ăn. Thi ca đã nói rằng là loài quỷ quái, thì không thể làm gì được nó. Nay thông thường nói là Khê Độc. Tiên Nho cho rằng trai gái phương Nam tắm chung dòng sông, tinh khí gặp nhau mà sinh ra vậy.

5. Thời nhà Hán ở huyện Bất Vi quận Vĩnh Xương có nước cấm sử dụng, bởi vì nước có khí độc, chỉ có tháng mười một tháng mười hai thì có thể vượt qua, từ tháng Giêng đến tháng mười thì không thể vượt qua, vì sẽ mắc bệnh chết người. Trong khí độc ấy có vật ác hiểm, mà không thấy hình thể của nó. Vật ấy giống như có tiếng nói, nếu như có ai dùng vật gì ném vào trong đó, nước trúng cây thì cây gãy, trúng người thì người bị tổn hại. Phong tục địa phương gọi đó là Quỷ Đạn.

6. Phía Đông của Thái Sơn có Phong Tuyền, hình dạng như cái giếng, phần chính là một tảng đá. Người muốn lấy nước uống, đều phải tẩy rửa lòng dạ thành kính quỳ lạy, thì nước chảy ra như dòng suối, nhiều ít đủ để sử dụng. Nếu như có ngạo mạn thì dùng nước rút vào lại. Bởi vì nơi ấy có thần linh thường giám sát vậy.

7. Núi Nhị Hoa, nơi ấy vốn là một ngọn núi. Lúc ấy nước sông chảy qua mà dòng chảy uốn cong lại, có vị thần sắp xếp mà phân ra để dòng sông chảy thông suốt. Dấu tích tay chân của thần linh ngày nay hãy còn. Vì vậy Trương Hoàng làm bài phú về Tây Kinh, đã nói rằng

thần linh rất lớn cố lấy sức gánh vác, dấu tích bàn tay cao xa, khơi thông chỗ dòng sông uốn khúc.

8. Xích Tương Tử Du, là người thời Hoàng Đế. Không an ngũ cốc mà ăn hoa cỏ thay cơm. Đến thời vua Nghiêu làm thợ mộc, có năng lực thuận theo gió mưa trên dưới, luôn luôn ở trong cổng chợ bán dây buộc tên, cũng gọi là Chước Phụ.

Chu Lễ-Xuân Quan-Tông Bá-Nhật Lễ-Tư Mạng, là sao Phong Bá Vũ Sư, là sao Phong Sư Kinh, là sao Vũ Sư Tất. Huyền nói là Tư Trung – Tư Mạng – Văn Xương là sao thứ tư thứ năm vậy. Dựa theo Bao Phác Tử nói: "Hà Bá là người Hoa Âm, vào ngày Canh đầu tháng tám qua sông bị chết đuối, Thiên Đế bố trí làm hà Bá". Còn trong Ngũ Hành Thư nói: "Hà Bá chết vào ngày Canh Thìn, không thể lo liệu tàu thuyền đi xa, chìm đắm không trở về".

9. Xích Tùng Tử là người cầu mưa thời Thần Nông. Uống nước ngọc để dạy Thần Nông, có tài đi vào lửa tự đốt cháy, đến núi Côn Lôn thường vào trong hang đá Tây Vương Mẫu, thuận theo gió mưa trên dưới. Cô con gái của Viên Đế truy tìm cũng nhất định cùng đi, đến thời Cao tân lại làm người cầu mưa. Nguồn gốc của người cầu mưa ngày nay.

Bảy điều trên đây trích từ Sưu Thần Ký.

10. Thời nhà Hán có Tôn Sách, đã ổn định vùng Cối Kê, dẫn quân lính nghênh đón Hán Đế. Lúc ấy Đạo nhân Thiên Cát ở trong quân lính của Tôn Sách, gặp Trời làm hạn lớn nên thuyền đi không thông suốt, Tôn Sách đã từng tự mình đứng ra chỉ huy tất cả mọi người trong quân ngũ, cứ mỗi lần trông thấy tướng sĩ tập trung nhiều ở chỗ Thiên Cát, vì thế mà phẫn nộ nói rằng: Ta không bằng Thiên Cát ư? Bèn bắt Thiên Cát trói chặt đặt giữa Trời ban trưa, khiến phải cầu mưa tuôn xuống, nếu không cầu được thì sẽ chịu bị chém đầu. Trong chốc lát mây mưa tuôn xuống tràn đầy, chưa kịp di chuyển thì khe núi tuôn chảy tràn ra. Lúc ấy mọi người cùng đến chúc mừng, Thiên Cát tránh khỏi cái chết. Tôn Sách tức giận vô cùng, ý muốn khiến người giết hại. Vì vậy Tôn Sách rất đau khổ buồn phiền, cứ dường như thấy Thiên Cát. Sau đó ra ngoài săn bắn bọ thích khách làm cho tổn thương, điều trị sắp khỏi, lấy gương ra tự nhìn mình thì thấy Thiên Cát rõ ràng trong gương, quay lại nhìn thì không có gì. Nhiều lần như vậy, liền đập vỡ gương gọi lớn, vết thương bị nứt toác, chốc lát mà chết.

Chuyện này xem trong Oan Hồn Chí.

11. Thời nhà Hán có Sa môn Trúc Đàm Cái, là người quận Tần,

thật sự có khổ hạnh, ôm bình bát chống tích trượng đi mọi nơi giáo hóa mọi người, sống ở Tưởng Sơn thường hành Bát Châu, rất giỏi về thần chú, quả thật là có ứng nghiệm, Tư Mã Nguyên Hiển rất cung kính và tôn trọng. Vệ tướng quân Lưu Nghị, nghe sự tinh chuyên kiên trì ấy, mời đến chuyện trò qua lại thăm viếng rất thân tình. Năm thứ năm thời Nghĩa Hưng xảy ra hạn hán lớn, ao hồ khô cạn cây cối cháy khô, cúng tế cầu khấn núi sông nhiều tuần không ứng được gì, Lưu Nghị bèn thỉnh Tăng thiết trai, Đàm Cái cũng có mặt. Trai hội kết thúc tự mình chèo thuyền trôi nổi trên sông suối, văn võ quân binh dân chúng cả châu đều đi theo. Đàm Cái ở giữa dòng thắp hương mây liền cuộn lên. Tiếp tục đọc gần nửa quyển thì ao hồ khắp nơi tràn đầy. Đến khi vừa rời quyển kinh thì mây mù che kín mưa lớn trút xuống, ao hồ đều đầy nước. Năm ấy đi theo Lưu Bích, là chú của Lưu Nghị lúc ấy làm Quốc lang trung lệnh, tự mình đưa cho tập này, chính mắt đã nhìn thấy sự việc như vậy.

12. Thời nhà Tấn ở huyện Giang vùng An La có ngọn Hoắc Sơn, núi cao che lấp mặt Trời, trên đỉnh có chiếc chày đá, bề mặt trải dài mấy trượng, dòng nước giữa cái chày sâu năm, sáu thước, thường xuyên chảy tràn ra. Cổ xưa truyền rằng: Nơi các vị Tiên dạo chơi và thả câu vậy. Có Sa môn Thích Tăng Quần, ở ẩn tại núi ấy, thường uống nước này, liền cảm thấy không đói vì vậy mà không ăn gì nữa. Thái thú vùng Tấn An là Đào Ưu, nghe mà đến cầu xin. Tăng Quần lấy nước đưa cho Đào Ưu đi ra khỏi núi thì ngửi thấy hôi thối. Đào Ưu ngay sau đó vượt biển đến núi, lúc ấy cảnh Trời trong sáng, Đào Ưu đặt chân đến núi thì mưa tối mịt. Như vậy đến 3 lần, cuối cùng không đến được. Tăng Quần vốn ở một nơi cách dòng suối ấy một khe núi, sớm chiều qua lại, dùng một cây gỗ làm chiếc cầu. Sau đó vào sáng sớm đi qua lấy nước, thì thấy một con vịt gãy cánh, duỗi cánh đứng đầu cầu, đón để mổ Tăng Quần, cứ thế mãi không qua được, muốn đưa tích trượng gạt đi, nhưng sợ rằng sẽ rơi xuống mà chết. Từ ấy không có nước này, trong chốc lát mà đói lả chết đi. Lúc ấy truyện nói rằng: "Năm một trăm bốn mươi tuổi, Tăng Quần sắp chết, nói cho mọi người biết rằng: Lúc còn trẻ đã từng đánh gãy cánh một con vịt, có lẽ đây là nhân duyên báo ứng của con vịt này chăng?"

13. Thời nhà Tấn ở phía Tây vùng Lư Sơn – Tầm Dương có tinh xá Long Tuyền, chính là do Sa môn Tuệ Viễn đã sáng lập. Tuệ Viễn bắt đầu từ phương Nam đến, thích ý với vùng đất này muốn sáng lập chùa chiền, nhưng chưa biết chắc chắn nơi nào, bèn sai các đệ tử đi tìm hiểu núi rừng khe suối, mệt mỏi dừng lại chỗ này, chúng Tăng đều khát

nước, thẳng thắn cùng nhau lập thệ nguyện rằng: Nếu như nơi này thích hợp để xây tinh xá, thì nguyện xin thần lực lập tức phát ra dòng suối tốt lành. Thế là dùng gậy đào đất, dòng suối trong lành tuôn chảy, liền tích chứa thành hồ, nhờ đó xây dựng nhà cửa. Sau đó Trời xảy ra hạn lớn, Tuệ Viễn dẫn đầu chúng Tăng tụng kinh Hải Long Vương, cầu mưa cho dân chúng. Đọc tụng chưa xong, giựa dòng nước có vật hình dạng giống như con rắn lớn, vọt lên hư không mà đi. Chốc lát mưa lớn đổ xuống khắp nơi, cao thấp đều được tưới thấm, vì có rồng xuất hiện cho nên lấy làm tên gọi là Long Tuyền vậy.

14. Thời nhà Tần có Sa môn Vui Pháp Lan, là người vùng Cao Dương, xuất gia từ lúc mười lăm tuổi, tài năng kiến thức rất sâu sắc, sự nghiệp phẩm hạnh nghiêm túc trong sáng; chùa ở nơi núi sâu thường trong đêm ngồi thiền, hổ đi vào phòng mà ngồi xổm trước giường, Pháp Lan dưa tay xoa đầu hổ, hổ vẫy tai mà nằm xuống, mấy ngày mơi đi. Trúc Hộ là người vùng Đôn Hoàng, phong cách thần sắc khác người, cũng tiếp theo Pháp Lan. Lúc ấy kinh điển mới dịch từ tiếng Phạn ra là số nhiều, văn từ câu nghĩa rối rắm- chương kệ không chỉnh túc, mới tiếp thu ý nghĩa quan trọng của kinh sửa lại lời văn dài dòng ấy. Cũng nuôi dưỡng đồ chúng trong núi, núi có khe suối trong xanh múc lên mà cung cấp cho mọi sinh hoạt, có người hái củi, thường làm bẩn dòng nước ấy, dòng nước lập tức khô cạn, chốc lát tuyệt dòng chảy. Trúc Hộ đến khe suối bồi hồi than rằng: Nếu nước khô cạn thì tôi lấy gì sinh hoạt! Nói xong mà dòng nước trong xanh tràn đầy, chốc lát lại đầy khe suối. Ngay cả Vũ Huệ là người cùng thời, Chi Đạo Lâm làm bài ca ngợi hình tượng rằng: "Vu Pháp Lan tuyệt thế, hiểu tôn chỉ sâu xa, ẩn trong núi rừng sâu, nhân ái cảm hóa hổ. Trúc Hộ luôn trong lặng, đạo đức sâu tốt đẹp, khẽ ngâm dòng suối cạn, khe khô lại đầy nước".

Bốn chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký.

15. Thời nhà Tấn ở Trường An có Thiệp Công, là người Tây Vực, lặng yên hít thở không khí không ăn ngũ cốc, ngày có thể đi năm trăm dặm. Nói sự việc khi chưa xảy ra, nghiệm đúng như chỉ tay trong lòng bàn tay. Vào năm thứ mười một thời Kiến Nguyên – Phù Kiên, đến huyện Trường An, dùng chú bí mật chú nguyện vào thần rồng. Cứ mỗi khi khô hạn thì Phù Kiên thường thỉnh cầu để chú nguyện rồng đến, chốc lát rồng vào trong bát, Trời nhất định tuôn mưa lớn. Phù Kiên và quần thần đích thân đến bát nhìn xem, đều ca ngợi sự kỳ lạ ấy. Phù Kiên tôn thờ làm thần linh của đất nước, quân binh dân chúng đều tìm đến tự mình chạm vào chân, tất nhiên là không còn lo sợ khô hạn nữa.

Cuối cùng vào tháng mười hai năm thứ sáu, không có bệnh gì mà hóa thân, Phù Kiên khóc lóc rất đau thương. Cuối cùng sau bảy ngày Phù Kiên vì sự thần dị ấy, thứ mở quan tài nhìn xem, không thấy thi hài trong quan, chỉ có cái chăn tẩm liệm còn lại mà thôi. Đến năm thứ mười bảy từ tháng Giêng không mưa cho đến tháng 6, Phù Kiên bỏ ăn ngủ, để đón chờ thời tiết ôn hòa. Đến tháng bảy mưa tuôn xuống, Phù Kiên nói với Trung Thư Chu Dung rằng: Nếu Thiệp Công còn thì trẫm há mỏi mòn nóng ruột đối với mây mưa như vậy hay sao? Thiệp Công này là bậc Đại Thánh chăng? Chu Dung nói: Pháp thuật này sâu xa vi diệu, thật sự cũng là điều thiện hiếm thấy từ xưa đến nay.

16. Thời nhà Tấn có Phật Đồ Trừng, biết nhiều pháp thuật kỳ lạ xưa nay, đạo đức tài nghệ siêu quần. Niên hiệu Kiến Vũ nhà Tấn từ tháng Giêng đến tháng sáu Trời làm hạn hán lớn, Thạch Hổ sai Thái tử đến Cốc Khẩu phía Tây vùng Lâm Chương cầu mưa, lâu mà không tuôn mưa. Thạch Hổ lệnh cho Đồ Trừng tự cầu mưa, lập tức có con rồng trắng hai đầu hiện ra nơi miếu thờ, ngày ấy mưa lớn, xa đến mấy ngàn dặm, năm đó thu hoạch được nhiều. Các tộc người Nhung người Mạch trước đó không biết đến giáo pháp, nghe Đồ Trừng thần nghiệm đều từ xa hướng về lễ lạy, hoàn toàn không nói mà hóa độ được họ.

17. Thời nhà Tấn có Trúc Đàm Ma La Sát, Trung Hoa nói là Pháp Hộ Tổ tiên là người nước Nguyệt Thị, vốn có họ là Chi Thị, nhiều đời trú tại vùng Đôn Hoàng, bẩm tính thhuần khiết trong sáng – phẩm hạnh cần cù chịu khó, dốc chí học hỏi đi xa tìm thầy, ngày tụng vạn lời xem qua thì nghi nhớ rõ ràng, vì vậy đọc rộng 6 kinh tâm tư dạo qua bảy thư tịch, tuy việc đời luôn luôn có phỉ báng và ca ngợi, nhưng không hề phân biệt giữ lấy. Lúc ấy là thời Tấn Vũ Đế, chùa miếu tháp tượng tuy được xây dựng khắp nơi, mà kinh Phương Đẳng sâu xa còn ẩn kín ở ngoài thế cuộc, Pháp Hộ mới khẳng khái quyết tâm cố gắng dốc chí hoằng dương Đại đạo, liền tùy ý đi đến Tây Vực, mang nhiều kinh luận trở về vùng Trung Hạ. Dọc đường truyền bá phiên dịch viết thành văn từ của thời Tấn, đã được một trăm sáu mươi lăm bộ như Hiền Kiếp – Chánh Pháp – Hoa Quang Tán... Cần mẫn theo đuổi, chỉ lấy sự hoằng dương đạo pháp làm sự nghiệp, suốt đời biên dịch chịu đựng gian khổ không biết mệt mỏi. Sau ẩn cư trong núi sâu, núi có khe suối trong veo, thường lấy dùng cho mọi sinh hoạt. Sau có người hái củi, làm uế tạp bên dòng nước đó, trong chốc lát mà khô cạn. Pháp Hộ mới bồi hồi than rằng: Người không có đức lập tức làm cho dòng suối trong xanh ngừng chảy, nếu như nước mãi mãi khô cạn thì thật không thể nào tự mình

cung cấp được, đích thực nên chuyển đi nơi khac mà thôi. Nói xong thì dòng nước chảy đầy khe suối, sự chân thành sâu thẳm ấy đã cảm ứng như vậy, cho nên Chi Độn làm bài ca ngợi hình tượng rằng:

Pháp Hộ luôn trong lặng, đạo đức sâu tốt đẹp, khẽ ngâm dòng suối cạn, khe khô nước chảy tràn. Xa với quá Pháp Hộ, vươn thẳng ý hoằng pháp, rửa chân giữa cát trôi, tiếp nhận tôn chỉ thật.

Sau dựng chùa ở ngoài Thanh Môn – Trường An, tinh cần hành đạo, phẩm hạnh đạo đức sáng ngời - cảm hóa khắp gần xa-danh tiếng lừng lẫy mọi nơi, mấy ngàn Tăng đồ đều cúng nhau tôn thờ cung kính. Đến thời Tấn Huệ Đế tránh về phía Tây, vùng Quan Trung nhiễu loạn dân chúng chuyển dời đi lánh nạn, Pháp Hộ cùng với môn đồ tránh xuống vùng phía Đông, đến Thằng Trì gặp phải bệnh nặng mà qua đời, hưởng thọ bảy mươi tám tuổi. Sau Tôn Xước soạn ra Đạo Hiền Luận, chọn bảy vị Tăng người Thiên Trúc nơi Trúc Lâm, bảy Hiền chọn Pháp Hộ làm sự bắt nguồn to lớn.

18. Năm thứ sáu thời Tống Đại Minh thiên hạ gặp hạn hán lớn, cầu khấn sông núi nhiều tháng ròng không linh nghiệm gì. Thế Tổ thỉnh cầu Tam Tạng Pháp sư Cầu Na Bạt Đà La cầu mưa, nhất định khiến cho có cảm ứng, nếu như không được tuôn mưa thì không cần phải gặp nhau nữa. Bạt Đà nói: Ngước lên nhờ vào Tam bảo, và uy đức của bệ hạ thì hy vọng nhất định ban cho ân huệ mà tuôn mưa, nếu như không được thì không gặp lại nhau nữa. Liền đi đến đài câu ở hồ nước phía Bắc thắp hương cầu thỉnh, không cần ăn uống gì cả, lặng yên mà tụng kinh, bí mật gia trì thần chú. Ngày hôm sau vào giờ Thân phía tây Bắc có mây cuộn lên, ban đầu như cái tán tròn, mặt Trời còn trên ngọn dâu ngọn đa, gió ào ào mây tụ lại, tuôn mưa mấy ngày liền. Sáng sớm các vị công khanh vào chúc mừng, truyền lệnh tiếp kiến thăm hỏi cúng dường tiếp theo nhau. Đến thời Tống Thái Tông, lễ vật cúng dường càng long trọng. Đến tháng Giêng năm thứ bốn thời Tống Thái Thỉ, biết rõ thân thể không tốt lành, ngày sắp lìa trần đứng lặng hồi lâu mà hướng về nói rằng: Thấy hoa Trời và hình tượng Thánh Hiền. Trong chốc lát liền từ giã cõi trần, hưởng thọ bảy mươi lăm tuổi. Thái Tông càng thương tiếc vô cùng, thăm hỏi ban tặng rất nồng hậu, công khanh hội tụ lo việc mai táng đều đau buồn ngậm ngùi làm sao.

19. Thời nhà Tề ở núi Linh Uyển vùng Tiền Đường có Sa môn Thích Đàm Siêu, họ Trương người gốc Thanh Hà, thân hình cao tám thước, dung mạo và cử chỉ dễ nhìn, chỉ ăn cơm rau mặc áo vải như người bình thường mà thôi. Ban đầu ở chùa Long Hoa chốn kinh đô, cuối thời

Nguyên Gia đi về phía Nam mới hứng thú với chuyện ngắm nhìn sông núi khắp nơi, ở một mình dưới gốc cây hổ đến bên cạnh mà không làm hại. Trong thời Đại Minh trở về kinh đô. Đến lúc Tề Thái Tổ lên ngôi, được sắc lệnh đi đến Liêu Đông hoằng dương xiển bày Thiền đạo, dừng lại nơi ấy hai năm thực hiện mở rộng giáo pháp cảm hóa. Cuối thời Kiến Nguyên trở lại kinh đô. Chẳng mấy chốc lại đi đến núi Linh Uyển ở vùng Tiền Đưuờng, mỗi một lần nhập thiền thì nhiều ngày không đứng dậy. Sau đó bỗng nhiên nghe tiếng bão tố và sấm sét có một người cầm thẻ bài mà tiến tới, xưng là Trầm Thông trấn giữ ngọn núi này; lát sau có một người đi đến, hình dáng rất đoan chánh cầm quạt lông chim phe phẩy liên tục, đến chỗ ngồi lễ lạy cung kính tự xưng là đệ tử, ở cách đây bảy dặm cai quản toàn bộ vùng này, nhờ Pháp sư đến cho nên phải đến mở rộng ra để kềm chế, người huyện Phú Dương vốn vào mùa Đông đào dưới chân núi làm gạch, xâm phạm phá hỏng chỗ ở của rồng, các rồng đều tức giận làm cho ba trăm ngày không mưa, nay đã hơn một trăm ngày, giếng hồ khô cạn đất gieo trồng không làm được, Pháp sư đã là bậc đạo đức thần thông, muốn nương nhờ làm cho hủy bỏ việc làm trước đây, chắc chắn có thể cảm ứng khiến cho muôn dân được thấm nhuần ân huệ, công lao có chỗ quay về vậy. Đàm Siêu nói: Mây cuộn mưa tuôn vốn là khả năng của đàn việt, bần đạo có năng lực gì đâu? Thần nói: Phần đệ tử chỉ có thể dấy lên mây mù chứ không có năng lực làm cho mưa tuôn, vì vậy cho nên thỉnh cầu nhau mà thôi. Liền nhận lời như vậy. Thần vui mừng mà đi. Đàm Siêu bèn đi về phía Nam, trải qua năm trăm dặm đến núi Xích Đình, từ xa chú nguyện thuyết pháp cho rồng. Đến đêm bầy rồng đều hóa làm người, đi đến chỗ Đàm Siêu để lễ lạy. Đàm Siêu lại thuyết pháp, nhân đó cầu xin pháp Tam Quy, tự xưng là rồng. Đàm Siêu đề nghị rồng tuôn mưa, thế là nhìn nhau không nói. Đêm ấy lại cho Đàm Siêu và nói rằng: Vốn vì tức giận mà lập lời thề, Pháp sư đã dẫn dắt theo điều thiện, nhất định là không dám trái mạng lệnh, giờ Thân ngày mai chắc chắn sẽ tuôn mưa. Sáng sớm Đàm Siêu lập tức đi đến chùa Lâm Tuyền, sai người báo cho huyện lệnh, lo liệu thuyền bè ở giữa sông, đọc tụng kinh Hải Long Vương. Huyện lệnh liền thỉnh Tăng lên thuyền bắt đầu trôi nổi trên sông, đọc kinh vừa mới kết thúc, tức thì mây cuộn lên trút xuống mưa lớn, cao thấp đều đầy đủ, năm ấy dân chúng được mùa no đủ. Đàm Siêu qua đời vào năm thứ mười thời Tề Vĩnh Minh, hưởng thọ bảy mươi bốn tuổi.

Năm chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện.

20. Thời nhà Lương có chùa An Quốc ở làng Đồng Hạ-xã Đô-

huyện Mạt Lăng, chùa bắt đầu xây dựng vào năm thứ 9 thời Tề Vĩnh Minh, có một pho tượng bằng vàng pha đồng, cao sáu tấc năm phân. Vào ngày mồng tám tháng hai năm thứ sáu thời Lương Thiên Giám, ở trong gian thứ ba đầu phòng phía Bắc ở phía Đông chùa, bỗng nhiên nghe tiếng âm nhạc, sau đó phía trước giường trong phòng của phòng chủ Dược Vương ni cư trú, luôn luôn có ánh sáng chiếu rọi khắp nhà. Đến ngày hai mươi ba, ở nơi ánh sáng phát ra bỗng nhiên có dòng suối tuôn chảy, vẫn thấy pho tượng này theo dòng nước mà hiện ra. Xa gần kinh hãi đến xem đều sanh tâm tùy hỷ. Dòng suối đã không cạn, bèn xây gạch làm giếng, giếng nay hãy còn.

Chuyện trên đây xem trong Lương Kinh Tự Ký.

21. Thời nhà Đường có Sa môn Thích Không Tạng, đến niên hiệu Trinh Quán cư trú trong chùa Hội Xương ở kinh sư, tụng kinh hơn ba trăm quyển, thuyết pháp giáo hóa làm sự nghiệp, đi lại khắp mọi nơi, nơi nào có duyên thì đến. Xưa kia ở núi Phụ vùng Lam Điền, đã tụng kinh được người tặng cho sáu thăng bột, nghĩ rằng làm lương thực trong sáu tháng, thế là trải qua thời gian ba năm ăn hết hai thăng, hãy còn không thể hết được. Lại cảm được cái đỉnh thần thông biết từ đâu xuất hiện. Lúc đến chùa Ngọc Tuyền, cho rằng nơi này là cuối cùng vạy. Lúc ấy trải qua hạn hán lớn nên suối khô mạ cháy, cả chùa sắp phải phân tán, không Tạng bèn chí tâm cầu thỉnh, dòng suối liền lập tức tuôn tràn, Trời mưa dầm dề, đạo tục xúc động vô cùng, kinh ngạc ca ngợi mãi không thôi. Đến năm thứ 16 thời Trinh Quán, qua đời tại chùa Hội Xương, đưa về án táng nơi núi.

22. Thời nhà Đường ở chùa Quang Phước vùng Tương Châu có Sa môn Thích Tuệ Tuyền, họ Đổng Thị, sở trường thông suốt Tam luận Niết-bàn, tục thứ Trang lão đã rõ ràng thấu suốt, từ đó danh tiếng vang lừng vùng Hán Nam. Đến năm thứ hai mươi ba thời Trinh Quán thìgiảng kinh Niết-bàn. Đêm mồng tám tháng tư Sơn thần báo cho biết rằng: Pháp sư nhanh chóng xây dựng nhà cửa, không bao lâu sẽ sanh về Tây phương. Đến ngày mười bốn tháng bảy giảng kinh Bồn xong, thu tay lại nói rằng: Sống thường tín thí, nay cần phải buông bỏ tất cả không sót mảy may, trên thì cúng dường đưa vào chúng Tăng mười phương, dưới thì giúp cho người xin ăn cô quạnh khốn cùng và các đạo khác. Nói xong mà lìa trần ngay nơi pháp tòa, hưởng thọ bảy mươi chín tuổi. Ban đầu trú tại chùa Quan Phước ở trên đỉnh núi, vì công việc múc nước dưới khe lên thật là vất vả, muốn chuyển đến chùa khác, đêm thấy người thần, thân cào một trượng, mặc áo ài màu tím, đảnh lễ Tuệ

Tuyền và nói rằng: Phụng thỉnh trú lại nơi này thường giảng kinh Đại thừa, đừng lấy Tiểu Thừa làm suy nghĩ! Kinh Tiểu Thừa ấy, cũng như núi cao không có nước, không thể nào lợi ích cho người. Kinh Đại thừa thì giống như biển rộng. Đương nhiêu chỉ có núi này, nhiều Đức Phật đã xuất thế tại đây, một người đọc tụng giảng thuyết kinh điển Đại thừa, có thể khiến cho nơi cư trú có nhiều trân bảo – ánh sáng, quyến thuộc hưng thịnh hẳn lên, đồ ăn thức uống dồi dào thêm. Nếu có kinh điển Tiểu Thừa thì những sự việc trước mất đi. Chỉ nguyện giữ gìn làm cho lớn mạnh chứ đừng để hy vọng của mình lẻ loi, chùa trên đỉnh núi này trước đây không có nước có thể được. Sơn thần nói: Pháp sư cần nước thì điều này dễ dàng có thể được, ngày mồng 8 tháng sau chắc chắn sẽ có được, tự tôi đi đến dòng suối lớn ở núi Từ mẫu – Kiếm Nam, thỉnh một Long Vương đến. Nói xong rồi thì không thấy nữa. Đúng lúc vào đầu đêm của ngày mồng bảy tháng sau, gió mạnh bất ngờ nổi lên từ phía Tây Nam đến, sấm chớp vang rền mưa tuôn ào ào dưới miếu Hán Cao phía Bắc chùa sau điện Phật khoảng chừng một trăm bước, liên tục suốt đêm, đến sáng mới dừng lại. Chỉ thấy dòng suối trong xanh thơm ngát mà lại ngọt ngào, tất cả mọi người đều vui mừng, và chỉ có dòng suối của rồng trước kia cư trú tại đây dần dần cạn khô. Dựa vào đây để làm linh nghiệm, thật sự là điều cảm ứng vô cùng kỳ lạ. (Ba chuyện trên đây trích từ Đường Cao Tăng Truyện).

Thiên thứ 72: **VIÊN QUẢ** (vườn cây hoa quả).

Thiên này có năm phần: Thuật ý, Dẫn chứng, Thụ quả, Tổn thương, Chủng tử.

Phần thứ nhất: **THUẬT Ý**.

Trộm nghĩ rằng: Vườn trúc ở Vương Xá là nơi dựa vào để kinh hành, hang đá ở Linh Sơn là chốn nương tựa để tọa thiền, trú xứ thanh tịnh khắp cả mười phương, Từ bi giáo hóa thông cả ba cõi. Vì lẽ đó truy tìm lâu xa về Tu Đạt, ngưỡng mộ vô cùng với Am La, tôn sùng nhân tố vô tận, tạo nên xứ sở bất hoại, phát tâm kính trọng ngưỡng mộ, phước hướng đến cửa huyền diệu, khởi niệm cung kính khác thường, nghiệp hết nước sôi than nóng. Vì vậy nhìn thấy thì phát tâm, gặp nhau thì quên trở về, thêm phước sinh thiện căn, gọi là chốn Già lam. Nếu có tâm chân thành tạo tác, dù nhỏ mà được phước bao la, huống là đối với to lớn ư? Nếu dấy tâm giả dối tu tạo, tuy lớn nhưng được phước nhỏ nhoi, huống là đối với nhỏ bé ư? Vì vậy người thực hành, nếu như mong muốn tạo tác, thì cần phải dựa vào pháp, không được gian trá giả dối!

Phần thứ hai: **DẪN CHỨNG**

Như trong kinh Quá Khứ Nhân Quả nói: "Trong các Già lam Tăng, thì Già lam Tăng ở vườn trúc, là nơi bắt đầu sớm nhất". Lại trong kinh này nói: "Trưởng giả Ca Lam Đà ở nước La Duyệt Kỳ tâm niệm rằng: Đáng tiếc khu vườn của mình bố thí cho ngoại đạo Ni Kiền, nếu Đức Phật đến trước thì đã dâng cúng Đức Phật và chúng Tăng! Hối hận sự bố thí trước đây cứ canh cánh trong lòng coi như vứt bỏ. Tướng quân Đại quỷ, tên gọi là Bán Sư, biết được tâm niệm ấy liền triệu tập các Dạ xoa xua đuổi ngoại đạo Ni Kiền, lõa lồ thân hình không có liêm sỉ thì không nên ở nơi này. Ngoại đạo Ni Kiền kinh sợ lập tức bỏ chạy không dám ở lại. Trưởng giả hoan hỷ, lo việc xây dựng tinh xá cúng dường Đức Phật và chúng Tăng."

Còn trong kinh Bồ-tát Tạng nói: "Này A Nan! Nay Ta ở trong vườn trúc này chuyển vận kinh Bồ-tát Tạng này là chuyển luân bất thối, đoạn trừ tất cả nghi ngờ của chúng sinh. Này A Nan! Chư Phật quá khứ cũng đều ở tại hư không của phạm vi vùng này mà thuyết về kinh Bồ-tát Tạng. Này A Nan! Hết thảy chúng sanh mang tâm trạng tham sân si, đi vào vườn trúc này thì tham sân si không phát khởi. Các loài chim bay vào không đúng lúc thì không hót. Đại vương Bình Sa cùng với các thể nữ, đi vào trong vườn này cùng nhau chơi đùa vui vẻ, tự cảm thấy

không còn tham muốn, các thể nữ cũng như vậy. Lúc nhà vua hoan hỷ đã từng dấy khởi ý niệm như vậy: Nguyện thế gian có Phật, sẽ đem khu vườn dâng lên cúng dường Đức Phật, Đức Phật an trú trong đó, mình sẽ được nghe pháp. Tại vì sao? Bởi vì cúng dường thích hợp, thuận theo an trú trong vườn này, chứ không phải là người đắm say năm dục mà tùy ý an trú được. Vườn này không có sâu bô rắn rít ruồi muỗi và các loài có nọc độc. Nếu cư trú trong đó thì không còn tâm niệm hiểm độc nữa, đây cũng là công đức bất cọng của vườn trúc."

Còn trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Nếu có chúng sanh với tín tâm thanh tịnh, đem đất đai vườn rừng giúp cho chúng Tăng, để cho Tăng tiếp nhận sử dụng, thì sau khi mạng chung đến cõi trời Kiền-đà-la, Thiên nữ vây quanh hưởng thụ vui sướng an nhàn gấp trăm lần. Nếu có chúng sanh dùng ý thiện tu tập, vì ngăn chặn sự lạnh lẽo nóng tức mà tạo tác nhà cửa phóng ốc để cứu trợ, khiến cho người khác tiếp nhận sử dụng, thì sau khi mạng chung sanh đến cõi trời Thường Tứ Ý, năm dục tự nhiên vui sướng; từ cõi trời mạng chung, nếu được làm thân người, thì trở thành Đại sư của nhà vua".

Phần thứ ba: **THỤ QUẢ** (quả cây).

Như luận Lập Thế A Tỳ Đàm nói: "Cây Diêm Phù, loài cây này mọc ở phía Bắc của cõi Diêm Phù Đề, nằm ở bờ Nam của sông Nê Dân Đà La, gốc cây của cây này nằm chính giữa trung tâm của châu lục, từ trung tâm của gốc cây lấy theo góc Đông-Tây, cùng là một ngàn do tuần. Cây này sanh trưởng đầy đủ, hình dáng rất đẹp với cành là che phủ lẫn nhau, tồn tại lâu dài không tàn lụi, tất cả các loại gió- mưa không thể nào xâm nhập được, theo thứ tự che phủ nhau cao đến một trăm do tuần. Dưới gốc to lớn bằng phẳng cũng không có u mắt sần sùi, năm mươi do tuần mới có một nhánh cây. Thân cây cắt ngang rộng năm do tuần, vòng quanh 1năm do tuần. Mỗi một cành cây ấy vươn ngang ra năm mươi do tuần, phần giữa kéo dài liên tục là một trăm do tuần, vòng quanh là ba trăm do tuần. Quả của cây đó có vị ngọt thơm không gì sánh bằng, như mật ong tinh tế vô cùng. Quả cây lớn bằng chiếc vò, hạt của quả cây lớn bằng hạt cây Diêm Phù của thế gian. Trên hạt ấy có hình dáng của chim thú. cành phía Đông-Tây sinh ra quả, phần nhiều rụng xuống cõi Diêm Phù Đề, có một số rơi xuống nước. Quả trên cành phía Nam đều rơi xuống cõi Diêm Phù Đề, quả trên cành phía Bắc đều rụng xuống giữa dòng sông bị cá ăn hết. Rễ cây đều là cát vàng ròng che phủ, đang lúc mùa xuân mưa xuống thì phía dưới không dột ướt, mùa

Hạ thì không nóng nực, mùa Đông không có gió lạnh, Càn Thát Bà và thần Dược Xoa dựa vào dưới tán cây mà ở.

Sự việc như vậy làm sao biết được? Xưa trong thành Vương Xá có hai Tỳ kheo, vốn có sức mạnh thần thông, cùng làm bạn bè với nhau, nhìn thấy cây ấy liền đến nơi cây, trông thấy quả cây chín muồi rơi trên mặt đất, tự bổ ra một quả, Tỳ kheo từ lỗ hổng của cuống dò tay đến vỏ bọc, ngón tay dài nhất hãy còn không chạm đến hạt, bèn kéo tay ra, bọ quả làm cho vấy bẩn, móng tay đều đỏ, mùi thơm của quả ấy có thể nhiễm vào tâm người, mũi ngửi thấy hương thơm của quả. Tỳ kheo thứ hai hỏi rằng: Ông muốn ăn không? Đáp rằng: Trưởng lão ơi, tôi không thích ăn.

Sự việc này là có điều không thể nghĩ bàn được, chính là lìa bỏ kiết sử của tham dục thật là rộng lớn. Tại vì sao? Bởi vì nếu như người chưa lìa bỏ tham dục mà ngửi thấy hương thơm này, thì phát sinh tâm khí, thế là phát ra điên cuồng. Có những người khác đã lìa bỏ tham dục nếu ngửi thấy hương thơm này, thì thối thất phần vị lìa bỏ tham dục.

Hai Tỳ kheo này trở về thành Vương Xá nói rõ sự việc như trên. Lúc ấy có một người, tên là Trường Kính, vốn là dòng dõi vua chúa, họ Câu-lợi-thị, quả báo túc nghiệp đã đạt được thần thông, như đi trong nước chân trước chưa chìm thì chân sau đã di chuyển; hoặc đi tên lá cỏ, cỏ tuy chưa rạp xuống, mà đã có thế di chuyển bước chân. Người này từ Đức Phật nghe nói đến cây này, liền thưa với Đức Phật rằng: Nay con đi đến cây Diêm Phù được không? Đáp rằng: Có thể đến được. Người này lễ Đức Phật rồi hướng về phía Bắc mà đi, vượt qua các núi đi trải qua bảy vùng núi. Vùng núi thứ bảy gọi là núi Kim Biên, leo lên đỉnh núi hướng về phía Bắc, đứng thẳng người trông về phía xa, chỉ thấy tối đen, sợ hãi mà quay về. Đức Phật hỏi: ông đến nơi cây Diêm Phù rồi phải không? Thưa rằng: Không thể đến được. Đức Phật hỏi: Ông đã trông thấy điều gì? Thưa rằng: Chỉ nhìn thấy tối đen. Đức Phật dạy: Màu sắc tối đen ấy chính là cây Diêm Phù. Người này tôn kính lạy sát chân Đức Phật, đi vòng về phía bên phải ba vòng, tiếp tục hướng về phía Bắc mà đi, lại vượt qua bảy vùng núi trước đây, tiếp tục vượt qua bảy vùng núi sau, còn vượt qua sáu nước lớn, lại vượt qua bảy rừng cây lớn, trong rừng có bảy dòng sông, vượt qua bảy dòng sông này, lại vượt qua khu rừng A-ma-la và rừng Ha-lê-lặc, cho đến cành phía Nam của cây Diêm Phù. Từ trên cành phía Nam đi đến cành phía Bắc, người này cúi đầu trộm nhìn xuống dưới, tướng trạng của nước khác nhau so với nước bình thường, trong veo thấu đáy cũng không có gì chướng ngại. Người này

tư duy: Thần thông của mình nay ở tại nơi này có được thành tựu hay không? Nhân đó đặt chân đi trên nước, tay bám vào cành cây, chân người này chạm đến mặt nước giống như hòn đá lập tức chìm xuống, đối với thần thông thì ở nơi này không thể thành tựu. Nước ở đây nhẹ nhàng tinh tế giống như bơ dầu nổi ở trên mặt nước. Nếu lấy nước nơi này rót vào nước ở nơi kia, thì chìm xuống như đá nặng. Người này lấy một quả cây, đem về dâng lên Đức Thế Tôn. Đức Phật nhận lấy quả này, tách ra làm nhiều mảnh, đưa cho các Đại chúng. Nước của quả cây dính vào tay Đức Phật, Đức Phật dùng tay này đánh vào núi đá, cho đến bây giờ màu đỏ vẫn còn như xưa không khác, ẩm ướt cũng không khô, dấu bàn tay rõ ràng. Bởi vì ngày xưa phân chia quả cây làm từng mảnh, cho nên nhân đó gọi tên núi đá này là núi Phiến Phiến. Lúc ấy Đức Phật hóa độ Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp, cũng lấy quả này đưa cho Ca Diếp. Phía ngoài cây Diêm Phù này có hai khu rừng, hình dạng giống như một nửa vầng trăng, vòng xung quanh cây này; bên trong có khu rừng, tên là Ha-lê-lặc, khu rừng phía ngoài tên là A-ma-lặc, quả cây này lúc chín có mùi vị rất tuyệt vời không cay không đắng, như mật ong tinh tế vô cùng, hình dạng của quả lớn nhỏ bằng hai cái Hộc đựng đồ. Phía Nam khu rừng A Ma Lặc lại có bảy khu rừng, bảy dòng sông đan xen nhau, khu rừng đầu tiên về phía Bắc tên gọi Am-la, thứ hai tên gọi Diêm Phù, thứ ba tên gọi Sa-la, thứ tư tên gọi Đa-la, thứ năm tên gọi Nhân-lâm, thứ sáu tên gọi Thách-lựu-lâm, thứ bảy tên gọi Kiếp-tất-tha-lâm. Các loại quả như vậy không cay không đắng, ngọt ngào như mật ong. Quả trong khu Nhân Lâm này có hình thể giống như con người. Nếu người xa lìa tham dục ăn quả cây này, thì thiền định bị thối thất. Phía Nam khu Kiếp-tất-tha-lâm có sáu nước lớn, nước đầu tiên về phía Nam tên gọi Cao-lưu, thứ hai tên gọi Câu-lạp-bà, thứ ba tên gọi Tỳ-đề-ha, thứ tư tên gọi Ma-ha-tỳ-đề-ha, thứ năm tên gọi Uất-đa-la-man-đà, thứ sáu ở cực Bắc tên gọi Xả-hỷ-la-da. Người trong sáu nước này đều trung trinh lương hiện giữ gìn mười thiện pháp. Thú vật ở nơi ấy tự nhiên chết đi, tự tìm đến nơi ở của con người, con người mới ăn thịt của chúng. Loại trâu đen ở nơi này có số lượng nhiều nhất, lấy lông đuôi của chúng dùng để che chắn nhà cửa. Đất đai ở đó sản sinh thóc lúa không cần phải cày bừa canh tác, thóc lúa này chín muồi rồi không có tấm cám vỏ trấu, người dân nước này xoay nhuyễn hấp lên làm cơm ăn, thóc lúa ấy mùi thơm vị ngọt như mật."

Còn trong kinh Trường A Hàm nói: "Sở dĩ gọi là Diêm Phù Đề, là bởi vì phía dưới có núi vàng, cao ba mươi do tuần, dựa vào cây Diêm

Phù, cho nên được gọi là vàng Diêm Phù – cây Diêm Phù. Quả cây ấy bằng cái giỏ, mùi vị ấy như mật ngọt, cây có năm cành lớn, bốn phía cành-phía trên có một cành. Quả ở cành phía Đông cây ấy là thức ăn của Càn-thát-hòa. Quả ở cành phía Nam cây ấy là thức ăn của người trong bảy nước, một gọi là nước Câu-lâu, hai gọi là nước Câu-la-bà, ba gọi là nước Tỳ-đề, bốn gọi là nước Thiện-tỳ-đề, năm gọi là nước Mạn-đà, sáu gọi là nước Ba-la, bảy gọi là nước Bà-lê. Quả ở cành phía Tây cây ấy là thức ăn của loài trùng biển. Quả ở cành phía Bắc cây ấy là thức ăn của các loài cầm thú. quả của cành phía trên là thức ăn của cõi trời Tinh Tú."

Còn trong kinh Trung A Hàm nói: "Thời quá khứ loài người Diêm Phù Đề thọ đến tám vạn năm, có vị Chuyển Luân Thánh Vương xuất thế, tên gọi Cao-la-bà-vương, có loài cây tên gọi Thiện-trú-ni-câu-loại-vương, mà lại có năm cành. Quả ở cành thứ nhất là thức ăn của vua và hoàng hậu, quả ở cành thứ hai là thức ăn của Thái tử và các quan, quả ở cành thứ ba là thức ăn của nhân dân trong nước, quả ở cành thứ tư là thức ăn của Sa môn-Phạm chí, quả ở cành thứ năm là thức ăn của các loại cầm thú. quả của cây Ni-lâu-loại-vương lớn bằng hai thăng, mùi vị giống như viên thuốc mật ngọt. Cây ấy không có người bảo vệ, cũng không có ai tự mình hái trộm. Có một người đi đến vì đói khát vô cùng mà ngửi thấy hương thơm này, thì phát sinh tâm khởi, thế là phát ra điên cuồng. Có những người khác đã lìa bỏ tham dục nếu ngửi thấy hương thơm này, thì thối thất phần vị lìa bỏ tham dục.

Hai Tỳ kheo này trở về thành Vương Xá nói rõ sự việc như trên. Lúc ấy có một người, tên là Trường Kính, vốn là dòng dõi vua chúa, họ Câu-lợi-thị, quả báo túc nghiệp đã đạt được thần thông, như đi trong nước chân trước chưa chìm thì chân sau đã di chuyển; hoặc đi trên lá cỏ, cỏ tuy chưa rạp xuống, mà đã có thể di chuyển bước chân. Người này từ Đức Phật nghe nói đến cây này, liền thưa với Đức Phật rằng: Nay con đi đến cây Diêm Phù được không? Đáp rằng: Có thể đến được. Người này lễ Đức Phật rồi hướng về phía Bắc mà đi, vượt qua các núi trải qua bảy vùng núi. Vùng núi thứ 7 gọi là núi Kim Biên, leo lên đỉnh núi hướng về phía Bắc, đứng thẳng người trôn g về phía xa, chỉ thấy tối đen, sợ hãi mà quay về. Đức Phật hỏi: Ông đến nơi cây Diêm Phù Đề rồi phải không? Thưa rằng: Không thể đến được. Đức Phật hỏi: Ông đã không thấy điều gì? Thưa rằng: Chỉ nhìn thấy tối đen. Đức Phật dạy: Màu sắc tối đen ấy chính là cây Diêm Phù. Người này tôn kính lạy sát chân Đức Phật, đi vòng về phía bên phải ba vòng, tiếp tục hướng về

phía Bắc mà đi, lại vượt qua bảy vùng núi trước đây, tiếp tục vượt qua bảy vùng núi sau, còn vượt qua sáu nước lớn, lại vượt qua bảy rừng cây lớn, trong rừng có bảy dòng sông rộng, vượt qua bảy dòng sông này, lại vượt qua khu rừng A-ma-la và rừng Ha-lê-lặc, cho đến cành phía Nam của cây Diêm Phù. Từ trên cành phía Nam đi đến cành phía Bắc, người này cúi đầu trộm nhìn xuống dưới, tướng trạng của nước khác nhau so với nước bình thường, trong veo thấu đáy cũng không có gì chướng ngại. Người này tư duy: Thần thông của mình nay ở tại nơi này có được thành tựu hay không? Nhân đó đặt chân đi trên nước, tay bám vào cành cây, chân người này chạm đến mặt nước giống nhau như hòn đá lập tức chìm xuống, đối với thần thông thì ở nơi này không thể thành tựu. Nước ở đây nhẹ nhàng tinh tế giống như bơ dầu nổi ở trên mặt nước. Nếu lấy nước nơi này rót vào nước ở nơi kia, thì chìm xuống như đá nặng. Người này lấy một quả cây, đem về dâng lên Đức Thế Tôn. Đức Phật nhận lấy quả này, tách ra làm nhiều mảnh, đưa cho các Đại chúng. Nước của cây dính vào tay Đức Phật, Đức Phật dùng tay này đánh vào núi đá, cho đến bây giờ màu đỏ vẫn còn như xưa không khác, ẩm ướt cũng không khô, dấu bàn tay rõ ràng. Bởi vì ngày xưa phân chia quả cây làm từng mảnh, cho nên nhân đó gọi tên núi đá này là núi Phiến Phiên. Lúc ấy Đức Phật hóa độ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, cũng lấy quả này đưa cho Ca-diếp. Phía ngoài cây Diêm Phù này có hai khu rừng, hình dạng giống như một vầng trăng, vòng xung quanh cây này; bên trong có khu rừng, tên là Ha-lê-lặc, khu rừng phía ngoài tên là A-ma-lặc, quả cây này lúc chín có mùi vị rất tuyệt vời, không cay không đắng, như mật ong tinh tế vô cùng, hình dạng của quả lớn nhỏ bằng hai cái Hộc đựng đồ. Phía Nam khu rừng A-ma-lặc lại có bảy khu rừng, bảy dòng sông đan xen nhau, khu rừng đầu tiên phía Bắc tên gọi Am-la, thứ hai tên gọi Diêm Phù, thứ ba tên gọi Sa-la, thứ tư tên gọi Đa-la, thứ năm tên gọi Nhân-lâm, thứ sáu tên gọi Thạch-lựu-lâm, thứ bảy tên gọi Kiếp-tất-tha-lâm. Các loại quả như vậy không cay không đắng, ngọt ngào như mật ong. Quả trong khu Nhân Lâm này có hình thể giống như con người. Nếu người xa lìa tham dục ăn quả cây này, thì thiền định bị thối thất. Phía Nam khu Kiếp-tất-tha-lâm có sáu nước lớn, nước đầu tiên về phía Nam tên gọi Cao-lưu, thứ hai tên gọi Câu-lạp-bà, thứ ba tên gọi Tỳ-đề-ha, thứ tư tên gọi Ma-ha-tỳ-đề-ha, thứ năm tên gọi Uất-đa-la-man-đà, thứ sáu ở cực Bắc tên gọi Xả-hỷ-ma-la-da. Người trong sáu nước này đều trung trinh lương thiện giữ gìn mười thiện pháp. Thú vật ở nơi ấy tự nhiên đi, tự tìm đến nơi ở của con người, con người mới ăn thịt của chúng. Loài

trâu đen ở nơi này có số lượng nhiều nhất, lấy lông đuôi của chúng dùng để che chắn nhà cửa. Đất đai ở đó sản sinh thóc lúa không cần phải cày bừa canh tác, thóc lúa này chín muồi rồi không có tấm cám hya vỏ trấu, người dân nước này xay nhuyễn hất lên làm cơm ăn, thóc lúa ấy mùi thơm vị ngọt như mật.”

Còn trong kinh Trường A Hàm nói: “Sở dĩ gọi là Diêm Phù Đề, là bởi vì phía dưới có núi vàng, cao ba mươi do tuần, dựa vào cây Diêm Phù, cho nên được gọi là vàng Diêm Phù – cây Diêm Phù. Quả cây ấy bằng cái giỏ, mùi vị ấy như mật ngọt, cấy có năm cành lớn, bốn phía có bốn cành-phía trên có một cành. Quả ở cành phía Đông cây ấy là thức ăn của Càn-thát-hòa. Quả ở cành phía Nam cây ấy là thức ăn của người trong bảy nước, một gọi là nước Câu-lâu, hai gọi là nước Câu-la-bà, ba gọi là nước Tỳ-đề, bốn gọi là nước Thiện-tỳ-đề, năm gọi là nước Mạn-đà, sáu gọi là nước Bà-la, bảy gọi là nước Bà-lê. Quả ở cành phía Tây cây ấy là thức ăn của loài trùng biển. Quả ở cành phía Bắc cây ấy là thức ăn của các loài cầm thú. quả của cành phía trên là thức ăn của cõi trời Tinh Tú.”

Còn trong kinh Trung A-hàm nói: “Thời quá khứ loài người Diêm Phù Đề thọ đến tám vạn năm, có vị Chuyển Luân Thánh Vương xuất thế, tên gọi Cao-la-bà vương, có loài cây tên gọi Thiện Trú Ni Câu Loại Vương, mà lại có năm cành. Quả ở cành thứ nhất là thức ăn của vua và hoàng hậu, quả ở cành thứ hai là thức ăn của Thái Tử và các quan, quả ở cành thứ ba là thức ăn của nhân dân trong nước, quả ở cành thứ tư là thức ăn của Sa môn-Phạm chí, quả ở cành thứ năm là thức ăn của các loại cầm thú. quả của cây Ni Câu Loại Vương lớn bằng chiếc hai Thăng, mùi vị giống như viên thuốc nhào mật ngọt. Cây ấy không có người bảo vệ, cũng không ai tự mình hái trộm. Có một người đi đến vì đói khát vô cùng gầy yếu, nhan sắc tiều tụy muốn được ăn quả cây, đi đến nơi cây chúa mà ăn quả no bụng rồi, làm gãy cành cây lấy quả đi về. Cây Ni Câu Loại Vương có một Thiên thần dựa vào đó mà cư trú, vị ấy dấy lên ý niệm như vậy: Người trong châu Diêm Phù lạ lùng thay, không có ân tình không có đền đáp gì cả, mình thà rằng khiến cho cây không có quả thì không sinh ra quả nữa. Lại có một người đói khát vô cùng gầy yếu muốn có được quả để ăn, đi đến nơi cây, thấy cây không có quả, liền đi đến chỗ vua Cao-la-bà, thưa rằng: Thiên Vương nên biết, cây chúa Thiện Trú Ni Câu Loại không có quả. Nhà vua nghe xong như lực sĩ trong khoảng co duỗi cánh tay, đến cõi trời Tan Thập Tam đứng trước Đế Thích, thưa rằng: Câu Dực nên biết, cây chúa Ni Câu Loại

không sinh ra quả. Ngay sau đó Đế Thích và vua Cao-la-bà, như lực sĩ trong khoảng thời goan co duỗi cánh tay, đến nơi cây Thiện Trú Ni Câu Loại, đứng cách đó không xa, hóa làm dòng sông lớn gió mưa ào ào xảy ra rồi, nhổ gốc dựng ngược lên. Thế là vị Thiên thần cư trú nơi cành của cây chúa, vì nguyên cớ này mà ưu sầu khổ sở, đứng trước Đế Thích nước mắt tuôn chảy giàn giụa. Đế Thích hỏi rằng: Ý gì mà đau lòng rơi nước mắt? Vị Thiên thần ấy thưa rằng: Nên biết là nước ngập gió mưa ào ào nổi lên nhổ bật gốc cây rồi, mong sao cây chúa Thiện trú Ni Câu Loại trở lại như cũ! Ngay sau đó Thiên Đế lại hóa làm mưa ào ào trút nước ngập lai láng như cũ! Ngay sau đó Thiên Đế lại hóa làm mưa ào ào trút nước ngập lai láng rồi, khiến cho cây chúa Ni Câu Loại lập tức trở lại như cũ."

Còn trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Trên đỉnh Tuyết Sơn có cây Dược Vương, gọi là không từ rễ sinh ra cũng không phải là không từ rễ sinh ra, dọc ngang sáu trăm tám mươi vạn do tuần, phần dưới cùng đến phạm vi của tầng Kim Cang. Lúc cây này sinh ra rễ, thì tất cả các loài cây ở cõi Diêm Phù mọc rễ. Nếu lúc thân mọc lên và lúc có cành lá hoa quả, thì tất cả các loài cây ở cõi Diêm Phù Đề đều sinh ra cành là hoa quả. Rễ cây ấy có thể sinh ra thân, thân có thể sinh ra rễ, vì vậy gọi là không từ rễ sinh ra cũng không phải là không từ rễ sinh ra. Cây này ở tất cả mọi nơi đều có thể sinh trưởng, chỉ trừ ở trong địa ngục - hố sâu và vùng nước, thì không sinh trưởng được mà thôi."

Còn trong kinh Tạp A-hàm nói: "Xưa có vị vua tên là Câu Lạp, trong đất nước có loài cây tên là Tu-ba-đề-hoàn, chu vi năm trăm sáu mươi dăm, phần cuối gốc vòng quanh tám trăm bốn mươi dặm, cao bốn ngàn dặm, cành phân ra bốn phía vòng quanh hai ngàn dăm. Cây có năm quả, đường có năm phía, phía thứ nhất là quả dành cho Quốc Vương và các cung phi mũ nữ trong cung cùng ăn, phía thứ hai là quả dánh cho Đại thần và các quan cùng ăn, phía thứ ba là quả dành cho nhân dân cùng ăn, phía thứ tư là quả dành cho các vị Thích tử-Đạo sĩ cùng ăn, phía thứ năm là quả dành cho các loài chim chóc cầm thú cùng ăn. Quả giống như cái bình một Thăng, vị ngọt như mật, cây không có người nào canh giữ, quả phân chia không xâm phạm lẫn nhau. Lúc ấy con người thọ tám mươi bốn ngàn năm, có chín loại bệnh, đó là: 1/ Lạnh; 2/ Nóng; 3/ Đói; 4/ Khát; 5/ Đại tiện; 6/ Tiểu tiện; 7/ Ái dục; 8/ Ăn nhiều; 9/ Tuổi già. Người nữ năm năm trăm tuổi, lúc ấy mới đi lấy chồng (Đây là giống như thời Đức Phật Di Lặc xuất thế),"

Thứ tư- PHẦN TỔN THƯƠNG

Như luật Tăng Kỳ nói: “Thời Đức Phật tại thế, có Tỳ kheo Xiển-đà, cần cây gỗ làm phòng ốc, có rừng cây Tát-la, liền đến khu rừng chặt cây, mang về sử dụng làm thành phòng ốc. Lúc bấy giờ trong rừng có quỷ thần nương dựa tại rừng này, nói với Xiền-đà rằng: Đừng chặt cây ở đây, làm cho con cái bé nhỏ yếu đuối của tôi, phơi bày giữa mưa gió không có nơi nào nương nhờ ! Xiền-đà đáp rằng: Quỷ chết lập tức rơi xa, đừng ở lại trong này, ai mà thích gặp ông? Thế là vẫn chặt cây. Lúc ấy quỷ thần này liền khóc nỉ non khổ sở, dẫn các con nhỏ đi đến nơi Thế Tôn. Đức Phật biết rõ mà cố ý hỏi: Vì sao ông khóc nỉ non vậy? Thưa rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Tôn giả Xiển-đà chặt cây rừng của con mang về dùng làm phòng ốc, con cái lớn nhỏ của con gặp gió mưa thì phơi bày không nơi nương nhờ, phải nhờ cậy nơi nào? Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn, vì quỷ thần này, tùy thuận thuyết pháp cho nghe, buồn lo khổ sở lập tức trừ diệt. Cách chỗ Đức Phật không xa cũng có cây rừng, Đức Thế Tôn chỉ về nơi ấy để đến đó có thể cư trú. Đức Phật trách mắng Xiển-đà rồi khuyên răn các đệ tử rằng: Như Lai cư trú một đêm ở nơi này, hai bên có cây cối và mọi người, thì làm thành tháp miếu, vì vậy thần linh vui mừng đến nhờ cậy, làm sao lại thô lỗ mắng nhiếc họ?”

Còn luật Tứ Phần nói: “ Đức Phật cũng không cho phép chặt cây thần linh cư trú, nếu chặt thì mắc tội Đột kiết la.”

Còn trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Nếu có chúng sanh trì giới tách rời tà kiến, thấy người chặt phá cây lớn là nơi cư trú của quỷ thần - Dạ xoa, La sát thì người ấy che chở bảo vệ khiến không chặt phá, các quỷ thần này không làm não hại đến người, nhờ vào cây thọ hưởng vui vẻ, không có cây thì khổ sở phiền muộn. Người này mạng chung sanh đến cõi trời Hoan Hỷ, cùng với các Thiên nữ thọ nhận sung sướng vui vẻ; từ cõi trời mạng chung, nếu được làm thân người thì giàu có yên ổn.”

Còn trong kinh Tỳ Ni Mẫu nói: “Có năm loại cây, Tỳ kheo không được chặt phá. Đó là: 1/ Cây Bồ đề; 2/ Cây quỷ thần; 3/ Cây Diêm phù đề; 4/ Cây A-tư đà; 5/ Cây rừng Thi Đà. Nếu Tỳ kheo vì Tam Bảo thì trồng ba loại cây: 1/ Cây ăn trái; 2/ Cây có hoa; 3/ Cây lá. Như vậy chỉ có phước thiện chứ không có lỗi lầm. Có Tỳ kheo an cư trên cây, buộc cây làm giường, thế là không xuống dưới cây, mà ở trên cây đại tiện-tiểu tiện xuống gốc cây. Cây này có con quỷ lớn, tức giận đánh chết Tỳ kheo này. Đức Phật dạy: Từ nay trở đi không cho phép Tỳ kheo an cư trên cây - đại tiểu tiện xuống gốc cây. Có năm loại cây không được chặt

phá: 1/ Cây Bồ đề; 2/ Cây có thần linh; 3/ Cây to giữa đường; 4/ Cây rừng Thi Đà; 5/ Cây Ni Câu Đà. Nếu tháp Phật hư hại, hoặc Già lam Tăng bị hư hoại, vì gỗ bị lửa cháy thì được phép chặt bốn loại, trừ ra cây Bồ đề. Có năm loại cây thích hợp có thể lấy sử dụng: 1/ Lửa đốt cháy; 2/ Rồng phun lửa đốt cháy; 3/ Tự nhiên khô héo; 4/ Gió thổi đến; 5/ Nước trôi đến. Những loại cây như vậy thì được tiếp nhận sử dụng."

Thứ năm- PHẦN CHỦNG TỬ

Như kinh Trường A Hàm nói: "Có nhân duyên nào mà thế gian có năm chủng tử? Bởi vì có luồng gió rất hỗn loạn từ thế giới Bất bại thổi chủng tử đến mọc ở nước này. Đó là: 1- Căn từ (rễ); 2- Kinh tử (thân); 3- Tiết tử (cành); 4- Hư trung tử (hoa); 5- Tử tử (hạt). Đây là thế gian có năm chủng tử sinh ra".

Còn trong kinh Khởi Thế nói: "Có nhân duyên nào mà có năm chủng tử xuất hiện ở thế gian? Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Như ở phương Đông có các thế giới, hoặc là thành rồi hoại, hoặc là hoại rồi thành, hoặc là thành rồi trụ. Phương Nam-Tây-Bắc thành hoại và trụ cũng lại như vậy. Lúc bấy giờ có luồng gió lớn A Na Tỳ La, xoay chuyển đến thế giới thành-trụ ở phương khác, thổi sáu chủng tử phân tán ra trong thế giới này, phân tán ra rồi tiếp tục phân tán ra, cho đến phân tán ra rất nhiều, đó gọi là Căn tử (rễ)-Kinh tử (thân)-Tiết tử (cành)-Tiếp tử (hoa)-Tử tử (hạt), đây là năm chủng tử. Quả cây Diêm Phù lớn bằng cái vò một Hộc của nước Ma Già Đà. Lúc hái quả ấy thì mủ thuận theo chảy ra, màu trắng như sữa, vị ngọt như mật. Quả cây Diêm Phù thuận theo nơi sinh ra có năm phần ích lợi; đó là Đông-Nam-tây phương và hai phương Thượng-Hạ. Quả sinh ra ở phía Đông, thì các loài Càn thát bà đều ăn chung. Quả sinh ra ở phía Nam, là nhân dân trong bảy tụ lạc lớn cùng ăn. Như thế nào là bảy tụ lạc lớn? Đó là: 1/ bất chánh khiếu (gọi không đúng); 2/ Khiếu hoán (kêu la); 3/ Bất chánh thể (thể không đúng); 4/ Hiền (tài đức); 5/ Thiện hiền (tài đức tốt lành); 6/ Lao (bền vững); 7/ Thắng (hơn hẳn). Quản sinh ra ở phía Tây, là các loài chim cánh vàng cùng ăn. Quả sinh ra ở phía trên, là Dạ xoa trên hư không đều ăn chung. Quả sinh ra ở phía dưới, là các loài trùng trong biển đều đến lấy làm thức ăn".

Còn trong kinh Quán Phật Tam Muội nói: "Đức Phật dạy: Vùng Tuyết Sơn có loài cây tên gọi Ương Già Đà, quả cây ấy rất lớn, hạt của quả rất nhỏ. Suy tìm về gốc gác của cây thì bắt đầu từ Hương Sơn mà đến, bởi vì sức gió cho nên đến được Tuyết Sơn. Đầu mùa Đông rất lạnh

lẽo, La sát và Dạ xoa ở trong núi quanh co, những nơi có che chắn kín gió, phân dơ bất tịnh thải đầy trên mặt đất, gió mạnh thổi tuyết mà che phủ phía trên, dần dần thành hào sâu năm mươi do tuần. Nhờ vào khả năng của phân dơ cho nên quả này được sinh ra, rễ thân cành lá hoa quả tốt tươi. Vào tháng ba mùa xuân ấm áp, 8 phía cùng lúc thảy đều nổi gió làm cho băng tuyết tan ra, chỉ có cây trái còn lại. Quả cây ấy có hình dạng và màu sắc như quả Diêm Phù Đề, không có gì làm ví dụ được. Hình dạng quá ấy tròn trịa to đến nửa do tuần, Bà-la-môn ăn vào thì đạt được đầy đủ năm loại thần thông của Tiên đạo, thọ mạng trải qua một kiếp, không già cũng không chết. Hàng phàm phu ăn vào, hướng đến tương lai sẽ đạt được bốn quả Sa môn, ba minh và sáu thần thông thảy đều đầy đủ. Có người mang đến trồng vào đất có phân dơ ở cõi Diêm Phù Đề, sau đó quả là sinh trưởng tốt tươi, cao bằng một cây Đa-la, cây tên là Câu-luật-đà, quả gọi là Đa-lặc, to bằng chiếc bình đựng năm Thăng. Nếu người có ăn được quả ấy, thì có thể trừ được bệnh nóng sốt.”

Còn trong kinh Niết-bàn nói: “Đức Phật dạy: Này người thiện nam! Vùng Tuyết Sơn có loại cỏ, tên gọi là Nhẫn Nhục, nếu trâu bò ăn được thì trở thành đề hồ.”

Tụng rằng:

Kỳ viên cảm uy thần xuất hiện,
Lộc Uyển hóa Tỳ kheo Câu-lân,
Thánh nhân cư trú nơi phước địa,
Hiền sĩ vui với chốn núi non.
Thoạt nghe hoa ngàn cánh hiện bày,
Thời thay đổi trăm hoa tươi sáng,
Cỏ thơm khắp nơi đều tươi tốt,
Linh Chi sum suê ở trước phòng.
Hồ tuôn nước tám đức ngọt ngào ,
Giếng thần kỳ phun chín suối trong,
Cờ phướn rực rỡ bay phất phới,
Cảm ứng Tiên nhân bay xuống trần.
Chim chóc cất tiếng hót líu lo,
Người hát vang khúc nhạc phước điền,
Thịnh vượng thay nơi tốt đẹp này,
Ai trông thấy lòng không lưu luyến!

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra mười hai chuyện: 1. Chu Ẩn Vương năm thứ 2

mặt đất bỗng nhiên nhô lên; 2- Thời Hạ-Tân-Chu-Hán núi bỗng nhiên biến mất; 3- Thời Hán Ai Đế có cây linh thiêng biến hiện; 4- Hán Kiến Chiêu năm thứ 5 có cây Hòe to lớn biến hiện; 5- Hán Linh Đế có 2 cây Thanh Thất (thầu dầu) biến hiện; 6- Thời nhà Hán niên hiệu Quang Hòa có loại cở linh thiêng biến hiện; 7- Thời nhà Tấn niên hiệu Vĩnh Gia có loài chuột ngã ngữa xuất hiện kỳ lạ; 8- Thời Ngô Tiên Chủ có cây linh thiêng xuất hiện hiến hóa; 9- Thời Ngô, Thái thú quận Cảnh có bè gỗ linh thiêng quái lạ; 10- Thời Thái Cổ có người nữ và tấm da ngựa biến thành sâu tầm; 11- Thời Tống có Sa môn Thích Tăng Du sau khi chết ở trong phòng mọc lên hai cây Ngô Đồng; 12- Thời nhà Đường, trong Vương Huyền Sách Tây Quốc Hành Truyện có núi vàng ròng.

1/ Tháng 4 năm thứ 2 thời Chu Ẩn Vương, đất bằng bỗng nhiên nhô lên, dài hơn một tượng, cao một thước năm tấc. Trong Kinh Phòng Dị Yêu nói: Vùng đất dài nhô lên đoán điềm lành dữ theo bốn mùa, Xuân-Hạ thì nhiều điềm lành, Thu-Đông thì nhiều điềm dữ. Quận Lịch Dương trong một đêm chìm xuống đất mà thành đầm nước, nay chính là vùng đầm Ma Hồ, không biết rõ vào thời đại nào. Trong Vận Thăng Khu nói: Luận đến huyện ấp đó thì âm nuốt dương chìm, là điềm tàn sát lẫn nhau vậy.

2/ Thời vua Kiệt triều Hạ, ngọn núi Lệ biến mất. Thời Tần Thủy Hoàng có ba ngọn núi biến mất. Năm thứ 32 thời Chu Hiển Vương, đàn tế thần đất ở Đại Khâu nước Tống biến mất. Cuối thời Hán Chiêu Đế đàn tế thần đất ở huyện Xương vùng Trần Lưu biến mất. Trong Kinh Phòng Dị Truyện nói: Núi âm thầm tự nhiên chuyển dời, là điềm thiên hạ xảy ra binh biến-xã tắc diệt xong. Xưa kia trong vùng Lang Nha-Sơn Âm thuộc quận Cối Kê có ngọn núi Quái, thế gian tương truyền vốn là ngọn núi ở Đông Vũ thuộc vùng Mang Nha. Lúc trời về đêm mưa gió tối tăm mờ mịt, sáng sớm trông thấy ngọn núi này ở nơi ấy rồi, mọi người cảm thấy quái lạ vô cùng, vì vậy gọi là núi Quái. Lúc ấy ngọn núi ở huyện Đông Vũ cũng cùng một đêm tự nhiên mất đi, người nhận ra hình dáng của ngọn núi, mới biết là ngọn núi nơi ấy chuyển dời đến đây. Nay dưới chân núi Quái thấy có làng Đông Vũ, đại khái là ghi nhớ sợ kiện ngọn núi đã tự nhiên chuyển đến để làm tên gọi vậy. Còn ở Giao Châu và Tuyệt Châu có đồi núi di chuyển đến Thanh Châu, tất cả đồi núi dời chuyển đều không khác biệt gì lắm, hai sự kiện này không rõ xảy ra trong thời đại nào. Thượng Thư Kim Đằng nói: Núi đồi dời chuyển thì dân chúng-vua quan không nhờ đến Đạo sĩ, người tài đức không xuất hiện; hoặc bổng lộc rời xa quan quyền, thưởng phạt không

nhờ vào chúa, nhà riêng trở thành nơi công cộng không có ai cứu giúp, đang lúc ấy làm cho thời thế đổi thay-thứ tự sai khác. Giải thích rằng: Thiện nói là thuận theo tự nhiên, nhất định phải thuần phác đối với người, trời có bốn mùa-năm hành, mặt trăng-mặt trời xoay vòng theo nhau, nóng lạnh thay nhau chuyển đổi, đó là sự chuyển vận tự nhiên vậy. Hòa hợp mà thành mưa, giận dữ mà thành gió, tản ra mà thành sương, hỗn loạn mà thành sương mù, đông lại mà thành sương tuyết, đứng yên thành cầu vồng. Đây là quy luật không đổi thay của trời đất. Nếu bốn mùa chuyển vận không bình thường, nóng lạnh trái ngược lỗn loạn, thì năm hành thừa thiếu lẫn lộn, tinh tú vận hành sai khác, mặt trăng-mặt trời áp sát xâm thực lẫn nhau, sao Chổi bay dai sáng rực. Đây là thời gian biểu hiện sự thay đổi của trời đất. Lúc này nóng lạnh không đúng mùa, trời đất phát sinh nhiều sự việc rất xấu. Vì vậy đá dựng đất nổi lên cao, là trạng thái xấu của trời đất. Núi sụt đất chìm xuống, là những tai biến của trời đất. Mưa gió dữ dội hỗn loạn, là trạng thái trái ngược lẫn nhau của trời đất. Mưa ướt không tuôn xuống, khe suối cao hồ cạn, là lúc khô cháy của trời đất.

3/ Năm thứ ba niên hiệu Kiến Bình-Hán Ai Đế, ở vùng Linh Lăng có loài cây, đo vòng quanh thân cây là một trượng sáu thước, cao mười bốn trượng bảy thước. Dân chúng chặt gốc cây còn lại, cao hơn chín thước đều khô rụi, ba tháng sau gốc cây tự đứng lên ở chỗ cũ. Làng toại ở vùng Bình Dương-Nhữ Nam có loài cây, ở vùng đất rộng sanh ra cành lá, giống như hình người. Thân xanh vàng, sắc mặt màu trắng, đầu tóc hơi dài, khoảng sáu tấc một phân. Trong kinh Phòng Dị Truyện nói: Đức của nhà vua sắp suy bại, người hạng thấp hèn sắp nổi lên, thì có loài cây sanh ra làm thành hình dáng con người. Sau đó xảy ra sự cố đoạt ngôi do Vương Mãng cầm đầu.

4/ Năm thứ năm thời Hán Kiến Chiêu, Thứ sử Duyễn Châu là Hạo Thưởng ngăn cấm dân chúng riêng tư mà lập đàn tế thần. Ở đàn tế thần của một làng thuộc huyện Sơn Dương có cây Hòe to lớn, binh lính chặt phá dứt gốc, đêm ấy cây lại đứng lên tại chỗ cũ. Giải thích rằng: Tất cả các loại đã chặt khô mà lại phát khởi, đều là hiện tượng của sự việc đã phế bỏ mà lại hưng thịnh, đó là điềm ứng của Thế Tổ mà thôi.

5/ Năm thứ ba niên hiệu Gia Bình-Hán Linh Đế, trong chỗ khảo sát làm cung điện phía bên phải có hai cây Thanh Thất, đều cao bốn thước. Một cây trong đó qua một đêm bỗng nhiên cao lên, cao hơn một trượng, to hơn một vòng ôm, có hình dạng người dân tộc Hồ, đầu mắt lông tóc đều có đủ. Tháng mười năm thứ năm, bên cạnh chánh niệm

có cây Hòe, to bằng sáu mươi vòng tay ôm, tự nhiên nhổ bậc gốc dựng ngược lên, gốc ở trên cành ở dưới. Phần to lớn ấy dần dần đều mọc thành cây, không cong queo mà lại thẳng tắp ngay ngắn. Phía Tây Bắc thành Trường An khoảng sáu, bảy dặm có cây rỗng ruột, bên trong có người, mặt mọc đầy lông.

6/ Năm thứ bảy thời Hán Quang Hòa, cỏ trong khu vực Oan Câu Lu Kỳ thuộc quận Đông-Tế Âm vùng Trtần Lưu, mọc lên làm thành hình dáng con người, cầm năm binh khí cung nỏ, trâu-ngựa-rồng-rắn-chim thú có màu đen trắng thế nào, thì cỏ cũng có màu sắc như vậy, lông lá đầu mắt chân cánh đều có đủ, không những phảng phất mơ hồ, mà cảnh tượng rất rõ ràng. Xưa kia giải thích rằng: Cỏ sắp thành yêu quái. Vào năm này có giặc Hoàng Cân nổi lên làm cho nhà Hán đến lúc suy sụp tan nát. Tháng 6 năm thứ nhất thời Ngô Ngũ Phụng, ở vùng Giáo Chỉ có loài cỏ Bái hóa làm cây lúa.

7/ Tháng 11 năm thứ 5 thời Tấn Vĩnh Gia, có loài chuột nằm ngữa xuất hiện ở vùng Diên Lăng. Quách Phác bói bằng cỏ Thi, gặp Lâm Chi Ích nói: Huyện Đông của quận này sẽ xuất hiện loài yêu quái, người muốn tìm cách không chế, thì tìm đến cũng tự nhiên mất mạng rồi.

8/ Thời Ngô Tiên Chủ có Lục Kính Thúc, làm Thái thú này Kiến An, sai người chặt cây lâu năm, bổ xuống mấy nhát rùi thì bỗng nhiên có máu chảy ra, đến lúc cây chặt ngã xuống thấy có một vật, đầu người thân chó, từ trong bộng cây chạy ra. Kính Thúc nói: Loài này gọi là Bành Hầu, nấu chín mà ăn có mùi vị như thịt chó.

9/ Cát Tộ tự là Nguyên Tiên, người vùng Câu Dung-Đan Dương. Thời nhà Ngô làm Thái thú vùng Hoành Dương, trong phạm vi của quận có cái bè gỗ lớn, nước tràn lên có thể làm thành yêu quái, dân chúng vì vậy mà lập miếu thờ. Người qua lại nhất định phải đi qua, cần phải cầu đảo cúng vái cái bè, cái bè mới chìm xuống không vướng đường đi, cái bè nổi lên thì thuyền bị vỡ tan hư hoại. Cát Tô muốn đến dinh quan sau đó mới dùng nhiều loại dụng cụ như búa rìu, mang ra chặt phá cái bè. Ngày mai sẽ đến chặt phá, đêm ấy người giữ miếu thờ và cư dân xung quanh, nghe giữa dòng sông có tiếng người ồn ào khác thường, tất cả đều cảm thấy quái lạ. Sáng sớm đến xem thì thấy cái bè đã chuyển đi, men theo dòng trôi xuống dưới mấy dặm, dừng lại ở giữa khúc cong của dòng sông. Từ đó người đi lại, không còn lo sợ bị lật chìm. Người vùng Hoành Dương ca ngợi, vì Cát Tộ dựng bia nói rằng: Do đức hạnh chính trực mà cầu khẩn tránh được tai họa, quỷ thần cùng làm cho di chuyển.

10/ Suy tìm chuyện xưa nói rằng: Thời Thái Tổ có bậc Đại Nhân chinh chiến phương xa, nhà không có người nào khác, chỉ có một cậu con trai và một cô con gái, cùng một con ngựa đực. Cô con gái đích thân nuôi dưỡng con ngựa, ở tận cùng nơi vắng vẻ nhớ đến cha mình, mới đùa với con ngựa rằng: Ngươi có thể vì ta đón được cha ta trở về, thì ta sẽ lấy ngươi làm chồng. Đã nhận được lời này, con ngựa bèn bứt dây cương mà đi, thẳng đến chỗ người cha. Người cha trông thấy con ngựa vừa kinh ngạc vừa vui mừng, vì vậy lấy mà cưỡi. Con ngựa đến nơi thì tự nhiên cất tiếng hí vang buồn bã không dứt. Người cha nói: Con ngựa này không có chuyện như vậy, nhà ta có thể không xảy ra sự cố gì chăng? Thế là vội vàng cưỡi ngựa mà quay về, bởi vì loài súc sinh mà có tình cảm khác thường, cho nên cắt cỏ chăm sóc rất nồng hậu, nhưng con ngựa không chịu ăn, cứ mỗi lần thấy cô gái ra vào, thì mừng giận giơ chân lên đá. Nhiều lần như vậy, người cha lấy làm quái lạ, kín đáo đem chuyện hỏi con gái. Cô con gái đem đầu đuôi sự việc nói cho cha biết, chắc chắn là vì điều này. Người cha nói: Đừng nói ra sợ rằng bôi xấu cho gia môn, lại dừng đi ra vào nữa. Ngay sau đó nấp kín dùng cung bắn mà giết chết con ngựa. Tấm da ngựa phơi ở trước sân. Người cha đi vắng, cô gái cùng với cô gái nhà hàng xóm lấy tấm da mà đùa giỡn, đưa chân đá mà nói: Ngươi là súc sanh, mà muốn lấy con người làm vợ ư, làm cho phải bị lột da thế này, tại sao phải tự làm khổ mình? Nói chưa hết câu, tấm da ngựa bỗng nhiên mà tung lên, cuốn cô gái mang đi. Cô gái nhà hàng xóm luông cuống sợ hãi, không dám đến cứu, bèn chạy đi nói cho cha cô gái ấy biết. Người cha trở về tìm kiếm, đã biết rõ con gái mất rồi. Sau trải qua mấy ngày, tìm được con gái và tấm da ngựa giữa cành cây to, đếu hóa làm sâu tằm mà giăng sợi ở trên cây. Sợi tơ trong kén tằm ấy dày dặn rất khác biệt so với tằm bình thường, người phụ nữ hàng xóm lấy về mà nuôi dưỡng, rõ ràng sợi tơ gấp nhiều lần. Vì thế gọi cây ấy là cây dâu (tang), tang là mất mát (trong), tang là cây dâu tằm mà cũng là tang tóc. Từ đó mọi người tranh nhau trồng cây dâu, thời nay đã nuôi tằm là vậy. Nói về tằm ăn lá dâu (tang tàm), là loại khác của tằm ngày xưa theo Thiên Quan thì tinh tú (thần) là ngôi sao Mã, con tằm là mặt trời-mặt trăng, đang lúc rất nóng thì tấm mát cho loại ấy, đó là tằm và ngựa cùng chung trạng thái nóng lạnh vậy. Trong Chu Lễ dạy người kéo sợi thì bàn tay không được bắt đầu từ con tằm, chú thích rằng: Đồ vật không có thể tươi nhiều, không được bắt đầu từ con tằm, bởi vì làm tổn thương đến con ngựa. Trong Hán Lễ, Hoàng Hậu đích thân chọn lấy cây dâu cúng tế Thần tằm nói: Phu nhân Uyển Dũ là công

chúa họ Ngụ. Công chúa là danh xưng tôn trọng của người con gái. Phu nhân Uyển Dũ là người hóa làm con tằm trước kia. Vì vậy thời nay có người gọi con tằm là con gái, chính là lời nói để lại của thời xưa.

Mười chuyện trên đây trích trong Sưu Thần Ký.

11/ Thời nhà Tống có Sa môn Thích Tăng Du, người vùng Dư Hoàng-Ngô Hưng, vốn là người họ Chu, xuất gia ở tuổi hai mươi, tên gọi là Thần Lý, tinh tiến tu tập thực hành khổ hạnh trước sau không thay đổi. Năm thứ 15 thời Tống Nguyên Gia, đi đến dừng chân ở Lư Sơn, bạn cùng đi có Đàm Ôn-Tuệ Quang..., đều chung tiết tháo trong sáng kiên trinh, cùng tôn sùng dừng lại nơi vắng vẻ, bèn cùng nhau làm chòi ở phía Nam vùng núi ấy, nay chính là Tinh xá Chiêu Ẩn. Tăng Du thường lấy kiết sử làm nguyên nhân khiến cho tình ý và hình sắc chìm đắm trong ba đường, tình chấp sắp hết rồi thì hình sắc cũng phải mất đi, dấu tích của Dược Vương, một mình đâu nói là xa xăm? Thế là nhiều lần phát ra lời thề, vào năm bốn mươi bốn tuổi mới phù hợp đến, đạo tục đến chứng kiến, xe cộ nối tiếp nhau san sát. Tăng Du dẫn Đại chúng hành đạo, khuyên răn dạy bảo truyền trao giới pháp, hôm ấy trời mây dày kịt sắp mưa Tăng Du mới xúc động phát lời thề rằng: Nếu chí nguyện của tôi thành tựu rõ ràng thì bầu trời sẽ trong sáng, nếu như kỳ hạn quả thật không có cảm ứng thì nên mưa to, để cho bốn chúng ở đây biết rõ thần ừng không mơ hồ. Nói xong, trong chốc lát thì trời quang mây tạnh, mới đến nơi châm lửa thiêu thân. Chắp tay ngồi trang nghiêm, có một làn khói tím bay lên bầu trời tách biệt ra ngoài làn khói đang cuộn lên, rất lâu mới tản hết. Mười bốn ngày sau, trong phòng Tăng Du đã ở mọc lên hai cây Ngô đồng, gốc cành tươi tốt sum sê, lớn nhỏ giống hệt nhau, xuyên mái nhà vút thẳng lên, trở thành cây to lớn. Người hiểu biết nghĩa lý, cho là cây quý Sa la. Hầu như Tăng Du hạn định rõ ràng thời gian Niết-bàn, cho nên hiện ra cây này để chứng minh. Nhân đó gọi tên là Song Đồng Sa môn. Lúc ấy Trương Biện ở quận Ngô làm Trưởng sử vùng Bình Nam, đích thân nhìn thấy sự việc ấy, vốn có làm bài tán lưu truyền... (chuyện này trích trong Minh Tường Ký).

12/ Từ nước Thổ Phồn, gần ra ranh giới phía Nam vùng Tuyết Sơn, đến các nước Khuất Lộ Đa-tất lập... Từ trạm dịch này đi về phía Bắc, khoảng chín ngày đường, có một núi báu, đất đá trong núi đều là vàng ròng. Có người lấy về, thì lập tức gặp tai họa.

Trích trong Vương Huyền Sách Tây Quốc Hành Truyện.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 64

Thiên thứ 73: **NGƯ LIỆP** (đánh cá và săn bắt).

Thiên này có 2 phần: Thuật ý, Dẫn chứng.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Cung kính tìm hiểu: Như Lai thiết lập giáo pháp, hết sức chú trong Nhân Từ, phân định trong các giới cấm, sát hại là tội nặng nhất. Chúng sanh tham lam hỗn loạn, yêu quý đối với thân mình, giết hại mạng sống loài khác, nuôi dưỡng giữ gìn tự thân. Bởi vì đắm theo mùi vị, đánh bắt vô số chúng sanh, tham lam mùi vị béo ngọt, lưới bẫy giăng ra muôn loại. Hoặc thả chim xua chó săn đuổi, bất chấp vượt qua núi đồi, vung dao tuốt gươm sáng lóa, trèo núi băng rừng lội suối. Hoặc buông dây tơ giữa sông biển, giăng lưới vào trong ao đầm, mồi thơm nhử cá đến câu, đạn vàng chim mà bắn. Liền làm cho loài ít vảy phải mất mạng, loài lông non phải chết sớm, loài ở hang hư thai mới, loài ở tổ không trứng cũ. Đã đuổi theo tận cùng đầm cỏ, sai người đến lấy mang về. Thế là mỡ chảy ra giữa chảo nóng, thịt nát vụn-hình khô rúm, Thức dựa vào trong bát canh, Hồn nương theo thịt thái nhỏ. Tại sao thân của mình đáng coi trọng, mạng loài khác lại xem thường? Liền tự ý làm mất thân hình loài kia, để nuôi dưỡng thân mạng của mình; chỉ cốt miệng ăn bụng chứa, không biết đến nỗi đau thương; chỉ vì nhà bếp nấu nướng, tiến hành giết mổ tàn ác; khiến cho oán thù căm hận, đầy khắp trong cõi u minh, chủ nợ đuổi theo đòi trả, khắp nơi giữa chốn hư không. Dùng tướng của nghiệp bất thiện, để tự trang điểm cho mình, những luật nghi đầy xấu xa, không lúc nào tạm rời bỏ. Bồ-tát vì vậy mà nhíu mày buồn bã, Đại Sĩ do đó mà nhỏ lệ xót thương, chỏ nghĩ đến bốn loại chúng sanh lần lượt nhận chịu luân hồi không dứt trong sáu đường hiểm nạn. Có lúc thân này mà mọi người đều oán hận, xưa là người rất thân thiết, đời trước qua lại gắn bó, nay trở thành bạn dửng dưng, thay hình đổi dạng khác xa, không còn nhận biết lẫn nhau, chết nơi kia sanh nơi này, làm sao có thể đoán được?

Chỉ có đạo nghĩa Từ Bi, cứu giúp làm điều đầu tiên, lòng dạ Bồ-tát bao la, thương xót giúp ích làm dụng, thường thuận theo trải qua khắp chốn địa ngục nhận chịu đau khổ thay cho chúng sanh, hóa độ tất cả chúng sanh thực hiện công hạnh làm cho an lạc.

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh Niết-bàn nói: "Có mười sáu luật nghi xấu ác. Những gì là mười sáu? Đó là: 1/ Vì lợi mà chăm sóc nuôi dưỡng cừu non, mập mạp rồi đem ra bán; 2/ Vì lợi mà mua rồi giết mổ phanh thây; 3/ Vì lợi mà chăm sóc nuôi dưỡng heo con, mập mạp rồi đem ra bán; 4/ Vì lợi mà mua rồi giết mổ phanh thây; 5/ Vì lợi mà chăm sóc nuôi dưỡng trâu nghé, mập mạp rồi đem ra bán; 6/ Vì lợi mà mua rồi giết mổ phanh thây; 7/ Vì lợi mà nuôi dưỡng gà vịt làm cho mập mạp, mập mạp rồi đem ra bán; 8/ Vì lợi mà mua rồi giết mổ làm thịt; 9/ Câu cá; 10/ Thợ săn; 11/ Cướp đoạt; 12/ Kẻ cầm đầu giết mổ; 13/ Giăng lưới bắt loài chim bay; 14/ Nói hai lưỡi; 15/ Lính canh ngục tù; 16/ Bùa chú loài rồng. Có thể vì chúng sanh mà vĩnh viễn đoạn trừ 16 ác nghiệp như vậy, đó gọi là tu giới."

Còn trong luận Tạp A Tỳ Đàm Tâm nói: "Có mười hai loại cư trú trong chỗ không có luật nghi: 1- Mổ dê; 2- Nuôi gà; 3- Nuôi heo; 4- Bắt chim; 5- Đánh cá; 6- Thợ săn; 7- Làm giặc cướp; 8- Kẻ cầm đầu làm ác; 9- Canh giữ ngục tù; 10- Bùa chú loài rồng; 11- Giết chó; 12- Rình rập săn bắn. Mổ dê có nghĩa là giết dê, dùng tâm giết hại hoặc nuôi-hoặc bán-hoặc giết mổ, đều gọi là mổ dê. Nuôi gà-nuôi heo cũng lại như vậy. Bắt chim, là như giết hại loài chim mà nuôi sống mạng mình. Đánh cá-thợ săn cũng đều là như vậy. Làm giặc cướp, là thường làm điều cướp đoạt hại người. Kẻ cầm đầu làm ác, là kẻ chủ trương giết người để tự nuôi sống mình. Canh giữ ngục tù, là dùng công việc canh giữ ngục tù để tự nuôi sống mình. Bùa chú loài rồng, là luyện tập bùa chú sai khiến rồng rắn làm trò vui đùa để tự nuôi sống mình. Giết chó là hạng Chiên-đà-la. Rình rập săn bắn, là hạng Vương gia cầm đầu săn bắn."

Còn trong luận Đối Pháp nói: "Nghiệp bất luật nghi, như thế nào gọi là bất luận nghi? Có thể nói là mổ dê-nuôi gà-nuôi heo-bắt chim-đánh cá-săn hươu-giăng lưới bắt thỏ-cướp giật trộm cắp-kẻ cầm đầu làm ác-hại đến trâu bò-trói chặt voi ngựa, lập đàn chú nguyện loài rồng, canh giữ ngục tù-gièm pha gây chuyện, thích làm những điều tổn hại... Mổ dê là vì mong cầu nuôi sống thân mạng mà giết mổ-nuôi dưỡng-mua bán, nuôi gà-heo... như vậy, cũng thuận theo mong cầu ấy. Trói

chặt voi ngựa, là luôn luôn ở chốn núi rừng điều phục nắm giữ các loài voi ngựa hoang dã. Lập đàn chú nguyện loài rồng, là luyện tập bùa chú sai khiến rồng rắn làm trò vui đùa để tự nuôi sống mình. Gièm pha gây chuyện, là dùng lời ly gián để phá hoại tình thân của người khác, duy trì sử dụng nuôi sống mạng mình. Hoặc bởi vì sanh ra trong dòng họ ấy, hoặc dựa vào sự tiếp nhận giữ gìn sự nghiệp ấy, có nghĩa là lập tức sanh vào nhà ấy, hoặc sanh vào nhà khác, như thứ tự ấy mà hiện rõ hành vi của nghiệp đó. Quyết định, có nghĩa là thân-ngữ lấy phương tiện làm trước tiên để định hạn kỳ cần phải hiện rõ hành vi của nghiệp đó, thì gọi là nghiệp bất luật nghi”. Còn trong kinh Xuất Diệu nói: “Phạm vi Nam Hải đến cuối cùng bốc lên, sóng lớn kinh động trào dâng nhận chìm tất cả, có 3 con cá lớn trôi giạt vào vùng nước cạn, tự nói với nhau rằng: Chúng ta gặp nguy khốn nơi này, trong lúc nước tràn chưa rút xuống thì nên tìm cách ngược về phía trước mà trở lại với biển rộng. Lại gặp phải con thuyền ngăn cách dòng nước không thể nào vượt qua được. Con cá thứ nhất, dốc hết sức nhảy quả con thuyền mà thoát được. Con cá thứ hai dựa vào cỏ cây mà vượt qua được. Con cá thứ ba sức lực cạn kiệt cho nên bị người bắt được. Đức Phật trông thấy bèn thuyết kệ rằng:

Ngày này đã đi qua,
Mạng sống cũng giảm theo,
Như loài cá thiếu nước,
Thì có gì đáng vui!

Còn trong kinh Bồ-tát Bổn Hạnh nói: “Vua Ba Tư Nặc có một vị Đại thần, tên gọi là Sư chất, tiền bạc của cải vô số, ngay lập tức được độ thoát. Lúc ấy có thuyết kinh pháp cho nghe, Sư chất nghe pháp không còn ham thích vinh hoa phú quý, mong cầu được xuất gia, liền đem tất cả gia nghiệp tài sản để giao cho em trai, cạo bỏ râu tóc mà khoát ca sa, thuận tiện đi vào núi sâu ngồi thiền hành đạo, vợ của Sư chất ưu sầu nhớ đến chồng trước chứ không thuận theo chồng sau. Em trai của Sư chất thấy chị dâu nhung nhớ, sợ anh trai bỏ giới trở về đoạt mất cơ nghiệp, liền nói với tướng cướp: Tôi thuê ông năm trăm quan tiền vàng chặt đầu Sa môn kia mang đến đây. Tướng cướp nhận tiền, đi đến trong núi gặp Sa môn ấy. Sa môn nói rằng: Tôi chỉ có áo rách chứ không có tài sản gì cả, vì sao ông tìm đến? Tướng cướp liền đáp rằng: Em trai ông thuê tôi, khiến đến giết ông. Sa môn nói với tướng cướp: Tôi mới làm Đạo nhân không hiểu rõ đạo pháp, tạm thời đừng giết tôi, đợi đến lúc tôi gặp được Đức Phật và hiểu chút ít kinh pháp thì giết tôi cũng không muộn. Tướng cướp nói rằng: Bây giờ cần phải giết ông, không dừng lại

được. Sa môn liền đưa lên một cánh tay mà nói với tướng cướp rằng: Tạm thời chặt một cánh tay, để lại mạng sống này khiến cho tôi được gặp Đức Phật. Lúc ấy tướng cướp liền chặt một cánh tay mang về cho em trai của Sa môn. Ngay sau đó Sa môn liền đi đến gặp Đức Phật, Đức Phật thuyết pháp cho nghe: Ông từ vô số kiếp đến nay, cắt đứt tay chân đầu mặt, máu chảy nhiều hơn nước trong bốn biển lớn, xương của thân chất lại cao hơn núi Tu di, nước mắt khóc lóc tuôn trào còn nhiều hơn bốn dòng sông lớn, uống sửa của mẹ nhiều hơn sông biển, tất cả các loài có thân đều nhận chịu mọi đau khổ, đều từ lập tập khí sanh ra mà có những đau khổ này, chỉ nên tư duy về Bát Chánh đạo. nghe những lời Đức Phật thuyết giảng mà ý hiểu rõ thông suốt, liền ở trước Đức Phật đạt được đạo quả A-la-hán, lập tức buông bỏ thân mạng mà nhập Niết-bàn.

Tướng cướp vác cánh tay mang đến giao cho em trai của Sư Chất, người em trai liền mang cánh tay đặt ở trước mặt chị dâu, nói với người chị dâu rằng: Thường ngày nói nhung nhớ chồng trước, đây là cánh tay của chồng trước. Người vợ đau xót khóc lóc liền đến trình bày với nhà vua. Nhà vua lập tức tìm hiểu kiểm tra thì đúng như thật không sai, liền giết chết em trai của Sư Chất. Các Tỳ kheo thưa hỏi Đức Phật: Nhưng mà Sa môn này vào lúc ở đời trước đây, gây ra ác hạnh gì, nay bị chặt cánh tay, vốn tu đức gì mà nay gặp Thế Tôn, đạt được đạo quả A-la-hán? Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Quá khứ xa xưa ở nước Ba La Nại có vị vua tên là Bà La Đạt, đi ra ngoài dạo chơi săn bắn đuổi theo con thú đang chạy trốn, lạc mất đường đi không biết nơi nào ra được, cỏ cây cao vút trời, không có cách nào để có thể thoát ra được, bởi vì rất sợ hãi cho nên liền tiếp tục đi về phía trước, gặp một vị Bích-chi-Phật, nhà vua hỏi rằng: Lạc mất đường đi thì đi theo hướng nào có thể ra được, quân lính ngựa xe và mọi người đang ở nơi nào? Lúc ấy cánh tay của vị Bích-chi-Phật có vất lở xấu ác không thể nào đưa tay lên được, liền dùng chân chỉ đường đi cho nhà vua. Nhà vua liền nổi giận, người này là dân của ta, thấy ta mà không đứng dậy, còn dùng một chân để chỉ đường đi cho ta. Nhà vua lập tức rút dao chặt đứt cánh tay của vị Bích-chi-Phật. Lúc ấy tâm ý của vị Bích-chi-Phật tự nghĩ rằng: Nếu nhà vua không tự hối hận tránh lỗi, thì phải nhận chịu tội lỗi nặng nề không có hạn kỳ thoát ra được. Thế là vị Bích-chi-Phật liền ở trước mặt nhà vua, bay cao giữa hư không mà biến hiện các loại thần thông. Lúc ấy nhà vua thấy rồi đem thân thể rạp lạy sát đất, cất tiếng khóc to tự nhận lỗi và hối hận về sai lầm của mình, chỉ nguyện xuống nơi này nhận sự sám

hối của con. Lúc ấy vị Bích-chi-Phật lập tức hạ xuống tiếp nhận sự sám hối ấy. Lúc vị Bích-chi-Phật thuận tiện mà nhập Niết-bàn, nhà vua thâu nhận hài cốt dựng tháp an trí cúng dường hương hoa, thường ở trước tháp sám hối cầu nguyện, để được độ thoát. Nhà vua lúc bấy giờ, chính là Sa môn này, bởi vì chặt cánh tay của vị Bích-chi-Phật, cho nên trong năm trăm kiếp thường bị chặt cánh tay mà chết, cho đến hôm nay, nhờ vào sự sám hối cho nên không rơi vào địa ngục, mà được độ thoát thành tựu đạo quả A-la-hán. Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Tất cả tội phước cuối cùng không thể hủy hoại được. Các Tỳ kheo nghe Đức Phật dạy không có ai mà không run sợ hãi hùng."

Tụng rằng:

Vui bởi vì phúng túng,
Khổ đã lụy đến thân,
Địa vị vinh và nhục,
Nguy hiểm như mây trôi.
Săn bắn thích giết hại,
Trái lòng Từ hại thân,
Oán thù trở lại báo,
Khổ đau nào nói được.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra mười bốn chuyện: 1- Sở Vương nuôi Do Cơ có thuật thiện xạ; 2- Gia Cát Khát đi săn có vật quái lạ như trẻ con; 3- Lỗ Hoàn Công bị Tề Tương Công giết làm điều quái lạ; 4- Thời nhà Tấn có Chu Tử Văn... ở quận Tiêu dạo chơi săn bắn nhận chịu hiện báo; 5- Thời nhà Tống có Nguyễn Trĩ Tông thích săn bắn hiện tại nhận chịu khổ báo; 6- Thời nhà Lương có Trâu Văn lập lấy nghề giết mổ làm nghiệp hiện báo rất nhiều tai họa; 7- Thời nhà Tùy có Vương phiêu kỵ tướng quân thích săn bắn, cô gái điên cuồng như thỏ; 8- Thời nhà Tùy có Khương Lược ở Lang Tương-Ưng Dương thích săn bắn bị bầy chim đòi mạng; 9- Thời nhà Tùy có đức trẻ ở ấp ngoài Kí Châu nướng trứng gà ăn chịu hiện báo; 10- Thời nhà Đường có Toại an công Lý Thọ thích săn bắn bị chó tố cáo tội lỗi cắt thịt khi còn sống; 11- Thời nhà Đường có Phương Sơn Khai là quân nhân ở Tào Châu thích săn bắn gặp hiện báo nhận chịu khổ đau; 12- Thời nhà Đường có Lưu Ma Ni là người vùng Phần Châu thích săn bắn gặp thiện báo nhận chịu khổ đau; 13- Thời nhà Đường có Lý Trị Lễ ở Lũng Tây thích săn bắn gặp hiện báo nhận chịu khổ đau; 14- Thời nhà Đường ở Tiến Châu có người làm nghề giết mổ

giết heo có điềm báo.

1/ Sở Vương dạo chơi trong khu vườn cảnh, ở đó có con vượn trắng, nhà vua lệnh cho người thiện xạ khiến bắn con vượn, nhiều lần phát tên nhưng con vượn bắt lấy mũi tên mà vui đùa. Thế là lệnh cho Do Cơ, Do Cơ nuôi dưỡng con vượn thành thạo, cho nên lúc Do Cơ vỗ vào cây cung thì con vượn ôm cây mà kêu. Đến thời sáu nước phân tranh thì lại có Canh Luy nói với Ngụy Vương rằng: Hạ thần có thể giả làm ra vẻ phát tên mà chim rơi xuống. Ngụy Vương nói: Vậy thì bắn có thể đến ở nơi này chăng? Canh Luy thưa rằng: Có thể. Có tin đồn rằng chim Nhạn từ phương Đông bay đến, mà Canh Luy giả làm ra vẻ phát tên thì Nhạn rơi xuống rồi.

2/ Gia Cát Khát làm Thái thú vùng Đan Dương, đi săn giữa hai ngọn núi, có vật giống như đứa trẻ, chìa tay muốn kéo người. Cát Khác khiến chìa ra xa nơi cũ, cách xa nơi cũ thì chết. Đã tìm hiểu vị trí mà hỏi về nguyên nhân điều đó, cho là thần minh hiển hiện. Cát Khác nói: Sự việc này ở trong Bạch Trạch Đồ nói là ở giữa hai ngọn núi, có tinh khí giống như đứa trẻ, thấy người thì chìa tay muốn kéo người, tên gọi là Kì Dẫn, rời ra thì chết, đừng nói là thần minh mà kỳ lạ, các ông ngẫu nhiên không gặp loại đó mà thôi.

Hai chuyện trên đây trích trong Sưu Thần Ký.

Văn chuyện trên đây trích trong Sưu Thần Ký.

3/ Văn Khương là phu nhân của Lỗ Hoàn Công, chính là em gái của Tề Tương Công. Hoàn Công và Văn Khương cùng đến nước Tề, Tề Tương Công cho gọi em gái mình đến, Hoàn Công khiển tránh Văn Khương, Văn Khương nói cho Tương Công biết, Tương Công nổi giận bèn cùng với Hoàn Công uống rượu, Hoàn Công ra về, Tương Công sai Công tử Bành Sanh tiễn đưa Hoàn Công ra về bằng xe. Bành Sanh sức mạnh, bèn kéo bên sườn của Hoàn Công, Hoàn Công chết ở trên xe. Người nước Lỗ nói với nước Tề rằng: Vua nước chúng tôi sợ uy lực của vua Tề không dám ở yên, đến kết giao thân thiện như trước đây, lễ nghi đã xong không trở lại, không thấy nhà vua quay về, tội ác sao thoái thác được, vì vậy nói cho các nước chư hầu biết, xin đem Bành Sanh giết chết để trừ mối sĩ nhục! Người nước Tề quy tội cho Bành Sanh mà giết chết. Sau đó Tương Công đi săn ở vùng Bối Khâu, có con chó đuổi theo. Người tùy tùng nói: Hạ thần thấy đuổi theo chính là Bành Sanh. Tương Công nổi giận nói: Bành Sanh sao dám, trông thấy thì bắn đi. Bóng đuổi theo chính là người đứng yên mà khóc. Tương Công sợ hãi ngã xuống xe, bị thương ở chân mà quya về, bề tôi của Tương Công là

Liên Xưng và Quản Chí Phủ, cả hai người cùng làm loạn, lập tức giết chết Tương Công.

Chuyện này trích trong Oan Hồn Chí.

4/ Trong Tục Sưu Thần Ký nói: Sau khi nhà Tấn phục hưng, Chu Tử Văn ở quận Tiêu có nhà tại Tấn Lăng, tuổi trẻ thích săn bắn, thường đi vào núi săn bắn, bỗng nhiên trong khe núi thấy một người, cao khoảng năm Trượng, cầm cung tên, đầu mũi tên rộng khoảng hai thước, trắng như sương tuyết, bất ngờ ra khỏi khu thành gọi to: A Thử (A Thử là tên thuở bé của Tử Văn). Tử Văn bất giác trả lời: Dạ. Người này kéo cung căng mũi tên hướng vào Tử Văn, Tử Văn liền hồn bay phách tán ngã xuống mê man.

Trong Tục Sưu Thần ký nói: Cuối thời nhà Ngô có người ở vùng Lâm Hải, đi vào núi săn bắn, làm chòi mà ở lại. Giữa đêm khuya có một người, cao một Trượng mặc áo vàng dây lưng trắng, đi đến nói với người đi săn rằng: Ta có kẻ thù ngày mai sẽ đánh nhau, ông nhìn thấy hãy trợ giúp, sẽ có đền đáp lẫn nhau. Người đi săn nói: Tự tôi có thể trợ giúp cho ông mà thôi, đâu cần phải đền đáp làm gì. Đáp rằng: Ngày mai vào giờ ăn ông có thể đi ra bên suối, kẻ đối địch từ phía Bắc đi đến, tôi đứng phía Nam, dây lưng màu trắng là tôi, dây lưng màu vàng là đối thủ. Người đi săn nhận lời. Sáng hôm sau đi ra quả nhiên nghe ở bờ phía Bắc có tiếng động, giống như mưa gió, có cây xung quanh nằm rạp xuống, nhìn thấy bờ phía Nam cũng như vậy, chỉ thấy hai con rắn lớn, dài hơn mười trượng, ở giữa dòng suối gặp nhau liền quấn tròn lấy nhau, hai con rắn lớn, dài hơn mười trượng, ở giữa dòng suối gặp nhau liền quấn tròn lấy nhau, con rắn màu trắng yếu thế, người thợ săn vì vậy kéo cung mà bắn, con rắn màu vàng liền chết. Ngày sắp chiều, lại thấy người hôm qua xuất hiện tạ từ mà nói: Ở lại săn bắn một năm này, sang năm cẩn thận đừng đến nữa, đến thì nhất định phải gặp tai họa. Người thợ săn nói: Được. Thế là con đừng lại săn bắn một năm, săn được rất nhiều, gia đình trở nên giàu có. Máy năm sau nhớ đến vùng núi trước kia có nhiều thịt ngon mà quên lời dặn trước đây, lại tiếp tục đi đến núi ấy săn bắn. Lại gặp người thắt dây lưng màu trắng trước kia, nói cho biết rằng: Tôi nói với ông đừng đến nữa, ông không thể nào thấy được, bởi vì con của kẻ đối địch đã lớn, nay chắc chắn báo thù ông, không phải tôi mà biết được. Người thợ săn nghe điều ấy mà kinh hãi liền muốn bỏ chạy. Thế là trông thấy ba người mặt áo đen, đều cao tám thước, cùng há miệng tiến đến chỗ ấy, người thợ săn lập sức bỏ mạng.

Trong Lã Thị Xuân Thu nói: Vua Thang thấy người giăng lưới

căng ra bốn phía mà cầu khấn rằng: Loài từ trên trời xuống, loài từ dưới đất xuất hiện, loài từ bốn phương chạy đến, đều nằm trong lưới giăng của tôi. Vua Thang nói: Than ôi, tận cùng rồi! Không phải là vua Kiệt thì ai làm như vậy?

5/ Thời nhà Tống có Nguyễn Trĩ Tông, là người vùng Hà Đông. Năm thứ 16 thời Tống Nguyên Gia, đi theo Thái thú vùng Chung Ly là Nguyễn Âm ở tại quận. Nguyễn Âm sai Trĩ Tông đi đến thôn xa, lính trong quận là Cái Cẩu và Biên Định cùng đi theo. Đi đến nhà Đạt Dân, lờ mờ giống như ngủ, thế là không tỉnh lại nữa. Đạt Dân cho rằng đã chết bèn đưa ra ngoài cổng đang lo liệu đồ dùng tẩm liệm. Trải qua một đêm tỉnh lại tự mình nói rõ ràng như vậy: Ban đầu có khoảng một trăm người trói Trĩ Tông đem đi. Đi mấy chục dặm đến một ngôi chùa Phật, Tăng chúng cúng dường không khác gì ở thế gian. Có một vị Tăng nói: Ông thích đánh cá và săn bắn, nay phải nhận chịu quả báo. Thế là bắt lấy Trĩ Tông lột da cắt thịt vụn ra, đầy đủ như cách làm thịt các loài vật tế thần. Lại đưa vào nước sâu móc miệng mà kéo ra, mổ bụng cắt xẻ giông như làm ác. Lại bỏ vào vạc nấu-lò nướng, ban đầu đều bị nát nhừ, sau đó mà trở lại như cũ, đau đớn khổ sở vô cùng đến lần thứ ba mới dừng lại. Hỏi muốn sống hay không? Trĩ Tông liền rập đầu xin tha mạng. Đạo nhân khiến ngồi xổm dưới đất, lấy nước tưới vào và nói: Một lần tưới vào trừ diệt năm trăm tội lỗi. Trĩ Tông nài nỉ cầu xin tưới cho nhiều lần. Sa môn nói: Chỉ ba lần là đủ rồi. Thấy có mấy con kiến, Đạo nhân chỉ và nói: Loài này tuy là vật nhỏ bé là đủ rồi. Thấy có mấy con kiến, Đạo nhân chỉ và nói: Loài này tuy là vật nhỏ bé mà cũng không được giết hại, bất kể là loài gì lớn hơn loài này, cũng không được giết hại, cá thịt tự chết đi thì vật này có thể ăn vậy, gặp ngày trai hội thì đều mặc áo mới, không có áo mới thì có thể giặt sạch. Trĩ Tông nhân đó hỏi: Con đi gồm có ba người tất cả, mà chỉ một mình con chịu đau khổ là vì sao? Đạo nhân nói: Hai người kia tự mình biết rõ tội phước, biết mà cố tình phạm vào thì chỉ có ông ngu si mê mờ không biết gì nhân duyên quả báo, cho nên lấy đó mà khuyên nhủ lẫn nhau! Nhờ đó mà được sống lại, vài ngày sau có thể đứng dậy. Vì vậy liền đoạn tuyệt đánh cá và săn bắn mà thôi.

Chuyện trên đây trích trong Minh Tường Ký.

6/ Thời nhà Lương có chùa Tiểu Trang Nghiêm, ở làng Định Âm vùng Kiến Khang, vốn là đất miếu thờ Linh Lăng Vương triều nhà Tấn, Thiền sư Độ bắt đầu xây dựng vào năm thứ 6 thời Lương Thiên Giám. Lúc ấy áo Trâu Văn lập, cuộc đời lấy nghề giết mổ nấu nướng để sinh

sống, đã từng giết một con hươu, con hươu quỳ xuống mà chảy nước mắt, cho là điềm không tốt, liền tiến hành mộ thịt, con hươu mang thai một con hươu non, sắp đến ngày sinh đẻ. Đến nhà bếp đau xót vô cùng, trong lòng có nỗi trắc ẩn sợ hãi, vì vậy mà phát bệnh, mày râu đều rụng, thân hình lở loét khắp nơi. Vì thế sinh lòng hổ thẹn, phát khởi hối hận trách mình thật sâu sắc, mới cầu đạo với Thiền sư Độ phát lộ sám hối thiết tha, lập thệ nguyện to lớn, dốc hết tiền bạc trong nhà, quay lại mua khu đất này để xây dựng chốn Già lam.

Xem trong Lương Kinh Tự Ký.

7/ Cuối niên hiệu Khai Hoàng nhà Tùy có người ở Đại Châu, học Vương làm chức Phiêu kỵ tướng quân, trấn thủ tại Bồ Châu, tánh thích săn bắn, đã giết hại rất nhiều loài vật, có năm người con trai nhưng không có con gái. Về sau sanh được một cô gái đoan trang xinh đẹp, mọi người trông thấy vô cùng yêu quý, cha mẹ trong lòng nghĩ rằng không giống như người phạm tục. Đã trở về quê nhà và bà con thân thích may cho áo quần mà cùng nhau nuôi dưỡng yêu quý. Cô con gái đến năm 7 tuổi, bỗng nhiên mất đi, không biết nơi nào để tìm kiếm, ngờ rằng người cùng làng đùa giỡn giấu đi, thế là hỏi thăm khắp nơi mà không thấy. Các anh trai cưỡi ngựa đi xa tìm mới thấy, cách nhà hơn 30 dặm, ngựa đuổi theo không kịp. Các anh trai đem mấy chục kỵ binh cùng vây lại mới được, trong miệng phát ra tiếng tựa như tiếng thỏ kêu, trong chân bị gai đâm đầy, trải qua thời gian hơn một tháng không ăn mà chết. Cha mẹ đau xót không thể nào tự rời xa được. Bởi vì cha săn bắm gây ra tai họa cho con gái nhận chịu, cả nhà trai giới rèn luyện thực hành không dứt. Quan giúp việc trong dinh quan Đại lý là Thái Tuyên Minh, từng làm Pháp tào ở phủ Đại Châu, đến nói cho biết việc này.

Chuyện trên đây trích trong Minh Báo Ký.

8/ Thời nhà Tùy có Khương Lược ở Thiên Thủy làm Lang tướng vùng Ưng Dương, tuổi trẻ thích săn bắn, thông thạo về thả chim-xua chó. Về sau gặp phải bệnh hoạn trông thấy bầy chim mấy ngàn con đều không có đầu, vây xung quanh giường của Khương Lược mà kêu rằng: Mau trả đầu lại cho tôi. Khương thì đau đầu tắt hơi lâu sau tỉnh lại, vì vậy thỉnh cầu chúng Tăng gấp rút làm phước thiện cho những đàn chim. Nhận lời làm phước rồi đều bay đi, không lâu sau được khỏi bệnh. Khỏi bệnh rồi suốt đời đoạn tuyệt rượu thịt, không dám giết hại sanh mạng. Đến tại Lũng Hữu gặp Khương Lược, năm ấy tuổi khoảng chừng 60, tự mình nói rõ rằng như vậy.

9/ Đầu thời Tùy Khai Hoàng, trong ấp thuộc vùng ngoài Kì Châu

có đứa trẻ, tuổi chừng 13, thường trộm trứng gà nhà hàng xóm lùi trong than nóng mà ăn. Sau đó vào sáng sớm, người trong thôn chưa dậy, nghe bên ngoài cổng có tiếng người gõ cửa gọi đứa trẻ này. Người cha bảo đứa trẻ đi ra trả lời người ta. Thấy một người nói rằng: Quan phủ gọi ông. Đứa trẻ nói: Gọi tôi làm người sai khiến, vậy thì để vào nhà lấy áo quần lương thực. Sứ giả nói: Không cần đâu. Nhân đó dẫn đứa trẻ đi ra ngoài, phía Nam thôn trước kia là ruộng dâu, cày xong nhưng chưa xuống giống, mà đứa trẻ này bỗng nhiên thấy phía bên phải đường đi có một khu thành nhỏ, lầu cổng 4 mặt quét màu đỏ-trắng rất nghiêm trang. Đứa trẻ cảm thấy quái lạ bèn nói: Khu thành này có từ lúc nào? Sứ giả trách mắng đứa trẻ khiến đừng nói. Nhân tiện đến cổng phía Bắc khu thành khiến đứa trẻ đi vào trước, đứa trẻ bước qua bậc cửa, cổng thành bỗng nhiên đóng lại, không thấy một người nào, chỉ là khu thành trống rỗng, đất đều là tro nóng lửa vụn, sâu vừa lút mắt cá chân. Đứa trẻ bỗng gào thét chạy đến cổng phía Nam, gần đến nơi liền đóng lại. Lại chạy đến cổng phía Đông-Tây cũng đều như vậy, chưa đến thì mở toang, đã đến liền khép lại. Lúc ấy người trong thôn ra đồng để hái dâu tằm, trai gái rất đông, đều thấy đứa trẻ này ở trong ruộng cày ải, miệng hình như có tiếng khóc lóc mà bỏ chạy băng băng khắp bốn phía, đều nói với nhau rằng: Đứa trẻ này mất trí chăng, sáng sớm đã như vậy, chơi đùa không dừng lại. Đến giờ ăn cơm trưa, những người hái dâu tằm đều trở về, cha đứa trẻ hỏi rằng: Gặp con tôi hay không? Những người hái dâu đáp rằng: Con ông chạy nhảy chơi đùa ở phía Nam của thôn, gọi mà không chịu đến. Cha đứa trẻ đi ra ngoài thôn, từ xa trông thấy đứa trẻ chạy nhảy, gọi to tên của con một tiếng thì đứng lại, tro nóng trong khu thành bỗng nhiên không thấy nữa, trông thấy cha mà ngã nhào, gào khóc kể lể. Nhìn thấy nửa bắp chân trở lên thì máu thịt cháy khô, từ đầu gối trở xuống thì nát nhừ như bị nướng, bế con trở về chữa trị chăm sóc, phần đùi trở lên da thịt như cũ, đầu gối trở xuống thì trở thành xương khô. Người trong làng nghe chuyện tranh nhau đến hỏi nguyên do. Đáp rằng như trước đã thấy. Mọi người xem kỹ nơi đã chạy nhảy thì thấy dấu chân rất rõ ràng, hoàn toàn không có tro than. Bởi vì tội lỗi nghiệp chướng cho nên chạm đến nơi thấy ngục tù khổ sở. Thế là sau đó người trong làng, già trẻ gái trai không kể gì lớn nhỏ, đều giữ gìn trai giới đến chết không thiếu sót. Có Đại đức Tăng là Pháp sư Đạo Tuệ, vốn là người Kí Châu, đến nói đầy đủ sự việc, giống như người trong làng kể lại.

10/ Thời nhà Đường có Toại An Công Lý Thọ là Đô Đốc vùng

Giao Châu, bắt đầu từ dòng dõi tôn thất (họ vua) mà được phong Vương. Đầu thời Đường Trinh Quán, từ chức trở về dinh phủ ở chốn kinh thành, tánh thích săn bắn, thường ngày nuôi mấy lồng chim ưng, giết chó của người ta để nuôi chim Ưng. Không lâu sau An Công lâm bệnh, thấy năm con chó đến đòi mạng, An Công nói: Người giết các ngươi là tôi tớ, hiểu rõ lỗi lầm, không phải là tội lỗi của ta. Những con chó nói: Hiểu rõ há có thể tự tại được sao? Vả lại, chúng tôi đã không lấy trộm đồ ăn của ông, tự nhiên đi qua ở trước cổng, mà giết oan chúng tôi thì cần phải trả lẫn nhau chứ suốt đời không chấm dứt được. An Công nhận lỗi xin làm phước giúp cho siêu thoát, bốn con chó đồng ý, còn một con chó trắng không đồng ý mà nói: Tôi đã vô tội mà giết tôi, lại trong lúc chưa chết, ông đã cắt vụn thịt của tôi đang còn sống, cắt xẻ đau đớn vô cùng, tôi nghĩ đến nỗi hiểm độc này, đâu có thể tha cho ông được! Chốc lát thấy một người, thay An Công cầu xin với con chó trắng rằng: Giết chết người ấy đối với ông không ích lợi gì, tha thứ khiến cho làm phước giúp ông, cũng không phải là tốt hơn hay sao? Con chó trắng bèn đồng ý. Một lát sau An Công tỉnh lại thì mắt phải chứng phong hàn, tay chân thân thể không điều khiển được. Ngay sau đó làm phước giúp cho nấy con chó mà bệnh của An Công cuối cùng không khỏi được. Diên An Công Đậu Uẩn là em trai của phu nhân An Công, đến nói cho biết chuyện như vậy.

Bốn chuyện trên đây trích trong Minh Báo Ký.

11/ Thời nhà Đường có Phương Sơn Khai là quân nhân trong thành Tào Châu, tuổi trẻ giỏi về cung tên, rất thích săn bắn, lấy việc ấy làm sự nghiệp, đã giết hại rất nhiều thú vật. Vào năm thứ 11 thời Đường Trinh Quán, chết trải qua một đêm mà sống lại, nói rằng: Lúc mới chết bị hai người dẫn đi, đi khoảng chừng hơn mười dặm, thì lên trên một ngọn núi, ba con quỷ cùng nhau dẫn đường cho Sơn Khai bước lên bậc cấp mà tiến vào, lên gần đến đỉnh, bỗng nhiên có một con chim ưng trắng to lớn, miệng và móng vuốt làm bằng sắt, bay đến vồ lấy má bên trái của Sơn Khai mà bay đi. Lại có một con chim ưng đen, miệng và móng vuốt cũng bằng sắt, vồ lấy vai bên phải của Sơn Khai mà bay đi, bay đến trên đỉnh, dẫn vào phòng làm việc, thấy một vị quan mặc áo quần màu đỏ-đầu đội mũ-khăn bịt đầu màu đen, nói với Sơn Khai rằng: Từ trước đến nay có công đức gì, có thể nói tất cả những công đức vốn có. Thưa rằng: Từ lúc lập thân đến nay không tu tạo công đức: Có thể tạm thời dẫn đến viện phía Nam để nhìn xem! Hai người liền dẫn đi về phía Nam, đến trong một khu thành, cao vút nguy hiểm vô cùng. Hai

người gõ vào cổng phía Bắc khu thành mấy cái, cổng lập tức mở ra, thấy trong khu thành hừng hực toàn là lửa dữ, bên cạnh cổng có mấy con rắn độc, đều dài hơn mười trượng, đầu to như cái chum năm Thăng, trong miệng nhả ra lửa, như muốn phụt vào người. Sơn Khai sợ hãi không biết nơi nào thoát ra, chỉ biết rập đầu niệm Phật mà thôi. Cổng thành liền tự mở ra, bèn dẫn trở lại gặp vị quan sắp đưa đi nhận tội. Người hầu oan gián rằng: Sơn Khai chưa đến lúc thích hợp mà chết, chỉ sợ một khi đưa vào khu thành này thì không thể thoát ra được, chi bằng tạm thời tha cho khiến tu tạo công đức. Vị quan liền tha cho, khiến hai người trước đây đưa về. Theo con đường cũ ấy mà xuống, lại có chim ưng bay đến muốn cắp đi, nhờ vào hai người này giúp đỡ mà được thoát nạn. Xuống chân núi thì thấy một cái hầm, trong hầm ấy vô cùng dơ bẩn. Trong lúc chần chừ liền bị hai người đẩy vào, chốc lát thì sống lại. Dấu vết móng vuốt của chim ưng rất sâu, suốt đời không mất đi. Sơn Khai sau đó liền rời xa vợ con, lấy nhà làm chùa thờ Phật, luôn luôn lấy công hạnh đọc tụng kinh pháp làm sự nghiệp.

Chuyện trên đây trích trong Minh Báo Ký.

12/ Thời nhà Đường có Lưu Ma Nhi là người ở thôn Huyền Tuyền, huyện Hiếu Nghĩa-Phần Châu. Vào ngày 27 tháng 8 năm thứ bốn thời Đường Hiển Khánh, mắc bệnh nặng mà chết, con trai là Sư Bảo hôm sau cũng chết, hai cha con từ trước đến nay làm nhiều điều hiểm ác bất chính. Nhà láng giềng phía Bắc của Ma Nhi có người tên là Kì Lũng Uy, bởi vì đi hái củi bất ngờ bị xe đụng chết, trải qua mấy ngày mà sống lại. Mới trông thấy Ma Nhi và con trai là Sư Bảo đang ở trong vạc sôi, chỉ trong nháy mắt thì da thịt đều tiêu hết, không còn hình dạng con người, chỉ thấy toàn xương trắng, như vậy rất lâu thì trở lại hình dáng ban đầu. Lũng Uy hỏi nguyên cớ điều ấy, đáp rằng: Vì tôi săn bắn cho nên phải nhận chịu tội lỗi này. Lũng Uy lại hỏi Sư Bảo rằng: Cha ông ở nơi nào? Đáp rằng: Cha tôi tội nặng không thể đột nhiên gặp được, ông đã được trở về, cầu xin nói rõ cho trong nhà tôi biết, tu tạo trai phước cứu giúp cho! Nói xong bị sứ giả thúc bách, dẫn đến trước dinh phủ làm việc, trông thấy nhà cửa cao vút, quân lính cầm nghi trượng hơn 20 người, một vị quan hỏi rằng: Gần đây ông có làm phước phần gì không? Thưa rằng: Tháng Giêng năm ngoái Lũng Uy ở một mình trong thôn đọc xem tất cả các kinh, cởi một chiếc áo để bố thí, và thọ trì năm giới, cho đến bây giờ không vi phạm. Vị quan bèn nói: Nếu như lời ông nói thì công đức vô lượng, đâu cần phải đến đây? Thế là lấy sổ sách đối chiếu, thấy sổ sách ghi rõ: Người này đúng lúc phải chết không sai. Bên

cạnh có chú thích rằng: Nhờ phước bố thì và thọ giới giúp đỡ cho nên thích hợp mà được kéo dài tuổi thọ. Vậy là sai người đưa trở về, đúng lúc ấy thì sống lại.

Chuyện trên đây trích trong Minh Báo Ký.

13/ Thời nhà Đường có Lý Tri Lễ ở Lũng Tây, thưở trẻ rất nhanh nhạy, thông thạo về bắn cung, có tài cưỡi ngựa và phóng lao săn bắn, đã giết hại rất nhiều thú vật. Có lúc giăng lưới bắt cá nhiều không thể nào tính được. Năm thứ 19 thời Đường Trinh Quán, mắc căn bệnh nhẹ khoảng ba, bốn ngày thì chết. Lúc mới chết thấy một con quỷ, cùng dắt theo một con ngựa, lớn bằng ngựa của người thế gian đã cưỡi, nói với Tri Lễ rằng: Vua Diêm La truy tìm ông. Thế là khiến Tri Lễ cưỡi ngựa. Trong chốc lát, bỗng nhiên đến phía trước nhà vua. Nhà vua ra quy định rằng: Phái ông đi đánh giặc, nhất định không được thất bại, thất bại thì giết chết ông. Có đồng bạn gồm hai mươi bốn người, đi về hướng Đông Bắc, nhìn quân giặc không trông thấy giới hạn, trời đất hoàn toàn tối mịt, bụi phủ xuống như mưa, Tri Lễ cùng đồng bạn bị bại trận, nói với mọi người rằng: Lệnh nhà vua rất nghiêm khắc, thà rằng tiến về phía trước mà chết chứ không thể nào bại trận trở về. Tri Lễ quay ngựa về phía trước bắn ba phát tên, sau đó quân giặc hình như có phần nào co lại. Bắn liên tục năm phát thì quân giặc thất bại tản mất. Xong việc trở về yết kiến nhà vua. Nhà vua quở trách Tri Lễ: Đối phương của ông tuy rút lui nhưng vì sao lúc mới đánh nhau thì lại thua trận? Dùng dây buộc tóc, trói cả tay chân, đặt nằm ở trên đá, lấy đá lớn đè xuống mà dùng làm cối xay, trước sau bốn người đều bị xay nát thân thể. Tiếp đến lượt Tri Lễ thì nghiêm giọng bảo rằng: Quân giặc thất bai trước đây, đều là do sức mạnh của Tri Lễ, trở về bị nhà vua giết, không thể lùi lại phía sau mà chịu thua trận. Nhà vua liền thả ra, lại không còn nhắc nhở hạn định gì nữa, tùy ý đi mọi nơi. Trải qua ba ngày tất cả, hướng về phía Tây Bắc đi ra ngoài, tiến vào một tường thành bao quanh một khu nhà, một bầy cầm thú có thể chen đầy khu đất hơn ba mẫu, toàn bộ chạy đến đòi mạng dần dần áp sát với nhau. Một con chó cái đã từng bị bắn chết, chạy thẳng về trước mặt cắn vào mặt Tri Lễ, sau đó khắp thân thể không có nơi nào không bị thương. Thấy ba con quỷ to lớn, tất cả đều cao một trượng năm thước, vây quanh cũng như con chó cái, cùng nhau lột da thịt của Tri Lễ, chốc lát thì thân hình không còn, chỉ còn mặt và mắt với bộ xương trắng, trông thấy đủ cả Ngũ tạng, đem thịt đã lột này chia cho các loài cầm thú, thịt ấy hết rồi lại sanh ra, sanh ra rồi lại lột đi. Trải qua ba ngày như vậy, khổ đau cùng cực thật không thể nào nhớ nổi.

Sự việc chấm dứt thì quỷ to lớn và các loài cầm thú bỗng nhiên biến mất, Tri Lễ quay đầu nhìn khắp nơi không trông thấy một vật gì, lập tức trèo tường chạy về phía Nam, không còn biết nơi chốn nào cả, trong ý tựa như vừa chạy qua cả ngàn dặm. Lại thấy một con quỷ đuổi theo bắt kịp Tri Lễ, thế là dùng cái lồng sắt chụp xuống, có vô số loài cá tranh nhau đến ăn thịt. Rất lâu sau, con quỷ liền quay lại chỗ cũ, bầy cá cũng không còn thấy nữa. Nhà Tri Lễ trước kia cúng dường một vị Tăng, vị Tăng ấy đã chết, nay đến đỡ cái lồng cho Tri Lễ, nói với Tri Lễ rằng: Đàn việt rất đói rồi! Trao cho ba viên gì màu trắng giống như quả táo, khiến Tri Lễ ăn. Lúc ăn liền cảm thấy rất no. Lại nói với Tri Lễ rằng: Đàn việt trở về nhà, bần đạo cũng đi nơi khác. Tri Lễ đến phía Bắc nhà mình đã ở trông thấy một hầm lớn, trong hầm ấy có các loại gươm giáo dựng lên nhọn hoắt không thể nào qua được. Thấy cô con gái của anh trai mình cùng người hầu gái bưng hộp, cũng có tiền bạc khăn lụa và một đồ dùng đựng đồ ăn thức uống đứng ở phía Đông Bắc cái hầm. Trong tâm Tri Lễ trách rằng người hầu gái này và cô cháu gái có ý chơi đùa thật quái lạ. Quay đầu nhìn về phía Bắc thì trông thấy một con quỷ, tuốt gươm xông thẳng đến, Tri Lễ nhìn về phía Bắc thì trông thấy một con quỷ, tuốt gươm xông thẳng đến, Tri Lễ sợ hãi khom mình lao xuống hầm, lập tức được sống lại. Từ lúc mới chết cho đến khi sống lại. Từ lúc mới chết cho đến khi sống lại, tất cả trải qua sáu ngày. Sau hỏi người trong nhà, thì chính là cô cháu gái mang khăn lụa bằng giấy, đem đến đốt để chuyển cho Tri Lễ. Đang lúc ấy đã nhìn thấy, quả là thấy tiền đồng và tơ lụa như thật.

Chuyện trên đây trích trong Minh Báo Ký.

14/ Năm thứ ba thời Đường Hiển Khánh, lúc Từ Vương nhậm chức Thứ sử vùng Tiến Châu, có người làm nghề giết mổ ở ngõ phía Đông chợ, giết thịt một con heo, mạng sống đã đoạn mà ngâm vào nước sôi, lông da đều rụng hết, chết đã qua nửa ngày. Người thợ mổ ham giết con heo khác, cho nên chưa kịp xẻ thịt, đến lúc trời sáng lấy dao mổ bụng con heo, vạch dài dưới bụng, cả lưỡi dao hãy còn chưa vào đến bụng, con heo ấy bỗng nhiên vùng dậy chạy ra ngoài cửa, lao thẳng vào bức tường phía Tây chợ, vào trong cửa hiệu của một người đức hạnh chiu xuống giường mà nằm. Người trong chợ tranh nhau đến xem chuyện lạ, người thợ mổ còn cầm dao chạy đuổi theo, người xem hỏi nguyên cớ của điều này. Người thợ mổ còn cầm dao chạy đuổi theo, người xem hỏi nguyên cớ của điều này. Người thợ mổ đáp rằng: Cả đời tôi đến bây giờ giết heo chưa từng nghe thấy chuyện này. Người thợ mổ vẫn còn muốn

mang con heo ấy đi. Cả mấy trăm người xem, đều giận dữ trách mắng người thợ mổ, tranh nhau trích tiền chuộc lại được con heo. Mọi người cùng làm căn nhà nhỏ cho con heo sinh sống, lông trên thân hình lâu sau mới lại được. Nơi vết thương dưới cổ và dưới bụng lành rồi làm thành cục thịt lớn, to bằng khoảng cánh tay, ra vào đi lại thường không làm bẩn ngôi nhà ấy, tánh sạch sẽ không giống như những con heo khác, đến 4-5 năm sau mới chết. (Nhân viên trong phủ Từ Vương là Vương Đồng Nhân, người ở huyện Tấn Dương-Tính Châu, đích thực trông thấy đầy đủ nói cho biết chuyện này).

Thiên thứ 74: TỪ BI

Thiên này có năm phần: Thuật ý, Bồ-tát, Quốc Vương, Súc sanh, Quán khổ.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Rằng bẩm khí của hàm sanh đều có linh trí, loài bò bay máy cựa đều biết sợ chết, khiến cho Bồ-tát phát khởi công hạnh cứu tế làm trước hết, chư Phật xuất thế lấy tâm Đại Bi làm căn bản, cho nên đứng trước sông muốn có ác không bằng hãy đan lưới, nhìn người khác được phước báo không bằng bãy gieo nhân. Vì vậy mong cầu quả báo trong tương lai, không bằng trước hãy phát khởi làm điều thiện, sang hèn giúp đỡ như nhau, tâm bình đẳng với tốt xấu, gieo nhân phước điền Tam Bảo, tôn trọng đối với Tứ Sanh. Tất cả cần phải đến lúc cứu giúp, cung cấp đầy đủ cơm ăn áo mặc, dốc hết vật quý báu nắm trong tay, buông hết mọi thú vui của tai mắt, xả bỏ mà dâng cúng-tùy thuận để hoan hỷ. Người tin tưởng thì dùng hòm nhỏ-họp tre để ngợi khen tâm ý, lụa là-châu ngọc để bày tỏ chân thành, thân mạng xương tủy hãy còn không lưu luyến bảo vệ, huống là tài sản bên ngoài há sinh lòng ái trước? Thực hành công hạnh Bồ-tát cũng không cần phải tìm kiếm, tuy tâm không cần đến vật mà vật cũng nói rõ tâm, tâm và vật đều đầy đủ thì phước và trí thực hành song song vậy thôi.

Thứ hai- PHẦN BỒ TÁT

Như kinh Đại Tập nói: "Đức Phật dạy: Xưa Ta vì tất cả chúng sanh, tu hạnh Bồ-tát, vì pháp nhãn này đối với các chúng sanh phát tâm Đại Từ, xả bỏ máu trong thân mình giống như biển rộng. Giúp cho những người cầu xin, xả bỏ đầu mắt tai mũi như núi Tỳ Phước La, xả bỏ mũi lưỡi... như mười Đột Lô Na, xả bỏ tay chân... như núi Tỳ Phước La, xả bỏ da được thì đều thực hành mười thiện, là không sát sanh cho đến không tà kiến, Ta đang làm vua, vì vậy không nói lời ấy, nay các ông có thể chuẩn bị nghiêm túc xe cộ voi ngựa, Ta muốn tự mình đi giáo hóa dân chúng trong nước. Voi cõi trời đã đến, nhà vua lập tức cưỡi voi đi, nhà vua nói: Hãy chỉ rõ cho Ta, người nào nói Ta dạy cho nên chúng trong nước làm mười điều ác! Người ấy liền chỉ cho nhà vua, nhà vua hỏi rằng: Tuệ Đăng dạy cho ông làm mười điều ác chăng? Đáp rằng: Thật là như vậy. Nhà vua lại hỏi rằng: Có thể có phương tiện thực hành mười thiện hay không? Đáp rằng: Có. Hỏi rằng: Điều ấy như thế nào vậy? Người ấy đáp rằng: Nếu được thành tựu Bồ-tát thì sống phải ăn

thịt của nhà vua, uống máu của nhà vua, mới có thể thực hành mười thiện. Lúc ấy vua Tuệ Đăng dấy lên suy nghĩ như vậy: Ta từ vô thỉ đời kiếp đến nay, trải qua mọi đau khổ luân chuyển trong năm đường, hoặc chịu cắt tay cắt chân, tai-mũi và móc mắt cắt đầu, cuối cùng ích lợi gì đâu? Lập tức lấy dao sắc tự cắt thịt trên đùi mình, lấy đồ đựng máu trao cho người ấy, mà nói cho biết rằng: Này người thiện nam! Ông có thể ăn uống máu thịt này để vâng mạng thực hành mười thiện. Lúc ấy người đàn ông ấy không chịu đựng nổi uy đức của vua Tuệ Đăng, lập tức ẩn mất không thấy nữa, bỗng nhiên có Thiên Đế lại đứng ở trước mặt, hỏi nhà vua rằng: Nay nhà vua bố thí vì một thế giới hay vì hai-ba-bốn thế giới vậy? Vì nhật nguyệt-Thiên Đế Thích-Ma vương-Phạm vương chăng? Nhà vua đáp rằng: Ta bố thí không vì thế giới cho đến Ma-phạm..., Ta phát khởi ý nghĩ mong cầu Nhất thiết trí Vô thượng chân chánh, ai chưa cứu độ thì cứu độ, ai chưa giải thoát thì giải thoát, ai chưa đạt được Niết-bàn thì khiến cho đạt được Niết-bàn, cứu độ mọi điều sanh già bệnh chết buồn lo khổ não cũng giống như vậy. Lúc ấy Thiên Đế Thích liền suy nghĩ như vậy: Nay Ta làm cho vua Tuệ Đăng gặp phải vế thương này mà chết thì thật là không phải. Vì lẽ đó nên lấy cam lộ cõi trời rưới trên thân thể nhà vua! Lập tức rưới cam lộ xuống thì vết thương bình phục như cũ.

Đức Phật bảo với vua Bình Sa rằng: Vị vua làm lợi ích cho chúng sanh lúc bấy giờ, há người nào khác ư, mà chính là Phụ Vương Bạch Tịch ngày nay. Phu nhân bậc nhất của vua lúc ấy, nay chính là Mẫu Hậu Ma Gia. Vua Tuệ Đăng lúc ấy, chính là thân Ta bây giờ. Ta ở đời trước giáo hóa nhiều người trong cõi Diêm Phù Đề đều thực hành mười thiện nghiệp. Nhờ vào nhân duyên này cho nên tướng Thiên Phúc dưới bàn chân thành tựu từng vòng từng vòng rộng mở rộng mở, ánh sáng chói lọi rực rỡ soi chiếu khắp nơi ba ngàn Đại thiên thế giới."

Còn trong kinh Đại Bi Phân Đà Lợi nói: Đức Phật bảo với những người thiện nam: Ta ở quá khứ vô lượng A-tăng-kỳ Đại kiếp xa xưa, lúc bấy giờ cõi này tên là Vô Trần Di Lâu Yếm. Trong thời Tượng pháp của Đức Như Lai Liên Hoa Hương, người ở Đại kiếp ấy thọ được một trăm tuổi, Ta làm Luân Vương của cõi Diêm Phù Đề, tên gọi là Vô Thắng. Ta và một ngàn người con cùng phát tâm Bồ đề, đều cùng nhau xuất gia, ở trong giáo pháp của Đức Như Lai Hoa Hương tu tập đầy đủ phạm hạnh, chỉ có sáu người con không muốn xuất gia cũng không phát tâm Bồ đề. Ta nhiều lần khuyên nhủ dạy bảo, hỏi tại sao không xuất gia, sáu người con liền trả lời vua cha rằng: Con không có năng lực xuất gia

đâu. Nhà vua lại hỏi rằng: Các con vì sao không phát tâm Bồ đề? Họ nói rằng: Nếu có thể đem tất cả cõi Diêm Phù Đề ban cho chúng con, thì chúng con sẽ phát tâm Bồ đề. Ta nghe rồi thật là hoan hỷ, khiến cho tất cả mọi người trong cõi Diêm Phù Đề trú vào ba quy y và tám trai giới. Lại khuyến khích tu học ba Thừa, phân cõi Diêm Phù Đề này ra làm sáu phần, đem trao cho sáu người con và khuyến khích hãy phát tâm Bồ đề, Ta liền xuất gia tu tập đầy đủ phạm hạnh. Sáu Vương Tử kia không hòa thuận với nhau, phát động binh mã đánh nhau làm cho tất cả không thể tự yên ổn được, cõi Diêm Phù Đề lâm vào cảnh vô cùng đói kém, trời không tuôn mưa, thóc lúa hoa màu không sinh trưởng được, cỏ cây không sống nổi. Ta liền tư duy: Nay chính là lúc cần phải đem thân mạng bố thí, làm cho máu thịt được đầy đủ. Thế là rời khu rừng mà đi, hướng đến trên núi Chương Thủy trong trung tâm đất nước lập Đại thệ nguyện. Lúc ấy cung điện của A-tu-la thảy đều chấn động dữ dội, đất nước Di Lâu Yếm nghiêng ngã lắc lư, nước biển cuộn trào sóng tung cao ngất, trời và các thần thảy đều rơi lệ đau xót. Lúc ấy Ta liền từ trên núi tự lao thân xuống, bởi vì bổn nguyện cho nên lập tức trở thành núi thịt, cao một Do tuần, dọc ngang đều bằng nhau. Nhân dân và chim thú đến ăn máu thịt, bởi vì bổn nguyện cho nên ngày đêm lớn lên thêm, dần dần cao đến một ngàn Do tuần, dọc ngang cũng đều bằng nhau như vậy, bốn phía đều có đầu người, đều có đủ lông tóc mắt trai mũi lưỡi miệng răng. Những đầu người ấy cao tiếng nói to rằng: Hỡi chúng sanh các người, tất cả đều tùy theo mong muốn của mình, tùy ý mà lấy, máu thịt và sáu căn, làm cho thân thể được đầy đủ, thuận theo ý các người mong cầu, tất cả đều tự nhiên mà lấy! Người phát tâm ba Thừa cho đến người cầu có phước báo trời-người, hoặc có người ăn thịt uống máu, hoặc có người lấy mắt-lấy tai-lấy môi-lấy răng-lấy lưỡi, bởi vì bổn nguyện cho nên chốc lát trở lại như cũ, không hết đi-không giảm bớt, cho đến trong mười ngàn năm, dùng thân máu thịt làm cho đầy đủ tất cả mọi người-Dạ xoa và chim thú trong cõi Diêm Phù Đề. Ở trong mười ngàn năm bố thí mắt như cát sông Hằng, bố thí máu giống như bốn biển rộng, bố thí thịt trên thân mình như một ngàn núi Tu Di, bố thí lưỡi cho người nhiều như núi Thiết Vy, bố thí tai nhiều như núi Trung Di Lâu, bố thí mũi nhiều như núi Đại Di Lâu, Ta bố thí răng nhiều như núi Kỳ Xà Quật, bố thí da bằng che kín cõi Sa Ha Lợi. Này người thiện nam! Ta quán xét từ trong mười ngàn năm dùng một thân mạng bố thí trải qua vô lượng A-tăng-kỳ như vậy, vì vô lương A-tăng-kỳ chúng sanh, không có một ý niệm nào mà sinh tâm hối tiếc. Lập tức phát Đại nguyện: Nếu tôi được thành tựu

ý nguyện A nậu Bồ đề, trọn vẹn như vậy, thì xả bỏ tất cả Hằng hà sa số, mười phương như vậy, trong cõi Phật gặp thời năm trược dùng thân thịt làm đầy đủ cho mọi chúng sanh, trải qua hằng sa Đại kiếp. Nếu ý nguyện này của tôi không trọn vẹn, thì khiến cho tôi vĩnh viễn không thấy được chư Phật mười phương, không thành tựu Bồ đề, cũng khiến cho tôi không được nghe thấy tiếng của Tam Bảo và Tam Thừa, cũng khiến cho tôi thường ở trong địa ngục A Tỳ."

Lại trong kinh Đại Bi Phân Đà Lợi nói: "Đức Phật dạy: Ta nhớ thời quá khứ vọ lượng kiếp, cõi Phật này tên là Nhật Nguyệt Minh. Vào thời năm trược, Ta ở cõi Diêm Phù Đề này làm Chuyển Luân Vương, tên gọi là Đăng Minh, dùng thiện hạnh khuyến khích giáo hóa tất cả chúng sanh. Lúc Ta đi dạo chơi ngắm nhìn vườn cây, thấy có một người bị trói chéo hai cánh tay thật là khốn khổ, liền hỏi các quan: Người này phạm tội gì? Các quan thưa rằng: Người này dối gạt Vương pháp, dám cho mình là dân cõi trời, thường đi qua lấy trộm đồ vật, sáu phần trộm lấy một, người này làm trái phép tắc quy định. Nhà vua liền bảo với các quan: Nhanh chóng cởi trói cho người này, lương thực dầu sữa cất giữ đừng khở công tìm lấy nữa! Các quan thưa với nhà vua rằng: Cuối cùng không có người nào có thể dùng tâm thiện trộm lấy các đồ vật của nhà vua, mà có thể ngày ngày càng cung cấp cho nhà vua-phu nhân và các quyến thuộc, nhà bếp cung cấp mọi thứ cần dùng đều là từ dân chúng sản xuất ra, đương nhiên không phải sức lực của nhà vua thì rốt cuộc không thể có được. Lúc ấy Ta ưu sầu mà tự tư duy: ngội vị Quốc Vương này bây giờ nên giao phí cho ai? Ta có năm trăm người con đều khuyến khích thuận theo Bồ đề, liền phân või Diêm Phù Đề này làm thành năm trăm phần giao cho các con, lập tức rời bỏ mà đi đến chốn rừng núi cầu Tiên tu phạm hạnh. Ngồi thiền trong khu rừng Ưu Đàm Bát La, phía Nam tiếp cận biển rộng, ăn trái quả cỏ cây để giúp duy trì thân mạng, dần dần không lâu sau đạt được năm thần thông. Lúc bấy giờ ở cõi Diêm Phù Đề có năm trăm người buôn, đi vào biển thu thập vật báu, kiếm được rất nhiều châu báu. Chủ buôn trong mọi người tên là Túc Vương, có chút phước đức cho nên có được ngọc Ma ni Như ý, từ đảo châu báu kia lấy được nhiều loại châu báu cùng với ngọc Ma ni. Lúc bắt đầu dẫn lối lên đường thì nước biển cuộn sóng tung lên, các loài rồng làm não loạn, khóc lóc kêu cứu thần biển. Trong đó có con rồng thành Tiên, tên gọi là Mã Tạng, thật sự là Bồ-tát, mà vì bổn nguyện cho nên sanh vào trong đó. Đại Bồ-tát ấy dìu dắt che chở đoàn khách buôn vượt qua biển rộng yên ổn, tự trở lại trú sở của mình. Đi theo đoàn

khách buôn ấy có một La Sát hung ác, luôn luôn đuổi theo ở phía sau rình rập mong tìm được cơ hội thuận tiện, La Sát ấy ở giữa ban ngày làm cho gió mưa bất ngờ nổi lên, khiến những người buôn lạc mất đường đi, không biết hướng về nơi nào cho nên vô cùng sợ hãi, phát ra âm thanh lớn kêu gào khóc lóc nức nở đau thương, cầu khấn các Thần thần và gió-thần mưa..., thạm chí cất tiếng kêu gọi cha mẹ-vợ con yêu quý của mình để cầu thoát nạn. Lúc bấy giờ Ta dùng Thiên nhĩ nghe thấy âm thanh ấy, liền có lời an ủi nói rõ: Khách buôn các người đừng sợ hãi gì cả, Ta sẽ chỉ rõ đường đi cho các người khiến các người được an ổn đến cõi Diêm Phù Đề. Vào lúc bấy giờ Ta liền dùng lụa màu để tự buộc vào tay mình, bên trong tẩm dầu lấy lửa châm vào, phát ra lời nói chí thành: Ta ở trong rừng 36 năm đi qua 4 cõi Phạm, vì lợi ích của chúng sanh cho nên ăn các loại quả, đã cảm hóa tám mươi bốn ngàn các loài rồng-Da xoa khiến an trú không còn thối chuyển, vì thiện căn này khiến cho Ta đốt tay, để cho những người buôn này đến được cõi Diêm Phù Đề. Tay đốt như vậy trải qua bảy ngày bảy đêm, những người buôn ấy an ổn đến được quê nhà, liền tự lập nguyện: Châu báu như vậy, nếu tôi được thành tựu A nậu Bồ đề, thì khiến cho tôi được làm chủ buôn nắm giữ ngọc Như ý. Từ cõi Phật này hướng về trong hư không của hằng hà sa số cõi Phật vào thời năm trược khắp tất cả mười phương mưa xuống các thứ báu, trong mỗi một phương đều bảy lần mưa xuống các loại châu báu, tùy ý được đầy đủ, khiến cho vô lượng A-tăng-kỳ chúng sanh an trú trong Tam Thừa.”

Còn trong luận Đại Trượng Phu, Bồ-tát Đề Bà thuyết kệ rằng:

“Bậc trượng phu phước thiện công đức,
Tâm Đại Bi duỗi tay bố thí,
Cứu nạn trong bùn lầy bần cùng,
Kéo người không thể tự thoát ra.”

Như Bồ-tát bố thí, những người bần cùng đều đến quy tụ nương nhờ. Như cây to giữa đồng hoang trống trải lúc người đi đường nóng bức đều hướng đến nương tựa. Bồ-tát yêu thích danh tiếng tốt đẹp giải thoát, nếu có người đến nói với Bồ-tát rằng: Có người xin ăn đến. Bồ-tát hoan hỷ lập tức lấy tiền bạc đồ vật mà thưởng cho sứ giả, Bồ-tát liền lấy vật khác mà giúp cho người xin ăn, với lòng hoan hỷ kính mến. Người đến cầu xin nói lời xin giúp, lúc phát ra lời này thì tâm Bồ-tát nặng trĩu xót thương. Nếu có người cầu xin, không biết Thể tánh của Bồ-tát là vui với hạnh bố thí, Bồ-tát cầm tay hoan hỷ cùng trò chuyện, giống như bạn thân, loại bỏ ý niệm không biết của họ khiến cho sinh ra ý tưởng nhận

biết, người bên cạnh trông thấy như vậy lại cũng hoan hỷ. Nếu thấy người cầu xin, thì Bồ-tát nói năng hỏi han: Ông đến muốn yêu cầu như thế nào, tùy theo ý mình mà chọn lấy! Nói lời an ủi họ: Hãy cố gắng lên Hiền giả, đừng sinh lòng sợ hãi, tôi sẽ làm nơi nương tựa cho ông. Như vậy làm cho tâm người cầu xin ấy được an lành. Nếu bố thí như vậy thì gọi là người sống. Nếu không như vậy thì gọi là người chết. Nếu người không đến thì tự mình đến nơi giúp cho họ. Có người đến cầu xin thì thân mạng hãy còn buông xả, huống gì tiền bạc của cải? Nếu không có tâm Bi thì không gọi là bố thí. Nếu có tâm Bi mà bố thí thì chính là giải thoát. Tuy là rất giàu có mà gọi là nghèo khó, bởi vì người giàu có tuy giúp cho nhưng không có tâm thương xót, tuy gọi rằng giúp cho mà không phải là thí chủ. Bố thí với tâm thương xót, đó gọi là thí chủ. Nếu cầu quả báo mà bố thí gọi là người bố thí, thì người buôn bán cũng có thể gọi là bố thí. Nếu cầu quả báo mà bố thí thì quả báo hãy còn vô lượng, huống là có tâm Bi để bố thí mà không cầu quả báo, thì quả báo làm sao có thể tính kể được? Nếu cầu quả báo mà bố thí thì chỉ có được niềm vui sướng của riêng mình, chứ không có năng lực cứu giúp cho người, làm cho chính mình thêm mệt mỏi vô ích. Bố thí với tâm Bi thì có năng lực cứu giúp cho người khác, về sau cảm được quả báo luôn luôn có năng lực làm lợi ích to lớn. Tu hạnh bố thì thì cảm được giàu có, tu hạnh thiền định, thì đạt được giải thoát, tu hạnh Từ Bi thì đạt được Vô thường Bồ đề, quả báo thù thắng nhất trong mọi quả báo.

Bồ-tát tư duy: Nhờ người cầu xin ấy mà mình chứng được Bồ đề, nay mình nhờ vào bố thí mà cảm được niềm an lạc không gì sánh được. Niềm vui bố thí trong nhân hãy còn như vậy, huống là trong quả Vô thượng Bồ đề! Như vậy đối với người cầu xin, ân của họ thật sâu nặng, không thể nào đền đáp nổi. Nếu dùng tiền bạc châu báu thì không đủ để báo ân, nên dùng Vô thượng Bồ đề mà giúp cho họ, dùng phước của mình vốn có, nguyện làm cho người cầu xin ở đời tương lai cũng như mình bây giờ, trở thành vị Đại thí chủ đạt được Vô thượng Bồ đề. Không nghĩ đến ân tình thì không có tâm Từ Bi, nếu không có tâm Từ Bi thì không có công hạnh bố thí. Nếu không bố thí thì không có năng lực cứu độ chúng sanh thoát vòng sinh tử. Nếu không thực hành bố thí thì tâm Từ Bi bị che lấp. Như dùng sách đá mới biết rõ thật-giả, giả sử kẻ thù cũng giống như bạn thân.

Thứ ba- QUỐC VƯƠNG

Như kinh Phật Thuyết Nhật Minh Bồ-tát nói: "Đức Phật dạy: Thời

quá khứ cõi Diêm Phù Đề có vị Quốc Vương, tên gọi là Trí Lực, thường làm Phật sự tin sâu sắc đối với Tam Bảo. Lúc ấy có Tỳ kheo, tên gọi Chí Thành, ý thường tu trì Tam muội thương xót đối với mọi chúng sanh. Nhà vua muốn gặp Tỳ kheo này không bao giờ thỏa mãn. Trên bắp đùi của Tỳ kheo này mọc một cái nhọt rất tệ hại, thuốc thang trong nước chữa trị nhưng không thể nào lành được, nhà vua ưu sầu rất thương xót mà rơi nước mắt buồn bã. Lúc ấy hai vạn Phu nhân đồng thời nghĩ đến mà xót xa. Vào lúc nhà vua nằm ngủ, trong giấc mộng có người cõi trời đến nói với nhà vua rằng: Nếu chữa lành căn bệnh cho Tỳ kheo này, thì phải có được máu thịt của người đang sống để ăn uống, thì nhất định khỏi bệnh thôi. Nhà vua tỉnh giấc kinh sợ không vui, nghĩ rằng Tỳ kheo này bệnh nặng, quả là cần phải có thuốc loại thuốc ấy nhưng theo pháp thì khó mà có được. Truyền hỏi các quan làm cách nào có được. Thái Tử thứ nhất của nhà vua, tên gọi là Trí Chỉ, thưa với nhà vua chớ đau lòng, đừng ưu sầu vì điều ấy, máu thịt là điều không đáng lo. Liền trở vào trai phòng lấy dao cắt bắp đùi, có được thịt và máu đem đến cho Tỳ kheo. Tỳ kheo có được thuốc mà ăn uống xong, vết lở liền được trừ khỏi, thân thể được yên ổn. Nhà vua nghe Tỳ kheo được chữa khỏi thì vô cùng vui mừng, ý chỉ nghĩ đến Tỳ kheo mà không nhớ đến nỗi đau đớn của con mình. Nhờ vào niềm hoan hỷ có tâm chân thành sâu sắc, cho nên Thái Tử cũng tự nhiên bình phục". (Bởi vì thực hành giống như tâm Phật cho nên vết thương trên thân được lành lặn như cũ."

Còn trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: "Xưa có hai anh em Vương tử, cả hai người bị đuổi ra khỏi đất nước, đến giữa quãng đường trống trải thì lương thực đã cạn, người em bèn giết vợ chia thịt cho anh trai và chị dâu. Chị dâu liền ăn thịt ấy, người anh có được thịt này thì giấu mà vứt đi chứ không dám ăn, tự cắt thịt chân mình để vợ chồng cùng ăn. Thịt vợ người em đã hết, muốn giết chị dâu để ăn thịt. Người anh nói đừng giết, mà lấy thịt đã giấu trước đó, trở lại đưa cho em mình ăn. Đã đi qua quãng đường trống trải thì đến nơi ở của Thần Tiên, nhặt lấy hoa quả để tự cung cấp cái ăn. Sau đó người em bị bệnh mà chết, chỉ một mình người anh ở lại. Lúc ấy Vương Tử thấy một người bị hình phạt chặt hết tay chân, tâm phát khởi Từ Bi, hái lấy các thứ hoa quả, nuôi sống người bị hình phát ấy. Vương từ là người ít ham muốn đối với chuyện dục tình, đi hái lượm hoa quả, người vợ ở lại phía sau, quan hệ với người bị hình phạt. Vì có tình riêng cho nên rất căm ghét chồng mình. Vào một ngày nọ theo chồng đi hái hoa quả, đến bên bờ sông bèn nói với chồng rằng: hái lấy hoa quả trên ngọn cây kìa. Người chồng nói với vợ rằng: Phía

dưới có sông sâu, có lẽ sẽ bị rơi xuống thì nguy. Người vợ nói: Lấy dây buộc vào hông, thiếp sẽ giữ đầu dây. Đến gần bên bờ nước, người vợ đẩy chồng mình rơi vào trong dòng sông. Nhờ sức mạnh của thiện căn Từ Bi, trôi theo dòng nước mà không bị chết chìm. Trôi về hạ lưu của dòng sông, ở vùng ấy có Quốc Vương băng hà, thầy xem tướng trong nước ấy suy xét tìm kiếm khắp trong nước, ai thích hợp để làm vua. Từ xa trông thấy trên mặt nước có vầng mây vàng rực, thầy xem tướng thấy rồi, nghĩ rằng dưới vầng mây vàng rực chắc chắn có người thần. Liền cho người tiến vào giữa dòng nước mà đón lấy, lập lên làm vua. Vợ trước đây của nhà vua cõng người bị hình phạt ấy, xin ăn khắp nơi lần hồi đến đất nước của Vương tử. Người trong nước đều khen là có một người vợ tốt cõng một người chồng không còn tay chân, hầu hạ cung kính thật là hiếu thuận. Tiếng đồn đến tai nhà vua, nhà vua nghe vậy rồi liền sai người gọi đến đưa vào trước điện rồng. Nhà vua hỏi người vợ rằng: người không còn tay chân này thật sự là chồng của ngươi phải không? Thưa rằng: Thật sự như vậy. Lúc ấy nhà vua nói rằng: Biết Ta hay không? Thưa rằng: Không biết. Nhà vua nói: Ngươi biết người tên họ như thế hay không? Người vợ hướng về nhà vua nhìn kỹ lại, sau đó mới biết và vô cùng hổ thẹn. Nhà vua vốn có tâm Từ cho nên sai người nuôi dưỡng chu đáo.

Đức Phật dạy: Phải biết rằng vị vua ấy, chính là thân Ta bây giờ. Người vợ lúc ấy, nay chính là con gái của Bà-la-môn Chiên Già mang khúc gỗ để phỉ báng Ta. Người bị chặt hết tay chân lúc bấy giờ, nay chính là Đề Bà Đạt Đa. (Vì vậy biết rằng thiện ác có chứng minh rõ ràng trước mắt không sai).

Còn trong kinh Bồ-tát Hạnh nói: “Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Vào thời quá khứ, cõi Diêm Phù Đề này có đất nước tên là Bất Lưu Sa, nhà vua tên là Bà Đàn Ninh, Phu nhân tên gọi Bạt Ma Kiệt Đề. Lúc ấy thế gian điêu tàn, thóc lúa đất đỏ, dân chúng đói kém khốn cùng, lại phát sinh dịch bệnh. Lúc ấy nhà vua cũng mắc bệnh, Phu nhân tự mình đi đến đền thờ Thiên thần, bên bậc cấp của đền thờ có một ngôi nhà, người chồng đi khỏi không ở nhà, người vợ đến lúc trở dạ sanh con, lại không có người hầu hạ sai bảo. Sau khi sanh đẻ đói lả kiệt sức lại không có gì để ăn, bèn tự suy nghĩ rằng: Nay cái chết sắp đến, lại không có cách nào khác, tự mình phải ăn thịt con mà sống vậy. Liền lấy dao sắp sửa giết con, tâm trở nên xót xa cảm động mà cất tiếng khóc to nức nở. Lúc bấy giờ Phu nhân sắp sửa trở về trong cung, nghe người phụ nữ này cất tiếng khóc xót xa thảm thiết, buồn đau thương xót liền đứng lại lắng

nghe, vì vậy mà biết người phụ nữ này đang lâm vào cảnh khốn cùng. Nhưng người phụ nữ ấy vào lúc sắp đưa dao muốn giết con mình, thì tự nghĩ rằng: Sao nhẫn tâm ăn thịt con mình được! Dấy lên nghĩ như vậy rồi thì tiếp tục khóc nỉ non. Phu nhân liền đi vào nhà ấy lại gần mà hỏi nguyên cớ, vì sao khóc nức nở, muốn làm những điều gì? Người phụ nữ trả lời đầy đủ nguyên do. Phu nhân nghe nói mà tâm vô cùng thương xót nói rằng: Đừng giết con của mình, tôi về trong cung sẽ đưa đồ ăn đến. Người phụ nữ đáp rằng: Phu nhân tôn quý ơi, hoặc là có thể kéo dài muộn màng, hoặc là có thể quên bẵng điều này, mà mạng sống của tôi hôm nay chỉ còn trong hơi thở chứ không trải qua được thời gian dài, không bằng tự ăn thịt con mình để giúp cho mạng sống tồn tại. Phu nhân hỏi rằng: Lại có thể ăn thịt khác được hay không? Trả lời rằng: Nếu như được cứu mạng thì không cần hỏi gì tốt xấu cả. Thế là Phu nhân liền lấy dao tự cắt bầu vú của mình, ngay lúc ấy tự phát nguyện rằng: Nay con lấy bầu vú dùng để bố thí cứu giúp tai ách nguy hại này, không mong làm Luân Vương-Đế Thích-Ma Vương, đem công đức này mong cầu thành tựu đạo quả Vô thượng Bồ đề. Liền đem thịt bầu vú trao cho người phụ nữ. Vào lúc sắp đưa dao cắt thêm một bầu vú nữa, lập tức ba ngàn Đại thiên thế giới trở nên chấn động dữ dội, Thiên Đế quán sát thấy Phu nhân ấy tự cắt bầu vú của mình cứu giúp tai ách nguy hại cho người, lúc ấy Thiên Đế Thích cùng vô số chư Thiên, ngay lúc ấy đi đến ở giữa hư không, đều đứng trước mặt Phu nhân mà xót xa rơi lệ, nhân tiện hỏi rằng: Nay người đã bố thí thật là khó sánh được, cầu được tâm nguyện gì chăng? Phu nhân đáp rằng: Đem công đức này dùng để cầu đạt được đạo quả Vô thượng Bồ đề, độ thoát ách nạn khốn khổ cho tất cả chúng sanh. Thiên Đế trả lời rằng: Người cầu mong ý nguyện này lấy điều gì làm chứng? Ngay lúc ấy Phu nhân tức thì lập lời thề: Công đức con đã bố thí hôm nay thật sự là vì thành tựu Chánh giác, thì bầu vú của con lập tức được bình phục như cũ. Thiên Đế ca ngợi rằng: Không bao lâu sẽ thành Phật. Chư Thiên hoan hỷ, tức thì hiện hình ca ngợi Phu nhân rằng: Nay người đã bố thí nhất định không hối hận gì mà có gì đau đớn chăng? Đáp rằng: Nay tôi đã bố thí là vì cầu đạt được Phật đạo chứ không có gì hối hận đau đớn, thì khiến cho thân nữ của tôi sẽ thay đổi trở thành thân nam. Phát ra lời thề vừa xong thì lập tức thay đổi trở thành thân nam. Chư Thiên ca ngợi rằng: Không bao lâu sẽ thành Phật. Lúc ấy những dịch bệnh trong đất nước đều được tiêu trừ, thóc lúa hoa màu dồi dào không còn đắt đỏ, nhân dân vui sướng an lành. Về sau nhà vua băng hà, liền làm lễ tấn phong Phu nhân hóa nam lên ngôi vua,

nhân dân sống cuộc đời thịnh vượng, đất nước ngày càng hưng vượng lớn mạnh.

Đức Phật bảo với nhà vua rằng: “Phu nhân lúc bấy giờ, nay chính là thân Ta, xưa không tiếc thân mạng, nay được thành vị Phật. Đại chúng hoan hỷ làm lễ mà ra về.”

Thứ tư- PHẦN SÚC SANH

Như kinh Nhất Thiết Trí Quang Minh Tiên Nhân Từ Tâm Bất Thực Nhục nói: “Đức Phật an trú trong tinh xá thuộc chùa Tự Tại Thiên-thôn Di Ca Nữ ở đạo tràng Tích Diệt nước Ma Già Đề. Lúc ấy có con trai của Bà-la-môn Ca Ba Lợi, tên gọi là Di Lặc, thân thể màu vàng ròng, đầy đủ các tướng tốt, có vô lượng uy đức, đi đến nơi Đức Phật. Lúc ấy có những Phạm chí kết tóc gồm năm trăm người, từ xa trông thấy Di Lặc thanh tịnh bèn thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Như Đồng tử này có vô lượng ánh sáng, cùng với Đức Phật không có gì khác nhau, từ Đức Phật vào mà phát tâm Bồ đề đầu tiên, thọ trì kinh pháp của Đức Phật nào, để cho mình được giải thoát? Đức Phật bảo với Phạm chí Thức Càn: nay ông lắng nghe kỹ càng, Ta sẽ giải thích cho ông! Vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp quá khứ trước kia, lúc ấy có thế giới tên là Thắng Hoa Phu, Đức Phật danh hiệu là Di Lặc, luôn luôn dùng tâm Từ giáo hóa tất cả chúng sanh. Đức Phật ấy thuyết kinh tên là Từ Tam Muội Quang Đại Bi Hải Vân, nếu có người nghe đến, thì được vượt lên trên tội lỗi sinh tử của trăm ức vạn kiếp, nhất định được thành Phật. Lúc ấy trong đất nước kia có Đại Bà-la-môn, tên gọi Nhất Thiết Trí Quang Minh, thông minh nhiều trí tuệ, hiểu biết rộng các kinh, nghe Đức Phật xuất thế thuyết về kinh Từ Tam Muội, lập tức tin phục xin làm đệ tử Đức Phật, phát tâm Bồ đề mà nói lời như vậy: Nay con trì tụng kinh Pháp Đại Từ Tam Muội, nguyện ở đời vị lai chắc chắn được thành Phật, mà danh hiệu là Di Lặc, ngay sau đó rời bỏ gia đình liền đi vào núi sâu, trong tám ngàn năm ít ham muốn không có điều gì vướng bận, khất thực tự nuôi sống mình, trì tụng kinh này nhất tâm trừ diệt tán loạn. Lúc ấy trời mưa liên tục không dứt, nước lũ bất ngờ dâng tràn, Tiên nhân ngồi nghiêm trang không thể nào đi khát thực được, trải qua suốt bảy ngày. Lúc ấy trong khu rừng kia có năm trăm con Thỏ trắng, có một con Thỏ chúa cả mẹ và con gồm ba mạng, trông thấy Tiên nhân bảy ngày không ăn, bèn nói lời như vậy: Nay vị Tiên nhân này vì Phật đạo mà không ăn nhiều ngày, mạng sống không lâu dài được, cốt cờ giáo pháp sẽ sụp đổ, biển rộng giáo pháp sẽ khô cạn, nay mình nên vì Đại pháp Vô thượng

làm cho được tồn tại lâu dài thì thân mạng này không tiếc gì. Liền nói với những con Thỏ: Tất cả các hành thảy đều vô thường, chúng sanh yêu quý thân mạng mà sống vô ích chết cũng vô ích, chưa từng vì giáo pháp cao cả, nay tôi muốn làm chiếc cầu rộng lớn cho tất cả chúng sanh, cúng dường Pháp sư khiến cho pháp được tồn tại lâu dài. Lúc bấy giờ Thỏ chúa báo với những con Thỏ rằng: Nay tôi đem thân này muốn cúng dường Pháp sư, mọi thành viên trong đàn thích hợp thì nên cùng nhau tùy hỷ với tôi. Lúc ấy các vị thần núi-thần cây..., lập tức chất củi thơm lấy lửa châm vào. Mẹ con Thỏ chúa đi vòng quanh vị Tiên nhân đủ 7 vòng rồi, thưa rằng: Các người là súc sanh, tuy có tâm Từ nhưng dựa vào đâu mà có thể lo liệu được? Con Thỏ thưa với Tiên nhân: Con tự đem thân mình cúng dường Nhân giả, để giáo pháp tồn tại lâu dài làm cho các chúng sanh được nhiều ích lợi. Nói lời này xong liền bảo với con mình: Con có thể tùy ý tìm kiếm đồng cỏ và nguồn nước để thâu nhiếp tân ý tư duy chánh niệm đối với Tam Bảo! Lúc bấy giờ Thỏ con nghe mẹ đã nói, quỳ xuống thưa với mẹ rằng: Như mẹ tôn quý đã nói muốn cúng dường vì Đại pháp Vô thượng, thì con cũng nguyện vui lòng được như vậy. Nói lời này xong tự lao mình vào trong lửa, Thỏ mẹ tiếp theo sau lao vào. Đang lúc Bồ-tát xả thân, trời đất chấn động dữ dội, ngay cả cõi Sắc cùng với các cõi trời, đều rưới làn mưa hoa cõi trời dùng để cúng dường. Sau khi thịt đã chín, thì thần núi và thần cây thưa với Tiên nhân rằng: Mẹ con Thỏ chúa vì cúng dường cho nên lao thân vào trong lửa, nay thịt đã chín, Ngài có thể ăn được. Lúc ấy Tiên nhân kia nghe thần núi-thần cây nói cho biết, đau lòng không thể nào nói được, đem kinh sách đã tụng đặt trên lá cây, lại thuyết kệ rằng:

Thà chấp nhận thân này tan hoại mắt mũi,
Không đành lòng giết hại ăn thịt chúng sanh,
Chư Phật đã thuyết Kinh Từ Bi Tam Muội,
Trong kinh ấy nói người hành hạnh Từ Bi,
Thà đập vỡ tủy tách rời đầu não,
Không đành lòng ăn thịt chúng sanh mà sống,
Như chư Phật đã thuyết về người ăn thịt,
Người này không đầy đủ hạnh nguyện Từ Bi,
Mê muội chìm trong sinh tử không thành Phật.

Lúc Tiên nhân ấy thuyết kệ này rồi, nhân đó phát tâm thề rằng: Nguyện cho tôi đời đời không dấy lên ý tưởng giết hại, luôn luôn không ăn thịt, tiến vào Tam muội Bạch Quang Minh Từ, cho đến thành Phật đoạn tuyệt ăn thịt để giữ giới thanh tịnh. Nói lời này xong tự lao mình

vào hầm lửa kết thúc tính mạng cùng với mẹ con Thỏ chúa. Lúc này trời đất phát ra 6 loại chấn động. Nhờ thần lực tuyệt vời cho nên cây phát ra ánh sáng, màu vàng rực chói lọi chiếu sáng cả một ngàn cõi nước. Lúc ấy người trong đất nước kia thấy ánh sáng này, đều phát tâm đạo Vô thượng Bồ đề. Đức Phật bảo với Phạm Chí Thức Càn: Nay ông nên biết, Thỏ chúa trắng lúc bấy giờ, nay chính là thân Ta. Thỏ con lúc ấy, nay chính là La Hầu La. Tiên nhân tụng kinh lúc ấy, nay chính là Bồ-tát Di Lặc-con trai của Bà-la-môn trong chúng này. Bầy Thỏ năm trăm con lúc ấy, nay chính là Ma Ha Ca Diếp cùng năm trăm Tỳ kheo. Thần núi và thần cây gồm hai trăm năm mươi vị lúc ấy, nay chính là hai trăm năm mươi Tỳ kheo như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên.... Một ngàn Quốc Vương như Bạt Đà Bà La... lúc ấy, nay chính là một ngàn Bồ-tát vậy, từ khi Ta xuất thế cho đến Phật Lâu Chí, ở trong thời gian đó điều là những đệ tử thọ pháp đắc đạo.

Đức Phật bảo với Phạm Chí Thức Càn: Bồ-tát cầu pháp chịu khó chịu khổ trải qua nhiều kiếp không tiếc gì thân mạng, lao thân vào hầm lửa để được cúng dường, thì nhất định vượt lên trên tội lỗi sinh tử của chín trăm vạn ức kiếp.

Lúc ấy Phạm chí Thức Càn cùng năm trăm Phạm Chí khác, cầu Phật được xuất gia thành bậc A-la-hán. Lúc Tiên nhân ấy lao mình vào hầm lửa rổi sanh đến cõi Phạm Thế, chgo đến thành Phật. Người ăn thịt chúng sanh thì phạm vào giới cấm nặng nề, thân đời sau sanh vào chốn thường uống nước đồng sôi."

Còn trong kinh Đại Tập nói: "Đức Phật dạy: Này người thiện nam! Thời quá khứ có một Sư tử chúa ở trong hang núi sâu thẳm, thường có suy nghĩ như vậy: Mình là chúa tể trong tất cả các loài thú, sức mạnh có thể xem bảo vệ tất cả các loài thú. lúc ấy trong núi kia có hai con khỉ, cùng sinh ra hai con. Lúc ấy hai con khỉ đến chỗ Sư tử chúa thưa lời như vầy: Nếu như Ngài có năng lực bảo vệ cho tất cả các loài thú, thì nay mang hai con của tôi để gởi gắm cho Ngài, tôi sắp đi nơi khác để tìm kiếm đồ ăn thức uống. Lúc ấy Sư tử chúa liền nhận lời, thì con khỉ ấy để lại hai đứa con, giao cho chúa tể loài thú ấy, lập tức rời chỗ ở mà đi kiếm ăn. Lúc này trong núi có một chim Đại bàng chúa, tên là Lợi Kiến, rình lúc Sư tử chúa ngủ, thuận tiện liền bắt lấy hai con khỉ con, đem đến nơi hiểm trở mà đậu lại. Lúc Sư tử chúa tỉnh giấc rồi, liền đến chỗ Đại bàng chúa, mà nói kệ rằng:

Nay tôi lần đầu cầu thỉnh Đại bàng chúa, chỉ mong chí tâm tiếp nhận lời tôi nói, hy vọng nhìn thấy nguyên cớ để tha cho, đừng làm mất

niềm tin sanh lòng hổ thẹn!

Đại bàng chúa nói kệ trả lời Sư tử chúa rằng:

Tôi có thể bay lượn dạo khắp hư không,
Đã qua cõi của ông tâm không sợ hãi,
Nếu nhất định phải bảo vệ hai con này,
Thì hãy xả bỏ thân mạng mình cho tôi!

Lúc ấy Sư tử chúa nói rằng:

Nay tôi vì bảo vệ hai con khỉ này,
Xả thân mình không tiếc như cọng cỏ khô,
Nếu tôi bảo vệ thân mình mà nói dối,
Làm sao có thể nói như thuyết tu hành?

Sư tử chúa nói kệ này xong, liền đến chỗ cao sắp xả thân, lúc bấy giờ Đại bàng chúa lại nói kệ rằng:

Nếu vì người khác mà xả thân mạng mình,
Thì người này nhận được niềm vui Vô thượng,
Nay tôi trao lại cho ông hai con khỉ,
Mong bậc Đại pháp vương đừng tự hại mình!

Này người thiện nam! Sư tử chúa chính là thân Ta bây giờ. Con khỉ đực ấy chính là Ca Diếp. Con khỉ cái chính là Tỳ kheo Ni Thiện Hộ. Hai con khỉ con lúc ấy, chính là A Nan và La Hầu La bây giờ. Đại bàng chúa lúc ấy, nay chính là Xá-lợi-phất. Vì vậy, làm người bảo vệ cho người khác nương tựa, thì không tiếc gì thân mạng của mình."

Thứ năm- QUÁN KHỔ

Như kinh Chánh pháp Niệm nói: Bồ-tát Khổng Tước vì chư Thiên mà nói rằng: Nếu có tâm Bi thì người này cách Niết-bàn không xa, gọi là Đại trang nghiêm. Nếu phát khởi tâm Bi đối với chúng sanh trong năm đường, thì có năng lực phá tan phiền não. Làm sao đối với chúng sanh địa ngục mà phát khởi tâm Bi? Các chúng sanh trong đường này do lừa dối đối với nghiệp của mình, từ chối oan gia này mà tạo tác, nhận lấy các loại khổ đau không thể nói hết. Đại địa ngục gồm có một trăm ba mươi sáu chỗ, chúng sanh rơi vào trong chỗ tan vỡ tách rời, chặt đứt đốt nấu không ai cứu giúp, không nơi nương nhờ, chạy băng băng từ Đông sang tây cầu cứu vang nài, tự mình không thể nào thoát được khổ đau, mà phát khởi tâm Bi đối với họ thì cảm được vô lượng phước thiện tốt lành tăng thêm.

Nếu người làm lợi ích cho chúng sanh, thì quán xét các loại đói khát khốn khổ của các ngạ quỷ, tự đốt thân mình như đốt cháy rừng

rậm, chạy khắp nơi bốn phía đạp chồng lẫn nhau, ngọn lửa đốt cháy rừng rực khắp thân thể, để mong cầu sự cứu giúp nhưng không ai có thể cứu được, những chúng sanh này đến lúc nào mới được lìa xa các loại khổ não? Đó gọi là quán xét loài quỷ mà phát khởi tâm Bi, thì cảm được sanh lên cõi Phạm Thiên.

Nếu người quán xét đối với loài súc sanh mà phát khởi tâm Bi, thì nên nghĩ đến vô lượng khổ não-sát hại lẫn nhau trong loài đó, loài sống trên hư không-dưới nước-đi lại trên mặt đất, có vô lượng cái chết, tàn hại lẫn nhau, ăn nuốt lẫn nhau, những chúng sanh này đến lúc nào mới được thoát khỏi khổ đau? Đó gọi là quán xét khổ đau của loài súc sanh mà phát khởi tâm Bi. Nếu có người có thể phát sinh ý niệm như vậy, thì cảm được sanh lên cõi Phạm thiên.

Nếu người quán xét đối với chư Thiên sáu cõi Dục mà phát khởi tâm Bi, ở sáu cõi trời Dục hưởng thụ niềm vui của cõi trời không thể nào ví dụ hết, đủ các loại hang núi-đỉnh núi-vườn rừng để hưởng thụ sung sướng, đã hưởng thụ vui sướng rồi, đến lúc phước nghiệp hết, vẫn trở lại sanh vào chốn khổ đau nhận chịu nhiều khổ não, rơi vào địa ngục-ngạ quỷ-súc sanh, chạy tán loạn từ Đông sang Tây, mê loạn không còn biết gì những nỗi khổ não to lớn phải chịu. Đó gọi là quán xét loài trời mà phát khởi tâm Bi, thì cảm được sanh lên cõi Phạm thiên.

Nếu người quán xét đối với chúng sanh trong loài người mà phát khởi tâm Bi, vì các loại nghiệp lực mà sanh vào trong loài người nhận chịu quả báo khổ-vui, đủ các loại tâm tánh, đủ các loại tin hiểu, hoặc có người bần cùng nương vào người khác mà tự sống còn. Như vậy quán xét chúng sanh trong năm đường, sanh ra năm loại khổ đau rồi, mà phát khởi tâm Bi. Người như vậy cảm được niềm an ổn tốt đẹp, đó là đạt được Niết-bàn.”

Còn trong kinh Tạp A Hàm nói: Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn lấy đất trong móng tay bảo với các Tỳ kheo: Ý các ông thế nào? Đất trong móng tay của Ta nhiều hay là đất trên mặt đất nhiều hơn? Tỳ kheo thưa với Đức Phật: Đất trong móng tay của Thế Tôn chỉ là một chút rất ít thôi, đất trên mặt đất này vô lượng vô số không thể nào lấy làm ví dụ được. Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Như vậy chúng sanh có năng lực liên tục cho đến trong một khoảng thời gian bật ngón tay, tu tập tâm Từ đối với tất cả chúng sanh, có thì chỉ bằng đất trong móng tay mà thôi. Những chúng sanh không có năng lực liên tục cho đến chỉ bằng trong khoảng thời gian một cái bật ngón tay, tu tập tâm Từ đối với tất cả chúng sanh, thì sắp này nhiều như đất trên mặt đất. Vì vậy cho nên các

Tỳ kheo, luôn luôn liên tục tu tập tâm Từ đối với tất cả chúng sanh.”

Còn trong kinh Tu Hành Đạo Địa, kệ nói rằng:

“Nên phát tâm thực hành Từ Bi,
Nghĩ oán thù giống như bạn tốt,
Lần lượt xoay vòng trong sinh tử,
Tất cả đã từng làm bà con.
Ví như cây sinh ra nụ hoa,
Chuyển đổi thành ra trái không khác,
Cha mẹ vợ con và bạn bè,
Bà con họ hàng cũng như vậy.
Người thực hành tu tập tâm Từ,
Y bình đẳng không còn yêu ghét,
Không hỏi gì đối với gần xa,
Mới thích hợp là hành Đại Bi.
Tâm bình đẳng thực hành thương xót,
Rộng khắp cho đến cả ba cõi,
Người thực hành Từ Bi như vậy,
Công đức ấy vượt quá Phạm Thiên.
Dao sắc không thể nào hại được,
Quan quyền và oán thù-lửa dữ,
Các La sát tà ma quỷ quái,
Rắn rít độc hại-sấm sét chớp,
Sư tử và voi cọp gấu beo,
Cùng với các loại hung ác khác,
Tất cả đều không dám đến gần,
Không gì có thể làm tổn thương.”

Còn trong luận Thiện Kiến nói: “Nếu trú xứ có hổ lang sư tử, cho đến kiến mối thì không được cư trú. Nếu như kiến mối có hang, kiến mối đi khắp nơi tìm thức ăn, thì đuổi đi nơi khác mới có thể cư trú.”

Còn trong kinh Tạp A Hàm nói: “Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với các Tỳ kheo: Vào thgời quá khứ, lúc chư Thiên và A-tu-la dàn trận đánh nhau, A-tu-la thắng trận mà chư Thiên chịu thất bại. Lúc ấy quân đội của Thiên Đế Thích tan rã rút lui, sinh ra sợ hãi vô cùng, lên xe chạy theo hướng Bắc trở về cung trời. Đường đi qua rừng rậm dưới chân núi Tu Di, cuối khu rừng có tổ chim cánh vàng, có nhiều chim con cánh vàng ở trong tổ. Lúc bấy giờ Đế Thích sợ rằng xe ngựa đi qua đạp chết chmim con, bèn bảo với người đánh xe rằng: Hãy quay xe trở lại đừng làm chết chim non! Người đánh xe thưa rằng: Quân của A-tu-la đuổi

theo bắt chúng ta ở phía sau, nếu quay trở lại thì bị họ bao vây mà bắt. Đế Thích bảo rằng: Thà rằng phải quay trở lại để A-tu-la giết chết, chứ không thể để cho quân lính đạp chết chúng sanh. Vào lúc bảo người đánh xa quay xe chạy về hướng Nam, quân đội A-tu-la từ xa trông thấy Đế Thích quay xe vòng trở lại, cho rằng là kế sách của trận đánh liền bỏ chạy rút lui phía sau, quân lính vô cùng sợ hãi, trận đánh thất bại chạy trốn tản nát khắp nơi, tìm đường trở về cung của A-tu-la.

Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Thiên Đế Thích ấy là Tự Tại Vươngo ở cõi trời Tam Thập Tam, nhờ vào sức mạnh của tâm Từ mà có uy lực phá tan quân đội của A-tu-la, cũng được ca ngợi là có công đức của tâm Từ."

Còn trong kinh Đại Bi nói: "Đức Phật bảo với A Nan: Nếu như có người trú tâm trong Từ Thiện, thì sẽ cảm được mười một loại công đức lợi ích. Những gì là mười một loại? Đó là: 1- Giấc ngủ được yên lành, tỉnh giấc thì tâm hoan hỷ; 2- Không thấy ác mộng; 3- Người và loài Phi nhân yêu mến; 4- Chư Thiên ủng hộ; 5- Độc tố không có thể làm hại được; 6- Dao kiếm cung tên không làm tổn thương; 7- Lửa không đốt cháy được; 8- Nước không dìm chết được; 9- Thường có được áo quần tốt đẹp, đồ ăn thức uống tuyệt diệu, giường ghế đồ nằm đầy đủ, thuốc thang chữa trị bệnh tật; 10- Đạt được pháp của bậc Thượng nhân; 11- Thân mạng đến lúc kết thúc được sanh lên cõi Phạm thiện."

Còn trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: "Lúc bất giờ Đức Thế Tôn bảo với các Tỳ kheo: Có 6 sức mạnh luôn luôn bình thường. Thế nào là 6? Đó là: 1- Trẻ thơ lấy tiếng khóc làm sức mạnh; 2- Người nữ lấy sự giận dữ làm sức mạnh; 3- Tỳ kheo lấy lòng nhẫn nại làm sức mạnh; 4- Quốc Vương lấy sự ngạo mạn làm sức mạnh; 5- La hán lấy sự tinh tiên làm sức mạnh; 6- Chư Phật lấy tâm Đại Bi làm sức mạnh. Vì vậy cho nên Tỳ kheo, phải nghĩ đến sức mạnh của tâm Đại Từ Bi."

Tụng rằng:

Năng Nhân thương hại khổ huyễn ảo,
Thánh ý buồn lo mê sâu dày,
Thương xót người ngu mà nhiếp thọ,
Khuyên răn dẫn vào cổng phương tiện.
Pháp thân bao trùm khắp pháp giới,
Nhiếp hóa dựa vào chốn Kỳ Viên,
Năm đường trói buộc đều trừ bỏ,
Hốn ma oán thù cùng cởi ra.
Ba tu loại bỏ con ngựa Ái,

Sáu niệm giữ chặt con khỉ Tâm,
Hồ thiền lắng trong mặt nước định,
Giác ý thay tiếng động ồn ào.
Gió tuệ thổi vào mặt trống pháp,
Lay chuyển gốc rễ Ngã-Vô minh,
Luôn luôn cần phải gần bạn tốt,
Mở bày điều mình chưa từng nghe.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra 5 chuyện: 1- Sa môn Thích Tuệ Việt thời Tùy; 2- Sa môn Thích Đại Tích thời Đường; 3- Sa môn Thích Từ Tạng thời Đường; 4- Huyện Úy Lô Nguyên Lễ thời Đường; 5- Đường Huyền Trang Pháp Sư Tây Quốc Hành truyện.

1/ Thời nhà Tùy có Sa môn Thích Tuệ Việt ở đạo tràng Tuệ Nhật, người vùng Lĩnh Nam, trú trong núi La Phù, tánh tình quả thật là rất yêu thương cứu giúp mọi loài vật cũng như con người, ở trong núi sâu hiểm trở vắng vẻ mà hổ báo không hề quấy nhiễu. Đã từng có bầy thú đến trước mặt, vì vậy nói pháp cho nghe, con hổ liền đưa đầu dựa vào đầu gối, Tuệ Vệt thì vuốt râu của con hổ, vẻ mặt biểu lộ tình cảm không có gì sợ hãi, mọi người đều nhìn thấy cảnh tượng ấy. Đi cảm hóa khắp vùng Ngũ Lĩnh, danh tiếng lưu truyền nơi Tam Sở. Những năm cuối thời Tùy Khai Hoàng, mời đến đạo tràng Tuệ Nhật, sau đó trở về Dương Châu, giữa đường mắc bệnh mà qua đời, quàn thi hài trên thuyền giống như lúc còn sống vậy, ban đêm trông thấy ánh lửa sáng ngời từ chân mà phát ra, tụ vào ở trên đỉnh đầu, lại từ đỉnh đầu phát ra, rồi theo chân mà trụ vào, suốt đêm không gián đoạn. Đạo tục ca ngợi thật là chưa từng có.

2/ Thời nhà Đường có Sa môn Thích Đạo Tích ở chùa Phước Cảm-Ích Châu, người nước Thục, tụng một bộ kinh Niết-bàn, làm sự nghiệp cho cả cuộc đời không thay đổi. Hễ đến lúc sắp đọc tụng thì nhất định trước đó phải tắm gội thân thể, mặc áo 1uần sạch sẽ, sau đó mới bước lên chỗ ngồi. Tánh tình rất kỹ lưỡng, yêu thương nhân hậu đối với tất cả mọi người. Những người có bệnh ghẻ lở máu mủ hôi hám dơ bẩn, Đạo Tích đều gọi đến tập trung để may vá giặt giũ áo quần giúp họ, chữa trị cho họ và cùng ăn với họ mà không bao giờ chê bai. Lúc ấy mọi người cảm thấy quái lạ mà hỏi nguyên do, đáp rằng: Cảnh không có nhiễm-tịnh, nhớp-sạch đều do tâm, tâm đã không dấy khởi, yêu-ghét nào phát sinh? Vào tháng 5 năm thứ nhất thời Đường Trinh Quán, tạ thế tại chùa

Phước Cảm, hưởng thọ 70 tuổi. Lúc ấy là mùa Hạ nóng nực mà thi hài không hư hoại hôi thối, quàn thi hài trải qua một trăm ngày mà vẫn ngồi xếp bằng tròn như ban đầu. Đạo tục ca ngợi thật là kỳ lạ, bèn dùng sơn tô lên thân thể, kính cẩn đưa về nước Thục Ba an trí thờ phụng.

3/ Thời nhà Đường có Đại Tăng thống Thích Từ Tạng ở nước Tân La, tục tánh họ Kim, người nước Tân La, tuổi qua thời trai trẻ học hành thông minh sáng suốt, chán ngán vinh hoa cao sang của cuộc đời, tình cảm vui với chí hướng cao xa nơi khác, một mình yên lặng thực hành thiền định không tránh hổ lang thú dữ, trì giới không nhiều chỉ lấy Từ Bi cứu giúp làm trước hết, ở trong núi sâu vắng vẻ đoạn tuyệt lương thực qua lại, liền cảm được loài chim kỳ lạ đều ngậm các loại trái cây đến đưa cho tận tay, chim ở trên tay Từ Tạng cùng ăn với nhau. Lúc đến nhất định phải như thế, ban đầu không hề sai lạch thời gian, côpng hạnh cảm được hiện tượng kỳ diệu ít có người theo kịp, mà thường ôm lòng buồn rười rượi thương xót làm cho hàm thức, làm phương tiện gì khiến cho tránh khỏi sinh tử? Thế là vào lúc ngủ say thấy có hai người đàn ông nói rằng: Ông ở nơi vắng vẻ sâu kín mong muốn làm lợi ích gì? Từ Tạng nói: Chỉ làm lợi ích cho chúng sanh. Thế là trao cho Từ Tạng năm giới xong rồi nói rằng: Có thể đem năm giới này làm lợi ích cho chúng sanh. Lại bảo với Từ Tạng rằng: Ta từ cõi trời Đạo Lợi đến đây vốn là trao giới cho ông. Nhân đó vút lên bầu trời mất dạng. Ngay sau đó Từ Tạng ra khỏi núi, trai gái trong nước thọ giới rất nhiều. Vào năm thứ 12 thời Đường Trinh Quán đi đến đất nước Đại Đường, lúc đã đến kinh thành thì đem tâm Từ làm lợi ích cho quần sanh, người theo thọ giới mỗi ngày tính có ngàn người, hoặc có người mù thì thấy đường đi, người mắc bệnh thì được chữa lành. Lại thích ngồi yên lặng trong mùa Hạ, nhận được sắc lệnh an cư ba tháng Hạ tại chùa Vân tế, trông thấy rất nhiều quỷ thần, số tính vô lượng, mang giáp cầm binh khí nói rằng: Mang kiệu vàng này đón tiếp Từ Tạng. Lại thấy nhiều vị thần cùng đến đánh nhau cự tuyệt không đồng ý để đón đi. Từ Tạng ngửi thấy mùi hôi thối hừng hực khắp nơi liền đến nơi giường dây thông báo xa rời nhau. Có một đệ tử còn bị quỷ đánh gần chết mà tỉnh lại, Từ Tạng liền rời bỏ y bát thực hành công đức của Tăng mà bố thí, lại ngửi thấy mùi thơm ngào ngạt khắp nơi thân thể mình. Vị thần nói với Từ Tạng rằng: Hôm nay không chết thì thọ đến hơn tám mươi rồi. Đến năm thứ 17 thời Đường Trinh Quán, Từ Tạng trở về lại đất nước mình, thực hành đầy đủ lời Phật dạy, chẳng khác gì Đại quốc. Nhà vua mời đến chùa Hoàng Long giảng về Bố Tát Giới Bổn, trời rưới xuống cam lộ bảy ngày bảy đêm,

mây mù giăng phủ che kín cả giảng đường, bốn chúng đệ tử kinh ngạc ngợi khen, danh tiếng tốt đẹp càng truyền xa hơn. Thời gian sau nhân gặp căn bệnh sâu kín mà qua đời trong niên hiệu Đường Vĩnh Huy. (Ba chuyện trên đây trích trong Đường Cao Tăng Truyện).

4/ Thời nhà Đường có Lô Nguyên Lễ ở Phạm Dương, cuối niên hiệu Trinh Quán làm Huyện úy huyện Liên Thủy-Tứ Châu, đã từng vì bệnh nặng mà mê man bất tỉnh, trải qua một ngày mới tỉnh lại, nói rằng có người dẫn đến phủ quan, thấy một vị quan đi qua nhưng không có thị vệ, Nguyên Lễ liền đi đến trước chỗ ngồi của vị quan này, dựa lưng vào chiếc giường mà ngồi. Vị quan đưa mắt nhìn lính hầu, khiến một tay nắm lấy đầu-một tay nắm lấy chân, ném Nguyên Lễ xuống dưới bậc thềm. Rất lâu mới đứng dậy, đi đến một tòa nhà khác, lại tiến lên hướng về phía Nam đi vào trong một sảnh đường rộng lớn, thấy rất nhiều bếp đun, trên bếp đun ấy có làn hơi, cuồn cuộn bốc lên như mây mù xông thẳng lên trên cao, tiếng sôi ùng ục xen lẫn như có tiếng ồn ào của mấy ngàn vạn người. Nguyên Lễ ngước mặt nhìn, trông thấy tựa như cái lồng chứa đầy người treo phía trên làn hơi này, nói đó là nơi hấp chín người có tội. Nguyên Lễ liền phát nguyện nói to lên rằng: Nguyện nhận chịu tội lỗi thay cho tất cả chúng sanh. Ngay lập tức cởi áo thân thể trần truồng tự lao thân vào trong vạc sôi, nhân đó liền mê man không còn cảm giác đau đớn. Chốc lát có một Sa môn, kéo Nguyên Lễ ra và nói rằng: Biết ông chí tâm mới đưa tiễn trở về. Bỗng nhiên giống như tỉnh ngủ, thế là đoạn tuyệt với rượu thịt, sống yên lành trải qua ba, bốn năm, sau mất ở Lạc Dương.

Chuyện trên đây trích trong Minh Báo Thập Di Lục.

5/ Trong truyện Đường Huyền Trang Pháp Sư Tây Quốc Hành nói: Trong nước Bà La Ni Tư có hồ Liệt Sĩ, phía Tây hồ có tòa tháp của 3 con thú, là nơi thiêu thân của Như Lai trong thời gian tu Bồ-tát hạnh. Xưa kia vào lúc kiếp mới thành, nơi này là khu rừng hoang vu, có 3 con thú là Cáo-Thỉ và Vượn, khác loài mà vui sống với nhau. Lúc ấy Thiên Đế Thích muốn kiểm chứng người tu Bồ-tát hạnh, giáng trần dùng năng lực thần thông ứng hóa làm thành một ông lão, nói với ba con thú rằng: Ba con thú khác loài, khéo an ổn sống với nhau như vậy không có gì kinh sợ chăng? Đáp rằng: Ở đây nguồn nước và đồng cỏ dồi dào, chơi đùa trong khu rừng tươi tốt sum sê, khác loài cùng sống vui vẻ, đã yên ổn mà lại vui. Ông lão nói: Nghe ba con thú khác loài có tình cảm sâu đậm ý nghĩ tinh tế mà quên mình già yếu suy sụp, cho nên từ xa tìm đến đây, nay đang đói khát mệt mỏi, lấy cài gì cho ăn được không?

Đáp rằng: Mong ở lại đây một lát, chúng tội tự chạy đi tìm xem! Thế là chung lòng ra sức tìm kiếm, con Cáo men theo mép nước ngậm về một con cá chép còn tươi rói, con Vượn leo trên cây rừng hái quả mang về, cùng đem về nơi ở để mới khách, riêng con Thỏ trở về không. Ông lão nói rằng: Theo ta nhìn thấy, các ông chưa hòa thuận, Vượn và Cáo cùng chí hướng đều có thể hết lòng phục vụ, chỉ riêng Thỏ trở về tay không một mình không giúp đỡ lẫn nhau, từ việc này mà nói, thực sự có thể biết vậy. Con Thỏ nghe bình xét chê trách, nói với Vượn và Cáo rằng: Gom lại nhiều củi khô mới có việc để làm. Vượn và Cáo tranh nhau chạy đi ngậm cỏ kéo cây về, đã chất thành đống cao rồi lấy lửa châm vào bốc cháy ngùn ngụt. Thỏ nói rằng: Thưa người nhân hậu! Thân tôi hèn hạ mà tìm thức ăn khó được, xin lấy tấm thân nhỏ bé này làm một bữa ăn giúp người lót dạ. Bày tỏ xong nhảy vào đống lửa lập tức chết cháy. Lúc ấy ông lão hiện rõ thân Đế Thích, gạt tro tàn thâu nhặt hài cốt thương cảm than thở hồi lâu, nói với Vượn và Cáo rằng: Như nhau sao đến nỗi này, ta cảm động cho tâm ấy không thể làm mất dấu tích này, gửi gắm cho vầng trăng lưu truyền mãi mãi đến đời sau. Vì vậy người nước ấy đều nói hình ảnh con Thỏ trong mặt trăng, từ đây mà xuất hiện. Người đời sau ở tại đây xây dựng tòa tháp này.

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 65

Thiên thứ 75: PHÓNG SANH

Thiên này có 2 phần: Thuật ý và Dẫn chứng.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Bởi vì nghe rằng: Rất nhiều chủng loại sinh sôi thảy đều ham sống, người vật mê mờ đần độn đều biết sợ chết. Vì lẽ đó, xa rừng thì hổ khốn cùng, mới bỏ mạng ở trong lò lửa, gãy cánh thì chim kinh hãi, liền lao thân vào bên án thư. Còn như Dương Sanh nuôi chim Tước, lẽ nào có ý đối với vòng ngọc, Khổng Thi thả Rùa đi, vốn là vô tình đối với ấn vàng, mà hạn kỳ sâu xa không sai-báo ứng tốt đẹp tìm đến. vì vậy biết nhân quả nghiệp hạnh rõ ràng như ban ngày. Vả lại, Đại Bi cảm hóa lấy cứu khổ làm đầu tiên, phát tâm Hoằng Thệ lấy lợi sanh làm căn bản. Nhưng năm bộ phận chủng tộc có tiếng, đều dùng vạc lớn xếp hàng phô trương với nhau, ba đô thị mất lòng nhân ái, không nơi nào không khua dao để thành sự nghiệp. Quần sanh nào có tội, mà chịu cảnh giết chóc oan uổng? Hàm thức không sai phạm, sao phải chịu băm thân thô bạo? Khiến cho oan hồn không ngừng xuất hiện, khổ báo đền trả lẫn nhau! Nay khuyên nhủ người nhân ái, cùng tu dưỡng hạnh Từ Bi, hết thảy lo lắng sợ hãi, đều vỗ về làm yên lòng, thả cho chúng được tự do, tùy loài bay chạy bơi lội, ăn uống theo chủng loại mình, không còn run sợ tán loạn. Trước mắt làm cho loài vẩy tía đuôi đỏ, cùng nhau hướng về trong sông hồ yên lặng; những loài ngực vàng lông xanh, thanh thản ở chốn Ngân hà. Hoặc lắng nghe ba quy y mà ngộ đạo, nào khác gì rồng mù mắt; được nghe đến bốn diệu đế mà sanh thiên, lại giống như chim anh vũ. Cùng nhau dựng lên nền tảng của sự trường thọ, chung lòng tiếp nhận quả báo của mạng thường còn!

Thứ hai- PHẦN DẪN CHỨNG

Như kinh Phạm Võng nói: "Nếu là Phật tử, thì vì tâm Từ mà thực

hành thiện nghiệp phóng sanh, nên nhìn tất cả người nam là cha mình, tât cả người nữ là mẹ mình, mình đời đời kiếp kiếp không lúc nào không thuận tho đó mà thọ sanh. Vì vậy chúng sanh trong sáu đường đều là cha mẹ mình, mà giết hại-mà ăn thịt chúng sanh, thì chính là giết hại-ăn thịt cha mẹ mình, cũng chính là giết hại thân cũ của mình. Tất cả đất-nước là thân trước đây của mình, cũng chính là giết hại thân cũ của mình, tất cả lửa-gió là Thể vốn có của mình, cho nên thường được thường thực hành phóng sanh, để đời được thọ sanh. Nếu lúc gặp người thế gian giết hại súc sanh, thì nên phương tiện cứu giúp để thoát được khổ nạn cho chúng, thường giáo hóa giảng giải về Bồ-tát giới để cứu độ chúng sanh. Nếu gặp ngay cha mẹ anh em qua đời, thì mời Pháp sư giảng về kinh luật và Bồ-tát giới, tạo phước thiện giúp cho người đã mất, được gặp chư Phật-được sanh làm người trên cõi trời. Nếu không làm như vậy thì phạm vào tội khinh cấu.”

Còn trong luật Tăng Kỳ nói: “Tất cả đạo tục trong bảy chúng đệ tử, đều cần phải lọc nước dùng để uống. Nếu lọc được nước rồi khiến có thể nhìn trong bàn tay. Người nhìn kỹ càng xem thì biết rõ. Lúc xem giống như voi lớn kéo xe tre quay lại trong chốc lát, biết là không nên sử dụng. Nếu như người có thể tin thì khuyên nhắc lọc nước cẩn thận. Người không thể tin được thì tự mình lọc nước có sâu trùng, vẫn đưa đến nơi lấy nước trước đó mà đặt vào chỗ cũ. Nếu nơi lấy nước trước đó cách xa thì gần đó có hồ, hoặc giống không cần sử dụng trong bảy ngày, đem sâu trùng đặt vào trong nước. Nếu biết nước có sâu trùng, thì không được mang đồ đựng hoặc dây kéo cho người khác mượn. Nếu nước sông hồ có sâu trùng, thì cần phải nói rõ rằng nước ở đây có sâu trùng. Nếu người ta hỏi thì trả lời rằng: Trưởng giả tự mình nhìn xem. Nếu biết là bạn cùng thầy, thì nói cho biết rằng: Nước ở đây có sâu trùng, nên lọc nước trước khi sử dụng”.

Còn trong luật Thập Tụng nói: “Có hai Tỳ kheo, chưa hề gặp Đức Phật, từ phương Bắc xa xôi theo đường cùng hướng về Xá Vệ để mong gặp được Đức Phật. Giữa đường đi vừa khát nước. Người trì giới nói: Trong nước có sâu trùng làm sao có thể uống được? Người phá giới nói: Nếu tôi không uống thì tôi chắc chắn sẽ chết khát, không được thấy Đức Phật. Thế là uống nước mà tiếp tục đi. Người rì giới giữ gìn giới cẩn thận cho nên không uống nước, liền bị khát và mệt mỏi mà chết, lập tức sanh lên cõi trời ba mươi ba có được thân tướng đầy đủ, trước tiên đến nơi Đức Phật cung kính lễ lạy dưới chân Ngài. Đức Phật thuyết pháp cho nghe mà đạt được pháp nhẫn thanh tịnh, thọ ba quy y xong trở

về lại trên cõi trời. Lúc ấy người uống nước, tiếp sau đó đến nơi Đức Phật. Đức Phật thuyết pháp cho bốn chúng, Ngài liền cởi y bày rõ thân sắc vàng và quở trách: Ông là người ngu si muốn xem thân thịt của Ta, vì sao không bằng người trì giới, đã đến trước và được thấy thân trí tuệ của Pháp thân Ta. Đức Phật dạy: Từ nay trở đi, nếu Tỳ kheo đi ra ngoài phạm vi hai mươi dặm không có đãy lọc nước thì phạm tội, nếu chính mình không có mà bạn cùng đi có thì cho phép đi được.

Lại có người lính đi xa, có Tỳ kheo Ni giáo hóa người đi đường, mọi người đều cúi đầu nghe lời làm đãy lọc nước. Viên tướng nghe rồi tâu lên nhà vua, nhà vua nghe rất giận dữ, muốn giết những người lính và quở trách họ thậm tệ: Các người đối với sâu trùng bé nhỏ hãy còn sợ không dám giết, huống gì gặp kẻ giặc mà chịu giết được? Những người lính hướng về nhà vua trình bày rõ rằng: Sâu trùng bé nhỏ nếu có hại cho đất nước, thì bề tôi đều giết bỏ, nhưng chúng đã không có oán thù thì tại vì sao không cho phép lọc sạch để uống? Nhà vua nghe mà tha cho. Nhờ vào sức mạnh của thiện căn Từ Bi trong lòng những người lính, mà quân giặc đều tìm đến xin hàng mong được hóa giải oán thù."

Còn trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Nước để qua đêm, nếu không quán sát kỹ càng thì sợ rằng có sâu trùng bé nhỏ. Nếu không lọc cẩn thận thì không uống-không sử dụng, đó gọi là giữ giới không sát hại một cách kỹ càng."

Con trong luận Trí Độ nói" Vào thời quá khứ, nhân dân gặp nhiều bệnh tật, thân thể mệt nhọc rã rời. Lúc bấy giờ Bồ-tát hiện thân làm loài cá đỏ, tự lấy thịt của thân mình đem bố thí cho những người bệnh để cứu giúp bệnh tật của họ. Lại vào xưa kia, Bồ-tát làm thân một loài chim, cư trú trong khu rừng, thấy có một người đi vào chỗ nước sâu, không phải là nơi đi lại của con người, bị vướng phải màng lưới của Thủy thần không thể nào cởi ra được. Nếu có thể đến Hương Sơn lấy một loại cỏ thuốc, đặt trên màng lưới ấy, thì dây lưới lập tức nát rã hư hoại, người được thoát ra. Bồ-tát ở đời quá khứ thực hành vô lượng việc làm như vậy, trong đời sống của mình có nhiều sự cứu giúp nói rõ trong kinh Bổn Sanh."

Còn trong luật Thập Tụng nói: "Đức Phật dạy: Vào thời quá khứ, gần dưới chân Tuyết Sơn có con Hươu chúa, tên gọi Uy Đức, làm chúa tể đứng đầu năm trăm con Hươu. Lúc ấy có người thợ săn đặt ngũ cốc giăng lưới làm bẫy, Hươu chúa đi trước đàn chân bên phải mắc vào trong lưới, Hươu chúa tâm niệm rằng: Nếu mình hiện rõ cảnh tượng này thì bầy Hươu không dám ăn ngũ cốc. Đợi cho bầy Hươu ăn hết ngũ cốc

thì lúc ấy mới hiện rõ tướng chân bị mắc lưới, cả bầy Hươu đều rời xa, chỉ một mình Hươu nữ chúa ở lại, liền nói kệ rằng:

Đại Vương nên biết rõ,
Là thợ săn giăng lưới,
Mong cố gắng tìm cách,
Thoát ra khỏi lưới này.

Lúc bấy giờ Hươu chúa dùng kệ đáp rằng:

Ta chịu khó tìm cách,
Sức lực đã không còn,
Lưới tơ càng thắt chặt,
Không thể nào thoát được.

Hươu nữ chúa thấy thợ săn đã đến,
Hướng về thợ săn mà nói kệ rằng:

Ông dùng dao nhọn sắc,
Trước hãy giết thân tôi,
Sau đó mong thả cho,
Hươu chúa được trở về!

Người thợ săn nghe vậy, sinh tâm thương xót, dùng kệ đáp rằng:

Cuối cùng tôi không thể giết Hươu,
Cũng không thể giết hại Hươu chúa,
Thả cho Hươu và cả Hươu chúa,
Tùy theo ý mình mà trở về.

Người thợ săn lập tức cởi lưới giăng thả Hươu chúa ra. Đức Phật dạy: Hươu chúa xưa kia, nay chính là thân Ta; năm trăm con Hươu lúc ấy, nay chính là năm trăm Tỳ kheo.

Lúc ấy có con chim Nhạn chúa, bị người săn bắn bắt được, có con chim Nhạn là đồng bạn muốn xả mạng thay cho Nhạn chúa, lại nói kệ trả lời với nhau, thợ săn trông thấy thương xót mà tha cho hai con Nhạn. Sau cầu châu báu để báo ân, đại ý giống như trước.”

Còn trong luận Trí Độ nói: “Nhà vua nghe con Hươu nói, liền từ chỗ ngồi đứng dậy mà nói kệ rằng:

Ta thật sự là loài súc sanh,
Tên gọi là Đầu Hươu Thân Người,
Ông tuy là làm thân loài Hươu,
Mà tên gọi Thân Hươu Đầu Người.
Dùng lý lẽ mà nói điều này,
Không phải vì hình dáng là người,
Nếu có thể có lòng Từ Bi,

Tuy cầm thú mà thật là người.
Ta từ hôm nay trở về sau,
Không ăn tất cả các loại thịt,
Ta đem lòng bố thí Vô úy,
Làm cho ý ông được an lành.”

Còn trong luật Thiện Kiến nói: “Mục Kiền Liên giải thích về kinh Bổn Sanh cho vua A Dục, nói rằng: Này Đại Vương! Xưa kia có một con gà gô (chim Giá Cô), bị người nhốt trong lồng, ở chỗ ấy rất buồn bã sợ hãi, liền cất tiếng gọi to. Đồng loại tập trung đến bị người bắt làm thịt, con gà gô hỏi Đạo nhân rằng: Tôi có tội hay không? Đạo nhân đáp rằng: Lúc ông cất tiếng gọi có tâm niệm sát hại hay không? Con gà gô nói: Tôi gọi ra hiệu cho bạn bè đến chư không có tâm niệm sát hại đâu. Đạo nhân liền đáp nếu không có tâm niện sát hại thì ông không có tội gì cả. Bèn nói kệ rằng:

“Không cùng chung nghiệp mà gặp phải,
Không cùng chung tâm mà phát khởi,
Người thiện nhiếp tâm mà an trú,
Tội không ngang ngược gán cho ông.”

Còn trong luật Tăng Kỳ nói: “Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Vào thời quá khứ trong vùng Hương Sơn có trú xứ của Tiên nhân, cách núi ấy không xa có một hồ nước, lúc ấy trong hồ nước có một con Ba ba, ra khỏi hồ nước kiếm thức ăn, ăn xong hướng về phía mặt trời há miệng mà ngủ. Lúc ấy trong Hương Sơn có những con vượn, đi đến hồ uống nước, dừng lại trên bờ trông thấy con Ba ba há miệng mà ngủ. Lúc ấy có con vượn khởi ý làm điều dâm dục, liền đem thân đang sống đút vào trong miệng con Ba ba, con Ba ba tỉnh giấc ngậm miệng lại, rụt đầu đuôi và bốn chân vào trong mai như cũ, mà nói kệ rằng:

Người ngu si mê muội chấp tướng,
Giống như con Ba ba đã cắn,
Thất thủ bị giăng giữ lại,
Không dùng búa thì không rời xa.

Lúc ấy con Ba ba vội vàng ngậm con vượn đi trở lại hồ nước, lúc sắp đến dòng nước thì con vượn vô cùng sợ hãi, bèn dấy lên nghĩ như vậy: Nếu mình vào trong nước thì nhất định phải chết chứ không nghi ngờ gì. Nhưng mà thật đau khổ cì sức yếu cứ tùy ý con Ba ba xoay chuyển, lôi kéo lang thang gặp phải nơi hiểm trở, lúc ấy con Ba ba nằm ngữa ra. Lúc này con vượn cố dùng hai tay ôm lấy con Ba ba, dấy lên ý nghĩ như vậy: Ai sẽ giúp mình thoát được khổ nạn này? Con vượn đã

từng biết trú xứ của Tiên nhân, nghĩ rằng họ sẽ cứu mình, liền ôm lấy con Ba ba hướng về chỗ ấy mà đi. Từ xa Tiên nhân nhìn thấy liền dấy lên nghĩ như vậy: Việc này quái gở làm sao! Nghĩ rằng con vượn này đang làm những điều gì đây, muốn trêu đùa con vượn mà cố ý nói rằng: Này Bà-la-môn vì điều gì mà mang bát đầy vật báu đến đây, có được niềm tin như thế nào mà đến với ta vậy? Lúc bấy giờ con vượn liền nói kệ rằng:

Tôi chỉ là con vượn ngu si,
Vô cớ xúc phạm đến người khác,
Bậc đức hạnh cứu giúp tai ách,
Mạng sống nguy cấp chẳng bao lâu.
Hôm nay Bà-la-môn đức hạnh,
Nếu như không cứu giúp cho tôi,
Trong chốc lát thân sống không còn,
Mang tai họa trở về rừng núi.

Lúc bấy giờ Tiên nhân dùng kệ đáp rằng:

Ta làm cho ông được thoát nạn,
Trở về lại trong chốn núi rừng,
Sợ rằng thói vượn khỉ của ông,
Thái độ cũ cũng lại sinh ra.
Lúc bấy giờ vị Tiên nhân kia,
Nói cho nghe sự việc xưa cũ,
Túc mạng xưa ka con Ba ba,
Từng có tên gọi là Ca Diếp,
Đời quá khứ con vượn là ông
Có tên gọi là Kiều Trần Như,
Đã cùng làm chuyện dâm dục ấy,
Nay nhân duyên có thể đoạn trừ,
Ca Diếp tha cho Kiều Trần Như,
Khiến được trở về chốn núi rừng.

Con Ba ba nghe lời như vậy liền thả con vượn ra đi."

Tụng rằng:

Quyến thuộc của mình khắp mọi nơi,
Cách ngăn đời kiếp mà dối nhau,
Chỉ cần niềm vui trong hiện tại,
Không biết giúp thêm khổ tương lai,
Lôi kéo mình vào ba đường dữ,
Nhận chịu đau khổ vô vàn,

Tạ mình không Từ Bi buông xả,
Sao có được mạng sống dài lâu?

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Thời nhà Đường có Mã Gia Vận ở quận Ngụy, vào tháng 5 thứ 6 niên hiệu Trinh Quán, ở nhà từ sáng đến tối, ra ngoài cổng lớn bỗng nhiên trông thấy hai người, mỗi người giữ một con ngựa, đứng dưới tán cây ở ngoài cổng từ trước. Gia Vận hỏi là người ở đâu? Đáp rằng: Quan ở Đông Hải sai đến đến Mã Sinh mà thôi. Gia Vận xưa nay có học thức, người trong thôn làng-châu quận đều biết tiếng, đã từng có sứ giả của các quan và khách quý, khắp nơi nhiều lần xin gặp mặt, đến lúc thấy mặt nghe tên thì không cần phải lạ lùng gì. Nói với sứ giả rằng: Tôi không có ngựa. Sứ giả nói: Đi ngựa đến đây để đón Mã Sinh. Gia Vận liền ở dưới tán cây lên ngựa mà đi, nhưng thân thể lại nằm ở dưới tán cây. Chốc lát đến một phủ quan, dẫn đi vào cổng lớn, có mấy mươi người cả nam lẫn nữ đứng ngoài cổng như người kiện cáo điều gì. Có một người phụ nữ trước đó cùng với Gia Vận quen biết nhau, là thiếp của Trương Công Cẩn ở cùng quận, người họ Nguyên, tay cầm một tờ văn thư đón và nói với Gia Vận rằng: Mã Sinh còn nhận ra nhau hay không, xưa Trương tổng quản qua lại với nhau, đã nhiều lần gặp nhau rồi, tổng quản vô cớ giết tôi thật phi lý, tôi tố cáo với Thiên tào, đến nay đã ba năm, vì vua cõi trời chú trọng cứu giúp bảo vệ Công Cẩn, cho nên tôi thường bị ghìm lại, nay mới được nói rõ, quan phủ đã cho truy tìm, không bao lâu sẽ dẫn đến, ngờ rằng một mình tôi bị oan ức tổn hại, Mã Sinh sao cũng đến đây vậy? Gia vận trước đó biết người nữ họ Nguyên bị giết hại, đến lúc gặp mới biết là mình chết. Sứ giả dẫn đi vào cổng, người gác cổng nói: Quan lớn đang ngủ không thể yết kiến được, nên đến chỗ Hoắc Tư Hình ngồi đợi. Gia Vận thấy quan Tư hình, chính là Hoắc Chương, làm chức Hành đài lang trung ở Ích Châu. Trông thấy Gia Vận liền mời ngồi và nói: Phủ này thiếu quan trong phòng ghi chép sổ sách, quan ở Đông hải nghe anh có tài năng và học vấn, cho nên muốn mời đến làm quan ở phòng này thôi. Gia Vận nói: Nghèo hèn chỉ giữ yên vợ con, chứ không mong làm quna, được miễn cho thì thật là may mắn! Hoắc Chương nói: Nếu như không có năng lực để làm thì tự mình nói rõ là không học hành gì, tôi sẽ có người quen biết có thể tiến cử để làm việc này. Chốc lát có người đến nói: Quan lớn ngủ thức dậy, dẫn Gia vận. Gia vận đi vào thấy một người ngồi ở phòng làm việc, mập lùn đen thui, gọi Gia Vận đến trước mặt nói rằng: Nghe ông có tài năng

và học vấn, muốn mời làm quan ở phòng ghi chép sổ sách vậy thôi, có thể làm được chăng? Gia vận bái tạ và nói: Thật là vinh hạnh, nhưng mà kẻ hèn này chú trọng đến ruộng đồng cây cỏ, có thể dùng sự nghiệp trải qua để truyền lại cho hàng con cháu, chứ không đủ để xứng đáng đảm nhận công việc của phòng ghi chép sổ sách gì đâu. vị quan nói: Biết Hoắc Chương hay không? Đáp rằng: Có biết. Nhân đó sai người mời Hoắc Chương, hỏi về tài năng học vấn của Gia Vận, Hoắc Chương nói: Từ trước đến nay biết về học vấn đã trải 1ua, chứ không thấy viết lách văn chương gì cả. Vị quan nói: Người nào có văn chương? Gia Vận nói: Có Trần Tử Lương là người thông thạo văn chương. Vị quan nói: Đưa Mã Sinh trở về. Lập tức ra lệnh tìm đến chỗ Tử Lương. Gia Vận cáo từ ra về, cùng chia tay với Hoắc Chương, Hoắc Chương nói: Nhờ anh nói với con trai lớn của tôi, lúc tôi sắp qua đời có nói với nó, bán con ngựa tôi đã cưỡi để làm chùa, sao nó bán con ngựa rồi tự tiêu xài phung phí, mau chóng như lời tôi dặn mà xây chùa. Gia Vận nhân đó hỏi: trước có gặp người thiếp của Trương Công Cẩn, đã nói đến Thiên chủ thì đó là người nào? Hoắc Chương nói: Người làng của Công Cẩn, làm vua thọ trì năm giới, chết làm Thiên chủ, thường cứu cho Công Cẩn mà được tồn tại đến bây giờ, nay hình như không tránh khỏi nữa rồi. Nói xong mà chia tay, sai sứ giả tiễn Gia Vận, đến một con đường tối tăm mà nhỏ bé, chỉ rõ khiến đi rheo đường này mà trở về. Gia Vận nói lại đầy đủ như vậy.

Tháng 7 năm ấy ở Miên Châu có người họ Trần tên Tử Lương bất ngờ mà chết, qua một đêm sống lại, tự nói đến gặp quan ở Đông Hải, muốn tuyển dụng làm trong phòng ghi chép sổ sách, nhưng từ chối vì không biết văn tự. Nơi khác có Trần Tử Lương là người quận Ngô qua đời, Công Cẩn cũng chết. Nhưng sau khi hai người chết đi, Gia Vận đã từng cùng với mọi người đi trên đường, bỗng nhiên giống như thấy người của quan phủ, Gia Vận thay đổi sắc mặt, lo lắng sợ hãi chỉ biết chạy thật nhanh, lát sau mới dừng lại. Bạn cùng đi hỏi nguyên cớ, đáp rằng: bất ngờ gặp sứ giả của quan ở Đông Hải nói là muốn đi đến Ích Châu tìm người; vẫn nói cho biết là: Trần Tử Lương tố cáo ông dữ lắm, Hoắc Tư Hình vì ông mà bị quở trách, ông hầu như không tránh được, ông nhờ vào phước mà chuộc lại mạng sống, cho nên được miễn vậy.

Ban đầu, trong thời gian Gia Vận còn ở đất Thục, muốn chọn hồ để bắt cá, lúc ấy Gia Vận giảng sách vở cho người ta mà có được mấy chục xấp lụa, nhân đó mua cá thả vào hồ để chuộc lại mạng sống, chính là sự việc này vậy. Đến giữa thời Trinh Quán, xa giá của nhà vua ở tại

cung Cửa Thành nghe chuyện, sai trung thư thị lang Sầm Văn Bổn đến hỏi về sự việc ấy, Văn Bổn ghi chép mà tâu lên như vậy. Gia Vận về sau làm Quốc tử bác sĩ, qua đời tại quan phủ.

Chuyện trên đây trích trong Minh Báo Ký.

Thiên thứ 76: CỨU ÁCH

Thiên này có năm phần: Thuật ý, Bồ-tát, Lưu Thủy, Thương chủ, Thú vương.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Nói đến Từ Bi là bố thí hết sức rộng lớn, cầu phước là mong mỏi giải trừ tai họa. Lòng chí thành có thể cảm ứng, bao Thánh Hiền cùng chung như vậy. Nhưng mà Đại Sĩ quán sát thế gian chỉ tự mình thấy để chọn lấy nghe. Vì vậy lao vào ngọn lửa, thân có thì chắc chắn phải nát tan, nổi trôi biển rộng, mạng không một chút nào được sống sót; nhưng trong khoảng nháy mắt, lời nói và ý niệm hướng về nương tựa, thì biển rộng bao la có thể cạn, lửa đỏ ngùn ngụt tỏa mát lạnh. Hoặc dao kề trên cổ-gươm sắc không tổn thương, hoặc rơi vào hố sâu-toàn thân không tổn hại, hoặc gông xiềng xích-rời ra khỏi thân hình. Cảm được năng lực như vậy, xem xét đầy đủ khó hết. Nếu thành khẩn tha thiết, tự kiềm chế mình thì chắc chắn cảm được điềm linh ứng. Nếu qua loa tùy tiện, tâm niệm uể oải thì gian nguy không thể nào cứu giúp.

Thứ hai- PHẦN BỒ TÁT

Như kinh Tăng Già La Sát nói: “Lúc ấy có Bồ-tát ở trên núi, tâm niệm Từ Bi ngồi trang nghiêm tư duy bất động, chim làm tổ đẻ trứng trên đỉnh đầu, sau mới biết rằng chim ở trên đỉnh đầu. Sợ rằng trứng rơi xuống đất, cho nên thân không dám di chuyển lay động, ngồi giữ gìn mà thực hành ngay nơi ấy không hề động đậy. Đến lúc chim non mọc cánh, nhưng chưa có thể bay được, thì hoàn toàn không rời bỏ làm chim phải chịu tổn hại gì”.

Còn trong Kinh Di Lặc Sở Vấn Bổn Nguyện nói: “Đức Phật dạy: Này A Nan: Lúc ta bắt đầu cầu đạo thì chịu khó chịu khổ đủ điều. Vào thời quá khứ có Thái Tử của vua, tên gọi là Bảo Hoa, đoan chánh tuấn tú vô cùng, từ vườn cảnh ngắm nhìn mà đi ra đường, thấy một người trên thân mắc bệnh hủi. Thấy rồi hỏi người bệnh, dùng những loại thuốc gì có thể chữa lành bệnh? Người bệnh đáp rằng: Có được máu tủy... trên thân thể của nhà vua để xoa vào thân tôi, thì căn bệnh này mới lành được. Thái Tử nghe rồi, liền tự hủy hoại thân mình lấy xương tủy máu huyết... đem cho người bệnh, tâm chan thành bố thí, ý không có gì hối hận. Thái Tử của vua lúc ấy, chính là thân Ta hôm nay. Nước trong bốn biển lớn hãy còn có thể đong lường, xương tủy máu huyết... trên thân Ta đổ ra thì không thể tính kể, chỉ vì cầu Chánh Giác.”

Còn trong kinh Đại Tập nói: "Lúc bấy giờ Bồ-tát Khoáng Dã hiện thân làm quỷ, Bồ-tát Tán Chi hiện thân làm hươu, Bồ-tát Tuệ Cự hiện thân làm vượn, Bồ-tát Ly Ái hiện thân làm dê đực, Bồ-tát Tận Lậu hiện thân làm ngỗng chúa; các vị Bồ-tát gồm năm trăm vị như vậy, tất cả đều thị hiện thọ thân đủ các loại hình tướng. Thân tướng ấy đều phát ra nhiều loại ánh sáng và mùi thơm, tay của mỗi một Bồ-tát đều cầm đèn sáng, để cúng đường chư Phật mười phương. Từ thời Thất Phật đến nay cùng làm quyến thuộc với Phật như vậy, thọ trì năm giới phát tâm Bồ đề, vì muốn điều phục tất cả chúng sanh khiến có thể phát tâm Bồ đề, cho nên thọ thân này."

Còn trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: "Xưa có một Đạo nhân đã chứng La Hán, nuôi một Sa di, biết Sa di này sau bảy ngày nữa thì nhất định sẽ mạng chung, bèn cho phép trở về nhà thăm cha mẹ, đến trước bảy ngày thì phải trở lại chùa. Sa di chào từ biệt thầy, lập tức đi về nhà. Ở giữa đường đi thấy một bầy kiến, bồng bềnh trôi theo dòng nước, cả bầy kiến chắc chắn sẽ chết, sinh tâm Từ Bi tự cởi ca sa, chứa đất ngăn dòng nước lại, mang cả bầy kiến đặt vào chỗ cao ráo, tất cả bầy kiến được cứu sống. Đến trước bảy ngày quay trở lại chỗ thầy, thầy rất ngạc nhiên, lập tức nhập định, dùng Thiên nhãn quán sát biết Sa di lại không có phước nào khác mà cảm được như vậy, nhờ vào nhân duyên cứu cho bầy kiến mà bảy ngày không chết, lại được tăng thêm tuổi thọ."

(Sửa chữa pháp cũ cũng được sống lâu, sửa sang tường vách bị hư hoại trong chốn già lam cũng cảm phước được sống lâu).

Thứ ba- **PHẦN LƯU THỦY**

Như kinh Kim Quang Minh nói: "Lúc bấy giờ Trưởng giả Lưu Thủy, ở trong nước Thiên Tự Tại Quang Vương, chữa trị bệnh hoạn cho tất cả chúng sanh, khiến được bình phục. Lúc ấy Trưởng giả có người vợ, tên là Thủy Không Long Tạng, sanh được hai người con trai, một người tên là Thủy Không, một người tên là Thủy Tạng. Lúc vị trưởng giả dẫn hai cậu con trai này theo thứ tự đi khắp nơi, đến trong một khu đầm hoang vắng rộng lớn, thấy các loài cầm thú phần lớn là loài ăn máu thịt, cùng chạy băng về một phía. Trưởng giả nghĩ rằng: Các loài cầm thú này vì nhân duyên gì mà cùng chạy băng về một phía: Lúc ấy Trưởng giả liền đi theo, thấy có một cái hồ mà nước trong hồ khô cạn, ở trong hồ khô cạn có rất nhiều những loài cá thoi thóp thở. Trưởng giả trông thấy loài cá sanh tâm Đại Bi, lúc ấy có thọ thần thị hiện một nửa thân hình, nói lời như vậy: Lành thay, người thiện nam! Đàn cá này

đáng thương, ông có thể giúp cho nguồn nước, vì vậy cho nên hiệu của ông gọi là Lưu Thủy. Trưởng giả hỏi Thọ thần: Đàn cá này có số lượng là bao nhiêu con? Thọ thần đáp rằng: Số lượng đầy đủ của đàn cá vừa tròn mười ngàn con. Lúc bấy giờ Lưu Thủy nghe số lượng này rồi sanh tâm thương xót gấp bội. Lúc ấy hồ khô cạn này bị mặt trời làm cho nóng bức, mười ngàn con cá này sắp đi vào chỗ chết. Lúc này trưởng giả đi bốn phía tìm nước nhưng hoàn toàn không thể nào có được, thấy có cây lớn liền đến lấy cành lá, đem trở về phủ trên hồ làm cho được mát mẻ. Làm bóng che mát rồi lại tiếp tục chạy đi tìm nước, đi xa đến nơi khác thấy một dòng sông rộng, tên gọi là Thủy Sanh, có những người ác vì muốn bắt đàn cá này, đã phá vỡ con đập ngăn nước không để cho nước chảy qua hồ được, nhưng chỗ con đập bị phá vỡ ấy lại hiểm trở khó mà đáp được. Lúc ấy trưởng giả lập tức đi đến chỗ nhà vua, nói rõ ràng nhân duyên ấy, chỉ mong cầu Đại Vương cho mượn hai mươi con voi lớn để có thể mang nước đến cứu giúp mạng sống của đàn cá ấy. Lúc bấy giờ Đại Vương liền truyền cho Đại thần, nhanh chóng cung cấp và trưởng giả tự đến trong chuồng tùy ý mà chọn lấy. Lúc ấy Trưởng giả Lưu Thủy cùng với hai người con, dẫn hai mươi con voi lớn, đến chỗ người sửa sang tường thành mượn lấy những chiếc túi da, đến chỗ con đập bị phá vỡ phía trên kia, chứa đầy nước dùng voi mang về, chạy nhanh đến hồ đang khô cạn, trút nước vào trong hồ, nước hồ liền được tràn đầy. Lúc ấy Trưởng giả hướng về bốn phía hồ nước bồi hồi xúc động mà đi lại, đàn cá này cũng đi theo, vòng quanh bờ hồ như Trưởng giả. Lúc ấy Trưởng giả lại dấy lên nghĩ như vậy: Đàn cá này vì sao thuận theo mình mà đi, chắn chắn là bị cái đói đang làm cho khốn khổ mà đi theo mình cầu được thức ăn! Lúc bấy giờ Trưởng giả Lưu Thủy bảo với hai con: Về nhà thưa với ông nội, vật gì có thể ăn được có trong nhà, đều dùng voi mang tất cả, nhanh chóng đêm đến đây. Bấy giờ hai con như lời cha dạy bảo, trở về nhà thưa với ông nội và nói rõ sự việc như trên. Lúc bấy giờ hai người con gom lấy thức ăn dùng voi chở đi, trở lại chỗ cha mình. Trưởng giả trong lòng hoan hỷ, lấy thức ăn từ hai con rải vào trong hồ cho đàn cá ăn, khiến cho đàn cá được no đủ. Lại suy nghĩ trong kinh nói rằng nếu có chúng sanh lúc sắp mạng chung, được nghe danh hiệu của Như Lai Bảo Thắng, thì được sanh lên cõi trời. Thế là vào trong hồ nước nói lời như vậy: Nam mô quá khứ Bảo Thắng Như Lai, mười hiệu Phật Thế Tôn. Lại giải thích cho đàn cá này nghe về mười hai nhân duyên và pháp vi diệu vô cùng sâu xa như vậy. Lúc bấy giờ Trưởng giả Lưu Thủy và hai con trở về nhà, lại vào lúc sau đó khách bạn say sưa nằm ngủ,

bấy giờ mặt đất bất ngờ chấn động dữ dội, cả đàn cá mười ngàn con cùng mạng chung trong một ngày, liền được sanh lên cõi trời Đao Lợi. Đã sanh lên cõi trời rồi bèn suy nghĩ đến ân đức phải đền đáp, lúc bấy giờ mười ngàn Thiên tử từ cõi trời Đao Lợi đi xuống đến nhà Trưởng giả. Lúc ấy Trưởng giả ngủ ở bên cạnh đầu, lại dùng mười ngàn chuỗi ngọc đặt ở phía dưới chân, lại lấy mười ngàn chuỗi ngọc đặt ở bên sườn phải, lại dùng mười ngàn chuỗi ngọc đặt ở bên trong sườn trái, tung hoa Man đà la và hoa Đại Mam đà la, phủ dày đến ngang đầu gối, các loại nhạc trời phát ra âm thanh vi diệu. Trong cõi Diêm Phù Đề có những người đang ngủ say, thảy đều thức giấc. Trưởng giả Lưu Thủy cũng từ trong giấc ngủ tỉnh dậy, mười ngàn Thiên Tử này đi khắp nơi ở giữa hư không, ở trong đất nước của nhà vua, tung xuống hoa trời đẹp đẽ để tỏ lòng đền ân. Lại đến nơi hồ nước trước đây tiếp tục tung xuống hoa trời, sau đó từ nơi này ẩn hình trở về cung trời Đạo Lợi."

Thứ tư- PHẦN THƯỢNG CHỦ

Như kinh Đại Bi nói: "Đức Phật bảo với A Nan: Vào đời quá khứ có người chủ buôn lớn, để thu thập châu báu cho nên dẫn những người buôn đi vào biển rộng. Thuyền của họ đã chở các loại báu tràn đầy, đến ở giữa biển rộng thì con thuyền bất ngờ bị hỏng, lúc ấy những người buôn trong lòng sợ hãi sinh ra buồn bã khổ sở vô cùng. Trong những người buôn, có người nắm được mãnh ván thuyền, có người bị trôi nổi bập bềnh, có người đã mạng chung. Lúc bấy giờ Ta làm người chủ buôn ấy, ở giữa biển rộng, nhờ dùng túi phao mà vượt qua yên ổn. Lúc ấy có năm người gọi chủ buôn nói rằng: Thưa Đại Sĩ chủ buôn! Chỉ mong làm ơn giúp cho chúng tôi không sợ hãi gì! Nói lời này xong, lúc bấy giờ chủ buôn liền bảo với họ rằng: Này những kẻ trượng phu, chớ sanh lòng sợ hãi, tôi sẽ giúp cho các ông từ giữa biển rộng này được yên ổn vượt qua. Này A Nan! Lúc ấy trên thân người chủ buôn có mang thanh gươm sắc nhọn, bèn dấy lên nghĩ như vậy: Quy luật của biển rộng thì không chứa xác chết, nếu như bây giờ mình tự buông bỏ thân mạng của mình, thì những người buôn này chắc chắn có năng lực thoát được tai nạn của biển rộng. Nghĩ như vậy rồi, liền nói với những người buôn khiến họ cố gắng nắm chặt thân thể của mình. Những người buôn ấy, có người bám trên lưng, có người ôm lấy vai, có người nắm bắp đùi. Lúc bấy giờ chủ buôn vì muốn giúp cho họ không còn sợ hãi gì, phát tâm Đại Bi khởi lên ý niệm vô cùng dũng mãnh, liền dùng thanh gươm sắc nhọn đoạn dứt mạng căn của mình, lập tức nhận lấy cái chết. Lúc ấy biển rộng trôi

giạt đưa xác chết ấy đặt ở trên bờ, thì năm người buôn liền được vượt qua biển rộng, yên ổn được vui sướng, bình an tốt lành không còn tai nạn, trở về cõi Diêm Phù Đề.

Này A Nan! Chủ buôn lúc ấy nào phải là ai khác chăng, mà chính là thân Ta bây giờ. Năm người buôn lúc ấy, nay chính là năm tỳ kheo; năm tỳ kheo này xưa ở giữa biển rộng mà được độ thoát, nay lại ở trong biển rộng sinh tử này mà được độ thoát, yên ổn đặt chân trên bờ Niết-bàn giải thoát, không còn sợ hãi."

Thứ năm- PHẦN THÚ VƯƠNG

Như luận Đại Trí Độ nói: "Vô lượng A-tăng-kỳ kiếp quá khứ trước kia, có rừng cây rộng lớn, rất nhiều loài cầm thú cư trú, bất ngờ lửa rừng bùng cháy bốc cao cả ba phía, chỉ có một phía không có lửa mà lại cách ngăn vì một dòng suối. Các loài thú cùng đường bức bách trốn chạy để khỏi chết, nhưng không có nơi nào thoát được. Đức Phật dạy: Vào lúc bấy giờ Ta làm loài Hươu thân to lớn nhiều sức mạnh, dùng chân trước bước qua bờ bên kia, dùng chân sau đứng vững ở bờ bên này, để cho các loài thú tạp đạp trên lưng mà đi qua, da thịt đều bị hủy hoại. Dùng sức mạnh của lòng Từ Bi chịu đựng cho đến chết. Cuối cùng có một con Thỏ đi đến, sức lực đã cạn kiệt, tự gắng gượng hết sức chịu đựng khiến cho được đi qua. Con Thỏ đi qua rồi, xương sống gãy rơi xuống dòng suối mà chết. Như vậy từ xa xưa đã có, không phải là chỉ có hôm nay. Những loài thú được thoát hiểm trước kia, nay chính là các đệ tử. Cuối cùng có một con Thỏ, nay chính là Tu Bạt Đà. Đức Phật đời đời vui với hạnh thực hành tinh tiến, đến nay hãy còn không nghỉ."

Còn trong kinh Hiền Ngu nói: "Đức Phật vào quá khứ lâu xa, lúc ấy thế gian đói kém khốn khổ, nhân địa của Như Lai là Từ Bi cứu giúp chúng sanh, hiện làm thân loài cá to lớn, dài năm trăm do tuần. Người trong nước cần đến thịt để ăn, không hỏi gì đến người hay súc vật, tất cả đều tùy ý đến lấy ăn. Lấy rồi có lại như cũ, trải qua mười hai năm bố thí máu thịt trên thân thể mình như vậy."

Còn trong kinh Thọ Sanh nói: "Xưa kia Bồ-tát đã từng làm Ba ba chúa, sinh ra và lớn lên ở trong biển rộng để cảm hóa cho các đồng loại, con cái và dân chúng đều tu dưỡng lòng nhân đức. Ba ba chúa tự mình tôn trọng thực hành Từ Bi cứu giúp, thương yêu đối với chúng sanh như mẹ yêu quý con mình. Biểu rộng sâu xa lắm nơi hiểm nguy trắc trở, nhưng mà đi đến mọi nơi, không có chỗ nào không trải qua. Đến lúc Ba ba chúa đi ra phía ngoài biển rộng, nằm nghỉ ở bên bờ, trải

qua nhiều ngày tháng thì chiếc mai khô cứng lại, giống như một gò đất. Người buôn từ xa đến thuận tiện dừng lại trên đó, chẻ củi nhóm lửa nấu nướng cơm ăn nước uống, buộc xe trâu-xe ngựa chuyên chở chất đầy đá lớn, tất cả đều đặt trên lưng Ba ba. Ba ba chúa muốn quay trở về đi vào dòng nước, nhưng sợ mang lỗi bất nhân, vẫn cần phải gắng gượng chịu đựng, đau đớn không thể nào nói được. Thế là tìm cách thích hợp để đi vào nơi nước cạn, trừ diệt ngọn lửa gay gắt chứ không làm hại đến những người buôn. Những người buôn sợ hãi, nói là thủy triều bất ngờ dâng lên, xót xa đau buồn than thở, dốc lòng khẩn cầu chư Thiên, chỉ mong được cứu giúp. Trong tâm Ba ba chúa càng thương xót, vì vậy nói cho những người buôn biết rằng: Cẩn thận đừng sợ hãi, Ta bị lửa đốt cho nên bỏ đi vào nước, muốn làm cho sự đau đớn dừng lại, nay sẽ làm yên ổn cho nhau, hoàn toàn không có gì nguy hại lẫn nhau. Những người buôn nghe vậy biết là có hy vọng sống được, cùng lúc pháy ra tiếng nói to Nam Mô Phật. Ba ba chúa phát khởi tâm Đại Từ trở lại cõng những người buôn, chuyển đến ở bên bờ. Mọi người được cứu thoát, không có ai không hoan hỷ, từ xa gọi Ba ba chúa mà ca ngợi ân đức ấy, tôn xưng là chiếc cầu cho nhiều người được đi qua, công hạnh làm chiếc thuyền lớn vượt lên trên ba cõi, nếu đạt được Phật đạo thì nên tiếp tục cứu thoát tai ách của sinh tử. Ba ba chúa trả lời rằng: Lành thay, lành thay! Sẽ làm như lời nói hôm nay. Sau đó mỗi người đều đi theo con đường của mình mà trở về.

Đức Phật dạy: Ba ba chúa lúc ấy, nay chính là thân Ta; năm trăm người buôn lúc ấy, nay chính là năm trăm đệ tử như Xá-lợi-phất...”

Còn trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Nếu có chúng sanh thấy người nào phạm pháp, phải nhận chịu nỗi khổ chết chóc, thì nên dùng tiền bạc để chuộc mạng cho họ, khiến được thoát nạn; làm như vậy mà không cầu đền ơn, thì mạng chung sanh đến cõi trời Thường Hoan Hỷ, từ cõi trời lùi lại vẫn thọ sanh làm thân người, không gặp phải tai họa vương pháp.

Nếu có chúng sanh trì giới thấy lửa lớn bốc lên đốt cháy chúng sanh, thì dùng nước dập tắt lửa cứu giúp các chúng sanh, mạng chung sanh lên cõi trời Hành Đạo hưởng thụ đủ loại vui sướng.”

Lại như kinh Độ Cẩu Tử nói: “Xưa có một đất nước, thóc lúa hoa màu rất đắt đỏ, dân chúng đói kém khốn khổ. Lúc ấy có Sa môn đi vào thành khất thực, đi khắp mọi nhà mà nào xin được cơm ăn. Sau đó đến nhà của Trưởng giả rất giàu có sang trọng, xin được miếng cơm thừa còn sót lại. Đúng lúc sắp ra ngoài thành, đang ở trong cổng thành gặp

một người làm nghề săn bắn giết mổ, ôm một con chó đem về muốn giết thịt. Thấy Sa môn thì hoan hỷ đến trước mặt làm lễ, Sa môn chú nguyện cho sống lâu mạnh khỏe. Sa môn biết có con chó mà nghi là sắp bị giết thịt, vì vậy hỏi người ấy: Nay ôm cái gì vậy? Đáp rằng: Đi tay không chứ chẳng có gì mang theo cả. Sa môn lại hỏi: Ta đã trông thấy, tại vì sao mà phải che giấu, tội lỗi sát sanh thật là bất thiện, mong được đem bữa ăn của Ta để đổi lấy con chó này, khiến mạng sống dược cứu giúo, phước của ông thật là vô lượng. Người ấy đáp rằng: Không thể nào trao đổi cho nhau được, tôi cố đi tìm cái ăn cho cả nhà, chút cơm này của ông làm sao đủ được? Sa môn ân cần nói rõ cho biết mà cầu xin trao đổi. Người ấy cương quyết chống đối không chịu nghe theo lời nói. Sa môn lại nói: Nếu như không bằng lòng, thì có thể chỉ cho Ta thấy. Người ấy liền đưa ra cho Sa môn thấy. Sa môn đem cơm cho con chó ăn, đưa tay vuốt đầu chú nguyện mà chảy nước mắt, nói rằng: Do tội lỗi của ông mà làm cho phải chịu thân chó này, không được tự tại, bị người ta giết để ăn thịt, nay làm cho ông đời đời tội diệt phước sinh, lìa thân lòa chó được sanh làm người, nơi sanh ra tự nhiên gặp được giáo pháp và quy y Tam Bảo. Con chó được ăn đã phát sanh thiện tâm, nhảy cẫng lên hoan hỷ như biết tự quy y. người ấy mang con chó về nhà giết thịt cùng ăn. Con chó chết rồi liền sanh vào nhà Đại Trưởng giả giàu có sang trọng, vừa lúc sanh ra thì có tâm Từ phát khởi. Lúc ấy Sa môn khất thực lần lượt đến trong cổng nhà Trưởng giả. Lúc khất thực thì con của Trưởng giả trông thấy Sa môn ấy, nhớ lại duyên vốn có liền đến trước mặt cúi rập đầu lạy sát chân Sa môn, cầu thỉnh được phép cúng dường đồ ăn thức uống ngon lành, sau đó đến trước cha mẹ rằng: Nay con muốn đi theo vị Đại Hòa Thượng này, vâng lợi thọ nhận kinh-giới trở thành một đệ tử. Cha mẹ yêu quý cho nên không đồng ý mà nói: Nay cả nhà ta chỉ có mỗi mình con, nên chịu khó kế thừa làm chủ gia đình sau này, tại sao lại muốn bỏ nhà mà đi? Đứa trẻ khóc lóc không chịu ăn uống, nói với cha mẹ rằng: Không muốn cho con đi thì con sẽ tự tìm đến cái chết. Cha mẹ thấy tình cảnh như vậy thì cho phép để đi. Đi theo thầy học đạo, cạo bỏ râu tóc, khoác ba pháp y, đọc tụng kinh Phật, hiểu sâu sắc nghĩa lý mà đạt được Tam muội, lập nguyện bất thối chuyển, khai hóa cho tất cả chúng sanh, phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Đời có Phật khó gặp được, kinh đạo khó được nghe, có thể cùng gặp nhau thì không có gì không được độ thoát. Súc sanh hãy còn có lúc đắc đạo, huống là đối với con người, lẽ nào không đạt được quả hay sao? Dù cho sai phạm thiếu sót mà còn sinh tâm tàm quý, thanh tịnh

trong sáng đã xuất hiện thì cấu nhiễm đen tối tự nhiên không còn."

Còn trong kinh Tạp A Hàm nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với các Tỳ kheo: Vào thời quá khứ có một con chim, tên gọi là La Bà, bị chim Ưng bắt bay vút lên giữa hư không. Chim La Bà ở giữa bầu trời kêu to lên rằng: Tôi không tự cảnh giác để mình bỗng nhiên gặp phải tai nạn này, bởi vì tôi rời bỏ nơi chốn của cha mẹ, mà đi đến xứ sở khác cho nên gặp phải tai họa này, hôm nay bị kẻ khác làm cho khốn đốn, không còn được tự do là như thế nào? Chim Ưng nói với chim La Bà: Ông đang ở đâu mà có nơi chốn của mình, lại được tự do? Chim La bà đáp rằng: Tôi ở giữa luống cày ngoài đồng ruộng tự nhiên có nơi chốn của mình, đủ để tránh khỏi các tai nạn, đó là nơi chốn của cha mẹ tôi, là nhà của tôi. Chim Ưng khởi lòng kiêu mạn nói với chim La Bà rằng: Thả ông khiến quay về giữa luống cày, có thể thoát được hay không? Thế là chim La Bà được thoát khỏi móng vuốt của chim Ưng, trở về đến ở dưới tảng đất lớn giữa luống cày, yên lành dừng chân ở đó. Nhưng lại ở trên tảng đất muốn đánh nhau với chim Ưng. Chim Ưng vì vậy rất tức giận, nó là loài chim nhỏ mà dám đánh nhau với mình ư? Thế là càng thêm tức giận, từ trên cao bay thẳng xuống tóm lấy kẻ địch. Ngay lúc ấy chim La Bà chui vào bên dưới tảng đất, chim Ưng bay xuống với thế rất mạnh khiến cho ngực đập vào tảng đất cứng, nát thân chết tươi. Lúc ấy chim La Bà nấp sâu bên dưới tảng đất, ngược mặt lên nói kệ rằng:

"Chim Ưng dùng sức mạnh bay xuống,
La Bà dựa vào tảng đất cứng,
Bởi vì giận dữ nhiều sức mạnh,
Dẫn đến tai họa nát thân hình.
Tôi đầy đủ trí tuệ thông suốt,
Dựa vào nơi chốn của chính mình,
Kềm chế oán giận tâm tùy hỷ,
Tự quán sát vui với sức mình.
Nếu như ông hung dữ ngu si,
Thì sức mạnh trăm ngàn rồng voi,
Cũng không bằng một phần mười sáu,
Sức mạnh trí tuệ trong tâm tôi,
Tôi dùng trí quán xét rõ ràng,
Diệt trừ chim Ưng giữa trời xanh."

Tụng rằng:

Hàm thức đều sợ hãi chết chóc,
Loài có mạng sợ chốn hiểm nguy,

Như cá khốn cùng giữa hồ cạn,
Khó gặp được dòng nước chảy vào.
Thân-sơ đều là cha mẹ mình,
Sao có thể lấn hiếp lẫn nhau,
Từ Bi cứu tai ách khốn khổ,
Phước báo tự nhiên đi theo mình.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra mười lăm chuyện: 1- Sa môn Thích Đạo Quýnh thời Tần; 2- Cư sĩ Lữ Tủng thời tấn; 3- Cư sĩ Từ Vinh thời Tấn; 4- Cư sĩ Trương Sùng thời Tấn; 5- Tướng quân Vương Ý thời Tấn; 6- Vợ của Nghiêm Mãnh thời Tấn; 7- Chu Tử Trường thời Tấn; 8- Sa môn Trúc Huệ Khánh thời Tống; 9- Sa môn Đám Vô Kiệt thời Tống; 10- Sa môn Thích Pháp Tiến thời Tống; 11- Sa môn Thích Tuệ Thiến thời Chu; 12- Sa môn Thích Tăng Thật thời Chu; 13- Sa môn Thích Huệ Bố thời Trần; 14- Sa môn Thích Trí Thông thời Đường; 15- Cư sĩ Từ Thiện Tài thời Đường.

1/ Thời nhà Tần có Sa môn Thích Đạo Quýnh, quê quán dòng họ đã ghi rõ trước đây. Năm thứ 18 niên hiệu Hoằng Thỉ-Diêu Tần, thầy là Đạo Ý sai đến Hoắc Sơn-Hà Nam tìm lấy thạch nhĩ, cùng với bạn đồng học là Đạo Lãng..., gồm bốn người cùng đi. Cầm đuốc tìm đường vào hang đá, đi khoảng 3 dặm gặp một dòng chảy sâu hoắm, bắc cây gỗ ngang qua mà đi. Đạo Quýnh đi qua đầu tiên được yên lành, những người đi sau không may bị tuột cây gỗ mà chết. Lúc ấy đuốc lại tắt, tối đen chẳng thấy gì cả. Đạo Quýnh còn sống nghĩ đến những người đã chết chỉ còn đau xót khóc lóc mà thôi, nhưng vẫn cố nhất tâm nói to thệ nguyện của Bồ-tát Quán Thế Âm, nếu như được thoát nạn thì cúng dường pháp hội một trăm người để tỏ lòng đền đáp uy thần che chở. Trải qua một đêm mà trông thấy ánh sáng nhỏ bé lập lòe phát ra, giống như ngọn đèn leo lét, bỗng nhiên trong hang sâu đều sáng tỏ, thế là thấy đường có thể ra ngoài dưới chân ngọn núi. Từ đó sự tin hiểu càng sâu sắc, nhiều lần nhìn thấy điềm linh ứng kỳ lạ. Năm thứ 19 niên hiệu Nguyện Gia, Khang Vương ở Lâm Xuyên làm tướng trấn giữ vùng Quảng Lăng, thỉnh Đạo Quýnh đến cúng dường. Tháng chín năm ấy ở trong trai phòng phía Tây thực hành trai tịnh niệm Quán Thế Âm suốt mười ngày, đã được chín ngày đêm, cuối canh bốn chúng Tăng đều ngủ, Đạo Quýnh đứng dậy lễ bái, trở lại sắp ngồi thiền, bỗng nhiên trông thấy bốn bức tường có rất nhiều Sa môn, đều lộ ra nửa thân, thấy một

búi tóc của Phật rõ ràng vô cùng. Có một người cao lớn đầu quấn khăn vấn cao, áo quần gọn gàng, tay cầm dao dài, diện mạo rất hùng dũng, cầm hương trao cho Đạo Quýnh. Lúc ấy Đạo Quýnh không chịu lấy, Sa môn trong tường nói rằng: Đạo Quýnh có thể nhận hương để che chở cho chủ nhân! Bỗng nhiên trong nháy mắt không còn thấy gì nữa. Đang lúc như vậy cũng không thấy các vị Tăng chúng hội, chỉ nhìn thấy dãy tượng Thích Ca văn đã đặt vào mà thôi.

2. Thời nhà Tấn có Lữ Tủng tự là Mậu Cao, người vùng Cổn Châu, ngụ cư tại vùng Thỉ Phong. Phía Nam huyện ấy có dòng suối chảy xiết, bờ vừa cao vừa dốc, quanh co khúc khuỷu như vòng quanh, lại nhiều đá lớn, người đi giữa ban ngày hãy còn nơm nớp lo sợ không an toàn, Lữ Tủng tự nói rằng: Cha mình đã từng đi giữa dòng suối. Cách nhà khoảng mười dặm, mặt trời sắp lặn, bầu trời bỗng nhiên nổi gió tuôn mưa tối đen như mực, không còn biết phương hướng gì cả, tự nhủ lòng là sẽ chết chìm, chỉ dốc lòng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, vừa tụng vừa nghĩ không dứt. Trong chốc lát có ánh lửa xuất hiện trên bờ, giống như người cầm đuốc, soi chiếu nhìn thấy rõ giữa dòng suối, từ xa lần theo mà về đến nhà, ánh lửa thường dẫn đường ở phía trước, cách con đò hơn mười bước. Lữ Tủng về sau cùng với Hi Gia Tân quen biết với nhau, Hi Gia Tân được nghe mà kể lại cùng biết.

3/ Thời nhà Tấn có Từ Vinh, là người vùng Lang Nha, đã từng đến Đông Dương trở về đi qua vùng Định Sơn, người chèo thuyền không quen đường, lỡ trôi vào trong dòng nước xoáy, vòng quanh trôi nổi giữa sóng nước có lẽ sắp chìm ngỉm rồi. Từ Vinh không còn cách nào khác, chỉ dốc lòng chân thành xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, trong chốc lát giống như có mấy chục người, chung sức kéo con thuyền, băng lên ra khỏi dòng nước xoáy, được trở lại dòng chảy phẳng lặng, men theo con sông xuôi về phía dưới. Mặt trời đã sắp lặn, bầu trời thật âm u, gió cuộn mưa tuôn rất nhanh, không còn biết được phương hướng mà sóng nước càng mạnh thêm. Từ Vinh tụng kinh không ngớt, một lát sau nhìn thấy đầu núi có ánh lửa bừng lên sáng rõ, quay bánh lái hướng về phía ánh lửa, đi thẳng đến được cửa biển, cả thuyền đều được yên ổn. Đã đến nơi thì ánh lửa cũng không còn thấy nữa, người đi trên thuyền rất kinh ngạc, nghi là không phải ánh lửa của con người. Sáng hôm sau hỏi người trong cửa biển: Hôm qua trên núi có ánh lửa là ánh lửa gì vậy? Mọi người đều ngạc nhiên nói: Hôm qua gió mưa dữ dội như vậy, há lý nào như có ánh lửa, chúng tôi hoàn toàn không thấy! Sau đó mới hiểu rằng chính là ánh sáng của thần linh giúp đỡ. Từ Vinh về sau làm Đô

dốc bảo vệ phủ Cối Kê. Tạ Phu nghe chuyện ấy tự mình kể rõ như vậy. Người đi cùng thuyền Từ Vinh lúc ấy, có Sa môn Chi Đạo Uẩn và Cẩn Đốc Sĩ, vốn có thấy điều ấy. Sau nói chuyện này cho Phó Lượng, giống như lời của Từ Vinh đã nói.

4/ Thời nhà Tấn có Trương Sùng, người vùng Đỗ lăng-Kinh Triệu, tuổi trẻ tôn trọng giáo pháp. Trong thời Tấn Thái Nguyên, Phù Kiên đã thất bại, dân chúng ở Trường An có hơn một ngàn nhà, chạy về phương Nam đi theo nhà Tấn, bị quân lính nơi trấn giữ bắt lại, nói là chạy theo giặc, giết hết đàn ông con trai, giữ lại đàn bà con gái. Trương Sùng cùng với năm người khác bị xiềng cả tay chân, mang thân đào hố chôn vùi đến ngang hông, mỗi người cách xa nhau hai mươi bước. Sáng hôm sau quân lính đem ngựa đuổi chạy nhắm bắn tù nhân để làm trò vui. Trương Sùng nghĩ rằng không còn hy vọng sống được, chỉ dốc lòng chân thành xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, trong đêm khuya xiềng xích bỗng nhiên tự đứt rời, phần trên được lìa khỏi thân, vì vậy tìm đường chạy trốn mà được thoát nạn. Trương Sùng đã bị đau chân, những người cùng gặp nạn tìm đường chạy qua một ngôi chùa, thế là tiếp tục xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Tế Âm, tâm lễ lạy chân thành, lấy một tảng đá đặt trước mặt, phát thệ nguyện rằng: Nay muốn đi qua Giang Đông tố cáo tình trạng loạn ly với vua Tấn, quan tâm đến những oan hồn này để cứu giúp vợ con của họ, nếu tâm nguyện đạt được kết qủa thì tảng đá này sẽ phân làm hai! Trương Sùng lễ lạy xong thì tảng đá liễn vỡ hai. Trương Sùng liền đến chốn Kinh sư trình bày rõ ràng với Hổ Tôn, nêu ra đầy đủ nỗi oan khuất của dân chúng. Vua Tấn liền tha thứ cho tất cả, người đã bị bắt giữ đều được sắp xếp theo nhà của mình. Đạo nhân Trí Sanh tận mắt trông thấy sự tình như vậy.

5/ Thời nhà Tấn có Vương Ý tự là Trọng Đức, người vùng Thái Nguyên, làm tướng quân cai quản ngựa xe, cuộc đời rất tin tưởng và tôn sùng giáo pháp. Cha là người dân độc Miêu vào thời Phù Kiên làm Thái thú Trung Sơn, bị Đinh Linh hãm hại. Trọng Đức cùng anh trai là Nguyên Đức đưa mẹ đi về phương Nam, leo lên núi cao hiểm trở đói lả mệt mỏi không còn lương thực, chẳng có cách gì khác, chỉ dốc lòng hướng về Tam Bảo, bỗng nhiên gặp một Đồng tử dắt con trâu xanh, thấy anh em Vương Ý đói lả bèn đưa cho một nắm cơm, sau đó bỗng nhiên mất dạng. Lúc ấy mưa liên tục làm cho nước dâng lên, Vương Ý nhìn phía trước mênh mông không biết chỗ nào là cạn để có thể lội qua được. Chốc lát có một con sói trắng, vòng quanh ở phía trước lội qua dòng nước mà quay lại, tựa như dẫn đường. Như vậy ba lần, thế là đi theo con

sói mà vượt qua dòng nước, nước chỉ đến ngang đầu gối, lát sau được bước lên đường đi yên ổn, đi về phương Nam nương nhờ vua nhà Tấn. Sau từ chỗ Vương Khâu thượng thư là Thứ sử Từ Châu, đã từng mong đượng thiết trai, đêm trước vẩy nước quét dọn, bày hiện hương hoa, tôn trí rất nhiều kinh tượng, bỗng nhiên nghe trong Pháp đường có tiếng tụng kinh, trong trẻo dịu dàng lưu loát. Vương Ý vội vàng đến xem, thấy có năm vị Sa môn đang ngồi trước bàn Phật, uy dung kỳ lạ thần thái vô cùng trang nghiêm, Vương Ý biết không phải là phàm Tăng, tâm rất hoan hỷ cung kính. Sa môn quay đầu lại tự liếc mắt nhìn, ý dường như không thay đổi, âm thanh sang sảng không chéo nhau, bỗng nhiên mà đứng thẳng, tất cả đều vui mừng tin hiểu tăng thêm gấp bội.

Bốn chuyện trên đây trích trong Minh Tường Ký.

6/ Thời nhà Tấn ở vùng Cối Kê có vợ của Nghiêm Mãnh, đi hái củi trong núi bị hổ hại chết, sau khi chết rồi, Nghiêm Mãnh đi đến vùng Khao Trung bỗng nhiên trông thấy nói rằng: Hôm nay chàng đi chắc chắn gặp phải chuyện chẳng lành, thiếp sẽ bảo vệ cho chàng. Lát sau cùng tiến lên phía trước, bỗng nhiên gặp một con hổ nhảy chồm về phía Nghiêm Mãnh, người vợ đưa tay chỉ vào con hổ, giống như ngăn chặn để bảo vệ. Chốc lát có hai người dân tộc Hồ, vác cây kích đi qua, người vợ đưa tay chỉ về họ, con hổ liền chồm đến bắt lấy người Hồ, người chồng được thoát nạn.

Chuyện trên đây trích trong Dị Uyển Lục.

7/Thời nhà Tấn có Chu Tử Trường, kiều dân ở vùng Cương Đầu-Phô Đông thuộc Ngũ Trượng-Vũ Xương. Năm thứ ba thời Tấn Hàm Khang, Tử Trường đến nhà Phố Trung Sầu ở Tắc Khê, nhà cách vùng Ngũ Trượng mấy dặm. Vào lúc Sầm tối trở về vùng Ngũ Trượng chưa đến nơi, còn khoảng chừng một dặm, phía trước là đồi trống trải bỗng nhiên trông thấy bốn dãy nhà ngói giữa đường đi. Lính gác cổng liền tóm lấy đầu Tử Trường, Tử Trường nói: Tôi là đệ tử Phật, vì sao bắt lấy tôi? Lính gác hỏi rằng: Nếu như là đệ tử Phật thì có thể tụng kinh được hay không? Tử Trường trước đây luôn luôn tụng kinh Tứ Thiên Vương và kinh Lộc Tử, vì vậy liền tụng ba, bốn lần. Lính gác giữ chặt như cũ chứ không thả ra, biết là quỷ liền mắng rằng: Loài quỷ ngu si vùng Vũ Xương, nói với ông rằng tôi là đệ tử Phật, tụng kinh đọc kệ cho ông, sao cố ý không thả ra, biết là quỷ liền mắng rằng: Loài quỷ ngu si vùng Vũ Xương, nói với ông rằng tôi là đệ tử Phật, tụng kinh đọc kệ cho ông, sao cố ý không thả người? Quỷ bắt người liền thả ra, không còn thấy nhà cửa gì nữa. Quỷ cố tình đi theo, đi qua trước cổng nhà,

quỷ chặn lại không đi vào cổng được, cũng không lên tiếng được, mà tâm thì theo quỷ đi qua đến trong chùa Tắc Khê, Tử Trường liền chụp lấy ngực quỷ, lại mắng rằng: Loài quỷ ngu si vùng Vũ Xương, nay sẽ dẫn ông đến trước Hòa thượng trong nhà thôi. Quỷ cũng chụp lấy ngực của Tử Trường, kéo nhau đi qua bờ đê Ngũ Trượng về phía Tây. Sau đó những con quỷ nói với quỷ bắt người rằng: Thả cho đi về phía Tây sẽ kéo chúng ta vào trong chàu Quỷ bắt người đã thả ra, Tử Trường cố tình nói lại với những con quỷ sau rằng: Trong chùa đang có những Đạo nhân, quả là chưa chịu sợ hay sao? Một con quỷ đàng sau nói nhỏ rằng: Ông đến gần phía Đông thành xem mặt Đạo nhân, vì sao có thể thua? Liền cùng nhau cười lớn. Tử Trường về đến nhà đã hết canh ba.

Chuyện trên đây trích trong Linh Hồn Chí.

8/ Thời nhà Tống có Sa môn Trúc Huệ Khánh, người vùng Quảng Lăng, kinh hành tu tập rõ ràng. Năm thứ mười hai thời Tống Nguyên Gia vùng Kinh Dương bị lục lớn, núi đồi sông suối ngập trong dòng nước. Huệ Khánh sắp đi vào Lư Sơn, thuyền rất nhỏ mà gió mạnh bất ngờ nổi lên, người cùng đi đã được nương nhờ ở cửa biển, chỉ một mình Huệ Khánh với một con thuyền nhỏ chưa đến được bến đậu, trôi nổi giữa dòng sông, gió mạnh sóng tung chỉ còn chờ đến lúc lật nhào. Huệ Khánh dốc lòng cầu nguyện, tâm chân thành tụng niệm kinh Quán Thế Âm. Người trên đất liền, từ xa thấy thuyền trôi nổi dật dờ, đón gió cắt ngang dòng chảy, như có mấy chục người ra sức léo con thuyền, tiến thẳng vào trên bờ, cả thuyền được cứu thoát.

9/ Trong năm thứ nhất thời Tống Nguyên Gia, có Sa Di Đàm Vô Kiệt ở vùng Hoàng Long, tụng kinh Quán Thế Âm, tịnh tu khổ hạnh, cùng với những người bạn đồng học gồm hai mươi lăm người đi tìm xứ sở của Phật, trải qua những vùng hoang vu ngheo thiếu, chí nguyện tiết tháo càng kiên cường. Đã đến thành Xá Vệ-Thiên trúc, giữa đường gặp một đàn voi rừng, Vô Kiệt ôm kinh tụng niệm xưng danh chân thành quy mạng, có con sư tử từ trong rừng nhảy ra, đàn voi kinh sợ bỏ chạy tán loạn. Sau đó có một bầy trâu rừng gầm gào mà chạy đến, sắp muốn làm hại, Vô Kiệt lại như ban đầu chân thành quy mạng, có con chim đại bàng to lớn bay đến, đàn trâu lập tức sợ hãi bỏ chạy, thế là được thoát nạn.

Hai chuyện trên đây trích trong Minh Tường Ký.

10/ Thời nhà Tống có Sa môn Thích Pháp Tiến ở vùng Cao Xương, hoặc gọi là Đạo Tiến, người họ Đường ở vùng Trương Dịch-Lương Châu. Tuổi nhỏ mà tinh thành chịu khó học hành tu tập, có đức

hạnh hơn người, được Tử Cừ Mông Tốn rất kính trọng. Mông Tốn qua đời, Cảnh Hoàn bị giặc Hồ đánh phá, hỏi Pháp Tiến rằng: Nay muốn chuyển đến vùng Cao Xương, thì có thể yên ổn được không? Pháp Tiến nói: Nhất định là được, chỉ lo gặp phải nạn đói mà thôi, quay binh về thì ổn định. Ba năm sau Cảnh Hoàn qua đời, em trai là An Chu kế thừa ngôi vị, năm ấy gặp nạn mất mùa đói kém, người chết rất nhiều. An Chu đã tôn thờ Pháp Tiến, Pháp Tiến nhiều lần ngỏ lời cầu xin để cứu giúp cho người đang gặp đói nghèo. Thóc gạo tích trữ của quốc gia có phần cạn kiệt, Pháp Tiến không cầu xin nữa, mà tắm gội sạch sẽ mang theo dao và muối, đến nơi quy tụ của những người đói ăn trong hang sâu xa thẳm, lần lượt truyền cho ba quy y, rồi reo y bát trên cây, lao thân xuống trước mặt những người đói ăn, nói rằng: Giúp cho mọi người cùng ăn. Mọi người tuy đói lả khốn cùng nhưng hãy còn đạo nghĩa mà không đành lòng chấp nhận. Pháp Tiến liền tự cắt thịt mình chấm muối cho họ ăn. Thịt hai bắp đùi đã hết, lòng dạ mê muội không thể nào tự cắt được, nhân đó nói với mọi người đói ăn rằng: Các người lấy da thịt tôi ăn hãy còn đủ sống vài ngày, nếu nhà vua sai người đến thì nhất định sẽ mang đi, hãy lấy giấu đi! Những người đói ăn quá đỗi đau lòng không có ai có thể lấy được. Trong chốc lát đệ tử đã đến, người của nhà vua cũng đến, cả nươc chạy đến gào khóc than thở, nhân đó đưa thi hài trở về cung. An Chu ban chiếu lấy ba trăm hộc lúa mạch để giúp cho người găp nạn đói, mở kho lẫm nơi khác để cứu tế cho dân nghèo. Đến sáng hôm sau mới ngưng hơi thở, đưa ra phía Bắc thành để hỏa thiêu, khói lửa cuộn thẳng lên trời cao bảy ngày mới tan hết. Thi hài đều cháy hết, chỉ có cuống lưỡi không bị hư hoại. Thế là ở ngay nơi ấy dựng tòa tháp ba tầng, dựng bia phía bên phải.

Chuyện trên đây trích trong Lương Cao Tăng Truyện.

11/ Thời nhà Chu có Sa môn Thích Tuệ Thiến ở chùa phủ Nguyên Khai-Thượng Đảng, không biết dòng họ nào, vâng giữ giới luật thanh tịnh-thiền sám làm hạnh nghiệp. Vào năm thứ sáu thời Chu Kiến Đức, truyền lệnh hủy diệt Tam Bảo trong cả nước, Tuệ Thiến ôm lấy Kinh tượng ẩn trong núi sâu, gặp phải giặc cướp muốn đoạt lấy, ban đầu không hiểu làm sao! Bỗng nhiên thấy một người thân hình cao hơn trượng, mặt mày tuấn tú, râu tóc dáng vẻ, áo quần gọn gàng có đủ người hầu, cưỡi ngựa thắng bờm đỏ từ đỉnh núi đi đến, thẳng đến trước mặt Tuệ Thiến rồi xuống ngựa nói rằng: Đêm nay giặc cướp đến, Sư hãy nhanh chóng trốn đi! Tuệ Thiến ở dưới vách núi cheo leo, hoàn toàn không có con đường nào khác, ngờ là Sơn thần, bèn nói: nay Phật pháp

bị hủy diệt, bần đạo không có nơi dung thân, cho nên đến nơi này nhờ cậy đàn việt, bây giờ có giặc cướp đến, thực sự có thể nhận lấy cái chết ở nơi này, còn có nơi nào để tránh được? Vị thần nói: Sư đã từ xa tìm đến chốn của đệ tử, thì đệ tử cũng có thể bảo vệ cho Sư, ngay bây giờ ở nơi này sẽ lập tức mất dấu vết. Đêm ấy bỗng nhiên tuyết rơi dày, có thể dày hơn trượng, tuyết ngập sâu làm cho đường đi cách trở, thế là tránh được nạn giặc cươúp. Hôm sau trời nắng con đường thông suốt, bọn giặc cướp lại đến, vị thần liền báo cho các thôn dưới chân núi biết rằng: Giặc cướp muốn chiếm đoạt kinh tượng của Sư Tuệ Thiến, mọi người hãy mau đến cùng nhau cứu giúp! Thế là tất cả chuẩn bị vũ khí gậy gộc đi vào núi đánh dẹp, giặc cướp liền kinh hãi bỏ chạy. Từ đó hàng ngày Tuệ Thiến luôn luôn nhờ vào thần lực mà an cư lạc nghiệp ở chốn núi đồi, không lo lắng gì nữa.

12/ Thời nhà Chu có Sa môn Thích Tăng Thật ở chùa Đại truy Viễn chốn Kinh sư, người họ Trình ở vùng Linh Vũ-Hàm Dương. Tuổi nhỏ mà lòng dạ độ lượng rộng rãi, sáng suốt hơn hẳn mọi người. Cuối những năm Đại Hòa-Ngụy Hiếu Văn, từ chốn Kinh sư đến Lạc Dương, được gặp Tam tạng Lặ Na, trao truyền cho pháp Học tuy thông suốt nhưng chỉ lấy chín thứ tự của Định để điều hòa tâm tư, cho nên đạt được nước Định lắng trong, rừng Thiền tươi tốt. Ngay sau đó giáo hóa chốn Kinh sư phồn thịnh dần dần phát triển hơn. Bỗng nhiên vào đúng giữa trưa ngày mồng Một lúc Tăng Thật đang ngủ, từ trên gác cao vang lên tiếng chuông rất gấp, chúng Tăng ra khỏi phòng cảm thấy quái lạ hỏi nguyên cớ thế nào? Tăng Thật nói cho chúng Tăng biết rằng: Tất cả mọi người nhanh chóng chuẩn bị hương đèn khẩn cấp đến tập trung tại chánh điện. Chúng Tăng đã tập trung rồi, Tăng Thật lại nói với chúng Tăng rằng: tất cả mọi người dụng tâm tu tập thực hành Phật sự, cùng nhau tụng kinh Quán Thế Âm để cứu nguy cho vùng Giang Nam, giảng đường của ngôi chùa ấy ở nước Lương sắp bị sụy đổ, sợ rằng tổn hại đến đạo tục cho nên hãy cùng nhau đồng tâm cứu giúp tai ách. Đang lúc bấy giờ trong giảng đường Dương Đô đúng là tập trung luận bàn về giáo pháp, đạo tục gần cả một ngàn người đầy kín trong đó, bỗng nhiên ngửi thấy mùi khói hương kỳ lạ từ phía Tây Bắc và tiếng kinh-tiếng nhạc giữ không trung, mây ùm lê từ cửa phía Bắc giảng đường mà tiến vào rồi tuôn thẳng ra ngoài cửa phía Nam, mọi người trong giảng đường kinh hãi chạy ra ngoài, giày dép quên mang theo, cùng nghe có tiếng đuổi theo. Mọi người đã ra hết bên ngoài, giảng đường lập tức đổ sụp, Đại chúng được an toàn, tránh khỏi tai họa nguy hiểm ấy. Tâu lên vua nước

Lương biết chuyện, truyền sứ giả hỏi tin tức ở nước Chu, quả nhiên cứu nguy đúng như thật. Vua nước Lương ba lần tôn kính thỉnh cầu, nhưng vua nước Chu không đồng ý. Vua nước Lương lễ lạy từ xa và chuẩn bị tất cả lễ vật để đến chào hỏi tôn kính, chuyển tặng nhiều châu báu cùng với các đồ vật như y bát-bàn ghế-phất trần-vải vóc... Những đồ vật khác Thiền sư đều bố thí hết, chỉ giữ lại y bát-bàn con..., được đưa vào chùa Thiền Lâm, Tăng chúng cùng quản lý. Vào ngày mười tám tháng bảy năm thứ ba thời Chu Bảo Định, từ trần tại chùa Đại Truy Viễn, hưởng thọ tám mươi tám tuổi. Triều đình và dân chúng than thở buồn tiếc, trời người biến sắc, cả hai nước đau lòng khóc thương, mộ phần còn lại hiện ở trong cung thành.

13/ Thời nhà Trần có Sa môn Thích Huệ Bố ở chùa Thê Hà-Nhiếp Sơn, người họ Hách vùng Quảng Lăng. Trẻ tuổi mà lòng dạ ôm ấp tiết tháo cao xa, tánh tình độ lượng thẳng thắn, chí hướng công hạnh ít người theo kịp, được hàng vua chúa coi trọng. Có lúc gặp những người thích sanh về cõi Tây phương, thì nói cho họ biết rằng: Xứ sở chính là thanh tịnh chứ không phải là nguyện ước của mình, ngày nay đã cầu mong hóa độ chúng sanh, làm sao lại ở trong hoa sen mười kiếp nhận lấy niềm vui, không bằng ở trong ba đường đau khổ cứu giúp chúng sanh! Đến năm bảy mươi bảy tuổi từ biệt với mọi người rằng: Mạng sống Huệ Bố hãy còn đến dăm ba năm nữa, nhưng tuổi già vây hãm không còn năng lực hành đạo, sống ở đời nào ích gì, thường nguyện sanh đến vùng biên địa xa xôi và nơi nào không có Tam Bảo, để tiếp tục làm Phật sự, cầu mong mọi người ở lại tốt lành, mong rằng tự mình hãy cố gắng! Ngay sau đó đoạn tuyệt không ăn uống, lúc mạng sống sắp chấm dứt, nhà vua ban sắc lệnh cho thầy thuốc chẩn bệnh, Huệ Bố co cánh tay lại chứ không chấp nhận chữa trị. Thẩm Hoàng Hậu muốn truyền hương để làm tin, lại cũng không chấp nhận. Trước lúc từ giã để lại bí quyết rằng: Sống lâu không mừng, tối chết chẳng lo, bởi vì sanh mà không sanh, diệt mà không diệt.

Trước khi chưa qua đời thì mặt đất liên tục chấn động, bảy ngày sau thì qua đời. Di chuyển thi hài đến từng, núi đồi đất đai lại chấn động. Thái Sử tâu rằng: Người đắc đạo như ngôi sao mờ rồi, thời gian đã đến. Lúc ban đầu sắp qua đời, nói trước mọi người rằng: Đêm qua có 2 Bồ-tát đến đón, một vị là Sanh thân, một vị là Pháp thân, tôi đã nhận lời, lát sau có chư Thiên lại đến nghênh tiếp, vì không nguyện sanh đến cõi trời cho nên không đồng ý vậy thôi. Ánh sáng lưu chuyển chiếu vào phòng của Thiền sư Phẩm. Lúc ấy Thiền sư Phẩm cảm thấy lạ lùng vì

ánh sáng chói lòa, bèn ra ngoài cửa nhìn xem, trông thấy hai người đến trong phòng Huệ Bố nhưng không biết là Thánh nhân. Sáng sớm đến kể lại sự việc thì phù hợp không sai. Nói xong ngồi trang nghiêm mà qua đời. Có người trông thấy quỷ, nhìn thấy cờ phướn rực rỡ khắp chùa, ánh sáng chói lòa vọt lên cao, không biết nguyên cớ thế nào, đi vào núi xem thấy, mới biết là Huệ Bố qua đời. Qua đời vào ngày hai mươi ba tháng mười một năm thứ nhất niên hiệu Trinh Minh nhà Trần, tại nơi cư trúi của mình, hưởng thọ trên bảy mươi tuổi.

14/ Thời nhà Đường có Sa môn Thích Trí Thông ở chùa Thê Hà thuộc vùng Nhiếp Sơn Nhuận Châu, không rõ là người vùng nào, trước ở chùa Bạch Mã-Dương Châu, sau vượt sông đến ở chùa An Lạc-Dương Châu. Tùy Đại Nghiệp đã băng hà, nghĩ rằng không có cách nào quay về, bèn ẩn mình trong đám lau sậy bên sông tụng kinh Pháp Hoa, bảy ngày không đói, thường có con hổ đi vòng quanh mà thôi, không ăn trải qua nhiều ngày. Trí Thông nói: Mạng ta trong chốc lát sẽ kết thúc, ông cần thì có thể ăn. Con hổ bỗng nhiên phát tiếng nói rằng: Từ thưở khai thiên lập địa không có lý như vậy. Bỗng nhiên có một ông lão, tuổi khoảng chừng tám mươi, dưới nách cắp mái chèo. Ông lão nói: Sư muốn qua sông đến ở chùa Thê hà, thì có thể mau chóng lên thuyền! Bốn con hổ cùng lúc trong mắt ứa dòng lệ. Trí Thông nói: Cứu giúp nguy nan chính là ngay hôm nay, có thể đón cả bốn con hổ. Ngay sau đó băng qua dòng sông đến được bờ phía Nam, thuyền và ông lão không biết ở chỗ nào? Trí Thông dẫn bốn con hổ cùng đi đến phía Tây tháp Xá-lợi của chùa Thê Hà, kinh hành-tọa thiền thề không nằm ngủ. Đồ chúng gồm tám mươi người đều không ra khỏi chùa, nếu có điều gì không ổn thì một con hổ đi vào chùa gầm lớn báo cho mọi người. Từ đó kinh sợ và hiểu ra, lấy điều ấy làm cách thức thông thường. Vào ngày mồng tám tháng tư năm thứ hai mươi ba thời Đường Trinh Quán, dùng bữa sáng xong đi đến chùa Chỉ Quán, từ biệt với mọi người xong quay trở về phòng mình, ngồi trang nghiêm mà qua đời, mùi hương kỳ lạ thơm ngát khắp cả một vùng Đan Dương, hưởng thọ chín mươi chín tuổi.

Bốn chuyện trên đây trích trong Đường Cao Tăng Truyện.

15/ Thời nhà Đường trong năm đầu niện hiệu Vũ Đức có người ở huyện Lễ Tuyền họ Từ tên là Thiện Tài, cả một đời luôn luôn tu trì trai giới, tụng niệm kinh Quán Thế Âm qua hơn một ngàn biến. Đã từng ở nơi Luật sư Huyền Uyển trong chùa Diên Hưng tại chốn kinh thành, tu tạo công đức, cung kính làm ra tất cả các kinh. Vào tháng mười một năm thứ hai niên hiệu Vũ Đức, vì công việc phải về nhà, trên đường

đi gặp phải giặc cướp người Hồ, bị bắt mang đi, đến chỗ hung ác dữ tợn của giặc cướp người Hồ ở biên giới phía Nam vùng Mân Châu, bắt được mấy ngàn người Hán, đều bọ trói chéo tay sau lưng, dẫn đến vách núi lớn sai người lần lượt giết chết, đầu rơi xuống vách núi cao và dốc. Người đức hạnh trông thấy những người trước đều bọ giết chết, biết chắc là không tránh khỏi, chỉ niệm Quán Âm không dừng trong chốc lát. Tiếp đến lượt người đức hạnh, lúc mới đưa dao xuống, tự không thấy đưa dao xuống, cho đến lúc chặt đầu thì tâm không còn biết gì nữa. Đang lúc giết hại, thời gian mới vào giờ Thân, cho đến đầu đêm tỉnh lại cảm thấy thân đang ngồi trên cành cây trong khe sâu cách bờ núi hơn ba trăm bước. Người đức hạnh liền tự mình nghĩ rằng: tại sao mình ở nơi này? Rất lâu sau mới biết hôm nay bị giết. Vì sao không chết mà thân an toàn trên cây? Liền đưa tay xoa cổ thì cảm thấy cổ hơi bị đau, nhưng không thương tổn gì, thế là biết nhờ niệm Quán Âm mà được giữ tròn thân mạng. Lúc ấy là ngày mười lăm, bầu trời có trăng sáng tỏ, thân hình không có quần áo, cũng không được ăn uống trải qua mấy ngày, cảm thấy đói và lạnh vô cùng, sáng sớm từ từ trụt xuống cây, theo khe núi đi về phía Đông khoảng 2 dặm, ở trong khe núi ấy nhặt được một chiếc áo lông cừu, và một đôi giày cỏ, có thể mặc tránh được giá lạnh. Tiếp tục đi khoảng một dặm thì gặp được một giỏ đào và táo, xanh tươi đỏ trắng tựa như mới hái xuống, có thể hơn một Thăng, ăn thì nhất định tránh được cơn đói. Đương nhiên không phải là thần lực của Bồ-tát Quán Âm, lẽ nào có thể giữa mùa Đông mà có được đào và táo mới hái hay sao? Đã tránh đói và lạnh, sức lực được đầy đủ, dần đi lên sườn dốc phía Nam đến trên bờ Nam, quay đầu lại nhìn về phía Bắc thấy từ xa là đồn trại của giặc cướp cách khoảng vài dặm, tiếng người và súc vật ồn ào giống như còn chưa ngủ. Người đức hạnh tuy đến bờ phía Nam, nhưng sợ rằng giặc cướp sẽ đến bèn hướng về phía quê nhà vội vàng lên đường. Đi khoảng chừng năm mươi dặm, biết giặc cướp đã xa dần thì thân tâm yên ổn thư thả, ngồi dưới một tán cây nghỉ ngơi, chân xếp bằng tròn tụng niệm. Thân mệt mỏi nhiều ngày qua, không cảm thấy gì cả mà ngồi nghỉ cho đến canh bốn, bỗng nhiên tỉnh ngủ mở mắt trông thấy một con Sói đen to lớn ngồi xổm phía trước gần người đức hạnh, đưa miệng chống vào mũi của người đức hạnh. Người đức hạnh trông thấy rồi lại nhắm mắt, dấy lên nghĩ rằng: Nếu thật sự tôi có oán thù thì mong ăn thịt thân tôi để trả mối họa vốn có, vùng xả bỏ oán kết mà cùng nhau phát khởi lòng nhân ái từ bi; nếu như là Bồ-tát Quán Âm thì nguyện cứu giúp giúp đệ tử khiến cho được an lành thanh thản! Dấy

lên ý nghĩ và nói lời này rồi mở mắt nhìn xem không thấy dấu tích gì để lại. Nên biết là căn lực Từ Thiện của chư Phật, tùy duyên cảm ứng hiện rõ lợi ích vô cùng tận. Thời nay có người tụng mà không cảm được thần lực, bởi vì tâm khinh mạn, lại bởi vì tội lỗi hiện tại và ác nghiệp đời trước kèm theo nhau, cho nên khó mà cảm được. Người đức hạnh về đến nhà bình an, và mang đào-táo còn thừa lại, đưa ra chỉ rõ cho đạo tục thấy, biết là thật chứ không giả dối gì cả.

(Đạo Thế lúc tuổi còn nhỏ tự mình được Uyển Sư nói cho biết như vậy).

■

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 66

Thiên thứ 77: **OÁN KHỔ** (Phần một)

Thiên này có 7 phần: Thuật ý, Thương điếu, Ngũ ấm, Bát khổ, Tạp nạn, Trùng ngụ, Địa ngục.

Thứ nhất- **PHẦN THUẬT Ý**

Luận rằng xoay vòng trong ba cõi, trôi giạt khắp sáu đường, thần minh không hư hoại, ý thức ngầm duy trì, thoắt chết rồi thoắt sanh, chợt qua rồi chợt lại, thân mạng đã vứt bỏ, cỏ cây khó tính được. Nghĩ rằng gò cao-hố sâu trên mặt đất, không nơi nào không phải là thân cũ của mình, suối ngắn-sông dài về biển rộng, tất cả đều giống như máu và lệ của mình. Từ đây mà quán xét, ai không phải bạn thân, người và quỷ tuy khác, nhưng sanh diệt như nhau, tình ân ái sâu nặng, luôn luôn còn ảnh hưởng, vì ngu tối sai lạc, không nhận ra thân sơ. Thế là làm cho thân hình nọ mất đi để nuôi thân mạng mình, lại tàn sát lẫn nhau cùng trở thành oán hận, thù nhau bao đời kiếp khổ báo khó tận cùng. Lặng lẽ suy nghĩ điều này há không đau lòng lắm thay!

Thứ hai- **PHẦN THƯƠNG ĐIẾU** (buồn thương).

Như kinh Trung A Hàm nói: "Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với các Tỳ kheo: Chúng sanh từ vô thỉ xoay vòng muôn kiếp trong sanh tử, không biết nguồn gốc của khổ đau. Này các Tỳ kheo! Ý các ông nghĩ thế nào? Nếu tất cả cỏ cây trên mặt đất này, dùng hạn lượng bốn ngón tay chặt đều làm thẻ tính, tính số cha mẹ mà các ông đã nương tựa trong bao đời kiếp luân hồi sanh tử, số thẻ tính đã hết mà các bậc cha mẹ ấy tính số hãy còn chưa hết. Này các Tỳ kheo! Như vậy từ vô thỉ xoay vòng muôn kiếp trong sanh tử, bởi vì không biết nguồn gốc của khổ đau.

Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Các ông xoay vòng trong sanh tử, uống sữa của mẹ mình nhiều hơn nước sông Hằng và nước bốn biển lớn. Vì sao như vậy? Bởi vì các ông trong bao đời kiếp, có lúc sanh trong

loài voi uống sữa mẹ vô lượng vô số; có lúc sanh trong các loài cầm thú làm lừa ngựa trâu dê, uống sữa của mẹ vô lượng vô số. Các ông trong bao đời kiếp bỏ thân ngoài mồ lạnh, máu mủ chảy ra cũng lại như vậy. Có lúc rơi vào địa ngục-ngạ quỷ-súc sanh, máu tủy chảy ra cũng lại như vậy. Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Các ông trong bao đời kiếp luân hồi sanh tử, máu trong thân đã chảy ra rất nhiều không thể tính được, nhiều hơn nước sông Hằng và nước bốn biển lớn. Các ông qua bao đời đã từng sanh trong lòai voi, hoặc bị cắt tai mũi đầu đuôi và bốn chân, máu đã chảy vô lượng. Có lúc thọ thân các loài cầm thú như lừa ngựa trâu dê..., bị chặt đứt tai mũi đầu chân và thân thể, máu đã chảy vô lượng. Có lúc thân mạng kết thúc bỏ ngoài mồ lạnh, máu mủ chảy ra số ấy cũng lại như vậy. Hoặc trong bao đời kiếp luân hồi sanh tử, mất đi cha mẹ anh em chị em bà con thân thích, hoặc mất đi tiền của tài sản, nước mắt chảy ra thật nhiều vô lượng, nhiều hơn nước bốn biển lớn.

Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Các ông thấy các chúng sanh an ổn vui sướng, nên khời kên ý niệm như vậy: Chúng ta qua bao đời kiếp luân hồi sanh tử, cũng từng thọ nhận niềm vui ấy, số nhiều vô lượng. Hoặc thấy các chúng sanh nhận chịu khổ não, nên khởi lên ý niệm như vậy: mình từ xưa kia qua bao đời kiếp luân hồi sanh tử đến nay, cũng từng nhận chịu khổ đau như vậy, số nhiều vô lượng. Hoặc thấy các chúng sanh mà sanh lòng sợ hãi, lông tóc đều dựng đứng, nên khởi lên ý niệm như vậy: Trong quá khứ chúng ta chắc chắn đã từng sát sanh làm cho tổn hại, làm ác tri thức từ vô thỉ sanh tử luân hồi qua bao đời kiếp, không biết được nguồn gốc của khổ đau ấy. Hoặc thấy các chúng sanh mà yêu thương nghĩ nhớ hoan hỷ, nên khởi lên ý niệm như vậy: Như ở thời quá khứ, chắc chắn là cha mẹ anh em vợ con thân thuộc-thầy bạn quen biết của chúng ta, luân hồi sanh tử qua bao đời kiếp như vậy, bị vô minh che phủ, ái tình buộc chặt vào cổ, cho nên luân hồi qua bao đời kiếp, không biết được nguồn gốc của khổ đau. Vì vậy các Tỳ kheo nên học như vậy, tinh tiến chịu khó tìm cách đoạn trừ các Đại chủng đừng làm cho tăng thêm. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn liền thuyết kệ rằng:

Một người trải qua trong một kiếp,
Xương của thân mình tích tụ lại,
Thường tích tụ không bị hủy hoại,
Chất cao như núi Tỳ Phú La.
Nếu như các đệ tử bậc Thánh,
Có chánh trí thấy được Chân đế,
Khổ này cùng với nhân của khổ,

Xa rời khổ đạt được tịch diệt.
Tu tập theo dấu tích tám Đạo,
Đích thực hướng về cõi Niết-bàn,
Cuối cùng đến được nơi bảy Hữu,
Trời-người thường qua lại thác sanh,
Không còn tất cả các kiết sử,
Tận cùng ở giới hạn khổ đau.

Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Chúng sanh luân hồi qua bao đời kiếp sanh tử từ vô thỉ, không biết được nguồn gốc cửa khổ đau, không có một nơi nào mà không sanh-không chết. Sanh tử từ vô thỉ qua bao đời kiếp như vậy, không biết được nguồn gốc của khổ đau, cũng không có một nơi nào mà không có cha mẹ anh em vợ con quyến thuộc-bà con thân thích và thầy bạn quen biết. Ví như bong bóng của hạt mưa to vừa sanh ra liền diệt đi, chúng sanh này bọ vô minh che phủ, ái tình buộc chặt vào cổ, luân hồi qua bao đời kiếp, không biết được nguồn gốc của khổ đau. Ví như khắp bầu trời mưa lớn trút xuống bốn phía Đông-tây-nam-Bắc không có nơi nào chấm dứt. Bốn phía như vậy có vô lượng quốc độ trải qua kiếp thành và kiếp hoại, như khắp bầu trời tuôn mưa trong thiên hạ không có nơi nào chấm dứt, luân hồi qua bao đời kiếp, không biết được nguồn gốc của khổ đau. Ví như ném cây gậy vào gữa hư không, hoặc là đầu rơi xuống đất, hoặc là đuôi rơi xuống đất, hoặc là phần giữa rơi xuống đất. Luân hồi qua bao đời kiếp sanh tử từ vô thỉ như vậy, có lúc rơi vào địa ngục, có lúc rơi vào súc sanh, có lúc rơi vào ngạ quỷ.”

Còn trong kinh Tăng Nhất A Hàm nói: “Lúc bấy giờ ở cõi trời ba mươi ba có một Thiên Tử, thân hình xuất hiện 5 tướng của cái chết: 1- Mũ hoa tự nhiên héo úa; 2- Áo quần dính bẩn; 3- Dưới nách chảy mồ hôi; 4- Không vui với địa vị vốn có; 5- Ngọc Nữ rời xa bạn. Lúc Thiên Tử ấy ưu sầu khổ não đấm ngực than thở, thì Thích Đề Hoàn Nhân nghe thấy tiếng than thở ưu sầu của Thiên Tử này, liền truyền cho một Thiên Tử, quan sát âm thanh này như thế nào, mà vang thấu nơi này? Thiên Tử ấy trả lời đầy đủ nguyên do. Lúc bấy giờ Thích Đề Hoàn Nhân tự mình đến chỗ ấy, nói với Thiên Tử kia rằng: Nay ông vì sao ưu sầu khổ não? Cho đến lúc Thiên Tử ấy trả lời rằng: Tôn giả ơi! Làm sao có thể không ưu sầu, mạng sống sắp phải kết thúc, xuất hiện năm tướng suy hoại, khiến cho cung điện bảy báu này đều phải quên mất, và năm trăm Ngọc Nữ cũng sẽ tản mác mỗi người một nơi, món cam lộ đã ăn nay không còn mùi vị gì cả!

Lúc ấy Thích Đề Hoàn Nhân nói với Thiên Tử kia rằng: Lẽ nào ông không nghe Như Lai thuyết kệ ư?

Tất cả các hành đều vô thường,
Có sanh nhất định phải có chết,
Không sanh ra thì không chết đi,
Diệt nhân này là vui bậc nhất.

Nay ông vì sao ưu sầu quá đỗi như vậy? Tất cả các hành là vật vô thường, muốn làm cho thường có tồn tại, thì điều này không đúng., Thiên Tử trả lời rằng: làm thế nào Thiên Đế, sao có thể không ưu sầu, nay tôi là thân trời thanh tịnh vô nhiễm, ánh sáng vượt qua mặt trăng-mặt trời, không nơi nào không chiếu rọi đến, bỏ thân này rồi sẽ sanh vào bụng heo trong thành La Duyệt, sống cuộc đời luôn luôn ăn phẫn giải, lúc chết thì bị dao sắc cắt xẻ. Lúc ấy Đế Thích nói rằng: Nay ông có thể tự mình quy y Phật-Pháp-Tăng, thì không rơi vào ba nẽo ác hiểm, trước đây Như Lai cũng thuyết kệ này:

Các chúng sanh tự quy y Phật,
Không rơi vào ba nẽo khổ đau,
Hết phiền não ở chốn trời-người,
Thuận tiện sẽ đến cõi Niết-bàn.

Lúc bấy giờ Thiên Tử ấy hỏi Đế Thích rằng: Nay Như Lai đang ở nơi nào? Đế Thích trả lời rằng: Nay Như Lai ở nơi vườn trúc Ca Lan Đà trong thành La Duyệt thuộc nước Ma Kiệt Đề. Thiên Tử đáp lại rằng: Nay tôi không còn sức lực đến nơi ấy. Đế Thích trả lời rằng: ông nên quỳ thẳng đầu gối bên phải sát đất, chấp tay hướng về thế giới Hạ phương mà nói lời như vậy: Chỉ nguyện Đức Thế Tôn, khéo léo quán sát tất cả, nay ở nơi sắp tận cùng, nguyện xót thương cho con, nay con tự quy y Tam Tôn Như Lai Vô Sở trước! Lúc ấy Thiên Tử làm theo lời Đế Thích, liền quỳ thẳng hướng về thế giới Hạ phương, tự nói rõ họ tên, tự quy y Phật-Pháp-Tăng, suốt cuộc đời mình làm Phật tử chân thật, không cần đến địa vị Thiên Tử. Như vậy đến ba lần. Nói lời này xong không còn ở trong thai heo, mà sanh vào nhà Trưởng giả. Lúc ấy Thiên Tử tùy theo tuổi thọ dài ngắn sanh vào nhà Đại Trưởng giả trong thành La Duyệt. Lúc này vợ Trưởng giả tự biết mình có thai, mười tháng sắp tròn sanh ra một bé trai, đoan chánh tuyệt vời hiếm có ở thế gian. Năm lên mười tuổi, cha mẹ dẫn đến nơi Đức Phật, lúc ấy Đức Phật thuyết pháp cho nghe, ngay ở trên chỗ ngồi không còn những phiền não đạt được pháp nhãn tịnh, không còn gì vướng bận tâm tư. Sau đó xa rời trần tục xuất gia đạt được quả vị A la hán.”

Còn trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Lúc bấy giờ Thiên Vương cõi Dạ Ma, vì các Thiên chúng mà nói điều quan trọng, ở trong cõi trời-người có mười sáu nỗi khổ. Những gì là mười sáu? Đó là mười sáu nỗi khổ thuộc về thiện đạo trong cõi trời-người: 1- Khổ vì thân Trung ấm; 2- Khổ vì ở trong thai; 3- Khổ lúc ra khỏi thai; 4- Khổ vì sợ ăn uống; 5- Khổ vì oán ghét phải gặp nhau; 6- Khổ vì yêu thương mà ly biệt; 7- Khổ vì lạnh nóng; 8- Khổ vì bệnh tật; 9- Khổ vì bị người ta sai khiến; 10- Khổ cì mong cầu tạo tác; 11- Khổ vì gần với ác tri thức; 12- Khổ vì vợ con họ hàng làm cho suy sụp buồn phiền; 13- Khổ vì đói khát; 14- Khổ vì bị người ta khinh chê; 15- Khổ cì tuổi già; 16- Khổ vì cái chết. Mười sáu nỗi khổ lớn trong loài người như vậy, đối với người thế gian cho đến lúc mạng chung, cùng với nhiều nổi khổ khác; ở trong sanh tử không thể nào chịu đựng nổi; ở trong pháp hữu vi không có chút nào vui sướng, tất cả đều vô thường, tất cả đều bại hoại. Lúc bấy giờ Thiên Vương cõi Dạ Ma dùng kệ tụng nói:

Ở trong thế giới của loài người,
Có Ấm thì đều là đau khổ,
Có sanh chắc chắn trở về chết,
Có chết nhất định phải có sanh.
Nếu như trú vào thân trung ấm,
Tự nghiệp mình nhận chịu khổ não,
Trải qua đời kiếp chịu đau khổ,
Khổ đau này không thể nói hết.
Chìm vào trong phẩn giải thối tha,
Bị hơi nóng luôn luôn thiêu đốt,
Nỗi khổ ở trong thai như vậy,
Không thể nào nói đầy đủ được.
Thường tham lam mùi vị thức ăn,
Tâm niệm ấy luôn luôn hy vọng,
Mùi vị biến thành nỗ khổ lớn,
Nỗi khổ này không thể nói hết.
Tâm bé nhỏ luôn luôn hy vọng,
Đối với ham muốn không biết đủ,
Đã nhận chịu những nỗi khổ não,
Nỗi khổ này không thể nói hết.
Oán ghét không thích gặp mặt nhau,
Giống như ngọn lửa lớn gay gắt,
Đã phát sinh những nỗi khổ não,

Nỗi khổ này không thể nói hết.
Đối với ân ái mà biệt ly,
Đã sanh ra vô lượng khổ đau,
Rất ác hiểm khó chịu đựng nổi,
Nỗi khổ này không thể nói hết.
Sợ nóng-lạnh vô cùng xấu xa,
Sanh ra vô lượng thứ khổ sở,
Chúng sanh nhận chịu khổ sở này,
Nỗi khổ này không thể nói hết.
Bệnh tật khốn khổ hại mạng người,
Bệnh là sứ giả của vua chết,
Chúng sanh nhận chịu nỗi khổ này,
Nỗi khổ này không thể nói hết.
Bị người khác thúc giục sai khiến,
Luôn luôn không có được tự do,
Chúng sanh nhận chịu nỗi khổ này,
Nỗi khổ này không thể nói hết.
Ái dục hiểm ác đốt chúng sanh,
Mong cầu nhận chịu nhiều đau khổ,
Theo thứ tự cho đến cái chết,
Nỗi khỗ này không thể nói hết.
Nếu gần gũi hạng ác tri thức,
Nhiều khổ đau thường không đoạn dứt,
Phải nhận chịu báo khổ đường ác,
Nỗi khổ này không thể nói hết,
Vợ con gặp phải cảnh suy não,
Thấy thì sinh đau khổ vô cùng,
Trải qua còn hơn cả địa ngục,
Nỗi khổ này không thể nói hết.
Đói khát tự đốt cháy thân mình,
Giống như ngọn lửa dữ hừng hực,
Có thể hủy hoại đến thân tâm,
Nỗi khổ này không thể nói hết.
Luôn luôn bị người khác khinh chế,
Bà con thân thích và bạn bè,
Sanh lòng buồn phiền cùng xót thương,
Nỗi khổ này không thể nói hết.
Đời người bị tuổi già lấn át,

Thân gầy gò-tâm ý sút kém,
Lưng còng nhờ gậy chống đi lại,
Nỗi khổ này không thể nói hết.
Đời người bị cái chết giữ chặt,
Từ đây đi đến đời sống khác,
Cái chết này là nỗi khổ lớn,
Không thể nào nói ra hết được."

Còn trong Kinh Cửu Hoạnh nói: "Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Có chín điều bất ngờ, chín nhân duyên lúc mạng sống chưa hết mà chết đột ngột. Đó là: 1- Không nên ăn mà ăn; 2- Ăn không lượng sức; 3- Ăn không quen; 4- Ăn không tiêu hóa; 5- Giữ lại lâu; 6- Không trì giới; 7- Gần ác tri thức; 8- Vào thôn xóm không đúng lúc-không biết thực hành đúng pháp; 9- Đáng tánh mà không tránh. Như vậy là chín nhân duyên làm cho mạng sống con người bị kết liễu đột ngột.

1- Không nên ăn, nghĩa là ăn không vừa ý, cũng là bụng no không điều hòa được. 2- Ăn không lượng sức, nghĩa là không biết tiết chế điều độ, ăn nhiều quá mức đầy đủ. 3- Ăn không quen, nghĩa là không biết thời gian, mùa Đông-mùa Hạ mà đến nước khác, không biết phong tục thích hợp ăn uống không quen như bình thường. 4- Ăn không tiêu hóa, vì đồ ăn chưa tiêu hóa lại ăn vào thêm, không uống để xổ ra, bởi vì chưa kịp tiêu hóa. 5- Vì giữ làm cho càng bất lợi. 6- Không trì giới, nghĩa là phạm vào năm giới sát sinh-trộm cắp- tà dâm-nói dối và uống rượu, khiến cho phải vào chốn quan quyền bị đánh đập đâm chém, hoặc chết vì tay kẻ thù, hoặc kinh sợ nghĩ đến tội lỗi lo lắng mà chết. 7- Vì gần hạng ác tri thức, bởi vì không rơi xa hạng ác tri thức cho nên không hiểu biết thiện-ác thế nào. 8- Vì đi vào thôn xóm không đúng lúc, nghĩa là âm thầm mà đi, cũng là lúc thôn xóm có tranh chấp, quan quân truy bắt không tránh được, đi lại không đúng như pháp tùy tiện vào nhà người ta. 9- Vì đáng tránh mà không tránh, bị voi ngựa trâu dê hung dữ-rắn rít độc hại-nước lửa dao gậy và người ác say sưa mê loạn... làm cho tổn hại. Đây là chín điều bất ngờ làm cho mạng sống con người chưa hết mà phải vô cớ chấm dứt."

Còn trong Kinh Ngũ Ấm Thí Dụ, Đức Phật thuyết kệ rằng:

"Bọt nước tụ lại dụ cho Sắc,
Thọ như bong bóng giữa dòng nước,
Tưởng ví ngọn lửa lúc trời nóng,
Hành thì giống như quạt Ba Tiêu,
Khí thế gian huyễn dụ như Thức,

Chư Phật thuyết năm Ấm như vậy,
Nên thực hành quán sát như vậy,
Luôn luôn tỉnh ngộ mà tư duy!
Hư không trống rỗng là sự thực,
Không nhìn thấy nó luôn luôn có,
Muốn trông thấy Ấm nên như vậy,
Trí tuệ chân thật nói đều đúng.
Đến lúc ba sự đã đoạn tuyệt,
Biết thân không có gì chân thật,
Mạng chấm dứt thì khí sưởi ấm,
Rời bỏ thân hình mà ra đi.
Lúc đã chết nằm dài trên đất,
Giống như cỏ rác chẳng biết gì,
Quán sát hình dạng thân như vậy,
Chỉ huyễn ảo mà ngu lại tham.
Hãy dừng lại vì không an toàn,
Cũng không có gì vững chắc cả,
Biết năm Ấm mong manh như vậy,
Tỳ kheo nên chịu khó tinh tiến.
Vì vậy nên suốt ngày suốt đêm,
Tự thức tỉnh nghĩ đến chánh trí,
Tiếp nhận hành theo đạo tịch diệt,
Thực hành trừ bỏ an lạc nhất.”

Thứ ba- PHẦN NGŨ ẤM

Như kinh Niết-bàn nói: “Ví như có vị vua đem bốn con rắn độc bỏ vào trong một cái hòm nhỏ, đem giao cho một người, khiến chăm sóc nuôi dưỡng, giao hẹn rằng: Nếu làm cho một con rắn sinh ra giận dữ, thì Ta sẽ theo đúng pháp chém đầu bêu giữa phố chợ. Lúc bấy giờ người ấy nghe nhà vua ra lệnh nghiêm khắc, tâm sinh ra hoảng sợ bỉ lại cái hòm nhỏ mà chạy trốn. Lúc ấy nhà vua lại sai năm người Chiên-đà-la khua dao đuổi theo sau. Người ấy quay đầu lại nhìn, trông thấy phía sau có năm người truy đuổi, liền tự mình tránh đi. Lúc này năm người dùng phương kế độc ác, giấu hết dao đang cầm, bí mật cử một người giả làm ra vẻ thân thiện nói với người ấy rằng: Ông có thể quay về. Người ấy không tin, tìm vào một thôn xóm muốn tự mình ẩn trốn. Đã vào trong thôn xóm nhìn xem mọi nhà, cũng không thấy người nào, cầm lấy những hũ gốm đều trống rỗng, không có vật gì cả. Người đã

không thấy mà tìm vật dụng cũng không có, liền ngồi dưới đất than thở thì nghe giữa hư không có tiếng nói rằng: Quái lạ thay người thiện nam! Thôn xóm này vắng vẻ trống không, chẳng có dân cư sinh sống, đêm nay sẽ có sáu tên giặc lớn đến đây, nếu ông gặp phải chúng thì sẽ mất mạng, bây giờ ông nên làm thế nào để tránh được tai họa? Lúc bấy giờ người ấy càng thêm sợ hãi, lại bỏ nơi ấy mà đi. Đường đi gặp phải một dòng sông, nước chảy rất xiết nhưng không có thuyền bè qua lại, bởi vì sợ hãi cho nên liền lấy các loại cỏ cây làm chiếc bè. Lại tiếp tục tư duy: Nếu mình ở lại đây thì sẽ bị rắn độc-năm người Chiên-đà-la một người giả vờ thân thiện và sáu tên giặc lớn làm cho nguy hại, nếu vượt qua dòng sông này mà chiếc bè không thể nương nhờ được, thì sẽ chìm xuống nước mà chết, thà rằng chìm xuống nước mà chết chứ dứt khoát không để rắn độc-giặc cướp kia làm hại. Thế là đẩy chiếc bè cỏ vào giữa dòng nước, thân bám vào trên chiếc bè, tay nắm chân đạp, cắt ngang dòng chảy mà băng qua. Liền đến được bờ bên kia yên ổn không còn lo sợ gì nữa, tâm ý bình tĩnh sợ hãi tiêu tan.

Bốn con rắn độc, tức là bốn đại. Năm người Chiên-đà-la, tức là năm ấm. Một người giả vờ thân thiện, tức là tham ái. Tìm vào một thôn xóm, tức là 6 Nhập bên trong. Sáu tên giặc lớn xuất hiện, tức là trần cảnh bên ngoài. Sáu tên giặc lớn này, tuy có các vị quan mà không thể nào ngăn chặn được chúng, chỉ có Phật-Bồ-tát mới có năng lực ngăn chặn được chúng. Sáu tên giặc lớn này, tuy có các vị vua chặt đứt tay chân của chúng, nhưng hãy còn cho nên không thể nào khiến tâm của chúng dừng lại được. Giặc ác 6 Trần cũng lại như vậy, tuy đạt được bốn quả Sa môn cắt đứt tay chân của chúng, nhưng cũng không có thể làm cho chúng không cướp mất thiện pháp. Như người dũng mãnh mới có năng lực đánh bại sáu tên giặc lớn này, chư Phật-Bồ-tát cũng lại như vậy, mói có năng lực diệt hết giặc ác 6 Trần này."

Thứ tư- PHẦN BÁT KHỔ

Như kinh Ngũ Vương nói: "Đức Phật thuyết pháp cho năm vị vua: Cuộc đời con người ở tại thế gian thường có vô lượng nỗi khổ không rời xa thân mình. Nay vì các ông mà nói sơ lược về 8 nỗi khổ. Những gì gọi là 8 khổ? Đó là: 1- Khổ vì sanh; 2- Khổ vì già; 3- Khổ vì bệnh; 4- Khổ vì chết; 5- Khổ vì ân ái biệt ly; 6- Khổ vì mong cầu không được; 7- Khổ vì oán ghét gặp nhau; 8- Khổ vì lo lắng đau thương. Đây là tám nỗi khổ thường có. Thế nào là khổ vì sanh? Lúc con người chết đi không biết tinh thần hướng về đường nào, chưa có được nơi đầu thai, tất cả

phải nhận chịu hình hài Trung ấm,cuối cùng trong hai mươi mốt ngày ấy, cha mẹ hòa hợp thì đến thọ thai. Bảy ngày như váng sữa, mười bốn ngày như sữa đặc, hai mươi mốt ngày như sữa đông lại, hai mươi tám ngày như cục thịt tròn, ba mươi lăm ngày thì năm căn (ngũ bào) thành tựu. Gió khéo léo đưa vào bụng, thổi vào thân thể mới hình thành ấy, 6 tình thức bắt đầu mở ra. Ở trong bụng mẹ nằm dưới Sanh tạng-nằm trên Thục tạng, mẹ ăn vào một bát thức ăn nóng rưới trên thân thể thai nhi, giống như vào trong vạc sôi, mẹ uống vào một cốc nước lạnh, cũng giống như lạnh giá cắt thân. Lúc mẹ no thì ép chặt thân thể, đau đớn không thể nói được. Lúc mẹ đói thì trong bụng không có gì, cũng giống như bị treo ngược, chịu vô lượng khổ đau. Đến lúc đủ tháng ngày sắp sinh ra, đầu hướng về cửa mình của mẹ, thắt chặt như hai tảng đá kẹp lại trong khe núi. Lúc sắp sinh ra, mẹ lâm nguy-cha lo sợ, sinh ra trên cỏ thân thể bé nhỏ mềm mại, cỏ chạm vào thân giống như đụng phải dao gươm, bỗng nhiên thất thanh gào to. Như vậy là khổ hay không? Mọi người đều nói: Đây là nỗi khổ lớn.

Thế nào là khổ vì già? Đó là cha mẹ nuôi dưỡng chăm sóc đến tuổi trưởng thành, tự mình sử dụng sức khỏe tràn đầy để gánh vác mọi điều nặng nhẹ, không tự tùy theo khả năng của mình, nóng lạnh thất thường, tuổi già đầu bạc răng rụng, mắt nhìn mù mờ, tai nghe không rõ, sức mạnh qua đi suy yếu đã đến, da chùng mặt nhăn, xương cốt đau nhức ê ẩm, bước đi vô cùng khổ sở, ngồi xuống đứng lên rên rĩ buồn lo xót xa lòng dạ, thần thức ngày càng giảm sút, quay qua quay lại đã quên, mạng sống không còn mấy ngày, nói đến nước mắt tuôn trào, ngồi xuống đứng lên cần phải nhờ người. Như vậy là khổ hay không? Đáp rằng: Thật là khổ!

Thế nào là khổ vì bệnh? Con người có bốn đại hòa hợp mà thành, một Đại không điều hòa thì một trăm lẻ một bệnh phát sanh, bốn Đại không điều hòa thì bốn trăm lẻ bốn bệnh đồng thời cùng phát tác. Địa đại không điều hòa thì toàn thân nặng nề, Thủy đại không điều hòa thì toàn thân phù thũng, Hỏa đại không điều hòa thì toàn thân nóng ran, Phong đại không điều hòa thì toàn thân uể oải, xương cốt đau nhức ê ẩm giống như bị gậy đánh khổ sở. Bốn Đại tăng giảm tay chân không thuận theo ý, sức lực giảm sút cạn kiệt ngồi xuống đứng lên cần phải nhờ người, miệng khô môi cháy gân chùng mũi nghẹt, mắt không thấy sắc, tai không nghe tiếng, bất tịnh chảy ra thân nằm trên đó, lòng dạ khổ não nói đến thì xót xa buồn thảm. Bà con quyến thuộc ở bên cạnh ngày đêm chăm sóc, ban đầu không nghỉ ngơi, cơm cháo ngon ngọt đưa vào miện

đều trở thành đắng chát. Như vậy là khổ hay không? Đáp rằng: Thật sự là vô cùng khổ sở!

Thế nào là khổ vì chết? Lúc con người chết đi thì bốn trăm lẻ bốn bệnh đồng thời cùng phát tác, bốn đại sắp phân tán thì hồn phách thần thức bất an. Lúc sắp chết dao gió cắt xé thân hình, không có nơi nào không đau đớn, mồ hôi lạnh toát ra hai tay quờ quạng cố níu lại, thân thích nội ngoại ở hai bên người sắp chết, buồn rầu đau xót rơi lệ, thảm thiết cùng tận xương tủy, không thể nào tự kìm mình được. Người chết ra đi, gió thoát hơi thở ngừng lại, lửa tắt thân thể lạnh giá, gió trước lửa sau, hồn phách linh thức đi xa rồi. Thân thể cứng đờ không còn biết gì nữa, trong một tuần thì thịt nát máu chảy, phình trướng nát rữa hôi thối thật không thể đến gần. Đem bỏ giữa đồng hoang trống trải, chim thú tranh nhau ăn nuốt, thịt hết xương khô, đầu sọ nằm nơi khác. Như vậy là khổ hay không? Đáp rằng: Thật sự là vô cùng đau khổ!

Thế nào là khổ vì ân ái biệt ly? Đó là thân thích nội ngoại anh em vợ con cùng yêu thương tha thiết lẫn nhau, một khi bọ người đánh cướp làm cho tan nát mất mác, mỗi người ly biệt một nơi, cha bên Đông con trai bên tây, mẹ phía Nam con gái phía Bắc, không ở cùng một nơi, mà còn làm tôi tớ hầu hạ người ta, ai cũng kêu gáo xót xa, lòng dạ buồn thảm vô cùng mù mịt, không còn mong gì có ngày gặp lại nhau. Như vậy là khổ hay không? Đáp rằng: Thật sự là vô cùng đau khổ!

Thế nào là khổ vì mong cầu không được? Tiền bạc tài sản trong nhà phải đi khắp nơi để tìm kiếm, quan lớn-binh lính-dân thường đều mong được giàu sang, chịu khó chịu khổ mong cầu không thôi, gặp thời cơ tốt lành mới có được, mà làm người có chức quyền nơi vùng biên giới xa xôi, chưa trải qua mấy chốc tham lam lấy vật của dân, bị người ta tố cáo rõ ràng. Một khi sự việc phát sinh thì xe tù chở đi, lúc sắp bị giết buồn lo khổ sở vô lượng, không biết chết sống ngày nào? Như vậy là khổ hay không? Đáp rằng: Thật sự là vô cùng đau khổ!

Thế nào là khổ vì oán ghét gặp nhau? Người đời bạc bẽo dung tục cùng ở trong dòng xoáy của ái dục, tranh chấp sự việc không đáng, lại sát hại lẫn nhau, tức thì kết thành oán thù to lớn. Mỗi người đều tự tránh nhau nhưng không biết lẫn tránh nơi nào, ai cũng mài dao vót tên mang cung cầm gậy vì sợ phải gặp nhau. Đúng lúc gặp nhau trong đường hẹp thì cùng giương cung kéo tên, hai lưỡi dao hướng vào nhau, không biết thắng bại là ai? Đang lúc như vậy thì vô cùng sợ hãi. Như vậy là khổ hay không? Đáp rằng: Thật sự là vô cùng đau khổ!

Thế nào là khổ vì lo lắng đau thương? Đó là cuộc đời con người

ở tại thế gian, người sống lâu cho đến một trăm tuổi, người mạng ngắn ngủi thì thương tổn chết từ trong bào thai. Người sống lâu cho dù đến một trăm năm, nhưng đêm tối đã mất đi một nửa thời gian, còn lại được năm mươi năm ban ngày, trong thời gian đó uống rượu say sưa-bệnh tật-không biết làm người, lại giảm bớt năm năm. Lúc còn nhỏ thì ngu si, đến tuổi mười lăm chưa biết lễ nghĩa, tuổi qua tám mươi thì già yếu chậm chạp không có trí tuệ, tai điếc mắt mờ không có phép tắc gì nữa, lại giảm bớt hai mươi chín năm, chín mươi năm đã trôi qua. Còn lại trong mười năm, quả thật là lắm ưu sầu, lúc thiên hạ gặp phải cảnh loạn ly cũng ưu sầu, lúc thiên hạ gặp thời hạn hán cũng ưu sầu, thiên hạ gặp nạn lũ lụt cũng ưu sầu, thiên hạ mù sương lạnh lẽo cũng ưu sầu, thiên hạ không được mùa cũng ưu sầu, thân thích nội ngoại gặp nhiều bệnh hoạn cũng ưu sầu, giữ gìn nhà cửa tài sản vật dụng lo liệu cuộc sống vì sợ mất cũng ưu sầu, quan lại mời mọc nhiều lần không đến cũng ưu sầu, người nhà bị quan quyền bắt giam trong lao ngục không biết kỳ hạn ra được cũng ưu sầu, anh em đi xa chưa quay về cũng ưu sầu, ở nhà nghèo thiếu lạnh lẽo không có cơm ăn áo mặc cũng ưu sầu, láng giềng thôn xóm xẩy ra chuyện cũng ưu sầu, xã tắc không chu toàn cũng ưu sầu, trong nhà có người qua đời mà không có tiền bạc của cải lo chuyện mai táng cũng ưu sầu, đến vụ Xuân gieo giống mà không có trâu cày cũng ưu sầu. Đủ các loại ưu sầu buồn bã như vậy, không có lúc nào vui sướng, đến ngày lễ tết cùng nhau tụ hội đáng ra nên vui vẻ thoải mái, lại còn cùng hướng về nhau mà khóc lóc xót xa. Như vậy là khổ hay không? Đáp rằng: Thật sự là vô cùng đau khổ!"

Còn trong kinh Ki Sắc Vương nói: "Có một Thiên Nữ, hướng về Kim Sắc Vương mà nói kệ rằng:

Pháp nào gọi là khốn khổ nhất,
Đó chính là đời sống bần cùng,
Nỗi khổ là sâu nặng nhất,
Đó gọi là nỗi khổ bần cùng.
Khổ vì chết và khổ bần cùng,
Hai khổ này như nhau không khác,
Thà rằng nhận lấy khổ vì chết,
Chứ không cần sống đời bần cùng."

Còn trong luận Phật Địa nói: "Có năm nỗi sợ hãi: 1- Sợ không sống; 2- Sợ tiếng xấu; 3- Sợ chết; 4- Sợ đường ác; 5- Sợ quê kệch. Năm nỗi sợ hãi như vậy đến lúc chứng được phần vị Ý lạc thanh tịnh, thì đều đã rơi xa."

Còn trong kinh Ba Tư Nặc Vương Thái Hậu Băng nói: "Đức Thế Tôn vì nhà vua mà thuyết kệ rằng:

Tất cả mọi người quay về chết,
Không có người nào không thể chết,
Tùy theo hành nghiệp gieo họa-phước,
Tự mình nhận lấy quả thiện-ác.
Làm điều xấu ác đọa Địa ngục
Làm thiện chắc chắn sanh cõi trời,
Người thông minh luôn luôn phân biệt,
Chỉ phước thiện có thể ngăn ác.

Như vậy, này Đại Vương! Có bốn nỗi sợ hãi không có ai có thể tánh được. Già là nỗi sợ vô cùng, da thịt dần dần tiêu hết; bệnh là nỗi sợ hãi vô cùng, ý chí không còn mạnh mẽ, chết là nỗi sợ hãi vô cùng, hết rồi không còn mạng sống; ân ái biệt ly là nỗi sợ hãi vô cùng, không còn được mong cầu tồn tại bên nhau. Bốn nỗi sợ hãi to lớn này thì tất cả dao gậy-chú thuật-cỏ thuốc-voi ngựa-nhân dân-châu báu-thành quách, không có gì có thể cứu chuộc được. Ví như vầng mây dày đặc cuộn lên, sấm sét chớp giật kinh hồn chỉ trong chốc lát vẫn tản hết, mạng sống con người rất ngắn ngủi, thọ đến cuối cùng một trăm tuổi mà thôi. Thoát khỏi tình cảnh ấy thì rất ít người, chỉ tu tập nghĩ đến Vô thường, trừ bỏ ý niệm ân ái, thì có thể vượt qua được khổ đau."

Thứ năm- **PHẦN TẠP NẠN**

Như kinh Phụ Nhân Ngộ Cô nói: "Thời Đức Phật tại thế, có một người không có vợ, đi đến nước Xá Vệ cưới vợ. Ở tại nước của mình sanh được hai người con, con lớn đã bảy tuổi, con nhỏ còn dại đang ẵm. Bà mẹ lại mang thai sắp về nhà cha mẹ để sinh đẻ. Tục lệ của Thiên trúc, thì người phụ nữ đến ngày sinh nở phải trở về đất nước cha mẹ để sinh nở. Lúc ấy vợ chồng dùng xe chở theo hai đứa con, đi đến nước Xá Vệ. Giữa đường đi đừng lại ăn uống và thả trâu ăn cỏ. Lúc ấy có con rắn độc quấn vòng quanh chân trâu, trâu liền bứt dây buộc bỏ chạy. Người chồng giữ trâu lại muốn trừng phạt nghiêm khắc, thấy trâu bị rắn độc giết hại. Rắn độc lại bỏ trâu tiếp tục quấn chặt giết chết người chồng. Người vợ từ xa trông thấy sợ hãi run rấy, kêu trời mà khóc nỉ non, nhưng không có ai cứu giúp. Ngày đã gần tối, cách con đường không xa có dòng sông, đối diện dòng sông có ngôi nhà bỏ hoang, người vợ sợ trời tối sẽ bị giặc cướp làm hại, bèn bỏ xa đem hai đứa con đến bên bờ sông, để đứa con lớn ngồi bên bờ sông, ẵm đứa con nhỏ lội qua sông. Vừa đến

giữa sông thì chó sói ăn thịt đứa con lớn, lúc đứa con kêu gào gọi mẹ thì vẫn quay lại nhìn, trông thấy con mình bị chó sói ăn thịt, kinh hoàng sợ hãi buông tay thả mất đứa con đang ẵm trong lòng, rơi xuống nước trôi theo dòng chảy. Người mẹ càng áo não mê muội mất hết ý chí, bỗng nhiên vấp ngã giữa dòng nước, đứa con sắp sinh cũng tuột ra trôi mất. Sau đó qua dòng sông, hỏi người đi đường: Cha mẹ nhà tôi được an ổn không? Người đi đường đáp rằng: Hôm qua nhà cháy, cha mẹ đều chết rồi, không còn gì nữa cả. Lại hỏi người đi đường: Cha mẹ nhà chồng tôi được an ổn không? Người đi đường đáp rằng: Hôm qua có giặc cướp làm tổn hại nhà ấy, cha mẹ chồng đều chết rồi, không có ai còn sống. Người phụ nữ nghe tin mà ưu sầu sợ hãi, tâm ý mê muội tán loạn không còn biết gì nữa, cởi hết áo quần lõa lồ thân thể, mê loạn điên cuồng bỏ chạy khắp nơi. Người đi lại giữa đường trông thấy rất quái lạ, nói là bệnh tà bị quỷ thần quấy nhiễu. Đức Phật ở trong tinh xá Cấp Cô Độc thuộc hành Xá vệ, lúc ấy người phụ nữ chạy băng băng mà hướng đến tinh xá. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn thuyết pháp cho Đại chúng, pháp của chư Phật thì có năng lực vi diệu, người mù gặp Phật đều được sáng mắt, người điếc được nghe rõ, người câm được nói năng người bệnh tật được trừ khỏi, người yếu ớt được khỏe mạnh, người gặp chất độc không phát tác, người loạn tâm được yên định. Lúc ấy người phụ nữ trông thấy Đức Phật thì ý liền được yên định, không còn ưu sầu gì nữa. Tự nhìn thấy mình lõa lồ thân thể mà hổ thẹn nằm sát xuống đất. Đức Phật gọi A Nan, lấy áo quần đưa cho, mặc vào rồi cúi đầu lạy dưới chân Đức Phật, sau đó lùi về ngồi một phía. Đức Phật liền thuyết kinh cho nghe để thấy rõ tội phước, mạng người là vô thường, có tụ hội thì có chia ly, nghe được các loại pháp quan trọng cho nên tâm ý hiểu rõ thông suốt, liền phát tâm Vô thượng Bồ đề đạt được phần vị Bất thối chuyển.

Còn trong luận Đối Pháp nói: "Đích thực thì Sanh vì sao mà khổ? Bởi vì bị những nỗi khổ bức bách, vì những nỗi khổ khác nương vào. Lúc ra khỏi thai mẹ lại chịu nhiều nỗi khổ bức bách kèm sát thân thể, bị những nỗi khổ khác nương vào, nghĩa là có sanh thì có những nỗi khổ như già-bệnh-chết... đi theo. Già vì sao mà khổ? Bởi vì phạm vi thời gian biến hoại cho nên khổ. Bệnh vì sao mà khổ? Bởi vì Đại chủng biến dị cho nên khổ. Chết vì sao mà khổ? Bởi vì thọ mạng biến hoại cho nên khổ. Oán ghét gặp nhau vì sao mà khổ? Bởi vì hội tụ với nhau sanh ra khổ. Ân ái biệt ly vì sao mà khổ? Bởi vì lúc ấn ái mà chia lìa xa cách thì sanh ra khổ. Cầu mong không được vì sao mà khổ? Bởi vì sự mong cầu không được kết quả mà sanh ra khồ. Sơ lược thâu nhiếp tất cả năm thủ

uẩn vì sao mà khổ? Bởi vì thô kệch nặng nề cho nên khổ."

Còn trong kinh Tạp Thí Dụ nói: "Xưa có người thế gian đi vào biển rộng thu thập vât báu gặp phải 7 tai nạn xảy ra: 1- Bốn phía gió lớn cùng lúc nổi lên thổi vào thuyền làm cho chao đảo; 2- Trong thuyền sắp hư hoại mà bị rò rỉ; 3- Người phải rơi xuống nước chết mới được lên bờ; 4- Trên bờ có hai con rồng muốn ăn thịt; 5- Đến được đất bằng có ba con rắn độc đuổi theo muốn ăn thịt; 6- Đất có cát nóng đi lại trên đó làm cho chân người cháy nát; 7- Ngước nhìn không thấy mặt trời-mặt trăng mà thường tối mịt không biết Đông-Tây nơi nào, thật là tai họa!

Đức Phật bảo với các đệ tử: Nếu gặp phải khổ nạn thì cũng có bảy điều. Đó là: 1- Bốn phía gió lớn nổi lên, nghĩa là sanh lão bệnh tử; 2- Do sáu tình mà tham ái không có giới hạn, ví như thuyền đầy tràn nước; 3- Rơi xuống nước phải chết, nghĩa là bị ma giành lấy; 4- Trên bờ có hai con rồng muốn ăn thịt, nghĩa là ngày tháng ăn dần mạng sống; 5- Đất bằng có ba con rắn độc trong thân con người; 6- Cát nóng cháy nát chân người, nghĩa là lửa trong địa ngục; 7- Ngước nhìn không thấy mặt trời-mặt trăng, nghĩa là nơi nhận chịu tội báo thăm thẳm mịt mù không có hạn kỳ ra khỏi. Đức Phật bảo cới các đệ tử: Nên hiểu rõ lời này, đừng để cho gặp sự cố như vậy, chịu khó thực hành sáu pháp có thể được giải thoát."

Còn trong kinh Niết-bàn nói: "Nếu ngoại đạo tự nhịn đói thực hành khổ hạnh mà đắc đạo, thì tất cả súc sanh đều có thể đắc đạo. vì vậy ngoại đạo chấp nhận tự mình nhịn đói, nhảy xuống vực sâu, lao vào lửa đỏ, tự nhào xuống trên đỉnh cao, thường đứng co một chân, năm ngọn lửa nóng cháy thân hình, thường nằm trên tro đất-gai-nhọn-thanh gỗ-lá cây-cỏ dại-phân trâu, mặc áo quần vải gai-áo phấn tảo-áo vải thô-áo khâm bà la, ăn rau-ăn quả, cọng-rễ, uống dầu cặn.... Nếu thực hành khất thực thì giới hạn chỉ đến một nhà, nếu chủ nhà nói không có thì lập tức bỏ đi, nếu như có gọi lại thì dứt khoát không quay đầu nhìn. Không ăn muối-thịt và năm loại mùi vị cay nồng, thường uống nước sôi sùng sục và ăn các loại thức ăn đáng chát. Thế là nói rằng những pháp này có năng lực làm nhân cho sự giải thoát vô thượng. Điều này thật vô lý. Không thấy vị Đại Bồ-tát nào thực hành phương pháp như vậy mà được giải thoát. Vì vậy trước hết cần phải điều phục tâm, chứ không thiên về làm khổ thân xác mà đạt được đạo quả."

Còn trong Kinh Tu Hành Đạo Địa nói: "Ví như trẻ thơ bắt được một con chim Tước nắm giữ trong tay khiến cho bực mình, dùng sợi dây dài buộc lại rồi thả cho bay đi, tự cho rằng được thoát, không còn

gặp phải tai ách. Bay đến cây cao, xuống hồ uống nước tự nhiên yên ổn. Sợi dây thả hết rồi kéo trở về tìm cách chơi đùa làm cho khổ não, như trước không khác. Tu hành như vậy, tự suy nghĩ rằng: Tuy đến cõi Phạm Thiên nhưng sẽ trở về cõi Dục nhận chịu khổ não như cũ. Thế là tụng rằng:

"Ví như có con chim Tước bị dây buộc chân,
Thích ý bay đi hết dây kéo trở về lại.
Tu hành như vậy chỉ có đến cõi Phạm Thiên,
Tiếp tục hành nghiệp cõi Dục không lìa đau khổ."

■